

LUẬN TẠNG PHẬT GIÁO TUỆ QUANG - TẬP 25/2

PHẬT LỊCH 2560 - 2016

LUẬN TẠNG PHẬT GIÁO
TUỆ QUANG

TẬP 25/2

No. 1509

SỐ 1509/100
LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

*Tác giả: Bồ tát Long Thọ.
Hán dịch: Pháp sư Cưu Ma La Thập.
Việt dịch: Hòa thượng Thích Thiện Siêu*

CHƯƠNG 34
GIẢI THÍCH: MƯỜI TƯỚNG

KINH: Mười tướng là tướng vô thường, tướng khổ, tướng vô ngã, tướng ăn đồ bất tịnh, tướng tất cả thế gian không thể vui, tướng chết, tướng bất tịnh, tướng dứt, tướng lia dục, tướng tận.

LUẬN. *Hỏi:* Hết thấy pháp hành trì ấy sao có khi gọi là trí, có khi gọi là niệm, có khi gọi là tướng?

Đáp: Bắt đầu nhóm thiện pháp, vì để không mất nên chỉ gọi là niệm; có thể chuyển tướng và chuyển tâm nên gọi là tướng; quyết định biết không còn nghi ngờ, gọi là trí.

Quán hết thấy pháp hữu vi vô thường, tướng ấy tương ưng với trí tuệ, ấy gọi là vô thường tướng.

Hết thấy pháp hữu vi vô thường là vì sanh diệt mới mãi, vì thuộc nhân duyên, vì chẳng chứa thêm được.

* Lại nữa, khi sanh không chỗ đến, diệt không chỗ đi, cho nên gọi vô thường.

* Lại nữa, hai thứ thế gian vô thường, nên nói vô thường, ấy là chúng sanh vô thường và thế giới vô thường, như nói:

*“Đại địa cỏ cây đều tiêu diệt,
Tu-di biển cả cũng lở khô,
Chỗ ở chư thiên đều cháy hết,
Bây giờ thế giới vật gì thường?
Mười phương Thế Tôn thân sáng đủ,
Trí tuệ chiếu sáng cũng vô lượng,
Độ thoát hết thấy các chúng sanh,
Tiếng tăm lan khắp cả mười phương.
Ngày nay trống rỗng đâu còn gì?
Đâu có người trí không cảm thương”.*

Như vậy các thánh nhân Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, Tu-bồ-đề..., Chuyển luân thánh vương, các quốc vương, thiên vương thường vui và các trời, bậc thánh đức tôn quý đều cũng tận diệt, ngọn lửa sáng lớn bỗng bị tắt, thế gian chuyển hoại như đèn giữa gió, như cây ở bờ hiềm, như đồ lũng đọng nước, không lâu bị khô trống. Như vậy hết thấy chúng sanh và chỗ ở của chúng sanh, đều vô thường nên gọi là vô thường.

Hỏi: Bồ-tát vì sao thực hành tướng vô thường ấy?

Đáp: Vì chúng sanh đắm theo điên đảo chấp thường, chịu các khổ, không khỏi sống chết, hành giả có được tướng vô thường nên giáo hóa chúng sanh rằng: các pháp đều vô thường, các người chớ đắm theo điên đảo chấp thường, mất thời giờ hành đạo. Pháp thượng diệu của chư Phật là bốn chân đế. Trong bốn đế, khổ đế đứng đầu, trong bốn hành tướng của khổ đế, hành tướng vô thường đứng đầu. Do vậy nên Bồ-tát thực hành tướng vô thường.

Hỏi: Có người thấy việc vô thường đến, lại càng đấm trước, như phu nhân Bảo nữ của quốc vương từ đất sanh ra, bị quỷ La-sát mười đầu bắt mang đi qua biển cả, vua rất ưu sầu. Bề tôi có trí can ngăn rằng: trí lực của Bệ hạ đầy đủ, phu nhân trở lại không lâu, có sao ôm lòng ưu sầu? Vua đáp: Trẫm không lo vợ Trẫm không thể sống được, chỉ sợ thời trai tráng dễ qua. Cũng như người ưa hoa ra quả, thấy thời giờ sắp trôi qua bèn càng sanh tâm đấm trước. Như vậy biết vô thường lại sanh các kiết sử, chứ sao nói biết vô thường có thể khiến tâm nhàm chán, phá các kiết sử?

Đáp: Thấy vô thường như vậy, là biết vô thường một phần ít, là không đầy đủ, chẳng khác gì cảm thú thấy vô thường. Vì vậy Phật bảo Xá-lợi-phất hãy đầy đủ tu vô thường tướng.

Hỏi: Thế nào là đầy đủ tu vô thường tướng?

Đáp: Quán pháp hữu vi niệm niệm sanh diệt, như gió thổi bụi, như nước chảy trên núi, như ngọn lửa tắt, hết thấy pháp hữu vi không bền chắc, không thể thủ, không thể nắm, như huyễn hóa, dối gạt kẻ phàm phu, nhân vô thường ấy mà được vào cửa Không. Trong Không ấy tất cả pháp đều không thể có được, vô thường cũng không thể có được, vì có sao? Vì trong một niệm, tướng sanh, trụ, diệt là không thể có được, khi sanh không thể có được trụ, diệt, khi trụ không có được sanh, diệt, khi diệt không có được sanh, trụ. Tướng sanh, trụ, diệt, tánh nó trái nhau cho nên không. Vì tướng ấy không, cho nên vô thường cũng không.

Hỏi: Nếu không có vô thường, có sao trong Khổ để Phật dạy vô thường?

Đáp: Người phàm phu sanh tà kiến cho thế gian là thường, Phật vì dứt trừ thường kiến ấy nên nói vô thường, chứ không phải vì vô thường là thật có nên nói.

* Lại nữa, lúc Phật chưa ra đời, người phàm phu chỉ dùng thế tục đạo, ngăn các phiền não, nay muốn nhổ hết gốc rễ phiền não nên nói vô thường.

* Lại nữa, pháp của các ngoại đạo chỉ do thân hình lia năm dục cho là giải thoát. Phật dạy đó là do tà tướng nên bị trói buộc, quán vô thường chánh tướng nên được giải thoát.

* Lại có hai lối quán tướng vô thường: 1. Hữu dư, 2. Vô dư. Như Phật dạy hết thấy người vật đều diệt tận chỉ còn lại cái tên, ấy là hữu dư; nếu người vật diệt tận, cái tên cũng diệt, ấy gọi là vô dư.

* Lại có hai lối quán tướng vô thường: 1. Thân chết diệt tận, 2. Sanh diệt mới mãi.

* Lại nữa, có người nói trì giới là trọng, vì sao? Vì nương giới mà thứ lớp sạch hết lậu.

Có người nói: đa văn là trọng, vì sao? Vì nương trí tuệ nên có chỗ sở đắc.

Có người nói: thiên định là trọng, như Phật nói định có thể đắc đạo.

Có người nói: mười hai hạnh đầu đà là trọng, vì sao? Vì hay làm cho giới hạnh thanh tịnh.

Như vậy mỗi mỗi cho sở hành là quý, không còn cần cầu Niết-bàn.

Phật dạy: các công đức ấy đều là phần đưa đến Niết-bàn, còn nếu quán các pháp vô thường ấy mới là chơn đạo đưa đến Niết-bàn. Do các nhân duyên như vậy, các pháp tuy không mà nói là vô thường tướng.

* Lại nữa, vô thường tướng tức là tên khác của thánh đạo. Phật dạy đạo với nhiều tên, hoặc nói là bốn niệm xứ, hoặc nói bốn đế, hoặc nói vô thường tướng. Như trong Kinh nói: Khéo tu vô thường tướng, có thể dứt hết thấy dục ái, sắc ái, vô sắc ái, trạo cử,

kiêu mạn, vô minh hết sạch, có thể trừ kiết sử ba cõi, do vậy nên gọi là đạo.

Vô thường tướng này hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu. Chính thức được vô thường là vô lậu, khi mới học vô thường là hữu lậu. Trong pháp Đại thừa, các Bồ-tát có tâm quảng đại, đủ các cách giáo hóa chúng sanh, thì vô thường tướng ấy cũng hữu lậu cũng vô lậu. Nếu vô lậu thì ở tại chín địa, nếu hữu lậu thì ở tại mười một địa, duyên ba cõi, năm thọ uẩn, tương ưng bốn căn, trừ khổ căn, phàm phu và thánh nhân đều được. Do các nhân duyên như vậy, nói các công đức của vô thường tướng.

Khổ tướng: Hành giả nhớ nghĩ rằng, hết thấy pháp hữu vi vô thường nên khổ.

Hỏi: Nếu pháp hữu vi vô thường nên khổ, thời pháp hữu vi vô lậu của các bậc hiền thánh cũng phải nên khổ?

Đáp: Các pháp tuy vô thường, mà ưa đắm mới sanh khổ, không ưa đắm gì thì không khổ.

Hỏi: Có vị thánh nhân tuy không ưa đắm gì cũng đều có khổ, như Xá-lợi-phất bị phong nhiệt làm đau khổ, Tất-lăng-già-bà-ta bị bệnh mắt làm đau khổ. La-bà-na-bạt-đề (âm thanh đệ nhất) bị bệnh trí làm khổ, có sao nói không khổ?

Đáp: Có hai thứ khổ: 1. Thân khổ, 2. Tâm khổ. Các thánh nhân ấy do sức trí tuệ nên không còn tâm khổ ưu sầu, tật đố, sân giận; nhưng đã chịu thân tứ đại tạo thành do nghiệp đời trước, thời phải chịu các khổ về thân già, bệnh, đói, khát, lạnh, nóng, nhưng về thân khổ cũng mỏng ít, như người biết rõ đã mắc nợ người khác nên phải trả lại, không cho là khổ. Nếu người không nhớ đã mắc nợ, bị chủ nợ cường đoạt thì sân nảo mà sinh khổ.

Hỏi: Khổ thọ là pháp của tâm tâm số, còn thân như cây cỏ, lìa tâm thời không tri giác, làm sao nói thánh nhân chỉ thọ thân khổ?

Đáp: Người phạm phu khi thọ khổ tâm sanh sâu não, bị kiết sử sân sai khiến, tâm chỉ hướng theo năm dục. Như Phật nói: người phạm phu trừ năm dục ra không biết còn có cách ra khỏi khổ, trong khi thọ vui thì bị kiết sử tham dục sai khiến, trong khi thọ không khổ không vui thì bị kiết sử vô minh sai khiến. Người phạm phu khi thọ khổ, bên trong chịu ba thứ độc khổ, bên ngoài chịu lạnh, nóng, roi, gậy khổ, như người bên trong bị nóng lạnh, bên ngoài cũng bị nóng lạnh. Như Kinh nói: người phạm phu bị mất vật yêu quý thì thân tâm đều chịu khổ, như hai mũi tên cùng bắn vào, còn các hiền thánh không có cái khổ ưu sầu, chỉ có thân khổ chứ không còn khổ gì khác.

* Lại nữa, cái khổ tương ưng với năm thức và cái khổ do ngoại duyên roi, gậy, lạnh, nóng đưa đến, ấy là thân khổ, tàn dư của khổ ấy gọi là tâm khổ.

* Lại nữa, tôi nói pháp hữu vi vô lậu, vì không ưa đắm nên không khổ. Thánh nhân còn có thân là hữu lậu, pháp hữu lậu thời khổ, có lỗi gì đâu. Đó là thân cuối cùng chịu khổ, cũng chút ít thôi.

Hỏi: Nếu vô thường tức là khổ, thì đạo cũng là khổ, làm sao lấy khổ để lia khổ?

Đáp: Vô thường tức là khổ, là nói vì năm thọ uẩn, còn đạo tuy là pháp tạo tác nên vô thường, nhưng không gọi là khổ, vì có sao? Vì nó hay dứt khổ, không làm sanh ra tâm ưa đắm, cùng với trí không, vô ngã hòa hợp. Chỉ là vô thường mà chẳng khổ. Như các A-la-hán khi đắc đạo nói:

*“Chúng ta không tham sống,
Mà cũng không ưa chết,
Nhất tâm và trí tuệ,
Chờ thời đến thì đi”.*

Lúc Phật vào Niết-bàn, các vị chưa ly dục như A-nan, vì chưa khéo tu tám chánh đạo nên đều than khóc ưu sầu. Các vị

A-na-hàm đã ly dục thì kinh ngạc, các vị lậu tận A-la-hán thì tâm không biến đổi, chỉ nói: “Con mắt thế gian diệt mau quá”. Do sức đắc đạo, nên tuy theo Phật được lợi ích lớn, biết trọng công đức vô lượng của Phật mà không sanh ra khổ. Do vậy, biết “đạo” tuy vô thường mà chẳng phải nhân duyên sanh ra khổ, nên không gọi là khổ, chỉ có thân năm thọ uẩn là khổ, vì sao? Vì ưa đắm, vì vô thường bại hoại, như nghĩa chữ khổ đã nói ở đoạn nói về thọ niệm xứ.

* Lại nữa, khổ; có thân thường là khổ, vì ngu si nên không biết, như nói:

*“Vi cỡi xe mệt mỏi,
 Tìm cầu chỗ đứng dừng,
 Vì đứng dừng mệt mỏi,
 Tìm cầu chỗ ngồi nghỉ,
 Ngồi lâu bị mệt mỏi.
 Tìm cầu chỗ nằm yên,
 Mệt mỏi do động tác,
 Mới đầu vui sau khổ,
 Xem ngó, thở ra vào,
 Co, duỗi, ngồi, nằm, dậy.
 Đi đứng và qua lại.
 Việc ấy đều là khổ”.*

Hỏi: Năm thọ uẩn ấy tất cả đều là khổ, hay vì quán tưởng khổ nên khổ? Nếu tất cả đều khổ, tại sao Phật dạy có ba thứ thọ là thọ khổ, thọ vui, thọ không khổ không vui? Nếu do quán tưởng khổ nên khổ, tại sao Phật nói khổ đế là thật khổ?

Đáp: Năm thọ uẩn tất cả đều khổ, người phạm phu do bốn điên đảo, bị dục bức bách, lấy năm dục làm vui, như người bơi ghề lở, cái đau lớn tạm ngưng nên cho là vui, chứ ghề lở chẳng phải là vui. Phật dạy ba thứ thọ là vì theo thế gian, chứ trong Phật pháp

chẳng phải là vui. Nếu trong năm thọ uẩn thật có vui, cứ sao Phật dạy dứt năm thọ uẩn gọi là vui.

* Lại nữa, tùy chỗ ưa thích, tâm vui thời sanh vui, không nhất định. Cái vui nếu là có thật nhất định, thì không cần chờ có tâm ưa đắm, như lửa thật nóng thì không đợi ưa đắm nó vẫn nóng. Vì cái vui không nhất định, cho nên gọi là khổ.

* Lại nữa, cái vui điên đảo của thế gian hay mắc phải vô lượng quả báo khổ đời này đời sau, cho nên gọi là khổ, thí như trong biển nước lớn chỉ bỏ vào một ít độc, không làm cho nước đổi khác, cũng như vậy, cái vui theo độc điên đảo của thế gian không hiện ra giữa biển nước tất cả đại khổ, như nói:

*“Khi từ trời sanh xuống địa ngục,
Nhớ việc hoan lạc ở trên trời,
Cung quán, thể nữ đầy trước mắt,
Vườn hoa, ao tắm để vui thích,
Lại thấy lửa ngục đến đốt thân,
Tở như lửa lớn đốt rừng tre,
Khi ấy tuy thấy vui trên trời,
Luống tự cảm tiếc không ích gì”.*

Sự nhiếp và duyên của khổ tưởng này cũng giống vô thường tưởng. Các cách phân biệt khổ như vậy, gọi là khổ tưởng.

Vô ngã tưởng: Khổ thời là vô ngã, vì cứ sao? Vì trong năm thọ uẩn đều là khổ, khổ tưởng là không có tự tại, nếu không tự tại ấy thời là vô ngã, nếu có ngã tự tại thời không thể làm cho thân có khổ, như nói:

*“Có các người vô trí,
Chấp thân tâm là ngã,
Vừa gần dính chắc cứng,
Không biết pháp vô thường.*

Thân này không ai làm,
 Cũng không có người thọ,
 Thân này là vô chủ,
 Mà làm đủ các việc,
 Duyên nơi sáu căn trần,
 Sáu thức được sanh ra,
 Do ba sự hòa hiệp,
 Làm duyên sanh ra xúc,
 Do xúc làm nhân duyên,
 Có thọ niệm nghiệp sanh,
 Như mặt trời, gương cỏ;
 Hòa hiệp sanh ra lửa.
 Căn, trần, thức hòa hiệp,
 Thành sự nghiệp tạo tác,
 Tương tục tương tự có,
 Như giống có mầm, cành”.

* Lại nữa, ngã tướng là không thể có được, cho nên vô ngã. Hết thấy pháp vì có tướng nên biết là có, như thấy khói, cảm giác nóng nên biết có lửa. Đối với năm trần mỗi mỗi khác biệt, nên biết có căn, suy nghĩ trừ lượng các pháp nên biết có tâm tâm số pháp. Còn ngã này không có tướng, cho nên biết vô ngã.

Hỏi: Có hơi thở ra vào, thời đó là tướng ngã. Xem ngó, tâm thọ mạng, khổ vui, thương ghét, tinh cần... ấy là tướng ngã. Nếu vô ngã thì ai có hơi thở ra vào, xem ngó, tâm thọ mạng, khổ vui, thương ghét, tinh cần... đó, cho nên có ngã ở bên trong lay động phát sanh vậy. Tâm thọ mạng cũng là ngã, nếu vô ngã thì như trâu không chế ngự, có ngã mới có thể chế ngự tâm vào pháp, không cho phóng dật. Nếu vô ngã thì ai chế ngự tâm. Thọ khổ vui là ngã, nếu vô ngã thì như cây cỏ, không thể phân biệt khổ vui. Thương ghét, tinh cần cũng như vậy. Ngã tuy vi tế, không thể dùng năm căn biết được, chỉ nhân nơi tướng có thể biết là có?

Đáp: Các tướng ấy đều là tướng của thức. Có thức thời có hơi thở ra vào, xem ngó, thọ mạng... nếu thức lìa thân thời không có các việc ấy. Cái ngã của các ông là thường hằng và biến khắp, vậy người chết cũng nên có sự xem ngó, hơi thở ra vào và thọ mạng...

* Lại nữa, hơi thở ra vào... là sắc pháp, theo sức gió của tâm lay động phát sanh, đó là tướng của thức, không phải tướng của ngã. Thọ mạng là tâm bất tương ưng hành pháp, cũng là tướng của thức.

Hỏi: Nếu vào vô tâm định, hoặc khi ngủ không mộng, cũng có hơi thở ra vào, có thọ mạng, tại sao nói đều là tướng của thức?

Đáp: Trong vô tâm định, tuy thức tạm không, nhưng không lâu phát sanh lại, vì thức không bỏ rời thân, lúc có thức (hoạt động) nhiều, lúc không có thức (hoạt động) ít, cho nên gọi là tướng của thức, như người ra đi, không thể nói nhà ấy vô chủ. Các thứ khổ vui, thương ghét, tinh cần... là pháp tương ưng với tâm, cùng chung sở duyên, theo tâm hành động, nên tâm có thì liền có, tâm không thì liền không. Do vậy biết đó là tướng của thức chứ chẳng phải tướng của ngã.

* Lại nữa, nếu có ngã, ngã có hai thứ là hoặc thường hoặc vô thường, như nói:

*“Nếu ngã là thường,
 Thời không thân sau,
 Vì thường, không sanh,
 Cũng không giải thoát,
 Không quên, không làm,
 Do vậy cho nên biết,
 Không kẻ làm tội phước,
 Cũng không có kẻ thọ,
 Bỏ ngã và ngã sở,
 Vậy sau được Niết-bàn,*

*Nếu mà thật có ngã,
 Không nên bỏ ngã tâm,
 Nếu ngã là vô thường,
 Thì nên theo thân diệt,
 Như bờ lớn sa nước,
 Cũng không có tội phước”.*

Như vậy, ngã và kẻ biết, kẻ không biết, kẻ làm, kẻ không làm, như đã nói trong đoạn Đản ba-la-mật. Vì không có được ngã tướng nên biết hết thấy pháp vô ngã. Nếu biết hết thấy pháp vô ngã thời không nên sanh tâm chấp ngã. Nếu không tâm chấp ngã và ngã sở. Ngã, ngã sở xa lìa, thời không có trói buộc, nếu không trói buộc thời là Niết-bàn, thế nên hành giả nên thực hành vô ngã tướng.

Hỏi: Vô thường, khổ, vô ngã là một sự hay ba sự? Nếu là một thì không nên nói ba, nếu ba có sao Phật dạy vô thường tức là khổ, khổ tức là vô ngã?

Đáp: Chỉ là một, đó là thọ thuộc pháp hữu lậu, vì phân biệt theo mặt quán sát nên có ba thứ sai khác nhau. Tương ưng với hành tướng vô thường, ấy là vô thường tướng, tương ưng với hành tướng khổ, ấy là khổ tướng; tương ưng với hành tướng vô ngã, ấy là vô ngã tướng. Vô thường, không làm cho rơi vào ba cõi; khổ, làm cho biết tội lỗi trong ba cõi; vô ngã, thời xả ly ba cõi.

* Lại nữa, vô thường thì sanh tâm nhàm chán, khổ thì sanh sợ hãi, vô ngã thì kéo ra khiến cho giải thoát. Vô thường là Phật nói năm thọ uẩn là vô thường, khổ là Phật dạy vô thường thời là khổ, vô ngã là Phật dạy khổ tức là vô ngã. Vô thường là Phật chỉ thị tướng diệt tận của năm thọ uẩn, khổ là Phật chỉ thị như mũi tên găm vào tâm, vô ngã là Phật chỉ thị tướng xả ly. Vô thường là chỉ thị dứt ái, khổ là chỉ thị dứt tập khí ngã mạn, vô ngã là chỉ thị dứt tà kiến. Vô thường thì ngăn kiến chấp thường, khổ thì ngăn kiến chấp vui Niết-bàn hiện tại, vô ngã thì ngăn chỗ chấp trước. Vô thường là chỗ pháp thường của thế

gian chấp trước, khổ là chỗ vui của thế gian chấp trước, vô ngã là chỗ chấp ngã kiên cố của thế gian; ấy là tướng phân biệt giữa ba tướng. Vô ngã tướng duyên và nhiếp giống như đã nói trong khổ tướng.

Thực yếm tướng: Quán đồ ăn từ nhân duyên bất tịnh sanh, như thịt từ thủy đạo tinh huyết sanh, là chỗ ở của trùng mù. Váng sữa, sữa, lạc, do huyết biến thành, không khác gì mù thối nát, mồ hôi nhớp của người nhà bếp và các thứ bất tịnh. Nếu bỏ vào miệng thì từ não bộ có hai dòng nước dãi thối nát chảy xuống hòa với nước miếng sau mới thành vị, tướng trạng như mưa, đi vào cửa bụng, đất duy trì, nước rửa nát, gió chuyển động, lửa rang nấu, giống như cái chảo nấu chín nhừ, cặn bã lóng xuống dưới, nước trong nổi lên trên, ví như gậy rượu, phần cặn bã là phân, phần trong là nước dãi. Eo lưng có ba lỗ, gió thổi nước béo tan vào trăm mạch, hòa hợp với huyết sắc có trước, ngưng đọng biến thành thịt. Từ thịt tươi sanh mỡ, xương, tủy, từ trong đó sanh thân căn, từ thịt mới thịt cũ hợp lại sanh năm căn, từ năm căn sanh năm thức, năm thức thứ lớp sanh ý thức, phân biệt thủ lấy tướng, trừ lượng tốt xấu, vậy sau mới sanh các phiền não và các tội nghiệp theo tâm chấp ngã, ngã sở. Quán đồ ăn có nhân duyên gốc ngọn đủ thứ bất tịnh như vậy, biết rằng bốn đại bên trong bốn đại bên ngoài không khác nhau, chỉ vì ngã kiến mà cưỡng cho là có ngã.

* Lại nữa, suy nghĩ đồ ăn này do đào bới cày bừa thu hoạch, xay, giã, đào thải, thối nấu mới thành, dụng công rất nặng. Tính ra một bát cơm so với công sức mồ hôi của nông phu góp lại thì đồ ăn ít mà mồ hôi nhiều, làm ra đồ ăn này công phu cay đắng nặng nề như vậy, mà ăn vào miệng thì liền thành bất tịnh, không chút giá trị, trải qua một đêm đã biến thành phân nước dãi. Vốn là đồ ngon mà người ăn vào biến thành bất tịnh, gớm không muốn thấy. Hành giả tự suy nghĩ: đồ ăn tẻ như vậy, nếu ta tham đắm thì sẽ đọa địa ngục, nuốt hoàn sắt nóng, từ địa ngục ra khỏi sẽ làm súc sanh trâu, dê, lạc đà,

đền trả nợ cũ, hoặc làm chó heo, thường ăn đồ nhơ. Quán đồ ăn như vậy thời sanh tư tưởng nhàm chán. Nhân nhàm chán đồ ăn mà đôi năm dục đều nhàm chán, ví như một người Bà-la-môn tu pháp tinh khiết, có duyên sự đi đến một nước bất tịnh, tự suy nghĩ ta sẽ làm sao để khỏi thứ bất tịnh này, chỉ phải ăn đồ khô, mới thanh tịnh được. Thấy một bà già bán thứ bánh khô tùy trắng, liền nói với bà già rằng: Tôi có duyên sự ở đây một trăm ngày, bà hãy làm thứ bánh khô này đem cho tôi, tôi sẽ trả giá nhiều. Bà già mỗi ngày làm bánh khô đem đến, Bà-la-môn tham đắm, ăn no hoan hỷ. Bà già làm bánh, lúc đầu trắng sạch, lần về sau không màu sắc, không hương vị. Bà-la-môn hỏi bà già tại sao như vậy? Bà già đáp: Nhọt lở đã lành. Bà-la-môn hỏi: Câu nói ấy nghĩa sao? Bà già đáp: Phu nhân tôi ở chỗ khuất sanh mụn nhọt, lấy bột gạo váng sữa đắp vào, mụn nhọt chín vỡ mủ ra, đem hòa với bánh váng sữa, cứ mỗi ngày như vậy, lấy làm bánh đem cho ông, vì vậy mà bánh ngon. Nay phu nhân tôi đã lành mụn, tôi còn biết chỗ nào có được nữa?

Bà-la-môn nghe xong, nắm hai tay đánh đầu, đâm ngực nôn khan nói, tại sao ta phá hỏng pháp thanh tịnh này? Thôi ta hỏng mất rồi! Liền bỏ duyên sự trở về nước cũ. Hành giả cũng như vậy, tham đắm ăn uống, hoan hỷ ưa thích, chỉ thấy màu sắc nó đẹp, mịn tron, thơm ngon khoái miệng, mà chẳng quán sát bất tịnh, sau chịu khổ báo, hối tiếc làm sao kịp. Nếu hay quán xét đồ ăn gốc ngọn như vậy, sanh tâm chán ghét, nhân đó lia thực dục mà bốn dục kia đều lia (tài dục, sắc dục, danh dục, thụ dục). Lia bỏ mọi dục lạc trong cõi Dục, dứt năm dục ấy, thì năm hạ phần kiết cũng dứt. Do các nhân duyên tội ác như vậy, không còn ưa đắm; ấy gọi là *thực yếm tướng*.

Hỏi: Vô thường, khổ, vô ngã tướng tương ưng với trí tuệ vô lậu, còn bốn tướng kế tiếp như thực yếm tướng... tương ưng với trí tuệ hữu lậu, theo lẽ thứ lớp thì bốn tướng này nên nói ở trước chứ tại sao nói ở sau?

Đáp: Phật pháp có hai đạo là kiến đạo và tu đạo. Trong kiến đạo dùng ba tướng, phá các tà kiến, đắc thánh quả, vẫn chưa lìa dục. Vì lìa dục nên sau ba tướng tiếp nói bốn tướng là thực yếm tướng... thời lìa được các phiền não dâm dục... ba tướng đầu chỉ thị kiến đế đạo, bốn tướng giữa chỉ thị học đạo, ba tướng chót chỉ thị vô học đạo. Trong khi bắt đầu tu tập thân niệm xứ, tuy có thực yếm tướng, song công dụng ít, cho nên Phật không dạy. Nay vì bậc Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm cần phải vượt qua tham dục, nên tiếp theo vô ngã tướng nói đến bốn tướng là thực yếm tướng...

Hết thấy thế gian không thể vui sướng: Nếu nhớ nghĩ các sự vui của thế gian như sắc dục, vị ngon, xe ngựa, phục sức, quán xá, vườn nhà thời sanh lạc tướng; nếu nhớ nghĩ các sự ác tội của thế gian thời tâm sanh tướng nhàm chán. Các việc ác tội gì? Việc ác có hai: 1. Chúng sanh. 2. Thổ địa.

Chúng sanh: bị hoạn nạn về tám khổ là sanh, già, bệnh, chết, ân ái xa lìa, oán thù gặp gỡ, cầu mong không được, tóm lại là năm thọ uẩn khổ.

Tội của chúng sanh là người dâm dục nhiều thì không phân biệt tốt xấu, không theo lời dạy bảo của cha mẹ sư trưởng, không biết tầm quý, chẳng khác cầm thú. Người sân nhuế nhiều thì không phân biệt nhẹ nặng, sân độc cuồng phát, cho đến không chịu lời Phật, không muốn nghe pháp, không sợ ác đạo, roi gậy đánh bừa, chẳng biết cái khổ của người khác, đi vào trong chỗ rất tối không trông thấy gì. Người ngu si nhiều thì sự mong cầu không theo đạo lý, không rõ sự duyên, như vắt sừng tìm sữa, bị vô minh che lấp, tuy mặt trời chiếu sáng mà vĩnh viễn không thấy gì. Người xan tham nhiều thì nhà nó như mô hoang, không ai bước tới. Người kiêu mạn nhiều thì không kính hiền thánh, không hiếu với cha mẹ, kiêu xa phóng dật tự bại hoại, vĩnh viễn không chút giá trị. Người tà kiến nhiều thì không tin đời này đời sau, không tin tội phước, không thể ở chung. Các phiền não như vậy nhiều

thì tệ bại không có chút giá trị. Người ác nghiệp nhiều thì tạo tội vô gián hoặc giết cha mẹ, hoặc làm thương hại hiền thánh, đón bắt thời cơ vinh quý, dèm pha làm hại kẻ trung trinh, giết hại thân thích.

* Lại nữa, chúng sanh ở thế gian người lành tốt ít, kẻ tệ ác nhiều, hoặc tuy có người hành thiện mà bị nghèo hèn bị lậu, hoặc tuy giàu sang đoan chánh mà sở hành bất thiện. Hoặc tuy ưa bố thí mà nghèo thiếu không tài vật, hoặc tuy giàu có tài bảo mà lần tiếc tham đắm, không chịu bố thí. Hoặc thấy người trầm lặng suy nghĩ không nói, bèn cho đó là tự nuôi tánh kiêu mạn cao ngạo, không biết hạ mình tiếp vật, hoặc thấy người ưa hạ mình tiếp vật, ân huệ nhuần khắp, bèn cho đó là trang sức dối trá dua nịnh, hoặc thấy người nói hay luận giỏi, bèn cho đó là ý thị tiểu trí để kiêu mạn; hoặc thấy người chất trực thiện hảo, bèn cùng dối trá bắt ép, dẫn dắt lôi kéo lần lượt coi thường, hoặc thấy người tâm lành nhu nhuyễn, bèn cùng khinh khi lần lượt chà đạp, không tiếp đãi theo đạo lý. Nếu thấy người giữ giới thanh tịnh, bèn cho đó là làm việc kiêu căng kỳ dị, khinh hèn không kể. Các chúng sanh tệ ác như vậy, không có một điều đáng ưa.

Thổ địa ác: Hết thấy thổ địa nhiều suy hoại không lành tốt. Lạnh nóng đói khát, tật bệnh ôn dịch, khí độc xâm hại, sợ hãi già, bệnh, chết không chỗ nào không có. Chỗ nào thân đi đến đều có các khổ đi theo, không nơi nào tránh khỏi. Tuy có quốc độ tốt, giàu vui an ổn, phần nhiều bị các phiền não bức bách, thời không thể gọi là quốc độ an lạc. Hết thấy đều có hai thứ khổ là thân khổ và tâm khổ. Không quốc độ nào không có, như nói:

*“Có quốc độ lạnh nhiều,
 Có quốc độ nóng nhiều,
 Có nước không cứu hộ,
 Có nước nhiều tai ác,
 Có nước thường đói khát,
 Có nước nhiều bệnh tật,*

*Có nước không tu phước,
Như vậy không đâu vui”.*

Chúng sanh và thổ địa có các ác như vậy, suy nghĩ đến thế gian không một điều chi đáng vui. Ác sự ở cõi Dục như vậy, còn ở hai cõi trên, khi chết, khi thối đọa, càng sanh áo não hơn ở cõi dưới, ví như bị rơi từ chỗ rất cao, tan nát tiêu hoại!

Hỏi: Vô thường tướng, khổ tướng, vô ngã tướng, và hết thảy thế gian bất khả lạc tướng, có gì sai khác mà nói riêng?

Đáp: Có hai cách quán là quán chung và quán riêng. Trước là quán chung, đây là quán riêng. Lại có hai quán là quán pháp và quán chúng sanh, trước là quán trách mắng hết thảy pháp, đây là quán chúng sanh tội ác chẳng đồng.

* Lại nữa trước kia là vô lậu đạo, đây là hữu lậu đạo. Trước là kiến đế đạo, đây là tư duy đạo. Các thứ sai khác như vậy, nhiếp vào trong hết thảy địa, và duyên các pháp trong ba cõi. Ấy gọi là hết thảy thế gian bất khả lạc tướng.

Tử tướng: Như đã nói ở trong đoạn nói về niệms chết.

Bất tịnh tướng: Như đã nói ở trong đoạn nói về thân niệms xứ.

Đoạn tướng, ly tướng, tận tướng: Duyên tướng Niết-bàn, vì đã dứt các kiết sử nên gọi là đoạn tướng, vì lìa kiết sử nên gọi là ly tướng, vì sạch hết kiết sử nên gọi là tận tướng.

Hỏi: Nếu như vậy thì một tướng cũng đủ, vì có sao nói ba?

Đáp: Như trước, một pháp mà có ba cách nói. Vô thường tức là khổ, khổ tức là vô ngã, đây cũng như vậy. Vì hết thảy thế gian tội ác sâu nặng cho nên có ba cách trách mắng, giống như đốn cây to, không thể chặt một lát mà dứt được. Pháp Niết-bàn vi diệu, từ xưa chưa chứng được cho nên tán thán nhiều cách gọi là đoạn tướng, ly tướng, tận tướng.

* Lại nữa, dứt ba độc gọi là đoạn, lìa ái gọi là ly, diệt hết thảy khổ không còn sanh lại nữa gọi là tận.

* Lại nữa, hành giả ở nơi noãn pháp, đánh pháp, nhẫn pháp, thế đệ nhất pháp, chánh trí tuệ quán sát, xa lìa các phiền não, ấy gọi là ly tưởng. Chúng đắc vô lậu đạo, dứt các kiết sử, ấy gọi là đoạn tưởng, khi vào Niết-bàn dứt năm thọ uẩn, không còn tương tục, ấy gọi là tận tưởng. Đoạn tưởng, hữu dư Niết-bàn; tận tưởng, vô dư Niết-bàn; ly tưởng, là cửa phương tiện của hai Niết-bàn. Ba tưởng này vì là hữu lậu vô lậu nên nhiếp vào trong hết thảy địa.

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

CHƯƠNG 35

GIẢI THÍCH: MƯỜI MỘT TRÍ

KINH: Mười một trí là pháp trí, tỷ trí, tha tâm trí, thế trí, khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí, tận trí, vô sanh trí, như thật trí.

LUẬN. *Pháp trí:* Trí vô lậu đối với pháp khổ hệ thuộc cõi Dục (khổ), trí vô lậu đối với pháp nhân hệ thuộc cõi Dục (tập), trí vô lậu đối với pháp diệt hệ thuộc cõi Dục (diệt), trí vô lậu đối với đạo đoạn dứt hệ thuộc cõi Dục (đạo) và trí vô lậu trong pháp trí phẩm.

Tỷ trí: Trí vô lậu đối với pháp khổ, tập, diệt, đạo hệ thuộc cõi Sắc cõi Vô sắc, cũng như vậy.

Tha tâm trí: Trí biết tâm tâm số pháp hiện tại của người khác hệ thuộc cõi Dục cõi Sắc và một phần tâm tâm số pháp vô lậu.

Thế trí: Các trí tuệ hữu lậu.

Khổ trí: Năm thọ uẩn vô thường, khổ, không, vô ngã, khi quán thời được vô lậu trí.

Tập trí: Nhân của pháp hữu lậu có bốn tướng là nhân, tập, sanh, duyên, khi quán thời được vô lậu trí.

Diệt trí: Bốn tướng diệt, chi, diêu, xuất, khi quán thời được vô lậu trí.

Đạo trí: Bốn tướng đạo, chánh, hành, đạt, (hay đạo, như, hành, xuất) khi quán thời được vô lậu trí.

Tận trí: Ta đã thấy khổ, đã đoạn tập, đã chứng diệt, đã tu đạo. Khi nhớ nghĩ như vậy được trí vô lậu là tuệ, kiến, minh, giác.

Vô sanh trí: Ta đã thấy khổ không còn thấy nữa, ta đã đoạn tập không còn đoạn nữa, ta đã chứng diệt không còn chứng nữa, ta đã tu đạo không còn tu nữa. Khi nhớ nghĩ như vậy, được trí vô lậu là tuệ, kiến, minh, giác.

Như thật trí: Như thật biết đúng tướng chung tướng riêng của hết thầy pháp, không có quái ngại.

Pháp trí này duyên pháp khổ hệ thuộc cõi Dục và pháp tập hệ thuộc cõi Dục, pháp diệt hệ thuộc cõi Dục, và pháp đạo đoạn diệt hệ thuộc cõi Dục. Tỷ trí cũng như vậy. Thế trí duyên hết thầy pháp. Tha tâm trí duyên tâm tâm số pháp hữu lậu vô lậu của người khác. Khổ trí, tập trí duyên năm thọ uẩn. Diệt trí duyên tận diệt. Đạo trí duyên năm uẩn vô lậu. Tận trí, vô sanh trí đều duyên bốn đế.

Mười trí ấy, một hữu lậu, tám vô lậu. Còn một tha tâm trí thì nên phân biệt: nếu duyên tha tâm hữu lậu là hữu lậu, duyên tha tâm vô lậu là vô lậu.

Pháp trí thì thu nhiếp cả pháp trí, tha tâm trí, khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí, tận trí và một phần ít vô sanh trí. Tỷ trí cũng như vậy. Thế trí thì thu nhiếp thế trí và một phần ít tha tâm trí. Tha tâm trí thì thu nhiếp tha tâm trí và pháp trí, tỷ trí, thế trí, đạo trí, tận trí và một phần ít vô sanh trí. Khổ trí thì thu nhiếp khổ trí và pháp trí, tỷ trí, tận trí, một phần ít vô sanh trí. Tập trí, diệt trí cũng như vậy. Đạo trí thì thu nhiếp đạo trí và pháp trí, tỷ trí, tha tâm trí, tận trí, một phần ít vô sanh trí. Tận trí thì thu nhiếp tận trí và pháp trí, tỷ trí, tha tâm trí, khổ trí, tập trí, diệt trí, một phần ít đạo trí. Vô sanh trí cũng như vậy.

Chín trí tương ưng với tám căn (Ý, hỷ, lạc, xả, tín, tấn, niệm, định căn) trừ tuệ căn, ưu căn, khổ căn. Thế trí tương ưng với 10 căn (ý, hỷ, lạc, ưu, khổ, xả, tín, tấn, niệm, định) trừ tuệ căn.

Pháp trí, tỷ trí, khổ trí tương ưng với Không tam-muội. Pháp trí, tỷ trí, diệt trí, tận trí, vô sanh trí tương ưng với Vô tướng tam-muội.

Pháp trí, tỷ trí, tha tâm trí, khổ trí, tập trí, đạo trí, tận trí, vô sanh trí tương ưng với Vô tác tam-muội.

Pháp trí, tỷ trí, thế trí, khổ trí, tận trí, vô sanh trí tương ưng với vô thường tướng, khổ tướng, vô ngã tướng.

Thế trí tương ưng với bốn tướng giữa.

Pháp trí, tỷ trí, diệt trí, tận trí, vô sanh trí tương ưng với ba tướng sau cùng.

Có người nói: Thế trí hoặc tương ưng với ly tướng. Pháp trí duyên chín trí, trừ tỷ trí. Tỷ trí cũng như vậy. Thế trí, tha tâm trí, tận trí, vô sanh trí duyên mười trí. Khổ trí, tập trí duyên thế trí và tha tâm trí hữu lậu. Diệt trí không duyên trí. Đạo trí duyên chín trí, trừ thế trí. Pháp trí, tỷ trí có đủ mười sáu hành tướng, tha tâm trí có bốn hành tướng. Khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí mỗi mỗi có bốn hành tướng. Tận trí, vô sanh trí đều có mười bốn hành tướng, trừ tướng không, tướng vô ngã. Trong noãn pháp, đánh pháp, nhãn pháp, thế trí có mười sáu hành tướng, trong thế đệ nhất pháp, thế trí có bốn tướng, ngoài ra không có tướng (là quán tướng. Mười sáu hành tướng cũng gọi là mười sáu thánh hạnh, mười sáu hạnh).

Mới bắt đầu vào vô lậu tâm thành tựu một thế trí; qua tâm thứ hai tăng thêm khổ trí, pháp trí. Đến tâm thứ tư tăng thêm tỷ trí; đến tâm thứ sáu tăng thêm tập trí; đến tâm thứ mười tăng thêm diệt trí; đến tâm thứ mười bốn tăng thêm đạo trí; nếu lìa dục thì tăng thêm tha tâm trí; ở vô học đạo thì tăng thêm tận trí; được bất hoại giải thoát thì tăng thêm vô sanh trí.

Trong vô lậu tâm đầu không tu trí; trong tâm thứ hai thời hiện tại và vị lai tu hai trí; trong tâm thứ tư, hiện tại tu hai trí, vị lai tu ba trí; trong tâm thứ sáu hiện tại và vị lai tu hai trí; trong tâm thứ tám hiện tại tu hai trí; vị lai tu ba trí; trong tâm thứ mười hiện tại vị lai tu hai trí; trong tâm thứ mười hai hiện tại tu hai trí; vị lai tu ba trí; trong tâm thứ mười bốn hiện tại và vị lai tu hai trí; trong tâm thứ mười sáu hiện tại tu hai trí, vị lai tu sáu trí; nếu lia dục thời tu bảy trí. Tu-đà-hoàn muốn xa lia kiết sử cõi Dục, trong mười bảy tâm tu bảy trí; trừ tha tâm trí, tận trí, vô sanh trí; trong tâm giải thoát thứ chín tu tám trí, trừ tận trí, vô sanh trí; người ở địa vị tín giải chuyển được địa vị kiến đắc ở trong vô gián và giải thoát đạo tu sáu trí, trừ tha tâm trí, thế trí, tận trí, vô sanh trí; trong khi lia dục của bảy địa, trong vô gián đạo tu bảy trí, trừ tha tâm trí, tận trí, vô sanh trí; trong giải thoát đạo tu tám trí, trừ tận trí, vô sanh trí. Trong khi lia dục của cõi Hữu đánh, trong vô gián đạo tu sáu trí, trừ tha tâm trí, thế trí, tận trí, vô sanh trí; trong tám giải thoát đạo tu bảy trí, trừ thế trí, tận trí, vô sanh trí; người vô học sơ tâm ở giải thoát đạo thứ chín, và bất thời giải thoát tu mười trí và hết thấy thiện căn hữu lậu vô lậu. Nếu người được thời giải thoát thì tu chín trí và hết thấy thiện căn hữu lậu vô lậu.

Các loại như vậy như ở trong môn A-tỳ-đàm có phân biệt nói rộng. Tướng phân biệt theo như thật trí sẽ được nói rộng ở phẩm chót của kinh Bát-nhã ba-la-mật này.

* Lại nữa, có người nói: Pháp trí là biết năm uẩn ở cõi dục là vô thường, khổ, không, vô ngã, biết các pháp do nhân duyên hòa hợp sanh, đó là vô minh làm duyên cho hành, cho đến sanh làm duyên cho già chết, như Phật dạy Phạm-chí Tu-thi-ma rằng: Trước dùng pháp trí phân biệt các pháp, sau dùng Niết-bàn trí.

Tỷ trí thì biết năm thọ uẩn hiện tại, là vô thường, khổ, không, vô ngã và biết năm thọ uẩn quá khứ, vị lai, và trong cõi Sắc cõi Vô sắc là vô thường, khổ, không, vô ngã cũng như vậy; ví như thấy lửa

hiện tại hay đột mà so sánh biết lửa ở quá khứ, vị lai và ở quốc độ khác cũng như vậy.

Tha tâm trí thì biết tâm tâm số pháp của chúng sanh khác.

Hỏi: Nếu biết cả tâm và tâm số pháp của người khác, có sao chỉ nói là biết tha tâm?

Đáp: Tâm là chủ nên chỉ nói biết tha tâm. Nếu nói tâm nên biết đã nói tâm số pháp trong đó.

Thế trí là giả trí, thánh nhân biết thật pháp, còn phàm phu chỉ biết giả danh, vì vậy nên gọi là giả trí, như óc, đòn tay, cột, vách gọi là nhà, chỉ biết việc như vậy, chẳng biết nghĩa thật; ấy gọi là thế trí.

Khổ trí là dùng khổ tuệ quả mạng năm thọ uẩn.

Hỏi: Năm thọ uẩn cũng vô thường, cũng khổ, cũng không, cũng vô ngã, có sao chỉ nói khổ trí mà không nói vô thường, không, vô ngã trí?

Đáp: Vì là khổ để cho nên nói khổ trí, tập để cho nên nói tập trí, diệt để cho nên nói diệt trí, đạo để cho nên nói đạo trí.

Hỏi: Năm thọ uẩn có đủ thứ xấu ác có sao chỉ nói nó là khổ để, không nói nó là vô thường để, không, vô ngã để?

Đáp: Nếu nói nó là vô thường, không, vô ngã để cũng không phá hoại pháp tướng; song vì chúng sanh phần nhiều đắm vui, sợ khổ cho nên Phật chế thế gian hết thấy đều khổ, để khiến lìa bỏ. Đối với vô thường, không, vô ngã, chúng sanh không sợ lắm cho nên Phật không dạy.

* Lại nữa, trong Phật pháp năm thọ uẩn còn có tên khác gọi là khổ (ngũ ấm xí thanh khổ) vì vậy chỉ nói khổ là khổ trí. Hoặc hữu lậu hoặc vô lậu, nếu ở tại noãn pháp, đảnh pháp, nhãn pháp, thế gian đệ nhất pháp là hữu lậu, nếu nhập vào kiến đế đạo, là vô lậu, vì có sao?

Vì từ noãn pháp đến thế gian đệ nhất pháp có bốn cách quán khổ. Tập trí, diệt trí, đạo trí cũng như vậy.

* Lại nữa, khổ trí là biết khổ tướng thật không sanh, tập trí là biết hết thấy pháp lia nhau, không có hòa hợp, diệt trí là biết các pháp thường tịch diệt như Niết-bàn. đạo trí là biết hết thấy pháp thường thanh tịnh, không chánh không tà; tận trí là biết hết thấy pháp không gì có được, vô sanh trí là biết hết thấy pháp sanh không thật, không nhất định nên không sanh. Như thật trí là điều mười trí kia không biết được, nhờ như thật trí biết được.

Mười trí có mỗi mỗi tướng, mỗi mỗi duyên, mỗi mỗi sai khác, mỗi mỗi có quán pháp riêng, còn trong như thật trí thì không tướng, không duyên, không sai khác, diệt hết các quán pháp, cũng không có tâm năng quán. Trong mười trí có pháp nhãn, tuệ nhãn, trong như thật trí chỉ có Phật nhãn.

Mười trí thì A-la-hán, Bích-chi Phật và Bồ-tát chung có, còn như thật trí chỉ riêng Phật có, vì có sao? Vì chỉ riêng Phật có pháp không hư dối, nên biết như thật trí chỉ riêng Phật có.

* Lại nữa, mười trí khi nhập vào như thật trí thì mất tên gọi cũ, chỉ còn một thật trí, ví như các dòng nước ở mười phương đều vào biển cả, bỏ tên gọi cũ, mà chỉ gọi là nước biển. Như vậy là phân biệt lý nghĩa mười một trí. Đây là nói lược.

KINH: Ba tam-muội: Tam-muội có giác có quán; tam-muội không giác có quán; tam-muội không giác không quán.

LUẬN: Hết thấy thiên định nhiếp tâm, đều gọi là Tam-ma-đề. Trung Hoa dịch là Chánh tâm hành xứ (chỗ của chánh tâm đi). Tâm này từ vô thí lại đây, thường quanh co không ngay thẳng, khi được chỗ chánh tâm đi này thời tâm ngay thẳng, ví như rắn đi thường cong queo mà khi vào ống tre thời thẳng.

Ba tam-muội này, ở Dục giới Vị đạo địa và Sơ thiên, thì tương ứng với giác và quán, nên gọi là có giác có quán. Ở thiên trung gian, chỉ tương ứng với quán nên gọi là không giác có quán; từ đệ Nhị thiên lên đến Hữu đảnh địa, chẳng tương ứng với giác quán, cho nên gọi là không giác không quán.

Hỏi: Tâm số pháp tương ứng với tam-muội có đến hai mươi thứ, có sao đây chỉ nói giác và quán?

Đáp: Vì giác quán ấy làm nhiều loạn tam-muội, cho nên nói hai sự giác quán tuy là lành, nhưng là giặc của tam-muội, khó có thể lia bỏ.

Có người nói: Tâm có giác quán là không có tam-muội, cho nên Phật nói tam-muội có giác có quán, chỉ không bền chắc thôi. Khi sức giác quán bé nhỏ là có thể được có tam-muội; giác quán ấy có thể sanh tam-muội cũng có thể hoại tam-muội; ví như gió hay sanh mưa mà cũng có thể làm tan mưa. Ba thứ giác quán lành có thể phát sanh Sơ thiên, khi được Sơ thiên phát sanh hoan hỷ lớn, mà vì giác quán nên tâm tán loạn, trở lại bị mất, vì lẽ đó nên chỉ nói đến giác quán.

Hỏi: Giữa giác và quán có gì sai khác?

Đáp: Tướng trạng tâm thô gọi là giác, tướng trạng tâm tế gọi là quán. Tướng trạng tâm phát khởi trong khi mới duyên cảnh là giác, tiếp sau phân biệt trừ lượng tốt xấu là quán.

Có ba thứ giác thô là giác tham dục, giác sân hận, giác não hại. Có ba thứ giác lành là giác ra khỏi, giác không sân hận, giác không não hại. Có ba thứ giác tế là giác về bà con, giác về quốc độ, giác về không chết. Trong đó sáu thứ giác làm chướng ngại tam-muội, ba thứ lành có thể mở cửa tam-muội, nếu giác quán quá nhiều thì trở lại làm mất tam-muội; như gió có thể đẩy thuyền, mà gió quá thì làm hư thuyền. Như vậy là các cách phân biệt giác quán.

Hỏi: Kinh nói ba pháp là pháp có giác có quán, pháp không giác có quán, pháp không giác không quán. Địa vị có giác có quán, địa vị không giác có quán, địa vị không giác không quán, sao nay chỉ nói ba thứ tam-muội?

Đáp: Khéo, hay mà dùng được thì lấy.

Pháp có giác có quán, là pháp tương ứng với giác quán ở tại Dục giới, Vị đạo địa và Sơ thiên, hoặc thiện, hoặc bất thiện, hoặc vô ký.

Pháp không giác có quán, là pháp tương ứng với quán ở tại thiên trung gian (ở giữa Sơ thiên và Nhị thiên) hoặc thiện, hoặc vô ký.

Pháp không giác không quán, là pháp lìa hết thảy giác quán, hết thảy sắc tâm bất tương ứng hành và pháp vô vi.

Địa vị có giác có quán là Dục giới, Vị đạo địa và Phạm thế (Sơ thiên Phạm thiên). Địa vị không giác có quán là thiên trung gian, khéo tu thì làm vua Đại phạm ở địa vị này.

Địa vị không giác không quán là hết thảy cõi trời Quang-âm, hết thảy cõi trời Biến-tịnh, trời Quảng-quả (Vô tướng), hết thảy cõi trời Vô sắc. Trong đây thượng diệu là pháp tam-muội.

Những tam-muội gì? Từ không, vô tướng, vô tác ba tam-muội cho đến Kim cang, các tam-muội của A-la-hán, Bích-chi Phật, tam-muội quán mười phương Phật, cho đến tam-muội Thủ-lăng-nghiêm, từ tam-muội đoạn tất cả nghi cho đến tam-muội của chư Phật như Tam-muội vương tam-muội... Các cách phân biệt như vậy, đã lược nói nghĩa của ba tam-muội.

KINH: Ba căn là căn chưa biết muốn biết, căn biết, căn đã biết.

LUẬN: “Căn chưa biết muốn biết” là chín căn vô lậu hòa hợp. Người pháp hành ở trong kiến đế đạo gọi là căn chưa biết muốn biết, gồm chín căn vô lậu là năm căn tín, tấn, niệm, định, tuệ và hỷ, lạc,

xả căn, ý căn. Người tín giải và kiến đắc ở trong tư duy đạo thì chín căn này chuyển thành “căn biết”. Ở trong vô học đạo thì chín căn này gọi là “căn đã biết”.

Hỏi: Tại sao trong hai mươi hai căn chỉ chọn lấy ba căn ấy? (22 căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, nam căn, nữ căn, mạng căn, uu, khổ, hỷ, lạc, xả căn, ý căn, tín, tấn, niệm, định, tuệ căn, căn chưa biết muốn biết, căn biết, căn đã biết - ND).

Đáp: Có tướng trạng lanh lợi hiểu biết rõ ràng tự tại gọi là căn. Mười chín căn kia vì căn tướng không đầy đủ, nên không lấy, còn ba căn này lanh lợi, có thể vào thẳng đến Niết-bàn, là chủ trong các pháp hữu vi, được tự tại, hơn các căn kia.

* Lại nữa, mười căn đầu chỉ là hữu lậu tự được, không có lợi ích, chín căn giữa thì bất định hoặc hữu lậu hoặc vô lậu, cho nên không nói Bồ-tát phải đầy đủ các căn đó.

Hỏi: Mười tướng trên kia cũng là hữu lậu vô lậu, cứ sao nói phải đầy đủ?

Đáp: Mười tướng đều là pháp trợ đạo để cầu Niết-bàn. Còn năm căn tín... tuy là thiện pháp, nhưng không phải đều để cầu Niết-bàn, như trong A-tỳ-đàm nói: Ai thành tựu tín căn... là người không đoạn thiện căn.

* Lại nữa, nếu năm năm thanh tịnh thời đã biến thành vô lậu và đã nhiếp vào trong ba căn vô lậu rồi. Trong ba căn này chắc có ý căn, trong ba thọ (khổ, lạc, xả) chắc có một thọ. Vì vậy nên chỉ nói ba căn.

* Lại nữa, hai mươi hai căn có thiện có bất thiện, có vô ký lẫn lộn, cho nên không nói phải đầy đủ. Ba căn này nhiếp vào thọ uẩn, hành uẩn, thức uẩn. “Căn chưa biết muốn biết” ở tại sáu địa, “căn biết, căn đã biết” ở tại chín địa. Ba căn duyên bốn đế, tương ứng với sáu tướng. Căn chưa biết muốn biết làm nhân cho ba căn; căn biết

làm nhân cho hai căn; căn đã biết chỉ làm nhân cho căn đã biết. Căn chưa biết muốn biết thứ lớp sanh hai căn; căn biết thứ lớp hoặc sanh căn hữu lậu, hoặc sanh căn biết, hoặc sanh căn đã biết; căn đã biết hoặc sanh hữu lậu, hoặc sanh căn đã biết. Như vậy là theo môn A-tỳ-đàm phân biệt nói rộng.

* Lại nữa, căn chưa biết muốn biết là đối với thật tướng các pháp, vì chưa biết muốn biết nên sanh năm căn tín... sức của năm căn này có thể biết được thật tướng các pháp, như người khi mới vào bào thai, có được hai căn là thân căn và mạng căn. Bấy giờ như cục thịt, chưa đủ các căn, chưa thể biết được gì. Khi năm căn thành tựu mới biết được năm trần. Bồ-tát cũng như vậy, khi mới phát tâm muốn làm Phật, chưa đầy đủ năm căn ấy, tuy có nguyện muốn biết thật tướng các pháp, nhưng không thể biết được. Bồ-tát khi phát sanh năm căn tín... thời có thể biết thật tướng các pháp, như con mắt, do bốn đại và bốn đại tạo sắc hòa hợp gọi là mắt, lúc đầu tuy có bốn đại, bốn đại tạo sắc mà vì chưa thanh tịnh nên không gọi là nhãn căn. Người không dứt thiện căn, tuy có tín mà chưa thanh tịnh nên không gọi là căn.

Nếu Bồ-tát được năm căn tín... thời bấy giờ có thể tin các pháp tướng là bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, phi hữu phi vô, phi thủ, phi xả, chân tịnh như hư không, không thể chỉ, không thể nói, vượt qua mọi thứ ngôn ngữ, ra ngoài hết thấy tâm tâm số pháp, sở hành như Niết-bàn; ấy là Phật pháp.

Bồ-tát do sức tín căn nên hay lãnh thọ; do sức tinh tấn căn nên siêng tu không thôi chuyển; do sức niệm căn nên không để cho pháp bất thiện xen vào, thu nhiếp các pháp thiện; do sức định căn nên khi tâm tán loạn vào năm dục có thể thu nhiếp lại vào trong thật tướng; do sức tuệ căn nên đối với trí tuệ Phật có được nghĩa vị ít nhiều, không thể bị hư hoại.

Năm căn nương nơi ý căn, chắc cùng với thọ hoặc hỷ, hoặc lạc, hoặc xả. Nương căn ấy mà vào Bồ-tát vị, cho đến khi chưa được quả

vị vô sanh pháp nhãn, ở trong giai đoạn ấy gọi là căn chưa biết muốn biết. Trong đó biết thật tướng các pháp rõ ràng nên gọi là biết. Từ đó chứng được quả vô sanh pháp nhãn ở địa vị bất thối chuyển, được thọ ký, cho đến mãn mười địa, ngồi đạo tràng, được Kim cang tam-muội, ở trong giai đoạn đó gọi là căn biết. Dứt hết thầy tập khí phiền não, chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trí tuệ biết khắp hết thấy pháp khả tri; ấy gọi là căn đã biết.

(HẾT CUỐN 23 THEO BẢN HÁN)

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

CHƯƠNG 36

GIẢI THÍCH: MƯỜI LỤC

KINH: Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát Ma-ha-tát muốn biết khắp mười lục, bốn không sợ, bốn trí vô ngại, mười tám pháp không chung, đại từ, đại bi của Phật, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN: Mười lục, bốn không sợ... là pháp vô thượng của Phật, lẽ phải nói trước, có sao trên đây nói chín tướng, tám niệm trước?

Đáp: Sáu Ba-la-mật là pháp ứng dụng của Bồ-tát, trước đã nói. Ba mươi bảy đạo phẩm cho đến ba vô lậu căn, là pháp của Thanh văn. Bồ-tát thực hành sáu Ba-la-mật đắc lực rồi muốn vượt qua địa vị Thanh văn, Bích-chi Phật và muốn giáo hóa hạng người hướng về Thanh văn, Bích-chi Phật khiến họ vào Phật đạo, cho nên chê trách đó là pháp Tiểu thừa, bỏ rơi chúng sanh, không có lợi ích. Hoặc các người Thanh văn nói lại rằng: Ông là phàm phu, chưa dứt kiết sử, không thực hành pháp Thanh văn, nên chỉ chê trách suông. Do vậy Phật bảo Bồ-tát phải đầy đủ ba mươi bảy đạo phẩm của Thanh văn. Tuy thực hành các pháp này mà vì không có gì được và vì chúng sanh hành tà hạnh, nên Bồ-tát thực hành chánh hạnh này mãi mãi không bỏ. Các pháp ấy là không, không có gì được, nên cũng không mau thủ chứng Niết-bàn. Nếu Bồ-tát không hiểu không hành pháp Tiểu thừa mà chỉ chê trách thì ai chịu tin cho; ví như đức

Phật Thích-ca Mâu-ni nếu trước không hành khổ hạnh sáu năm mà chê khổ hạnh là phi đạo, thời không ai tin thọ. Do vậy, Phật tự hành khổ hạnh hơn người khác, nên khi thành Phật đạo, chê trách lỗi khổ hạnh, thì ai cũng tin chịu. Thế nên tiếp sau sáu Ba-la-mật nói hành pháp Thanh văn.

* Lại nữa, đây không phải chỉ là pháp Thanh văn, mà trong pháp này có hòa hợp với ý không bỏ rơi chúng sanh, đầy đủ hết thấy Phật pháp, do vì có không trí, thấy không có gì được, nên gọi là pháp Bồ-tát.

Hỏi: Nếu Bồ-tát đầy đủ ba mươi bảy đạo phẩm, tại sao không chứng nhập vào địa vị theo pháp Thanh văn?

Đáp: Đầy đủ là đầy đủ quán biết mà không thủ chúng, vì quán biết rõ ràng nên gọi là đầy đủ, như Phật dạy: Hết thấy sợ gây đau, hết thấy đều tiếc mạng, lấy mình để làm dụ, gây chó đánh chúng sanh. Tuy nói hết thấy sợ gây đánh, nhưng chúng sanh ở cõi Vô sắc không có thân, ở cõi Sắc tuy có thân mà không có roi gây, ở cõi Dục các đức Phật, Chuyển luân thánh vương, trời Dạ-xoa trở lên, đều không sợ roi gây; song vì sợ gặp chỗ roi gây cho nên nói “hết thấy”. Nói đầy đủ cũng như vậy, không vì mong cầu thủ chúng mà đấm trước pháp nên nói là “đầy đủ”.

* Lại nữa, trước đây tôi nói không bỏ rơi chúng sanh là vì có không trí bất khả đắc hòa hợp, nên không đọa vào địa vị Thanh văn.

Hỏi: Từ sáu Ba-la-mật cho đến ba vô lậu căn chỉ nói phải đầy đủ; từ đó về sau, cơ sao đều nói muốn được, muốn biết việc ấy hãy tập hành Bát-nhã ba-la-mật?

Đáp: Pháp Thanh văn có lượng có hạn nên nói “phải đầy đủ”, từ đó trở đi là các Phật pháp, thăm sâu vô lượng, Bồ-tát chưa được, nên nói “muốn được việc ấy hãy học Bát-nhã ba-la-mật”.

* Lại nữa, pháp Thanh văn dễ được dễ biết nên nói “đầy đủ”, pháp Bồ-tát, pháp Phật khó hiểu khó biết nên nói “hãy nên học”.

* Lại nữa, tướng tổng quát trong pháp Thanh văn là chỉ biết khổ, biết nguyên nhân khổ, biết khổ hết, biết đạo hết khổ. Ví như hai hạng thầy thuốc: hạng thứ nhất chỉ biết bệnh, biết nguyên nhân bệnh, biết bệnh lành, biết thuốc chữa lành bệnh, mà không biết tất cả bệnh, không biết tất cả nguyên nhân bệnh, không biết tất cả bệnh lành, không biết tất cả thuốc chữa lành bệnh. Hoặc chỉ biết trị bệnh người, không biết trị bệnh súc sanh. Hoặc chỉ có thể trị bệnh một quốc độ mà không thể trị bệnh ở các quốc độ khác; có thể trị vài mươi thứ bệnh, không thể biết hết 404 bệnh. Đối với nguyên nhân bệnh, bệnh lành, thuốc lành bệnh cũng như vậy. Hạng thứ hai, đối với bốn thứ bệnh, nguyên nhân bệnh, bệnh lành, thuốc lành bệnh đều khắp biết, khắp biết thuốc, khắp biết bệnh, Người Thanh văn như thầy thuốc nhỏ, không thể khắp biết, đại Bồ-tát như thầy thuốc lớn, không bệnh gì không biết, không thuốc gì không hay. Do vậy nên pháp Thanh văn phải đầy đủ, pháp Bồ-tát hãy nên học.

Mười lực của Phật: 1. Trí lực như thật biết có lẽ ấy, không có lẽ ấy. 2. Trí lực biết các nghiệp, các lãnh thọ, biết chỗ tạo nghiệp, biết nhân duyên; biết quả báo của chúng sanh trong quá khứ, vị lai, hiện tại. 3. Trí lực như thật biết tướng sai biệt các thiên, giải thoát, tam-muội, định, cấu uế, thanh tịnh. 4. Trí lực như thật biết tướng các căn cao thấp của chúng sanh. 5. Trí lực biết các thứ dục lạc của chúng sanh. 6. Trí lực biết vô số tính của thế gian chúng sanh. 7. Trí lực biết tướng nơi đạt tới của hết thầy đạo. 8. Trí lực biết tướng chung, nhân duyên chung các đời trước, một đời, hai đời cho đến trăm ngàn đời, kiếp ban sơ, tận cùng, ta ở trong chúng sanh kia có họ, tên, ăn uống, khổ, vui, thọ mạng dài, ngắn như vậy, như vậy. Chết trong kia sanh trong đây, chết trong đây lại sanh trong đây, có họ tên, ăn uống, khổ, vui, thọ mạng, dài, ngắn cũng như vậy. 9. Trí lực Phật có thiên

nhân thanh tịnh hơn con mắt của trời, người, thấy rõ chúng sanh khi chết khi sanh, đoan chánh hay xấu xa, hoặc lớn hoặc nhỏ, hoặc đọa ác đạo, hoặc đọa thiện đạo, nhân duyên thọ báo như vậy. Các chúng sanh ấy thành tựu thân nghiệp ác, thành tựu khẩu nghiệp ác, thành tựu ý nghiệp ác; phi báng thánh nhân, tà kiến, thành tựu nghiệp tà kiến, do nhân duyên ấy, khi thân hoại chết sa vào đường ác, sanh trong địa ngục; còn các chúng sanh ấy thành tựu thân nghiệp thiện, khẩu nghiệp thiện, ý nghiệp thiện, không phi báng thánh nhân, chánh kiến, thành tựu nghiệp chánh kiến, do nhân duyên ấy, khi thân hoại chết, sanh vào đường lành, sanh cõi trời. 10. Trí lực chư Phật sạch hết lậu hoặc, tâm vô lậu giải thoát, trí tuệ vô lậu giải thoát, ngay trong hiện tại tự biết rõ sự thọ sanh của ta đã hết, việc tri giới đã làm xong, không còn tái sanh đời sau, như thật biết.

Hỏi: Mười trí lực ấy Bồ-tát chưa được, Thanh văn, Bích-chi Phật không thể được, nay vì sao nói?

Đáp: Người Thanh văn tuy không thể được, nhưng nếu nghe được công đức mười trí lực này thời liền nghĩ: Phật có công đức lớn như vậy, nên tự mừng rằng: Chúng ta được thiện lợi, mong ích không ít, rồi sanh lòng tin thanh tịnh mà vào đạo, diệt tận khổ. Còn các Bồ-tát nghe được, lo siêng tu Bồ-tát đạo, để được quả báo đại công đức mười trí lực như vậy.

* Lại nữa, có hàng Thanh văn và Bồ-tát, tu niệm Phật tam-muội, không phải chỉ nhớ nghĩ Phật thân, còn phải nhớ nghĩ các công đức pháp thân của Phật, nên nhớ nghĩ Phật vì hiểu rõ hết thầy chúng, hết thầy pháp nên gọi là bậc Nhất thiết trí; vì khéo như thật phân biệt nói hết thầy nên gọi là bậc Thấy hết thấy; vì hiện tiền biết hết thầy pháp nên gọi là bậc Biết thấy vô ngại; vì tâm bình đẳng đối với hết thầy chúng sanh nên gọi là bậc Đại từ bi; vì có đại từ bi nên gọi là bậc Cứu thế; vì như thật đạo mà đi đến nên gọi là Như Lai; vì ứng hợp

lãnh thọ sự cúng dường của tất cả thế gian nên gọi là bậc Ứng cúng; vì thành tựu trí tuệ không điên đảo nên gọi là bậc Chánh biến tri; vì thành tựu giới định trí tuệ nên gọi là bậc Minh hạnh túc; vì không trở lại, nên gọi là bậc Thiện thế; vì biết tướng chung tướng riêng của thế gian nên gọi là bậc Thế gian giải; vì khéo nói đạo ra khỏi thế gian được yên ổn nên gọi là bậc Vô thượng sĩ Điều ngự sư; lấy ba thứ giáo pháp độ chúng sanh nên gọi là bậc Thiên nhân sư; vì có thể tự giác cũng giác tỉnh người khác về phiền não ngủ ngầm của hết thảy thế gian nên gọi là bậc Giác ngộ; vì đầy đủ mọi sở nguyện nên gọi là bậc Có đức; vì thành tựu mười trí lực nên gọi là bậc Kiên thế; vì được bốn điều không sợ nên gọi là đấng Sư tử trong loài người; vì được trí sâu thẳm vô lượng nên gọi là Biển đại công đức; vì hết thảy kỹ thuyết vô ngại nên gọi là như Gió; vì không yêu ghét đối mọi sự tốt xấu nên gọi là như Đất; vì đốt cháy hết thảy củi kiết sử nên gọi là như Lửa; vì khéo dứt hết thảy tập khí phiền não nên gọi là đầy đủ Giải thoát; vì trú xứ tối thượng nên gọi là Thế Tôn. Phật có các thứ công đức như vậy, cho nên niệm Phật.

Do vậy, Bồ-tát ma-ha-tát muốn được mười trí lực, bốn điều không sợ, mười tám pháp không chung của Phật, hãy nên học Bát-nhã ba-la-mật.

* Lại nữa, Phật trong núi Kỳ-xà-quật ở thành Vương-xá, khi nói Bát-nhã ba-la-mật này, bốn bộ chúng của Phật và các ngoại đạo, tại gia, xuất gia, trời, rồng, quỷ thần... các loại đại chúng đều tập hội. Phật vào Tam-muội vương tam-muội; phóng ánh sáng lớn, chiếu khắp thế giới nhiều như cát sông Hằng, quả đất rung động sáu cách, Phật dạy: Bát-nhã ba-la-mật, sáu Ba-la-mật cho đến ba vô lậu căn này. Trong đó có chúng sanh nghi vì có lực gì, có bao nhiêu thứ lực mà có thể làm cho cảm động lợi ích không thể nghĩ nghĩ như vậy? Vì Phật biết tâm chúng sanh nghi như vậy, nên nói Ta có trí lực, biết thật tướng các pháp, trí lực ấy có mười thứ, dùng mười thứ trí

lực ấy nên có thể làm cho cảm động biến hóa như vậy, cũng có thể làm quá hơn nữa. Do vậy, nên nói muốn được mười trí lực, hãy nên học Bát-nhã ba-la-mật.

* Lại nữa, đệ tử Phật đời đời gieo trồng căn lành, mà vì một ít tội duyên nên đọa vào ngoại đạo. Các ngoại đạo thường nói Phật không phải thật có lực công đức, mà đó là lực huyền thuật dối hoặc lòng người. Đệ tử Phật đọa vào ngoại đạo tâm sanh nghi, nếu như vậy thì Phật không phải là đại nhân! Vì muốn dứt lời phi báng ác đó nên Phật dạy: Ta thật có mười trí lực, bốn điều không sợ, nên độ chúng sanh chứ không phải huyền dối.

* Lại nữa, các Bồ-tát tu Bồ-tát đạo, theo việc khổ hạnh khó thành tựu muốn giải đãi ngưng bỏ, nên Phật dạy: Thực hành mười trí lực này, sẽ được quả báo vô lượng; ví như người chủ buôn ủy dụ các thương nhân rằng: Các người cần thận chớ mệt mỏi, hãy tinh cần nỗ lực đi đến được núi báu, sẽ được bảy báu như ý bảo châu. Phật cũng như vậy, an ủi các Bồ-tát rằng: Không được mệt mỏi nhàm chán, hãy siêng tinh tấn, tu Bồ-tát đạo, hành mười trí lực này, sẽ được quả báo vô lượng. Do nhân duyên về các lợi ích như vậy, nên nói mười lực...

Hỏi: Phật có vô lượng lực, có sao chỉ nói mười lực?

Đáp: Phật tuy có vô lượng lực, vì nhân duyên độ người nên chỉ nói mười trí lực, là đủ để thành việc. Lấy trí lực biết có lẽ ấy không có lẽ ấy mà phân biệt trừ lượng chúng sanh là có thể độ hay không có thể độ; lấy trí lực nghiệp báo mà phân biệt trừ lượng người ấy có nghiệp chướng, người ấy có báo chướng, người ấy không có chướng; lấy trí lực thiên định giải thoát tam-muội mà phân biệt trừ lượng người ấy đắm vị, người ấy không đắm vị; lấy trí lực thượng hạ căn mà phân biệt trừ lượng trí lực của chúng sanh nhiều hay ít; lấy trí lực chủng chủng dục mà phân biệt trừ lượng chỗ lạc dục của chúng sanh; lấy trí lực chủng chủng tánh mà phân biệt trừ lượng chỗ thâm tâm

hướng đến của chúng sanh; lấy trí lực “chí xú đạo” mà phân biệt trừ lượng cửa giải thoát của chúng sanh; lấy trí lực Túc mạng mà phân biệt trừ lượng trước từ đâu đến; lấy trí lực sanh tử mà phân biệt trừ lượng chúng sanh chỗ tốt xấu; lấy trí lực Lậu tận mà phân biệt trừ lượng chúng sanh đắc Niết-bàn.

Phật dùng mười trí lực ấy để độ thoát chúng sanh, xét kỹ không lầm, đều được đầy đủ. Do vậy, tuy Phật có vô lượng lực, mà chỉ nói mười trí lực ấy.

* Lại nữa, trí lực biết có lẽ ấy không có lẽ ấy, quyết định biết từ nhân duyên ấy sanh ra quả báo ấy; trong đó tổng nhiếp chín trí lực, vì muốn độ chúng sanh, nên ở trong trí lực đầu phân biệt ra chín thứ, vì có sao? Vì chúng sanh thế gian này hiện tiền thấy lúa từ giống lúa sanh ra mà còn không biết được, huống là nhân duyên và quả báo của tâm tâm số pháp. Phật đối với nhân duyên quả báo trong ngoài khắp biết rõ ràng, cho nên gọi là *lực*.

Phật biết chúng sanh ấy do nghiệp phiền não nên bị trôi buộc, do tịnh thiên định tam-muội giải thoát nên được giải thoát. Ba thứ nghiệp, các phiền não, nhẹ, nặng, sâu, cạn, thô tế của chúng sanh trong ba đời, Phật đều biết khắp cho nên gọi là *lực*.

Các thiên định, giải thoát tam-muội và nhân duyên giải thoát lớn, nhỏ, cạn, sâu của hết thấy chúng sanh, Phật đều biết khắp cho nên gọi là *lực*.

Chúng sanh độn căn vì thân đời sau nên gây nhân duyên tội phước; người lợi căn thì vì muốn được không tái sanh nên nhóm các nghiệp, Phật đều biết tướng trạng căn cao, thấp, tốt, xấu ấy, cho nên gọi là *lực*.

Biết các chúng sanh có hai thứ dục lạc làm nhân duyên cho căn cao thấp. Hai thứ dục lạc lành và dữ khác nhau nhiều thứ, Phật đều biết khắp cho nên gọi là *lực*.

Vì hai thứ dục lạc do hai chủng tánh làm nhân duyên nên biết khắp chỗ thâm tâm đến đâu của chúng sanh, cho nên gọi là *lực*.

Hết thầy chúng sanh do các chủng tánh nên hành hai đạo là thiện đạo và ác đạo, chỗ đi đến của các pháp môn, Phật đều biết khắp cho nên gọi là *lực*.

Nhân duyên quả báo trong đời quá khứ, vị lai, trí tuệ biết vô ngại, ấy là trí lực về kiếp trước sống chết. Biết nhân quả quá khứ, vị lai rồi, rõ biết phương tiện diệt hoại sự tương tục của nhân duyên quả báo; ấy là trí lực lậu tận. Phật biết hai thứ nhân duyên trong ba đời, phân biệt trừ lượng căn cơ dục tánh của chúng sanh, vì làm cho họ dứt hết lậu hoặc mà thuyết pháp, ấy là trí lực lậu tận.

Hỏi: Thế nào là lực biết có lẽ ấy, không có lẽ ấy?

Đáp: Phật biết định tướng nhân duyên quả báo của hết thầy pháp. Từ nhân duyên ấy sanh quả báo như vậy, từ nhân duyên ấy không sanh quả báo như vậy; vì có sao? Vì như trong kinh Đa Tánh nói tướng trạng có lẽ ấy không có lẽ ấy.

Như nữ thân làm Chuyển luân thánh vương không có lẽ ấy; vì sao? Vì hết thầy nữ nhân đều hệ thuộc nam tử, không được tự tại. Nữ nhân còn không được làm Chuyển luân thánh vương huống là làm Phật. Nếu nữ nhân được giải thoát Niết-bàn cũng như nam tử mà được, không có tự nhiên đặc đạo.

Hai Chuyển luân thánh vương cùng ra đời một lúc, không có lẽ ấy; vì sao? Vì không có oán nghiệp. Hai Chuyển luân thánh vương còn không đồng thời, huống gì hai Phật?

Ác nghiệp mà được hưởng quả báo vui, không có lẽ ấy. Ác nghiệp còn không thể được cái vui thế gian, huống là cái vui xuất thế gian. Nếu ác nghiệp mà được sanh lên cõi trời, không có lẽ ấy. Ác nghiệp còn không thể được sanh cõi trời, huống gì là được Niết-bàn.

Bị năm triền cái ngăn che, tâm tán loạn, lìa bỏ việc tu bảy giác phần mà đắc Niết-bàn, không có lẽ ấy. Bị năm triền cái ngăn che, tâm tán loạn, lìa bỏ việc tu bảy giác phần còn không được Thanh văn đạo; huống là Phật đạo. Tâm không bị che lấp, thì Phật đạo còn có thể được; huống chi Thanh văn đạo. Các việc có lẽ ấy không có lẽ ấy như vậy, như Phật đã dạy ở trong kinh Đa tánh. Các luận nghị sư nương theo lời Phật giảng rộng ý nghĩa “có lẽ ấy, không có lẽ ấy” như: Nếu nói Phật còn có tội lỗi, khuyết thất; hoặc các hiền thánh mà cầu học với thầy ngoại đạo, hoặc các hiền thánh tự nói ta là Phật, hoặc các hiền thánh mà đọa vào ác đạo, hoặc kiết sử đã bị dứt nhờ thấy lý Tứ đế mà còn phát sanh lại, hoặc các hiền thánh còn che dấu tội, hoặc Tu-đà-hoàn mà còn thuộc trong hai mươi lăm hữu (25 cõi). Tất cả đều không có lẽ ấy, như phân biệt nói rộng trong mục Hiền thánh.

Người phạm tội ngũ nghịch, năm hạng người bất hoàn môn (phi nam, phi nữ) chúng sanh đọa bốn đường ác, người châu Uất-đa-la-việt, quyến thuộc ma, người bị ba chướng ngăn che. Nếu nói những người ấy đắc đạo, không có lẽ ấy.

Khinh người thuyết pháp, khinh pháp, tự khinh, phá giới, ngu si, nếu nói họ được đầy đủ thiện pháp, thì không có lẽ ấy.

Tự nói ta là Phật, đem thân miệng ác không sám hối mà mong thấy Phật, hoặc có tội phá Tăng không sám hối mà mong thấy Phật, tà định vào chánh định, chánh định vào tà định, chánh định vào bất định, ngoài Phật pháp riêng có người thật đắc đạo, thân ung đắc đạo hoặc bị chết, đều không có lẽ ấy.

Trừ nhân duyên sanh thức, ra ngoài danh và sắc còn có pháp, không có lẽ ấy.

Phật sai sứ giả, việc chưa thành hoặc bị ngăn ngại, không có lẽ ấy.

Nhập vào Từ tâm tam-muội mà hoặc do nhân duyên khác làm chết, nhập vào Diệt tận định, ở trong địa vị Kiến đế đạo mà hoặc bị chết, đều không có lẽ ấy.

Hoặc hại Phật và Phật mẫu, không có lẽ ấy.

Con gái báu, voi báu, vị thần chủ kho tàng, vị thần chủ quân binh Chuyển luân thánh vương, mà hoặc bị chết ở trong thai, mẹ con chết yếu, đều không có lẽ ấy.

Người ở châu Uất-đa-la-việt, nữ bảo, Phật mẫu, mạng chung thân sau đọa vào đường ác, đều không có lẽ ấy.

Hữu vi thường, Niết-bàn vô thường, kẻ phàm phu có thể dứt kiết sử của cõi Phi hữu tướng phi vô tướng, tu thánh đạo trong hết thủy thiên định thủ tướng, vô lậu đạo làm nhân cho hữu lậu, hoặc đất tướng ướt, nước tướng cứng, lửa tướng lạnh, gió tướng đứng yên, đều không có lẽ ấy.

Vô minh không thể sanh các hành, cho đến sanh không thể sanh già chết, không có lẽ ấy.

Hai tâm cùng một lúc phát sanh, năm thức thân có thể phân biệt thủ tướng, hoặc dính, hoặc lìa, có thể khởi lên thân nghiệp, khẩu nghiệp, hoặc ngữ, hoặc vào thiên định, đều không có lẽ ấy.

Chỉ năm thức tương tục sanh, không sanh ý thức; chỉ năm thức thân đấm hữu tương tục, chỉ năm thức thân có thể duyên danh, có thể duyên tướng, có thể duyên vô sắc pháp, có thể duyên quá khứ, vị lai, có thể duyên pháp lìa ba đời; chỉ năm thức thân có cảm xúc ghét, cảm xúc sáng. Tu Thiên định, hoặc lãnh thọ luật nghi (giới) thiện, luật nghi bất thiện, hoặc ưu hỷ, hoặc có không giác không quán, hoặc tăng ích các căn, đều không có lẽ ấy.

Tỷ thức, thiết thức, là hữu phú vô ký, thức thứ sáu của kẻ phàm phu, xa lìa ngã hành, không có lẽ ấy. Như vậy có vô lượng việc “không có lẽ ấy, có lẽ ấy” cũng như vậy.

Phật biết có lẽ ấy không có lẽ ấy, phân biệt trừ lượng để thuyết pháp cho người có thể độ, và làm nhân duyên cho người không thể độ; ví như thầy thuốc giỏi biết bệnh trị được, bệnh không trị được, Thanh văn, Bích-chi Phật sự biết còn ít, vì ít cho nên hoặc muốn độ người mà không thể độ, như Thủ-la đáng độ mà không độ, như người không được Xá-lợi-phất độ. Phật không có việc ấy, không thể phá hoại, không thể hơn, vì Phật biết cùng khắp. Đó là trí lực đầu.

Nghiệp báo trí lực: Tác nghiệp của thân miệng, và vô tác nghiệp từ nó sanh ra, nghiệp thọ giới, nghiệp ác, nghiệp sanh ra theo ngày đêm, nghiệp dụng sanh tội phước, nghiệp ấy Phật lược nói nhiếp vào ba chỗ; ấy gọi là hết thảy nghiệp dụng. Phật biết hết thảy chúng sanh có nghiệp ở quá khứ, quả báo cũng ở quá khứ; có nghiệp ở quá khứ, mà quả báo ở hiện tại; có nghiệp ở quá khứ; quả báo ở vị lai; có nghiệp ở quá khứ, mà quả báo ở quá khứ, hiện tại; có nghiệp ở quá khứ; quả báo ở quá khứ, vị lai; có nghiệp ở quá khứ; quả báo ở hiện tại, vị lai; có nghiệp ở quá khứ, quả báo ở quá khứ, vị lai, hiện tại. Nghiệp hiện tại cũng như vậy.

* Lại nữa, trong thiện tâm thọ nghiệp báo thiện, bất thiện, vô ký; trong bất thiện tâm, vô ký tâm cũng như vậy.

* Lại nữa, do nhân duyên nghiệp vui nên thọ quả báo vui, nhân duyên nghiệp khổ nên thọ quả báo khổ, nhân duyên nghiệp không khổ không vui, nên thọ quả báo không khổ không vui. Nhân duyên của nghiệp hiện báo nên thọ quả báo hiện tại, nhân duyên của nghiệp sanh báo nên thọ quả báo khi sanh ra ở đời kế tiếp, nhân duyên của nghiệp hậu báo nên thọ quả báo khi sanh ra ở các đời sau đó. Do nhân duyên của nghiệp bất tịnh nên thọ quả báo khổ não, nhân duyên của nghiệp tịnh nên thọ quả báo không khổ não, nhân duyên của nghiệp lẫn lộn nên thọ quả báo lẫn lộn.

* Lại nữa, có hai thứ nghiệp là nghiệp chắc chắn thọ báo và nghiệp không chắc chắn thọ báo. Nghiệp chắc chắn thọ báo thì không

thể xa lìa, hoặc đợi thời, đợi người, đợi chỗ mà thọ báo, như người có phước nên cùng với Chuyển luân thánh vương thọ phước, đợi lúc đời tốt Chuyển luân thánh vương xuất hiện, lúc ấy mới thọ báo, ấy là đợi thời. Đợi người, người tức Chuyển luân thánh vương. Đợi chỗ là chỗ Chuyển luân thánh vương xuất hiện.

* Lại nữa, nghiệp chắc chắn thọ báo ấy, không đợi kỹ năng, công huân, hoặc xấu, hoặc tốt, không cầu nó tự đến, như người sanh cõi trời, phước lạc tự đến, người sanh địa ngục, tội khổ tự đến, không đợi nhân duyên, vì nghiệp này sâu nặng vậy.

* Lại nữa, nghiệp chắc chắn thọ báo, như quân của vua Tỳ-lưu-ly giết bảy vạn hai ngàn người đấng đạo, và vô số Ưu-bà-tắc thọ ngũ giới, dù có đại thần thông như Mục-liên cũng không cứu được, như Bạt-câu-la bị mẹ kế quăng vào trong lửa, trong nước sôi, trong nước mà không chết. Như Phật du hành các nước, tuy xuất gia đi khát thực, không cần cúng đồ ăn, mà năm trăm cỗ xe chở đồ ăn của vua, do nghiệp mà hiện sanh ra gạo cứng, khi ăn đủ trăm vị. Các nghiệp thiện ác như vậy chắc chắn thọ báo, ngoài ra không chắc thọ báo.

Cõi Dục là chỗ thọ ba thứ nghiệp báo là nghiệp thọ quả báo vui, nghiệp thọ quả báo khổ, nghiệp thọ quả báo không khổ không vui. Cõi Sắc là chỗ thọ hai thứ nghiệp báo là nghiệp thọ quả báo vui, nghiệp thọ quả báo không khổ không vui. Cõi Vô sắc là chỗ thọ một thứ nghiệp báo là nghiệp thọ quả báo không khổ không vui.

Hoặc đợi việc là nương nơi việc ấy mà được thọ quả báo, như trong ao của vua Phất-ca-la-bà, sanh hoa sen sắc vàng ngàn cánh, lớn như bánh xe, nhân đó mở đại hội vui chơi mà có nhiều người xuất gia đấng đạo.

Phật biết chỗ tất cả chúng sanh tạo nghiệp, hoặc ở cõi Dục, cõi Sắc, cõi vô sắc. Ở cõi dục, thì ở đạo nào; nếu thiên đạo thì ở trời nào; nếu trong nhân đạo thì thiên hạ nào; nếu ở châu Diêm-phù-đề thì ở

quốc độ nào; nếu ở nước ấy thì ở thành nào; tụ lạc nào; nếu ở thành ấy thì ở làng nào; xóm nào; nhà nào; chỗ nào. Biết nghiệp ấy lúc nào làm. Quá khứ một đời, hai đời cho đến trăm ngàn vạn đời, quả báo của nghiệp ấy bao nhiêu đã thọ, bao nhiêu chưa thọ, bao nhiêu chắc chắn thọ, bao nhiêu không chắc chắn thọ. Biết sử dụng sự vật thiện hay bất thiện, đó là đao gậy, dạy bảo giết; tự tay giết, sai người giết, các nghiệp ác khác cũng như vậy, nghiệp lành cũng như vậy. Biết bố thí, trì giới, tu thiện như vậy. Trong sự bố thí, bố thí những gì, đất đai, phòng xá, y phục, uống ăn, thuốc thang, đồ nằm, tài vật bầy báu. Trong sự trì giới, tự nhiên giới, giới từ tâm sanh, giới miệng nói, một hành giới, ít phần giới, nhiều phần giới, mãn phần giới, giới một ngày, bảy giới thiện đạo, mười giới, giới Cụ túc, giới Định cộng.

Trong phước lành tu Sơ thiên, Nhị, Tam, Tứ thiên, từ tâm, bi, hỷ, xả tâm. Như vậy là những nhân duyên của thiện nghiệp. Nếu xan tham, nếu sân hận, nếu sợ hãi, nếu tà kiến, nếu ác tri thức... là những nhân duyên của ác nghiệp; nhân duyên của phước nghiệp là hoặc tin, hoặc thương xót, hoặc cung kính, hoặc thiện định, hoặc trí tuệ, hoặc thiện tri thức, đó là những nhân duyên của thiện nghiệp. Các nghiệp ấy tự tại, hết thấy trời người không thể chuyển đổi các nghiệp ấy, trong ức ngàn vạn đời nó thường theo dõi chúng sanh không rời, như chủ nợ theo người mắc nợ, khi có đủ nhân duyên liền cho quả báo, như hạt giống trong đất khi đủ nhân duyên thời tiết hòa hợp liền sanh. Nghiệp ấy khiến chúng sanh thọ sanh trong sáu đường nhanh như tên bắn.

Hết thấy chúng sanh đều có phần nghiệp báo như cha mẹ để lại tài sản, các con đều có phần thích đáng. Khi quả báo của nghiệp ấy đến nơi, không thể ngăn dứt được, như ngọn lửa lúc kiếp tận, tùy chỗ chúng sanh đáng được sanh đến, an trí mọi nơi, như vua nước lớn tùy người xứng đáng mà ban cho chức quan. Khi mạng chung nghiệp ấy đến phủ kín tâm người ấy, như núi lớn ánh lên mọi vật.

Nghiệp ấy hay cho các loại thân, như thợ vẽ, vẽ các hình tượng. Nếu người nào lấy chánh hạnh chế ngự nghiệp, thiện pháp nuôi dưỡng, thì cho quả báo tốt. Nếu lấy tà hạnh chế ngự nghiệp, bất thiện nuôi dưỡng, thì cho quả báo xấu. Như người thờ vua, tùy việc mà được đáp báo.

Như vậy là phân biệt quả báo của các nghiệp tướng.

* Lại nữa, như trong kinh Phân Biệt Nghiệp, Phật bảo A-nan: Người làm ác sanh chỗ tốt, người làm lành sanh chỗ xấu. A-nan thưa: Việc ấy thế nào? Phật dạy: Người ác tội nghiệp đời này chưa chín, mà nghiệp lành đời trước đã chín, do nhân duyên đó, mà đời này tuy ác lại sanh chỗ tốt; hoặc khi sắp chết, tâm tâm số pháp lành phát sanh, do nhân duyên ấy cũng được sanh chỗ tốt. Người làm lành sanh chỗ xấu, vì nghiệp lành đời này chưa chín mà nghiệp ác đời trước đã chín, do nhân duyên ấy mà đời này làm lành lại sanh chỗ xấu; hoặc khi sắp chết tâm tâm số pháp bất thiện phát sanh, do nhân duyên ấy nên cũng sanh chỗ xấu.

Hỏi: Nghiệp chín chưa chín có thể như vậy, còn tâm phát sanh trong thời gian ngắn ngủi khi sắp chết làm sao thắng được nghiệp lực gây ra suốt cả đời?

Đáp: Tâm ấy tuy trong thời gian khoảnh khắc, mà tâm lực mãnh lợi, như lửa, như chất độc tuy ít có thể thành đại sự. Tâm trong khi sắp chết ấy, quyết định mãnh kiện cho nên thắng nghiệp lực tạo ra trong trăm năm. Tâm tối hậu ấy gọi là đại tâm, vì việc bỏ thân và các căn cấp bách, như người vào trận, không tiếc thân mạng, gọi là dũng kiện. Như A-la-hán xả bỏ thân ái trước ấy nên được A-la-hán. Như vậy các thứ nghiệp báo, chuyển báo tội phước cũng nên biết như vậy.

Người Thanh văn chỉ biết tội báo của ác nghiệp, phước báo của thiện nghiệp, chứ không thể phân biệt tinh tế như vậy. Phật đều

biết khắp nghiệp và nghiệp báo ấy với thể lực trí tuệ vô ngại vô tận, không thể phá hoại, không thể hơn. Đây là trí lực thứ hai.

Trí lực phân biệt thiên định, giải thoát, tam-muội, cấu, tịnh: Thiên là bốn thiên. Phật biết thiên ấy trợ giúp đạo pháp, phân biệt danh, tướng, nghĩa phân, thứ lớp huân tu, hữu lậu, vô lậu, học, vô học, tịnh, cấu, vị, không vị, cạn, sâu...

Tám giải thoát: như trong chương Thiên ba-la-mật đã phân biệt danh tướng. Nói thiên là gồm tất cả định cõi Sắc, nói giải thoát là gồm tất cả định, Thiên ba-la-mật tức là các giải thoát.

Thiên, định, giải thoát, tam-muội đều gọi là định.

Định là tâm không tán loạn.

Cấu là các phiền não ái, kiến, mạn...

Tịnh là chơn thiên định, không lẫn lộn các phiền não ái, kiến, mạn, như vàng thật.

Phân biệt là trong các định có một tâm hành, không một tâm hành, thường hành, không thường hành, khó vào, dễ vào, khó ra dễ ra, lấy tướng chung, lấy tướng riêng, chuyển đối trị, không chuyển đối trị. Chuyển đối trị là như người dâm dục mà tu từ tâm, người sân hận mà quán bất tịnh, người ngu si mà tư duy biên vô biên, người giao động mà dùng trí tuệ phân biệt các pháp, người hôn trầm mà muốn nhiếp tâm (*phải chuyển đối người dâm dục thì phải tu quán bất tịnh; người sân hận thì phải tu từ tâm v.v... mới đối trị được - ND*). Nếu không như vậy, gọi là không chuyển đối trị.

Trong định ấy nên phân biệt thời và trú xứ. Nếu thân gầy ốm là không phải lúc hành thiên. Như Bồ-tát trong khi khổ hạnh suy nghĩ rằng: ta nay không thể phát sanh thiên định. Hoặc chỗ có nhiều người cũng không phải chỗ hành thiên.

* Lại nữa, Phật biết thiên định ấy là sai, thiên ấy là trụ, thiên ấy là tăng ích, thiên ấy là đạt đến Niết-bàn.

* Lại nữa, Phật biết người ấy khó vào định khó ra định, dễ vào định dễ ra định, dễ vào định khó ra định, khó vào định dễ ra định. Phật biết người ấy có thể được thiên như vậy, biết người ấy mất thiên hưởng thọ năm dục, biết người ấy hưởng thọ năm dục rồi trở lại được thiên, nương thiên ấy được A-la-hán.

Như vậy hết thấy các thiên định giải thoát, tức là tam-muội. Thiên định ấy Phật dùng trí tuệ thâm sâu biết hết, không thể phá hoại, không thể hơn. Đây là trí lực thứ ba.

Trí lực biết căn cao thấp của chúng sanh: Phật biết chúng sanh lợi căn, độn căn, trung căn. Lợi trí gọi là cao, độn trí gọi là thấp, Phật dùng trí lực biết căn cao thấp ấy mà phân biệt hết thấy chúng sanh là lợi căn, là trung căn, là độn căn. Người ấy có căn như vậy, đời này chỉ có thể được Sơ quả, không thể được các quả khác nữa. Người ấy chỉ được quả thứ hai, ba, tư. Người ấy chỉ có thể được Sơ thiên, người ấy chỉ có thể được thiên thứ hai, ba, tư, cho đến được Diệt tận định cũng như vậy.

Biết người ấy sẽ được chứng thời giải thoát, người ấy sẽ được chứng bất thời giải thoát. Người ấy có thể được làm người bậc nhất trong hàng Thanh văn, người ấy có thể được làm người bậc nhất trong hàng Bích-chi Phật. Người ấy đầy đủ sáu Ba-la-mật; có thể chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Biết như vậy rồi hoặc nói lược việc đắc độ, hoặc nói rộng việc đắc độ, hoặc vừa nói lược vừa nói rộng việc đắc độ. Hoặc nói lời êm dịu để giáo hóa, hoặc nói lời gay gắt để giáo hóa, hoặc nói lời vừa êm dịu vừa gay gắt để giáo hóa .

Phật cũng phân biệt người ấy có các căn khác, nên làm cho sanh thêm tín căn, người ấy nên làm cho sanh tinh tấn, niệm, định, tuệ căn.

Người ấy dùng tín căn mà vào chánh vị, người ấy dùng tuệ căn mà vào chánh vị. Người ấy lợi căn mà bị kiết sử ngăn che như Ương-quần Lê-ma-la... Người ấy lợi căn, không bị kiết sử ngăn che, như Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên... biết người căn tuy độn mà không bị ngăn che như Châu-lợi Bàn-đà-già, có người căn độn mà bị ngăn che.

Biết người ấy độn căn đối với lậu hoặc do kiến đế đoạn, mà lợi căn đối với lậu hoặc do tư duy đoạn; biết người ấy độn căn đối với lậu hoặc do tư duy đoạn mà lợi căn đối với lậu hoặc do kiến đế đoạn, biết người ấy hết thấy căn đồng độn đồng lợi; biết người ấy hết thấy căn không đồng độn không đồng lợi, biết người ấy nhân trước có sức lớn, người ấy duyên hiện nay có sức lớn, người ấy muốn trói mà được mở, người ấy muốn mở mà bị trói, ví như Ương-quần Lê-ma-la muốn giết mẹ, hại Phật mà lại được giải thoát và như một Tỳ-kheo được Tứ thiên mà vì khởi tâm tăng thượng mạn, nên trở lại vào địa ngục.

Biết người ấy chắc đọa đường ác, người ấy khó ra, người ấy dễ ra, người ấy mau ra, người ấy lâu mới ra.

Như vậy tướng trạng hết thấy căn cao thấp của chúng sanh, đều biết khắp, không thể hoại, không thể hơn. Đây là trí lực thứ tư.

Trí lực biết các thứ dục của chúng sanh: Dục là tin, mừng, ưa, vui. Ưa năm dục như Tôn-đà-la Nan-đà... Ưa tiếng tăm như Đề-bà-đạt-đa... Ưa tài lợi thế gian như Tu-di-sát-đa-la... Ưa xuất gia như Gia-xá... Ưa tin như Bạt-ca-lợi... Ưa trì giới như La-hầu-la... Ưa bố thí như Đà-bạt-la... (cháu ngoại của bà Cam-lộ, cô của Phật). Ưa tu hạnh đầu đà xa lánh như Ma-ha Ca-diếp. Ưa tọa thiền như Lê-bạt-đa... Ưa trí tuệ như Xá-lợi-phất. Ưa đa văn như A-nan. Ưa biết luật như Ưu-ba-ly... Các đệ tử Phật như vậy, mỗi người có chỗ ưa. Người phạm phu cũng mỗi người có chỗ mừng, hoặc có người mừng về dâm dục, có người mừng về sân nhuế.

* Lại nữa, Phật biết người ấy nhiều dục, nhiều sân, nhiều si.

Hỏi: Tướng nhiều dục, nhiều sân, nhiều si như thế nào?

Đáp: Như trong thiên kinh nói về tướng của ba độc, trong đó có nói rộng. Biết tướng như vậy rồi, đối người nhiều dâm dục thì dùng pháp môn quán bất tịnh đối trị, đối người nhiều sân thì dùng pháp môn quán từ tâm đối trị, đối người nhiều ngu si thì dùng pháp môn quán nhân duyên đối trị.

Như vậy tùy theo chỗ ưa muốn để thuyết pháp, nghĩa là đối với người có ưa muốn lành thì nói pháp theo tâm họ, như thuyền thuận dòng, đối với người có ưa muốn dữ thì dùng lời gay gắt để giáo hóa, như lấy nêm trục nêm. Đối với trí biết các thứ dục, Phật đều biết khắp, không thể hoại, không thể hơn. Đây là trí lực thứ năm.

Trí lực biết về tánh: Phật biết các tánh dị biệt của thế gian. Tánh là tập quán tích tụ, tướng từ tánh sanh, dục tác hành theo tánh, hoặc có khi từ dục thành tánh, tập quán dục thành tánh. Tánh là việc làm ô nhiễm tâm, dục là theo duyên sanh khởi. Đó là phân biệt dục và tánh.

Thế gian có các dị biệt là mỗi mỗi tánh, nhiều tánh, vô lượng không thể đếm, ấy là dị biệt của thế gian.

Có hai thứ thế gian là thế giới thế gian (khí thế gian) và chúng sanh thế gian. Trong đây chỉ nói về chúng sanh thế gian. Phật biết chúng sanh tánh như vậy, dục như vậy, từ chỗ ấy đến, thành tựu căn lành, căn chẳng lành, có thể độ, không thể độ, định, bất định, chắc, không chắc, làm hạnh gì, sanh chỗ nào, ở địa nào.

* Lại nữa, Phật biết chúng sanh ấy có các tánh tướng, nghĩa là tùy chỗ xu hướng, thiên nhiều như vậy, quý như vậy, sự nhiễm tâm như vậy, muốn như vậy, nghiệp như vậy, hành như vậy, phiền não như vậy, lễ pháp như vậy, định như vậy, oai nghi như vậy, biết như

vậy, thấy như vậy, nhớ tưởng phân biệt như vậy, bấy nhiêu kiết sử sanh, bấy nhiêu kiết sử chưa sanh. Tùy chỗ chấp trước sanh dục, tùy dục làm nhiễm tâm, tùy nhiễm tâm mà xu hướng, tùy xu hướng mà quý trọng, tùy quý trọng mà thường giác quán, tùy giác quán mà sanh hý luận, tùy hý luận mà thường niệm, tùy thường niệm mà phát ra hành, tùy phát ra hành mà tạo nghiệp, tùy tạo nghiệp mà thọ quả báo.

* Lại nữa, Phật dùng trí lực biết về chủng chủng tánh, biết chúng sanh ấy có thể độ, chúng sanh ấy không thể độ, chúng sanh ấy đời này có thể độ, chúng sanh ấy đời sau có thể độ, chúng sanh ấy có thể độ ngay, chúng sanh ấy có thể độ vào lúc khác, chúng sanh ấy hiện tại có thể độ, chúng sanh ấy mắt không trông thấy có thể độ. Người ấy Phật có thể độ, người ấy Thanh văn có thể độ, người ấy có thể chung độ, người ấy chắc có thể độ, người ấy chắc không thể độ, người ấy nói lược có thể độ, người ấy nói rộng có thể độ, người ấy nói rộng nói lược có thể độ, người ấy tán thán có thể độ, người ấy chiếc phục có thể độ, người ấy tiếp đón có thể độ, người ấy vứt bỏ có thể độ, người ấy pháp vi tế có thể độ, người ấy pháp thô thiên có thể độ, người ấy nói gay gắt có thể độ, người ấy nói êm dịu có thể độ, người ấy nói gay gắt êm dịu có thể độ. Người ấy tà kiến, người ấy chánh kiến, người ấy đấm quá khứ, người ấy đấm vị lai, người ấy đấm đoạn diệt, người ấy đấm thường, người ấy đấm hữu kiến, người ấy đấm vô kiến, người ấy tham dục, người ấy yểm ly sanh, người ấy cầu vui phú quý, người ấy đấm tà kiến nặng, người ấy nói vô nhân vô duyên, người ấy nói tà nhân duyên, người ấy nói chánh nhân duyên, người ấy nói vô tác nghiệp, người ấy nói tà tác nghiệp, người ấy nói chánh tác nghiệp, người ấy nói không cầu, người ấy nói tà cầu, người ấy nói chánh cầu, người ấy quý ngã, người ấy quý năm dục, người ấy quý được lợi, người ấy quý uống ăn, người ấy quý nói việc vui chơi, người ấy ưa đông, người ấy ưa ồn ào, người ấy ưa xa lánh, người ấy hành theo ái nhiều, người ấy hành theo kiến nhiều, người ấy ưa tín,

người ấy ưa tuệ, người ấy nên thủ hộ, người ấy nên bỏ, người ấy quý trì giới, người ấy quý thiên định, người ấy quý trí tuệ, người ấy dễ ngộ, người ấy giảng nói mới ngộ, người ấy có thể dẫn đạo, người ấy hiểu từng câu, người ấy lợi căn, người ấy độn căn, người ấy trung căn, người ấy dễ ra dễ cứu vớt, người ấy khó ra khó cứu vớt, người ấy sợ tội, người ấy trọng tội, người ấy sợ sanh tử, người ấy không sợ sanh tử, người ấy nhiều dục, người ấy nhiều sân, người ấy nhiều si, người ấy nhiều dục sân, người ấy nhiều dục si, người ấy nhiều sân si, người ấy nhiều dục sân si, người ấy mỏng phiền não, người ấy dày phiền não, người ấy ít nợ, người ấy nhiều nợ, người ấy tuệ ngăn che, người ấy tuệ sơ lược, người ấy tuệ rộng lớn, người ấy khéo biết tướng năm âm, mười hai nhập, mười tám giới, mười hai nhân duyên. Có lẽ ấy, không có lẽ ấy, khổ, tập, diệt, đạo. Khéo biết vào định, ra định, ở định.

* Lại nữa, Phật biết đó là chúng sanh cõi Dục, đó là chúng sanh cõi Sắc, cõi Vô sắc, đó là địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, người, trời; đó là loài sanh từ trứng, sanh từ bào thai, sanh từ thấp ướm, sanh từ biến hóa. Đó là loài có sắc, đó là loài không sắc, đó là loài có tướng, đó là loài không tướng, đó là đoạn mạng, đó là trường mạng. Đó chỉ là người phàm phu chưa lìa dục, đó là người phàm phu đã lìa dục của cõi dưới, mà chưa lìa dục của cõi thiên, như vậy cho đến Phi hữu tướng phi vô tướng. Đó là hướng đạo, đó là đắc quả, đó là Bích-chi Phật, đó là chư Phật.

Như vậy các thứ phân biệt về năm đường, bốn loài sanh, ba tụ, giả danh, ba chương, năm thân, mười hai nhập, mười tám giới, thiện căn, bất thiện căn, các kiết sử, các địa, nghiệp quả, là có thể độ, là không thể độ, diệt trí phân biệt.

Do như vậy phân biệt biết các tánh dị biệt của chúng sanh thế gian, được giải thoát vô ngại. Như vậy các tánh dị biệt, Phật đều biết khắp, không thể hoại, không thể hơn. Đây là trí lực thứ sáu.

Trí lực biết nhất thể chí xứ đạo: Có người nói: nghiệp tức là đạo, vì nghiệp làm nhân duyên đưa đi khắp năm đường. Có nghiệp có thể dứt, nghiệp có thể có chỗ đến, đó là ba thánh đạo phần và vô lậu tư. Vì vậy, các nghiệp là đường đưa đến mọi nơi.

* Lại nữa, có người nói: năm phần, năm trí, tam-muội trụ, thành tựu việc lợi ích ở mọi nơi.

* Lại có người nói: chính là thiên thứ tư, vì có sao? Vì thiên thứ tư là chỗ tất cả các thiên tụ đến. Như trong Kinh nói: Thiên tâm, định tâm, tâm không loạn, nhiếp tâm, đều vào trong thiên thứ tư.

* Lại nữa, có người nói: như thân niệm xứ tức là “chí xứ đạo”, là gốc lợi ích của các đạo.

* Lại có người nói: chính là hết thấy thánh đạo; dùng thánh đạo ấy thời được lợi ích theo ý muốn.

* Lại có luận giả nói: hết thấy thiện đạo, hết thấy ác đạo, hết thấy thánh đạo, mỗi mỗi biết chỗ đến của các đạo, như ở trong kinh Mao thụ nói: Phật đều biết khắp, không thể hoại, không thể hơn. Đây là trí lực thứ bảy.

Trí lực biết túc mạng: Túc mạng có ba là có thông, có minh, có lực. Người phàm phu chỉ có thông, người Thanh văn cũng thông cũng minh, Phật cũng thông cũng minh, cũng lực, vì có sao? Vì người phàm phu chỉ biết kiếp trước đã trải qua mà không biết do nghiệp làm nhân duyên tương tục. Vì vậy người phàm phu chỉ có thông không có minh. Người Thanh văn biết tập đế nên biết rõ do nghiệp làm nhân duyên tương tục thọ sanh. Vì vậy người Thanh văn cũng có thông cũng có minh. Nếu đệ tử Phật khi còn là phàm phu được trí Túc mạng, khi vào địa vị kiến đế đạo biết nhân duyên Tập đế, phát sanh tâm vô lậu thứ tám, dứt hết kiến hoặc, cho nên thông biến thành minh (*quán Tứ đế ngang qua mười sáu tâm, gồm tám vô gián, tám giải thoát, đến tâm thứ mười sáu là dứt hết kiến hoặc. Tâm thứ mười*

sáu là nhằm tâm giải thoát thứ tám, hoặc gọi là tâm vô lậu giải thoát thứ tám - N.D chú) vì có sao? Vì mình là cội gốc của kiến, nếu đệ tử Phật, trước được thánh đạo, sau trí Túc mạng phát sanh, cũng có sức biết nhân duyên Tập đế, cho nên thông lại biến thành minh.

Hỏi: Nếu khi Phật đang là Bồ-tát, trước được trí Túc mạng, vì các Bồ-tát trước sạch hết phiền não sau mới vào thánh đạo, như vậy vì sao Phật dạy: Đầu đêm Ta chứng được Túc mạng minh? (Ý nói khi lậu tận mới gọi là minh, đầu đêm chưa lậu tận, sao cũng nói là chứng Túc mạng minh mà không nói là chứng Túc mạng thông? - ND chú).

Đáp: Lúc ấy chẳng phải minh. Nếu Phật ở giữa đại chúng nói Ta lúc ấy chứng được Túc mạng minh là để khai thị cho chúng biết rằng, Túc mạng minh ấy đầu đêm chứng được; ví như quốc vương, khi chưa làm vua mà sanh con, sau khi làm vua, có người hỏi: Con vua sanh vào lúc nào? Đáp: Con vua sanh vào lúc ấy. Khi sanh con thì chưa làm vua, mà vì nay đã làm vua nên gọi người con kia là con vua rằng: Người con vua ấy sanh lúc ấy. Phật cũng như vậy, trí Túc mạng sanh, bấy giờ chưa là minh, chỉ gọi là thông, lúc cuối đêm biết nhân duyên Tập đế, nên thông lại biến làm minh, sau ở giữa đại chúng dạy rằng: Ta đầu đêm chứng được Túc mạng minh.

Hỏi: Nghĩa của thông và minh như vậy, còn nghĩa lực thế nào?

Đáp: Phật dùng minh ấy biết rõ nhân duyên Túc mạng đổi thay trong vô lượng vô biên đời của mình và của chúng sanh. Tất cả đều biết khắp, ấy là lực, không thể hoại, không thể thắng. Đây gọi là trí lực thứ tám.

Trí lực biết sanh tử: Phật dùng thiên nhãn thấy chỗ chúng sanh sanh và chết. Người phàm phu dùng thiên nhãn cùng lắm chỉ thấy được bốn châu thiên hạ. Người Thanh văn cùng lắm thấy bề ngang của tiểu thiên thế giới, cũng thấy khắp trên dưới.

Hỏi: Đại Phạm vương cũng có thể thấy ngàn thế giới, vậy có gì khác?

Đáp: Đại Phạm vương tự đứng giữa ngàn thế giới thì thấy khắp, còn nếu đứng một bên thì không thấy các bên khác. Người Thanh văn thì không như vậy, đứng tại chỗ nào thường vẫn thấy ngàn thế giới. Bích-chi Phật thì thấy trăm ngàn thế giới, chư Phật thì thấy vô lượng vô biên thế giới. Trí thiên nhãn của người phàm phu là thông mà chẳng phải minh, cũng như vậy, chỉ thấy sự việc hiện ra mà không thể thấy do nghiệp nhân duyên mà thọ sanh, như nói ở trong Túc mạng trí.

* Lại nữa, vị được thiên nhãn bậc nhất là A-nê-lô-đâu, thiên nhãn này là nửa phần thanh tịnh của bốn đại tạo sắc của Sắc giới, còn thiên nhãn của Phật là toàn phần thanh tịnh của bốn đại tạo sắc. Đó là chỗ khác nhau.

* Lại nữa, người Thanh văn ở trong tam-muội được thiên nhãn, liền ở trong tam-muội có thể thấy, hoặc tam-muội có giác có quán, hoặc tam-muội không giác có quán, hoặc tam-muội không giác không quán, tùy theo Phật nhập ở trong tam-muội nào mà muốn thấy đều thấy. Nếu nương tam-muội vô giác vô quán được thiên nhãn, rồi vào tam-muội có giác có quán, tam-muội không giác có quán cũng thấy được.

* Lại nữa, người Thanh văn khi dùng thiên nhãn thấy, đang ở trong tam-muội, nếu tâm vào tam-muội khác thì thiên nhãn bị mất, Phật thì không như vậy, tâm tuy vào tam-muội khác, thiên nhãn vẫn không mất. Trí tuệ ấy biết khắp chỗ sanh chỗ tử của hết thảy chúng sanh, không thể hoại, không thể hơn. Đây là trí lực thứ chín.

Trí lực lậu hết. *Hỏi:* Chín lực trí tuệ phân biệt có sai khác, còn trí lực lậu hết thì đồng, hết thảy Thanh văn, Bích-chi Phật với Phật có gì sai khác?

Đáp: Tuy lậu hết là đồng mà về mặt trí tuệ phân biệt rất sai khác. Sức cực lớn của Thanh văn, tư duy đoạn kiết sử phải qua ba thời là sanh phần, trụ phần, diệt phần. Phật thời không như vậy, trong một lúc sanh phần đã đoạn hết. Người Thanh văn thấy Tứ đế đoạn kiết sử thì lúc sanh đoạn; còn tư duy đoạn kiết phải qua ba thời đoạn. Còn Phật thời thấy Tứ đế đoạn và tư duy đoạn không có khác. Người Thanh văn lúc mới vào thánh đạo, lúc vào và lúc chứng đạt khác nhau, còn Phật thời ngay một tâm cũng vào cũng chứng đạt, ngay trong một tâm được nhất thiết trí, ngay một tâm phá hoại hết các chướng, ngay trong một tâm được hết thảy Phật pháp.

* Lại nữa, các người Thanh văn có hai thứ giải thoát là giải thoát phiền não, giải thoát pháp chướng, còn Phật có tất cả giải thoát phiền não, cũng có tất cả giải thoát pháp chướng. Phật tự nhiên được trí tuệ, còn Thanh văn phải theo sự giáo đạo tu hành mới được.

* Lại có người nói: Nếu Phật dùng trí tuệ dứt phiền não cho hết thảy chúng sanh, trí ấy cũng không hao bớt, ví như hoàn sắc nóng, để trên đó một ít bông, tuy đốt cháy hết bông mà sức nóng lửa không giảm bớt. Trí tuệ của Phật cũng như vậy, đốt hết thảy phiền não mà trí lực cũng không giảm.

* Lại nữa, Thanh văn chỉ biết tự dứt hết lậu hoặc, còn chư Phật tự biết dứt hết lậu hoặc cũng biết dứt hết lậu hoặc cho người khác, như trong Tịnh kinh nói.

* Lại nữa, chỉ riêng Phật biết trong tâm chúng sanh phân biệt ra có 98 sử, 196 triền, trừ Phật không ai biết được. Cũng chỉ riêng Phật biết trong khổ pháp trí, khổ loại trí dứt được bấy nhiêu tánh kiết sử, cho đến trong đạo loại trí cũng như vậy. Về lậu hoặc do tư duy đoạn, trong chín giải thoát đạo cũng như vậy. *(Chín địa là Dục giới địa và bốn thiên, bốn định, mỗi địa có chín phẩm tư hoặc, chín địa có tám mươi một phẩm tư hoặc. Muốn dứt chín phẩm tư hoặc trong mỗi địa*

phải trải qua chín vô gián đạo và chín giải thoát đạo. N.D chú). Phật đều biết khắp việc như vậy của hết thầy chúng sanh. Thanh văn nếu biết và nói được chút ít đều nói theo Phật. Thế lực của trí tuệ lậu hết như vậy, không thể hoại, không thể hơn. Đây là trí lực thứ mười.

Hỏi: Mười lực ấy, lực nào hơn cả?

Đáp: Mỗi lực đều lớn trong việc của mình, như nước hay thấm, lửa hay cháy, đều tự có sức.

Có người nói: lực đầu là lớn, vì gồm cả mười lực. Hoặc nói lực lậu hết là lớn, vì việc thành tựu được Niết-bàn. Còn luận giả nói: mười lực ấy đều lấy vô ngại giải thoát làm căn bản, làm tăng thượng.

Hỏi: Nếu mười lực ấy là việc riêng của Phật, còn đệ tử đời nay không ai có được, có sao Phật nói?

Đáp: Vì để dứt mối nghi của người đối với mười lực, và làm cho tâm người vô trí được quyết định bền chắc, khiến cho tứ chúng hoan hỷ nói rằng riêng đại sư của chúng ta có lực như vậy, không cùng chung với hết thầy chúng sanh.

* Lại các ngoại đạo nói: Sa-môn họ Cù-đàm, thường ở chỗ vắng lặng, trí tuệ teo mất. Vì vậy Ta nói lên lời chí thành rằng: Ta an lập đầy đủ mười trí, bốn không sợ, ở giữa đại chúng, nói chơn trí tuệ, giáo hóa chúng sanh, như tiếng sư tử rống, Chuyển phạm luân (Pháp luân) mà hết thầy ngoại đạo, trời, người không ai chuyển được, vì chấm dứt lời chê bai của ngoại đạo nên nói mười lực này.

Hỏi: Phép của người tốt, một việc trí tuệ còn không nên tự khen, huống gì người vô ngã, không dính mắc mà lại tự khen mười lực của mình? Như nói:

*“Khen mình, chê mình,
Khen người, chê người,*

*Bốn thứ như vậy.
Người trí không làm”.*

Đáp: Phật tuy vô ngã, không dính mắc, có vô lượng lực, do tâm đại bi vì độ chúng sanh nên chỉ nói mười lực, chứ không phải vì khen mình; ví như người giỏi dẫn đường khách buôn, thấy ác tặc dối hoặc khách buôn chỉ bày đường quấy mới vì lòng thương mà nói với khách buôn rằng: ta là người nói thật, các người chớ nghe theo lời kẻ dối hoặc. Lại như các thầy thuốc tể dối hoặc người bệnh, lương y thương bảo người bệnh rằng: Ta có thuốc hay có thể trừ bệnh cho người, người chớ tin theo lời dối trá mà khổ.

* Lại nữa, công đức của Phật sâu xa, nếu Phật không tự nói ra thì không ai biết được. Vì chúng sanh mà nói ra được lợi ích rất nhiều. Do vậy, Phật tự nói ra mười lực.

* Lại nữa, gặp người có thể độ, chắc phải nói cho, trong các điều nên nói, thứ lớp nên nói mười lực, nếu không nói thì người kia không được độ, vì vậy nên Phật tự nói. Ví như khi mặt trời mặt trăng mọc, không nghĩ rằng: ta soi sáng thiên hạ, sẽ có danh xưng. Mặt trời mặt trăng đã mọc, ắt tự có danh, Phật cũng như vậy; không nghĩ rằng mình sẽ có danh xưng mà tự nói công đức ra. Phật dùng lời thanh tịnh thuyết pháp, soi sáng phá ngu tối cho chúng sanh, tự nhiên có danh xưng lớn. Vì vậy Phật tự nói các công đức mười lực... mà không có lỗi.

Lực là có khả năng thành tựu. Dùng mười lực tăng ích trí tuệ này có thể phá các luận nghị sự, dùng mười lực tăng ích trí tuệ này có thể giải thuyết pháp, dùng mười lực tăng ích trí tuệ này có thể chiếu phục kẻ không thuận, dùng mười lực tăng ích trí tuệ này được tự tại đối với các pháp, như đại quốc chủ được tự tại đối thần dân đại chúng. Trên đây là dùng pháp Thanh văn lược nói nghĩa mười lực xong.

(HẾT CUỐN 24 THEO BẢN HÁN)

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

CHƯƠNG 37

GIẢI THÍCH: BỐN VIỆC KHÔNG SỢ, BỐN TRÍ VÔ NGẠI

Bốn việc không sợ: Phật nói lời chân thật rằng: **Ta là bậc nhất thiết chánh trí.** Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc trời, ma, Phạm, hoặc các chúng sanh khác nói như thật rằng, pháp ấy Phật không biết, thì Ta cho đến không thấy có chút nhân duyên để sợ. Do vậy, Ta được an ổn, được không sợ, an trú chỗ thánh chúa, như trâu chúa ở giữa đại chúng rống tiếng rống sư tử Chuyển phạm luân (Pháp luân) mà các Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc trời, ma, Phạm, hoặc các chúng khác không thể chuyển được. Đây là việc không sợ thứ nhất.

Phật nói lời chân thật rằng: **Ta đã sạch hết các lậu.** Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm, hoặc các chúng khác như thật nói rằng, lậu hoặc ấy Phật chưa hết, thì Ta cho đến không thấy có chút nhân duyên để sợ việc ấy. Do vậy nên Ta được an ổn, được không sợ, an trú chỗ thánh chúa, như trâu chúa, ở giữa đại chúng rống tiếng rống sư tử, Chuyển bánh xe pháp, mà các Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm, hoặc các chúng khác, thật không thể chuyển được. Đây là việc không sợ thứ hai.

Phật nói lời chân thật rằng: **Ta nói pháp chướng đạo.** Nếu Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm, hoặc các chúng khác như thật nói rằng: thọ là chướng pháp không chướng đạo, thì Ta cho đến không thấy có chút nhân duyên để sợ việc ấy. Do vậy Ta được an ổn, được không sợ, an trú chỗ thánh chúa, như trâu chúa, ở giữa đại chúng rống tiếng rống sư tử, Chuyển bánh xe pháp, mà các Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm, hoặc các chúng khác, thật không thể chuyển được. Đây là việc không sợ thứ ba.

Phật nói lời chân thật rằng: **Ta nói đạo thiết yếu được ra khỏi thế gian; thực hành đạo ấy, có thể dứt hết các khổ.** Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm, hoặc các chúng khác, như thật nói rằng, thực hành đạo ấy không thể ra khỏi thế gian, không thể dứt hết khổ, thì Ta cho đến không thấy có chút nhân duyên để sợ việc ấy. Do vậy, Ta được an ổn, được không sợ, an trú chỗ thánh chúa, như trâu chúa, ở giữa đại chúng rống tiếng rống sư tử, Chuyển bánh xe pháp, mà các Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm, hoặc các chúng khác thật không thể chuyển được. Đây là việc không sợ thứ tư.

Hỏi: Vì sự gì mà nói bốn việc không sợ?

Đáp: Vì có người nói: Phật tự xưng nhất thế trí, nhất thiết kiến, nhưng kinh sách, kỹ thuật, trí xảo, phương tiện trong thế gian rất nhiều vô lượng, nếu tất cả mọi người chung lại còn khó biết hết mọi việc, huống gì một mình Phật mà có nhất thiết trí, hoặc có việc ấy, có nạn vấn việc ấy, Phật làm sao không sợ. Vì muốn dứt mọi nghi hoặc, nạn vấn đó, nên Phật nói bốn việc không sợ.

* Lại nữa, hoặc khi Phật chưa ra đời, các ngoại đạo dùng đủ cách dối hoặc người cầu đạo, cầu phước bằng cách hoặc ăn các thứ trái, các thứ rau, hoặc ăn các thứ rễ cây, hoặc ăn phân bò, ăn cỏ, hoặc ngày ăn một bữa, hoặc hai ngày, mười ngày, một tháng, hai tháng ăn một bữa, hoặc hút gió, uống nước; ăn váng nước; hoặc dùng áo

vỏ cây, lá cây, áo cỏ, da nai, hoặc áo gỗ ván, hoặc nằm trên đất, trên chày, trên gậy, trên tro, trên gai; hoặc khi lạnh thì ngâm nước, khi nóng đốt lửa sưởi, nhảy vào nước chết, nhảy vào lửa chết, hoặc lao mình xuống núi mà chết, hoặc nhịn ăn mà chết. Dùng các cách khổ hạnh như vậy để cầu sanh lên trời, cầu Niết-bàn, cũng dạy đệ tử không được bỏ phép ấy.

Tất cả như thế dùng lời kéo kẻ vô trí để được cúng dường; ví như lửa đom đóm khi mặt trời chưa mọc, ít nhiều có thể chiếu soi, khi mặt trời đã mọc, ngàn ánh sáng chiếu soi, thì trăng và các sao đều mất sáng, huống lửa đom đóm?

Nếu Phật chưa xuất thế, bọn ngoại đạo có chút ánh sáng chiếu thế gian, mà được cúng dường. Khi Phật xuất thế, ánh sáng đại trí diệt ánh sáng các ngoại đạo và đệ tử, họ không còn được cúng dường. Vì mất lợi cúng dường nên phi báng Phật và đệ tử Phật, như trong kinh Tôn-đà-ly nói: ngoại đạo tự giết Tôn-đà-ly (Sundari) để phi báng Phật, nói với mọi người rằng: “Kẻ tặc ở thế gian còn không làm việc ấy. Người ấy về lẽ pháp thế gian còn không hay biết huống là Niết-bàn?” Muốn dứt sự phi báng ấy cho nên Phật tự nói thật công đức của bốn việc không sợ: chỉ riêng Ta là người nhất thiết trí, không ai có thể như thật nói: Phật không hay biết. Ta không sợ việc ấy. Chỉ riêng Ta đoạn tận tất cả lậu hoặc và tập khí, không ai có thể như thật nói: Phật chưa hết lậu hoặc. Ta không sợ việc ấy. Ta nói pháp làm chướng ngại đạo Niết-bàn, không ai có thể như thật nói: pháp ấy không chướng ngại Niết-bàn. Ta không sợ việc ấy. Ta nói đạo dứt khổ đạt đến Niết-bàn, không ai có thể như thật nói: đạo ấy không thể đạt đến Niết-bàn. Ta không sợ việc ấy.

Lược nói thể của bốn việc không sợ: 1. Chơn chánh biết hết thủy pháp. 2. Hết tất cả lậu hoặc và tập khí. 3. Nói hết thủy pháp làm chướng đạo. 4. Nói đạo dứt hết khổ.

Đôi bốn việc ấy, nếu có ai như thật nói: Phật không thể biết khắp hết. Phật không sợ việc ấy, vì Phật đã chơn chánh biết khắp rành rành. Hai việc không sợ đầu, là đầy đủ công đức tự lợi, hai việc không sợ sau là đầy đủ lợi ích chúng sanh.

* Lại nữa, ba việc không sợ, một, ba, tư là nói về trí, việc không sợ thứ hai là nói về đoạn (dứt trừ). Trí đức, đoạn đức đầy đủ, tức việc làm đã xong.

Hỏi: Mười lục đều là trí, bốn việc không sợ cũng là trí, thì có gì sai khác?

Đáp: Các công đức của Phật, nói rộng là lục, nói lược là *không sợ*.

* Lại nữa, có khả năng làm là *lục*, không chỗ nghi nạn là không sợ. Trí tuệ tu tập nên gọi là *lục*, tiêu tán các vô minh nên gọi là *không sợ*. Nhóm các pháp thiện nên gọi là *lục*, diệt các pháp bất thiện nên gọi là *không sợ*. Tự có trí tuệ nên gọi là *lục*, không ai phá hoại được nên gọi là *không sợ*. Trí tuệ mạnh mẽ là *lục*, chịu được vẫn nạn là *không sợ*. Nhóm các trí tuệ gọi là *lục*, trí tuệ dùng ra ngoài là *không sợ*. Ví như Chuyển luân thánh vương, thành tựu bảy báu là *lục*, được bảy báu rồi, khắp bốn châu thiên hạ đều hàng phục gọi là *không sợ*. Lại như thầy thuốc hay khéo biết phương thuốc gọi là *lục*, hòa hiệp các thứ thuốc cho người gọi là *không sợ*. Tự lợi ích là *lục*, lợi ích người khác là *không sợ*. Tự trừ phiền não là *lục*, trừ phiền não cho người khác là *không sợ*. Không bị trở hoại là *lục*, không nạn không thối là *không sợ*. Tự thành điều thiện cho mình là *lục*, thành điều thiện cho người khác là *không sợ*. Trí thiện xảo là *lục*, dùng trí thiện xảo là *không sợ*. Nhất thiết trí, nhất thiết chủng trí là *lục*; nhất thiết trí, nhất thiết chủng trí hiển phát ra ngoài là *không sợ*. Mười tám pháp bất cộng là *lục*, mười tám pháp bất cộng hiển phát ra ngoài là *không sợ*. Thông đạt khắp pháp tánh là *lục*, nếu có các vẫn nạn, không cần

suy nghĩ đáp lại được liền, là *không sợ*. Được Phật nhãn là *lực*, Phật nhãn thấy rồi với người có thể độ thuyết pháp độ cho họ là *không sợ*. Được ba trí vô ngại là pháp, nghĩa, từ, ấy gọi là *lực*; được ứng biện vô ngại ấy gọi là *không sợ*. Nghĩa vô ngại trí là *lực*, lạc thuyết vô ngại trí là *không sợ*. Nhất thiết trí tự tại là *lực*, các thí dụ, nhân duyên, trang nghiêm ngôn ngữ thuyết pháp là *không sợ*. Phá chúng ma là *lực*, phá các luận nghị sư ngoại đạo là *không sợ*. Các nhân duyên như vậy, phân biệt lực và không sợ.

Hỏi: Sao gọi là không sợ?

Đáp: Được không nghi ngại, không kỵ nạn, trí tuệ không lui, không mất, lông trên mình không dựng đứng, ở trong mỗi pháp đúng như thuyết liền làm, ấy là không sợ.

Hỏi: Làm sao biết Phật không sợ?

Đáp: Nếu có chỗ sợ thời không thể chế ngự đại chúng, hay nhiếp, hay xả, hay gay gắt đối trị, hoặc nói êm dịu mà dạy bảo, như Phật có lần xua đuổi ngài Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên... rồi trở lại đem tâm lân mẫn nhiếp thụ, nếu có chỗ kỵ nạn thì sao các bạn thầy luận nghị ở trên đánh núi kiêu mạng, đem trí tuệ bề ngoài với tâm cuồng say đều nói rằng, trong thiên hạ chỉ có ta chứ không còn ai khác biết chắc chắn kinh thư và phá kinh thư luận nghị người khác. Dùng miệng ác chê bai như voi điên không bị kèm chế; các người điên ấy là Am-bạt-tra, Trường traõ, Tát-giá-kỳ, Ni-kiền, Côn-lô-chi... đều chịu phục Phật cả, nếu Phật có chỗ sợ, thời không thể như vậy.

* Lại năm người xuất gia như ông Kiều-trần-như..., một ngàn tiên nhân bện tóc như ông Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp..., ông Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, Đại Ca-diếp... đều xuất gia ở trong Phật pháp.

* Lại trăm ngàn người dòng họ Thích, các đại vương châu Diêm-phù-đề, đại vương Ba-tu-nặc, vua Tần-bà-sa-la, vua Chiên-đà-

bà-thù-đề, vua Ưu-điền, vua Phất-ca-la-bà-ly, vua Phạm-ma-đạt... đều làm đệ tử Phật.

* Lại các Bà-la-môn tại gia mà trí tuệ vượt hơn thế gian, được vua chúa kính ngưỡng làm thầy như ông Phạm-ma-du, Phất-ca-la-bà-ly, Cru-la-đàn-đà... đều làm đệ tử Phật.

Có người được sơ đạo, nhị đạo, tam đạo, tứ đạo. Các đại quý thần A-la-bà-ca, Tỳ-la-ca... Các đại long vương A-ba-la-la, Y-la-bát-đa-la... các người ác như Ương-quật-lê-ma-la... đều hàng phục qui hóa theo Phật.

Nếu mà có sợ thời không thể ngồi một mình trên tòa sư tử dưới gốc cây, khi sắp thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, quân chúng ma vương hóa làm đầu sư tử, hổ lang, gấu, bi, hoặc một mắt, nhiều mắt, hoặc một tai, nhiều tai, vắc núi phun lửa, đi quanh bốn phía, Phật lấy tay chỉ xuống đất, trong khoảng nháy mắt, chúng liền biến mất.

Chư thiên, A-la-hán, Tỳ-ma-chất-đế-lệ, Thích-đề-hoàn nhân, Phạm thiên vương... Phật dẫn dắt tâm họ đều làm đệ tử.

Nếu mà có sợ, thì không thể thuyết pháp ở giữa đại chúng. Vì không sợ, nên có thể thuyết pháp ở giữa đại chúng chư thiên, quý thần như vậy, cho nên gọi là không sợ.

* Lại nữa, Phật đối với chúng sanh là tối tôn tối thượng, đã tột đến bờ kia của hết thảy pháp, được tiếng tăm lớn, nên tự nói không sợ.

* Lại nữa, hãy để công đức ấy của Phật lại, về các công đức thế gian của Phật cũng không ai sánh kịp, vì Phật đã nhổ hết gốc rễ của sợ, đó là *sanh nhà tệt lậu, chỗ tệt lậu, sắc xấu xí, không oai nghi, lời nói thô ác...*

Sanh nhà tệt lậu: Nhà Thủ-đà-la, làm nghề khiêng người chết, hốt phân, nuôi gà, heo, đi săn bắn, đồ tể, nấu rượu... là nhà tiểu nhân

ty tiện, nếu ở giữa đại chúng, thời rất sợ. Phật từ xưa lại nay thường sanh trong dòng Chuyển luân thánh vương, như Đảnh sanh vương, Khoái kiến vương, Ta-kiệt vương, Ma-ha Đề-bà vương... gọi là sanh trong nhà thuộc dòng vua, vì vậy nên không sợ.

Sanh chỗ tệt ác lậu: Sanh các nước An-đà-la, Xá-bà-la (Nước trần truồng) Đâu-khư-la (nước Tiểu Nhục-chi) Tu-ly, An-tức, Đại-tàn... sanh ở trong các biên quốc như vậy, nếu ở giữa đại chúng thời rất sợ. Phật sanh ở trung quốc Ca-tỳ-la-vệ cho nên không sợ.

Sắc xấu xí: Có người thân khô khan gầy ốm, người ta không muốn thấy, nếu ở giữa đại chúng, thời cũng sợ hãi. Phật có thân sắc tốt đẹp như vàng nhuận sáng, như lửa chiếu núi xích kim, cho nên không sợ.

Không có oai nghi: Tới lui, đi bước, ngồi đứng, không có oai nghi của người, thời hay sợ hãi. Phật không có việc ấy.

Lời nói thô ác: Có người âm thanh dữ, nói ngược nghịu, nói lấp, nói không có thứ lớp, người ta không ưa, thời rất sợ hãi. Phật không có cái sợ ấy, vì Phật nói chân thật êm ái, thứ lớp dễ hiểu, không mau, không chậm, không ít, không nhiều, không ẩn không hở, không đùa cợt, hơn tiếng chim Ca-lăng-tàng-già, từ và nghĩa phân minh, không làm tổn thương ai. Lời Phật lia dục nên không nhiễm, dứt sân nên không ngại, trừ ngu nên dễ hiểu, tăng trưởng pháp hỷ nên khả ái, ngăn tội nên an ổn, theo tâm người, theo giải thoát, nghĩa thì sâu, lời thì diệu. Có nhân duyên nên lời nói có lý, dùng thí dụ nên khéo hiển bày, việc thành nên khéo rõ việc, quán sát tâm các chúng sanh nên nói lặc vật, lâu về sau đều chứng nhập Niết-bàn cho nên nhất vị giải thoát.

Do vô lượng lời nói trang nghiêm như vậy, Phật đối với lời nói không có sợ.

Chỉ nói về pháp thế gian như vậy, Phật còn không có sợ, huống chi pháp xuất thế gian. Do vậy nói Phật có bốn việc không sợ.

Hỏi: Trong mười lực của Phật, có việc không sợ chẳng? Nếu có việc không sợ thì không nên chỉ nói bốn. Nếu có việc sợ, tại sao nói thành tựu không sợ?

Đáp: Một trí ở mười nơi gọi là Phật thành tựu mười lực, như một người biết mười việc, theo việc mà gọi tên. Mười lực ấy dùng ra ở bốn chỗ, ấy là không sợ. Lực biết có lẽ ấy không có lẽ ấy, lực lậu hoặc hết, tức việc không sợ thứ nhất, thứ hai; còn tám lực tuy nói rộng, là việc không sợ thứ ba, thứ tư. Thế cho nên trong mười lực có việc không sợ, mà nói riêng ra bốn việc không sợ cũng không lỗi.

Chánh biến tri (điều không sợ một): Biết hết thấy pháp không điên đảo, chánh không tà, như các đức Phật quá khứ, ấy gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như Phật bảo A-nan: điều thế gian; trời, người không biết được, thì Phật biết cùng khắp, nên gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Hoặc có người nói, pháp ấy Phật không biết.

Hỏi: Ấy là người nào?

Đáp: Trong đây Phật có nói hoặc Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm, cho đến người muốn luận nghị với Phật. Luận pháp gì?

Có người nói: Phật không nói đến mười tám thứ đại Kinh thư của ngoại đạo, Thắng luận, Số luận, Vệ-đà.

Có người nói: cân lượng núi Tu-di, đại địa sâu cạn, số lượng của tất cả cỏ cây.

Có người nói, mười bốn nạn vấn: thế giới là thường hay vô thường; hữu biên hay vô biên... Phật không đáp được.

Có người nói: pháp, sắc pháp, vô sắc pháp, có thể thấy, không thể thấy, có đối ngại, không đối ngại, hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi... Phật chỉ biết một thứ nhân duyên về việc đạo, còn các nhân duyên các pháp khác, Phật hoặc không biết hết.

Sa-môn là nói người xuất gia.

Bà-la-môn là nói người tại gia có trí.

Trời là nói địa thiên, hư không thiên.

Ma là nói sáu trời ở cõi Dục.

Phạm tức nói vị đứng đầu là Phạm thiên vương và tất cả trời ở cõi Sắc.

Các chúng khác là các người khác ngoài mấy loài trên.

Như thật nói là hoặc đem việc trước mắt, hoặc đem nhân duyên ra nạn vấn.

Cho đến không thấy có chút nhân duyên sợ là tướng là nhân duyên, Ta không thấy có chút nhân duyên đúng như pháp đến phá hoại Ta được. Vì không thấy sợ nên Ta nói lời chân thật rằng Ta an trú chỗ của thánh chúa.

Phật nói lời thành thật rằng: ***Ta dứt hết các lậu*** (việc không sợ thứ hai). Nếu có người nói lậu hoặc ấy Phật không dứt hết, ta không có sợ. Những gì là lậu? Lậu có ba là dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu.

Lậu là từ trong sáu căn tiết ra, tâm số pháp tương ưng với tâm cấu nhiễm.

* Lại nữa, như trong Kinh hết thủy lậu chương phân biệt nói bảy lậu.

Pháp làm chương đạo (điều không sợ thứ ba): chỉ cho các nghiệp hữu lậu và các phiền não, báo chương ở ác đạo, và vì để hưởng thọ vị thiên thể gian mà tu bố thí, trì giới, mười thiện đạo.

Lược nói những gì hoặc thiện, hoặc bất thiện, hoặc vô ký, có thể chứng ngại Niết-bàn, đều gọi là pháp làm chướng đạo.

Có người nói: **Đạo có hai pháp** (điều không sợ thứ bốn) là thánh định và thánh tuệ. Hai pháp ấy đưa đến Niết-bàn.

Có người nói: ba thánh đạo là vô lậu giới, định, tuệ.

Có người nói: bốn pháp là Bốn thánh đế.

Có người nói: năm căn xuất thế gian.

Có người nói: sáu tánh xuất thế gian.

Có người nói: bảy giác ý.

Có người nói: tám thánh đạo, đưa đến Niết-bàn.

Các luận nghị sư nói: hết thảy vô lậu đạo đưa đến Niết-bàn, trong đó nếu có Sa-môn, Bà-la-môn đi đến nói lời như thật rằng, việc ấy không như vậy, thì Ta cho đến không thấy có chút nhân duyên sợ. Vì không thấy sợ, nên nói lời chân thật rằng, Ta an trú ở chỗ thánh chúa.

Hỏi: Vì sao Phật nói lời chân thật rằng, Ta an trú ở chỗ thánh chúa?

Đáp: Tự công đức đã đầy đủ, cũng khiến chúng sanh được an lạc lợi ích. Nếu Phật tự được trú xứ an lạc mà không thể làm lợi ích chúng sanh, cũng không gọi là an trú ở chỗ thánh chúa. Nếu chỉ lợi ích chúng sanh mà không tự đầy đủ công đức, cũng không gọi là an trú ở chỗ thánh chúa. Nếu tự có công đức cũng lợi ích chúng sanh, vì vậy cho nên nói lời chân thật rằng, ta an trú ở chỗ thánh chúa.

* Lại nữa, Phật tự dứt ác, cũng dứt ác cho chúng sanh, vì dứt hai ác nên được thanh tịnh bậc nhất, khéo thuyết pháp nên an trú ở chỗ thánh chúa.

* Lại nữa, đối Bốn thánh đế, ba lần chuyển mười hai hàng, có thể chuyển có thể phân biệt, hiển bày phụ diễn nên nói Ta an trú ở chỗ thánh chúa.

* Lại nữa, có thể trừ hết tất cả nghi hời, tà kiến, giải thích được tất cả nạn vấn thâm sâu, nên gọi là an trú ở chỗ thánh chúa (là chỗ đệ nhất, tối thượng, cực cao, không thối không một, đầy đủ công đức, không giảm thiểu). Do sức nhân duyên công đức như vậy nên nói lời chân thật rằng, Ta an trú ở chỗ thánh chúa.

Ở giữa chúng cất tiếng rống sư tử: Chúng là tám chúng Samôn, Bà-la-môn, Sát-lợi, Thiên, Tứ thiên vương, Tam-thập-tam thiên, Ma, Phạm. Chúng sanh ở trong tám chúng này, mong cầu trí tuệ, cho nên trong Kinh chỉ nói đến tám chúng. Trong đây Phật cất tiếng rống sư tử cũng ở giữa hết thảy chúng, cho nên trong Kinh nói: hoặc còn các chúng khác. Vì hễ ai nghe được âm thanh của Phật, đều gọi là chúng.

* Lại nữa, có người nói: Phật một mình ở chỗ vắng thuyết pháp, cho nên nói, ở giữa chúng nói lời chân thật rằng: Ta có mười lực, bốn không sợ, ấy gọi là ở giữa chúng cất tiếng rống sư tử.

* Lại nữa, Phật khai thị: Ta chân thật nói rằng, Ta là sư tử, bậc nhất thiết trí ở giữa hết thảy thế gian, ai còn có nghi ngờ, không tin hãy đi đến, Ta sẽ giải thích cho. Do vậy nên nói ở giữa chúng rống tiếng sư tử.

Sư tử rống: Như sư tử vương, sanh trong giống thanh tịnh, ở trong núi sâu hang thẳm, hàm vuông xương lớn, thân thịt béo đầy, đầu to, mắt dài, sáng sạch, mi cao mà rộng, răng to sắc trắng sạch, miệng mũi vuông lớn, cứng rắn bền chắc, răng khít bằng nhọn, lè lưỡi trắng đỏ, hai tai cao lên, lông tóc sáng nhuận, thân trên rộng lớn, da thịt cứng rắn, xương sống thẳng, hông nhỏ, bụng thon, đuôi dài, móng nhọn, chân đứng vững vàng, thân lớn sức mạnh. Từ chỗ ở bước ra, vẫy mình, nhả mảy, gầm gừ, lấy miệng dũi xuống đất, hiện oai thế lớn, ăn không lỗi thời, bày tướng thức dậy sáng sớm, biểu hiện sức sư tử vương, làm oai với loài hưu nai, gấu, cọp, beo, chồn

heo, thức tỉnh chúng ngủ lâu, hàng phục kẻ cao cường có thể lực, tự mở đường đi mà gằm thét lớn. Khi rống như vậy, các loài nghe được, hoặc mừng, hoặc sợ, loài ở hang ẩn trốn, loài ở nước lặn sâu, loài trong núi lặn nép, voi bức vòng khóa cuồng cuồng mà chạy, chim ở giữa không bay cao tránh xa.

Phật sư tử cũng như vậy, sanh từ trong tộc tánh lớn của sáu Ba-la-mật và bốn thánh chủng xưa (*P.Catràro Ariyavamsà - bốn thứ làm phát sanh hạt giống thánh: 1. Biết vui đủ y phục. 2. Biết vui đủ ẩm thực. 3. Biết vui đủ ngọa cụ. 4. Biết vui đoạn vui tu. N.D. chú*). Ở trong núi lớn tịch diệt, trong hang thiên đình thâm sâu, được cái đầu Nhất thiết chủng trí, cái hàm Nhóm các thiện căn, con mắt Vô lậu chánh kiến sáng sạch, chân mày Định tuệ bình đẳng cao rộng, răng to Bốn việc không sợ trắng sắc, miệng Vô ngại giải thoát đầy đủ, má Bốn chánh cần chắc đầy, răng Ba mươi bảy đạo phẩm dày khít bằng sắc, lè lưỡi trắng đỏ Tu bất tịnh quán, tai Niệm tuệ cao thượng, tóc lông Mười tám pháp không chung sáng sạch tươi nhuận, thịt thân trên Ba giải thoát môn bền chắc, lưng thẳng Ba thị hiện, bụng Minh hạnh đầy đủ chẳng hiện, lưng Nhẫn nhục thon nhỏ, đuôi Viễn ly hạnh dài, chân Bốn như ý đứng vững, móng Năm căn vô học nhọn bén, thể của Mười lực vô lượng, thân Vô lậu pháp uẩn đầy đủ. Từ trú xứ Tam-muội vương của chư Phật đi ra, trong đất Chư pháp nhãn mày gằm gờ Bốn vô ngại trí, miệng vô ngại giải thoát, nương sức Mười lực quảng đại ấy, độ chúng sanh không sai thời, chỉ bày tướng sớm mai cho thế gian trời người, hiển bày đức của đấng Pháp vương, làm oai với chúng ngoại đạo tà kiến luận nghị sư, giác tỉnh các chúng sanh ngủ mê đối với Bốn đế, hàng phục sức kiêu mạn của kẻ đăm trước năm uẩn là ta, mở đường cho kẻ tà kiến dị học luận nghị. Như vậy, khiến kẻ hành tà đạo thì sợ hãi, người chánh tín thì vui mừng, kẻ độn căn được lợi, an ủi đệ tử, phá hoại ngoại đạo, chư thiên trường thọ, hưởng lâu cái vui cõi trời, thời biết rõ vô thường.

Các chúng sanh như vậy nghe tiếng sư tử rống Bốn đế, đều sanh tâm nhàm chán, tâm nhàm chán nên được xa lìa, được xa lìa nên vào Niết-bàn, ấy gọi là ở giữa chúng như sư tử rống.

* Lại nữa, Phật sư tử rống và sư tử rống có sai khác. Sư tử rống thì các loài thú kinh sợ, hoặc chết, hoặc gần chết, còn Phật sư tử rống thì khỏi sợ chết. Sư tử rống thì sợ, đòi đòi chết khổ, còn Phật sư tử rống, chỉ đòi này chết, không còn khổ đòi sau. Sư tử rống thì tiếng thô ác, chúng không ưa nghe, sợ hãi sống chết, còn Phật sư tử rống thì tiếng nhu nhuyễn, nghe không chán, tâm rất vui, nghe xa cùng khắp, thường cho hai thứ vui là vui sanh cõi trời, và vui Niết-bàn; như thế là sai khác.

Hỏi: Phật rống tiếng rống sư tử cũng khiến cho người nghe sợ, cùng với sư tử rống có gì sai khác?

Đáp: Nghe Phật sư tử rống đương thời sợ ít mà sau được lợi ích lớn. Người có tâm đắm trước tội, ta, người khát ái cái vui thế gian, người tâm tà kiến thường bị điên đảo ràng buộc, thì sanh sợ hãi, như trong Kinh nói: Phật thuyết Bốn đế, cho đến trên chư thiên cũng đều sợ hãi nghĩ rằng, chúng ta vô thường, khổ, vô ngã, không, vì tâm điên đảo nên đắm trước tướng thường và vui, như thế là sai khác.

* Lại nữa, nghe sư tử rống, trừ người lìa dục, các người khác đều sợ, còn Phật sư tử rống thì người cầu Niết-bàn ly dục, người không ly dục đều sợ. Sư tử rống thì người thiện bất thiện đều sợ, còn Phật sư tử rống chỉ người thiện sợ.

* Lại nữa, sư tử rống mọi thời đều sợ, còn Phật sư tử rống tuy có làm chúng sanh sợ chút ít nhưng mà chỉ bày tội ác thế gian, khiến đừng ưa sanh trong thế gian, quán công đức lợi ích của Niết-bàn, trừ các thứ sợ hãi của thế gian, đóng đường ác, mở đường thiện, khiến người đi đến thành Niết-bàn.

* Lại nữa, do hai mươi việc nên Phật thuyết pháp gọi là sư tử rống, đó là vì nương dựa mười lực, vì không thiếu, vì không sợ, vì âm thanh thanh tịnh, vì chưa từng có, vì đất dẫn đại chúng, vì làm ác ma kinh sợ, vì làm nhiều loạn ma dân, vì khiến chư thiên hoan hỷ, vì được ra khỏi lưới ma, vì dứt ma trói buộc, vì phá lưới câu ma, vì vượt qua cảnh giới ma, vì tự pháp tăng trưởng, vì tổn giảm tha pháp, vì quả báo không hư dối, vì thuyết pháp chẳng trống không, vì người phạm phu vào thánh đạo, vì người vào thánh đạo được đầy đủ hết lậu, và vì tùy chỗ thích hợp chứng đắc ba thừa. Vì vậy nên Phật nói, gọi là sư tử rống; ấy là nghĩa tổng tướng, biệt tướng về sư tử rống.

Chuyển phạm luân: Thanh tịnh gọi là phạm. Trí tuệ và pháp tương ứng với trí tuệ của Phật gọi là luân (bánh xe). Lời của Phật nói, người lãnh thọ theo pháp hành trì, gọi là chuyển. Luân ấy lấy bốn niệm xứ đầy đủ làm cái bầu xe, năm căn, năm lực làm cái tay hoa xe, bốn như ý túc làm cái vành kiên cố, bốn chánh cần làm vành khít hợp, ba giải thoát làm gọng xe, thiền định trí tuệ làm điều hợp, vô lậu giới làm hương bôi xe, bảy giác ý làm tạp hoa anh lạc, chánh kiến làm quay theo bên phải, tín tâm thanh tịnh làm sự ưa vui, chánh tinh tấn làm đi mau, tiếng sư tử rống vô úy làm âm thanh tuyệt diệu, hay làm sợ ma luân, phá rã mười hai nhân duyên luân, hoại sanh tử luân, lìa phiền não luân, dứt nghiệp luân, làm chướng ngại thế gian luân, phá khổ luân, hay làm cho hành giả hoan hỷ, trời, người kính mộ. Luân ấy không ai lay chuyển được, luân ấy bảo trì Phật pháp, do vậy nên gọi là *chuyển phạm luân*.

* Lại nữa, Phật Chuyển pháp luân như Chuyển luân thánh vương chuyển bảo luân.

Hỏi: Phật và Chuyển luân thánh vương có gì tương tự?

Đáp: Ví như vua sanh ở trong dòng thanh tịnh không tạp, theo tộc tánh thành tựu gia nghiệp, đủ các tướng trang nghiêm thân,

vương đức đầy đủ, hay chuyên bảo luân, nước thơm rưới đầu, thọ vương vị ở trên bốn thiên hạ, hoại trừ hết thảy phép giặc, khiến không dám trái, kho báu đầy đầy, quân cách bảy báu để làm trang sức, lấy bốn nhiếp pháp nhiếp thủ chúng sanh, khéo dùng vương pháp, an ủi bỏ nhậm quý tánh, đại thần chủ binh, để làm chánh sách trị nước, vui vẻ bố thí trân bảo thượng diệu, tri niệm đến ai, thủy chung không thay đổi. Phật pháp vương cũng như vậy. Các đức Phật Thích-ca Mâu-ni, Nhiên Đăng, Bảo Hoa... sanh từ trong dòng chư Phật thanh tịnh, tiên Phật oai nghi hạnh nghiệp, đầy đủ 32 tướng để tự trang nghiêm, thánh chúa oai nghi đầy đủ, chuyên chân pháp luân, vị cam lồ trí tuệ rưới trên đầu trí, làm bậc Chí tôn giữa ba cõi, phá hoại hết thảy giặc phiền não, chúng học, vô học hoan hỷ, cấm giới đã được kiết không dám trái phạm. Kho pháp bảo vô lượng đầy đủ, báu bảy giác phần trang nghiêm, đội quân 84.000 pháp tu, lấy bốn nhiếp pháp xuất thế gian mà thu nhiếp chúng sanh, biết phương tiện nói pháp Bốn thánh để làm nghi thức của Pháp vương, các đại tướng Xá-lợi-phất, Di-lặc khéo sửa trị pháp Phật quốc, dùng vô lậu căn, lực, giác, các thứ vui diệu bảo để bố thí, thâm cầu thiện sự cho hết thảy chúng sanh là chỗ tưởng niệm kiên cố. Đó là chỗ tương trợ giữa Chuyển luân thánh vương với Phật Pháp vương.

* Lại nữa, Phật có chỗ thù thắng hơn Chuyển luân thánh vương. Chuyển luân thánh vương không lìa các phiền não, Phật đã lìa vĩnh viễn các phiền não; Chuyển luân thánh vương chìm trong bùn sanh tử, Phật đã ra khỏi; Chuyển luân thánh vương làm tội tở cho ái ân, Phật đã ra khỏi; Chuyển luân thánh vương đi trong con đường hiểm sanh tử, Phật đã qua khỏi. Chuyển luân thánh vương ở trong bóng tối ngu si, Phật an trú trong quang minh đệ nhất; Chuyển luân thánh vương tự tại cùng cực giữa bốn thiên hạ, Phật tự tại giữa vô lượng vô biên thế giới; Chuyển luân thánh vương tài bảo tự tại, Phật tâm bảo

tự tại; Chuyển luân thánh vương khát ái cái vui cõi trời, Phật cho đến cái vui ở cõi trời Hữu đỉnh cũng xa lìa; Chuyển luân thánh vương theo bên ngoài mà tìm vui, Phật tự tâm sanh vui. Do vậy, Phật đối với Chuyển luân thánh vương là thù thắng hơn.

* Lại nữa, Chuyển luân thánh vương tay vận chuyển xe báu đi giữa hư không vô ngại, Phật vận chuyển xe pháp ở giữa hết thảy thế gian trời người không ngại. Người thấy được xe báu, các độc hại đều diệt, gặp được xe pháp thời tất cả độc phiền não đều diệt. Thấy xe báu thì các tai nạn ác hại đều diệt, gặp được xe pháp thời tất cả tai hại về tà kiến, nghi, hối đều tiêu diệt. Vua lấy xe báu trị thiên hạ, Phật dùng xe pháp trị hết thảy thế gian trời, người, khiến được tự tại với pháp. Đó là chỗ tương tự giữa Chuyển luân thánh vương với Phật.

* Lại nữa, xe pháp thù thắng hơn xe báu, xe báu hư dối, xe pháp chắc thật; xe báu tăng trưởng lửa ba độc, xe pháp diệt lửa ba độc; xe báu hữu lậu, xe pháp vô lậu; xe báu vui năm dục lạc, xe pháp vui pháp lạc; xe báu là chỗ kiết sử, xe pháp chẳng phải chỗ kiết sử; xe báu đi chỗ có hạn lượng; xe pháp đi vô lượng quốc độ; xe báu do nhất tâm thanh tịnh bố thí nên có thể được đời đời, xe pháp do nhân duyên nhóm hết thảy thiện căn trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp và trí tuệ nên được; xe báu sau khi vua chết không còn chuyển động, xe pháp sau khi Phật diệt độ vẫn chuyển động; xe báu ở nơi một người, xe pháp ở nơi hết thảy người khả độ.

* Lại nữa, Phạm là rộng, Phật chuyển xe pháp khắp cả mười phương, nên gọi là rộng.

* Lại nữa, từ bốn tâm phạm hạnh (từ, bi, hỷ, xả) nói ra nên gọi là Phạm luân.

* Lại nữa, lúc Phật mới đắc đạo, Phạm thiên vương thỉnh Phật Chuyển pháp luân, cho nên gọi là Phạm luân.

* Lại nữa, Phật ở thành Ba-la-nại Chuyển pháp luân, A-nhã Kiền-trần-như đăc đạo, tiếng pháp nghe thău Phạm thiên, nên gọi là Phạm luân.

* Lại nữa, có người quý Phạm thiên, muốn cho họ hoan hỷ, nên gọi là Phạm luân. Do vậy nên gọi là *Phạm luân*.

Hỏi: Có khi Phật gọi là Pháp luân, khi gọi là Phạm luân, có gì sai khác?

Đáp: Phạm luân và Pháp luân không khác nhau.

* Lại nữa, có người nói, nói Phạm luân là chỉ thị về bốn tâm vô lượng, nói Pháp luân là chỉ thị về Bốn đé pháp.

* Lại nữa, nhân bốn tâm vô lượng đăc đạo, ấy gọi là Phạm luân, nương pháp khác đăc đạo, ấy gọi là Pháp luân. Phạm luân chỉ thị tứ thiên, Pháp luân chỉ thị ba mươi bảy đạo phẩm, Phạm luân chỉ thị thánh đạo tu thiên, Pháp luân chỉ thị thánh đạo tu trí tuệ. Như vậy, phân biệt chỗ sai khác giữa Phạm luân và Pháp luân.

Hỏi: Pháp gì là tánh không sợ?

Đáp: Lúc Phật mới đăc đạo, đưọc hết thăy Phật pháp, mười lực, bốn việc không sợ... trong đây đưọc pháp tương ưng với bốn trí không sợ ở đời vị lai, gọi là không sợ, như trong lúc bố thí, trong tâm phát sanh pháp “xả” tương ưng với tư tâm sở. Lại như tương ưng với bốn tâm vô lượng gọi là pháp từ.

Hỏi: Trong bốn việc không sợ, có thứ lớp thế nào?

Đáp: Việc không sợ đầu là chỉ thị người biết hết thăy pháp, biết hết thăy pháp nên nói ta đă sạch hết lậu, sạch hết lậu nên biết pháp làm chương ngại sự hết lậu, dứt pháp chương ngại đó nên nói đạo.

* Lại nữa, không sợ đầu, ví như thầy thuốc biết tất cả đưọc thảo; không sợ hai, ví như biết tất cả bệnh dứt; không sợ ba, ví như biết điều cấm kỵ; không sợ bốn; ví như chỉ thị những thứ nên ăn.

* Lại nữa, trong không sợ đầu nói về trí nhất thiết chủng, trong không sợ hai nói về không còn tập khí phiền não, trong không sợ ba nói pháp lỗi lầm, trong không sợ bốn nói về việc thành, được đến Niết-bàn.

Hỏi: Như trong Bát-nhã ba-la-mật, mỗi phẩm đều nói năm uẩn, mười lục, bốn không sợ, mười tám pháp bất cộng đều không, vậy làm sao phân biệt nói tướng của nó?

Đáp: Trong Phật pháp cái *không, bất khả đắc*, không chướng ngại gì đối với các pháp. Nhân cái *không, bất khả đắc* ấy mà nói ra hết thấy Phật pháp, mười hai bộ kinh; ví như hư không không có gì, mà mọi vật đều nương đó trường thành.

* Lại nữa, nói mười lục, bốn không sợ, không vì chấp thủ tướng, trước tâm phân biệt, mà chỉ vì độ chúng sanh, biết chúng sanh nhờ nhân duyên này mà được giải thoát. Ví như nói cỏ thuốc chỉ vì để trị lành bệnh, chứ không phải để tìm tướng cỏ thuốc, như trong Trung luận nói:

*“Nếu tin các pháp không,
 Ấy thời thuận với lý.
 Nếu không tin pháp không,
 Hết thấy đều trái mắt.
 Nếu lấy “Vô” là không,
 Không có gì tạo tác,
 Chưa làm đã có nghiệp,
 Không làm, có tác giả.
 Các pháp tướng như vậy,
 Ai hay tư lường được?
 Chỉ có tâm thẳng sạch,
 Nói ra không nương tựa,
 Là hai kiến có, không,
 Tâm tự nhiên nội diệt”.*

Hỏi: Trong pháp Thanh văn nói mười lực, bốn không sợ như vậy, còn trong Đại thừa phân biệt mười lực, bốn không sợ thế nào?

Đáp: Trong mười lực, bốn không sợ ấy, biết hết biết khắp, ấy là trong Đại thừa nói mười lực, bốn không sợ.

Hỏi: Trong pháp Thanh văn cũng nói biết hết biết khắp, có sao nói trong Đại thừa mới nói biết hết biết khắp?

Đáp: Trong pháp Thanh văn các luận nghị sư nói Phật biết hết biết khắp chứ chẳng phải Phật tự nói, nay trong Đại thừa nói mười lực, bốn không sợ là Phật tự nói Ta biết hết biết khắp.

* Lại nữa, vì hàng Thanh văn nói mười lực, bốn không sợ hợp cùng với nói Bốn đế, mười hai nhân duyên các pháp Thanh văn, đều vì để đạt đến Niết-bàn, nay trong Đại thừa nói mười lực, bốn không sợ vì hợp cùng với đại bi, các pháp thật tướng bất sanh bất diệt mà nói.

Hỏi: Phật có mười lực, bốn không sợ, Bồ-tát có chăng?

Đáp: Có, thế nào? 1. Phát tâm nhất thiết trí, nên được lực cứng sâu bền chắc. 2. Đầy đủ tâm đại từ nên được lực không bỏ hết thấy chúng sanh. 3. Không cần đến lợi dưỡng cung kính cúng dường, nên đầy đủ lực đại bi. 4. Tin hết thấy Phật pháp, đầy đủ phát sinh hết thấy Phật pháp và tâm không biết nhàm đủ, nên được lực đại tinh tấn. 5. Nhất tâm hành theo trí tuệ, không hoại oai nghi, nên được lực thiên định. 6. Trừ nhị biên, theo mười hai nhân duyên hành, dứt tất cả tà kiến, diệt hết thấy ức tướng phân biệt hý luận, nên đầy đủ lực trí tuệ. 7. Vì thành tựu cho hết thấy chúng sanh, nên thọ vô lượng sanh tử, nhóm các thiện căn không biết nhàm đủ, biết hết thấy thế gian như mộng, nên được lực không chán sanh tử. 8. Quán thật tướng các pháp, biết không ta, không chúng sanh, tin hiểu các pháp không ra không sanh, nên được lực vô sanh pháp nhẫn. 9. Vào ba quán môn giải thoát không, vô tướng, vô tác, biết thấy Thanh văn, Bích-chi Phật giải thoát, nên được lực giải thoát. 10. Đối thâm pháp được tự

tại, biết tâm hành của chúng sanh đến đâu, nên được lực vô ngại trí. Đó là mười lực của Bồ-tát.

Những gì là bốn việc không sợ của Bồ-tát? 1. Nhớ hết điều đã nghe, được các đà-la-ni, ghi nhớ không quên, nên ở giữa chúng thuyết pháp mà không sợ. 2. Được giải thoát đối với hết thầy pháp, biết phân biệt dùng hết thầy pháp được, biết căn cơ của hết thầy chúng sanh, nên ở giữa chúng tùy theo căn cơ mà thuyết pháp, không sợ. 3. Bồ-tát thường xa lìa mọi sự sợ, không nghĩ rằng, mười phương có ai đến vấn nạn ta, ta không thể đáp. Không thấy có tướng đó, cho nên ở giữa chúng thuyết pháp mà không sợ. 4. Cho mọi người tự do đến nạn vấn, mỗi mỗi đều đáp hết, dứt trừ nghi hoặc, cho nên ở giữa chúng thuyết pháp mà không sợ. Đó là bốn không sợ của Bồ-tát.

Bốn trí vô ngại: Trí biết nghĩa vô ngại, trí biết pháp vô ngại, trí biết từ vô ngại, trí biết lạc thuyết vô ngại.

Trí biết nghĩa vô ngại: Dùng danh tự ngôn ngữ nói sự vật, mỗi mỗi các pháp tướng, như đất tướng cứng, trong đó tướng cứng là nghĩa, danh tự đất là pháp, dùng ngôn ngữ nói đất là từ, đối ba thứ trí ấy vui nói tự tại, gọi là lạc thuyết.

Thông đạt không ngăn ngại bốn việc ấy gọi là trí vô ngại.

Nước tướng ướt, lửa tướng nóng, gió tướng động, tâm tướng suy nghĩ, năm uẩn tướng vô thường, năm thọ uẩn tướng vô thường, khô, không, hết thầy pháp tướng vô ngã. Phân biệt các pháp tướng chung, tướng riêng cũng như vậy; ấy gọi là trí biết nghĩa vô ngại.

Trí biết pháp vô ngại: Biết tên gọi của nghĩa ấy, tướng cứng gọi là đất. Phân biệt hết thầy danh tự như vậy không trệ ngại; ấy gọi là trí biết pháp vô ngại, vì có sao? Vì lìa danh tự thì nghĩa không thể có được. Biết nghĩa phải do nơi danh, vì vậy tiếp theo Nghĩa là Pháp.

Hỏi: Nghĩa với danh là hợp nhau ư? hay lìa nhau ư? Nếu nghĩa hợp một với danh, thời khi nói lửa phải bị cháy miệng, nếu lìa thời khi gọi lửa, nước có thể đến?

Đáp: Cũng không hợp cũng không lìa, người xưa tạm đặt tên để gọi các pháp, người sau nhân tên ấy mà biết việc ấy, như vậy mỗi pháp đều có tên gọi, ấy là pháp.

Tên gọi và nghĩa ấy làm sao khiến chúng sanh hiểu được? Vậy phải dùng ngôn từ phân biệt trang nghiêm mới khiến người ta hiểu được, thông suốt không trệ ngại; ấy gọi là trí biết từ vô ngại.

Nói có đạo lý, khai diễn vô tận, đối các thiên định, cũng được tự tại không trệ ngại, ấy gọi là trí biết vui nói vô ngại.

Trí vô ngại một và bốn ở trong chín địa, trí vô ngại hai và ba ở trong Dục giới và Phạm thiên.

Trí vô ngại hai và ba thuộc thế trí, trí vô ngại một thuộc mười trí, trí vô ngại bốn, thuộc chín trí. (*Mười trí xem chương 35 - N.D chú*).

Vô ngại ấy có ba bậc thượng, trung, hạ. Thượng chư Phật, trung đại Bồ-tát, hạ đại A-la-hán.

Hỏi: Lực, không sợ, không ngại; đều là trí tuệ. Bên trong có lực, bên ngoài không sợ là đủ rồi, sao lại còn nói không ngại?

Đáp: Lực và không sợ đã phân biệt. Có người tuy không sợ mà ở giữa đại chúng thuyết pháp vẫn có ngại, vì vậy nên nói bốn trí vô ngại. Được bốn trí vô ngại ấy trang nghiêm cho bốn không sợ, bốn không sợ trang nghiêm cho mười lực.

* Lại nữa, nói không sợ, hoặc có người nghi rằng sao một người có thể ở giữa đại chúng được tính không sợ? Phật nói vì trước có mười lực, sau có bốn trí vô ngại cho nên ở giữa đại chúng thuyết pháp mà không sợ. Như vậy là phân biệt bốn trí vô ngại.

Hỏi: Trong Đại thừa có bốn trí vô ngại của Bồ-tát chăng?

Đáp: Có. Thế nào?

Trí biết nghĩa vô ngại: Nghĩa là thật tướng các pháp, không thể nói được. Nghĩa, tên gọi, ngữ ngôn không riêng khác. Trước, sau, giữa cũng như vậy; ấy gọi là nghĩa. Không thể lia tên gọi, ngữ ngôn mà riêng có nghĩa. Ba sự ấy bằng nhau nên gọi là nghĩa.

* Lại nữa, biết rõ ràng hết thấy nghĩa của các pháp, thông đạt không trệ ngại, ấy gọi là trí biết nghĩa vô ngại.

Trí biết pháp vô ngại: Pháp là tên gọi của các nghĩa, vì nhờ tên gọi mà biết nghĩa.

* Lại nữa, Bồ-tát nhập vào trí biết pháp vô ngại, thường tín pháp, không tin người; thường nương pháp, không nương phi pháp. Nương pháp là, không gì chẳng phải pháp sự, vì sao? Vì người ấy đối với hết thấy tên gọi và ngữ ngôn biết tự tướng vốn xa lìa.

* Lại nữa, lấy trí biết pháp vô ngại ấy để phân biệt ba thừa, tuy phân biệt ba thừa mà không hoại pháp tánh, vì có sao? Vì pháp tánh là nhất tướng, đó là vô tướng. Bồ-tát dùng ngữ ngôn ấy thuyết pháp, mà biết ngữ ngôn là không, như tiếng vang. Thuyết pháp khai thị cho chúng sanh, khiến tin, biết đồng pháp tánh, tên gọi, ngữ ngôn được nói ra thông suốt không trệ ngại; ấy gọi là trí biết pháp vô ngại.

Trí biết từ vô ngại: Dùng ngữ ngôn để nói nghĩa và tên gọi, các thứ trang nghiêm ngữ ngôn, tùy căn cơ thích hợp dùng ngữ ngôn khiến cho hiểu rõ, đó là ngữ ngôn trời, rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Ma-hầu-la-già, phi nhân. Ngữ ngôn Thích-đề-hoàn nhân, Phạm thiên, Tứ thiên vương, Thế chủ. Ngữ ngôn người, một lời, hai lời, nhiều lời, lược nói, rộng nói, ngữ ngôn nữ, ngữ ngôn nam, ngữ ngôn quá khứ, vị lai, hiện tại. Các ngữ ngôn như vậy làm cho điều được hiểu rõ. Tự nói, người khác nói, không có khen chê...

vì có sao? Vì hết thầy pháp không ở trong ngữ ngôn. Ngữ ngôn chẳng phải thật nghĩa. Nếu ngữ ngôn là thật nghĩa, thời không thể dùng ngữ ngôn thiện nói điều bất thiện. Chỉ vì đưa vào Niết-bàn cho nên nói để cho hiểu, chớ chấp trước ngữ ngôn.

* Lại nữa, dùng ngữ ngôn để khiến chúng sanh thật hành theo pháp nghĩa. Vì ngữ ngôn đều đưa vào trong thật tướng các pháp. Ấy gọi là trí biết từ vô ngại.

Trí biết vui nói vô ngại: Bồ-tát ở trong một chữ có thể nói hết thầy chữ, trong một lời có thể nói hết thầy lời, trong một pháp có thể nói hết thầy pháp. Trong ấy điều được nói ra đều là pháp, đều là thật, đều là chơn, đều tùy theo người khả độ mà có được lợi ích. Nghĩa là người ưa Khế kinh nói Khế kinh (Sùtra) cho họ, người ưa Trùng tụng nói Trùng tụng (Geya) cho họ, người ưa Ký biệt (Vyākaraṇa - Thọ ký) nói Ký biệt cho họ, người ưa Phúng tụng (Gāthā - Cô Khởi) nói Phúng tụng cho họ, người ưa Tụ thuyết (Udana), Nhân duyên (Nidāna), Thí dụ (Avadāna), Bồn sự (Itivcctaka), Bồn sanh (Jātaka), Phương quảng (Vaipulya), Vị tầng hữu (Adbhuta-Dharma), Luận nghị (Upadēsa), đều nói cho họ. Tùy theo căn của chúng sanh ưa tin, mà vui nói. Nói tín căn cho người ưa tin, nói tinh tấn căn cho người ưa tinh tấn, nói niệm căn cho người ưa siêng niệm, nói định căn cho người ưa nhiếp tâm, nói tuệ căn cho người ưa trí tuệ. Cũng như năm căn, nói các thiện căn khác cũng như vậy.

* Lại nữa, vì căn của người dâm dục có hai vạn một ngàn, vì căn ấy Phật nói tám vạn bốn ngàn các pháp đối trị; tùy các căn ấy mà vui nói thứ lớp, căn pháp đối trị, Bồ-tát vui nói. Căn của người sân nhuế có hai vạn một ngàn, vì căn ấy Phật nói tám vạn bốn ngàn căn pháp đối trị; tùy các căn ấy, vui nói thứ lớp pháp đối trị, Bồ-tát vui nói. Căn của người ngu si có hai vạn một ngàn, vì căn ấy, Phật nói tám vạn bốn ngàn căn pháp đối trị; tùy các căn ấy vui nói thứ lớp

pháp đối trị, Bồ-tát vui nói. Căn của người đặng phần (tham, sân, si bằng phần nhau) có hai vạn một ngàn, vì căn ấy Phật nói 84.000 căn đối trị, tùy các căn ấy, vui nói thứ lớp pháp đối trị, Bồ-tát vui nói; ấy gọi là trí vui nói vô ngại.

* Lại nữa, Bồ-tát dùng trí vô ngại ấy, hoặc một kiếp, hoặc nửa kiếp, mỗi mỗi trang nghiêm thuyết pháp, cũng chẳng hoại các pháp tướng. Vì Bồ-tát ấy, hoặc ẩn thân không hiện, mà dùng các lỗ chân lông thuyết pháp cho chúng sanh. Theo chỗ thích ứng, không sai bản hạnh. Bồ-tát ấy trí tuệ vô lượng, tất cả luận nghị sư không thể biết cùng tận, cũng không thể phá hoại. Bồ-tát ấy được trí vô ngại đó, khi chuyển thân thụ sanh, tự nhiên biết rõ các kinh sách, chú thuật, trí tuệ, kỹ năng của hết thầy ngữ thông tiên nhân, đó là bốn Vệ-đà, sáu Ương-già chú thuật, biết các kinh mặt trời mặt trăng năm sao, kinh đoán mộng, đất động, quỷ nói, chim kêu, người câm, thú bốn chân, người bị quỷ ám nói, quốc vương xem tướng được mùa mất mùa, tướng mặt trời mặt trăng, năm sao đấu nhau, y dược, chương toán, bốc số, ca múa, kỹ nhạc. Các kinh công xảo kỹ thuật như vậy đều biết hết. Sáng suốt hơn mọi người và các ngoại đạo, không tự cao, không não hại người khác. Biết các việc thế tục ấy, không phải vì Niết-bàn.

Bồ-tát thành tựu bốn trí vô ngại nên được sắc lực quang minh hơn các người Phạm-chí, được các Phạm-chí cung kính ái lạc tôn trọng, tâm không nhiễm trước. Vì được chư thiên như vậy tôn trọng cung kính cũng không nhiễm trước, chỉ sanh tâm nghĩ về vô thường, khổ, không, vô ngã. Cũng dùng thần thông làm phát khởi tâm chư thiên khiến khát ngưỡng mà nói pháp cho họ, không tận không hoại, dứt trừ nghi hối, khiến an trú Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Ấy gọi là trong Đại thừa nói về bốn trí lực vô ngại của Bồ-tát, hay cứu độ chúng sanh. Đó là nghĩa của bốn trí vô ngại.

(HẾT CUỐN 25 THEO BẢN HÁN)

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

CHƯƠNG 38

GIẢI THÍCH: MƯỜI TÁM PHÁP KHÔNG CHUNG

Mười tám pháp không chung là: 1. Các đức Phật thân không lỗi. 2. Miệng không lỗi. 3. Niệm không lỗi. 4. Không có dị tướng. 5. Không có tâm bất định. 6. Không có điều không biết đã bỏ. 7. Dục không giảm. 8. Tinh tấn không giảm. 9. Niệm không giảm. 10. Tuệ không giảm. 11. Giải thoát không giảm. 12. Giải thoát tri kiến không giảm. 13. Tất cả thân nghiệp hành theo trí tuệ. 14. Tất cả khẩu nghiệp hành theo trí tuệ. 15. Tất cả ý nghiệp hành theo trí tuệ. 16. Trí tuệ biết đời quá khứ vô ngại. 17. Trí tuệ biết đời vị lai vô ngại. 18. Trí tuệ biết đời hiện tại vô ngại.

Hỏi: Ba mươi sáu pháp (Mười lục, bốn vô sở úy, bốn vô ngại trí, mười tám pháp không chung) đều là Phật pháp, sao chỉ có mười tám pháp là không chung (chỉ riêng Phật có)?

Đáp: Trong mười tám pháp trước, hàng Thanh văn, Bích-chi Phật có phần, trong mười tám pháp sau này, hàng Thanh văn, Bích-chi Phật vô phần. Như Xá-lợi-phất hay phân biệt các pháp, diễn nói một câu, thông suốt không ngại, Phật khen rằng: khéo thông pháp tánh, còn A-nê-lô-đậu thì mắt trời bậc nhất. Các Thanh văn đều có phần như vậy. Đối với bốn việc không sợ có phần là, như Phật nói trong hàng đệ tử người có thể rống tiếng rống sư tử thì Tân-đầu-lô-

phả-la-đỏa-thệ là bậc nhất. Xá-lợi-phất cũng tự thề rằng: ta trong bảy ngày bảy đêm có thể diễn nói một nghĩa khiến cho không cùng tận. Bốn phân biết tuệ, các A-la-hán, Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, Phú-lâu-na, A-nan, Ca-chiên-diên... cũng biết được nghĩa, tên gọi, ngữ ngôn, và vui nói. Do vậy mười tám pháp trước chẳng gọi là không chung.

Hỏi: Sao Phật không có thân lỗi, không có miệng lỗi?

Đáp: Trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp Phật trì giới thanh tịnh nên thân nghiệp, khẩu nghiệp không lỗi. Còn các A-la-hán như Xá-lợi-phất trì giới không lâu, cực nhiều là 60 kiếp cho nên có lỗi. Phật trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp nhóm các giới thanh tịnh được thành tựu, thường hành thiền định rất sâu, được tất cả trí tuệ vi diệu, khéo tu tâm đại bi, cho nên không lỗi.

* Lại nữa, Phật nhờ hết các nhân duyên gốc tội, cho nên không lỗi. Nhân duyên gốc tội có bốn: 1. Nhân duyên tham dục. 2. Nhân duyên sân nhuế. 3. Nhân duyên sợ hãi. 4. Nhân duyên ngu si. Nhân duyên và tập khí gốc tội đều đã nhỏ. A-la-hán, Bích-chi Phật tuy nhỏ nhân duyên tội mà tập khí đang còn, nên hoặc thời có lỗi. Phật đối với hết thảy pháp thường thành tựu trí tuệ biết khắp viên mãn. Nếu không biết nên có lỗi, như Xá-lợi-phất với 500 Tỳ-kheo du hành đến một ngôi chùa vắng ở lại đêm, lúc ấy gặp ngày thuyết giới, không biết việc nội giới ngoại giới thế nào, mới bạch Phật, Phật dạy tại trú xứ chỉ ở một đêm rồi bỏ, thời không có giới. Lại một lúc khác, Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên cùng với 500 Tỳ-kheo lúc trở về lại, to tiếng ồn ào, Phật đuổi đi ra ngoài, ấy là miệng có lỗi. Lại như Xá-lợi-phất không biết phép ăn bình đẳng nên Phật quở ông ăn đồ bất tịnh (trái pháp). Như vậy là thân, miệng có lỗi. Các phiền não tập khí Phật sạch hết, cho nên không có lỗi như vậy.

* Lại nữa, hết thảy thân nghiệp, khẩu nghiệp của Phật đều hành theo trí tuệ cho nên thân không lỗi, miệng không lỗi. Do các nhân duyên như vậy nên thân không lỗi, miệng không lỗi.

Niệm không lỗi: Tâm khéo tu bốn niệm xứ suốt ngày đêm, khéo tu thiền định thâm sâu, tâm không tán loạn, khéo dứt dục ái và pháp ái, đối các pháp tâm không nhiễm trước, được chỗ tâm an ổn đệ nhất, nếu tâm bồn chồn vội vàng thì niệm có chỗ quên mất. Tâm Phật không có được mất, vì vậy nên không lỗi. Phật có Túc mạng thông, ba minh, mười lục, ba thứ trang nghiêm niệm, nên niệm được thành tựu không lỗi, vì niệm phần nhiều dụng ở quá khứ.

* Lại nữa, niệm căn niệm lực vô biên vô tận nên niệm không lỗi.

* Lại nữa, hết thấy ý nghiệp của Phật hành theo trí tuệ nên niệm không lỗi. Mỗi mỗi niệm đều theo ý hành. Như vậy gọi là niệm không lỗi, như trong kinh Trời hỏi nói:

*“Người nào không lỗi làm?
Người nào không mất niệm?
Người nào thường nhất tâm?
Làm được việc đáng làm,
Chánh biết hết thấy pháp,
Thoát hết tất cả chướng,
Thành tựu các công đức,
Chỉ có một mình Phật”.*

Không dị tướng: Phật đối với chúng sanh không có phân biệt, không có tướng xa gần dị biệt: người ấy quý có thể nói cho, người kia hèn không thể nói cho. Như mặt trời xuất hiện chiếu khắp vạn vật, ánh sáng đại bi của Phật bình đẳng thương xót cứu độ hết thấy chúng sanh, người cung kính, người không cung kính, oán, thân, quý, tiện, tất cả đều bình đẳng, như người hốt phân tên Ni-đà, Phật cũng hóa độ cho thành đại A-la-hán, như cư sĩ Đức Hộ, làm hầm lửa, bỏ độc vào đồ ăn muốn để hại Phật, liền trong ngày ấy được trừ ba độc, diệt lửa tà kiến. Như vậy là không có tướng dị biệt.

* Lại nữa, đối với Xá-lợi-phất, Di-lặc Bồ-tát... thuận theo Phật pháp tu hành, Phật cũng không thiên ái, đối với Đề-bà-đạt-đa, Phú-

la-na ngoại đạo, lục sư tà kiến... Phật cũng không ghét, ấy là Phật huân tu tâm trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, nên là báu ở giữa chúng sanh, như chơn kim không thể làm cho biến khác được.

* Lại nữa, Phật dùng Phật nhãn ngày đêm sáu thời quán hết thấy chúng sanh ai có thể độ, không bỏ mất thời. Phật bình đẳng quán chúng sanh, nên không có tướng dị biệt.

* Lại nữa, Phật dùng các nhân duyên, khen thiện pháp chê bất thiện pháp, tâm cũng không tăng giảm đối với thiện ác, chỉ vì độ chúng sanh, nên mới có sự phân biệt, ấy là không có tướng dị biệt.

* Lại nữa, như trong kinh Nhất thiết bất hành nói: Phật quán hết thấy chúng sanh như thân mình, việc cần làm đã làm xong, không đầu, không giữa, không cuối, ấy gọi là không có tướng dị biệt.

* Lại nữa, Phật quán hết thấy chúng sanh và các pháp, từ xưa lại nay không sanh không diệt, thường thanh tịnh như Niết-bàn; ấy gọi là không có tướng dị biệt.

* Lại nữa, vào cửa pháp bất nhị là cửa các pháp thật tướng. Dị tướng tức là hai pháp, hai pháp tức là tà đạo. Phật là người không đối pháp, không nên hành đối pháp, thường hành vào cửa pháp bất nhị. Đối pháp tức là dị tướng. Như vậy gọi là không có tướng dị biệt.

Không có tâm bất định: Định là nhất tâm không loạn, trong tâm loạn không thể thấy được sự thật, như nước dậy sóng không thể trông thấy mặt, như đèn giữa gió không thể soi tỏ. Do vậy nói Phật không có tâm bất định.

Hỏi: Định là từ Vị đáo địa cho đến Diệt tận định. Vào trong các định không thể khởi thân nghiệp, khẩu nghiệp. Nếu Phật thường định, không có lúc nào tâm không định, thời làm sao du hành các nước, đủ bốn oai nghi, vì đại chúng dùng đủ nhân duyên, thí dụ mà thuyết pháp? Việc như vậy, tâm thuộc Dục giới và ở Phạm thế không vào định, mới có thể có việc ấy?

Đáp: Không có tâm bất định có nhiều nghĩa. Định là thường nhiếp tâm ở trong thiện pháp, Phật định ở trong các pháp thật tướng, không thối không mất, ấy gọi là không có tâm bất định.

* Lại nữa, ở trong Dục giới có định, vào trong định ấy có thể thuyết pháp. Vì vậy nên trong A-tỳ-đàm nói: hệ thuộc Dục giới, có các công đức thù diệu là bốn thánh chủng, bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, Vô tránh tam-muội, nguyên trí, bốn trí vô ngại. Phật vào định ở trong Dục giới nên gọi là không có tâm bất định. Các Thanh văn, Bích-chi Phật từ định khởi dậy, thì hoặc lại vào vô ký tâm hoặc vào thiện tâm, hoặc thối lui vào cấu tâm, còn Phật từ định khởi dậy liền vào định Dục giới, không hề có lúc nào tâm tán loạn, do vậy nên gọi là không có tâm bất định.

* Lại nữa, như ở trong pháp Thanh văn, hóa nhân thuyết pháp thì hóa chủ không thuyết, hóa chủ thuyết pháp thì hóa nhân không thuyết. Phật thời không như vậy, hóa chủ hóa nhân đều có thể đồng thời thuyết pháp. Tâm định cũng có thể khác. Thanh văn vào định thời không thuyết, Phật ở trong định cũng có thể thuyết pháp, cũng có thể du hành, như tâm mật trong kinh Mật Tích nói: chư Phật tâm thường ở trong định, tâm cũng có thể thuyết pháp.

* Lại nữa, pháp làm tâm tán loạn là các kiết sử, nghi, hối, Phật không có các thứ đó. A-la-hán tuy không còn nghi đối với lý Tứ đế, nhưng đối hết thấy pháp chỗ chỗ có nghi, Phật đối với hết thấy pháp, thường định không nghi, vì không có trí tuệ bất định.

* Lại nữa, Thanh văn còn có các phiền não tập khí, có thối pháp cho nên tán loạn, Phật đối với chỗ nhất thiết trí, trí viên mãn cho nên không loạn; như trong bình nước đầy, thời không động không tiếng.

* Lại nữa, chỉ một mình Phật là không đối pháp, tối thượng giữa ba hạng người kiên cố, khổ vui tâm không đối khác, tướng nhất, tướng di, tướng sanh diệt, tướng đoạn thường, tướng đi lại, các pháp tướng như vậy, đều là pháp hư đối, pháp hòa hợp hư vọng làm ra,

Phật an trú trong các pháp thật tướng, nên tâm không có bất định. Không bất định nên tâm không đổi khác.

* Lại nữa, trong năm pháp không thể nghĩ bàn (*chúng sanh nhiều ít, nghiệp lực, long lực, thiên định lực, Phật pháp lực - N.D*), Phật lại rất không thể nghĩ bàn. Mười tám pháp không chung ấy là tạng thâm thâm của Phật, ai có thể nghĩ bàn được. Do vậy, Phật không có tâm bất định, việc chắc chắn phải như vậy.

Phật tuy thường nhập định, không có thô tâm giác quán, nhưng có trí tuệ không thể nghĩ bàn, cho nên cũng có thể thuyết pháp; ví như nhạc trời, tùy theo trời muốn, các tiếng ứng ra, cũng là vô tâm, cũng là pháp vô thức, do nhân duyên phước đức của chư thiên nên có được như vậy. Như nhạc trời vô tâm, vô thức mà hay cảm ứng vật, hưởng Phật hữu tâm mà không thuyết pháp. Do vậy nói Phật không có tâm bất định.

Không có điều không biết đã xả: Chúng sanh có ba thọ là thọ khổ, thọ vui, thọ không khổ không vui. Thọ khổ sanh sân, thọ vui sanh ái, thọ không khổ không vui sanh ngu si. Ba thọ ấy thọ khổ sanh khổ, ở trong khổ thì mất vui, thọ vui sanh vui, ở trong vui thì mất khổ, còn thọ không khổ không vui thì không biết là khổ, không biết là vui, những người độn căn phần nhiều biết thọ khổ thọ vui, còn đối với thọ không khổ không vui, không hay không biết mà chỉ có tâm xả, ấy là bị kiết sử ngu si sai khiến. Phật đối với thọ không khổ không vui biết rõ khi nó sanh, biết rõ khi nó trụ, biết rõ khi nó diệt. Do vậy nói Phật không có tâm không biết đã xả.

Hỏi: Trong đây thế nào gọi là xả? Không khổ không vui tức là xả? hay xả giác chi trong bảy giác chi? hay xả trong bốn tâm vô lượng gọi là xả?

Đáp: Không khổ không vui tức là xả. Xả trong hai chỗ kia cũng như vậy, vì sao? Vì các người khác đối thọ không khổ không

vui, trong mỗi niệm khi sanh, khi trụ, khi diệt, thật lâu mới rõ, còn Phật trong mỗi niệm đều biết rõ; xả giác chi trong bảy giác chi, nếu tâm chánh đẳng không trầm không động, lúc ấy là xả. Nếu khi trầm thì hành tinh tấn tương, nếu khi động thì hành nhiếp tâm tương. Các Thanh văn, Bích-chi Phật hoặc có khi nhiếp tâm sai, tâm rung động chưa được bình đẳng liền xả, còn Phật ở trong mỗi niệm tâm thô, tế cạn sâu đều biết hết, biết rồi mới xả.

Hỏi: Nếu như vậy, sao Phật vì Nan-đà nói, bảo các Tỳ-kheo rằng: Nan-đà đối với các thọ khi sanh giác biết, khi trụ giác biết, khi diệt giác biết. Các tướng các giác cũng như vậy?

Đáp: Giác biết có hai: 1. Giác biết trong tâm khổ thọ sanh biết khổ thọ sanh, khổ thọ trụ biết khổ thọ trụ, khổ thọ diệt biết khổ thọ diệt; lạc thọ sanh biết lạc thọ sanh, lạc thọ trụ biết lạc thọ trụ, lạc thọ diệt biết lạc thọ diệt. Bất khổ bất lạc thọ cũng như vậy. Chỉ biết được tướng tổng quát không biết được tướng riêng biệt. 2. Trong mỗi niệm có khổ thọ, lạc thọ, bất khổ bất lạc thọ đều giác đều biết. Tâm số pháp trong mỗi niệm, không điều gì không biết mà bỏ qua. Do vậy nói Phật không có điều không biết đã xả.

* Lại nữa, có khi Phật bỏ chúng sanh, để vào thiên định thậm thâm một tháng hai tháng. Có người nghi: Phật vì độ chúng sanh mà ra đời, có sao thường nhập định? Phật nói: Ta có đủ nhân duyên biết rồi nên xả, chứ chẳng phải không biết đã xả.

Hỏi: Thế nào là nhân duyên biết rồi mới xả?

Đáp: Đối với đại chúng mệt nhọc nhàm chán nên tạm nghỉ.

* Lại nữa, Phật đời đời thường ưa hạnh viễn ly, khi Bồ-tát ở trong thai mẹ, mẹ cũng ưa hạnh viễn ly, đi khỏi thành bốn mươi dặm ở trong vườn Lâm-tỳ-ni đản sanh, khi thành đạo, tại trong rừng Ưu-lâu-tần-loa (Uravela) một mình ở dưới cây thành Phật, lúc ban đầu Chuyển pháp luân cũng ở tại rừng Nai chỗ tiên nhân ở, lúc vào Niết-

bàn thì ở dưới cây Ta-la song thọ, mãi mãi ưa hành hạnh viễn ly. Do vậy nên Phật vào thiền định.

* Lại nữa, Phật thường thành tựu tâm xả, cho nên vào thiền định.

* Lại nữa, Phật thường xa lìa chỗ ồn ào tạp ngữ, tự quán công đức tạng của chư Phật, hưởng thọ cái vui thanh tịnh đệ nhất, cho nên vào thiền định.

* Lại nữa, khi Phật thuyết pháp xong, thường dạy các Tỳ-kheo nên tọa thiền, để sau khỏi hối hận, miệng nói và thân cũng tự làm như vậy, cho nên vào thiền định.

* Lại nữa, chán ghét cúng dường, biết chúng sanh kẻ đáng được độ, vào thiền định làm hóa nhân đi đến độ.

* Lại nữa, có chúng sanh định ít tuệ nhiều, nên thân thị hiện hành thiền để giáo hóa.

* Lại nữa, có người vì thường thấy Phật nên sanh tâm nhằm chán, Phật tạm xa lánh để khiến họ khao khát trông thấy.

* Lại nữa, Phật muốn thuyết pháp cho chư thiên, nên ở chỗ nhàn tịnh.

* Lại nữa, Phật muốn làm phép tắc cho đời sau, cho nên tọa thiền.

* Lại Phật tự Chuyển pháp luân xong, đem việc ấy giao phó lại đệ tử, nên vào thiền định.

* Lại nữa, thị hiện hai đạo để nhiếp hóa chúng sanh: 1. Thiền định, 2. Trí tuệ. Phật thuyết pháp ở giữa đại chúng, là thị hiện trí tuệ; ở chỗ vắng nhiếp tâm là thị hiện thiền định.

* Lại nữa, chúng sanh đối với sáu trần có ba cách hành xử: Thấy sắc đẹp sanh vui mừng, thấy sắc xấu sanh ưu khổ, thấy sắc không đẹp không xấu sanh xả tâm, cho đến ý biết pháp cũng như vậy. Phật đối với sáu trần rất tự tại, ở chỗ vui mừng ưu khổ đều sanh xả tâm, như được nói trong đoạn Thánh như ý.

Như vậy, do các nhân duyên nên vào thiên định, chẳng phải không biết đã xả.

Dục không giảm: Phật biết cái ân của thiện pháp, nên thường muốn nhóm các thiện pháp, ham muốn ấy không giảm sút. Tu tập các thiện pháp, tâm không biết nhàm đủ, ấy là dục không giảm. Thí như một Trưởng lão Tỳ-kheo mù mắt, tự vá áo Tăng-già-lê, khâu kim không được, nói với mọi người rằng: ai ham muốn phước đức, hãy khâu kim dùm tôi. Bấy giờ Phật hiện ở trước mặt, nói rằng: Ta là người ham muốn phước đức không biết nhàm đủ, hãy đưa kim ông đây. Tỳ-kheo ấy cố gắng thấy được ánh sáng của Phật, lại biết âm thanh của Phật, bạch Phật rằng: biển công đức của Phật vô lượng, đều tận cùng biên tế, có sao không biết nhàm đủ?

Phật bảo Tỳ-kheo: quả báo công đức rất sâu, không có ai như Ta biết phần ân công đức. Ta tuy đã tận cùng biên tế công đức, mà vốn vì tâm Ta ham muốn không nhàm đủ nên được thành Phật, thế nên nay vẫn ham không ngừng. Tuy không có tướng công đức khả đắc, mà tâm ham muốn của Ta cũng không dùng.

Chư thiên, người đời kinh ngạc, tinh ngộ, Phật đối với công đức còn không biết nhàm đủ, huống gì người khác.

Phật nói pháp cho Tỳ-kheo ấy, bấy giờ mắt thịt sáng ra, tuệ nhãn được thành tựu.

Hỏi: Như Phật tướng, đã dứt ham muốn đối với hết thảy thiện pháp, có sao nay nói ham muốn không giảm?

Đáp: Nói dứt ham muốn đối với hết thảy thiện pháp là chưa được muốn được, được rồi muốn tăng ích, Phật không có ham muốn như vậy, hết thảy công đức Phật đã đầy đủ, không có công đức gì không được, cũng không tăng ích. Nay nói ham muốn là như trước nói, Phật tuy có đủ hết thảy công đức mà tâm ham muốn công đức

vẫn không thôi; ví như ngựa báu, tuy đi đến nơi mà tâm muốn đi không ngừng, đến chết không bỏ. Phật bảo cũng như vậy.

* Lại như lửa lớn lúc kiếp tận, đốt cháy hết tam thiên đại thiên thế giới, mà thế lửa vẫn không ngừng, lửa trí tuệ của Phật cũng như vậy, đốt cháy hết phiền não, chiếu rõ các pháp rồi mà lòng ham muốn tương ưng với trí tuệ vẫn không tận.

* Lại nữa, Phật đầy đủ hết thầy công đức thiện pháp, mà chúng sanh chưa độ hết, nên tâm muốn độ không ngừng nghĩ.

Hỏi: Nếu Phật muốn độ chúng sanh chưa ngừng nghĩ, có sao Ngài vào Niết-bàn?

Đáp: Độ chúng sanh có hai lối: hoặc có người hiện tiền đắc độ, hoặc có người sau khi Phật Niết-bàn đắc độ. Như trong kinh Pháp Hoa nói: thầy thuốc chế thuốc đưa cho các đứa con, các con bỏ không dùng, vì thế nên vào Niết-bàn.

* Lại nữa, có chúng sanh căn độn đức mỏng, không thành đại sự được, chỉ có thể gieo nhân duyên phước đức, vì thế nên vào Niết-bàn.

Hỏi: Sau khi Phật diệt độ, cũng có người chứng được A-la-hán, có sao nói chỉ có thể gieo nhân duyên phước đức?

Đáp: Tuy có người chứng được A-la-hán, nhưng ít nên không nói. Như lúc Phật còn ở đời, một lần thuyết pháp, có vô số chúng sanh trong mười phương đắc đạo, sau khi Phật diệt độ thời không như vậy, ví như nước lớn đi chinh phạt, tuy được chút ít thì không gọi là được. Vậy nên, tuy chúng sanh chưa độ hết, mà Phật vào Niết-bàn.

* Lại nữa, trong kinh Đại thừa Thủ-lăng-nghiêm nói: Phật ở thế giới trang nghiêm, sống lâu 700 A-tăng-kỳ kiếp, độ thoát chúng sanh. Do vậy nên nói Phật có ham muốn không giảm.

Tinh tấn không giảm: Như nói nghĩa ham muốn ở trong phần nói về dục không giảm ở trên, chính là tinh tấn.

Hỏi: Nếu như vậy thời không có mười tám pháp không chung. Lại nữa, dục và tinh tấn là hai tâm số khác nhau, cứ sao nói dục chính là tinh tấn?

Đáp: Dục là mới khởi hành, dục tăng trưởng gọi là tinh tấn. Như Phật nói: hết thấy pháp, dục là căn bản. Dục như người khát muốn được uống, tinh tấn như nhân duyên phương tiện, tìm cầu được uống. Dục là tâm muốn được, tinh tấn là thành được việc ấy. Dục thuộc ý nghiệp, tinh tấn thuộc ba nghiệp. Dục là trong, tinh tấn là ngoài. Sai khác nhau như vậy.

* Lại nữa, tinh tấn là điều chư Phật ưa, như đức Thích-ca Mâu-ni Phật do sức tinh tấn mà vượt được chín kiếp, mau chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

* Lại nữa, như nói một lần Phật bảo A-nan: ông hãy thuyết pháp cho các Tỳ-kheo, Ta đau lưng tạm nghỉ một lát. Rồi Thế Tôn gập y Uất-đa-la-tăng thành bốn lớp trải dưới, lấy y Tăng-già-lê gói đầu nằm. Khi ấy A-nan thuyết về ý nghĩa bảy giác phần, đến tinh tấn giác phần, Phật nghe bỗng ngồi dậy nói với A-nan: ông tán thán tinh tấn ư? A-nan thưa: tán thán! Như vậy nói ba lần.

Phật khen: lành thay! lành thay! khéo tu tinh tấn, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác còn chứng được, huống gì đạo quả khác. Do nghĩa ấy, Phật tinh tấn không giảm. Lúc bệnh còn không nghỉ, huống là không bệnh.

* Lại nữa, Phật vì độ chúng sanh nên bỏ cái vui trong thiên định thậm thâm, dùng các loại thân, các loại ngữ ngôn, các loại phương tiện để độ thoát chúng sanh, có khi đi qua đường hiểm ác, có khi ăn đồ ăn xấu, có khi chịu lạnh, nóng, có khi gặp kẻ tà kiến nạn vắn, miệng dữ mắng nhiếc, vẫn nhẫn chịu không chán. Phật, Thế Tôn tuy đã tự tại đối với các pháp, mà hành việc ấy không giải đãi, như Phật độ chúng sanh xong, ở giữa rừng Sa-la nằm dưới cây song thọ.

Phạm-chí Tu-bạt-đà-la nói với A-nan: tôi nghe đấng nhất thiết trí, sẽ Niết-bàn đêm nay, tôi muốn gặp Phật. A-nan ngăn lại nói: Phật thuyết pháp cho mọi người, đang mệt lắm.

Phật từ xa nghe tiếng bảo: A-nan để cho ông Tu-bạt-đà vào, đây là đệ tử cuối cùng của Ta.

Tu-bạt-đà được vào, hỏi Phật chỗ nghỉ, Phật theo ý thuyết pháp, Tu-bạt-đà dứt nghỉ, được đạo, nhập Vô dư Niết-bàn trước Phật.

Các Tỳ-kheo bạch Phật rằng: Thế Tôn rất là hy hữu, cho đến cuối cùng còn thương xót Phạm-chí ngoại đạo, mà cùng nói năng.

Phật dạy: Ta chẳng phải chỉ đời nay lúc cuối cùng còn hóa độ, mà đời trước khi chưa đắc đạo, lúc cuối cùng cũng hóa độ. Vô lượng A-tăng-kỳ kiếp quá khứ, có rừng cây lớn, có nhiều cầm thú, lửa nội đến đốt cháy, ba phía lửa đỏ, chỉ còn một phía mà lại cách một dòng nước, cầm thú cùng quần bức bách, không nơi trốn mạng. Ta lúc bấy giờ là con nai thân to sức mạnh, lấy chân trước gác qua một bờ, chân sau chống một bờ, khiến các cầm thú đạp trên lưng mà đi qua, da thịt ta rã hết, vì sức từ bi nên nhẫn chịu cho đến chết, sau chót một con thỏ đi đến, khí lực Ta đã kiệt, tự gắng nỗ lực, khiến nó qua được, qua xong, lưng Ta gãy, rơi xuống nước mà chết. Việc như vậy có từ lâu, chứ chẳng phải chỉ có ngày nay. Những con thú được qua trước là các đệ tử hiện nay, còn con thỏ qua cuối cùng là Tu-bạt-đà vậy.

Phật đời đời vui tu tinh tấn nay vẫn không ngừng, do vậy nên nói tinh tấn không giảm.

Niệm không giảm: Hết thấy trí tuệ tương ưng với pháp của chư Phật ba đời, nên niệm đầy đủ không giảm.

Hỏi: Trước đã nói niệm không lỗi, nay lại nói niệm không giảm. Niệm không lỗi, niệm không giảm là một hay khác? Nếu một thì sao nay còn nói lại, nếu khác thì khác thế nào?

Đáp: Thất niệm là sai lầm, giảm niệm là chẳng kịp. Thất niệm là sai lầm trong các oai nghi cúi ngược đi lại, niệm không giảm là trú trong thiền định thân thông, niệm quá khứ, hiện tại, thông suốt không chướng ngại.

Hỏi: Có sao niệm không giảm chỉ riêng Phật có?

Đáp: Thanh văn, Bích-chi Phật, khéo tu bốn niệm xứ nên niệm được kiên cố, niệm tuy kiên cố nhưng cũng còn giảm thiểu, chướng ngại không thông suốt, như trong đoạn trí lực túc mạng nói: Thanh văn, Bích-chi Phật, niệm về túc mạng cực nhiều trong tám vạn kiếp, đối với rộng lớn thì có giảm, cũng như đối với người kiến đế đạo, không thể mỗi niệm phân biệt, còn Phật ở trong mỗi niệm đều phân biệt rõ ba tướng. Tâm Phật không có một pháp nào đi qua mà không nghĩ nhớ, vì vậy nên chỉ riêng Phật có niệm không giảm.

* Lại nữa, trí lực túc mạng theo niệm mà biết, Phật đối với việc ấy có lực, Thanh văn, Bích-chi Phật còn không có niệm lực ấy hưởng gì người khác!

* Lại nữa, Phật do có nhất thiết trí vô ngại giải thoát thủ hộ niệm, cho nên niệm không giảm. Do các nhân duyên như vậy, Phật có niệm không giảm.

Tuệ không giảm: Phật được hết thấy trí tuệ nên tuệ không giảm. Trí tuệ ba đời vô ngại nên tuệ không giảm.

* Lại nữa, mười lực, bốn việc không sợ, bốn trí vô ngại thành tựu, nên niệm không giảm.

* Lại nữa, ví như dầu đầy, tim đèn tốt, thời ánh sáng mạnh tỏ, Phật cũng như vậy, dầu *Tam-muội vương các tam-muội thiền định*, tim đèn *niệm trong sạch không giảm*, nên ánh sáng trí tuệ vô lượng không giảm.

* Lại nữa, từ sơ phát tâm trong vô lượng vô số kiếp chứa nhóm hết thấy trí tuệ, thâm tâm vì pháp, đầu mắt tùy nã, bỏ hết vật sở hữu

trong ngoài mà bỏ thí, nhảy vào lửa, gieo xuống núi, lột da cắt thân, như vậy không có khổ gì không nhẫn chịu, nhất tâm vì chứa nhóm trí tuệ nên tuệ không giảm.

* Lại nữa, trí tuệ của Phật nhờ hết thấy công đức trì giới, thiên định giúp thành, nên tuệ không giảm.

* Lại nữa, đời đời tìm hết thấy kinh sách, pháp đời, pháp Phật, thô tế, thiện bất thiện đều học biết hết, nên tuệ không giảm.

* Lại nữa, từ chỗ mười phương vô lượng chư Phật, nghe pháp, tụng đọc, tư duy, tu tập, vấn nạn, nên tuệ không giảm.

* Lại nữa, vì hết thấy chúng sanh, vì tăng ích hết thấy thiện pháp, phá hết thấy vô minh, nên tuệ không giảm.

* Lại nữa, trí tuệ ấy thật biết tướng các pháp không sanh không diệt, không sạch, không nhơ, không tác, không hành, không phân biệt là trí chẳng phải trí, biết các pháp nhất tướng bình đẳng, thanh tịnh như hư không, không nhiễm, không trước, không dùng hai pháp, nên được pháp tướng bất nhị nhập. Pháp tướng bất nhị nhập vô lượng vô biên, thế nên tuệ không giảm. Các nhân duyên như vậy, tuệ không giảm.

Giải thoát không giảm: Giải thoát có hai: hữu vi giải thoát và vô vi giải thoát. Hữu vi giải thoát là giải thoát tương ưng với trí tuệ vô lậu. Vô vi là giải thoát là hết thấy tập khí phiền não đều dứt hết không còn. Phật đối với hai giải thoát không giảm, vì có sao? Vì Thanh văn, Bích-chi Phật trí tuệ không lớn, không nhạy bén, phiền não không dứt hết, nên trí tuệ có giảm, còn Phật trí tuệ nhạy bén đệ nhất, tập khí phiền não dứt sạch vĩnh viễn không còn, cho nên giải thoát không giảm.

* Lại nữa, như trong đoạn lậu tận lực nói, giải thoát của Phật và Thanh văn, có khác nhau. Phật được lực lậu tận nên giải thoát không giảm, nhị thừa không có lực ấy nên giải thoát có giảm.

Giải thoát tri kiến không giảm: Phật đối với các giải thoát, trí tuệ thanh tịnh vô biên vô lượng, gọi là giải thoát tri kiến không giảm.

Hỏi: Phật đối với hết thảy pháp không giảm, có sao chỉ trong sáu việc không giảm?

Đáp: Đối với hết thảy việc tự lợi, lợi tha, bốn việc có thể làm cho đầy đủ: Dục cội gốc của việc mong cầu hết thảy thiện pháp. *Tinh tấn* khả năng thật hành. *Niệm* khả năng thủ hộ, như người giữ cửa, người thiện cho vào, người ác ngăn lại. *Tuệ* soi hết thảy pháp môn, dứt hết thảy phiền não. Dùng bốn pháp ấy, việc được thành tựu.

Quả báo của bốn pháp ấy có hai: 1. Giải thoát. 2. Giải thoát tri kiến. Nghĩa giải thoát như trước đã nói. Còn nghĩa giải thoát tri kiến là dùng giải thoát tri kiến ấy biết hai tướng giải thoát ấy là hữu vi và vô vi giải thoát.

Biết các tướng giải thoát, đó là thời giải thoát, bất thời giải thoát, tuệ giải thoát, câu giải thoát, hoại giải thoát, bất hoại giải thoát, tám giải thoát, bất khả tư nghĩ giải thoát, vô ngại giải thoát... Phân biệt các tướng giải thoát bền chắc không bền chắc, ấy gọi là giải thoát tri kiến không giảm. Như trong đoạn nói về niệm Phật, Phật thành tựu năm vô lậu uẩn, giải thoát tri kiến uẩn, trong đây đã có nói rộng.

Hỏi: Giải thoát tri kiến, chỉ nói biết, sao còn nói kiến?

Đáp: Nói biết, nói kiến, sự được bền chắc; ví như hai giây hiệp làm một thời bền chắc.

* Lại nữa, nếu chỉ nói biết, thời không thu nhiếp hết thảy tuệ, như Luận tạng nói, Tuệ có ba thứ: có thứ biết chẳng phải thấy, có thứ thấy chẳng phải biết, có thứ cũng thấy cũng biết. Biết chẳng thấy là tận trí, vô sanh trí, trí tương ưng năm thức. Thấy chẳng phải biết là tám nhãn (*Khổ pháp nhãn, tập pháp nhãn, diệt pháp nhãn, đạo pháp nhãn, khổ loại nhãn, tập loại nhãn, diệt loại nhãn, đạo loại nhãn* - *N.D chú*), thế gian chánh kiến, năm tà kiến. Cũng biết cũng thấy là

các tuệ còn lại. Nếu nói biết thời không bao gồm thấy, nếu nói thấy thời không thu nhiếp biết, vì vậy nói tri kiến thời đầy đủ.

* Lại nữa, như tụng đọc, phân biệt, trừ lượng theo người gọi là biết, tự mình chứng được gọi là thấy, ví như tai nghe việc ấy, vẫn còn hồ nghi, ấy là biết, chính tự mắt thấy, rõ ràng không nghi, ấy là thấy. Biết và thấy đối với giải thoát cũng sai khác như vậy.

* Lại nữa, có người nói: A-la-hán còn nghi đối với giải thoát của chính mình, không thể tự biết rõ là A-la-hán hay chẳng phải là A-la-hán. Phật vì phá tà kiến ấy nên nói các thánh nhân đối với giải thoát cũng biết cũng thấy. Các A-la-hán tuy được giải thoát tri kiến, mà giải thoát tri kiến có giảm vì không được nhất thiết trí, vì không thành tựu trí tuệ căn thượng thượng, vì không phân biệt được biệt tướng các pháp khi sanh khi diệt trong mỗi niệm; còn Phật thành tựu trí tuệ căn thượng thượng, biết biệt tướng các pháp sanh diệt trong mỗi niệm, nên giải thoát tri kiến không giảm.

* Lại nữa, thành tựu đầy đủ pháp nhãn thanh tịnh như đã nói ở trong nghĩa pháp nhãn. Biết chúng sanh ấy do cửa *Không giải thoát* vào Niết-bàn, chúng sanh ấy do cửa *Vô tướng giải thoát* vào Niết-bàn, chúng sanh ấy do cửa *Vô tác giải thoát* vào Niết-bàn; biết chúng sanh ấy do cửa *Quán năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới*, do các pháp môn như vậy được giải thoát.

Phật đối với giải thoát tri kiến biết hết biết khắp, thế nên nói. Phật giải thoát tri kiến không giảm.

Hết thấy thân nghiệp, hết thấy khẩu nghiệp, hết thấy ý nghiệp, hành theo trí tuệ: Phật hết thấy thân, khẩu, ý nghiệp trước biết rồi sau theo chỗ biết mà hành. Thân, khẩu, ý nghiệp của chư Phật, mọi hành động đều lợi ích chúng sanh, cho nên gọi là trước biết rồi sau theo trí tuệ mà hành. Như trong Kinh nói: chư Phật cho đến thở vào thở ra còn lợi ích chúng sanh, huống gì thân, khẩu, ý nghiệp có làm

mà không lợi ích? Các chúng sanh oán ác nghe hương khí hơi thở ra vào của Phật, đều được tín tâm thanh tịnh, ưa vui nơi Phật; chư thiên nghe hương khí hơi thở của Phật cũng đều bỏ năm dục, mà phát tâm tu thiện. Do vậy, nói thân, khẩu, ý nghiệp hành theo trí tuệ. Thanh văn, Bích-chi Phật không có việc ấy. Tâm cố làm thiện rồi sau thân, khẩu nghiệp mới thiện, mà ý nghiệp có khi vô ký, không theo trí tuệ mà tự sanh, hưởng gì người khác, như Tỳ-kheo Kiều-phạm-ba-đề tuy chúng được A-la-hán mà tự nhả đồ ăn ra rồi nhai lại; nghiệp ấy không theo trí tuệ.

* Lại như Tỳ-kheo A-la-hán Ma-đầu Ba-tur-đà nhảy trên xà nhà, gác, trên vách, cây.

* Lại như Tỳ-kheo Tất-lãng-già-bà-ta mắng nữ thân sông Hằng rằng “Con bé”. Như vậy là thân khẩu nghiệp trước không có trí tuệ cũng không theo trí tuệ mà hành. Phật không có việc ấy.

Hỏi: Nếu như vậy sao Phật có khi thân khẩu nghiệp in tuồng không theo trí tuệ hành, vì sao? Vì là khi Phật vào trong chúng ngoại đạo thuyết pháp mà họ đều không tin thọ? Lại có lần Phật ở giữa đại chúng thuyết pháp, bày ngược cho Ni-kiền-tử thấy? Lại vì một người nghi không thấy hai tướng mà Phật ở giữa đại chúng bày tướng lưỡi và tướng âm tàng? Lại mắng các đệ tử, các người là người ngu cuồng! mắng Đề-bà-đạt-đa người là người cuồng, người chết, người nhỏ mửa! Phật kết giới không cho phép giữ tám thứ bình bát, chỉ cho Tỳ-kheo dùng hai thứ bình bát hoặc bằng sành hoặc bằng thiết, mà Phật lại tự dùng bát đá? Có khi ngoại đạo nạn vấn, Phật im lặng không trả lời?

* Lại Phật ở chỗ này nói hữu ngã, chỗ kia nói vô ngã; chỗ này nói các pháp có, chỗ kia nói các pháp không. Như vậy thân khẩu nghiệp của Phật in tuồng không theo trí tuệ mà hành. Thân khẩu nghiệp không lìa ý nghiệp, ý nghiệp cũng phải có khi không theo trí tuệ hành, vậy có sao nói Phật thường theo trí tuệ hành?

Đáp: Nói như vậy không đúng. Đối với các việc ấy đều trước có trí tuệ, rồi sau các nghiệp theo trí tuệ mà hành, vì có sao? Vì Phật vào giữa chúng ngoại đạo, tuy biết đời nay họ không tin không thọ, mà vì để gieo nhân duyên lớn cho đời sau. Lại để ngăn ngoại đạo phải báng nói Phật tự cao mạng, vì vậy Phật tự đi vào trong chúng đó. Lại ngoại đạo nói: Phật tự nói có tâm đại bi tế độ khắp tất cả, mà chỉ vì bốn chúng thuyết pháp, còn chúng ta đây cũng là người xuất gia cầu đạo mà không thuyết cho! Lại như trong kinh Bát-nhã này nói: Phật đi đến giữa chúng ngoại đạo thuyết pháp, họ không nói là không tin thọ. Phật từ xa trông thấy ngoại đạo đại hội, lớn tiếng luận nghị, định đến nơi khác, lại quay trở lại đi vào đây. Các luận nghị sư từ xa thấy Phật đi đến, tự mình nói với nhau rằng: các người hãy im lặng! Phật là người ưa tịch tịnh, thấy các người im lặng, Ngài có thể đến đây.

Cả chúng liền im lặng. Phật đi vào giữa chúng ấy thuyết ba đề cho Bà-la-môn, chúng ngoại đạo đều im lặng. Phật nghĩ rằng bọn người cuồng bị ác ma che lấp, pháp này vi diệu, mà cho đến không có một người thử làm đệ tử. Nghĩ vậy, rồi từ tòa đứng dậy đi, những người ấy thoát khỏi ma che, liền tự nghĩ: chúng ta được nghe pháp mầu, tại sao không lấy làm tự lợi, liền cùng đi đến chỗ Phật, làm đệ tử Phật, đắc đạo, lìa khổ.

* Lại nữa, đệ tử ngoại đạo lo sợ thầy họ, nên không dám đến Phật, cho nên Phật tự đi vào giữa chúng ấy thuyết pháp, họ được nghe pháp tin thọ kiên cố, không còn lo sợ thầy họ, lại được làm đệ tử Phật, hoặc đắc dấu đạo. Có các nhân duyên trí tuệ như vậy, nên đi vào chúng ngoại đạo.

* Lại nữa, Tát-giá-kỳ-ni-kiền-tử lấy lá đồng rịt bụng, tự thề rằng: không có người nào bị ta nạn vắn mà không toát mồ hôi bại hoại. Voi lớn cho đến cỏ cây sành đá, nghe tiếng nạn vắn của ta cũng đều toát mồ hôi! Thề như vậy rồi đi đến chỗ Phật; luận nghị với Phật. Phật gạn hỏi, đều không đáp được, mồ hôi đổ xuống đất, cả mình như

ngâm. Phật bảo Ni-kiền, trước ông thề rằng, không người nào nghe ta nạn vấn mà không đổ mồ hôi, nay chính ông đổ mồ hôi xuống đất. Ông thử xem Phật, thấy có mồ hôi chăng? Khi ấy Phật cõi y Uất-đa-la-tăng chỉ cho ông và hỏi: mồ hôi chỗ nào?

* Lại nữa, có người nói, hoặc có người đầu đổ mồ hôi thân không đổ mồ hôi, Phật tuy đầu không đổ mồ hôi mà thân chắc có mồ hôi, vì vậy Phật cõi y Uất-đa-la-tăng bày thân ra, nhân đó ngoại đạo rất tin hướng Phật, đều vào trong Phật pháp, ấy là nhân duyên về trí tuệ, thân nghiệp hành theo.

Phật bày tướng lưỡi, tướng âm tàng là vì có người nghi hai tướng ấy nơi thân Phật, mà người ấy là người có thể đắc đạo, chỉ vì nghi nên không đắc, vì vậy Phật bày hai tướng cho thấy. Lè lưỡi ra phủ cả mặt, lưỡi tuy lớn mà trở vào trong miệng cũng không chướng ngại, người ấy thấy rồi hết nghi. Có người thấy tướng lưỡi lè ra, hoặc sanh tâm khinh mạn, lè lưỡi như con nít, khi thấy lưỡi trở vào miệng mà thuyết pháp không bị trở ngại, liền khởi tâm cung kính, khen chưa từng có.

Có người nghi tướng âm tàng của Phật không hiện. Bấy giờ Thế Tôn hóa làm voi báu, ngựa báu; có tướng âm tàng, chỉ cho thấy và nói: tướng âm tàng của Phật không hiện, cũng giống như vậy. Có người nói, Phật bày tướng âm tàng, chỉ cho một người thấy để dứt nghi của họ. Các luận nghị sư nói: Phật có tâm đại từ bi, nếu có người do thấy tướng âm tàng của Phật mà có thể chứa nhóm thiện căn, phát tâm đại Bồ-đề và sanh tâm rất vui mừng tín kính, thì Phật đều làm cho được thấy, dứt nghi tâm của họ, ngoài ra không ai được thấy!

Phật vì tâm đại bi độ chúng sanh nên đối ba hạng người trên tạm bày ra cho họ thấy nhanh như điện chớp, các chúng sanh ấy thấy rồi, tin Phật có tâm đại bi, chứ thật đối với giới pháp Phật không thủ không đả trước. Do nhân duyên như vậy nên hiện bày hai tướng, chứ chẳng phải đùa cợt, chẳng phải không biết hổ.

Phật nói lời gay gắt với các Tỳ-kheo: các ông là người ngu cuồng. Lời gay gắt có hai loại: 1. Tâm ô cấu sân giận mắng nhiếc. 2. Vì thương xót chúng sanh muốn giáo hóa.

Người ly dục còn không có tâm ô cấu sân giận mắng nhiếc, huống gì Phật! Phật vì thương xót giáo hóa nên nói lời gay gắt. Có chúng sanh nghe lời giáo huấn êm dịu hiền lành không đưa vào khuôn phép đạo được, phải nói lời gay gắt thô kịch mới đưa vào đạo được. Như ngựa hay thấy bóng roi liền chạy, còn lừa ngu phải bị quất đau mới đi; cũng như có thứ ghê được thuốc êm dịu, phun thoa liền lành, có thứ ghê phải lấy dao xẻ lấy thịt thúy ra, xức thuốc dữ mới lành.

* Lại nữa, lời nói gay gắt có năm: 1. Nói thêu dệt. 2. Miệng nói dữ và cũng thêu dệt. 3. Miệng nói dữ và cũng thêu dệt, vọng ngữ. 4. Miệng nói dữ và cũng thêu dệt, vọng ngữ, hai lưỡi. 5. Tâm không phiền não mà nói lời gay gắt để giáo hóa đệ tử, phân biệt điều thiện bất thiện, kéo chúng sanh ra khỏi đất khổ nạn. Dù bốn thứ ác ngữ tội rất nặng. Ác ngữ thứ ba, hai, một tội nhỏ nhẹ lần. Hàng cư sĩ đệ tử Phật chứng đắc đạo quả thứ nhất, thứ nhì sai khiến nô tỳ với lời nói ác, chẳng phải là đạo bất thiện.

Nhiếp luật nghi có hai thứ: hoặc nói thêu dệt, hoặc nói ác và thêu dệt. A-na-hàm, A-la-hán, không có phiền não khởi lời nói ác, chỉ do tịnh tâm, cần nói ác để giáo hóa nên nói ác và nói thêu dệt. A-na-hàm, A-la-hán còn không có phiền não khởi lời nói ác huống gì Phật.

* Lại nữa, nếu Phật có lời nói gay gắt, không nên nghi, không nên nạn vấn cho là Phật có ác tâm phát ra lời nói gay gắt, vì có sao? Vì ác tâm Phật đã dứt lâu rồi, chỉ vì thâm tâm nghĩ tới chúng sanh như cha lành dạy con, tuy có lời gay gắt, cũng vì chỉ thành tựu cho con, chẳng phải là ác tâm. Lúc Phật còn làm Bồ-tát, ba độc chưa hết, làm tiên nhân tên là Sần-đề bị vua ác cắt tai, mũi, tay, chân mà không sanh tâm ác, không nói lời ác. Bây giờ chưa đắc đạo, còn không có ác tâm, huống gì khi được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác,

ba độc đã hết, đầy đủ tâm đại từ bi đối với chúng sanh, sao được nghi Phật có ác tâm, nói lời gay gắt.

* Lại nữa, nếu Phật nói nguời là người ngu cuồng, thì ấy là lời êm dịu, lời nói thật, vì sao? Vì ba độc phát sanh gọi là ngu cuồng, lại đem việc lành làm lợi ích cho mà không khấn chịu, không hiểu ý Phật, không lãnh thọ lời Phật, ấy là ngu cuồng.

* Lại nữa, Phật bên trong thường hành trí tuệ vô ngã, bên ngoài thường quán các pháp không, như vậy thì làm sao có ác khẩu? Đó chỉ do chúng sanh không hiểu tâm Phật, nên tìm chỗ đỡ nơi lời nói của Phật, nếu chúng sanh hiểu Phật lấy tâm thương xót, thời giả sử Phật khiến nhảy vào lửa lớn liền hoan hỷ nhảy vào, như người bị nóng bức nhảy vào ao nước mát, huống gì Phật chỉ nói mà không chịu lãnh thọ. Chúng sanh bị ác ma che lấp không biết, nên Phật đem tâm thương xót tới, mà không lãnh thọ lời Phật. Vì vậy, Phật nói nguời là người ngu cuồng.

* Lại nữa, có người nghe lời nói gay gắt thì vui mừng nói: vì thương ta nên nói như vậy. Vì vậy, Phật nói nguời là người ngu cuồng.

Phật nói: Đê-bà-đạt nguời là người cuồng, người chết, người súc nhỏ. Người cuồng là vì Đê-bà-đạt tội nặng sẽ sa vào địa ngục A-tỳ, cho nên nói ba lời gay gắt. Người chết là tợ như người mà không thể chứa nhóm các điều thiện. Cũng vì Đê-bà-đạt cạo đầu mặc áo pháp, tợ như thánh nhân, mà bên trong không có tuệ mạng, nên gọi là người chết. Như người chết được trang sức đủ thứ mà dần dần tiêu hoại, không thể làm cho sống được, Đê-bà-đạt cũng như vậy. Phật ngày ngày giáo hóa cho đủ cách mà ác tâm càng mạnh, pháp ác bất thiện ngày càng tăng, cho đến gây ba tội nghịch, vì vậy nên gọi là người chết. Người súc nhỏ là vì Đê-bà-đạt tham lợi dưỡng mà hóa làm đũa trẻ nít thân trời, ở trong tay ôm của vua A-xà-thế, vua than miệng ông thú, nên nhỏ nước miếng bảo súc miệng. Vì vậy gọi là người súc nhỏ.

Hỏi: Đê-bà-đạt đã được thiên định, đã lia dục, có sao còn súc miệng bằng nước miếng của người khác?

Đáp: Người ấy ác tâm cũng sâu, căn kia cũng nhạy bén, lia dục cho nên có thể biến hóa, khi súc nước miếng liền mất, vì căn nhạy bén nên khi tìm lại liền được, vì vậy nên gọi là người súc nhỏ. Nghĩa cuồng như đoạn trước đã nói.

* Lại nữa, vì Đê-bà-đạt bạch Phật: Phật đã già yếu, thường ưa nhàn tịnh, Ngài có thể vào rừng tự vui, Tăng chúng có thể giao cho tôi. Phật nói: Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên... có trí tuệ lớn, là người hiền thiện, nhu hòa, thanh tịnh, Ta còn không cho nhiếp Tăng, huống gì người là người cuồng, người chết, người súc nhỏ.

Có các nhân duyên như vậy, Phật đối với các pháp tuy không nhiệm trước mà vì giáo hóa nên nói lời gay gắt.

Phật không cho Tỳ-kheo dùng tám thứ bình bát: Những bát châu báu vàng, bạc... vì vật báu bị người tham, khó kiếm được, sanh tham đắm, nên không cho cất giữ bảo vật đó, cho đến không được lấy tay cầm, cũng không được cất giữ các danh bảo, nếu có làm phép tịnh thí, thời được dùng, vì giá trị không còn quý. Bát gỗ dùng để sanh cấu bẩn, bất tịnh nên không cho dùng. Ba thứ bát khác (sành, thiết, đá) không có các việc như vậy.

Hỏi: Bát sành, thiết cũng dễ bị cấu bẩn không khác bát gỗ, tại sao cho phép dùng?

Đáp: Bát sành, thiết, nếu không hun khói cũng không được phép dùng, do hun khói nên không bị cấu bẩn. Bát đá có thô, tế. Đá mịn láng cũng không bị cấu bẩn cho nên Thế Tôn tự dùng, nhưng Phật không cho Tỳ-kheo dùng vì nó nặng, sức của Phật hơn vạn con voi trắng, nên không cho là nặng. Vì thương các Tỳ-kheo nên không cho phép dùng.

Hỏi: Thị giả La-đà, Du-thiện-ca, Tu-na-sát-la-đa, Na-già-ta-bà-la, A-nan... thường hầu Phật bưng bình bát, có sao Phật không thương xót?

Đáp: Các thị giả tuy bưng bát của Phật, song vì oai đức của Phật và vì tâm cung kính tôn trọng Phật, nên không biết nặng. Lại, thân lực A-nan cũng to lớn.

* Lại nữa, vì bát đá mịn láng khó kiếm được, còn thô xám thì bị dính cầu bần, nên không cho phép dùng.

Bát đá của Phật tự nhiên sanh ở bốn chót núi của bốn vua trời, các người khác không có bát tự nhiên ấy, nếu tìm cho có để làm rất khó, bị trở ngại mất công nhiều, nên Phật không cho phép dùng.

* Lại muốn cho bát của Phật khác với đệ tử, nên Phật dùng bát đá.

* Lại như quốc vương, được mọi người tôn trọng, thì đồ dùng để ăn cũng khác. Có người thấy bát của Phật khác với bát người khác, càng thêm tôn trọng cúng dường, sanh tín tâm thanh tịnh.

Hỏi: Nếu bình bát đã phải khác có sao y lại đồng?

Đáp: Y của Phật cũng khác. Khi Phật mới thành đạo, biết y của Phật Ca-diếp, thích hợp với Phật mang. Y của Phật Ca-diếp giá trị mười vạn lượng vàng. Sau đó lương y Kỳ-vức (Jivaka) dâng cho Phật cái y Thâm-ma-căn-kiết-bá cũng giá trị mười vạn lượng vàng. Phật dạy A-nan đem y ấy cắt may thành y Tăng-già-lê. May xong Phật nhận mang, ấy là khác.

Hỏi: Phật nhân đó bảo các Tỳ-kheo, từ nay có vị Tỳ-kheo nào nhất tâm cầu Niết-bàn, trái bỏ thế gian, nếu muốn mặc thì cho phép mặc y giá trị mười vạn lượng vàng, cũng cho phép ăn đồ ăn trăm vị. Đồ ăn khác, y mặc khác mà sau cho phép, sao riêng bình bát không cho phép?

Đáp: Trước tôi đã nói nhân duyên về bát đá, nay nói thêm: Bát của Phật không thọ nhận từ người. Khi Phật mới Thành đạo, muốn ăn cần đồ đựng, bốn vua trời biết tâm niệm Phật, đem bốn bình bát dâng Phật. Phép của Phật ba đời đều dùng bình bát của bốn vua trời, lúc bấy giờ chưa có chúng tăng, làm sao nói cho phép, về sau nếu cho phép, lại không ai cúng cho bát đá. Lại cõi Diêm-phù-đề không ưa bát đá, cho nên không ai cúng cho.

* Lại nữa, Phật dạy Tỳ-kheo thường nên che dấu công đức, nếu thọ nhận bát đá, người đời sẽ nói bát ấy từ trời rỗng mà có được, nếu bảo người làm thì công phu quá khó. Lại sợ người ta nói Tỳ-kheo này muốn ngang công với Phật, vì vậy nên Phật không cho phép. Còn y, hoặc có người nói Phật ở giữa Tăng thọ nhận y tốt của đàn-việt để mặc riêng mà không cho phép Tỳ-kheo mặc, vì vậy Phật cho phép mặc. Nhưng Tỳ-kheo cũng tự không mặc, vì người thí khó có nên người mặc khó được. Nếu Tỳ-kheo không thanh tịnh thời người ta không cúng, nếu Tỳ-kheo thanh tịnh thì ít muốn, biết đủ, nên không mặc. Phật dứt nghi hoặc của người, nên cho phép mặc y, còn đối bình bát thì không có mong, nên không cho phép dùng.

Hỏi: Như trong kinh nói: Phật Kim cang thân, không nhờ cậy ăn, thì cần gì giữ bát?

Đáp: Phật pháp có hai đạo: 1. Thanh văn đạo. 2. Phật đạo.

Theo pháp Thanh văn, Phật tùy theo cách thức thường lệ của con người có sự ăn dùng, còn theo pháp Đại thừa, phương tiện vì người, nên thị hiện có ăn, mà kỳ thật không ăn.

Hỏi: Thế nào là phương tiện?

Đáp: Phật muốn độ người nên thị hiện làm theo cách thức con người, nếu không như vậy, người ta sẽ nói: Phật chẳng phải người, chúng ta làm sao thực hành được pháp của Phật.

* Lại nữa, có người nhân bố thí mà đắc độ, vì hạng người ấy nên Phật thọ nhận đồ ăn của họ, họ liền nghĩ rằng: Đồ ăn của chúng ta giúp ích thân Phật, nên tâm họ rất hoan hỷ, do tâm hoan hỷ mà tín thọ lời Phật dạy, như đại quốc vương được hạ thần mời ăn, vua tuy không cần, nhưng vì thâm nhiếp người ấy mà ăn ít nhiều, để cho họ hoan hỷ. Do các nhân duyên như vậy, Phật thị hiện thọ thực.

Hỏi: Nếu Phật không ăn thì vật Phật lãnh thọ để ở chỗ nào?

Đáp: Phật sự bất khả tư nghi, không nên hỏi.

* Lại nữa, có người được đồ ăn của Phật mà đắc độ, có Thanh văn thấy sắc, chạm thân, nghe hương mà đắc độ. Người cần đồ ăn mà đắc độ thì Phật lấy đồ ăn cho. Như trong kinh Mật Tích Kim cang nói: Phật lấy đồ ăn để trong miệng, đưa cho vị trời cầu Phật đạo, đem đến mười phương thí.

Hỏi: Nếu như vậy, trong đoạn nói về *Niệm Tăng* trước kia đã nói, đồ ăn của Phật không có chúng sanh nào có thể ăn, nghĩa ấy thế nào?

Đáp: Phật không cho thì không ai có thể ăn, nay Phật cho nên được ăn, vì sao biết? Khi Phật ăn mã mạch, đưa đồ ăn cho A-nan, có Sa-môn Nhị-thập-ức dâng canh ngon cho Phật, Phật lấy canh thừa cho vua Tần-bà-ta-la, do vậy nên biết Phật thọ dụng rồi đem cho thời được ăn, không cho thời không thể tiêu hóa được.

* Lại nữa, vì Phật mà thiết đặt đồ ăn, Phật chưa ăn, người khác ăn không tiêu hóa được, đồ ăn thừa Phật cho ăn thời tiêu hóa được. Vì vậy, nên tuy thật Phật không ăn, mà vì độ người, nên thị hiện thọ thực, cát bình bát.

Phật không đáp mười bốn nạn vấn: Phật có 4 cách đáp: 1. Đáp bằng cách quyết định chắc chắn. 2. Đáp bằng cách phân biệt nghĩa lý rõ ràng. 3. Đáp bằng cách hỏi ngược lại. 4. Đáp bằng cách bỏ qua. Mười bốn nạn vấn ấy, đúng phép nên đáp bằng cách bỏ qua.

Lại nếu có việc lợi ích thời đáp. Ngoại đạo hỏi không phải vì Niết-bàn, chỉ tăng trưởng nghi hoặc, cho nên Phật dùng lời đáp bằng cách bỏ qua. Biết chắc việc có ích thời phân biệt rõ ràng đáp; còn không có ích thì bỏ qua không đáp. Do nhân duyên ấy, biết Phật là bậc nhất thiết trí.

* Lại nữa, nếu Phật nói ba loại pháp là pháp hữu vi, pháp vô vi, pháp bất khả thuyết, thế là đã nói hết thầy pháp.

* Lại nữa, các ngoại đạo ấy, nương dựa thường kiến, nương dựa đoạn diệt kiến, nên hỏi thường, hỏi đoạn diệt. Thật tướng không có thường, đoạn, nên Phật không đáp. Như ngoại đạo thấy thường, thấy vô thường, không có việc ấy, vì có sao? Chỉ vì ngoại đạo thủ tướng nên vướng vào thường, đoạn, còn Phật tuy nói thường, nói vô thường, chỉ vì để đối trị mà dùng thôi.

* Lại nữa, nếu người nói không là có, có là không, người như vậy là tội lỗi. Phật không đáp thời không lỗi, như mặt trời chiếu thiên hạ, không thể làm cho chỗ cao thành thấp, thấp thành cao, chỉ có làm cho hiển hiện mà thôi. Phật cũng như vậy, không làm gì khác đối với các pháp, các pháp có thời nói có, không thời nói không, như nói: sanh làm nhân duyên cho già, chết, cho đến vô minh làm nhân duyên cho hành; có Phật không Phật, pháp nhân duyên ấy tương tục thường ở thế gian. Chư Phật ra đời, vì chúng sanh chỉ bày pháp ấy cho thấy.

* Lại nữa, nếu đáp thường hay đoạn đều có lỗi, như hỏi đứa con của con gái đá, con của kẻ hoàng môn là cao hay thấp, đen hay trắng, loại gì? Những câu hỏi ấy không nên đáp. Mười bốn nạn vẫn cũng như vậy, chỉ lấy thường, đoạn làm gốc để hỏi. Vì thật tướng không thường không đoạn nên Phật không đáp.

Do các nhân duyên như vậy, Phật không đáp mười bốn nạn vẫn, không lỗi.

Phật ở nhiều nơi nói có ngã, nhiều nơi nói không ngã: Nếu với người hiểu nghĩa Phật pháp, biết giả danh, thời nói có ngã, nếu với người không hiểu nghĩa Phật pháp không biết giả danh, thời nói không ngã.

* Lại nữa, Phật vì chúng sanh sắp đọa vào đoạn diệt kiến, thời nói có ngã chịu quả báo tội phước đời sau. Nếu người sắp đọa vào thường kiến, thời vì họ nói không có ngã, không có người làm, không có người chịu, lìa năm uẩn giả danh, thì không có một pháp gì tự tại.

Hỏi: Nếu như vậy, thì những gì là thật?

Đáp: Vô ngã là thật. Như trong ba pháp ấn nói: hết thấy hành (tác pháp) vô thường, hết thấy pháp vô ngã, tịch diệt là Niết-bàn an ổn. Pháp ấn là thật tướng các pháp. Nếu người thiện căn chưa thuần thực, trí tuệ không lanh lợi, Phật không nói pháp vô ngã thâm sâu cho họ. Nếu nói họ liền đọa vào trong đoạn diệt kiến.

Hỏi: Nếu như vậy, như trong lời Ca-diếp hỏi, Phật nói ngã là một bên, vô ngã là một bên, lìa hai bên ấy là trung đạo, sao nay nói vô ngã là thật, có ngã là phương tiện nói?

Đáp: Nói vô ngã có hai: 1. Chấp thủ tướng vô ngã, dính mắc vô ngã. 2. Phá ngã không chấp thủ vô ngã, cũng không dính mắc vô ngã, tự nhiên lìa bỏ. Như vậy trước nói vô ngã là một bên, sau nói vô ngã là trung đạo.

* Lại nữa, Phật nói hữu ngã vô ngã có hai nhân duyên: 1. Dùng theo thế tục thì nói hữu ngã. 2. Dùng theo đệ nhất thật tướng thì nói vô ngã. Như vậy, nói hữu ngã, vô ngã không lỗi.

Phật ở nhiều nơi nói các pháp có, ở nhiều nơi nói các pháp không. *Hỏi:* Không nên nói riêng các pháp có, không, vì có tức là có ngã, không tức là không ngã, sao còn nói lại?

Đáp: Không phải vậy. Phật pháp có hai thứ không: 1. Chúng sanh không. 2. Pháp không. Nói vô ngã là nói chúng sanh không.

Nói không có pháp ngã sở là chỉ pháp không. Nói có ngã là chỉ cho biết tướng giả danh, đối người không chấp trước ngã nói có ngã, đối người chấp trước ngã tướng trong năm uẩn, vì phá cái chấp trước ngã đó nên chỉ nói có năm uẩn vô thường, khổ, không, vô ngã, tịch diệt Niết-bàn ấy gọi là có.

* Lại nữa, có hai thứ đoạn kiến: 1. Vì hạng tà kiến cho rằng không có thọ quả báo tội phước khổ, vui đời sau, nên nói có ngã từ đời này đến đời sau thọ quả báo tội phước. 2. Vì hạng tà kiến chấp trước hết thấy trống không, hư vô, mà nói có hết thấy pháp. Đó là pháp hữu vi, vô vi.

* Lại nữa, đối chúng sanh căn không lanh lợi lắm thì nói vô ngã, đối chúng sanh căn lanh lợi, trí tuệ sâu xa thì nói các pháp rất ráo không, vì có sao? Vì nếu vô ngã thời bỏ hết các pháp, như kệ nói:

*“Nếu rõ biết vô ngã,
Có người như thế ấy,
Nghe có pháp không mừng,
Nghe không pháp không lo”.*

Nói ngã là chỗ nương của hết thấy pháp, nếu nói vô ngã là, hết thấy không có chỗ nương.

* Lại nữa, Phật pháp có hai cách nói: nếu nói rõ ràng thời nói hết thấy pháp không, nếu phương tiện nói, thời nói vô ngã. Hai cách thuyết pháp ấy đều đưa vào Bát-nhã ba-la-mật. Vì vậy trong Kinh Phật nói: con đường đi đến Niết-bàn đều chung một hướng, không có nẻo khác.

* Lại nữa, có ngã có pháp, phần nhiều nói cho người tại gia, có cha mẹ, có nghiệp báo tội phước lớn nhỏ, vì người tại gia phần nhiều không cầu Niết-bàn, nên đấm trước nơi quả báo đời sau. Đối người xuất gia, phần nhiều nói vô ngã vô pháp, vì người xuất gia phần nhiều hướng đến Niết-bàn. Người cầu Niết-bàn thì không thọ lãnh hết thấy pháp, tự nhiên tịch diệt ấy là Niết-bàn.

* Lại nữa, có người chưa thành thực các căn tín... trước cầu được những điều có tướng, vậy sau mới xả. Vì hạng người đó Phật dạy làm các thiện pháp, bỏ các việc ác. Những người đã thành thực các căn tín... đối với các pháp họ không cầu được điều có tướng mà chỉ cầu đạo xa lìa sanh tử. Vì hạng người đó Phật nói các pháp là không, vô sở hữu. Hai việc đó đều thật, như ngón tay vô danh cũng dài cũng ngắn, so với ngón tay giữa thì ngắn; so với ngón tay út thì dài, dài ngắn đều thật, nói có nói không cũng như vậy. Nói có, có khi là thế tục, có khi là đệ nhất nghĩa; nói không, có khi là thế tục, có khi là đệ nhất nghĩa. Phật nói có ngã, không ngã, đều là thật.

Hỏi: Nếu hai việc ấy đều thật, tại sao Phật phần nhiều tán thán không mà hủy báng có?

Đáp: Không, vô sở hữu, là pháp tạng của mười phương hết thầy chư Phật, hiền thánh. Như trong phẩm Chúc lụy của kinh Bát-nhã ba-la-mật nói: Bát-nhã ba-la-mật là pháp tạng của chư Phật ba đời, mười phương. Bát-nhã ba-la-mật tức là không vô sở hữu. Có khi Phật nói có, để giáo hóa chúng sanh, lâu về sau đều sẽ vào trong pháp tạng Vô sở hữu.

Hỏi: Nếu như vậy, sao trong kinh Bát-nhã ba-la-mật nói: Nếu quán năm uẩn không vô sở hữu, chẳng phải là đạo?

Đáp: Trong kinh Bát-nhã ba-la-mật ấy nói: có và không đều không. Như trong kinh Trường Trảo Phạm-chí nói có ba thứ tà kiến: 1. Hết thầy có. 2. Hết thầy không. 3. Nửa có nửa không.

Phật bảo Phạm-chí Trường Trảo rằng: hết thầy hữu kiến là bị dục nhiễm, bị sân nhuế, ngu si trói buộc. Hết thầy vô kiến, là không nhiễm, không sân, không si, không đắm, không buộc. Nửa có nửa không, có thời đồng bị buộc như trên, không thời đồng không bị buộc như trên. Đối ba thứ kiến ấy, thánh đệ tử nghĩ rằng: nếu ta chấp thọ hết thầy hữu kiến, thời cùng với hai hạng người kia tranh, đó là hạng

người chấp hết thấy không và hạng người chấp nửa có nửa không. Nếu ta chấp thọ hết thấy vô kiến, cũng cùng với hai hạng người kia tranh, đó là hạng chấp hết thấy có và hạng người chấp nửa có nửa không. Nếu ta chấp thọ nửa có nửa không, cũng cùng với hai hạng người kia tranh, đó là hạng người chấp hết thấy không và hạng người chấp hết thấy có. Vì đấu tranh nên phỉ báng nhau, vì phỉ báng nhau nên gây phiền não. Vì thấy sự đấu tranh phiền não ấy nên bỏ vô kiến ấy, và các kiến khác cũng không chấp thọ, không chấp thọ nên liền được vào đạo.

Nếu không chấp trước hết thấy các pháp không, thời tâm không nổi lên đấu tránh, chỉ dứt trừ kiết sử, ấy gọi là thật trí. Nếu chấp thủ tướng không của các pháp, thời nổi lên đấu tránh, không diệt được các kiết sử, nương dựa trí tuệ ấy, là chẳng phải thật trí. Như Phật nói: vì độ chúng sanh cho nên có nói pháp, tất cả đều thật, chỉ vì chúng sanh đối với pháp ấy có chấp trước không chấp trước nên có thật với không thật.

Do các nhân duyên như vậy, thân, khẩu, ý nghiệp của Phật không có tội lỗi. Thế nên nói Phật thân, khẩu, ý trước đã biết rõ, vậy sau theo trí tuệ đó mà hành.

Hỏi: Lúc đầu nói Phật thân không lỗi, miệng không lỗi, ý không lỗi, nay lại nói thân khẩu ý theo trí tuệ mà hành, có nghĩa gì sai khác?

Đáp: Trước nói ba thứ không lỗi, không nói đến nhân duyên, nay nói nhân duyên vì theo trí tuệ mà hành nên không lỗi; nếu trước không trừ lượng mà khởi lên thân khẩu ý nghiệp thời có lỗi. Phật trước dùng trí tuệ khởi thân, khẩu, ý nghiệp nên không lỗi.

* Lại nữa, Phật thành tựu ba thứ tịnh nghiệp; ba thứ tịch tịnh nghiệp, ba thứ bất hộ nghiệp.

Có người nghi nói: nhân duyên gì Phật thành tựu nghiệp như vậy? Vì vậy nên Phật nói: Ta hết thấy thân, khẩu, ý nghiệp trước do trí tuệ, vậy sau theo trí tuệ đó mà hành.

Phật lấy trí tuệ biết quá khứ, vị lai, hiện tại, thông suốt không chướng ngại: Ba thứ trí tuệ ấy đối với ba đời thông suốt không chướng ngại, nên ba nghiệp theo trí tuệ mà hành.

Hỏi: Các pháp quá khứ đã diệt đã tận, không còn có gì; các pháp vị lai hiện chẳng đến chẳng sanh, chưa hòa hợp; các pháp hiện tại, cho đến trong một niệm cũng không có lúc trụ lại, làm sao mà có thể biết ba đời thông suốt không chướng ngại?

Đáp: Phật nói quá khứ, vị lai, hiện tại, thông suốt không chướng ngại, lời nói đó đâu phải hư dối.

* Lại nữa, nếu không có quá khứ, vị lai, chỉ có khoảnh khắc một niệm trong hiện tại, thời Phật cũng không thành tựu được vô lượng công đức. Như mười trí là mười lực, khi ấy cũng không thể một tâm có mười trí được. Nếu như vậy, Phật cũng không được đầy đủ mười lực. Do nhân duyên ấy, biết có quá khứ, vị lai.

Hỏi: Nếu quá khứ, vị lai, hiện tại đều có, vậy thế nào là không? Phật nói Bốn đế, về khổ đế quán tướng vô thường... vô thường là sanh diệt, bại hoại, bất khả đắc. Nếu pháp quá khứ nay thật có thời không gọi là vô thường, bại hoại, bất khả đắc.

* Lại nữa, nếu quá khứ, vị lai, hiện tại đều có, thì đọa vào thường kiến, vì sao? Vì Pháp ấy chắc chắn sẵn có ở trong vị lai, chuyển từ vị lai đến hiện tại, từ hiện tại chuyển vào quá khứ, như người từ một phòng đi vào một phòng, không gọi là mất người?

Đáp: Nếu không mất, có lỗi gì?

Hỏi: Nếu không vô thường, thời không tội không phước, không sanh không tử, không trời không mở. Tội là mười nghiệp đạo bất thiện sát... nếu không vô thường thời không có tội sát. Như trong đoạn phân biệt tà kiến nói, lưỡi dao đi qua giữa bảy phần của thân (*Phái ngoại đạo Pakudha chủ trương bảy yếu tố: đất, nước, gió, không, khổ vui, linh hồn, hợp thành thân. Bảy yếu tố độc lập*

với nhau - ND), không gây não hại. Phước là mười nghiệp đạo thiện, bất sát... vô thường là phân biệt sanh tử, nếu không vô thường thì cũng không có sanh tử, cũng không trói, không mở, như vậy sai lầm vô cùng?

Đáp: Các pháp trong ba đời đều có tướng riêng, pháp quá khứ có tướng quá khứ, pháp vị lai có tướng vị lai, pháp hiện tại có tướng hiện tại. Nếu pháp quá khứ, vị lai mà có tướng hiện tại, thì nên có lời nạn vấn ấy. Nay quá khứ, vị lai, hiện tại đều có tướng riêng.

* Lại nữa, nếu thật không có quá khứ, vị lai thì cũng không có luật nghi xuất gia, vì có sao? Vì nếu hiện tại trụ trong ác tâm, quá khứ lại không có thọ giới, ấy là chẳng phải Tỳ-kheo.

* Lại tâm bậc hiền thánh ở trong thế tục, khi ấy lẽ đáng phải là phạm phu; vì không có đạo ở quá khứ, vị lai, hiện tại. Như vậy cũng không có tội ngũ nghịch (*giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, làm tổn thương thân Phật, phá hòa hợp Tăng - ND*), vì có sao? Vì tội ngũ nghịch ấy ở vị lai không có nghiệp nên không có báo, còn thân hiện tại không làm tội nghịch. Nếu không có quá khứ thì không có tội nghịch, nếu không có tội nghịch, thì đâu có tội khác. Phước cũng như vậy, nếu không tội phước, ấy là tà kiến, khác gì cầm thú!

* Lại nữa, ta không nói quá khứ, vị lai có như tướng hiện tại có, ta nói quá khứ tuy diệt mà có thể nhớ tưởng, phát sanh tâm tâm số pháp, như lửa tắt ngày qua, ngày nay có thể nhớ tưởng lại, không thể nói vì nhớ tưởng tới được cho nên lửa liền có. Hoặc thấy chất củi cũng sanh tâm tưởng nhớ biết sẽ đốt lửa. Lửa ngày mai như lửa đã qua, không thể vì nay có tâm nghĩ tới lửa mà lửa liền có. Các việc vị lai cũng như vậy. Tâm hiện tại, tuy không trụ lại trong một niệm, song tương tục sanh, cho nên có thể biết các pháp. Bên trong do ý hiện tại làm nhân, bên ngoài do các pháp làm duyên, từ nhân duyên ấy phát sanh ý thức, dùng ý thức tự tại biết pháp quá khứ,

vị lai, hiện tại, chỉ không tự biết tâm tâm số pháp hiện tại, ngoài ra đều biết được.

Hỏi: Trong phẩm Như tướng của kinh Bát-nhã ba-la-mật nói: ba đời chỉ một tướng, đó là vô tướng, tại sao nói trí tuệ Phật biết ba đời thông suốt không chướng ngại?

Đáp: Chư Phật có hai lối thuyết pháp: trước phân biệt các pháp, sau nói rốt ráo không. Nếu nói các pháp ba đời, thông suốt không chướng ngại, ấy là phân biệt nói, nếu nói ba đời một tướng vô tướng, ấy là nói rốt ráo không.

* Lại nữa, chẳng phải bậc nhất thiết trí, đối với ba đời trí tuệ có ngại, cho đến các bậc hiền thánh Quán Thế Âm, Văn-thù-sư-lợi, Di-lặc, Xá-lợi-phất đối với ba đời trí tuệ đều có chướng ngại. Do nhân duyên ấy, nói trí tuệ của Phật đối với ba đời thông suốt không chướng ngại, không vì vô sự mà nói.

* Lại nữa, có người đối với ba đời sanh tà kiến, cho rằng pháp quá khứ và chúng sanh có ban đầu, không có ban đầu. Nếu có ban đầu thời có chúng sanh mới sanh. Các pháp cũng không nhân không duyên mà sanh. Nếu không ban đầu thì cũng không cuối cùng. Nếu không ban đầu, không cuối cùng thì đoạn giữa cũng không. Có ban đầu là có giữa, có sau, không có trước; có cuối cùng là có đầu, có giữa, không có sau; có giữa là có đầu có sau. Nếu chúng sanh và các pháp không có ban đầu thời cũng không giữa không sau. Nếu không ba đời, thời hoàn toàn không có gì.

* Lại nữa, nếu không có ban đầu, làm sao có bậc Nhất thiết trí? Vì phá các tà kiến như vậy, nên nói các pháp ba đời nhất tướng, đó là vô tướng; chứ không phá trí tuệ về ba đời của Phật.

Hỏi: Vô tướng là hữu biên?

Đáp: Nếu vô tướng tức là vô biên, là pháp không thể nói không thể nạn, làm sao nói là hữu biên.

Nếu trong vô tướng mà chấp thủ tướng, chẳng phải là vô tướng. Vô tướng ấy gọi là bất khả đắc không, trong ấy vô tướng cũng bất khả đắc, không cũng bất khả đắc, thế nên gọi là bất khả đắc không.

* Lại nữa, Phật có hai đạo: 1. Phước đức đạo. Có người nghe Phật có mười lục, bốn vô sở úy, bốn trí vô ngại, mười tám pháp không chung, sanh tâm cung kính tin vui. 2. Trí tuệ đạo. Có người nghe nói các pháp do nhân duyên hòa hợp sanh, nên không có tự tánh, liền lia bỏ các pháp, đối với “không” tâm không chấp trước, như mặt trăng hay làm thắm vật, mặt trời hay làm chín vật, nhờ hai nhân duyên ấy vạn vật được thành. Phước đức và trí tuệ cũng như vậy. Phước đức đạo hay sanh các công đức, trí tuệ đạo đối với phước đức đạo hay lia các tà kiến chấp trước. Vì vậy, Phật tuy nói rất ráo không, mà cũng nói thông suốt ba đời không chướng ngại, mà không bị lỗi.

Như vậy, đã lược nói nghĩa *mười tám pháp không chung* của Phật.

Hỏi: Nếu như vậy, sao Ca-chiên-diên Ni-tử nói mười lục, bốn vô sở úy, đại bi, ba ý chỉ không chung, gọi là mười tám pháp không chung? Nếu trước đó vừa nói mười tám pháp không chung là chân nghĩa, thì sao Ca-chiên-diên Ni-tử cũng nói mười tám pháp không chung như vậy?

Đáp: Vì vậy nên gọi là Ca-chiên-diên Ni-tử, còn nếu là Thích tử thì không nói như vậy. Thích tử nói là nói pháp không chung thật. Phật pháp vô lượng, ba mươi sáu pháp ấy (*10 lục, 4 vô sở úy, đại bi, ba niệm, 18 pháp không chung - N.D*) chỉ là một giọt nước trong biển cả Phật pháp, pháp cũng không ít, cứ sao trùng số mười tám?

* Lại nữa, các A-la-hán, Bích-chi Phật, Bồ-tát cũng có mười lục biết được đúng đạo lý không đúng đạo lý, phân biệt nghiệp quả báo ba đời, các thiên định cho đến lậu tận trí... cứ sao nói (*Ca-chiên-diên-ni-tử nói 18 pháp ấy - ND*) là pháp không chung?

Hỏi: Thanh văn, Bích-chi Phật, Bồ-tát không thể biết hết biết khắp, chỉ có thông và minh, không có lực, riêng Phật mới biết hết biết khắp, nên nói là không chung, như trong mười lực nói?

Đáp: Phật nói nghĩa mười lực, không nói biết hết biết khắp, chỉ nói ngay là biết đúng đạo lý không đúng đạo lý. Nói biết hết biết khắp là các luận nghị sư nói.

Hỏi: Ông trước tự nói trong kinh Đại thừa nói: Phật vì hàng Bồ-tát mà tự nói biết hết biết khắp?

Đáp: Trong kinh Đại thừa nói, ích gì cho ông, ông không tin Đại thừa, không nên dẫn làm chứng. Ông nên tự nói ra pháp Thanh văn làm chứng.

* Lại nữa, Phật tuy biết hết biết khắp, mà Thanh văn, Bích-chi Phật có được ít phần, còn mười tám pháp không chung (*chỉ riêng Phật có - ND*) thời Thanh văn, Bích-chi Phật trước sau đều vô phần. Vì vậy nên gọi là pháp không chung thật.

Hỏi: Mười tám pháp không chung, Nhị thừa cũng nên có phần, chỉ Phật thân khẩu niệm thường không lỗi, còn Nhị thừa thân khẩu niệm cũng có khi không lỗi. Như vậy đều nên có phần?

Đáp: Không phải, vì có sao? Vì thường không lỗi mới gọi là không chung, không phải chỉ do không lỗi mà gọi là không chung. Thanh văn, Bích-chi Phật, đối với thường không lỗi, vô phần.

* Lại nữa, có chỗ nói A-la-hán có lực, không có chỗ nào nói A-la-hán có pháp không chung, ông không tin Đại thừa nên không thọ nhận mười tám pháp không chung thật, mà lại nói trùng con số mười lực... việc ấy không thể được. Như 80 vẻ đẹp của ông tin, trong Tam tạng không có, có sao không nói lại?

Hỏi: Chúng tôi phân biệt mười tám pháp không chung, không trùng số. Những gì là mười tám? 1. Biết thật tướng các pháp, gọi là

nhất thiết trí. 2. Tướng các công đức của Phật khó hiểu, nên công đức vô lượng. 3. Tâm tâm thường nghĩ đến chúng sanh, nên gọi là đại bi. 4. Được trí không ai sánh bằng, nên trí tuệ tự tại. 5. Khéo hiểu tâm tướng, nên định tự tại. 6. Được có phương tiện độ chúng sanh, nên biến hóa tự tại. 7. Khéo biết nhân duyên các pháp, nên ký biệt vô lượng. 8. Nói thật tướng các pháp, nên ký biệt không hư dối. 9. Phân biệt trừ lượng mới nói, nên nói không lỗi. 10. Thành tựu được mười lực, nên trí tuệ không giảm. 11. Trong hết thấy pháp hữu vi, chỉ quán pháp tự vô ngã, nên thường tu hạnh phóng xả. 12. Khéo biết phải thời không phải thời, an lập nơi tam thừa vì thường quán chúng sanh. 13. Thường nhất tâm, nên không thất niệm. 14. Thiện tâm sâu xa trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp nên không có tập khí phiền não. 15. Được trí chân tịnh, nên không ai có thể đứng như pháp chỉ lỗi được. 16. Đòi đòi kính trọng bậc tôn quý nên có tướng đánh không thể thấy. 17. Tu tâm đại từ bi, nên an tường để chân, dưới chân nhu nhuyễn, chúng sanh gặp được liền được vui. 18. Được Thần thông ba-la-mật nên chuyển tâm chúng sanh làm cho hoan hỷ đắc độ; như khi đi vào thành, hiện lực thần biến?

Đáp: Mười tám pháp không chung như vậy, chẳng phải trong Tam tạng nói, mà các Kinh khác cũng không nói. Vì có người tìm kiếm pháp ấy, nên các luận nghị sư Thanh văn lược lạc chỗ nọ, chỗ kia soạn tập lại, tán thán công đức Phật. Như nói: nói không lỗi, tuệ không giảm, niệm không mất, đều là từ mười tám pháp không chung trong Đại thừa dẫn ra để luận nghị. Tuy có tướng đánh không thể thấy, dưới chân nhu nhuyễn, như vậy rất nhiều, không nên để ở trong mười tám pháp không chung. Pháp không chung đều lấy trí tuệ làm ý nghĩa. Thân lực của Phật như lực mười vạn bạch hương tượng và lực thần thông đều không nói, vì vậy nên biết trong mười tám pháp không chung, chỉ nói đến công đức trí tuệ, không nói đến quả báo tự nhiên.

* Lại nữa, mười tám pháp không chung ấy, trong A-tỳ-đàm phân biệt thu nhiếp vào năm uẩn. Thân, miệng không lỗi, thân miệng theo trí tuệ hành, thì nhiếp vào sắc uẩn. Không dị tướng thì nhiếp vào tướng uẩn, không có tâm bất định thì nhiếp vào thức uẩn, còn lại thì nhiếp vào hành uẩn, đều ở trong bốn thiên. Phật ở trong bốn thiên đắc đạo, đắc Niết-bàn.

Có người nói: bốn pháp không chung thuộc sắc pháp (*Thân không lỗi, miệng không lỗi, thân nghiệp, khẩu nghiệp theo trí tuệ hành - N.D*) thì nhiếp vào Sắc giới, Dục giới, các pháp không chung khác thì nhiếp vào chín địa; đều là thiện; đều là pháp vô lậu. Bốn pháp thuộc sắc do nhân duyên và tăng thượng duyên sanh, các pháp còn lại do bốn duyên sanh; bốn pháp không duyên, mười bốn pháp có duyên. Bốn pháp theo tâm hành, không tương ưng với tâm, mười ba pháp tương ưng với tâm cũng theo tâm hành, một pháp không tương ưng với tâm cũng không theo tâm hành. Các nghĩa như vậy đều có phân biệt trong A-tỳ-đàm.

Ban đầu phân biệt như vậy, khi vào trong Bát-nhã ba-la-mật, thật tướng các pháp thấy đều một tướng, đó là vô tướng, vào tâm Phật tất cả tướng đều diệt.

(HẾT CUỐN 26 THEO BẢN HÁN)

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

CHƯƠNG 39

GIẢI THÍCH: ĐẠI TỪ ĐẠI BI, HÃY TẬP HÀNH BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

Đại từ, đại bi đã phân biệt ở trong chương nói về bốn tâm vô lượng rồi, nay sẽ nói lược thêm. Đại từ đem vui cho tất cả chúng sanh, đại bi cứu khổ tất cả chúng sanh; đại từ đem nhân duyên hỷ lạc cho chúng sanh, đại bi đem nhân duyên liả khổ cho chúng sanh. Ví như có người, các con bị lao tù, sắp chịu xử tử, cha nó thương xót, dùng đủ cách khiến cho nó được khỏi, ấy là đại bi. Khi được khỏi khổ rồi, lấy năm điều dục lạc cấp cho nó, ấy là đại từ. Như thế là sai biệt giữa từ và bi.

Hỏi: Đại từ đại bi là như thế, thế nào là tiểu từ tiểu bi? nhân tiểu ấy mà gọi là đại chăng?

Đáp: Từ bi thuộc trong bốn vô lượng tâm gọi là tiểu, đại từ đại bi được thứ lớp nói trong mười tám pháp không chung, gọi là đại.

* Lại nữa, từ bi trong tâm Phật gọi là đại, từ bi trong tâm người khác gọi là tiểu.

Hỏi: Nếu như vậy, có sao nói Bồ-tát thực hành đại từ đại bi?

Đáp: Đại từ của Bồ-tát, đối với Phật là tiểu, đối với người Nhị thừa là đại, ấy là giả danh đại. Đại từ đại bi của Phật, chơn thật tối đại.

* Lại nữa, tiểu từ chỉ có tâm nghĩ đến chúng sanh vui mà không có vui thật sự, tiểu bi là thấy chúng sanh bị thân khổ tâm khổ, thương xót mà thôi, chứ không cứu thoát được. Đại từ là nghĩ làm cho chúng sanh được vui và cũng cho vui thật sự. Đại bi là thương xót chúng sanh khổ và cùng làm cho thoát khổ.

* Lại nữa, từ bi của người phàm phu, hàng Thanh văn, Bích-chi Phật, Bồ-tát, gọi là tiểu, từ bi của Phật mới gọi là đại.

* Lại nữa, đại từ là từ trong tâm đại nhân sanh ra mười lực, bốn việc không sợ, bốn trí vô ngại, 18 pháp không chung, từ trong đại pháp xuất ra, có thể phá đại khổ của ba đường ác, có thể cho ba thứ vui lớn là vui trời, vui người, vui Niết-bàn.

* Lại nữa, đại từ trùm khắp chúng sanh mười phương ba đời, cho đến côn trùng, từ thấu xương tủy, tâm không lìa bỏ. Chúng sanh trong ba ngàn đại thiên thế giới, đọa ba đường ác, nếu có người chịu thay hết khổ đó, làm cho được thoát rồi lại lấy năm thứ dục lạc, thiền định lạc, thế gian tối thượng lạc, tự do đem cho được đầy đủ tất cả, đem so với từ bi của Phật, trong ngàn vạn phần không kịp một, vì có sao? Vì cái vui thế gian giả dối không thật, không lìa khỏi sanh tử.

Hỏi: Pháp ở trong tâm Phật, hết thấy đều đại, có sao chỉ nói từ bi là đại?

Đáp: Các pháp công đức của Phật đều đại.

Hỏi: Nếu như vậy, sao chỉ nói từ bi là đại?

Đáp: Từ bi là căn bản của Phật đạo, vì sao? Vì Bồ-tát thấy chúng sanh bị sanh, già, bệnh, chết khổ, thân khổ, tâm khổ, đời này đời sau bị các khổ bức não, sanh tâm đại từ đại bi cứu các khổ như vậy, rồi sau phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Cũng vì lực đại từ bi nên ở trong sanh tử trải vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, tâm không chán bỏ. Do lực đại từ bi, nên đáng được

Niết-bàn từ lâu mà không thủ chứng. Vì vậy nên từ bi trong pháp của chư Phật là đại. Nếu không tâm đại từ đại bi thì đã sớm vào Niết-bàn.

* Lại nữa, khi đắc Phật đạo, thành tựu vô lượng thiên định sâu thẳm, các tam-muội giải thoát, sanh cái vui thanh tịnh, mà xả bỏ không lãnh thọ; đi vào xóm làng thành ấp dùng các thí dụ nhân duyên để thuyết pháp, biến hiện thân hình, vô lượng âm thanh, nghinh đón hết thảy, nhẫn chịu chúng sanh mắng nhiếc phỉ báng, cho đến tự làm kỹ nhạc, đều là do lực đại từ đại bi.

* Lại nữa, đại từ đại bi, tiếng đại ấy chẳng phải Phật tự nói, mà do chúng sanh nói, ví như sư tử lực đại, không tự nói lực đại mà đều do muôn thú xưng gọi, chúng sanh nghe diệu pháp của Phật, biết Phật vì cứu hộ chúng sanh nên trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, làm việc khó làm, chúng sanh nghe thấy việc ấy, mà gọi pháp ấy là đại từ đại bi. Ví như một người có hai bạn thân, người ấy vì có tội phải bị giam lao tù, một bạn lo cung cấp sự cần dùng, một bạn chịu chết thay; mọi người nói người bạn chịu chết thay ấy là đại từ đại bi. Phật cũng như vậy, đời đời vì hết thảy chúng sanh đem đầu mắt tủy não bố thí; đều vì hết thảy chúng sanh, chúng sanh nghe thấy việc ấy, cùng nhau gọi đó là đại từ đại bi. Như vua Thi-tỳ (Sibi) vì cứu chim bồ câu, đem hết thịt trong thân thay thế, vẫn không cân bằng thân bồ câu, lại lấy tay vịn cân muốn đem cả thân thay thế. Bấy giờ đại địa chấn động sáu cách, nước biển nổi sóng, chư thiên đem hương hoa cúng dường vua, chúng sanh xưng tán rằng: cảm thương một con chim nhỏ đến như vậy, thật là đại từ đại bi. Phật nhân chúng sanh gọi, nên nói là đại từ đại bi. Vô lượng chuyện như vậy, đều có nói rộng ở trong truyện Bốn sanh.

Hỏi: Các công đức khác như thiên định... vì người ta không biết, nên không xưng là đại, còn trí tuệ hay thuyết pháp... khiến người vào đạo, có sao không xưng là đại?

Đáp: Công năng trí tuệ của Phật không ai biết hết được, còn đại từ đại bi, vì đời đời không tiếc thân mạng, bỏ cái vui thiên định để cứu chúng sanh, thì ai nấy đều biết. Đối với trí tuệ Phật chỉ có thể suy loại mà biết, chứ không thể biết rõ ràng, còn tâm từ bi thì mắt thấy, tai nghe, nơi nơi biến hóa, rống lớn tiếng sư tử, cho nên có thể biết được.

* Lại nữa, trí tuệ Phật vi diệu, các Bồ-tát, Xá-lợi-phất còn không thể biết, huống gì người khác. Tướng từ bi có thể mắt thấy tai nghe, nên người tin thọ được; còn trí tuệ thâm diệu không thể lường biết.

* Lại nữa, đại từ đại bi ấy, hết thấy chúng sanh đều ưa thích, thí như thuốc ngon người ta ưa uống, còn trí tuệ như uống thuốc đắng, phần nhiều không ai ưa. Người phần nhiều ưa, nên xưng từ bi là đại.

* Lại nữa, trí tuệ thì người đắc đạo mới tin thọ được, còn tướng đại từ bi, hết thấy loại tạp đều tin được, như thấy hình tượng, hoặc nghe nói, đều tin thọ được, và vì làm lợi ích nhiều, nên xưng là đại từ đại bi.

* Lại nữa, đại trí tuệ là tướng xả, tướng xa lìa, còn đại từ bi là tướng thương xót lợi ích chúng sanh. Sự thương xót lợi ích ấy, được hết thấy chúng sanh ưa thích, cho nên gọi là đại. Đại từ đại bi ấy, như trong kinh Trì Tâm nói: đại từ đại bi có 32 thứ thực hành ở giữa chúng sanh. Tướng nhiếp thuộc và các duyên của đại từ đại bi như đã nói trong chương bốn tâm vô lượng ở trước.

* Lại nữa, công đức đại từ bi của Phật, không nên phân biệt tìm cầu hết tướng nó như trong pháp của Ca-chiên-diên đã làm. Các luận nghị sư trên đây dùng pháp của Ca-chiên-diên để phân biệt hiển bày, không nên tin hết vào đó, vì có sao? Vì Ca-chiên-diên nói đại từ bi, hết thấy trí tuệ là pháp hữu lậu, pháp hệ thuộc, pháp thế gian. Việc ấy không đúng, vì đại từ bi là căn bản của hết thấy Phật pháp, có sao nói là pháp hữu lậu, pháp hệ thuộc, pháp thế gian?

Hỏi: Đại từ bi là căn bản Phật pháp, nên là hữu lậu, như trong bần sanh hoa sen, không được nói bần cũng đẹp, đại từ bi cũng như vậy, tuy là căn bản Phật pháp, cũng không thể là vô lậu?

Đáp: Đại từ bi nơi vị Bồ-tát khi chưa thành Phật, hoặc nói là hữu lậu, sự sai lầm ấy còn ít, nay Phật đã được trí giải thoát vô ngại, nên hết thấy pháp đều thanh tịnh, tất cả phiền não và tập khí dứt sạch. Thanh văn, Bích-chi Phật không được trí giải thoát vô ngại, phiền não tập khí không hết, nhiều chỗ nghi không dứt, cho nên tâm phải hữu lậu, còn chư Phật thì không có việc ấy, có sao nói đại từ đại bi của Phật nên là hữu lậu?

Hỏi: Tôi không dám không kính Phật, nhưng vì tâm từ bi là vì chúng sanh mà phát sanh, thì nên là hữu lậu?

Đáp: Thế lực chư Phật không thể nghĩ bàn, các Thanh văn, Bích-chi Phật không thể lìa ý tưởng chúng sanh mà sanh từ bi, còn chư Phật có thể lìa ý tưởng chúng sanh mà sanh từ bi, vì có sao? Vì như tướng chúng sanh mười phương là bất khả đắc, mà các A-la-hán, Bích-chi Phật, lại chấp thủ tướng chúng sanh mà sanh từ bi, còn chư Phật tìm tướng chúng sanh mười phương là bất khả đắc, cũng không chấp thủ tướng chúng sanh mà vẫn sanh từ bi, như trong kinh Vô Tận Ý nói: Có ba thứ từ bi, là chúng sanh duyên, pháp duyên, vô duyên.

* Lại nữa, đối với hết thấy chúng sanh chỉ có Phật tận cùng hành pháp không đối. Nếu Phật đối với chúng sanh chấp thủ tướng mà hành từ bi tâm, thì không gọi là hành pháp không đối, vì sao? Vì chúng sanh là rốt ráo không thể có được, Thanh văn, Bích-chi Phật không gọi là tận hành pháp không đối, cho nên Thanh văn, Bích-chi Phật đối với chúng sanh, với pháp, hoặc chấp thủ tướng, hoặc không chấp thủ tướng, không nên nạn vấn, vì không tận hành pháp không đối. Nhất thiết trí dứt hết thấy các lậu, có thể từ trong pháp hữu lậu mà sanh ra, có thể làm nhân duyên cho vô lậu, pháp ấy có sao tự là hữu lậu được!

Hỏi: Trí vô lậu mỗi mỗi có sở duyên, không thể duyên hết thấy pháp, chỉ có trí thể tục mới có thể duyên hết thấy pháp, vì vậy nên nói nhất thiết trí là hữu lậu?

Đáp: Trong giáo pháp ông có thuyết ấy. Chẳng phải trong Phật pháp nói; như người cầm cân đi vào chợ, không đúng với cân của quan, không ai dùng đến. Ông cũng như vậy, tự dùng pháp của mình không đúng với Phật pháp, không ai dùng đến. Trí tuệ vô lậu có sao nói không thể duyên hết thấy pháp; trí hữu lậu là giả danh hư dối, thể lực ít ỏi, không thể chơn thật duyên hết thấy pháp, mà trong giáo pháp ông tự nói trí ấy duyên được hết thấy pháp!

* Lại nữa, trong pháp Thanh văn có mười trí, trong pháp Đại thừa có mười một trí, gọi là như thật trí (trí thứ mười một). Mười trí ấy vào trong như thật trí này, đều thành một trí, đó là trí vô lậu; như nước mười phương chảy vào trong biển lớn, đều thành một vị. Đại từ đại bi ấy nhiếp vào Tam-muội vương tam-muội, Sư tử du hý tam-muội của Phật.

Như vậy, đã lược nói nghĩa của đại từ đại bi.

KINH: Bồ-tát ma-ha-tát muốn được đạo trí, hãy tập hành Bát-nhã ba-la-mật. Bồ-tát ma-ha-tát muốn lấy đạo trí làm đầy đủ đạo chủng trí, hãy tập hành Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN: Đạo là một đạo, một mực hướng tới Niết-bàn; đối với thiện pháp, nhất tâm không phóng dật, đạo theo thân tâm niệm đến.

Đạo lại có hai: ác đạo, thiện đạo; thế gian đạo, xuất thế đạo; định đạo, tuệ đạo; hữu lậu đạo, vô lậu đạo; kiến đạo, tu đạo; học đạo, vô học đạo; tín hành đạo, pháp hành đạo; hướng đạo, quả đạo; vô ngại đạo, giải thoát đạo; tín giải đạo, kiến đặc đạo; tuệ giải thoát đạo, câu giải thoát đạo.

Như vậy có vô lượng pháp môn hai đạo.

* Lại có ba đạo: địa ngục đạo, súc sanh đạo, ngã quỷ đạo. Ba thứ địa ngục: địa ngục nóng, địa ngục lạnh, địa ngục tối đen. Ba thứ súc sanh đạo: súc sanh đi đất, đi nước, đi không. Ba thứ ngã quỷ đạo: quỷ đói, quỷ ăn đồ nhơ, quỷ thần. Ba thiện đạo: nhân đạo, thiên đạo, Niết-bàn đạo. Người có ba hạng: hạng làm tội, hạng làm phước, hạng cầu Niết-bàn.

* Lại có ba hạng người: người hưởng dục lạc làm ác, người hưởng dục lạc không làm ác, người không hưởng dục lạc không làm ác.

Trời có ba hạng: trời cõi Dục, trời cõi Sắc, trời cõi Vô sắc.

Niết-bàn đạo có ba: đạo Thanh văn, đạo Bích-chi Phật, đạo Phật.

Thanh văn đạo có ba: học đạo, vô học đạo, phi học phi vô học đạo. Bích-chi Phật đạo cũng như vậy.

Phật đạo có ba: đạo Ba-la-mật, đạo phương tiện, đạo tịnh thể giới.

Phật lại có ba đạo: đạo mới phát tâm, đạo làm các thiện, đạo thành tựu chúng sanh.

* Lại có ba đạo: đạo giới, đạo định, đạo tuệ. Như vậy có vô lượng pháp môn ba đạo.

* Lại có bốn đạo: đạo phàm phu, đạo Thanh văn, đạo Bích-chi Phật, đạo Phật.

* Lại có bốn đạo: đạo Thanh văn, đạo Bích-chi Phật, đạo Bồ-tát, đạo Phật.

Đạo Thanh văn có bốn thứ: đạo khổ, đạo tập, đạo diệt, đạo đạo.

* Lại có bốn Sa-môn quả đạo.

* Lại có bốn đạo: đạo quán thân thật tướng, đạo quán thọ, quán tâm, quán pháp thật tướng.

* Lại có bốn đạo: đạo dứt điều ác bắt thiện chưa sanh khiến không sanh, đạo dứt điều ác đã sanh khiến tiêu diệt, đạo khiến

điều thiện chưa sanh được sanh, đạo khiến điều thiện đã sanh tăng trưởng.

* Lại có bốn đạo: đạo dục tăng thượng, đạo tinh tấn tăng thượng, đạo tâm tăng thượng, đạo tuệ tăng thượng.

* Lại có bốn đạo thánh chủng: không lựa chọn áo; đồ ăn, đồ nằm; thuốc thang; ưa dứt khổ tu định.

* Lại có bốn tu hành đạo: Đạo khổ khó tu, khổ dễ tu, vui khó tu, vui dễ tu.

* Lại có bốn tu đạo: 1. Vì đời nay vui nên tu. 2. Vì trí sanh tử nên tu. 3. Vì lậu hết nên tu. 4. Vì tuệ phân biệt nên tu.

* Lại có bốn thiên đạo: tức là bốn thiên.

* Lại có bốn đạo: thiên đạo, Phạm đạo, thánh đạo, Phật đạo.

Như vậy có vô lượng pháp môn bốn đạo.

* Lại có năm đạo: địa ngục, súc sanh, ngã quỷ, người, trời.

* Lại có năm đạo chúng vô học: chúng vô học giới, cho đến chúng vô học giải thoát tri kiến.

* Lại có năm đạo trời Tịnh cư.

* Lại có năm đạo trời Dục giới.

* Lại có năm đạo nói như pháp.

* Lại có năm đạo nói không như pháp.

* Lại có năm đạo: phàm phu, Thanh văn, Bích-chi Phật, Bồ-tát, Phật.

* Lại có năm đạo: phân biệt sắc pháp, phân biệt tâm pháp, phân biệt tâm số, phân biệt tâm bất tương ưng hành, phân biệt vô vi pháp.

* Lại có năm đạo: tu Khổ đế đoạn, tu Tập đế đoạn, tu Diệt đế đoạn, tu Đạo đế đoạn, Tư duy đế đoạn.

Như vậy có vô lượng pháp môn năm đạo.

* Lại có sáu đạo: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, người, trời, A-tu-la.

* Lại có đạo bỏ sáu trần.

* Lại có sáu hòa hợp đạo: sáu thân thông đạo, sáu A-la-hán, sáu địa ngục, sáu định đạo, sáu Ba-la-mật đạo. Mỗi mỗi Ba-la-mật lại có sáu đạo.

Như vậy có vô lượng pháp môn sáu đạo.

* Lại có bảy đạo: bảy giác ý đạo, bảy địa vô lậu đạo, bảy tướng định đạo, bảy tịnh đạo, bảy thiện nhân đạo, bảy tài phú đạo, bảy pháp phước đạo, bảy trợ định đạo.

Như vậy có vô lượng pháp môn bảy đạo.

* Lại có tám đạo: tám chánh đạo, tám giải thoát đạo, tám bội xả đạo.

Như vậy có vô lượng pháp môn tám đạo.

* Lại có chín đạo: chín thứ đệ định, chín địa vô lậu, chín kiến đoạn, chín A-la-hán, chín Bồ-tát đạo. Đó là sáu Ba-la-mật và phương tiện, thành tựu chúng sanh, tịnh Phật quốc độ.

Như vậy có vô lượng pháp môn chín đạo.

* Lại có mười đạo: đó là mười vô học đạo, mười tướng đạo, mười trí đạo, mười nhất thiết xứ đạo, mười bất thiện đạo, mười thiện đạo, cho đến 126 đạo.

Như vậy có vô lượng đạo môn.

Biết các đạo ấy, biết hết biết khắp, ấy gọi là đạo chủng trí.

Hỏi: Bát-nhã ba-la-mật là đệ nhất đạo, nhất tướng gọi là vô tướng của Bồ-tát, có sao nói là chủng chủng đạo?

Đáp: Các đạo ấy đều vào trong một đạo, đó là thật tướng các pháp. Bắt đầu học có chủng chủng sai khác, đến sau đều đồng nhất; không có sai khác, ví như khi kiếp tận lửa cháy, mọi vật đều đồng hư không.

* Lại nữa, vì dẫn đạo chúng sanh, Bồ-tát phân biệt nói ra chủng chủng đạo, đó là thế gian đạo, xuất thế gian đạo...

Hỏi: Sao Bồ-tát trụ trong nhất tướng vô tướng mà lại phân biệt thế gian, xuất thế gian đạo?

Đáp: Danh tự thế gian chỉ từ hai thứ là ức tướng điên đảo và hư dối sanh ra, như huyễn, như mộng, như vòng lửa quay, người phàm phu cưỡng cho là thế gian, thế gian ấy điều từ vọng tưởng đến. Nay cũng hư vọng, xưa cũng hư vọng, nó thật không sanh không làm. Chỉ từ trong sáu căn ngoài sáu trần nhân duyên hòa hợp sanh, tùy phàm phu chấp trước mà gọi là thế gian. Thế gian ấy, bị lưới tà kiến như tơ rối dính nhau, thường qua lại trong sanh tử. Như vậy là biết thế gian.

Thế nào là xuất thế gian đạo? Như thật biết thế gian, tức là đạo xuất thế gian. Vì người trí tìm tướng thế gian, xuất thế gian đều bất khả đắc (không thể có được), nếu không thể có được, nên biết giả danh là thế gian, xuất thế gian. Chỉ vì phá thế gian nên nói xuất thế gian. Tướng thế gian tức là xuất thế gian, không còn có riêng khác, vì có sao? Vì tướng thế gian là không thể có được. Xuất thế gian ấy tức là tướng thế gian thường không, vì định tướng của pháp thế gian là không thể có được. Như vậy hành giả không ở trong thế gian, cũng không đắm trước xuất thế gian. Nếu không ở trong thế gian, cũng không đắm trước xuất thế gian, thì phá trừ ái và mạn, không còn tranh cãi với thế gian. Vì hành giả từ lâu đã biết thế gian là không, không có gì, vì hư dối nên không khởi ức tướng phân biệt.

Thế gian là năm uẩn, tướng năm uẩn, giả sử mười phương chư Phật tìm nó cũng không thể có được, không chỗ đến, không chỗ ở,

không chỗ đi. Nếu không có tướng năm uẩn đến, ở, đi, tức là xuất thế gian. Hành giả bây giờ quán sát thế gian xuất thế gian ấy, thật không thể thấy, không thấy thế gian với xuất thế gian hợp, cũng không thấy xuất thế gian với thế gian hợp. Lìa thế gian cũng không thấy xuất thế gian, lìa xuất thế gian cũng không thấy thế gian. Như vậy thời không sanh hai thức là thức biết thế gian và thức biết xuất thế gian. Nếu bỏ thế gian, không thọ lãnh xuất thế gian, ấy gọi là xuất thế gian.

Nếu Bồ-tát biết được như vậy, thời có thể vì chúng sanh mà phân biệt thế gian, xuất thế gian. Tất cả các đạo hữu lậu, vô lậu cũng như vậy, nhập vào một tướng, ấy gọi là đạo chung trí.

KINH: Muốn lấy đạo chung trí làm đầy đủ nhất thiết trí, hãy tập hành Bát-nhã ba-la-mật; muốn lấy nhất thiết trí làm đầy đủ nhất thiết chung trí, hãy tập hành Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN. *Hỏi*: Nhất thiết trí, nhất thiết chung trí có gì sai khác?

Đáp: Có người nói không sai khác, hoặc khi nói nhất thiết trí, hoặc khi nói nhất thiết chung trí.

Có người nói tướng chung là nhất thiết trí, tướng riêng là nhất thiết chung trí; nhân là nhất thiết trí, quả là nhất thiết chung trí; lược nói là nhất thiết trí, rộng nói là nhất thiết chung trí.

Nhất thiết trí tổng quát phá bóng tối vô minh đối với hết thảy pháp; nhất thiết chung trí quán các pháp môn phá các vô minh.

Nhất thiết trí thí như nói bốn đế; nhất thiết chung trí thí như nói nghĩa của bốn đế. Nhất thiết trí là như nói Khổ đế; nhất thiết chung trí như nói tám tướng khổ. Nhất thiết trí như nói sanh khổ; nhất thiết chung trí như nói các loại chúng sanh sanh ở các nơi.

* Lại nữa, tất cả pháp là từ nhãn và sắc cho đến ý và pháp. Các A-la-hán, Bích-chi Phật cũng có thể biết tướng chung của nó là vô

thường, khô, không, vô ngã, còn biết tướng mười hai nhập ấy, gọi là nhất thiết.

Thanh văn, Bích-chi Phật còn không thể biết hết tướng riêng một chúng sanh sanh nơi tốt, xấu, sự nghiệp nhiều ít; đời vị lai, hiện tại cũng như vậy, huống gì biết hết thấy chúng sanh, như đối với tên gọi vàng của một cồi Diêm-phù-đề còn không biết được, huống gì các tên gọi của một vật ở trong ba ngàn đại thiên thế giới. Hoặc trời nói, hoặc rồng nói, các tên gọi vàng theo các ngôn ngữ như vậy còn không biết được, huống gì biết nhân duyên vàng sanh ở đâu, tốt hay xấu, quý hay tiện? Nhân nó mà được phước, nhân nó mà mắc tội, nhân nó mà đắc đạo? Các việc hiện tại như vậy còn không biết được, huống gì biết tâm tâm số pháp, đó là các pháp thiên định, trí tuệ...

Phật biết hết tướng chung tướng riêng của các pháp, nên gọi là nhất thiết chủng trí.

* Lại nữa, ở trong phẩm sau Phật tự nói: Nhất thiết trí là việc của Thanh văn, Bích-chi Phật; đạo chủng trí là việc của Bồ-tát; nhất thiết chủng trí là việc của Phật. Thanh văn, Bích-chi Phật chỉ có chung nhất thiết trí, không có nhất thiết chủng trí.

* Lại nữa, Thanh văn, Bích-chi Phật tuy đối với tướng riêng có biết một phần mà không biết hết, cho nên gọi là biết tướng chung. Nhất thiết trí, nhất thiết chủng trí của Phật đều là chân thật. Thanh văn, Bích-chi Phật chỉ có tên gọi nhất thiết trí như ngọn đèn vẽ, chỉ có tên đèn, không có dụng đèn. Thanh văn, Bích-chi Phật, nếu có người nạn hỏi, có khi không đáp được, không dứt nghi được, như Phật ba lần hỏi mà Xá-lợi-phất không đáp được. Nếu có nhất thiết trí tại sao không đáp được? Vì vậy, chỉ có tên gọi nhất thiết trí hơn kẻ phàm phu, mà không có thật. Do vậy, Phật là thật nhất thiết trí, nhất thiết chủng trí. Như vậy có vô lượng tên gọi: hoặc khi gọi Phật là bậc nhất thiết trí, hoặc khi gọi là bậc nhất thiết chủng trí.

Như vậy, đã lược nói sự sai khác giữa nhất thiết trí, nhất thiết chủng trí.

Hỏi: Như trong Kinh nói: thực hành sáu Ba-la-mật, ba mươi bảy đạo phẩm, mười lục, bốn vô sở úy... được nhất thiết trí, vì sao trong đây nói chỉ dùng đạo chủng trí được nhất thiết trí?

Đáp: Ông nói sáu Ba-la-mật... tức là đạo. Biết đạo ấy, hành đạo ấy được nhất thiết trí, có gì mà nghi?

* Lại nữa, từ khi mới phát tâm cho đến khi ngồi đạo tràng, hết thấy thiện pháp có được ở khoảng giữa đó đều gọi là đạo. Ở trung đạo ấy, phân biệt tư duy mà làm, ấy gọi là đạo trí, như trong Kinh này đoạn sau nói đạo trí là việc của Bồ-tát.

Hỏi: Việc Phật đạo đã đầy đủ nên không gọi là đạo trí, còn A-la-hán, Bích-chi Phật công đức chưa đầy đủ, sao không gọi là đạo trí?

Đáp: A-la-hán, Bích-chi Phật đối với việc làm của mình đã xong, cho nên không gọi là đạo trí. Đạo là tướng thực hành vậy.

* Lại nữa, trong Kinh này nói Thanh văn, Bích-chi Phật. Trong Thanh văn gồm nhiếp ba đạo nên không nói, Phật đạo lớn nên gọi đạo trí. Thanh văn, Bích-chi Phật đạo nhỏ nên không gọi đạo trí.

* Lại nữa, đại Bồ-tát tự hành đạo, cũng chỉ bày cho chúng sanh mỗi mỗi hành đạo, vì vậy nói là Bồ-tát hành đạo trí, được nhất thiết trí.

Hỏi: Thế nào là nhất thiết pháp của nhất thiết trí biết?

Đáp: Như Phật bảo các Tỳ-kheo: Ta sẽ vì các ông nói nhất thiết pháp. Thế nào là nhất thiết pháp? Đó là mắt và sắc, tai và tiếng, mũi và mùi, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp, mười hai nhập ấy gọi là nhất thiết pháp. Lại có nhất thiết pháp, đó là danh và sắc, như bài kệ trong Kinh Phật thuyết lợi chúng nói:

*“Nếu muốn được quán đúng,
 Chỉ có danh và sắc,
 Nếu muốn biết thật đúng,
 Cũng phải biết danh sắc.
 Tuy si tâm nhiều tướng,
 Phân biệt theo các pháp,
 Không có việc gì khác,
 Ra ngoài danh và sắc”.*

* Lại nữa, nhất thiết pháp đó là sắc, vô sắc pháp; khả kiến, bất khả kiến; hữu đối, vô đối; hữu lậu, vô lậu; hữu vi, vô vi; tâm phi tâm, tâm tương ưng, chẳng phải tâm tương ưng, cộng tâm sanh, không chung tâm sanh; theo tâm hành; không theo tâm hành; từ tâm nhân, không từ tâm nhân. Như vậy, vô lượng pháp môn hai pháp, thu nhiếp hết thủy pháp, như trong A-tỳ-đàm nói.

* Lại nữa, nhất thiết pháp đó là thiện pháp, bất thiện pháp, vô ký pháp, pháp thấy để dứt, tư duy dứt, không dứt; pháp có báo, pháp không báo, pháp chẳng có báo chẳng không báo. Như vậy vô lượng pháp môn ba pháp, thu nhiếp hết thủy pháp.

* Lại nữa, nhất thiết pháp đó là pháp quá khứ, pháp vị lai, pháp hiện tại, pháp chẳng quá khứ, vị lai, hiện tại, pháp hệ thuộc Dục giới, pháp hệ thuộc Sắc giới, pháp hệ thuộc Vô sắc giới, pháp không hệ thuộc; pháp từ nhân thiện, pháp từ nhân bất thiện, pháp từ nhân vô ký, pháp từ nhân chẳng thiện, chẳng bất thiện, chẳng vô ký; pháp có duyên duyên, pháp không duyên duyên, pháp có duyên duyên cũng không duyên duyên, pháp chẳng có duyên duyên chẳng không duyên duyên. Như vậy vô lượng pháp môn bốn pháp, thu nhiếp hết thủy pháp.

* Lại nữa, nhất thiết pháp đó là pháp sắc, pháp tâm, pháp tâm số, pháp tâm không tương ưng, pháp vô vi, bốn đế và vô ký vô vi. Như vậy vô lượng môn năm pháp thu nhiếp hết thủy pháp.

* Lại nữa, nhất thiết pháp đó là năm uẩn và vô vi; pháp do khổ đế đoan, pháp do tập, diệt, đạo, tư duy đế đoan, mà pháp không đoan. Như vậy vô lượng pháp môn sáu pháp thu nhiếp hết thảy pháp. Các pháp môn 7, 8, 9, 10 pháp... là các nghĩa phân biệt ở trong A-tỳ-đàm.

* Lại nữa, nhất thiết pháp đó là hữu pháp, vô pháp, không pháp, thật pháp, pháp sở duyên, pháp năng duyên, pháp tu, pháp tán...

* Lại nữa, nhất thiết pháp đó là pháp hữu, pháp vô, pháp cũng hữu cũng vô, pháp không, pháp thật, pháp chẳng không chẳng thật, pháp sở duyên, pháp năng duyên, pháp chẳng sở duyên chẳng năng duyên.

* Lại nữa, nhất thiết pháp đó là pháp hữu, pháp vô, pháp cũng hữu cũng vô, pháp chẳng hữu chẳng vô, pháp không, pháp chẳng không, pháp không chẳng không, pháp chẳng không chẳng chẳng không; pháp sanh, pháp diệt, pháp sanh diệt, pháp chẳng phải sanh chẳng phải diệt, pháp không sanh không diệt, pháp chẳng phải không sanh, chẳng phải không diệt.

* Lại nữa, nhất thiết pháp đó là pháp có, pháp không, pháp có không, pháp chẳng phải có chẳng phải không, lia bỏ pháp bốn câu ấy. Không, chẳng không, sanh diệt, chẳng sanh, chẳng diệt, năm câu đều cũng như vậy.

Như vậy vô lượng vô số pháp môn thu nhiếp hết thảy pháp. Lấy trí tuệ vô ngại biết khắp các pháp trên ấy gọi là nhất thiết trí, nhất thiết chủng trí.

Hỏi: Hết thảy chúng sanh đều cầu trí tuệ, sao chỉ riêng một mình Phật được nhất thiết trí?

Đáp: Đối với hết thảy chúng sanh, Phật là bậc nhất nên Phật được nhất thiết trí. Như Phật nói giữa hết thảy chúng sanh không chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân, có sắc không sắc, có tướng, không tướng, chẳng phải có tướng, chẳng phải không tướng, Phật

là bậc nhất, ví như núi Tu-di tự nhiên là bậc nhất giữa các núi. Như trong bốn đại, hỏa đại là có lực hay chiếu hay đốt. Phật cũng như vậy, tối đệ nhất giữa hết thảy chúng sanh, nên được nhất thiết trí.

Hỏi: Có sao giữa hết thảy chúng sanh, Phật tối đệ nhất?

Đáp: Như trước vừa trả lời, vì được nhất thiết trí, nay sẽ nói thêm: Phật tự làm lợi ích cũng làm lợi ích chúng sanh, nên ở giữa chúng sanh tối đệ nhất, như trong các thứ chiếu sáng, mặt trời là đệ nhất; trong hết thảy loài người, Chuyển luân thánh vương là đệ nhất; trong hết thảy hoa sen, hoa sen xanh là đệ nhất, trong hết thảy hoa mọc trên đất, hoa Tu-mạn là đệ nhất; trong hết thảy mộc hương, hương ngưu đầu chiên đàn là đệ nhất; trong hết thảy ngọc, ngọc như ý là đệ nhất; trong hết thảy giới, thánh giới là đệ nhất; trong hết thảy giải thoát, bất hoại giải thoát là đệ nhất, trong hết thảy thanh tịnh, giải thoát là đệ nhất; trong hết thảy các pháp quán, quán không là đệ nhất; trong hết thảy pháp, Niết-bàn là đệ nhất. Vô lượng mỗi mỗi đệ nhất như vậy, Phật cũng như vậy, đối với hết thảy chúng sanh là tối đệ nhất. Vì đệ nhất nên riêng Phật được nhất thiết trí.

* Lại nữa, Phật từ khi mới phát tâm, lấy đại thệ nguyện làm trang nghiêm, muốn cứu vớt hết thảy chúng sanh suy vong nên thực hành khắp đủ các thiện đạo, nhóm đủ mọi điều thiện, hành đủ mọi hạnh khổ, chứa nhóm hết thảy công đức chư Phật; do vô lượng nhân duyên như vậy, nên Phật là đệ nhất giữa hết thảy chúng sanh.

Hỏi: Chư Phật ba đời mười phương, cũng có công đức ấy, có sao nói riêng Phật là đệ nhất?

Đáp: Trừ chư Phật, vì đối các chúng sanh khác nên nói riêng Phật là đệ nhất, chư Phật đồng đẳng hết thảy công đức.

* Lại nữa, Tát-bà-nhã-đa (Sarvaynàta) là, *Tát-bà* là nhất thiết. *Nhã* là trí. *Đa* là tướng (tức là tướng nhất thiết trí). Nhất thiết như

trước nói các pháp danh và sắc... Phật biết hết thấy pháp tướng một, tướng khác, tướng lậu, tướng phi lậu, tướng làm, tướng chẳng làm... hết thấy pháp có mỗi mỗi tướng, mỗi mỗi lực, mỗi mỗi nhân duyên, mỗi mỗi quả báo, mỗi mỗi tánh, mỗi mỗi được, mỗi mỗi mất, do lực nhất thiết trí nên biết cùng khắp hết thấy đời, hết thấy chủng loại. Vì vậy nên nói muốn lấy đạo chủng trí để được đầy đủ nhất thiết trí, hãy tập hành Bát-nhã ba-la-mật; muốn lấy nhất thiết trí để được đầy đủ nhất thiết chủng trí, hãy tập hành Bát-nhã ba-la-mật.

Hỏi: Như khi Phật chứng được Phật đạo đã do đạo trí được đầy đủ nhất thiết trí, nhất thiết chủng trí, sao nay lại nói do nhất thiết trí được đầy đủ nhất thiết chủng trí?

Đáp: Khi Phật đắc đạo tuy do đạo trí đầy đủ được nhất thiết trí, nhất thiết chủng trí, nhưng chưa dùng nhất thiết chủng trí, như đại quốc vương khi mới lên ngôi, cõi nước, kho báu đã đầy đủ cả mà chưa dùng.

KINH: Muốn dùng nhất thiết chủng trí dứt phiền não tập khí, hãy tập hành Bát-nhã ba-la-mật. Nay Xá-lợi-phất; Bồ-tát ma-ha-tát nên học Bát-nhã ba-la-mật như vậy.

LUẬN. Hỏi: Trong nhất tâm đã có được nhất thiết trí, nhất thiết chủng trí, dứt hết thấy phiền não tập khí, sao nay lại nói do nhất thiết trí được đầy đủ nhất thiết chủng trí, do nhất thiết chủng trí dứt hết phiền não và tập khí?

Đáp: Thật một lúc được nhất thiết trí, trong đây vì muốn khiến người tin Bát-nhã ba-la-mật, nên thứ lớp nói có sai khác. Muốn khiến chúng sanh được tâm thanh tịnh, cho nên nói như vậy.

* Lại nữa, tuy trong nhất tâm được, cũng có thứ lớp đầu, giữa, cuối. Như nhất tâm có ba tướng, sanh làm nhân duyên cho trụ, trụ làm nhân duyên cho diệt. Lại như tâm tâm số pháp, các hành bất tương ưng, và thân nghiệp, khẩu nghiệp, do đạo trí đầy đủ nhất thiết

trí, do nhất thiết trí đầy đủ nhất thiết chủng trí, do nhất thiết chủng trí dứt phiền não và tập khí cũng như vậy.

Trước nói nhất thiết chủng trí tức là nhất thiết trí, đạo trí gọi là Kim cang tam-muôi. Phật sơ tâm tức là nhất thiết trí, nhất thiết chủng trí, lúc ấy phiền não và tập khí dứt hết. Tướng nhất thiết trí, nhất thiết chủng trí, trước đã nói.

Dứt hết thấy phiền não và tập khí là, phiền não nói lược là ba độc, nói rộng là 98 sử trong ba cõi, ấy gọi là phiền não. Phiền não tập khí là khí tàng dư của phiền não. Hoặc thân nghiệp, khẩu nghiệp không theo trí tuệ, in tuồng từ phiền não khởi lên, người không biết tâm người khác, thấy sự khởi lên đó sanh tâm bất tịnh, nhưng đó chẳng phải phiền não thật, mà là tập khí phiền não lâu đời khởi lên nghiệp như vậy. Ví như người bị xiềng chân lâu ngày, bỗng được giải thoát, bước đi tuy không có khóa vẫn còn tập khí chướng ngại. Lại như áo nhũ mầu, lâu cũ dính bẩn, lấy tro giặt sạch, tuy không có bẩn mà hơi bẩn vẫn còn. Áo như tâm thánh nhân, bản như các phiền não, tuy lấy nước trí tuệ tẩy sạch mà hơi phiền não vẫn còn. Tập khí như vậy, các hiền thánh khác tuy dứt được phiền não mà không thể dứt tập khí. Như Nan-đà vì tập khí dâm dục, tuy đắc A-la-hán mà khi ngồi giữa chúng nam nữ, con mắt trước hết nhìn chúng nữ mà cùng họ nói năng thuyết pháp. Như Xá-lợi-phất vì tập khí sân, nên nghe Phật nói ông ăn đồ bất tịnh, liền mửa đồ ăn ra, rồi sau không chịu nhận lời thỉnh. Lại Xá-lợi-phất tự nói kệ rằng:

*“Người dẫu tội, vọng niệm.
Vô trí mà giải đãi,
Trọn không muốn hạng ấy,
Đối đến ở gần tôi”.*

Như Đại Ca-diếp vì tập khí sân, nên sau khi Phật diệt độ kết tập pháp, đã bảo A-nan sám hối tám tội Đột-kiết-la (*hay sáu tội?* - ND), lại tự kéo tay A-nan đi ra, vì cho ông là người bất tịnh, lậu hoặc chưa

sạch không được cùng kết tập pháp. Như Tất-lăng-già-bà-ta thường mắng nữ thần sông Hằng là tiểu tử. Như Ma-đầu-bà-tư-tra vì tập khí trạo hý nên có khi từ giá áo nhảy lên xà nhà, từ xà nhà đến gác, từ gác đến nhà. Như Kiều-phạm-bát-đề vì tập khí nghiệp trâu nên thường nhả thức ăn mà nhai lại. Các thánh nhân như vậy tuy hết lậu hoặc, mà còn có tập khí phiền não. Như lửa đốt hết củi vẫn còn tro than, sức lửa mỏng không làm cho tiêu hết được. Nếu lửa lúc kiếp tận, thì đốt cháy cả ba ngàn đại thiên thế giới không còn sót vật gì, vì sức lửa lớn. Lửa nhất thiết trí của Phật cũng như vậy, đốt cháy các phiền não, không còn tàng dư tập khí. Như một Bà-la-môn dùng 500 lời nói ác, mắng Phật tại giữa chúng, Phật không đổi sắc, cũng không đổi tâm. Bà-la-môn ấy tâm phục, trở lại dùng 500 lời hay tán Phật, Phật không sắc mừng, cũng không tâm vui. Đối với lời chê khen, tâm, sắc không thay đổi.

* Lại con gái Bà-la-môn tên Chiên-giá (Cinca) độn bát làm bụng chừa đến phi báng Phật, Phật không sắc thẹn, sự tình lộ rõ, Phật không sắc vui. Lúc Chuyển pháp luân, tiếng khen ngợi đầy khắp mười phương, tâm Phật cũng không cao, Tôn-đà-ly (Sundari) chết vu oan cho Phật, tiếng xấu đồn khắp, tâm Phật cũng không hạ. Phật ngồi nằm ở trong quốc độ A-la-tỳ gió lạnh và nhiều cỏ gai, không cho là khổ. Hạ An cư ở trong vườn hoan hỷ trên trời, ngồi đá Kiếm-bà, mềm mại trong sạch như bông tơ trời, cũng không cho là vui. Lảnh thọ đồ ăn của Đại thiên vương cúng, không cho là ngon; ở nước Tỳ-lan-nhã ăn lúa ngựa, không cho là dở. Các đại quốc vương cung phụng đồ ăn thượng diệu, không cho là được, vào thành Tát-la khát thực, mang bát không ra về, không cho là mất. Đề-bà-đạt-đa xô đá ở núi Kỳ-xà-quật xuống đê Phật, Phật cũng không ghét, khi ấy La-hầu-la kính tâm tán Phật, Phật cũng không yêu. A-xà-thế thả voi say muốn để hại Phật, Phật cũng không sợ, hàng phục voi cuồng; người thành Vương-xá, càng thêm cung kính, đem hương hoa anh lạc đến cúng dường Phật, Phật cũng không mừng.

96 phái ngoại đạo cùng lúc hòa nghị với nhau rằng: Chúng ta cũng là người nhất thiết trí, rồi từ nước Xá-bà-đề đi đến muốn luận nghị với Phật, Phật dùng thần thông, từ trên rón phóng hào quang, trong hào quang đều có hóa Phật. Quốc vương Ba-tu-nặc cũng ra lệnh khiến đến, còn không lay động được Phật ngồi trên tòa, huống gì luận nghị được với Phật. Phật thấy giặc ngoại đạo đi đến, tâm cũng không thối; phá các ngoại đạo, chư thiên người đời càng thêm cung kính cúng dường, tâm cũng không đổi sắc.

Dùng đủ cách như vậy muốn đến hủy báng Phật, không thể làm Phật lay động, ví như vàng thật Diêm-phù-đề, lửa đốt không đổi khác, đập, gõ, mài, dũa, không hoại không đổi khác. Phật cũng như vậy, trải qua các sự hủy nhục, chê bai, nghị luận, không động, không đổi khác. Do vậy biết Phật đã dứt hết phiền não và tập khí không còn.

Hỏi: Các A-la-hán, Bích-chi Phật, đồng dùng trí vô lậu dứt các phiền não và tập khí, có sao có sự hết và không hết?

Đáp: Trước đã nói lực trí tuệ mỏng như lửa thế gian, còn lực của Phật lớn như lửa lúc kiếp tận. Nay sẽ đáp thêm: Thanh-văn, Bích-chi Phật chứa nhóm các công đức trí tuệ không lâu, hoặc chỉ trong một đời, hai đời, ba đời, còn Phật ở trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp rộng tu rộng tập công đức trí tuệ, huân tập thiện pháp lâu đời, nên các phiền não tập khí không còn dư thừa.

* Lại nữa, Phật đã gom nhiếp hết thảy công đức, cho đến đã dứt vĩnh viễn các phiền não tập khí, vì các công đức thiện pháp làm tiêu các phiền não. Các A-la-hán không được hết thảy công đức này, nên chỉ dứt tham ái thế gian mà thẳng vào Niết-bàn,

* Lại nữa, lực trí tuệ dứt kiết sử của Phật rất bén, dùng 10 trí lực làm đại lực, dùng trí vô ngại đi thẳng qua, nên dứt các kiết sử không còn sót lại. Ví như người có trọng tội, quốc vương rất giận, giết cả cội gốc bảy đời, không cho sót lại. Phật cũng như vậy, đối với giặc

nặng phiền não, giết nhỏ gốc rễ, không cho sót lại. Vì vậy nên nói, muốn lấy nhất thiết chủng trí dứt hết thủy phiền não tập khí, hãy nên tập hành Bát-nhã ba-la-mật.

Hỏi: Chỉ dứt tập khí là cũng trừ phiền não?

Đáp: Có người nói dứt phiền não và tập khí cùng hết, như trước nói tập khí hết không còn thừa. A-la-hán, Bích-chi Phật chỉ dứt phiền não, không thể dứt tập khí, Bồ-tát dứt hết thủy phiền não và tập khí, làm cho sạch hết không thừa.

Có người nói: Phật đã xa lìa dục từ lâu. Như Phật nói, từ khi Ta thấy Phật Định Quang (Nhiên Đăng) đến nay, đã xa lìa dục, dùng lực phương tiện, nên thị hiện có sống chết, có vợ con quyến thuộc.

Có người nói: Từ khi được vô sanh pháp nhẫn lại đây, chúng được thật tướng các pháp, nên dứt hết thủy phiền não và tập khí.

Có người nói: Từ khi Phật mới phát tâm lại đây còn có phiền não, đến khi ngồi đạo tràng, vào cuối đêm mới dứt hết thủy phiền não và tập khí.

Hỏi: Các thuyết như vậy, thuyết nào đúng?

Đáp: Đều tự miệng Phật nói ra, thuyết nào cũng đúng. Ở trong pháp Thanh văn, Phật dùng lực phương tiện thị hiện chịu lấy phép tắc của con người có sanh, già, bệnh, lạnh, nóng, đói, khát... Không có ai sanh ra mà không có phiền não, nên Phật cũng phải theo phép tắc con người có phiền não; ở dưới cây, bên ngoài trước phá ma quân, bên trong diệt giặc kiết sử. Phá giặc trong ngoài xong, nên thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; người đều tin thọ rằng: người ấy làm được việc ấy, chúng ta cũng sẽ học tập việc ấy. Nếu nói, từ lâu xa đến nay không có phiền não, từ nơi đức Phật Nhiên Đăng được vô sanh pháp nhẫn lại đây, dứt hết phiền não, ấy cũng là phương tiện nói, khiến các Bồ-tát hoan hỷ. Nếu Bồ-tát từ lâu đã dứt hết thủy phiền não rồi, thì khi thành Phật còn làm gì nữa?

Hỏi: Phật có nhiều việc, dứt kiết sử là một việc, ngoài ra còn có việc làm thanh tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh... chưa đầy đủ, vì để đầy đủ các việc nên gọi là Phật?

Đáp: Nếu như vậy, sao Phật nói dứt kiết sử là thân cuối cùng, con người nếu hoàn toàn không có kiết sử, làm sao sanh được?

Hỏi: Từ khi được vô sanh pháp nhẫn lại đây, thường được pháp tánh sanh thân biến hóa chăng?

Đáp: Phép biến hóa, phải có hóa chủ vậy sau mới hóa được, nếu được vô sanh pháp nhẫn, dứt hết thấy kiết sử, khi chết bỏ nhục thân này, không có thân thật, thì ai biến hóa? Vì vậy nên biết chúng được vô sanh pháp nhẫn, không phải đã dứt hết kiết sử.

* Lại nữa, hàng Thanh văn nói: Bồ-tát không dứt kiết sử, cho đến khi ngồi đạo tràng mới dứt, vậy là quá lắm, vì có sao? Vì trong pháp của ông nói Bồ-tát đã mãn ba A-tăng-kỳ kiếp, sau còn có trăm kiếp, thường được trí Túc mạng, tự nhớ lại thời Phật Ca-diếp từng làm Tỳ-kheo tên là Uất-đa-la tu hành Phật pháp, sao nay còn khổ hạnh sáu năm, tu pháp tà đạo, ngày ăn một hạt mè, hạt gạo? Hậu thân Bồ-tát, một ngày còn không nên làm hưởng chi sáu năm? Sân hận cũng như vậy, từ thời lâu xa làm rắn độc, bị thợ săn bắt sống lột da, hãy còn không giận, làm sao thân cuối cùng mà còn giận năm người? Do vậy nên biết người Thanh văn nhận lầm nghĩa của Phật nói. Phật dùng lực phương tiện muốn phá ngoại đạo nên thị hiện sáu năm tu khổ hạnh. Ông nói giận năm người, ấy là phương tiện, cũng là tập khí sân chứ chẳng phải phiền não.

Nay sẽ nói như thật rằng: Bồ-tát chứng được vô sanh pháp nhẫn, phiền não đã hết, nhưng tập khí chưa trừ, nhân tập khí thọ và pháp tánh sanh thân nên có thể tự tại hóa sanh. Có tâm đại từ bi, vì chúng sanh, cũng vì mãn bản nguyện nên trở lại thế gian thành tựu đầy đủ những Phật pháp dư tàn. Khi mãn mười địa, ngồi đạo tràng, dùng lực vô ngại

giải thoát, chứng được nhất thiết trí, nhất thiết chủng trí, dứt phiền não tập khí.

Người Đại thừa nói: Bồ-tát chứng được vô sanh pháp nhẫn, hết thấy phiền não và tập khí đều dứt sạch, cũng là sai lầm! Nếu dứt hết rồi, không khác gì Phật, cũng không nên thọ pháp tánh sanh thân. Vì vậy nên Bồ-tát chứng được vô sanh pháp nhẫn, bỏ sanh thân, được pháp tánh sanh thân. Nếu nói đến khi ngồi đạo tràng, tất cả phiền não và tập khí đều hết, lời ấy cũng sai! vì có sao? Vì nếu Bồ-tát có đủ ba độc thì làm sao tích tập vô lượng Phật pháp được? Thí như bình có chất độc, tuy đựng cam lồ đều không nên ăn. Bồ-tát tích tập các công đức thuần tịnh, mới được thành Phật. Nếu xen lẫn ba độc thì làm sao đầy đủ Phật pháp thanh tịnh?

Hỏi: Quán thật tướng pháp và tu bi tâm nên có thể làm cho ba độc mỏng, mỏng cho nên có thể tích tập công đức thanh tịnh?

Đáp: Mỏng ba độc, chỉ có thể được thân chư thiên, Chuyển luân thánh vương, còn muốn được thân công đức của Phật, không có lẽ đó. Ba độc dứt, tập khí hết, có thể tích tập các công đức.

* Lại nữa, gọi là mỏng là như người ly dục, dứt kiết sử ở hạ địa mà còn có phiền não ở thượng địa. Lại như Tu-đà-hoàn kiết sử do thấy Tứ đế đoạn đã hết, mà kiết sử do tư duy đoạn chưa hết, ấy gọi là mỏng. Như Phật nói dứt ba kiết, mỏng dâm, nộ, si, gọi là Tu-đà-hàm. Nếu ông nói mỏng, phải nên là sự đoạn ấy. Vì vậy nên khi được vô sanh pháp nhẫn dứt phiền não, khi được thành Phật mới dứt phiền não tập khí, ấy là lời nói đúng thật.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát muốn lên pháp vị Bồ-tát, hãy nên học Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN: Bồ-tát vị là vô sanh pháp nhẫn. Được pháp nhẫn này, xem hết thấy thế gian là không tâm không nhiễm trước. Ở trong thật tướng các pháp, không còn nhiễm thế gian.

* Lại nữa, Ban châu ban tam-muội là pháp vị Bồ-tát. Được Ban châu ban tam-muội này, thấy được chư Phật hiện tại trong mười phương, theo Phật nghe pháp, dứt các lưới nghi. Bảy giờ tâm Bồ-tát không lay động, ấy gọi là Bồ-tát vị.

* Lại nữa, Bồ-tát vị là đầy đủ sáu Ba-la-mật, sanh trí phương tiện, cũng không trú nơi thật tướng các pháp, tự biết, tự chứng, không theo lời người khác, hoặc ma làm hình Phật đi đến, tâm cũng không mê hoặc.

* Lại nữa, do lực nhập Bồ-tát pháp vị nên được gọi là Bồ-tát bất thối.

* Lại nữa, đại Bồ-tát, vào trong pháp vị ấy, không đọa vào trong số phàm phu, gọi là người đắc đạo. Tất cả việc thế gian muốn phá hoại tâm ấy, không thể làm lay động. Đóng cửa ba đường ác, đứng trong số Bồ-tát, bắt đầu sanh vào nhà Bồ-tát, thành tựu trí tuệ thanh tịnh.

* Lại nữa, trú chót đánh vị không đọa, ấy là Bồ-tát pháp vị, như nói ở trong học phẩm. Bồ-tát vị trên, không đọa vào ác thú, không sanh nhà hạ tiện, không đọa địa vị Thanh văn, Bích-chi Phật, cũng không từ chót đánh bị đọa.

Hỏi: Thế nào là chót đánh bị đọa?

Đáp: Như Tu-bồ-đề nói với Xá-lợi-phất, nếu đại Bồ-tát không có tâm phương tiện mà hành sáu Ba-la-mật, vào trong không, vô tướng, vô tác, không thể bước lên Bồ-tát vị, cũng không đọa vào địa vị Thanh văn, Bích-chi Phật, ái trước các pháp công đức, đối với năm uẩn vô thường, khổ, không, vô ngã, chấp thủ tướng, tâm nhiễm trước, nói là đạo phi đạo, là nên làm, là không nên làm, chấp thủ tướng phân biệt như vậy, ấy là Bồ-tát chót đánh bị đọa. Thế nào là chót đỉnh? Như trên đã nói, dứt các pháp ái, đối với pháp ái dứt cũng lại không chấp thủ, như nói ở trong nghĩa trú ở chót đỉnh. Nếu khi Bồ-tát ma-

ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, trong nội không, không thấy ngoại không; trong ngoại không, không thấy nội không; trong ngoại không, không thấy nội ngoại không; trong nội ngoại không không thấy ngoại không, cho đến vô pháp hữu pháp không, cũng như vậy.

* Lại nữa, Bồ-tát ngồi trên, được tâm vô đẳng đẳng, cũng không tự cao, biết tâm tướng chân không, các hý luận về hữu, vô dứt.

Hỏi: Sao trong pháp của Thanh văn gọi là chánh vị trong pháp của Bồ-tát thì vị chỉ gọi là vị?

Đáp: Nếu nói chánh vị, cũng không lỗi, vì có sao? Vì nếu nói Bồ-tát ấy thời đã là chánh, như trong pháp Thanh văn chỉ nói vị không nói Thanh văn vị, vì vậy nên nói chánh.

* Lại nữa, người học pháp Thanh văn, không có tâm đại từ bi, vì trí không lanh lợi, chưa sanh tâm nhằm chán, còn cầu biết nhiều pháp, sanh nhiều tà kiến nghi hối, còn Bồ-tát ma-ha-tát có tâm đại từ thương tất cả, phần nhiều cầu độ thoát chúng sanh khỏi khổ sanh, già, bệnh, chết, không cầu phân biệt các thứ hý luận. Ví như ông Trưởng giả có một người con, hết sức yêu nó, nó mắc bệnh, ông chỉ cầu thuốc hay trị lành bệnh, chứ không cầu phân biệt các tên thuốc, lấy theo thời tiết, hòa hợp phân số, vì vậy các Bồ-tát từ nơi quả quán mười hai nhân duyên, không từ nơi nhân quán. Người kiến nhiều từ nơi nhân quán, người ái nhiều từ nơi quả quán. Các người Thanh văn nhân nơi tà vị nên có chánh vị, Bồ-tát tà vị mỏng nên chỉ gọi là Bồ-tát vị.

Hỏi: Trong pháp Thanh văn, từ khổ pháp nhẫn cho đến đạo tứ nhẫn, gọi là chánh vị (*Khi mới quán khổ đế, gọi là khổ pháp nhẫn, khi biết rõ khổ đế, gọi là khổ pháp trí. Cho đến khi mới quán đạo đế của hai cõi trên, gọi là đạo tứ nhẫn, khi biết rõ đạo đế của hai cõi trên, gọi là đạo tứ trí. Nhẫn là nhân, Trí là quả - N.D*) như trong Kinh nói: Ở trong ba ác đạo, không thể được ba việc là chánh vị, thánh

quả, lậu tận. Những người phá giới, tà kiến, tạo tội ngũ nghịch cũng như vậy. Vậy từ pháp gì được gọi là Bồ-tát vị?

Đáp: Phát tâm, tu hành, đại bi và phương tiện đầy đủ. Hành bốn pháp ấy được vào Bồ-tát vị. Như trong pháp Thanh văn, trước hết phải đủ bốn thiện căn là noãn pháp, nhẫn pháp, đành pháp, thể đệ nhất pháp, vậy sau mới vào chánh vị “khổ pháp nhẫn”.

Hỏi: Trong sự tu hành đều đã gồm đủ bốn pháp, có sao lại phân biệt làm bốn?

Đáp: Mới phát tâm, tuy có tu hành mà tu chưa lâu nên không gọi là tu hành. Như người ở nhà, tuy trọn ngày không ở một chỗ, song không gọi là đi.

* Lại nữa, khi mới phát tâm, chỉ có ý nguyện, khi hành mới tạo tác, lấy của cho người, thọ trì cấm giới, như vậy hành sáu Ba-la-mật, ấy gọi là hành. Tu hành rồi, do Bát-nhã ba-la-mật biết thật tướng các pháp, do tâm đại bi thương niệm chúng sanh. Nếu không biết thật tướng các pháp, nhiễm trước pháp thế gian hư dối, chịu các thứ thân khổ tâm khổ; ấy chỉ còn mang danh từ đại bi, nên không gọi là tu hành. Phương tiện là đầy đủ Bát-nhã ba-la-mật, nên biết các pháp không; đầy đủ đại bi tâm, nên thương xót chúng sanh. Đối hai pháp ấy, do lực phương tiện, nên không sanh nhiễm trước. Tuy biết các pháp không, do lực phương tiện, nên không bỏ chúng sanh; tuy không bỏ chúng sanh, cũng biết các pháp thật không. Nếu đối hai sự ấy bình đẳng, tức được vào Bồ-tát vị, như người Thanh văn đối hai pháp định tuệ được bình đẳng tức được vào chánh vị. Pháp trí, bi, định, tuệ ấy tuy có hành, mà còn có tên gọi khác, không gọi là tu hành. Từ khi mới phát tâm cho đến khi ngồi đạo tràng, những sự thực hành ở khoảng trung gian ấy, đều gọi là tu hành. Vì có sai khác chút ít nên có tên gọi khác, là điều dễ hiểu, ví như có người mới phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, muốn độ thoát hết thầy chúng sanh

khỏi các khổ thân tâm sanh, già, bệnh, chết, phát lời thề lớn để trang nghiêm, do công đức và tuệ minh nên sở nguyện đều viên mãn. Hai việc ấy có sáu phần tu hành gọi là sáu Ba-la-mật, bố thí, trì giới, nhẫn nhục là phần công đức, tinh tấn, thiền định, trí tuệ là phần tuệ minh.

Tu hành sáu Ba-la-mật, biết các pháp tướng thậm thâm vi diệu, khó hiểu khó biết, suy nghĩ rằng: chúng sanh nhiễm trước các pháp trong ba cõi, lấy nhân duyên gì để khiến chúng sanh hiểu được các pháp tướng? Hãy lấy các công đức đầy đủ, trí tuệ thanh tịnh, thành tựu thân Phật 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp tùy hình, ánh sáng, đầy đủ thần thông vô lượng. Lấy mười lục, bốn vô sở úy, mười tám pháp không chung, bốn trí vô ngại, xem xét người có thể độ, thì thuyết pháp khai hóa, ví như chim Kim sí xem khắp các con rồng, con nào mạng sắp tận, dùng cánh quạt khắp biển nước rẽ hai bên, rồi bắt lấy mà ăn. Phật cũng như vậy, dùng Phật nhãn xem chúng sanh trong năm đường ở mười phương thế giới, ai đáng được độ, thì đầu tiên hiện thần thông, tiếp đến mở bày tâm ý họ, do hai việc ấy, trừ ba chướng ngại rồi thuyết pháp cho họ, nhờ chúng sanh ra khỏi ba cõi. Được Phật lực có vô lượng thần thông, giả sử hư dối còn có thể tin được, huống là nói thật! Ấy gọi là phương tiện.

* Lại nữa, Bồ-tát dùng Bát-nhã ba-la-mật biết tướng các pháp, nhớ bốn nguyện muốn độ chúng sanh của mình mà suy nghĩ rằng, trong thật tướng các pháp, chúng sanh là không thể có được, sẽ làm sao độ? Lại suy nghĩ rằng, trong thật tướng các pháp, chúng sanh tuy không thể có được, nhưng vì chúng sanh không biết thật tướng các pháp ấy, nên muốn khiến cho chúng sanh biết được thật tướng ấy.

* Lại nữa, thật tướng pháp ấy cũng không ngại chúng sanh. Thật tướng pháp ấy gọi là không bị trừ hoại, cũng không tạo tác, ấy gọi là phương tiện. Đầy đủ bốn pháp ấy, được vào Bồ-tát vị.

KINH: Muốn quá khỏi địa vị Thanh văn, Bích-chi Phật mà trú địa vị không thối chuyển, hãy nên học Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN. *Hỏi*: Bồ-tát khi vào pháp vị, tức đã quá địa vị Thanh văn, Bích-chi Phật, mà trú địa vị không thôi chuyển, có sao còn nói lại?

Đáp: Tuy ba việc một lúc, mà các pháp tương ưng khác nhau, nên thứ lớp tán thán, như trong nhất tâm một lúc được năm vô lậu căn, mà phân biệt nói mỗi tướng của nó. Bồ-tát khi vào pháp vị, dứt bao nhiêu kiết sử, được bao nhiêu công đức, qua khỏi địa vị ấy, trú ở địa vị ấy, chỉ có Phật biết được. Cũng vì muốn dẫn dắt các Bồ-tát nên Phật mỗi mỗi tán thán. Như mở đầu Kinh này nói, Phật ở núi Kỳ-xà-quật cùng với năm ngàn Tỳ-kheo, đều là bậc A-la-hán, đã hết các lậu, việc cần làm đã làm xong. A-la-hán chính là lậu hết, lậu hết chính là việc cần làm đã làm xong, cũng vì dẫn dắt người khác khiến cho tâm họ thanh tịnh, nên mỗi mỗi nói lời tán thán, không có lỗi. Đây cũng như vậy, vào pháp vị tức là qua khỏi địa vị A-la-hán, Bích-chi Phật, mà trú ở địa vị bất thôi chuyển.

* Lại nữa, nhân vào pháp vị nên được qua khỏi địa vị A-la-hán, Bích-chi Phật mà trú ở địa vị bất thôi chuyển.

Hỏi: Vào trong pháp vị là qua khỏi già, bệnh, chết, dứt hết các kiết sử, phá ba ác đạo, và cũng trú vào các công đức như trước đã nói, sao đây lại chỉ nói qua khỏi địa vị Thanh văn, Bích-chi Phật cũng trú các công đức, có sao chỉ nói trú ở địa vị bất thôi chuyển?

Đáp: Bỏ các việc ác, được các công đức, sau sẽ thứ lớp nói đến công đức về chỗ ở. Các pháp cần phải có thứ lớp, không thể cùng nói một lần.

* Lại nữa, Bồ-tát khi mới phát tâm, điều đáng sợ nhất là địa vị Thanh văn, Bích-chi Phật. Giả sử đọa địa ngục cũng không sợ bằng, vì không vĩnh viễn phá đạo Đại thừa, A-la-hán, Bích-chi Phật. Đối với Đại thừa này cho là đã diệt vĩnh viễn, ví như chỗ đất trống có cây tên là Xá-ma-lê, cành lá rộng lớn, nhiều chim tụ lại ngủ, một con bồ câu đến sau, đậu trên một cành, cành lá đó liền bị khô gãy.

Thần chăm hỏi thân cây: Chim lớn như chim cắt, chim thú đến đậu sao cây chịu nổi, còn chim nhỏ đến đậu lại không chịu nổi? Thân cây trả lời: Chim nhỏ này từ trên cây Ni-câu-lô oan gia với ta bay đến, nó ăn trái cây kia rồi đến đậu trên ta, chắc sẽ ỉa ra, hạt rơi xuống đất, cây ác lại mọc lên, gây hại rất lớn. Vì vậy, đối với một chim bồ câu, lòng rất lo sợ, thà bỏ một cành, mà được toàn vẹn to lớn. Bồ-tát cũng như vậy, đối với các ngoại đạo, ma chúng, các kiết sử, ác nghiệp, không sợ bằng sợ A-la-hán, Bích-chi Phật, vì có sao? Vì Thanh văn, Bích-chi Phật ở bên Bồ-tát cũng như chim bồ câu kia, làm bại hoại tâm Đại thừa, dứt luôn sự nghiệp thành Phật, vì vậy nên chỉ nói qua khỏi địa vị Thanh văn, Bích-chi Phật.

Trú ở địa vị bất thối chuyển là từ khi mới phát tâm lại đây, thường ưa thích trú ở địa vị bất thối chuyển. Nghe các Bồ-tát phân nhiều thối chuyển nên khi phát tâm, lập nguyện rằng: Lúc nào sẽ được qua khỏi địa vị Thanh văn, Bích-chi Phật mà trú ở địa vị bất thối chuyển? Vì vậy nên nói trú ở địa vị bất thối chuyển.

Hỏi: Thế nào là địa vị bất thối chuyển?

Đáp: Nếu Bồ-tát quán hết thấy pháp chẳng sanh chẳng diệt, chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng chung chẳng phải không chung, quán các pháp như vậy, được thoát khỏi ba cõi, chẳng vì không, chẳng vì phi không, một lòng tin nhận thật tướng trí tuệ của mười phương chư Phật sở dụng, không thể hoại, không thể động, ấy gọi là pháp vô sanh nhẫn; pháp vô sanh nhẫn chính là địa vị bất thối chuyển.

* Lại nữa, vào Bồ-tát vị là địa vị bất thối chuyển, qua khỏi Thanh văn, Bích-chi Phật, cũng gọi là địa vị bất thối chuyển.

* Lại nữa, trú ở địa vị bất thối chuyển, đời đời thường được quả báo thân thông, không mất không lui. Nếu Bồ-tát được hai pháp ấy, thì tuy ngộ được thật tướng các pháp mà vì tâm đại bi nên không bỏ chúng sanh.

* Lại có hai pháp: 1. Trí tuệ thanh tịnh. 2. Trí tuệ phương tiện.

* Lại có hai pháp: 1. Thâm tâm niệm tướng Niết-bàn. 2. Việc làm không lìa thế gian. Ví như rồng lớn, đuôi ở biển cả, đầu ở hư không, chấn động sáu phương mà đổ mưa lớn.

* Lại nữa, Bồ-tát bất thối chuyển, được trí tuệ thật tướng của các pháp ấy, đời đời không mất, không bao giờ tạm lìa, đối với thâm kinh của chư Phật, không bao giờ nghi cũng không làm trở ngại, vì có sao? Vì ta chưa được nhất thiết trí nên không biết vì phương tiện gì, nhân duyên gì nói ra như vậy. Bồ-tát bất thối chuyển, thường với thâm tâm không bao giờ sanh ác. Bất thối chuyển với thâm tâm thì tích tập các thiện, còn thiện tâm thời làm các bất thiện.

Hỏi: Nếu tướng của bất thối chuyển là được pháp vô sanh nhẫn, sao còn thiện tâm làm các bất thiện?

Đáp: Có hai thứ bất thối chuyển:

1. Được pháp vô sanh nhẫn.

2. Tuy chưa được pháp vô sanh nhẫn, nhưng Phật biết nhân duyên tác nghiệp quá khứ, vị lai của người ấy, chắc sẽ thành Phật, nên vì lợi ích người hai bên, Phật thọ ký cho người ấy. Vị Bồ-tát này tuy còn mang nhục thân sanh tử, kiết sử chưa dứt, nhưng là tối đệ nhất đối với hàng phàm phu, ấy cũng gọi là tướng bất thối chuyển. Nếu được pháp vô sanh nhẫn, dứt các kiết sử, ấy thời thanh tịnh, hết nhục thân cuối cùng, được pháp tánh sanh thân, kiết sử không làm ngăn ngại, không cần dạy dỗ, như chiếc thuyền ở giữa sông Hằng lớn, không cần điều khiển, tự trôi đến biển lớn.

* Lại nữa, có khi mới phát tâm, sanh nguyện lớn, nguyện dứt các phiền não, biết thật tướng các pháp, liền được bất thối chuyển. Có khi chỉ hành Bồ thí ba-la-mật, liền đầy đủ sáu Ba-la-mật, cho đến hành Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy. Có khi hành sáu Ba-la-mật,

chưa được bất thối chuyển, đến khi sanh tâm đại bi đối với chúng sanh, liền được bất thối chuyển. Có khi được tâm đại bi mà lại nghĩ rằng: Nếu các pháp đều không, thời không có chúng sanh, thì có thể độ ai, khi ấy bi tâm liền yếu kém. Hoặc thấy chúng sanh đáng thương mà đối với các pháp, trí quán “không” còn yếu kém. Nếu được lực phương tiện đối với hai điều ấy, đồng đẳng không thiên lệch, tâm đại bi không ngăn ngại thật tướng các pháp, ngộ được thật tướng các pháp, không ngăn ngại tâm đại bi phát sanh. Có phương tiện như vậy, khi ấy liền được vào Bồ-tát pháp vị, trú ở địa vị bất thối chuyển, như đã nói trong phẩm Vãng sanh.

* Lại nữa, tướng bất thối chuyển như hai phẩm Bất thối chuyển ở sau sẽ nói.

(HẾT CUỐN 27 THEO BẢN HÁN)

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

CHƯƠNG 40

GIẢI THÍCH: SÁU THẦN THÔNG

KINH: Bồ-tát ma-ha-tát muốn trú ở sáu thần thông, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN. *Hỏi:* Như đã nói trong phẩm Tán thán Bồ-tát, các Bồ-tát đều được năm thần thông, nay vì sao nói muốn trú ở sáu thần thông?

Đáp: Năm thông là sở đắc của Bồ-tát, nay muốn trú sáu thần thông là sở đắc của Phật. Nếu Bồ-tát được sáu thần thông thật, thời có thể đưa đến nạn vẫn như thế.

Hỏi: Trong phẩm Vãng sanh nói: Bồ-tát trú ở sáu thần thông, đi đến các nước Phật, sao nay nói Bồ-tát đều được năm thông?

Đáp: Lộ tận thông thứ sáu có hai thứ: 1. Lộ và tập khí đều hết. 2. Lộ hết mà tập khí chẳng hết. Tập khí không hết nên nói đều được năm thông, lộ hết nên nói trú ở sáu thần thông.

Hỏi: Nếu Bồ-tát đã hết lộ, tại sao còn sanh? tại sao thọ sanh? Hết thấy sự thọ sanh đều do ái tương tục nên có, ví như gạo tuy có được ruộng tốt, gieo đúng thời, tưới tẩm, cũng không thể mọc được. Các bậc thánh nhân đã thoát khỏi lớp vỏ ái, tuy có nhân duyên của nghiệp hữu lộ sanh, cũng không thể sanh được?

Đáp: Trước đã nói, Bồ-tát vào pháp vị, trú ở địa vị bất thối chuyển, hết nhục thân cuối cùng, được pháp tánh sanh thân; tuy đã dứt các phiền não, mà còn nhân duyên của tập khí phiền não, nên thọ pháp tánh sanh thân, chứ chẳng phải sanh ở ba cõi.

Hỏi: A-la-hán phiền não đã hết, tập khí cũng chưa hết vì sao không sanh?

Đáp: A-la-hán không có tâm đại từ bi, không có bốn thế nguyện độ hết thấy chúng sanh; lại lấy việc tác chứng thật tế, đã lìa sanh tử.

* Lại nữa, trước đã đáp có hai thứ lậu hết, trong đây không nói Bồ-tát được Lậu tận thông, chỉ tự nói người muốn được sáu thần thông, nên học Bát-nhã ba-la-mật. Nghĩa của sáu thần thông như Phật nói ở phẩm sau. Phẩm Tán thán Bồ-tát trên kia, cũng đã nói nghĩa năm thần thông của Bồ-tát.

Hỏi: Thần thông có thứ lớp thế nào?

Đáp: Bồ-tát lìa năm dục, được các thiền, có từ bi nên vì chúng sanh mà thủ lấy thần thông, hiện các việc hy hữu kỳ lạ, khiến chúng sanh tâm được thanh tịnh, vì có sao? Vì nếu không có việc hy hữu thì không thể khiến nhiều chúng sanh đắc độ.

1. Đại Bồ-tát suy nghĩ như vậy rồi, buộc tâm vào chỗ hư không trong thân, diệt tướng sắc thô trọng, thường thủ lấy tướng rỗng nhẹ, phát tâm đại dục tinh tấn, trí tuệ trừ lượng, thử sức tâm có thể cất nổi thân chưa? Trừ lượng rồi, tự biết sức tâm lớn, có thể cất nổi thân, ví như học bay, thường bỏ tướng sắc thô trọng mà thường tu tập theo tướng rỗng nhẹ, bấy giờ liền bay được.

2. Cũng có thể biến hóa các vật, khiến đất thành nước, nước thành đất, gió thành lửa, lửa thành gió, các đại như vậy, đều làm cho nó chuyển đổi, khiến vàng thành ngói gạch, ngói gạch thành vàng, các vật như vậy, đều khiến biến hóa. Muốn biến đất thành nước,

thường tu tập niệm tướng nước làm cho nhiều hơn, không còn niệm tướng tướng đất, khi ấy tướng đất theo như niệm tướng biến thành nước; các vật như vậy, đều có thể biến hóa.

Hỏi: Nếu như vậy thì có khác gì với tu nhất thiết nhập?

Đáp: Tu nhất thiết nhập là bước đầu của thần thông. Trước đã được nhất thiết nhập, tám bội xả, tám thắng xứ, làm cho tâm nhu nhuyễn chiếc phục, vậy sau mới dễ vào thần thông.

* Lại nữa, trong nhất thiết nhập, chỉ riêng mình tự thấy đất biến thành nước, còn người khác không thấy, trong thần thông thời không vậy, tự thấy thật là nước, người khác cũng thấy thật là nước.

Hỏi: Nhất thiết nhập cũng là đại định, cơ sao không khiến thành là nước thật cho mình và người đều thấy?

Đáp: Đối tượng của pháp quán nhất thiết nhập rộng, nên chỉ có thể làm cho tất cả thành nước, mà không thể làm cho thật là nước. Còn thần thông không thể khắp tất cả chỗ, mà chỉ có thể khiến đất chuyển thành nước, bèn thành nước thật, vì vậy nên hai định lực khác nhau.

Hỏi: Việc biến hóa của hai định ấy là thật hay là hư? Nếu thật, làm sao đá thành vàng, đất thành nước? Nếu hư, tại sao thánh nhân mà làm việc không thật?

Đáp: Đều thật, thánh nhân không hư, vì đã nhờ hết ba độc, và vì các pháp không có tướng nhất định, nên có thể chuyển đất thành nước... như sáp, keo là loại đất mà gặp lửa thời tiêu ra nước, thành tướng ướt. Nước gặp lạnh thời kết thành băng, là tướng cứng, nhựa đá thành vàng, vàng hồng thành đồng hoặc trở lại đá. Chúng sanh cũng như vậy, ác có thể thành thiện, thiện có thể thành ác, vì vậy nên biết hết thấy pháp không có tướng nhất định. Dùng sức thần thông biến hóa, là thật chứ không dối. Nếu pháp vốn có tướng nhất định, thời không thể biến.

3. Thần thông của các hiền thánh, tùy ý tự tại đối với sáu trần, thấy đẹp có thể sanh ý tưởng chán, thấy xấu có thể sanh ý tưởng vui, cũng có thể lia ý tưởng đẹp xấu mà hành tâm xả, ấy gọi là ba loại thần thông. Thần thông tự tại này, chỉ Phật mới đầy đủ. Bồ-tát được thần thông dạo qua các nước Phật, đối với ngôn ngữ bất đồng của các nước khác nhau và đối với âm thanh của chúng sanh vi tế, xa xôi không nghe được, nên cầu có Thiên nhĩ thông. Thường nhớ nghĩ đến nhiều loại tiếng lớn, thủ lấy tướng ấy tu hành, thường tu tập, nên được có tai tạo thành bởi sắc thanh tịnh của tứ đại cõi Sắc, được rồi, bèn nghe xa đối với âm thanh người, trời, thô, tế, xa, gần đều thông suốt không ngăn ngại.

Hỏi: Như trong Thiên kinh nói: Trước hết được Thiên nhãn, thấy chúng sanh mà không nghe được tiếng nó, nên cầu được Thiên nhĩ thông. Được Thiên nhãn, Thiên nhĩ thấy biết được thân hình, âm thanh của chúng sanh, mà không hiểu được ngôn ngữ, các lời lo, mừng, khổ, vui, nên cầu được trí từ vô ngại. Chỉ biết lời nó mà không biết được tâm nó, nên cầu được trí biết Tha tâm. Biết tâm nó mà chưa biết nó từ đâu đến, nên cầu được Túc mạng thông. Đã biết từ đâu đến, lại muốn trị tâm bệnh của nó nên cầu được Lậu tận thông. Được đầy đủ năm thông rồi, mà không thể biến hóa cho nên việc độ thoát chưa rộng, không thể hàng phục người tà kiến, người đại phúc đức, nên cầu được thần thông Như ý. Thứ lớp phải như vậy, có sao đây nói trước tiên cầu thần thông Như ý?

Đáp: Chúng sanh kẻ thô thì nhiều, kẻ tế thì ít, cho nên trước dùng thần thông Như ý, thần thông Như ý gồm được cả thô tế, độ người được nhiều nên nói trước.

* Lại nữa, các thần thông được pháp khác nhau, số pháp khác nhau. Được pháp nhiều thì trước cầu Thiên nhãn, vì dễ được. Hành giả dùng các ánh sáng mặt trời, mặt trăng, sao, ngọc, lửa... thủ lấy

tướng sáng của nó, thường siêng tinh tấn, khéo tu tập, ngày đêm không đổi khác, hoặc trên hoặc dưới, hoặc trước hoặc sau, đồng nhất sáng suốt, không bị ngăn ngại, khi ấy bắt đầu được Thiên nhãn thần thông. Các thần thông khác thứ lớp được, như vừa nói.

* Lại nữa, Phật như chỗ tự chứng được mà thứ lớp nói cho người. Phật đầu đêm được một thông một minh, đó là Như ý thông và Túc mạng minh; giữa đêm được Thiên nhĩ thông và Thiên nhãn minh; cuối đêm được Tha tâm trí thông và Lộ tận minh. Cầu được minh phải dụng công nhiều nên nói sau. Thông và minh thứ lớp được, như bốn quả Sa-môn, quả lớn thì ở sau.

Hỏi: Nếu Thiên nhãn dễ được nên ở trước, sao Bồ-tát không trước được Thiên nhãn?

Đáp: Bồ-tát đối với các pháp đều dễ không khó, còn người khác vì độn căn nên có khó có dễ.

* Lại nữa, đầu đêm ma vương đến muốn chiến đấu với Phật, Bồ-tát dùng sức thần thông biến hóa các thứ làm cho binh khí của ma đều thành anh lạc, hàng ma xong, tiếp nghĩ đến thần thông muốn cho đầy đủ. Móng tâm liền vào, liền được đầy đủ thần thông. Hàng ma xong, tự nghĩ một thân làm sao được sức lớn? Bèn cầu Túc mạng minh, tự biết do năng lực phước đức đã tích tụ nhiều đời. Giữa đêm ma liền đi xa, vắng lặng không tiếng, vì thương xót tất cả, nghĩ tới tiếng chúng ma, phát sanh Thiên nhĩ thông và Thiên nhãn minh. Dùng Thiên nhĩ ấy, nghe tiếng khổ vui của chúng sanh trong mười phương năm đường. Nghe tiếng xong muốn thấy hình nó mà bị ngăn che không thấy nên cầu được Thiên nhãn. Lúc cuối đêm đã thấy thân hình chúng sanh lại muốn biết tâm nó, nên cầu Tha tâm trí. Biết tâm chúng sanh đều muốn lìa khổ cầu vui, nên Bồ-tát cầu Lộ tận thông. Trong các thứ vui, vui Lộ tận hơn hết, nên làm cho chúng sanh chúng được.

Hỏi: Bồ-tát đã được vô sanh pháp nhãn, đời đời thường được quả báo thân thông, sao nay tự nghi, đã thấy chúng sanh mà không biết tâm nó?

Đáp: Có hai hạng Bồ-tát: 1. Pháp tánh sanh thân Bồ-tát. 2. Vì độ chúng sanh nên phương tiện chịu làm thân theo phép tắc của con người, sanh vào nhà vua Tịnh-phạn, ra dạo bốn cửa thành, hỏi người già, bệnh, chết, làm vị Bồ-tát ngồi dưới cây thọ vương, đầy đủ sáu thân thông.

* Lại nữa, Bồ-tát thân thông, trước đã có mà chưa đầy đủ, nay đầu đêm, giữa đêm, cuối đêm chứng được, ấy là Phật thân thông. Làm theo phép tắc của con người nên tự nghi, không có lỗi.

Hỏi: Theo thứ lớp sáu thân thông, thì nên trước hết là Thiên nhãn, cuối cùng là Lộ tận thông. Song cũng có khi không theo thứ lớp như vậy chăng?

Đáp: Phần nhiều trước có Thiên nhãn, sau là Lộ tận trí, hoặc có khi tùy chỗ ưa tu mà được Thiên nhĩ trước hoặc thần túc trước.

Có người nói, ở Sơ thiên, Thiên nhĩ dễ được, vì có bốn tâm giác quán (*nhãn, nhĩ, thân, ý thức - N.D*); ở Nhị thiên, Thiên nhãn dễ được, vì nhãn thức không có, tâm thu nhiếp không tán loạn; ở Tam thiên, Như ý thông dễ được, vì thân thụ hưởng khoái lạc; ở Tứ thiên, các thông đều dễ được, vì là chỗ hết thấy an ổn.

Nghĩa của Túc mạng, Tha tâm, Lộ tận như trong đoạn Mười lục đã nói.

KINH: Muốn biết hết thấy chúng sanh tâm xu hướng về đâu, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN. *Hỏi:* Trong sáu thông đã nói thân thông biết Tha tâm, sao nay còn nói lại?

Đáp: Cảnh giới của Tha tâm thông ít, chỉ biết được tâm tâm số pháp của chúng sanh hiện tại ở cõi Dục cõi Sắc, chứ không

biết được tâm tâm số pháp của chúng sanh ở quá khứ, vị lai và ở cõi Vô sắc. Phạm phu thông đối với Tứ thiên địa trên, tùy theo chỗ được thần thông trở xuống, biết khắp được tâm tâm số pháp của chúng sanh trong bốn châu thiên hạ; Thanh văn thông đối với Tứ thiên trên, tùy theo chỗ được thần thông trở xuống, biết khắp được tâm tâm số pháp của chúng sanh trong ngàn thế giới. Bích-chi Phật thông, đối với Tứ thiên địa trên, tùy theo chỗ được thần thông trở xuống, biết khắp được tâm tâm số pháp của chúng sanh trong trăm ngàn thế giới. Người độn căn ở địa trên không thể biết tâm tâm số pháp của người lợi căn ở địa dưới; phạm phu không biết được tâm tâm số pháp của Thanh văn, Thanh văn không biết được tâm tâm số pháp của Bích-chi Phật; Bích-chi Phật không biết được tâm tâm số pháp của Phật. Vì vậy nên nói muốn biết hết thấy chúng sanh tâm hành hướng về đâu, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Hỏi: Lấy trí gì mà biết được tâm tâm số pháp của hết thấy chúng sanh?

Đáp: Các đức Phật có giải thoát vô ngại, vào trong giải thoát ấy có thể biết được tâm tâm số pháp của hết thấy chúng sanh. Các đại Bồ-tát được giải thoát vô ngại tương tự, cũng có thể biết tâm tâm số pháp của hết thấy chúng sanh. Tân học Bồ-tát muốn được giải thoát vô ngại của đại Bồ-tát ấy và của Phật, dùng giải thoát vô ngại ấy mà biết tâm tâm số pháp của hết thấy chúng sanh. Đại Bồ-tát thì muốn được giải thoát vô ngại của Phật, nên tuy đã nói biết Tha tâm thông, nay còn nói muốn biết hết thấy chúng sanh tâm xu hướng về đâu, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Hỏi: Tâm xu hướng về đâu, tâm có đi hay không đi? Nếu có đi, thời ở đây không có tâm, giống như người chết; nếu không đi thời làm sao biết được? Như Phật nói, nương ý duyên pháp mà có ý thức sanh ra, nếu ý không đi thời không hòa hợp (*với pháp - N.D*)?

Đáp: Tâm không đi không ở mà có thể biết, như trong kinh Bát-nhã ba-la-mật nói: Hết thấy pháp không có tướng đến đi, làm sao nói tâm có đến đi? Lại nói các pháp khi sanh không từ đâu đến, khi diệt không đi đâu, nếu có đến đi tức rơi vào thường kiến. Các pháp không có tướng nhất định. Vì vậy nên chỉ do trong sáu căn ngoài sáu trần hòa hợp sanh sáu thức, và sanh sáu thọ, sáu tưởng, sáu tư. Do vậy, nên tâm như huyễn hóa, có thể biết tâm tâm số pháp của hết thấy chúng sanh, mà không có người biết, không có người thấy. Như trong phẩm Tán thán Đại thừa nói: Nếu tâm tâm số pháp của hết thấy chúng sanh, tánh thật có không hư dối, thời Phật không thể biết tâm tâm số pháp của hết thấy chúng sanh; vì tâm tâm số pháp của hết thấy chúng sanh, tánh thật hư dối, không đến không đi, nên Phật biết được tâm tâm số pháp của hết thấy chúng sanh. Ví như Tỳ-kheo người tham cầu thì không được cúng dường, người không tham cầu thì không thiếu thốn chi. Tâm cũng như vậy, nếu phân biệt thủ tướng, thời không được thật tướng pháp, không được thật tướng pháp, thời không thể thông suốt biết tâm tâm số pháp của hết thấy chúng sanh. Nếu không thủ tướng, không phân biệt, thời được thật tướng pháp, được thật tướng pháp nên có thể thông suốt biết tâm tâm số pháp của hết thấy chúng sanh không ngăn ngại.

Hỏi: Các tâm của tất cả chúng sanh có thể biết được hết ư? Nếu biết hết thời chúng sanh có biên giới, nếu không biết thì có sao nói muốn biết hết thấy chúng sanh tâm xu hướng về đâu? Làm sao Phật có được nhất thiết chủng trí?

Đáp: Tâm tâm số pháp của tất cả chúng sanh, có thể biết hết được, vì có sao? Vì như trong Kinh nói: Trong tất cả người nói thật, Phật là hơn cả. Nếu không thể biết tâm của hết thấy chúng sanh đến tận biên tế, thì sao Phật nói biết hết? Cũng không gọi là người nhất thiết trí, nhưng lời Phật nói đều thật, chắc chắn phải thật có người nhất thiết trí.

* Lại nữa, chúng sanh tuy vô biên thì nhất thiết chúng trí cũng vô biên. Ví như hộp lớn nắp cũng lớn. Nếu trí tuệ có biên mà chúng sanh vô biên, mới nên có vấn nạn ấy. Nay trí tuệ và chúng sanh đều vô biên, thời vấn nạn của ông sai.

* Lại nữa, nếu nói hữu biên vô biên, hai điều ấy ở trong Phật pháp bỏ qua không đáp. Mười bốn việc ấy hư dối không thật, vì vô ích nên không nên cật nạn.

Hỏi: Nếu hữu biên vô biên, đều không thật, nhưng Phật nhiều chỗ nói vô biên, như nói chúng sanh có si ái trở lại đây vô thì vô biên, mười phương cũng vô biên tể?

Đáp: Chúng sanh vô biên, trí tuệ Phật vô biên, ấy là thật. Nếu ai chấp trước vô biên, thủ tướng hý luận, Phật nói đó là tà kiến. Ví như nói thế gian thường hoặc vô thường, cả hai đều điên đảo, rơi vào trong mười bốn nạn vấn, nhưng Phật phân nhiều dùng nghĩa vô thường để độ chúng sanh, ít dùng nghĩa hữu thường. Nếu chấp trước vô thường, thủ tướng hý luận, thì Phật nói đó là tà kiến hư vọng. Nếu không chấp trước vô thường, biết vô thường tức là khổ, khổ tức là vô ngã, vô ngã tức là không, được như vậy nương vô thường quán mà vào các pháp không, bèn là thật. Vì vậy nên biết vô thường đứng vào trong chân đế, là thật, đứng vào trong mười bốn nạn vấn, vì lý do chấp trước, nên nói là tà kiến. Thế nên nói vô thường để rõ vô biên, vô biên nên chúng sanh nhàm chán sanh tử dài lâu, ví như bốn mươi Tỳ-kheo ở nước Ba-lê cùng tu mười hai tịnh hạnh, đi đến chỗ Phật, Phật dạy cho hạnh yêm ly. Phật hỏi Tỳ-kheo: Năm sông là Hằng-già, Lam-mâu-na, Tát-la-do, A-chỉ-la-bà-đề, Ma-hê, từ chỗ phát nguyên chảy vào biển cả, nước trong biển ấy nhiều hay ít? Tỳ-kheo thưa: rất nhiều! Phật nói: Chỉ một người trong một kiếp, khi làm súc sanh bị giết, xẻ, cắt, lột, hoặc khi phạm tội bị cắt tay chân, chặt đầu, huyết chảy ra như vậy, nhiều hơn nước biển kia. Như vậy trong vô biên đại kiếp, thọ thân xuất huyết

không thể kể xiết, kêu khóc rơi lệ và uống sữa mẹ, cũng nhiều như vậy. Một người trong một kiếp chứa xương chất quá hơn núi lớn Tỳ-phú-la (núi này người Thiên trúc thường trông thấy, dễ tin, cho nên nói đến). Chịu khổ sanh tử trong vô lượng kiếp như vậy.

Các Tỳ-kheo nghe như vậy, nhàm ghét thế gian, tức thời đắc đạo.

* Lại nữa, nghe nói mười phương chúng sanh nhiều vô biên liên sanh tâm hoan hỷ thọ giới bất sát được vô biên phước đức. Do nhân duyên ấy đối Bồ-tát mới phát tâm, hết thấy chúng sanh trong thế gian đều nên cúng dường, vì có sao? Vì độ chúng sanh trong vô biên thế giới, nên công đức cũng vô biên, có lợi ích như vậy nên nói “Vô biên”. Vì vậy nên nói biết hết thấy chúng sanh tâm xu hướng về đâu, như mặt trời chiếu thiên hạ, một lúc cùng chiếu đến, khắp nơi đều sáng.

KINH: BỒ-tát ma-ha-tát muốn hơn trí tuệ của hết thầy Thanh văn, Bích-chi Phật, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN. *Hỏi*: Thế nào là trí tuệ của Thanh văn, Bích-chi Phật?

Đáp: Do tướng chung tướng riêng quán thật tướng các pháp, đó là trí tuệ Thanh văn, như trong Kinh nói: Đầu lấy trí tuệ phân biệt các pháp, sau dùng trí tuệ Niết-bàn. Trí tuệ phân biệt các pháp là tướng riêng, trí tuệ Niết-bàn là tướng chung.

* Lại nữa, biết pháp ấy là mở, pháp ấy là trói, là lưu chuyển, là trở về, là sanh, là diệt, là vị ngọt, là tai họa, là nghịch, là thuận, là bờ này, là bờ kia, là thế gian, là xuất thế gian, phân biệt các pháp theo hai môn, gọi là trí tuệ Thanh văn.

* Lại nữa, có ba thứ trí tuệ, là biết năm thọ uẩn tập như vậy, tán như vậy, xuất như vậy; là vị ngọt, là tai họa, là xuất ly. Trí tuệ tương ưng với ba giải thoát môn. Như vậy phân biệt các pháp theo ba môn.

* Lại nữa, có bốn thứ trí tuệ, là trí về bốn niệm xứ; pháp trí; tỷ trí (loại trí), tha tâm trí, thế trí; khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí; trí

biết bất tịnh, trí biết vô thường, trí biết khổ, trí biết vô ngã; trí biết vô thường, trí biết khổ, trí biết không, trí biết vô ngã; pháp trí, tỷ trí, tận trí, vô sanh trí. Như vậy phân biệt các pháp theo bốn môn.

* Lại nữa, từ khổ pháp trí nhẫn tuệ cho đến Không không tam-muội, Vô tướng vô tướng tam-muội, Vô tác vô tác tam-muội trí, các trí tuệ có được ở khoảng trung gian ấy đều là trí tuệ Thanh văn. Nói lược là nhằm chán thế gian niệm tướng Niết-bàn, lia ba cõi, dứt các phiền não, được pháp tối thượng tức là Niết-bàn, ấy gọi là trí tuệ Thanh văn.

* Lại nữa, như trong phẩm Bát-nhã ba-la-mật nghĩa nói: tướng trí tuệ Bồ-tát và trí tuệ Thanh văn là một trí tuệ. Chỉ vì Thanh văn không có phương tiện, không có thế nguyện rộng lớn trang nghiêm, không có tâm đại từ đại bi, không cầu hết thấy Phật pháp, không cầu nhất thiết chủng trí biết hết thấy pháp, chỉ nhằm chán già, bệnh, chết, dứt các ái buộc ràng, thẳng đến Niết-bàn, ấy là khác.

Hỏi: Thanh văn như vậy, còn trí tuệ Bích-chi Phật thế nào?

Đáp: Trí tuệ Thanh văn tức là trí tuệ Bích-chi Phật, chỉ có sai biệt là thời tiết, lợi căn, phước đức. Thời tiết là lúc không có Phật ở đời cũng không có Phật pháp, do một ít nhân duyên xuất gia đắc đạo, gọi là Bích-chi Phật. Lợi căn là khác, pháp tướng là đồng, chỉ do trí tuệ vào sâu mà được đạo Bích-chi Phật. Phước đức là có tướng, hoặc một tướng, hai tướng cho đến 31 tướng. Hoặc gặp được thánh pháp trong Phật pháp đời trước, sau khi pháp diệt chứng thành A-la-hán, ấy gọi là Bích-chi Phật, thân không có tướng hảo. Có vị Bích-chi Phật mau nhất là tu hành bốn đời, lâu là tu hành trăm kiếp, như Thanh văn có vị mau là ba đời lâu là 60 kiếp. Nghĩa này trước đã nói rộng.

Hỏi: Như Phật nói bốn quả Sa-môn, bốn bậc thánh nhân, từ Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán; năm hạng Phật tử, từ Tu-đà-hoàn cho đến Bích-chi Phật; ba thứ Bồ-đề là Thanh văn Bồ-đề, Độc-giác Bồ-đề,

Phật Bồ-đề. Như vậy, trong quả, trong Thánh, trong Phật tử, trong Bồ-đề đều không có Bồ-tát, tại sao nói Bồ-tát hơn hết thầy Thanh văn, Bích-chi Phật trí tuệ?

Đáp: Phật pháp có hai: 1. Thanh văn, Bích-chi Phật Phật pháp. 2. Đại thừa pháp. Pháp Thanh văn nhỏ nên chỉ tán thán việc Thanh văn, không nói đến việc Bồ-tát; pháp Đại thừa rộng lớn nên nói việc của đại Bồ-tát là phát tâm, tu hành, mười địa, vào pháp vị, tịnh quốc độ Phật, thành tựu chúng sanh, chứng được Phật đạo. Trong pháp này nói, Bồ-tát ở dưới Phật, hãy nên như cúng dường Phật. Hay quán các pháp tướng như vậy, ấy là phước điền, hơn Thanh văn, Bích-chi Phật.

Như vậy, trong kinh Đại thừa nơi nơi đều tán thán trí tuệ đại Bồ-tát hơn Thanh văn, Bích-chi Phật. Như trong kinh Bửu đánh nói: Chuyển luân thánh vương thiếu một không đủ ngàn người con, tuy có đại lực, mà chư thiên, người đời không quý trọng. Còn giòng Chuyển luân thánh vương thật, dù ở trong thai mới bảy ngày đầu, đã được chư thiên quý trọng, vì sao? Vì 999 người con không thể nổi được dòng giống Chuyển luân thánh vương, làm cho người đời được vui hiện tại và tương lai. Còn giòng Chuyển luân thánh vương thật, tuy ở trong thai nhưng chắc chắn có thể nổi ngôi Thánh vương, cho nên được cung kính. Các A-la-hán, Bích-chi Phật cũng vậy, tuy được năm căn, năm lực, bảy giác ý, tám thánh đạo, sáu thần thông, các thiền định, lực trí tuệ, thật tế được chứng, làm phước điền cho chúng sanh, mà mười phương chư Phật không quý trọng. Bồ-tát tuy còn ở trong bào thai các kiết sử phiền não, ba độc tham dục trói buộc, khi mới phát đạo tâm vô thượng chưa có thể làm gì mà đã được chư Phật quý. Vì vị ấy dần dần sẽ thực hành sáu Ba-la-mật, được lực phương tiện, vào địa vị Bồ-tát, cho đến được nhất thiết chủng trí, độ vô lượng chúng sanh, không dứt hạt giống Phật, hạt giống Pháp, hạt giống Tăng, không dứt mắt nhân duyên của sự thanh tịnh an lạc cõi trời, cõi người.

* Lại như chim Ca-lăng-tần-già, còn ở trong vỏ trứng đã phát ra âm thanh vì diệu hơn các loài chim khác. Đại Bồ-tát cũng như vậy. Tuy chưa ra khỏi vỏ vô minh mà âm thanh thuyết pháp nghị luận hơn Thanh văn, Bích-chi Phật và ngoại đạo, như trong kinh Minh Võng nói: Tuệ mạng Xá-lợi-phất bạch Phật rằng, bạch Thế Tôn! Các Bồ-tát thuyết pháp, nếu ai hiểu được, được công đức lớn, vì sao? Vì cho đến được nghe tên các Bồ-tát ấy cũng được lợi ích lớn, huống gì được nghe các vị thuyết pháp. Bạch Thế Tôn! Ví như trồng cây, không nương nơi đất mà muốn được gốc, cành, cọng, lá, thành hoa quả, là điều khó được. Các Bồ-tát tu hành cũng như vậy, không trú nơi hết thảy pháp mà hiện trú ở sanh tử, ở trong thế giới chư Phật, tự tại vui nói pháp trí tuệ, ai nghe được pháp do đại trí tuệ du hí tự tại vui nói ấy mà không phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ trong hội có Phổ Hoa Bồ-tát nói với Xá-lợi-phất: Trưởng lão là bậc trí tuệ đệ nhất trong hàng đệ tử Phật, nay Trưởng lão đối pháp tánh các pháp chẳng được chăng? sao không dùng đại trí tuệ tự tại vui thuyết pháp?

Xá-lợi-phất nói: Các đệ tử Phật, đúng như cảnh giới của họ, thời có thể có thuyết pháp.

Phổ Hoa bồ-tát lại hỏi: Pháp tánh có cảnh giới chăng?

Xá-lợi-phất nói: Không.

Nếu pháp tánh không có cảnh giới, cơ sao Trưởng lão nói đúng như cảnh giới của họ thời có thể có thuyết pháp?

Xá-lợi-phất nói: Tùy chỗ pháp chứng được mà thuyết.

Phổ Hoa lại hỏi: Trưởng lão lấy pháp tánh vô lượng tướng làm cảnh chứng ư?

Xá-lợi-phất nói: Phải.

Phổ Hoa nói: Sao nay nói tùy chỗ chứng được mà thuyết? Như pháp tánh chứng được là vô lượng thời thuyết cũng phải vô lượng, mà pháp tánh vô lượng thì chẳng phải tướng lường được?

Xá-lợi-phất nói: Pháp tánh chẳng phải tướng nắm bắt được.

Phổ Hoa nói: Nếu pháp tánh chẳng phải tướng nắm bắt được, thời ông lìa pháp tánh được giải thoát chăng?

Xá-lợi-phất nói: Không! vì sao? Vì pháp tánh là tướng không biến hoại.

Phổ Hoa nói: Thánh trí mà ông chứng được cũng như pháp tánh ư?

Xá-lợi-phất nói: Tôi muốn nghe pháp, chẳng phải lúc thuyết.

Phổ Hoa nói: Hết thầy pháp nhất định ở trong pháp tánh, có người nghe, người nói ư?

Xá-lợi-phất nói: Không.

Phổ Hoa nói: Sao ông nói tôi muốn nghe pháp chẳng phải lúc thuyết.

Xá-lợi-phất nói: Phật nói hai hạng người được phước vô lượng là người nhất tâm thuyết pháp và người nhất tâm nghe pháp.

Phổ Hoa nói: Ông vào trong diệt tận định, có thể nghe pháp chăng?

Xá-lợi-phất nói: Nay thiện nam tử! Trong diệt tận định không nghe pháp.

Phổ Hoa nói: Ông tin thọ hết thầy pháp tướng thường tịch diệt chăng?

Xá-lợi-phất nói: Tin việc ấy!

Phổ Hoa nói: Pháp tánh thường tịch diệt nên không nghe pháp, vì sao? Vì các pháp tướng thường tịch diệt.

Xá-lợi-phất nói: Ông có thể không dậy khỏi định mà thuyết pháp chăng?

Phổ Hoa nói: Không có Pháp nào chẳng phải tướng định.

Xá-lợi-phất nói: Nếu như vậy, thời nay hết thầy phàm phu đều là thiên định?

Phổ Hoa nói: Phải! Hết thầy phàm phu đều là thiên định.

Xá-lợi-phất nói: Thiên định gì mà hết thầy phàm phu đều thiên định?

Phổ Hoa nói: Vì tam-muội pháp tánh bất hoại, nên hết thầy phàm phu đều là thiên định.

Xá-lợi-phất nói: Nếu như vậy thời phàm phu với thánh nhân không khác gì nhau?

Phổ Hoa nói: Tôi cũng không muốn khiến cho phàm phu và thánh nhân có sai khác, vì sao? Vì thánh nhân không có pháp diệt, phàm phu cũng không có pháp sanh. Hai tướng ấy đều không ra ngoài pháp tánh.

Xá-lợi-phất nói: Thiện nam tử! Thế nào là tướng pháp tánh?

Đáp: Đó là điều biết thấy của Trưởng lão lúc đắc đạo.

Lại hỏi: Sanh pháp thánh chăng?

- Không.

- Diệt pháp phàm phu chăng?

- Không.

- Được pháp thánh chăng?

- Không.

- Thấy biết pháp người phàm phu chăng?

- Không.

- Vậy Trưởng lão dùng tri kiến nào mà được thánh đạo?

Xá-lợi-phất nói: Người phạm phu như (chân như), Tỳ-kheo được giải thoát như, Tỳ-kheo vào Vô dư Niết-bàn như; như ấy một như như không sai khác.

Phổ Hoa nói: Xá-lợi-phất, ấy là tướng pháp tánh như, bất hoại như, dùng như ấy sẽ biết hết thầy pháp đều như.

Xá-lợi-phất lại bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, ví như đồng lửa lớn, không vật gì không đốt cháy. Các thượng nhân ấy thuyết pháp cũng như vậy, hết thầy pháp đều vào trong pháp tánh.

Lại như trong kinh Tỳ-ma-la-cật nói: Các Thanh văn, Xá-lợi-phất... đều tự nói rằng: Tôi không kham đến chỗ kia hỏi thăm bệnh được. Mỗi người tự nói vì trước đã bị Tỳ-ma-la-cật quở mắng. Như vậy, trong các Kinh nói trí tuệ Bồ-tát hơn Thanh văn, Bích-chi Phật.

Hỏi: Nhân duyên gì mà trí tuệ Bồ-tát hơn Thanh văn, Bích-chi Phật?

Đáp: Như trong kinh Diễn Bản sanh nói: Trí tuệ Bồ-tát, từ vô lượng A-tăng-kỳ kiếp lại đây, tập hợp các trí, trong vô lượng kiếp, không khổ gì không hành, không khó gì không làm, chỉ vì cầu pháp, nên nhảy vào lửa, nhảy từ núi cao, chịu khổ cắt lột, lấy xương làm viết, lấy huyết làm mực, lấy da làm giấy, viết chép kinh pháp, như vậy vì pháp nên thọ vô lượng khổ, vì trí tuệ nên đời đời cúng dường thầy dạy pháp xem như Phật. Tất cả Kinh sách đều đọc tụng, giải nói, trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, thường suy nghĩ trừ lượng, tìm cầu các pháp tốt xấu, sâu cạn, thiện chẳng thiện, lậu chẳng lậu, thường chẳng thường, có, không... suy nghĩ phân biệt vấn nạn, vì trí tuệ nên cúng dường chư Phật và Bồ-tát, Thanh văn, nghe pháp, vấn nạn, tín thọ, ghi nhớ đúng, như pháp tu hành;

nhân duyên trí tuệ đầy đủ như vậy, làm sao không hơn A-la-hán, Bích-chi Phật?

* Lại nữa, trí tuệ Bồ-tát, có năm Ba-la-mật giúp đỡ trang nghiêm, có lực phương tiện, đối với hết thảy chúng sanh có tâm từ bi, nên không bị tà kiến chướng ngại. Trú trong mười địa, thế lực trí tuệ sâu lớn. Vì nhân lớn nên hơn Thanh văn, Bích-chi Phật. Vì nhân lớn nên cái nhỏ tự hoại. A-la-hán, Bích-chi Phật, không có việc ấy.

Vì vậy nên nói muốn hơn trí tuệ Thanh văn, Bích-chi Phật, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

KINH: Muốn được các Đà-la-ni môn, các Tam-muội môn, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN: *Đà-la-ni* như trong chương Tán Bồ-tát đã nói:

Môn là các pháp phương tiện để được đà-la-ni, như ba tam-muội gọi là cửa giải thoát.

Thế nào là *phương tiện*? Nếu người muốn được giữ gìn những điều đã nghe, không mất, hãy nên nhất tâm ghi nhớ, làm cho tâm ghi nhớ tăng trưởng, trước nên để ý nơi việc tương tự, buộc tâm khiến biết việc không thấy được, như Châu-lợi Bàn-đà-ca, buộc tâm nơi tấm dẻ chùi giày, khiến nghĩ nhớ thiên định mà trừ tâm nhớ cấu. Như vậy người bắt đầu học Văn trì đà-la-ni, ba lần nghe có thể được, tâm căn dần dần lạnh lợi, thì hai lần nghe có thể được, khi thành tựu thì một lần nghe có thể được, được rồi nhớ mãi không quên; ấy là phương tiện ban đầu của Văn trì đà-la-ni.

Hoặc có khi Bồ-tát vào trong thiên định, được môn giải thoát không quên, do năng lực giải thoát không quên, mà hết thảy ngôn ngữ thuyết pháp cho đến một câu một chữ, đều không thể quên. Đó là phương tiện thứ hai. Hoặc có khi do năng lực thần chú nên được Văn trì đà-la-ni. Hoặc có khi do hành nghiệp nhân duyên đời trước,

khi sanh ra nghe gì đều nhớ được không quên. Như vậy gọi là cửa vào Văn trì đà-la-ni.

* Lại nữa, Bồ-tát nghe hết thấy âm thanh ngữ ngôn, phân biệt gốc ngọn, quán thật tướng nó, biết âm thanh ngữ ngôn niệm niệm sanh diệt, âm thanh diệt rồi, mà chúng sanh niệm niệm chấp thủ tướng, nhớ ngôn ngữ đã diệt ấy, rồi nghĩ rằng, người đó mắng ta, liền sanh sân hận. Nghe ngợi khen cũng như vậy. Bồ-tát quán chúng sanh được như vậy, tuy có bị mắng nhiếc trăm ngàn kiếp, không sanh tâm giận, hoặc ngợi khen trăm ngàn kiếp, cũng không vui mừng. Biết âm thanh sanh diệt như tiếng vang. Lại như tiếng trống, không có ai làm. Nếu không ai làm, là không có nơi chốn, rỗng ráo không, chỉ lừa dối tai người ngu; như vậy gọi là vào Âm thanh đà-la-ni.

* Lại nữa, có đà-la-ni lấy hai mươi bốn chữ mà thu nhiếp hết tất cả ngôn ngữ danh tự. Những gì là hai mươi bốn chữ? Đó là A-la-ba-giá-na..., A-đề (ban đầu), A-nậu-ba-nại (bất sanh). Vị Bồ-tát tu hành đà-la-ni nghe chữ “A” ấy, tâm liền vào tất cả pháp “ban đầu chẳng sanh”. Các chữ như vậy, mỗi chữ theo chỗ nghe, đều đưa vào trong thật tướng hết thấy các pháp; ấy gọi là *Tự nhập môn đà-la-ni*, như trong phẩm Ma-ha-diễn nói các tự môn.

* Lại nữa, Bồ-tát được các tam-muội hết thấy ba đời sáng suốt không ngại, đối với mỗi tam-muội được vô lượng vô số đà-la-ni. Như vậy hòa hợp gọi là năm trăm đà-la-ni môn, ấy là tặng công đức thiện pháp của Bồ-tát; như vậy gọi là đà-la-ni môn.

Các tam-muội môn: Tam-muội có hai: Tam-muội trong pháp Thanh văn; tam-muội trong pháp Đại thừa.

Tam-muội trong pháp Thanh văn: là ba tam-muội.

* Lại nữa, ba tam-muội là: Không không tam-muội, Vô tướng vô tướng tam-muội, Vô tác vô tác tam-muội.

* Lại có ba tam-muội là có giác có quán, không giác có quán, không giác không quán.

* Lại có năm chi tam-muội, năm trí tam-muội... ấy gọi là các tam-muội.

* Lại nữa, hết thấy thiên định cũng gọi là định, cũng gọi là tam-muội. Tứ thiên cũng gọi là thiên, cũng gọi là định, cũng gọi là tam-muội. Trừ Tứ thiên, các định khác cũng gọi là định, cũng gọi là tam-muội, cũng gọi là thiên. Định ở trong mười địa, gọi là tam-muội.

Có người nói: Ở Dục giới địa cũng có tam-muội, vì có sao? Vì trong Dục giới có hai mươi hai đạo phẩm nên biết có tam-muội. Nếu không tam-muội thì không thể được công đức thâm diệu ấy.

* Lại nữa, trong ngàn câu hỏi có câu hỏi này: Trong bốn thánh chủng, mấy hệ thuộc Dục giới, mấy hệ thuộc Sắc giới, mấy hệ thuộc Vô sắc giới, mấy không hệ thuộc? Đáp: Tất cả nên phân biệt. Bốn thánh chủng hoặc hệ thuộc Dục giới, hoặc hệ thuộc Sắc giới, hoặc hệ thuộc Vô sắc giới, hoặc không hệ thuộc. Bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc cũng như vậy. Do nghĩa đó nên biết ở Dục giới có tam-muội. Nếu tâm tán loạn làm sao được pháp thượng diệu. Vì vậy nên tam-muội đều có ở trong chín địa (từ *ngũ thú tạp cư địa đến phi phi tưởng xứ địa* - N.D). Các tam-muội như vậy, ở trong A-tỳ-đàm có phân biệt rộng.

Tam-muội trong pháp Đại thừa: Từ Thủ-lăng-nghiêm tam-muội, cho đến tam-muội hư không tế giải thoát không vương mắc. Lại như tam-muội thấy hết thấy Phật, cho đến hết thấy Như Lai giải thoát. Tu quán vô lượng vô số Bồ-tát tam-muội, như Sư tử tần thân tam-muội...

Như có tam-muội tên là Vô lượng tịnh. Bồ-tát được tam-muội này, hay thị hiện thân hết thấy thanh tịnh.

Có tam-muội tên là Oai tướng. Bồ-tát được tam-muội này, hay cướp mất oai đức mặt trời mặt trăng.

Có tam-muội tên là Diệm sơn, Bồ-tát được tam-muội này, hay cướp mất oai đức của Đế-thích Phạm thiên.

Có tam-muội tên là Xuất trần, Bồ-tát được tam-muội này, hay diệt hết thầy ba độc cho đại chúng.

Có tam-muội tên là Vô ngại quang, Bồ-tát được tam-muội này, hay chiếu soi hết thầy cõi Phật.

Có tam-muội tên là Không quên hết thầy pháp. Bồ-tát được tam-muội này có thể ghi nhớ hết thầy pháp Phật nói và giảng nói lại lời Phật cho người khác.

Có tam-muội tên là Tiếng như sấm. Bồ-tát được tam-muội này, có thể dùng Phạm thanh nghe khắp mười phương Phật quốc.

Có tam-muội tên là Làm vui thích cho hết thầy chúng sanh. Bồ-tát được tam-muội này, hay làm cho hết thầy người có thâm tâm hoan hỷ.

Có tam-muội tên là Ưa thấy không chán. Bồ-tát được tam-muội này, hết thầy chúng sanh ưa thấy ưa nghe không biết nhàm chán.

Có tam-muội tên là Quả báo công đức vui trong một duyên không thể nghĩ bàn. Bồ-tát được tam-muội này, thành tựu hết thầy thần thông.

Có tam-muội tên là Biết hết thầy âm thanh ngữ ngôn. Bồ-tát được tam-muội này có thể nói hết thầy âm thanh ngữ ngôn, trong một chữ nói ra hết thầy chữ, trong hết thầy chữ nói ra một chữ.

Có tam-muội tên là Nhóm hết thầy phước đức nghiệp quả báo sanh. Bồ-tát được tam-muội này, thường im lặng nhập định, mà vẫn khiến chúng sanh nghe âm thanh sáu Ba-la-mật, pháp chúng

của Phật, Thanh văn, Bích-chi Phật, mà vị Bồ-tát ấy thật không nói một lời.

Có tam-muội tên là Vượt cao hết thấy đà-la-ni vương. Bồ-tát được tam-muội này thì được vào vô lượng vô biên các đà-la-ni.

Có tam-muội tên là Hết thấy vui nói. Bồ-tát được tam-muội này vui nói hết thấy chữ, hết thấy âm thanh, ngữ ngôn, thí dụ, nhân duyên. Như vậy là vô lượng tam-muội thế lực.

Hỏi: Tam-muội ấy chính là cửa tam-muội chăng?

Đáp: Tam-muội chính là cửa tam-muội.

Hỏi: Nếu như vậy, sao không chỉ nói tam-muội, mà còn nói cửa tam-muội?

Đáp: Tam-muội của chư Phật vô lượng vô số như hư không vô biên, Bồ-tát làm sao được hết. Bồ-tát nghe đến tam-muội ấy tâm liền thối mất, vì vậy Phật nói cửa tam-muội. Vào trong một cửa, thu nhiếp vô lượng tam-muội. Như cầm một góc áo, liền được cả áo; cũng như bắt được ong chúa, cả bầy ong đều gom hết.

* Lại nữa, triển chuyển làm cửa, như trì giới thanh tịnh, một lòng tinh tấn, đầu đêm cuối đêm, thường tu tư duy, liả năm dục lạc, buộc tâm một chỗ. Hành phương tiện ấy, được tam-muội ấy, ấy gọi là cửa tam-muội.

* Lại nữa, tam-muội thuộc Dục giới, là cửa tam-muội Vị đáo địa; tam-muội Vị đáo địa là cửa tam-muội Sơ thiên; tam-muội Sơ thiên và Nhị thiên biên địa là cửa vào tam-muội Nhị thiên, cho đến tam-muội Phi hữu tướng phi vô tướng xứ cũng như vậy.

Noãn pháp định là cửa vào tam-muội đánh pháp; đánh pháp là cửa vào tam-muội nhẫn pháp; nhẫn pháp là cửa vào tam-muội thế đế

nhất pháp; thể đề nhất pháp là cửa vào tam-muội khổ pháp nhãn; khổ pháp nhãn... cho đến là cửa vào tam-muội Kim cang.

Lược nói, hết thấy tam-muội có ba tướng là nhập, trú, xuất. Tướng xuất, tướng nhập gọi là cửa, tướng trú là thể tam-muội. Các pháp như vậy là tam-muội trong pháp Thanh văn.

Cửa tam-muội trong pháp Đại thừa, như các tam-muội trong Thiền ba-la-mật nghĩa, đã phân biệt nói rộng.

* Lại nữa, Thi-la ba-la-mật là cửa tam-muội, vì sao? Vì ba chi là Phật đạo, đó là giới chi, định chi, tuệ chi. Giới chi thanh tịnh là cửa của định chi, vì giới hay sanh định; định chi hay sanh tuệ chi. Ba chi ấy hay dứt phiền não, hay cho Niết-bàn, vì vậy Thi-la ba-la-mật và trí tuệ là cửa gần của tam-muội. Còn ba Ba-la-mật kia, tuy có nghĩa cửa mà là cửa xa, như do bố thí được phước đức, có phước đức nên sở nguyện thành tựu, được sở nguyện thành tựu nên tâm nhu nhuyễn, tâm từ bi nên biết sợ tội, biết nghĩ tới chúng sanh, quán thế gian không, vô thường, nên nhiếp tâm hành nhẫn nhục; nhẫn nhục cũng là cửa tam-muội.

Tinh tấn là chế tâm đối năm dục trừ năm triền cái, nhiếp tâm không loạn, tâm đi thời thu lại không cho chạy loạn, là cửa tam-muội.

* Lại nữa, Sơ địa là cửa vào tam-muội Nhị địa. Như vậy triển chuyển cho đến cửu địa là cửa vào tam-muội Thập địa. Thập địa là cửa vào tam-muội của vô lượng chư Phật. Như vậy mỗi mỗi làm cửa tam-muội.

Hỏi: Đà-la-ni môn và tam-muội môn là đồng hay là khác? Nếu đồng, sao còn nói lại. Nếu khác, nghĩa đó thế nào?

Đáp: Trước đã nói tam-muội môn và đà-la-ni môn khác nhau, nay sẽ nói lại: Tam-muội chỉ là pháp tương ưng với tâm, còn đà-la-ni cũng tương ưng với tâm, cũng không tương ưng với tâm.

Hỏi: Sao biết đà-la-ni không tương ưng với tâm?

Đáp: Như người được Văn trì đà-la-ni, tuy tâm nổi sân hận nó cũng không mất, thường đi theo người, như bóng theo hình. Tu hành tam-muội lâu quen sau thành đà-la-ni, như chúng sanh tập lâu thói dục thành tánh. Tam-muội cộng với trí tuệ biết thật tướng các pháp, phát sanh Đà-la-ni, như bình đất mới nắn được lửa nung chín, có thể giữ nước không chảy, cũng có thể giúp cho người qua sông. Thiền định không trí tuệ cũng như bình đất mới nắn, nếu có được trí tuệ biết thật tướng, như bình đất mới nắn được lửa đốt chín, có thể giữ gìn vô lượng công đức hai đời của Bồ-tát, Bồ-tát cũng nhân đó mà đắc độ, đến Phật. Như vậy là chỗ sai khác giữa tam-muội và đà-la-ni.

Hỏi: Sao trong pháp Thanh văn không có danh từ đà-la-ni, chỉ trong pháp Đại thừa mới có?

Đáp: Trong pháp nhỏ không có pháp lớn, ông không nên hỏi, trong pháp lớn không có pháp nhỏ, thời nên hỏi. Như trong nhà nghèo không có vàng bạc không nên hỏi.

* Lại nữa, Thanh văn không cần chứa nhóm các công đức lắm, chỉ dùng trí tuệ cầu thoát khổ già, bệnh, chết. Vì vậy người Thanh văn không dùng đà-la-ni giữ gìn các công đức, ví như người khát, chỉ một bụm nước là đủ, không cần bình đựng nước, nếu cung cấp cho đại chúng nhân dân, thời cần bình đựng nước. Bồ-tát vì hết thảy chúng sanh nên cần đà-la-ni giữ gìn các công đức.

* Lại nữa, trong pháp Thanh văn phần nhiều nói các pháp sanh diệt vô thường. Các luận nghị sư nói: Các pháp vô thường, nếu vô thường thời không cần đà-la-ni, vì có sao? Vì các pháp vô thường thời không giữ gìn được, chỉ có hạnh nghiệp nhân duyên quá khứ không mất. Giống như quả báo vị lai, tuy không mà ắt sanh, hạnh nghiệp nhân duyên quá khứ cũng như vậy.

Trong pháp Đại thừa, tướng sanh diệt không thật, tướng chẳng sanh chẳng diệt cũng không thật. Các quán các tướng đều diệt, ấy là thật. Nếu để giữ gìn pháp quá khứ thời không lỗi. Vì để giữ gìn các công đức thiện pháp thiện căn quá khứ, nên cần có đà-la-ni. Đà-la-ni đời đời thường theo Bồ-tát, còn các tam-muội không như vậy, hoặc có khi thay đổi thân thời mất.

Như vậy các thứ phân biệt đà-la-ni, các tam-muội.

Vì vậy nên nói muốn được các đà-la-ni, các tam-muội môn, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

(HẾT CUỐN 28 THEO BẢN HÁN)

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

CHƯƠNG 41

GIẢI THÍCH: TÙY HỖ, HÒI HƯỚNG ...

KINH: Muốn do tâm tùy hỷ trong một niệm mà vượt quá hết thấy người bố thí để cầu Thanh văn, Bích-chi Phật, cần nên học Bát-nhã ba-la-mật. Muốn do tâm tùy hỷ trong một niệm mà vượt quá hết thấy người trì giới để cầu Thanh văn, Bích-chi Phật, cần nên học Bát-nhã ba-la-mật. Muốn do tâm tùy hỷ trong một niệm mà vượt quá hết thấy người tu tam-muội, trí tuệ giải thoát, giải thoát tri kiến để cầu Thanh văn, Bích-chi Phật, cần nên học Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN: Tâm tùy hỷ thì như trong phẩm Tùy hỷ đã nói rồi.

* Lại nữa, tùy hỷ là khi thấy có người làm việc công đức sanh tâm hoan hỷ theo, mà tán thán rằng: Lành thay! ở trong thế giới vô thường, bị si ám che lấp, mà có thể mở rộng đại tâm, kiến lập công đức ấy, thí như các thứ hương thơm, một người bán, một người mua, người ở hai bên cũng ngửi được mùi thơm, mà mùi thơm không tổn, hai người chủ không mất chi. Như vậy có người bố thí, có người thọ nhận, có người ở bên hoan hỷ theo, đều được công đức, mà hai người chủ kia không mất chi. Tướng trạng như vậy gọi là tùy hỷ. Do vậy, Bồ-tát chỉ đem tâm tùy hỷ, mà vượt quá người cầu nhị thừa, hưởng chi tự mình làm bố thí.

Hỏi: Tại sao Bồ-tát có thể do tâm tùy hỷ mà vượt trên người cầu Thanh văn, Bích-chi Phật đem tài vật bố thí?

Đáp: Thanh văn, Bích-chi Phật làm bố thí, Bồ-tát ở bên trông thấy nhất tâm niệm tùy hỷ khen rằng: Lành thay! lấy phước đức tùy hỷ ấy hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì độ hết thấy chúng sanh, vì nhờ đó được vô lượng Phật pháp. Do hai công đức này vượt trên người bố thí để cầu Thanh văn, Bích-chi Phật.

* Lại nữa, lấy tâm trí tuệ biết thật tướng các pháp mà tùy hỷ, nên vượt trên người bố thí để cầu Thanh văn, Bích-chi Phật.

* Lại nữa, Bồ-tát đem phước đức quả báo do tâm tùy hỷ sanh, mà hồi hướng cúng dường ba đời mười phương Phật, nên vượt trên người bố thí để cầu Thanh văn, Bích-chi Phật, ví như người đem một ít vật dâng lên quốc vương, được đáp trả rất nhiều. Lại như thổi kèn, sáo, dùng hơi ít mà âm thanh rất lớn.

* Lại nữa, Bồ-tát lấy công đức tùy hỷ hòa hợp với vô lượng các công đức khác, cho đến khi pháp diệt cũng không hết, ví như một ít nước đổ vào trong biển lớn, thì khi kiếp tận nó mới hết. Công đức tri giới, thiền định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến cũng như vậy.

Hỏi: Dưới Phật có Bồ-tát, dưới Bồ-tát có Thanh văn, Bích-chi Phật, nay nói Bồ-tát muốn hơn người bố thí để cầu Thanh văn, Bích-chi Phật, thì có gì lạ?

Đáp: Không lấy công đức bố thí, tri giới... của Thanh văn, Bích-chi Phật so với công đức của Bồ-tát, mà chỉ lấy tâm tùy hỷ đã có thể hơn, hướng gì công đức mà Bồ-tát tự làm. Người Thanh văn, Bích-chi Phật, đem thân siêng làm công đức bị mệt mỏi, Bồ-tát yên lặng tùy hỷ, mà phước đức của năng lực trí tuệ quá hơn Thanh văn, Bích-chi Phật, ví như người thợ, chỉ dùng trí tuệ bày vẽ rồi bỏ đi, người cầm rìu búa mệt nhọc tối ngày, mà tính công lãnh thưởng thì người thợ được gấp ba.

* Lại như đánh giặc, người chiến đấu mạo hiểm chết, mà chủ tướng lãnh công.

Hỏi: Nếu tâm tùy hỷ hơn sự bố thí, trì giới, có sao chỉ nói Bồ-tát tùy hỷ là hơn?

Đáp: Người phàm phu bị phiền não che tâm, chấp ngã chưa dứt, đắm vui thế gian, làm sao hơn được người cầu Thanh văn, Bích-chi Phật. Thanh văn, Bích-chi Phật, lợi tuy hơn độn, nhưng đồng ở địa vị Thanh văn, nên không nói.

Hỏi: Công đức của Thanh văn, Bích-chi Phật. Pháp công đức rất nhiều, có sao chỉ nói sáu pháp?

Đáp: Vì trong sáu pháp này nhiếp hết pháp của Thanh văn, Bích-chi Phật. Nếu nói bố thí là đã nói công đức của tín, nghe, vì sao? Vì trước nghe rồi mới tin, tin rồi mới bố thí.

Bố thí có hai thứ là: 1. Tài thí, 2. Pháp thí.

Trì giới nhiếp ba giới là: luật nghi giới, định cọng giới, đạo cọng giới (vô lậu giới).

Định nhiếp các thiền, định, giải thoát, tam-muội...

Tuệ nhiếp văn tuệ, tư tuệ, tu tuệ.

Giải thoát nhiếp hai giải thoát là hữu vi giải thoát, vô vi giải thoát.

Giải thoát tri kiến nhiếp tận trí, tự biết lậu hoặc đã hết, giải thoát khỏi ba cõi, ở trong đó thấy biết rõ ràng. Trong đây đã nói trợ đạo pháp và thánh đạo pháp.

* Lại nữa, nếu công đức không hướng đến Niết-bàn, thì trong đây không nói vượt quá, vì công đức ấy mỏng.

Hỏi: Hơn là chỉ cho thế lực tranh giành nhau, nay Bồ-tát không cạnh tranh với Thanh văn, Bích-chi Phật, có sao nói hơn?

Đáp: Hơn là cùng ở trong một việc, mà do tâm lực trí tuệ phương tiện cho nên được phước nhiều, ví như người đối với cái hoa chỉ lấy hương sắc, còn con ong chỉ lấy vị để làm thành mật. Cũng như lấy nước, đồ chứa lớn thời được nhiều, đồ chứa nhỏ thời được ít. Do các ví dụ như vậy, đủ biết đem tâm tùy hỷ thâm sâu mãnh lợi, có trí tuệ tương ưng, nên công đức hơn bố thí để cầu Thanh văn, Bích-chi Phật.

Sáu pháp này, đầu hết là bố thí, như ở trong nghĩa Đàn ba-la-mật đã phân biệt nói về pháp của Thanh văn, Bích-chi Phật. Trì giới như ở trong nghĩa Thi-la ba-la-mật đã phân biệt nói về pháp của Thanh văn, Bích-chi Phật. Tam-muội, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến như ở trong nghĩa niệm Phật đã phân biệt nói.

KINH: Muốn do tâm tùy hỷ trong một niệm mà vượt quá hết thầy người tu các thiên, định, giải thoát, tam-muội để cầu Thanh văn, Bích-chi Phật, cần nên học Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN: Thiên, định là bốn thiên và chín định thứ đệ. Giải thoát tam-muội là tám bội xả, ba giải thoát môn, tuệ giải thoát, cộng giải thoát, thời giải thoát, bất thời giải thoát, hữu vi giải thoát, vô vi giải thoát... Tam-muội có giác có quán, tam-muội không giác có quán, tam-muội không giác không quán; Không tam-muội, Vô tướng tam-muội, Vô tác tam-muội, các tam-muội như vậy.

Hỏi: Trong sáu pháp trên, tam-muội tức là thiên, định, giải thoát, tam-muội, sao nay còn nói lại?

Đáp: Có hai thứ tam-muội: 1. Thuộc phần tuệ giải thoát. 2. Thuộc phần cộng giải thoát. Thuộc phần tuệ giải thoát thì không thể vào thiên định, chỉ nói đó là tam-muội trong Vị đạo địa. Trong đây nói tam-muội thuộc phần cộng giải thoát thì dù có thiên, định, giải thoát, tam-muội. Kia nói lược, đây nói rộng; kia chỉ nói tên, trong đây phân biệt nghĩa.

* Lại nữa, trước Thắng tam-muội là có người nói một, hai tam-muội, chứ chẳng phải Thâm tam-muội, nay trong đây nói thiên, định, giải thoát là Thâm thâm tam-muội.

* Lại nữa, thiên, định, giải thoát, tam-muội có hai thứ: 1. Khi lìa dục liền được. 2. Cầu mà được. Khi lìa dục liền được như trước đã nói. Cầu mà được là đây nói.

* Lại nữa, thiên, định, giải thoát, tam-muội, được nó rất khó, tinh tấn cầu mới được. Bồ-tát chỉ đem tâm tùy hỷ bèn được hơn kia. Đó là pháp chưa từng có, cho nên nói lại.

Hỏi: Trong kia tam-muội, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến cũng khó được, có sao nói đây khó được?

Đáp: Trước đã trả lời, kia là thuộc phần tuệ giải thoát, không tận cùng nghĩa thâm thâm. Còn A-la-hán cộng giải thoát, A-la-hán đủ ba minh khó được, nên nói lại.

* Lại nữa, tam-muội, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến ấy, tuy khó được mà không rộng lớn khắp hết, chỉ trực tiếp vì Niết-bàn, còn đây nói rõ A-la-hán muốn được cái vui thiên định hiện tại đó là diệt tận định, đánh té thiên, nguyện trí, Vô tránh tam-muội, nhưng việc như vậy, chẳng phải trực tiếp vì Niết-bàn. Vì vậy nên lại nói rộng, vì có sao? Vì thứ trước là trực tiếp vì Niết-bàn, trong đó nói giải thoát rồi giải thoát tri kiến, nên biết đó là một đường thẳng đến Niết-bàn.

Hỏi: Nếu vì thiên, định, giải thoát, tam-muội khó được, nên nói lại, trí tuệ là rất khó, vì điều trong hết thấy pháp, sao không nói lại?

Đáp: Ở trên đã nói trong đoạn nói muốn vượt qua trí tuệ Thanh văn, Bích-chi Phật, nên học Bát-nhã ba-la-mật. Còn thiên định này chưa nói, cho nên nói lại. Thiên định, trí tuệ, là hai pháp tối diệu, có được hai hạnh này thì sở nguyện đều được, như chim có hai cánh, có thể đi đến chỗ này chỗ kia. Giải thoát từ hai pháp đó mà được, giải

thoát trí kiến tức là trí tuệ. Bồ thí, trì giới là thân nghiệp, khẩu nghiệp thô hạnh dễ được cho nên không nói lại.

Hỏi: Bồ-tát lấy tâm tùy hỷ hơn Thanh văn, Bích-chi Phật tu bồ thí, trì giới, trí tuệ. Có thể như vậy, vì có sao? Vì việc bồ thí, trì giới, mắt thấy được, tai nghe được, trí tuệ cũng là pháp nghe được, nên có thể sanh tâm tùy hỷ, còn thiền định, giải thoát, tam-muội, là pháp không thể thấy, nghe, thì làm sao tùy hỷ?

Đáp: Bồ-tát do trí biết tha tâm mà tùy hỷ.

Hỏi: Pháp của trí biết tha tâm là, trí hữu lậu biết tha tâm thì biết tâm hữu lậu của người khác, trí vô lậu biết tha tâm thì biết tâm vô lậu của người khác. Bồ-tát chưa thành Phật, làm sao biết được tâm vô lậu của Thanh văn, Bích-chi Phật?

Đáp: Trong pháp Thanh văn thì như vậy, còn trong pháp Đại thừa, Bồ-tát được pháp vô sanh nhẫn, dứt các kiết sử, đời đời thường không mất sáu thần thông, trí hữu lậu biết Tha tâm có thể biết tâm vô lậu của người khác, huống gì lấy trí vô lậu biết Tha tâm.

* Lại có người nói: Bồ-tát mới phát tâm, chưa được pháp tánh sanh thân, hoặc thấy hoặc nghe Thanh văn, Bích-chi Phật bồ thí, trì giới, so sánh biết họ sẽ được A-la-hán, sanh tâm tùy hỷ nói: Người ấy biết được thật tướng các pháp, lìa khỏi ba cõi. Ta muốn độ hết thầy chúng sanh thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết. Nay họ đã thoát được, ấy là việc của ta.

Có các nhân duyên tùy hỷ như vậy, nên tùy hỷ, không lỗi.

KINH: Bồ-tát ma-ha-tát thực hành một ít thí, ít giới, ít nhẫn, ít tấn, ít thiền, ít trí, muốn do sức phương tiện hồi hướng mà được vô lượng vô biên công đức, cần nên học Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN. *Hỏi:* Trước đã nói sáu Ba-la-mật, sao nay còn nói lại?

Đáp: Trên là nói tướng tổng quát, đây muốn nói tướng sai biệt. Trên nói nhân duyên, đây nói quả báo.

Hỏi: Không phải vậy, trên kia nói sáu Ba-la-mật đều đầy đủ rộng khắp, đây nói một ít thí cho đến một ít trí, in tuồng không đồng với nghĩa sáu Ba-la-mật trên?

Đáp: Không phải! Chính là sáu Ba-la-mật, sao vậy? Vì nghĩa của sáu Ba-la-mật cốt ở tâm không phải cốt ở sự nhiều ít. Bồ-tát thật hành hoặc nhiều hoặc ít, đều là Ba-la-mật. Như kinh Hiền Kiếp nói 84.000 các Ba-la-mật. Trong Kinh ấy cũng nói, có thể gian Đản ba-la-mật, có xuất thế gian Đản ba-la-mật, cho đến Bát-nhã ba-la-mật cũng có thể gian, xuất thế gian.

Hỏi: Sao Bồ-tát bố thí ít?

Đáp: Có nhiều nhân duyên nên ít thí. Hoặc có Bồ-tát mới phát tâm, phước đức chưa nhiều, vì nghèo nên ít thí. Hoặc có Bồ-tát nghe bố thí không kể nhiều ít, công đức tại tâm, vì vậy nên không cầu bố thí nhiều vật, chỉ cầu tâm tốt. Hoặc có Bồ-tát nghĩ rằng nếu ta cầu chất chứa cho nhiều tài vật mà phá giới mất lành, tâm bị tán loạn, não hại chúng sanh nhiều. Nếu não hại chúng sanh để cúng dường Phật, Phật không chấp nhận, vì phá pháp để cầu tài. Hoặc bố thí cho phạm phu mà cướp kia cho đây, là không bình đẳng. Đúng như pháp Bồ-tát, tâm bình đẳng đối với tất cả, đều như con một, vì vậy nên ít thí.

* Lại nữa, Bồ-tát có hai: 1. Bại hoại Bồ-tát. 2. Thành tựu Bồ-tát. Bồ-tát bại hoại là vốn phát tâm Bồ-đề, song không gặp thiện duyên, bị năm triền cái che tâm, làm tạp hạnh, khi chuyển thân hưởng thụ giàu sang lớn, hoặc làm quốc vương, hoặc làm đại quý thần vương, long vương... vì đã tạo ác nghiệp thân khẩu ý không thanh tịnh nên không được sanh ở trước Phật, và các chỗ vô tội trong cõi trời cõi người; ấy gọi là bại hoại Bồ-tát. Những người như vậy, tuy mất tâm Bồ-tát song do nhân duyên đời trước, còn ưa bố

thí, nên não hại nhiều chúng sanh, cướp dứt phi pháp, để lấy của đem làm phước.

Bồ-tát thành tựu là không mất tâm Bồ-đề, thương xót chúng sanh, hoặc có người tại gia thọ năm giới, có người xuất gia thọ giới. Tại gia Bồ-tát, tuy hạnh nghiệp thành tựu, có người vì nhân duyên đời trước phải chịu nghèo cùng, nghe Phật dạy có hai cách bố thí là pháp thí, tài thí. Người xuất gia nên nhiều pháp thí, người tại gia nên nhiều tài thí. Ta nay vì nhân duyên đời trước, không sanh nhà giàu, thấy Bồ-tát bại hoại kia tạo tội để bố thí, tâm không vui mừng, nghe Phật không khen ngợi tài thí nhiều, chỉ khen tâm thanh tịnh thí, vì vậy nên ta tùy có được vật gì thí vật ấy.

* Lại xuất gia Bồ-tát thủ hộ giới nên không chứa tài vật.

* Lại tự suy nghĩ công đức của giới hơn công đức bố thí, nên tùy có được vật gì thí vật ấy.

* Lại nữa, Bồ-tát nghe trong Phật pháp nói nhân duyên đời trước bố thí ít mà được quả báo nhiều, như A-la-hán Bạt-câu-la lấy thuốc một trái Ha-lê-lặc bố thí mà 91 kiếp không bị đọa ác đạo, hưởng phước vui cõi trời cõi người, thân thường không bệnh, thân cuối cùng được đạo quả A-la-hán. Lại như Sa-môn Nhị-thập-ức tu ở trong pháp đức Phật Tỳ-bà-thi, làm một phòng xá cấp cho Tỳ-kheo Tăng, trải một tấm da dê để cho Tăng bước lên, nhờ nhân duyên ấy, trong 91 kiếp chân không đạp đất, hưởng vô lượng phước vui trong cõi người cõi trời, thân cuối cùng được sanh vào nhà đại Trưởng giả, thọ thân đon chánh, dưới chân mọc lông dài hai tấc, màu như lưu ly xanh, xoay về phía hữu. Lúc mới sanh, phụ thân cho ông hai mươi ức lượng vàng, lúc sau chán đời ngũ dục, xuất gia đắc đạo, Phật khen là Tỳ-kheo tinh tấn đệ nhất.

* Lại như Tỳ-kheo Tu-mạn-nhĩ, đời trước trông thấy tháp Phật Tỳ-bà-thi, lấy hoa Tu-mạn trên tai bố thí, nhờ nhân duyên ấy trong

91 kiếp thường không bị đọa ác đạo, hưởng phước vui cõi trời cõi người, thân cuối cùng, khi sanh ra, có hoa Tu-mạn ở trên tai, hương thơm đầy nhà, cho nên đặt tên là Tu-mạn-nhĩ. Lúc sau chán đời xuất gia, chứng đạo quả A-la-hán.

Như vậy, Bồ-tát nhờ nhân duyên đời trước bố thí ít được quả báo nhiều, bèn tùy theo vật có được nhiều ít mà bố thí.

* Lại nữa, Bồ-tát cũng không nhất định thường bố thí ít vật, mà tùy theo vật có được nhiều thời thí nhiều, ít thời thí ít.

* Lại nữa, Phật muốn tán thán công đức Bát-nhã ba-la-mật lớn lao, nên nói thí ít mà được quả báo nhiều, công đức vô lượng.

Hỏi: Như A-la-hán Bạt-câu-la... cũng bố thí ít mà được quả báo nhiều, đâu có dùng Bát-nhã ba-la-mật?

Đáp: Bạt-câu-la tuy được quả báo, nhưng có kiếp số hạn lượng, được đạo quả nhỏ, vào Niết-bàn. Còn Bồ-tát do Bát-nhã ba-la-mật phương tiện hồi hướng, nên bố thí ít mà phước đức vô lượng vô biên vô số.

Hỏi: Thế nào là do phương tiện hồi hướng, nên bố thí ít mà công đức vô lượng vô biên?

Đáp: Tuy bố thí ít mà đều hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát suy nghĩ rằng: Ta do phước đức nhân duyên này không phải để cầu các vui thế gian trong cõi trời cõi người, mà chỉ để cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng như Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác vô lượng vô biên, nên phước đức ấy cũng vô lượng vô biên.

* Lại phước đức ấy vì độ hết thấy chúng sanh, cũng như chúng sanh vô lượng vô biên nên phước đức cũng vô lượng vô biên.

* Lại nữa, phước đức ấy dùng đại từ bi gây dựng, đại từ bi vô lượng vô biên, nên phước đức ấy cũng vô lượng vô biên.

* Lại nữa, phước đức của Bồ-tát hòa hợp với thật tướng các pháp, nên ba phần đều thanh tịnh là người nhận, người cho và tài vật, đều chẳng thể có được. Như trong kinh Bát-nhã ba-la-mật, khi ban đầu vì Xá-lợi-phất nói Bồ-tát bố thí, cả người cho, người nhận, và tài vật đều không thể có được, nên đầy đủ Bát-nhã ba-la-mật. Dùng trí tuệ thật tướng ấy bố thí nên được vô lượng vô biên phước đức.

* Lại nữa, các Bồ-tát đều ghi nhớ phước đức có được đều là như tướng, pháp tánh tướng, thật tế tướng. Ví như, pháp tánh, thật tế vô lượng vô biên, nên phước đức ấy cũng vô lượng vô biên.

Hỏi: Nếu đại Bồ-tát quán các pháp thật tướng biết như, pháp tánh, thật tế, là tướng tịch diệt vô vi, thì làm sao còn sanh tâm để tạo phước đức?

Đáp: Bồ-tát tu tập tâm đại bi lâu ngày, khi tâm đại bi phát khởi, suy nghĩ rằng: Chúng sanh không biết thật tướng các pháp, ta sẽ làm cho chúng sanh biết được thật tướng ấy, nên dùng sức Tinh tấn ba-la-mật giúp cho tâm đại bi, trở lại thật hành nghiệp nhân duyên về phước đức, ví như lửa tắt gặp được gió, củi thời bùng cháy lại.

* Lại nữa, vì nhớ lại bản nguyện, và mười phương Phật đến nói rằng: Người hãy nhớ lại khi mới phát tâm và nay người mới được một pháp môn ấy, còn vô lượng pháp môn như vậy, người chưa được tất cả, hãy trở lại chứa nhóm các công đức, như trong Thất địa của kinh Tiệm bị nói rõ.

Hỏi: Bố thí nhiều ít thì có thể như vậy. Về giới có năm giới, giới thọ một ngày, mười giới, nhiều ít cũng có thể được, vì nó thuộc sắc pháp có thể phân biệt được. Còn bốn Ba-la-mật kia, làm sao biết nó nhiều ít?

Đáp: Nó đều biết được, như nhãn có hai thứ là thân nhãn và tâm nhãn. Thân nhãn là tuy thân miệng không động nhưng tâm không thể

không động khởi, vì thiếu nhẫn cho nên không thể chế tâm. Tâm nhẫn là thân tâm đều nhẫn, giống như cây khô.

* Lại nữa, thiếu nhẫn là bị người đánh mắng không đánh mắng lại. Đại nhẫn là không phân biệt người mắng, người nhẫn và sự nhẫn.

* Lại nữa, nhẫn đối với chúng sanh là thiếu nhẫn, nhẫn đối với pháp là đại nhẫn. Như vậy là phân biệt thiếu nhẫn.

Thiếu tinh tấn có hai là thân tấn và tâm tấn. Thân tấn là thiếu, tâm tấn là đại. Tinh tấn bên ngoài là thiếu, tinh tấn bên trong là đại. Thân miệng tinh tấn là thiếu, ý tinh tấn là đại. Như Phật nói ý nghiệp sức lớn, như khi vị đại tiên nhân nổi sân, có thể khiến một nước lớn tiêu diệt.

* Lại nữa, thân miệng làm tội ngũ nghịch, bị quả báo lớn ở trong địa ngục A-tỳ chỉ một kiếp, trong khi đó ý nghiệp sức lớn, được sanh cõi trời Phi hữu tướng phi vô tướng, sống tám vạn đại kiếp và cũng ở mười phương cõi Phật sống vô lượng kiếp. Vì vậy nên biết thân miệng tinh tấn là tiểu, ý tinh tấn là đại.

* Lại nữa, như Kinh nói: Nếu thân, miệng, ý, tịch diệt bất động, ấy là đại tinh tấn. Động là tiểu tinh tấn, như vậy gọi là tiểu tấn.

Tiểu thiền là dục giới định, vị đạo địa, vì không lìa dục, nên gọi là tiểu, và quán hai thiền, Sơ thiền là tiểu, cho đến Diệt tận định, hữu lậu là tiểu, vô lậu là đại. Chưa được bất thối, chưa được vô sanh nhẫn pháp thiền là tiểu, được bất thối, được vô sanh nhẫn pháp thiền là đại. Cho đến ngồi đạo tràng, định tương ưng với giải thoát thứ mười sáu là tiểu, Kim cang tam-muội thứ mười bảy là đại.

* Lại nữa, nếu Bồ-tát quán hết thấy pháp thường định, không tán loạn, không nương tựa, không phân biệt, ấy là đại, ngoài ra đều là tiểu.

Tuệ có hai là thế gian tuệ và xuất thế gian tuệ. Thế gian tuệ là tiểu, xuất thế gian tuệ là đại. Tịnh tuệ, tạp tuệ, tương tuệ, vô tương tuệ, phân biệt tuệ, vô phân biệt tuệ, tùy pháp tuệ, phá pháp tuệ, vì

sanh tử tuệ, vì Niết-bàn tuệ, vì tự lợi ích tuệ, vì lợi ích hết thảy chúng sanh tuệ... cũng như vậy.

* Lại nữa, văn tuệ là tiểu, tư tuệ là đại, tư tuệ là tiểu, tu tuệ là đại, hữu lậu tuệ là tiểu, vô lậu tuệ là đại, tuệ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là tiểu, tuệ tu hành sáu độ là đại, tu tuệ là tiểu, phương tiện tuệ là đại, trong các địa phương tiện triển chuyển có đại tiểu, cho đến mười địa. Như vậy phân biệt nhiều và ít.

Phật khen Bồ-tát kỳ lạ đặc biệt, trong việc nhỏ mà được vô lượng vô biên công đức, hướng chi việc lớn. Còn các người khác bỏ nhiều tài vật, thân miệng siêng khổ mà được phước ít. Trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ cũng như vậy, không kịp được Bồ-tát tu ít mà quả báo nhiều. Như trước nói ví dụ hơi miệng phát ra tiếng không vang đi xa, tiếng thổi vào trong còi thời có thể vang xa. Như vậy nghiệp nhân bố thí ít, các người khác làm thời được phước đức cũng ít, còn đại Bồ-tát do lực phương tiện Bát-nhã ba-la-mật hồi hướng, nên được vô lượng vô biên phước đức.

Do vậy nên nói muốn thật hành ít thí, ít giới, ít nhẫn, ít tấn, ít thiền, ít trí.

KINH: Bồ-tát ma-ha-tát muốn thực hành Bồ thí ba-la-mật, Trì giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN: Nghĩa của các Ba-la-mật như trước đã nói.

Hỏi: Tướng năm Ba-la-mật tức là tướng Bát-nhã ba-la-mật chăng? Nếu là tướng Bát-nhã ba-la-mật thời không nên có năm tên sai khác, có sao nói muốn thực hành Bồ thí ba-la-mật, nên học Bát-nhã ba-la-mật?

Đáp: Cũng đồng, cũng khác. Khác là Bát-nhã ba-la-mật là quán thật tướng các pháp mà không lãnh thọ, không dính mắc các pháp.

Bồ thí là bỏ tất cả vật sở hữu trong ngoài. Dem tâm Bát-nhã ba-la-mật làm việc bồ thí, khi ấy bồ thí được gọi là Ba-la-mật.

* Lại nữa, năm Ba-la-mật gieo trồng các công đức, còn Bát-nhã ba-la-mật trừ tâm tà kiến chấp trước. Như một người gieo lúa, một người bừa trừ cỏ rác, để cho lúa tăng trưởng đơm hoa kết trái. Bốn Ba-la-mật kia cũng như vậy.

Hỏi: Nay làm sao muốn thực hành Bồ thí ba-la-mật, nên học Bát-nhã ba-la-mật?

Đáp: Bồ thí có hai, một tịnh, hai bất tịnh. Bất tịnh là vì kiêu mạn nên bồ thí, nghĩ rằng: người thua ta mà còn bồ thí, ta há lại không làm được ư? Vì ganh ghét nên bồ thí, nghĩ rằng, kẻ oán ghét ta nhờ bồ thí mà được tiếng hơn ta, vậy nay ta sẽ thí cho nhiều thì chắc chắn hơn người kia. Vì nghèo nên bồ thí, nghĩ rằng: Ta bồ thí một ít vật mà được quả báo gấp ngàn vạn, cho nên bồ thí. Vì danh nên bồ thí, nghĩ rằng, nay ta ưa bồ thí, ta sẽ ở vào số người tốt, được mọi người tín mộ. Vì thu nhiếp người nên bồ thí, nghĩ rằng: Nay ta bồ thí, chắc người sẽ quy về ta. Các lỗi hành thí xen tạp kiết sử như vậy, gọi là bất tịnh.

Tịnh là, không có việc xen tạp như trên, chỉ đem tâm thanh tịnh, tin nhân quả, cung kính thương xót người thọ nhận, không cầu lợi đòi nay, chỉ cầu công đức đòi sau. Lại có cách tịnh thí không cầu lợi ích đòi sau, chỉ đem tâm tu hành giúp cầu Niết-bàn. Lại có cách tịnh thí là sanh tâm đại bi, vì chúng sanh nên không cầu tự lợi, sớm được Niết-bàn, mà chỉ vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ấy gọi là tịnh thí. Do tâm Bát-nhã ba-la-mật nên có thể tịnh thí như vậy. Do vậy nên nói muốn thực hành Bồ thí ba-la-mật, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

* Lại nữa, do năng lực Bát-nhã ba-la-mật, bỏ tâm chấp trước các pháp, huống gì tâm chấp ngã lại không bỏ được. Vì bỏ tâm chấp

ta, nên xem tự thân và vợ con như cỏ, đất, không chút luyến tiếc, đều bỏ thí hết cả.

Do vậy nên nói muốn thực hành Bồ thí ba-la-mật, nên học Bát-nhã ba-la-mật. Các Ba-la-mật khác cũng như vậy. Nhờ tâm Bát-nhã ba-la-mật giúp thành tựu vậy.

* Lại nữa, các Ba-la-mật kia, không nhờ có Bát-nhã ba-la-mật thời không được gọi là Ba-la-mật, và cũng không bền chắc. Như trong phẩm sau nói: Năm Ba-la-mật không có được Bát-nhã ba-la-mật thời không được gọi là Ba-la-mật. Lại như Chuyển luân thánh vương, không có xe báu thời không gọi là Chuyển luân thánh vương, không thể lấy báu khác để gọi được. Cũng như nhóm người mù không ai dắt dẫn thì không thể đi đến được. Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy, dắt dẫn năm Ba-la-mật kia khiến đạt đến Tát-bà-nhã (nhất thiết chủng trí). Ví như đại quân không có tướng giỏi, không thành công đánh giặc. Lại như thân người, các căn tuy có đủ, nếu không có mắt, không thể tự đến đâu được. Lại như người không có mạng căn, thời các căn khác đều hoại diệt, có mạng căn thời các căn khác hữu dụng. Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy. Năm Ba-la-mật kia không có Bát-nhã ba-la-mật không được tăng trưởng, có được Bát-nhã ba-la-mật thời các Ba-la-mật kia được tăng trưởng đầy đủ.

Do vậy nên Phật nói, muốn thực hành Bồ thí ba-la-mật, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

KINH: Bồ-tát ma-ha-tát muốn đời đời thân thể tương tự với Phật, muốn đầy đủ 32 tướng, 80 vẻ đẹp tùy hình, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN. *Hỏi:* Trong kinh Thanh văn nói: Bồ-tát tu hành qua khỏi ba A-tăng-kỳ kiếp, trong một trăm kiếp tiếp theo gieo trồng nhân duyên về 32 tướng, sao nay nói đời đời thân thể tương tự với Phật, có 32 tướng, 80 vẻ đẹp tùy hình?

Đáp: Trong A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa (Abhidharma-vibbassa) của Ca-chiên-diên-tử nói như vậy, chứ không phải trong Tam tạng nói, vì sao? Vì 32 tướng người khác cũng có, đâu đủ cho là quý, như Nan-đà ở kiếp trước, nhân một lần tắm cho chúng Tăng phát nguyện rằng: nguyện cho tôi đời đời đoan chánh thanh khiết. Lại trong một kiếp khác, gặp tháp Bích-chi Phật, lấy tranh vẽ trang nghiêm tượng Bích-chi Phật, phát nguyện rằng: nguyện cho tôi đời đời có sắc tướng nghiêm thân. Do nhân duyên ấy, đời đời được thân tướng trang nghiêm, cho đến thân cuối xuất gia làm Sa-môn, Chúng tăng ở xa trông thấy gọi đó là Phật, đồng đứng dậy nghinh đón. Nan-đà Tiểu thừa gieo ít công đức mà còn được quả báo ấy, huống chi Bồ-tát trong vô lượng vô số kiếp tu tập công đức mà đời đời thân hình không tương tự Phật sao?

* Lại như Di-lặc Bồ-tát, khi còn làm kẻ bạch y, vị thầy tên là Bà-bạt-lê có ba tướng: 1. Tướng lông trắng giữa hai chân mày. 2. Tướng lưỡi phủ cả mặt. 3. Tướng mã âm tàng.

Như vậy, không phải là Bồ-tát cũng đều có tướng, thì Bồ-tát há phải sau ba vô số kiếp mới gieo nhân về tướng tốt?

* Lại nữa, trong Đại thừa, có Bồ-tát từ khi mới phát tâm cho đến khi chúng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không hề sanh ác tâm, đời đời được quả báo có ngũ thông, thân thể tự Phật.

Hỏi: Bồ-tát chưa được Phật đạo, sao được thân tướng như Phật?

Đáp: Bồ-tát vì độ chúng sanh, mà hoặc làm thân Chuyển luân thánh vương, hoặc làm thân Đế-thích, hoặc làm thân Phạm-vương, hoặc làm thân Thanh văn, thân Bích-chi Phật, thân Bồ-tát, thân Phật. Như trong kinh Thủ-lăng-nghiêm, Văn-thù-sư-lợi tự nói: Bảy mươi hai ức phen làm một Duyên-giác mà vào Niết-bàn. Lại hiện làm Phật hiệu là Long-chủng-tôn. Thời ấy chưa phải có Phật mà chúng sanh vẫn thấy thân Phật, hoan hỷ lãnh thọ giáo hóa.

Hỏi: Nếu Bồ-tát có thể làm thân Phật thuyết pháp độ sanh, vậy với Phật có gì sai khác?

Đáp: Bồ-tát có đại thần lực, ở địa vị thập trú, đầy đủ Phật pháp mà trú thế gian, vì rộng độ chúng sanh nên không thủ chứng Niết-bàn, cũng như huyễn sư tự biến hóa thân thuyết pháp cho người, chẳng phải thân Phật thật. Tuy độ thoát chúng sanh như vậy, song có lượng có hạn, còn Phật độ sanh vô lượng vô hạn. Bồ-tát tuy làm thân Phật, không thể cùng khắp mười phương thế giới, còn Phật thân thời cùng khắp vô lượng thế giới, trước những người đáng được độ, đều hiện Phật thân. Cũng như trăng đêm mười bốn tuy có sáng mà không bằng trăng đêm rằm. Bồ-tát và Phật có sai khác cũng như vậy.

Hoặc có Bồ-tát được vô sanh pháp nhẫn, pháp tánh sanh thân, ở địa vị thất trụ, có năm thần thông, biến hóa thân như Phật, giáo hóa chúng sanh.

Hoặc có Bồ-tát mới phát tâm, tu sáu Ba-la-mật, do nhân duyên hạnh nghiệp ấy, được thân tướng giống Phật, giáo hóa chúng sanh.

Hỏi: Ba mươi hai tướng là quả báo do bố thí... còn Bát-nhã ba-la-mật là không có gì, như hư không, có sao nói muốn được tướng tốt nên học Bát-nhã ba-la-mật?

Đáp: Ba mươi hai tướng có hai loại: 1. Đầy đủ như Phật. 2. Không đầy đủ, như Chuyển luân thánh vương, Nan-đà... Bát-nhã ba-la-mật hòa hợp với bố thí, nên được tướng tốt đầy đủ như Phật. Các người khác chỉ hành bố thí không có Bát-nhã, nên tướng không đầy đủ.

Hỏi: Tại sao bố thí... mà được 32 tướng?

Đáp: Như đàn-việt khi bố thí, người thọ lãnh được sắc lực... năm việc ích thân, nên người bố thí được đầy đủ tướng vành xe (xoáy tròn) ở chân tay. Như trong chương Đàn ba-la-mật ở trước đã

nói rộng. Thật hành trì giới, nhẫn nhục... cũng như vậy, đều làm cho đủ 32 tướng. Những gì là 32 tướng? Một tướng dưới bàn chân bằng phẳng, còn các tướng khác như trong phẩm Tán Bồ-tát ở trước đã nói rõ.

Hỏi: Nhân duyên gì được tướng bàn chân bằng phẳng?

Đáp: Phật đời đời nhất tâm kiên cố trì giới, cũng không khiến người khác phá giới, nên được tướng thứ nhất. Được tướng thứ nhất ấy thì ở trong tự pháp không ai lay động được, nếu làm Chuyển luân thánh vương, thì ở trong tự quốc độ không ai xâm lăng được. Do hạnh nghiệp đúng như pháp nuôi dưỡng, bảo hộ nhân dân và Sa-môn xuất gia, nên được tướng bánh xe ngàn tăm, là tướng ban đầu chuyển pháp luân, nếu làm Chuyển luân thánh vương thì được Chuyển bảo luân. Do nghiệp xa lìa sát sanh nên được tướng ngón tay dài. Do nghiệp không trộm cắp nên được tướng gót chân đầy đặn. Do nghiệp lấy bốn nhiếp pháp thu nhiếp chúng sanh nên được tướng mạng lưới ở giữa các ngón tay chân. Do nghiệp lấy y phục, ẩm thực, ngọa cụ thượng diệu cúng dường bậc tôn trưởng nên được tướng tay chân mềm mại. Do nghiệp tu phước càng tăng nên được tướng mu bàn chân cao, tướng mỗi lỗ chân lông mọc một lông, lông đều hướng lên trên. Do nghiệp đúng như pháp sai khiến hòa hợp làm phước và mau mắn dạy người, nên được tướng chân đùi đẹp như nai chúa Y-nê-diên. Do đúng như pháp lấy tịnh vật bố thí, không nào hại người thọ lãnh, nên được tướng đứng thẳng tay dài quá gối, tướng thân ngay ngắn như cây Ni-câu-lô-đà. Do tu tâm biết tầm quý nhiều và dứt tà dâm, lấy phòng xá, y phục, vật che trùm để bố thí, nên được tướng âm tàng như ngựa chúa. Do tu Từ tam-muội, tâm tịnh tín nhiều, và dùng ẩm thực, y phục, ngọa cụ màu sắc đẹp để bố thí, nên được tướng kim sắc, tướng hào quang một trượng. Do thường ưa vấn nghĩa, cung cấp người tôn trọng và người lãnh, nên được tướng da tế mịn. Do đúng như pháp xét đoán sự việc, không tự chuyên chấp,

ủy thác việc chấp chánh, nên được tướng phân thân trên như sư tử, tướng dưới nách đầy đặn, tướng mi mắt tròn. Do cung kính đưa đón hầu hạ tôn trưởng nên được tướng thân thẳng rộng. Do bố thí đầy đủ nên được tướng bảy chỗ đầy đặn. Do thí xả tất cả không tiếc lẫn, nên được tướng má vuông. Do lia nói hai lưỡi nên được tướng 40 cái răng, tướng răng khít và ngang bằng. Do thường tu từ tâm, tư duy đều tốt, nên được tướng răng trắng không lồi lõm. Do lia vọng ngữ nên được tướng lưỡi mỏng rộng. Do bố thí đồ ăn ngon, không nào hại người lãnh thọ nên được tướng có chất vị tối thượng trong thực vị. Do lia ác khẩu nên được tướng Phạm âm. Do thiện tâm mắt hiền nhìn chúng sanh nên được tướng con mắt xanh biếc, như con mắt trâu chúa. Do lễ kính bậc tôn kính và tự trị giới, lấy giới dạy người, nên được tướng nhục kế. Do tán thán người đáng tán thán nên được tướng lông trắng giữa hai chân mày; ấy là nghiệp duyên tạo thành 32 tướng theo trong pháp Thanh văn.

Nghiệp duyên tạo 32 tướng theo trong pháp Đại thừa là:

Hỏi: Chư Phật mười phương, các pháp ba đời, đều là tướng vô tướng, có sao nay nói 32 tướng? một tướng còn không thật, hưởng gì 32?

Đáp: Phật pháp có hai đế: 1. Thế đế. 2. Đệ nhất nghĩa đế. Vì thế đế nên nói 32 tướng, vì đệ nhất nghĩa đế nên nói vô tướng.

Có hai đạo: 1. Khiến chúng sanh tu phước đạo. 2. Tuệ đạo. Vì phước đạo nên nói 32 tướng, vì tuệ đạo nên nói vô tướng; vì sanh thân nên nói 32 tướng, vì pháp thân nên nói vô tướng. Phật thân lấy 32 tướng 80 vẻ đẹp tùy hình để tự trang nghiêm. Pháp thân lấy mười lục, bốn vô sở úy, bốn vô ngại trí, mười tám pháp không chung, các công đức để trang nghiêm.

Chúng sanh có hai nhân duyên: 1. Nhân duyên phước đức. 2. Nhân duyên trí tuệ. Muốn lấy phước đức nhân duyên dẫn đạo chúng

sanh nên dùng 32 tướng, muốn lấy trí tuệ nhân duyên dẫn đạo chúng sanh nên dùng pháp thân.

Có hai loại chúng sanh: 1. Chúng sanh biết các pháp là giả danh. 2. Chúng sanh chấp vào danh tự. Vì chúng sanh chấp vào danh tự nên nói vô tướng, vì chúng sanh biết các pháp là giả danh nên nói 32 tướng.

Hỏi: Công đức mười lục, bốn vô sở úy cũng đều có tướng riêng, có sao nói pháp thân vô tướng?

Đáp: Hết thầy pháp vô lậu tương ứng với 16 hành (*quán 16 hành tướng của bốn đế - ND*), ba tam-muội (*không, vô tướng, vô tác - ND*) nên đều gọi là vô tướng. Phật muốn cho chúng sanh hiểu nên phân biệt nói các tướng. Nói hết thầy Phật pháp, lấy không, vô tướng, vô tác ẩn ký, nên đều vào như, pháp tánh, thật tế, nhưng vì hạng người nhờ trông thấy sắc mà hoan hỷ phát đạo tâm, nên hiện thân 32 tướng trang nghiêm.

* Lại nữa, vì hiển bày sự tối thắng đối với chúng sanh nên hiện ra 32 tướng mà không phá pháp vô tướng, như Bồ-tát mới sanh trong bảy ngày đầu, quán bằng lụa trắng, đưa chỉ các thầy tướng, các thầy tướng lấy sách tướng xưa ra đoán và trả lời vua rằng: theo pháp sám ký của chúng tôi, thì người có 32 tướng, nếu ở nhà thường làm Chuyển luân thánh vương, nếu xuất gia sẽ được thành Phật. Chỉ có hai lẽ đó, không có lẽ thứ ba. Các thầy tướng lui ra rồi, Bồ-tát ngủ nghỉ.

* Lại có tiên nhân tên A-tư-đà thưa vua Tịnh-phạn rằng: Tôi dùng Thiên nhĩ nghe chư thiên quỷ thần nói, Tịnh-phạn vương sanh con có tướng Phật thân cho nên đến xin xem. Vua rất hoan hỷ, người này là tiên thánh mới từ xa đến muốn xem con ta, liền sắc các người hầu, đưa thái tử đến. Người hầu trả lời vua: thái tử vừa ngủ. A-tư-đà nói: Thánh vương xin thương thí cam lồ cho tất cả, không nên ngủ. Liền đứng dậy đi đến chỗ thái tử, bồng lên trên tay, xem tướng trên

dưới xong òa khóc, không tự cầm nổi, vua rất không vui, hỏi A-tu-đà có gì không lành mà khóc lóc như vậy? A-tu-đà đáp: Giả sử trời mưa núi Kim cang lớn, không thể làm lay động một sợi lông của vị này, đâu có gì không tốt. Thái tử chắc sẽ làm Phật, tôi nay tuổi đã xế chiều, sẽ sanh lên cõi trời Vô sắc, không được thấy Phật, không nghe được giáo pháp của Ngài, tự thương cho mình quá!

Vua nói: Các thầy tướng nói không nhất định một việc, nếu ở nhà thì sẽ làm Chuyển luân thánh vương, nếu xuất gia thì sẽ được làm Phật.

A-tu-đà nói: Các thầy tướng chỉ lấy việc đời so sánh mà biết, chẳng phải do Thiên nhãn biết. Sách tướng của chư thánh lại không đầy đủ biết khắp các tướng, chỉ xem tổng quát, không thể rõ ràng cho nên hoặc nói ở nhà sẽ làm Chuyển luân thánh vương, xuất gia sẽ làm Phật. Nay 32 tướng của thái tử, ngay thẳng đầy đủ rõ ràng, sâu xa trong sạch, chắc chắn sẽ làm Phật, chứ không phải làm Chuyển luân thánh vương.

Vì vậy nên biết 32 tướng là rất thù thắng đối với hết thảy chúng sanh.

Nói pháp vô tướng là để phá chấp tướng thường, tịnh, lạc, ngã, nam, nữ, sanh, tử... vì vậy nên Phật pháp tuy là tướng vô tướng, mà hiện ra 32 tướng để dẫn đạo chúng sanh, khiến họ biết Phật là đệ nhất mà sanh lòng tin thanh tịnh, nên nói 32 tướng mà không bị lỗi.

Hỏi: Vì có sao nói 32 tướng chứ không nhiều không ít?

Đáp: Hoặc nói nhiều, hoặc nói ít, đều sẽ có vấn nạn.

* Lại nữa, thân Phật cao 1 trượng 6, nếu nói ít tướng thời không khắp, không đủ trang nghiêm. Nếu quá 32 tướng thời bị tạp loạn, ví như đồ vật trang sức thân, tuy giàu có châu ngọc, không thể mang nặng anh lạc vào mình, thế nên 32 tướng không nhiều không ít, vừa được trung bình.

* Lại nữa, nếu ít không đoan nghiêm, thì để lại chỗ cho 80 vẻ đẹp tùy hình, còn quá 32 tướng thì tạp loạn.

Hỏi: Nếu cần có 80 vẻ đẹp tùy hình, thì sao không gọi cả là tướng mà gọi riêng là vẻ đẹp?

Đáp: Tướng lớn nghiêm thân, nếu nói lớn là bao gồm nhỏ.

* Lại nữa, tướng thì thô mà vẻ đẹp thì tế. Chúng sanh thấy Phật thời thấy tướng, còn vẻ đẹp khó thấy. Lại tướng thì các người khác cũng có, còn vẻ đẹp thì hoặc có hoặc không, vì vậy nên nói riêng tướng và vẻ đẹp.

Hỏi: Phật rốt ráo dứt hết tướng chúng sanh, tướng tôi ta, đầy đủ tướng không pháp, có sao lại lấy tướng trang nghiêm, như cách của người chấp thủ tướng?

Đáp: Nếu Phật chỉ lấy diệu pháp trang nghiêm tâm, còn thân không có tướng hảo, thì hoặc có chúng sanh khả độ, họ sanh tâm khinh mạn cho Phật không đủ thân tướng, nên không thể nhất tâm vui thọ pháp Phật. Ví như lấy đồ nhơ mà đựng thức ăn ngon, người ta không mừng. Như lấy đũa da thúi đựng vật báu, người cầm lấy không vui. Vì vậy nên Phật lấy 32 tướng trang nghiêm thân mình.

* Lại nữa, Phật thường ở giữa đại chúng, cất tiếng rống sư tử rằng: Ta có hết thảy công đức rất là đệ nhất giữa chúng sanh, nếu Phật sanh thân không lấy tướng hảo trang nghiêm, thì hoặc có người nói: Thân hình xấu xí, có thể biết được gì! Phật dùng 32 tướng, 80 vẻ đẹp tùy hình trang nghiêm thân mà chúng sanh còn có kẻ không tin, huống là không dùng tướng hảo trang nghiêm!

* Lại nữa, Phật pháp sâu xa, tướng thường vắng lặng, nên chúng sanh cuồng ngu không tin không thọ, cho rằng thân diệt tận rồi không còn có thứ gì nữa. Vì vậy nên Phật đưa tướng lưỡi rộng dài, phát ra tiếng Phạm âm, thân phóng hào quang lớn, dùng các nhân duyên thí

dụ, nói pháp thượng diệu, chúng sanh được thấy thân tướng của Phật oai đức, lại nghe âm thanh, đều hoan hỷ tin vui.

* Lại nữa, vật trang nghiêm có trong ngoài. Thiên định, trí tuệ, các công đức, là trang nghiêm trong, thân tướng oai đức, trì giới đầy đủ, là trang nghiêm ngoài, Phật cả trong ngoài đều đầy đủ.

* Lại nữa, Phật thương nghĩ chúng sanh mà xuất hiện ở đời, lấy các công đức trí tuệ làm lợi ích cho chúng sanh lợi căn, lấy thân tướng trang nghiêm làm lợi ích cho chúng sanh độn căn. Tâm trang nghiêm mở cửa Niết-bàn, thân trang nghiêm mở cửa trời người an lạc. Thân trang nghiêm nên đặc chúng sanh vào ba chỗ phước, tâm trang nghiêm nên đặc chúng sanh vào ba cửa giải thoát; thân trang nghiêm nên nhổ chúng sanh ra khỏi ba đường ác, tâm trang nghiêm nên nhổ chúng sanh ra khỏi ngục ba cõi.

Như vậy có vô lượng nhân duyên lợi ích, nên lấy tướng hảo trang nghiêm sanh thân.

KINH: Muốn sanh vào nhà Bồ-tát, muốn được đất Cru-ma-la-già, muốn được không lìa chư Phật, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN. Nhà Bồ-tát: Nếu phát tâm đại bi thậm thâm đối với chúng sanh, ấy là sanh vào nhà Bồ-tát. Như sanh vào nhà vua, không ai dám khinh, cũng không sợ đói khát, lạnh, nóng... người vào đạo Bồ-tát, sanh vào nhà Bồ-tát cũng như vậy. Vì là Phật tử nên chư thiên, rồng, quỷ thần, các thánh nhân không ai dám khinh, càng thêm cung kính, không sợ ác đạo, chỗ thấp hèn trong cõi trời người, không sợ người Thanh văn, Bích-chi Phật, hay ngoại đạo luận sư đến làm trò ngại tâm kia.

* Lại nữa, Bồ-tát mới phát tâm, một lòng phát nguyện từ ngày nay không còn theo các ác tâm, chỉ muốn độ thoát hết thảy chúng sanh, sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

* Lại nữa, Bồ-tát nếu biết được thật tướng các pháp chẳng sanh chẳng diệt, được vô sanh pháp nhẫn, từ đó trở đi thường trụ Bồ-tát đạo, như Phật nói trong kinh Tri Tâm: Từ khi Ta thấy đức Phật Đỉnh Quang (Nhiên Đăng) được pháp vô sanh nhẫn mới bắt đầu đầy đủ sáu Ba-la-mật, còn từ đó về trước, hoàn toàn không có bố thí, trì giới...

* Lại nữa, nếu Bồ-tát nghĩ rằng, lấy kiếp số nhiều như cát sông Hằng làm một ngày một đêm, dùng ngày đêm ấy, 30 ngày làm một tháng, 12 tháng làm một năm, số năm như vậy quá trăm ngàn vạn ức kiếp mới có một đức Phật ra đời. Đối với chỗ đức Phật ấy, cúng dường, trì giới, chứa các công đức, ở nơi chư Phật nhiều như cát sông Hằng như vậy, vậy sau mới được thọ ký làm Phật, mà tâm Bồ-tát không giải đãi, không mất không chán, thấy đều vui tu hành.

* Lại nữa, Bồ-tát đối với chúng sanh tà định, ngũ nghịch, và người dứt thiện căn, mà sanh tâm từ bi, khiến họ vào chánh đạo, không cầu báo ân.

* Lại nữa, Bồ-tát khi mới phát tâm đến nay, không bị các phiền não che lấp, phá hoại.

* Lại nữa, Bồ-tát tuy quán thật tướng các pháp, đối với các quán, tâm cũng không chấp trước.

* Lại nữa, Bồ-tát tự nhiên, miệng thường nói thật, cho đến trong mộng cũng không nói dối.

* Lại nữa, Bồ-tát thấy sắc đều là sắc Phật, do năng lực của niệm Phật tam-muội, không đắm trước nơi sắc.

* Lại nữa, thấy hết thấy chúng sanh bị trôi lãng trong khổ sanh tử, nên đối với hết thấy sự vui, tâm cũng không đắm trước, chỉ nguyện rằng: Ta và chúng sanh, lúc nào sẽ được độ thoát.

* Lại nữa, Bồ-tát đối với hết thấy trần bảo, tâm không đắm trước, chỉ vui theo Tam bảo.

* Lại nữa, Bồ-tát thường dứt năm dục, cho đến không sanh tâm tưởng nhớ, huống có thật sự.

* Lại nữa, chúng sanh mắt trông thấy Bồ-tát, liền được từ tam-muội.

* Lại nữa, Bồ-tát hay làm cho hết thảy pháp đều là Phật pháp, không có pháp Thanh văn, Bích-chi Phật và pháp phàm phu sai khác.

* Lại nữa, Bồ-tát phân biệt hết thảy pháp, đối hết thảy pháp cũng không sanh tướng pháp, cũng không sanh tướng phi pháp. Có vô lượng nhân duyên như vậy, ấy gọi là sanh vào nhà Bồ-tát.

Hỏi: Từ khi phát tâm lại đây, đã sanh vào nhà Bồ-tát, sao nay còn nói muốn sanh vào nhà Bồ-tát, nên học Bát-nhã ba-la-mật?

Đáp: Có hai thứ nhà Bồ-tát: là có thối chuyển và không thối chuyển; nhà danh tự, nhà thật; nhà tịnh, nhà tạp; nhà có tin kiên cố, nhà không tin kiên cố. Vì muốn được nhà không thối chuyển, cho đến nhà có lòng tin kiên cố, nên nói: muốn được sanh vào nhà Bồ-tát, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

Muốn được đất Cưu-ma-la-già (đồng chơn): Hoặc có Bồ-tát từ khi mới phát tâm đã dứt năm dục, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thường hành Bồ-tát đạo, ấy gọi là đất Cưu-ma-la-già.

* Lại nữa, hoặc có Bồ-tát phát nguyện rằng: Đòi đòi làm đồng nam xuất gia hành đạo, không thọ ái dục thế gian, ấy gọi là đất Cưu-ma-la-già.

* Lại nữa, như con vua tên Cưu-ma-la-già, Phật là vua pháp, Bồ-tát từ khi vào chánh vị của pháp, cho đến chứng mười địa, đều gọi là con vua, đều kham làm Phật, như Văn-thù-sư-lợi, đủ các Phật sự mười lực, bốn vô sở úy... nên ở đất Cưu-ma-la-già, rộng độ chúng sanh.

* Lại nữa, như đồng tử quá 4 tuổi trở lên, chưa đủ 20 tuổi gọi là Cưu-ma-la-già. Hoặc Bồ-tát mới sanh vào nhà Bồ-tát giống như

hài nhi, khi được vô sanh pháp nhãn cho đến mười trụ địa, dứt các việc ác, gọi là đất Cưu-ma-la-già. Muốn được địa vị như vậy, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Thường muốn không lìa chư Phật: Bồ-tát đời đời sanh ra thường gặp chư Phật.

Hỏi: Bồ-tát thường giáo hóa chúng sanh, có sao thường muốn gặp Phật?

Đáp: Có Bồ-tát chưa vào địa vị Bồ-tát, chưa được bất thối chuyển, chưa được thọ ký biệt, nên nếu lìa chư Phật, liền hoại các thiện căn, chìm trong phiền não, tự không độ được, đâu độ được người, như người cỡi thuyền giữa dòng bị hư hỏng, muốn vớt người khác, trở lại bị chìm luôn.

* Lại như một ít nước sôi đổ vào ao băng lớn, tuy tan băng một chỗ nhỏ, vẫn trở lại thành băng. Bồ-tát chưa vào pháp vị, nếu xa lìa chư Phật, vì ít công đức, không sức phương tiện mà muốn giáo hóa chúng sanh, tuy được ít lợi ích vẫn trở lại đọa lạc! Vì vậy nên hàng tân học Bồ-tát không nên xa lìa chư Phật.

Hỏi: Nếu như vậy, sao không nói không xa lìa Thanh văn, Bích-chi Phật, vì Thanh văn, Bích-chi Phật cũng có thể làm lợi ích cho Bồ-tát?

Đáp: Bồ-tát có tâm lớn, Thanh văn, Bích-chi Phật tuy có lợi ích Niết-bàn, mà vì không có nhất thiết trí nên không thể giáo hóa, dẫn đạo Bồ-tát. Chư Phật có nhất thiết chủng trí nên có thể giáo hóa dẫn đạo Bồ-tát, như voi lún dưới bùn, phi sức voi không kéo ra được. Bồ-tát cũng như vậy, nếu vào trong phi đạo, chỉ có Phật cứu được, vì đồng đạo lớn. Vì vậy, nên nói Bồ-tát thường muốn không lìa chư Phật.

* Lại nữa, Bồ-tát suy nghĩ rằng ta chưa được Phật nhãn, không khác người mù, nếu không được Phật dẫn đạo, thì không đến được,

lầm đi vào đường khác, dầu nghe nói Phật pháp ở chỗ khác lưu hành, mà chưa biết thời tiết giáo hóa, hành pháp nhiều hay ít.

* Lại nữa, Bồ-tát thấy Phật thời được các thứ lợi ích, hoặc mắt thấy mà tâm được thanh tịnh, hoặc nghe nói mà tâm vui pháp, được đại trí tuệ, theo pháp tu hành được giải thoát. Như vậy, gặp Phật được vô lượng lợi ích, đâu lại không một lòng cầu muốn thấy Phật, ví như hải nhi, không nên lia mẹ. Lại như đi đường, không lia lương thực, như lúc nóng bức không lia gió mát nước lạnh, như lúc đại hàn không muốn xa lửa, như qua nước sâu, không nên lia thuyền, như người bệnh không lia lương y. Bồ-tát không lia chư Phật, quá hơn các việc trên ấy, vì có sao? Vì cha mẹ, thân thuộc, tri thức người, trời, vua... đều không lợi ích bằng Phật. Phật lợi ích các Bồ-tát, lia các chỗ khổ, ở đất của Thế Tôn. Do nhân duyên ấy, Bồ-tát thường không lia Phật.

Hỏi: Pháp hữu vi giả dối không thật, đều không thể tin, làm sao được như nguyện “không lia chư Phật”?

Đáp: Đây đủ phước đức, trí tuệ còn có thể làm Phật, huống chi là không lia chư Phật. Vì chúng sanh có tội nghiệp nhân duyên từ vô lượng kiếp nên không được như nguyện. Tuy hành phước đức mà trí tuệ mỏng ít, tuy hành trí tuệ mà phước đức mỏng ít, nên sở nguyện không thành. Bồ-tát cầu Phật đạo nên cần tu hai hạnh là sanh nhẫn và pháp nhẫn. Hành sanh nhẫn nên phát tâm từ bi đối với chúng sanh, diệt tội vô lượng kiếp, được vô lượng phước đức. Hành pháp nhẫn nên phá vô minh đối với các pháp, được vô lượng trí tuệ. Hai hành hòa hợp nên nguyện gì cũng được thành. Vì vậy nên Bồ-tát đời đời thường không lia Phật.

* Lại nữa, Bồ-tát thường ưa vui niệm Phật, nên bỏ thân thọ thân, thường được gặp Phật, ví như chúng sanh tâm tập dục nặng, nên sanh làm thân loài chim đa dâm như khổng tước, uyên ương...; tập sân hận nhiều nên sanh trong loài trùng độc, là ác long, la-sát,

rết, rắn độc... tâm Bồ-tát không quý phước vui của Chuyển luân thánh vương, người, trời, mà chỉ niệm Phật, nên theo chỗ tâm thiên nặng mà thọ thân hình.

* Lại nữa, Bồ-tát thường khéo tu niệm Phật tam-muội, nên sanh ra thường được gặp Phật, như nói ở trong Ban châu tam-muội: Bồ-tát vào tam-muội này liền thấy Phật A-di-đà, bèn hỏi Phật kia do nghiệp gì nên được sanh nước Cực-lạc ấy. Phật liền trả lời: Đây thiện nam tử, do thường tu niệm Phật tam-muội, ghi nhớ không bỏ, nên được sanh nước ta.

Hỏi: Thế nào là niệm Phật tam-muội được sanh nước kia?

Đáp: Niệm Phật là niệm 32 tướng, 80 vẻ đẹp tùy hình, thân sắc vàng, thân phóng hào quang chiếu khắp mười phương, như vàng Diêm-phù-đàn nấu chảy, sắc nó sáng trong. Lại như núi chúa Tu-di ở giữa biển lớn, khi mặt trời chiếu vào sắc nó phát sáng, hành giả lúc ấy không còn tưởng các sắc khác, như sắc núi đất cây cỏ... chỉ thấy thân tướng chư Phật giữa hư không, như vàng đỏ trong bình lưu ly thật hiện ra ngoài, cũng như Tỳ-kheo khi vào bất tịnh quán, chỉ thấy thân thể phình trương, tan hoại, cho đến chỉ thấy bộ xương người, bộ xương người ấy không có động tạo tác, cũng không đến đi, chỉ do ức tưởng nên thấy. Bồ-tát ma-ha-tát khi vào niệm Phật tam-muội, thấy chư Phật cũng lại như vậy. Vì nhiếp tâm vì tâm thanh tịnh, ví như người trang nghiêm thân mình, soi kính thủy sạch, thấy hết tất cả. Trong kính thủy ấy cũng không có hình tướng, chỉ vì sáng sạch nên trông thấy thân tướng mình.

Các pháp từ xưa đến nay thường tự thanh tịnh, Bồ-tát đem tâm thiện thanh tịnh, tùy ý thấy hết thấy chư Phật, hỏi chỗ nghi ngờ, Phật đáp câu hỏi; nghe điều Phật dạy, tâm rất hoan hỷ; từ tam-muội khởi dạy suy nghĩ rằng: Phật từ đâu lại, thân ta cũng không đi, liền biết chư Phật không từ đâu đến, ta cũng không đi đâu.

* Lại suy nghĩ rằng: Các vật hiện hữu trong ba cõi, đều do tâm làm, vì có sao? Vì tùy tâm nghĩ đến thấy đều được thấy. Lấy tâm thấy Phật, lấy tâm làm Phật, tâm tức là Phật, tâm tức thân ta, tâm không tự biết, cũng không tự thấy. Nếu chấp thủ tâm tướng, thấy đều vô trí, tâm cũng hư dối, đều từ vô minh xuất sanh. Nhân tâm tướng ấy, liền vào thật tướng các pháp, là “thường không”.

Được tam-muội và trí tuệ như vậy rồi, do năng lực của hai hành ấy, nên tùy ý sở nguyện không xa lìa chư Phật, như chim Kim sí, nhờ đủ hai cánh nên tự tại bay liệng giữa hư không. Bồ-tát được năng lực tam-muội và trí tuệ nên thân hiện tại tùy ý cúng dường chư Phật, sau khi mạng chung cũng lại gặp được chư Phật.

Vì vậy nên nói: Bồ-tát muốn thường không lìa chư Phật, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

(HẾT CUỐN 29 THEO BẢN HÁN)

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

CHƯƠNG 42

GIẢI THÍCH: THIỆN CĂN CÚNG DƯỜNG

KINH: Muốn đem các thiện căn cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán chư Phật, được tùy ý thành tựu, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN: Bồ-tát đã được không lìa chư Phật, hãy nên cúng dường. Nếu được gặp Phật mà không cúng dường, thật là chẳng vui! Như Bồ-tát Tu-ma-đề (Diệu Ý) gặp Phật Nhiên Đăng mà không có chi cúng dường, tìm kiếm chung quanh, thấy người con gái bán hoa, lấy năm trăm tiền vàng, mua được năm hoa sen xanh để cúng dường Phật. Lại Bồ-tát Tát-đà-ba-luân, vì cúng dường Thầy, mà bán thịt máu thân mình. Các Bồ-tát như vậy, đã được thấy Phật, tâm muốn cúng dường. Nếu không có gì cúng dường, thì tâm có trở ngại, ví như người dân thường gặp quân trưởng mà không đem lễ tặng, thời là bất kính. Thế nên các Bồ-tát tìm vật cúng dường để cúng dường chư Phật. Phật tuy không cần mà tâm Bồ-tát được đầy đủ, ví như nông phu gặp ruộng tốt mà không hạt giống, tuy muốn gia công, mà không lấy gì để tung sức, tâm rất ưu sầu! Bồ-tát cũng như vậy, được gặp chư Phật, mà không có vật cúng dường, dầu có vật khác, không xứng ý mình; tâm bèn e ngại.

Các thiện căn: Quả báo của thiện căn như hoa hương, anh lạc, y phục, tràng phan, bảo cái, các thứ trân bảo... vì có sao? Vì hoặc có

khi lấy nhân nói quả, như nói ngày ăn ngàn lượng vàng, vàng không thể ăn, nhân vàng được ăn, nên nói ăn vàng. Hoặc có khi lấy quả nói nhân, như thấy bức vẽ đẹp nói là khéo tay. Tay chẳng phải bức vẽ, vì thấy bức vẽ đẹp nên nói khéo tay. Thiện căn quả báo cũng như vậy. Do nhân duyên nghiệp thiện căn mà được đồ cúng dường, gọi là thiện căn.

Hỏi: Nếu như vậy, sao không nói ngay hoa hương mà nói nhân của nó?

Đáp: Đồ cúng dường có hai thứ: 1. Tài cúng dường, 2. Pháp cúng dường. Nếu chỉ nói cúng dường hoa hương thời không bao gồm được pháp cúng dường. Nay nói thiện căn cúng dường, nên biết đã gồm cả tài và pháp.

Cúng dường: Hoặc thấy hoặc nghe công đức chư Phật, sanh tâm cung kính tôn trọng, đưa đón hầu hạ, nhiễu quanh, lễ bái, đứng cúi mình chấp tay, tránh ngồi, yên chỗ, khuyên mời ăn uống, hương hoa, trân bảo... xưng tán các công đức trì giới, thiền định, trí tuệ, Phật có thuyết pháp thì tín thọ lời dạy bảo; thân, ngữ, ý nghiệp lành như vậy, ấy là cúng dường.

Tôn trọng: Biết hết thấy chúng sanh không ai có đức quá hơn, nên nói là tôn; tâm kính sợ hơn kính sợ cha mẹ, sư trưởng, quân vương, vì sự lợi ích trọng đại, nên nói là trọng.

Cung kính: Khiêm tốn, sợ sệt nên nói là cung, suy tôn trí đức của Phật nên nói là kính.

Tán thán: Khen ngợi công đức là tán, tán chưa đủ, còn xưng lên nữa gọi là thán.

Tùy ý thành tựu: Nếu có hoa để cúng dường, hoa liền đến theo ý, hoặc cầu được, hoặc không cầu mà được. Có thứ tự nhiên hiện ra, hoặc biến hóa sanh, cho đến các thứ kỹ nhạc cúng dường, đều được như vậy.

Hỏi: Bò-tát gặp được thứ gì thì cúng dường, có sao lại tìm cầu theo ý?

Đáp: Phước đức theo tâm, dùng vật ái trọng đem cúng dường thì được phước thêm nhiều. Như vua A-dục lúc trẻ nhỏ dùng đất mà mình quý trọng đem dâng Phật. Quả báo được làm vua cõi Diêm-phù-đề, trong một ngày dựng tám vạn tháp, nếu là người lớn tuy lấy nhiều đất bỏ vào bát cúng dường mà không được gì, vì không phải là đất được quý trọng. Có người quý trọng riêng thứ hoa, đem hoa ấy cúng dường Phật, được phước thêm nhiều, cho đến bảo vật cũng như vậy.

* Lại nữa, thích nghi theo thời, nếu lúc lạnh thì nên đem cho củi lửa, áo, giày, nhà ấm, mền nệm, và thức ăn uống; lúc nóng thì nên đem cho nước đá, quạt, lọng, nhà mát, áo mỏng, đồ ăn ngon, tùy lúc gió mưa đưa đồ cúng dường. Như vậy tùy thời mà cúng dường.

* Lại thích nghi theo địa phương, tùy theo người lãnh thọ cần dùng đều đem cúng dường.

* Lại nữa, tùy ý cúng dường là có vị Bò-tát biết Phật không cần gì, lại biết các vật hư dối như huyễn, chỉ là nhất tướng tức vô tướng, vì giáo hóa chúng sanh nên tùy tài vật mà chúng sanh và quốc độ quý trọng, dẫn dắt họ cúng dường.

* Lại có Bò-tát được thiên định thâm sâu, phát sanh Bò-tát thần thông, do sức thần thông nên bay đến trước mười phương Phật, hoặc nơi nước Phật, nếu cần hoa trời mưa khắp, hoa liền khắp đầy ba ngàn đại thiên thế giới, đem cúng dường Phật; hoặc mưa hương Chiên-đàn trời, hoặc mưa châu ngọc tươi sáng; hoặc mưa bảy báu; hoặc mưa ngọc Như-ý lớn như núi Tu-di; hoặc mưa kỹ nhạc, âm thanh thanh thoát; hoặc lấy thân lớn như núi Tu-di làm tim đèn, cúng dường chư Phật. Như vậy... gọi là tài cúng dường.

* Lại Bồ-tát hành sáu Ba-la-mật, lấy pháp cúng dường chư Phật. Hoặc có Bồ-tát thực hành một địa pháp cúng dường chư Phật, cho đến hành mười địa pháp cúng dường. Hoặc có khi Bồ-tát được vô sanh pháp nhẫn, trừ phiền não cho mình và cho chúng sanh, ấy là pháp cúng dường. Hoặc có khi Bồ-tát trú ở mười địa dùng thần lực làm đứt lửa địa ngục, khiến cho ngạ quỷ đạo được no đủ, súc sanh được lìa sợ hãi, khiến được sanh lên cõi trời cõi người, ở địa vị bất thối, sức đại công đức như vậy, gọi là pháp cúng dường.

Vì vậy nên nói muốn được thiện căn thành tựu, hãy học Bát-nhã ba-la-mật.

KINH: Muốn làm cho hết thảy chúng sanh mãn nguyện về y phục, ăn uống, đồ nằm, hương xoa, xe ngựa, phòng xá, giường chõng, đèn đuốc... hãy học Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN. *Hỏi:* Có thứ lớp gì, khi muốn làm mãn nguyện cho hết thảy chúng sanh?

Đáp: Hành nghiệp của Bồ-tát có hai: 1. Cúng dường chư Phật. 2. Độ thoát chúng sanh. Do cúng dường chư Phật nên được vô lượng phước đức, đem phước đức ấy làm lợi ích chúng sanh, đó là làm mãn nguyện chúng sanh. Như người chủ buôn vào biển cả tìm châu báu, được an ổn trở về, làm lợi ích cho người thân thích và quen biết. Như vậy, Bồ-tát vào trong biển pháp của chư Phật, được vô lượng báu công đức, làm lợi ích cho chúng sanh. Cũng như tiểu vương cúng dường đại vương, làm cho hoan hỷ, được ban cho điều sở nguyện, chức vị, tài của, đem về nước cũ, làm lợi ích cho mọi người, trừ khổ oán tặc. Bồ-tát cúng dường chư Phật pháp vương, nên được thọ ký biệt, lấy vô lượng trân bảo thiện căn, được vô tận trí lực, trở lại trong chúng sanh, cúng dường người lành, cung cấp vật cần dùng cho người nghèo, bọ ma dân, tà kiến ngoại đạo thấy đều tan rã, ấy là cúng dường chư Phật, tiếp đến làm cho chúng sanh mãn nguyện.

Hỏi: Bồ-tát thật có thể làm mãn nguyện hết thảy chúng sanh chăng? Nếu làm mãn nguyện khắp hết chúng sanh, vậy chư Phật và Bồ-tát khác còn lợi ích gì? Nếu không làm mãn nguyện tất cả, thì trong đây có sao nói muốn làm mãn nguyện hết thảy chúng sanh, hãy học Bát-nhã ba-la-mật?

Đáp: Có hai thứ nguyện: 1. Nguyện thành được. 2. Nguyện không thành được. Nguyện không thành được là có người muốn cân lượng hư không cùng tận biên tế, và muốn tìm biên tế của thời gian, phương hướng, thì chỉ như trẻ con tìm trăng đáy nước, tượng trong gương. Những nguyện như vậy không thể thành được. Nguyện thành được là như cưa cây tìm lửa, đào đất tìm nước, tu phước được sanh cõi người cõi trời và thành A-la-hán, Bích-chi Phật quả, cho đến được chư Phật pháp vương. Những nguyện như vậy gọi là nguyện thành được.

Nguyện thành được có hai thứ: 1. Thế gian. 2. Xuất thế gian. Trong đây vì nguyện thế gian nên làm mãn nguyện chúng sanh, tại sao biết? Là vì lấy đồ ăn uống, giường nằm, cho đến đèn đuốc cần dùng đều cung cấp cho.

Hỏi: Có sao Bồ-tát làm cho chúng sanh mãn nguyện những điều dễ được, mà không cho những điều khó được?

Đáp: Nguyện có hạ, trung, thượng. Hạ nguyện là làm nhân duyên cho được cái vui đời nay. Trung nguyện là làm nhân duyên cho được cái vui đời sau. Thượng nguyện là làm nhân duyên cho được cái vui Niết-bàn. Thế nên, trước cho hạ nguyện, thứ đến trung nguyện, vậy sau thượng nguyện.

* Lại nữa, chúng sanh phần nhiều đắm cái vui đời nay, ít cầu cái vui đời sau, cái vui Niết-bàn càng ít cầu hơn nữa. Nếu nói nhiều là đã gồm có ít trong ấy.

* Lại nữa, kinh này trước sau phần nhiều nói đến cái vui Niết-bàn đời sau, ít nói đến cái lợi đời nay.

Pháp của Bồ-tát là cho hết thầy chúng sanh đủ thứ lợi ích, không nên bỏ một ai, vì sao? Vì tâm ban đầu chỉ muốn dạy chúng sanh tu Đại thừa pháp, nhưng vì chúng sanh không kham thọ hóa, nên tiếp đó dạy cho pháp Thanh văn, Bích-chi Phật. Nếu cũng không kham nữa, thì sẽ dạy cho mười điều thiện, bốn phạm hạnh, khiến tu phước đức. Nếu chúng sanh vẫn không ưa, cũng không nên bỏ rơi chúng sanh ấy, mà nên cho họ sự lợi ích đời này là ăn uống...

* Lại nữa, người phạm phu tuy có thể cho người khác ăn uống..., làm mãn nguyện người kia, đều có nhân duyên, hoặc việc đời này, hoặc việc đời sau. Thanh văn, Bích-chi Phật, không có nhân duyên làm mãn nguyện chúng sanh, nên sự lợi ích rất ít, còn đại Bồ-tát do nhân duyên thực hành Bồ thí ba-la-mật nên được làm quốc vương, đại trưởng giả, giàu có vô lượng, chúng sanh bốn phương, nếu đến cầu xin đều được đầy đủ. Như cư sĩ Tân-đầu, làm vị đại đàn-việt, ngồi giường lớn bảy báu, kim cương làm chân, trải nệm trời, màn giăng xích chân châu; người hầu hạ hai bên, mỗi bên có 84.000, toàn trang sức kỳ diệu, mở bốn cửa lớn, tự do cho người đến xin. Ngày đêm sáu thời đánh trống, lại phóng ánh sáng. Mười phương vô lượng chúng sanh nghe tiếng trống, ánh sáng chạm thân, thầy đều đi đến, muốn được các thứ ăn uống. Trưởng giả thấy các người ấy nhóm lại, liền im lặng chiêm ngưỡng hư không, khi ấy trong hư không mưa xuống thức ăn trăm vị, đều được theo ý. Nếu chúng sanh không tự lấy được, thì người hai bên lấy chia cấp cho, đầy đủ mới thôi. Ai cần uống ăn, y phục, ngọa cụ, bảo vật... đều cũng như thế. Cho chúng sanh tự do theo ý muốn xong, vậy sau nói pháp, khiến xa lìa bốn cách ăn (*đoàn thực, xúc thực, tư thực, thức thực - N.D*) đều an trú trong địa vị bất thối chuyển. Như vậy Bồ-tát do lực thần thông nên hay làm cho chúng sanh mãn nguyện.

Hỏi: Lúc Phật ở đời chúng sanh còn có đói khát, trời không mưa, chúng sanh khốn tẻ mà Phật còn không thể cho hết thầy

chúng sanh mãn nguyện, huống Bồ-tát làm sao làm cho chúng sanh mãn nguyện?

Đáp: Bồ-tát trú ở thập địa; vào Thủ-lăng-nghiêm Tam-muội, ở tại ba ngàn đại thiên thế giới, hoặc có khi hiện làm người mới phát tâm hành sáu Ba-la-mật, hoặc hiện làm người ở địa vị bất thối chuyển, hoặc hiện làm vị nhất sanh bồ xứ, ở cõi trời Đâu-suất, thuyết pháp cho chư thiên. Hoặc từ trời Đâu-suất hạ sanh vào cung vua Tịnh-phạn. Hoặc hiện xuất gia thành Phật. Hoặc hiện Chuyển pháp luân ở giữa đại chúng, độ vô lượng chúng sanh. Hoặc hiện vào Niết-bàn, dựng tháp bảy báu, ở khắp các quốc độ, để chúng sanh cúng dường Xá-lợi, khi Phật pháp diệt hết. Khi đang làm Bồ-tát mà lợi ích như vậy, huống chi khi thành Phật. Phật thân có hai thứ: 1. Chơn thân. 2. Hóa thân. Chúng sanh thấy được Phật chân thân, không nguyện gì không thỏa mãn.

Phật chân thân đầy khắp hư không, ánh sáng chiếu khắp mười phương, âm thanh thuyết pháp cũng khắp mười phương, đại chúng đầy trong vô lượng hằng hà sa thế giới, thấy đều nghe pháp, thuyết pháp không dứt, trong một khoảng thời gian, mỗi mỗi tùy chỗ nghe mà đặng giải ngộ. Như kiếp tận rồi, do hành nghiệp của chúng sanh nên có mưa lớn đổ xuống, liên tục không dứt, ba đại kia không thể ngăn được, chỉ có gió của kiếp tận mười phương nổi lên, xúc đối nhau mà duy trì nước mưa ấy.

Như vậy, pháp tánh thân Phật thuyết pháp, trừ hàng thập trụ Bồ-tát, hàng tam thừa không thể duy trì được; chỉ có hàng thập trụ Bồ-tát với năng lực phương tiện trí không thể nghĩ bàn là nghe lãnh thọ được. Chúng sanh nào thấy được pháp thân Phật thời không có ba độc, và các phiền não, các khổ rét, nóng cùng lúc diệt hết, không nguyện gì không thỏa mãn. Như ngọc như ý còn luôn cho chúng sanh được tùy nguyện, huống gì ngọc Phật, cho hết thấy được mãn nguyện thế gian, mãn nguyện xuất thế gian. Nếu nói Phật không thể làm cho chúng sanh mãn nguyện, lời ấy không đúng.

* Lại nữa, đức Phật Thích-ca Mâu-ni, thọ thân ở cung vua, hiện chịu theo phép tắc con người, có lạnh, nóng, đói khát, ngủ nghỉ, chịu lời phi báng, già, bệnh, chết... mà nội tâm trí tuệ thần đức không khác với chân Phật chánh giác, muốn làm thỏa mãn sở nguyện của chúng sanh, đều thỏa mãn được, mà không mãn là vì từ vô số kiếp lại thường làm cho chúng sanh mãn nguyện về ăn mặc mà không khỏi hết khổ, cho nên nay chỉ lấy Niết-bàn vô vi thường lạc làm lợi ích nó, như thương người thân không cho đồ ăn ngon có lẫn độc. Như vậy nguyện về thế gian chỉ làm sanh các kiết sử, lại khi xa lìa kiết sử thì tâm sanh đại khổ, cho nên không lấy đó để hứa hẹn.

* Lại nữa, có người nói đức Phật Thích-ca Mâu-ni đã làm cho chúng sanh mãn nguyện mà chúng sanh tự không nhận được, như trong kinh Tỳ-ma-la-cật nói: Phật lấy ngón chân ấn xuống đất, tức thời quốc độ được trang nghiêm bảy báu, Phật quốc độ của Ta cũng như vậy, còn người nhiều oán hại thì hiện thấy Phật quốc khác hơn.

* Lại như vua rồng, tâm bình đẳng mưa xuống, mà ở người thì là nước mà trên thân ngựa quỳ thì là lửa than.

Hỏi: Nếu có thể làm cho hết thảy chúng sanh mãn nguyện, thời chúng sanh hữu biên, không còn ai chịu khổ đói rét nữa, vì có sao? Vì hết thảy chúng sanh đều đã mãn nguyện lìa khổ được vui?

Đáp: Mãn nguyện hết thảy, là danh tự hết thảy, chứ không phải thật hết thảy, như kệ Pháp cú nói:

*“Hết thảy đều sợ chết,
Hết thảy sợ gây đánh,
Suy bụng ta ra người,
Chớ giết chớ đánh gây”.*

Tuy nói hết thảy sợ gây đánh đau, nhưng như chúng sanh ở cõi Vô sắc, không thân, thời không có gây đánh đau. Chúng sanh ở cõi Sắc, tuy có thể có thân cũng không có gây đánh đau. Chúng

sanh ở cõi Dục cũng có người không bị gây đánh đau, nhưng nói “hết thầy” là chỉ những người đáng bị gây đánh mà nói, chẳng phải thật hết thầy. Vì vậy nên Bồ-tát làm cho hết thầy chúng sanh mãn nguyện. Nhưng tâm Bồ-tát không có giới hạn, quả báo phước đức cũng vô lượng, chỉ vì chúng sanh bị tội chướng sâu dày từ vô lượng vô số kiếp, nên không thể được, như đệ tử của Xá-lợi-phất là Tỳ-kheo La-tần-châu (Lasoka) đi khát thực sáu ngày liền mà không được chi, cho đến ngày thứ bảy, mạng sắp muốn dứt, có người đồng đạo khát thực đem cho, liền bị chim dứt lấy tha đi. Bấy giờ Xá-lợi-phất nói với Mục-kiền-liên: Thầy có thần lực lớn, giữ hộ thức ăn ấy đưa cho La-tần-châu được ăn. Mục-kiền-liên liền đem thức ăn đến cho, thức ăn sắp đưa đến miệng, liền biến thành bùn. Lần sau Xá-lợi-phất khát thực đem cho, thì miệng tự ngậm lại. Cuối cùng Phật đi đến đưa thức ăn cho, nhờ phước đức vô lượng của Phật nên làm cho La-tần-châu ăn được. Tỳ-kheo ấy ăn xong, tâm sanh hoan hỷ, càng tin kính gấp bội.

Phật bảo Tỳ-kheo La-tần-châu: Các pháp hữu vi đều là khổ, và nói Tứ đế cho nghe, ngay khi ấy Tỳ-kheo được lậu hết, ý giải, chứng đắc đạo quả A-la-hán.

Có những chúng sanh phước mỏng, tội nặng hơn đây, Phật không cứu được.

* Lại vì biết chúng sanh là không thể có được, rõ thấu pháp tánh, nên chư Phật không có ức tướng phân biệt là người có thể hay không thể độ, tâm thường vắng lặng, ý không thêm bớt. Vì vậy nên dù Bồ-tát có muốn làm cho hết thầy chúng sanh mãn nguyện, nhưng vì chúng sanh tội nặng, nên không thể được, Bồ-tát không có lỗi.

Uống, ăn: Ăn lược có hai thứ là thô và tế. Bánh, cơm, thức ăn trăm vị. Tuy kinh nói do bốn cách ăn mà chúng sanh được tồn tại, nhưng nơi đây chỉ nói cách đoàn thực (*ăn đồ vật có khối lượng nắm cầm được - ND*) còn ba cách ăn kia là không có sắc chất, không thể

đem cho. Nếu nói cho đoàn thực, thời đã cho ba cách ăn kia, vì sao? Vì nhân đoàn thực nên tăng ích ba cách thực kia. Như Kinh nói: Đản-việt thí đồ ăn, thời cho người lãnh thọ năm việc lợi ích.

Uống, tổng quát có hai thứ: 1. Rượu cây cỏ, đó là rượu nho, mía, lúa... 2. Nước cây cỏ đó là nước mía, nước nho, nước đường, nước thạch lựu, nước quả lê, mít, nước quả ba-lô-sa... và nước các thứ lúa, như vậy hòa hợp làm thức uống ăn trong loài người. Và các thức uống ăn của trời là vị Tu-đà cam lồ, hoa quả trời... nước Ma-đầu-ma-đà-bà... mỗi loại chúng sanh ăn hoặc ăn lúa, hoặc ăn thịt, hoặc ăn đồ sạch, đồ nhơ, đều đưa đến no đủ.

Y phục: Y có hai thứ, hoặc lấy từ thân chúng sanh làm ra, như tơ lụa, lông, da... Hoặc lấy từ cây cỏ làm ra như vải, bông, vỏ cây... có y của trời, không có đường ngang dọc, tự nhiên từ cây sinh ra, màu sáng nhẹ mềm.

Ngọa cụ: Giường chông, mềm nệm, màn, trướng, gối...

Hương xoa: Có hai thứ: 1. Cây Chiên-đàn, xoa thân. 2. Hương tạp các thứ cây, giã nát thành bột lấy xoa thân và ướp chăn áo, hoặc bôi trên đất, trên vách.

Thừa là voi ngựa.

Xa là xe.

Phòng xá là đất, cây, bảo vật làm thành lầu, gác, điện, nhà, cung, quán... để ngăn rét, nóng, gió, mưa, đạo tặc.

Đèn đuốc là dầu, mỡ, sáp ong, ngọc sáng...

Các vật là tất cả những vật cần dùng của chúng sanh, không thể nói đủ, cho nên lược nói là “các vật”.

Hỏi: Trong đây có sao không nói hương đốt, hoa đẹp?

Đáp: Nói “các vật” là đều đã gồm trong đó.

Hỏi: Nếu như vậy, chỉ nên lược nói ba thứ: ẩm thực, y phục và đồ trang nghiêm?

Đáp: Các vật này là vật nhu yếu, nếu thương niệm chúng sanh thì trước cho ẩm thực, tiếp đến y phục, rồi hương xoa trừ thân như thú, kế cho ngọa cụ, rét lạnh cần phòng xá, tối tắm cần đèn đuốc.

Hỏi: Hương hoa cũng có thể trừ thú, vì có sao không nói?

Đáp: Hoa chẳng phải có thường, cũng chóng héo tàn, lợi ích ít cho nên không nói. Hương đốt khi lạnh mới cần, khi nóng đáng sợ. Hương xoa thì thông dụng cả khi lạnh khi nóng. Khi lạnh trộn với trầm thủy, khi nóng thì trộn với Chiên-đàn để xoa thân, vì vậy chỉ nói hương xoa.

Hỏi: Nếu thực hành Bồ thí ba-la-mật, được vô lượng quả báo, có thể làm cho hết thấy chúng sanh mãn nguyện, có sao nói muốn làm cho hết thấy chúng sanh mãn nguyện, hãy học Bát-nhã ba-la-mật?

Đáp: Trước đã nói, do có Bát-nhã ba-la-mật hòa hợp nên gọi là Đàn ba-la-mật. Nay sẽ nói lại: Chúng sanh có thể được mãn nguyện, không phải chỉ trong một quốc độ, một Diêm-phù-đề, mà đều muốn làm mãn nguyện chúng sanh trong sáu đường khắp mười phương thế giới, nên không phải chỉ Bồ thí mà có thể làm được, phải do Bát-nhã ba-la-mật, phá tướng xa gần, phá tướng hết thấy chúng sanh, tướng phi hết thấy chúng sanh, trừ hết các ngại, trong khoảnh khắc gãy móng tay, hóa ra vô lượng thân, khắp đến mười phương, mới có thể làm mãn nguyện cho hết thấy chúng sanh.

Thần thông lợi ích như vậy phải từ Bát-nhã xuất sanh, vì vậy, Bồ-tát muốn làm mãn nguyện hết thấy chúng sanh, hãy học Bát-nhã ba-la-mật.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát muốn khiến chúng sanh trong hằng hà sa thế giới, an lập nơi Bồ thí ba-la-

mật, an lập nơi trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, Bát-nhã ba-la-mật, hãy học Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN. *Hỏi*: Nghĩa ấy có thứ lớp, vì nhân duyên gì?

Đáp: Lợi có ba thứ: lợi đời nay, lợi đời sau, lợi rốt ráo. Vui có ba thứ: vui đời nay, vui đời sau, vui xuất thế. Trước kia nói lợi vui đời nay, ở đây nói lợi vui đời sau và xuất thế. Vì vậy nên khiến chúng sanh an trú sáu Ba-la-mật. Bồ-tát thương nhớ chúng sanh quá hơn cha mẹ nhớ con. Tâm từ bi thấu đến xương tủy, trước lấy ăn uống làm no đủ thân nó, trừ khổ đói khát, kế lấy y phục trang nghiêm thân nó, làm cho thọ vui. Nhưng tâm Bồ-tát không mãn túc, lại suy nghĩ rằng chúng sanh đã được cái vui đời nay, còn nghĩ làm sao cho được cái vui đời sau. Nếu đem sáu Ba-la-mật thế gian dạy cho thời được cái vui cõi người cõi trời, lâu sau trở lại luân hồi sanh tử, nên lại đem sáu Ba-la-mật xuất thế gian dạy cho, khiến được cái vui vô vi thường hằng.

* Lại nữa, trước lấy y phục hoa hương trang nghiêm thân nó, nay lấy công đức trang nghiêm tâm nó. Nếu có ba thứ trang nghiêm thời đầy đủ không còn chi hơn: 1. Y phục bảy báu. 2. Phước đức. 3. Đạo pháp. Bồ-tát muốn đầy đủ ba thứ trang nghiêm chúng sanh, nên trước nói quả báo công đức, nay nói nhân duyên công đức.

* Lại nữa, trước nói tuy có đại bố thí mà vì chúng sanh tội nặng không thể hưởng được tất cả. Như trong kinh Ngạ quỷ nói: tuy cho nó đồ ăn mà nó không ăn được, biến thành vật bất tịnh, lửa than.

* Lại Bồ-tát không bỏ chúng sanh, nên tạo phương tiện để khiến chúng sanh được lợi ích com áo, cho nên dạy tu phước nghiệp, tự làm tự hưởng, Bồ-tát khéo biết nhân duyên, không thể cưỡng ép có được, nên dạy khiến tu để được hưởng. Vì vậy nên tiếp dạy chúng sanh an trú sáu Ba-la-mật.

Hỏi: Chí nguyện của Bồ-tát là khiến hết thảy chúng sanh mười phương an trú sáu Ba-la-mật, có sao chỉ nói chúng sanh trong thế giới như cát sông Hằng?

Đáp: Vì người nghe pháp đã nghe nói cát sông Hằng. Lại đối với Bồ-tát mới phát tâm thì cho vô biên vô lượng là nhiều, nhiều thì rối loạn. Nếu đại Bồ-tát thời không kể số cát sông Hằng.

* Lại nữa, nói như cát sông Hằng là nói số vô biên vô lượng, như trong phẩm sau nói.

* Lại nữa, như cát sông Hằng là đã nói mười phương các thế giới, trong đây cũng không nói một cát sông Hằng, không nên vấn nạn. Vì vậy nói thế giới như cát sông Hằng, không có lỗi. Nghĩa thế giới như cát sông Hằng như trước đã nói.

Chúng sanh là đối với 5 uẩn, 18 giới, 12 xứ, 6 nhập, 12 duyên... nhiều pháp, giả danh chúng sanh: là trời, là người, là trâu, là ngựa. Chúng sanh có hai thứ: động và tịnh. Động thì phát sanh thân khẩu nghiệp, tịnh thời không thể. Chúng sanh có sắc, chúng sanh không sắc, chúng sanh không chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân, chúng sanh thế gian, xuất thế gian, lớn, nhỏ, hiền, thánh, phàm phu, tà định, chánh định, bất định, vui, khổ, không khổ, không vui, chúng sanh vui thượng, trung, hạ; chúng sanh học, vô học, phi học phi vô học. Chúng sanh có tướng, không tướng, Phi hữu tướng phi vô tướng. Chúng sanh cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Chúng sanh cõi Dục có ba hạng: thiện căn có thượng, trung, hạ. Thượng là trời Lục dục, trung là hạng giàu sang trong loài người, hạ là thấp hèn trong loài người. Vì bộ mặt không đồng loại nhau nên có bốn châu thiên hạ khác nhau (*Nam thiêm bộ châu, Bắc cu-lô châu, Đông thắng thân châu, Tây ngưu hóa châu - N.D*).

Bất thiện có ba bậc: thượng là địa ngục, trung là súc sanh, hạ là nga quỷ.

* Lại nữa, chúng sanh cõi Dục có mười thứ: ba ác đạo, người, trời Lục dục.

Địa ngục có ba thứ: địa ngục nóng, địa ngục lạnh, địa ngục hắc ám.

Súc sanh có ba hạng: đi trên không, đi trên bộ, đi trong nước, đi ngày, đi đêm, đi ngày đêm.

Quý có hai hạng: quý xấu tệ, quý đỏi. Quý tệ hưởng vui như trời, chỉ khác là ở chung với quý đỏi, làm chủ nó. Quý đỏi thì bụng như hang núi, cổ nhỏ như kim, thân thể chỉ có ba việc: da đen, xương gân vô số, trăm năm không nghe đến danh từ ăn uống, hưởng chi được thấy. Lại có loài quý lửa từ miệng tuôn ra, lấy loài phi nga nhảy vào lửa làm thức ăn. Hoặc ăn gân, ăn máu mủ, đờm giải, đồ dư thừa rửa bỏ. Hoặc được cúng tế, hoặc ăn đồ sanh để bắt tịnh.

Trời Lục dục là bốn thiên vương... ở giữa trời Lục dục lại riêng có các trời Mang anh lạc, trời Hý vọng, trời Tâm sân, trời Chân chim, trời Ưu thấy. Các trời này đều nhiếp vào sáu trời.

Có người nói: chúng sanh cõi Dục có mười một thứ: trước nói năm đạo, nay nói thêm A-tu-la đạo.

Hỏi: A-tu-la tức nhiếp vào năm đạo, A-tu-la chẳng phải trời, chẳng phải người, ở địa ngục khổ nhiều, ở súc sanh hình khác. Như vậy nên nhiếp vào ngạ quỷ phải hơn?

Đáp: Không đúng! Lục A-tu-la ngang bằng trời Ba mươi ba, vì sao? Vì hoặc bị chư thiên phá, hoặc phá chư thiên, như trong Kinh nói: Thích-đề-hoàn nơn bị A-tu-la đánh phá. Bốn thứ binh chúng của A-tu-la chui vào cọng sen để tự dấu mình, hưởng thụ năm dục lạc tương tự như trời, làm đệ tử Phật. Có oai lực như vậy, đâu được nhiếp vào ngạ quỷ. Vì vậy nên phải có sáu đạo.

* Lại nữa, như A-tu-la, Chân-đà-la, Càn-thát-bà, Curu-bàn-trà, Dạ-xoa, La-sát, Phù-đà các đại thần này là A-tu-la thuộc trời. A-tu-

la hưởng vui ít hơn chư thiên, có oai đức biến hóa tùy ý. Vì thế có người nghi rằng đó là A-tu-la chẳng phải tu-la? Tu-la (*Trung Hoa dịch là lớn, có nghĩa là trời*), Có người nói A-tu-la ấy chẳng phải Tu-la. A-tu-la đạo là tên có được ban đầu, ngoài ra đều đồng một đạo.

Hỏi: Kinh nói có năm đạo, có sao nói sáu đạo?

Đáp: Cách Phật lâu xa, Kinh pháp lưu truyền năm trăm năm sau, có nhiều dị biệt, kinh bộ không đồng, hoặc nói năm đạo, hoặc nói sáu đạo. Nếu người nói năm đạo, thời xoay vần trong kinh Phật. Lại nói năm, nếu người nói sáu đạo thời xoay vần trong kinh Phật lại nói sáu.

* Lại trong Đại thừa như kinh Pháp Hoa nói có sáu thứ chúng sanh, xem các ý nghĩa nên có sáu đạo.

* Lại nữa, phân biệt thiện ác nên có sáu đạo: thiện có thượng, trung, hạ, nên có ba đường thiện, là trời, người, A-tu-la. Ác có thượng, trung, hạ nên có ba đường ác là địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Nếu không như vậy thời ác có ba hạng quả báo mà thiện chỉ có hai hạng quả báo, việc ấy mâu thuẫn. Nếu có sáu đạo, đối nghĩa không trái.

Hỏi: Thiện pháp cũng có ba quả: hạ làm người, trung làm trời, thượng là Niết-bàn?

Đáp: Trong đây không nên nói đến Niết-bàn, chỉ nên phân biệt quả báo về trú xứ của chúng sanh, Niết-bàn không phải quả báo.

Thiện pháp có hai thứ: 1. Ba mươi bảy đạo phẩm có thể đưa đến Niết-bàn. 2. Có thể sanh cái vui đời sau. Nay chỉ nói thiện pháp được thọ thân, không nói thiện pháp đưa đến Niết-bàn.

Thế gian thiện có ba bậc: do thiện thượng phần nên được quả báo cõi trời, do thiện trung phần nên được quả báo cõi người, do thiện hạ phần nên được quả báo cõi A-tu-la.

Hỏi: Ông tự nói A-tu-la oai lực ngang với trời, hưởng vui không khác trời, sao nay lại nói thiện hạ phần được quả báo A-tu-la?

Đáp: Ở trong loài người, có thể được xuất gia thọ giới, cho đến đạt đạo, ở cõi A-tu-la kiết sử che tâm, đắc đạo rất khó. Chư thiên tuy theo kiết sử mà có tâm thẳng tin đạo, còn A-tu-la tâm nhiều tà vạy, không thường gần đạo. Vì vậy nên A-tu-la tuy giống trời mà vì khó gần đạo nên lại dưới người. Như rồng chúa, chim Kim sí, thế lực tuy lớn, hay biến hóa mà vẫn ở trong súc sanh đạo, A-tu-la đạo cũng như vậy.

Hỏi: Nếu rồng chúa, chim kim sí, thế lực tuy lớn mà vẫn thuộc súc sanh đạo, vậy A-tu-la cũng nên thuộc vào ngã quỷ đạo, vì sao lại làm ra sáu đạo?

Đáp: Rồng chúa, chim kim sí, tuy được thọ vui, mà vì thân hình đi ngang như súc sanh nên nhiếp thuộc súc sanh đạo. Địa ngục, ngã quỷ thân hình tuy giống người mà vì nó quá khổ, nên không nhiếp vào nhân đạo. A-tu-la thế lực đã lớn, mà thân hình giống người, trời, nên lập riêng sáu đạo; ấy là lược nói chúng sanh cõi Dục.

Chúng sanh cõi Sắc, cõi Vô sắc, như trong phẩm sau sẽ nói.

An lập Bồ thí ba-la-mật: Bồ-tát nói với chúng sanh hãy tu hạnh bố thí. Nghèo là khổ lớn, không nên vì nghèo mà làm ác phải đạo ba đường dữ. Làm các hạnh ác, đọa ba đường dữ, thời không thể cứu. Chúng sanh nghe rồi bỏ tâm xan tham, thực hành Bồ thí ba-la-mật, như trong phẩm sau nói rộng.

* Lại nữa, Bồ-tát ở trước chúng sanh, dùng các nhân duyên, các thí dụ mà thuyết pháp, chê bai lòng xan tham, người xan tham, ngay việc cần cho bản thân còn tiếc không dám dùng, thấy ai đến hỏi xin thì tâm đực sắc biến, liền hiện ra thân sắc âm thanh hung ác xấu xí, gieo nghiệp ác cho đời sau, nên chịu thân hình xấu xí. Trước không gieo nhân duyên bố thí nên thọ thân đời nay nghèo hèn, tham đắm tài

vật, cầu nhiều không ngưng, mở cửa tội ác, chuyên làm việc ác, đọa trong đường ác.

* Lại nữa, nghiệp lợi ích trong vòng sanh tử luân chuyển, không chi hơn bố thí, đời nay đời sau thường được theo ý, các việc tiện lợi cho thân, đều từ bố thí mà được. Bố thí là thiện đạo sư, hay mở ra ba vui: vui cõi trời, vui cõi người, vui Niết-bàn, vì có sao? Vì người ưa bố thí, tiếng tăm lan truyền, tám phương tin vui, không ai không ái kính; ở giữa đại chúng, không có sợ hãi, khi chết không hối hận. Người ấy tự nghĩ: Ta đem tài vật gieo vào ruộng phước tốt, chắc chắn ta được cái vui cõi người cõi trời và mở cửa Niết-bàn, vì có sao? Vì bố thí phá kiệt sử tham, thương nghĩ người lãnh thọ; diệt trừ sân não, dứt tâm tật đố; cung kính người lãnh thọ, thời trừ kiêu mạn; tâm quyết định bố thí, lưới nghi tự phá; biết quả báo bố thí, thời trừ tà kiến, vô minh. Các phiền não bị phá như vậy, thời cửa Niết-bàn được mở ra.

* Lại nữa, không chỉ mở ra ba cái vui mà còn mở ra vô lượng Phật đạo, chỗ của Thế Tôn, vì có sao? Vì sáu Ba-la-mật là Phật đạo, mà bố thí là cánh cửa đầu, các hạnh khác đều đi theo. Như vậy bố thí có vô lượng công đức. Vì nhân duyên ấy nên khiến chúng sanh an lập nơi Bố thí ba-la-mật, như trong chương bố thí trước đã nói.

An lập Trì giới ba-la-mật: *Bồ-tát* ở trước chúng sanh tán thán việc trì giới rằng: Chúng sanh các người, nên học trì Giới. Công đức của trì giới nhỏ khỏi ba đường ác và kiếp hạ tiện trong loài người, khiến được loài người loài trời tôn quý cho đến được Phật đạo. Giới là căn bản của hết thảy sự vui, ví như kho tàng lớn, xuất ra các trân bảo. Giới là sự bảo hộ lớn, hay diệt mọi sợ hãi, ví như đại quân phá giặc. Giới làm trang nghiêm, như đeo anh lạc. Giới là thuyền lớn, hay đưa qua khỏi biển lớn sanh tử. Giới là xe lớn, hay chở châu báu quý trọng đi đến thành Niết-bàn. Giới là thuốc hay, hay phá bệnh kiệt sử. Giới là thiện tri thức, đời đời theo dõi không hề xa trái, khiến tâm an

ôn; ví như đào giếng đã thấy bùn ướt, vui mừng sung sướng, không còn lo sợ. Giới hay thành tựu các hạnh lợi ích, ví như cha mẹ nuôi lớn các con. Giới là cái thang trí, hay đưa vào vô lậu. Giới hay làm các kiết sử kinh sợ, ví như sư tử, hay làm cho bầy thú nhiếp phục. Giới là gốc của hết thảy các đức, ách yếu của xuất gia. Người tu tịnh giới, sở nguyện được theo ý; ví như ngọc Như ý, mọi sự đều được ứng theo niệm.

Như vậy nhiều cách tán thán công đức của giới, làm cho chúng sanh hoan hỷ, phát tâm an trú Trì giới ba-la-mật.

An trú Nhẫn nhục ba-la-mật: Bồ-tát ở trước chúng sanh, tán thán nhẫn nhục rằng: Nhẫn là sức mạnh của người xuất gia, hay dẹp các ác, có thể hiện việc kỳ lạ giữa chúng. Nhẫn nhục thủ hộ làm cho thí, giới không bị hủy hoại. Nhẫn là áo giáp lớn, các quân binh không gia hại. Nhẫn là thuốc hay, hay trừ ác độc. Nhẫn là khéo hơn, giữa đường hiểm sanh tử, an ổn không lo. Nhẫn là kho tàng lớn, thí báu rất lớn cho người thiện nghèo. Nhẫn là thuyền lớn hay đưa qua khỏi sanh tử bờ này, đạt đến Niết-bàn bờ kia. Nhẫn là kính sáng hay làm sáng tỏ các đức, nếu người đến gia ác thì như leo dẫm núi vàng, càng làm phát ánh sáng của nó. Lợi khí để cầu Phật đạo, độ chúng sanh; nhẫn là tối diệu. Hành giả nên nghĩ rằng: nếu ta lấy sân hận đáp lại kia thời là tự hại. Lại nghĩ ta đời trước có tội ấy mà không được như ý, chắc phải nên bồi thường lại. Nếu với người này không nhẫn chịu, các người khác cũng hại ta, đều không tránh được, có sao nổi giận?

* Lại nữa, chúng sanh bị phiền não lôi kéo, gây các việc ác, không được tự tại; ví như người bị kẻ quý ám hại, mà mắng nhiếc lương y, lương y lúc ấy chỉ lo trừ quý, mà không hiềm kẻ mắng. Hành giả cũng như vậy, chúng sanh đưa ác đến mình, không hiềm nó giận dữ, chỉ lo trừ kiết sử.

* Lại nữa, người tu nhẫn, xem kẻ đến mạ nhục như cha mẹ xem con nhỏ, khi nó mạ nhục lại càng thương xót hơn, yêu nó sâu hơn.

* Lại tự nghĩ rằng: người kia đưa ác đến ta, ấy là do nghiệp đã tạo ra đời trước, nay phải chịu; nếu lấy giận đáp trả, lại tạo thêm khổ về sau, biết lúc nào giải thoát được! Nếu nay nhẫn chịu, thì vĩnh viễn lìa khổ. Vì vậy không nên nổi giận. Các nhân duyên như vậy, chớ sân giận, sanh từ bi, vào “chúng sanh nhẫn” (*gọi tắt là sanh nhẫn - N.D.*).

Vào sanh nhẫn rồi, suy nghĩ mười phương chư Phật thuyết pháp đều nói không có ngã, cũng không ngã sở, chỉ do các pháp hòa hiệp giả danh chúng sanh, như máy chuyển động người gỗ, tuy động tác mà bên trong vô chủ; thân này cũng như vậy, chỉ có da thịt giữ nhau, chuyển theo gió tâm, niệm niệm sanh diệt vô thường, không tịch, không người làm, không người mắng, cũng không người lãnh thọ; vì gốc ngọn rớt ráo không, chỉ là điên đảo hư dối, tâm phàm phu chấp trước. Suy nghĩ như vậy rồi, thời không tướng chúng sanh. Không tướng chúng sanh rồi, các pháp không thuộc về đâu, chỉ do nhân duyên hòa hợp, không có tự tánh. Như chúng sanh hòa hợp, cưỡng gọi là chúng sanh; pháp cũng như vậy, tức được vào “pháp nhẫn”. Được sanh nhẫn, pháp nhẫn rồi nên còn có thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hưởng chi các lợi ích khác.

Chúng sanh nghe như vậy rồi, an trú trong Nhẫn ba-la-mật.

An lập Tinh tấn ba-la-mật: Bồ-tát dạy chúng sanh rằng: Người chớ giải đãi. Nếu tinh tấn thời các công đức lành đều được dễ dàng; nếu giải đãi, thời thấy cây có lửa, còn không gây lên được, hưởng chi việc khác, vì vậy khuyên phải tinh tấn. Nếu người theo phương tiện tinh tấn thời không nguyện gì không thành. Phạm được pháp thù thắng gì, chẳng phải không nhân duyên, mà đều do tinh tấn phát sanh.

Tinh tấn có hai: 1. Hay chứa nhóm, phát sanh các thiện pháp, 2. Hay trừ các ác pháp.

* Lại có ba tướng: 1. Muốn làm, 2. Tinh tấn làm, 3. Không ngưng nghỉ.

* Lại có bốn tướng: Ác đã sanh tinh tấn diệt trừ; ác chưa sanh tinh tấn không cho sanh; thiện chưa sanh tinh tấn làm cho phát sanh; thiện đã sanh tinh tấn làm cho tăng trưởng, như vậy gọi là tướng tinh tấn.

Tinh tấn nên có thể giúp thành hết thảy thiện pháp; ví như lửa được gió giúp, ngọn mới cháy bùng. Lại như người dừng kiện ở thế gian, có thể vượt núi qua biển. Đạo pháp tinh tấn, cho đến Phật đạo còn được, hưởng chi việc khác. Chúng sanh nghe như vậy rồi, đều an lập Tinh tấn ba-la-mật.

* Lại nữa, Bồ-tát thấy người chưa phát Bồ-đề tâm, tán thán pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là pháp tối đệ nhất trong hết thảy pháp, rất là tôn quý, hay lợi ích tất cả, làm cho ngộ được thật tướng không hư dối của các pháp, có đại từ bi, đủ nhất thiết trí, tướng thân kim sắc, đệ nhất vi diệu, 32 tướng, 80 vẻ đẹp tùy hình, vô lượng ánh sáng, vô lượng giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, ba đạt minh vô ngại, vô ngại giải thoát đối với hết thảy pháp. Được như vậy, thì rất là tối thượng giữa hết thảy chúng sanh, đáng lãnh thọ sự cúng dường của hết thảy thế gian. Nếu người chỉ chuyên tâm niệm Phật, còn được vô lượng vô tận phước đức, hưởng chi tinh tấn bố thí, trì giới, cúng dường, hầu hạ, lễ bái...

Bồ-tát nói với chúng sanh rằng: Phật sự như vậy, người nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, siêng tu tinh tấn, thực hành được pháp như vậy, không khó. Chúng sanh nghe rồi, liền phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nhưng không thể chỉ phát tâm suông mà được, nên thực hành Bố thí ba-la-mật, tiếp thực hành Trì giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật. Thực hành năm Ba-la-mật ấy là Tinh tấn ba-la-mật. Nếu không phát tâm Đại thừa, thì dạy tu đạo Bích-chi Phật, nếu không tu Bích-chi Phật, thì dạy tu đạo Thanh văn. Nếu không tu đạo Thanh văn, thì dạy lia sắc, tu định vô sắc, tịch diệt an lạc. Nếu không tu định

vô sắc, thì dạy khiến lìa dục, hướng theo các thứ vui thiền định ở cõi Vô sắc. Nếu không tu thiền, thì dạy khiến tu mười thiện nghiệp đạo, hưởng thụ thứ vui cõi người, cõi trời, chớ giải đãi, luống chẳng được gì, nghèo cùng hạ tiện, chịu đủ cần khổ, thật rất đáng lo!

Giải đãi là điều rất tệ ác, phá hoại đạo lành ích lợi đời này đời sau. Chúng sanh nghe rồi, nhóm các thiện pháp, siêng tu tinh tấn.

An lập Thiền ba-la-mật: Bồ-tát ở trước chúng sanh tán thán cái vui thiền định thanh tịnh; là cái vui bên trong, vui tự tại, vui lìa tội lỗi, vui đời này đời sau, vui của bậc thánh, vui của Phạm thiên vương, vui thọ khắp thân, vui thâm hậu vi diệu. Chúng sanh các người sao cứ đắm theo cái vui ngũ dục bất tịnh, cùng thọ cái vui tội cấu đồng với súc sanh, mà bỏ cái vui vi diệu này. Nếu người bỏ cái vui nhỏ thời được cái vui lớn. Người không thấy kẻ nông phu bỏ hạt giống nhỏ, sau thu hoạch quả lớn, như người hiến cho vua vật nhỏ, mà được thưởng lớn, như chút môi nhỏ đầu lưỡi câu mà được cá to. Bỏ đi rất ít mà được rất nhiều. Người trí cũng như vậy, hay bỏ cái vui thế gian, được khoái lạc của thiền định thâm sâu. Được cái vui này rồi, trở lại xem cái vui ngũ dục, rất là bất tịnh, như từ ngục ra khỏi, như bệnh được chữa lành, không còn tìm thuốc.

* Lại nữa, thiền định là cửa ban đầu của thật trí, làm cho trí tuệ đứng lặng, có thể soi chiếu các pháp; như đèn trong nhà kín, ánh sáng nó đặc dụng. Nếu tu thiền định, thời bốn tâm vô lượng, tám bội xả, tám thắng xứ, năm thần thông, bốn biện tài... các công đức thậm thâm, đều được đầy đủ, có thể làm cho ngói đá biến thành ngọc Như ý, huống chi các việc khác. Tùy ý muốn làm, không điều chi không làm được. Vào đất như nước, đi trên nước như đất, tay cầm mặt trời mặt trăng, thân không cháy, lạnh, hóa làm thân các cầm thú, mà không chịu chuyện cầm thú. Hoặc có khi biến thân đầy khắp hư không, hoặc có khi thân như vi trần, hoặc nhẹ như lông hồng, hoặc nặng như núi Thái. Hoặc có khi lấy ngón chân ấn xuống đất, trời đất

rung động mạnh như rung cỏ lá. Năng lực thần thông biến hóa như vậy, đều từ thiên định mà có được. Chúng sanh nghe rồi, an lập nơi Thiên ba-la-mật.

An lập Bát-nhã ba-la-mật: Bồ-tát dạy chúng sanh nên học trí tuệ. Trí tuệ là sáng suốt, thứ nhất gọi là mắt tuệ. Nếu không mắt tuệ, tuy có mắt thịt vẫn là đui. Tuy có mắt mà không khác súc sanh. Nếu có trí tuệ, tự phân biệt được tốt xấu, không theo lời người khác; nếu không trí tuệ, theo người dốt đông dốt tây; như trâu, lạc đà bị xâm mũi đi theo người. Trí tuệ trên hết thấy pháp hữu vi, được bậc thánh thân ái, vì hay phá pháp hữu vi. Như trong Kinh nói: Trong các thứ báu, trí tuệ báu hơn hết. Trong hết thấy đồ sắc bén, đao trí tuệ sắc bén hơn hết. Ở đánh núi trí tuệ, không còn lo sợ, xem các chúng sanh khổ não, đều thấy tất cả. Lưỡi dao trí tuệ hay cắt đứt sợi xích phiền não sanh tử vô thi. Năng lực trí tuệ còn làm cho đầy đủ sáu Ba-la-mật, được vô lượng Phật đạo không thể nghĩ bàn, thành nhất thiết trí, huông chi Thanh văn, Bích-chi Phật và các việc tốt thế gian. Trí tuệ ấy tăng trưởng thanh tịnh không thể bị trở hoại, ấy gọi là Ba-la-mật. Chúng sanh nghe rồi, an trú trong Bát-nhã ba-la-mật.

* Lại nữa, Bồ-tát hoặc có khi không dùng miệng dạy; hoặc hiện thần thông, ánh sáng, làm cho chúng sanh an trú trong sáu Ba-la-mật; hoặc hiện các cảnh duyên khác, cho đến trong mộng, làm nhân duyên khiến chúng sanh giác ngộ mà an trú trong sáu Ba-la-mật.

Thế nên Kinh nói: muốn làm cho chúng sanh an trú trong sáu Ba-la-mật, hãy học Bát-nhã ba-la-mật.

KINH: Muốn gieo một thiện căn nơi Phật phước điền, cho đến khi chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà không tận, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN. Thiện căn: Ba thiện căn là thiện căn không tham, thiện căn không giận, thiện căn không ngu si. Hết thấy pháp lành đều từ ba thiện căn phát sanh và tăng trưởng; như cây thuốc, cây

cỏ, nhờ có gốc mà được sanh thành, tăng trưởng, vì vậy gọi là các thiện căn.

Nay nói thiện căn là, đồ cúng dường làm nhân duyên cho thiện căn là hoa hương, đèn sáng, và pháp cúng dường như trì giới, tụng kinh... Đây là trong nhân nói quả, vì sao? Vì hoa hương không nhất định, khi lấy thiện tâm đem hoa hương cúng dường, gọi là thiện căn. Bồ thí chẳng phải tức là phước, bồ thí chỉ phá xan tham, mở cửa thiện pháp. Thiện căn gọi là phước; như kim dẫn chỉ may áo, may chẳng phải là kim.

Một là hoặc hoa, hoặc hương, hoặc đèn sáng, hoặc lễ kính, hoặc tụng kinh, hoặc trì giới, hoặc thiền định, hoặc trí tuệ... mỗi mỗi cúng dường, và pháp cúng dường, gieo vào Phật phước điền.

Phật phước điền: Mười phương ba đời chư Phật, hoặc Phật ở đời, hoặc hình tượng, hoặc xá-lợi, hoặc chỉ niệm Phật.

Gieo là chuyên tâm bám chắc.

Hỏi: Kinh nói các thứ phước điền, có sao chỉ nói gieo vào Phật phước điền?

Đáp: Tuy có các thứ phước điền, Phật phước điền hơn hết, vì đầy đủ vô lượng Phật pháp như mười lục, bốn vô úy, mười tám pháp không chung. Vì vậy chỉ nói gieo vào Phật phước điền. Pháp bảo tuy là thầy của Phật, nhưng nếu Phật không thuyết, thời pháp thành vô dụng; như tuy có thuốc hay, nếu không có lương y, thời thuốc thành vô dụng. Vì vậy, Pháp bảo tuy trên, mà trước phải nói đến Phật bảo, huống chi Tăng bảo.

* Lại nữa, Phật phước điền, có thể thu được vô lượng quả báo, ngoài ra các phước khác, tuy nói vô lượng mà có kém thua, vì vậy Phật phước điền là bậc nhất.

Không tận: Chư Phật thành tựu công đức vô tận, nên gieo vào Phật phước điền, phước cũng không cùng tận.

* Lại nữa, công đức của Phật vô lượng, vô biên, vô số, vô đẳng, nên người gieo phước, được phước cũng không cùng tận.

* Lại nữa, lúc Phật còn làm Bồ-tát, duyên hết thầy chúng sanh, như chúng sanh vô lượng vô biên, thì phước cũng không cùng tận.

* Lại nữa, Phật phước điền thanh tịnh, nhỏ sạch cỏ uế phiền não tham ái... Tịnh giới là đất bằng, đại từ bi là tươi tốt, trừ đất muối tà ác, ba mươi bảy đạo phẩm làm ngòi rãnh, mười lực, bốn vô úy, bốn vô ngại trí... làm tường vách, hay xuất sanh quả báo Niết-bàn của ba thừa. Gieo giống vào ruộng vô thượng vô tỷ ấy, được phước vô tận.

Hỏi: Hết thầy pháp hữu vi là tướng vô thường, đều trở về tận diệt, phước từ nhân duyên sanh làm sao được bất tận?

Đáp: Cũng không nói thường bất tận. Tự nói: cho đến khi chứng đắc Phật, ở trung gian bất tận.

* Lại nữa, hết thầy pháp hữu vi, tuy niệm niệm sanh diệt, nhưng tương tục không đoạn, quả báo không mất, nên nói là bất tận, ví như đốt đèn tuy ngọn lửa sanh diệt mà không gọi là diệt, khi dầu hết tìm lụn, mới gọi là diệt. Phước điền cũng như vậy, do thâm tâm gieo vào ruộng tốt, cho đến khi pháp tận mà phước cũng không tận.

* Lại nữa, Bồ-tát biết thật tướng các pháp như Niết-bàn bất tận. Phước đức đưa vào thật tướng các pháp, nên cũng không tận.

Hỏi: Nếu như vậy, Niết-bàn bất tận, phước đức cũng lẽ phải thường bất tận, có sao nói cho đến khi thành Phật, ở khoảng trung gian bất tận?

Đáp: Phước ấy do lực trí tuệ làm cho công đức ấy như Niết-bàn rốt ráo không, bất sanh bất diệt; vì vậy nên ví như Niết-bàn, chứ chẳng phải Niết-bàn. Nếu là Niết-bàn thì không thể làm ví dụ. Nếu là Niết-bàn có sao quả báo thành Phật mà phước không tận. Ví như ba cửa giải thoát là không, vô tướng, vô tác; như tướng rốt ráo

không giải thoát, là không giải thoát môn, thời quán thế gian cũng là rốt ráo không; như tướng vô tướng giải thoát, là vô tướng giải thoát môn, thời quán thế gian cũng là tướng vô tướng; như tướng vô tác giải thoát, là vô tác giải thoát môn, thời quán thế gian cũng là tướng vô tác.

Vì vậy nên nói: muốn gieo một thiện căn nơi Phật phước điền cho đến khi chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà phước ấy không tận, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

KINH: Lại nữa, này Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát muốn được mười phương chư Phật xưng tán tên mình, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN. *Hỏi:* Bồ-tát nếu quán các pháp rốt ráo không, bên trong không có ta, tôi, đã phá kiêu mạn, có sao còn muốn được chư Phật xưng tán tên mình? Lại, Bồ-tát theo pháp phải cúng dường chư Phật, có sao lại cầu chư Phật cúng dường mình?

Đáp: Phật pháp có hai môn: 1. Môn đệ nhất nghĩa. 2. Môn thế tục pháp. Theo môn thế tục nên muốn được chư Phật tán thán. Tuy được chư Phật tán thán mà không thấy ta, tôi, không chấp thủ tướng chúng sanh, vì theo giả danh của thế gian nên nói. Ông hỏi: có sao trở lại cầu Phật cúng dường mình, như phẩm sau nói Phật tán thán: Bồ-tát được bất thối chuyển đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay Bồ-tát ấy muốn được biết chắc chắn mình đã được bất thối chuyển chẳng, vì vậy cầu Phật tán thán, chứ chẳng phải cầu cúng dường.

* Lại nữa, các người, các chúng sanh khác bị tham dục, sân nhuế, ngu si che tâm, nên không thể như thật tán thán; vì nếu có thiên ái thì không thấy thật lỗi, chỉ thấy công đức kia; nếu có thiên giận thì chỉ thấy lỗi không thấy công đức kia; nếu ngu si nhiều thì không thể như thật thấy tốt xấu. Chư thiên và người đời tuy

có trí tuệ, ba độc có mỏng, cũng không thể như thật tán thán vì còn sai lầm, vì không có nhất thể trí, và kiết sử chưa hết. Thanh văn, Bích-chi Phật, ba độc tuy hết, cũng không thể như thật tán thán, vì còn tập khí thừa chưa hết, và lại vì trí tuệ không đầy đủ. Chỉ một mình Phật cả ba độc và tập khí hết vĩnh viễn, thành tựu nhất thể trí, nên có thể như thật tán thán không thêm không bớt. Vì vậy, hành giả muốn được chư Phật tán thán, để biết thực đức của mình, nên không cầu người khác tán thán.

Hỏi: Chư Phật ra khỏi ba cõi, không nhiễm trước thế gian, không có ngã và ngã sở; xem ngoại đạo, ác nhân, đại Bồ-tát, A-la-hán, bình đẳng không sai khác; cứ sao chỉ tán thán Bồ-tát?

Đáp: Phật tuy không có ta, tôi, không có ghét thương, đối hết thấy pháp tâm không nhiễm trước, thương xót chúng sanh, vì lấy tâm đại từ bi dẫn dắt hết thấy, nên phân biệt người lành mà có sự tán thán. Và cũng muốn phá hoại sở nguyện của ác ma, vì Phật tán thán nên vô lượng chúng sanh ưa thích Bồ-tát, mà cung kính cúng dường, sau đều được thành tựu Phật đạo; vì vậy nên chư Phật tán thán Bồ-tát.

Hỏi: Tán thán như thế nào?

Đáp: Như Phật thuyết pháp ở giữa đại chúng, Ngài muốn khiến chúng sanh vào pháp thậm thâm, nên tán thán Bồ-tát, như tán thán Bồ-tát Tát-đà-ba-luân (Sadàpralāpa - Thường-đề Bồ-tát).

* Lại nữa, Phật tán thán Bồ-tát rằng: Bồ-tát ấy hay quán các pháp rốt ráo không, cũng có tâm đại từ bi đối với chúng sanh, hay thực hành sanh nhẫn, nên cũng không thấy tướng chúng sanh; tuy thực hành pháp nhẫn, mà không sanh tâm chấp trước đối hết thấy pháp, tuy xét việc kiếp trước mà không rơi vào tà kiến, tuy xem thấy chúng sanh vào Vô dư Niết-bàn mà không rơi vào biên kiến; tuy biết Niết-bàn là Vô thượng thật pháp, cũng không khởi thiện nghiệp về thân, khẩu, ý; tuy đi trong sanh tử mà tâm vui Niết-bàn; tuy trụ ba

cửa giải thoát, hướng nhìn Niết-bàn cũng không dứt bản nguyện và thiện hành. Các công đức kỳ đặc như vậy rất là khó có.

* Lại nữa, nếu Bồ-tát chưa được vô sanh nhẫn, chưa được năm thần thông, ngay nơi nhục thân sanh tử, có tâm đại từ bi, hay vì chúng sanh, nên có thể thí cho tất cả những gì trong ngoài đáng quý đáng tiếc. Ngoài là vợ con yêu quý, năm dục thượng diệu, ngọc Như ý, diệu bảo tối thượng, quốc độ an ổn...; trong là thân thể, da thịt, xương máu, đầu, mắt, tủy não, tai, mũi, chân, tay... Bồ thí như vậy rất là khó có, cho nên chư Phật tán thán đức ấy. Nếu Bồ-tát đã vào pháp vị, được thần thông, mà thực hành khổ hạnh thì không là khó. Nhưng vì Bồ-tát ấy còn sanh thân, mắt thịt, mà chí nguyện rộng lớn, có tâm đại bi, ưa vui Phật đạo, làm việc như vậy, rất là hy hữu.

* Lại nữa, nếu Bồ-tát trì giới thanh tịnh đầy đủ, không phân biệt trì giới, phá giới; đối hết thấy pháp rốt ráo bất sanh, thường nhẫn “không pháp”; tinh tấn không thối không nghỉ, không đắm không chán, tinh tấn và giải đãi một tướng không khác, vô lượng vô biên vô số kiếp, siêng tu tinh tấn; đều muốn lãnh thọ thực hành thiền định thậm thâm, không nương dựa, định và loạn không khác, không rời khỏi định mà có thể biến hóa thân vô lượng, cùng khắp mười phương, thuyết pháp độ người; thực hành trí tuệ sâu xa, quán hết thấy không sanh không diệt, chẳng phải không sanh chẳng phải không diệt, cũng chẳng phải không sanh cũng chẳng phải không diệt, chẳng phải không sanh chẳng phải không diệt; vượt qua các ngôn ngữ, chỗ tâm đi dứt bật, không thể hoại không thể phá, không thể thọ nhận, không thể chấp trước, chỗ chư thánh đi sạch như Niết-bàn, cũng không chấp trước sự quán sát ấy; ý cũng không mất, hay lấy trí tuệ tự làm lợi ích. Các Bồ-tát như vậy được chư Phật tán thán.

* Lại nữa, Bồ-tát chưa được thọ ký, chưa được vô sanh pháp nhẫn, sanh ra không gặp Phật, không được thấy hiền thánh, do chánh

tư duy nên hay quán thật tướng các pháp. Tuy quán thật tướng, tâm cũng không dính mắc. Bồ-tát như vậy, được mười phương chư Phật đều tán thán.

* Lại nữa, Bồ-tát nghe Phật pháp thậm thâm vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn, tuy tự chưa chứng được, trí tuệ chưa kịp, mà có thể định tâm tin vui, không sanh nghi ngờ hối hận, nếu ma giả làm Phật đi đến nguy nói ý nó, tâm cũng không thêm bớt. Bồ-tát như vậy, được chư Phật tán thán.

* Lại nữa, có các Bồ-tát phát tâm cùng trong một lúc, trong đó có vị mau thành Phật, thời Phật tán thán, vì có sức tinh tấn lớn. Như đức Phật Thích-ca Mâu-ni, cùng các Bồ-tát Di-lặc... đồng thời phát tâm, mà đức Phật Thích-ca Mâu-ni do sức tinh tấn nên vượt qua chín kiếp.

* Lại nữa, hoặc có Bồ-tát đầy đủ Bồ-tát sự, là mười địa, sáu Ba-la-mật, mười lực, bốn vô úy, bốn vô ngại trí, mười tám pháp không chung, và vô lượng Phật pháp thanh tịnh, nhưng vì rộng độ chúng sanh nên ở lâu trong sanh tử, không thủ chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Bồ-tát như vậy, chư Phật tán thán, đó là ai? Là như Văn-thù-sư-lợi, Tỳ-ma-la-cật (Duy-ma-cật), Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, Biên Cát Bồ-tát... là thượng thủ của các Bồ-tát, đã ra khỏi ba cõi, biến hóa vô số thân, vào trong sanh tử, giáo hóa chúng sanh. Các việc hy hữu như vậy đều từ Bát-nhã ba-la-mật thậm thâm sanh ra.

Vì vậy nên nói: muốn được chư Phật tán thán tên mình, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

KINH: Lại nữa, này Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát muốn một lần khởi ý là đến được mười phương thế giới số như hằng hà sa, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN: Bồ-tát được năng lực thân thông biến hóa làm mười phương hằng hà sa thân một lúc đi đến mười phương hằng hà sa thế giới.

Hỏi: Như Kinh nói: Trong khoảng búng ngón tay có sáu mươi niệm, nếu trong một niệm đi đến hằng hà sa thế giới ở một phương, còn không thể tin được, huống gì đi đến hằng hà sa thế giới ở mười phương, thời gian ít mà chỗ đi đến nhiều?

Đáp: Kinh nói: Năm việc không thể nghĩ bàn, đó là chúng sanh nhiều ít, nghiệp quả báo, năng lực người tọa thiền, năng lực các rồng, năng lực chư Phật. Trong năm việc không thể nghĩ bàn ấy, năng lực Phật là rất không thể nghĩ bàn. Bồ-tát vào thiền định phát sanh thần thông không thể nghĩ bàn, nên trong một niệm đến được thế giới chư Phật trong mười phương. Như nói trong bốn loại thần thông, chỉ Phật và Bồ-tát có thần thông chóng đi khắp như ý muốn, như con của chim Kim sí, mới từ vỏ trứng ra, mà đi từ một núi Tu-di đến một núi Tu-di; các Bồ-tát cũng như vậy, nhờ lực vô sanh nhẫn, phá vỏ trứng vô minh phiền não, tức thì trong một niệm hóa ra vô lượng thân, khắp đến mười phương.

* Lại nữa, Bồ-tát đã tiêu diệt hết tội chướng trong vô lượng đời, nhờ lực trí tuệ nên chuyển được hết thầy pháp; nhỏ chuyển làm lớn, lớn chuyển làm nhỏ; lấy ngàn vạn kiếp làm một ngày, lại lấy một ngày làm ngàn vạn kiếp. Bồ-tát ấy, là chủ thế gian, ưa muốn tự tại, thì có nguyện gì mà không thành được. Như kinh Tỳ-ma-la-cật nói: Lấy bảy đêm làm một kiếp sống. Do nhân duyên ấy Bồ-tát nương lực thần thông, có thể chóng vượt qua mười phương thế giới.

Hỏi: Trong năm việc không thể nghĩ bàn nói trước đó không có Bồ-tát, sao nay nói Bồ-tát không thể nghĩ bàn?

Đáp: Hoặc có khi trong nhân nói quả, như nói ngày ăn trăm lượng vàng. Vàng không thể ăn, nhân vàng được ăn, nên nói ăn vàng, ấy là trong nhân nói quả. Hoặc có khi trong quả nói nhân, như thấy bức vẽ đẹp nói là khéo tay, ấy là trong quả nói nhân. Các Bồ-tát cũng như vậy, Bồ-tát là nhân, Phật là quả; nếu nói Phật lực không thể nghĩ bàn nên biết là đã nói Bồ-tát.

Vì vậy nên nói: muốn một lần khởi ý, đã đến được mười phương hằng hà sa thế giới, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

KINH: Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát muốn phát ra một âm khiến cho mười phương hằng hà sa thế giới đều nghe tiếng, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN: Bồ-tát được sáu thần thông, tăng trưởng tướng phạm âm, vượt qua ba ngàn đại thiên thế giới, đến mười phương hằng hà sa thế giới.

Hỏi: Nếu như vậy, thời có khác gì với âm thanh của Phật?

Đáp: Âm thanh của Bồ-tát có số hạng trong hằng hà sa thế giới, còn âm thanh Phật đi xa không có hạng số. Như trong kinh Phật Tích nói: Mục-liên muốn thử âm thanh của Phật, đi đến tận phương tây, vẫn nghe âm thanh Phật, như đối trước mặt.

Hỏi: Nếu như vậy, Phật thường ở tại quốc độ xóm làng, thuyết pháp giáo hóa, nhưng mà người ở trong cõi Diêm-phù-đề, không đến bên Phật thời không nghe được, sao biết thế? Vì có nhiều người từ phương xa đi đến muốn nghe Phật thuyết pháp?

Đáp: Âm thanh Phật có hai thứ: 1. Âm thanh mật. 2. Âm thanh không mật. Âm thanh mật trước đã nói, âm thanh không mật, thời đến bên Phật mới nghe. Cũng có hai hạng đệ tử: 1. Xuất thế thánh nhân. 2. Thế gian phàm phu. Xuất thế thánh nhân như Mục-kiền-liên... nghe được âm thanh vi mật; còn người phàm phu theo chỗ nó đến gần mới nghe.

* Lại nữa, chư Bồ-tát được vào chánh vị, lìa thân sanh tử, được chân thân pháp tánh, thấy được vô lượng thân Phật mười phương và ánh sáng chiếu khắp, cũng nghe được sáu mươi thứ âm thanh cực xa vô lượng của chư Phật. Các đại Bồ-tát tuy chưa đầy đủ âm thanh như vậy, nhưng đối âm thanh của Phật cũng được một phần.

Âm thanh của Phật Bồ-tát có ba thứ: 1. Do đời trước gieo âm thanh lành nên trong cổ họng có được tứ đại vi diệu, phát ra các thứ âm thanh diệu hảo xa gần một dặm, hai dặm, ba dặm, mười dặm, trăm ngàn dặm, cho đến âm thanh lan khắp ba ngàn đại thiên thế giới. 2. Là do lực thần thông mà tứ đại trong cổ họng phát ra tiếng lan khắp ba ngàn đại thiên thế giới, và mười phương hằng hà sa thế giới. 3. Là âm thanh Phật thường lan khắp mười phương hư không.

Hỏi: Nếu âm thanh Phật thường lan khắp, sao nay chúng sanh không được thường nghe?

Đáp: Chúng sanh vô lượng kiếp lại đây, vì nghiệp đã gây che lấp, nên không được nghe, ví như sấm chớp giông bão, mà người điếc không nghe, tiếng sấm không giảm. Phật cũng như vậy, thường vì chúng sanh thuyết pháp, như rỗng rung tiếng sấm lớn, mà chúng sanh vì tội nghiệp, tự không nghe được. Như nay người tinh tấn trì giới, trong lúc niệm Phật tam-muội, tâm đắc định, không bị tội chướng ngại, thì liền được thấy Phật, nghe Phật thuyết pháp, âm thanh rõ ràng. Bồ-tát đối với ba thứ âm thanh ấy, muốn được hai thứ, hai thứ âm thanh ấy rất khó, hy hữu, còn như âm thanh của nghiệp quả thì tự nhiên có được.

Vì vậy nên nói: Bồ-tát ma-ha-tát muốn dùng một âm thanh khiến cho mười phương hằng hà sa thế giới nghe tiếng, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

KINH: Lại nữa, này Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát muốn làm cho thế giới chư Phật không dứt, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN: Phật thế giới không dứt là Bồ-tát làm cho mỗi nước kế tiếp nhau đều khiến chúng sanh phát tâm làm Phật.

Hỏi: Nói kế tiếp nhau là mỗi nước trước sau kế tiếp, hay là mười phương thế giới kế tiếp? Nếu mỗi một nước kế tiếp nhau, thì

tâm đại bi là trùm khắp hết thảy chúng sanh, có sao không trùm đến nước khác? Còn nếu mười phương thế giới kế tiếp nhau, thì các Phật Bồ-tát khác có lợi ích gì?

Đáp: Tâm nguyện Bồ-tát muốn khiến hết thảy thế giới đều làm Phật, đại tâm rộng xa, không bị giới hạn, lấy tâm ấy chứa nhóm các trí tuệ, và vô lượng phước đức thần thông lực, lại tùy chúng sanh gieo nhân duyên làm Phật, Bồ-tát đều khiến làm. Nếu hết thảy thế giới đều gieo nhân duyên làm Phật, thì các Phật, Bồ-tát khác chẳng phải có ích. Nhưng việc ấy không đúng.

* Lại, mười phương thế giới vô lượng vô biên, không lẽ một Bồ-tát được biến khắp hết các thế giới, khiến Phật chúng không dứt, mà các Bồ-tát khác tùy theo nhân duyên đều có phần trong đó. Vì tâm đại bi rộng lớn nên nguyện cũng vô lượng, tâm lợi ích không có giới hạn. Chúng loại chúng sanh vô lượng, nên chẳng phải một Phật một Bồ-tát có thể độ hết được.

Hỏi: Nếu việc không xứng tâm, có gì lại phát nguyện?

Đáp: Vì muốn khiến tâm nguyện rộng lớn thanh tịnh, như tu Từ tam-muội, tuy không thể khiến chúng sanh lìa khổ, chỉ tự muốn làm cho tâm rộng lớn thanh tịnh, thành tựu nguyện lợi ích, như lực của chư Phật đại Bồ-tát, đều có thể độ thoát hết thảy, nhưng chúng sanh phước duyên chưa nhóm, chưa có trí tuệ, nhân duyên chưa tụ hội, nên không được độ, như nước biển cả, hết thảy chúng sanh lấy dùng, mà nước không khô kiệt, chỉ vì chúng sanh không thể được dùng; như chúng sanh nga quý, do tội mình, nên không được thấy nước, giả sử được thấy, nước liền khô kiệt, hoặc biến thành nước đồng sôi, hoặc thành máu mủ. Phật cũng như vậy, có đại từ bi trí tuệ vô lượng vô biên, có thể làm đầy đủ cho chúng sanh, nhưng chúng sanh vì tội nghiệp, nên không gặp Phật, giả sử được gặp Phật, thì cũng giống như người khác, hoặc sanh sân nhuế, hoặc nổi lên phi báng. Vì nhân duyên ấy nên không thấy

được oai tướng thần lực của Phật; tuy được gặp Phật mà không có lợi ích.

* Lại nữa, hai nhân hai duyên phát sanh chánh kiến, đó là nội nhân ngoại duyên. Phật là nhân duyên bên ngoài đầy đủ, có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp tùy hình, vô lượng ánh sáng trang nghiêm thân Phật, các thứ thần lực, các thứ âm thanh, tùy ý thuyết pháp, dứt mọi nghi lầm. Chỉ vì chúng sanh nhân duyên bên trong không đầy đủ, trước không gieo thiện căn thấy Phật, không tin kính, không tinh tấn trì giới, độn căn sâu dày, đắm vào cái vui thế gian, vì vậy nên không có lợi ích, chứ không phải lỗi tại Phật. Phật hóa độ chúng sanh, thần khí lợi dụng, thấy đều đầy đủ; ví như mặt trời mọc, có mắt thì thấy, mắt mù không thấy, giả sử có mắt mà không có mặt trời, thì không thấy chi, thế nên mặt trời không có lỗi; Phật cũng như vậy.

Hỏi: Thế nào là nhân duyên khiến Phật thế giới không dứt?

Đáp: Bồ-tát đối với chúng sanh, dùng các cách tán thán Phật đạo, khiến chúng sanh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, dần dần hành sáu Ba-la-mật, vậy sau mỗi mỗi làm Phật ở các thế giới. Nếu nơi mỗi nước kế tiếp làm Phật, hoặc ở nước khác mỗi tự làm Phật, ấy gọi là không dứt nước Phật.

* Lại nữa, Bồ-tát chóng nhóm trí tuệ đầy đủ, làm Phật độ vô lượng chúng sanh, khi sắp vào Niết-bàn, thọ ký Bồ-tát rằng: Sau khi Ta diệt độ, người kế tiếp làm Phật, triển chuyển đều như vậy, khiến không đoạn tuyệt. Nếu Phật không thọ ký Bồ-tát thì Phật quốc bị đoạn, ví như vua lập thái tử, triển chuyển như vậy, quốc độ không dứt.

Hỏi: Có sao quý trọng thế giới có Phật, mà khinh hèn quốc độ không có Phật?

Đáp: Việc ấy không nên hỏi. Phật là vị chủ trang nghiêm mười phương thế giới, hướng chi một quốc độ. Nếu lìa quốc độ có Phật thì tuy hưởng cái vui cõi người cõi trời, mà không biết là do ơn

Phật gây nên, thời không khác gì súc sanh. Nếu các đức Phật không ra đời, thời không có con đường đến tam thừa Niết-bàn, thường nhốt trong ngục ba cõi, vĩnh viễn không ngày ra khỏi. Nếu đời có Phật, thời chúng sanh được ra khỏi lao ngục ba cõi; ví như giữa hai quốc độ, một nơi không có mặt trời, trong đó chúng sanh từ tối tăm sanh ra, từ tối tăm chết đi. Nếu lúc có Phật ra đời, có ánh sáng dần soi, mỗi mỗi trông thấy nhau, cho đến thấy các chúng sanh được ánh mặt trời mặt trăng chiếu đến mà biết kia là đại phước, còn chúng ta có tội. Như vậy, hoặc có khi Phật lấy ánh sáng chiếu khắp các Phật quốc, chúng sanh ở nước không có Phật, thấy ánh sáng của Phật chiếu đến, thì rất hoan hỷ, nghĩ rằng: chúng ta đây tối tăm, còn nơi kia sáng suốt.

* Lại nữa, quốc độ có Phật, thì chúng sanh biết có tội phước, có người thọ Tam quy Ngũ giới, Bát quan trai giới và xuất gia năm chúng, có các thứ thiện pháp như thiền định, trí tuệ sâu xa, có bốn quả Sa-môn, hữu dư Niết-bàn... vì nhân duyên ấy nên Phật quốc là quý. Nếu chúng sanh ở quốc độ có Phật, tuy không thấy Phật, mà gặp được Kinh pháp, tu thiện trì giới, bố thí, lễ kính... gieo nhân duyên Niết-bàn, cho đến súc sanh cũng có thể gieo nhân duyên phước đức. Nếu quốc độ không có Phật, thì cho đến trời người, cũng không thể làm thiện.

Vì vậy, nên Bồ-tát phát nguyện muốn khiến Phật quốc không dứt.

(HẾT CUỐN 30 THEO BẢN HÁN)

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

CHƯƠNG 43

GIẢI THÍCH: MƯỜI TÁM KHÔNG

KINH: Lại nữa, này Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát muốn trụ nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, đệ nhất nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cảnh không, vô tử không, tán không, tánh không, tự tướng không, các pháp không, bất khả đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN. 1. Nội không: Nội pháp, nội pháp không. Nội pháp là sáu nhập, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý bên trong. Mắt không, là vô ngã, vô ngã sở, không có pháp mắt. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng như vậy.

2. Ngoại không: Ngoại pháp, ngoại pháp không. Ngoại pháp là sáu nhập sắc, tiếng, mùi, vị, xúc, pháp bên ngoài. Sắc không, là vô ngã, vô ngã sở, không có pháp sắc. Tiếng, mùi, vị, xúc, pháp cũng như vậy.

3. Nội ngoại không: Nội ngoại pháp, nội ngoại pháp không. Nội ngoại pháp là mười hai nhập trong ngoài. Trong mười hai nhập, là vô ngã, vô ngã sở, không có pháp trong ngoài.

Hỏi: Các pháp vô lượng, không tùy theo pháp thời cũng vô lượng, cứ sao chỉ nói mười tám? Nếu lược nói thì nên nói một không,

là hết thầy pháp không. Nếu nói rộng thời tùy mỗi mỗi pháp không, là mắt không, sắc không... rất nhiều, có gì chỉ nói mười tám không?

Đáp: Nếu lược nói thời việc không khắp, nếu nói rộng thời việc phồn tạp; ví như thuốc chữa mắt, ít thì bệnh không lành, nhiều thời làm tăng bệnh. Theo bệnh cho thuốc, không được tăng giảm thời bệnh được lành. *Không* cũng như vậy, nếu Phật chỉ nói một không, thời không thể phá hết tà kiến và phiền não, còn nếu tùy theo mỗi tà kiến mà rộng nói không, thời quá nhiều không, người ta sẽ ưa đắm tướng không, bị đọa vào tà kiến đoạn diệt. Nói mười tám không, vừa được trung bình.

* Lại nữa, hoặc nói mười, hoặc nói mười lăm, đều có nghi hoặc, và đó không phải là câu đáng hỏi.

* Lại nữa, pháp thiện ác, đều có số nhất định, hoặc bốn niệm xứ, hoặc bốn chánh cần, ba mươi bảy phẩm, mười lục, bốn vô sở úy, bốn vô ngại trí, mười tám pháp không chung, năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, mười hai nhân duyên, ba độc, ba kiết, bốn lưu, năm triền cái... các pháp đều có số nhất định. Để phá chấp trước đối với mười tám loại pháp nên nói mười tám không.

Hỏi: *Bát-nhã ba-la-mật không*, với *mười tám pháp không*, là khác hay là một? Nếu khác, vậy lia mười tám không, thế nào là *Bát-nhã không*? Lại như Phật dạy: Thế nào là *Bát-nhã ba-la-mật*? Đó là sắc không; thọ, tưởng, hành, thức không; cho đến hết thầy chủng trí không. Nếu không khác thì có sao nói muốn trụ mười tám không, nên học *Bát-nhã ba-la-mật*?

Đáp: Có nhân duyên nói khác, có nhân duyên nói một. *Khác* là *Bát-nhã ba-la-mật* là thật tướng các pháp, dứt tất cả pháp quán, còn mười tám không thời chính là mười tám cách quán, khiến các pháp không. *Bồ-tát* học thật tướng các pháp ấy, có thể làm phát sanh mười tám không, ấy là khác. *Một* là mười tám không là không, không có

tướng gì, Bát-nhã ba-la-mật cũng là không, không có tướng gì. Mười tám không là lia bỏ tướng, Bát-nhã ba-la-mật cũng là lia bỏ tướng hết thấy pháp. Mười tám không không trước tướng, Bát-nhã ba-la-mật cũng không trước tướng. Vì vậy nên học Bát-nhã ba-la-mật thời chính là học mười tám không, không khác.

Bát-nhã ba-la-mật có hai phần: nhỏ và lớn. Muốn được lớn, trước nên học môn phương tiện nhỏ; muốn được trí tuệ lớn, thời nên học mười tám không. Trụ vào môn phương tiện tiểu trí tuệ ấy, có thể được mười tám không.

Thế nào là môn phương tiện? Đó là đọc tụng, ghi nhớ đúng, tư duy đúng, tu hành đúng như kinh Bát-nhã ba-la-mật nói. Ví như người muốn được ngọc báu quý, hãy đi vào biển lớn, nếu muốn được ngọc báu trí tuệ về nội Không tam-muội... hãy đi vào biển lớn Bát-nhã ba-la-mật.

Hỏi: Có sao hành giả khi học Bát-nhã ba-la-mật lại trụ nội không, ngoại không, nội ngoại không?

Đáp: Thế gian có bốn thứ điên đảo: nơi bất tịnh điên đảo tướng tịnh, nơi khổ điên đảo tướng vui, nơi vô thường điên đảo tướng thường, nơi vô ngã điên đảo tướng ngã. Hành giả vì phá bốn điên đảo ấy nên tu bốn niệm xứ, theo mười hai cách quán (*quán nội thân, ngoại thân, nội ngoại thân, quán nội thọ, ngoại thọ, nội ngoại thọ, quán nội tâm, ngoại tâm, nội ngoại tâm, quán nội pháp, ngoại pháp, nội ngoại pháp -N.D*).

Đầu tiên quán nội thân đầy đầy ba mươi sáu vật bất tịnh, chín lỗ thường chảy như, rất đáng nhàm sợ. Tướng tịnh không thể có được, vì tướng tịnh không thể có được, nên gọi là **nội không**.

Hành giả đã biết nội thân bất tịnh, quán thân sắc đấm trước bên ngoài cũng giống như vậy; đều thật bất tịnh, kẻ ngu cuồng hoặc, bị dâm dục che tâm, nên cho là tịnh, quán thân sắc đấm trước

bên ngoài cũng như thân ta, tướng tịnh không thể có được; ấy là **ngoại không**.

Hành giả nếu quán thân mình bất tịnh thì hoặc cho thân sắc ngoài là tịnh; nếu quán thân sắc ngoài bất tịnh thì hoặc cho thân mình là tịnh, nay quán cả trong ngoài, thân ta bất tịnh, ngoài cũng như vậy, thân ngoài bất tịnh, ta cũng như vậy, một mực bằng nhau không khác. Trong đó tướng tịnh không thể có được; ấy gọi là **nội ngoại không**.

Hành giả suy nghĩ biết nội ngoại thân đều thật bất tịnh mà vì kẻ mê lầm nhiễm ái sâu dày, do đó nên phải thọ thân. Thân là khổ lớn, mà kẻ ngu cho là vui.

Hỏi: Ba thọ đều thuộc ngoại nhập, có sao nói quán nội thọ?

Đáp: Sáu trần lúc đầu cùng sáu căn hòa hợp sanh vui, ấy là vui ngoài; sau đó tham đắm sâu vào sanh vui, gọi là vui trong.

* Lại nữa, duyên pháp bên trong sanh vui, gọi là vui trong; duyên pháp bên ngoài sanh vui, gọi là vui ngoài.

* Lại nữa, cái vui tương ưng với năm thức gọi là vui ngoài. Cái vui tương ưng với ý thức gọi là vui trong. Cái vui thô gọi là vui ngoài, cái vui tế gọi là vui trong. Như vậy là phân biệt vui trong vui ngoài. Thọ khổ, thọ không vui không khổ cũng như vậy.

* Lại nữa, hành giả suy nghĩ quán cái vui trong ấy thật có thể có chăng? Liên phân biệt biết thật không thể có được, mà chỉ là khổ cưỡng cho là vui, vì có sao? Vì cái vui ấy từ nhân duyên khổ mà sanh, cũng sanh quả báo khổ, vì vui không chán đủ cho nên khổ.

* Lại nữa, như người bị ghẻ ngứa, gãi tuy vui ít mà sau càng làm thương thân, thời là khổ lớn. Người ngu cho là vui, người trí chỉ thấy nó khổ. Như vậy thế gian vì bệnh điên đảo tưởng vui nên đắm trước năm dục, phiền não thêm nhiều. Vì vậy nên hành giả chẳng thấy vui chỉ thấy khổ, như bệnh như ung, như ghẻ, như đâm.

* Lại nữa, vui ít khổ nhiều, vui ít không hiện ra nên gọi là khổ, như nước sông lớn, ném vào một hạt muối, thời mất tướng muối, không gọi là mặn.

* Lại nữa, cái vui không nhất định, đây cho là vui, kia cho là khổ, kia cho là vui, đây cho là khổ; giữ được là vui, mất đi là khổ, ngu cho là vui, trí cho là khổ, thấy tai hoạn của vui cho là khổ, không thấy tai hoạn của vui cho là vui; không thấy tướng vô thường của vui cho là vui, thấy tướng vô thường của vui cho là khổ; người chưa lìa dục cho là vui, người lìa dục cho là khổ. Như vậy, quán vui là khổ, quán khổ như tên đâm vào thân, quán tướng không khổ không vui vô thường biến đổi. Như vậy, quán ba thứ thọ, tâm liền lìa bỏ; ấy gọi là quán **nội thọ không**. Quán **ngoại thọ, nội ngoại thọ** cũng như vậy.

Hành giả lại suy nghĩ: nếu vui tức là khổ, thời ai thọ cái khổ ấy? Suy nghĩ rồi biết chính tâm thọ, vậy sau tiếp **quán tâm** là thật hay là hư? Quán tâm vô thường bị sanh, trụ, dị, diệt, tâm thọ khổ, tâm thọ vui, tâm thọ không khổ không vui, mỗi niệm khác nhau; tâm thọ vui diệt thì tâm thọ khổ sanh, tâm thọ khổ trụ trong chốc lát rồi trở lại diệt, tiếp sanh tâm thọ không khổ không vui. Biết khi ấy tâm thọ không khổ không vui trụ rồi trở lại diệt, diệt rồi lại sanh tâm thọ vui. Ba thọ vô thường, cho nên tâm cũng vô thường.

* Lại nữa, biết tâm ô nhiễm, tâm không ô nhiễm, tâm giận, tâm không giận, tâm si, tâm không si, tâm tán loạn, tâm thu nhiếp, tâm trôi buộc, tâm giải thoát. Các tâm như vậy, mỗi mỗi tướng khác nhau, biết tâm vô thường, không có tâm nhất định thường trú, tâm thọ khổ thọ vui... đều từ nhân duyên hòa hiệp sanh, nhân duyên ly tán, tâm cũng diệt theo. Như vậy **quán tâm trong, tâm ngoài, tâm trong ngoài đều là vô thường**.

Hỏi: Tâm nhiếp thuộc nội nhập, có sao nói ngoại tâm?

Đáp: Tâm quán nội thân gọi là nội tâm, tâm quán ngoại thân gọi là ngoại tâm.

* Lại nữa, duyên pháp bên trong là nội tâm, duyên pháp bên ngoài là ngoại tâm.

* Lại nữa, năm thức thường duyên pháp bên ngoài, không phân biệt được nên gọi là ngoại tâm, ý thức duyên pháp bên trong, cũng phân biệt được tốt xấu, nên gọi là nội tâm.

* Lại nữa, ý thức lúc mới sanh khởi, không phân biệt quyết định được, ấy là ngoại tâm, ý thức chuyên sâu, phân biệt thủ tướng, ấy là nội tâm. Như vậy là phân biệt ***nội tâm, ngoại tâm***.

Hành giả tâm ý chuyển đổi, biết thân là bất tịnh, biết thọ là khổ, biết tâm là vô thường, song vì kiết sử chưa dứt nên hoặc sanh tâm chấp tôi, ta, suy nghĩ như vậy: nếu tâm vô thường thì ai biết tâm ấy? Tâm thuộc về ai? Ai là chủ tâm? và hết thấy các vật, thọ khổ thọ vui, là sở hữu của ai? Liên phân biệt biết không có chủ riêng, chỉ do thủ lấy tướng năm uẩn, chấp có tướng người mà sanh tâm chấp ta, vì tâm chấp ta nên sanh tâm chấp của ta. Có tâm chấp của ta nên cái gì có lợi ích cho ta thì sanh tâm tham muốn, trái nghịch với ta thì sanh tâm sân hận. Kiết sử ấy không từ trí tuệ sanh, mà từ cuồng hoặc sanh, ấy gọi là si. Ba độc tham, sân, si là cội gốc các phiền não, vì đều do chấp ta, tôi. Làm phước đức là ta sau sẽ được phước đức, và tu pháp trợ đạo, ta sẽ được giải thoát. Lúc đầu thủ lấy tướng nên gọi là tướng uẩn; nhân ta, tôi mà khởi lên kiết sử và các thiện hành, ấy là hành uẩn; hai uẩn ấy là pháp niệm xứ. Trong pháp tướng uẩn, hành uẩn, tìm cái ta không thể có được, vì sao? Vì các pháp ấy đều từ nhân duyên sanh, đều là pháp tạo tác, không bền chắc, không thật có ta. Hành uẩn như cây chuối, lột từng bẹ ra tìm trong đó không có lõi cứng, lại như ở xa thấy sóng nắng, không nước mà tưởng đó là nước, chỉ đối gạt con mắt. Như vậy quán ***nội pháp, ngoại pháp, nội ngoại pháp***.

Hỏi: Pháp nhiếp thuộc ngoại nhập, cứ sao nói là nội pháp?

Đáp: Nội pháp là tướng uẩn, hành uẩn tương ưng với nội tâm. Ngoại pháp là tướng uẩn, hành uẩn tương ưng với ngoại tâm và các hành không tương ưng với tâm, và pháp vô vi, đồng đều quán sát trong một lúc, gọi là **quán nội ngoại pháp**.

* Lại nữa, nội pháp là sáu căn, ngoại pháp là sắc trần.

* Lại nữa, tổng quán thân, thọ, tâm và tướng uẩn hành uẩn, là pháp niệm xứ, vì sao? Vì hành giả đã ở nơi tướng uẩn, hành uẩn và vô vi pháp tìm cái ta không thể có được, trở lại ở nơi thân, thọ, tâm, tìm cái ta cũng không thể có được. Như vậy ở trong hết thấy pháp hoặc sắc, hoặc phi sắc, hoặc có thể thấy, hoặc không thể thấy, hoặc có đối ngại, hoặc không đối ngại, hoặc hữu lậu hoặc vô lậu, hoặc hữu vi hoặc vô vi, hoặc xa hoặc gần, hoặc thô hoặc tế, ở trong đó tìm cái ta đều không thể có được, chỉ do năm uẩn hòa hợp nên cưỡng gọi là chúng sanh, chúng sanh tức là ta. Ta không thể có được, nên cũng không có của ta. Của ta không thể có được, nên tất cả phiền não đều bị suy mỏng.

* Lại nữa, thân niệm xứ là hết thấy sắc pháp. Hành giả quán nội sắc vô thường, khổ, không, vô ngã; quán ngoại sắc, quán nội ngoại sắc cũng như vậy. Quán thọ, tâm, pháp cũng như vậy.

Tam-muội tương ưng tứ niệm xứ nội quán, gọi là nội không. Tam-muội tương ưng tứ niệm xứ ngoại quán, gọi là ngoại không. Tam-muội tương ưng tứ niệm xứ nội ngoại quán, gọi là nội ngoại không.

Hỏi: Không ấy là do năng lực tam-muội nên không, hay là pháp ấy tự không?

Đáp: Có người nói: vì lực tam-muội nên không, như Kinh nói: ba tam-muội, ba cửa giải thoát là không, vô tướng, vô tác. Không

tam-muội ấy là duyên nơi thân, thọ, tâm, pháp không tìm thấy ta, của ta, nên gọi là không.

Hỏi: Pháp tứ niệm xứ không, cả bốn đều nên quán vô thường, khổ, không, vô ngã; có sao đối với thân quán bất tịnh, đối với thọ quán khổ, đối với tâm quán vô thường, đối với pháp quán vô ngã?

Đáp: Tuy bốn pháp đều quán là vô thường, khổ, không, vô ngã, song chúng sanh đối với thân phần nhiều điên đảo đắm trước cho là tịnh, đối với thọ phần nhiều điên đảo đắm trước cho là vui, đối với tâm phần nhiều điên đảo đắm trước cho là thường, đối với pháp phần nhiều điên đảo đắm trước cho là ngã. Vì vậy nên hành giả quán thân bất tịnh, quán thọ là khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã.

* Lại nữa, ***nội ngoại không*** là không có pháp trong ngoài nhất định, chỉ do đối đãi nhau gọi là trong ngoài, kia cho là ngoài, ta cho là trong, ta cho là ngoài, kia cho là trong, nội pháp hệ thuộc theo người là trong, ngoại pháp dính mắc theo người là ngoài. Như người cho nhà mình là nội, nhà người là ngoại. Hành giả quán pháp nội ngoại không có tướng nhất định, cho nên không.

* Lại nữa, pháp nội ngoại ấy, không có tự tính, vì sao? Vì do hòa hợp sanh; pháp nội ngoại ấy cũng không ở trong hòa hợp nhân duyên. Nếu trong nhân duyên vốn không có pháp, thì ở chỗ khác cũng không, nhân duyên của nội ngoại pháp cũng không, vì nhân duyên không nên pháp nội ngoại không.

Hỏi: Pháp nội ngoại định có, có sao nói không? Như tay, chân... hòa hợp nên có thân; gọi là nội pháp. Như kèo, cột, vách... hòa hợp nên có nhà; gọi là ngoại pháp. Thân ấy tuy có tên gọi riêng, nhưng cũng không khác chân, tay... vì có sao? Vì lia chân, tay... thì thân không thể có được, nhà cũng như vậy ư?

Đáp: Nếu chân không khác thân, thì đầu cũng là chân, vì chân với thân không khác. Nếu đầu là chân, thì rất đáng cười.

Hỏi: Nếu thân với chân không khác, thì có lỗi như vậy, còn nay có thể chân tay... hòa hợp lại mà có pháp sanh ra gọi là thân, thân tuy khác với chân, tay... nhưng phải nương chân mà tồn tại. Như nhiều sợi chỉ hòa hợp sanh ra tấm vải, tấm vải nương nơi chỉ mà tồn tại?

Đáp: Thân pháp ấy (*thân là một pháp - N.D*) có đầy đủ trong mỗi phần chân, tay... hay chia ra có trong mỗi phần? Nếu có đầy đủ trong mỗi phần, thì ở phần đầu lẽ đáng có phần chân, vì sao? Vì thân pháp có đầy đủ; nếu chia ra có trong mỗi phần, thì thân pháp với phần chân không khác. Lại thân là một pháp, sở nhân thành ra nó có nhiều, một chẳng làm nhiều, nhiều chẳng làm một.

* Lại nữa, nếu trừ phần chân... riêng có thân, thì trái ngược với tất cả thế gian. Vì vậy nên không được nói thân tức là các phần, cũng không được nói khác các phần. Vì như vậy thời không thân, thân không có nên các phần chân... cũng không có. Như vậy gọi là nội không. Ngoại pháp như phòng xá cũng không như vậy; ấy gọi là ngoại không.

Hỏi: Phá thân, nhà... ấy là phá một, phá khác. Phá một phá khác là phá kinh ngoại đạo, còn trong kinh Phật thật có pháp trong ngoài, đó là trong sáu căn ngoài sáu trần, đây có sao không?

Đáp: Pháp trong ngoài ấy là hòa hợp giả danh như thân, nhà.

* Lại nữa, lược nói có hai thứ không: chúng sanh không, pháp không. Đối với đệ tử Tiểu thừa độn căn nói chúng sanh không, vì ta và của ta không có, thời không đấm trước pháp khác; đối với đệ tử Đại thừa lợi căn nói pháp không, liền biết thế gian thường không tịch như Niết-bàn. Thanh văn nói nội không, ở nơi nội pháp không ta, không của ta, vô thường, không người làm, không người biết, không người thọ; ấy gọi là nội không. Ngoại không cũng như vậy. Thanh văn không nói tướng nội pháp, tướng ngoại pháp tức là không. Đại thừa nói nơi nội pháp không có tướng nội pháp, nơi ngoại pháp không có tướng ngoại pháp. Như trong Bát-nhã ba-la-mật nói: sắc,

sắc tướng không; thọ, tưởng, hành, thức, thức tướng không. Nhãn, nhãn tướng không; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, ý tướng không. Sắc, sắc tướng không; thanh, hương, vị, xúc, pháp, pháp tướng không. Như vậy, hết thấy các pháp, tự pháp không.

Hỏi: Hai lối nói nội ngoại không ấy, lối nói nào thật?

Đáp: Cả hai đều thật, chỉ vì hàng tiểu trí độn căn nên trước nói chúng sanh không, sau vì đại trí lợi căn nên nói pháp không, như người bị nhốt ngục, có kẻ phá hoại gông cùm, sát thương lệnh ngục, tùy ý đi khỏi, lại có kẻ sợ hãi, lén đục vách tường, cũng được ra khỏi. Người Thanh văn chỉ phá nhân duyên ta, tôi, không sanh các phiền não, lia các pháp ái, sợ hãi cái khổ già, bệnh, chết và ác đạo, không còn muốn suy tìm gốc ngọn rõ ràng, phá hoại các pháp, chỉ cốt một việc được giải thoát. Người Đại thừa, phá ngục ba cõi, hàng phục ma quân, dứt các kiết sử và tập khí, hiểu rõ gốc ngọn hết thấy pháp, thông đạt vô ngại, phá tán các pháp, làm cho thế gian như Niết-bàn, đồng tướng tịch diệt, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, làm cho hết thấy chúng sanh ra khỏi ba cõi.

Hỏi: Cớ sao Đại thừa phá hoại các pháp?

Đáp: Phật dạy sắc từ các nhân duyên sanh, không có chắc thật, như sóng nước thành bọt, tạm thấy liền tan, sắc cũng như vậy. Bốn đại đời nay và hành nghiệp đời trước làm nhân duyên hòa hợp thành sắc, nhân duyên diệt nên sắc cũng diệt, hành đạo vô thường, chuyển vào cửa không, vì sao? Vì các pháp sanh diệt không có lúc ngưng trụ; nếu không có lúc ngưng trụ thời không thể thủ lấy.

* Lại nữa, vì là tướng hữu vi, khi sanh có diệt, khi diệt có sanh. Nếu đã sanh thời sanh không có chỗ dừng, nếu chưa sanh, thời *sanh* không sanh được chi, cùng với sanh cũng không khác, vì cớ sao? Vì sanh nếu sanh ra pháp, thời lẽ đáng có cái sanh ra sanh, như vậy lại phải có cái sanh ra cái sanh nữa, ấy thời vô cùng. Nếu cái sanh ra

sanh lại không do cái khác sanh, thời sanh cũng chẳng nên có sanh; nếu sanh không có sanh thời pháp cũng chẳng nên có sanh. Như vậy *sanh* không thể có được. *Diệt* cũng như vậy. Vì vậy, các pháp là không, chẳng sanh chẳng diệt; ấy là thật.

* Lại nữa, các pháp nếu có, cuối cùng trở về không có; nếu sau không có thời trước cũng nên không; như người đi giày, lúc đầu đã có cũ, vì vì tể nên không biết; nếu lúc đầu không cũ, thời nên thường mới mãi; nếu lúc sau có cũ, thời lúc đầu cũng có cũ. Pháp cũng như vậy, lúc sau có *không* nên lúc đầu cũng có *không*. Vì vậy nên tất cả pháp đều nên *không*. Chỉ vì chúng sanh điên đảo nhiễm trước sáu căn bên trong, nên hành giả phá điên đảo ấy, gọi là nội không. Ngoại không, nội ngoại không cũng như vậy.

4. Không không: Lấy không phá nội không, ngoại không, nội ngoại không. Phá ba không ấy, nên gọi là không không.

* Lại nữa, trước lấy pháp không, phá nội ngoại pháp, lại lấy không này phá ba không kia, ấy gọi là không không.

* Lại nữa, Không tam-muội quán năm uẩn không, được tám thánh đạo, dứt các phiền não, được Hữu dư Niết-bàn. Khi chấm dứt thân mạng do nhân duyên hành nghiệp đời trước có được, muốn buông bỏ tám thánh đạo, nên phát sanh Không không tam-muội; ấy gọi là *không không*.

Hỏi: Không với không không khác nhau thế nào?

Đáp: Không phá năm thọ uẩn, còn không không phá không.

Hỏi: Không nếu là pháp, thời không là đã tự phá, “không” nếu chẳng phải pháp, thời không phá được gì?

Đáp: Không phá hết thấy pháp, chỉ có không còn lại. Không phá hết thấy pháp rồi, không cũng phải bỏ. Vì vậy nên cần phải là không không.

* Lại nữa, *không* duyên hết thầy pháp, *không không* chỉ duyên *không*. Như một kẻ mạnh phá tất cả giặc, lại có người phá kẻ mạnh ấy, *không không* cũng như vậy.

* Lại như uống thuốc, thuốc hay trừ bệnh, nếu bệnh đã lành thì thuốc cũng phải tống ra, nếu thuốc không tống ra, thời thuốc lại là bệnh. Lấy *không* trừ các bệnh phiền não, sợ *không* trở lại làm bệnh, nên lại lấy *không* xả *không*; ấy gọi là *không không*.

5. Đại không: Ở trong pháp *Thanh văn*, *Pháp không* là đại không, như kinh Đại không trong Tập A-hàm (Samyutta Agama) nói: Sanh làm nhân duyên cho già chết. Nếu có người nói “là già chết, là người già chết”. Cả hai đều tà kiến. “Là người già chết”, ấy là chúng sanh không; “là già chết”, ấy là pháp không. Còn trong kinh Đại thừa nói: mười phương, mười phương tướng không; ấy là đại không.

Hỏi: Mười phương không, có sao gọi là đại không?

Đáp: Phương đồng vô biên cho nên gọi là đại, và có ở khắp mọi nơi nên gọi là đại; khắp tất cả sắc pháp nên gọi là đại; thường có nên gọi là đại; lợi ích thế gian nên gọi là đại; làm cho chúng sanh không mê muội nên gọi là đại. Phá được đại phương như vậy nên gọi là đại không. Các thứ *Không* khác chỉ phá pháp nhân duyên sanh, pháp có tạo tác, pháp thô, dễ phá, nên không gọi là đại. Phương hướng chẳng phải là pháp nhân duyên sanh, chẳng phải pháp tạo tác, là pháp vi tế khó phá, cho nên gọi là đại không.

Hỏi: Hoặc trong Phật pháp không nói có phương, vì nó không nhiếp thuộc trong ba vô vi là hư không, trí duyên tận, phi trí duyên tận (*cũng gọi là hư không, trạch diệt, phi trạch diệt - N.D*), có sao đây lại nói có phương là thường, là pháp vô vi, chẳng phải nhân duyên sanh, pháp chẳng phải tạo tác, pháp vi tế?

Đáp: *Phương* trong luận nghĩa của *Thanh văn* thì không có, còn trong pháp Đại thừa, vì theo thế tục để nên nói có, theo đệ nhất nghĩa

thì hết thấy đều không thể có được, hưởng gì phương. Giống như năm uẩn hòa hợp giả danh là chúng sanh, phương cũng như vậy. Ở giữa sự hòa hợp của tứ đại tạo sắc, phân biệt so sánh trong đây trong kia mà giả danh là phương. Chỗ mặt trời mọc là phương đông, chỗ mặt trời lặn là phương tây. Như vậy là tướng của phương. *Phương* ấy tự nhiên thường có, chẳng phải nhân duyên sanh, cũng chẳng phải trước không nay có, nay có sau không, cho nên chẳng phải là pháp tạo tác. Vì chẳng phải hiện tiền biết được nên nói là pháp vi tế.

Hỏi: Phương nếu như vậy thời làm sao phá được?

Đáp: Ông không nghe trước đây tôi nói, vì theo tục đế nên có, theo đệ nhất nghĩa nên phá. Vì tục đế có nên không rơi vào tà kiến chấp đoạn diệt, vì theo đệ nhất nghĩa phá nên không rơi vào tà kiến chấp thường. Ấy là đã lược nói nghĩa đại không.

Hỏi: Đệ nhất nghĩa không cũng phá được pháp không tạo tác, pháp không nhân duyên, pháp vi tế, có sao không nói là đại không?

Đáp: Trước đã gọi là đại, nên đây không gọi là đại, nhưng đệ nhất nghĩa không, tên tuy khác mà nghĩa thật là đại. Xuất thế gian cho Niết-bàn là đại, thế gian cho phương là đại, vì vậy nên đệ nhất nghĩa cũng là đại không.

* Lại nữa, vì phá đại tà kiến, về ác thời nên gọi là đại không. Như hành giả lấy từ tâm duyên chúng sanh trong một quốc độ phương đông, rồi lại duyên chúng sanh một quốc độ, như vậy trong lúc triền chuyển duyên; nếu cho rằng duyên hết quốc độ phương đông, thời rơi vào hữu biên kiến; nếu cho rằng duyên chưa hết quốc độ phương đông thời rơi vào vô biên kiến. Khi sanh hai kiến ấy liền mất từ tâm. Nếu lấy *phương không* phá đông phương ấy, thời dứt hai kiến hữu biên, vô biên. Nếu không lấy *phương không* phá đông phương, thời tâm hướng theo đông phương, tâm theo đông phương không ngừng, thời từ tâm dứt, tà tâm sanh; ví như lúc nước triều dâng đến giới

hạn thường lệ, thời xoay trở lại, cá nếu không xoay lại kịp thời bị dạt lên bờ, chịu đủ thứ khổ. Nếu cá có trí, thời theo nước xoay lại, vĩnh viễn được an ổn. Hành giả cũng như vậy. Nếu tâm hướng theo phương, không xoay lại kịp thời bị trôi vào tà kiến, nếu tâm hướng theo phương biết xoay lại kịp thời không mất từ tâm.

Như vậy phá đại tà kiến về ác thời, nên gọi là đại không.

6. Đệ nhất nghĩa không: Thật tướng của các pháp, vì không phá không hoại. Thật tướng ấy cũng không, vì sao? Vì không lãnh thọ, không dính mắc. Nếu thật tướng các pháp là có, thời phải có lãnh thọ, phải có dính mắc; vì không có thật, nên không lãnh thọ, không dính mắc; nếu có lãnh thọ, dính mắc tức là hư dối.

* Lại nữa, pháp Đệ nhất trong các pháp là Niết-bàn. Như trong A-tỳ-đàm nói: thế nào là pháp hữu thượng? Đó là pháp hữu vi và hư không, phi trí duyên tận (*tức là phi trạch diệt vô vi. Nghĩa là pháp hữu lậu phiền não vì thiếu duyên nên không sanh khởi mà thành như vô lậu vô vi, chứ chẳng phải thật vô lậu vô vi. Trái lại, trạch diệt vô vi là do trí tuệ quyết trạch dứt sạch hữu lậu hữu vi mà thành vô lậu vô vi, đây mới thật là vô lậu vô vi, mới thật là Niết-bàn - N.D*). Thế nào là pháp vô thượng? Đó là trí duyên tận (*cũng tức là trạch diệt vô vi - N.D*). Trí duyên tận tức là Niết-bàn. Trong Niết-bàn cũng không có tướng Niết-bàn. Niết-bàn không, là đệ nhất nghĩa không.

Hỏi: Nếu Niết-bàn là không, vô tướng, làm sao thánh nhân nương ba thừa mà vào Niết-bàn? Lại, hết thấy Phật pháp được nói ra đều vì Niết-bàn; ví như các dòng nước đều chảy vào biển?

Đáp: Có Niết-bàn, là pháp vô thượng đệ nhất báu. Có hai thứ: 1. Hữu dư Niết-bàn, 2. Vô dư Niết-bàn. Các phiền não ái... dứt, gọi là Hữu dư Niết-bàn. Thánh nhân thân ngũ uẩn đời này chấm dứt không còn thọ thân trở lại; ấy gọi là Vô dư Niết-bàn. Không được nói Niết-bàn không có, nhưng chúng sanh nghe tên Niết-bàn, sanh tâm

tà kiến, đấm trước âm thanh Niết-bàn và sanh hý luận cho là hoặc có hoặc không. Vì để phá sự chấp trước ấy nên nói Niết-bàn không; nếu người chấp trước có là chấp trước thế gian; nếu chấp trước không, thì chấp trước Niết-bàn. Phá cái Niết-bàn của kẻ phàm phu chấp trước, chứ không phá Niết-bàn của bậc Thánh chứng đắc, vì có sao? Vì thánh nhân đối với hết thấy pháp không thủ tướng.

* Lại nữa, các phiền não ái... giả danh là trời, nếu tu đạo, cõi khỏi trời ấy, được giải thoát tức gọi là Niết-bàn. Lại không có pháp nào riêng gọi là Niết-bàn; như người bị cùm chân được thoát, mà hý luận rằng: ấy cùm, ấy chân, cái gì là giải thoát? Người như vậy đáng cười, ngoài cùm, ngoài chân còn tìm sự giải thoát. Chúng sanh cũng như vậy, lia cái cùm ngũ uẩn, còn tìm pháp giải thoát?

* Lại nữa, hết thấy pháp không lia đệ nhất nghĩa, đệ nhất nghĩa không lia thật tướng các pháp. Làm cho thật tướng các pháp không, gọi là đệ nhất nghĩa không. Như vậy, các thứ, gọi là đệ nhất nghĩa không.

7-8. Hữu vi không, vô vi không: Hữu vi pháp là pháp do nhân duyên hòa hợp sanh, đó là năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới... Vô vi pháp là không nhân duyên, thường chẳng sanh chẳng diệt như hư không. Hữu vi pháp do hai nhân duyên nên không: 1. Là không ta, không của ta và không tướng thường, không biến dị, không thể có được nên không. 2. Hữu vi pháp, tướng hữu vi pháp không, chẳng sanh chẳng diệt, không có gì.

Hỏi: Ta, của ta và tướng *thường*, không thể có được cho nên không; có sao nói hữu vi pháp, tướng hữu vi pháp cũng không?

Đáp: Nếu không chúng sanh, pháp không chỗ dựa. Lại vô thường nên không có lúc ngưng trụ, không có lúc trụ, nên không thể biết được, cho nên pháp cũng không.

Hỏi: Trong pháp hữu vi, tướng thường là không thể có được, còn không thể có được ấy là chúng sanh không hay pháp không?

Đáp: Có người nói tâm ta điên đảo nên chấp ta là thường, cái thường ấy không, thời thuộc vào chúng sanh không.

Có người nói: cho tâm là thường, như Phạm thiên vương nói, tứ đại và tứ đại sở tạo sắc đều vô thường, còn tâm ý thức là thường. Cái thường không ấy, thời thuộc vào pháp không.

Hoặc có người nói: năm uẩn tức là thường, như sắc uẩn tuy biến hóa mà cũng không diệt. Các uẩn khác cũng nói giống như tâm. *Năm uẩn không* tức là pháp không, cho nên thường không, cũng nhiếp vào pháp không.

* Lại nữa, hữu vi pháp, vô vi pháp không, là hành giả quán thật tướng pháp hữu vi, pháp vô vi, không có tác giả, chỉ do nhân duyên hòa hợp nên có, đều là hư dối, ức tướng phân biệt sanh, không ở trong, không ở ngoài, không ở chặn giữa, phạm phu điên đảo thấy nên có, còn trí giả đối pháp hữu vi không tìm được tướng nó, biết nó chỉ là tên giả. Lấy tên giả ấy mà dẫn đạo phạm phu, biết nó hư dối không thật, không sanh, không làm, tâm không dính mắc.

* Lại nữa, các bậc hiền thánh không duyên pháp hữu vi mà được đạo quả, nhưng do quán pháp hữu vi không, nên đối với pháp hữu vi tâm không vướng buộc.

* Lại nữa, lìa hữu vi thời không vô vi, vì sao? Vì thật tướng của hữu vi chính là vô vi; tướng vô vi thời chẳng phải hữu vi, chỉ vì chúng sanh điên đảo nên phân biệt nói.

Tướng hữu vi là sanh diệt trụ dị, tướng vô vi là chẳng sanh chẳng diệt chẳng trụ chẳng dị; ấy là cửa ban đầu để vào Phật pháp. Nếu pháp vô vi có tướng, ấy thời là hữu vi. Hữu vi pháp sanh tướng là Tập đế, diệt tướng là Diệt đế. Nếu không tập thời không làm, nếu không làm thời không diệt; ấy là tướng như thật của vô vi pháp. Nếu ngộ được thật tướng các pháp thời không còn rơi trong tướng sanh, diệt, trụ, dị, khi ấy không thấy pháp hữu vi hợp với pháp vô vi, không

thấy vô vi hợp với pháp hữu vi; không thủ tướng hữu vi pháp vô vi pháp; ấy là vô vi pháp, vì sao? Vì nếu phân biệt hữu vi pháp vô vi pháp, thời đối với hữu vi vô vi bị chướng ngại. Nếu dứt hết các ức tướng phân biệt, dứt các duyên, vì thật trí không các duyên thì không đọa vào trong chúng sanh số, mà được Niết-bàn an ổn thường vui.

Hỏi: Năm không trước đều nói riêng, nay hữu vi vô vi không, có sao hợp lại nói?

Đáp: Pháp hữu vi vô vi đối đãi nhau mà có, nếu trừ hữu vi thời không vô vi, nếu trừ vô vi thời không hữu vi, hai pháp này thu nhiếp hết thấy pháp. Hành giả quán pháp hữu vi có nhược điểm là vô thường, khổ, không, biết pháp vô vi có chỗ lợi ích rộng lớn, cho nên hai pháp hiệp lại nói.

Hỏi: Pháp hữu vi do nhân duyên hòa hợp sanh, không có tự tánh nên không, việc ấy có thể như vậy, còn vô vi pháp chẳng phải là pháp do nhân duyên sanh, không thể phá không thể hoại, thường như hư không, có sao không?

Đáp: Như trước nói, nếu trừ hữu vi thời không có vô vi, thật tướng của hữu vi tức là vô vi, nếu như hữu vi không thì vô vi cũng không, vì hai sự chẳng khác nhau.

* Lại nữa, có người nghe nói: pháp hữu vi có tội lỗi, mà ái trước pháp vô vi, vì ái trước nên sanh các kiết sử, như trong A-tỳ-đàm nói: 89 sử (trong 98 sử mà tách ra - N.D) duyên pháp hữu vi mà phát sanh (là duyên Khổ, Tập, Đạo đế mà không ngộ, phát sanh lậu hoặc; gọi tắt là hữu vi duyên hoặc - N.D), sáu sử duyên pháp vô vi mà phát sanh (là duyên Diệt đế mà không ngộ, phát sanh lậu hoặc; gọi tắt là vô vi duyên hoặc - N.D), còn ba sử (nghi, tà kiến, vô minh - N.D) thì sẽ phân biệt: vô minh sử thuộc Dục giới do thấy Diệt đế được đoạn trừ, hoặc duyên pháp hữu vi mà phát sanh, hoặc duyên pháp vô vi mà phát sanh.

Thế nào là vô minh sử do duyên pháp hữu vi mà phát sanh? Đó là vô minh sử tương ứng với sử, do duyên pháp hữu vi mà phát sanh (*tức cộng vô minh - N.D*), được đoạn trừ bởi thấy được Diệt đế.

Thế nào là vô minh sử do duyên pháp vô vi phát sanh? Đó là vô minh sử không tương ứng (*tức bất cộng vô minh - N.D*), với sử do duyên pháp hữu vi mà phát sanh, được đoạn trừ bởi thấy được Diệt đế.

Vô minh sử thuộc Sắc giới, Vô sắc giới cũng như vậy. Vì kiết sử ấy hay khởi lên nghiệp bất thiện, do nghiệp bất thiện nên đọa vào ba đường ác, vì thế nên nói vô vi pháp không.

Kiết sử duyên pháp vô vi mà phát sanh là nghi, tà kiến, vô minh.

Nghi là, đối với Niết-bàn nghi là có hay là không?

Tà kiến là, nếu sanh tâm nói rằng nhất định không có Niết-bàn. Vô minh tương ứng với nghi, tà kiến ấy cùng độc đầu vô minh hợp lại, là vô minh sử.

Hỏi: Nếu nói vô vi pháp không, thì khác gì với tà kiến?

Đáp: Người tà kiến không tin Niết-bàn, rồi sau sanh tâm nói nhất định không có Niết-bàn, còn vô vi pháp không, là phá chấp thủ tướng Niết-bàn, thế là khác.

* Lại nữa, nếu người bỏ hữu vi chấp trước vô vi, vì chấp trước nên vô vi liền thành hữu vi, vì vậy nên tuy phá vô vi mà chẳng phải tà kiến; ấy gọi là hữu vi vô vi không.

9. Tất cảnh không: Lấy hữu vi không, vô vi không, phá các pháp không còn có sót thừa, ấy gọi là tất cảnh không. Như lậu tận A-la-hán gọi là tất cảnh thanh tịnh (rất ráo thanh tịnh); A-na-hàm cho đến khi xa lìa dục sử của cõi vô sở hữu xứ, không gọi là tất cảnh thanh tịnh, đây cũng như thế. Nội không, ngoại không, nội ngoại không, mười phương không, Đệ nhất nghĩa không, hữu vi

không, vô vi không, không còn thừa pháp gì chẳng không; ấy gọi là tất cảnh không.

* Lại nữa, nếu người có quý tộc bảy đời, trăm ngàn vạn ức vô lượng đời mới gọi là tất cảnh quý, chứ không phải một đời, hai đời, ba đời quý tộc là thật quý. Tất cảnh không cũng như vậy. Từ xưa đến đây không một pháp nhân duyên sanh nào mà nhất định thật chẳng không.

Có người nói: nay tuy không, mà lúc tối sơ chẳng không, như trời khởi thì tạo vật và minh sơ, vi trần. Nhưng nó thấy đều không, vì sao? Vì quả (*do trời, vi trần tạo ra*) vô thường, nên nhân (*trời, minh sơ, vi trần - ND*) cũng vô thường; còn nếu như hư không không tác quả, cũng không tác nhân, trời và vi trần... cũng nên như vậy. Nếu trời và vi trần cũng thường như vậy, thời không thể sanh vô thường. Nếu quá khứ không có tướng nhất định, thì đời vị lai, hiện tại cũng như vậy. Trong ba đời không có một pháp nào nhất định thật chẳng không; ấy gọi là tất cảnh không.

Hỏi: Nếu ba đời đều không, cho đến vi trần và một niệm cũng không có, thời là chỗ rất đáng sợ. Các người trí tuệ vì cái vui thiền định nên bỏ cái vui thế gian; vì cái vui Niết-bàn nên bỏ cái vui thiền định; nay trong tất cảnh không, cho đến Niết-bàn cũng không có, vậy dựa pháp gì để bỏ cái vui Niết-bàn?

Đáp: Người chấp trước ta, tôi, quen lấy tướng một, khác, để phân biệt các pháp, người như vậy thời cho rốt ráo không là đáng sợ; như Phật nói chỗ rất kinh sợ của kẻ phạm phu đó là không ta, không của ta.

* Lại nữa, pháp hữu vi có ba đời, vì là pháp hữu lậu nên sanh ái trước. Niết-bàn là dứt hết thấy ái trước, có sao đối Niết-bàn còn cầu lìa bỏ?

* Lại nữa, như Tỳ-kheo phá bốn giới trọng; ấy gọi là tất cảnh phá giới, không bảo phạm đắc đạo. Lại như làm tội ngũ nghịch, rốt

ráo đóng ba đường thiện; người thủ chứng Thanh văn thì rất ráo không được làm Phật. Tất cảnh không cũng như vậy, đối hết thầy pháp rất ráo không, không còn thừa pháp nào.

Hỏi: Hết thầy pháp rất ráo không, việc ấy không đúng, vì sao? Vì ba đời mười phương các pháp, cho đến pháp tướng, pháp trụ, chắc phải có thật. Vì có một pháp thật, nên các pháp khác mới là hư vọng, nếu không có một pháp thật thời cũng không thể có các pháp hư vọng, là tất cảnh không?

Đáp: Không có cho đến không một pháp thật, vì sao? Vì nếu có cho đến một pháp thật, thời pháp ấy phải hoặc là hữu vi, hoặc là vô vi. Nếu là hữu vi, thời đã phá trong đoạn hữu vi không. Nếu là vô vi, thời cũng đã phá trong đoạn vô vi không. Như vậy thế gian, xuất thế gian. Nếu thế gian thì nội không, ngoại không, nội ngoại không, đại không đã phá; nếu xuất thế gian thì đệ nhất nghĩa không đã phá. Sắc pháp, vô sắc pháp, hữu lậu, vô lậu pháp cũng như vậy.

* Lại nữa, hết thầy pháp rất ráo không ấy cũng không, không, không có pháp, nên cũng không có hư và thật đối đãi nhau.

* Lại nữa, rất ráo không là phá hết thầy pháp, khiến không còn sót lại, cho nên gọi là rất ráo không; nếu có chút ít thừa lại thời không gọi là rất ráo; nếu nói vì đối đãi nên có, việc ấy không đúng.

Hỏi: Các pháp chẳng phải không hết, vì sao? Vì pháp do nhân duyên sanh nên không, mà nhân duyên thì chẳng không, ví như nhân duyên kèo, cột, hòa hợp nên gọi là nhà, nhà không mà kèo cột chẳng phải không?

Đáp: Nhân duyên cũng không, vì nhân duyên bất định; ví như cha con, do cha sanh nên gọi là con, do sanh con nên gọi là cha.

* Lại nữa, nhân duyên tối hậu, không chỗ nương dựa; như các loại núi, sông, cây cỏ chúng sanh đều nương dựa đất, đất nương dựa

nước, nước nương dựa gió, gió nương dựa hư không, hư không không chỗ nương dựa. Nếu gốc không chỗ nương dựa, thì ngọn không chỗ nương dựa, vì vậy nên biết hết thấy rốt ráo không.

Hỏi: Không phải. Các pháp phải có cội gốc, như thần thông có chỗ biến hóa, vật hóa ra tuy hư dối, mà hóa chủ chẳng không?

Đáp: Người phàm phu thấy vật biến hóa ra không trụ lâu cho là không, hóa chủ trụ lâu nên cho là thật; còn thánh nhân thấy hóa chủ lại từ nghiệp nhân duyên đời trước hòa hợp sanh ra, đời nay lại chứa các thiện pháp, được lực thần thông, cho nên hay biến hóa. Như trong phẩm sau của kinh Bát-nhã ba-la-mật nói: Có ba loại biến hóa là phiền não biến hóa, nghiệp biến hóa, pháp biến hóa (pháp, pháp thân); cho nên biết hóa chủ cũng không.

Hỏi: Những thứ không bền chắc, không thật, cho nên không, còn các thứ bền chắc và thật chẳng thể không; như đại địa, núi Tu-di, nước biển cả, mặt trời mặt trăng, Kim cang... là pháp thật, bền chắc, cho nên chẳng thể không, vì có sao? Vì đất và núi Tu-di thường trụ trọn kiếp, các sông có khô, biển vẫn thường đầy, mặt trời mặt trăng quanh bầu trời không bao giờ cùng. Lại như phàm phu thấy hư vọng không thật cho nên không, còn thánh nhân chứng đắc như như, pháp tánh, chân tế, Niết-bàn, phải là thật pháp, có sao rốt ráo đều không?

* Lại nữa, pháp hữu vi do nhân duyên sanh nên không thật, còn pháp vô vi không do nhân duyên sanh nên phải thật, có sao lại nói là rốt ráo không?

Đáp: Bền chắc, không bền chắc, không nhất định, cho nên đều không, vì có sao? Vì có người cho đó là bền chắc, lại có người cho đó là không bền chắc; như người cho Kim cang là bền chắc, còn Đế-thích tay cầm như người cầm gậy, không cho là bền chắc. Lại không biết nhân duyên phá hoại Kim cang nên cho Kim cang là bền chắc, nếu biết đặt nó trên xương rùa, lấy sừng dê núi đánh phá,

thời biết nó không bền chắc; như thân cao bảy thước cho biển lớn là sâu, còn chúa La-hầu A-tu-la đứng giữa biển nước chưa đến đầu gối, lấy hai tay che núi Tu-di, cúi xuống xem thành Thiện kiến ở cõi trời Đao-lợi, thời cho nước biển là cạn. Nếu người đoán thọ thì cho quả đất là trường cửu bền chắc, còn người trường thọ thời thấy quả đất vô thường chẳng bền chắc. Như Phật nói kinh Ví dụ bảy mặt trời: Phật bảo các Tỳ-kheo, hết thấy pháp hữu vi, vô thường biến dị, đều trở về tiêu diệt. Lúc kiếp sắp hết, đại hạn lâu ngày, cỏ thuốc cây cối đều khô cháy. Khi mặt trời thứ hai xuất hiện, nước các sông nhỏ đều khô hết. Khi mặt trời thứ ba xuất hiện, nước các sông lớn đều khô hết. Khi mặt trời thứ tư xuất hiện, bốn sông lớn trong cõi Diêm-phù-đề (*Án Độ - N.D*) và ao A-na-bà-đạt-đa đều khô hết. Khi mặt trời thứ năm xuất hiện, biển lớn khô hết; khi mặt trời thứ sáu xuất hiện đại địa và núi Tu-di khói bốc, như lò đốt của thợ gốm; khi mặt trời thứ bảy xuất hiện, tất cả đều cháy tiêu, không còn hơi khói; từ quả đất, núi Tu-di đến cõi Phạm thiên lửa đều bốc cháy. Bấy giờ, trời Quang Âm mới sanh, thấy lửa sợ hãi nói: đã đốt Phạm cung, sắp không đến đây ư? Các trời sanh ra trước ủy dụ các trời sanh ra sau rằng: đã từng có như vậy, đốt ngang Phạm cung rồi tắt ở đó không đến đây đâu! Đốt ba ngàn đại thiên thế giới xong, không còn tro than.

Phật dạy các Tỳ-kheo: việc lớn như vậy, ai tin điều đó? Chi có tận mắt thấy, mới tin được thôi.

Lại này Tỳ-kheo, thời quá khứ, thầy ngoại đạo tên Tu-niết-đa-la, lia dục, thực hành bốn phạm hạnh, vô lượng đệ tử cũng được lia dục. Tu-niết-đa-la mới nghĩ rằng: ta không nên cùng đệ tử sanh chung một chỗ, ta sẽ tu sâu tâm từ. Người này do tư duy sâu tâm từ, nên được sanh lên cõi trời Quang-âm. Phật dạy: Tu-niết-đa-la chính là thân Ta vậy. Ta lúc ấy chính mắt thấy việc ấy. Vì vậy nên biết vật thật bền chắc đều trở về tiêu diệt.

Hỏi: Ông nói rốt ráo không, cứ sao còn nói vô thường? Rốt ráo không thì ngay đây chính là không, còn vô thường thì nay có sau không?

Đáp: Vô thường là cửa ban đầu của không. Nếu rõ thấu vô thường thì các pháp là không. Vì vậy nên thánh nhân dùng bốn hành tướng để quán thế gian vô thường. Nếu thấy vật ái trước vô thường, vô thường thì sanh khổ, khổ nên tâm sanh nhàm chán xa lìa. Nếu là vô thường, không, thì không thể chấp thủ, như huyễn như hóa, ấy gọi là không. Ngoại vật đã không, nội chủ cũng không, ấy gọi là vô ngã.

* Lại nữa, rốt ráo, ấy là chơn không. Có hai hạng chúng sanh: 1. Tập tham ái nhiều. 2. Tập tưởng kiến nhiều. Người tham ái nhiều ưa sanh đắm trước. Vì vật đắm trước ấy vô thường cho nên sanh ưu khổ. Vì hạng người ấy nên nói: vật ông đắm trước là vô thường hư hoại, nên ông vì nó sanh khổ, nếu vật đắm trước sanh khổ thì không nên sanh tâm đắm trước, ấy gọi là cửa vô tác giải thoát.

Người tưởng kiến nhiều thì hay phân biệt các pháp, vì không biết thật tướng nên đắm trước tà kiến. Vì hạng người ấy nên nói thẳng các pháp rốt ráo không.

* Lại nữa, nếu có nói, là có thể phá, có thể phá nên không. Đối tượng thấy đã không, chủ thể thấy cũng không; ấy gọi là rốt ráo không. Ông nói pháp của thánh nhân chứng đắc phải là thật, vì pháp thánh nhân có thể diệt ba độc, chẳng phải điên đảo hư dối, có thể làm cho chúng sanh lìa khổ già, bệnh, chết, đạt đến Niết-bàn. Pháp ấy tuy là thật, cũng đều từ nhân duyên hòa hợp sanh. Nên trước không nay có, nay có sau không, nên không thể lãnh thọ, không thể chấp trước, cũng không, chẳng phải thật. Như Phật nói kinh ví dụ chiếc bè: thiện pháp còn phải bỏ, huống chi pháp bất thiện?

* Lại nữa, pháp hữu vi vô lậu (*chỉ Đạo đế - N.D*) của thánh nhân, từ pháp hữu lậu làm duyên sanh, pháp duyên theo hữu lậu

pháp hư vọng không thật sanh ra, làm sao thật được? Lìa pháp hữu vi không có pháp vô vi, như trước nói: thật tướng của pháp hữu vi chính là pháp vô vi. Vì vậy, hết thảy pháp rốt ráo không thể có được, nên gọi là rốt ráo không.

10. Vô thi không: Hoặc chúng sanh, hoặc pháp thế gian đều không có ban đầu; như đời nay từ nhân duyên đời trước mà có, đời trước lại từ đời trước; như vậy triển chuyển không có chúng sanh ban đầu. Pháp cũng như vậy, vì sao? Vì nếu trước sanh sau chết, thời không từ chết nên sanh, sanh cũng không chết; nếu trước chết sau sanh, thời không nhân không duyên, cũng không sanh mà có chết. Vì vậy nên hết thảy pháp không có ban đầu. Như trong Kinh nói: Phật dạy các Tỳ-kheo, chúng sanh không có ban đầu, do vô minh che lấp, ái ràng buộc nên qua lại sống chết, ban đầu không thể có được. Pháp pháp không ban đầu ấy, nên gọi là vô thi không.

Hỏi: Vô thi là thật, không nên phá, vì sao? Vì nếu chúng sanh và pháp có ban đầu tức bị rơi vào biên kiến, cũng rơi vào vô nhân kiến (*chấp không có nguyên nhân - Vô nhân luận - N.D*). Xa lìa các lỗi, như vậy, cho nên nói chúng sanh và pháp vô thi. Nay lấy vô thi không, để phá vô thi ấy, thời trở lại rơi vào hữu thi kiến?

Đáp: Nay lấy vô thi không phá vô thi kiến, lại không rơi vào hữu thi kiến; ví như cứu người ra khỏi lửa, không nên đổ vào nước sâu. Nay phá vô thi ấy cũng không đắm vào trong hữu thi; ấy là hành trung đạo.

Hỏi: Tại sao phá vô thi?

Đáp: Vì vô cùng. Nếu vô cùng thời không sau. Vô cùng không sau thời không giữa. Nếu vô thi thời phá hoại người nhất thiết trí, vì có sao? Vì nếu thế gian vô cùng, thời không biết được ban đầu của nó, không biết được ban đầu, thời không có người nhất thiết trí. Nếu có người nhất thiết trí, thời chẳng gọi vô thi.

* Lại nữa, nếu chấp thủ tướng chúng sanh, lại chấp thủ các pháp tướng một, tướng khác, lấy tướng một tướng khác ấy, từ đời nay suy lên đời trước, từ đời trước lại suy lên đời trước nữa, như vậy triển chuyển, chúng sanh và pháp ban đầu không thể có được, thời sanh ra kiến chấp về vô thi, kiến chấp ấy hư vọng, lấy một và khác làm gốc, thế nên nên phá. Như lấy hữu vi không, phá hữu vi pháp, hữu vi không ấy, trở lại là bệnh, lại lấy vô vi không, phá vô vi pháp. Nay lấy vô thi phá hữu thi, vô thi trở lại là bệnh, lại lấy vô thi không, phá vô thi ấy; ấy gọi là vô thi không.

Hỏi: Nếu như vậy, có sao Phật nói chúng sanh qua lại sống chết mà bản thể không thể có được?

Đáp: Muốn khiến chúng sanh biết từ lâu xa lại đây, qua lại sống chết là rất khổ, mà sanh tâm nhàm sợ. Như Kinh nói: Một người ở thế gian, kể trong một kiếp thọ thân bị hại, máu dòn chứa nhiều hơn nước biển, khóc lóc rơi lệ và sữa mẹ cho uống cũng đều như vậy. Xương chất cao hơn núi Tỳ-phù-la, ví dụ cắt cỏ cây trong thiên hạ làm cái thẻ dài hai tấc để đếm số cha, ông, tăng tổ vẫn không đếm hết. Lại như lấy hết đất làm từng viên, đếm số mẹ, bà nội vẫn không đếm hết. Như vậy chịu sống chết khổ não trong vô lượng kiếp, ban đầu không thể có được, tâm sanh sợ hãi, mà dứt các kiết sử.

Cũng như vô thường, tuy là có biên giới mà Phật dùng vô thường để độ chúng sanh. Vô thi cũng như vậy, tuy là có biên giới, Phật cũng dùng vô thi để độ chúng sanh. Vì độ chúng sanh khiến sanh tâm nhàm chán, nên nói có vô thi, chẳng phải là thật có vô thi, vì có sao? Vì nếu thật có vô thi thì không nên nói vô thi không.

Hỏi: Nếu vô thi chẳng phải thật pháp, có sao dùng nó độ người?

Đáp: Trong thật pháp không có độ người. Các pháp được nói bằng ngôn ngữ độ người, đều là pháp hữu vi hư dối. Phật dùng lực

phương tiện nói là vô thi, vì lấy tâm không chấp trước mà nói, nên người lãnh thọ cũng được không chấp trước; không chấp trước, nên sanh nhàm lìa.

* Lại nữa, dùng trí tức mạng thấy chúng sanh sống chết tương tục vô cùng, lúc ấy là thật; còn nếu dùng mắt tuệ thời lại thấy chúng sanh và pháp rốt ráo không; vì vậy nên nói vô thi không. Như trong kinh Bát-nhã ba-la-mật nói: Quán thường chẳng thật, quán vô thường cũng chẳng thật; quán khổ chẳng thật, quán vui cũng chẳng thật. Nhưng Phật bảo thường và vui là điên đảo, vô thường và khổ là đế lý, bởi vì chúng sanh phần nhiều đắm trước thường và vui, không đắm trước vô thường và khổ; vì vậy lấy đế lý vô thường và khổ phá điên đảo thường vui. Vậy nên nói vô thường, khổ là đế lý. Nếu chúng sanh lại đắm trước vô thường, khổ, thời Phật nói vô thường, khổ cũng không; hữu thi vô thi cũng như vậy. Vô thi có thể phá điên đảo chấp trước thi, nếu chấp trước vô thi thời lại cho vô thi là không; ấy gọi là vô thi không.

Hỏi: Pháp hữu thi cũng là tà kiến nên phải phá; có sao chỉ phá vô thi?

Đáp: Hữu thi là làm to, vì có sao? Vì nếu hữu thi thì thân ban đầu không có nhân duyên của tội phước mà lại sanh chỗ lành chỗ dữ. Nếu từ nhân duyên của tội phước mà sanh ra, thời không gọi là thân ban đầu, vì sao? Vì nếu có tội phước thời từ thân trước thọ thân sau; nếu thế gian vô thi, thời không có lỗi như vậy. Thế nên Bồ-tát trước đã lìa bỏ tà kiến thô ác ấy; thường tập dùng vô thi nghĩ tới chúng sanh nên nói vô thi; thường thực hành pháp nhân duyên nên nói pháp vô thi; vì chưa được nhất thiết trí, nên hoặc đối với vô thi bị sai lầm; vì vậy nên nói vô thi không.

* Lại nữa, vô thi đã phá hữu thi, không cần lấy không phá hữu thi, còn nay muốn phá vô thi, nên nói vô thi không.

Hỏi: Nếu vô thi phá hữu thi, thời hữu thi cũng có thể phá vô thi, có sao ông chỉ lấy không phá vô thi?

Đáp: Hai cái đó tuy đều là tà kiến, mà có sai khác. Hữu thi là nhân duyên khởi lên các tà kiến phiền não, vô thi thời là nhân duyên khởi lên từ bi và chánh kiến, vì có sao? Vì nghĩ tới chúng sanh thọ khổ não từ đời vô thi mà khởi tâm từ bi, biết từ thân lẫn lứa sanh thân, tiếp nối không dứt, bèn biết quả báo tội phước nên sanh chánh kiến. Nếu người không chấp trước vô thi, thì tức là thiện pháp trợ đạo; nếu thủ tướng sanh đấm trước, thì tức là tà kiến, như thường kiến, vô thường kiến. Hữu thi kiến tuy phá vô thi kiến, nhưng không thể rốt ráo phá vô thi, mà vô thi có thể rốt ráo phá hữu thi, cho nên vô thi là thắng; như thiện phá bất thiện, bất thiện phá thiện, tuy phá lẫn nhau, mà thiện có thể rốt ráo phá ác, như khi chúng được hiện thánh đạo, vĩnh viễn không còn làm ác. Ác pháp thì không thể, vì thể lực nhỏ mỏng; như người tuy khởi tội ngũ nghịch, dứt thiện căn, đọa địa ngục, nhân duyên lâu không quá một kiếp được thoát khỏi địa ngục, cuối cùng thành đạo quả. Vô thi, hữu thi hơn kém không đồng cũng như vậy. Vì lực vô thi lớn, nên hay phá hữu thi, vì vậy không nói hữu thi không.

11. Tán không: Tán là tướng lìa biệt, như các pháp hòa hợp nên có, như xe do thùng, gọng, tấm, vành, hợp lại thành, nếu lìa rời mỗi cái mỗi nơi, thời mất tên xe; do năm uẩn hòa hợp nên gọi là người, nếu năm uẩn lìa biệt, thời người chẳng có được.

Hỏi: Nói như vậy chỉ phá giả danh mà không phá sắc, cũng như lìa tán, gọng, thùng thời có thể phá tên xe, chứ không phá gọng, thùng. Tán không cũng như vậy; chỉ lìa tán năm uẩn, có thể phá người, mà không phá năm uẩn sắc...?

Đáp: Sắc... cũng là giả danh đều bị phá, vì sao? Vì do vi trần hòa hợp giả danh là sắc.

Hỏi: Tôi không lấy vi trần, chỉ lấy cái thấy được là sắc, ấy thật là có, có sao khi nó phân tán ra là không?

Đáp: Nếu trừ vi trần, tứ đại hòa hợp làm nhân duyên sanh ra sắc có thể thấy, cũng là giả danh, như gió bốn phương hòa hợp quạt nước làm nổi bọt, tứ đại hòa hợp thành sắc cũng như vậy, nếu ly tán tứ đại thời không có sắc.

* Lại nữa, sắc ấy do hương, vị, xúc và bốn đại hòa hợp, cho nên có sắc có thể thấy; nếu trừ hương, vị, xúc... không còn có sắc riêng, lấy trí phân biệt, mỗi mỗi ly tán, sắc không thể có được. Nếu sắc thật có thì bỏ các pháp ấy, nên riêng có sắc, nhưng lại không riêng có, cho nên Kinh nói: Sắc có đều do tứ đại hòa hợp mà có, hòa hợp có nên đều là giả danh, giả danh nên có thể ly tán.

Hỏi: Sắc uẩn giả danh nên có ly tán, còn bốn uẩn kia không sắc, có sao ly tán?

Đáp: Bốn uẩn cũng là giả danh, vì quán thấy sanh, già, trụ, diệt, ly tán trở thành không, vì sao? Vì khi sanh khác, khi già khác, khi trụ khác, khi diệt khác.

* Lại nữa, trong ba đời quán thấy bốn uẩn ấy cũng đều tán diệt. Lại nữa, tâm theo cảnh sở duyên, duyên diệt thời diệt, duyên phá thời phá.

* Lại nữa, bốn uẩn ấy bất định, tùy duyên sanh, ví như lửa tùy ở chỗ đốt mà gọi tên; nếu lìa chỗ đốt thời lửa không thể có được. Nhân mắt duyên sắc sanh nhãn thức, nếu lìa sắc sở duyên thời thức không thể có được. Các căn thức khác cũng như vậy, như trong Kinh nói: Phật bảo La-đà, sắc uẩn ấy phá hoại tán diệt làm cho không có gì, bốn uẩn kia cũng như vậy; ấy gọi là tán không.

* Lại nữa, thí như trẻ con nhóm đất làm lâu đài, thành quách, xóm làng, nhà cửa, hoặc gọi là gạo, là bún, ưa đắm thủ hộ, sớm tối

đem theo, khi tâm nó lia bỏ thì đập phá tán diệt. Người phạm phu cũng như vậy; vì chưa lia đục, sanh tâm ưa đắm các pháp; nếu đã lia đục thì thấy các pháp đều tán hoại vứt bỏ; ấy gọi là tán không.

* Lại nữa, vì các pháp tập hợp, có tên gọi riêng; người phạm phu chạy theo tên gọi, sanh tâm điên đảo nhiễm trước. Phật thuyết pháp dạy quán sự thật của nó, chớ chạy theo tên gọi, có và không đều không; như kinh Ca-chiên-diên nói: quán Tập để thời không vô kiến, quán Diệt để thời không hữu kiến; các nhân duyên như vậy, ấy gọi là tán không.

12. Tánh không: Các pháp tánh thường không, nhờ tương tục nên in tuồng chẳng không; ví như nước tánh vốn lạnh, nhờ lửa nên nóng; ngưng lửa lâu thời nước trở lại lạnh. Các pháp tánh cũng như vậy; khi chưa sanh, rỗng không không có gì; như nước tánh thường lạnh, các pháp nhờ các duyên hòa hợp nên có; như nước được lửa thành nóng. Các duyên hoặc ít hoặc không có, thời không có pháp; như lửa tắt thời nước nóng thành lạnh; như Kinh nói: con mắt không, vô ngã, vô ngã sở, vì sao? Vì tánh nó tự như vậy; tai, mũi, lưỡi, thân, ý, sắc cho đến pháp, cũng đều như vậy.

Hỏi: Kinh ấy nói ngã, ngã sở không, ấy là nói chúng sanh không không phải nói pháp không, làm sao chứng minh tánh không?

Đáp: Trong ấy, chỉ nói tánh không, không nói chúng sanh không và pháp không. Tánh không có hai: 1. Trong mười hai nhập không ta, không của ta. 2. Tương mười hai nhập tự không; còn không ta, không của ta, là trong luận Thanh văn nói. Trong pháp Đại thừa nói: chính mười hai nhập, ta, của ta không có nên không, mười hai nhập, tánh không có, nên không.

* Lại nữa, nếu không có ta, không của ta thì tự nhiên được pháp không. Vì người ta chấp trước ta, của ta nên Phật chỉ nói không ta, không của ta. Như vậy, phải nên biết hết thấy pháp không. Nếu ta, của

ta còn không chấp trước, huông chi là pháp khác. Vì vậy, chúng sanh không, pháp không, cuối cùng quy về một nghĩa, gọi là tánh không.

* Lại nữa, tánh là tự có, không nhờ nhân duyên, nếu nhờ nhân duyên thì là pháp có tạo tác, không gọi là tánh. Trong các pháp đều vô tánh, vì sao? Vì hết thấy pháp hữu vi đều từ nhân duyên sanh, nhân duyên sanh thời pháp có tạo tác; nếu không từ nhân duyên hòa hợp sanh, thời là không pháp. Như vậy hết thấy pháp, tánh không thể có được, nên gọi là tánh không.

Hỏi: Rốt ráo không, không có gì, thời ấy là tánh không; sao nay còn nói lại?

Đáp: Rốt ráo không là không có gì sót lại, còn tánh không là xưa nay thường như vậy; như nước tánh vốn lạnh, nhờ lửa nên nóng; ngưng lửa thời trở lại lạnh. Rốt ráo không như hư không, thường chẳng sanh chẳng diệt, chẳng như chẳng sạch, có sao nói đồng!

* Lại nữa, các pháp rốt ráo không, vì sao? Vì tánh nó không thể có được. Các pháp tánh không, vì sao? Vì rốt ráo không.

* Lại nữa, tánh không, phần nhiều là Bồ-tát hành trì; còn rốt ráo không, phần nhiều là chư Phật hành trì, vì sao? Vì trong tánh không chỉ có nhân duyên hòa hợp, không có thật tánh; còn rốt ráo không thì ba đời thanh tịnh, có sai khác như vậy.

* Lại nữa, hết thấy pháp tánh có hai: 1. Là tánh chung. 2. Là tánh riêng. Tánh chung là vô thường, khổ, không, vô ngã, vô sanh, vô diệt, vô lai, vô khứ, vô nhập, vô xuất.... Tánh riêng là như lửa tánh nóng, nước tánh ướt, tâm là tánh biết; như người ưa làm ác, nên gọi là tánh ác; ưa làm thiện nên gọi là tánh thiện; như trong kinh Thập Lực nói: Phật biết các chủng tánh của thế gian. Các tánh như vậy đều không; ấy gọi là tánh không, vì sao? Vì nếu tánh vô thường là thật, thì mất nghiệp quả báo, vì sao? Vì sanh diệt qua đi không trụ lại, nên sáu căn không lãnh thọ sáu trần, cũng không chứa tập nhân duyên,

nếu không chứa tập thời không tụng kinh, tọa thiền... vì vậy, biết tánh vô thường là không thể có được. Vô thường còn không thể có được, huống chi thường.

* Lại nữa, tánh khổ cũng không thể có được, nếu thật có khổ, thời không nên sanh tâm nhiễm đắm. Nếu người chán sợ khổ thống, thời trong các thứ vui cũng nên chán sợ, và Phật cũng không nên nói ba thọ: khổ, vui, không khổ không vui; cũng không nên đối khổ sanh giận, đối vui sanh ưa, đối không khổ không vui sanh si. Nếu một tướng thời đối vui nên sanh giận, đối khổ nên sanh ưa, nhưng việc ấy không đúng. Như vậy, tánh khổ còn không thể có được, huống chi tánh vui hư vọng, mà lại có thể được.

* Lại nữa, tướng không cũng không thể có được, vì sao? Vì nếu có tướng không thời không có tội phước, tội phước không có nên cũng không có đời này đời sau.

* Lại nữa, các pháp đối đãi nhau có, vì sao? Vì nếu có *không* phải nên có *thật*, nếu có *thật* phải nên có *không*. Tánh *không* còn không huống là có *thật*.

* Lại nữa, nếu không ta thời không trói không mở, cũng không từ đời này đến đời sau chịu tội phước, cũng không có nghiệp nhân duyên quả báo, do các nhân duyên như vậy, biết tánh vô ngã còn không thể có được, huống là tánh ngã.

* Lại nữa, tánh vô sanh vô diệt cũng chẳng thật, vì sao? Vì nếu thật thời rơi vào thường kiến, nếu hết thấy pháp thường, thời không tội không phước. Nếu có thời thường có, không thời thường không; nếu không thời không sanh, có thời không mất, như tánh bất sanh bất diệt không thể có được huống là tánh sanh diệt. Các tánh chung không đi không lại, không ra không vào, cũng như vậy.

* Lại nữa, các pháp có tánh riêng cũng không phải, vì sao? Ví như lửa hay đốt, sắc màu hay chiếu sáng, hai thứ hòa hợp, nên gọi là

lửa; nếu lia hai thứ mà có lửa thời lý đáng riêng có sở dụng, song thật không có sở dụng riêng. Vì vậy nên biết lửa là giả danh, cũng không có thật. Nếu thật không lửa, có sao nói nóng là tánh của lửa.

* Lại nữa, tánh nóng từ các duyên sanh, trong có thân căn, ngoài có sắc xúc chạm, hòa hợp sanh thân thức, biết có nóng, nếu khi chưa hòa hợp, thời không có tánh nóng. Vì vậy nên biết nóng chẳng phải tánh lửa.

* Lại nữa, nếu lửa thật có tánh nóng, có sao có người vào lửa không cháy, và lửa trong thân người sao không đốt thân? Lửa giữa không, nước không làm tắt được? Vì lửa không có tánh nóng nhất định. Do lực thần thông lửa không đốt thân được. Do nhân duyên của nghiệp mà năm tạng trong người không cháy. Do lực rỗng thần, nước không làm tắt được.

* Lại nữa, nếu tánh nóng với lửa khác nhau thời lửa chẳng phải nóng, nếu tánh nóng với lửa là một, có sao nói nóng là tánh của lửa? Các tánh lạnh... cũng như vậy. Tánh chung, tánh riêng ấy không có, gọi là tánh không.

* Lại nữa, tánh không là từ xưa lại nay không; như người thế gian cho vật hư vọng không lâu bền là không; còn các vật như núi Tu-di, Kim cang... và điều thánh nhân biết thì cho là chân thật chẳng không. Để dứt cái nghi ấy, Phật nói các thứ ấy tuy kiên cố bền chắc lâu dài, cũng đều là tánh không. Trí tuệ của thánh nhân tuy độ chúng sanh, dứt các phiền não, mà tánh không thể có được, cho nên cũng là không.

* Lại nữa, người ta cho năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, đều không, chỉ như như, pháp tánh, thật tế là thật tánh của nó. Phật muốn dứt cái nghi ấy, nên chỉ phân biệt nói năm uẩn, như như, pháp tánh, thật tế cũng đều là không; ấy gọi là tánh không.

* Lại nữa, tánh hữu vi có ba tướng là sanh, trụ, diệt; tánh vô vi cũng có ba tướng là bất sanh, bất trụ, bất diệt. Tánh hữu vi còn

không hưởng là pháp hữu vi. Tánh vô vi còn không hưởng là pháp vô vi.

Do các nhân duyên ấy, tánh không thể có được, nên gọi là tánh không.

13. Tự tướng không: *Hết thấy* có hai tướng: tướng chung và tướng riêng. Hai tướng ấy không, cho nên gọi là tướng không.

Hỏi: Thế nào là tướng chung? Thế nào là tướng riêng?

Đáp: Tướng chung như vô thường... Tướng riêng là các pháp tuy đều vô thường mà mỗi pháp có tướng riêng; như đất có tướng cứng, lửa có tướng nóng.

Hỏi: Trước đã nói tánh nay lại nói tướng, vậy tướng và tánh có khác gì nhau?

Đáp: Có người nói nó thật không khác, chỉ có khác tên. Nói tánh tức là nói tướng, nói tướng tức là nói tánh, ví như nói tánh lửa tức là tướng nóng, nói tướng nóng tức là tánh lửa.

Có người nói: tánh và tướng có hơi sai khác. Tánh là nói thể, tướng là nói nó có thể biết được. Như Thích-tử thọ trì cấm giới, ấy là tánh; cạo tóc, mặc Ca-sa, ấy là tướng. Kẻ Phạm-chí tự thọ trì pháp của họ là tánh; đầu có búi tóc, cầm gậy ba chĩa, ấy là tướng. Như lửa nóng là tánh lửa; khói là tướng lửa; gần là tánh, xa là tướng. Tướng không nhất định từ thân phát ra, còn tánh là nói nó thật; như thấy sắc vàng là kim tướng, mà bên trong là đồng, lấy lửa đốt, đá mài, biết nó chẳng phải kim tánh; như người khi cung kính cúng dường, tợ là người lành, ấy là tướng; còn mắng nhiếc hủy nhục, phẫn hận, giận dữ, ấy là tánh nó. Tánh tướng, trong ngoài, xa gần, trước sau có sai biệt như vậy, các tướng ấy đều không; gọi là tướng không.

Như nói hết thấy pháp hữu vi đều tướng vô thường, vì có sao? Vì sanh diệt không ngừng, trước không nay có, có rồi lại không, vì

thuộc các nhân duyên, vì hư vọng không thật. Vì do nhân duyên vô thường sanh, vì do hợp các duyên phát khởi, có các nhân duyên như vậy, nên hết thấy pháp hữu vi là tướng *vô thường*.

Vì nó hay sanh thân tâm phiền não nên gọi là khổ, vì thân đi, đứng, nằm, ngồi đều khổ, vì là khổ thánh đế, vì thánh nhân buông bỏ không lãnh thọ, vì luôn luôn bức não, vì vô thường. Có các nhân duyên như vậy, gọi là *tướng khổ*.

Lìa ngã sở cho nên không; vì nhân duyên hòa hợp sanh cho nên không; vì vô thường, khổ, không, vô ngã cho nên gọi là không; vì trước sau không thể có được cho nên không; vì tâm cuồng cho nên gọi là không; thánh hiền đối với hết thấy pháp không dính mắc cho nên gọi là không; vì là vô tướng, vô tác giải thoát môn cho nên gọi là không, thật tướng các pháp vô lượng vô số cho nên gọi là không; vì dứt hết thấy đường ngôn ngữ cho nên gọi là không; vì dứt hết thấy tâm hành cho nên gọi là không; vì chư Phật, Bích-chi Phật, A-la-hán vào rồi không ra cho nên gọi là không. Có các nhân duyên như vậy, nên gọi là *không*.

Vì vô thường, khổ, không, cho nên vô ngã; vì không tự tại nên vô ngã; vì vô chủ nên vô ngã; vì các pháp đều từ nhân duyên sanh, từ nhân duyên sanh nên vô ngã; vô tướng, vô tác nên vô ngã; vì giả danh nên vô ngã; vì thân kiến điên đảo nên vô ngã; vì dứt tâm chấp ngã thì đắc đạo nên vô ngã. Có các nhân duyên như vậy, gọi là *Vô ngã*. Như vậy gọi là *tướng chung*.

Tướng riêng là tướng cứng của đất, tướng ướt của nước, tướng nóng của lửa, tướng động của gió; chỗ nhãn thức nương là tướng mắt; tai, mũi, lưỡi, thân cũng như vậy. Tướng biết của thức, tướng tuệ của trí, tướng trí của tuệ; xả là tướng bố thí, không hối không não là tướng trì giới; tâm không biến dị là tướng nhẫn nhục; phát động là tướng tinh tấn; nhiếp tâm là tướng thiền định; không dính

mắc là tướng trí tuệ; hay thành tựu sự việc là tướng phương tiện; thức tạo tác sanh diệt là tướng thể gian; vô thức là tướng Niết-bàn. Các pháp như vậy mỗi mỗi có tướng riêng. Biết các tướng ấy đều không; ấy gọi là *tự tướng không*. Các nghĩa khác như trong đoạn Tánh không nói, vì tánh và tướng nghĩa đồng nhau.

Hỏi: Có sao không chỉ nói là tướng không mà nói là tự tướng không?

Đáp: Nếu nói tướng không là không nói đến pháp thể không; nói tự tướng không tức là nói pháp thể không.

* Lại nữa, nhiều pháp hòa hợp nên có một pháp sanh, một pháp ấy không. Như vậy mỗi mỗi pháp đều không, nay pháp hòa hợp nhân duyên, triển chuyển cũng đều không, hết thấy pháp mỗi mỗi tự tướng không; vì vậy nên gọi là *tự tướng không*.

Hỏi: Nếu hết thấy pháp mỗi mỗi tự tướng không, có sao lại có sự giảng nói?

Đáp: Chúng sanh điên đảo nên chấp lấy tướng một, tướng khác, tướng chung, tướng riêng, mà sanh tâm đắm trước; vì để dứt việc ấy nên có sự giảng nói.

Có các nhân duyên như vậy, gọi là *tự tướng không*.

14. Nhất thiết pháp không: Nhất thiết pháp là năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới... các pháp ấy đều nhiếp vào các môn; đó là hết thấy pháp tướng có: tướng biết, tướng thức, tướng duyên, tướng tăng thượng, tướng nhân, tướng quả, tướng chung, tướng riêng, tướng nương tựa.

Hỏi: Thế nào là hết thấy pháp tướng có?

Đáp: Hết thấy pháp có tốt có xấu, có trong có ngoài, đối hết thấy pháp có tâm sanh, nên gọi là có.

Hỏi: Trong vô pháp có sao nói có tướng?

Đáp: Nếu vô pháp thì không gọi là pháp, chỉ vì ngăn có cho nên gọi là vô pháp, còn nếu thật có vô pháp, thời gọi là có; vì vậy nói hết thấy pháp *tướng có*.

Tướng biết là khổ pháp trí, khổ loại trí hay biết Khổ đế, tập pháp trí, tập loại trí hay biết Tập đế; diệt pháp trí, diệt loại trí hay biết Diệt đế; đạo pháp trí, đạo loại trí hay biết Đạo đế. Và thiện trí thế tục hay biết khổ; biết tập; biết diệt; biết đạo; cũng biết hư không và phi trí duyên diệt (*tức là hư không vô vi, phi trạch diệt vô vi - N.D*); ấy gọi là tướng biết của hết thấy pháp.

Tướng thức (biết) là nhãn thức biết sắc, nhĩ thức biết tiếng, tỷ thức biết mùi, thiệt thức biết vị, thân thức biết xúc, ý thức biết pháp. Hay biết mắt, hay biết sắc, hay biết nhãn thức; hay biết tai, hay biết tiếng, hay biết nhĩ thức; hay biết mũi, hay biết mùi, hay biết tỷ thức; hay biết lưỡi, hay biết vị, hay biết thiệt thức; hay biết thân, hay biết xúc, hay biết thân thức; hay biết ý, hay biết pháp, hay biết ý thức; ấy gọi là tướng thức.

Tướng duyên là nhãn thức và pháp tương ưng với nhãn thức hay duyên sắc; nhĩ thức và pháp tương ưng với nhĩ thức hay duyên tiếng; tỷ thức và pháp tương ưng với tỷ thức hay duyên mùi; thiệt thức và pháp tương ưng với thiệt thức hay duyên vị; thân thức và pháp tương ưng với thân thức hay duyên xúc; ý thức và pháp tương ưng với ý thức hay duyên pháp. Hay duyên nhãn, hay duyên sắc, hay duyên nhãn thức; hay duyên tai, hay duyên tiếng, hay duyên nhĩ thức; hay duyên tỷ, hay duyên mùi, hay duyên tỷ thức; hay duyên thiệt, hay duyên vị, hay duyên thiệt thức; hay duyên thân, hay duyên xúc, hay duyên thân thức; hay duyên ý, hay duyên pháp, hay duyên ý thức; ấy gọi là tướng duyên.

Tướng tăng thượng là, hết thấy pháp hữu vi mỗi mỗi tăng thượng. Vô vi pháp cũng có tăng thượng đối với hữu vi pháp; ấy gọi là tướng tăng thượng.

Tướng nhân quả là hết thấy pháp mỗi mỗi làm nhân, mỗi mỗi làm quả; ấy gọi là tướng nhân quả.

Tướng chung tướng riêng là, hết thấy pháp mỗi mỗi có tướng chung tướng riêng; như ngựa là tướng chung, trắng là tướng riêng; như người là tướng chung, nếu mất một cái tai, thời là tướng riêng. Như vậy mỗi mỗi triển chuyển đều có tướng chung tướng riêng; ấy gọi là tướng chung, tướng riêng.

Tướng nương tựa là các pháp đều nương tựa cùng nhau; như cây cỏ núi sông nương tựa đất; đất nương tựa nước. Như vậy mỗi mỗi nương tựa nhau; ấy gọi là tướng nương tựa. Như vậy tướng môn một pháp thu nhiếp hết thấy pháp.

* Lại nữa, môn hai pháp thu nhiếp hết thấy pháp; đó là pháp sắc, vô sắc; pháp khả thấy, không khả thấy; pháp có đối ngại, không đối ngại; pháp hữu lậu, vô lậu; pháp hữu vi, vô vi; pháp trong, pháp ngoài; pháp quán, pháp duyên; pháp có, pháp không; như vậy là các tướng môn hai pháp.

Ba, bốn, năm, sáu cho đến tướng môn vô lượng pháp, thu nhiếp hết thấy pháp, các pháp ấy đều không; như trên nói.

Hỏi: Nếu đều không, cứ sao nói các danh tự hết thấy pháp?

Đáp: Người phạm phu đối với không pháp, vô minh điên đảo chấp thủ tướng, nên phát sanh các phiền não ái... nhân phiền não nên khởi các nghiệp; khởi các nghiệp nên vào các đạo; vào các đạo nên thọ các thân; thọ các thân nên thọ các khổ vui; như tầm nhả tợ, vô có tự mình nhả ra lại trói lấy mình, chịu khổ đốt nấu. Thánh nhân do lực

trí tuệ thanh tịnh phân biệt hết thầy pháp gốc ngọn đều không, muốn độ chúng sanh nên nói chỗ chúng sanh đắm trước là năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới; các người chỉ vì vô minh mà sanh năm uẩn, tự làm tự đắm, nếu thánh nhân chỉ thuyết về không thời họ không thể đắc đạo, vì không sở nhân, không chỗ nhằm chán.

Hỏi: Ông nói hết thầy không, việc ấy không đúng, vì sao? Vì hết thầy pháp, mỗi mỗi nhiếp thủ tự tướng, như đất nhiếp thủ tướng cứng, nước nhiếp thủ tướng ướt, lửa nhiếp thủ tướng nóng, gió nhiếp thủ tướng động, tâm là tướng biết, tuệ là tướng biết, như vậy hết thầy pháp đều tự ở tướng nó, có sao nói không?

Đáp: Trong đoạn tánh không, tự tướng không ở trên đã phá rồi, nay sẽ nói lại: tướng không nhất định, không thể là tướng; như vàng sữa, mật, keo, sáp... đều là tướng đất, khi hợp với lửa, tự bỏ tướng nó, chuyển thành tướng ướt; vàng, bạc, đồng, thiết hợp với lửa cũng tự bỏ tướng nó, biến thành tướng nước; như nước gặp lạnh thành băng, đôi làm tướng đất; như người ngủ say; người vào vô tâm định; cá trong băng giá, đều không tâm thức, bỏ tướng tâm nó, không giác tri gì; như tuệ là tướng biết, khi vào thật tướng các pháp, thời không còn giác tri, tự bỏ tướng biết. Cho nên các pháp không có tướng nhất định.

* Lại nữa, nếu bảo các pháp có tướng nhất định cũng không đúng, vì sao? Vì như tướng của pháp vị lai, không nên đi đến hiện tại; nếu đến hiện tại thời bỏ tướng vị lai; nếu không bỏ tướng vị lai mà vào hiện tại, thời vị lai là hiện tại, là không có quả báo vị lai; nếu hiện tại đi vào quá khứ, thời bỏ tướng hiện tại; nếu không bỏ tướng hiện tại mà vào quá khứ, thời quá khứ là hiện tại. Có các lỗi như vậy, nên biết các pháp không có tướng nhất định.

* Lại nữa, nếu bảo pháp hữu vi, nhất định có ba tướng là sanh, trụ, diệt; pháp vô vi cũng có ba tướng là bất sanh, bất trụ, bất diệt. Ông cho pháp phi trí duyên diệt trong đời vị lai, (tức là phi trạch diệt vô vi

- *N.D*); ấy là pháp hữu vi mà không có tướng hữu vi. Nếu ông cho phi trí duyên tận là tướng diệt; ấy cũng không đúng, vì sao? Vì vô thường diệt tận, ấy gọi là tướng diệt; chứ chẳng phải vì phi trí duyên diệt, nên gọi là tướng diệt. Như vậy mỗi mỗi không có tướng nhất định; nếu có tướng nhất định mà chẳng không, việc ấy không đúng!

Hỏi: Phải thật có pháp, chẳng không; vì phàm phu và thánh nhân biết khác nhau. Pháp của phàm phu biết là hư vọng; pháp của thánh nhân biết là chân thật; nương thánh trí thật nên bỏ pháp hư vọng, không thể nương hư vọng bỏ hư vọng?

Đáp: Vì phá chỗ biết của phàm phu, cho nên nói thánh trí; nếu không pháp phàm phu thời không có pháp thánh; như không bệnh thời không có thuốc. Cho nên Kinh nói lìa pháp phàm phu, thời không có pháp thánh; tánh của pháp phàm phu tức là thánh pháp.

* Lại nữa, thánh nhân đối với các pháp không thủ tướng cũng không đắm trước, vì vậy thánh pháp là chân thật; còn phàm phu đối với các pháp thủ tướng và đắm trước, vì vậy pháp phàm phu là hư vọng. Thánh nhân tuy dùng mà không thủ tướng, không thủ tướng nên không có tướng nhất định, như vậy không nên cật nạn. Ở địa vị phàm phu đắm pháp nên phân biệt là thánh pháp, là phàm phu pháp; nếu ở địa vị hiền thánh thời không phân biệt, chỉ vì dứt bệnh cho chúng sanh nên nói là hư là thật, như nói: Phật ngữ chẳng hư chẳng thật, chẳng trói chẳng mở, chẳng một chẳng khác. Thế nên không phân biệt, thanh tịnh như hư không.

* Lại nữa, nếu pháp chẳng đều không, thời chẳng nên nói *không lý luận* là tướng người trí; cũng chẳng nên nói *không lãnh thọ, không đắm trước, không chỗ nương tựa, không, vô tướng, vô tác* là chơn pháp.

Hỏi: Nếu hết thấy pháp không, thời chính đó cũng là thật, có sao nói không thật?

Đáp: Nếu hết thấy pháp không, giả sử cho nó là có pháp, thì nó đã vào trong hết thấy pháp bị phá; nếu cho nó là không pháp, thì không nên vẫn nạn.

Hỏi: Nếu “hết thấy pháp không” là thật, sao trong tam tạng Phật phần nhiều nói vô thường, khổ, không, vô ngã; như Kinh nói: Phật bảo các Tỳ-kheo, Ta nói pháp cho các ông, gọi là đệ nhất nghĩa không. Thế nào là Đệ nhất nghĩa không? Mắt sanh không từ đâu lại, diệt không đi về đâu, chỉ có nghiệp của nghiệp quả báo, chứ người làm là không thể có được; tai, mũi, lưỡi, thân, ý, cũng như vậy. Trong đây nếu nói sanh không từ đâu đến, diệt không đi về đâu, thường pháp là không thể có được, cho nên vô thường, chỉ có nghiệp và nghiệp quả báo, mà người làm là không thể có được; ấy là đệ nhất nghĩa không trong pháp Thanh văn, có sao nói hết thấy pháp không?

Đáp: Chấp ta là cội gốc của hết thấy phiền não, trước chấp năm uẩn làm ta, sau chấp ngoại vật làm của ta. Vì bị *cái ta* trói buộc nên sanh tham, giận; nhân tham giận nên khởi nghiệp, như Phật nói: *Không người làm* là phá chấp ta trong hết thấy pháp. Nếu nói mắt sanh không từ đâu đến, diệt không đi về đâu, tức là nói mắt vô thường; nếu vô thường tức là khổ, khổ tức là không ta, không của ta. Ta, của ta không có, nên tâm không đắm trước hết thấy pháp. Vì tâm không đắm trước, nên không sanh kiết sử. Không sanh kiết sử, thì cần gì nói không. Vì vậy trong tam tạng phần nhiều nói vô thường, khổ, không, vô ngã, mà không nói nhiều về hết thấy pháp không.

* Lại nữa, chúng sanh tuy nghe Phật nói vô thường, khổ, không, vô ngã, mà cứ hý luận về các pháp. Vì hạng người ấy nên mới nói các pháp không; nếu không ta cũng không của ta, ấy tức là vào nghĩa không.

Hỏi: Có sao Phật nói có nghiệp có quả báo; nếu có nghiệp có quả báo ấy thì chẳng không?

Đáp: Phật dạy pháp có hai: 1. Là không ngã. 2. Là không pháp. Vì hạng người chấp có cái ta thường, nên vì họ nói *không người làm*; vì hạng người chấp đoạn diệt, nên vì họ mà nói *có nghiệp, có quả báo*. Nếu người nghe nói *không người làm* trở lại rơi vào chấp đoạn diệt, nên vì họ nói *có nghiệp, có nghiệp quả báo*. Năm uẩn có thể tạo nghiệp mà không đi đến đời sau, nhân năm uẩn này tương tục sanh năm uẩn khác thọ nghiệp quả báo. Cho nên nói thọ nghiệp quả báo; như mẹ và con thân tuy khác mà có nhân duyên liên hệ nên mẹ uống thuốc mà con lành bệnh. Như vậy năm uẩn đời nay, đời sau tuy khác nhau mà nhân duyên của nghiệp tội phước tương tục, nên từ năm uẩn đời này tạo quả báo năm uẩn đời sau.

* Lại nữa, có người tìm cầu tướng các pháp và đắm vào một pháp hoặc có hoặc không; hoặc thường, hoặc vô thường. Vì đắm pháp nên pháp mình thì ưa, pháp người thì ghét, mà khởi nghiệp ác. Phật vì hạng người đó nên nói các pháp không. Các pháp không thời không có pháp, vì sao? Vì pháp đáng ưa hay sanh kiết sử, sanh kiết sử thời làm nhân duyên cho vô minh; nếu sanh vô minh, làm sao mà thật được; ấy là pháp không.

* Lại nữa, chúng sanh có hai hạng: 1. Hạng đắm thế gian, 2. Hạng cầu ra khỏi thế gian. Hạng cầu ra khỏi thế gian có thượng, trung, hạ. Thượng là hạng lợi căn, có đại tâm cầu Phật đạo; trung là hạng trung căn, cầu Bích-chi Phật đạo; hạ là hạng độn căn, cầu Thanh văn đạo. Vì hạng người cầu Phật đạo mà nói sáu Ba-la-mật và pháp không; vì hạng cầu Bích-chi Phật mà nói mười hai nhân duyên và pháp độc hành; vì hạng cầu Thanh văn đạo, mà nói chúng sanh không và bốn chân đế. Hàng Thanh văn sợ ghét sanh tử, nghe nói chúng sanh không và bốn chân đế, vô thường, khổ, không, vô ngã, không hý luận các pháp; như nai trong vòng vây bị trúng tên độc, chỉ một mục cầu thoát, không còn nghĩ gì khác hơn. Hạng Bích-chi Phật tuy chán già, bệnh, chết, vẫn còn có thể một phần quán nhân

duyên thâm sâu và có thể một phần độ chúng sanh; ví như con tê giác ở trong vòng vây, tuy bị trúng tên độc vẫn còn có thể quuyển luyên con nó. Bồ-tát tuy chán già, bệnh, chết vẫn có thể quán thật tướng các pháp; cứu xét sâu tột vào mười hai nhân duyên, thông đạt pháp không, vào vô lượng pháp tánh; ví như voi bạch hương chúa, ở trong vòng vây thợ săn, tuy bị tên bắn vẫn nhìn xem người thợ săn, tâm không sợ hãi, lại đem kẻ tùy tùng bước đi an ổn. Vì vậy, trong Tam tạng không nói nhiều về pháp không.

Hoặc có kẻ Phạm-chí lợi căn, tìm thật tướng các pháp, không chán già, bệnh, chết, đả các thứ pháp tướng. Phật vì hạng ấy nên nói pháp không. Đó là đối với Tiên ni Phạm-chí Phật không nói năm uẩn tức là thật, cũng không nói lìa năm uẩn là thật.

Lại đối với Phạm-chí Cường Luận, Phật đáp: Trong pháp Ta không thọ nhận có và không, có sao ông luận có và không, ấy là hý luận pháp, chỗ sanh ra kiết sử.

Lại, kinh Đại Không trong Tạp A-hàm nói: hai thứ không là chúng sanh không và pháp không.

Trong kinh La-đà nói: sắc uẩn phá liệt phân tán làm cho không có gì.

Trong kinh Phiệt dụ nói: Pháp còn nên bỏ, huống là phi pháp.

Trong kinh Ba-la-diên, kinh Lợi chúng nói: Người trí đối hết thảy pháp không lãnh thọ, không chấp trước. Nếu lãnh thọ, chấp trước pháp thời sanh hý luận; nếu không nương tựa thời không có luận gì.

Các thánh nhân đắc đạo đối với các pháp, không lấy không bỏ. Nếu không lấy bỏ, thì có thể lìa hết các kiến chấp.

Như vậy trong tam tạng nơi nói pháp không; ấy gọi là hết thảy pháp không.

15. Bất khả đắc không: Có người nói trong 5 uẩn, 12 nhập, 18 giới ngã và thường là không thể có được, cho nên gọi là bất khả đắc không.

Có người nói: trong các nhân duyên cầu thật pháp không thể có được; như trong năm ngón tay, tìm nắm tay không thể có được, cho nên gọi là bất khả đắc không.

Có người nói: hết thấy pháp và nhân duyên rốt ráo không thể có được, cho nên gọi là bất khả đắc không.

Hỏi: Có sao gọi là bất khả đắc không? Vì trí lực kém, nên không thể có được; hay vì thật không, nên không thể có được?

Đáp: Các pháp thật không, cho nên không thể có được, chẳng phải do trí lực kém.

Hỏi: Nếu như vậy, với rốt ráo không, tự tướng không, không khác; sao nay còn nói lại bất khả đắc không?

Đáp: Nếu người nghe nói các không trên là hoàn toàn không có, trong lòng sợ sệt nghi hoặc, nay nói lý do không là vì tìm không thể có được; để dứt chỗ nghi sợ cho họ, nên Phật dạy bất khả đắc không, vì có sao? Vì Phật dạy ta từ khi mới phát tâm cho đến khi thành Phật, và mười phương Phật, đối với trong hết thấy pháp, tìm thật tánh không thể có được; ấy gọi là bất khả đắc không.

Hỏi: Việc gì bất khả đắc?

Đáp: Hết thấy pháp cho đến Vô dư Niết-bàn không thể có được, cho nên gọi là bất khả đắc không.

* Lại nữa, hành giả ngộ được bất khả đắc không ấy, thời không đắc ba độc, bốn dòng, bốn trói, năm triền cái, sáu ái, bảy sử, tám tà, chín kiết, mười ác, các tệ ác cấu nhiễm, trói buộc đều không thể có được, nên gọi là bất khả đắc không.

Hỏi: Nếu như vậy, tu hành bất khả đắc không ấy, thời đắc pháp gì?

Đáp: Đắc giới, định, tuệ, đắc bốn quả Sa-môn, năm căn, năm chủng vô học (năm uẩn vô lậu - N.D), sáu xả pháp, bảy giác chi, tám Thánh đạo phần, chín thứ đệ định, mười pháp vô học (*bậc vô học A-la-hán thành tựu mười pháp vô lậu cũng gọi là mười pháp vô học: vô học chánh kiến, vô học chánh tư duy, vô học chánh ngữ, vô học chánh nghiệp, vô học chánh mạng, vô học chánh tinh tấn, vô học chánh niệm, vô học chánh định, vô học chánh giải thoát, vô học chánh trí - N.D*), như vậy là được pháp Thanh văn. Nếu có được Bát-nhã ba-la-mật thời đầy đủ sáu Ba-la-mật, và công đức mười địa.

Hỏi: Trên kia nói hết thấy pháp cho đến Niết-bàn là không thể có được; sao nay nói được giới, định, tuệ cho đến công đức mười địa?

Đáp: Pháp ấy tuy được, đều đưa tới bất khả đắc không. Vì không lãnh thọ chấp trước ấy, gọi là bất khả đắc; vì là pháp vô vi, nên gọi là bất khả đắc; vì là thánh đế, nên gọi là bất khả đắc; vì là đệ nhất nghĩa đế, nên gọi là bất khả đắc. thánh nhân tuy được các công đức vì vào Vô dư Niết-bàn, nên không cho là được; còn phàm phu thì cho là được lớn; như con sư tử tuy có làm không tự cho là lạ, các loài khác thấy cho là hy hữu. Thánh nhân tuy có đắc mà không cho là được; ấy gọi là bất khả đắc không.

16, 17, 18. Vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không: Vô pháp không là, có người nói: Vô pháp tức là pháp đã diệt. Pháp diệt ấy không, nên gọi là vô pháp không. Hữu pháp không là các pháp nhân duyên hòa hợp sanh, cho nên có pháp. Hữu pháp ấy không có, nên gọi là hữu pháp không. Vô pháp hữu pháp không là tìm tướng vô pháp hữu pháp không thể có được; ấy là vô pháp hữu pháp không.

* Lại nữa, quán vô pháp hữu pháp không, cho nên gọi là vô pháp hữu pháp không.

* Lại nữa, hành giả quán các pháp sanh, diệt, hoặc hữu môn, hoặc vô môn; đối sanh môn thì sanh mừng, đối diệt môn thì sanh lo. Hành giả quán pháp sanh không, thời diệt tâm mừng; quán pháp diệt không, thời diệt tâm lo, vì có sao? Vì sanh không được gì, diệt không mất gì. Vì để trừ thế gian tham ưu nên gọi là vô pháp hữu pháp không.

* Lại nữa, trong mười tám không, ba phẩm không đầu phá hết thấy pháp, ba phẩm không sau cũng phá hết thấy pháp: Hữu pháp không, phá hết thấy pháp khi sanh, khi trụ; vô pháp không, phá hết thấy pháp khi diệt; vô pháp hữu pháp không, phá chung cả sanh diệt một lúc.

* Lại nữa, có người nói: pháp quá khứ vị lai không, ấy gọi là vô pháp không; pháp hiện tại và pháp vô vi không, ấy gọi là hữu pháp không, vì có sao? Vì pháp quá khứ diệt mất, biến dị quy về không; pháp vị lai nhân duyên chưa hòa hợp, chưa sanh, chưa có, chưa xuất, chưa khởi, vì vậy nên gọi là vô pháp. Quán biết pháp hiện tại và pháp vô vi hiện có, ấy là hữu pháp. Cả hai pháp đó đều không, nên gọi là vô pháp hữu pháp không.

* Lại nữa, có người nói: pháp vô vi không sanh, trụ, diệt, ấy gọi là vô pháp; pháp hữu vi có sanh trụ, diệt, ấy gọi là hữu pháp. Các không như vậy, gọi là vô pháp hữu pháp không.

Ấy là Bồ-tát muốn an trụ nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

(HẾT CUỐN 31 THEO BẢN HÁN)

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

CHƯƠNG 44

GIẢI THÍCH: NGHĨA BỐN DUYÊN

KINH: Bồ-tát ma-ha-tát muốn biết nhân duyên, thứ đệ duyên, duyên duyên, tăng thượng duyên của các pháp, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN: Hết thấy pháp hữu vi đều từ bốn duyên sanh, đó là: nhân duyên, thứ đệ duyên, duyên duyên, tăng thượng duyên.

Nhân duyên: tương ưng nhân, cộng sanh nhân, tự chủng nhân, biến nhân, báo nhân. Năm nhân ấy gọi là nhân duyên.

* Lại nữa, hết thấy pháp hữu vi, cũng gọi là nhân duyên.

Thứ đệ duyên (duyên thứ lớp): trừ tâm tâm số pháp quá khứ, hiện tại và tối hậu của A-la-hán, các tâm tâm số pháp quá khứ, hiện tại khác đều có thể làm thứ đệ duyên; ấy gọi là thứ đệ duyên.

Duyên duyên, tăng thượng duyên: là tất cả pháp.

* Lại nữa, Bồ-tát muốn biết tướng riêng tướng chung của bốn duyên, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Hỏi: Như trong Bát-nhã ba-la-mật, bốn duyên đều không thể có được, vì có sao? Vì nếu trong nhân trước đã có quả, việc ấy không đúng; trong nhân trước không có quả, cũng không đúng. Nếu trước có quả, thời không cần nhân; nếu trước không quả, thời lấy gì làm

nhân; nếu trước không quả mà vẫn có, thời cũng có thể từ không nhân mà sanh.

* Lại nữa, thấy quả từ nhân sanh, nên gọi là nhân, nếu trước không quả, làm sao gọi nhân.

* Lại nữa, nếu quả từ nhân sanh, quả tức thuộc nhân, nhân không tự tại, lại thuộc nhân khác. Nếu nhân không tự tại sao nói quả chỉ từ nhân ấy sanh. Do các việc như vậy, nên biết không có nhân duyên.

Lại, tâm tâm số pháp quá khứ đều đã diệt, không tạo tác được gì, làm sao có thể làm thứ đệ duyên. Hiện tại có tâm thời không thứ đệ, nếu làm thứ đệ cho tâm sắp sanh trong đời vị lai, thời tâm vị lai chưa có, làm sao cùng làm thứ đệ, như vậy thời không thứ đệ duyên.

Nếu như hết thấy pháp vô tướng, vô duyên, có sao nói *duyên duyên*?

Nếu hết thấy pháp không thuộc gì, không nương gì, tất cả đều bình đẳng, có sao nói tăng thượng duyên?

Như vậy bốn duyên đều không thể có được, có sao nói: muốn biết bốn duyên nên học Bát-nhã ba-la-mật?

Đáp: Ông không biết tướng Bát-nhã ba-la-mật, vì vậy nên nói trong Bát-nhã ba-la-mật, bốn duyên đều không thể có được. Bát-nhã ba-la-mật đối với hết thấy pháp không bỏ, không phá, rốt ráo thanh tịnh, không các hý luận; như Phật nói có bốn duyên, chỉ vì người thiếu trí, chấp trước nơi bốn duyên mà sanh tà luận. Vì để phá chấp trước ấy, nên nói các pháp thật không, không phá hoại gì, như tâm pháp do nhân duyên nội xứ ngoại xứ (*sáu căn sáu trần - N.D*) hòa hợp sanh, tâm ấy như huyễn như mộng, hư dối không có tánh nhất định. Tâm số pháp cũng như vậy, tâm số pháp cộng sanh với tâm ấy là thọ, tưởng, tư... Tâm số pháp ấy với tâm đồng tướng, đồng duyên, nên gọi là tương ưng. Tâm lấy tâm số pháp tương ưng làm nhân, tâm số pháp lấy tâm tương ưng làm nhân, ấy gọi là tương ưng nhân.

Twong ung nhân: ví như người thân hữu tri thức hòa hợp nhau làm thành sự.

Cộng sanh nhân: hết thầy pháp hữu vi, đều có cộng sanh nhân. Vì cộng sanh nên giúp đỡ nhau; ví như anh em đồng sanh, nên giúp đỡ lẫn nhau.

Tự chủng nhân: hạt giống thiện quá khứ là nhân của thiện pháp trong đời hiện tại, vị lai; hạt giống thiện quá khứ, hiện tại là nhân của thiện pháp trong đời vị lai. Bất thiện vô ký cũng như vậy. Như vậy hết thầy pháp, đều có cái nhân hạt giống của chính mình.

Biến nhân: kiết sử do thấy và tu Khổ đế, Tập đế mà được đoạn trừ là nhân của hết thầy pháp cấu nhiễm; ấy là biến nhân.

Báo nhân: do nhân duyên hành nghiệp nên thọ quả báo thiện ác, ấy là báo nhân. Năm nhân ấy gọi là *nhân duyên*.

Tâm tâm số pháp thứ lớp nối nhau không xen hở, nên gọi là *thứ đệ duyên* (tức đẳng vô gián duyên).

Tâm tâm số pháp duyên theo sáu trần phát sanh, nên gọi là *duyên duyên*.

Khi các pháp sanh, không làm chướng ngại nhau; ấy là *vô chướng duyên* (tức tăng thượng duyên).

* Lại nữa, tâm tâm số pháp từ bốn duyên sanh; vô tướng, diệt tận định từ ba duyên sanh, trừ duyên duyên; các tâm bất tương ưng hành khác và sắc, từ hai duyên sanh, trừ thứ đệ duyên và duyên duyên.

Các pháp hữu vi tánh yếu kém, nên không có pháp nào từ một duyên sanh.

Tâm tâm số pháp do quả báo sanh thì từ năm nhân sanh, vô phú vô ký, vì chẳng phải pháp ô cấu nên trừ biến nhân. Các phiền não

cũng từ năm nhân sanh, trừ báo nhân, vì có sao? Vì các phiền não là hữu phú; còn báo là vô phú (vô ký) nên trừ báo nhân. Sắc do quả báo sanh và tâm bất tương ưng hành từ bốn nhân sanh; vì nó chẳng phải tâm tâm số pháp nên trừ tương ưng nhân; vì nó là pháp vô phú vô ký, nên trừ biến nhân. Sắc nhiễm ô và các tâm bất tương ưng hành cũng từ bốn nhân sanh. Vì nó chẳng phải tâm tâm số pháp nên trừ tương ưng nhân; và vì nó cấu nhiễm nên trừ báo nhân. Các tâm tâm số pháp khác, trừ vô lậu tâm ban đầu, đều từ bốn nhân sanh, trừ báo nhân, biến nhân, vì có sao? Vì chẳng phải vô ký nên trừ báo nhân, và vì chẳng phải ô cấu nên trừ biến nhân. Các pháp bất tương ưng khác là sắc và tâm bất tương ưng hành, nếu có tự chủng nhân thời từ ba nhân sanh, trừ tương ưng nhân, báo nhân, biến nhân. Nếu không có tự chủng nhân thời từ hai nhân sanh, là cộng sanh nhân và vô chướng nhân. Tâm tâm số pháp vô lậu ban đầu, từ ba nhân sanh, là tương ưng nhân, cộng sanh nhân, vô chướng nhân. Sắc và các tâm bất tương ưng hành trong tâm vô lậu ban đầu ấy, từ hai nhân sanh, là cộng sanh nhân và vô chướng nhân. Không một pháp nào từ một nhân sanh, hoặc từ sáu nhân sanh; ấy gọi là bốn duyên.

Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật quán bốn duyên như vậy, tâm không vương mắc; tuy phân biệt pháp ấy, mà biết nó không, đều như huyễn hóa; trong huyễn hóa tuy có các sai biệt, người trí quán nó, biết không có thật, chỉ dối gạt con mắt. Vì phân biệt biết pháp người phàm phu đều là điên đảo hư dối mà không thật, nên có bốn duyên. Như vậy thế nào là thật? Pháp hiện thánh nhân từ pháp phàm phu sanh, nên cũng không thật; như đã nói trong chương 18 không.

Bồ-tát ở trong Bát-nhã ba-la-mật, không có một pháp có tánh nhất định khả thủ nên không thể phá. Vì chúng sanh chấp trước vào không pháp do nhân duyên sanh nên gọi là có thể phá; ví như trẻ con thấy trăng trong nước, tâm sanh ưa đắm, muốn lấy mà không thể lấy được, tâm lại ưu não. Người trí dạy rằng: tuy có thể mắt thấy, mà không

thể tay lấy, đây chỉ phá cái có thể lấy, không phá cái có thể thấy. Bò-tát quán biết các pháp từ bốn duyên sanh, mà không chấp thủ tướng nhất định trong bốn duyên. Bốn duyên hòa hợp sanh như trăng trong nước, tuy là hư dối không có gì, nhưng phải từ trăng và nước làm nhân duyên sanh, chứ không từ duyên khác có được. Các pháp cũng như vậy, mỗi mỗi tự do nhân duyên sanh, không có thật nhất định. Vì vậy nên nói: Bò-tát muốn như thật biết tướng nhân duyên, thứ đệ duyên, duyên duyên, tăng thượng duyên, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Hỏi: Nếu muốn biết rộng nghĩa bốn duyên, nên học A-tỳ-đàm, cơ sao trong đây nói muốn biết nghĩa bốn duyên, nên học Bát-nhã ba-la-mật?

Đáp: Nghĩa bốn duyên trong A-tỳ-đàm kẻ sơ học như nắm được chỗ thật của nó, lại tìm vào sâu hơn mà bị rơi trong tà kiến; như trước đã nói trong đoạn nghĩa phá bốn duyên.

* Lại nữa, sở nhân của các pháp là nhân nơi bốn duyên, bốn duyên lại nhân nơi cái gì? Nếu có nhân thời vô cùng, nếu không nhân thời vô thi, nếu vô thi thời vô nhân; nếu vậy thời hết thấy pháp đều nên phải vô nhân! Nếu có thi, thi thời không có sở nhân. Nếu không sở nhân mà có, thời không đợi nhân duyên. Nếu vậy thời hết thấy pháp cũng không đợi nhân duyên mà có.

* Lại nữa, các pháp từ nhân duyên sanh có hai thứ: hoặc trong nhân duyên trước đã có, thời không đợi nhân duyên mà sanh, thời chẳng phải nhân duyên; hoặc trong nhân duyên trước không có, thời không có mỗi mỗi nhân duyên. Vì lý luận bốn duyên, nên có các lỗi như vậy, còn như Bát-nhã ba-la-mật là không, bất khả đắc, thời không có các lỗi như vậy; như người thế gian mắt, tai thấy sanh, già, bệnh, chết, ấy thời là có, mà tìm kỹ tướng nó thời không thể có được. Vì vậy nên trong Bát-nhã ba-la-mật, chỉ trừ tà kiến mà không phá bốn duyên.

Cho nên nói: muốn biết bốn duyên, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

KINH: Muốn biết các pháp như, pháp tánh, thật tế, nên học Bát-nhã ba-la-mật. Nay Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát nên như vậy trụ trong Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN: Các pháp *Như* có hai: 1. Mỗi mỗi tướng. 2. Thật tướng.

Mỗi mỗi tướng là như đất tướng cứng, nước tướng ướt, lửa tướng nóng, gió tướng động. Như vậy phân biệt các pháp đều tự có tướng riêng.

Thật tướng, nơi mỗi tướng ấy phân biệt tìm thật thể không thể có được, không thể phá, không các quấy lỗi. Như trong đoạn Tự tướng không đã nói: đất nếu thật là tướng cứng, có sao keo, sáp... khi gặp lửa thì bỏ tự tánh nó (*ở đây chữ tướng, tánh đồng nghĩa - N.D*); người có thần thông vào đất như nước? Lại phân tán cây, đá, thời mất tướng cứng? Lại phá đất để làm thành vi trần, lấy phương hướng phá vi trần, cuối cùng quy về không, cũng mất tướng cứng? Như vậy suy tìm tướng đất không thể có được. Nếu không thể có được, vậy nó thật đều không, “không” là thật tướng của đất. Tất cả tướng riêng đều cũng như vậy; ấy gọi là *Như*.

Pháp tánh: như trước nói mỗi mỗi pháp *không*, không có phẩm trật sai khác, ấy là như; đồng là *một không*, ấy là pháp tánh.

Pháp tánh ấy cũng có hai: 1. Dùng tâm không chấp trước phân biệt các pháp, tự có tánh riêng. 2. Gọi là vô lượng pháp, đó là thật tướng các pháp. Như kinh Trì Tâm nói: pháp tánh vô lượng, hàng Thanh văn tuy đắc pháp tánh, vì trí có lượng nên không thể nói vô lượng; như người tuy đi đến biển lớn, vì đồ đựng nhỏ nên không thể lấy vô lượng nước, ấy là pháp tánh.

Thật tế: Lấy pháp tánh làm chỗ thật chứng, nên gọi là tế. Lại như A-la-hán gọi là trú nơi thật tế.

Hỏi: Như, pháp tánh, thật tế, ba sự là một hay là khác? Nếu một có sao nói ba, nếu ba thời nay nên phân biệt nói?

Đáp: Ba ấy đều là tên khác của thật tướng các pháp, vì có sao? Vì phạm phu vô trí, đối hết thấy pháp khởi tâm tà quán cho là thường, lạc, tịnh, thật, ngã... còn đệ tử Phật quán đúng như bản tướng các pháp, khi ấy không thấy thường, ấy gọi là vô thường; không thấy vui, ấy gọi là khổ; không thấy tịnh, ấy gọi là bất tịnh; không thấy thật, ấy gọi là không; không thấy ngã ấy gọi là vô ngã. Nếu không thấy thường mà lại thấy vô thường, ấy là vọng kiến; thấy khổ, không, vô ngã, bất tịnh cũng như vậy, ấy gọi là như. Như là đúng như bản tướng, không thể phá hoại. Vì vậy nên Phật nói ba pháp là pháp ấn, đó là hết thấy pháp hữu vi vô thường ấn, hết thấy pháp vô ngã ấn, Niết-bàn tịch diệt ấn.

Hỏi: Ba pháp ấn ấy, trong Bát-nhã ba-la-mật, đều phá hoại hết, như Phật bảo Tu-bồ-đề: nếu Bồ-tát ma-ha-tát quán sắc thường, là không thực hành Bát-nhã ba-la-mật; quán sắc vô thường là không thực hành Bát-nhã ba-la-mật. Quán khổ, lạc, ngã, vô ngã, tịch diệt, phi tịch diệt cũng như vậy, như vậy có sao gọi là pháp ấn?

Đáp: Hai Kinh đều là Phật dạy. Như trong kinh Bát-nhã ba-la-mật, rõ ràng nói thật tướng các pháp. Người có điên đảo chấp trước thường, nên bỏ thường kiến mà không chấp trước tướng vô thường, ấy gọi là pháp ấn; chứ không phải bỏ thường chấp trước vô thường, cho là pháp ấn được. Ngã, cho đến tịch diệt cũng như vậy. Trong Bát-nhã ba-la-mật phá cái kiến chấp vô thường... chứ không phải phá cái không lãnh thọ không chấp trước. Được các pháp Như rồi, thời vào pháp tánh, diệt các quán niệm, không sanh dị tín, tánh nó tự như vậy; ví như trẻ con thấy trăng trong nước, vào nước để tìm, tìm không được liền sàu. Người trí nói: tánh nó tự như vậy, chớ ưu sàu, khéo vào pháp tánh ấy là thật tế.

Hỏi: Trong giáo pháp Thanh văn có sao không nói là như, pháp tánh, thật tế; mà trong giáo pháp Đại thừa nơi nơi đều nói?

Đáp: Trong giáo pháp Thanh văn cũng có chỗ nói, chỉ ít thôi. Như trong kinh Tạp A-hàm nói: có một Tỳ-kheo hỏi Phật: mười hai nhân duyên là Phật làm hay người khác làm? Phật bảo Tỳ-kheo: Ta không làm mười hai nhân duyên, cũng chẳng phải người khác làm. Có Phật không Phật, các pháp như, pháp tướng, pháp vị thường có, đó là cái này có nên cái kia có; cái này sanh nên cái kia sanh; như vô minh làm nhân duyên nên có các hành; các hành làm nhân duyên nên có thức; cho đến già chết làm nhân duyên nên có ưu, bi, khổ, não. Cái này không nên cái kia không; cái này diệt nên cái kia diệt; như vô minh diệt nên các hành diệt, các hành diệt nên thức diệt; cho đến già chết diệt nên ưu, bi, khổ, não diệt. Pháp sanh diệt như vậy, có Phật không Phật, vẫn thường như vậy, ấy là chỗ nói Như.

* Lại như kinh Xá-lợi-phất sư tử hống trong Tạp A-hàm nói: Phật hỏi Xá-lợi-phất một cú nghĩa, ba lần hỏi ba lần không thể đáp. Phật khai thị cho Xá-lợi-phất chút ít rồi vào tịnh thất. Xá-lợi-phất nhóm các Tỳ-kheo, nói với các Tỳ-kheo rằng: Phật chưa khai thị đầu mối sự việc cho tôi, nên tôi không thể đáp liền. Nay tôi đối pháp ấy, qua bảy ngày bảy đêm diễn nói việc ấy không cùng tận.

Lại có một Tỳ-kheo bạch Phật: sau khi Phật vào tịnh thất, Xá-lợi-phất cất tiếng rống sư tử mà tự tán thán.

Phật bảo Tỳ-kheo: Xá-lợi-phất nói thật không hư dối, vì có sao? Vì Xá-lợi-phất khéo thông đạt pháp tánh.

Trong giáo pháp Thanh văn, quán tướng sanh diệt các pháp, ấy là *như*; diệt hết thấy các quán niệm, được thật tướng các pháp; ấy là chỗ nói *Pháp tánh*.

Hỏi: Chỗ ấy chỉ nói như, pháp tánh, còn chỗ nào nói thật tế?

Đáp: Hai việc ấy vì có nhân duyên khởi nên nói, còn thật tế không nhân duyên nên không nói thật tế.

Hỏi: Thật tế tức là Niết-bàn, vì Niết-bàn mà Phật nói mười hai bộ kinh, có sao nói không nhân duyên?

Đáp: Niết-bàn có nhiều tên gọi, hoặc gọi là ly, hoặc gọi là diêu, hoặc gọi là xuất, như vậy là nói thật tế, chỉ không nói tên gọi, nên nói là không nhân duyên.

* Lại nữa, các pháp Như là, như các pháp khi chưa sanh; khi sanh cũng như vậy; sanh rồi qua đi, hiện tại cũng như vậy. Các pháp ba đời bình đẳng, ấy gọi là Như.

Hỏi: Nếu pháp chưa sanh gọi là chưa có, pháp sanh hiện tại thời có pháp, sử dụng được; nhân pháp hiện tại có tướng sự dụng mà truy nhớ việc đã qua, ấy gọi là quá khứ. Ba đời khác nhau, không nên như thật làm một, có sao nói ba đời bình đẳng, ấy gọi là Như?

Đáp: Trong thật tướng các pháp, ba đời bình đẳng một không khác, như trong phẩm Như của kinh Bát-nhã ba-la-mật nói: quá khứ như, vị lai như, hiện tại như, như lai như, nhất như không có khác.

* Lại nữa, trong phần luận nghị ở trước đã phá pháp sanh. Nếu không sanh thời vị lai, hiện tại cũng không sanh, có sao không bình đẳng!

Lại đời quá khứ không đầu, đời vị lai không cuối, đời hiện tại không an trụ, vì vậy nên ba đời bình đẳng gọi là Như. Thực hành như ấy rồi vào trong pháp tánh vô lượng.

Pháp tánh: Pháp là Niết-bàn, không thể phá hoại, không thể hủy luận. Pháp tánh là hạt giống trong chính, như trong đá vàng có kim tánh, trong đá trắng có ngân tánh. Như vậy trong hết thảy pháp thế gian đều có tánh Niết-bàn. Chư Phật hiền thánh lấy trí tuệ, phương tiện, trì giới, thiền định, giáo hóa dẫn đạo, khiến được Niết-bàn pháp tánh ấy. Người lợi căn biết ngay các pháp ấy đều là pháp tánh, ví như người có thần thông có thể biến ngói đá thành vàng, còn người độn căn, phải phương tiện phân biệt tìm cầu, mới được pháp tánh, ví như đúc hàn đá vậy sau được vàng.

* Lại nữa, như tánh nước chảy xuống, nên dồn về biển, hợp làm một vị. Các pháp cũng như vậy, hết thấy tướng chung tướng riêng đều quy về pháp tánh, đồng làm một tướng, gọi là pháp tánh; như Kim cương ở đỉnh núi, dần dần xoi xuống đến mé đất Kim cương, đến tự tánh mới ngừng. Các pháp cũng như vậy; dùng trí tuệ phân biệt truy tìm đã đến trong Như, từ Như vào tự tánh, như vốn chưa từng sanh, dứt các hý luận, gọi là Pháp tánh; lại như trâu nghe quanh quần kê la, gặp được mẹ mới thôi. Các pháp cũng như vậy, đủ thứ sai khác, lấy bỏ không đồng, được đến tự tánh mới ngừng, không còn chỗ đến nữa; ấy gọi là *Pháp tánh*.

Thật tế: như trước nói, pháp tánh gọi là thật, chỗ vào đến gọi là tế.

* Lại nữa, mỗi mỗi pháp có chín thứ: 1. Có tự thể. 2. Mỗi mỗi có pháp: như mắt, tai tuy đồng do bốn đại tạo thành, nhưng chỉ mắt nhìn thấy mà tai không có công hiệu; lại như lửa lấy nóng làm pháp, mà không thể thấm ướt. 3. Các pháp đều có lực, như lửa lấy sự đốt cháy làm lực; nước lấy sự thấm ướt làm lực. 4. Các pháp đều tự có nhân. 5. Các pháp đều tự có duyên. 6. Các pháp đều tự có quả. 7. Các pháp đều tự có tánh. 8. Các pháp đều có giới hạn trở ngại. 9. Các pháp đều có phương tiện khai thông. Các pháp khi sanh, thể và pháp khác có chín việc. Biết pháp ấy mỗi mỗi có đầy đủ thể và pháp; ấy gọi là thể gian *hạ như*. Biết chín pháp ấy cuối cùng quy về biến dị tận diệt; ấy gọi là *trung như*; ví như thân này từ bất tịnh sanh ra, tuy tắm rửa trang sức, cuối cùng quy về bất tịnh. Biết pháp ấy chẳng phải có chẳng phải không, chẳng phải sanh, chẳng phải diệt, dứt các quán pháp, rốt ráo thanh tịnh; ấy gọi là *thượng như*.

* Lại nữa, có người nói trong chín sự ấy có pháp, ấy gọi là như, ví như pháp của đất cứng và nặng, pháp của nước lạnh và ướt, pháp của lửa nóng và chiếu sáng, pháp của gió nhẹ và động, pháp của tâm hiểu và biết. Các pháp như vậy gọi là như; như trong Kinh nói: có

Phật không Phật, thì như, pháp tướng, pháp vị vẫn thường trú thế gian, nghĩa là vô minh làm nhân duyên cho các hành, thường như bốn pháp.

Pháp tánh là tánh trong chín pháp.

Thật tế là được quả chứng trong chín pháp.

* Lại nữa, các pháp thật tướng, thường trú không lay động, chúng sanh vì các phiền não vô minh... nên đối với thật tướng thay đổi quanh co, chur Phật, hiền thánh dùng nhiều phương tiện thuyết pháp, phá các phiền não vô minh... khiến chúng sanh trở lại ngộ được thật tánh, như bốn nguyên không khác, ấy gọi là Như.

Thật tánh hợp cùng vô minh cho nên biến đổi, mà không thanh tịnh, nếu trừ bỏ vô minh, được thật tánh nó, ấy gọi là pháp tánh thanh tịnh.

Thật tế là vào trong pháp tánh, biết pháp tánh vô lượng vô biên, rất là vi diệu, không còn pháp nào hơn pháp tánh, ra ngoài pháp tánh. Tâm đầy đủ không còn cầu gì khác, thời liền tác chứng; ví như đi đường, ngày ngày dẫn bước không ngừng nghỉ, đến chỗ cần đến, không còn tâm muốn đi nữa. Hành giả trú ở thật tế, cũng lại như vậy; như A-la-hán, Bích-chi Phật trú ở thật tế, giả sử lại có hàng sa chur Phật vì họ thuyết pháp, cũng không thể làm tăng tấn thêm, lại không còn sanh vào ba cõi.

Nếu Bồ-tát vào pháp tánh ấy, xa biết thật tế, hoặc chưa đầy đủ sáu Ba-la-mật, mà giáo hóa chúng sanh, bấy giờ nếu đắc chứng thì trở ngại việc thành Phật đạo. Nên khi ấy Bồ-tát dùng lực đại bi tinh tấn, trở lại tu các hạnh.

* Lại nữa, biết trong thật tướng các pháp không có pháp thường, không có pháp lạc, không có pháp ngã, không có pháp thật, cũng bỏ các pháp quán. Như vậy hết thấy pháp quán đều diệt, ấy là chur pháp

thật như Niết-bàn. Bất sanh bất diệt, như vốn chưa hề sanh; ví như nước là tướng lạnh, nhờ lửa trở nên nóng; nếu lửa tắt nóng hết, trở lại lạnh như trước. Dùng các pháp quán như nước được lửa, nếu dứt các pháp quán như lửa tắt nước lạnh; ấy gọi là Như. Như thật thường trú, vì có sao? Vì các pháp tánh tự như vậy, ví như hết thủy sắc pháp đều có phần không, trong các pháp đều có tánh Niết-bàn, ấy gọi là pháp tánh. Các pháp phương tiện để được Niết-bàn cũng gọi là pháp tánh. Nếu khi được chứng, thời Như, Pháp tánh trở thành Thật tế.

* Lại nữa, pháp tánh là vô lượng vô biên, chẳng phải tâm tâm số pháp lường được; ấy gọi là pháp tánh. Thâm diệu cùng cực nơi đây; ấy gọi là chơn tế.

KINH: Lại nữa, này Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát muốn đếm biết số vi trần các núi đại địa trong ba ngàn đại thiên thế giới, nên học Bát-nhã ba-la-mật. Bồ-tát ma-ha-tát muốn chẻ một sợi lông làm trăm phần, muốn lấy một phần lông cất lên hết nước của ao hồ, sông ngòi, biển lớn trong ba ngàn đại thiên thế giới mà không quấy động thủy tánh, nên học Bát-nhã ba-la-mật. Trong ba ngàn đại thiên thế giới, lửa cũng bốc cháy trong một lúc; giống như lửa cháy lúc kiếp tận, Bồ-tát ma-ha-tát muốn thổi một hơi làm cho tắt hết, nên học Bát-nhã ba-la-mật. Trong ba ngàn đại thiên thế giới, gió lớn nổi lên, muốn thổi tan ba ngàn đại thiên thế giới và các núi Tu-di, như xô cỏ mục, Bồ-tát ma-ha-tát muốn lấy một ngón tay ngăn sức gió ấy không cho nổi dậy, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN. *Hỏi:* Sao Phật không tán thán công đức lực độ của các Bồ-tát, mà lại tán thán đại lực này?

Đáp: Chúng sanh có hai hạng: một hạng ưa thiện pháp, một hạng ưa quả báo thiện pháp. Vì hạng ưa thiện pháp nên tán thán các công đức; vì hạng ưa quả báo thiện pháp nên tán thán lực đại thần thông.

* Lại nữa, có người nói, tên bốn đại, nó thật cũng vô lượng vô biên, thường có ở đời nên không thể làm di động hết để lường nó nhiều ít. Người ta tuy có tạo dựng thành quách điện đài, dùng nó rất ít, mà sự rộng lớn của đất, chở nuôi muôn vật, rất là bền chắc. Vì vậy nên Phật dạy đối với vi trần các núi Tu-di và đất trong ba ngàn đại thiên thế giới, đều muốn biết hết số lượng của nó; và đối với nghiệp nhân duyên mỗi mỗi chúng sanh, có phần trong mỗi mỗi vi trần, Bồ-tát muốn biết nó nhiều ít, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Hỏi: Vi trần của một cục đá cục đất còn khó đếm được, huống chi số vi trần của đất và các núi trong ba ngàn đại thiên thế giới. Điều ấy không thể tin?

Đáp: Trí tuệ của Thanh văn, Bích-chi Phật còn không thể biết, huống chi phàm phu. Việc ấy là việc chư Phật đại Bồ-tát biết. Như kinh Pháp Hoa nói: ví như đất và các núi của ba ngàn đại thiên thế giới, nghiền thành vi trần, qua ngàn thế giới phương đông thả một bụi trần, như vậy qua mỗi ngàn thế giới lại thả một bụi trần, như vậy thả hết các vi trần của ba ngàn đại thiên thế giới. Phật bảo Tỳ-kheo: số thế giới vi trần ấy có thể toán số trừ lường biết được chăng? Các Tỳ-kheo thưa: không thể biết được. Phật dạy: các nước có thể dính bụi không dính bụi ấy đều nghiền hết làm bụi. Phật Đại Thông Tuệ từ khi ra đời đến nay, kiếp số cũng như vậy. Số vi trần của vô lượng hằng sa thế giới như vậy, chư Phật và đại Bồ-tát đều biết hết, huống gì một hằng sa thế giới.

* Lại nữa, vô lượng là theo tâm người mà nói. Như nước đại hải gọi là vô lượng, sâu tám vạn do tuần (mỗi do tuần độ mười sáu dặm) nhưng chúa A-tu-la La-hầu thân lớn, lường nó nhiều ít còn chẳng cho là khó.

Hỏi: Tại sao thực hành Bát-nhã ba-la-mật được trí tuệ ấy?

Đáp: Người thực hành Bát-nhã ba-la-mật, dứt các phiền não và tà kiến hý luận, vào thiên định thâm sâu của Bồ-tát, niệm trí

thanh tịnh tăng rộng, nên có thể phân biệt vi trần các sắc, biết số lượng của nó.

* Lại nữa, chư Phật và đại Bồ-tát, được vô ngại giải thoát, nên quá hơn việc ấy, còn không cho là khó, huống gì từng ấy.

* Lại nữa, có người cho đất là cứng chắc, tâm không hình chất đều là hư vọng, vì vậy nên Phật dạy tâm lực rất lớn. Thực hành Bát-nhã ba-la-mật nên nghiền nát đại địa làm vi trần, vì đất có sắc, hương, vị, xúc nặng nề nên tự không động tác được, nước thiếu hương nên động tác hơn đất, lửa thiếu hương và vị nên động tác hơn nước, gió thiếu sắc, hương và vị nên động tác hơn lửa; tâm không có bốn thứ sắc, hương, vị, xúc, nên sức động tác lớn.

* Lại tâm vì có nhiều phiền não kiết sử trói buộc nên làm cho tâm lực vi thiếu. Thiện tâm hữu lậu tuy không phiền não, nhưng vì tâm chấp thủ tướng các pháp, nên lực nó cũng ít. Tâm vô lậu của nhị thừa, tuy không chấp thủ tướng, mà vì trí tuệ có hạn lượng và đến khi ra khỏi tâm vô lậu đạo, sáu căn theo thể tục phân biệt, trở lại chấp thủ tướng các pháp, nên không phát huy hết tâm lực. Chư Phật và đại Bồ-tát trí tuệ vô lượng vô biên, thường thiên định, không phân biệt thế gian và Niết-bàn. Thật tướng các pháp, nó thật không khác, chỉ trí có hơn kém. Người thực hành Bát-nhã ba-la-mật, rốt ráo thanh tịnh, không có gì quái ngại, trong một niệm có thể đếm số vi trần đại địa và các núi trong ba ngàn đại thiên thế giới mười phương số như hằng hà sa, huống gì mỗi một hằng hà sa thế giới trong mười phương.

* Lại nữa, nếu lìa Bát-nhã ba-la-mật, tuy được thần thông mà không thể biết như trên. Vì vậy nói muốn được đại thần lực, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

* Lại có người nói: trong hết thủy các vật, nước là lớn nhất, vì có sao? Vì bốn phía đại địa đều có nước. Nếu hộ thể thiên chủ không

tiết độ trời mưa, lại không có ngọc làm tiêu nước thời trời đất bị trôi chìm. Lại nhờ nước mà chúng sanh số phi chúng sanh số đều được sanh trưởng. Do vậy, đủ biết nước là lớn nhất. Vì vậy Phật dạy Bồ-tát muốn biết giọt nước nhiều ít, phân tán từng giọt từng giọt làm cho vô lực, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

* Lại có người nói: lửa là lớn nhất, vì có sao? Vì không có hương và vị. Lại vì chỗ nước rất nhiều, mà lửa có thể làm khô, lực của hỏa đại, hay đốt cháy vạn vật, hay soi chỗ tối, vì vậy nên biết lửa là rất lớn. Thế nên Phật dạy Bồ-tát muốn thôi tắt hỏa đại, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Hỏi: Lửa hơn gió mà cháy bùng, có sao diệt nhau?

Đáp: Tuy nhân nhau, mà quá lắm thì diệt nhau.

Hỏi: Nếu như vậy, lửa nhiều vô lượng, miệng thổi, gió rất ít, làm sao diệt được?

Đáp: Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, nhân thiên định được thân thông có thể biến thân làm cho lớn, gió trong miệng cũng lớn, cho nên thổi diệt được. Lại do thân lực, nên gió ít có thể làm tắt, ví như Kim cương nhỏ có thể phá núi lớn. Vì vậy chư thiên, người đời thấy thân lực ấy, thấy đều kính phục.

* Lại nữa, Bồ-tát cho rằng lửa làm hại rộng lớn, vì thương chúng sanh nên đem thân lực diệt tắt.

* Lại vì ba ngàn đại thiên thế giới thành lập rất khó, Bồ-tát do lực phước đức trí tuệ nên ngăn được nó.

* Lại có người nói: trong bốn đại, sức gió rất lớn, vì không có sắc, hương, vị, tướng lay động rất lớn, vì có sao? Ví như hư không vô biên, gió cũng vô biên, mọi sự sanh, nuôi, thành, bại đều do nơi gió, thế của gió lớn xô nát các núi ba ngàn đại thiên thế giới. Vì vậy Phật dạy muốn lấy một ngón tay ngăn sức gió kia, nên học Bát-nhã ba-la-

mật. Vì sao? Vì thật tướng Bát-nhã ba-la-mật, vô lượng vô biên, làm cho sức ngón tay mạnh như vậy.

KINH: Bồ-tát ma-ha-tát muốn ngồi kiết-già-phu một chỗ mà biến khắp hư không trong ba ngàn đại thiên thế giới, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN. *Hỏi:* Bồ-tát vì nhân duyên gì nên ngồi kiết-già-phu như vậy?

Đáp: Vì Phạm thiên vương chủ của ba ngàn thế giới, sanh tâm tà kiến cho mình là lớn, thấy Bồ-tát ngồi kiết-già-phu biến khắp hư không, thời dứt tâm kiêu mạn ấy.

Lại trong lực thần thông, phương tiện khéo léo nên một có thể làm nhiều, nhiều làm một; nhỏ làm lớn, lớn làm nhỏ, cũng muốn thị hiện việc hy hữu khó có, nên ngồi khắp hư không; cũng vì ngăn các quỷ thần long vương nảo loạn chúng sanh nên ngồi khắp hư không. Làm cho chúng sanh an ổn; như anh em long vương Nan-đà-bà-nan-đà muốn phá thành Xá-bà-đề, mưa xuống các binh khí, rắn độc. Khi ấy Mục-liên ngồi thẳng, khắp hư không, biến các vật độc hại thành hoa hương, anh lạc.

Vì vậy nên nói, Bồ-tát ma-ha-tát muốn ngồi kiết-già-phu một chỗ, mà biến khắp hư không trong ba ngàn đại thiên thế giới, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

KINH: Bồ-tát ma-ha-tát muốn lấy một sợi lông cát các núi chúa Tu-di trong ba ngàn đại thiên thế giới ném qua vô lượng vô số thế giới Phật ở phương khác, mà không quấy nhiễu chúng sanh, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN. *Hỏi:* Bồ-tát có sao cát núi Tu-di và các núi ném qua vô lượng thế giới ở phương khác?

Đáp: Không hẳn có cát lên, đây chỉ nói rõ lực của Bồ-tát có thể cát lên vậy thôi.

* Lại nữa, các Bồ-tát vì biết Phật sẽ thuyết pháp nên trang nghiêm ba ngàn đại thiên thế giới, dẹp trừ các núi làm cho đất bằng phẳng, như trong kinh Pháp Hoa nói: Phật muốn nhóm các hóa Phật, nên trước tiên sửa bằng đại địa, cũng muốn hiện ra việc hy hữu, để cho chúng sanh thấy, vì có sao? Vì một núi Tu-di cao tám vạn bốn ngàn do tuần, nếu cất lên một núi đã là hy hữu, huống gì cất lên trăm ức núi Tu-di trong ba ngàn đại thiên thế giới. Nếu lấy một sợi lông cất lên trăm ức núi Tu-di trong ba ngàn đại thiên thế giới còn khó, huống gì lấy đầu một sợi lông, ném trăm ức núi Tu-di qua vô lượng vô số thế giới. Chúng sanh thấy việc hy hữu của Bồ-tát, đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, suy nghĩ rằng: Bồ-tát ấy chưa thành Phật đạo, mà thần lực còn như vậy huống gì thành Phật, vì vậy nên nói như thế.

KINH: Muốn đem một phần ăn cúng dường khắp chư Phật và Tăng số như cát sông Hằng ở mỗi phương trong mười phương thế giới, nên học Bát-nhã ba-la-mật. Muốn đem một chiếc áo, hương hoa, anh lạc, hương bột, hương xoa, hương đốt, đèn đuốc, tràng phan, lọng hoa... cúng dường khắp chư Phật và Tăng, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Hỏi: Bồ-tát dùng một phần ăn cúng dường một đức Phật và Tăng còn là việc khó, huống gì chư Phật và Tăng nhiều như cát sông Hằng trong mười phương?

Đáp: Công đức cúng dường ở tâm không ở sự. Nếu Bồ-tát dùng một phần ăn với đại tâm là cúng dường khắp mười phương chư Phật và Tăng; cũng không vì xa gần làm ngăn ngại, cho nên chư Phật đều thấy, đều thọ nhận.

Hỏi: Chư Phật vì có nhất thiết trí, nên đều thấy đều thọ nhận, còn Tăng không có nhất thiết trí làm sao thấy được, làm sao thọ nhận được?

Đáp: Tăng tuy không thấy không biết, mà sự cúng dường kia, người thí được phước, ví như có người sai sứ cúng dường người kia, người kia tuy không được, mà người này đã được phước bố thí. Như Từ tâm tam-muội, đối với chúng sanh tuy không cho gì, mà người hành trì từ tâm được công đức vô lượng.

* Lại nữa, các Bồ-tát thành tựu vô lượng vô tận công đức, nên dùng một phần ăn cúng dường mười phương chư Phật và Tăng thầy đều đầy đủ; mà cũng không hết, ví như suối vọt nước ra mà không khô kiệt. Như Văn-thù-thi-ly dùng một bát đựng hoàn hoan hỷ, cúng dường 84.000 Tăng, thầy đều no đủ mà cũng không hết.

* Lại nữa, Bồ-tát ở đây dùng một bát đồ ăn cúng dường mười phương chư Phật, mà trước mười phương chư Phật, đồ ăn uống hiện ra đầy đủ, ví như quỷ thần được đồ ăn vào một miệng mà xuất ra ngàn vạn bội.

* Lại nữa, Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, được vô lượng môn thiên định, và vô lượng môn trí tuệ phương tiện, vì vậy nên không việc gì không làm được; vì Bát-nhã ba-la-mật vô ngại, nên tâm Bồ-tát làm gì cũng vô ngại. Bồ-tát hay cúng dường mười phương ngàn vạn ức chư Phật và Tăng số như cát sông Hằng, huống gì như một hằng hà sa, cúng y phục, hoa hương, anh lạc, hương bột, hương xoa, hương đốt, đèn đuốc, tràng phan, lọng hoa... cũng như vậy.

KINH: Lại nữa, này Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát muốn làm cho chúng sanh trong hằng sa thế giới ở mỗi phương trong mười phương, đều đầy đủ giới hạnh, tam-muội, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, khiến chứng được quả Tu-đà-hoàn, quả Tu-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, cho đến khiến chứng được Vô dư Niết-bàn, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN. Nghĩa năm pháp uẩn (*giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến* - N.D) như trước nói. Quả vị Tu-đà-hoàn có hai: 1. Phật

nói dứt ba kiết, chứng được quả vô vi. Lại như trong A-tỳ-đàm nói, dứt 88 kiết, chứng được quả vô vi, Tu-đà-hoàn. 2. Hạng người tín hành, pháp hành, trú trong đạo tử trí (*cũng gọi là đạo loại trí - N.D*) chứng được quả vị Tu-đà-hoàn.

* Lại nữa, Tu-đà là dòng, tức tám thánh đạo phần. Hoàn (Ban-na) là vào, vào dòng tám thánh đạo phần đưa vào Niết-bàn; ấy gọi là bước đầu quán thật tướng các pháp, được vào phần vô lượng pháp tánh, rơi vào trong số thánh nhân.

Tu-đà là một, Hàm là lại. Người này ở đây chết, sanh lên cõi trời, từ cõi trời còn trở lại cõi Dục một lần nữa là được hết các khổ.

A-na là chẳng, Hàm là lại, ấy là tướng không trở lại. Người này chết ở cõi Dục, sanh lên cõi Sắc cõi Vô sắc, ở tại đây dứt hết các lậu hoặc, không còn sanh trở lại cõi Dục.

Hỏi: A-na-hàm dứt tại đời này hay tại thân trung ấm, cũng không sanh cõi Sắc, cõi Vô sắc, có sao gọi là A-na-hàm?

Đáp: A-na-hàm phần nhiều sanh trong cõi Sắc, cõi Vô sắc, còn dứt tại đời này thì ít, vì ít phải theo nhiều. Dứt tại thân trung ấm cũng từ cõi Dục sanh lên cõi Sắc, thấy thân sau đáng sợ, liền thủ chứng Niết-bàn. Vì vậy nên nhân nơi nhiều mà gọi tên.

A-la-hán vì dứt hết tất cả phiền não nên xứng đáng thọ nhận sự cúng dường của hết thủy trời, rồng, quỷ thần. A-la-hán có chín hạng: thối pháp, không thối pháp, tử pháp, hộ pháp, trú pháp, thắng tấn pháp, chẳng hoại pháp, tuệ giải thoát, cộng giải thoát A-la-hán. Nghĩa của chín hạng này như trước đã nói. Và tám bội xả, tám thắng xứ, mười nhất thiết xứ, diệt tận định, Vô tránh tam-muội, nguyện trí... là các công đức thù diệu của A-la-hán, và chứng được vô dư Niết-bàn.

Vô dư Niết-bàn: A-la-hán xả bỏ thân năm uẩn này không còn trở lại tiếp nối thọ thân năm uẩn sau, dứt vĩnh viễn các khổ của thân tâm. Ba đạo quả sau, nói như đạo quả đầu.

KINH: Lại nữa, này Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát khi thực hành bố thí theo Bát-nhã ba-la-mật, nên phân biệt rằng: bố thí như vậy được quả báo lớn, bố thí như vậy được sanh vào dòng lớn Sát-lợi, dòng lớn Bà-la-môn, đại gia cư sĩ; bố thí như vậy, được sanh cõi trời Tứ thiên vương, cõi trời Ba mươi ba, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại. Nhân bố thí ấy được vào Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên, Vô biên không xứ, Vô biên thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi hữu tướng phi vô tướng xứ. Nhân bố thí ấy, có thể phát sanh tám thánh đạo phần; nhân bố thí ấy, có thể chứng được Tu-đà-hoàn đạo, cho đến Phật đạo, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN. Bồ-tát ma-ha-tát biết thật tướng các pháp không lấy không bỏ, không có gì phá hoại, hành Bát-nhã ba-la-mật bất khả đắc, đem tâm đại bi, trở lại tu phước hạnh. Cánh cửa đầu của phước hạnh, trước tiên là bố thí. Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, trí tuệ minh lợi, phân biệt phước bố thí; vật thí tuy đồng, mà phước đức nhiều ít là tùy tâm hơn kém. Như Xá-lợi-phất lấy một bát cơm dâng Phật, Phật liền đem cho chó mà hỏi Xá-lợi-phất: ông thí cơm cho Ta, Ta lấy cơm cho chó, ai được phước nhiều?

Xá-lợi-phất đáp: như con hiểu nghĩa Phật pháp, thì Phật thí cho chó được phước nhiều.

Xá-lợi-phất là bậc trí tuệ tối thượng trong hết thảy người, và Phật phước điền là bậc nhất mà không bằng thí cho chó là ruộng xấu lại được phước rất nhiều. Vì vậy nên biết phước lớn từ tâm sanh, chứ không từ ruộng; như Xá-lợi-phất gấp ngàn vạn ức chẳng bằng kịp tâm Phật.

Hỏi: Như ông nói ruộng phước tốt thời được phước nhiều, mà sao Xá-lợi-phất cúng thí cho Phật lại không được phước nhiều?

Đáp: Ruộng tốt tuy được phước nhiều mà không bằng tâm tốt, vì có sao? Vì tâm là nội chủ, ruộng là vật ngoài. Hoặc có khi phước

bồ thí cốt ở ruộng phước, như A-la-hán Úc-nhĩ, xưa lấy một cành hoa cúng nơi tháp Phật, mà trong 91 kiếp ở cõi người cõi trời hưởng lạc, sức phước đức còn lại chứng được A-la-hán. Lại như vua A-dục lúc trẻ nhỏ lấy đất cúng Phật, khi được làm vua cõi Diêm-phù-đề (Ấn Độ) lại dựng 80.000 tháp, tối hậu được đạo. Vật thí rất hèn mà tâm tiểu nhi thanh tịnh và chỉ do ruộng phước tốt mà được quả báo lớn, nên biết đó là phước lớn từ ruộng tốt sanh. Nếu là phước lớn trên hết, thì phải đủ ba việc là tâm, vật thí, ruộng phước đều tốt, như trong phẩm đầu của kinh Bát-nhã ba-la-mật nói: Phật lấy hoa đẹp rải trên mười phương Phật.

* Lại nữa, như đem tâm Bát-nhã ba-la-mật mà bồ thí, vì không chấp trước nên được quả báo lớn.

* Lại nữa, vì Niết-bàn mà bồ thí cũng được quả báo lớn. Vì tâm đại bi thương độ chúng sanh mà bồ thí, cũng được quả báo lớn.

* Lại nữa, quả báo lớn là như trong đây nói, là được sanh vào nhà Sát-lợi cho đến được thành Phật.

Hỏi: Tại sao bồ thí lại được sanh vào nhà Sát-lợi cho đến được thành Phật?

Đáp: Nếu có người nhờ bồ thí, trì giới, thì được giàu sang trong cõi người cõi trời, như có người chí tâm bồ thí, trì giới nên được sanh vào nhà Sát-lợi. Nhà Sát-lợi là vua và đại thần; nếu ưa đắm kinh sách trí tuệ không nỡ hại chúng sanh mà bồ thí, trì giới thì sanh vào nhà Bà-la-môn; nếu bồ thí trì giới ít, mà ưa đắm cái vui thế gian, thì sanh vào nhà cư sĩ. Cư sĩ là tiểu nhân mà giàu lớn. Nếu bồ thí, trì giới thanh tịnh hơn chút ít, chán sợ gia nghiệp, ưa vui nghe pháp, cúng dường người lành, thì được sanh cõi trời Tứ thiên vương, vì có sao? Vì ở cõi này tâm cầu muốn gì đều có được; thường thấy ở trong đó các thánh hiền, thiện nhân, sanh tâm cúng dường, vì gần chỗ tu phước. Nếu bồ thí, trì giới thanh tịnh, cúng dường cha mẹ và bậc tôn

quý, tâm muốn cầu hơn nhiều, thì được sanh lên cõi trời Ba mươi ba. Nếu bố thí, trì giới thanh tịnh và ưa học hỏi, tâm ý nhu hòa thì được sanh cõi trời Dạ-ma. Nếu bố thí, trì giới thanh tịnh, làm cho hai việc này càng cao hơn, ưa vui nghe nhiều, phân biệt tốt xấu, ưa vui Niết-bàn, tâm say đắm công đức thì được sanh cõi trời Đâu-suất. Nếu bố thí và có tâm tâm trì giới, nghe nhiều, ưa vui học vấn, tự lực sinh hoạt, thì được sanh cõi trời Hóa-lạc. Nếu khi bố thí, trì giới thanh tịnh càng sâu, ưa vui nghe nhiều, tâm quý mình nhiều, không thể tự làm khổ, theo người khác tìm vui, thì được sanh cõi trời Hóa-tự-tại. Ở đây người khác suy nghĩ, phương tiện siêng năng hóa làm nữ sắc, năm dục, tự tại đoạt lấy cho mình, ví như người dân tự khổ thân tạo tác, người khác dùng sức mạnh đoạt lấy.

* Lại nữa, trong khi bố thí do nguyện lực nên sanh cõi trời; như trong Kinh nói: có người tu bố thí, trì giới chút ít không biết thiên định, người ấy nghe có trời Tứ thiên vương, tâm thường chí nguyện đến đó. Phật nói người ấy mạng chung được sanh cõi trời Tứ thiên vương, chắc có lẽ ấy; cho đến sanh cõi trời Tha hóa tự tại cũng như vậy.

* Lại nữa, có người bố thí, trì giới, trong khi tu bố thí tâm được an vui, nếu thí nhiều thì vui cũng nhiều. Suy nghĩ như vậy, bỏ năm dục, trừ năm triền cái, vào Sơ thiên, cho đến vào cõi trời Phi hữu tướng phi vô tướng cũng như vậy. Nghĩa của bốn thiên, bốn vô sắc định như trước nói.

* Lại nữa, có người bố thí cho Phật và đệ tử Phật, theo đó được nghe giảng đạo pháp, người này nhân sự bố thí đó tâm được nhu nhuyễn, trí tuệ minh lợi, tức phát sanh tám thánh đạo phần, dứt ba kiết (*thân kiến, giới cấm thủ, nghi -N.D*) chứng được quả Tu-đà-hoàn; cho đến chứng Phật đạo cũng như vậy.

Nhân sự bố thí được nghe thuyết pháp ấy, bèn phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

* Lại nữa, người chưa lìa dục mà bố thí, được sanh làm người giàu sang và sanh cõi trời Lục dục. Nếu lìa dục mà bố thí thì được sanh cõi trời Phạm Thế cho đến trời Quảng Quả. Nếu tâm lìa sắc mà bố thí thì được sanh cõi trời Vô sắc. Vì cầu Niết-bàn lìa ba cõi mà bố thí thì được đạo quả Thanh văn. Khi bố thí, chán ghét ồn ào, ưa vui nhàn tịnh, ưa trí tuệ sâu xa, thì được đạo quả Bích-chi Phật. Khi bố thí, khởi tâm đại bi muốn độ chúng sanh, có trí tuệ thanh tịnh rốt ráo sâu xa bậc nhất, thì được thành Phật đạo.

KINH: Lại nữa, này Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành bố thí Bát-nhã ba-la-mật, do lực của tuệ phương tiện nên có thể đầy đủ Thí ba-la-mật, Giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật. Bát-nhã ba-la-mật.

Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: bạch Thế Tôn, Bồ-tát ma-ha-tát làm sao khi bố thí do lực của tuệ phương tiện nên đầy đủ Thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật?

Phật bảo Xá-lợi-phất: vì tướng người thí, người nhận và tài vật đều không thể có được, nên có thể đầy đủ Thí ba-la-mật vì tướng tội không tội, không thể có được nên đầy đủ Giới ba-la-mật; vì tâm không động nên đầy đủ Nhẫn ba-la-mật; vì thân tâm tinh tấn không giải đãi nên đầy đủ Tinh tấn ba-la-mật; vì không loạn, không ưa đắm nên đầy đủ Thiền ba-la-mật; vì biết tướng hết thấy pháp không thể có được, nên đầy đủ Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN. Nghĩa chữ *đầy đủ* trước đã nói rộng. Tuệ *phương tiện* trong đây nói chính là ba sự không thể có được vậy (*ba sự là người thí, người nhận, vật tài - N.D*).

Hỏi: Tuệ phương tiện là có thể thành tựu việc ấy, không gì phá hoại, cũng không gì tạo tác, song nay phá cả ba sự ấy, thì lẽ đáng đọa vào đoạn diệt, có sao nói đó là tuệ phương tiện?

Đáp: Có hai thứ không thể có được: 1. Được, không thể có được (đắc bất khả đắc). 2. Không được, không thể có được (bất đắc bất khả đắc). Được không thể có được, là đọa vào đoạn diệt; nếu không được không thể có được ấy là tuệ phương tiện, không đọa vào đoạn diệt. Nếu bố thí không có tuệ phương tiện thời chấp thủ tướng ba sự; nếu cho ba sự không, thời chấp thủ vô tướng. Có tuệ phương tiện thời từ xưa lại đây không thấy tướng ba sự, vì vậy tuệ phương tiện không đọa vào có và không.

* Lại nữa, khi bố thí phá hoại các phiền não, ấy gọi là tuệ phương tiện.

* Lại nữa, đối với hết thảy chúng sanh, khởi tâm đại bi bố thí, ấy gọi là tuệ phương tiện.

* Lại nữa, trong vô lượng đời quá khứ vị lai tu phước đức bố thí, đều hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng gọi là tuệ phương tiện.

* Lại nữa, đối với công đức của ba đời mười phương Phật và đệ tử Phật, đều ức niệm tùy hỷ bố thí và hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ấy gọi là tuệ phương tiện.

Các lực như vậy, là nghĩa của tuệ phương tiện. Cho đến Bát-nhã ba-la-mật tuệ phương tiện cũng như vậy.

KINH: Lại nữa, này Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát muốn được công đức của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN. *Hỏi:* Công đức Phật quá khứ đã diệt, công đức Phật vị lai chưa có, công đức Phật hiện tại không thể có được. Lại công đức của Phật ba đời đều không thể có được, có sao nói muốn được công đức Phật ba đời, nên học Bát-nhã ba-la-mật?

Đáp: Không phải nói muốn được công đức của Phật ba đời, mà nói tự muốn được công đức như Phật ba đời không giảm thiểu,

vì có sao? Vì công đức của tất cả Phật đều bình đẳng, không nhiều không ít.

Hỏi: Nếu như vậy, có sao nói đức Phật A-di-đà sống lâu vô lượng, ánh sáng chiếu ngàn vạn ức do tuần, vô lượng kiếp độ chúng sanh?

Đáp: Thế giới chư Phật có nhiều thứ, có thế giới tịnh, có thế giới bất tịnh, có thế giới lẫn lộn, như phẩm kinh Cõi trời Ba mươi ba nói: Phật An-cư ở cõi trời Ba mươi ba, giờ Tụ-tứ đến, mà bốn chúng lâu không thấy Phật, lo buồn không vui, sai Mục-liên bạch Phật rằng: bạch Thế Tôn! Có sao bỏ chúng sanh ở đây mà lên ở cõi trời kia?

Bấy giờ Phật bảo Mục-liên: ông hãy xem ba ngàn thế giới. Mục-liên nhờ Phật lực liền thấy các đức Phật; hoặc vì chúng sanh nói pháp, hoặc ngồi thiền, hoặc đi khất thực, thi tác các Phật sự như vậy. Mục-liên liền năm vóc gieo sát đất. Lúc ấy núi Tu-di cao ngất động mạnh, chư thiên đều rất sợ hãi, Mục-liên khóc rơi lệ, cúi đầu bạch Phật: Phật có tâm đại bi, không bỏ hết thầy, làm các việc như vậy hóa độ chúng sanh.

Phật bảo Mục-liên: điều ông thấy rất ít, quá chỗ thấy của ông về phương đông có quốc độ, đất thuần bằng hoàng kim, đệ tử Phật ở cõi kia đều là A-la-hán, đủ sáu thông không chướng ngại. Lại quá khỏi đó, phương đông có quốc độ, đất thuần bằng bạch kim, đệ tử Phật ở cõi kia đều học đạo Bích-chi Phật. Lại quá cõi đó, phương đông có quốc độ đất thuần bằng bạch ngân; đệ tử Phật kia đều học Bích-chi Phật đạo. Lại quá cõi đó, phương đông có nước thuần bảy báu, đất kia thường có ánh sáng vô lượng, đệ tử đức Phật kia hóa độ thuần là các Bồ-tát, đều được các môn tam-muội, các đà-la-ni, ở địa vị bất thối chuyển. Mục-liên nên biết, các Phật kia đều là thân ta. Như vậy vô lượng thế giới nhiều như cát sông Hằng ở phương đông, có thế giới trang nghiêm, có thế giới không trang nghiêm, đều là nơi thân

Ta làm Phật sự; như phương Đông; các phương Nam, Tây, Bắc; bốn góc, trên dưới cũng như vậy.

Vì vậy nên biết Thích-ca Văn Phật còn có thể giới thanh tịnh như thế giới Phật A-di-đà. Phật A-di-đà cũng có thể giới nghiêm tịnh và chẳng nghiêm tịnh như thế giới của Thích-ca-văn Phật.

Chư Phật đại bi, thấu suốt xương tủy, không kể thế giới tốt xấu, chỉ tùy căn cơ đáng độ mà giáo hóa, như mẹ lành thương con, dầu con bị chìm hãm xí, cũng siêng tìm cách cứu vớt, không cho là xấu bản.

(HẾT CUỐN 32 THEO BẢN HÁN)

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

CHƯƠNG 45

GIẢI THÍCH: ĐẾN BỜ KIA...

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát muốn đến bờ kia của hết thủy pháp hữu vi vô vi, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN: Bờ kia là đối với pháp hữu vi vô vi đến tận bờ mé nó.

Thế nào là bờ kia? Là dùng đại trí tuệ biết rõ hết thủy pháp hữu vi, các tướng chung tướng riêng của nó đều biết rõ. Đối với pháp vô vi, từ Tu-đà-hoàn cho đến Phật, thấy đều biết rõ; nghĩa tướng của pháp hữu vi vô vi, như trước đã nói.

KINH: Bồ-tát ma-ha-tát muốn biết quá khứ, vị lai, hiện tại các pháp như, các pháp tướng, vô sanh tế, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN. *Hỏi:* Trên kia đã nói như, sao nay còn nói lại?

Đáp: Trên chỉ nói ngay các pháp như, nay nói pháp ba đời đều như; trên nói lược, đây nói rộng; trên nói một, đây nói ba. Pháp tướng tức là pháp tánh; vô sanh tế tức là chân tế, quá khứ pháp như, tức là pháp tướng quá khứ, vị lai, hiện tại cũng như vậy.

* Lại nữa, quá khứ pháp như, tức là vị lai, hiện tại pháp như; hiện tại pháp như, tức là quá khứ, vị lai pháp như; vị lai pháp như,

tức là quá khứ, hiện tại pháp như, vì có sao? Vì tướng “như” chẳng phải một chẳng phải khác.

* Lại nữa, như trước nói hai thứ như: 1. Thế gian như. 2. Xuất thế gian như. Dùng thế gian như thì ba đời mỗi mỗi khác; dùng xuất thế gian như thì ba đời là một.

* Lại nữa, pháp tướng là nghiệp dụng của các pháp, lực tạo tác, nhân duyên, quả báo của các pháp. Như lửa là tướng nóng, nước là tướng ướt, như vậy phân biệt các tướng riêng khác về nhân duyên, quả báo của các pháp; như trong mục Thị xứ phi xứ lực ở trước nói; ấy gọi là pháp tướng thế gian. Nếu đối với các pháp ấy truy cầu tầm cứu nhập vào vô sanh pháp, không còn gì quá hơn nữa; ấy gọi là vô sanh tế.

Hỏi: Như, pháp tướng có thể phân biệt có ba đời, còn vô sanh tế là pháp vị lai, làm sao có quá khứ, hiện tại? Như trong A-tỳ-đàm nói sanh pháp là quá khứ, hiện tại, vô sanh pháp là vị lai và pháp vô vi, làm sao muốn khiến cả pháp quá khứ, hiện tại có vô sanh?

Đáp: Các đoạn như trước nói phá sanh pháp, thời hết thấy pháp đều vô sanh, chứ đâu chỉ vị lai vô sanh, như trong chương giải thích nghĩa chữ Nhất thời đã phá ba đời. Ba đời một tướng, đó là vô tướng, như vậy là tướng vô sanh.

* Lại nữa, vô sanh là Niết-bàn, vì Niết-bàn không sanh không diệt, Niết-bàn là rốt ráo cuối cùng, không còn sanh trở lại, mà hết thấy pháp tức là Niết-bàn, nên Phật dạy hết thấy pháp đều là vô sanh tế.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát muốn ở trước hết thấy Thanh văn, Bích-chi Phật; muốn hầu hạ chư Phật; muốn làm nội quyến thuộc của chư Phật; muốn được đại quyến thuộc; muốn được Bồ-tát làm quyến thuộc; muốn thanh tịnh báo đáp ơn đại thí, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN. *Hỏi*: Nếu Bồ-tát chưa sạch hết lậu, làm sao được ở trước bậc thánh nhân sạch hết lậu?

Đáp: Bồ-tát khi mới phát tâm đã ở trước hết thầy chúng sanh, huống gì đã nhiều kiếp tu hành? Bồ-tát công đức trí tuệ lớn, nên đời đời thường lớn, có thể làm lợi ích cho Thanh văn, Bích-chi Phật. Chúng sanh biết ơn Bồ-tát, nên tôn sùng kính trọng, cho đến ở trong súc sanh cũng là tôn trọng. Như Bồ-tát kiếp xưa làm nai, màu sắc như vàng, sừng bảy báu, năm trăm nai tùy tùng kính thờ. Nếu sanh trong loài người, đời tốt thì làm Chuyển luân thánh vương, đời ác thường làm Đại vương, hộ trì Phật pháp, lợi ích chúng sanh. Nếu xuất gia, gặp đời có Phật pháp, thời làm vị đại độ sư cho đời, hưng hiển Phật pháp; nếu gặp đời không Phật pháp, thì làm đại sư ngoại đạo, tu hành bốn vô lượng tâm. A-la-hán, Bích-chi Phật, tuy được vô lậu mà việc lợi ích ít; ví như một thùng váng sữa tuy tinh sạch, chẳng bằng cao sữa đầy nước biển lớn. Bồ-tát tuy trí tuệ hữu lậu mà đến khi thành thực, thời lợi ích vô lượng.

* Lại nữa, bốn sự cúng dường dụng cụ trợ đạo cho La-hán, Bích-chi Phật phần nhiều do Bồ-tát mà có được; như kinh Lăng-nghiêm nói: Văn-thù-sư-lợi bảy mươi hai ức kiếp làm Bích-chi Phật, giáo hóa người tu pháp Bích-chi Phật khiến họ được thành đạo. Vì vậy nên Bồ-tát ở trước Thanh văn, Bích-chi Phật.

Muốn hầu hạ chư Phật: Thích-ca Văn Phật khi chưa xuất gia, Xa-nặc hầu hạ, Ưu-đà-da làm trò vui, Cù-tỳ-da, Da-du-đà các thể nữ làm nội quyến thuộc; khi xuất gia tu khổ hạnh sáu năm, có năm người hầu hạ. Khi thành đạo có Di-hỷ, La-đà, Tu-na-sát-đa-la, A-nan, Mật-tích lực sĩ...; ấy là nội quyến thuộc.

Đại quyến thuộc: Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, Đại Ca-diếp, Tu-bồ-đề, Ca-chiên-diên, Phú-lâu-na, A-nâu-lâu-đà các thánh nhân; và Di-lặc, Văn-thù-sư-lợi, Bạt-đà-bà-la các Bồ-tát nhất sanh bổ xứ không thối chuyển; ấy gọi là đại quyến thuộc.

* Lại nữa, Phật có hai thân: 1. Pháp tánh sanh thân. 2. Tùy thể gian thân. Quyển thuộc của thể gian thân như trước đã nói; quyển thuộc của pháp tánh sanh thân là vô lượng vô số Bồ-tát nhất sanh bổ xứ theo hầu, vì có sao? Vì như trong kinh Bất khả tư nghĩ giải thoát nói: lúc Phật sắp sanh có 84.000 Bồ-tát nhất sanh bổ xứ ở tiền đạo, Bồ-tát (Phật) theo sau sanh ra; ví như bóng mây lồng trăng.

Lại như kinh Pháp Hoa nói: các Bồ-tát từ đất vọt lên, đều là nội quyển thuộc, đại quyển thuộc.

Bồ-tát làm quyển thuộc: có đức Phật lấy thuần Bồ-tát làm quyển thuộc, có đức Phật lấy thuần Thanh văn làm quyển thuộc; có đức Phật lấy cả Bồ-tát và Thanh văn xen lộn làm quyển thuộc, cho nên nói chỉ muốn lấy Bồ-tát làm quyển thuộc, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Quyển thuộc có ba hạng: thượng, trung, hạ. Hạ quyển thuộc thuần Thanh văn; trung quyển thuộc lẫn lộn Thanh văn Bồ-tát, thượng quyển thuộc thuần là Bồ-tát.

Thanh tịnh báo đáp ơn đại thí: có người nói Bồ-tát chứa nhiều phước, nhưng chưa trừ hết phiền não, lãnh thọ của người tín thí, chưa thể thanh tịnh báo đáp. Phật dạy: Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật, thấy các pháp đều không, không thể có được, hưởng gì các kiết sử. Bồ-tát vào trong pháp tánh, không thủ chứng thật tế, cho nên có thể thanh tịnh báo đáp phước thí chủ.

* Lại nữa, công đức Bồ-tát rộng lớn, từ khi phát tâm lại đây, muốn thay thế hết thầy chúng sanh chịu mọi sự khổ, muốn đem hết thầy công đức cho hết thầy chúng sanh, vậy sau mới cầu Phật đạo cho mình, nhưng việc ấy không thể được, nên mới tự thành Phật, để độ hết thầy chúng sanh.

* Lại chí nguyện Bồ-tát không ràng buộc theo vô số kiếp; cũng như thể gian như, pháp tánh, thật tế, hư không trụ lâu, tâm Bồ-tát

trụ thế gian làm lợi ích chúng sanh cũng lâu như thế, không có cùng tận. Bồ-tát như vậy mà không thể thanh tịnh báo đáp phước thí chủ thì ai có thể thanh tịnh báo đáp? Như cha mẹ tuy có kiết sử các ác, vì một đời làm lợi ích cho con, nên nhận sự cúng dường của nó, khiến nó được đại phước; huống gì Bồ-tát không có các kiết sử, mà trụ vô lượng đời làm lợi ích chúng sanh mà không thanh tịnh báo đáp?

* Lại nữa, Bồ-tát chỉ có bi tâm, không có Bát-nhã mà còn có thể lợi ích; huống gì tu hành Bát-nhã ba-la-mật.

Hỏi: Nếu Bồ-tát không còn kiết sử, tại sao còn thọ sanh ở thế gian?

Đáp: Trước đã nói: Bồ-tát được vô sanh pháp nhẫn, được pháp tánh sanh thân, nơi nơi biến hóa để độ chúng sanh, trang nghiêm thế giới; do công đức ấy nên tuy chưa thành Phật, mà có thể thanh tịnh báo đáp phước thí chủ.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát muốn không khởi tâm xan lẫn, tâm phá giới, tâm sân nhuế, tâm giải đãi, tâm tán loạn, tâm si, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN: Sáu thứ tâm xấu này làm chướng ngại sáu Ba-la-mật; như khi Bồ-tát tu hành bố thí, nếu có tâm xan lẫn nổi lên, thời làm cho việc bố thí không thanh tịnh, tức là không thể đem vật tốt thí; hoặc cho vật tốt, không thể cho nhiều; hoặc cho vật ngoài, không thể cho vật trong; hoặc có thể cho vật trong, không thể cho hết; đều do tâm xan lẫn. Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật biết hết thấy pháp không ta, không của ta, các pháp đều không, như mộng như huyễn, đem thân, đầu, mắt, xương, tùy bố thí như thí cỏ cây. Bồ-tát tuy chưa đắc đạo mà muốn thường không khởi tâm xan lẫn, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Các người khác lia dục đắc đạo, nên không sanh tâm phá giới, Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật nên không thấy sự phá giới, vì có

sao? Vì giới là trú xứ của hết thầy công đức thiện; ví như đất là chỗ nương tựa của muôn vật, phá giới còn không được các đạo quả khác, huống được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì vậy nên không khởi tâm phá giới. Lại nghĩ rằng, pháp của Bồ-tát là an lạc chúng sanh, nếu phá giới là não loạn tất cả, vì vậy Bồ-tát còn không khởi tâm phá giới huống gì phá giới.

Hàng Tiểu thừa và phạm phu còn không nên khởi tâm tức giận, huống gì Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; thân là đồ chứa khổ, đúng pháp phải tự chịu khổ não; ví như người phạm tội, tự chịu hình giết, tự làm tự chịu, không nên oán người. Chỉ nên tự thủ hộ tâm, đừng cho khởi niệm ác; ví như người gặp gió mưa, nóng, rét, cũng không nổi giận. Lại nghĩ rằng, Bồ-tát cầu Phật đạo, lấy tâm đại bi làm gốc; nếu ôm lòng sân hận, thời tiêu mất chí nguyện. Người sân hận còn không được cái vui thế gian, huống gì cái vui của đạo; người sân hận tự không được vui, làm sao có thể đem vui cho người.

Người giải đãi còn không thể thành được việc tốt thế gian, huống gì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; ví như dùi cây lấy lửa mà thường ngưng nghỉ, thời không hện được lúc có lửa; tâm tán loạn, ví như đèn giữa gió, đèn tuy có sáng mà không thể chiếu vật. Trí tuệ ở giữa loạn tâm cũng như vậy. Trí tuệ là cội gốc của hết thầy thiện pháp, nếu muốn thành tựu trí ấy, trước phải nhiếp tâm, vậy sau mới thành được; ví như người cuồng say, việc tự lợi, lợi tha, tốt xấu đều không hay biết; tâm tán loạn cũng như vậy. Việc tốt thế gian còn không thể biết rõ, huống gì pháp xuất thế gian.

Tâm người ngu si, tất cả việc thành bại, đều không biết nổi, huống gì nghĩa lý vi diệu sâu xa; ví như người không có mắt, thời hoặc sa hầm hố, hoặc vào đường quấy. Người vô trí cũng lại như vậy. Không con mắt trí tuệ nên thọ nhận say đắm tà pháp, không lãnh thọ chánh kiến. Người như vậy, việc thế gian gần còn không thành được, huống gì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ-tát do lực tu hành Bát-nhã ba-la-mật, nên có thể chướng ngại sáu tặc ấy, và thanh tịnh sáu Ba-la-mật. Do vậy nên nói nếu muốn không khởi lên sáu tặc, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

KINH: Lại nữa, này Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát muốn khiến hết thảy chúng sanh, an lập nơi chỗ phước bố thí, chỗ phước trì giới, chỗ phước tu định, chỗ phước khuyến đạo; muốn khiến chúng sanh an lập nơi chỗ phước tài của, phước giáo pháp, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN. *Hỏi*: Thế nào gọi là chỗ phước?

Đáp: Trong A-tỳ-đàm nói: phước là nghiệp thân, khẩu, ý hữu lậu thiện. Lại có người nói: phước là vô phú vô ký, vì có sao? Vì là quả báo do nghiệp hữu lậu thiện nên được vô phú vô ký. Phước là quả báo, cũng gọi là phước, như người thế gian thành được đại sự, làm nên nhiều việc, gọi đó là người phước đức. Phước này lược nói có ba thứ là bố thí, trì giới, tu định.

Thế nào là bố thí? Có người đem y phục, đồ nằm, uống ăn, hoa hương, chuỗi ngọc... cho người; ấy gọi là bố thí.

Hỏi: Vật âm thực... là bố thí, hay còn có sự bố thí?

Đáp: Vật âm thực chẳng phải bố thí, mà khi lấy vật âm thực... đem cho, trong tâm phát sanh một pháp gọi là xả bỏ, trái ngược với tâm xan lắn; ấy gọi là phước đức bố thí, nó hoặc là hữu lậu, hoặc là vô lậu, thường là tâm số pháp thiện, tương ưng với tâm, theo tâm hành, cùng với tâm sanh; không sắc không hình; hay làm duyên, tương ưng với nghiệp, theo nghiệp hành, cùng nghiệp sanh, chẳng phải quả báo của nghiệp trước; được tu, hành tu, tuệ chứng, thân chứng, người phạm phu được và thánh nhân được.

Có người nói: *Tu* tương ưng với pháp *xả*, ấy gọi là phước đức bố thí, vì có sao? Vì nghiệp hay sanh quả báo. *Tu* tức là nghiệp, thân miệng không gọi là nghiệp; từ tâm sở sanh, nên được gọi là nghiệp.

Bồ thí có hai thứ: 1. Tịnh, 2. Bất tịnh. Bất tịnh là chỉ cho bằng mà thôi. Hoặc sợ mất của nên cho; hoặc sợ trách mắng nên cho; hoặc không cần dùng nên đem cho; hoặc thân ái nên cho; hoặc vì cầu thế nên cho, vì cho nên đưa đến nhiều thế việ; hoặc chết gần kẻ nên cho; hoặc cầu tiếng khen nên cho; hoặc cầu ngang danh, hơn danh kẻ quý nên cho; hoặc đổ kỵ ganh ghét nên cho; hoặc kiêu mạn nên cho, nghĩ rằng tiểu nhân ngu hèn còn cho được, huống ta là đại nhân quý trọng, làm sao không cho; hoặc vì chú nguyện phước đức nên cho; hoặc cầu tốt trừ xấu nên cho; hoặc tìm vào bạn đảng nên cho; hoặc không nhất tâm, không cung kính, khinh hèn người thọ nhận mà cho. Các nhân duyên như vậy, là vì đời nay nên cho; vì ngược lại với tịnh, nên gọi là bất tịnh.

Tịnh thí là như trong Kinh nói: vì đối trị tâm nên cho; trang nghiêm ý nên cho; vì được đệ nhất lợi nên cho; sanh tâm thanh tịnh hay phân biệt và giúp Niết-bàn nên cho; ví như hoa tươi chưa héo, sắc đẹp lại thơm. Tịnh tâm bồ thí cũng như vậy; như nói chư thiên, tâm không thanh tịnh bồ thí, thời ánh sáng cung điện mỏng ít; nếu bồ thí với tâm thanh tịnh thời ánh sáng cung điện thêm rộng lớn. Nghiệp bồ thí ấy tuy quá khứ cho đến ngàn vạn đời không mất, thí như bằng khoán giao ước.

Hỏi: Phước bồ thí ấy làm sao tăng trưởng?

Đáp: Đúng thời bồ thí được phước tăng trưởng; như Kinh nói: thí lúc đói khát, được phước tăng nhiều; thí cho người đi xa, người qua đường hiểm, đường vắng hoặc thường bồ thí không dứt; hoặc thường nhớ bồ thí, nên bồ thí được tăng trưởng. Như trên nói về niệm xả trong sáu niệm. Hoặc thí lớn nên được phước nhiều; hoặc thí cho người tốt; hoặc thí cho Phật; hoặc người thí người thọ đều thanh tịnh; hoặc tâm quyết định thí; hoặc tự lực làm ra của thí; hoặc tùy của có nhiều ít có thể thí hết; hoặc giao hẹn đem vật thí; hoặc đem ruộng vườn, người giúp việc thí... bồ thí như vậy chỉ có Bồ-tát lấy tâm tâm

mới thực hành nổi. Như Bồ-tát Vỹ-la-ma trong mười hai năm bố thí đã nghiêm sức bát bầy báu, đựng sữa bò, thể nữ, mỗi thứ tám vạn bốn ngàn, cùng các vật ẩm thực khác không kể số.

* Lại như Bồ-tát Tu-đề-lê-noa (Tu-đại-noa) đem voi trắng thiện thắng thí cho kẻ oan gia, rồi vào ở núi sâu, đem hai đứa con yêu quý thí cho Bà-la-môn Thập Nhị Xú; lại đem vợ và con mắt thí cho Bà-la-môn - hóa thân của trời Đế-thích. Bấy giờ đất rung động mạnh, trời sấm chớp, ở giữa hư không mưa hoa.

* Lại như Tát-bà-đạt-đa vương tự trời thân thí cho Bà-la-môn .

* Lại như vua Tỳ-thi (Si-bi) vì một chim bồ câu mà tự đem thân mình đổi mạng cho nó.

* Lại như Bồ-tát từng làm thân thỏ, tự nướng thịt mình thí cho tiên nhân.

Các việc như vậy, trong kinh Bồ-tát bốn sanh nói đủ.

* Lại có người Thanh văn bố thí; như Tỳ-kheo-ni Tu-di-đà, cùng với hai bạn đồng học làm tinh xá cho Ca-na-già Mâu-ni Phật, mà được làm Chuyển luân thánh vương và phước vua trời trong vô lượng ngàn vạn đời.

* Lại như Bà-la-môn Thi-bà đem một bát cao sữa thí Tăng, mà đời đời thọ vui, nay được thân A-la-hán, thọ vui nhất trong những người thọ vui.

* Lại như phu nhân Mạt-lợi, cúng dường Tôn giả Tu-bồ-đề, nên đời nay quả báo được làm vợ vua Ba-thi-na-thi (Ba-tư-nặc).

Lại như Thi-bà cúng dường ông Ca-chiên-diên nên quả báo đời nay được làm vợ vua Chiên-đà-ba-châu-đà.

Lại như Cư sĩ Uất-già-đà cúng dường Xá-lợi-phất và năm trăm A-la-hán nên ngay trong ngày được quả báo: là có năm trăm khách

buôn được đồ ăn thừa kia, mỗi người đều lấy hạt châu anh lạc tặng cho ông, bỗng được giàu to; bèn gọi là Tốt-uất-già-đà.

Bồ thí như vậy được báo ngay trong đời nay. Nên biết, luận nghị về bồ thí nói không hết được.

Chỗ phước trì giới: Phật nói về phước của năm giới.

Hỏi: Thế nào là tướng tội sát?

Đáp: Biết đó là chúng sanh mà cố ý cướp mạng sống, mắc tội sát; chẳng phải không cố ý, tâm khoái trá an ổn, mắc tội sát; chẳng phải tâm tán loạn si cuồng, cướp mạng sống mắc tội sát; chẳng phải chỉ làm bị thương, chết rồi mắc tội sát; chẳng phải chưa chết, thân nghiệp làm là tội sát; chẳng phải miệng bảo; thân làm là tội sát, chẳng phải chỉ tâm sanh niệm ác. Các tội như vậy, ngưng không làm, là tướng trạng thiện của giới thứ nhất.

Hoặc có người nói: đó là vô phú vô ký; hoặc hệ thuộc cõi Dục; hoặc không hệ thuộc; hoặc chẳng phải tâm; chẳng phải tâm số pháp; chẳng phải tâm tương ưng; chẳng phải theo tâm hành; hoặc cùng với tâm sanh; hoặc không cùng tâm sanh; chẳng phải tương ưng với nghiệp; chẳng phải theo nghiệp hành; hoặc cùng nghiệp sanh; hoặc chẳng cùng nghiệp sanh; chẳng phải quả báo của nghiệp trước, được tu, hành tu, thân chứng, tuệ chứng; hoặc tư duy đoạn; hoặc chẳng đoạn; khi xa lìa tham dục của cõi Dục được đoạn biến tri, phàm phu và thánh nhân cùng có; ấy gọi là tướng trạng giới không sát sanh. Các giới khác cũng như vậy, tùy nghĩa mà phân biệt.

Luận nghị tán thán các giới, như đã nói trong mục Thi-la ba-la-mật.

Chỗ phước tu định: Tuy trong Kinh nói tu từ là phước tu định, cũng nói thiền định hữu lậu có thể sanh quả báo, tổng quát gọi là phước tu định. Vì ở cõi Dục sâu nhiều, tán loạn nhiều nên

trước nói từ tâm là phước tu định. Được phương tiện từ, nguyện cho chúng sanh vui, sau thật sự thấy chúng sanh thọ vui, pháp tương ưng với tâm ấy; gọi là pháp từ. Pháp ấy hoặc hệ thuộc cõi Sắc, hoặc không hệ thuộc, ấy là chơn từ; còn phương tiện từ, hệ thuộc cõi Dục, thường theo tâm hành, theo tâm sanh; vô hình vô đối hay duyên pháp; chẳng phải nghiệp, tương ưng với nghiệp mà theo nghiệp hành, cùng nghiệp sanh; chẳng phải quả báo của nghiệp trước, đắc tu, hành tu, thân chứng, tuệ chứng; hoặc tư duy đoạn; hoặc chẳng đoạn. Xa lìa tham dục của cõi Sắc được đoạn biến tri; có giác có quán; cũng không giác có quán; cũng không giác không quán; hoặc có mừng, hoặc không có mừng; hoặc có hơi thở, hoặc không có hơi thở, phàm phu và thánh nhân cũng được. Hoặc tương ưng với thọ khổ; hoặc tương ưng với thọ không khổ không vui; trước duyên được tướng liễu giải, sau duyên thật nghĩa. Ở trong bốn thiên căn bản, hoặc quá bốn thiên; nương bốn thiên mà được thì có sức bền chắc.

Từ nên gọi là thân ái, vì không oán không tranh nên gọi là thân ái; hay duyên vô lượng chúng sanh, nên gọi là vô lượng; hay lợi ích chúng sanh; hay lìa dục nên gọi là phạm hạnh. Các luận nghị khác về từ tâm, như đã nói trong chương Bốn vô lượng tâm.

Hỏi: Trong phước tu định, cứ sao Phật chỉ nói từ tâm mà không nói các tâm khác?

Đáp: Trong bốn vô lượng, từ tâm vô lượng hay sanh phước đức lớn; bi tâm vì ưu sầu nên bỏ phước đức; hỷ tâm vì tự nhớ công đức nên phước đức chẳng sâu; xả tâm vì phóng xả nên phước cũng ít.

* Lại nữa, Phật dạy từ tâm có năm điều lợi, không nói tâm khác. Những gì là năm? 1. Đao không làm thương, 2. Độc không làm hại, 3. Lửa không làm cháy, 4. Nước không chìm, 5. Hết thầy chúng sanh sân nộ ác độc thấy đều hoan hỷ.

Bi tâm... không có các việc như vậy, nên chỉ nói phước của tu định là từ. Các tâm khác đi theo. Và các định hữu lậu có thể sanh quả báo.

Chỗ phước khuyến đạo: nếu Tỳ-kheo không tọa thiền, không tụng kinh, mà giáo hóa khuyến đạo người tu lập phước đức; hoặc có Tỳ-kheo hay tọa thiền, tụng kinh, thấy các Tỳ-kheo áo com thiếu thốn, đem sức dẫn dắt, và tu hành khuyến đạo, và các Bồ-tát thương xót chúng sanh, lấy nhân duyên phước đức để khuyến hóa họ.

Lại người xuất gia, nếu cầu tài của, đối với giới bị mất cho nên khuyến đạo làm nhân duyên. Phước về tài của là y phục, ẩm thực, đồ nằm, thuốc thang, vàng bạc, xe ngựa, ruộng nhà.

Hỏi: Trên nói chỗ phước bố thí, ở đây nói phước về tài của, có gì sai khác?

Đáp: Bố thí, là tổng quát hết thầy thí. Tài thí, pháp thí, tục thí, đạo thí; nay muốn phân biệt pháp thí, tài thí.

Pháp thí như lấy tâm đại từ, bắt đầu Chuyển pháp luân, vô lượng chúng sanh đắc đạo, sau Xá-lợi-phất theo Phật Chuyển pháp luân. Các thánh nhân khác tuy chẳng phải Chuyển pháp luân, cũng vì chúng sanh thuyết pháp, làm cho họ đắc đạo, cũng gọi là pháp thí.

* Lại có Bồ-tát Biến Cát, Quán Thế Âm, Đắc Đại Thế, Văn-thù-sur-lợi, Bồ-tát Di-lặc... dùng hai lực thần thông là quả báo thần thông, tu đắc thần thông; trụ trong đó lấy các nhân duyên về phước đức, lực phương tiện, hào quang, thần túc... để khai độ chúng sanh, cũng gọi là pháp thí.

Các Bích-chi Phật bay lên giữa hư không, nói một bài kệ dẫn đạo chúng sanh, khiến gieo trồng thiện căn, cũng gọi là pháp thí.

* Lại đệ tử Phật chưa đắc thánh đạo, ngồi thiền, tụng kinh, không phá hoại pháp tướng, giáo hóa đệ tử, đều gọi là pháp thí.

Các thứ như vậy, gọi là tướng trạng của pháp thí. Vì vậy nên nói: muốn an lập chúng sanh nơi sáu phước thí, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

KINH: Lại nữa, này Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát muốn được năm mắt, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN: Năm mắt là mắt thịt, mắt trời, mắt tuệ, mắt pháp, mắt Phật. (Mười ba chữ này nguyên ở trong văn kinh, nay y theo Đại chánh tạng đưa vào trong văn luận).

Mắt thịt thấy gần không thấy xa; thấy trước không thấy sau; thấy ngoài không thấy trong; thấy ngày không thấy đêm; thấy trên không thấy dưới, vì bị chướng ngại như vậy nên cầu mắt trời.

Được mắt trời, xa gần đều thấy, trước sau, trong ngoài, ngày đêm, trên dưới đều thấy không chướng ngại. Nhưng mắt trời chỉ thấy vật giả danh do nhân duyên hòa hợp sanh, không thấy được thật tướng là không, vô tướng, vô tác, vô sanh, vô diệt; như trước, giữa, sau cũng như vậy. Vì thật tướng nên cầu mắt tuệ.

Được mắt tuệ, không thấy chúng sanh, diệt hết tướng một, khác; lia bỏ các chấp trước, không thọ nhận hết thủy pháp, trí tuệ phân biệt tự diệt bên trong; ấy gọi là mắt tuệ. Nhưng mắt tuệ không thể độ chúng sanh, vì có sao? Vì không còn phân biệt, vì vậy nên cầu mắt pháp.

Mắt pháp khiến cho người ấy tu hành pháp ấy, chứng được đạo ấy, biết hết thủy chúng sanh và dùng các môn phương tiện khiến cho họ được chứng đạo. Nhưng mắt pháp không thể biết khắp đạo phương tiện độ sanh; vì vậy nên cầu mắt Phật.

Mắt Phật không việc gì không biết, thấy biết tất cả sự che kín; việc đối người khác rất xa, đối với Phật rất gần; đối với người khác tối tăm, đối với Phật sáng tỏ; đối với người khác nghi ngờ, đối với Phật quyết định; đối với người khác vi tế, đối với Phật thô thiển; đối

với người khác rất sâu, đối với Phật rất cạn. Mắt Phật ấy không gì không nghe; không gì không thấy; không gì không biết; không việc gì khó; không suy nghĩ gì; đối với mọi pháp, mắt Phật thường soi sáng. Nghĩa năm mắt, phần sau sẽ nói rộng.

KINH: Bồ-tát ma-ha-tát muốn dùng mắt trời thấy chư Phật trong mười phương thế giới nhiều như cát sông Hằng, muốn dùng tai trời nghe mười phương chư Phật thuyết pháp, muốn biết tâm chư Phật, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN: Đúng nghĩa thì mắt trời thấy được không quá ba ngàn đại thiên thế giới; nay do lực Bát-nhã ba-la-mật nên thấy chư Phật trong mười phương thế giới nhiều như cát sông Hằng, vì có sao? Vì trong Bát-nhã ba-la-mật, thì không gần không xa, không có gì chướng ngại.

Hỏi: Như kinh Ban châu nói: do lực Ban châu tam-muội, nên tuy chưa được mắt trời vẫn thấy được chư Phật hiện tại trong mười phương, với ở đây Bồ-tát dùng mắt trời thấy mười phương chư Phật có gì khác nhau?

Đáp: Mắt trời này thuộc vô phú vô ký, Ban châu tam-muội, người lìa dục, người chưa lìa dục đều được, còn mắt trời chỉ người lìa dục có được. Ban châu tam-muội, nhớ tưởng phân biệt, thường tu thường tập cho nên thấy; còn mắt trời tu thần thông được con mắt sắc trần do bốn đại của cõi Sắc tạo nên, thấy bốn phía khắp tướng sáng; ấy là khác Ban châu tam-muội. Công của mắt trời dễ; ví như mặt trời mọc, thấy sắc không khó; công của tam-muội khó; ví như ban đêm đốt đèn, thấy sắc không dễ; tai trời cũng như vậy.

Biết tâm chư Phật. *Hỏi:* Như ở thượng địa mà độn căn còn không biết được tâm lợi căn hạ địa, Bồ-tát còn không biết được tâm một đức Phật, huống gì biết được tâm chư Phật trong mười phương nhiều như cát sông Hằng?

Đáp: Do thần lực của Phật làm cho Bồ-tát biết; như Kinh nói: Hết thầy không ai biết được tâm Phật; nếu Phật dùng thần lực làm cho biết, thì cho đến côn trùng cũng biết được. Vì vậy nên biết, Phật dùng thần lực làm cho Bồ-tát biết tâm Phật.

* Lại nữa, Bát-nhã ba-la-mật, không có tướng ngăn ngại, thô tế, sâu cạn, ngu thánh, đều không sai khác. Tâm chư Phật như, tâm Bồ-tát như, nhất như không sai khác. Bồ-tát theo “như” ấy, nên biết được tâm chư Phật.

* Lại nữa, việc khó hiếm có, không thể biết mà biết, vì vậy nên nói: muốn được như vậy nên học Bát-nhã ba-la-mật.

KINH: Muốn nghe mười phương chư Phật thuyết pháp, nghe rồi cho đến khi chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác vẫn không quên, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN. *Hỏi:* Pháp của một đức Phật nói còn khó ghi nhớ; huống gì pháp của vô lượng chư Phật nói mà muốn ghi nhớ không quên?

Đáp: Bồ-tát do lực của Văn trì Đà-la-ni nên thọ trì được; do lực của đà-la-ni ức niệm bền chắc nên không quên.

* Lại nữa, trong đây nói lực của Bát-nhã ba-la-mật, rất ráo thanh tịnh không dính mắc; ví như biển lớn hàm thọ các dòng. Bồ-tát theo mười phương chư Phật nghe pháp, do khí cụ Bát-nhã ba-la-mật lớn, nên có thể thọ lãnh vô lượng pháp, giữ mãi không quên.

* Lại nữa, Bát-nhã ba-la-mật không thể ví dụ; như hư không; như lúc lửa kiếp tận đời sạch, mưa lớn đầy đầy, trận mưa ấy trừ hư không ra không chỗ nào có thể dung chứa. Mưa pháp của chư Phật mười phương, từ miệng Phật tuôn ra, trừ Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật, không còn có ai lãnh thọ được, vì vậy nên nói: muốn nghe pháp của mười phương chư Phật nói, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

KINH: Lại nữa, này Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát muốn thấy thế giới của chư Phật quá khứ, vị lai và thấy thế giới của mười phương chư Phật hiện tại, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN. *Hỏi:* Nếu thấy mười phương Phật là đã thấy thế giới, nay có sao còn nói muốn thấy thế giới?

Đáp: Bồ-tát khi chưa thiên định vào sâu, nếu thấy mười phương thế giới, núi sông, cây cỏ, thời tâm tán loạn, nên chỉ xem thấy chư Phật; như đã nói trong chương nói về niệm Phật. Hành giả chỉ xem chư Phật, không xem đất nước, núi sông, cây cỏ, khi được lực thiên định thì tùy ý xem rộng.

* Lại nữa, cõi Phật thanh tịnh khó thấy, cho nên nói muốn thấy thế giới của chư Phật, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

* Lại một đức Phật có vô lượng trăm ngàn thứ thế giới; như trước nói có thế giới nghiêm tịnh; có thế giới không nghiêm tịnh; có thế giới xen tạp; có thế giới rất ráo thanh tịnh khó thấy, do lực Bát-nhã ba-la-mật mà thấy được cả; ví như thiên tử khi ngồi ở điện nghe chính sự, thời người ngoài thấy rõ mà người ở thâm cung nội điện không thấy được.

Hỏi: Thế giới hiện tại trong mười phương có thể thấy; còn thế giới của chư Phật quá khứ, vị lai làm sao thấy?

Đáp: Bồ-tát có thứ tam-muội thấy quá khứ vị lai, khi vào tam-muội ấy thì thấy việc quá khứ vị lai; như thấy việc trong mộng.

* Lại nữa, Bồ-tát có thứ tam-muội không diệt trừ, khi vào tam-muội ấy, không thấy chư Phật có diệt mất.

Hỏi: Hai pháp ấy chẳng phải mắt làm sao thấy được?

Đáp: Đây chính là trí tuệ, giả gọi là mắt.

* Lại nữa, như trong kinh Chuyển pháp luân, đối với bốn đế được nhãn, trí, minh, giác.

* Lại nữa, Bồ-tát thấy thế giới Phật hiện tại trong mười phương, chắc chắn biết thế giới chư Phật trong quá khứ; vị lai cũng như vậy, vì có sao? Vì hết thấy chư Phật công đức đồng nhau; việc ấy như trước đã nói.

* Lại nữa, trong Bát-nhã ba-la-mật, giống như hiện tại, quá khứ vị lai bình đẳng không khác; vì một như, một pháp tánh, vì thế nên không nên nạn.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát muốn nghe mười hai bộ kinh của mười phương chư Phật nói là Tu-đa-la, Kỳ-dạ, Thọ ký, Già-đà, Ưu-đà-na, Nhân duyên, A-ba-đà-na, Như thị ngữ, Bốn sanh, Phương quảng, Vị tăng hữu, Luận nghị, mà hàng Thanh văn nghe, cùng chẳng nghe, đều muốn đọc tụng thọ trì tất cả, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN: Trước nói muốn nghe hết thấy pháp của mười phương chư Phật thuyết, nên học Bát-nhã ba-la-mật. Pháp chư Phật thuyết tức đây nói mười hai bộ kinh.

Trong các Kinh, những lời nói thảng gọi là Tu-đa-la, đó là bốn bộ A-hàm, và các kinh Đại thừa, kinh Hai trăm năm mươi giới, ngoài ba tạng ấy cũng có kinh khác, đều gọi là *Tu-đa-la* (Sutra: khế kinh).

Các bài kệ trong các Kinh gọi là *Kỳ-dạ* (Geya - Trùng tụng).

Chúng sanh trong chín đạo là ba thừa và sáu thú được *Thọ ký* (Vyākuraṇa - Ký biệt) rằng: người ấy trải bấy nhiêu vô số kiếp sẽ được làm Phật; hoặc thọ ký trải bấy nhiêu năm sẽ làm Phật; thọ ký hàng Thanh văn đời này hoặc đời sau đắc đạo; thọ ký hàng Bích-chi Phật chỉ đời sau đắc đạo; thọ ký chúng sanh trong sáu thú (sáu đường) đời sau chịu báo. Pháp của chư Phật khi muốn thọ ký cho chúng sanh trước đều mỉm cười, vô lượng hào quang từ bốn cái răng phóng ra, đó là hào quang xanh, vàng, đỏ, trắng, tía... từ hai răng trên phóng ra chiếu ba đường ác; từ hào quang đó diễn vô lượng pháp, nói

hết thấy pháp tạo tác là vô thường, hết thấy pháp vô ngã, Niết-bàn an ổn. Chúng sanh gặp được hào quang cùng nghe thuyết pháp ấy, thân tâm an lạc, được sanh cõi người cõi trời; từ nhân duyên ấy đều được hết khổ. Hào quang từ hai răng dưới phóng ra chiếu lên cõi người cõi trời, cho đến cõi thiên Hữu định; hoặc kẻ đui mù, câm ngọng, bệnh cuồng đều được trừ khỏi. Trời Lục dục và A-tu-la thọ vui ngũ dục, gặp hào quang của Phật và nghe tiếng thuyết pháp, đều sanh nhàm chán dục lạc, thân tâm an lạc. Chư thiên ở cõi Sắc, khi thọ cái vui thiên định, gặp hào quang của chư Phật và nghe tiếng thuyết pháp, cũng sanh nhàm chán, mà đi đến chỗ Phật.

Các hào quang lại đến mười phương chiếu khắp sáu đường làm Phật sự xong, trở lại nhiễu quanh thân Phật bảy vòng. Nếu thọ ký cho địa ngục, thì hào quang từ dưới chân mà vào; nếu thọ ký cho súc sanh, thì hào quang từ đùi chân vào; nếu thọ ký cho ngựa quý, thì hào quang từ vế vào; nếu thọ ký cho nhân đạo, thì hào quang từ rún vào; nếu thọ ký cho thiên đạo, thì hào quang từ ngực vào; nếu thọ ký cho Thanh văn thì hào quang từ miệng vào; nếu thọ ký Bích-chi Phật, thì hào quang từ tướng giữa hai mi vào; nếu thọ ký được thành Phật, thì hào quang ấy từ đỉnh vào; nếu muốn thọ ký thời trước tiên hiện tướng ấy, vậy sau các đệ tử như A-nan... phát ra lời hỏi.

Hết thấy kệ gọi là Kỳ-dạ, sáu câu, ba câu, năm câu; mỗi câu nhiều ít không nhất định, cũng gọi là Kỳ-dạ, cũng gọi là *Già-đà* (Gàthà - Phúng tụng - Cô khời).

Ưu-đà-na (Udàna - Tự thuyết) là có pháp Phật cần phải nói nhưng không có ai hỏi, Phật lược mở mối cho hỏi; như Phật ở thành Xá-bà-đề, trên nhà Tỳ-xá-khư, đi kinh hành chỗ tối, tự nói Ưu-đà-na, đó là “vô ngã, vô ngã sở, việc ấy lành thay”. Bấy giờ một Tỳ-kheo chấp tay bạch Phật rằng: bạch Thế Tôn! Thế nào là vô ngã, vô ngã sở, việc ấy lành thay? Phật bảo Tỳ-kheo: người phạm phu chưa được vô lậu đạo, điên đảo che tâm, nên đối với lý vô ngã, vô ngã

sở, tâm rất kính sợ; còn nếu Phật và đệ tử Phật nghe pháp hay thời hoan hỷ phụng hành, không điên đảo, nên không còn tạo nghiệp trở lại. Những điều như vậy, trong Tạp A-hàm nói rộng.

* Lại như trong phẩm Bát-nhã ba-la-mật, các thiên tử tán thán pháp của Tu-bồ-đề nói rằng: lành thay! lành thay! Hy hữu Thế Tôn! hy hữu Thế Tôn! ấy gọi là Ưu-đà-na.

* Lại như sau khi Phật Niết-bàn, các đệ tử sưu tập những bài kệ thiết yếu, những bài kệ nói về vô thường, gom lại thành phẩm Vô thường, cho đến những bài kệ nói về Bà-la-môn gom lại thành phẩm Bà-la-môn, cũng gọi là Ưu-đà-na, sưu tập các việc tốt đều gọi là Ưu-đà-na. Như vậy gọi là Ưu-đà-na kinh (cũng gọi là Vô vấn tự thuyết).

Ni-đà-na (Nidàna - Nhân duyên) là nói nhân duyên chính khởi nói Phật pháp. Vì nhân gì Phật nói việc ấy. Trong Tu-đa-la, có người hỏi nên Phật nói việc ấy. Trong luật vì có người phạm việc ấy nên Phật kết giới ấy. Việc duyên khởi của hết thầy lời Phật dạy, đều gọi là Ni-đà-na.

A-ba-đà-na (Avadàna - Thí dụ): tương tự với lời nói thô thiên nhu nhuyễn của thế gian, như kinh Trường A-la-đà-na trong Trung A-hàm; kinh Đại A-ba-đà-na trong Trường A-hàm, Ưc nhĩ A-bà-đà-na, Nhị thập ức A-ba-đà-na ở trong Luật; Dục A-ba-đà-na nhất bộ trong kinh Giải nhị bách ngũ thập giới, Bồ-tát A-ba-đà-na xuất ra một bộ, như vậy có vô lượng A-ba-đà-na.

Như thị ngữ (Itivataka - Y-đế-mục đa-già - Bôn sự): có hai: 1. Là lời kết cú, rằng trước ta hứa nói nay đã nói xong. 2. Là ngoài ba tạng và đại thừa, còn có kinh tên gọi là Nhất Mục-đa-ca, có người nói là Mục-đa-ca. Tên Mục-đa-ca ở cả ba tạng và Đại thừa, là thế nào? Như Phật dạy: vua Tịnh-phạn bắt buộc những người trong dòng họ Thích xuất gia làm đệ tử Phật. Phật chọn năm trăm người có thể đắc đạo, đem đến thành Xá-bà-đề, vì có sao? Vì họ chưa lia dục; nếu

ở gần bà con, sợ họ phá giới, nên đem đến thành Xá-bà-đề bảo Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên giáo hóa. Đầu đêm cuối đêm chuyên tinh không ngủ, siêng tu tinh tấn, nên được đạo. Được đạo rồi Phật đem họ trở về bản quốc. Phép của chư Phật, khi trở lại bản quốc, cùng với đại hội các thiên chúng ở trong rừng tiên nhân thuộc thành Ca-tỳ-la-bà (Ca-tỳ-la-vệ). Rừng này cách thành Ca-tỳ-la-bà 50 dặm, đó là vườn dạo chơi của người họ Thích. Các Tỳ-kheo Thích tử này khi còn ở thành Xá-bà-đề, đầu đêm, cuối đêm chuyên tinh không ngủ, nên thấy đêm dài; từ trong rừng đi vào thành khát thực, mới biết dặm đường dài xa. Bấy giờ Phật biết tâm họ, nhân có một con sư tử đi đến lễ dưới chân Phật, rồi sang một bên, Phật lấy ba nhân duyên ấy nói kệ rằng:

*“Không ngủ, đêm dài,
Mỏi mệt, đường dài,
Ngu, sanh tử dài,
Không biết chánh pháp”.*

Phật bảo Tỳ-kheo: khi các người chưa xuất gia, tâm kia phóng dật ngủ nghỉ nhiều nên không biết đêm dài; nay đầu đêm, cuối đêm, chuyên tinh cầu đạo, tinh giảm ngủ nghỉ nên thấy đêm dài. Rừng Ca-tỳ-la-bà này trước các người vốn cỡi xe dạo chơi, nên không biết xa; nay các người mặc y ôm bát, đi bộ mệt mỏi, nên biết đường xa. Còn con sư tử này, từ thời đức Phật Tỳ-bà-thi, làm vị thầy Bà-la-môn, thấy Phật thuyết pháp, đi đến chỗ Phật. Bấy giờ đại chúng vì đang nghe pháp, không cùng nói năng, sư tử mới nghĩ ác, phát lời ác mắng rằng: bọn trọc này, khác gì súc sanh, không phân biệt người tốt, không biết nói năng. Vì nghiệp ác khẩu ấy, nên từ thời đức Phật Tỳ-bà-thi cho đến nay, 91 kiếp, thường ra vào súc sanh. Người ấy lúc đó đáng lẽ đắc đạo, song vì ngu si mà tự làm cho sanh tử lâu dài. Nay ở chỗ Phật, vì tâm thanh tịnh nên sẽ được giải thoát.

Các Kinh như vậy gọi là xuất nhân duyên. Từ chỗ nào xuất? Từ trong ba tạng và Đại thừa xuất ra, nên gọi là xuất. Sao gọi nhân duyên? Là gốc của ba sự ấy (không ngủ, mỗi một, ngu không biết Chánh pháp) nên gọi là Nhân duyên Kinh.

Kinh Bốn sanh (Jataka - Xà-già-đà): nói về sự tích của Bồ-tát ở quá khứ, như xưa Bồ-tát từng làm con sư tử ở trong rừng, cùng với một con khỉ kết bạn thân. Khỉ đem hai con gởi cho sư tử. Khi ấy có con chim ó, đói đi kiếm mồi, gặp sư tử đang ngủ, cố bắt khỉ con đem đi, đậu ở trên cây. Sư tử tỉnh dậy tìm khỉ con không được, thấy chim ó bắt đem trên cây, nói với chim ó: Ta nhận khỉ gởi hai đứa con, giữ không cẩn thận, để người bắt đem đi, phụ lòng tin của khỉ, xin người cho ta lại. Ta là chúa trong loài thú, người là chúa trong loài chim, thế lực quý trọng ngang nhau, người nên trả lại.

Chim ó nói: Người không biết thời, ta nay đang đói, đâu cần luận đồng hay khác.

Sư tử biết nói vô ích, tự lấy móng sắc bén móc thịt ở vế đùi mình để đổi lấy khỉ con.

* Lại trong đời quá khứ, nhân dân nhiều người mắc bệnh liệt, nóng da vàng trắng. Bấy giờ Bồ-tát làm thân cá đở, tự lấy thịt mình bố thí cho người bệnh, để cứu khổ họ.

* Lại, xưa Bồ-tát làm thân một con chim, trú ở trong rừng, thấy một người đi vào trong nước sâu, không phải chỗ của người đi, bị vướng lưới của thủy thần. Theo phép lưới thủy thần, đã vướng, thì không thể nào gỡ được. Chim biết cách gỡ, liền bay đến núi hương, lấy một cành cỏ thuốc, đặt trên lưới kia, giây liền tiêu hoại, người được thoát khỏi.

Vô lượng việc đời trước cứu giúp như vậy; ấy gọi là Bản sanh kinh.

Kinh Phương quảng (Vaipulya - Tỳ-phật-lược): gọi là Đại thừa, đó là kinh Bát-nhã ba-la-mật; kinh sáu Ba-la-mật; kinh Hoa

thủ; kinh Pháp Hoa; kinh Phật bản khởi nhân duyên; kinh Vân; kinh Pháp vân; kinh Đại vân; vô lượng vô số các kinh như vậy, vì để chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên nói là Tỳ-phật-lược.

Vị tăng hữu (Adbhuta-dharma - A-phù-đà-đạt-ma): như Phật hiện các thần thông, chúng sanh lấy làm lạ cho là việc chưa từng có. Đó là lúc Phật sanh ra, thân phóng hào quang lớn, chiếu ba ngàn đại thiên thế giới và chỗ u ám; lại chiếu ba ngàn đại thiên thế giới của vô lượng chư Phật trong mười phương. Bảy giờ trước Phật mẫu có ao đệp thanh tịnh, để tắm cho Bồ-tát, Phạm vương cầm lọng, Đế-thích tắm thân, hai rồng phun nước.

* Lại lúc mới sanh, không cần phò trì mà tự đi bảy bước, chỗ dấu chân đi đều có hoa sen, và cất tiếng nói: **Ta là người độ hết thảy chúng sanh khỏi khổ, già, bệnh, chết.** Đất chấn động mạnh, trời mưa các hoa, cây phát âm thanh, trời kỳ nhạc trời. Vô lượng việc hy hữu như vậy; ấy gọi là kinh *Vị tăng hữu*.

Kinh Luận nghị (Upadesa, Upatisa - Ưu-bà-đề-xá): đáp các câu hỏi, giải thích lý do. Lại nói rộng các nghĩa như Phật nói bốn đế, thế nào là bốn? Đó là Bốn thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ, Tập, Diệt, Đạo thánh đế; ấy gọi là luận nghị. Thế nào là Khổ thánh đế? Đó là tám khổ, là sanh khổ... Thế nào là sanh khổ? Đó là các chúng sanh nơi chỗ sanh ra chịu khổ. Hỏi đáp như vậy, giải rộng nghĩa kia; ấy gọi là Ưu-bà-đề-xá (luận nghị). Như trong Đại thừa, Phật dạy sáu Ba-la-mật: Những gì là sáu? Đó là Đàn ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật. Thế nào là Đàn ba-la-mật? Đàn ba-la-mật có hai: 1. Đầy đủ. 2. Không đầy đủ. Thế nào là đầy đủ? Bồ thí hợp cùng với Bát-nhã ba-la-mật cho đến Bồ-tát Thập trụ thành tựu được, gọi là đầy đủ. Không đầy đủ là Bồ-tát mới phát tâm, chưa được vô sanh pháp nhẫn, chưa hợp cùng với Bát-nhã ba-la-mật; ấy gọi là không đầy đủ. Cho đến Thiên ba-la-mật cũng như vậy.

Bát-nhã ba-la-mật đầy đủ là có năng lực phương tiện lớn, chưa đầy đủ là không có năng lực phương tiện.

* Lại nữa, Phật nói Luận nghị kinh, Đại Ca-chiên-diên giải thích Khế kinh, cho đến trong đời tượng pháp, kẻ phàm phu đúng như pháp mà thuyết; ấy gọi là Ưu-ba-đề-xá.

Pháp hàng Thanh văn không nghe được là pháp Phật chỉ nói cho Bồ-tát, không có hàng Thanh văn nghe.

* Lại nữa, Phật dùng lực thần thông, biến hóa thân vô số khắp mười phương thế giới nhất thừa nói pháp.

* Lại nữa, Phật vì trời Dục giới, trời Sắc giới nói pháp, không có các đệ tử, cho nên không được nghe.

Hỏi: Các A-la-hán được sáu thông, nếu lúc Phật thuyết pháp, tuy không ở tại tòa, mà dùng tai trời, mắt trời có thể nghe được thấy được; nếu dùng Túc mạng thông, thời biết luôn cả việc quá khứ, có sao nói không nghe được?

Đáp: Chỗ thần thông lực của Thanh văn không đến kịp, cho nên không nghe được.

* Lại nữa, Phật vì các đại Bồ-tát nói kinh bất khả tư nghì giải thoát, Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên ở hai bên Phật mà không nghe được, vì không gieo nhân duyên nghe pháp tu hành Đại thừa ấy; ví như người tọa thiền, khi vào định nhất thiết xứ, có thể quán hết thủy đều là nước, đều là lửa, mà người khác không trông thấy. Như trong kinh Bất Khả Tư Nghì Giải Thoát nói rộng.

Muốn thọ trì hết là nghe mà phụng hành là thọ, lâu dài không quên mất là trì.

(HẾT CUỐN 33 THEO BẢN HÁN)

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

CHƯƠNG 46

GIẢI THÍCH: TÍN TRÌ

KINH: Chính pháp của chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai trong hằng hà sa thế giới ở mười phương đã nói, nay nói, sẽ nói, nghe được rồi đều muốn tín thọ, giữ gìn, thực hành và nói cho người khác, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN. *Hỏi:* Trên đã nói, đối với pháp của mười phương chư Phật muốn nhớ giữ không quên, nên học Bát-nhã ba-la-mật, sao nay còn nói tín thọ giữ gìn pháp của chư Phật ba đời?

Đáp: Trên nói muốn nhớ giữ pháp của chư Phật mười phương chưa biết là pháp gì, nên nói mười hai bộ kinh là pháp Phật và pháp mà hàng Thanh văn không nghe được. Trên chỉ nói chư Phật trong thế giới số như hằng hà sa, nay nói pháp của chư Phật ba đời số như hằng hà hà sa. Trên chỉ nói thọ trì không quên, không nói thọ trì lợi ích, nay nói vì mình cũng vì người thuyết giảng, thế nên nói lại.

KINH: Lại Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát đối với pháp chư Phật quá khứ đã nói, chư Phật vị lai sẽ nói, muốn nghe, nghe rồi, tự làm lợi mình cũng lợi người, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN. *Hỏi:* Đối với pháp của Phật hiện tại trong mười phương nói, có thể thọ, có thể trì, còn pháp quá khứ đã diệt, vị lai chưa có, làm sao nghe được?

Đáp: Nghĩa ấy trước đã đáp, nay lại nói thêm. Bồ-tát có tam-muội gọi là tam-muội Quán chư Phật ba đời, Bồ-tát vào trong tam-muội ấy đều thấy chư Phật ba đời, nghe Ngài thuyết pháp, ví như thần tiên ngoại đạo, đối việc đời vị lai, chưa có dấu hình, chưa có nói năng, mà do lực trí tuệ cũng thấy cũng nghe.

* Lại nữa, lực của các Bồ-tát không thể nghĩ bàn, đời vị lai tuy chưa có hình, chưa có nói năng, mà có thể thấy được, nghe được. Hoặc do năng lực đà-la-ni, hoặc lấy việc nay so sánh biết việc quá khứ, vị lai. Vì vậy nên nói: muốn được việc này, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

KINH: Muốn đem ánh sáng chiếu khắp những chỗ tối tăm, mặt trời mặt trăng không chiếu đến được trong hàng hà sa thế giới, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN: Bồ-tát từ trời Đâu-suất muốn giáng thần vào thai mẹ, bấy giờ thân phóng hào quang chiếu khắp hết cả thế giới, và chỗ u tối ở thế gian, sau khi sanh ra, hào quang cũng chiếu khắp như vậy. Lúc mới Thành đạo, lúc Chuyển pháp luân, lúc Bát Niết-bàn cũng phóng hào quang lớn như vậy. Và vào các lúc khác hiện đại thần thông, phóng hào quang lớn; như lúc sắp nói Bát-nhã ba-la-mật, hiện đại thần thông, lấy hào quang lớn chiếu khắp chỗ u ám trong thế gian. So sánh như vậy, nơi nơi trong kinh nói đến thần thông, hào quang.

Hỏi: Đó là thân lực của Phật, cơ sao nói là Bồ-tát?

Đáp: Nay nói Bồ-tát muốn được điều ấy, nên học Bát-nhã ba-la-mật. Các đại Bồ-tát có được năng lực ấy, như Bồ-tát Biến Cát, Quán Thế Âm, Đắc Đại Thế, Minh Võng, Vô Lượng Quang... có được năng lực ấy, thân phóng ra vô lượng hào quang, chiếu khắp mười phương thế giới số như hàng hà sa.

* Lại như trong thế giới Phật A-di-đà, các Bồ-tát thân phóng ra thường quang, chiếu mười vạn do tuần.

Hỏi: Bồ-tát có thân quang như vậy, vốn do nhân duyên nghiệp gì mà được?

Đáp: Thân nghiệp thanh tịnh nên thân được trang nghiêm, như Kinh nói: có một con quỳ đầu như đầu heo, trùng thúi từ trong miệng ra, mà thân có kim sắc sáng chói. Con quỳ ấy kiếp trước làm Tỳ-kheo, ác khẩu mắng nhiếc vị Tỳ-kheo khách, nhưng do thân trì tịnh giới, nên thân có ánh sáng, và do ác ngôn nên có trùng thúi từ trong miệng ra. Như kinh nói tâm thanh tịnh có hơn kém, nên ánh sáng có thượng, trung, hạ, sáng ít, sáng lớn, ánh sáng làm âm thanh. Các trời cõi Dục tâm thanh tịnh, bổ thí, trì giới, nên thân có ánh sáng.

* Lại nữa, có người vì thương xót chúng sanh mà ở chỗ tối đốt đèn, cũng vì cúng dường tôn tượng, tháp, chùa, nên lấy ngọc sáng, trở cửa, gương sáng, và các vật sáng sạch bổ thí, nên được thân có ánh sáng.

* Lại nữa, thường tu từ tâm nhớ khắp cả chúng sanh, tâm thanh tịnh, lại thường tu Niệm Phật tam-muội, niệm tưởng ánh sáng và thần đức chư Phật, nên được thân có ánh sáng.

* Lại nữa, hành giả thường tu Hòa nhất thiết nhập (Hòa biến xứ) lại đem ánh sáng trí tuệ giáo hóa chúng sanh tà kiến ngu tối. Do nhân duyên của nghiệp ấy, nên được thân có ánh sáng trí tuệ, thân cũng có ánh sáng.

Do các nghiệp như vậy, nên được thân có ánh sáng thanh tịnh.

KINH: Trong hằng hà sa thế giới ở mười phương không có tên Phật, tên Pháp, tên Tăng, mà muốn khiến hết thảy chúng sanh đều được chánh kiến, nghe tiếng Tam bảo, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN: Ở chỗ từ trước không hề có Phật pháp tháp chùa, Bồ-tát dựng tháp ở đó, nhờ nhân duyên của nghiệp ấy mà thân sau thành

tự đắc lực. Ở chỗ từ trước không hề có chúng hội Phật pháp, Bồ-tát tán thán Tam bảo, khiến chúng sanh nhập vào chánh kiến. Như Kinh nói: ở quốc độ từ trước không hề có tháp Phật, có người dựng tháp miếu thờ Phật mà được phước đức Phạm. Phạm gọi là phước đức vô lượng. Nhờ nhân duyên ấy, mau được thiên định; được thiên định nên được vô lượng thần thông. Nhờ lực thần thông nên có thể đi đến mười phương tán thán Tam bảo.

Chánh kiến là nếu trước không hề biết công đức Tam bảo, nhân Bồ-tát nên được tin Tam bảo, tin Tam bảo nên tin nghiệp tội phước nhân duyên; tin nghiệp nhân duyên nên tin thế gian là trói, Niết-bàn là mở.

Ý nghĩa tán thán Tam bảo, như đã nói ở chương Tám niệm.

KINH: Muốn làm cho chúng sanh trong hằng hà sa thế giới ở mười phương, nhờ lực của Ta mà người mù được thấy, người điếc được nghe, người cuồng được nhớ, người trần truồng được áo, người đói khát được no đủ, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN: Bồ-tát thực hành vô ngại Bát-nhã, thì hoặc được vô ngại giải thoát thành Phật, hoặc làm pháp tánh sanh thân Bồ-tát, như Văn-thù-thi-ly... ở Thập trụ địa, có đầy đủ công đức, chúng sanh thấy được, đều được như nguyện, ví như ngọc Như ý, muốn gì được nấy. Pháp tánh sanh thân Phật và pháp tánh sanh thân Bồ-tát, người nào thấy được, đều được toại nguyện cũng như vậy.

* Lại nữa, Bồ-tát từ khi mới phát tâm lại đây, chữa trị 96 thứ bệnh mắt cho chúng sanh trong vô lượng kiếp; lại tự lấy mắt bố thí cho chúng sanh trong vô lượng kiếp; lại đem ánh sáng trí tuệ phá tà kiến hắc ám; lại đem tâm đại bi khiến chúng sanh đều được như sở nguyện.

Có các nghiệp nhân duyên như vậy, làm sao khiến chúng sanh thấy thân Bồ-tát mà lại không được mắt sáng? Các việc khác cũng như vậy, các nghĩa này, như đã nói trong chương Phóng quang.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát nếu muốn làm cho chúng sanh đang ở ba đường ác trong hằng hà sa thế giới mười phương, nhờ lực của ta mà đều được làm thân người, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN. *Hỏi:* Nhờ thiện nghiệp nhân duyên của chính mình nên được làm thân người, có sao Bồ-tát nói do lực của Ta nên khiến cho chúng sanh trong ba đường ác đều được làm thân người?

Đáp: Không nói do nghiệp nhân duyên của Bồ-tát khiến chúng sanh được làm thân người, mà chỉ nói do ân lực của Bồ-tát nên được. Bồ-tát lấy lực thần thông biến hóa thuyết pháp, khiến chúng sanh tu thiện mà được làm thân người.

Như trong Kinh nói hai nhân duyên phát khởi chánh kiến: 1. Bên ngoài nghe chánh pháp. 2. Bên trong có chánh niệm.

* Lại như cây cỏ, bên trong có hạt giống, bên ngoài có mưa thấm, vậy sau được phát sanh. Nếu không có Bồ-tát, chúng sanh tuy có nghiệp nhân duyên, mà không do đâu phát khởi được. Vì vậy nên biết chư Phật Bồ-tát, lợi ích rất nhiều.

Hỏi: Làm sao khiến chúng sanh trong ba đường ác đều được giải thoát? Phật còn không làm được, huống là Bồ-tát?

Đáp: Tâm nguyện của Bồ-tát muốn như vậy, không có lỗi chi. Lại nhiều người được giải thoát, cho nên nói hết thầy, như thân chư Phật và Bồ-tát khắp phóng ra vô lượng hào quang, từ hào quang ấy xuất ra vô lượng hóa thân, khắp vào trong ba đường ác ở mười phương, làm cho địa ngục lửa tắt, nước sôi lạnh, chúng sanh trong đó nhờ tâm thanh tịnh nên được sanh cõi trời cõi người; làm cho nga quỷ đạo đói khát được no đủ, khai phát thiện tâm mà được sanh cõi trời cõi người; làm cho súc sanh đạo tùy ý được ăn, xa lìa sợ hãi, khai phát thiện tâm, cũng được sanh cõi trời cõi người. Như vậy gọi là hết thầy ba đường ác được giải thoát.

Hỏi: Như các Kinh khác nói sanh cõi trời cõi người, sao ở đây chỉ nói được làm thân người?

Đáp: Ở trong cõi người mới có được việc tu đại công đức, cũng hưởng phước lạc, còn ở cõi trời phần nhiều say đắm vui không thể tu đạo, vì vậy nên nguyện cho được làm thân người.

* Lại nữa, Bồ-tát không nguyện cho chúng sanh chỉ thụ hưởng phước lạc, mà muốn khiến được giải thoát, thường vui Niết-bàn. Vì vậy nên không nói sanh lên cõi trời.

KINH: Muốn khiến chúng sanh trong hằng hà hà sa thế giới ở mười phương, nhờ lực của Ta mà đứng vững nơi giới, tam-muội, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến; khiến được quả Tu-đà-hoàn cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN. *Hỏi:* Trước đã nói năm pháp uẩn và đạo quả; nay sao còn nói lại?

Đáp: Trên chỉ nói pháp Thanh văn, từ quả Tu-đà-hoàn cho đến Vô dư Niết-bàn, nay nói lẫn lộn ba thừa Thanh văn, Bích-chi Phật, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát muốn học oai nghi chư Phật, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN. *Hỏi:* Thế nào là oai nghi chư Phật?

Đáp: Oai nghi là bốn động chỉ của thân. Ví như voi chúa, xoay mình mà xem, khi đi chân cách đất bốn ngón tay, tuy không đạp đất mà dấu bánh xe hiện rõ, không chậm không mau, thân không nghiêng lay, thường đưa tay phải, an ủi chúng sanh. Khi ngồi kiết già, thân ngay thẳng; nằm thường nghiêng hông bên phải, hai đầu gối chồng lên nhau, trái nệm cỏ chỉnh tề không rối loạn, ăn không kể vị, ngon dở đồng nhau, nếu nhận lời người thỉnh mời,

thì làm thính không nói, nói năn nhu nhuyễn, phương tiện lợi ích, không bỏ mất thời tiết.

* Lại nữa, oai nghi của pháp thân Phật là quá Hằng hà hà sa thế giới phương đông làm một bước, phạm âm thuyết pháp cũng như vậy. Nghĩa tướng của pháp thân Phật, như trước đã nói.

KINH: BỒ-tát ma-ha-tát muốn được như voi chúa xem nhìn, nên học Bát-nhã ba-la-mật. BỒ-tát nguyện rằng khi Ta đi cách đất bốn ngón tay, chân không đạp đất, Ta sẽ đến dưới cội Bồ-đề cùng với trời Tứ thiên vương, cho đến trời A-ca-ni-sắc, vô lượng ngàn vạn ức chúng chư thiên cung kính vây quanh, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN: *Như voi chúa xem nhìn* là khi muốn xoay thân để nhìn thì cả thân đều chuyển, thân tâm chuyên nhất là tướng đại nhân, thế nên nếu có xem nhìn, thì cả thân tâm đều xoay, ví như sư tử bắt mồi, không vì vật nhỏ mà thay đổi thế mạnh. Phật cũng như vậy, nếu có xem nhìn, hoặc có nói gì thì thân với tâm đồng nhau, thường không phân tán, vì cố sao? Vì từ vô số kiếp lại đây, tập pháp nhất tâm, do nghiệp nhân duyên ấy nên xương đầu với thân làm một, không có phân chia. Lại vì đời đời phá kiêu mạng nên không khinh chúng sanh, khi xem thời cả thân cùng xoay, như trong kinh Ni-tha thí dụ nói: người hốt phân ở nước Xá-bà-đề, Phật lấy tay xoa đầu dạy khiến xuất gia, còn không khinh nó.

Chân đi cách đất bốn ngón tay là nếu Phật thường bay đi, thì chúng sanh nghi lấy làm lạ, bảo Phật chẳng phải người, thời không quay về nương tựa, còn nếu chân đi đến đất thời chúng sanh cho chẳng khác người thường, không sanh tâm cung kính. Thế nên tuy là đi trên đất, cách đất bốn ngón tay mà tướng dấu bánh xe dưới bàn chân vẫn hiện rõ.

Hỏi: Như Phật thường phóng hào quang lớn, chân đi không đến đất mà sao chúng sanh không tất cả đều cung kính quay về nương tựa?

Đáp: Chúng sanh trong vô lượng kiếp chứa tội rất nặng, vô minh cấu nhiễm sâu dày, đối với Phật sanh nghi cho là thầy huyền, dùng thuật dối người. Hoặc nói rằng chân không đạp đất, bản tánh sanh ra tự nhiên như vậy, như chim hay bay, có gì kỳ lạ! Hoặc có chúng sanh vì tội nặng không thấy tướng Phật, chỉ gọi là Sa-môn đại oai đức mà thôi; ví như người bệnh nặng sắp chết, thuốc hay, đồ ăn ngon, đều cho là xú uế, thế nên không tất cả đều cung kính nương tựa.

Đi đến dưới cội Bồ-đề cùng với trời Tứ thiên vương cho đến trời A-ca-ni-sắc, vô lượng ngàn vạn ức chúng chư thiên cung kính vây quanh là thường pháp của chư Phật. Phật là Thế Tôn, đến dưới cội Bồ-đề, sắp phá hai thứ ma là kiết sử ma và tự tại thiên tử ma, sắp thành bậc nhất thiết trí, thì các chúng chư thiên sao không cung kính hầu đưa? Lại chư thiên đời đời tá trợ ủng hộ Bồ-tát, cho đến khi xuất gia, chư thiên khiến các cung nhân thể nữ nằm ngủ say mê, đỡ chân ngựa của Bồ-tát vượt ra khỏi thành. Ngày nay việc thành, ta sẽ cùng nhau hầu đưa đến dưới cội Bồ-đề.

Hỏi: Sao không nói vô lượng người dòng Sát-lợi, Bà-la-môn hầu đưa mà chỉ nói chư thiên?

Đáp: Phật một mình ở giữa rừng sâu tìm cội Bồ-đề, chẳng phải chỗ của người đi, cho nên không nói. Lại người không có Thiên nhãn, Tha tâm trí, nên không biết Phật sẽ thành đạo, cho nên không nói.

* Lại nữa, chư thiên quý hơn người, cho nên chỉ nói trời.

* Lại nữa, chư Phật thường vui chỗ nhàn tịnh, chư thiên thường ảm thân không thấy, không trở ngại nhàn tịnh, cho nên chỉ nói chư thiên hầu đưa đi.

* Lại nữa, Bồ-tát thấy năm Tỳ-kheo bỏ Bồ-tát mà đi, Bồ-tát một mình đi đến dưới cội cây, thế nên phát lời nguyện ấy.

KINH: Nguyện Ta sẽ ngồi dưới cội Bồ-đề, trời Tứ thiên vương cho đến trời A-ca-ni-sắc, lấy áo trời trải làm tòa, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN. *Hỏi:* Như Kinh nói: Phật trải cỏ ngồi dưới cội cây mà thành Phật đạo, nay có sao nói nguyện lấy áo trời làm chỗ ngồi?

Đáp: Trong kinh Thanh văn nói trải cỏ, trong kinh Đại thừa tùy chúng sanh thấy, hoặc có người thấy trải cỏ dưới cội cây, hoặc có người thấy trải nệm trời, theo phước đức của mỗi người nhiều ít mà chỗ thấy không đồng.

* Lại nữa, sanh thân Phật ôm cỏ đến dưới cây, pháp tánh sanh thân Phật lấy áo trời làm tòa, hoặc hơn áo trời.

* Lại nữa, Phật ở dưới cây giữa rừng sâu thành Phật, người ở trong rừng thấy, đem cỏ dâng Phật, nếu quý nhân trông thấy sẽ lấy y phục quý giá trải làm tòa, chỉ vì trong rừng không có quý nhân, nên bây giờ long thần, trời đem mỗi áo đẹp làm tòa, áo của trời Tứ thiên vương nặng hai lượng; áo trời Đao-lợi nặng một lượng; áo trời Dạ-ma nặng mười tám thù; áo trời Đâu-suất-đà nặng mười hai thù; áo trời Hóa-lạc nặng sáu thù; áo trời Tha-hóa-tự-tại nặng ba thù; áo trời Sắc giới không có tướng nặng; áo trời cõi Dục từ bên gốc cây sanh, không chỉ không may; ví như băng mỏng, ánh sáng sáng trong, có đủ màu sắc; áo trời Sắc giới, thuần ánh sáng kim sắc.

Như vậy áo báu trải làm chỗ ngồi, Bồ-tát ngồi lên đó thành bậc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Hỏi: Sao chỉ nói chư thiên trải áo, không nói đại Bồ-tát ở mười phương trải tòa cho Phật? Các Bồ-tát lúc sắp Thành đạo đều trải tòa cho Phật, hoặc rộng dài đều một do tuần, mười trăm ngàn vạn ức cho đến vô lượng do tuần, cao cũng như vậy. Các tòa báu ấy do phước đức vô lậu của Bồ-tát phát sanh, chư thiên mắt còn không thấy được huống gì lấy tay sờ. Ba đời mười phương chư Phật, hàng ma đắc đạo,

trang nghiêm Phật sự, thấy đều soi thấy, ví như gương sáng. Tòà của Bồ-tát đẹp như vậy, có sao không nói?

Đáp: Bát-nhã Ba-la-mật có hai thứ: 1. Là nói chung cho Thanh văn, Bồ-tát và chư thiên. 2. Chỉ nói riêng cho Bồ-tát đầy đủ mười trụ. Trong Bát-nhã ba-la-mật này hãy nói Bồ-tát trải tòa cho Phật, vì sao? Vì chư thiên biết ân Phật không kịp các đại Bồ-tát, một đời, hai đời. Bồ-tát như vậy, có sao không dùng thần lực mà cúng dường Phật. Trong đây hợp với Thanh văn mà nói, nên không nói Bồ-tát trải tòa.

KINH: Muốn lúc chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chỗ đi, đứng, ngồi, nằm, đất đều là Kim cương, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN. Hỏi: Vì sao nơi chỗ bốn oai nghi đi, đứng, ngồi, nằm của Phật, đất đều là Kim cương?

Đáp: Có người nói: lúc Bồ-tát đến dưới cội Bồ-đề, ngồi ở chỗ đó chứng thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, bấy giờ Bồ-tát vào trong thật tướng chư pháp, không có đất nào đủ sức đỡ Bồ-tát, vì sao? Vì đất đều là quả báo do nghiệp hư dối của chúng sanh mà có, nên không thể đỡ nổi Bồ-tát. Lúc Bồ-tát sắp thành Phật, thân Phật là thân thật tướng trí tuệ, lúc ấy chỗ ngồi biến thành Kim cương.

Có người nói: đất ở trên Kim luân, Kim luân ở trên Kim cương, từ mé Kim cương xuất ra đài hoa sen thẳng lên đỡ chỗ ngồi của Bồ-tát, khiến không lún sụp, vì vậy nên chỗ ngồi đạo tràng gọi là Kim cương.

Có người nói: thành Phật rồi, chỗ đi, đứng, ngồi, nằm đều biến thành Kim cương.

Hỏi: Kim cương cũng do nghiệp hư dối của chúng sanh mà có, làm sao đỡ Phật được?

Đáp: Kim cương tuy cũng do nghiệp hư dối tạo thành, song bền chắc hơn đất, không còn có gì hơn nữa. Nước ở dưới kim cương, các

đại long vương lấy vật kiên cố ấy dâng Phật, đây cũng là do nghiệp đời trước của Phật, nên được chỗ an lập này.

* Lại nữa, Phật biến Kim cương và bốn đại thành hư không, hư không không hư dối, trí tuệ Phật cũng không hư dối. Hai việc đã đồng nhau, cho nên đỡ được.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát, muốn ngay trong ngày xuất gia liền được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và Chuyển pháp luân, khi Chuyển pháp luân, vô lượng vô số chúng sanh xa lìa trần cấu, được pháp nhãn tịnh đối với các pháp; vô lượng vô số chúng sanh vì không thọ hết thầy pháp, nên được giải thoát khỏi các lậu tâm; vô lượng vô số chúng sanh được không thối chuyển đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN: Hoặc có Bồ-tát ở trong đời ác chúng sanh tà kiến, vì trừ tà kiến cho họ nên thực hành hạnh cần khổ rất khó, như đức Phật Thích-ca Vãn ở trong rừng cây Ưu-lâu-tần-loa (Uruvela) ngày ăn một hạt mè hạt gạo. Các ngoại đạo nói: Tiên sư chúng tôi tuy tu khổ hạnh, không bằng sáu năm cần khổ như vậy.

* Lại có người nói: Phật có nghiệp ác đời trước, nên nay chịu khổ báo ấy.

* Lại có Bồ-tát cho rằng Phật thật thọ khổ ấy, nên phát tâm nguyện rằng: Ta sẽ ngay trong ngày xuất gia được thành Phật.

* Lại có Bồ-tát ở vào đời tốt xuất gia, như Đại Thông Tuệ cầu Phật đạo, ngôi kiết-già phu, trải mười tiểu kiếp mới được thành Phật. Bồ-tát nghe như vậy, phát tâm nguyện rằng: nguyện Ta ngay trong ngày xuất gia liền được thành Phật.

* Lại có Bồ-tát thành Phật rồi, không Chuyển pháp luân liền, như đức Phật Nhiên Đăng thành Phật đã mười hai năm, chỉ phóng hào quang, không người nào biết, nên không thuyết pháp.

* Lại như Phật Tu-phiến-đa thành Phật rồi, không ai thọ hóa, nên làm hóa Phật lưu lại một kiếp thuyết pháp độ người, còn tự thân thì diệt độ.

* Lại như đức Phật Thích-ca Văn thành Phật rồi, năm mươi bảy ngày không thuyết pháp. Bồ-tát nghe như vậy, nên phát nguyện: khi Ta thành Phật rồi liền Chuyển pháp luân.

* Lại có đức Phật độ chúng sanh có hạng số, như đức Phật Thích-ca Văn, lúc Chuyển pháp luân, ông Kiều-trần-như một người được Sơ quả, tám vạn chư thiên được Pháp nhãn tịnh đối với các pháp. Bồ-tát nghe như vậy, nên phát nguyện: Khi ta Chuyển pháp luân, vô lượng vô số người được xa lìa trần cấu, được pháp nhãn tịnh đối với các pháp.

* Lại vì như đức Phật Thích-ca Văn lúc Chuyển pháp luân đầu tiên, chỉ có một Tỳ-kheo và chư thiên chứng được Sơ quả, mà không một người chứng được A-la-hán và Bồ-tát đạo. Thế nên Bồ-tát phát nguyện rằng: khi ta thành Phật, sẽ làm cho vô lượng vô số chúng sanh, không chấp thọ hết thầy pháp, được giải thoát các lậu tâm, và vô lượng vô số chúng sanh được không thôi chuyển đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Hỏi: Nếu thần lực và công đức độ sanh của chư Phật bằng nhau, thì có sao ở đây Bồ-tát lại phát các nguyện như vậy?

Đáp: Một Phật có thể biến làm vô lượng vô số thân để độ chúng sanh, nhưng thế giới có nơi nghiêm tịnh, có nơi không nghiêm tịnh, Bồ-tát hoặc thấy hoặc nghe có đức Phật tu khổ hạnh khó được thành Phật, có đức Phật không Chuyển pháp luân liền, có như đức Phật Thích-ca Văn sáu năm khổ hạnh mới Thành đạo. Lại nghe lúc Chuyển pháp luân đầu tiên chưa có người chứng được A-la-hán huống gì được Bồ-tát đạo. Vì Bồ-tát chưa nghe thần lực của chư Phật bình đẳng, nên phát nguyện như vậy. Nhưng thần lực và công đức của chư Phật bình đẳng không sai khác.

KINH: Muốn lúc Ta thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lấy vô lượng vô số Thanh văn làm Tăng, lúc Ta một lần thuyết pháp họ liền bèn ở trên tòa đều chứng được A-la-hán, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN: Có đức Phật lấy Thanh văn làm Tăng, có số có hạn, như đức Phật Thích-ca Văn lúc đầu có 1.250 Tỳ-kheo làm Tăng, đức Phật Di-lặc thuyết pháp hội đầu có 99 ức Tăng, hội thứ hai có 96 ức, hội thứ ba có 93 ức. Tăng của chư Phật như vậy có hạn có số không đồng. Vì vậy nên Bồ-tát nguyện rằng: Ta sẽ lấy vô lượng vô số Thanh văn làm Tăng.

* Lại có đức Phật thuyết pháp cho chúng sanh, thuyết lần đầu người nghe được Sơ quả, lúc khác lại thuyết được nhị quả, tam quả, tứ quả. Như đức Phật Thích-ca Văn thuyết pháp cho năm Tỳ-kheo, chúng được sơ quả, ngày sau chúng được A-la-hán, như Xá-lợi-phất được Sơ quả, nửa tháng sau mới được A-la-hán quả. Đại Ca-diếp trông thấy Phật liền được sơ quả, qua tám ngày được A-la-hán. Như A-nan được quả Tu-đà-hoàn, mười hai năm hầu hạ Phật, sau khi Phật Bát Niết-bàn mới được A-la-hán. Các A-la-hán như vậy không phải một lúc chứng được bốn quả, vì vậy nên Bồ-tát phát nguyện rằng: lúc Ta một lần thuyết pháp, người nghe liền ở trên tòa đều chứng được A-la-hán.

KINH: Nguyện Ta sẽ lấy vô lượng vô số đại Bồ-tát làm Tăng, lúc Ta một lần thuyết pháp, vô lượng vô số Bồ-tát đều được bất thối chuyển.

LUẬN: Bồ-tát sở dĩ phát nguyện này, là vì thấy chư Phật phần nhiều lấy Thanh văn làm Tăng, không tách riêng Bồ-tát Tăng, như các Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi... vì đức Phật Thích-ca Văn không tách riêng Bồ-tát Tăng, nên đã phải nhập vào Thanh văn Tăng theo thứ lớp ngôi.

* Lại có đức Phật vì nhất thừa thuyết pháp, thuần lấy Bồ-tát làm Tăng.

* Lại có đức Phật lấy cả Thanh văn Bồ-tát lẫn lộn làm Tăng, như nước đức Phật A-di-đà, Bồ-tát Tăng nhiều, Thanh văn Tăng ít. Vì vậy nên nguyện lấy vô lượng Bồ-tát làm Tăng.

* Lại có đức Phật lúc Chuyển pháp luân đầu tiên, không có người được A-bệ-bạt-trí (không thối chuyển). Vì vậy nên Bồ-tát nguyện rằng: Ta thuyết pháp lần đầu có vô lượng vô số người được A-bệ-bạt-trí.

KINH: Muốn được sống lâu vô lượng, ánh sáng đầy đủ, thời nên học Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN: Chư Phật thọ mạng có dài có ngắn. Như đức Phật Tỳ-bà-thi sống 84.000 năm, đức Phật Câu-lưu-tôn sống sáu vạn năm, Phật Câu-na-hàm Mâu-ni sống ba vạn năm, Phật Ca-diếp sống hai vạn năm, Phật Thích-ca Văn sống trăm tuổi. Ít có ai quá hơn đức Phật Di-lặc sống 84.000 năm.

Như đức Phật Thích-ca Văn, hào quang chiếu thường là xa một trượng, đức Phật Di-lặc hào quang chiếu thường xa mười dặm.

Hào quang và thọ mạng của chư Phật có hai thứ: 1. Ẩn tàng. 2. Là hiển hiện. 1. Là chân thật. 2. Là vì chúng sanh nên ẩn tàng. Chân thật là vô lượng hiển hiện. Vì chúng sanh là có hạn có lượng.

Thật thì Phật thọ mạng không phải ngắn, vì chư Phật đầy đủ nghiệp nhân duyên trường thọ, như Phạm thiên Bà-già nhờ kiếp trước cứu nhơn mạng một làng, cho nên được thọ mạng vô lượng vô số. Theo pháp của Phạm thế thì sống không quá nửa kiếp, nhưng riêng Phạm thiên này sống vô lượng. Vì vậy nên ông sanh tà kiến nói rằng, chỉ có ta thường trú. Phật đi đến chỗ ông phá tà kiến đó, nói duyên trước của ông nhờ cứu mạng cho một làng mà còn được

sống lâu như vậy, huống Phật đòi đòi cứu vô lượng vô số chúng sanh, hoặc đem thí vật cứu giúp, hoặc đem thân mạng chết thế, có sao sống không quá hạn trăm tuổi?

* Lại nữa, giới không sát sanh là nghiệp nhân cho sống lâu, Phật đem tâm đại từ thương chúng sanh thấu xương tủy, còn thường vì chúng sanh mà chết, huống gì sát sanh.

* Lại nữa, trí tuệ biết thật tướng chư pháp, chân thật không hư dối, cũng là nghiệp nhân duyên cho sống lâu; Bồ-tát do công đức trì giới hòa hợp với Bát-nhã ba-la-mật còn được sống lâu vô lượng, huống gì Phật đòi đòi đầy đủ vô lượng công đức ấy, mà mạng sống có hạn.

* Lại nữa, như trong hết thấy sắc, Phật thân đệ nhất; trong hết thấy tâm, Phật tâm đệ nhất; vì vậy nên trong hết thấy thọ mạng, Phật thọ mạng đệ nhất. Như người tục nói: người sanh ở đời, sống lâu là quý, Phật ở trên người, thọ mạng cũng phải dài lâu!

Hỏi: Phật tuy có nghiệp nhân trường thọ, vì sanh vào đời ác, nên thọ mạng phải ngắn, dùng thọ mạng ngắn ấy đủ hoàn thành Phật sự, chứ cần chi phải dài?

* Lại Phật do lực thần thông, trong một ngày đủ hoàn thành Phật sự, huống gì trăm năm?

Đáp: Ở đây cõi Diêm-phù-đề ác, nên Phật thọ mạng phải ngắn, các nơi khác lành, nên Phật thọ mạng phải dài.

Hỏi: Nếu như vậy, Bồ-tát sanh vào cung vua Tịnh-phạn ở cõi Diêm-phù-đề, xuất gia, thành đạo mới là Phật thật, còn ở nơi khác đều do lực thần thông biến hóa làm Phật để độ chúng sanh ư?

Đáp: Lời ấy không đúng, vì có sao? Vì ở các chỗ khác thuộc cõi Diêm-phù-đề cũng sẽ nói Phật ở nước ta là Phật thật, còn ở các chỗ khác là Phật biến hóa, sao biết? Vì nếu ở các quốc độ khác tự biết đó là hóa Phật, thời sẽ không chịu tín thọ giáo giới.

* Lại như người ở các quốc độ khác sống lâu một kiếp, nếu Phật sống trăm tuổi, thì so với họ chưa đủ một ngày, chúng sanh kia sẽ khởi tâm kiêu mạn, không chịu thọ giáo, thời kia chắc cho Phật sống một kiếp là Phật thật, còn đây là Phật biến hóa. Như kinh Thủ-lăng-nghiêm tam-muội nói: Thần thông biến chiếu Phật, sống bảy trăm ngàn vô số kiếp. Phật bảo Văn-thù-thi-ly rằng: Phật kia là thân Ta. Phật kia cũng nói: Phật Thích-ca Văn là thân Ta.

Vì vậy nên biết chư Phật sống lâu vô lượng thật. Vì độ người nên thị hiện có dài ngắn. Ông nói Phật Thích-ca Văn do lực thần thông nên trong một ngày độ chúng sanh không khác gì sống lâu, vậy thời không cần sống trăm tuổi, chỉ trong một ngày cũng có thể làm đầy đủ Phật sự.

Như A-nan có một lần tâm sanh ý niệm rằng: như đức Phật Nhiên Đăng, Phật Nhất Thiết Thắng, Phật Tỳ-bà-thi sanh ở đời tốt, thọ mạng rất dài có thể làm đủ Phật sự, còn Phật Thích-ca Văn của ta, sanh vào đời ác, thọ mạng rất ngắn, Thế Tôn sẽ không có thể làm đầy đủ Phật sự chăng?

Bấy giờ, Thế Tôn vào Nhật xuất tam-muội, từ thân biến hóa ra vô lượng chư Phật và vô lượng ánh sáng, khắp đến mười phương, mỗi mỗi hóa Phật ở các thế giới, đều làm Phật sự, có vị thuyết pháp, có vị hiện thần thông, hoặc hiện thiên định, hoặc hiện ăn cơm. Các nhân duyên như vậy, thi tác Phật sự, mà độ chúng sanh.

Từ tam-muội dậy, bảo A-nan rằng: Ông thấy nghe các việc ấy chăng?

A-nan thưa: Đã thấy.

Phật bảo A-nan: Phật dùng thần lực như vậy làm đầy đủ Phật sự được chăng?

A-nan thưa: Giả sử Phật sống một ngày, và cỏ cây trên đại địa đều là chúng sanh khả độ, thời Phật có thể độ hết, huống gì Phật sống trăm năm.

Vì vậy nên biết chư Phật sống lâu vô lượng, chỉ vì độ chúng sanh nên thị hiện có dài ngắn, ví như mặt trời mọc, bóng hiện trong nước, tùy nước lớn nhỏ, nước lớn thời bóng lâu diệt, nước nhỏ thời bóng mau diệt. Nếu chiếu vào lưu ly, núi pha lưu ly, thời bóng trụ lâu. Lại như lửa đốt cỏ cây, đốt ít thời mau tắt, đốt nhiều thời lâu tắt. Không thể vì chỗ tắt không có lửa mà bảo chỗ đốt nhiều cũng không có lửa. Nghĩa ánh sáng dài ngắn cũng như vậy.

KINH: Nguyện lúc Ta thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trong thế giới không có dâm dục, sân nhuế, ngu si, cũng không có danh từ ba độc. Hết thấy chúng sanh thành tựu trí tuệ, khéo trì giới, khéo thiền định, khéo tu phạm hạnh, khéo không nhiều hại chúng sanh, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN. *Hỏi:* Nếu thế giới không ba độc cũng không có danh từ ba độc, vì sao Phật xuất sanh ở thế giới đó?

Đáp: Tham dục, sân nhuế, ngu si gọi là ba bất thiện căn, là pháp hệ thuộc cõi Dục. Phật nếu nói tham dục, sân nhuế, ngu si, thì là điều bất thiện hệ thuộc cõi Dục; còn nếu Phật nói nhiễm ái, vô minh, thời đây là bất thiện thông cả ba cõi.

Có thế giới Phật, thuần là người ly dục, vì hạng chúng sanh đó, Bồ-tát nguyện rằng: lúc Ta thành Phật, trong nước không có ba độc và danh từ ba độc.

* Lại có thế giới Phật thanh tịnh, thuần là bậc bất thối chuyển, pháp tánh sanh thân Bồ-tát, không các phiền não, chỉ có tập khí thừa, cho nên nói không có danh từ ba độc.

Nếu có người nói, như Bồ-tát nguyện rằng: Ta sẽ độ hết thấy chúng sanh, mà chúng sanh thật không độ hết, đây cũng như vậy. Muốn làm cho thế giới không có danh từ ba độc, và cũng thật có ba độc không hết. Nếu hoàn toàn không ba độc, thì dùng Phật làm gì? Như đại địa không tối, thời không cần mặt trời chiếu. Như Kinh nói:

nếu không có ba pháp thời Phật không ra đời. Nếu ba pháp không dứt, thời không lìa khỏi sanh, già, bệnh, chết. Ba pháp là ba độc, như trong kinh Ba pháp nói rộng.

* Lại nữa, có thể giới chúng sanh phân biệt các pháp là thiện là bất thiện, là trói, là mở... đối với pháp nhất tướng tịch diệt mà sanh hý luận như vậy. Vì vậy Bồ-tát nguyện rằng: nguyện làm cho chúng sanh ở thế giới Ta không sanh ba độc, biết thật tướng ba độc tức là Niết-bàn.

Hỏi: Hết thấy chúng sanh có trí tuệ như vậy, là trí tuệ gì?

Đáp: Trí tuệ đây là chánh kiến thuộc thế gian. Chánh kiến thế gian nói có bố thí, có tội phước, có đời nay đời sau, có A-la-hán. Vì tin tội phước nên khéo bố thí, tin có A-la-hán nên khéo trì giới, khéo thiền định, khéo tu phạm hạnh. Được lực chánh kiến, nên khéo không nhiều hại chúng sanh. Chánh kiến thế gian là cội gốc của vô lậu trí tuệ, vì vậy nên nói trong nước không có danh tự ba độc.

Tham dục có hai: 1. Tà tham dục. 2. Tham dục.

Sân nhuế có hai: 1. Tà sân nhuế. 2. Sân nhuế.

Ngu si có hai: 1. Tà kiến ngu si. 2. Ngu si.

Chúng sanh có ba tà độc như vậy, khó có thể hóa độ; còn ba độc kia dễ độ.

Không có danh từ ba độc là không có danh tự ba tà độc.

Năm việc khéo bố thí, khéo trì giới... như trong chương Phóng quang nói.

KINH: Khiến cho Ta sau khi vào Niết-bàn, pháp không diệt tận, cũng không có danh tự diệt tận, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN. *Hỏi:* Phật là chủ của pháp, còn tự diệt độ, có sao nói pháp không diệt tận?

Đáp: Như trên nói, đó là nguyện của Bồ-tát, không hẳn sự thật. Hết thầy pháp hữu vi, do nhân duyên hòa hợp sanh, làm sao thường trú không diệt được. Phật như mặt trời sáng, pháp như ánh sáng thừa, lại sau mặt trời lặn, làm sao mặt trời lặn mà ánh sáng thừa không diệt được? Chỉ vì trụ lâu, không thể thấy diệt, cho nên nói là bất diệt.

* Lại nữa, Bồ-tát thấy pháp của chư Phật trụ có dài có ngắn. Như pháp của Phật Ca-diếp trụ bảy ngày, pháp của Phật Thích-ca Văn trụ một ngàn năm. Thế nên Bồ-tát phát nguyện rằng: Pháp tuy là hữu vi, nguyện cho tương tục không dứt, như lửa được củi truyền nối không dứt.

* Lại nữa, thật tướng chư pháp gọi là Phật pháp, pháp thật tướng ấy chẳng sanh chẳng diệt; chẳng đoạn chẳng thường; chẳng một chẳng khác; chẳng đến chẳng đi; chẳng thọ chẳng động; chẳng đắm chẳng nương; không có gì như tướng Niết-bàn. Pháp tướng như vậy, làm sao có diệt.

Hỏi: Pháp tướng như vậy là hết thầy Phật pháp đều không diệt?

Đáp: Như đã nói, thật tướng các pháp không có diệt. Có người ức tướng phân biệt chấp thủ tướng các pháp, hoại pháp thật tướng, dùng lối hai pháp để nói, cho nên có diệt, còn trong pháp thật tướng không có diệt.

* Lại nữa, pháp Bát-nhã ba-la-mật vô ngại, nhóm vô lượng công đức, nên tùy bản nguyện mà pháp pháp nối nhau, không thấy nó diệt; ví như ngược mặt bắn hư không, mũi tên đi rất xa, người tuy không thấy, nhưng chắc chắn nó phải rơi xuống.

KINH: Nguyện lúc Ta được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hằng hà sa thế giới chúng sanh ở mười phương, ai nghe danh Ta, chắc chắn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Muốn được công đức như vậy, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN. *Hỏi*: Có người sanh gặp đời Phật, ở trong Phật pháp mà còn đọa địa ngục như Đề-bà-đạt, Câu-ca-lê, Ha-đa Thích tử... vì ba pháp bất thiện che tâm, nên đọa địa ngục. Thế tại sao trong đây nói ở thế giới cách Phật như hằng hà sa, chỉ nghe danh tự Phật liền được đạo ư?

Đáp: Đã nói có hai Phật thân: 1. Pháp tánh sanh thân Phật. 2. Hiện hóa thân Phật tùy theo chúng sanh hơn kém. Vì là pháp tánh sanh thân Phật, nên nói cho đến chỉ nghe danh mà được độ, vì là Phật thân hiện hóa theo chúng sanh nên nói tuy sanh cùng đời Phật mà tùy theo nghiệp nhân duyên nên có người đọa địa ngục.

Pháp tánh sanh thân Phật thì không việc gì không cứu giúp, không nguyện gì không viên mãn, vì có sao? Vì trong vô lượng vô số kiếp chứa nhóm tất cả công đức thiện bản, đầy đủ tất cả trí tuệ vô ngại, là chủ giữa chúng thánh, chư thiên và đại Bồ-tát ít ai trông thấy; ví như ngọc báu Như ý, khó thấy khó được. Nếu ai thấy được thì sở nguyện chắc chắn hiệu quả. Cũng như vị thuốc hỷ kiến, hễ ai thấy được, các bệnh tiêu trừ. Cũng như Chuyển luân thánh vương, hễ ai thấy được giàu đủ mọi điều. Cũng như Thích-đề-hoàn nhân, hễ ai thấy được, được mọi điều theo nguyện. Cũng như Phạm thiên vương, chúng sanh nương dựa, sự khủng bố trừ hết. Cũng như người niệm Quán Thế Âm, được thoát khỏi ách nạn. Các việc ấy còn như vậy, huống gì pháp tánh sanh thân chư Phật.

Hỏi: Phật Thích-ca Văn cũng là phần pháp tánh sanh thân Phật, không có khác thể, có sao lúc Phật ở đời, mà có người làm năm tội ngũ nghịch, đoi khát, đạo tặc, có những việc ác như vậy?

Đáp: Phật Thích-ca Văn vốn có thể nguyện: Ta muốn sanh ra đời ác, đem đạo pháp độ chúng sanh, không vì đời giàu đáng vui thú mà xuất hiện. Nếu Phật lấy sức ban cho, thời không việc gì không được.

* Lại cũng vì chúng sanh phước đức mỏng, tội cấu sâu nặng, nên không được độ thoát theo ý.

* Lại, nay Phật chỉ nói thanh tịnh Niết-bàn, mà chúng sanh nghị luận chê bai rằng: cứ sao nuôi nhiều đệ tử, hóa đạo nhân dân, đó cũng là sự trói buộc. Chỉ đem pháp Niết-bàn giáo hóa còn bị chê bai, huống gì xen nói các cõi vui thế gian. Như Đề-bà-đạt muốn dưới bàn chân có bánh xe nghìn tấm, lấy sắc làm khuông, đốt mà áp bàn chân vào, áp xong chân hoại, thân khổ la lớn.

Bấy giờ A-nan nghe rồi khóc lóc bạch Phật: Anh con sắp chết, xin Phật thương cứu.

Phật liền đưa tay đến xoa thân Đề-bà-đạt và nói lời chơn thật rằng: Ta xem La-hầu-la với Đề-bà-đạt bằng nhau, vết thương kia sẽ tiêu.

Khi ấy các thống khổ của Đề-bà-đạt liền trừ hết, cầm tay xem, biết đó là tay Phật, liền nói rằng: Con vua Tịnh-phạn lấy y thuật đủ tỵ nuôi sống.

Phật bảo A-nan: Ông xem thấy Đề-bà-đạt chẳng? Dụng tâm như thế, làm sao độ được! Nếu người tốt ở đời thời không có lỗi ấy.

Chúng sanh như vậy, nếu đem cái vui thế gian ra dạy, thì không thể độ được. Các nhân duyên về việc này, trên kia đã nói rộng.

Do vậy nên nói: nghe danh tỳ Phật mà có người được đạo, có người không được.

* Lại nữa, Phật thân có vô lượng vô số không đồng, có đức Phật thuyết pháp làm cho chúng sanh đắc đạo, có đức Phật phóng hào quang, chúng sanh gặp được mà đắc đạo, có đức Phật lấy thần thông biến hóa chỉ bày tâm kia mà làm cho đắc đạo, có đức Phật chỉ hiện sắc thân mà làm cho đắc đạo, có đức Phật khấp lỗ chân lông trên mình xuất ra hương diệu, chúng sanh nghe hương mà đắc đạo,

có đức Phật lấy đồ ăn cho chúng sanh mà chúng sanh đắc đạo, có đức Phật, chúng sanh chỉ nhớ tới mà đắc đạo, có đức Phật lấy âm thanh tất cả cây cỏ mà làm Phật sự, khiến chúng sanh đắc đạo, có đức Phật, chúng sanh chỉ nghe tên mà đắc đạo. Vì là Phật nên nói: khi Ta làm Phật, ai nghe tên Ta đều khiến cho đắc độ.

* Lại nữa, nghe tên, không chỉ vì tên mà liền đắc đạo, nhưng nghe rồi tu đạo, vậy sau đắc độ. Như trưởng giả Tu-đạt mới đầu nghe tên Phật, nội tâm kinh hãi vui mừng đi đến Phật nghe pháp mà đắc đạo.

* Lại như Bà-la-môn Thế-di-la từ chỗ ngồi Phạm-chí bện tóc Kê-nê-da, mới đầu nghe tên Phật, tâm liền kinh hãi vui mừng, đi thẳng đến chỗ Phật, nghe pháp đắc đạo. Ấy là chỉ nói nghe tên, nghe tên là nhân duyên đắc đạo, chứ chẳng phải đắc đạo

Hỏi: Trong Kinh này nói nghe tên Phật tức thời đắc đạo, chứ không nói nghe tên rồi tu hành mới đắc?

Đáp: Nay nói tức thời, không nói trong nhất tâm, chỉ nói không có việc gì khác xen vào, nên nói là tức thời, ví như trong Kinh nói khi tu tâm từ, tức là tu bảy giác ý.

Có người nạn rằng: Từ tam-muội thuộc hữu lậu, duyên tướng chúng sanh mà phát khởi, có sao nói tức là lúc tu bảy giác ý? Người đáp rằng: từ tâm từ khởi lên tức thời tu bảy giác ý, vì không có pháp khác xen vào giữa, nên nói là tức thời.

Tức thời có hai: 1. Đồng thời. 2. Tuy lâu không có pháp khác xen vào, tức chính tâm ấy mà tiếp tu bảy giác ý, cũng gọi là tức thời.

* Lại nữa, có chúng sanh phước đức thuần thực, tâm kiết sử mỏng, nên sẽ đắc đạo, nếu nghe tên Phật tức thời đắc đạo.

* Lại nữa, do oai lực của Phật, nghe liền đắc độ, ví như mọt nhọt đã chín, nếu không trị, gặp chút nhân duyên cũng liền tự khô; cũng như quả chín, nếu không người hái, gặp chút gió rung cũng tự rơi xuống; ví như lụa trắng sạch mới, dễ nhuộm màu; vì hạng người như vậy nên nói, nếu nghe tên Phật, tức thời đắc đạo, ví như quỷ thần ám người, nghe tên câu chú của tiên nhân, tức thời bỏ đi.

Hỏi: Thế giới xa quá hằng hà sa, ai truyền tên Phật khiến họ được nghe?

Đáp: Phật dùng thần lực, lỗ chân lông trên toàn thân phóng vô lượng ánh sáng, trên mỗi mỗi ánh sáng đều có hoa sen báu, trên mỗi mỗi hoa đều có Phật ngồi, mỗi mỗi Phật đều nói diệu pháp để độ chúng sanh. Lại nói danh tự chư Phật, do vậy nên nghe, như trong chương Phóng Quang đã nói.

* Lại nữa, các đại Bồ-tát do bản nguyện muốn đến chỗ không có Phật pháp, xưng dương danh hiệu Phật; như nói trong phẩm này, cho nên được nghe.

* Lại có người đại công đức, ở giữa hư không, nghe danh hiệu Phật như Tát-đà-ba-luân Bồ-tát (Thường Đề Bồ-tát). Lại có khi từ chư thiên nghe, hoặc nghe từ trong âm thanh của cây, hoặc nghe từ trong mộng.

* Lại nữa, chư Phật có lực bất khả tư nghì, hoặc tự đi đến nói, hoặc dùng tiếng bảo.

* Lại như Bồ-tát phát nguyện, thế độ hết thảy chúng sanh, vì vậy nên nói khi ta thành Phật, chúng sanh trong thế giới xa quá hằng hà sa nghe tên ta đều được thành Phật. Muốn được như vậy, hãy nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Hỏi: Trên nói muốn được các công đức và các sở nguyện, các việc ấy đều do các hạnh nghiệp hòa hợp thành, có sao chỉ nói nên học Bát-nhã ba-la-mật?

Đáp: Kinh này tên Bát-nhã ba-la-mật, Phật muốn giải nói việc ấy, cho nên trong mỗi chương đều tán thán Bát-nhã ba-la-mật.

* Lại nữa, Bát-nhã ba-la-mật là mẹ của chư Phật. Đối với cha mẹ, công đức mẹ nặng hơn, cho nên Phật lấy Bát-nhã làm mẹ, Ban châu tam-muội (thiền định) làm cha. Tam-muội hay thu nhiếp loạn tâm, khiến trí tuệ được thành, mà không thể quán thật tướng các pháp, Bát-nhã ba-la-mật có thể quán khắp các pháp, phân biệt thật tướng, không việc gì không thấu suốt, không việc gì không thành, công đức lớn lao nên gọi là mẹ. Vì vậy hành giả tuy tu hành sáu Ba-la-mật và các công đức hòa hợp, có thể làm cho đầy đủ sở nguyện, nhưng chỉ nói: nên học Bát-nhã ba-la-mật.

* Lại nữa, như phẩm sau đây của Bát-nhã nói: Nếu không có Bát-nhã ba-la-mật, năm độ kia không gọi là Ba-la-mật, tuy tu khắp các hạnh, cũng không làm đầy đủ sở nguyện, cũng như các tranh vẽ, nếu không có keo thì không dùng được. Chúng sanh từ trong vô thí thế giới lại đây, tuy tu bố thí, trì giới, nhẫn nhục, nhất tâm, trí tuệ, thọ quả báo thế gian xong, rồi phải trở lại hết, vì sao? Vì lìa Bát-nhã ba-la-mật. Nay nhờ ân Phật, dùng Bát-nhã ba-la-mật tu hành sáu độ, nên được gọi là Ba-la-mật, thành tựu Phật đạo, làm cho Phật Phật tương tục không cùng tận.

* Lại nữa, khi Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật, khắp quán các pháp đều không, không cũng lại không, diệt các quán, được vô ngại Bát-nhã ba-la-mật, lấy lực đại bi phương tiện, trở lại phát khởi các nghiệp công đức, do nhân duyên của nghiệp thanh tịnh ấy, không nguyện gì không thành. Các công đức khác, xa lìa Bát-nhã ba-la-mật, không có trí tuệ vô ngại, làm sao nói: muốn thành các nguyện nên học Đàn ba-la-mật...được?

* Lại nữa, lại vì năm Ba-la-mật lia Bát-nhã nên không được gọi là Ba-la-mật. Năm Ba-la-mật kia như mù, Bát-nhã như mắt. Năm Ba-la-mật kia như bình đựng nước mới nung, Bát-nhã ba-la-mật như bình đã nung chín. Năm Ba-la-mật kia như chim không có hai cánh, Bát-nhã ba-la-mật như chim có hai cánh.

Do các nhân duyên như vậy, Bát-nhã ba-la-mật có thể thành đại sự.

Vì vậy nên nói: muốn được các công đức và sở nguyện, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

(HẾT CUỐN 34 THEO BẢN HÁN)

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

GIẢI THÍCH: PHẨM DÂNG BÁT THỨ 2

(*Bản Cao-ly, bản chùa Thạch Sơn ghi “Phẩm Báo Ứng”*)

KINH: Phật bảo Xá-lợi-phất, nếu Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật. Làm được công đức ấy, khi ấy bốn Thiên vương đều rất hoan hỷ, nghĩ rằng: chúng ta sẽ lấy bốn chiếc bát dâng lên Bồ-tát, như trước đây Thiên vương dâng bát trước tiên cho Phật.

LUẬN. *Hỏi:* Phẩm trước nói đã đầy đủ, nay có sao còn nói lại?

Đáp: Trước tuy tán thán Bát-nhã ba-la-mật, việc chưa đầy đủ, người nghe không chán, cho nên lại nói nữa.

* Lại nữa, phẩm đầu chỉ tán thán năng lực Bát-nhã ba-la-mật, nay tán thán hành giả làm được công đức ấy, được bốn Thiên vương hoan hỷ dâng bát.

* Lại nữa, Bồ-tát đủ được các nguyện hạnh, nên Phật an ủi khuyến tấn nói có quả báo ấy, trọn không hư dối.

* Lại nữa, Bát-nhã ba-la-mật có hai thành quả: 1. Thành Phật độ chúng sanh. 2. Là tuy chưa thành Phật được hưởng quả báo thế gian, hoặc làm Chuyển luân thánh vương, Đế-thích, Phạm vương làm chủ ba ngàn thế giới, sự cúng dường phước lạc của thế gian, đều được đầy đủ. Nay lấy quả báo thế gian chỉ cho chúng sanh, cho nên nói việc ấy.

* Lại nữa, thế gian muốn thành nghiệp lớn, phần nhiều bị hoại loạn, Bồ-tát thời không như vậy, nội tâm đã định, ngoại sự ứng theo. Do nhân duyên như vậy, nên nói Phẩm này.

Hỏi: Khi Bồ-tát tặng ích sáu Ba-la-mật, chư thiên, người đời vì có sao vui mừng?

Đáp: Chư thiên đều nhân nơi mười điều thiện, bốn thiên, bốn vô lượng tâm mà được sanh ra, nhưng các công đức ấy lại do chư Phật Bồ-tát mà có. Nếu Phật ra đời thời làm tặng ích chúng chư thiên, tổn giảm chúng A-tu-la; nếu Phật không ra đời, thời chúng A-tu-la nhiều, chúng chư thiên giảm ít, vì tạo tạp phước không thanh tịnh. Nếu chư Phật xuất thế, có thể dứt lưới nghi cho chư thiên, có thể thành đại sự. Như Thích-đề-hoàn nhân khi mạng chung sắp chết, ôm tâm sợ hãi, cầu Phật cứu, tìm khắp không biết chỗ, tuy thấy người xuất gia ở giữa núi đằm, được người cúng dường, cũng không thể dứt lưới nghi cho họ.

Khi ấy, trời Tỳ-thủ-kiết-la thưa với Thích-đề-hoàn nhân rằng: vua Thi-tỳ (Sibi) khổ hạnh kỳ đặc, đời rất hy hữu. Các người trí nói: người ấy không bao lâu sẽ thành Phật.

Thích-đề-hoàn nhân nói: việc ấy khó thành; sao biết được? như trúng cá, bông xoài, và người phát tâm Bồ-đề, ba việc ấy khi còn ở trong nhân thì nhiều, khi thành rất ít, nay hãy thử xem.

Đế-thích tự hóa làm chim cắt, Tỳ-thủ-kiết-la hóa làm chim bồ câu, bồ câu chui vào vua, vua tự cắt thịt mình, cho đến đem thân lên cân để thế mạng chim bồ câu, đại địa chấn động.

Khi ấy, Thích-đề-hoàn nhân, tâm rất hoan hỷ, rải các hoa trời, tán thán việc chưa từng có.

Đại tâm quyết định như vậy, thành Phật không lâu.

* Lại nữa, người phàm mắt thịt, không có trí tuệ, khổ thân tìm của, để nuôi sống, nghe nói Bồ-tát tặng ích sáu Ba-la-mật, thành Phật không lâu, mà còn hoan hỷ, hưởng gì chư thiên!

Hỏi: Trời Tứ thiên vương, trời Ba mươi ba còn bị nạn A-tu-la, còn chư thiên trên đó không có nạn ấy, có sao hoan hỷ?

Đáp: Chư thiên trên đó tuy không có nạn A-tu-la, nếu Phật không ra đời, thì được sanh lên cõi ấy rất ít; giả sử có được sanh, năm dục lạc không đẹp, vì có sao? Vì chỉ tu phước bất tịnh. Cung điện, ánh sáng, thọ mạng của chư thiên cõi Sắc cũng như vậy.

* Lại nữa, trong chư thiên, người có trí tuệ biết được thiên vị, năm dục đều vô thường, chỉ có khi Phật ra đời mới khiến được Niết-bàn thường vui. Vì vui thế gian, vui Niết-bàn, đều do nơi Phật Bồ-tát mà được, cho nên hoan hỷ; ví như cây trái ngon ngọt, thành tựu tốt tươi đầy đặn, thì người rất hoan hỷ. Vì cây đó có các thứ lợi ích, có người nhờ bóng im của nó, có người dùng hoa, có người ăn quả. Bồ-tát cũng như vậy. Hay lấy bóng im *liạ pháp bất thiện* ngăn che khổ nóng của ba ác, hay cho trời người hoa *giàu vui*, khiến các hiền thánh được quả *Tam thừa*, cho nên hoan hỷ.

Hỏi: Chư thiên có nhiều việc cúng dường, có sao dâng bát?

Đáp: Bốn Thiên vương dâng bát, các trời khác cúng dường, đều có pháp nhất định, như khi Phật mới sanh, Thích-đề-toàn nhân lấy áo trời nâng thân Phật, Phạm thiên vương đích thân cầm lọng, bốn Thiên vương phòng hộ bốn bên. Chư thiên Tịnh-cư muốn khiến Bồ-tát sanh tâm chán lìa, nên hóa làm người già, bệnh, chết, và thân hình Sa-môn. Lại khi xuất gia, bốn Thiên vương sắc lệnh sứ giả đỡ nổi chân ngựa, tự mình hầu giúp bốn phía Bồ-tát. Thiên Đế-thích lấy tóc bỏ lót dựng tháp tóc ở ngoài cửa đông thành trên trời. Lại lấy y báu của Bồ-tát dựng tháp y ở ngoài cửa nam thành, lúc Phật đi đến dưới cây thì dâng cỏ tốt. Bồ-tát Chấp Kim cang, thường cầm Kim cang hộ vệ, Phạm thiên vương thỉnh Phật Chuyển pháp luân. Như vậy mỗi mỗi đều có phép nhất định. Vì vậy nên bốn Thiên vương dâng bát. Ý nghĩa bốn bát như trước đã nói.

Hỏi: Phật một mình có sao lãnh thọ bốn bát?

Đáp: Bốn vua lực bằng nhau, không thể lãnh thiên về một người. Lại khiến thấy thần lực của Phật, hợp bốn bát làm một, tâm mừng, lòng tin thanh tịnh, nghĩ rằng: từ khi Bồ-tát mới sanh, đến nay thành Phật, chúng ta cúng dường, công đức không hư dối.

Hỏi: Bốn Thiên vương sống lâu 500 năm, Bồ-tát quá vô lượng vô số kiếp sau mới thành Phật, bốn Thiên vương hiện nay chẳng phải là bốn Thiên vương sau này, tại sao hoan hỷ?

Đáp: Vì đồng một họ, ví như dòng họ sang, con cháu truyền trăm đời, không vì xa mà cho là khác.

Hoặc hành giả khi thấy Bồ-tát tặng ích sáu Ba-la-mật, tâm phát nguyện rằng: Bồ-tát ấy khi thành Phật, ta sẽ dâng bát, thế nên được sanh (bốn Thiên vương).

* Lại nữa, bốn Thiên vương sống 500 năm, nhân gian 50 năm bằng một ngày một đêm ở bốn Thiên vương, và 30 ngày làm một tháng, 12 tháng làm một năm. Lấy sự sống lâu 500 năm ấy so bằng 900 vạn năm ở nhân gian. Bồ-tát làm được công đức ấy, hoặc gần thành Phật, bốn Thiên vương mới sanh, đủ có thể gặp được Phật.

Hỏi: Như trong kinh Đại thừa nói: có đức Phật lấy hỷ làm món ăn, không ăn đồ ăn bốc nắm. Giống như Thiên vương, y phục nghi dung của Phật không khác với người đời, thời không cần bát ăn, có sao nói bốn Thiên vương nhất định phải dâng bát?

Đáp: Nhất định là vì dùng bát, nên không nói không dùng.

* Lại nữa, chư Phật dùng bát thì nhiều, không dùng bát ít, cho nên lấy nhiều làm định lệ.

KINH: Trời Ba mươi ba cho đến trời Tha-hóa-tự-tại, cũng đều hoan hỷ, ý nghĩ rằng: chúng ta sẽ hầu hạ cúng dường Bồ-tát, tôn giảm chúng A-tu-la, tặng ích chúng chư thiên. Ba ngàn đại thiên

thế giới, bốn Thiên vương cho đến trời A-ca-ni-sắc, đều rất hoan hỷ. Ý nghĩ rằng: chúng ta sẽ thỉnh Bồ-tát ấy Chuyển pháp luân.

LUẬN: Chư thiên ấy, lấy hương hoa anh lạc, lễ bái cung kính, nghe pháp, tán thán cúng dường, cũng nghĩ rằng: người tu phước thanh tịnh, thì A-tu-la chúng giảm, tăng ích trời Ba mươi ba. Chư thiên chúng ta cũng được tăng ích.

Hỏi: Trên đã nói sáu hạng trời, sao còn nói trong ba ngàn đại thiên thế giới, cho đến trời A-ca-ni sắc đều hoan hỷ cúng dường?

Đáp: Trước nói hạng sáu trời ở trên một núi Tu-di, đây nói chư thiên trong ba ngàn đại thiên thế giới, trước chỉ nói cõi Dục, nay nói trời cõi Dục, cõi Sắc thỉnh Phật Chuyển pháp luân. Trên tuy nói chư thiên Tịnh-cư cúng dường khuyến trợ các thứ, nay thỉnh Phật Chuyển pháp luân là việc lớn.

Hỏi: Trong ba tạng chỉ nói Phạm thiên thỉnh Chuyển pháp luân, nay có sao bốn Thiên vương cho đến trời A-ca-ni sắc?

Đáp: Trời cõi Dục gần, cho nên đến trước, trời cõi Sắc đều gọi là Phạm. Nếu nói Phạm vương thỉnh là đã nói các trời khác.

* Lại nữa, Phạm là cánh cửa đầu của cõi Sắc, nói đầu nên sau cũng nói.

* Lại nữa, có Phật không Phật, chúng sanh thường biết Phạm thiên. Vì Phạm thiên là tổ phụ của thế gian, vì người đời tin như vậy, nên Phật nói Phạm thiên. Tướng Pháp luân như trước đã nói.

KINH: Nay Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, khi tăng ích sáu Ba-la-mật, các thiện nam tử, thiện nữ nhân, đều hoan hỷ, ý nghĩ rằng: chúng ta sẽ vì người ấy làm cha mẹ, vợ con, thân tộc, tri thức?

LUẬN. *Hỏi:* Trước đã nói làm được công đức ấy, nay sao còn nói tăng ích sáu Ba-la-mật?

Đáp: Trước nói tướng chung, nay nói tướng riêng.

* Lại nữa, trước nói công đức có vô lượng thứ, người nghe chán mệt, nay chỉ lược nói sáu Ba-la-mật, thời thu nhiếp hết các công đức.

* Lại nữa, vì trời nói làm được các công đức, vì người nói tăng ích sáu Ba-la-mật, sao biết? Như sau nói: thiện nam tử, thiện nữ nhân, do vậy nên biết.

Hỏi: Bốn Thiên vương cho đến trời A-ca-ni-sắc, có sao không nói là thiện thiên, mà chỉ đối với người thì nói là thiện nam tử, thiện nữ nhân?

Đáp: Chư thiên đều có Thiên nhãn, Thiên nhĩ, Tha tâm trí, biết cúng dường Bồ-tát, nên không nói riêng chư thiện thiên, còn người vì mắt thịt không biết thiện, mà biết cúng dường, vì ít nên nói riêng thiện. Thiện là theo Phật nghe pháp, hoặc theo đệ tử Phật và Bồ-tát nghe pháp. Hoặc nghe thọ ký sẽ làm Phật, lại nghe Phật tán thán danh tự, cho nên biết tu thiện.

Hỏi: Có sao chỉ nói nam tử, nữ nhân thiện, mà không nói kẻ hai căn (nam nữ), kẻ không căn là thiện?

Đáp: Không căn là không có căn đắc đạo, cho nên không nói như trong luật không cho xuất gia, vì người ấy mất tướng nam nữ; tâm họ bất định, gặp chút nhân duyên đã nổi giận, kiết sử nhiều, mê đắm thế sự, ôm lòng nghi ngờ, không vui đạo pháp, tuy tu chút ít việc phước, trí tuệ cạn mỏng, không thể thâm nhập, bản tánh thay đổi, cho nên không nói. Đó là trong pháp Thanh văn nói như vậy. Còn trong pháp Đại thừa, ví như biển lớn, không gì không dung, hạng không căn ấy hoặc có khi cũng tu thiện, chỉ vì ít nên không nói. Gọi rằng ít, vì trong số nam nữ, hạng người không căn ấy rất ít, trong hạng không căn mà tu thiện, càng ít hơn. Ví như người tại gia tuy tóc, râu, nốt ruồi đen mà không gọi là người đen. Người hai căn kiết sử cấu tạp nhiều, cũng làm việc nam, cũng làm việc nữ, tâm kia tà cong, khó có

thể tế độ, ví như ở rừng rậm kéo cây, cây cong khó ra. Lại như A-tu-la, tâm nó không đoan chánh, thường nghi Phật, cho Phật hỗ trợ trời. Phật dạy năm uẩn, họ cho là có sáu uẩn, còn một uẩn Phật không nói, hoặc dạy bốn đế, họ cho là có năm đế, còn một đế Phật không nói. Người hai căn cũng như vậy. Vì tâm nhiều tà cong, không thể đắc đạo, vì vậy nên chỉ nói thiện đối với nam tử nữ nhân.

Tướng thiện là có tâm từ bi hay nhẫn lời mắng ác, như phẩm Mắng trong kinh Pháp-cú nói: hay nhẫn lời mắng ác, là ở trên mọi người; ví như ngựa lành tốt, có thể để vua cỡi.

* Lại nữa, năm thứ tà ngữ, roi, gậy, đánh hại, trói buộc... không hủy hoại tâm kia được, ấy gọi là tướng thiện.

* Lại nữa, ba nghiệp không lỗi, vui với người thiện, không hủy báng người khác thiện, không phô trương đức mình, tùy thuận mọi người, không nói lỗi người, không đả cái vui thế gian, không câu danh dự, tin ưa cái vui đạo đức, nghiệp mình thanh tịnh, không nào hại chúng sanh, tâm quý thật pháp, khinh hèn thế sự, chỉ ưa lời thẳng, không theo người dối, vì cái vui của tất cả chúng sanh, tự bỏ vui mình, làm cho tất cả chúng sanh được lìa khổ, nên lấy mình thay thế. Như vậy có vô lượng việc, gọi là tướng người lành. Tướng này phần nhiều ở nam nữ, cho nên nói thiện nam tử, thiện nữ nhân.

Hỏi: Thiện nam tử, thiện nữ nhân, vì sao có thể phát lời nguyện ấy?

Đáp: Thiện nam tử, thiện nữ nhân, tự biết phước mỏng, trí tuệ ít, tập gần Bồ-tát, cầu được vượt qua, ví như trầm thạch tuy nặng nhưng thuyền được qua.

* Lại thiện nam tử, thiện nữ nhân nghe nói “Bồ-tát không phải từ một đời, hai đời mà được hành đạo, mà phải qua lại sanh tử trong vô số kiếp, liền suy nghĩ ta sẽ cùng bồ-tát làm nhân duyên.

* Lại nữa, Bồ-tát chứa đức sâu dày, nên ở chỗ sanh ra, chúng sanh đều đến kính ngưỡng Bồ-tát, để mong nhờ lợi ích sâu nặng. Nếu thấy Bồ-tát xả thọ mạng, thời nguyện ta sẽ cùng Bồ-tát làm cha mẹ, vợ con, quyến thuộc, vì có sao? Vì biết tập gần người thiện, được tăng ích công đức. Ví như chứa nhiều hương, hơi thơm càng nhiều: như Bồ-tát đời trước làm thái tử của quốc vương, thấy người cõi Diêm-phù-đề nghèo cùng, muốn tìm ngọc Như ý, đi vào biển lớn, đi đến cung Long vương, rồng thấy thái tử oai đức thù diệu, liền đứng dậy nghinh đón, mời đến trước để cúng dường mà hỏi rằng: làm sao từ xa đến được?

Thái tử đáp: tôi thương xót chúng sanh cõi Diêm-phù-đề, nên muốn tìm ngọc Như ý để cứu giúp.

Rồng nói: hãy ở lại cung tôi thọ cúng dường một tháng, rồi tôi sẽ cho.

Thái tử liền ở một tháng, vì Long vương tán thán đa văn, rồng liền cho ngọc. Ngọc như ý này, có thể mưa xuống một do tuần (khoảng 12 km).

Rồng nói: thái tử có tướng, không lâu sẽ làm Phật, tôi sẽ làm đệ tử đa văn đệ nhất.

Khi ấy, thái tử lại đi đến một cung rồng khác được ngọc, mưa xuống hai do tuần. Hai tháng vì rồng tán thán năng lực thần thông. Rồng nói Thái tử không bao lâu sẽ làm Phật, tôi sẽ làm đệ tử thần túc đệ nhất.

Lại đi đến một cung rồng khác được thứ ngọc, mưa xuống ba do tuần. Ba tháng vì rồng tán thán trí tuệ. Rồng nói Thái tử không bao lâu sẽ thành Phật, tôi sẽ làm đệ tử trí tuệ đệ nhất.

Các rồng cho ngọc xong nói: khi người hết thọ mạng, ngọc đem trả lại ta, Bồ-tát hứa lời.

Thái tử được ngọc, đi đến cõi Diêm-phù-đề, một ngọc mưa đồ ăn uống, một ngọc mưa y phục, một ngọc mưa bảy báu, lợi ích chúng sanh.

* Lại như Bồ-tát Tu-ma-đề, trông thấy Phật Nhiên Đăng, Bồ-tát liền đi theo người con gái tên Tu-la-bà hỏi mua năm cành hoa, người con gái không chịu bán, bồ-tát liền đem năm trăm tiền vàng, để được mua năm cành hoa, người con gái vẫn không bán mà lại giao ước rằng: nguyện tôi đòi đòi làm vợ ông, rồi sẽ bán cho. Bồ-tát cần lấy hoa cúng dường Phật, nên hứa lời.

* Lại Bồ-tát Diệu Quang, có người con gái ông trưởng giả thấy thân Bồ-tát có 28 tướng, sanh tâm ái kính, đứng ở dưới cửa. Bồ-tát đi đến, người con gái liền cõi ngọc lưu ly nơi cổ, để vào trong bình bát của Bồ-tát, tâm nguyện rằng: tôi sẽ đòi đòi làm vợ người này. Người con gái này trong 250 kiếp, nhóm các công đức, sau sanh ở giữa hoa sen trong vườn của dâm nữ Hỷ kiến. Hỷ kiến nuôi làm con gái (đặt tên là Hỷ đức), đến năm 14 tuổi, nữ công, thế trí, đều đầy đủ.

Bấy giờ có vua cõi Diêm-phù-đề, tên là Tài chủ, thái tử tên là Đức chủ, có tâm đại bi, thường ra khỏi cửa thành vào vườn du ngoạn, các dâm nữ dẫn đạo ca tán, Thái tử Đức chủ rải các vật báu, y phục, ẩm thực, thí như rồng mưa, không chỗ nào không khắp. Người con gái Hỷ đức thấy thái tử, tự tạo ca kệ mà tán dương thái tử, con mắt ái luyến chăm nhìn chưa từng nhấp nháy, tự phát nguyện rằng: việc thế gian tôi đều biết hết, xin đem thân tôi dâng cấp thái tử.

Thái tử hỏi: ngươi thuộc về ai? Nếu có thuộc về ai, thì chẳng phải nên nhận.

Bấy giờ dâm nữ Hỷ kiến đáp lời Thái tử: đưa con gái tôi đây năm, tháng, ngày, giờ, nó sanh ra đồng với thái tử. Đứa con gái này chẳng phải từ trong bụng tôi sanh ra. Sáng sớm tôi vào vườn, thấy

trong hoa sen có bé gái này sanh ra, tôi nhận nuôi làm con gái, chớ vì tôi mà khinh hèn đứa con gái này. Đứa con gái này giỏi 64 điều, không điều gì không đầy đủ, nữ công, mỹ thuật, kinh thư, phương thuốc, thầy đều thông suốt. Thường có lòng hổ thẹn, nội tâm trung trực, không có tật đố, không ý tưởng tà dâm. Con gái tôi đạo đức oai nghi như vậy, Thái tử hẳn nên nhận lấy!

Thái tử Đức chủ trả lời với người con gái: chị! tôi phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tu đạo Bồ-tát, không có yêu tiết gì, quốc tài vợ con, voi ngựa bảy báu, nếu có ai đến xin, tôi không trái ý họ. Nếu con trai con gái của người sanh ra, và chính thân người, nếu có người xin, tôi sẽ cho họ, chớ sanh lo buồn hối hận. Hoặc có khi tôi bỏ người đi tu, làm đệ tử Phật, ở tịnh chỗ núi rừng, người cũng chớ sầu.

Người con gái Hỷ đức đáp: giả sử lửa địa ngục thổi đến cháy nát thân tôi, tôi không bao giờ hối hận. Tôi cũng không phải vì dâm dục vui chơi mà đến làm thân hảo tôi chỉ vì khuyến trợ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cho nên phụng sự chánh sĩ.

Người con gái lại thưa với Bồ-tát rằng: đêm qua tôi mộng thấy thân Phật Diệu Nhật ngồi dưới gốc đại thọ, nên cùng nhau đến chiêm ngưỡng.

Thái tử thấy người con gái đoan chánh, lại nghe nói đức Phật xuất hiện. Vì hai lẽ đó nên lên một xe cùng đi đến chỗ Phật.

Phật thuyết pháp cho nghe, thái tử được vô lượng môn đà-la-ni, người con gái được tâm chí điều phục.

Bấy giờ thái tử lấy năm trăm hoa báu cúng dường Phật, để cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Thái tử thưa với phụ vương rằng: con gặp được thân Phật Diệu Nhật mà được thiện lợi lớn.

Phụ vương nghe rồi, bỏ vật ái trọng đem cho thái tử, rồi cùng với nội cung quan thuộc, nhân dân trong nước, đi đến chỗ Phật.

Phật thuyết pháp cho nghe, vua chứng được đà-la-ni Đền hết thấy pháp không tối.

Khi ấy vua suy nghĩ: không thể lấy pháp thế tục nhiếp trị quốc độ, hưởng thọ ngũ dục mà có thể đắc đạo.

Suy nghĩ như vậy xong, lập Đức chủ thái tử làm vua, để xuất gia cầu đạo.

Bấy giờ, thái tử vào ngày rằm, có sáu thứ báo ứng đến. Người vợ tên Hỷ đức biến làm nữ bấu. Nhân duyên như vậy, trong kinh Bất khả tư nghì có nói rộng.

Cho nên biết thiện nam tử, thiện nữ nhân, nguyện đời đời làm cha mẹ, vợ con, quyến thuộc Bồ-tát.

KINH: Bấy giờ trời Tứ Thiên vương cho đến trời A-ca-ni-sắc, đều rất hoan hỷ, ai nấy tự nghĩ rằng: chúng ta hãy làm phương tiện, khiến Bồ-tát xa lìa dâm dục, từ khi mới phát tâm, thường làm kẻ đồng chơn, đừng để cho chung hội với sắc dục. Nếu hưởng thụ ngũ dục, còn chướng ngại sanh cõi Phạm thiên, hưởng gì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì vậy, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát diệt dâm dục xuất gia nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chứ chẳng phải không dứt.

LUẬN. *Hỏi*: Chư thiên có sao nguyện như vậy?

Đáp: Trong thế gian, ngũ dục là đệ nhất, không ai không ưa thích. Trong lục dục, xúc dục là đệ nhất, nó trói buộc tâm người, như người bị rút xuống bùn sâu, khó thể vớt khỏi, vì vậy chư thiên phương tiện khiến Bồ-tát xa lìa dâm dục.

* Lại nữa, nếu hưởng thụ các dục khác, vẫn không mất trí tuệ, còn khi hội hiệp dâm dục, thân tâm hoan mê, không còn tỉnh giác, tự chìm đắm sâu. Vì vậy chư thiên làm cho Bồ-tát xa lìa.

Hỏi: Làm sao khiến xa lìa?

Đáp: Như Bồ-tát Thích-ca Văn ở trong cung vua Tịnh-phạn, muốn ra ngoài thành dạo xem, chư thiên Tịnh cư, hóa làm người già, bệnh, chết, khiến tâm kia chán. Lại khiến nửa đêm, thấy các cung nhân kỹ nữ lộ hình xấu xí bất tịnh, nước bọt mũi chảy ra, phân dãi bừa bãi, Bồ-tát thấy rồi liền sanh ghê chán. Hoặc có khi chư thiên khiến người con gái sanh ác tâm đố kỵ, chẳng biết ân đức, ác khẩu dối trá, không biết tỉnh xét. Bồ-tát thấy rồi liền sanh niệm nghĩ rằng: thân tuy tợ người mà tâm nó thật đáng ghét, liền xa bỏ nó.

Muốn khiến Bồ-tát từ khi mới phát tâm, thường làm hạnh đồng chơn, không hội cùng sắc dục, vì có sao? Vì dâm dục là gốc các thứ kiết sử. Phật dạy: thà lấy dao bén cắt đứt thân thể, không nên hội cùng nữ sắc, dao cắt tuy khổ, không đọa đường ác, còn nhân duyên dâm dục phải chịu khổ địa ngục trong vô lượng kiếp số. Người hưởng thọ ngũ dục còn không được sanh cõi Phạm thiên, huống gì được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Hoặc có người nói: Bồ-tát tuy hưởng thọ ngũ dục, tâm không đắm trước, không chướng ngại đạo, vì vậy nên Kinh nói: hưởng thọ ngũ dục, còn không được sanh cõi Phạm thế.

Phạm thế là nơi vô thi chúng sanh đều được sanh đến đó, song người hưởng thọ ngũ dục, chỗ thường đáng được còn không được sanh, huống gì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, là nơi vốn không được lại muốn được?

Vì vậy Bồ-tát nên làm kẻ đồng chơn tu hành phạm hạnh, sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ-tát phạm hạnh không nhiễm trước thế gian, nên mau thành Bồ-tát đạo. Nếu người dâm dục, thí như keo sơn, khó thể lìa được, vì có sao? Vì thân hưởng thọ dục lạc, rễ dâm dục càng sâu. Cho nên trong pháp xuất gia, dâm dục đứng đầu, lại cũng nặng.

KINH: Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát cần phải có cha mẹ, vợ con, thân tộc, tri thức chăng?

Phật bảo Xá-lợi-phất: hoặc có Bồ-tát có cha mẹ, vợ con, thân tộc, tri thức. Hoặc có Bồ-tát từ khi mới phát tâm đã dứt dâm dục, tu phạm hạnh đồng chơn, cho đến khi chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không phạm sắc dục. Hoặc có Bồ-tát do lực phương tiện, thọ ngũ dục rồi, xuất gia được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

LUẬN. Hỏi: Ba hạng Bồ-tát ấy, hạng đầu như người thế gian, thọ ngũ dục rồi sau mới lìa bỏ đi tu, chứng được giác ngộ. Hạng thứ hai có đại công đức kiên cố, khi mới phát tâm đã dứt dâm dục, cho đến khi thành Phật. Hạng Bồ-tát này hoặc là pháp thân, hoặc là nhục thân, hoặc lìa dục, hoặc chưa lìa dục. Hạng thứ ba là Bồ-tát pháp thân thanh tịnh, được vô sanh pháp nhẫn, trú ở sáu thân thông, vì giáo hóa chúng sanh nên cùng với chúng sanh đồng sự để nhiếp thủ họ. Hoặc làm Chuyển luân thánh vương, hoặc làm vua Diêm-phù-đề, Trưởng giả, Sát-lợi, tùy theo chỗ cần mà làm lợi ích.

KINH: Thí như huyễn sư, hoặc đệ tử huyễn sư, khéo biết cách huyễn, huyễn làm ra ngũ dục, cùng nhau vui chơi trong đó, ý người nghĩ sao? Người ấy đối với ngũ dục, thật hưởng thụ chăng?

Xá-lợi-phất thưa: thưa không, bạch Thế Tôn.

Phật bảo Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát dùng lực phương tiện hóa làm ngũ dục, thọ vui trong đó, thành tựu chúng sanh, cũng lại như vậy. Bồ-tát ma-ha-tát ấy không nhiễm nơi dục, mà dùng đủ cách chê bai ngũ dục, dục là bùng cháy, dục là uế ác, dục là hủy hoại, dục như là kẻ oán. Thế nên Xá-lợi-phất, nên biết Bồ-tát vì chúng sanh mà hưởng thọ ngũ dục.

LUẬN: Trong ba hạng Bồ-tát, sao chỉ nêu riêng một hạng Bồ-tát ra để ví dụ?

Đáp: Hạng thứ nhất đồng như thông lệ con người, không dứt dâm dục. Hạng thứ hai thường dứt dâm dục, tu tịnh hạnh. Hạng thứ ba cũng tu tịnh hạnh mà hiện thọ dâm dục. Vì người không hiểu nên nêu làm ví dụ.

Hỏi: Có sao không lấy chuyện mộng, biến hóa... làm ví dụ?

Đáp: Cảnh mộng chẳng phải do năm căn biết được, chỉ nội tâm nhớ tưởng sanh ra, người do năm căn trông thấy biến mất vô thường, có thể hiểu được, cảnh biến hóa, tuy năm căn biết được, mà người trông thấy rất ít. Phật vì độ chúng sanh có thể độ và sự huyền là điều chúng sanh tin cho nên nêu làm thí dụ; như huyền sư dùng huyền thuật hiện ra việc hy hữu giữa mọi người, khiến họ hoan hỷ. Bồ-tát huyền sư cũng như vậy; dùng thuật năm thần thông hóa làm ra ngũ dục ở giữa chúng sanh, cùng nhau vui chơi mà hóa độ chúng sanh.

Chúng sanh có hai hạng: tại gia và xuất gia. Vì độ hạng xuất gia nên hiện thân Thanh văn, Bích-chi-phật và các thầy ngoại đạo xuất gia. Hạng tại gia hoặc có người thấy người xuất gia mà đắc độ, hoặc thấy người tại gia đồng thọ ngũ dục mà được hóa độ.

Bồ-tát thường lấy các nhân duyên chê bai ngũ dục như: dục là bùng cháy. Khi nó chưa mất thì lửa ba độc cháy, khi nó mất thì lửa vô thường cháy. Hai lửa đều cháy, nên gọi là bùng cháy, chẳng lúc nào vui.

Dục là uế ác: chư Phật, Bồ-tát, A-la-hán, các người lìa dục, đều cho là uế hèn. Ví như người thấy chó ăn phân, khinh hèn mà thương xót, nó không được đồ ăn ngon, mà ăn đồ bất tịnh. Người hưởng thọ ngũ dục cũng như vậy. Không được cái vui nội tâm lìa dục, mà cầu cái vui nơi sắc dục bất tịnh.

Dục là hủy hoại: vì đắm mê ngũ dục, vua trời, vua người, những người giàu sang mất nước nguy thân đều do nơi đó.

Dục như kẻ oán, làm mất thiện lợi của người, cũng như kẻ thứ khách, bề ngoài như thân thiện mà trong tâm thì ôm hại. Ngũ dục như

vậy làm tan mất thiện tâm, cướp tuệ mạng người. Ngũ dục sanh ra, chính là phá hoại các thiện, hủy bại đức nghiệp.

Lại biết ngũ dục như lưỡi câu giết cá, như bẫy hại nai, như đèn đốt cháy con thiêu thân, cho nên nói dục như kẻ oán.

Cái khổ của kẻ oan gia, không quá một đời, vì mê đắm ngũ dục, đọa ba đường ác, chịu khổ độc vô lượng.

KINH: Xá-lợi-phất bạch Phật: Bồ-tát ma-ha-tát làm sao hành Bát-nhã ba-la-mật?

Phật bảo Xá-lợi-phất: Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật, không thấy Bồ-tát, không thấy danh tự Bồ-tát, không thấy Bát-nhã ba-la-mật, cũng không thấy ta hành Bát-nhã ba-la-mật, cũng không thấy ta không hành Bát-nhã ba-la-mật, vì có sao? Vì Bồ-tát, danh tự Bồ-tát tánh không, trong không, không sắc, thọ, tưởng, hành, thức; lìa sắc cũng không có không, lìa thọ, tưởng, hành, thức cũng không có không. Không tức là sắc, sắc tức là không; không tức là thọ, tưởng, hành, thức; thọ, tưởng, hành, thức tức là không, vì có sao? Xá-lợi-phất chỉ có danh tự gọi là Bồ-đề, chỉ có danh tự gọi là Bồ-tát, chỉ có danh tự gọi là không, vì có sao? Vì thật tánh các pháp, không sanh, không diệt, không nhớ, không sạch, Bồ-tát ma-ha-tát hành như vậy, cũng không thấy sanh, cũng không thấy diệt, cũng không thấy nhớ, cũng không thấy sạch, vì có sao? Vì danh tự là pháp do nhân duyên hòa hợp làm ra, chỉ phân biệt ức tướng giả danh nói.

Thế nên Bồ-tát ma-ha-tát, khi hành Bát-nhã ba-la-mật, không thấy tất cả danh tự, không thấy nên không đắm.

LUẬN: Việc ấy, trên kia Xá-lợi-phất đã hỏi, sao nay còn hỏi lại?

Đáp: Trước kia nhân Phật dạy “muốn đem nhất thiết chủng biết nhất thiết pháp, thời nên học Bát-nhã ba-la-mật” cho nên hỏi, chứ chẳng phải tự ý hỏi.

* Lại nữa, Xá-lợi-phất nghe trên kia tán thán công đức Bát-nhã, tâm hoan hỷ tôn trọng Bát-nhã cho nên hỏi làm sao có thể tu hành, như người bệnh nghe tán thán thuốc hay, liền hỏi làm thế nào có thể uống.

Hỏi: Trước đã hỏi trú pháp không trú. Hành Đản ba-la-mật, người cho, người nhận, tài vật đều không thể có được, như vậy là hành Bát-nhã, sao nay còn hỏi hành?

Đáp: Trên hỏi chung các Ba-la-mật, ở đây chỉ hỏi Bát-nhã, trên rộng tán thán Bát-nhã là chủ, ở đây hỏi thẳng sự tu hành Bát-nhã.

* Lại nữa, trên tuy tán thán rộng Bát-nhã ba-la-mật, hội chúng đương thời khát ngưỡng muốn được. Cho nên Xá-lợi-phất vì chúng nhân nên hỏi cách hành Bát-nhã ba-la-mật.

Công đức Bát-nhã ba-la-mật vô lượng vô tận, trí tuệ Phật cũng vô lượng vô tận, nếu Xá-lợi-phất không hỏi thời Phật tán thán không ngừng, nếu Xá-lợi-phất không hỏi, thời không có lý do, nên không thể ngừng.

Hỏi: Công đức Bát-nhã tôn trọng, nếu Phật tán thán rộng rãi, có gì không được?

Đáp: Tán thán Bát-nhã, người nghe hoan hỷ tôn trọng, tăng trưởng phước đức, nếu nghe nói Bát-nhã thời tăng trưởng trí tuệ. Không chỉ do phước đức có thể thành Phật đạo, còn phải có trí tuệ mới được thành. Thế nên không phải chỉ tán thán mà thôi, người nghe tán thán, tâm đã được thanh tịnh, khát ngưỡng muốn được Bát-nhã, như vì người khát mà tán thán đồ uống ngon, không giải được khát, bèn phải cho uống.

Do các nhân duyên như vậy, Xá-lợi-phất nay hỏi làm sao hành Bát-nhã.

Hỏi: Như người có mắt thấy, mới biết chỗ đi đến, vậy sau mới có thể đi, Bồ-tát cũng như vậy, trước niệm Phật đạo, biết Bát-nhã,

thấy rồi vậy sau thân mới có thể làm, nay có sao nói không thấy Bồ-tát và Bát-nhã. Nếu không thấy làm sao hành được?

Đáp: Trong đây không nói thường không thấy, chỉ nói rõ khi vào Bát-nhã quán, không thấy Bồ-tát và Bát-nhã ba-la-mật. Bát-nhã ba-la-mật vì làm cho chúng sanh biết thật pháp nên xuất hiện và danh tự Bồ-tát chỉ là tên giả do các duyên hòa hợp, như trong phẩm sau nói rộng. Danh tự Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy, do các duyên hòa hợp nên giả danh gọi là Bát-nhã ba-la-mật.

Bát-nhã ba-la-mật là giả danh, nhưng có thể phá các hý luận, vì nó không có tự tánh nên nói chẳng thể thấy, như lửa từ các duyên hòa hợp giả danh là lửa, tuy không có thật mà có thể đốt vật.

Hỏi: Nếu vào trong Bát-nhã ba-la-mật không thấy, khi ra liền thấy, làm sao tin được?

Đáp: Trên kia nói Bát-nhã vì thật pháp mà xuất hiện, ấy là có thể tin, ra khỏi Bát-nhã ba-la-mật thì không thật, nên không thể tin.

Hỏi: Nếu vào trong Bát-nhã không thấy, ra khỏi thời thấy, nên biết như vậy chẳng phải thường không, chỉ vì do lực Bát-nhã cho nên không?

Đáp: Vì theo pháp thế tục nên nói hành giả vào Bát-nhã ba-la-mật, vì hý luận về các pháp quán dứt, nên không ra không vào. Nếu các hiền thánh không dùng danh tự để nói, thời không thể giáo hóa phàm phu. Nên nhận ý nghĩa, chứ chẳng nên chấp vào ngữ ngôn.

Hỏi: Nếu trong Bát-nhã quý “hết thấy pháp không”, có gì trong đây trước nói “chúng sanh không” để phá ngã?

Đáp: Đối với người mới đầu nghe Bát-nhã không được nói hết thấy không. Ngã, không dùng năm căn tìm được, chỉ do ức tưởng phân biệt sanh ý tưởng ngã, không mà bảo có. Lại trong ý căn, không có duyên nhất định, chỉ do ức tưởng phân biệt điên đảo nên đối với

năm uẩn trống không, sanh ra ý tưởng ngã, nếu nghe nói vô ngã, thời dễ hiểu được.

Các pháp sắc... chính mắt hiện thấy, nếu lúc đầu mà nói sắc không, không có, thời khó có thể tin. Nay trước tiên phá ngã, tiếp phá ngã sở; phá ngã, ngã sở rồi, thời hết thấy pháp đều không, như vậy là dục, gọi là đắc đạo.

* Lại nữa, Bát-nhã ba-la-mật, không có pháp nhất định, nên không thấy ta hành Bát-nhã, không thấy ta không hành Bát-nhã. Như phàm phu không được Bát-nhã, nên gọi là không hành. Bồ-tát thời không như vậy, chỉ hành không Bát-nhã, cho nên nói không thấy không hành.

* Lại nữa, Phật là vua pháp, xem thấy trí các Bồ-tát khác rất ít, xen lẫn các kiết sử, không gọi là hành, ví như quốc vương tuy được một ít vật, không gọi là được. Phật cũng như vậy, dạy các Bồ-tát tuy có hành chút ít không gọi là hành.

* Lại nữa, người tu hành Bát-nhã ba-la-mật, thì sanh tâm kiêu mạn nói ta có Bát-nhã ba-la-mật, thủ lấy tướng ấy. Nếu không hành thì tâm sanh giải đãi mà ôm lòng ưu não. Thế nên không thấy ta hành cùng không hành.

* Lại nữa, không thấy ta hành Bát-nhã ba-la-mật thời phá chấp trước hữu kiến, không thấy ta không hành Bát-nhã ba-la-mật, thời phá chấp trước vô kiến.

* Lại nữa, không thấy ta hành Bát-nhã ba-la-mật thời ngưng hý luận các pháp, không thấy ta không hành thời ngưng tâm giải đãi; ví như cỡi ngựa, mau thời gò lại, chậm thời roi đánh. Như vậy phân biệt hành cùng không hành.

* Lại nữa, Phật tự nói nhân duyên rằng, Bồ-tát danh tự, Bồ-tát tánh không, trong đây tuy chỉ nói danh tự Bồ-tát không, mà năm

uẩn cũng không. Trong không không sắc, lià sắc cũng không không; không là pháp không, trong pháp không, không có một mảy may pháp, huống gì có sắc thô. Không cũng chẳng lià sắc, vì có sao? Vì phá sắc nên có không, làm sao nói lià sắc được! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy, vì có sao? Vì Phật lại tự nói nhân duyên rằng, chỉ có danh tự gọi là Bồ-đề, chỉ có danh tự gọi là Bồ-tát, chỉ có danh tự gọi là không.

Hỏi: Trước kia đã nói việc ấy, nay sao còn nói lại?

Đáp: Trước kia nói không thấy Bồ-tát, không thấy danh tự Bồ-tát, không thấy Bát-nhã ba-la-mật, nay nói không thấy nhân duyên ấy, nghĩa là nói chỉ có danh tự gọi là Bồ-đề, chỉ có danh tự gọi là Bồ-tát, chỉ có danh tự gọi là không. Nghĩa chữ Bồ-tát trên kia và Bồ-tát ở đây đồng. Danh tự Bồ-tát thời như trong chương Bồ-tát đã nói.

Bát-nhã ba-la-mật chia làm hai phần: thành tựu gọi là Bồ-đề, chưa thành tựu gọi là không. Thật tướng của sanh là không thể có được nên gọi là vô sanh, vì có sao? Vì hoặc trước “sanh” sau có “pháp”, hoặc trước “pháp” sau “sanh”, hoặc sanh và pháp cùng một lúc, đều không thể có được. Như trước đã nói: không sanh nên không diệt, nếu pháp không sanh không diệt như hư không, thì làm sao có như có sạch, ví như hư không, muôn năm mưa không ướt, lửa đốt không cháy, khói không dính, vì có sao? Vì vốn tự vô sanh. Bồ-tát quán được như vậy, không thấy lià pháp chẳng sanh chẳng diệt ấy, lại có pháp sanh diệt, như sạch, vì có sao? Vì Phật tự nói nhân duyên rằng hết thấy pháp đều do ức tướng phân biệt nhân duyên hòa hợp nên cưỡng nói danh tự. Bất khả thuyết là thật nghĩa, còn khả thuyết đều là danh tự.

Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, không thấy hết thấy danh tự, trước chỉ lược nói danh tự là, Bồ-tát, danh tự Bồ-tát, Bát-nhã ba-la-mật, danh tự Bồ-đề. Nay nói rộng hết thấy danh tự, đều không thể

thấy, không thấy nên không đấm, không đấm vì không thể có được. Như trong các con mắt, con mắt tuệ đệ nhất. Bồ-tát dùng tuệ nhãn tìm khắp không thấy, cho đến không thấy một pháp vi tế, thế nên không đấm.

Hỏi: Nếu Bồ-tát không đấm hết thấy pháp, tại sao không được vào Niết-bàn?

Đáp: Việc ấy đã nói ở nhiều nơi, nay trong đây lược nói: vì tâm đại bi, vì mười phương Phật hộ niệm, vì bốn nguyện chưa tròn, vì lực Tinh tấn ba-la-mật, vì Bát-nhã ba-la-mật và phương tiện hai sự hòa hợp, được gọi là không đấm nơi không đấm.

Có các nhân duyên như vậy, nên nói Bồ-tát tuy không đấm pháp mà chẳng vào Niết-bàn.

(HẾT PHẨM DÂNG BÁT THỨ 2)

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

GIẢI THÍCH: PHẨM TẬP TƯƠNG ƯNG THỨ 3

(*Bản đời Minh ghi: Kinh Hành Tập Ứng*)

KINH: Phật bảo Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật nên suy nghĩ như vậy: Bồ-tát chỉ có tên gọi, Phật cũng chỉ có tên gọi, Bát-nhã ba-la-mật cũng chỉ có tên gọi, sắc chỉ có tên gọi; thọ, tướng, hành, thức cũng chỉ có tên gọi.

Này Xá-lợi-phất! Như Ngã chỉ có tên gọi, tất cả Ngã thường không thể có được; chúng sanh, thọ giả, mạng giả, sanh giả, dưỡng dục, chúng số, người, kẻ làm, kẻ khiến làm, kẻ khởi dậy, kẻ khiến khởi dậy, kẻ thọ, kẻ khiến thọ, kẻ biết, kẻ thấy, tất cả đều không, không thể có được. Vì là không, không thể có được, nên chỉ lấy danh tự để nói. Bồ-tát ma-ha-tát cũng như vậy, hành Bát-nhã ba-la-mật không thấy ta, không thấy chúng sanh, cho đến không thấy kẻ biết, kẻ thấy, danh tự được nói cũng không thể thấy.

LUẬN. *Hỏi:* Cuối phẩm thứ hai đã nói Không, nay có sao nói lại?

Đáp: Trên phần nhiều nói Pháp không, nay nói xen lộn Pháp không, cùng Chúng sanh không.

Hành giả quán ngoại pháp đều không không có gì, mà còn cho “cái biết không” chẳng không, thế nên lại nói người quán sát cũng

không. Chúng sanh không ấy ở trong pháp Thanh văn nói nhiều. Hết thấy đệ tử Phật đều biết trong các pháp không ta, sau Phật diệt độ 500 năm chia làm hai phần: có người tin Pháp không, có người chỉ tin Chúng sanh không, cho rằng năm uẩn là pháp nhất định có, chỉ người lãnh thọ năm uẩn là không, vì vậy nên Phật nói Chúng sanh không để so sánh Pháp không.

* Lại nữa, *ngã không* dễ biết, Pháp không khó thấy, vì có sao? Vì Ngã, lấy năm căn tìm nó không thể có được, chỉ do năng lực của thân kiến ức tưởng phân biệt cho là ngã.

Pháp không là, sắc có thể lấy mắt thấy, tiếng có thể lấy tai nghe, thế nên khó biết nó không. Hai việc ấy, ở trong Bát-nhã ba-la-mật đều không, như trong chương nói về nghĩa mười tám không đã nói.

Hỏi: Như Ngã, cho đến kẻ biết, kẻ thấy là một hay là mỗi mỗi khác nhau?

Đáp: Đều là một Ngã, chỉ tùy việc mà thành khác. Đối nơi năm uẩn, có tâm chấp ngã, ngã sở khởi lên, nên gọi là ngã; từ năm uẩn hòa hợp sanh nên gọi là chúng sanh; mạng căn thành tựu nên gọi là thọ giả, mạng giả; hay sanh khởi các việc như cha sanh con, nên gọi là sanh giả; do bú mớm, cơm áo được lớn khôn, ấy gọi là dưỡng dục; năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, các pháp nhân duyên có số, nên nói là chúng số; hành phép tắc người nên gọi là người; tay chân làm lụng được nên gọi là kẻ làm; sức sai khiến được người khác, nên gọi là kẻ khiến làm; có thể tạo nghiệp tội phước đời sau nên gọi là kẻ khởi dậy; khiến người khác tạo nghiệp tội phước đời sau, nên gọi là kẻ khiến khởi dậy; thân đời sau thọ quả báo tội phước, nên gọi là kẻ thọ; khiến người khác thọ khổ vui, ấy gọi là kẻ khiến thọ; mắt thấy sắc gọi là kẻ thấy; năm thức biết gọi là kẻ biết.

* Lại nữa, dùng mắt thấy sắc, dùng năm tà kiến quán năm uẩn, dùng chánh kiến thế gian và xuất thế gian quán các pháp gọi là kẻ

thấy, nghĩa là nhãn căn, năm tà kiến, thế gian chánh kiến, vô lậu kiến, gọi là kẻ thấy; bốn căn kia biết và ý thức biết gọi chung là kẻ biết. Các pháp như vậy đều cho là ngã, ngã ấy mười phương ba đời chư Phật và các Bồ-tát tìm không thể có được. Chỉ do ức tưởng phân biệt cường gọi tên. Các pháp cũng như vậy, đều là không, không thật, chỉ giả gọi tên.

Hỏi: Ngã ấy chỉ có mười sáu tên gọi, hay còn tên gọi nào khác?

Đáp: Nói lược thời có mười sáu, nói rộng thời vô lượng, tùy việc đặt tên, như danh hiệu chức quan theo phẩm trật sai khác. Có công năng trí xảo, xuất gia hành đạo, các tên gọi đều do nhân duyên hòa hợp sanh, nên không tự tánh. Không tự tánh nên rất ráo không. Sanh không nên pháp không, pháp không nên sanh cũng không.

KINH: Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật như vậy, trừ trí tuệ Phật, còn trí tuệ Thanh văn, Bích-chi Phật không thể sánh kịp, vì dùng bất khả đắc không, vì có sao? Vì đối với Bồ-tát ma-ha-tát ấy, tên gọi và chỗ được tên gọi, cũng không thể có được.

Này Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát hành được như vậy, là hành Bát-nhã ba-la-mật, các Tỳ-kheo số nhiều ví như tre, gai, lúa, lau, đầy cõi Diêm-phù-đề, với trí tuệ như Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên... muôn sánh trí tuệ của vị Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, trăm phần không kịp một, ngàn phần, trăm ngàn phần cho đến toán số thí dụ không thể kịp được, vì có sao? Vì Bồ-tát ma-ha-tát dùng trí tuệ độ thoát hết thảy chúng sanh.

LUẬN: Có hai nhân duyên nên trí tuệ Bồ-tát hơn Thanh văn, Bích-chi Phật: 1. Do không, biết hết thấy pháp không, cũng không thấy không ấy. Không và bất không đồng nhất không khác. 2. Dùng trí tuệ ấy để độ thoát chúng sanh, khiến được Niết-bàn. Trí tuệ Thanh văn, Bích-chi Phật chỉ quán các pháp không, không thể quán thế gian

và Niết-bàn là một, ví như thoát ngục, có người chỉ đục vách đi ra, tự thoát thân mình, có người phá ngục, đập khóa, đã tự thoát mình còn cứu người khác đồng thoát.

* Lại nữa, trí tuệ Bồ-tát vào trong hai pháp nên hơn: 1. Đại bi, 2. Bát-nhã ba-la-mật.

* Lại có hai pháp: 1. Ban châu tam-muội, 2. Phương tiện.

* Lại có hai pháp: 1. Thường trú thiền định. 2. Thông đạt pháp tánh.

* Lại có hai pháp: 1. Có thể thay thế chúng sanh chịu khổ, 2. Tự liả bỏ hết thấy vui.

* Lại có hai pháp: 1. Từ tâm không oán không giận. 2. Cho đến tâm cũng không đắm trước công đức chư Phật.

Có các trí tuệ công đức trang nghiêm như vậy, nên hơn Thanh văn, Bích-chi Phật.

Hỏi: Đối với người độn căn, có thể lấy ví dụ, còn đối với Xá-lợi-phất lợi căn, có sao ví dụ?

Đáp: Không hẳn vì độn căn mà ví dụ, ví dụ là để trang nghiêm luận nghị, làm cho người tin chắc, cho nên lấy việc năm căn nghe thấy để ví dụ ý thức, khiến cho được ngộ. Ví như lên lầu, được thang thì dễ lên.

* Lại nữa, hết thấy chúng sanh, đắm cái vui thế gian, nghe nói đạo đức Niết-bàn thì không tin không vui. Vì vậy lấy việc mắt trông thấy ví dụ việc mắt không thấy. Ví như thuốc đắng, uống nó rất khó, giả bọc lớp mật thì uống dễ.

* Lại nữa, Xá-lợi-phất là trí tuệ bậc nhất trong hàng Thanh văn, mà so với chư Phật Bồ-tát, chưa từng hiện bày, như Diêm-phù-đề. Diêm-phù là tên cây, cây này rất lớn ở giữa rừng tươi tốt, Đề là châu báu. Trên bãi này có rừng cây này, trong rừng có sông, đáy sông có

kim sa, gọi là vàng Diêm-phù-đề. Vì có cây Diêm-phù-đề nên gọi châu Diêm-phù. Châu này có năm trăm châu nhỏ bao quanh, gọi chung là Diêm-phù-đề.

Hỏi: Đệ tử Phật rất nhiều, có sao nói Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên đầy cõi Diêm-phù-đề như tre, gai, lúa, lau?

Đáp: Trong tất cả đệ tử Phật, trí tuệ bậc nhất là Xá-lợi-phất, thần thông bậc nhất là Mục-kiền-liên, hai vị này ở trong Phật pháp là lớn, ở trong pháp ngoại đạo cũng lớn, còn Phú-lâu-na, Ca-hy-na, A-na-luật... ở trong Phật pháp tuy lớn mà ở trong pháp ngoại đạo không bằng.

* Lại hai vị này thường ở giữa mọi người giúp Phật tuyên dương pháp hóa, phá các ngoại đạo, còn các Tỳ-kheo Phú-lâu-na... không có công đức ấy, cho nên không nói.

* Lại nữa, nếu nói Xá-lợi-phất thời đã gồm tất cả người trí tuệ; nếu nói Mục-kiền-liên thời đã gồm tất cả người thiên định.

Ví dụ có hai thứ: 1. Giả ví dụ. 2. Thật sự ví dụ, nay ở đây là giả ví dụ. Lý do không lấy vật khác làm ví dụ, mà lấy bốn vật “tre, gai, lúa, lau” làm ví dụ, vì bốn vật này sanh trưởng đông đặc, chủng loại lại nhiều, các Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên... đầy cõi Diêm-phù-đề. Trí tuệ các A-la-hán như vậy hợp lại không bằng một phần trăm trí tuệ vị Bồ-tát, cho đến toán số thí dụ cũng không thể so sánh kịp?

Hỏi: Sao không chỉ nói toán số thí dụ cũng không thể sánh kịp, mà nói trăm phần ngàn phần không kịp một?

Đáp: Toán số thí dụ không thể sánh kịp là lời nói cùng cực. Ví như người có tội nặng trước đánh trời khỗ sở, vậy sau mới giết. Như trong pháp Thanh văn thường lấy “mười sáu phần không kịp một” để ví dụ. Trong pháp Đại thừa thời lấy “cho đến toán số thí dụ không kịp một” để ví dụ.

KINH: Nay Xá-lợi-phất, không kể đầy cõi Diêm-phù-đề như Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên... nếu đầy ba ngàn đại thiên thế giới như Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên. Lại không kể việc này, nếu đầy mười phương hằng sa thế giới như Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên mà muốn sánh với trí tuệ của vị Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, trăm phần không kịp một, ngàn phần, trăm ngàn phần, cho đến toán số thí dụ cũng không thể kịp.

LUẬN: Nghĩa này đồng với nghĩa Diêm-phù-đề trên, chỉ có khác là nhiều.

Hỏi: Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên tuy nhiều mà trí tuệ không khác, có sao lấy nhiều để dụ?

Đáp: Có người cho ít vô lực, nhiều thì có lực, ví như nước ít thì sức cũng ít. Lại như đôi người rất mạnh, chúng ít sức kém không thể ngăn nổi, đại quân đánh mới phục được.

Có người nói, một Xá-lợi-phất trí tuệ ít thời không kịp Bồ-tát, nếu nhiều hoặc có thể kịp. Phật nói tuy nhiều vẫn không kịp, nên lấy nhiều để dụ. Như hết thảy cỏ cây, sức không bằng lửa; hết thảy ánh sáng, thế không bằng mặt trời; cũng như các núi trong mười phương thế giới không bằng một viên ngọc Kim cương, vì có sao? Vì trí tuệ Bồ-tát là gốc của hết thảy Phật pháp, có thể làm cho hết thảy chúng sanh lìa khổ được vui, như chim con Ca-lăng-tần-già, tuy chưa ra khỏi vỏ, mà âm thanh nó hơn các chim khác, hướng gì ra khỏi vỏ. Trí tuệ Bồ-tát cũng như vậy, tuy chưa ra khỏi vỏ vô minh đã hơn tất cả Thanh văn, Bích-chi Phật, hướng gì khi thành Phật.

* Lại như thái tử của Chuyển luân thánh vương, tuy chưa thành tựu mà phước lộc uy đức hơn tất cả các vua, hướng gì khi làm Chuyển luân vương. Bồ-tát cũng như vậy, tuy chưa thành Phật, song vì vô lượng vô số kiếp nhóm vô lượng trí tuệ phước đức nên hơn Thanh văn, Bích-chi Phật, hướng gì thành Phật.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, một ngày tu trí tuệ mà vượt trên Thanh văn, Bích-chi Phật.

LUẬN. *Hỏi:* Trước đã nói trừ trí tuệ Phật, tất cả Thanh văn, Bích-chi Phật không sánh kịp, sao nay còn nói lại?

Đáp: Không phải nói lại, trên là nói tổng quát, nay nói riêng, trước nói hết thầy Thanh văn, Bích-chi Phật không kịp trí tuệ Bồ-tát, nay chỉ nói rõ không kịp trí tuệ tu một ngày, hưởng gì ngàn vạn năm.

KINH: Xá-lợi-phất bạch Phật rằng, bạch Thế Tôn! Trí tuệ của Thanh văn có được, hoặc trí tuệ của Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi Phật và trí tuệ Phật, các trí ấy không có sai khác, không trái ngược nhau, về vô sanh tánh không. Nếu pháp không trái ngược nhau về vô sanh tánh không, thời pháp ấy không có sai khác, có sao Thế Tôn nói, Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, một ngày tu trí tuệ mà vượt quá Thanh văn, Bích-chi Phật?

LUẬN. *Hỏi:* Trên kia Phật đã nói Bồ-tát ma-ha-tát tu trí tuệ, vượt quá Thanh văn, Bích-chi Phật, nay Xá-lợi-phất vì sao còn hỏi?

Đáp: Không hỏi về thể lực trí tuệ có thể độ chúng sanh mà nay chỉ hỏi trí tuệ Phật và đệ tử, trong thể tánh không có sai khác, vì trí tuệ của các bậc hiền thánh đều là tuệ biết thật tướng các pháp; đều là tuệ biết Tứ đế và ba mươi bảy phẩm, đều là tuệ ra khỏi ba cõi, vào ba môn giải thoát, thành quả ba thừa. Vì vậy nên nói không có sai khác.

* Lại nữa, như Tu-đà-hoàn dùng trí vô lậu dứt kiết sử, chứng được quả, cho đến Phật cũng như vậy. Như Tu-đà-hoàn dùng hai quả giải thoát là hữu vi giải thoát, vô vi giải thoát, cho đến Phật cũng như vậy. Như Phật vào Niết-bàn, Tu-đà-hoàn chậm lắm không quá bảy đời đều đồng sự, đồng duyên, đồng hạnh, đồng quả báo, vì vậy nên nói không trái ngược nhau, vì có sao? Vì vô sanh tánh không vậy.

Hỏi: Phá vô minh, nhóm các thiện pháp nên sanh trí tuệ; trí tuệ ấy tương ưng với tâm, cùng tâm sanh, theo tâm hành, trong đó tại sao nói trí tuệ vô sanh tánh không, không có sai khác?

Đáp: Trí tuệ duyên Diệt đế, ấy là vô sanh, nhân duyên hòa hợp nên không có tự tánh, ấy gọi là tánh không, không phân biệt gì.

Trí tuệ theo duyên mà đặt tên, như mắt duyên sắc sanh nhãn thức, hoặc gọi là nhãn thức, hoặc gọi là sắc thức; trí tuệ là pháp tuy do nhân duyên hòa hợp làm ra, mà vì duyên vô sanh tánh không, nên gọi là vô sanh tánh không.

Hỏi: Trí tuệ các hiền thánh đều duyên Tứ đế mà phát sanh, có sao chỉ nói duyên Diệt đế?

Đáp: Trong Tứ đế, diệt đế trên hết, vì có sao? Vì ba đế kia đều thuộc diệt đế. Ví như có người mời thiên tử và mời quần thần ăn, cũng gọi là cúng dường thiên tử.

* Lại nữa, diệt đế nên nói vô sanh, ba đế kia nên nói tánh không.

* Lại nữa, có người nói các tuệ tánh ấy tự nhiên không sanh, tánh tự không, vì có sao? Vì hết thấy pháp đều nhân duyên hòa hợp, nên không tự tánh, không tự tánh nên không sanh.

Hỏi: Nếu như vậy, trí tuệ và ngu si không có sai khác?

Đáp: Các pháp tánh như, vào trong pháp tánh, không có sai khác, như lửa mỗi mỗi không đồng, mà tướng diệt tắt không khác. Ví như trăm sông vạn dòng, mỗi mỗi màu khác, vị khác, khi vào biển cả thời đồng một vị một tên. Như vậy trí tuệ và ngu si khi vào trong Bát-nhã ba-la-mật, đều đồng một vị, không có sai khác. Cũng như năm màu, gần núi Tu-di tự mất màu nó, đồng đều màu kim. Như vậy các pháp trong ngoài, vào trong Bát-nhã ba-la-mật đều đồng một vị, vì sao? Vì tướng Bát-nhã ba-la-mật, rốt ráo thanh tịnh.

* Lại nữa, thật tướng của ngu si là trí tuệ, nếu phân biệt chấp trước trí tuệ, ấy tức là ngu si. Như vậy ngu si và trí tuệ có gì sai khác.

Mới vào Phật pháp, là si là tuệ, sau dần sâu vào, si và tuệ không khác. Vì vậy các trí không có sai khác, không trái ngược nhau, vô sanh tánh không, nên không lỗi.

KINH: Phật bảo Xá-lợi-phất, ý ông thế nào? Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, một ngày tu trí tuệ, tâm nghĩ rằng: Ta hành đạo tuệ lợi ích hết thảy chúng sanh, sẽ dùng trí nhất thiết chúng biết hết thảy pháp, độ hết thảy chúng sanh; trí tuệ Thanh văn, Bích-chi Phật, có làm việc ấy chăng?

Xá-lợi-phất thưa: thưa không, Thế Tôn.

LUẬN: Có bốn cách luận (cũng gọi là bốn cách đáp): 1. Tất định luận. 2. Phân biệt luận. 3. Phản vấn luận. 4. Trí luận.

Tất định luận: như Thế Tôn là bậc nhất giữa chúng sanh; vô ngã trong hết thảy pháp; thế gian chẳng thể vui; Niết-bàn là an ổn tịch diệt; nghiệp nhân duyên không mất, các việc như vậy... gọi là Tất định luận.

Phân biệt luận: như thái tử Vô úy hỏi Phật: “Phật nói lời ấy có làm cho người khác giận chăng?” Phật nói việc ấy nên phân biệt đáp. Thái tử nói: bọn Ni-kiền-tử rõ rồi! còn Phật hoặc có khi vì lòng thương xót đưa chúng sanh ra khỏi tội mà chúng sanh giận, nhưng sau đó chúng sanh sẽ được lợi.

Bấy giờ con của Vô Úy đang ngồi trên đầu gối Vô Úy, Phật hỏi Vô Úy, hoặc khi con ông nuốt ngói, đá cỏ cây, ông có chịu để nó nuốt xuống chăng? Đáp: không để. Trước tiên bảo nó nhổ ra, nếu không chịu nhổ, thì tay trái cầm tai, tay phải móc miệng, dầu cho máu chảy, cũng không bỏ.

Phật hỏi: ông chẳng thương con ông sao? Đáp: thương lắm, vì móc ngói đá ra, tuy khi móc nó đau đớn, mà sau được an ổn.

Phật dạy: Ta cũng như vậy. Nếu chúng sanh muốn làm trọng tội, khéo dạy bảo mà không theo, sẽ dùng lời gay gắt can gián, tuy có nổi giận mà sau được an ổn.

* Lại như năm Tỳ-kheo hỏi Phật, thọ vui được đạo chăng? Phật dạy: không nhất định. Có khi thọ khổ mắc tội, có khi thọ khổ được vui, có khi thọ vui mắc tội, có khi thọ vui được phước. Như vậy... gọi là phân biệt luận.

Phản vấn luận: đáp bằng cách hỏi trở lại. Như Phật bảo năm Tỳ-kheo, ý các ông thế nào? Sắc ấy thường chăng? vô thường chăng? Tỳ-kheo đáp: vô thường. Nếu vô thường là khổ chăng? Đáp: khổ. Nếu pháp là vô thường, khổ, thánh đệ tử nghe pháp có chấp đắm pháp ấy nói rằng pháp ấy là ta, là của ta chăng? Đáp: thưa không, Thế Tôn. Phật bảo Tỳ-kheo: từ nay về sau, có sắc gì hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc tốt, hoặc xấu, sắc ấy chẳng phải của ta, ta chẳng phải của sắc ấy. Nên lấy chánh trí tuệ thật biết như vậy; thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế. Đó gọi là Phản vấn đáp.

Trí luận: như mười bốn nạn vấn về thế gian thường, thế gian vô thường? thế gian hữu biên, thế gian vô biên?... như vậy gọi là Trí luận (bỏ qua không đáp).

Nay Phật dùng cách hỏi trở lại để đáp Xá-lợi-phất, vì trí Xá-lợi-phất đối với việc chưa hiểu, Phật hỏi lại đầu mối, khiến Xá-lợi-phất được hiểu.

Trí tuệ Bồ-tát độ chúng sanh, gọi là đạo tuệ. Như trong phẩm sau nói: tuệ Tát-bà-nhã là việc của Thanh văn, Bích-chi Phật, trí tuệ nhất thiết chúng là việc của chư Phật, tuệ đạo chúng là việc của Bồ-tát.

* Lại nữa, tám thánh đạo phần là thật đạo, khiến chúng sanh theo các nhân duyên vào đạo, ấy gọi là đạo tuệ. Khiến chúng sanh an trú trong đạo, ấy là làm lợi ích giống Thanh văn, giống Bích-chi Phật, giống Phật.

* Lại nữa, nhất thiết trí tuệ không gì không biết, ấy gọi là nhất thiết chủng, hoặc hữu vi, hoặc vô vi; dùng trí nhất thiết chủng biết được Phật đạo rồi, nên độ hết thảy chúng sanh, lợi ích hết thảy chúng sanh, với hoặc Đại thừa, hoặc Thanh văn thừa, hoặc Bích-chi Phật thừa. Nếu không vào được ba thừa đạo thời dạy tu phước đức, hưởng giàu vui cõi trời cõi người. Nếu không thể tu phước thời lấy việc lợi ích đời nay như cơm áo, đồ nằm... giúp cho. Nếu lại không được, thời nên lấy tâm từ bi lợi ích, ấy gọi là độ hết thảy chúng sanh.

Hỏi: Nếu Phật biết Thanh văn, Bích-chi Phật không thể vì chúng sanh, có sao cố hỏi?

Đáp: Phật ý như vậy, muốn khiến Xá-lợi-phất, miệng tự nói rằng: Thanh văn, Bích-chi Phật không bằng Bồ-tát, cho nên Phật hỏi.

Xá-lợi-phất thưa: thưa không, Thế Tôn, vì có sao? Vì Thanh văn Bích-chi Phật tuy có từ tâm, song vốn không phát tâm nguyện độ hết thảy chúng sanh, cũng không xoay thiện căn hướng về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì vậy nên Bồ-tát một ngày tu trí tuệ, mà vượt qua trên Thanh văn, Bích-chi Phật.

KINH: Nay Xá-lợi-phất, ý ông nghĩ sao? Các Thanh văn, Bích-chi Phật có thể có nghĩ rằng: Chúng ta sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, độ hết thảy chúng sanh, khiến được vào Vô dư Niết-bàn chăng?

Xá-lợi-phất thưa: Thưa không, bạch Thế Tôn.

Phật bảo Xá-lợi-phất, vì nhân duyên ấy nên biết trí tuệ Thanh văn, Bích-chi Phật muốn sánh với trí tuệ Bồ-tát, trăm phần không bằng một, cho đến toán số thí dụ không thể sánh kịp.

LUẬN. *Hỏi:* Trên kia đã hỏi lại Xá-lợi-phất, việc đã định, sao nay còn hỏi nữa?

Đáp: Vì Xá-lợi-phất muốn lấy việc Tu-đà-hoàn đồng được giải thoát, nên cùng với Phật và Bồ-tát ngang nhau, nhưng Phật

không chấp nhận. Ví như có người muốn cho rằng chút trống không trong lỗ chơn lông ngang với hư không, vì vậy nên Phật gạn hỏi lại việc đó.

* Lại nữa, tuy đồng một việc, mà về phương diện ý nghĩa khác nhau. Trước kia nói trí tuệ vì hết thấy chúng sanh, nay nói có thể có niệm rằng: Ta sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, khiến hết thấy chúng sanh được Vô dư Niết-bàn. Nghĩa vô dư Niết-bàn như trước đã nói.

* Lại nữa, một Thanh văn, Bích-chi Phật, còn không có niệm như vậy, huống gì hết thấy Thanh văn, Bích-chi Phật.

KINH: Nay Xá-lợi-phất, ý ông nghĩ sao? Các Thanh văn, Bích-chi Phật có thể nghĩ rằng: Ta hành sáu Ba-la-mật, thành tựu chúng sanh, trang nghiêm thế giới, đủ mười lục, bốn việc không sợ, bốn trí vô ngại, mười tám pháp không chung của Phật, độ thoát vô số vô lượng chúng sanh, khiến được Niết-bàn chăng?

Xá-lợi-phất thưa: Thưa không, bạch Thế Tôn.

LUẬN: Trước lược nói Ta sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nay nói rộng hơn duyên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đó là sáu Ba-la-mật, cho đến mười tám pháp không chung. Sáu Ba-la-mật như trước đã nói. Giáo hóa chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, sau sẽ nói. Còn như mười lục... như trước đã nói.

KINH: Phật bảo Xá-Lợi-Phất, Bồ-tát ma-ha-tát có thể khởi niệm rằng: Ta sẽ hành sáu Ba-la-mật cho đến mười tám pháp không chung, thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, độ thoát vô lượng vô số chúng sanh, khiến được Niết-bàn, ví như con đom đóm không khởi niệm rằng: sức Ta có thể chiếu soi cõi Diêm-phù-đề, làm cho khắp cả rất sáng. Các A-la-hán, Bích-chi Phật cũng như vậy, không khởi niệm rằng: Chúng ta hành sáu Ba-la-mật, cho đến mười tám pháp không chung, chứng được Vô

thượng Chánh đẳng Chánh giác, độ thoát vô lượng vô số chúng sanh, khiến được Niết-bàn.

LUẬN: Lý do mười phương hằng hà sa Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên không bằng một Bồ-tát, ví như con đom đóm tuy nhiều, mỗi con đều chiếu mà không bằng mặt trời. Con đom đóm cũng không khởi niệm rằng, ánh sáng của ta có thể chiếu cõi Diêm-phù-đề. Các Thanh văn, Bích-chi Phật không khởi niệm rằng, trí tuệ của ta có thể chiếu vô lượng vô biên chúng sanh. Như con đom đóm ban đêm có thể chiếu, khi mặt trời xuất hiện thời không thể. Các Thanh văn, Bích-chi Phật cũng như vậy, khi chưa có Bồ-tát, có thể cất tiếng rống sư tử thuyết pháp giáo hóa, khi có Bồ-tát xuất hiện thời không thể làm.

KINH: Nay Xá-lợi-phất, thí như khi mặt trời mọc, ánh sáng chiếu khắp cõi Diêm-phù-đề không gì không nhờ ánh sáng, Bồ-tát ma-ha-tát cũng như vậy, hành sáu Ba-la-mật cho đến mười tám pháp không chung, chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, độ thoát vô lượng vô số chúng sanh, khiến được Niết-bàn.

LUẬN: Như Nhật thiên tử thương xót chúng sanh, cùng với cung điện bảy báu đi quanh bốn châu thiên hạ, từ đầu đến cuối, không hề giải đãi, vì chúng sanh trừ lạnh ướt, chiếu soi chỗ tối, khiến đều được lợi ích. Bồ-tát cũng như vậy, từ khi mới phát tâm, thường hành sáu Ba-la-mật, cho đến mười tám pháp không chung, vì độ chúng sanh, không hề giải đãi, trừ khí lạnh “bất thiện” khô kiệt bần “ngũ dục”, phá ngu si vô minh, dạy dỗ tu thiện nghiệp khiến đều được lợi ích.

* Lại mặt trời chiếu, không ghét không thương, tùy chỗ cao thấp, sâu cạn đều chiếu. Bồ-tát cũng như vậy, xuất hiện ở thế gian, trú năm thân thông, ở giữa hư không, phóng ánh sáng trí tuệ, chiếu soi các nghiệp và quả báo tội phước. Bồ-tát lấy ánh sáng trí tuệ diệt tà kiến hý luận của chúng sanh, giống như sương mai, gặp mặt trời thời tan.

(HẾT CUỐN 35 THEO BẢN HÁN)

KINH: Xá-lợi-phất bạch Phật rằng, làm sao Bồ-tát ma-ha-tát vượt quá địa vị Thanh văn, Bích-chi Phật mà trú ở địa vị bất thối, thanh tịnh Phật đạo?

LUẬN. *Hỏi:* Xá-lợi-phất vì nhân gì mà hỏi điều ấy?

Đáp: Trên kia Xá-lợi-phất hỏi về các trí không khác nhau, Phật đã dùng các thí dụ chỉ rõ trí Bồ-tát hơn, ý đã hiểu rồi, nay hỏi làm sao Bồ-tát có thể vượt quá nhị thừa mà trú địa vị bất thối, thanh tịnh Phật đạo.

Hỏi: Tiểu thừa không có khả năng thành Phật, có sao hỏi việc thanh tịnh Phật đạo?

Đáp: Xá-lợi-phất là vị tướng theo Phật Chuyển pháp luân, tuy tự mình không lợi ích, mà vì lợi ích cho chúng sanh cầu Phật đạo nên hỏi.

* Lại vì Bồ-tát đại bi làm nhiều lợi ích, thế nên hỏi việc của Bồ-tát, để lợi ích cho chúng sanh.

* Lại nữa, Xá-lợi-phất mong nhờ Phật ân mà phá các tà kiến, được thành đạo quả, vì muốn báo ân nên hỏi việc Bồ-tát.

* Lại Xá-lợi-phất đã cùng tận bờ mé của địa vị Thanh văn, điều chưa hiểu là việc Bồ-tát, thế nên lại hỏi.

* Lại vì pháp Bồ-tát rất sâu vi diệu, tuy không thể được song vì ưa thích nên hỏi, thí như người thấy báu đẹp mình tuy không có mà ưa thích nên hỏi.

KINH: Phật bảo Xá-lợi-phất: Bồ-tát ma-ha-tát từ khi mới phát tâm hành sáu Ba-la-mật, trú pháp không, vô tướng, vô tác, đã vượt quá địa vị Thanh văn, Bích-chi Phật, mà trú địa vị bất thối chuyển, thanh tịnh Phật đạo.

LUẬN. *Hỏi:* Ba việc ấy, ở trong phẩm sau nói đều có nhân duyên, sao nay Phật nhập chung lại nói?

Đáp: Trong đây lược nói, sau sẽ nói rộng nhân duyên của ba việc.

* Lại nay chỉ nói nhân duyên của không, vô tướng, vô tác, sau sẽ nói các công đức, cho nên hợp ba sự mà nói.

Hỏi: Vào ba môn giải thoát thời đến Niết-bàn, sao nay cho không, vô tướng, vô tác có thể vượt quá địa vị Thanh văn, Bích-chi Phật?

Đáp: Vì không có lực phương tiện nên vào ba môn giải thoát là thẳng đến Niết-bàn. Nếu có lực phương tiện thời trú ba môn giải thoát, thấy Niết-bàn, vì tâm từ bị, nên chuyển tâm khởi trở lại, như trong phẩm sau nói, ví như ngựa mất bấn hư không, mỗi mũi tên dính nhau, không cho rớt xuống đất. Bò-tát cũng như vậy, lấy mũi tên trí tuệ ngược bắn hư không “Ba giải thoát”, do lực phương tiện, mũi tên sau bắn mũi tên trước, không cho rớt xuống đất “Niết-bàn”. Vị Bò-tát ấy tuy thấy Niết-bàn mà đi thẳng qua không trụ lại, còn mong đại sự, đó là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay là lúc đang quán, chứ chẳng phải lúc chứng, như vậy nên nói rộng. Nếu quá hai địa vị ấy, biết các pháp chẳng sanh chẳng diệt, tức là địa vị bất thối chuyển. Trú ở địa vị bất thối chuyển, giáo hóa chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, ấy là có thể thanh tịnh Phật đạo.

* Lại nữa, Bò-tát trú ở ba môn giải thoát, quán Tứ đế biết đó là pháp Thanh văn, Bích-chi Phật. Thẳng qua Tứ đế, vào Nhất đế, đó là hết thấy pháp chẳng sanh chẳng diệt, chẳng như chẳng sạch, chẳng đến chẳng đi... Vào trong Nhất đế ấy, gọi là địa vị bất thối chuyển. Trú ở địa vị bất thối chuyển, thanh tịnh Phật đạo, diệt trừ nghiệp thô ác nơi thân, miệng, ý, và diệt những việc đã sai lầm từ đầu đến nay đối với các pháp, ấy gọi là thanh tịnh địa vị Phật đạo.

KINH: Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bò-tát ma-ha-tát, trú địa vị nào có thể làm ruộng phước cho Thanh văn, Bích-chi Phật?

LUẬN: Xá-lợi-phất thâm tâm cung kính Bồ-tát, nên nay hỏi Bồ-tát chưa hết lậu kiết, trú công đức nào, mà có thể làm ruộng phước cho Thanh văn, Bích-chi Phật.

KINH: Phật bảo Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát từ khi mới phát tâm hành sáu Ba-la-mật, cho đến khi ngồi đạo tràng, ở khoảng trung gian ấy, thường làm ruộng phước cho Thanh văn, Bích-chi Phật.

LUẬN: Phật lấy nghĩa này khai thị Xá-lợi-phất: tuy ba môn giải thoát và Niết-bàn đồng nhau, mà Bồ-tát có tâm đại từ bi, còn Thanh văn, Bích-chi Phật thì không. Bồ-tát từ khi mới phát tâm hành sáu Ba-la-mật, cho đến mười tám pháp không chung, đều muốn độ hết thấy chúng sanh, đầy đủ hết thấy Phật pháp, cho nên hơn.

KINH: Vì có sao? vì nhờ có nhân duyên của Bồ-tát ma-ha-tát, nên các thiện pháp thế gian được phát sanh.

LUẬN: Trước Phật đã lấy một nhân duyên lợi ích mà hành các hạnh, nên làm ruộng phước cho Thanh văn, Bích-chi Phật, nay nói nhờ có Bồ-tát làm nhân duyên lợi ích bên ngoài, nên thế gian mới có được hết thấy pháp lành, vì có sao? Vì Bồ-tát phát tâm, tuy khi chưa thành Phật, song đã khiến chúng sanh khả độ, trú vào ba thừa đạo, nếu không trú được ba thừa, thời khiến trú mười thiện đạo, huống gì khi thành Phật.

Hỏi: Do nhân duyên của Thanh văn, Bích-chi Phật cũng khiến thế gian có được pháp lành, có sao chỉ nói Bồ-tát mới có thể khiến chúng sanh có được pháp lành?

Đáp: Nhân Thanh văn, Bích-chi Phật mà thế gian có được pháp lành cũng đều do Bồ-tát nên có, nếu Bồ-tát không phát tâm, thế gian không có Phật đạo, huống gì Thanh văn, Bích-chi Phật. Phật đạo là gốc căn bản của Thanh văn, Bích-chi Phật.

* Lại nữa, tuy nhân Thanh văn, Bích-chi Phật mà có một ít pháp lành, vì ít nên không nói. Thanh văn, Bích-chi Phật còn không nói đến, huống gì nói đến các thầy ngoại đạo.

KINH: Những gì là pháp lành? Đó là mười thiện đạo, năm giới, tám phần trai giới, bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, bốn chỗ niệm tưởng, bốn siêng năng chánh, bốn thần túc như ý, năm căn, năm lực, bảy giác phần, tám phần thánh đạo, đều xuất hiện ở đời.

Do nhân duyên của Bồ-tát mà sáu Ba-la-mật, mười tám không, mười lực của Phật, bốn việc không sợ, bốn trí vô ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi, trí nhất thiết chủng, đều hiện ở đời.

Do nhân duyên của Bồ-tát nên có dòng lớn Sát-lợi, dòng lớn Bà-la-môn, đại gia cư sĩ, trời Tứ thiên vương, cho đến trời Phi hũu tướng phi vô tướng, đều xuất hiện ở đời.

Do nhân duyên của Bồ-tát nên có Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi Phật, đều xuất hiện ở đời.

LUẬN. Hỏi: Do nhân duyên của Bồ-tát nên có pháp lành hiện ở đời thì có thể như vậy, còn dòng lớn Sát-lợi, dòng lớn Bà-la-môn, đại gia cư sĩ, nếu đời không có Bồ-tát cũng vẫn có các quý tộc này, có sao nói đều từ Bồ-tát phát sanh?

Đáp: Do nhân duyên của Bồ-tát, thế gian có năm giới, mười thiện, tám trai giới... pháp ấy có thượng, trung, hạ. Thượng thì đắc đạo, trung thì sanh cõi trời, hạ thì sanh cõi người, nên mới có dòng lớn Sát-lợi, dòng lớn Bà-la-môn, đại gia cư sĩ.

Hỏi: Nếu đời không có Bồ-tát, thế gian cũng có năm giới, mười thiện, tám trai giới, dòng lớn Sát-lợi...?

Đáp: Bồ-tát thọ thân nhiều cách, hoặc có khi thọ thân theo nghiệp nhân duyên, hoặc thọ thân biến hóa, ở thế gian giáo hóa, nói

các thiện pháp, và pháp thế giới, pháp vua, pháp thế tục, pháp xuất gia, pháp tại gia, pháp chủng loại, pháp cư gia. Thương xót chúng sanh, hộ trì thế giới, tuy không có pháp Bồ-tát, mà thường thực hành pháp thế gian. Vì nhân duyên ấy, nên nói đều từ Bồ-tát mà có.

Hỏi: Bồ-tát thanh tịnh, hành đại từ bi, có sao nói xen các pháp thế tục?

Đáp: Có hai hạng Bồ-tát: 1. Hành từ bi thẳng vào Bồ-tát đạo. 2. Bại hoại Bồ-tát cũng có bi tâm, sửa trị theo phép nước, không chút tham lợi; tuy có làm điều phiền nhiễu, nhưng làm điều an ổn nhiều hơn. Trị một người ác, để thành một nhà, người lập pháp như vậy, tuy không gọi là thanh tịnh Bồ-tát, mà được gọi là bại hoại Bồ-tát. Vì nhân duyên ấy, nên nói đều do Bồ-tát mà có.

Người giàu sang ở thế gian, đều từ nhị thừa đạo mà có; nhị thừa đạo từ Phật mà có; Phật nhân Bồ-tát mà có. Nếu không có Bồ-tát nói pháp lành thì thế gian không có đạo trời, đạo người, đạo A-tu-la, không có thọ vui, không có thọ không khổ không vui, chỉ có thọ khổ, thường có tiếng địa ngục kêu khóc. Bồ-tát có lợi ích lớn như vậy, có sao không gọi là làm phước điền cho thế gian?

Xá-lợi-phất nghe Bồ-tát có công đức lớn cần nên cúng dường, tâm nghĩ rằng: Bồ-tát tuy có công đức lớn, mà phiền não chưa hết, không thể tiêu hóa sự cúng dường ấy? Ví như người tuy ăn đồ ngon mà bên trong có bệnh, nên không thể tiêu hóa. Vì vậy nên:

KINH: Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bồ-tát ma-ha-tát có báo đáp đầy đủ ân thí chủ chăng?

Phật dạy: không, vì sao? Vì vốn đã báo đáp đầy đủ rồi.

LUẬN: Vì Bồ-tát từ khi mới phát tâm đã là bậc thượng thủ cho hết thầy chúng sanh cúng dường, vì có sao? Vì tâm quyết định chịu thay khổ nhọc cho vô lượng vô số chúng sanh. Lại lợi ích vô lượng vô số chúng sanh khiến được độ thoát; muốn lấy sức đại trí tuệ về hết

thầy Phật pháp làm cho thế gian tức là Niết-bàn. Có các nhân duyên như vậy, nên nói vốn đã báo đáp đầy đủ.

* Lại nữa, Phật nói lại nhân duyên tiêu hóa ân bố thí như:

KINH: Nay Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát là đại thí chủ. Thí những gì? Thí các pháp lành. Những pháp lành gì? mười thiện đạo, năm giới cho đến mười tám pháp không chung, trí nhất thiết chủng; lấy các pháp ấy thí cho.

LUẬN: Trước nói do nhân duyên của Bồ-tát mà thế gian có pháp lành, nay nói Bồ-tát là vị chủ thí pháp lành, đó là chỗ sai khác.

KINH: Xá-lợi-phất bạch Phật rằng, bạch Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát làm thế nào tu tập tương ưng Bát-nhã ba-la-mật, cùng với Bát-nhã ba-la-mật tương ưng?

LUẬN: Trên kia nói một ngày tu Bát-nhã ba-la-mật, thắng hơn Thanh văn, Bích-chi Phật. Từ nhân duyên ấy, Phật mỗi mỗi tán thán Bồ-tát có công đức lớn như vậy, đều từ Bát-nhã ba-la-mật phát sanh. Thế cho nên nay hỏi làm thế nào Bồ-tát tập hành Bát-nhã ba-la-mật, cùng với Bát-nhã ba-la-mật tương ưng?

* Lại nữa, Xá-lợi-phất biết Bát-nhã ba-la-mật khó tu khó đắc, như huyền như hóa, khó thọ trì được, sợ hành giả sai trái, nên hỏi tu tập tương ưng.

KINH: Phật bảo Xá-lợi-phất: Bồ-tát ma-ha-tát tu tập tương ưng sắc không, ấy gọi là cùng với Bát-nhã ba-la-mật tương ưng. Tu tập tương ưng với thọ, tưởng, hành, thức không, ấy gọi là cùng với Bát-nhã ba-la-mật tương ưng.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát tu tập tương ưng với nhãn không, ấy gọi là cùng với Bát-nhã ba-la-mật tương ưng. Tu tập tương ưng với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý không, ấy gọi là cùng với Bát-nhã ba-la-mật tương ưng. Tu tập tương ưng với sắc không, ấy

gọi là cùng với Bát-nhã ba-la-mật tương ưng. Tu tập tương ưng với thanh, hương, vị, xúc, pháp không, ấy gọi là cùng với Bát-nhã ba-la-mật tương ưng. Tu tập tương ưng với nhãn giới không, sắc giới không, nhãn thức giới không, ấy gọi là cùng với Bát-nhã ba-la-mật tương ưng. Tu tập tương ưng với nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới; tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới; thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới; thân giới, xúc giới, thân thức giới, ý giới, pháp giới, ý thức giới không, ấy gọi là cùng với Bát-nhã ba-la-mật tương ưng. Tu tập tương ưng với khổ không, ấy gọi là cùng với Bát-nhã ba-la-mật tương ưng. Tu tập tương ưng với tập, diệt, đạo không, ấy gọi là cùng với Bát-nhã ba-la-mật tương ưng. Tu tập tương ưng với vô minh không, ấy gọi là cùng với Bát-nhã ba-la-mật tương ưng. Tu tập tương ưng với hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử không, ấy gọi là cùng với Bát-nhã ba-la-mật tương ưng. Tu tập tương ưng với hết thủy pháp không, hoặc hữu vi, hoặc vô vi, ấy gọi là cùng với Bát-nhã ba-la-mật tương ưng.

LUẬN: Năm uẩn là sắc, thọ, tưởng, hành, thức.

Sắc uẩn: là pháp có thể thấy, nhân duyên của sắc ấy cũng có thứ không thể thấy, có đối ngại. Có đối ngại tuy không thể thấy, cũng gọi là sắc. Như người đắc đạo gọi là đạo nhân. Các người khác xuất gia chưa đắc đạo, song nhân đây mà đắc đạo, nên cũng gọi là đạo nhân.

Những sắc gì là có thể thấy? Một Sắc xứ là phần ít sắc có thể thấy có đối ngại, nhiếp vào một Sắc nhập. Chín xứ kia (thanh, hương, vị, xúc, nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân xứ) và nhiếp vô tác, gọi là sắc không thể thấy.

Có đối ngại là mười xứ. Không có đối ngại chỉ là sắc vô tác. Phân biệt về sắc hữu lậu, vô lậu cũng như vậy.

Như Kinh nói: sắc có ba thứ là thứ sắc có thể thấy có đối ngại, thứ sắc không thể thấy có đối ngại, thứ sắc không thể thấy không đối

ngại. Thế nên biết chẳng phải chỉ vì mắt thấy gọi là sắc, mà mùi xú (mùi nhập) trong ngoài có thể làm phát khởi năm thức đều gọi là sắc, nhân từ sắc phân ấy, sanh ra sắc vô tác.

Sắc lại có bốn thứ: sắc bên trong có giác thọ, không giác thọ; sắc bên ngoài có giác thọ, không giác thọ.

* Lại có năm thứ sắc: đó là năm trần.

* Lại có một thứ sắc, đó là tướng não hoại. Sắc thân chúng sanh gọi là tướng não hoại, sắc phi chúng sanh cũng gọi là sắc não hoại. Nhân duyên tướng não hoại nên cũng gọi là não; ví như có thân thời có khổ đói khát, lạnh, nóng, già bệnh, đao gậy...

* Lại có hai thứ sắc: đó là bốn đại và sắc do bốn đại tạo ra; sắc trong, sắc ngoài; sắc có giác thọ, sắc không giác thọ; sắc hệ phược, sắc không hệ phược; có sắc làm sanh tội, có sắc làm sanh phước; nghiệp sắc, phi nghiệp sắc; sắc nghiệp, sắc quả; sắc nghiệp, sắc báo; sắc quả, sắc báo; sắc hữu phú vô ký, sắc vô phú vô ký; sắc có thể thấy, sắc không thể thấy; sắc có đối ngại, sắc không đối ngại; sắc hữu lậu, sắc vô lậu. Như vậy phân biệt hai thứ sắc.

* Lại có ba thứ sắc; như trên đã nói, sắc có thể thấy, có đối ngại.

* Lại có ba thứ sắc là sắc lành, sắc chẳng lành, sắc vô ký; sắc học, vô học, phi học phi vô học; sắc sanh ra, do thấy lý Tứ đế được đoạn hoặc; sắc sanh ra, do tư duy Tứ đế được đoạn hoặc; sắc sanh ra từ không đoạn hoặc.

* Lại có ba thứ sắc: sắc hệ thuộc cõi Dục, sắc hệ thuộc cõi Sắc, sắc không hệ thuộc; có sắc hay sanh tham dục, có sắc hay sanh sân nhuế, có sắc hay sanh ngu si. Sắc sanh ba kiết, ba lậu... cũng như vậy, có sắc sanh thiện căn không tham, thiện căn không sân, thiện căn không si. Ba thiện pháp như vậy nên nói rộng. Có sắc hay sanh pháp

hữu phú vô ký, hay sanh pháp vô phú vô ký. Vô phú vô ký lại có hai là có thứ quả báo sanh, có thứ chẳng phải quả báo sanh.

* Lại có bốn thứ sắc, như đã nói trong mục thọ và chẳng thọ trên kia. Bốn đại và tạo sắc ba thứ thiện, bất thiện vô ký. Tác sắc và vô tác sắc của thân nghiệp, tác sắc và vô tác sắc của khẩu nghiệp. Thọ sắc (khi thọ giới được sắc luật nghi); chỉ sắc (ngưng các pháp bất thiện); dụng sắc (như chúng Tăng thọ dụng vật bố thí), bất dụng sắc (vật không thọ dụng); như vậy bốn thứ sắc.

* Lại có năm thứ sắc là tác vô tác sắc của thân, tác vô tác sắc của miệng và phi nghiệp sắc; năm căn, năm trần, thô sắc, động sắc, ảnh sắc, tượng sắc, cuống sắc.

Thô sắc là sắc có thể thấy có thể nghe, có thể ngửi, có thể nếm, có thể chạm, như đất đá...

Động sắc có hai thứ là chúng sanh động tác và phi chúng sanh động tác; như nước lửa, gió động tác. Đất nung nơi vật khác nên động, dưới có gió lớn động nước, nước động đất, gió động cây, có thứ tự rung động như đá nam châm hút sắt, như chân châu, ngọc, xa cừ, mã não, ban đêm có thể tự đi. Đều do chúng sanh phước đức đời trước, nhân duyên của nghiệp không thể nghĩ bàn.

Hỏi: Ảnh sắc, tượng sắc, không nên nói riêng, vì sao? Vì tượng do mắt, ánh sáng, soi gương sạch nên phản ảnh tự soi thấy. Ảnh cũng như vậy, ngăn ánh sáng nên ảnh hiện ra, không có pháp riêng khác?

Đáp: Việc ấy không đúng, như trong dầu thấy tượng đen, thời chẳng phải là bốn sắc; như nơi lưỡi dao năm thước, soi ngang thời thấy tượng mặt mình rộng, soi dọc thời thấy tượng mặt mình dài, thời chẳng phải là cái mặt vốn có, như những vết trong thủy tinh đại tần, trong mỗi vết đều có tượng mặt mình, thời chẳng phải là một tượng mặt, vì nhân duyên ấy, chẳng trở lại thấy được bốn tượng.

* Lại nữa, có gương, có người soi, có người cầm, có ánh sáng, đủ các nhân duyên như vậy hòa hợp nên có tượng hiện ra, nếu các duyên không đủ thì tượng không hiện. Tượng ấy cũng chẳng phải không nhân duyên, cũng chẳng ở trong nhân duyên. Như vậy tự riêng có pháp chẳng phải là mặt. Sắc vi tế ấy, cách sanh ra như vậy, chẳng đồng với thô sắc, như nhân lửa có khói, lửa tắt khói còn.

Hỏi: Nếu như vậy, không nên nói riêng ảnh, vì đồng là sắc vi tế?

Đáp: Tượng trong gương có các sắc, còn ảnh thì chỉ một sắc (sắc tối) cho nên không đồng. Hai thứ ấy tuy đều động theo hình, hình và chất mỗi bên khác nhau. Ảnh từ ngăn ánh sáng mà hiện, tượng thời từ các nhân duyên sanh, tuy đồng là sắc vi tế, song mỗi mỗi khác nhau.

Cuồng sắc là như rắng nắng, như huyễn như hóa, như thành Càn-thát-bà... ở xa đối gạt mắt người thấy có, đến gần thì không có.

Như vậy vô lượng các thứ sắc, gọi chung là sắc uẩn.

Thọ uẩn: nhân bên trong có mắt, bên ngoài duyên sắc, nghĩ muốn thấy, có ánh sáng, có khoảng trống, sắc ở chỗ có thể thấy, do các nhân duyên như vậy phát sanh nhãn thức. Do nhân duyên trên hòa hợp với thức nên từ trong thức sanh ra tâm số pháp, gọi là xúc. Xúc này là căn bản của hết thảy tâm số pháp, có ba uẩn cùng sanh, đó là thọ, tưởng, hành.

Hỏi: Trong nhãn thức cũng có xúc và ba uẩn, có sao nói xúc làm nhân duyên sanh ba uẩn?

Đáp: Đây luận về hiện tại xúc làm nhân duyên sanh ba uẩn, chứ không phải nhân duyên cho mắt thấy.

Hỏi: Nhân tâm tâm số pháp sanh ra ba uẩn, có sao chỉ nói xúc?

Đáp: Nhãn thức trụ trong giây lát liền diệt, sanh ý thức vi tế, không rõ ràng, cho nên không nói sanh ba uẩn, chỉ nói từ xúc sanh;

như sắc pháp từ nhân duyên hòa hợp sanh, tâm số pháp cũng như vậy, từ xúc pháp hòa hợp sanh. Như sắc pháp từ hòa hợp sanh, không hòa hợp thời không sanh, tâm số pháp cũng như vậy, có xúc thời sanh, không xúc thời không sanh.

Thọ uẩn này một thứ, đó là tướng thọ.

* Lại có hai thọ là thân thọ, tâm thọ; nội thọ, ngoại thọ; thô tế; xa gần; tịnh, bất tịnh...

* Lại nữa, có ba thứ thọ là khổ, vui, không khổ không vui; thiện, bất thiện, vô ký; học, vô học, phi học phi vô học; lậu hoặc được đoạn do thấy Tứ đế, lậu hoặc được đoạn do tư duy Tứ đế, chẳng đoạn; nhân thấy đế đoạn lậu hoặc sanh thọ, nhân tư duy đoạn lậu hoặc sanh thọ, nhân chẳng đoạn lậu hoặc sanh thọ; hoặc nhân thân kiến sanh, không trở lại làm nhân cho thân kiến; hoặc nhân thân kiến sanh, trở lại làm nhân cho thân kiến; hoặc không nhân thân kiến sanh không trở lại làm nhân cho thân kiến.

* Lại có ba thọ là thọ hệ thuộc cõi Dục, hệ thuộc cõi Sắc, hệ thuộc cõi Vô sắc.

* Lại có bốn thọ là thọ trong thân, thọ ngoài thân, thọ trong tâm, thọ ngoài tâm.

Thọ tương ưng với bốn chánh cần, bốn như ý túc... và thọ tương ưng với bốn lưu, bốn phược... ấy gọi là bốn thứ thọ.

* Lại có năm thọ là lạc căn, khổ căn, ưu căn, hỷ căn, xả căn, thọ tương ưng với thấy khổ dứt lậu hoặc, cho đến thọ tương ưng với tư duy dứt lậu hoặc. Thọ tương ưng với năm triền cái, năm kiết các phiền não... cũng như vậy.

* Lại có sáu thọ là thọ tương ưng với sáu thức. Thọ tương ưng với ý thức phân biệt có mười tám là mắt thấy sắc tâm tư duy phân biệt sanh hỷ, mắt thấy sắc tâm tư duy phân biệt sanh ưu, mắt thấy sắc

tâm tư duy phân biệt sanh xả, cho đến ý thức cũng như vậy. Trong mười tám thọ đó, có sạch có nhơ, thành ba mươi sáu. Ba đời đều có ba mươi sáu thành một trăm lẻ tám.

Các nhân duyên như vậy phân biệt nghĩa của thọ có vô lượng, gọi là thọ uẩn.

Tương uẩn: tương ưng hành uẩn, thức uẩn cũng phân biệt như vậy, vì có sao? Vì cùng với thọ tương ưng.

* Lại nữa, Phật dạy có bốn tướng là tiểu tướng, đại tướng, vô lượng tướng, vô sở hữu tướng.

Tiểu tướng là giác tri tiểu pháp, như nói tiểu pháp là tiểu dục, tiểu tín, tiểu sắc, tiểu duyên tướng, gọi là tiểu tướng.

* Lại nữa, tướng hệ thuộc cõi Dục là tiểu, hệ thuộc cõi Sắc là đại, hệ thuộc ba cõi Vô sắc là vô lượng tướng, hệ thuộc Vô sở hữu xứ, gọi là Vô sở hữu tướng.

* Lại nữa, tướng tương ưng phiền não gọi là tiểu tướng, vì bị phiền não ngăn che, tướng hữu lậu vô cầu gọi là đại tướng, tướng thật tướng các pháp, gọi là vô sở hữu tướng. Tướng vô lậu gọi là vô lượng tướng, vì pháp Niết-bàn là vô lượng vậy.

* Lại nữa, Phật dạy có sáu tướng là nhãn xúc tương ưng sanh tướng, cho đến ý xúc tương ưng sanh tướng.

Hành uẩn: Phật có khi nói hết thủy pháp hữu vi là hành, hoặc nói ba hành là thân hành, khẩu hành, ý hành. Thân hành là hơi thở ra vào, vì hơi thở thuộc thân. Khẩu hành là giác quán, vì trước giác quán vậy sau mới nói năng. Ý hành là thọ, tưởng; vì tâm thủ tướng thọ khổ vui phát khởi, ấy gọi là ý hành.

Tâm số pháp có hai thứ: 1. Thuộc kiến 2. Thuộc ái. Thuộc ái làm chủ gọi là thọ, thuộc kiến làm chủ gọi là tưởng. Vì vậy nên nói hai pháp ấy là ý hành.

Phật có khi nói ba hành là phước hành, tội hành, bất động hành, trong mười hai nhân duyên gọi là hành uẩn. Phước hành là nghiệp thiện hệ thuộc cõi Dục, tội hành là nghiệp bất thiện; bất động hành, nghiệp hệ thuộc cõi Sắc cõi Vô sắc.

Theo A-tỳ-đàm thì trừ thọ và tưởng, các tâm số pháp khác, và vô tướng định, diệt tận định, tâm bất tương ưng hành pháp, ấy gọi là hành uẩn.

Thức uẩn: sáu nhập trong ngoài hòa hợp sanh sáu giác tri, gọi là thức. Vì sức nội duyên lớn, nên gọi là nhãn thức, cho đến gọi là ý thức.

Hỏi: Ý tức là thức, có sao vì sức của ý duyên nên sanh ý thức?

Đáp: Ý, vì là tướng sanh diệt, vì phần nhiều nhân nơi ý đã sanh trước, nên duyên pháp phát sanh ý thức.

Hỏi: Ý trước đã diệt, làm sao có thể sanh thức sau?

Đáp: Ý có hai thứ: 1. Niệm niệm diệt. 2. Tâm tương tục gọi là một. Vì tâm tương tục ấy nên các tâm gọi là một ý. Thế nên nương ý mà sanh thức, không lỗi.

Ý thức khó hiểu, cho nên 96 thứ ngoại đạo, không nói nương ý sanh thức, chỉ nói nương ngã sanh thức.

Năm uẩn này đã nói rộng trong chương Bốn chỗ niệm tưởng. Chỗ thân niệm tưởng nói sắc uẩn, chỗ thọ niệm tưởng nói thọ uẩn, chỗ tâm niệm tưởng nói thức uẩn, chỗ pháp niệm tưởng nói tưởng uẩn, hành uẩn.

Hỏi: Không nên có năm uẩn, chỉ nên có sắc uẩn, thức uẩn. Thức uẩn theo lúc phân biệt nên có tên khác gọi là thọ, tưởng, hành; như thức bất tịnh gọi là phiền não, thức thanh tịnh gọi là pháp lành?

Đáp: Không đúng! vì có sao? Vì nếu tên khác thì thật cũng khác, nếu thật pháp không khác thì tên chẳng nên khác. Nếu chỉ có tâm mà không có tâm số pháp thì không nên có như có sạch; ví như

nước ao trong sạch, voi điên vào làm cho vẩn đục, nếu bỏ ngọc thanh thủy vào, nước liền trong sạch. Không được nói ngoài nước không voi không ngọc. Tâm cũng như vậy. Phiền não vào làm cho tâm đục, thiện pháp từ bi vào làm cho tâm trong. Vì vậy không được nói phiền não, từ bi chính là tâm.

Hỏi: Ông không nghe trước tôi nói, tâm nhớ là phiền não, tâm sạch là pháp lành?

Đáp: Nếu tâm nhớ làm sao thứ lớp sanh ra tâm sạch? Tâm sạch làm sao thứ lớp sanh ra tâm nhớ? Vì vậy nên việc ấy không đúng. Ông chỉ biết việc thô hiện mà không biết tâm số pháp. Không thể vì không biết bèn cho là không. Thế nên biết chắc chắn có năm uẩn.

Hỏi: Nếu có, cứ sao không nhiều hơn hoặc không ít hơn, chỉ nói có năm?

Đáp: Các pháp đều có giới hạn nhất định, như bàn tay có năm ngón, không được đòi nó nhiều hơn hoặc ít hơn.

* Lại nữa, pháp hữu vi tuy có vô lượng, Phật phân phán làm năm phần là gom hết.

Hỏi: Nếu như vậy, cứ sao còn nói mười hai nhập, mười tám giới?

Đáp: Các nghĩa phải như vậy, nhập và giới nghĩa khác nhau, Phật là vua pháp, vì chúng sanh nên có khi nói lược, có khi nói rộng. Có chúng sanh đối với sắc và thức không mê lắm nhiều mà đối với tâm số pháp thì mê lắm nhiều, nên Phật dạy năm uẩn; có chúng sanh đối với tâm tâm số pháp không sanh mê lắm, chỉ mê lắm sắc; vì chúng sanh ấy Phật dạy sắc làm mười xứ, tâm tâm số pháp nói chung làm hai xứ (thập nhị xứ). Có chúng sanh đối với tâm số pháp mê lắm ít mà lại không hiểu sắc tâm; vì chúng sanh này Phật dạy tâm số pháp làm một giới, sắc và tâm làm mười bảy giới. Hoặc có chúng sanh không biết thế gian đau khổ sanh diệt, không biết con đường lìa khổ, vì chúng sanh này, Phật dạy bốn đế là: thế gian và thân đều là

khổ, phiền não ái... là khổ nhân, phiền não diệt là khổ diệt, phương tiện diệt phiền não ấy là đạo. Hoặc có chúng sanh đắm trước tôi, ta, đối với các pháp sanh tà kiến chấp tướng một, khác, hoặc nói thế gian không nhân không duyên, hoặc đọa vào tà nhân duyên; vì chúng sanh này Phật dạy mười hai nhân duyên.

Có người nói: pháp thường hoặc nói thần ngã thường, hoặc nói hết thấy pháp thường, chỉ khi diệt thì nó ẩn tàng vi tế, chứ không mất. Nếu gặp nhân duyên hội họp liền xuất hiện trở lại, chứ không phải pháp khác, vì hạng người ấy, Phật dạy hết thấy pháp hữu vi đều là pháp tạo tác, không có thường hằng nhất định, ví như người gỗ, do các máy móc, thanh gỗ hòa hợp nên có thể động tác; chứ không có sự thật; ấy gọi là pháp hữu vi.

Hỏi: Trong đây nói năm uẩn, có thứ lớp gì?

Đáp: Hành giả mới đầu tập quán pháp, trước hết quán pháp thô, biết thân có các hoạn nạn như bất tịnh, vô thường, khổ, không, vô ngã. Chúng sanh sở dĩ mê đắm thân này vì nó sanh vui. Quán kỹ cái vui ấy thấy có vô lượng khổ thường theo dõi. Cái vui ấy cũng vô thường, khổ, vô ngã.

Trong sáu trần có vô lượng khổ, tại sao chúng sanh mê đắm? Vì chúng sanh chấp thủ tướng nên mê đắm. Như hai người thân cùng một loại, riêng người mê đắm có thể mất mạng, chấp thủ theo tướng chết thọ khổ vui, phát động sanh ra các ý hành... khi tâm hành phát động, thức biết phương tiện lia khổ được vui; ấy là thức (tâm).

* Lại nữa, chúng sanh do năm dục nên thọ khổ vui. Do chấp thủ tướng nên nhiễm đắm cái vui ấy, vì nhiễm đắm cái vui ấy, nên hoặc khởi lên ba độc, hoặc ba thiện căn, ấy gọi là hành. Thức là chủ, thọ dụng việc trên ấy.

Năm dục tức là sắc, sắc là căn bản, nên đầu hết nói sắc uẩn. Các uẩn khác thứ lớp có tên riêng. Các pháp mười hai nhập, mười tám

giới đều do năm uẩn thứ lớp có. Chỉ riêng trong pháp nhập, pháp giới tăng thêm pháp vô vi. Trong Tứ đế tăng thêm trí duyên diệt (trạch diệt vô vi). Mười hai nhập, mười tám giới, cho đến pháp hữu vi, vô vi, như trên nói.

Các pháp năm uẩn... đều là không, vì thánh chủ nói vậy. Thánh có ba bậc hạ, trung, thượng. Phật là chủ; như mặt trời là nhất giữa trăng sao, vì ánh sáng lớn. Phật được trí tuệ nhất thiết, cho nên gọi là thánh chủ. Điều thánh chủ nói nên phải là thật.

* Lại nữa, vì mười tám không, nên hết thấy pháp không, hoặc dùng tánh không là có thể không hết thấy pháp, huống gì mười tám? Hoặc dùng nội không, ngoại không là có thể không hết thấy pháp, huống gì mười tám.

* Lại nữa, hoặc có pháp chẳng không, nên phải có hai thứ là sắc pháp, phi sắc pháp. Sắc pháp thì phân biệt phá hoại cho đến vi trần, phân biệt vi trần cũng không thể có được, cuối cùng đều không. Phi sắc pháp thì niệm niệm sanh diệt cho nên không, như đã nói trong chương Bốn chỗ niệm tưởng (Tứ niệm xứ).

* Lại nữa, các pháp tánh không, chỉ có danh tự; nhân duyên hòa hợp cho nên có danh tự. Như núi sông, cây cỏ, đất đai, nhân dân, châu quận, thành ấp hợp lại gọi là nước; làng xóm, chợ búa, nhà quán, cung điện hợp lại gọi là đô; kèo cột, rui mè, ngói tre, vách đá, hợp lại gọi là điện; phần trên giữa dưới hợp lại gọi là trụ; từng tấm hợp lại nên có tên phần; các thẻ hợp lại nên gọi là tấm; các mảnh nhỏ hợp lại nên gọi là thẻ. Các vi trần ấy có lớn, có vừa, có nhỏ. Lớn là bụi bay có thể thấy; vừa thời Chư thiên thấy; nhỏ thì Thiên nhãn bậc thượng thánh thấy được, Tuệ nhãn trông vào thời không thấy gì; vì có sao? Vì tánh nó thật không. Nếu vi trần thật có tức là thường, không thể phân rã, không thể hủy hoại, lửa không đốt được, nước không chìm được.

* Lại nữa, nếu vi trần có hình, không hình, cả hai đều có lỗi. Nếu vô hình thời làm sao gọi là sắc; nếu có hình thời có phần vị giữa hư không, cũng có đủ mười phần theo mười phương; nếu có đủ mười phần theo mười phương thời không gọi là vi trần. Trong Phật pháp, sắc thường là không có xa, gần, thô, tế.

* Lại nữa, lia các nhân duyên danh tự thời không có pháp. Trừ các nhân duyên danh tự núi sông, đất đai thời không có tên nước; trừ nhân duyên danh tự làng xóm, đường ngõ, thời không có tên đô; trừ nhân duyên danh tự kèo cột, tre ngói, thời không có tên điện; trừ nhân duyên danh tự ba phần trên giữa dưới của trụ thời không có tên trụ; trừ nhân duyên danh tự tấm mảnh thời không có phần; trừ nhân duyên danh tự thê, thời không có tên tấm, mảnh; trừ nhân duyên danh tự các vi trần nhỏ, thời không có tên thê; trừ danh tự các vi trần vừa, thời không có vi trần lớn; trừ danh tự vi trần nhỏ, thời không có vi trần vừa; trừ Thiên nhãn vọng thấy thời không có tên vi trần nhỏ. Do các nghĩa như vậy biết các pháp chắc chắn không.

Hỏi: Nếu pháp rốt ráo không thời có sao có tên gọi?

Đáp: Tên gọi nếu là có, thời bị phá cùng với pháp, nếu là không thời không nên nạn hỏi. Tên gọi cùng với pháp không khác nhau, vì vậy nên biết hết thấy pháp không.

* Lại nữa, hết thấy pháp thật không, vì có sao? Vì nhất định không có một pháp, nên đều từ nhiều pháp hòa hợp sanh. Nếu không một pháp thì cũng không có nhiều. Ví như cây, rễ, cành, nhánh, lá hòa hợp nên có giả danh cây. Nếu không có pháp cây, thời rễ cành nhánh lá hòa hợp cho cái gì. Nếu không hòa hợp thời không có một pháp, nếu không có một pháp thời cũng không có nhiều, vì đầu một sau mới nhiều.

* Lại nữa, hết thấy sự quán sát, ngữ ngôn hý luận, đều không thật, thời hoặc thế gian thường cũng không đúng, thế gian vô thường

cũng không đúng. Có chúng sanh, không chúng sanh, có biên không biên, có ngã, không ngã, các pháp thật, các pháp không, đều không đúng. Như trước đã nói ở trong các môn hý luận. Nếu các sự quán sát, hý luận đều không, có sao các pháp chẳng không?

Hỏi: Ông vừa nói các pháp thật, các pháp không, đều không đúng, nay có sao lại nói các pháp không?

Đáp: Có hai thứ không: 1. Nói danh tự không, thì chỉ phá chấp trước có, mà không phá không. 2. Lấy không phá có, cũng không có không. Như lúc tiểu kiếp diệt tận, thời có đao binh, tật dịch, cơ cấn, nhưng vẫn có người vật, cầm thú, núi sông. Lúc đại kiếp đốt cháy, thời núi sông, cây cỏ, cho đến dưới Kim cương, đại thủy dưới đất cũng tiêu tận; lửa kiếp đã dứt, thời luồng gió giữ gìn nước cũng dứt, tất cả trống không, không còn sót gì. Không cũng như vậy, phá các pháp đều không, chỉ còn có Không tồn tại, mà chấp thủ nhiệm trước tướng không ấy.

Đại không là phá hết thấy pháp, Không lại cũng không. Vì vậy nên ông không nên nạn hỏi. Nếu dẹp bỏ các hý luận, làm sao chẳng không?

Các nhân duyên như vậy, nơi nơi nói không, nên biết hết thấy pháp không.

Tập tương ưng là tùy thuận Bát-nhã ba-la-mật tu tập hành quán, không ngừng không nghỉ, ấy gọi là tập. Ví như đệ tử tùy thuận lời dạy của thầy, không trái ý thầy, ấy gọi là tương ưng. Như tướng Bát-nhã ba-la-mật, Bồ-tát cũng tùy thuận tướng ấy dùng trí tuệ quán sát, có thể được, có thể thành tựu, không tăng không giảm, ấy gọi là tương ưng. Ví như hộp và nắp lớn nhỏ xứng hợp nhau. Tuy Bát-nhã ba-la-mật diệt các quán pháp, nhưng vì lực trí tuệ, nên gọi là không gì không được, không gì không quán. Biết được như vậy, không đọa hai bên, ấy là cùng Bát-nhã tương ưng.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát tu tập tương ưng tánh không, ấy gọi là cùng Bát-nhã ba-la-mật tương ưng. Như vậy, Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật tu tập tương ưng bảy không, đó là tánh không, tự tướng không, các pháp không, bất khả đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không, ấy gọi là cùng Bát-nhã ba-la-mật tương ưng.

LUẬN. Hỏi: Sao không nói trú mười tám không, chỉ nói trú bảy không, gọi là cùng Bát-nhã ba-la-mật tương ưng?

Đáp: Trong Phật pháp, nói rộng là mười tám không, nói lược là bảy không, như nói pháp trợ đạo có ba mươi bảy phẩm, nói lược thời bảy giác phần.

* Lại nữa, bảy không này phần nhiều dùng làm lợi ích chúng sanh, như đại không, vô thí không; hoặc có khi chúng sanh khởi tà kiến ấy, nên vì họ nói.

Tánh không là hết thấy pháp tánh trước sau thường tự không, hướng gì hiện tại? Nhân duyên thường không, hướng gì quả báo?

Tự tướng không là các pháp tướng chung, tướng riêng, đều quán nó không, thời tâm xa lìa. Dùng hai không ấy, các pháp đều không, ấy gọi là “các pháp không”.

Tự tánh không nên có tướng, tướng không nên các pháp không, các pháp không nên lại không có gì được, ấy gọi là Bất khả đắc không.

Dùng bốn thứ không ấy phá hết thấy hữu pháp. Nếu cho hữu pháp là có lỗi vì có tướng, mà chấp thủ vô pháp, thế nên nói vô pháp không. Nếu cho vô pháp là sai quấy, trở lại muốn chấp thủ hữu pháp, thế nên nói hữu pháp không.

Trước nói bốn không, tuy phá hữu pháp, thời hành giả tâm lìa hữu pháp mà tồn tại nơi vô, thế nên nói vô pháp không. Nếu nói vô

pháp là quấy vì tâm không dựa vào đâu được, muốn trở lại tồn hữu, thế nên lược nói hữu pháp không, vì tâm tồn hữu mong vậy.

Vô pháp hữu pháp không là hành giả cho vô pháp không là quấy, tâm trở lại nghi hữu pháp, nếu tâm quán hữu, trở lại nghi vô pháp; thế nên quán hữu vô đều không, như quán nội ngoại không, vì vậy nên chỉ nói bầy không.

Hỏi: Ông nói biết hết thấy pháp không, diệt hết các quán, ấy gọi là cùng Bát-nhã ba-la-mật tương ưng. Quán như vậy gọi là tương ưng, không quán như vậy thời không tương ưng. Phân biệt thị phi tức cũng là quán, có sao nói diệt?

Đáp: Vì vậy nên Kinh nói:

KINH: Phật bảo Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát khi tu tập tương ưng bầy không, không thấy sắc hoặc tương ưng hoặc không tương ưng, không thấy thọ, tưởng, hành, thức hoặc tương ưng hoặc không tương ưng; không thấy tướng sắc hoặc sanh hoặc diệt; không thấy tướng thọ, tưởng, hành, thức hoặc sanh hoặc diệt; không thấy tướng sắc hoặc sạch hoặc nhơ, không thấy tướng thọ, tưởng, hành, thức hoặc sạch hoặc nhơ.

LUẬN: Không thấy tướng sắc hoặc sanh hoặc diệt là không thấy năm uẩn có sanh có diệt; nếu thấy có tướng sanh diệt tức là đọa vào đoạn diệt kiến; đọa vào đoạn diệt kiến thời không tội không phước; không tội không phước thời không khác gì cầm thú.

Không thấy sắc hoặc nhơ hoặc sạch là không thấy năm uẩn có trói có mở; nếu năm uẩn có tánh trói thời không có ai được giải thoát; nếu năm uẩn có tánh sạch, thời không có việc học đạo.

KINH: Không thấy sắc cùng thọ hợp, không thấy thọ cùng tướng hợp, không thấy tướng cùng hành hợp, không thấy hành cùng thức hợp, vì vậy không có pháp cùng pháp hợp, vì tánh nó không.

LUẬN: Tâm tâm số pháp vô hình, vô hình thời không có chỗ ở, vì vậy sắc không cùng thọ hợp, như bốn đại và sắc do bốn đại tạo, hai xúc (hữu hình) hòa hợp, còn trong tâm tâm số pháp không có xúc (hữu hình) nên không được hòa hợp.

Hỏi: Nếu như vậy sao nói thọ, tưởng, hành, thức không cùng hòa hợp?

Đáp: Trong đây Phật tự nói không có pháp cùng pháp hợp, vì hết thấy pháp tánh thường không. Nếu không có pháp cùng pháp hợp, thời cũng không có lia.

* Lại nữa, Phật tự nói nhân duyên:

KINH: Nay Xá-lợi-phất, trong sắc không, không có sắc; trong thọ tưởng, hành, thức không, không có thức.

LUẬN: Vì có sao? vì sắc với không trái nhau, nếu không đến thời diệt sắc, làm sao trong sắc không lại có sắc? Ví như trong nước không lửa, trong lửa không nước, vì tánh trái nhau.

* Lại nữa, có người nói: sắc chẳng phải thật không, hành giả vào Không tam-muội thấy sắc là không, vì thế nên nói trong sắc không, hoàn toàn không có sắc. Trong thọ, tưởng, hành thức, không, cũng như vậy.

KINH: Nay Xá-lợi-phất, sắc không nên không có tướng nào hoại, thọ không nên không có tướng lãnh thọ, tưởng không nên không có tướng biết, hành không nên không có tướng tạo tác, thức không nên không có tướng giác tri.

LUẬN. *Hỏi:* Nghĩa ấy có thứ lớp gì?

Đáp: Trước nói trong năm uẩn không, không có năm uẩn, trong đây nay nói về nhân duyên của nó. Năm uẩn, mỗi mỗi tự tướng không thể có được, nên nói trong năm uẩn không, không có năm uẩn.

KINH: Vì có sao? Xá-lợi-phất, chẳng phải sắc khác không, chẳng phải không khác sắc, sắc tức là không, không tức là sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

LUẬN: Phật lại nói nhân duyên, nếu năm uẩn khác với không, thời trong không nên có năm uẩn, nay năm uẩn không khác không, không không khác năm uẩn, năm uẩn tức là không, không tức là năm uẩn, vì vậy nên không chẳng phá năm uẩn, vì có sao? Phật tự nói nhân duyên rằng:

KINH: Nay Xá-lợi-phất, tướng không ấy của các pháp, chẳng sanh chẳng diệt, chẳng như chẳng sạch, chẳng tăng chẳng giảm, pháp không ấy chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại. Thế nào trong không không sắc, không thọ, tưởng, hành, thức; không mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; không sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; không nhãn giới, cho đến không ý thức giới; không vô minh, cũng không vô minh hết; cho đến không già chết, cũng không già chết hết; không khổ, tập, diệt, đạo, cũng không trí cũng không đắc. Không Tu-đà-hoàn, không Tu-đà-hoàn quả; không Tư-đà-hàm, không Tư-đà-hàm quả; không A-na-hàm, không A-na-hàm quả; không A-la-hán, không A-la-hán quả; không Bích-chi Phật, không Bích-chi Phật đạo; không Phật, cũng không Phật đạo.

Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát tu tập tương ưng như vậy, ấy gọi là cùng Bát-nhã ba-la-mật tương ưng.

LUẬN. Hỏi: Người đều biết trong không không có gì, chẳng sanh chẳng diệt, chẳng như chẳng sạch, chẳng tăng chẳng giảm, không hết thấy pháp. Có sao Phật còn phân biệt nói năm uẩn mỗi mỗi đều không?

Đáp: Có người tuy tu tập không, mà tướng trong không còn có các pháp, như người hành từ tâm, tuy không chúng sanh mà

tương chúng sanh được vui, tự được vô lượng phước. Vì vậy nên Phật dạy các pháp tánh thường tự không, chứ chẳng phải do Không tam-muội nên làm cho các pháp không. Như nước tương lạnh, lửa làm nó nóng, nếu nói do Không tam-muội nên làm cho pháp không, việc ấy không đúng.

Trí là tám trí vô lậu (*khổ pháp trí, tập pháp trí, diệt pháp trí, đạo pháp trí, khổ loại trí, tập loại trí, diệt loại trí, đạo loại trí - N.D.*).

Đặc là được thánh đạo từ sơ quả Tu-đà-hoàn, cho đến Phật đạo, trước đã nói rộng.

KINH: Ngày Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, không thấy Bát-nhã ba-la-mật hoặc tương ưng hoặc không tương ưng, không thấy Đàn ba-la-mật, Thi-la ba-la-mật, Sằn-đề ba-la-mật, Tỳ-lê-gia ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, hoặc tương ưng hoặc không tương ưng; cũng không thấy sắc hoặc tương ưng hoặc không tương ưng; không thấy thọ, tưởng, hành, thức hoặc tương ưng hoặc không tương ưng; không thấy nhãn cho đến ý, sắc cho đến pháp, nhãn sắc thức giới cho đến ý pháp thức giới hoặc tương ưng hoặc không tương ưng; không thấy bốn chỗ niệm tưởng cho đến tám thánh đạo phần, Phật mười lực cho đến nhất thiết chủng trí hoặc tương ưng hoặc không tương ưng.

Như vậy Xá-lợi-phất, nên biết Bồ-tát ma-ha-tát cùng Bát-nhã ba-la-mật tương ưng.

LUẬN: Bồ-tát ma-ha-tát được thật tướng các pháp, vào Bát-nhã ba-la-mật, tức nơi Bát-nhã ba-la-mật không thấy tướng nhất định hoặc tương ưng hoặc không tương ưng, huống gì thấy các pháp khác.

Vì sao không thấy Bát-nhã tương ưng, không tương ưng? Không thấy hành như vậy là tương ưng Bát-nhã ba-la-mật, không thấy không hành như vậy là không tương ưng Bát-nhã ba-la-mật. Như hành thường, lạc, ngã là không tương ưng Bát-nhã ba-la-mật,

hành vô thường, khô, vô ngã là tương ứng Bát-nhã ba-la-mật. Hoặc hành thật, là không tương ứng Bát-nhã ba-la-mật, hoặc hành không là tương ứng Bát-nhã ba-la-mật. Như hành hữu, vô là không tương ứng Bát-nhã ba-la-mật; hành phi hữu phi vô là tương ứng Bát-nhã ba-la-mật. Trong Bát-nhã ba-la-mật, đều không việc ấy, vì tướng Bát-nhã ba-la-mật rất ráo thanh tịnh.

Năm Ba-la-mật năm uẩn cho đến trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Hỏi: Bát-nhã ba-la-mật rất ráo thanh tịnh thời có thể như vậy, còn năm Ba-la-mật kia và các pháp khác, làm sao thanh tịnh?

Đáp: Trước nói năm việc lia Bát-nhã ba-la-mật, thời không gọi là Ba-la-mật, cùng Bát-nhã ba-la-mật hòa hợp nên mới gọi là Ba-la-mật. Như trong phẩm tựa đầu kinh Bát-nhã ba-la-mật nói: sao gọi là Đàn ba-la-mật? Là không thấy người cho, không thấy người nhận, không thấy tài vật.

Năm uẩn là chỗ Bồ-tát quán, vì cùng Bát-nhã ba-la-mật hòa hợp, rất ráo thanh tịnh, nên không thấy tương ứng không tương ứng.

Mười hai xứ, mười tám giới, mười hai nhân duyên cũng như vậy. Các pháp ấy không có định tánh, không có định pháp, vì vậy nên không thấy hoặc tương ứng hoặc không tương ứng.

Mười tám không, bốn chỗ niệm tưởng cho đến đại từ đại bi, trí nhất thiết chủng, không thấy hoặc tương ứng hoặc không tương ứng.

Hỏi: Bồ-tát ấy chẳng phải Thanh văn, Bích-chi Phật, tại sao có ba mươi bảy đạo phẩm? Chưa được Phật đạo, tại sao có mười lục, bốn việc không sợ?

Đáp: Bồ-tát ấy chẳng phải Thanh văn, Bích-chi Phật song cũng quán pháp của Thanh văn, Bích-chi Phật, vì muốn dùng đạo Thanh văn, Bích-chi Phật độ chúng sanh.

* Lại có người nói: hành đạo Thanh văn, Bích-chi Phật, chỉ không thủ chứng, như trong phẩm sau nói: vào tam-muội không, vô tướng, vô tác; Bồ-tát trú ba môn giải thoát, khởi niệm như vậy, nay là lúc quán, không phải lúc chứng.

Hoặc có Bồ-tát mới phát tâm, nghe ba mươi phẩm pháp của Thanh văn, Bích-chi Phật, đọc tụng, nhớ nghĩ, phân biệt đúng đắn, vì vậy nên nói Bồ-tát có ba mươi bảy đạo phẩm. Có mười lực của Phật... cũng như vậy.

Bồ-tát tự an trú trong mười lực, bốn việc không sợ, mười tám pháp không chung của Bồ-tát. Khi an trú trong pháp ấy hoặc nghe, hoặc nhớ nghĩ, phân biệt mười lực, bốn việc không sợ, mười tám pháp không chung thậm thâm vi diệu của Phật, cũng là một phần của ta.

* Lại nữa, Bồ-tát từ vô lượng vô số kiếp lại đây, tu tập mười lực, bốn việc không sợ của Phật, đến khi ngồi dưới đạo thọ, được vô ngại giải thoát, cho nên tăng ích thanh tịnh; ví như đã lập công lao, vậy sau mới nhận lãnh thưởng công. Bồ-tát cũng như vậy. Có công đức ấy, mới nhận lãnh danh ấy. Công đức ấy đều cùng với lực Bát-nhã ba-la-mật hợp, nên không thấy hoặc tương ưng hoặc không tương ưng.

Các pháp nghĩa ấy, từ sáu Ba-la-mật cho đến trí nhất thiết chủng, trước đã nói.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật, không chẳng cùng không hợp, vô tướng chẳng cùng vô tướng hợp, vô tác chẳng cùng vô tác hợp, vì sao? Vì không, vô tướng, vô tác không có hợp với chẳng hợp.

Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát tu tập tương ưng như vậy, ấy gọi là cùng Bát-nhã ba-la-mật tương ưng.

LUẬN. *Hỏi*: Trong nhất tâm không có hai không, tại sao nói không chẳng cùng không hợp?

Đáp: Không có hai thứ: 1. Không tam-muội. 2. Pháp không. Không tam-muội không cùng pháp không hợp, vì có sao? Vì nếu lấy lực Không tam-muội hợp với pháp không, thì pháp ấy chẳng phải tự tánh không.

* Lại không là tánh tự không, chẳng phải từ nhân duyên sanh; nếu từ nhân duyên sanh, thời không gọi là tánh không. Hành giả hoặc khi vào tam-muội thấy không, khi ra tam-muội chẳng thấy không, nên biết ấy là cái “Không” hư vọng (*chứ không phải tánh không - N.D.*).

* Lại nữa, Phật tự nói nhân duyên: trong không, không hợp không chẳng hợp; trong vô tướng, vô tác cũng như vậy. Xá-lợi-phất, Bồ-tát tu tập tương ưng như vậy, ấy gọi là cùng Bát-nhã ba-la-mật tương ưng.

Hỏi: Chỉ một chỗ nói, không thấy cùng Bát-nhã ba-la-mật tương ưng không tương ưng cũng đủ, vì sao còn nói đến nhiều nhân duyên tương ưng không tương ưng? Nếu một chỗ đúng thời các chỗ khác đều đúng, nếu một chỗ không đúng thời các chỗ khác cũng không đúng; ví như một kẻ mù không thấy, thời ngàn kẻ mù đều không thấy?

Đáp: Không phải! Nếu muốn lấy hý luận cầu hơn thời nên vấn nạn như vậy. Tướng các pháp tuy chẳng thể nói, Phật vì lòng đại từ đại bi nên nhiều cách phương tiện nói.

* Lại Phật thuyết pháp vì một hạng chúng sanh đặc độ, nếu ai chưa ngộ thời Phật nói lại.

* Lại nói một lần để dứt kiết sử kiến đế đoạn. Nói lần thứ hai để dứt kiết sử tư duy đoạn, lại nói nữa để dứt từng phần các kiết sử khác.

* Lại một lần nói có người đắc đạo Thanh văn, lại một lần nói gieo nhân duyên về đạo Bích-chi Phật, lại một lần nói phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lại một lần nói hành sáu Ba-la-mật, lại một lần nói hành phương tiện được vô sanh nhẫn, lại một lần nói được sơ trụ địa, lại một lần nói cho đến được trú địa thứ mười. Lại một lần nói cho người, lại một lần nói cho trời.

* Lại nữa, tướng Bát-nhã ba-la-mật rất sâu, khó hiểu khó biết. Phật biết tâm chúng sanh căn có lợi độn; độn căn ít trí, vì họ nói lại. Nếu người lợi căn, thì một lần nói, hai lần nói, liền ngộ, không cần phải nói nhiều lần. Ví như ngựa hay, đánh một roi liền chạy, ngựa hèn đánh nhiều roi mới đi.

Các nhân duyên như vậy nên trong Kinh nói lập đi lập lại, không lỗi.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật, vào tự tướng không của các pháp; vào rồi, sắc chẳng làm hợp, chẳng làm chẳng hợp; thọ, tướng, hành, thức chẳng làm hợp, chẳng làm chẳng hợp. Sắc không cùng đời trước hợp, vì có sao? Vì không thấy đời trước; sắc không cùng đời sau hợp, vì sao? Vì không thấy đời sau. Sắc không cùng hiện tại hợp, vì sao? Vì không thấy hiện tại; thọ, tướng, hành, thức cũng như vậy.

LUẬN: Trước nói không, vô tướng, vô tác, không hợp, không chẳng hợp, nay lại nói nhân duyên. Vì vào tự tướng không, nên năm uẩn không làm hợp, không làm không hợp. Nếu hết thấy pháp tự tướng không, trong ấy không có hợp chẳng hợp.

Hợp là các pháp đúng như tướng nó. Như đất tướng cứng, thức tướng biết, tự tướng như vậy, không ở nơi pháp khác, ấy gọi là hợp.

Chẳng hợp là tự tướng không ở trong tự pháp.

Lược nói các pháp không tăng không giảm. Sắc, chẳng nói cùng đời trước hợp, vì sao? Vì đời trước không, không có gì, chỉ có danh tự. Nếu sắc đi vào quá khứ, thời diệt mất không có gì, làm sao cùng đời trước hợp? Đời sau là chưa có, chưa sanh, sắc không nên cùng đời sau hợp. Sắc hiện tại sanh diệt không ngừng, không thể chấp thủ tướng nó, sắc không thể cùng hiện tại hợp.

* Lại nữa, Phật tự nói nhân duyên: sắc chẳng cùng đời trước hợp, chẳng phải không hợp, vì sao? Vì đời trước không thể thấy; sắc chẳng cùng đời sau hợp, chẳng phải không hợp; vì sao? Vì đời sau không thể thấy; sắc chẳng cùng hiện tại hợp, chẳng phải không hợp, vì sao? Vì hiện tại không thể thấy; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, đời trước không cùng đời sau hợp, đời sau không cùng đời trước hợp, hiện tại không cùng đời trước đời sau hợp, đời trước đời sau không cùng hiện tại hợp, vì tên ba đời không vậy.

Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát tu tập tương ưng như vậy, ấy gọi là cùng Bát-nhã ba-la-mật tương ưng.

LUẬN: Thế nào đời trước đời sau hợp?

Đáp: Có người nói các pháp ba đời đều có, pháp vị lai chuyển làm hiện tại, hiện tại chuyển làm quá khứ, như cục bùn là hiện tại, bình là vị lai, đất là quá khứ. Nếu khi thành bình thì bình là hiện tại, cục bùn là quá khứ, bình vỡ là vị lai. Như vậy là hợp, nếu có tướng ba đời, thì việc ấy không đúng, vì có nhiều lỗi, ấy là chẳng hợp.

* Lại nữa, ba đời hợp là như pháp quá khứ làm nhân cho đời quá khứ, vị lai, hiện tại; pháp hiện tại làm nhân cho đời hiện tại, vị lai; pháp vị lai làm nhân cho đời vị lai.

* Lại tâm tâm số pháp quá khứ duyên pháp ba đời, tâm tâm số pháp vị lai, hiện tại cũng như vậy. Tâm tâm số pháp gián đoạn có thể

duyên pháp không gián đoạn, tâm tâm số pháp không gián đoạn có thể duyên pháp khả đoạn. Các pháp ba đời như vậy, do nhân duyên nghiệp quả cùng nhau hòa hợp, ấy gọi là hợp. Bồ-tát không làm sự hợp ấy, vì sao? Vì như trước nói, quá khứ đã diệt làm sao có thể làm nhân làm duyên; vị lai chưa có làm sao có thể làm nhân làm duyên; hiện tại cho đến trong một niệm cũng không an trú, làm sao làm nhân, duyên; ấy gọi là không hợp.

* Lại nữa, Phật tự nói nhân duyên: ba đời và tên gọi ba đời đều không, thời làm sao nói hợp.

(HẾT CUỐN 36 THEO BẢN HÁN)

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, Tát-bà-nhã (trí tuệ) không cùng đời quá khứ hợp, vì sao? Vì đời quá khứ không thể thấy, huống gì Tát-bà-nhã cùng đời quá khứ hợp. Tát-bà-nhã không cùng đời vị lai hợp, vì sao? Vì đời vị lai không thể thấy, huống gì Tát-bà-nhã cùng đời vị lai hợp. Tát-bà-nhã không cùng đời hiện tại hợp, vì sao? Vì đời hiện tại không thể thấy, huống gì Tát-bà-nhã cùng đời hiện tại hợp. Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát tu tập tương ưng như vậy, ấy gọi là cùng Bát-nhã ba-la-mật tương ưng.

LUẬN: Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, không xem Tát-bà-nhã cùng đời quá khứ đồng, vì sao? Vì đời quá khứ là hư vọng, Tát-bà-nhã là thật pháp; đời quá khứ là tướng sanh diệt, Tát-bà-nhã chẳng phải tướng sanh diệt. Đời và pháp quá khứ, tìm cầu không thể có được, huống gì Tát-bà-nhã cùng đời quá khứ hợp.

* Lại nữa, Phật tự nói nhân duyên rằng: Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật không thấy đời quá khứ, huống gì Tát-bà-nhã cùng đời quá khứ hợp. Đời vị lai, hiện tại cũng như vậy. Đời vị lai, trừ tướng sanh diệt, các nghĩa khác đồng như quá khứ, hiện tại.

* Lại nữa, vì Thời nên nói có ba đời. Nghĩa Thời như đã nói trong chương Nhất thời trước kia.

* Lại nữa, Tát-bà-nhã là trí tuệ chân thật của ba đời mười phương chư Phật. Ba đời là từ tâm phàm phu hư vọng sanh, làm sao cùng trí tuệ hợp; ví như chân kim không cùng sắt rét đồng tướng.

Hỏi: Như trong phẩm Tỳ hỷ nói: Bồ-tát ma-ha-tát niệm các công đức trí tuệ Tát-bà-nhã của chư Phật quá khứ, hiện tại, rồi hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; như vậy sao nói đời quá khứ, vị lai không cùng Tát-bà-nhã hợp?

Đáp: Nếu lấy tâm chấp trước thủ tướng mà niệm Tát-bà-nhã thời không gọi là hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ví như đồ ăn lẫn độc mới ăn vào tuy thơm ngon, mà sau hại thân. Nếu Bồ-tát phân biệt trí tuệ của chư Phật quá khứ, hiện tại, thời có thể cùng ba đời hợp, còn nay không chấp thủ tướng thời không có hợp.

Hỏi: Bồ-tát cũng niệm đời vị lai sẽ thành Tát-bà-nhã của Phật, cũng tự nghĩ ta sẽ được Tát-bà-nhã; ấy gọi là cùng Tát-bà-nhã đời vị lai hợp, làm sao nói không hợp?

Đáp: Tát-bà-nhã vượt qua ba cõi, ra khỏi ba đời, tướng rốt ráo thanh tịnh. Hành giả chỉ do ức tướng phân biệt rằng ta sẽ được Tát-bà-nhã ấy. Như pháp thế gian ức tướng ta sẽ có được việc ấy, nhưng việc ấy chưa sanh chưa có, thời tiết chưa đến, nhân duyên chưa hội, hoàn toàn không nơi chốn, làm sao sẽ cùng hợp, như sáng mai sẽ uống váng sữa mà ngày nay đã nhớ mùi thối.

* Lại như đệ tử của Ca-chiên-diên nói: quả vị Bồ-đề trong đời vị lai nói với Bồ-tát rằng, nếu tu thân tướng hảo, thời ta sẽ đến ở trong thân đó, như con gái nhà sang, tự do không khổ nạn, sai sứ nói với con trai nhà nghèo rằng: người hãy trang nghiêm phòng xá màn trướng tốt đẹp, đầy đủ các thứ, ta sẽ đến ở trong nhà người. Nói như

vậy, là không tương ưng. Vì vậy nên không được cho Tát-bà-nhã cùng ba đời hợp.

Hỏi: Các pháp khác nhiều lắm, có sao chỉ nói Tát-bà-nhã?

Đáp: Tát-bà-nhã là chỗ đi về của Bồ-tát, thâm tâm muốn được, tìm cầu trong ba đời.

Hỏi: Sao không cầu trong pháp hữu vi vô vi?

Đáp: Sau sẽ nói cầu trong hết thảy pháp.

KINH: Lại nữa, **Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, sắc không cùng Tát-bà-nhã hợp, vì sắc không thể thấy; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Mắt không cùng Tát-bà-nhã hợp, vì mắt không thể thấy; tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng như vậy. Sắc không cùng Tát-bà-nhã hợp, vì sắc không thể thấy; tiếng, mùi, vị, xúc, pháp cũng như vậy.**

Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát tu tập tương ưng như vậy, ấy gọi là cùng Bát-nhã ba-la-mật tương ưng.

LUẬN. *Hỏi:* Sao chỉ nói năm uẩn, mười hai nhập, mà không nói mười tám giới, mười hai nhân duyên?

Đáp: Nên sẽ nói, hoặc có khi người tụng quên mất. Sao biết? Phật dạy năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, mười hai nhân duyên vì sự, nhờ, sạch. Năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, mười hai nhân duyên gọi là sự; không nhất định là nhờ; không nhất định là sạch; trong đó hoặc có kiết sử sanh hoặc có thiện pháp sanh, như ruộng nhất định có thể sanh vật, tùy gieo giống gì đều sanh nấy. Uẩn, nhập, giới, mười hai nhân duyên, ấy là sự; sáu Ba-la-mật cho đến trí nhất thiết chủng, ấy là giống sạch. Không nói nhờ, là Bồ-tát kiết sử đã mọc, không tự nào hại, thế nên không nói.

* Lại Bồ-tát sâu vào trí tuệ, hiểu các pháp không, không có các phiền não, chỉ nhóm các công đức, vì vậy nên nói mười tám giới,

mười hai nhân duyên, như trong sắc sự... không thể có Tát-bà-nhã hợp, vì sao? Vì Tát-bà-nhã trong ba đời không thể có được trong sắc sự... cũng không thể có được. Ấy đều là thế gian nhân duyên hòa hợp, không có tánh nhất định.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật; Đàn ba-la-mật không cùng Tát-bà-nhã hợp, vì Đàn ba-la-mật không thể thấy; cho đến Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy. Bốn chỗ quán niệm không cùng Tát-bà-nhã hợp, vì bốn chỗ quán niệm không thể thấy; cho đến tám thánh đạo phần cũng như vậy.

LUẬN. *Hỏi:* Năm uẩn là pháp thế gian có thể không cùng Tát-bà-nhã hợp, còn sáu Ba-la-mật có sao không hợp?

Đáp: Sáu Ba-la-mật có hai thứ: 1. Thế gian. 2. Xuất thế gian. Vì Đàn ba-la-mật thế gian nên nói không cùng hợp, vì Ba-la-mật xuất thế gian nên cùng hợp.

* Lại nữa, Bồ-tát hành sáu Ba-la-mật, lậu hoặc kiết sử chưa sạch, không được cùng Tát-bà-nhã của Phật hợp.

* Lại nữa, Phật dạy sáu Ba-la-mật không, còn không thể thấy, huống gì cùng Tát-bà-nhã hợp. Ba mươi bảy đạo phẩm cũng như vậy.

Hỏi: Sáu Ba-la-mật ấy xen lẫn có đạo và tục, còn ba mươi bảy đạo phẩm hướng đến Niết-bàn, có sao không hợp?

Đáp: Ba mươi bảy đạo phẩm là pháp Nhị thừa, chỉ vì Niết-bàn, còn Bồ-tát vì Phật đạo, thế nên không hợp.

Hỏi: Trong chương Đại thừa có nói ba mươi bảy đạo phẩm, cũng là Bồ-tát đạo, có sao không cùng Tát-bà-nhã hợp?

Đáp: Có vị Bồ-tát lấy tâm chấp trước hành ba mươi bảy đạo phẩm, phần nhiều hồi hướng đến Niết-bàn. Vì vậy nên Phật dạy không hợp.

KINH: Mười lực cho đến mười tám pháp không chung của Phật, không cùng Tát-bà-nhã hợp, vì mười lực cho đến mười tám pháp không chung của Phật là không thể thấy.

Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát tu tập tương ưng như vậy, ấy gọi là cùng Bát-nhã ba-la-mật tương ưng.

LUẬN: Mười lực cho đến mười tám pháp không chung tuy là diệu pháp mà vì Tát-bà-nhã nên tu hành. Vì Bồ-tát chưa dứt hết lậu kiết nên không thể cùng Tát-bà-nhã hợp.

* Lại nữa, pháp mười lực... của Phật có ba thứ: 1. Đó là pháp tu hành của Bồ-tát, tuy chưa được Phật đạo, song dần dần tu tập. 2. Đó là pháp chứng đắc của Phật, mà Bồ-tát ước tưởng phân biệt tìm cầu. 3. Đó là pháp chứng đắc của Phật tâm.

Hai thứ trước không thể cùng hợp, một thứ sau tuy có thể hợp mà Bồ-tát chưa được, cho nên không hợp.

* Lại nữa, vì không, không thể thấy, không thể thấy nên không hợp; vì vậy đều nói là không thể thấy.

KINH: Lại nữa, **Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, Phật không cùng Tát-bà-nhã hợp, Tát-bà-nhã không cùng Phật hợp; Bồ-đề không cùng Tát-bà-nhã hợp, Tát-bà-nhã không cùng Bồ-đề hợp, vì sao? Vì Phật tức là Tát-bà-nhã, Tát-bà-nhã tức là Phật; Bồ-đề tức là Tát-bà-nhã, Tát-bà-nhã tức là Bồ-đề.**

Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, tu tập tương ưng như vậy, ấy gọi là cùng Bát-nhã ba-la-mật tương ưng.

LUẬN. *Hỏi:* Bồ-tát và Bồ-tát pháp có thể không cùng Tát-bà-nhã hợp, có sao Phật và Bồ-đề lại không cùng hợp?

Đáp: Phật là người, Tát-bà-nhã là pháp, người là giả danh, pháp là nhân duyên. Chúng sanh cho đến kẻ biết, kẻ thấy là không, Phật

cũng không; trong chúng sanh tôn thượng đệ nhất, ấy gọi là Phật, thế nên không hợp.

* Lại nữa, được Tát-bà-nhã nên gọi là Phật, nếu Phật được Tát-bà-nhã, như vậy trước đã là Phật, không cần Tát-bà-nhã; nếu chẳng phải Phật được Tát-bà-nhã, có sao nói Phật được Tát-bà-nhã? Vì vậy, hòa hợp nhân duyên sanh, không được nói trước sau.

* Lại nữa, lia Phật không có Tát-bà-nhã, lia Tát-bà-nhã không Phật, được Tát-bà-nhã nên gọi là Phật, sở hữu của Phật nên gọi là Tát-bà-nhã.

Hỏi: Phật là người nên có thể không cùng hợp, Bồ-đề là vô thượng đạo, có sao không hợp?

Đáp: Bồ-đề gọi là trí tuệ của Phật, Tát-bà-nhã gọi là hết thấy trí tuệ của Phật. Mười trí là Bồ-đề, trí như thật thứ mười một gọi là Tát-bà-nhã (*xem chương 11 trí ở cuốn 23 - ND*). Hai trí không cùng trong một tâm sanh ra.

* Lại nữa, các Phật pháp như mười lực... và Phật Bồ-đề, đều là Bồ-tát ức tướng phân biệt, chẳng phải thật, chỉ có Tát-bà-nhã Phật chứng được là thật, nay Bồ-đề này là Bồ-đề của Bồ-tát, trong tâm ấy hư vọng chưa thật, làm sao cùng Tát-bà-nhã hợp được!

* Lại nữa, trong kinh này Phật tự nói nhân duyên không hợp, vì sao? Vì Phật tức là Tát-bà-nhã, Tát-bà-nhã tức là Phật; Bồ-đề tức là Tát-bà-nhã, Tát-bà-nhã tức là Bồ-đề. Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, tu tập tương ưng như vậy, ấy gọi là cùng Bát-nhã ba-la-mật tương ưng.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, không tu tập sắc có, không tu tập sắc không; thọ, tướng, hành, thức cũng như vậy. Không tu tập sắc có thường, không tu tập sắc vô thường; thọ, tướng, hành, thức cũng như

vậy. Không tu tập sắc khô, không tu tập sắc lạc; thọ, tưởng, hành thức cũng như vậy. Không tu tập sắc ngã, không tu tập sắc phi ngã; thọ, tưởng, hành thức cũng như vậy. Không tu tập sắc tịch diệt, không tu tập sắc phi tịch diệt; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Không tu tập sắc không, không tu tập sắc phi không; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Không tu tập sắc hữu tướng, không tu tập sắc vô tướng; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Không tu tập sắc hữu tác, không tu tập sắc vô tác; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Bồ-tát ma-ha-tát ấy khi hành Bát-nhã ba-la-mật không khởi niệm rằng: Ta hành Bát-nhã ba-la-mật, không hành Bát-nhã ba-la-mật, phi hành phi chẳng hành Bát-nhã ba-la-mật.

Xá-lợi-phất, Bồ-tát tu tập tương ưng như vậy, ấy gọi là cùng Bát-nhã ba-la-mật tương ưng.

LUẬN: Nếu Bồ-tát quán năm uẩn chẳng phải có chẳng phải không, nơi ấy cũng không chấp trước, bấy giờ cùng Bát-nhã ba-la-mật tương ưng, vì sao? Vì hết thấy thế gian chấp trước hai kiến hoặc có hoặc không. Người thuận dòng sanh tử phần nhiều chấp trước có, người nghịch dòng sanh tử phần nhiều chấp trước không, người ngã kiến nhiều thì chấp trước có, người tà kiến nhiều thì chấp trước không.

* Lại nữa, người có bốn kiến (thân, biên, tà kiến và giới thủ) nhiều chấp trước có, người tà kiến nhiều chấp trước không; người hai độc (tham, sân) nhiều chấp trước có, người vô minh nhiều chấp trước không; không biết năm uẩn do nhân duyên tập hợp phát sanh trước có, không biết sự tập hợp nên chấp trước không. Vì gần ác tri thức và sách ngoại đạo tà kiến nên đọa vào đoạn diệt, không tin tội phước, người vô kiến thì chấp trước không, các người khác thì chấp trước có.

Hoặc có chúng sanh cho hết thấy đều không, tâm chấp trước cái không ấy. Vì chấp trước cái không ấy nên gọi là vô kiến; hoặc có chúng sanh cho các pháp do sáu căn biết được đều là có, ấy là hữu kiến. Người ái nhiều chấp trước hữu kiến, người kiến nhiều trước vô kiến. Như vậy là chúng sanh chấp trước hữu kiến vô kiến.

Hai thứ kiến ấy hư vọng phi thật, phá trung đạo, ví như người đi đường hẹp, một bên nước sâu, một bên lửa lớn, hai bên đều chết; chấp có chấp không, hai bên đều sai, vì sao? Vì các pháp thật nhất định có, thời không nhân duyên; nếu từ nhân duyên hòa hợp sanh, pháp ấy không tự tánh, nếu không tự tánh tức không. Nếu không có pháp là thật, thời không tội phước, không trói không mở, cũng không có các pháp sai khác.

* Lại nữa, người hữu kiến cùng người vô kiến trái nhau, trái nhau nên có thị phi, thị phi nên tranh nhau, tranh nhau nên khởi lên các kiết sử, kiết sử nên sanh nghiệp, sanh nghiệp nên mở cửa ác đạo. Trong thật tướng không có trái nhau, thị phi đâu tránh.

* Lại nữa, người chấp có, nếu việc vô thường xảy đến thời sanh ưu não, nếu người chấp không, làm các tội nghiệp, chết đọa địa ngục thọ khổ; người không chấp có không, không có các tội lỗi như vậy. Nên xả bỏ bệnh chấp ấy thời được thật.

* Lại nữa, năm uẩn hoặc thường hoặc vô thường, đều không đúng, vì sao? Vì nếu năm uẩn thường, thời không sanh không diệt, không sanh không diệt thời không tội phước, không tội phước thời không quả báo thiện ác, thế gian như Niết-bàn không hư hoại. Vọng ngữ như vậy, ai tin được. Hiện thấy chết chóc khóc lóc, ấy là chúng sanh vô thường, như cỏ cây khô rụng, hoa quả tiêu mòn, ấy là ngoại vật vô thường. Lúc đại kiếp tận, tất cả đều diệt, ấy là đại vô thường.

Có các nhân duyên như vậy, năm uẩn thường, là không thể có được.

* Lại nữa, vô thường phá thường, không nên cho vô thường là đúng, vì sao? Vì nếu tướng các pháp vô thường, mỗi niệm tiêu diệt, thời sáu căn không thể nhận biết sáu trần, vì sao? Vì nội tâm ngoại trần đều không đứng yên, không thể duyên được, không thể biết được, cũng không tu tập nhân duyên quả báo. Vì nhân duyên nhiều nên quả báo cũng nhiều, việc ấy không thể được.

* Lại vì hữu thường kiến với vô thường kiến tranh nhau, có các nhân duyên như vậy, năm uẩn vô thường, là không thể có được. Khổ, vui, ngã, phi ngã, hoặc không, hoặc thật, có tướng, không tướng, có làm không làm, nghĩa ấy như các nơi ở trước đã nói.

Năm uẩn tịch diệt là vì nhân duyên sanh nên không tự tánh, không tự tánh nên tịch diệt, tịch diệt nên như Niết-bàn.

Bị ba độc đốt cháy nên không tịch diệt, lửa vô thường đốt nên không tịch diệt, chấp trước tướng thật ba độc nên không tịch diệt, tướng ba độc mỗi mỗi phân biệt nên không tịch diệt. Nghĩa này trước chưa nói, cho nên nay trong đây nói.

Nếu Bồ-tát ma-ha-tát lia được hai bên như vậy, hành trung đạo và hành Bát-nhã ba-la-mật cũng không chấp trước, vì sao? Vì Bồ-tát không thể có được, Bát-nhã ba-la-mật cũng không thể có được; không hành Bát-nhã ba-la-mật cũng không chấp trước, vì sao? Vì các người phàm khác không thể như Bồ-tát quán thật tướng các pháp, làm sao sẽ nói rằng ta không hành Bát-nhã ba-la-mật? Hành không hành cũng không chấp trước, vì cả hai đều lỗi, ấy gọi là cùng Bát-nhã ba-la-mật tương ưng.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát không vì Bát-nhã ba-la-mật nên hành Bát-nhã ba-la-mật; không vì Thí ba-la-mật, Giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, nên hành Bát-nhã ba-la-mật; không vì địa vị bất thối chuyển nên hành Bát-nhã ba-la-mật; không vì

thành tựu chúng sanh nên hành Bát-nhã ba-la-mật; không vì tịnh Phật độ nên hành Bát-nhã ba-la-mật; không vì mười lực, bốn không sợ, bốn trí vô ngại, mười tám pháp không chung của Phật nên hành Bát-nhã ba-la-mật; không vì nội không nên hành Bát-nhã ba-la-mật; không vì ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, đệ nhất nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cảnh không, vô thủ không, tán không, tánh không, chư pháp không, tự tướng không, bất khả đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không, nên hành Bát-nhã ba-la-mật. Không vì như, pháp tánh, thật tế nên hành Bát-nhã ba-la-mật, vì sao? Vì Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật, không hoại tướng các pháp. Tu tập tương ưng như vậy, ấy gọi là cùng Bát-nhã ba-la-mật tương ưng.

Hỏi: Sáu Ba-la-mật cho đến như, pháp tánh, thật tế, đó là Phật pháp, Bồ-tát nếu không vì pháp ấy nên hành Bát-nhã ba-la-mật, thì còn có vì pháp gì có thể hành Bát-nhã ba-la-mật?

Đáp: Như Phật tự nói trong đây, các pháp không có phá hoại, vì không hoại tướng các pháp, cũng không phân biệt là bổ thí, là xan tham, cho đến là ba cõi, là thật tế.

* Lại nữa, có Bồ-tát đối với thiện pháp ấy, thâm tâm buộc đấm, vì buộc đấm nên sanh tội, vì hạng người ấy nên nói sáu Ba-la-mật cho đến thật tế đều không, không có tự tánh, như mộng như huyễn, ông chớ sanh chấp, chon Bồ-tát không vì đó mà tu hành.

Có vị Bồ-tát tâm không chấp trước gì, hành sáu ba-la-mật cho đến thật tế. Vì hạng người này nên nói, vì việc đó nên hành Bát-nhã ba-la-mật, như trong phẩm sau nói: vì đầy đủ sáu Ba-la-mật, cho đến vì giáo hóa chúng sanh, tịnh Phật quốc độ, nên hành Bát-nhã ba-la-mật.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, không vì Như ý thần thông nên hành Bát-nhã ba-

la-mật; không vì Thiên nhĩ, không vì Tha tâm trí, không vì Túc mạng trí, không vì Thiên nhãn, không vì Lưu tận thần thông nên hành Bát-nhã ba-la-mật, vì có sao? Vì Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, còn không thấy Bát-nhã ba-la-mật, huống gì thấy Bồ-tát thần thông.

Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát hành như vậy, ấy gọi là cùng Bát-nhã ba-la-mật tương ưng.

LUẬN: Trong Thiên ba-la-mật nói trước đây, đã nói đủ năm thần thông, sao nay còn nói lại?

Đáp: Trong kia nói tướng tổng quát, không phân biệt tên gọi, trong đây nói tướng riêng.

* Lại nữa, quả báo của công đức là năm thần thông, Bồ-tát được năm thần thông ấy, có thể rộng lợi ích chúng sanh.

* Lại nữa, tuy có từ bi, Bát-nhã ba-la-mật, mà không có năm thần thông, thì như chim không có hai cánh, không thể bay cao, cũng như người mạnh không có khí giới mà vào trận địch, như cây không có hoa quả, không có lợi ích, như kênh khô không nước, không thấm ướt gì, vì vậy lại nói năm thần thông và trong vô lượng Phật pháp khác nói riêng, không lỗi.

Hỏi: Nếu như vậy, có sao Phật dạy chẳng vì năm thần thông nên hành Bát-nhã ba-la-mật?

Đáp: Có nhiều Bồ-tát không phương tiện, mà được năm thần thông, sanh tâm cao ngạo khinh các Bồ-tát khác. Vì hạng người này nên nói, vì sao? Vì đối với Bát-nhã ba-la-mật là mẹ chur Phật, Bồ-tát còn không chấp trước, huống gì năm thần thông.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, không khởi niệm rằng: Ta dùng Như ý thần thông bay đến phương đông cúng dường cung kính hằng hà

sa chur Phật; phương tây, nam, bắc, bốn góc trên, dưới cũng như vậy.

Lại nữa, Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, không khởi niệm rằng: Ta dùng Thiên nhĩ nghe mười phương chur Phật nói pháp; không khởi niệm rằng: Ta dùng Tha tâm trí biết chúng sanh mười phương tâm nghĩ gì; không khởi niệm rằng: Ta dùng Túc mạng thông biết mười phương chúng sanh đời trước làm gì; không khởi niệm rằng: Ta dùng Thiên nhãn thấy mười phương chúng sanh chết đây sanh kia”.

Này Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát hành như vậy, ấy gọi là cùng Bát-nhã ba-la-mật tương ưng, cũng có thể độ vô lượng vô số chúng sanh.

LUẬN: Trước tuy nói tên năm thần thông, nay trong đây nói công dụng của nó.

Hỏi: Sao Bồ-tát không khởi niệm rằng: Ta dùng Như ý thần thông bay đến mười phương cúng dường cung kính hằng hà sa chur Phật?

Đáp: Vì đã nhỏ gốc ngã kiến, vì đã xô ngã núi kiêu mạn, vì khéo tu ba môn giải thoát, ba tam-muội. Phật thân tuy điệu cũng vào ba môn giải thoát, như thổi vàng đỏ nóng, tuy thấy sắc đẹp, không thể lấy tay sờ.

* Lại các pháp như huyễn như hóa, không đến không đi, không gần không xa, không có tướng nhất định, như người huyễn hóa, ai đi ai đến? Không chấp thủ tướng thần thông, quốc độ, kia đây, gần xa, nên không lỗi, hoặc có thể ở trước Phật, trú vào thiên định, biến làm vô lượng thân, đi đến mười phương cúng dường chur Phật, không phân biệt gì, vì đã dứt pháp ái. Các thần thông khác cũng như vậy.

Bồ-tát được năm thần thông ấy, vì cúng dường chur Phật nên biến ra vô lượng thân, hiển bày lực đại thần thông, nơi ba đường

ác trong mười phương thế giới, độ vô lượng chúng sanh như trong phẩm vãng sanh nói.

KINH: Nay **Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát**, như vậy hành **Bát-nhã ba-la-mật** như vậy, ác ma không thể được thuận tiện, mọi việc thế gian, tùy theo ý muốn, mười phương hằng hà sa chur **Phật** thấy đều ủng hộ **Bồ-tát** ấy, khiến không đọa vào địa vị **Thanh văn, Bích-chi Phật**. Trời **Tứ thiên vương** cho đến trời **Sắc cứu cánh cũng đều ủng hộ Bồ-tát** ấy, khiến không chướng ngại. **Bồ-tát** ấy nếu có trọng tội, hiện đời thọ quả báo nhẹ, vì sao? Vì **Bồ-tát ma-ha-tát** rải khắp lòng từ gia hộ chúng sanh.

Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát tu hành như vậy, ấy gọi là cùng **Bát-nhã ba-la-mật** tương ưng.

LUẬN: Nay tán thán **Bồ-tát** hành **Bát-nhã ba-la-mật** như trên được đại công đức, ấy gọi là quả báo về công lực trí tuệ của **Bồ-tát**, được năm điều lợi ấy.

Hỏi: Ma là chủ cõi Dục, **Bồ-tát** là người, mất thịt không được tự tại có sao ma không được thuận tiện?

Đáp: Như trong đây **Phật** tự nói: vì **Bồ-tát** được chur **Phật**, chur thiên ủng hộ.

* Lại nữa, hạnh **Bồ-tát** ấy rất ráo không thể có được, vì tự tướng không; đối với hết thấy pháp đều không chấp trước, không chấp trước nên không sai trái, không sai trái nên ma không thể được thuận tiện; ví như thân người không bị thương, tuy nằm giữa mặt độc, độc cũng không vào thân, nếu có chỗ bị thương nhỏ thời chết.

* Lại **Bồ-tát** ấy đối với chur **Phật** tâm không chấp trước, đối với các ma, tâm không giận, thế nên ma không được thuận tiện.

* Lại nữa, **Bồ-tát** thâm nhập **Nhẫn ba-la-mật**, **Từ tam-muội**, nên hết thấy sự dữ bên ngoài, không thể làm tổn thương, đó là nước, lửa, đao binh...

Mọi việc thế gian là các sự thích hợp cần để nuôi sống, như gieo cấy cây quả, đào giếng ở đường trồng, dựng lập nhà cửa, đúng như pháp xử lý công việc, đều được như ý. Nếu muốn tạo lập chùa tháp, làm phước đức lớn, hoặc bố thí lớn, hoặc muốn thuyết pháp cứu độ chúng sanh, đều được như ý. Các việc thế gian như vậy, hoặc lớn hoặc nhỏ, đều được như pháp tùy ý, vì sao? Vì Bồ-tát ấy đời đời đã nhóm vô lượng phước đức, trí tuệ vậy.

* Lại nữa, Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, đối với hết thầy pháp tâm không chấp trước, tâm không chấp trước nên kiết sử mỏng. Kiết sử mỏng nên hay sanh thiện căn thâm hậu, thiện căn thâm hậu sanh nên sở nguyện như ý.

* Lại nữa, Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật nên các đại thiên đều kính niệm tán thán xưng dương danh hiệu Bồ-tát ấy. Các rồng, quỷ... nghe Chư thiên xưng tán cũng đến giúp thành việc ấy. Thế nên mọi việc thế gian đều được như ý.

* Lại nữa, Bồ-tát được chư Phật hộ niệm, oai đức gia bị, đều được như ý.

Hỏi: Chư Phật mười phương tâm bình đẳng có sao hộ niệm riêng Bồ-tát ấy.

Đáp: Bồ-tát ấy trí tuệ và công đức lớn, chư Phật tâm tuy bình đẳng, theo pháp nên hộ niệm Bồ-tát ấy, để khuyến tấn các người khác.

* Lại vì Bồ-tát ấy được khí phần trí tuệ của Phật, biết phân biệt thiện ác, thường niệm người tốt, không ai hơn Phật, cho nên Phật hộ niệm.

* Lại nữa, Phật hộ niệm không muốn để cho đọa vào Thanh văn, Bích-chi Phật, vì sao? Vì khi vào không, vô tướng, vô tác, nhờ Phật hộ niệm mà không đọa lạc, ví như trứng cá, mẹ hộ niệm thì sanh, không hộ niệm thì hoại.

Các đại thiên ủng hộ là không muốn để làm mất sự tu hành, vì Chư thiên bắt chước Phật mà hộ niệm. Có Chư thiên cho Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, hoàn toàn không dính mắc gì, không vui cái vui thế gian, chỉ muốn giáo hóa chúng sanh nên trụ ở đời, biết đó là tôn quý nên hộ niệm.

Nếu có trọng tội là trọng tội đời trước, đáng vào địa ngục, do hành Bát-nhã ba-la-mật nên hiện đời thọ quả báo nhẹ, ví như án tù nặng đáng chết, nhờ có thế lực ủng hộ, thời bị đánh đòn mà thôi.

* Lại như con vua, tuy bị trọng tội, dùng phạt nhẹ trừ bỏ. Vì sanh trong dòng vua vậy, Bồ-tát cũng như vậy, hành Bát-nhã ba-la-mật đắc trí tuệ thật, nên chính trong dòng Phật sanh ra, vì sanh trong dòng Phật nên tuy có trọng tội, làm sao thọ nặng?

* Lại nữa, ví như đồ sắt trong ruột trống không, nên vẫn nổi được trên nước, nếu đầy đặc thời bị chìm. Bồ-tát cũng như vậy, hành Bát-nhã ba-la-mật, tâm trí tuệ rỗng hư, nên không chìm theo trọng tội, người phạm phu không trí tuệ nên chìm mất theo trọng tội.

* Lại nữa, trong đây Phật tự nói nhân duyên: lý do được năm công đức là vì rải khắp lòng từ, gia hộ chúng sanh.

Hỏi: Trước nói vì hành Bát-nhã ba-la-mật nên đầy đủ năm công đức, sao nay nói dùng lòng từ rải khắp gia hộ chúng sanh?

Đáp: Làm phát sanh vô lượng phước, không gì hơn lòng từ, lòng từ nhân Bát-nhã ba-la-mật sanh, được vô lượng lợi ích.

* Lại nữa, ác ma không được thuận tiện; được chư Phật hộ niệm; trọng tội mà hiện đời chịu nhẹ, đều là nhờ lực Bát-nhã ba-la-mật. Thế gian mọi việc tùy theo ý muốn, chư thiên ủng hộ; ấy là lực của tâm đại từ.

* Lại nữa, có hai duyên: 1. Chúng sanh duyên. 2. Pháp duyên. Bồ-tát ấy nếu duyên chúng sanh thời là từ tâm, nếu duyên pháp thời

là hành Bát-nhã ba-la-mật. Lòng từ ấy từ Bát-nhã ba-la-mật sanh, tùy thuận pháp Bát-nhã ba-la-mật, thế nên nói từ, không lỗi.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật, mau được môn đà-la-ni, các môn tam-muội, nơi sanh ra thường được gặp chư Phật, cho đến khi chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trọn không lúc nào lìa sự thấy Phật.

Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát tu tập tương ưng như vậy, ấy gọi là cùng Bát-nhã ba-la-mật tương ưng.

LUẬN: Đà-la-ni, môn tam-muội, trước đã nói.

Mau được là do nhân duyên phước đức nên tâm nhu nhuyễn, do hành Bát-nhã ba-la-mật nên trí tuệ lạnh lợi, vì vậy nên mau được. Như năm công đức nói trên, nên mau được.

Nơi sanh ra thường được gặp chư Phật là Bồ-tát ấy trừ Bát-nhã ba-la-mật mẹ chư Phật, hết thấy việc khác đều không ái trước, vì vậy ở nơi sanh ra thường gặp chư Phật, như người thường ưa đấu tranh, sanh vào địa ngục “Sống lại” còn cầm dao gây giết hại lẫn nhau; vì dâm dục nhiều, thường chịu sanh trong bào thai, và làm loài chim đa dâm; vì sân nhuế nhiều nên trở lại sanh vào loài rắn rết, thú độc; ngu si nhiều như con thiêu thân bay vào lửa, loài trùng ẩn trong đất... các Bồ-tát ấy, vì ái kính chư Phật và thật tướng Bát-nhã ba-la-mật, và tu nghiệp Niệm Phật tam-muội, nên nơi sanh ra thường gặp chư Phật.

* Lại nữa, như trong chương Bồ-tát nguyện thấy chư Phật trước kia nói: trọn không lìa sự thấy Phật. Lại có người tuy một lần thấy Phật lại không còn gặp, như thời đức Phật Tỳ-bà-thi, ông Bà-la-môn thầy vua, tuy thấy Phật và Tăng mà ác khẩu mắng nhiếc rằng: Người này như súc sanh, không phân biệt người tốt, thấy ta mà không đứng dậy. Vì tội ấy nên trải qua 91 kiếp đọa vào súc sanh.

* Lại nữa, vì niệm Phật sâu, nên trọn không lìa Phật. Vì đòi đòi khéo tu niệm Phật tam-muội, không mất tâm Bồ-tát, nguyện không

lia Phật, nguyện sanh ở đời có Phật, gieo nghiệp nhân gặp Phật tương tục không dứt nên cho đến chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trọn không lia thấy Phật.

Hỏi: Đây là việc quả báo, có sao nói cùng Bát-nhã ba-la-mật tương ưng?

Đáp: Bát-nhã ba-la-mật tương ưng nên gặp Phật, hoặc có khi trong quả nói nhân vậy.

Tương ưng có hai: 1. Tâm tương ưng. 2. Tương ưng Bồ-tát hạnh. Đó là sanh ở chỗ tốt, gặp gỡ chư Phật, thường nghe pháp, ức niệm chân chánh, ấy gọi là tương ưng.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật không khởi niệm rằng, có pháp cùng với pháp hoặc hợp hoặc chẳng hợp, hoặc bằng hoặc chẳng bằng, vì sao? Vì Bồ-tát ma-ha-tát ấy không thấy pháp cùng với pháp khác hoặc hợp hoặc chẳng hợp, hoặc bằng hoặc không bằng.

Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát tu tập tương ưng như vậy, ấy gọi là cùng Bát-nhã ba-la-mật tương ưng.

LUẬN: Hết thấy pháp, không có pháp cùng pháp hợp nhau, vì sao? Vì các pháp không có phần ít hợp, ví như hai ngón tay đều có bốn phương (bốn mặt) một phương hợp, ba phương không hợp, phần không hợp nhiều, có sao không gọi là không hợp?

Hỏi: Vì có chỗ hợp nên gọi là hợp, có sao nói không hợp?

Đáp: Chỗ hợp chẳng là ngón tay, mà là phần ngón tay, chỉ là phần ngón tay, không còn là ngón tay, vì hai ngón tay gần nhau nên giả danh là hợp, lại không có pháp hợp thật.

* Lại nữa, sắc, hương, vị, xúc, gọi chung là ngón tay; chỉ xúc là có sức hợp, còn sắc, hương, vị không hợp; vì vậy không được nói ngón tay hợp.

* Lại nữa, như khác loài cùng ở một chỗ không gọi là hợp, vì tướng khác nhau. Các pháp cũng như vậy, tướng đất ở trong đất, tướng nước ở trong nước, tướng lửa ở trong lửa, tánh khác như vậy không gọi là hợp. Vì vậy nên nói không có pháp cùng pháp hợp; không hợp nên cũng không chẳng hợp.

“Bằng” là hết thấy pháp một tướng nên gọi là bằng. Vì đều là tướng có, đều là tướng vô thường, đều là tướng khổ, tướng không, vô ngã, đều là tướng chẳng sanh chẳng diệt, sự không khác nên gọi là bằng.

“Chẳng bằng” là mỗi mỗi tướng khác nhau, như tướng sắc, tướng vô sắc, tướng cứng, tướng ướt, như vậy khác nhau chẳng đồng, ấy gọi là chẳng bằng.

Bồ-tát không thấy bằng cùng chẳng bằng, vì sao? Vì hết thấy pháp không có, tự tánh không nên không pháp; không pháp nên không thể thấy, không thể thấy nên không bằng chẳng bằng. Bằng và hợp là tập tương ưng, chẳng hợp chẳng bằng là chẳng tương ưng.

Hỏi: Có sao không nói tương ưng xong rồi sau tán thán?

Đáp: Người nghe nhầm chán giải đãi, thế nên Phật tán thán công đức quả báo, người nghe tâm được vui vẻ.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, không khởi niệm rằng: Ta sẽ mau chứng được pháp tánh hoặc không được, vì sao? Vì pháp tánh chẳng phải tướng chứng được.

Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát tu tập tương ưng như vậy, ấy gọi là cùng Bát-nhã ba-la-mật tương ưng.

LUẬN: Pháp tánh là thật tướng các pháp. Trừ các kiết sử vô minh trong tâm, lấy tâm thanh tịnh thật quán được bản tánh các pháp, gọi là pháp tánh. Tánh gọi là chân thật, vì chúng sanh tà quán nên bị

trời, chánh quán nên được mở, Bồ-tát không khởi niệm rằng: Ta mau được pháp tánh, vì sao? Vì pháp tánh không có tướng, không có gần xa; cũng không nói Ta lâu dài sẽ được, vì sao? Vì pháp tánh không chậm không lâu. Nghĩa chữ pháp tánh như đã nói trong chương giải thích nghĩa Như, Pháp tánh, Thật tế trước kia.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật, không thấy có pháp ra ngoài pháp tánh. Tu tập tương ưng như vậy, ấy gọi là cùng Bát-nhã ba-la-mật tương ưng.

LUẬN: Các phiền não vô minh... vào trong hết thảy pháp nên mất tự tánh các pháp, vì tự tánh mất, nên đều thành tà vạy không chính. Thánh nhân trừ bỏ vô minh, thật tánh các pháp trở lại sáng tỏ, ví như mây tối che tánh, hư không trong sạch, trừ mây tối thời tánh hư không trong sạch hiện ra. Nếu có pháp vô minh không vào được, ấy thời ra ngoài pháp tánh. Nhưng việc ấy không đúng, không có pháp ra khỏi vô minh, thế nên Bồ-tát không thấy pháp ấy ra khỏi pháp tánh; cũng như các dòng đều chảy về biển, như các tiểu vương tản mác đều thuộc Chuyển luân thánh vương, như các ánh sáng nhỏ đều thuộc mặt trời.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật, không khởi niệm rằng, pháp tánh phân biệt các pháp. Tu tập tương ưng như vậy, ấy gọi là cùng Bát-nhã ba-la-mật tương ưng.

LUẬN. *Hỏi:* Có sao không khởi niệm rằng, pháp tánh phân biệt các pháp?

Đáp: Vì chấp trước pháp tánh, quý pháp tánh, nên sanh ra các kiết sử, cho nên không khởi niệm ấy.

Hỏi: Nếu pháp tánh không, nhất tướng vô tướng, làm sao phân biệt các pháp?

Đáp: Được pháp tánh ấy, diệt các phiền não vô minh, phá chấp thật tướng các pháp, vậy sau tâm thanh tịnh, trí tuệ sáng suốt, biết các pháp thật, theo pháp tánh là thiện, không theo pháp tánh là bất thiện, như Phạm-chí Bà-ta hỏi Phật: thưa Thế Tôn, trong trời đất có thiện ác, tốt xấu chẳng? Phật đáp: Có. Bà-ta thưa: con đã lâu quy mạng Phật, xin khéo nói cho con nghe.

Phật dạy: có ba điều ác, ba điều thiện, mười điều ác, mười điều thiện, đó là tham dục là ác, trừ tham là thiện; sân nhuế, ngu si là ác, trừ sân, si là thiện. Sát sanh là ác, trừ sát sanh là thiện, cho đến tà kiến là ác, trừ tà kiến là thiện. Như thật phân biệt được thiện ác là đệ tử Ta, vào pháp tánh, gọi là đắc đạo.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật, không khởi niệm rằng, Pháp ấy có thể đắc pháp tánh hoặc không đắc, vì sao? Vì Bồ-tát ấy không thấy dùng pháp ấy có thể đắc pháp tánh hoặc không đắc.

Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát tu tập tương ưng như vậy, ấy gọi là cùng Bát-nhã ba-la-mật tương ưng.

LUẬN: Làm sao được pháp tánh. Tu hành tám thánh đạo phần, chứng được thật tướng các pháp, đó là Niết-bàn, ấy gọi là được pháp tánh.

* Lại nữa, tánh là thật tướng các pháp, pháp là Bát-nhã ba-la-mật, Bồ-tát không khởi niệm rằng, hành Bát-nhã ba-la-mật chứng được pháp tánh, vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật và các pháp tánh, hai pháp ấy không khác nhau, vì đều là rốt ráo không, làm sao dùng Bát-nhã ba-la-mật đạt được pháp tánh.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật, pháp tánh chẳng cùng Không hợp, Không chẳng cùng pháp tánh hợp. Tu tập tương ưng như vậy, ấy gọi là cùng Bát-nhã ba-la-mật tương ưng.

LUẬN: BỒ-tát không quán pháp tánh là không, không quán không là pháp tánh. Hành Không đặc pháp tánh, duyên pháp tánh đặc Không, vì vậy nên không khác, vì sao? Vì là hai rốt ráo không.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất, BỒ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật, nhãn giới chẳng cùng Không hợp, Không chẳng cùng nhãn giới hợp; sắc giới chẳng cùng Không hợp, Không chẳng cùng sắc giới hợp; nhãn thức giới chẳng cùng Không hợp, Không chẳng cùng nhãn thức giới hợp; cho đến ý giới chẳng cùng Không hợp, Không chẳng cùng ý giới hợp, pháp giới chẳng cùng Không hợp, Không chẳng cùng pháp giới hợp; ý thức giới chẳng cùng Không hợp, Không chẳng cùng ý thức giới hợp.

Thế nên, Xá-lợi-phất, Không ấy tương ưng, gọi là đệ nhất tương ưng.

LUẬN: Nhãn giới chẳng cùng Không hợp, Không chẳng cùng nhãn giới hợp, là nhãn là có, không là không. Không và có làm sao hợp?

* Lại nữa, BỒ-tát phân biệt các nhân duyên, phân tán diệt mất nhãn ấy, nhãn thời không; không, không có tên nhãn (con mắt), như gốc (*nhân duyên - N.D*) nên có Nhãn không, Không cũng không phân biệt là Nhãn không, là chẳng phải Nhãn không, ấy thời là nhãn chẳng cùng Không hợp.

* Lại Không chẳng từ nhân duyên của nhãn sanh, vì sao? Vì hai pháp ấy vốn tự không vậy; cho đến ý thức giới cũng như vậy.

Hỏi: Trong đây có sao không nói các pháp năm uẩn mà chỉ nói mười tám giới?

Đáp: Đáng nên nói, hoặc có khi vì sự tụng chép bỏ sót đó thôi.

* Lại có người nói: nếu nói mười tám giới thời thu nhiếp hết thủy pháp. Có chúng sanh mê đối với tâm và sắc, không mê đối với

tâm và pháp, nên nghe nói mười tám giới thì đặc độ, thế nên chỉ nói mười tám giới.

Hỏi: Sao gọi là tập tương ưng đệ nhất?

Đáp: “Không” là tạng thâm áo của mười phương chư Phật, là cửa Niết-bàn duy nhất, không còn cửa nào khác, phá được các tà kiến hý luận, sự tương ưng ấy không thể hoại, không thể phá, thế nên gọi là đệ nhất.

* Lại nữa, Phật tự nói nhân duyên đệ nhất đó là:

KINH: Đây Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát tập hành Không, chẳng đọa vào địa vị Thanh văn, Bích-chi Phật, có thể tịnh Phật độ, thành tựu chúng sanh, mau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Xá-lợi-phất, trong các tương ưng, tương ưng Bát-nhã ba-la-mật là tối đệ nhất, tối tôn, tối thắng, tối diệu, là không có gì trên, vì sao? Vì Bồ-tát ma-ha-tát ấy hành Bát-nhã ba-la-mật tương ưng, đó là không, vô tướng, vô tác, nên biết Bồ-tát ấy như được thọ ký không khác, hoặc gần thọ ký.

Này Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát tương ưng như vậy, có thể làm lợi ích sâu dày cho vô lượng vô số chúng sanh. Bồ-tát ma-ha-tát ấy cũng không khởi niệm rằng: Ta cùng Bát-nhã ba-la-mật tương ưng; chư Phật sẽ thọ ký cho Ta; Ta sẽ gần được thọ ký, Ta sẽ tịnh Phật độ, Ta được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sẽ Chuyển pháp luân, vì sao? Vì Bồ-tát ma-ha-tát ấy không thấy có pháp ra ngoài pháp tánh, cũng không thấy pháp ấy hành Bát-nhã ba-la-mật, cũng không thấy pháp ấy chư Phật thọ ký, cũng không có pháp được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì có sao? Vì Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật, không sanh tướng ngã, tướng chúng sanh, cho đến tướng người biết người thấy, vì sao? Vì chúng sanh rất ráo chằng sanh chằng

diệt, chúng sanh không có sanh, không có diệt. Nếu không có pháp có tướng sanh tướng diệt, làm sao có pháp sẽ hành Bát-nhã ba-la-mật?

Như vậy, Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát không thấy chúng sanh, nên vì chúng sanh hành Bát-nhã ba-la-mật. Vì chúng sanh không thọ, chúng sanh không, chúng sanh không thể có được, chúng sanh lia, nên vì chúng sanh hành Bát-nhã ba-la-mật.

Này Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát ở trong các tương ưng là tương ưng tối đệ nhất, đó là Không tương ưng, Không tương ưng ấy hơn các tương ưng khác. Bồ-tát ma-ha-tát tu tập Không như vậy, có thể sanh đại từ đại bi. Bồ-tát ma-ha-tát tu tập tương ưng ấy, không sanh tâm xan tham, không sanh tâm phạm giới, không sanh tâm sân, không sanh tâm giải đãi, không sanh tâm tán loạn, không sanh tâm vô trí.

LUẬN: Không đọa địa vị Thanh Văn, Bích-chi Phật, là Không tương ưng, có hai: 1. Đản không. 2. Bất khả đắc không.

Chỉ tu hành Không, thời đọa địa vị Thanh văn, Bích-chi Phật. Tu hành bất khả đắc không, không cũng không thể có được, thời không chỗ nào có thể đọa.

* Lại có hai không: 1. Không, không có phương tiện, đọa hai địa Thanh văn, Bích-chi Phật. 2. Không, có phương tiện, thời không đọa mà thẳng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

* Lại nữa, vốn có bi tâm sâu xa, vào “Không” thời không đọa, không có tâm đại bi thời đọa, nhân duyên như vậy, không đọa hai địa.

Thanh tịnh Phật độ, thành tựu chúng sanh là Bồ-tát trú trong Không tương ưng ấy, không còn bị ngại, giáo hóa chúng sanh, khiến tu mười thiện đạo, và các pháp lành. Vì nhân duyên chúng sanh tu thiện pháp nên Phật quốc độ được thanh tịnh. Vì không sát sanh nên mạng sống lâu. Vì không trộm cướp nên Phật quốc độ giàu vui, ứng

niệm liền đến. Chúng sanh tu thiện pháp như vậy, thời Phật quốc độ trang nghiêm.

Hỏi: Giáo hóa chúng sanh thời Phật quốc độ tịnh, có sao nói riêng?

Đáp: Chúng sanh tuy tu thiện, song cần phải có hạnh nguyện Bồ-tát làm nhân duyên lực phương tiện hồi hướng, nên mới thanh tịnh Phật độ. Như sức bò kéo xe, song phải cần người điều khiển mới được đi đến nơi. Vì vậy nên nói riêng.

Mau được là hành Không tương ưng ấy, không có chướng ngại, thời mau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Hỏi: Trước nói Không tương ưng, nay nói Bát-nhã ba-la-mật tương ưng, sau nói vô tướng, vô tác tương ưng, có gì sai khác?

Đáp: Có hai không: 1. Bát-nhã không. 2. Phi Bát-nhã không. Trước nói Không tương ưng, người nghe nghi rằng hết thấy không, nên nói Bát-nhã ba-la-mật không.

* Lại có người nghi chỉ có không đệ nhất, còn vô tướng, vô tác chẳng phải đệ nhất ư? Thế nên nói không, vô tướng, vô tác tương ưng, cũng là đệ nhất, vì sao? Vì không thời là vô tướng, nếu vô tướng thời là vô tác, như vậy là một mà tên gọi là khác.

Tối thượng nên nói là *tối tôn*; phá có nên nói là *tối thắng*; được tương ưng ấy không còn vui khác nên nói là *tối diệu*. Như ở giữa hết thấy chúng sanh, Phật là vô thượng; giữa hết thấy pháp, Niết-bàn là vô thượng; giữa hết thấy pháp hữu vi, pháp lành tu tập tương ưng là vô thượng. Các nghĩa khác như nói trong phẩm Tán Bát-nhã.

Hỏi: Nếu hành được Không tương ưng như vậy, bèn nên thọ ký, có sao nói như thọ ký không khác, hoặc gán thọ ký?

Đáp: Bồ-tát ấy mới hành đạo, nhục thân chưa được vô sanh pháp nhẫn, chưa được Ban châu tam-muội, chỉ do lực trí tuệ, phân

biệt được như vậy, sâu vào không, Phật tán thán công đức vào không kia, cho nên nói như thọ ký không khác.

Có ba hạng Bồ-tát được thọ ký: hạng như thọ ký, hạng gần thọ ký, hạng được thọ ký. Trong phẩm Bất thối chuyển nói hai hạng như trong đây nói.

Hỏi: Như đây nói tương ưng đệ nhất vô thượng, có sao không cho thọ ký?

Đáp: Các công đức phương tiện, thiên định khác chưa nhóm, chỉ có trí tuệ, cho nên chưa thọ ký.

* Lại nữa, Bồ-tát ấy tuy có trí tuệ lợi căn mà các công đức khác chưa thành thực, nên nghe nói hiện tiền thọ ký hoặc sanh kiêu mạn, cho nên chưa cho thọ ký, lý do tán thán là muốn lấy đó khuyến tấn tâm kia.

Người lợi căn khi hành Không tương ưng ấy, như thọ ký không khác, người độn căn khi hành Không tương ưng ấy, hoặc gần thọ ký.

Khiến chúng sanh thường an ổn được Niết-bàn, ấy gọi là lợi ích.

* Lại có hai lợi ích: 1. Là khổ. 2. Cho vui.

* Lại có hai là diệt chúng sanh thân khổ và tâm khổ.

* Lại có ba vui là vui cõi trời, vui cõi người, vui Niết-bàn.

* Lại có hai là lia ba cõi, vào ba thừa.

Như vậy Bồ-tát ma-ha-tát lợi ích chúng sanh vô lượng vô số. Nghĩa chúng sanh như trước đã nói.

Người đời có công lao lớn thời sanh tâm kiêu mạn, cầu được thưởng đáp, vì cầu thưởng đáp thời là bất tịnh. Bồ-tát thời không như vậy, tuy cùng Bất-nhã ba-la-mật tương ưng, lợi ích vô lượng chúng sanh, mà không ngã tâm, không kiêu mạn, cho nên không cầu báo công, như đất tuy có công lợi vật rất trọng mà không cầu

báo đáp. Vì vậy nói BỒ-tát không khởi niệm rằng: Ta cùng Bát-nhã tương ưng, chư Phật sẽ thọ ký, hoặc gần thọ ký, Ta sẽ tịnh Phật độ, được Vô thượng đạo, Chuyển pháp luân. Nghĩa Pháp luân như trước đã nói.

Hỏi: Những pháp gì ra ngoài pháp tánh?

Đáp: Trong đây Phật dạy, hành Bát-nhã ba-la-mật là người hành Bát-nhã ba-la-mật, tức là BỒ-tát. Người biết, người thấy tức là chúng sanh. Trong pháp tánh chúng sanh biến làm pháp tánh. Vì vậy BỒ-tát tự không sanh tâm cao mạn, không theo chúng sanh cầu đáp ân phần, không thấy chư Phật thọ ký cho. Như BỒ-tát không, Phật cũng như vậy. Như hành giả không, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng không, vì sao? Vì Phật tự nói: BỒ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, không sanh tướng chúng sanh, cho đến tướng người biết, người thấy. BỒ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật còn không sanh tướng pháp, huống gì tướng chúng sanh, vì sao? Vì Phật tự nói nhân duyên: chúng sanh ấy rất ráo không sanh, không sanh nên không diệt. Nếu pháp không sanh không diệt tức là pháp tánh; pháp tánh tức là Bát-nhã ba-la-mật.

Sao Bát-nhã ba-la-mật lại hành Bát-nhã ba-la-mật? BỒ-tát không chấp thủ chúng sanh, không chấp thủ thân ngã, chỉ có hư vọng chấp ngã.

Chúng sanh không là vì pháp chúng sanh không có gì.

Chúng sanh không thể có được là vì thật trí tìm cầu không thể có được.

Chúng sanh lìa là hết thấy pháp tự tướng xa lìa. Hết thấy pháp lìa tự tướng là như lửa lìa tướng nóng... như nói rộng trong chương nói về tướng không.

Đệ nhất tương ưng hơn các tương ưng khác, như trên đã nói.

Bồ-tát hành chúng sanh không, pháp không ấy, sâu vào “Không” tương ưng, nhớ bốn nguyện độ sanh, thấy chúng sanh cuồng hoặc điên đảo, nơi trong Không sanh các chấp trước, liền sanh tâm đại bi rằng: Ta tuy biết việc ấy (việc không) mà người khác không biết, vì giáo hóa nên sanh tâm đại từ đại bi, cũng thường chẳng sanh tâm phá sáo Ba-la-mật, vì sao? vì sơ tâm Bồ-tát hành sáu Ba-la-mật, vì sáu ác lẫn lộn nên sáu Ba-la-mật không tăng trưởng, vì không tăng trưởng nên không mau đắc đạo. Nay biết tướng các pháp, nhờ gốc sáu pháp ác ấy, vì sao? Vì Bồ-tát biết bố thí là thiện, tâm xan lẫn là bất thiện, hay đọa trong ngạ quỷ nghèo cùng. Biết tâm xan tham như vậy, tự tiết thân mình, đắm vui thế gian nên trở lại sanh tâm xan tham. Bồ-tát có thể thí vật nhẹ, không thể thí vật quý trọng, thí vật ngoài, không thể thí vật trong, vì chấp trước ta, chấp trước người thọ nhận, thủ tướng chấp trước tài vật, nên phá Đàn ba-la-mật, tuy có bố thí mà không thanh tịnh.

Bồ-tát ấy hành Không tương ưng, nên không thấy ngã, cũng không thấy cái vui thế gian, làm sao còn sanh chấp trước mà phá Đàn ba-la-mật?

Hỏi: Nếu không thấy ngã, không thấy cái vui thế gian nên không phá, thì cũng nên không thấy bố thí, làm sao hành bố thí?

Đáp: Bồ-tát ấy tuy không thấy bố thí, lấy Không tâm thanh tịnh bố thí, khởi niệm rằng: bố thí này là không, không có gì, vì chúng sanh cần nên thí cho. Như trẻ con lấy đất làm vàng bạc, người lớn không thấy đó là vàng bạc, bèn theo ý cho nó, mà trọn không có cho gì hết. Năm Ba-la-mật khác cũng như vậy. Vì vậy tuy đồng là Không mà phá xan tham, không phá bố thí.

Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát trú trong “Không” tương ưng ấy, có thể thường không sanh sáu ác tâm.

(HẾT CUỐN 37 THEO BẢN HÁN)

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

GIẢI THÍCH PHẨM VĨNG SANH THỨ 4

KINH: Xá-lợi-phất bạch Phật rằng, bạch Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, tu tập tương ưng như vậy, từ chỗ nào chết rồi sanh đến đây, từ đây chết sẽ sanh cõi nào?

Phật bảo Xá-lợi-phất, những Bồ-tát ma-ha-tát ấy tu tập tương ưng như vậy, hoặc từ nước Phật ở phương khác sanh đến đây, hoặc từ cung trời Đâu-suất sanh đến đây, hoặc từ trong cõi người sanh trở lại đây.

Xá-lợi-phất, những Bồ-tát từ nước Phật ở phương khác sanh đến đây, mau cùng Bát-nhã ba-la-mật tương ưng. Cùng Bát-nhã ba-la-mật tương ưng, nên khi xả thân ở đây, các pháp thâm diệu đều hiện trước mắt, sau trở lại cùng Bát-nhã ba-la-mật tương ưng, ở chỗ sanh ra thường gặp chư Phật.

Xá-lợi-phất, có vị Bồ-tát một đời bồ xứ ở trên trời Đâu-suất mệnh chung, sanh đến trong đây, vị Bồ-tát ấy không mất sáu Ba-la-mật, tùy sanh nơi nào, hết thấy môn đà-la-ni, các môn tam-muội, mau hiện trước mắt.

Xá-lợi-phất, có Bồ-tát mệnh chung ở trong cõi người, trở lại sanh trong cõi người; trừ vị Bồ-tát bất thối chuyển, Bồ-tát ấy căn độ, không thể mau cùng Bát-nhã ba-la-mật tương ưng, các môn đà-la-ni, môn tam-muội không thể mau hiện trước mắt.

LUẬN. *Hỏi*: Trong Bát-nhã ba-la-mật, chúng sanh rất ráo không thể có được, như phẩm trên nói: Xá-lợi-phất, biết hết thấy chúng sanh không thể có được, các tên gọi sai khác về chúng sanh là thọ giả, mạng giả, cho đến tri giả, kiến giả... đều không, không thật, cứ sao trong đây hỏi từ đâu sanh đến, chết đi về đâu? Tên gọi khác của chúng sanh tức là Bồ-tát, chúng sanh không thì Bồ-tát cũng không. Lại trong kinh này nói: Bồ-tát chỉ có tên gọi, không có thật pháp, sao nay Xá-lợi-phất lại hỏi câu ấy?

Đáp: Trong Phật pháp có hai đế: 1. Thế đế. 2. Đệ nhất nghĩa đế. Vì thế đế nên nói có chúng sanh, vì đệ nhất nghĩa đế nên nói chúng sanh không thể có được.

* Lại có hai hạng là có người biết tướng tên gọi, có người không biết tướng tên gọi, ví như mật hiệu trong quân lính, có người biết, có người không biết.

* Lại có hai hạng là có người mới tập hành, có người tập hành lâu; có người chấp trước, có người không chấp trước; có người biết ý người khác, có người không biết ý người khác (*tuy có ngôn từ, biết gọi vào ngôn từ để tuyên lý -N.D*). Vì người không biết tên gọi, mới tập hành, người chấp trước, người không biết ý người khác, nên nói không chúng sanh; vì người biết tướng tên gọi, người tập hành lâu, không chấp trước, người biết ý người khác, nên nói có chúng sanh.

Xá-lợi-phất dùng mắt trời, thấy rõ sáu đường chúng sanh sống chết lành dữ, không có nghi ngờ, chỉ không biết các Bồ-tát từ vô lượng vô số thế giới từ phương khác sanh đến, nên mới hỏi có các đại Bồ-tát ở đây mệnh chung, có sanh đến vô lượng vô số cõi Phật ở phương khác; thiên nhãn Xá-lợi-phất không thấy được điều đó cho nên hỏi.

* Lại nữa, có người Thanh văn, thấy Bồ-tát hành sáu ba-la-mật ở lâu trong sanh tử, lâu hoặc chưa hết, nhóm đủ thứ trí tuệ về

kinh sách trong ngoài, mà chẳng chứng thật tế, chưa khỏi sanh già bệnh chết, thương mà khinh, nói rằng: hạng này mệnh chung, vì ba độc chưa hết, sẽ đọa chỗ nào? Như Phật dạy, hạng người phàm phu thường mở cửa ba đường ác, làm khách đối với ba đường thiện, làm chủ nhà đối với ba đường ác. Sức ba độc mạnh, chất chứa tội nghiệp từ vô lượng kiếp, nên không thủ chứng Niết-bàn, sắp chịu đủ thứ khổ, rất đáng thương xót!

Hạng tiêu thừa thương xót khinh chê Bồ-tát như vậy.

Xá-lợi-phất là vị tướng đại pháp đệ nhất giữa tất cả Thanh văn, biết có việc như thế, nhưng muốn khiến chúng sanh khởi tâm cung kính đối với Bồ-tát, cho nên hỏi.

Phật lấy ba việc đáp: 1. Từ cõi Phật ở phương khác sanh đến. 2. Từ trên trời Đâu-suất sanh đến. 3. Từ trong cõi người sanh đến.

Hỏi: Như từ cõi Phật ở phương khác sanh đến, vì ở xa nên Xá-lợi-phất không biết, còn ở trên trời Đâu-suất, trong cõi người đến, làm sao không biết (mà còn hỏi)?

Đáp: Xá-lợi-phất không biết từ cõi Phật ở phương khác đến nên hỏi, song Phật vì như chỗ cần nên phân biệt, nên đáp từ ba nơi sanh đến.

Hỏi: Thế gian có sáu đường, cơ sao trong đường trời phân biệt nói từ trời Đâu-suất đến, còn trong đường người không phân biệt nơi chốn. Nói từ cõi Phật ở phương khác đến cũng không phân biệt đó là đường trời, hay đường người?

Đáp: Trong sáu đường, ba đường ác vì nhân duyên thọ khổ, tâm trí độn, không thể đắc đạo nên không nói.

Hỏi: Từ trong ba đường ác sanh đến cũng có người đắc đạo, như Tỳ-kheo Nguu Túc, đệ tử Xá-lợi-phất, năm trăm đời sanh trong loài trâu, đời cuối cùng được làm thân người, chân còn giống trâu mà

chúng được đạo quả A-la-hán. Lại có Tỳ-kheo Ma-thâu-bà-thi-tha, năm trăm đời sanh trong loài khỉ, đời cuối cùng được làm thân người, chúng A-la-hán đủ ba minh sáu thần thông, vẫn còn ưa nhầy nhót, vì tập khí dư thừa. Hạng như vậy đều đắc đạo, có sao nói không thể?

Đáp: Tuy có người đắc đạo, ít quá không đủ nói. Lại hạng người này, đời trước gieo sâu thiện căn Niết-bàn, vì sai lầm chút ít phải đọa đường ác, trả hết tội, thiện căn Niết-bàn thành thực, nên đắc thành đạo quả. Trong đây không nói đắc đạo quả Thanh văn, vì thân trước thân sau thứ lớp chỉ vì chúng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ví như từ tâm như cầu khởi lên, không thể thứ lớp vào vô lậu, mà trung gian phải có tâm thiện hữu lậu (*mới được vào vô lậu - N.D*) vì tâm vô lậu quý, cho nên nói từ ba đường ác đi ra, không thể đắc đạo, thứ lớp được tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Trời, người, A-tu-la thời không như vậy (*không như ba đường ác - N.D*).

Ba cõi trời dưới là Tứ thiên vương, Đạo-lợi, Tu-dạ-ma, kiết sử mãnh lợi mà sâu; hai cõi trên là Tự-tại, Tha-hóa-tự-tại, kiết sử sâu mà không mãnh lợi; trời Đâu-suất, kiết sử không sâu không mãnh lợi, vì sao? Vì thường có Bồ-tát thuyết pháp, thế nên không nói trời khác mà nói trời Đâu-suất, hoặc có mà vì ít nên không nói.

Các trời ở cõi sắc, ai đắc đạo rồi thời không còn sanh xuống cõi này, ai chưa đắc đạo thì vui đắm thiên vị nên không sanh xuống. Vì đắm thiên vị, trí tuệ cũng trì độn, nên không nói. A-tu-la đồng với hai trời Tứ thiên vương, Đạo-lợi nên không nói.

Từ cõi Phật ở phương khác sanh đến: Từ trước chư Phật sanh đến trong đây, các căn mãnh lợi, vì sao? Vì đã trừ tội chướng trong vô lượng vô số kiếp. Lại gặp được chư Phật tùy tâm dạy bảo, như mài dao gặt đá tốt thời sắt bén. Lại thường nghe tụng, chánh ức niệm Bát-nhã ba-la-mật, cho nên mãnh lợi. Các nhân duyên như vậy thời tâm Bồ-tát mãnh lợi.

Từ cõi người đến: Ở đây đệ tử Phật nghe Bát-nhã ba-la-mật, nhóm các công đức, khi đã xả thân, trở lại sanh ở đây. Ở quốc độ khác, tuy không có Phật, nhưng được gặp Phật pháp, nghe thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm, tùy sức nhiều ít, tu phước đức trí tuệ, người này các căn tuy độn mà đủ sức thọ Bát-nhã ba-la-mật, chỉ vì không thấy Phật hiện tại nên tâm độn.

Từ nước Phật ở phương khác đến căn mãnh lợi nên tu hành Bát-nhã ba-la-mật mau được tương ưng. Vì tương ưng nên thường gặp Phật. Nhân duyên gặp Phật, như trước đã nói.

Hỏi: Trên trời Đâu-suất; sao chỉ nói Bồ-tát một đời bồ xứ, không nói hai đời ba đời?

Đáp: Chỗ thân người ở đây tội kiết phiến não, chỉ đại Bồ-tát ở đó không bị nhiễm lụy, như ngãng vào nước, nước không làm ướt. Bồ-tát như vậy, các pháp thế gian không làm nhiễm trước, vì sao? Vì Phật tự nói nhân duyên: vì không mất sáu Ba-la-mật, các môn đà-la-ni, các môn tam-muội, mau hiện trước mắt, nên Bồ-tát ấy ở thế giới có thể lợi ích chúng sanh, các Bồ-tát khác, phân bố mười phương, ví như người đại trí tuệ đã ở một chỗ, thời các người trí tuệ khác đi đến chỗ khác, thế nên không nói.

* Lại nữa, có người nói chỉ nói Bồ-tát lớn, không giới hạn nhỏ.

* Lại nữa, từ trong các cõi trời khác đến, sẽ nói rộng ở chỗ khác.

Chết trong cõi người lại sanh trong cõi người thì không như hai chỗ trên, vì thân người đại địa nhiều nên thân nặng tâm độn, vì tâm tâm số pháp theo thân thành mạnh yếu, lại do các nghiệp kiết sử sanh, còn từ hai chỗ kia sanh đến là pháp thân Bồ-tát, biến thân vô lượng để độ chúng sanh, nên sanh đến trong cõi này. Từ trong cõi người đến, đều là thân xác thịt.

Hỏi: Bồ-tát bất thối chuyển, không do kiết nghiệp thọ thân, có sao nói ở trong cõi người?

Đáp: Vì sanh đến cõi này mới được bắt thối chuyển, chưa bỏ thân xác thịt; vì độn căn nên các môn đà-la-ni, tam-muội không mau hiện trước mắt. Vì không mau hiện trước mắt nên không cùng Bát-nhã tương ưng.

KINH: Nay Xá-lợi-phất, ông hỏi Bồ-tát ma-ha-tát cùng Bát-nhã ba-la-mật tương ưng, mệnh chung ở đây sẽ sanh đến chỗ nào?

Nay Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát ấy từ một nước Phật sanh đến một nước Phật, thường gặp chư Phật, trọn không lìa Phật.

Nay Xá-lợi-phất, có Bồ-tát ma-ha-tát không dùng phương tiện vào Sơ thiên cho đến đệ Tứ thiên, cũng hành sáu Ba-la-mật. Bồ-tát ma-ha-tát ấy được thiên nên sanh cõi trời sống lâu, khi ở nơi đó mệnh chung, sanh đến cõi này, được làm thân người, gặp Phật, Bồ-tát ấy các căn không mãnh lợi.

Nay Xá-lợi-phất, có Bồ-tát ma-ha-tát vào Sơ thiên cho đến đệ Tứ thiên, cũng hành Bát-nhã ba-la-mật. Vì không dùng phương tiện nên khi bỏ thiên thì sẽ sanh vào cõi Dục, Bồ-tát ấy các căn cũng độn.

Nay Xá-lợi-phất, có Bồ-tát ma-ha-tát vào Sơ thiên cho đến đệ Tứ thiên, nhập từ tâm cho đến xả tâm, vào Hư không xứ cho đến Phi hữu tướng Phi vô tướng xứ, tu bốn niệm xứ, cho đến tám thánh đạo phần, hành mười lực cho đến đại từ đại bi, Bồ-tát ấy dùng lực phương tiện, không tùy thiên sanh, không tùy tâm vô lượng sanh, không tùy bốn vô sắc định sanh, mà sanh ở chỗ có Phật. Thường không rời hạnh Bát-nhã ba-la-mật. Bồ-tát như vậy, trong hiện kiếp sẽ chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

LUẬN. *Hỏi:* Xá-lợi-phất hỏi đời trước đời sau, có sao trong đời trước Phật đáp ba cách, trong đời sau thì rộng phân biệt?

Đáp: Người phàm vì mắt thịt không thấy quá khứ vị lai, nên sanh tà nghi; tuy nghi hai đời, mà đời vị lai sẽ chịu cho nên rộng phân biệt. Ví như lửa đã tắt, không còn cầu cứu, chỉ dùng nhiều phương tiện phòng ngừa lửa vị lai. Lại như trị bệnh, bệnh đã dứt không còn trị nữa, chỉ trị bệnh sắp phát sanh.

* Lại nữa, Phật biện tài vô lượng tùy ý, nên Xá-lợi-phất hỏi ít mà Phật giải nói nhiều. Như hỏi một việc cùng Bát-nhã ba-la-mật tương ưng mà Phật phân biệt nhiều cách, ví như người nghèo đi theo người giàu ưa bố thí để xin, xin tuy ít mà cho rất nhiều. Phật cũng như vậy, giàu có đầy đủ vô lượng Phật pháp vô lậu, do tâm đại từ bi ưa làm bố thí, nhân Xá-lợi-phất hỏi ít, Phật vì đại chúng phân biệt nói nhiều.

* Lại nữa, trong Bát-nhã ba-la-mật, các nhân duyên, thí dụ, phần nhiều để nói về Không pháp. Có người mới phát tâm chấp thủ tướng không, đắm tướng không ấy, nên đối với nghiệp nhân duyên sanh tử, sanh nghi: nếu hết thấy pháp rốt ráo không, không đến không đi, không ra không vào, cơ sao chết rồi mà còn có sanh? Pháp hiện tại mắt thấy còn không thể có, hưởng gì sau khi chết sanh đến chỗ khác, mắt không thấy được mà lại có?

Vì dứt các tâm tà nghi điên đảo như vậy, nên Phật dạy rộng các nhân duyên có sanh có tử.

Hỏi: Không có nhân duyên chết sống, vì sao? Vì người chết rồi tiêu diệt. Có ba cách diệt: 1. Lửa đốt thành tro. 2. Trùng ăn thành phân. 3. Cuối cùng thành đất. Nay chỉ thấy diệt mất, không thấy còn có ai đi ra thọ thân sau? Vì không thấy nên biết là không?

Đáp: Nếu ông cho thân diệt liền không, vậy làm sao có chúng sanh đời trước huân tập lo mừng, sợ hãi... như trẻ con khi mới sanh ra hoặc khóc hoặc cười; vì trước có huân tập lo mừng, nên nay không ai dạy mà lo mừng tiếp tục phát sanh. Lại như trâu nghé mới sanh ra

đã tìm tới vú sữa; loài heo dê sanh ra chưa bao lâu đã biết việc phối hợp đực cái. Con cùng một cha một mẹ mà đẹp, xấu, nghèo, giàu, thông minh, đần độn không giống nhau. Nếu không có nhân duyên đời trước, thời không nên có sai khác như vậy.

Các nhân duyên như vậy, biết có đời sau.

* Lại trước kia ông nói không thấy có kẻ đi riêng? Trong thân người chẳng phải riêng con mắt thấy được mà cả sáu căn đều biết. Có pháp nghe được, có pháp ngửi được, có pháp nếm được, có pháp chạm được, có pháp biết được. Pháp nghe được còn không thể thấy, huống gì có thể biết. Pháp “có sanh có tử”, cũng có thể thấy, cũng có thể biết. Ông mắt thịt nên không thấy, người có mắt trời, thấy rõ ràng. Như thấy người từ một phòng đi ra lại vào một phòng, bỏ thân này đến thân sau cũng như vậy. Nếu mắt thịt thấy được cần gì cầu mắt trời? Nếu như vậy mắt trời, mắt thịt, thánh, phàm không khác nhau. Ông dùng cái thấy đồng nhau từ nhiều đời súc tích, làm sao có thể thấy đời sau?

Có thể biết được là như người chết rồi sanh, tuy không có đến có đi, nhưng vì phiền não chưa hết, nên tình ý tương tục nơi thân, lại sanh tình ý nơi thân khác, tình ý nơi thân khác lại tạo nghiệp, cũng chẳng đi đến đời sau, nhưng do nhân duyên tạo nghiệp ấy lại sanh ra, chịu quả báo đời sau, ví như sữa có độ, sữa biến thành kem, kem biến thành phô-mát, sữa chẳng phải kem, phô-mát; kem, phô-mát chẳng phải sữa. Sữa và kem tuy biến khác mà đều có độ. Thân này cũng như vậy, năm uẩn đời nay làm nhân duyên lại sanh hạnh nghiệp cho năm uẩn đời sau, tương tục không khác mà chịu quả báo.

* Lại như cây mùa đông, tuy chưa có hoa lá quả trái, được thời tiết thì thứ lớp sanh ra. Do các nhân duyên như vậy nên biết có sanh tử.

* Lại nữa, hiện đời có người biết kiếp trước, như người mộng thấy đi, nằm ngủ rất mệt, thức dậy nhớ lại lý do việc đã trải qua.

* Lại tất cả kinh sách trong ngoài của thánh nhân đều nói đến đời sau.

* Lại nữa, pháp bất thiện hiện tại, động phát quá nặng, sanh sân nhuế, tật đố, nghi ngờ hối hận bức não bên trong, thân thời khô héo, nhan sắc không vui. Pháp ác bất thiện, thọ hại như vậy, hưởng gì khởi thân nghiệp khẩu nghiệp? Nếu sanh pháp thiện, tịnh tín nghiệp nhân duyên, tâm thanh tịnh, được trí tuệ như thật, thời tâm vui vẻ, thân được nhẹ nhàng, nhan sắc hòa vui.

Vì có nhân duyên khổ vui nên có thiện bất thiện, hiện đời nhất định có thiện bất thiện, nên biết chắc chắn có đời sau. Chỉ vì chúng sanh mắt thịt không thấy, trí tuệ mỏng nên sanh tà nghi, nên tuy có tu phước sự, mà làm việc nông cạn, ví như thầy thuốc vì chữa bệnh cho vua, vua ngầm cho làm nhà trả ơn mà thầy thuốc không biết, khi đi về trông thấy, mới hối hận sao không gia tâm tận lực chữa trị cho vua.

* Lại nữa, thánh nhân nói vì việc đời hiện tại thật đáng tin, nên việc đời sau cũng đều đáng tin, như người đi đêm qua đường hiểm, đạo sư đưa tay dắt, biết đó đáng tin nên liền đi theo. Lấy trí so sánh và theo lời thánh nhân có thể biết nhất định có đời sau. Ông vì mắt thịt trọng tội, trí so sánh kém nông cạn, lại không có mắt trời. Tự đã không có trí, lại không tin lời thánh, làm sao biết được đời sau.

* Lại nữa, trong Phật pháp thời các pháp rất ráo không, mà cũng chẳng đoạn diệt; sanh tử tuy tiếp nối, cũng không hẳn là thường; nghiệp nhân duyên trong vô lượng vô số kiếp tuy đã qua đi mà cũng phát sanh quả báo, không diệt, đó là điều vi diệu khó biết. Nếu các pháp hoàn toàn không, thời trong phẩm này chẳng nên nói có sự sanh qua đời khác. Đâu có người trí, lại nói trước sau trái nhau.

Nếu tướng chết sống thật có, cơ sao nói các pháp rất ráo không? Chỉ vì trừ tà kiến điên đảo ưa đắm đối với các pháp, nên nói rất ráo không, chứ không phải vì phủ nhận đời sau mà nói. Ông không có

mắt trời nên nghi đời sau, muốn tự vùi lấp vào trong tội ác. Vì ngăn ngừa nhân duyên tội nghiệp ấy, nên nói các việc sanh qua đời khác.

Phật pháp không chấp có, không chấp không, không chấp cũng có cũng không, không chấp chẳng phải có chẳng phải không, không chấp cũng không chấp, người như vậy thời không thể nạn hỏi, ví như lấy đao chặt hư không, trọn không bị thương. Vì chúng sanh nên tùy duyên thuyết pháp, tự mình không chấp trước. Vì vậy trong Trung luận nói:

*”Hết thấy các pháp thực,
Hết thấy pháp hư vọng,
Các pháp thật cũng hư,
Phi thật cũng phi hư.
Niết-bàn té là chơn,
Thế gian té cũng chơn,
Niết-bàn, đời, không khác,
“Chút khác” chẳng thể được”.*

Ấy là tướng rốt ráo không. Rốt ráo không không ngăn ngại nghiệp nhân duyên sanh tử, thế nên nói sanh qua đời khác.

Hỏi: Nếu Bát-nhã ba-la-mật nhất tướng, đó là vô tướng, thời làm sao cùng Bát-nhã tương ưng; từ một nước Phật sanh đến một nước Phật, thường gặp chư Phật?

Đáp: Bát-nhã ba-la-mật thu nhiếp hết thấy pháp, ví như biển lớn, vì vậy không nên nạn hỏi.

* Lại nữa, ông tự nói Bát-nhã ba-la-mật nhất tướng vô tướng. Nếu vô tướng làm sao có nạn hỏi? Ông thời trong vô tướng chấp thủ tướng; như vậy là không đúng.

* Lại nữa, nhân Bát-nhã ba-la-mật nên thật hành các thiện pháp, như Niệm Phật tam-muội... sanh ra được gặp chư Phật.

* Lại nữa, người thực hành Bát-nhã ba-la-mật, vào sâu tâm đại bi, như cha lành thấy con vì không được của mà chết, cha rất thương đưa con ấy chỉ vì hư dối mà chết. Chư Phật cũng như vậy, biết các pháp là rốt ráo không, không thể có được, nhưng chúng sanh không biết, vì chúng sanh không biết nên nhiễm đắm nơi pháp không, do nhiễm đắm nên đọa đại địa ngục, thế nên sâu vào tâm đại bi, do tâm đại bi nên được vô lượng phước đức, do được vô lượng phước đức nên sanh ra được gặp chư Phật, từ một nước Phật sanh đến một nước Phật.

Bồ-tát ấy chết ở đây sanh ở kia, chết ở kia lại sanh ở đây, như vậy cho đến được thành Phật, trọn không rời Phật, ví như người đại phước, từ một hội lớn đi đến một hội lớn. Hoặc có người chết ở đây sanh ở kia, ở nơi kia dùng lực năm thần thông từ một nước Phật đi đến một nước Phật, cúng dường chư Phật, độ thoát chúng sanh; ấy là vị Bồ-tát đầu.

Nước Phật: Hằng hà sa ba ngàn đại thiên thế giới trong mười phương ấy gọi là Phật độ. Thần lực chư Phật tuy biến khắp tự tại vô ngại, nhưng chúng sanh được độ có hạn cuộc.

Chư Phật hiện tại: Phật hiện tại ở Phật quốc độ kia.

Bồ-tát thứ hai không phương tiện vào Sơ thiên cho đến hành sáu Ba-la-mật. Không phương tiện là khi vào Sơ thiên không nhớ chúng sanh, khi trú thiên, khi ra khỏi thiên cũng không nhớ chúng sanh, chỉ đắm thiên vị, không thể cùng Sơ thiên hòa hợp thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Bồ-tát ấy tâm từ bi mỏng, cho nên công đức mỏng ít, công đức mỏng ít nên bị quả báo Sơ thiên lôi kéo sanh vào cõi trời sống lâu.

* Lại nữa, không đem phước đức sơ thiên cùng với chúng sanh hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như vậy có vô lượng nghĩa về chữ không phương tiện.

Trời sống lâu là trời Phi hữu tướng Phi vô tướng xứ; sống tám vạn đại kiếp.

Hoặc có người nói hết thầy định Vô sắc đều chung tên là trời sống lâu. Vì vô hình không thể biến hóa, không thể đắc đạo, thường là chỗ phạm phu.

Hoặc nói trời Vô tướng là trời sống lâu, cũng không thể đắc đạo.

Hoặc nói từ Sơ thiên đến Tứ thiên, trừ trời Tịnh cư, đều gọi là trời sống lâu, vì đắm say tà kiến, không thể lãnh thọ đạo pháp.

Trở lại sanh vào cõi người được gặp Phật, vì do trước có phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; hoặc do ở nơi thiên nhóm các công đức, vì sao? Vì đắm say trong thiên, nên thiện tâm khó phát, như trong Kinh nói: Phật hỏi các Tỳ-kheo, đất trên đầu móng tay nhiều hay đất giữa đại địa nhiều?

Các Tỳ-kheo thưa: đất giữa đại địa rất nhiều không thể ví dụ được.

Phật dạy: ở trên trời mệnh chung, kẻ sanh trở lại cõi người như đất trên đầu móng tay, còn kẻ đọa địa ngục như đất giữa đại địa.

Hỏi: Độn căn là căn nào trong hai mươi hai căn?

Đáp: Có người nói tuệ căn hay quán các pháp, song vì đắm trước thiên vị nên trì độn.

Có người nói: năm căn tín... đều giúp thành đạo pháp, song vì chịu báo đấm trước thiên vị nên độn.

Có người nói: Bồ-tát do phước đức trí tuệ thanh tịnh nên mười tám căn đều lanh lợi, do tội nghiệp nên trì độn. Sáu căn mắt... như trong kinh Pháp Hoa nói. Mạng căn không bị già, bệnh, nghèo cùng bức não, an ổn thọ lạc, ấy là mạng căn lanh lợi. Năm căn lạc, khổ... giác tri rõ ràng cho nên nói là lanh lợi.

* Lại nữa, khi thọ vui, biết có các lỗi vô thường theo đuổi cái vui, mà không sanh tham dục, nên lạnh lợi. Các thọ khổ, ưu... cũng như vậy.

Tín căn kiên cố sâu bền, tin được việc khó, nên nói là lạnh lợi. Các tấn... cũng như vậy. Nam căn thanh tịnh được tướng âm tàng, không đắm trước xúc chạm, trơn mịn, biết dục là tội lỗi, ấy là lợi căn.

* Lại nữa, ba thiện căn lợi nên gọi là lợi. Bồ-tát có khi đối với ba vô lậu căn không chứng thật tế nên lợi, trái với lợi là độn căn.

Hỏi: Bồ-tát thứ ba nếu có thể xả thiền, tại sao nói không phương tiện?

Đáp: Bồ-tát ấy lúc mệnh chung vào tâm bất thiện, xả các phương tiện thiền định. Bồ-tát nếu vào thiền tâm hệ thuộc cõi Dục. Hoặc tâm vô ký mà xả các thiền vào tâm từ bi, thương xót chúng sanh, khởi niệm rằng: Ta nếu ta sanh theo thiền định, thời không thể rộng lợi ích chúng sanh.

Sanh đến cõi Dục có mười chỗ là người ở bốn châu thiên hạ và sáu trời cõi Dục, ba ác đạo, Bồ-tát không sanh ở đó.

Căn độn là như nói ở Bồ-tát thứ hai. Bồ-tát thứ tư nhập vị được Bồ-tát đạo, tu ba mươi bảy phẩm, trừ mười tám không, cho đến đại từ đại bi, ấy gọi là phương tiện.

Hai Bồ-tát đầu chỉ có thiền định, tu hành thẳng sáu Ba-la-mật, vì vậy nên không phương tiện.

Bồ-tát thứ tư do sức phương tiện nên không sanh theo thiền định, vô lượng tâm, vì sao? Vì thực hành bốn niệm xứ cho đến đại từ đại bi, nên khi mệnh chung, thương xót chúng sanh, nguyện sanh đến nước Phật hiện tại ở phương khác để tiếp tục cùng Bát-nhã ba-la-mật tương ưng, vì sao? Vì ưa vui tùy thuận Bát-nhã ba-la-mật.

Hỏi: Ấy là Bồ-tát nào?

Đáp: Phật tự nói Bồ-tát trong kiếp Bạt-đà, hoặc Bồ-tát chẳng phải trong kiếp Bạt-đà, đây chỉ lấy vị Bồ-tát lớn.

Hỏi: Sao gọi Bạt-đà, sao gọi kiếp?

Đáp: Như Kinh nói có một Tỳ-kheo hỏi Phật, bạch đức Thế Tôn! Bao nhiêu gọi là kiếp? Phật bảo Tỳ-kheo: tuy Ta nói được nhưng ông không biết được, Ta sẽ ví dụ cho ông hiểu. Như có một thành vuông vức trăm do tuần chứa đầy hạt cải, có người sống lâu cứ qua trăm năm, lấy đi một hạt cải, hạt cải sạch hết, mà kiếp vẫn không hết. Lại như hòn đá vuông vức trăm do tuần, có người cứ trăm năm cầm chiếc áo lụa Ca-thi nhẹ mền đến quét qua một lần, đá mòn hết, kiếp số vẫn không hết. Thời gian tối thiểu là một niệm trong mười sáu niệm (*một sát-na có mười sáu niệm - N.D*) thời gian tối đại gọi là kiếp.

Kiếp có hai: 1. Đại kiếp. 2. Tiểu kiếp. Đại kiếp như trên ví dụ.

Lúc kiếp sắp hết, chúng sanh tự nhiên tâm ưa xa lìa. Vì ưa xa lìa nên trừ được năm triền cái, vào Sơ thiên, người ấy lìa dục sanh hỷ lạc. Từ đó khởi đầu cất tiếng xưng lớn rằng: này các chúng sanh! rất đáng ghét là năm dục, an ổn đệ nhất là Sơ thiên. Chúng sanh nghe tiếng xưng ấy rồi, tất cả chúng sanh tâm đều tự nhiên xa lìa năm dục mà vào Sơ thiên. Tự nhiên diệt giác quán mà vào đệ Nhị thiên; cũng xưng lên như vậy. Hoặc lìa Nhị thiên mà vào đệ Tam thiên cũng như vậy. Chúng sanh trong ba đường ác tự nhiên được thiện tâm, mệnh chung đều sanh vào cõi người, nếu trọng tội thì sanh vào địa ngục ở tha phương, như trong phẩm Nê-lê nói.

Khi ấy trong ba ngàn đại thiên thế giới không một chúng sanh nào còn. Bấy giờ hai mặt trời xuất hiện cho đến bảy mặt trời xuất hiện, quả đất ba ngàn đại thiên thế giới đều cháy tiêu hết. Như trong chương Mười tám không đã nói rõ tướng trạng của kiếp sanh kiếp diệt.

* Lại có người nói, trong bốn đại, ba đại có động tác nên có ba loài kiếp: hoặc kiếp lửa (thời gian lửa cháy) nổi lên đốt cháy ba ngàn đại thiên thế giới cho đến Sơ thiên bốn trú xứ; hoặc khi kiếp nước nổi lên, trôi sạch ba ngàn đại thiên, thế giới, cho đến Nhị thiên tám trú xứ, hoặc khi kiếp gió nổi lên thổi sạch ba ngàn đại thiên thế giới, cho đến Tam thiên, mười hai trú xứ, ấy gọi là đại kiếp.

Tiểu kiếp cũng có ba loại: ba đại bên ngoài phát sanh thời thế giới diệt, ba độc bên trong phát sanh thời chúng sanh diệt, đó là đói khát, đao binh, tật dịch.

* Lại có người nói: số thời tiết năm tháng gọi là tiểu kiếp, như trong kinh Pháp Hoa nói: lúc Xá-lợi-phất làm Phật, chánh pháp trụ hai mươi tiểu kiếp, tượng pháp trụ hai mươi tiểu kiếp. Phật từ tam-muội khởi dậy nói kinh Pháp Hoa trong 60 tiểu kiếp. Các tiểu kiếp hợp lại gọi là đại kiếp.

Kiếp-ba (Kalpa) Trung Hoa dịch là phân biệt thời tiết, Bạt-đà dịch là Thiện, có ngàn vạn kiếp quá khứ trống không không có Phật. Trong một kiếp ấy sẽ có ngàn Phật ra đời, các trời Tịnh cư hoan hỷ, nên gọi kiếp ấy là thiện kiếp.

Trời Tịnh cư sao biết kiếp ấy sẽ có ngàn Phật? Kiếp trước hết rồi, rỗng không hoàn toàn, sau đó có nước lớn, từ đáy nước vọt lên hoa sen bảy báu sáng suốt ngàn cánh, ấy là dấu hiệu ngàn Phật. Các trời Tịnh cư nhân đó biết có ngàn Phật.

Vì vậy nói Bồ-tát ấy trong kiếp này được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

KINH: Đây Xá-lợi-phất, có Bồ-tát ma-ha-tát vào Sơ thiên cho đến đệ Tứ thiên, vào từ tâm cho đến xả tâm, vào Không xứ cho đến Phi hữu tướng phi vô tướng xứ, dùng sức phương tiện, không sanh theo thiên, mà trở lại sanh vào cõi Dục trong dòng Sát-lợi, dòng Bà-la-môn, đại gia cư sĩ, để thành tựu chúng sanh.

LUẬN. *Hỏi*: Bồ-tát có hai hạng: 1. Tùy nghiệp sanh. 2. Được pháp tánh thân. Vì độ chúng sanh, biến hóa thân sanh vào ba cõi, đù công đức Phật, độ thoát chúng sanh. Vậy nay là thân nào trong hai thân ấy?

Đáp: Bồ-tát ấy do nghiệp nhân duyên sanh thân, vì sao? Vì do sức phương tiện vào các thiên, không sanh theo thiên, còn pháp thân Bồ-tát biến hóa tự tại, thời không cần phương tiện lắm. Nghĩa phương tiện vào thiên, như trước nói.

Hỏi: Nếu không theo thiên định cơ sao sanh vào cõi Dục, mà không sanh vào thế giới thanh tịnh ở tha phương?

Đáp: Hạng các Bồ-tát mỗi mỗi không đồng, hoặc có Bồ-tát ở nơi thiên chuyển tâm, sanh vào nước Phật ở tha phương, có Bồ-tát hồi tâm sanh vào cõi Dục cũng như vậy.

Hỏi: Sanh vào nước Phật ở tha phương ấy là cõi Dục hay chẳng cõi Dục?

Đáp: Nước Phật ở tha phương nếu tạp ác bất tịnh, thời ấy là cõi Dục, nếu thanh tịnh không ba ác đạo, ba độc, cho đến không có tên ba độc, cũng không có tên Nhị thừa, cũng không có nữ nhân; tất cả người đều có 32 tướng, ánh sáng vô lượng thường chiếu thế gian, trong khoảnh khắc một niệm, biến ra vô lượng thân, đi đến vô lượng hằng sa thế giới, độ vô lượng vô số chúng sanh, rồi trở lại chỗ cũ. Các thế giới như vậy ở trên đất, nên không gọi là cõi Sắc, vì không có dục nên không gọi là cõi Dục, vì có hình sắc nên không gọi là cõi Vô sắc. Các Bồ-tát ma-ha-tát do nghiệp phước đức thanh tịnh nên riêng được thế giới thanh tịnh ra ngoài ba cõi. Hoặc có vị đem tâm đại từ đại bi thương xót chúng sanh, nên sanh vào cõi Dục này.

Hỏi: Nếu khi mệnh chung, bỏ thiên định này, lúc đầu có sao cầu học?

Đáp: Tâm cõi Dục cuồng loạn, bất định, nhờ vì nhu nhuyễn nhiếp tâm nên vào thiên, khi mệnh chung, vì độ chúng sanh nên khỏi tâm cõi Dục.

Hỏi: Nếu sanh vào cõi người, có gì sanh đúng vào dòng Sát-lợi mà không sanh chỗ khác?

Đáp: Sanh dòng Sát-lợi có thể lực, sanh dòng Bà-la-môn có trí tuệ, sanh vào đại gia cư sĩ giàu có, nên có thể làm lợi ích cho chúng sanh, sanh vào nhà bần cùng tự lợi còn không được, làm sao ích người. Sanh trời cõi Dục, tiếp sẽ nói.

KINH: **Này Xá-lợi-phất, lại có Bồ-tát ma-ha-tát, vào Sơ thiên cho đến đệ Tứ thiên, vào từ tâm cho đến xả tâm, vào không xứ cho đến Phi hữu tướng phi vô tướng xứ, do sức phương tiện nên không sanh theo thiên, mà hoặc sanh cõi trời Tứ thiên vương, hoặc sanh cõi trời Ba mươi ba, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa-lạc, trời Tha-hóa- tự-tại. Ở nơi trong ấy thành tựu chúng sanh, cũng thanh tịnh Phật độ, thường gặp chư Phật.**

LUẬN: Nghĩa này đồng với trên, chỉ sanh cõi trời là khác.

Hỏi: Các trời cõi Dục, tình đắm năm dục, khó có thể hóa độ, sao Bồ-tát sanh đến đó mà không sanh cõi người?

Đáp: Các trời tâm đắm trước tuy lớn, mà sức phương tiện của Bồ-tát cũng lớn. Như nói trên cõi trời Ba mươi ba có rừng cây Tu-phù-ma, trời thánh trong các trời, chán bỏ năm dục, trú ở trong đó, hóa độ các trời. Trên cõi trời Đâu-suất thường có một Bồ-tát một đời bồ xứ, các Bồ-tát thường được nghe pháp. Lực sĩ Mật-tích Kim cang, cũng ở trên trời Tứ thiên vương. Như vậy để giáo hóa Chư thiên.

KINH: **Lại nữa, Xá-lợi-phất, có Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, do sức phương tiện nên vào Sơ thiên, ở đây mạng chung sanh chỗ Phạm thiên, làm vua trời Đại Phạm. Từ**

chỗ Phạm thiên, đi đến một nước Phật rồi đến một nước Phật, ở chỗ có Phật chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà chưa Chuyển pháp luân, thì khuyến thỉnh chuyển.

LUẬN. *Hỏi:* Nếu sanh theo Sơ thiên, có phương tiện gì?

Đáp: Tuy sanh mà không đấm hương vị Sơ thiên, thường niệm Phật đạo, nhớ bốn nguyện, vào tâm từ, Niệm Phật tam-muội, hòa hợp với thiên, nên gọi là phương tiện.

Hỏi: Có sao làm Phạm vương?

Đáp: Bồ-tát do nhân duyên nhóm phước đức lớn, đời đời thường làm chủ loài vật, cho đến sanh trong loài nai cũng làm vua.

* Lại nữa, bốn nguyện của Bồ-tát ấy là muốn thỉnh Phật Chuyển pháp luân, không phải làm tán thiên. Hoặc có khi trong ba ngàn đại thiên thế giới này không có Phật, thì từ một nước Phật đi đến một nước Phật, tìm cầu vị Phật mới thành mà chưa Chuyển pháp luân để khuyến thỉnh, vì sao? Vì pháp của vua Phạm thiên là thường nên khuyến thỉnh chư Phật Chuyển pháp luân như vậy.

KINH: Này Xá-lợi-phất, có Bồ-tát ma-ha-tát một đời bồ xứ, hành Bát-nhã ba-la-mật, do sức phương tiện nên vào Sơ thiên, cho đến đệ Tứ thiên, vào từ tâm cho đến xả tâm, vào không xứ cho đến Phi hữu tướng phi vô tướng xứ, tu bốn niệm xứ cho đến tám thánh đạo, vào Không tam-muội, Vô tướng, Vô tác tam-muội, không sanh theo thiên, mà sanh chỗ có Phật, tu phạm hạnh, nếu sanh trên cõi trời Đâu-suất, tùy khi mệnh chung, đầy đủ thiện căn, không mất chánh niệm; với vô số trăm ngàn vạn ức chư thiên cung kính vây quanh, sanh đến trong đây, chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

LUẬN. *Hỏi:* Vị Bồ-tát một đời bồ xứ, ở địa vị thập trụ, đã đầy đủ các công đức, sao nay còn tu tập các hạnh?

Đáp: Tâm chưa vào Niết-bàn, cần phải có tu hành. Đó là tu bốn thiên cho đến ba tam-muội.

* Lại nữa, Bồ-tát ấy tuy ở trong cõi trời cõi người thị hiện làm theo phép người, tu hành cầu đạo.

* Lại nữa, Bồ-tát ấy ở địa vị thập trụ, vẫn còn có phiền não tập khí. Lại đối các pháp còn có điều không biết, thế nên tu hành.

* Lại nữa, Bồ-tát ấy tuy hành hạnh sâu, còn chưa thủ chứng ba mươi bảy đạo phẩm, ba môn giải thoát, nay vì thủ chứng nên lại tu hành các hạnh.

* Lại nữa, tuy là Đại Bồ-tát nhưng đối với Phật còn nhỏ, thí như đồng lửa lớn tuy có chiếu soi mà đối với mặt trời thì không hiện. Như trong kinh Phóng bát, Bồ-tát Di-lặc nói với Văn-thù-sư-lợi: như Tôi thân sau lại làm Phật, Văn-thù-sư-lợi số như hằng hà sa còn không biết việc tôi cất chân để chân, vì vậy nên tuy ở địa vị thập trụ, còn phải tu hành.

Hỏi: Bồ-tát một đời bỏ xứ có sao không rộng độ chúng sanh, mà cần phải sanh ở trước đức Phật?

Đáp: Bồ-tát độ sanh đã nhiều, nay sắp gần thành Phật, nên ở trước Phật, vì sao? Vì chẳng phải chỉ độ chúng sanh, được thành Phật, mà các pháp thâm diệu của chư Phật cũng phải nên nghe hiểu.

Hỏi: Nếu vì hỏi việc Phật nên ở trước Phật, có sao đức Thích-ca Văn Phật khi làm Bồ-tát ở trước Phật Ca-diếp mà ác khẩu hủy báng?

Đáp: Việc ấy trước đã nói rồi, là pháp thân Bồ-tát biến hóa các thân để độ chúng sanh. Hoặc có khi làm theo phép của người có đủ thứ đói khát, lạnh nóng, già bệnh, ghét yêu, giận mừng, tán thán, quở mắng... trừ các trọng tội, mọi việc khác đều làm.

Bồ-tát Thích-ca vẫn ấy bấy giờ làm em Phật Ca-diếp, tên là Uất-đa-la, anh trí tuệ thuần thực, không ưa nói nhiều, em trí tuệ chưa

đủ nên ưa luận nghị nhiều. Người thời ấy cho em là hơn; về sau anh xuất gia, đắc thành Phật đạo, hiệu là Ca-diếp. Em làm thầy vua cõi Diêm-phù-đề tên Ngật-lê-cơ. Có năm trăm đệ tử thường lấy sách Bà-la-môn dạy cho các bà Bà-la-môn, vì các bà Bà-la-môn không ưa Phật pháp. Bấy giờ có thợ gốm tên Nan-đà Bà-la là đệ tử năm giới của Phật Ca-diếp, chúng đắc đạo quả thứ ba A-na-hàm cùng với thầy vua là Uất-đa-la, làm bạn lành, vì Uất-đa-la có tâm thiện, lòng tin thanh tịnh.

Bấy giờ Uất-đa-la cỡi xe vàng, bốn ngựa trắng kéo, cùng đệ tử đi ra cửa thành, Nan-đề Bà-la gặp ở giữa đường. Uất-đa-la hỏi từ đâu đi đến. Đáp rằng: anh ông chúng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tôi cúng dường xong trở về, ông có thể cùng đi với tôi đến yển kiến Phật, cho nên tôi đến đón ông đi.

Uất-đa-la suy nghĩ rằng, nếu ta đi thẳng đến chỗ Phật, thì các đệ tử ta sẽ lấy làm lạ mà sanh nghi rằng: Ông vốn có trí tuệ luận nghị hơn người, nay đi đến cúng dường, hẳn là vì thương yêu thân thuộc, chắc chúng nó không theo ta nữa. Vì sợ phá nhân duyên thấy Phật của chúng nó, nên trú trong trí biết thật tướng các pháp, vào tuệ phương tiện vô thượng, để độ chúng đệ tử, nên miệng xuất lời ác rằng: Ông trợc đầu ấy (chỉ anh là Phật Ca-diếp) làm sao có thể đắc đạo Bồ-đề!

Bấy giờ bạn lành Na-đề-bà-la làm ra vẻ giận dữ, nắm đầu Uất-đa-la kéo đi và nói: Ông không được dừng lại!

Uất-đa-la nói với các đệ tử, việc đã như vậy, ta không thể dừng lại mà không đi được!

Tức thời thầy trò cùng đi đến chỗ Phật. Thấy Phật tướng tốt, tâm liền thanh tịnh, trước đánh lễ chân Phật, rồi ngồi qua một bên. Phật theo ý thuyết pháp cho. Uất-đa-la được vô lượng môn đà-la-ni, mở các cửa tam-muội, năm trăm đệ tử trở lại phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Uất-đa-la từ chỗ ngồi đứng dậy bạch Phật rằng: xin Phật cho tôi xuất gia làm Tỳ-kheo. Phật dạy: Thiện lai, liền thành Sa-môn.

Do phương tiện ấy, xuất ra lời ác, chẳng phải thật ác. Hư không có thể phá, nước có thể làm thành lửa, lửa có thể làm thành nước, Bồ-tát đối với người phạm còn không nổi giận huống gì đối với Phật.

Hỏi: Nếu như vậy, sao Phật còn chịu tội báo thứ tám là khổ hạnh sáu năm?

Đáp: Pháp Tiểu thừa khác với pháp Đại thừa, nếu không khác thì không nên có đại tiểu. Trong pháp Tiểu thừa không nói đến pháp thân Bồ-tát với pháp bí áo vi diệu, vô lượng thần lực bất khả tư nghĩ, mà phần nhiều nói về việc dứt kiết sử, đi thẳng chứng Niết-bàn.

* Lại nữa, nếu Phật không thọ tội báo thứ tám ấy, sẽ có chư thiên, thần tiên, rồng, quỷ, những kẻ sống lâu, thấy có ác nghiệp mà không thọ tội báo, thì cho là không có nhân duyên nghiệp báo. Vì vậy, tuy hiện tại không có ác nghiệp cũng thọ tội báo.

* Lại có nhân duyên đời nay là các ngoại đạo đều tin tưởng khổ hạnh, nếu Phật không sáu năm khổ hạnh, thời người ta không tin, nói rằng người con vua ấy quen vui, không thể khổ hạnh được. Vì vậy Phật sáu năm khổ hạnh, có kẻ theo ngoại đạo khổ hạnh ba tháng, nửa năm, một năm, không ai có thể sáu năm ngày ăn một hạt mè hạt gạo. Các ngoại đạo cho đó là khổ hạnh cùng cực, người ấy nếu vô đạo, thật vô đạo vậy. Bấy giờ họ mới tin thọ, đều vào chính đạo.

Do hai nhân duyên ấy, tu khổ hạnh sáu năm, chứ chẳng phải thật tội, vì sao? Vì hết thấy chư Phật dứt hết tất cả điều bất thiện, thành tựu tất cả thiện pháp. Phật nếu thật thọ tội báo, thời không được nói thành tựu tất cả thiện pháp, dứt tất cả pháp bất thiện.

* Lại nữa, trong pháp Tiểu thừa, Phật vì chúng sanh tiểu tâm nên nói Bồ-tát một đời bồ xứ, ác khẩu mắng Phật, chứ thật Bồ-tát một đời bồ xứ còn không mắng trẻ con làm sao thật mắng Phật. Đều

là phương tiện vì chúng sanh, sao biết? Phật Thích-ca Văn ấy, trong thời đức Phật Tỳ-bà-thi, Ngài làm vị đại Bà-la-môn thấy Phật chúng Tăng ăn mau mà phát lời nói rằng: bọn người như vậy, nên ăn lúa ngựa. Do tội ấy bị đọa địa ngục Hắc-thằng chịu khổ vô lượng đời rồi, vì nhân duyên của tội dư thừa ấy, tuy nay thành Phật đạo, còn phải ba tháng ăn lúa ngựa.

* Lại trong pháp Thanh văn nói: Phật qua khỏi ba vô số kiếp, thường làm nam tử, thường sanh chỗ quý, thường không mất các căn, thường biết kiếp trước, thường không đọa ba ác đạo, từ đức Tỳ-bà-thi trở lại 91 kiếp.

Như pháp ông đó, trong 91 kiếp, Phật không phải đọa ác đạo, hưởng gì trong một kiếp cuối cùng. Vì vậy nên biết Phật chẳng phải thọ báo thật, vì phương tiện nên nói vậy thôi.

Hỏi: Phật hai tội, nói ở trong Tỳ-ni và Tạp tạng, là có thể tin thọ. Trong 100 kiếp tiếp sau ba vô số kiếp, không đọa ác đạo, thì từ vô số kiếp đầu cũng không nên đọa ác đạo. Nếu không đọa, có sao chỉ nói trong 100 kiếp Phật không nói lời ấy, đó chỉ là luận nghị sư của A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa (Abhi-dharma-Vibhasa) nói?

Đáp: A-tỳ-đàm là Phật nói: Thanh văn các ông theo A-tỳ-đàm mà luận nghị, ấy gọi là Tỳ-bà-sa, không nên làm lẫn!

* Lại như Bạc-câu-lô đem một quả Ha-lê-lặc thí cho Tăng, mà trong 91 kiếp không đọa ác đạo, hưởng gì Bồ-tát vô lượng đời lại đây đem thân bố thí, tu các công đức, mà vì nhân duyên tội nhỏ phải đọa địa ngục! Việc như vậy, Tỳ-bà-sa không nên làm! Vì vậy, người Tiểu thừa không biết Bồ-tát phương tiện.

* Lại nữa, cho phép Tỳ-bà-sa các ông không làm, Phật tự nói chỗ bồn khởi của Bồ-tát: lúc Bồ-tát mới sanh, đi bảy bước, miệng tự nói Ta sanh ra vì độ chúng sanh, nói rồi, im lặng. Bú mớm ba năm, không đi, không nói, lần lữa khôn lớn, đi, nói như người thường. Tất

cả hài nhi lúc nhỏ chưa thể đi, nói, dần dần khôn lớn, mới đầy đủ vóc người, nay có sao Bồ-tát mới sanh, đi được, nói được, sau đó bèn không? Nên biết đó là phương tiện. Nếu nhận đó là phương tiện thời hết thầy Phật ngữ đều thông, nếu không nhận thì một thật một hư!

Do các nhân duyên như vậy, biết Phật vì độ chúng sanh nên thị hiện ác khẩu.

Hỏi: Sao Bồ-tát một đời bồ xứ, chỉ sanh ở cõi trời Đâu-suất, mà không sanh chỗ khác?

Đáp: Nếu ở thế giới tha phương đến, các trời sống lâu; rỗng, quý, thần tìm chỗ Ngài từ đâu đến không biết được thời sanh nghi cho là người huyễn hóa. Nếu ở trong loài người chết sanh lại trong loài người, vậy sau làm Phật, thì người tâm sanh khinh mạn, còn trời thì không tin. Theo phép, trời nên đến giáo hóa người, không nên người giáo hóa trời. Thế nên từ trên trời sanh đến, là từ trời làm người, thời người kính tin.

Trong cõi Vô sắc, vô hình không thể thuyết pháp, nên không sanh ở trong đó.

Trong cõi Sắc tuy có sắc thân, có thể vì người thuyết pháp, song vì đắm sâu thiên vị, không thể lợi ích lớn cho chúng sanh, cho nên không sanh ở trong đó.

Ba tầng trời cõi Dục dưới hết, kiết sử sâu dày, tâm thô tạp loạn, hai tầng trời cõi Dục trên, kiết sử đã mỏng, tâm quen không lợi; còn trên trời Đâu-suất, kiết sử mỏng, tâm lanh lợi, thường là nơi ở của Bồ-tát; ví như thái tử sắp lên ngôi vua, trước ở nhà tĩnh lặng, bảy ngày trai tịnh. Vậy sau lên chánh điện thọ lãnh ngôi vua. Bồ-tát bồ xứ cũng như vậy, trên trời Đâu-suất như nhà trai tịnh, ở đó cuối cùng thọ hưởng vui trời, mệnh chung sanh xuống, cuối cùng thọ hưởng vui người, bèn thành Chánh giác. Có vô lượng chư thiên vây quanh Bồ-tát sanh đến trong đây, vì Bồ-tát trước từ trong vô tử sanh tử thường

qua lại cõi trời cõi người, nay là thân trời cuối cùng không còn trở lại cõi trời nữa, vì thế chư thiên đều hầu đưa đi.

Bồ-tát mệnh chung ở Đâu-suất, sẽ sanh xuống cõi người làm Phật, chư thiên mệnh chung, chưa mệnh chung, đều nguyện sanh xuống cõi người làm đàn-việt của Bồ-tát.

* Lại nữa, chư thiên sanh xuống muốn thường hộ vệ Bồ-tát, vì có trăm ức ma oán sợ đến não hại Bồ-tát. Bồ-tát này sanh trong cõi người rồi chán già, bệnh, chết, xuất gia chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, như nói trong kinh Bồ-tát bản khởi.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất, có Bồ-tát ma-ha-tát được sáu thần thông, không sanh cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, mà từ một nước Phật đến một nước Phật, cúng dường cung kính, tôn trọng, tán thán chư Phật.

Này Xá-lợi-phất, có Bồ-tát ma-ha-tát được thần thông du hý, từ một nước Phật đến một nước Phật, chỗ đi đến không có Thanh văn, Bích-chi Phật thừa, cho đến không có danh từ Nhị thừa.

Này Xá-lợi-phất, có Bồ-tát ma-ha-tát được thần thông du hý, từ một nước Phật đến một nước Phật, chỗ đi đến, sống lâu vô lượng.

Này Xá-lợi-phất, có Bồ-tát ma-ha-tát được thần thông du hý, từ một quốc độ đến một quốc độ, chỗ đi đến, có nơi không có Phật Pháp Tăng, thì tán thán công đức Phật Pháp Tăng, các chúng sanh nghe được danh từ Phật Pháp Tăng, mệnh chung ở nơi đó, được sanh đến trước Phật.

LUẬN: Bồ-tát có hai: 1. Sanh thân Bồ-tát. 2. Pháp thân Bồ-tát. Một dứt kiết sử, một không dứt kiết sử. Pháp thân Bồ-tát dứt kiết sử, được sáu thần thông, sanh thân Bồ-tát không dứt kiết sử, được năm thần thông. Vị được sáu thần thông thì không sanh vào ba cõi, dạo đi

các thế giới, cúng dường mười phương chư Phật. Vị được thần thông du hý thì đến mười phương thế giới độ chúng sanh, mưa bảy báu; ở thế giới đi đến, đều là nhất thừa thanh tịnh, sống lâu vô lượng vô số kiếp.

Hỏi: Phép của Bồ-tát là phải độ chúng sanh, có sao chỉ đi đến thế giới thanh tịnh, sống lâu vô lượng?

Đáp: Bồ-tát có hai hạng: 1. Có tâm từ bi, phần nhiều vì chúng sanh. 2. Phần nhiều nhóm các công đức chư Phật. Người ưa nhóm nhiều công đức chư Phật thời đến thế giới nhất thừa thanh tịnh sống lâu vô lượng. Người ưa vì chúng sanh nhiều thì đến chỗ không có Phật Pháp Tăng. Tán thán danh Tam bảo, như chương sau sẽ nói.

KINH: Này Xá-lợi-phất, có Bồ-tát ma-ha-tát lúc mới phát tâm, được Sơ thiên cho đến đệ Tứ thiên, được bốn tâm vô lượng, được bốn định vô sắc, tu bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung, vị Bồ-tát ấy không sanh trong cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, mà thường sanh đến chỗ có lợi ích cho chúng sanh.

LUẬN: Vị Bồ-tát ấy hoặc sanh ở thế giới không có Phật, hoặc sanh ở thế giới có Phật, hoặc sanh vào thế giới bất tịnh, có ba ác đạo, bản cùng hạ liệt, hoặc sanh thế giới thanh tịnh.

Sanh đến thế giới không có Phật, thì lấy mười thiện đạo, bốn thiên, cho đến bốn định vô sắc, làm lợi ích chúng sanh, khiến tín hướng Tam bảo, tuyên nói năm giới và giới xuất gia, khiến được thiên định, trí tuệ công đức.

Thế giới không thanh tịnh có hai: có Phật hiện tại và sau Phật diệt độ. Sau Phật diệt độ, hoặc có khi xuất gia, hoặc có khi tại gia, đem tài thí pháp thí làm lợi ích chúng sanh. Nếu Phật đang tại thế thì tạo các nhân duyên dẫn đạo chúng sanh khiến đến chỗ Phật.

Ở thế giới thanh tịnh mà chúng sanh chưa đủ công đức thì làm cho họ đầy đủ. Ấy gọi là chỗ sanh đến làm lợi ích chúng sanh.

KINH: Nay Xá-lợi-phất, có Bồ-tát ma-ha-tát lúc mới phát tâm, hành sáu Ba-la-mật, lên địa vị Bồ-tát, được bất thối chuyển.

Nay Xá-lợi-phất, có Bồ-tát ma-ha-tát lúc mới phát tâm, liền được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, liền chuyển pháp luân, làm lợi ích thâm hậu cho vô lượng vô số chúng sanh xong, vào Vô dư Niết-bàn. Sau khi Phật ấy Niết-bàn, chánh pháp lưu lại hoặc một kiếp hoặc non một kiếp.

Nay Xá-lợi-phất, có Bồ-tát ma-ha-tát lúc mới phát tâm, cùng Bát-nhã ba-la-mật tương ưng, cùng với vô số trăm ngàn ức Bồ-tát từ một nước Phật đến một nước Phật, làm thanh tịnh Phật độ.

LUẬN: Có ba hạng Bồ-tát căn lợi tâm bền. Khi chưa phát tâm đã từ lâu nhóm vô lượng phước đức trí tuệ, người ấy gặp Phật nghe pháp Đại thừa, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tức thời thật hành sáu ba-la-mật, vào Bồ-tát vị được bất thối chuyển, vì sao? Vì trước nhóm vô lượng phước đức, căn lợi tâm bền, theo Phật nghe pháp, ví như đi xa, có người cỡi dê, có người cỡi ngựa, có người dùng thần thông. Người cỡi dê thật lâu mới đến, người cỡi ngựa hơi mau hơn, người cỡi thần thông móng ý liền đến, như vậy không được nói trong lúc phát tâm làm sao đến được. Tướng trạng thần thông là như vậy, không nên sanh nghi. Bồ-tát cũng như vậy, khi phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, liền vào Bồ-tát vị.

Có Bồ-tát mới phát tâm, tâm ban đầu tuy tốt, về sau xen các niệm ác, thường thường khởi niệm: Ta cầu Phật đạo, đem các công đức hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, người ấy thật lâu vô lượng vô số kiếp hoặc đến hoặc không đến, vì nhân duyên phước đức đời trước mỏng, mà lại độn căn, tâm không bền chắc, như người cỡi dê.

Có người đời trước có chút ít phước đức lợi căn, phát tâm dần dần thật hành sáu Ba-la-mật, trải qua hoặc ba hoặc mười hoặc trăm vô số kiếp, chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, như người cỡi ngựa chắc đi đến được.

Hạng thứ ba người cỡi thần thông thì như trên vừa nói.

Ba hạng phát tâm ấy là: 1. Tội nhiều phước ít. 2. Phước nhiều tội ít. 3. Chỉ thật hành phước đức thanh tịnh.

Thanh tịnh có hai: 1. Lúc mới phát tâm liền được Bồ-tát đạo. 2. Sau thời gian ngắn, cúng dường mười phương chư Phật, thông đạt Bồ-tát đạo, vào Bồ-tát vị, tức là địa vị bất thối. Nghĩa Bồ-tát bất thối như trên đã nói. 3. Hạng Bồ-tát phát tâm thứ hai, Bồ-tát tiếp sau, rất chán thế gian, đời đời lại đây, thường ưa chân thật, ghét giả dối, Bồ-tát này cũng căn lợi tâm bền, lâu ngày nhóm vô lượng phước đức trí tuệ, khi mới phát tâm liền được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; liền chuyển pháp luân, độ vô lượng chúng sanh, vào Vô dư Niết-bàn, chánh pháp trụ thế hoặc một kiếp, hoặc non một kiếp, lưu lại hóa Phật để độ chúng sanh.

Phật có hai lực thần thông: 1. Lúc còn ở đời. 2. Sau khi diệt độ. Nghĩa chữ kiếp như trên đã nói. Chúng sanh được độ trong một kiếp cũng không ít.

Hạng Bồ-tát phát tâm thứ ba, cũng căn lợi tâm bền, lâu ngày nhóm phước đức, phát tâm liền cùng Bát-nhã ba-la-mật tương ưng, được sáu thần thông, cùng vô lượng chúng sanh xem mười phương thế giới thanh tịnh mà tự trang nghiêm quốc độ mình, như Phật A-di-đà, đời trước lúc làm Tỳ-kheo Pháp-tạng, được Phật dẫn đến khắp mười phương, chỉ cho thấy cõi nước thanh tịnh, khiến chọn cõi nước thanh tịnh để tự trang nghiêm nước mình.

(HẾT CUỐN 38 THEO BẢN HÁN)

KINH: Nay Xá-lợi-phất, có Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, được bốn thiên, bốn tâm vô lượng, bốn định Vô sắc, dạo chơi trong ấy mà vào Sơ thiên, từ Sơ thiên khởi, vào Diệt tận định; từ Diệt tận định khởi, cho đến vào Tứ thiên; từ Tứ thiên khởi, vào Diệt tận định; từ Diệt tận định khởi, vào Hư không xứ; từ Hư không xứ khởi, vào Diệt tận định; từ Diệt tận định khởi cho đến vào Phi hữu tướng phi vô tướng xứ; từ Phi hữu tướng phi vô tướng xứ khởi, vào Diệt tận định.

Như vậy Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, dùng lực phương tiện nên vào định một cách vượt bậc.

LUẬN. *Hỏi:* Nếu người phạm phu không thể vào Diệt tận định, có sao Bồ-tát từ thiên khởi, lại vào Diệt tận định?

Đáp: Trong A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa Tiểu thừa nói như vậy, chẳng phải Phật dạy trong Tam tạng.

* Lại Bồ-tát ấy, thánh nhân còn không kịp hưởng gì đang là phạm phu, ví như voi trắng sáu ngà, tuy bị tên độc, vẫn thương xót kẻ bắn. Tâm từ bi như vậy, A-la-hán không có. Lúc Bồ-tát còn ở trong súc sanh mà còn như vậy hưởng gì khi làm thân người, lia dục vào thiên mà không được vào Diệt tận định.

Hỏi: Nếu Bồ-tát được Diệt tận định có thể như vậy, còn phép vào định vượt bậc thì không thể quá hai. Nếu nói từ Sơ thiên khởi cho đến vào Diệt tận định, không có cách ấy?

Đáp: Các người khác tuy có pháp vào định, vì sức ít, nên không thể vượt xa. Còn Bồ-tát có vô lượng lực phước đức trí tuệ sâu vào thiên định, tâm không đấm trước, cho nên hay vượt xa, ví như lực sĩ trong cõi người, nhảy không quá ba bốn trượng, nếu lực sĩ cõi trời, thời không hạn số. Trong pháp Tiểu thừa, vượt một bậc là định pháp, còn Bồ-tát lực thiên định lớn, tâm không đấm trước, nên tùy ý vượt xa gần.

Hỏi: Nếu như vậy, thì định vượt bậc là lớn; còn định theo thứ lớp không phải là lớn?

Đáp: Cả hai đều lớn, vì sao? Vì từ Sơ thiền khởi, đến Nhị thiền, không có tâm gì khác xen vào, nhất niệm vào định, cho đến Diệt tận định đều như vậy. Vượt bậc là từ Sơ thiền khởi vào đệ tam thiền cũng không để cho tâm khác xen vào, cho đến Diệt tận định, nghịch hay thuận đều như vậy.

Có người nói: định vượt bậc hơn, vì sao? Vì đều không có tâm khác xen vào mà có thể vượt bậc; ví như ngựa vui vầy xoay chuyển tùy ý.

KINH: Nay Xá-lợi-phất, có Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, tu bốn niệm xứ, cho đến mười tám pháp không chung, không thủ chứng quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, Bích-chi Phật đạo, dùng lực phương tiện vì chúng sanh phát khởi tám thánh đạo phần, do tám đạo phần ấy, khiến được quả Tu-đà-hoàn, cho đến Bích-chi Phật đạo.

Nay Xá-lợi-phất, quả và trí của hết thầy A-la-hán, Bích-chi Phật, là vô sanh pháp nhẫn của Bồ-tát ma-ha-tát.

Nay Xá-lợi-phất, nên biết Bồ-tát ma-ha-tát ấy hành Bát-nhã ba-la-mật, trú ở trong địa vị bất thối.

LUẬN. *Hỏi:* Sao không nói Bồ-tát ấy hành sáu Ba-la-mật mà chỉ nói được bốn niệm xứ?

Đáp: Hoặc nói hoặc không nói, nên biết Bồ-tát đều thực hành sáu Ba-la-mật, đối với ba mươi bảy đạo phẩm hoặc hành hoặc không hành. Không thủ chứng đạo quả Thanh văn, Bích-chi Phật, có đại từ đại bi, sâu vào lực phương tiện... như trước đã nói.

Hỏi: Không được các đạo quả làm sao có thể lấy đó để hóa độ người?

Đáp: Phật tự nói nhân duyên: đó là quả và trí của Thanh văn, Bích-chi Phật đều là pháp nhân của Bồ-tát, chỉ không nhận lãnh danh tự các đạo quả; quả và trí đều nhập vào vô sanh pháp nhân.

* Lại nữa, chỉ không thủ chứng, còn các pháp khác đều thực hành.

Được Bồ-tát đạo, gọi là bất thối chuyển.

KINH: Nay Xá-lợi-phất, có Bồ-tát ma-ha-tát trú ở sáu Ba-la-mật, thanh tịnh cõi trời Đâu-suất. Nên biết đó là vị Bồ-tát trong Hiền kiếp.

LUẬN: Bồ-tát có mỗi mỗi đạo, mỗi mỗi hạnh, mỗi mỗi nguyện, do nhân duyên tu nghiệp, Bồ-tát ấy sanh trên cõi trời Đâu-suất, vào giữa chúng hội ngàn Bồ-tát, thứ lớp làm Phật. Có tướng trạng như vậy, nên biết đó là Bồ-tát trong Hiền kiếp.

KINH: Nay Xá-lợi-phất, có Bồ-tát ma-ha-tát tu bốn thiên cho đến mười tám pháp không chung, mà chưa chứng bốn đế, nên biết ấy là Bồ-tát một đời bồ xứ.

LUẬN. *Hỏi:* Bồ-tát một đời bồ xứ ấy, nên sanh cõi trời Đâu-suất, có sao nói được bốn thiên...?

Đáp: Bồ-tát ấy sanh trên cõi trời Đâu-suất, lia dục được bốn thiên...

* Lại nữa, Bồ-tát bồ xứ ấy, từ khi lia dục trở lại, lâu ngày đầy đủ Phật pháp, dùng lực phương tiện, theo phép bồ xứ, sanh cõi trời Đâu-suất, chưa chứng bốn đế, là cố ý để lại không chứng, nếu thủ chứng thì thành Bích-chi Phật, vì muốn thành Phật nên không chứng.

KINH: Nay Xá-lợi-phất, có Bồ-tát ma-ha-tát vô lượng vô số kiếp tu hành, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

LUẬN: Bồ-tát ấy tuy trồng thiện căn, cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nhưng vì căn độn, tu hành hỗn tạp, nên thật lâu mới được. Do trồng thiện căn sâu nên chắc chắn được.

KINH: Nay Xá-lợi-phất, có Bồ-tát ma-ha-tát trú ở sáu Ba-la-mật, thường siêng tinh tấn, lợi ích chúng sanh, không nói việc vô ích.

LUẬN: Bồ-tát ấy trước có ác khẩu, nên phát tâm Bồ-tát nguyện rằng: Tôi vĩnh viễn xa lìa bốn lỗi miệng, được đạo ấy.

* Lại nữa, Bồ-tát ấy biết trong Bát-nhã ba-la-mật, các pháp không có định tướng. Không có tướng có thể chấp trước, có thể nói. Biết như vậy mà có thể làm lợi ích, thì đó đều là Phật pháp, nếu không thể làm lợi ích, thời tuy có nói giỏi, cũng chẳng phải Phật pháp. Ví như các thứ thuốc hay, mà không chữa được bệnh, không gọi là thuốc, dầu cho đắt bòn mà chữa lành bệnh cũng gọi là thuốc. Vì vậy, sợ nó sai lầm, nên không nói việc vô ích.

KINH: Nay Xá-lợi-phất, Có Bồ-tát ma-ha-tát hành sáu Ba-la-mật, thường siêng tinh tấn, lợi ích chúng sanh, từ một nước Phật đến một nước Phật, dứt ba đường ác cho chúng sanh.

LUẬN: Bồ-tát ấy trú ở sáu thần thông, đi đến mười phương thế giới, ngăn chặn ba đường bất thiện thượng, trung, hạ.

KINH: Nay Xá-lợi-phất, có Bồ-tát ma-ha-tát trú ở sáu Ba-la-mật, lấy bố thí làm đầu, đem an vui cho hết thảy chúng sanh, cần ăn uống cho ăn uống; y phục, đồ nằm, anh lạc, hoa hương, phòng xá, đèn đuốc, tùy chỗ cần đến đều cho hết.

LUẬN: Bồ-tát có hai việc: 1. Hay làm cho chúng sanh lìa khổ. 2. Hay cho vui.

* Lại có hai việc: 1. Thương xót chúng sanh trong ba đường ác. 2. Thương xót người.

Bồ-tát cho chúng sanh vui, vì thương người, nên tùy chỗ họ cần đến đều cho hết.

KINH: Nay Xá-lợi-phất, có Bồ-tát ma-ha-tát lúc hành Ba-la-mật, biến thân như Phật, thuyết pháp cho chúng sanh trong địa ngục, thuyết pháp cho chúng sanh trong súc sanh, ngạ quỷ.

LUẬN. *Hỏi:* Bồ-tát ấy có sao biến làm thân Phật, tựa như không tôn trọng Phật?

Đáp: Có chúng sanh nhờ thấy thân Phật mà đắc độ, hoặc có chúng sanh thấy các thân Chuyển luân thánh vương... mà đắc độ, vì vậy biến thân làm Phật.

* Lại nữa, thế gian xưng Phật danh hiệu là đại bi, là Thế Tôn. Nếu dùng thân Phật vào địa ngục, thời vua Diêm-la, các quỷ thần không ngăn trở, là bậc tôn quý của ta, làm sao ngăn được.

Hỏi: Nếu ở trong địa ngục lửa cháy, thường bị thống khổ, tâm thường tán loạn, không lãnh thọ pháp được, làm sao hóa độ?

Đáp: Bồ-tát dùng lực thân thông bất khả tư nghì, phá vạc, diệt lửa, cấm chế lính ngục, phóng hào quang chiếu soi, chúng sanh tâm vui, mới thuyết pháp cho, nghe thời thọ trì.

Hỏi: Nếu như vậy, chúng sanh địa ngục có người đắc đạo chăng?

Đáp: Tuy không đắc đạo, mà gieo nhân duyên thiện căn đắc đạo, vì sao? Vì trọng tội không thể đắc đạo, còn trong đường súc sanh thì nên phân biệt, hoặc đắc đạo hoặc không đắc đạo. Như rồng chúa A-na-bà-đạt-đa, rồng chúa Ta-kiệt... đắc Bồ-tát đạo. Trong đường quỷ thần Dạ-xoa, Mật-tích Kim-cang, quỷ Tử-mẫu... có kẻ đắc kiến đạo, là đại Bồ-tát.

KINH: Nay Xá-lợi-phất, có Bồ-tát ma-ha-tát lúc hành sáu Ba-la-mật, biến thân như Phật, đến khắp mười phương hằng hà sa thế giới chư Phật, thuyết pháp cho chúng sanh và cúng dường chư Phật, thanh tịnh Phật độ. Nghe chư Phật thuyết pháp, xem

xét, chọn lựa tướng Phật quốc tịnh diệu trong mười phương, để mà tự dựng lên quốc độ thù thắng, trong đó các Bồ-tát đều là một đời bồ xứ.

LUẬN: Bồ-tát ấy khắp vì chúng sanh trong sáu đường thuyết pháp, lại dùng thân Phật vì mười phương chúng sanh thuyết pháp. Hoặc có chúng sanh nghe đệ tử Phật thuyết pháp, không tin thọ, nếu nghe Phật đọc tôn tự tại thuyết pháp thời tin thọ lời ngài. Bồ-tát vì nhân duyên hai việc nên cúng dường chư Phật, đó là trang nghiêm quốc độ, nghe pháp trang nghiêm quốc độ, đi đến mười phương Phật độ thủ lấy tướng quốc độ thanh tịnh, nhờ nhân duyên tu hành chuyên nên thù thắng và ánh sáng cũng nhiều, vì có sao? Vì ở trong quốc độ này đều là Bồ-tát một đời bồ xứ.

Hỏi: Nếu trước đã nói Bồ-tát một đời bồ xứ chỉ ở trên trời Đâu-suất, nay có sao nói Bồ-tát ở các thế giới tha phương đều là một đời bồ xứ?

Đáp: Bồ-tát một đời bồ xứ ở trên trời Đâu-suất, đó là phép thường trong ba ngàn thế giới, còn ở chỗ khác là không nhất định. Gọi là thanh tịnh đệ nhất vì chuyển đổi thân liền thành Phật đạo.

KINH: Nay Xá-lợi-phất, có Bồ-tát ma-ha-tát lúc hành sáu Ba-la-mật, thành tựu 32 tướng, các căn thanh tịnh lanh lợi, vì các căn thanh tịnh lanh lợi nên mọi người yêu kính, vì được yêu kính nên dần dần đem pháp ba thừa mà độ thoát họ.

Như vậy Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát lúc hành Bát-nhã ba-la-mật, nên học thân thanh tịnh, miệng thanh tịnh.

LUẬN: Bồ-tát ấy muốn làm cho chúng sanh mắt thấy thân kia thì đắc độ, cho nên dùng 32 tướng trang nghiêm thân.

Các căn thanh tịnh lanh lợi, là các căn mắt... vượt hơn người khác; tin căn, tuệ căn, các căn tâm số lanh lợi thanh tịnh đệ nhất, ai

thấy được đều khen là hy hữu, ta không có được việc ấy, yêu kính Bồ-tát, tín thọ Bồ-tát, đời đời đầy đủ đạo pháp, bằng ba thừa đạo mà vào Niết-bàn. Các căn mắt... ba mươi hai tướng ấy đều do thân, khẩu nghiệp thanh tịnh mà có được. Vì vậy Phật dạy Bồ-tát hãy nên thanh tịnh thân khẩu nghiệp.

KINH: Nay Xá-lợi-phất, có Bồ-tát ma-ha-tát hành sáu Ba-la-mật, được các căn thanh tịnh, do căn thanh tịnh ấy mà không tự cao, cũng không khinh hạ người khác.

LUẬN: Bồ-tát ấy thường hành sáu Ba-la-mật một cách thanh tịnh sâu xa, nên được các căn mắt... thanh tịnh lanh lợi, người đều yêu kính. Các căn thuộc tâm số pháp như tuệ căn... thanh tịnh lanh lợi không thể sánh, chỉ vì độ chúng sanh. Theo lẽ thường thế gian, nếu được điều gì đặc biệt thời tâm tự cao, khinh các người khác, nghĩ rằng: họ không có việc ấy, chỉ riêng ta có, vì nhân duyên ấy trở lại mất Phật đạo, như trong Kinh nói: Bồ-tát khinh các Bồ-tát khác, mỗi niệm mỗi kiếp xa dần Phật đạo, thì phải trở lại tu Phật đạo trải bấy nhiêu kiếp ấy, vì vậy nên không tự cao, cũng không khinh hạ người khác.

KINH: Nay Xá-lợi-phất, có Bồ-tát ma-ha-tát từ khi mới phát tâm, trú ở Thí ba-la-mật, Giới ba-la-mật, cho đến khi lên địa vị bất thối chuyển, trọn không đọa ác đạo.

LUẬN: Bồ-tát ấy từ ban đầu lại đây, rất sợ ác đạo, làm các công đức, nguyện không đọa ác đạo, cho đến địa vị bất thối chuyển, ở vị đáo định, trung gian thiên vì sợ đọa ác đạo nên phát nguyện và suy nghĩ rằng, nếu ta đọa ba đường ác thì tự độ không còn được, làm sao độ người.

* Lại ở trong ba đường ác, khi bị khổ sanh sân nã, kiết sử tăng thêm, trở lại gây nghiệp ác, trở lại chịu khổ báo, như vậy vô cùng, biết lúc nào sẽ được tu hành Phật đạo?

Hỏi: Nếu tà giới được quả báo không đọa ác đạo, có sao còn nói bổ thí gì nữa?

Đáp: Trì giới là căn bản không đọa ác đạo, bổ thí cũng có thể không đọa.

* Lại nữa, Bồ-tát trì giới tuy có thể không đọa ác đạo, nhưng sanh trong loài người bị nghèo cùng, không thể tự lợi, lại không ích người. Vì vậy thực hành bổ thí, các Ba-la-mật khác, đều có việc lợi của nó.

KINH: Nay Xá-lợi-phất, có Bồ-tát ma-ha-tát từ khi mới phát tâm cho đến lên địa vị bất thối chuyển, thường không bỏ mười hạnh lành.

LUẬN: Phật dạy trì giới nên không đọa ác đạo, bổ thí đi theo. Nay không biết làm thế nào thực hành Giới ba-la-mật cho đến lên địa vị bất thối chuyển, thế nên lại nói thường thực hành mười hạnh lành.

* Lại nữa, trước kia nói Bồ-tát trì giới không bền chắc, lấy bổ thí theo giúp, nay chỉ nói trì giới bền chắc, không bỏ mười lành, không đọa ba đường ác.

KINH: Nay Xá-lợi-phất, có Bồ-tát ma-ha-tát trú trong Thí ba-la-mật, Giới ba-la-mật, làm Chuyển luân thánh vương, an lập chúng sanh nơi mười thiện đạo, cũng lấy tài vật bố thí cho chúng sanh.

LUẬN: Do nhân duyên Thí, Giới ba-la-mật nên làm Chuyển luân thánh vương. Do thực hành Giới ba-la-mật nên khiến chúng sanh tín thọ mười lành; do thực hành Thí ba-la-mật nên tài báo cấp thí chúng sanh, cũng không thể hết.

Hỏi: Tất cả Bồ-tát đều thực hành hai Ba-la-mật ấy, đều làm Chuyển luân thánh vương chăng?

Đáp: Không hẳn như vậy, vì sao? Vì như trong phẩm này các Bồ-tát có nhiều cách vào Phật đạo; có Bồ-tát nghe nói nghi thức

Chuyển luân thánh vương, ở chỗ này có thể lợi ích chúng sanh, nên phát nguyện ở đó. Có Bồ-tát gieo nhân duyên làm Chuyển luân thánh vương, tuy không phát nguyện cũng được quả báo làm Chuyển luân thánh vương. Tự thực hành hai Ba-la-mật nên làm Chuyển luân thánh vương, cũng dạy chúng sanh tu mười thiện đạo, cũng tự hành bố thí. Có người nghe sanh nghi là một đời làm hay đời đời làm Chuyển luân thánh vương, thế nên:

KINH: Phật bảo Xá-lợi-phất, có Bồ-tát ma-ha-tát trú trong Thí ba-la-mật, Giới ba-la-mật, vô lượng ngàn vạn đời làm Chuyển luân thánh vương, gặp vô lượng trăm ngàn chư Phật, cúng dường cung kính, tôn trọng tán thán.

LUẬN: Nếu Bồ-tát biết làm Chuyển luân thánh vương rất ích cho chúng sanh, liền làm Chuyển luân thánh vương, nếu tự biết làm thân khác có ích lớn hơn, cũng làm thân khác.

* Lại nữa, muốn dùng pháp thế gian mà đại cúng dường Phật, nên làm Chuyển luân thánh vương.

KINH: Nay Xá-lợi-phất, có Bồ-tát ma-ha-tát thường vì chúng sanh lấy pháp soi sáng, cũng tự soi sáng mình, cho đến khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trọn không lìa soi sáng.

Nay Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát ấy đã được tôn trọng ở trong Phật pháp.

Nay Xá-lợi-phất, vì vậy Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật, không để cho vọng khởi thân, miệng, ý bất tịnh.

LUẬN: Các Bồ-tát trên hành Thí, Giới ba-la-mật, được làm Chuyển luân thánh vương; Bồ-tát ấy chỉ phân biệt các kinh, đọc tụng, ghi nhớ, suy nghĩ, phân biệt các pháp, để cầu Phật đạo. Lấy ánh sáng trí tuệ ấy tự lợi ích cũng làm lợi ích chúng sanh, như người ở giữa đường tối đốt đèn, tự lợi ích cũng lợi ích người.

Trọn không lìa là do nhân duyên ấy cho đến khi chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trọn không lìa ánh sáng trí tuệ.

* Lại nữa, Bồ-tát ấy, thanh tịnh pháp thí không cầu danh lợi cúng dường cung kính, không ham đệ tử, không ý trí tuệ, cũng không tự cao, khinh khi người khác; cũng không cơ hiểm châm chích, chỉ nhớ chư Phật mười phương lấy lòng từ thường nghĩ đến chúng sanh, Ta cũng học Phật đạo như vậy. Thuyết pháp không dựa vào đâu, không đả trước gì, chỉ vì làm cho chúng sanh biết thật tướng các pháp. Như vậy thanh tịnh thuyết pháp, đời đời không mất ánh sáng trí tuệ, cho đến chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đã được tôn trọng là các Bồ-tát trên được như vậy đều được tôn trọng đối với chúng sanh.

Không để cho vọng khởi thân, miệng, ý bất tịnh là thường đem tâm thanh tịnh pháp thí, không nên vọng khởi thân khẩu ý ác nghiệp, vì sao? Vì nếu khởi thân khẩu ý ác, thời người nghe không tín thọ. Nếu ý nghiệp bất tịnh thời trí tuệ không sáng, trí tuệ không sáng thời không thể khéo hành Bồ-tát đạo.

* Lại nữa, không chỉ một Bồ-tát ấy, các Bồ-tát trước nay thực hành được pháp ấy đều gọi là tôn trọng Phật giáo. Nếu Bồ-tát muốn hành Bồ-tát đạo, đều không nên xen tạo tội, không để cho vọng khởi hết thảy nghiệp tội ác. Tập hành thời đối với việc hành đạo khó, không thể mau thành Phật đạo, vì tội nghiệp phá hoại phước đức vậy.

KINH: Xá-lợi-phất bạch Phật rằng, bạch Thế Tôn! Bồ-tát thân nghiệp bất tịnh, khẩu nghiệp bất tịnh, ý nghiệp bất tịnh thế nào?

LUẬN. *Hỏi:* Xá-lợi-phất, trí tuệ đệ nhất, sao không biết thân khẩu ý ác nghiệp?

Đáp: Xá-lợi-phất đối với pháp Thanh văn thời biết, còn việc của Bồ-tát khác nên không biết. Như nói “Nếu Bồ-tát sanh tâm

Thanh văn, Bích-chi Phật, ấy là Bò-tát phá giới”. Vì vậy nên Xá-lợi-phất nghi, không biết thế nào là Bò-tát tội chẳng tội.

* Lại nữa, Xá-lợi-phất biết ba bất thiện đạo của thân, bốn bất thiện đạo của miệng, ba bất thiện đạo của ý, ấy là thân khẩu ý tội. Còn trong đây Phật đáp, nếu Bò-tát chấp thủ tướng thân khẩu ý, ấy là Bò-tát thân khẩu ý tội. Do các nhân duyên như vậy nên Xá-lợi-phất hỏi.

KINH: Phật bảo Xá-lợi-phất, nếu Bò-tát ma-ha-tát nghĩ rằng đây thân, đây miệng, đây ý, như vậy chấp thủ tướng làm duyên. Xá-lợi-phất, ấy gọi là Bò-tát thân khẩu ý tội.

Này Xá-lợi-phất, Bò-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật, không thủ đắc thân, không thủ đắc khẩu, không thủ đắc ý. Xá-lợi-phất, Bò-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật nếu thủ đắc thân, khẩu, ý, dùng thân khẩu ý thủ đắc ấy, nên sanh tâm xan tham, tâm phạm giới, tâm sân, tâm giải đãi, tâm loạn, tâm si... Nên biết Bò-tát ấy, khi hành sáu Ba-la-mật không thể trừ thân khẩu ý thô nghiệp.

LUẬN: Phật khai thị Xá-lợi-phất rằng: ở trong pháp không, Bò-tát không thấy ba nghiệp, ấy là vô tội; nếu thấy ba nghiệp, ấy là tội. Ở trong pháp Thanh văn, mười bất thiện đạo, ấy là tội nghiệp; trong pháp Đại thừa, thấy có thân, miệng, ý làm, ấy là tội, vì sao? Vì có làm, có thấy, người làm, người thấy, đều là hư dối. Người thô thì tội thô, người tế thì tội tế. Như khi xa lìa cõi Dục, thì năm dục, năm triền cái là ác tội, Sơ thiền thu nhiếp thiện giác quán là vô tội; khi lìa Sơ thiền vào Nhị thiền, thời giác quán là tội; Nhị thiền thu nhiếp tâm hỷ thiện là vô tội, cho đến Phi hữu tướng phi vô tướng xứ cũng như vậy.

Vào trong thật tướng các pháp, thời hết thấy các quán, các kiến, các pháp, đều gọi là tội. Người Tiểu thừa, vì sợ ba ác đạo nên cho

mười nghiệp bất thiện là tội; còn người Đại thừa cho sự sanh tâm chấp trước thủ tướng các pháp, trái với ba môn giải thoát, ấy gọi là tội. Vì việc khác ấy, nên gọi là Đại thừa. Nếu còn thấy có ba nghiệp ấy, tuy không khởi ác, cũng không gọi là bền chắc; không thấy thân khẩu ý ấy là căn bản của ba nghiệp, ấy là bền chắc. Bồ-tát ấy ngộ pháp không, nên không thấy ba việc ấy; nếu dùng ba việc ấy thời khởi lên tướng xan tham, tướng phạm giới, tướng sân, tướng giải đãi, tướng tán loạn, tướng ngu si. Nhân không nên quả cũng không, như không cây thời không có bóng in. Nếu quán được như vậy, thời trừ nghiệp thân khẩu ý.

Hỏi: Trước đây nói tội nghiệp, nay sao nói thô nghiệp?

Đáp: Thô nghiệp tội nghiệp không khác, tội tức là thô, không gọi là tế.

* Lại nữa, người Thanh văn cho thân khẩu nghiệp bất thiện là thô, ý nghiệp bất thiện là tế. Các kiết sử sân nhuế, tà kiến... là thô tội, các kiết sử tham ái, kiêu mạn... là tế tội. Ba ác giác tưởng là dục tưởng, sân tưởng, não tưởng gọi là thô; giác tưởng bà con, giác tưởng quốc độ, giác tưởng không chết, gọi là tế. Chỉ giác tưởng thiện, gọi là vi tế. Các giác tưởng này, trong Đại thừa đều nói là thô, vì vậy nên nói là thô tội.

KINH: Xá-lợi-phất bạch Phật rằng, bạch Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát làm sao trừ thân khẩu ý nghiệp?

Phật bảo Xá-lợi-phất, nếu Bồ-tát ma-ha-tát không thủ đắc thân, không thủ đắc khẩu, không thủ đắc ý, như vậy Bồ-tát ma-ha-tát trừ được thân, khẩu, ý nghiệp.

Lại nữa, Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát từ khi mới phát tâm tu mười thiện đạo, không sanh tâm Thanh văn, không sanh tâm Bích-chi Phật; Bồ-tát ma-ha-tát như vậy trừ thân khẩu ý thô nghiệp.

LUẬN. *Hỏi*: Những gì là thân khẩu ý tế nghiệp, trái lại là thô?

Đáp: Như trước đã có nói.

* Lại nữa, nghiệp của người phàm phu là thô đối với Thanh văn, nghiệp của Thanh văn là thô đối với Đại thừa.

* Lại nữa, nghiệp như là thô, nghiệp không như là tế; nghiệp làm nhân duyên sanh ra khổ thọ là thô, nghiệp không làm nhân duyên sanh ra khổ thọ là tế; nghiệp có giác có quán là thô, nghiệp không giác không quán là tế.

* Lại nữa, thấy có ngã cho đến có người biết, người thấy là thô, nếu không thấy ngã cho đến người biết người thấy, chỉ thấy ba nghiệp, năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới là tế.

* Lại nữa, có sở kiến gọi là thô, không sở kiến gọi là tế. Vì vậy Phật bảo Xá-lợi-phất, nếu Bồ-tát không thủ đắc tướng thân khẩu ý, thời khi ấy trừ hết ba thô nghiệp.

* Lại nữa, khi mới phát tâm trú trong rốt ráo không, hết thấy pháp không thể có được, mà thường thực hành mười thiện đạo, không khởi tâm Thanh văn, Bích-chi Phật. Dùng tâm không thủ tướng, hồi hướng tất cả thiện căn đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; ấy gọi là Bồ-tát trừ thân khẩu ý thô nghiệp, gọi là thanh tịnh.

KINH: Đây Xá-lợi-phất, có Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật tịnh Phật đạo, hành Thí ba-la-mật, Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật; ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát trừ thân khẩu ý thô nghiệp của thân, khẩu, ý.

Xá-lợi-phất, bạch Phật rằng, bạch Thế Tôn! Thế nào là Phật đạo của Bồ-tát ma-ha-tát?

Phật bảo Xá-lợi-phất, Phật đạo là Bồ-tát ma-ha-tát không thủ đắc thân, không thủ đắc miệng, không thủ đắc ý, không thủ đắc Thí ba-la-mật cho đến không thủ đắc Bát-nhã ba-la-mật;

không thủ đắc Thanh văn, Bích-chi Phật; không thủ đắc Bồ-tát, không thủ đắc Phật. Xá-lợi-phất, ấy gọi là Phật đạo của Bồ-tát ma-ha-tát, đó nghĩa là các pháp không thể có được.

LUẬN: Bồ-tát ấy nương tổng tướng sáu Ba-la-mật mà tịnh Phật đạo.

Hỏi: Xá-lợi-phất theo Phật nghe biết trừ ba ác ba thô tức là tịnh Phật đạo, sao nay còn hỏi?

Đáp: Trước nói tướng ba nghiệp thanh tịnh, nay nói tướng tất cả pháp thanh tịnh; trước nói lược, nay nói tướng riêng; trước chỉ không thủ đắc tướng ba nghiệp, nay không thủ đắc tướng sáu Ba-la-mật, tướng các hiền thánh, Bồ-tát và Phật, ấy gọi là tịnh Phật đạo. Vì hết thầy pháp đều không thể có được. Không thể có được thân cho đến không thể có được Bát-nhã ba-la-mật; ấy gọi là pháp không. Không thể có được Thanh văn cho đến Phật; ấy gọi là chúng sanh không. Bồ-tát trụ trong hai không ấy, dần dần chứng được Nhất thiết bất khả đắc không. Bất khả đắc không tức là thật tướng các pháp. Nghĩa Bất khả đắc không này như trong chương Mười tám không ở trước đã nói.

KINH: Nay Xá-lợi-phất, có Bồ-tát ma-ha-tát khi hành sáu Ba-la-mật, không gì phá hoại được.

Xá-lợi-phất bạch Phật, bạch Thế Tôn! Làm sao Bồ-tát ma-ha-tát khi hành sáu Ba-la-mật, không gì phá hoại được?

Phật bảo Xá-lợi-phất, nếu Bồ-tát ma-ha-tát khi hành sáu Ba-la-mật, không nghĩ có sắc uẩn cho đến thức uẩn, không nghĩ có mắt cho đến ý; không nghĩ có sắc cho đến pháp; không nghĩ có nhãn giới cho đến pháp giới; không nghĩ có bốn niệm xứ cho đến tám thánh đạo phần; không nghĩ có Thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật; không nghĩ có mười lực cho đến mười tám pháp không chung; không nghĩ có quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-

hán; không nghĩ có Bích-chi Phật cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát hành như vậy, tăng ích sáu Ba-la-mật, không gì phá hoại được.

LUẬN: Phật vì Xá-lợi-phất dùng nhiều cách phân biệt các Bồ-tát, tiếp đến nói có Bồ-tát khi mới phát tâm đã không gì phá hoại được. Xá-lợi-phất kinh ngạc vui mừng cung kính các Bồ-tát, thế nên hỏi Bồ-tát chưa dứt kiết sử, chưa chứng thật pháp, vì nhân duyên gì mà không thể phá hoại? Phật đáp rằng: nếu Bồ-tát không nghĩ có sắc, cho đến không nghĩ có Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, được pháp không ấy cũng được chúng sanh không. Nếu là pháp không, người quán không cũng không, trú ở trong Bát-nhã ba-la-mật vô ngại ấy, không gì có thể phá hoại được.

KINH: Này Xá-lợi-phất, có Bồ-tát ma-ha-tát trú trong Bát-nhã ba-la-mật, đầy đủ trí tuệ. Do trí tuệ ấy thường không đọa ác đạo, không sanh trong hạng người tệ ác, không làm người nghèo cùng, thọ được thân thể không bị người, trời, A-tu-la chán ghét.

LUẬN: Bồ-tát ấy từ đời trước lại đây ưa vui trí tuệ, học tất cả kinh sách, quán sát suy nghĩ, nghe lược các pháp, tự dùng trí tuệ suy tìm thật tướng trong hết thầy pháp. Được thật tướng hết thầy pháp, nên được chư Phật thâm tâm ái niệm. Vì nhân duyên của vô lượng trí tuệ và phước đức ấy, nên thân tâm đầy đủ, thường hưởng thụ giàu vui, không điều gì không thể.

KINH: Xá-lợi-phất bạch Phật rằng, bạch Thế Tôn! Thế nào là trí tuệ của Bồ-tát ma-ha-tát?

Phật bảo Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát dùng trí tuệ ấy, thành tựu việc thấy mười phương Hằng hà sa chư Phật và nghe Pháp, thấy Tăng, cũng thấy cõi Phật nghiêm tịnh; Bồ-tát ma-ha-tát dùng trí tuệ ấy, không khởi Phật tưởng, không khởi Bồ-tát

tướng, không khởi Thanh văn, Bích-chi Phật tướng, không khởi ngã tướng, không khởi Phật quốc tướng; dùng trí tuệ ấy thực hành Thí ba-la-mật, cũng không thủ đắc tướng Thí ba-la-mật, cho đến thực hành Bát-nhã ba-la-mật cũng không thủ đắc tướng Bát-nhã ba-la-mật; thực hành bốn niệm xứ, cũng không thủ đắc tướng bốn niệm xứ, cho đến mười tám pháp không chung, cũng không thủ đắc tướng mười tám pháp không chung.

Này Xá-lợi-phất, ấy gọi là trí tuệ của Bồ-tát ma-ha-tát. Dùng trí tuệ ấy có thể đầy đủ hết thấy pháp, cũng không thủ đắc tướng của hết thấy pháp.

LUẬN: Trong đây Phật dạy hai thứ trí tuệ: 1. Phân biệt phá hoại các pháp mà không chấp thủ tướng. 2. Không trước tâm, không thủ tướng, thấy mười phương chư Phật, nghe Pháp.

Hỏi: Làm sao hành Thí ba-la-mật mà không thủ đắc tướng thí?

Đáp: Không thủ đắc tướng một, tướng khác, tướng thật, tướng không trong bố thí. Bố thí ấy do nhân duyên hòa hợp sanh, từ nơi bố thí ấy làm cho chúng sanh được phước vui và khuyến trợ Phật đạo. Vì vậy, thực hành bố thí cũng không thủ đắc tướng bố thí. Nghĩa không thủ đắc như trên đã nói. Cho đến mười tám pháp không chung cũng như vậy.

Ấy gọi là trí tuệ Bồ-tát, có thể đầy đủ hết thấy pháp mà không thủ đắc các pháp.

KINH: Này Xá-lợi-phất, có Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật, sạch nơi năm mắt: Mắt thịt, mắt trời, mắt tuệ, mắt pháp, mắt Phật.

Xá-lợi-phất bạch Phật rằng, bạch Thế Tôn! Bồ-tát mắt thịt sạch thế nào?

Phật bảo Xá-lợi-phất, có Bồ-tát mắt thịt thấy xa được trăm do tuần, có Bồ-tát mắt thịt thấy xa được hai trăm do tuần, có Bồ-

tát mắt thịt thấy một cõi Diêm-phù-đề, có Bồ-tát mắt thịt thấy được hai châu thiên hạ, ba châu thiên hạ, bốn châu thiên hạ. Có Bồ-tát mắt thịt thấy được tiểu thiên thế giới, có Bồ-tát mắt thịt thấy được trung thiên thế giới, có Bồ-tát mắt thịt thấy được ba ngàn đại thiên thế giới.

Này Xá-lợi-phất, ấy là Bồ-tát ma-ha-tát mắt thịt sạch.

LUẬN. *Hỏi:* Sao Phật không nói hành Bát-nhã ba-la-mật sanh năm mắt, mà lại nói sạch năm mắt?

Đáp: Bồ-tát trước có mắt thịt, cũng có một phần bốn mắt kia, vì các tội kiết sử che lấp nên không được trong sạch, như gương tánh nó chiếu sáng, vì nhơ nên không thấy, nếu trừ nhơ thời chiếu sáng như cũ. Bồ-tát hành sáu Ba-la-mật, diệt các pháp nhơ, nên mắt được trong sạch.

Mắt thịt: Do nghiệp nhân duyên nên trong sạch, **mắt trời** do thiên định và nghiệp nhân duyên nên trong sạch, ba mắt kia do tu vô lượng trí tuệ và phước đức nhân duyên nên trong sạch. Tôi đại Bồ-tát mắt thịt rất thù thắng, thấy được ba ngàn đại thiên thế giới.

Hỏi: Nếu trong ba ngàn đại thiên thế giới thì có trăm ức núi Tu-di, các núi Thiết Vi, gò đồi, cây cối làm chướng ngại làm sao thấy khắp được? Nếu thấy được thì cần gì dùng mắt trời? Nếu không thấy được, thì sao trong đây nói thấy ba ngàn đại thiên thế giới?

Đáp: Không vì chướng ngại nên thấy, nếu không chướng ngại thì thấy được ba ngàn thế giới, như xem bàn tay không khác.

* Lại nữa, có người nói: Mắt trời của Bồ-tát có hai thứ: 1. Do sức thiên định mà được. 2. Do quả báo của hành nghiệp đời trước mà được.

Do nghiệp báo sanh mắt trời thường ở trong mắt thịt, vì vậy các vật trong ba ngàn thế giới không thể làm ngăn ngại. Nhờ mắt trời mở chướng ngại mà mắt thịt được thấy. Thế nên mắt thịt được

gọi là mắt trời, do quả báo sanh, thường ở trước mặt, không đợi phải nhiếp tâm.

Hỏi: Phật là Thế Tôn, có lực thấy cùng khắp, cứ sao chỉ thấy một ba ngàn đại thiên thế giới, chứ không thấy nhiều hơn?

Đáp: Nếu mắt thịt mà quá ba ngàn đại thiên thế giới còn thấy được thì đâu cần mắt trời, vì mắt thịt thấy không đến kịp, mới tu học mắt trời.

* Lại nữa, ba ngàn đại thiên thế giới, kiếp ban sơ cùng một lúc sanh ra, kiếp tận cùng, một lúc diệt đi, ngoài thế giới, vô ương số do tuần đều là hư không; trong hư không thường có gió, mắt thịt trái với gió, vì trái nên không thể thấy xuyên qua thế giới khác. Hoặc có Bồ-tát ở trên cảnh ba ngàn thế giới, kể về số đạo chứng, cũng có thể thấy thế giới gần của phương khác.

Hỏi: Bồ-tát và Phật sao không chứa nhóm vô lượng phước đức thanh tịnh, để làm cho mắt thịt ở xa cũng thấy được?

Đáp: Nhân duyên mắt thịt hư dối không sạch, nhân duyên mắt trời trong sạch, nếu không mắt trời, sẽ tập luyện mắt thịt, cưỡng làm cho thấy xa.

* Lại nữa, như trong Kinh nói, cực xa thấy được ba ngàn thế giới. Phật pháp không thể nghĩ bàn, kinh pháp rất nhiều, hoặc có thể thấy xa, chỉ trong đây không nói mà thôi. Bồ-tát nhỏ xa thấy Phật đạo, thấy được hai ngàn trung thiên thế giới, vì không gieo nhân duyên hành nghiệp thanh tịnh nên nhỏ, còn người không bằng thì thấy được tiểu thiên thế giới; lại người không bằng nữa thì thấy bốn châu thiên hạ (châu Nam Diêm-phù-đề, Bắc-cu-lô, Đông Uất-đơn-việt, và Tây Ngưu-hóa) một núi Tu-di, một mặt trời mặt trăng. Lại thấy ba châu thiên hạ, hai châu thiên hạ, một châu thiên hạ, ngàn do tuần cho đến trăm do tuần; ấy gọi là mắt thịt sạch tối thiểu.

Hỏi: Sao không nói chín mươi, tám mươi... do tuần cho là nhỏ?

Đáp: Chuyển luân thánh vương thấy được xa quá hơn người khác.

* Lại có người do nhân duyên đời trước đốt đèn... nên được căn mắt kiên cố, có thể thấy xa, tuy xa nhưng không thấy được trăm do tuần. Vì vậy, Bồ-tát nhỏ thì thấy được trăm do tuần.

Hỏi: Mặt trời mặt trăng ở trên cách mặt đất bốn vạn hai ngàn do tuần, người đều trông thấy, có sao không thể thấy trăm do tuần, thấy trăm do tuần đâu đủ kể?

Đáp: Mặt trời mặt trăng tuy xa, tự có ánh sáng chiếu trở lại mình, nên người được trông thấy, các màu sắc khác không như vậy.

* Lại mặt trời mặt trăng ở xa, tuy thấy mà điên đảo, vì sao? Vì mặt trời mặt trăng vuông tròn năm trăm do tuần mà trông thấy không quá như chiếc quạt; lớn mà thấy nhỏ, điên đảo chẳng thật. Bồ-tát mắt thịt không như vậy.

Hỏi: Bồ-tát đã được mắt thịt, thấy được việc gì?

Đáp: Thấy sắc có thể thấy. Nghĩa sắc đã nói rõ trong chương nói về sắc uẩn.

KINH: Xá-lợi-phất bạch Phật rằng, bạch Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát có mắt trời trong sạch thế nào?

Phật bảo Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát có mắt trời thấy được chỗ trời Tứ thiên vương trông thấy; thấy được chỗ trời Ba mươi ba, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa-lạc, trời Tha-hóa-tự-tại trông thấy; thấy được chỗ vua Phạm thiên cho đến trời Sắc cứu cánh trông thấy. Chỗ mắt trời của Bồ-tát thấy được, thì trời Tứ thiên vương cho đến trời Sắc Cứu Cánh đều biết đều thấy.

Này Xá-lợi-phất, mắt trời của Bồ-tát ma-ha-tát ấy, thấy chúng sanh trong mười phương hằng hà sa thế giới chư Phật, chết đây sanh kia.

Này Xá-lợi-phất, ấy là mắt trời sạch của Bồ-tát.

LUẬN: **Mắt trời** của Bồ-tát có hai: 1. Do quả báo được. 2. Do tu thiên được. Do quả báo được thì thường hợp với mắt thịt mà dùng, duy trong đêm tối thì chỉ dùng mắt trời. Các người được quả báo có mắt trời, thời thấy bốn châu thiên hạ và các trời cõi Dục; thấy dưới không thấy trên, Bồ-tát được quả báo có mắt trời thì thấy ba ngàn đại thiên thế giới.

Mắt trời do thiên định lia dục mà có được thì thấy, như đã nói ở chương Thiên nhãn minh trong mười lực trước kia. Bồ-tát dùng mắt trời ấy thấy chúng sanh mười phương hằng hà sa thế giới, sanh chết, tốt xấu, lành dữ, và nhân duyên nghiệp lành dữ, không gì chướng ngại. Hết thấy đều thấy chỗ trời Tứ thiên vương cho đến trời Sắc Cứu Cánh trông thấy, lại có thể thấy xa hơn, mà chư thiên ấy không biết được chỗ mắt trời của Bồ-tát trông thấy, vì sao? Vì Bồ-tát ấy ra khỏi ba cõi, được pháp tánh sanh thân, được Bồ-tát mười lực.

Do các nhân duyên như vậy, mắt trời của Bồ-tát sạch, bàn về mắt trời của các Bồ-tát khác, như trong chương tán thán năm thân thông của Bồ-tát đã nói rõ.

KINH: Xá-lợi-phất bạch Phật rằng, bạch Thế Tôn! Bồ-tát Ma-ha-tát mắt tuệ sạch thế nào?

Phật bảo Xá-lợi-phất, Bồ-tát có mắt tuệ không nghĩ rằng có pháp hoặc hữu vi hoặc vô vi, hoặc thế gian hoặc xuất thế gian, hoặc hữu lậu hoặc vô lậu. Bồ-tát có mắt tuệ, không pháp gì không thấy, không pháp gì không nghe, không pháp gì không tri, không pháp gì không thức.

Này Xá-lợi-phất, ấy là Bồ-tát ma-ha-tát mắt tuệ sạch.

LUẬN: Mắt thịt không thấy được việc ở ngoài vật chướng, lại không thể thấy xa, cho nên cầu mắt trời. Mắt trời tuy lại thấy

được, nhưng cũng là hư dối. Thấy tướng một, tướng khác, tướng nam tướng nữ, tướng cây cỏ... vì thấy các vật hòa hợp hư dối, cho nên cầu mắt tuệ. Trong mắt tuệ không có các lỗi như thế.

Hỏi: Nếu như vậy, thế nào là tướng trạng mắt tuệ?

Đáp: Có người nói: Chánh kiến trong tám thánh đạo là tướng trạng mắt tuệ; vì thấy được thật tướng của năm thọ uẩn, và phá các phiền não.

Có người nói: Tuệ duyên được Niết-bàn, gọi là mắt tuệ, vì sở duyên là Niết-bàn không thể phá hoại, nên trí tuệ ấy chẳng phải hư dối.

Có người nói: Tuệ tương ưng với ba môn giải thoát, ấy gọi là mắt tuệ, vì sao? Vì tuệ ấy mở được cửa Niết-bàn.

Có người nói: trí tuệ hiện tiền quán được thật tế, rõ ràng thâm nhập, thông đạt biết hết, ấy gọi là mắt tuệ.

Có người nói: thông đạt được pháp tánh, thẳng qua không ngại.

Có người nói: định tâm biết các pháp tướng như, ấy gọi là mắt tuệ.

Có người nói: pháp không ấy là mắt tuệ.

Có người nói: trong Bất khả đắc không cũng Vô pháp không; ấy gọi là mắt tuệ.

Có người nói: mười tám Không đều là mắt tuệ.

Có người nói: si và tuệ chẳng phải một, chẳng phải khác, pháp thế gian không khác xuất thế gian, pháp xuất thế gian không khác thế gian. Pháp thế gian tức là xuất thế gian, pháp xuất thế gian tức là thế gian, vì sao? Vì khác nhau là không thể có được. Các quán dứt (*quán hữu, vô, nhất, dị, thường, vô thường, ngã, vô ngã... N.D*), các tâm hành chuyển trở lại không đi đâu (*tức tâm không chạy theo cái gì -N.D*) dứt hết thầy ngôn ngữ, tướng thế gian như Niết-bàn, chẳng khác. Được trí tuệ ấy, gọi là mắt tuệ.

* Lại nữa, trong đây Phật tự nói: Bồ-tát có mắt tuệ, đối với hết thấy pháp không nghĩ hoặc hữu vi hoặc vô vi, hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu... ấy gọi là mắt tuệ. Nếu Bồ-tát thấy hữu vi, thế gian, hữu lậu, tức đọa vào trong hữu kiến; nếu thấy vô vi, xuất thế gian, vô lậu, tức là đọa vào trong vô kiến. Hai kiến hữu vô ấy bỏ, lấy tuệ không hý luận, hành theo trung đạo, ấy gọi là mắt tuệ.

Được mắt tuệ ấy, không pháp gì không thấy, không pháp gì không nghe, không pháp gì không tri, không pháp gì không thức, vì sao? Vì được mắt tuệ ấy phá các pháp tà xiên, các pháp vô minh, tổng tướng biệt tướng, mỗi mỗi đều như pháp.

Hỏi: A-la-hán, Bích-chi Phật cũng được mắt tuệ, có sao không nói không pháp gì không thấy, không pháp gì không nghe, không pháp gì không tri, không pháp gì không thức?

Đáp: **Mắt tuệ** có hai thứ: 1. Tổng tướng. 2. Biệt tướng. Thanh văn, Bích-chi Phật chỉ thấy tổng tướng các pháp, là vô thường, khổ, không... còn Phật dùng tuệ quán thấy cả tổng tướng biệt tướng; các pháp Thanh văn, Bích-chi Phật tuy có mắt tuệ mà có lượng có hạn.

* Lại nữa, mắt tuệ của Thanh văn, Bích-chi Phật, tuy thấy thật tướng các pháp, vì nhân duyên ít nên mắt tuệ cũng ít, không thể soi khắp pháp tánh. Ví như đèn dầu và tim tuy sạch mà vì nhỏ nên không thể chiếu rộng. Mắt tuệ của chư Phật chiếu thật tánh các pháp, tận cùng ngàn mé, vì vậy nên không pháp gì không thấy, không pháp gì không nghe, không pháp gì không tri, không pháp gì không thức. Ví như khi kiếp tận, lửa đốt ba ngàn thế giới, sáng không đâu không chiếu.

* Lại nữa, nếu mắt tuệ của Thanh văn, Bích-chi Phật không pháp gì không biết, thời có khác gì với bậc nhất thiết trí? Bồ-tát đời đời chứa nhóm phước đức trí tuệ, khổ hạnh, dùng vào việc gì?

Hỏi: Phật dùng mắt Phật, không pháp gì không biết, chứ chẳng phải là mắt tuệ, vậy sao nay nói mắt tuệ không pháp gì không biết?

Đáp: Mắt tuệ khi thành Phật biến thành mắt Phật, vì các phiền não vô minh... và tập khí đã diệt, nên đối với hết thấy pháp đều biết rõ. Như trong chương Phật nhãn nói không pháp gì không thấy, nghe, tri, thức. Vì vậy mắt thịt, mắt trời, mắt tuệ, mắt pháp, khi thành Phật mất tên cũ, chỉ còn gọi là mắt Phật. Ví như bốn sông lớn cõi Diêm-phù-đề (Ấn Độ) chảy vào biển thời mất tên cũ, vì sao? Vì mắt thịt do nghiệp phiền não hữu lậu sanh, nên hư dối không thật, chỉ có mắt Phật không hư dối. Mắt trời cũng do nhân duyên thiên định hòa hợp sanh, hư dối không thể thật thấy vật. Mắt tuệ, mắt pháp, vì tập khí phiền não chưa hết, không rốt ráo thanh tịnh nên phải bỏ. Trong mắt Phật không có sai lầm, cùng tận biên tế, vì vậy mắt tuệ của A-la-hán, Bích-chi Phật không thể rốt ráo thanh tịnh, nên không thể pháp gì cũng thấy được.

Hỏi: Phật hiện tại được quả báo mắt thịt, có thể thấy sắc, việc ấy thế nào?

Đáp: Mắt thịt tuy sanh nhãn thức, mà Phật không theo tác dụng của nó, không cho là thật, như trong chương Thánh thần thông tự tại nói: Phật bảo A-nan, có khi mắt thấy sắc đẹp sanh tâm chán ghét, có khi mắt thấy sắc xấu sanh tâm không chán ghét, hoặc có khi thấy sắc mà không sanh tâm ô uế không ô uế, chỉ sanh tâm xả bỏ. Như vậy thời mắt thịt không có thiết dụng gì.

* Lại nữa, có người nói: khi được thánh đạo, năm căn thanh tịnh khác xưa.

* Lại nữa, các pháp rốt ráo không, và các pháp thông suốt vô ngại, cả hai chung là mắt tuệ.

(HẾT CUỐN 39 THEO BẢN HÁN)

KINH: Xá-lợi-phất bạch Phật rằng, bạch Thế Tôn! Bò-tát ma-ha-tát được mắt pháp sạch thế nào?

Phật bảo Xá-lợi-phất, Bò-tát ma-ha-tát dùng mắt pháp biết người ấy tu theo lòng tin (tùy tín hành) người ấy tu theo sự hiểu pháp (tùy pháp hành), người ấy tu vô tướng, người ấy tu môn không giải thoát, người ấy tu môn vô tướng giải thoát, người ấy tu môn vô tác giải thoát, được năm căn (tín, tấn, niệm, định, tuệ) được năm căn nên được vô gián tam-muội, được vô gián tam-muội nên được trí giải thoát; được trí giải thoát nên dứt ba kiết là hữu thân kiến, nghi, giới cấm thủ. Người ấy gọi là Tu-đà-hoàn.

Người ấy được tư duy đạo, làm mỏng dâm, nộ, si, sẽ được Tư-đà-hàm.

Tăng tấn tư duy đạo, dứt dâm, nộ, si, sẽ được A-na-hàm.

Tăng tấn tư duy đạo, dứt ô nhiễm thuộc cõi Sắc, ô nhiễm thuộc cõi Vô sắc, dứt vô minh, kiêu mạn, trạo hối, được A-la-hán.

Người ấy tu môn không, vô tướng, vô tác giải thoát, được năm căn; được năm căn nên được vô gián tam-muội; được vô gián tam-muội nên được trí giải thoát; được trí giải thoát nên biết tập pháp đều là diệt pháp, thành Bích-chi Phật; ấy là Bò-tát ma-ha-tát được mắt pháp thanh tịnh.

Lại nữa, Xá-lợi-phất, Bò-tát ma-ha-tát biết Bò-tát ấy khi mới phát tâm tu Thí ba-la-mật, cho đến tu Bát-nhã ba-la-mật, thành tựu tín căn, tinh tấn căn, thiện căn thuần hậu, dùng lực phương tiện vì chúng sanh mà thọ thân, hoặc sanh vào dòng Sát-đế-lợi, hoặc sanh vào dòng Bà-la-môn, hoặc sanh vào nhà đại cư sĩ, hoặc sanh vào trời Tứ thiên vương, cho đến cõi Tha-hóa-tự-tại. Bò-tát ấy ở trong đó thành tựu chúng sanh, theo chỗ họ ưa thích cấp thí cho, cũng làm tịnh Phật quốc độ, gặp chư Phật, cúng dường cung kính, tôn trọng tán thán, cho đến khi được

Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng không đọa vào địa vị Thanh văn, Bích-chi Phật; ấy là Bồ-tát ma-ha-tát được mắt Pháp thanh tịnh.

* Lại nữa, Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát biết Bồ-tát ấy thối chuyển đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, biết Bồ-tát ấy không thối chuyển đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Biết Bồ-tát ấy được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, biết Bồ-tát ấy chưa được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Biết Bồ-tát ấy đến địa vị bất thối chuyển, biết Bồ-tát ấy chưa đến địa vị bất thối chuyển. Biết Bồ-tát ấy đầy đủ thần thông, biết Bồ-tát ấy chưa đầy đủ thần thông, biết Bồ-tát ấy đã đầy đủ thần thông bay đến mười phương hằng hà sa thế giới, thấy chư Phật cúng dường cung kính, tôn trọng, tán thán. Biết Bồ-tát ấy chưa được thần thông, sẽ được thần thông. Biết Bồ-tát ấy sẽ tịnh Phật độ, không tịnh Phật độ. Biết Bồ-tát ấy thành tựu chúng sanh, chưa thành tựu chúng sanh. Biết Bồ-tát ấy được chư Phật khen ngợi, không khen ngợi. Biết Bồ-tát ấy thân cận chư Phật, không thân cận chư Phật. Biết Bồ-tát ấy thọ mạng có lượng, thọ mạng vô lượng. Biết Bồ-tát ấy khi thành Phật, chúng Tỳ-kheo có lượng, chúng Tỳ-kheo vô lượng. Biết Bồ-tát ấy khi thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lấy Bồ-tát làm Tăng chúng, không lấy Bồ-tát làm Tăng chúng. Biết Bồ-tát ấy sẽ tu khổ hạnh khó hành, không tu khổ hạnh khó hành. Biết Bồ-tát ấy một đời bồ xứ, chưa một đời bồ xứ. Biết Bồ-tát ấy thọ thân tối hậu, chưa thọ thân tối hậu. Biết Bồ-tát ấy ngồi được đạo tràng, không ngồi được đạo tràng. Biết Bồ-tát ấy có ma phá, không ma phá.

Như vậy, này Xá-lợi-phất, ấy là Bồ-tát ma-ha-tát được mắt Pháp thanh tịnh.

LUẬN: Bồ-tát ma-ha-tát khi mới phát tâm, lấy mắt thịt thấy thế giới chúng sanh, chịu các khổ hoạn, tâm sanh thương xót, nên học

các thiên định, tu được năm thông, lại lấy mắt trời thấy khắp chúng sanh trong sáu đường, chịu các thứ thân khổ, tâm khổ, càng thêm thương xót, nên cầu mắt tuệ để tế độ.

Được mắt tuệ rồi thấy chúng sanh tâm tưởng không đồng nhau, làm sao khiến chúng sanh ngộ được thật pháp, nên cầu mắt pháp, dẫn đạo chúng sanh vào trong pháp, nên gọi là mắt pháp. Nghĩa là biết người ấy tu theo lòng tin, người ấy tu theo sự hiểu pháp, bắt đầu vào đạo vô lậu.

Người độn căn là người tu theo lòng tin, người này ban đầu nương sức tin mà đắc đạo, ấy gọi là tùy tín hành.

Người lợi căn là người tu theo sự hiểu pháp, người này do phân biệt các pháp mà đắc đạo ấy, ấy gọi là tùy pháp hành.

Hai hạng người này, đối với mười lăm tâm (*khổ pháp nhãn, khổ pháp trí... cho đến đạo loại nhãn, đạo loại trí - N.D*) gọi là vô tướng hành, quá đây trở đi hoặc gọi Tu-đà-hoàn, hoặc gọi Tu-đà-hàm, hoặc gọi A-na-hàm. Mười lăm tâm đi qua rất mau không thể thủ được tướng nó, nên gọi là vô tướng.

Có người từ vô thi lại đây, tánh thường chất trực, ưa thích sự thật; có người ưa hạnh xả lìa, có người đời đời thường ưa thiện tịch.

Người ưa sự thật, thì dùng môn Không giải thoát mà đắc đạo, vì trong các thứ thật, Không là thật đệ nhất.

Người ưa hạnh xả lìa thì tu môn Vô tác giải thoát mà đắc đạo.

Người ưa thiện tịch thì tu môn Vô tướng giải thoát mà đắc đạo.

Hỏi: Có sao nói được năm căn (tín, tấn, niệm, định, tuệ)?

Đáp: Có người nói: hết thầy thánh đạo, gọi là năm căn. Năm căn thành lập tám căn (*năm căn và ba căn vô lậu là: vị tri đương tri, dĩ tri, cụ tri căn - N.D*) tuy đều là thiện mà ba vô lậu căn không có riêng khác, vì vậy chỉ nói năm căn.

Tam-muội tương ưng lúc thủ chứng quả, gọi là vô gián tam-muội. Được tam-muội ấy rồi, được trí giải thoát. Lấy trí giải thoát ấy dứt ba kiết, được chứng quả.

Có thân kiến: Ở trong năm thọ uẩn thấy có ngã, ngã sở.

Nghi: Không tin Tam bảo và lý Tứ đế.

Giới cấm thủ: Chấp thủ pháp của 96 thứ ngoại đạo, hy vọng giải thoát khổ.

Hỏi: Thấy lý Tứ đế dứt mười kiết được quả Tu-đà-hoàn, có sao đây chỉ nói dứt ba kiết, không nói bảy kiết kia?

Đáp: Nếu nói có thân kiến là đã nói hết thấy kiến kiết. Như trong Kinh nói có thân kiến là cội gốc của 62 kiến. Nếu người chấp ngã, lại suy nghĩ ngã là thường hay vô thường? Nếu bảo vô thường thời đọa vào đoạn diệt kiến, đoạn diệt sanh tà kiến, cho không có tội phước. Nếu bảo là thường, thời đọa vào thường kiến, sanh giới cấm thủ, chấp nó để hy vọng đắc đạo, hoặc tu để được cái vui phước đức đời sau. Muốn được hai việc ấy nên *thủ giới*. Vì cầu khổ vui nên bảo là do trời làm, lại sanh ra *kiến thủ*. Nếu nói có thân kiến là đã bao gồm hai kiến là biên kiến và tà kiến. Nếu nói giới cấm thủ, là đã nói kiến thủ. Còn bốn kiết kia vì chưa nhổ gốc, nên không nói. Mười kiết này do nơi bốn đế ở trong ba cõi để dứt trừ, nên phân biệt có tám mươi tám sử.

Tu-đà-hoàn cho đến Bích-chi Phật, phân biệt thành Thanh văn và Bích-chi Phật đạo, như trước nói.

Mắt pháp của Bồ-tát có hai: 1. Phân biệt biết môn phương tiện đắc đạo của Thanh văn, Bích-chi Phật. 2. Phân biệt biết môn phương tiện đắc đạo của Bồ-tát.

Pháp Thanh văn, Bích-chi Phật trước đã nói ở nhiều nơi. Nay sẽ phân biệt pháp của Bồ-tát. Nếu Bồ-tát biết Bồ-tát ấy thực hành sáu

Ba-la-mật sâu xa, mỏng các phiền não, nên dùng tín căn, tinh tấn căn và phương tiện, vì độ chúng sanh mà thọ thân. Vị Bồ-tát nhục thân sanh tử này, chưa được pháp tánh thần thông pháp thân, vì vậy nên không nói ba căn. Vì chưa lia dục, đời nay thực hành công đức bố thí với tín căn, tinh tấn căn, nên đời sau sanh vào dòng Sát-lợi, cho đến cõi trời Tha-hóa-tự-tại. Trước biết nhân, sau biết quả.

* Lại nữa, Bồ-tát không thối chuyển, là như trước nói tướng trạng không thối chuyển, cũng như trong phẩm không thối chuyển ở sau nói. Trái với đây, gọi là thối chuyển.

Bồ-tát không thối chuyển có hai: 1. Thọ ký. 2. Chưa thọ ký. Như trong Thủ Lăng Nghiêm Tam-muội nói bốn thứ thọ ký.

Đầy đủ thần thông: Ở khắp mười phương hằng hà sa thế giới, trong một lúc có thể biến hóa ra vô lượng thân, cúng dường chư Phật và nghe pháp, thuyết pháp độ chúng sanh. Các việc ấy, trừ Phật không ai có được, ấy là thân tối hậu. Bồ-tát trái với đây, gọi là không đầy đủ.

* Lại nữa, trong mỗi tự địa, không thiếu gì, gọi là đầy đủ, trong mỗi tự địa chưa thành tựu, ấy là không đầy đủ.

Được thần thông có hai: 1. Có dùng. 2. Không dùng.

Chưa được thần thông là có Bồ-tát mới phát tâm nên chưa được thần thông. Hoặc vì chưa lia dục, vì tâm giải đãi, vì tu pháp khác, ấy là chưa được. Trái với đây là được.

Tịnh Phật độ, chưa tịnh Phật độ như trước nói.

Thành tựu chúng sanh có hai: Có người trước tự thành công đức, sau mới độ chúng sanh; có người trước thành tựu chúng sanh, sau mới tự thành công đức. Như Phật Bảo Hoa, khi sắp vào Niết-bàn quán tâm hai Bồ-tát Di-lặc và Thích-ca Văn, thấy Di-lặc Bồ-tát tự công đức thành tựu mà đệ tử chưa thành tựu, Thích-ca Văn Bồ-tát thì

đệ tử thành tựu mà tự thân chưa thành tựu. Thành cho nhiều người khó, tự thành cho mình dễ. Nghĩ như vậy rồi (Phật Bảo Hoa) liền vào trong hang báu của núi Tuyết, thân phóng hào quang. Khi ấy Thích-ca Văn Bồ-tát thấy Phật, nhiếp tâm thanh tịnh, một chân đứng luôn bảy ngày bảy đêm, dùng một bài kệ tán Phật. Do nhân duyên ấy mà vượt qua chín kiếp tu hành.

Như vậy biết người thành tựu chúng sanh, không thành tựu chúng sanh.

Chư Phật ngợi khen như trước đã nói, trái với đó gọi là chẳng ngợi khen.

Thân cận chư Phật, thọ mạng vô lượng, vô lượng Tỳ-kheo tăng, thuần Bồ-tát làm Tăng, không tu khổ hạnh, các nghĩa này như đã nói ở cuối Phẩm tựa đầu.

Một đời bồ xứ là hoặc do xem tướng mà biết, như Đạo sĩ A-tu-đà xem tướng Thái-tử mà biết thành Phật ngay ở đời này. Bà-la-môn Sần-nhã-bà thấy con nai sữa, biết người ngày nay thành Phật nên ăn. Như Bồ-tát Biên-cát, Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi... thấy các Bồ-tát ấy tướng như chư Phật, biết sẽ thành Phật, như vậy...

Ngôi đạo tràng là có Bồ-tát thấy chỗ Bồ-tát đi, dưới đất có đất Kim-cang giữ gìn Bồ-tát ấy. Lại thấy trời rồng quỷ thần mang các thứ cúng dường đến đạo tràng. Do những việc như vậy, biết ngôi đạo tràng.

Có ma là đời trước ngăn người khác hành đạo, và theo các cách cầu Phật đạo, không ưa thực hành từ bi, chỉ ưa thực hành các pháp không, vô tướng...; do nhân duyên như vậy nên có ma phá hoại.

Hỏi: Có sao Bồ-tát thân cuối cùng còn chịu báo ác nghiệp có ma đến phá?

Đáp: Bồ-tát theo nhiều cửa vào Phật đạo, hoặc theo cửa từ bi, cửa tinh tấn, trí tuệ mà vào Phật đạo. Bồ-tát này theo cửa tinh tấn, trí

tuệ, không hành bi tâm, ưa hành tinh tấn, trí tuệ; ví như người sang, tuy có nhiều thứ áo đẹp, hoặc có khi mặc một cái, các cái khác không mặc. Bồ-tát cũng như vậy, tu các hạnh để cầu Phật đạo, hoặc tu tinh tấn, trí tuệ, dứt mất tâm từ bi.

Phá người hành đạo là vì tăng thượng mạn, nên các trời trường thọ, ma quỷ thần không biết Bồ-tát phương tiện, thấy làm ác hành mà sao không chịu khổ báo, bèn sanh tà kiến chấp đoạn diệt, nên Phật thị hiện thọ báo. Vì vậy tuy không có nhân duyên tội, không có ma thật đến phá, mà Phật dùng phương tiện thị hiện có ma.

Hết thầy môn phương tiện của Thanh văn, Bích-chi Phật, Bồ-tát như vậy, để làm cho chúng sanh vào đạo, ấy gọi là mắt pháp trong sạch.

KINH: Xá-lợi-phất bạch Phật rằng, bạch Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát được Phật nhãn sạch thế nào?

Phật bảo Xá-lợi-phất, có Bồ-tát ma-ha-tát tâm cầu Phật đạo, thứ lớp vào Như Kim cang tam-muội, được trí nhất thiết chủng. Bảy giờ thành tựu mười lực, bốn việc không sợ, bốn trí vô ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi. Bồ-tát ma-ha-tát ấy dùng trí nhất thiết chủng, đối hết thầy pháp, không pháp gì không thấy, không pháp gì không nghe, không pháp gì không tri, không pháp gì không thức.

Này Xá-lợi-phất, ấy là Bồ-tát ma-ha-tát khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mắt Phật sạch.

Như vậy Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát muốn được năm mắt thì nên học sáu Ba-la-mật, vì sao? Này Xá-lợi-phất, vì trong sáu Ba-la-mật ấy thu nhiếp hết thầy thiện pháp. Như pháp Thanh văn, pháp Bích-chi Phật, pháp Bồ-tát, pháp Phật.

Này Xá-lợi-phất, nếu nói chắc thật, cái có thể thu nhiếp tất cả thiện pháp, chính là Bát-nhã ba-la-mật.

Này Xá-lợi-phất, Bát-nhã ba-la-mật có thể sanh năm mắt, Bồ-tát học năm mắt là chúng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

LUẬN: Bồ-tát trú trong mười địa, đầy đủ sáu Ba-la-mật, cho đến trí nhất thiết chủng. Bồ-tát vào Như Kim-cang tam-muội, phá các tập khí phiền não, liền được vô ngại giải thoát của chư Phật, liền sanh mắt Phật, đó là trí nhất thiết chủng, mười lực, bốn trí vô ngại, cho đến đại từ đại bi các công đức, ấy gọi là mắt Phật.

Hỏi: Trí tuệ thấy vật, đó là tướng trạng của mắt, có sao đại từ đại bi mà gọi là mắt?

Đáp: Các công đức đều tương ưng với mắt tuệ, gọi chung là mắt.

* Lại nữa, tâm từ bi có ba: chúng sanh duyên, pháp duyên và vô duyên.

Tâm từ của người phàm phu duyên chúng sanh mà phát, tâm từ của Thanh văn, Bích-chi Phật và Bồ-tát ban đầu duyên chúng sanh sau duyên pháp mà phát, tâm từ của chư Phật khéo tu “rốt ráo không” nên gọi là vô duyên; thế nên từ bi cũng gọi là mắt Phật.

Đã nói mắt Phật, nay nói công dụng của mắt Phật. Mắt ấy không pháp gì không thấy, không nghe, không tri, không thức.

* Lại nữa, có người nói Bồ-tát thập trụ không khác với Phật, như Bồ-tát Biến-cát, Văn-thù-sư-lợi, Quán Thế Âm... đầy đủ công đức, mười lực như Phật, mà vì rộng độ chúng sanh nên không làm Phật, cho nên sanh nghi. Vì vậy nên nói tướng trạng của mắt Phật là đối với mười phương chúng sanh và các pháp, không gì không thấy, không gì không nghe. Các Bồ-tát Biến-cát... đối với các Bồ-tát khác là lớn, nhưng so với Phật thì không thể biết khắp; như ánh sáng mặt trăng tuy lớn, nhưng đối với mặt trời thì không hiện.

Hỏi: Tướng trạng của mắt là thấy, có sao nói nghe?

Đáp: Trí tuệ của chúng sanh từ sáu căn phát sanh, biết sáu trần. Có người nói: Phật có việc không nghe, như đối với kinh sách ngoại đạo hoặc có việc Phật không nghe được. Thế nên nói trí tuệ Phật không việc gì không nghe.

* Lại do nhĩ thức làm nhân duyên sanh trí tuệ, trí tuệ biết được, nói là không việc gì không nghe.

Hỏi: Vì sao có cái biết của ba thức hiệp làm một, có cái biết của ba thức tách làm ba? Mắt gọi là thấy, tai gọi là nghe, ý biết gọi là thức, còn cái biết của mũi, lưỡi, thân gọi là giác?

Đáp: Ba thức mắt, tai, ý, giúp đạo pháp nhiều, nên nói tách riêng, còn ba thức kia không được như vậy nên nói hợp lại. Và ba thức này chỉ biết việc thế gian, nên hợp làm một, còn ba thức mắt, tai, ý biết việc thế gian cũng biết việc xuất thế gian, nên nói tách riêng.

* Lại nữa, ba thức mũi, lưỡi, thân chỉ duyên pháp vô ký, còn ba thức mắt, tai, ý hoặc duyên pháp thiện hoặc duyên pháp bất thiện, hoặc duyên pháp vô ký.

* Lại nữa, ba thức làm nhân duyên sanh ba thừa: như mắt thấy Phật và đệ tử Phật, tai nghe Pháp, tâm suy lường, chánh ức niệm.

Có các sai biệt như vậy, nên cái biết nơi sáu thức chia làm bốn.

Trí nhất thiết chủng là như người thấy gần không thấy xa, thấy ngoài không thấy trong, thấy thô không thấy tế, thấy đông không thấy tây, thấy đây không thấy kia, thấy hòa hợp không thấy tan rã, thấy khi sanh không thấy khi diệt.

Mắt thịt thấy, mắt trời không thấy, vì người phàm phu nhãn căn thành tựu mà chưa lìa dục nên không có mắt trời. Mắt trời thấy, mắt tuệ không thấy, vì người phàm phu được Thiên nhãn thông mà không có mắt tuệ. Mắt tuệ thấy mắt pháp không thấy, vì hàng Thanh văn chưa lìa dục, không biết các phương pháp độ chúng sanh, nên không

có mắt pháp. Mắt pháp thấy mắt Phật không thấy, vì Bồ-tát được đạo chủng trí, biết các phương pháp độ sanh mà chưa thành Phật nên không có mắt Phật.

* Lại nữa, mắt thịt mắt trời thấy, mắt tuệ, mắt pháp, mắt Phật không thấy, vì người phàm phu nhân căn thành tựu, được Thiên nhãn thông mà không có mắt tuệ, mắt pháp, mắt Phật. Mắt thịt, mắt tuệ thấy, mắt pháp, mắt Phật không thấy, vì hàng Thanh văn nhân căn thành tựu mà không biết các phương pháp độ chúng sanh nên không có mắt pháp, vì là Thanh văn nên không có mắt Phật. Mắt thịt, mắt pháp thấy, mắt Phật không thấy, vì mới được vô sanh nhẫn, chưa thọ pháp tánh sanh thân Bồ-tát, được đạo chủng trí, vì chưa thành Phật, nên không có mắt Phật. Mắt trời, mắt tuệ thấy, mắt pháp, mắt Phật không thấy, vì người Thanh văn lìa dục, được Thiên nhãn thông chẳng phải là Bồ-tát, không có đạo chủng trí nên không có mắt pháp, vì là người Thanh văn nên không có mắt Phật. Mắt trời, mắt pháp thấy, mắt Phật không thấy, vì được Bồ-tát thần thông, biết các phương pháp độ chúng sanh mà chưa thành Phật nên không có mắt Phật. Mắt tuệ, mắt pháp thấy, mắt Phật không thấy, vì Bồ-tát được vô sanh pháp nhẫn, được vô sanh pháp nhẫn rồi, có thể quán thấy nhân duyên đặc đạo của hết thảy chúng sanh, dùng các phương pháp mà độ thoát, song chưa thành Phật, nên không có mắt Phật.

* Lại nữa, mắt thịt, mắt trời, mắt tuệ thấy, mắt pháp, mắt Phật không thấy. Vì hàng Thanh văn nhân căn thành tựu được Thiên nhãn thông, mà không đạo chủng trí, nên không có mắt pháp, vì là Thanh văn nên không có mắt Phật. Mắt trời, mắt tuệ, mắt pháp thấy, mắt Phật không thấy, vì pháp tánh sanh thân Bồ-tát, đủ sáu thần thông, dùng các phương pháp độ chúng sanh, mà vì chưa thành Phật nên không có mắt Phật.

* Lại nữa, mắt thịt, mắt trời, mắt tuệ, mắt pháp thấy, mắt Phật không thấy, vì Bồ-tát mới được vô sanh pháp nhẫn, chưa bỏ nhục

thân, được Bồ-tát thần thông, vô sanh pháp nhãn, đạo chủng trí đầy đủ, mà vì chưa thành Phật nên không có mắt Phật.

Như vậy không thể gọi là không pháp gì không thấy, không nghe, không giác, không thức. Nếu dùng mắt Phật xem các pháp, ấy gọi là không có gì không thấy, không có gì không nghe, không có gì không giác, không có gì không thức. Theo nghĩa phân biệt năm trần cũng như vậy.

Các thiện pháp của ba thừa là nhân duyên được năm mắt.

Các thiện pháp thu nhiếp vào sáu Ba-la-mật.

Sáu Ba-la-mật lấy Bát-nhã ba-la-mật làm gốc.

Vì vậy nói Bát-nhã ba-la-mật sanh ra năm mắt. Bồ-tát dần dần học năm mắt ấy, không lâu sẽ làm Phật.

KINH: Này Xá-lợi-phất, có Bồ-tát ma-ha-tát, khi hành Bát-nhã ba-la-mật, tu Thần thông ba-la-mật. Dùng thần thông ba-la-mật ấy, được các việc như ý: rung động đại địa, biến một thân làm vô số thân, vô số thân làm một thân, ẩn hiện tự tại, đi qua núi vách cây cối vô ngại như đi giữa không, đi trên nước như đi trên đất, bay trên không như chim, ra vào trong đất như ra vào trong nước, thân tuôn khói lửa như đồng lửa lớn, trong thân ra nước như nước chảy từ núi Tuyết. Mặt trời mặt trăng, cho đến Phạm thiên oai đức khó đương, mà có thể sờ nắm, cho đến Phạm thiên, thân được tự tại, cũng không đấm trước thần thông như ý như vậy. Việc thần thông và thân ta đều không thể có được, vì tự tánh không, tự tánh ly, tự tánh vô sanh, không nghĩ rằng: Ta được thần thông như ý, ngoại trừ vì tâm Tát-bà-nhã.

Như vậy, Xá-lợi-phất, ấy là Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật, được “trí chứng Như ý thông”.

Lại, Bồ-tát ấy lấy tai trời trong sạch hơn tai người, nghe hai thứ tiếng: tiếng trời tiếng người, cũng không đấm trước thân thông Thiên nhĩ ấy. Thiên nhĩ, tiếng và thân ta đều không thể có được. Vì tự tánh không, tự tánh ly, tự tánh vô sanh. Không nghĩ rằng: Ta có tai trời ấy, ngoại trừ vì tâm Tát-bà-nhã.

Như vậy, Xá-lợi-phất, ấy là Bồ-tát ma-ha-tát, khi hành Bát-nhã ba-la-mật, được “trí chứng Thiên nhĩ thông”.

Bồ-tát ấy như thật biết tâm các chúng sanh khác hoặc có tâm dục như thật biết tâm dục; tâm lừa dục như thật biết tâm lừa dục; tâm sân như thật biết tâm sân; tâm lừa sân như thật biết tâm lừa sân; tâm si như thật biết tâm si; tâm lừa si, như thật biết tâm lừa si; tâm khát ái như thật biết tâm khát ái; tâm không khát ái như thật biết tâm không khát ái; tâm có thọ như thật biết tâm có thọ; tâm không thọ như thật biết tâm không thọ; tâm thu nhiếp như thật biết tâm thu nhiếp; tâm phân tán như thật biết tâm phân tán; tâm nhỏ như thật biết tâm nhỏ; tâm lớn, như thật biết tâm lớn; tâm định như thật biết tâm định; tâm loạn như thật biết tâm loạn; tâm giải thoát như thật biết tâm giải thoát; tâm không giải thoát, như thật biết tâm không giải thoát; tâm có trên như thật biết tâm có trên; tâm không trên như thật biết tâm không trên; cũng không đấm trước tâm ấy, vì sao? Tướng tâm ấy chẳng phải tâm, vì bất khả tư nghì, vì tự tánh không, vì tự tánh ly, vì tự tánh vô sanh. Không nghĩ rằng: Ta được trí chứng tha tâm, ngoại trừ vì tâm Tát-bà-nhã.

Như vậy Xá-lợi-phất, ấy là Bồ-tát ma-ha-tát, khi hành Bát-nhã ba-la-mật được “trí chứng Tha tâm thông”.

Lại Bồ-tát ấy dùng trí chứng Túc mạng thông, nhớ lại một tâm đến trăm tâm, nhớ lại một ngày đến trăm ngày, nhớ lại một tháng đến trăm tháng, nhớ lại một năm đến trăm năm, nhớ lại

một kiếp đến trăm kiếp, vô số trăm kiếp, vô số ngàn kiếp, vô số trăm ngàn kiếp, cho đến vô số trăm ngàn vạn ức kiếp; ta ở chỗ ấy có họ như vậy, tên như vậy, sanh như vậy, ăn như vậy, ở lâu như vậy, sống có hạn như vậy, sống lâu như vậy, thọ khổ vui như vậy, ta chết chỗ ấy sanh chỗ kia, chết chỗ kia sanh chỗ ấy, có tướng mạo, có nhân duyên. Cũng không chấp trước túc mạng thông ấy. Vì việc Túc mạng thông và thân ta đều không thể có được, vì tự tánh không, vì tự tánh ly, vì tự tánh vô sanh. Không nghĩ rằng: Ta có Túc mạng thông ấy, ngoại trừ vì tâm Tát-bà-nhã.

Như vậy, Xá-lợi-phất, ấy là Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật được “trí chứng Túc mạng thông”.

Lại Bồ-tát ấy dùng mắt trời thấy chúng sanh khi chết, khi sanh, đọa chánh, xấu xí, chỗ dữ, chỗ lành, hoặc lớn, hoặc nhỏ. Biết chúng sanh theo nghiệp nhân duyên; các chúng sanh ấy thành tựu thân ác nghiệp, thành tựu khẩu ác nghiệp, thành tựu ý ác nghiệp, cố hủy báng thánh nhân; chịu nhân duyên tà kiến như vậy, nên khi thân hoại đọa vào trong địa ngục ác đạo. Các chúng sanh ấy, thành tựu thân thiện nghiệp, thành tựu khẩu thiện nghiệp, thành tựu ý thiện nghiệp, không hủy báng thánh nhân; chịu nhân duyên chánh kiến như vậy, nên khi mạng chung sanh vào thiện đạo, sanh cõi trời. Cũng không chấp trước Thiên nhãn thông ấy, vì việc Thiên nhãn thông và thân ta, đều không thể có được, vì tự tánh không, vì tự tánh ly, vì tự tánh vô sanh. Không nghĩ rằng: Ta có Thiên nhãn thông ấy, ngoại trừ vì tâm Tát-bà-nhã.

Như vậy, Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật, được “trí chứng Thiên nhãn thông” cũng thấy chúng sanh trong mười phương hằng hà sa thế giới sanh chết, cho đến sanh cõi trời. Bốn thần thông kia cũng như vậy.

Lại Bồ-tát ma-ha-tát ấy được Lậu tận thông. Tuy được Lậu tận thông, không còn rơi vào Thanh văn, Bích-chi Phật địa, cho

đến khi chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không nương dị pháp, cũng không đả trước Lộ tận thông ấy. Vì việc Lộ tận thông và thân ta, đều không thể có được, vì tự tánh không, vì tự tánh ly, vì tự tánh vô sanh. Không nghĩ rằng: Ta được Lộ tận thông, ngoài trừ vì tâm Tát-bà-nhã.

Như vậy, Xá-lợi-phất, ấy là Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật được “trí chứng Lộ tận thông”.

Như vậy, Xá-lợi-phất, là Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật, đầy đủ Thần thông ba-la-mật, đầy đủ Thần thông ba-la-mật rồi, tăng ích Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

LUẬN: Như trong biển lớn có vô lượng vô số các thứ ngọc báu, có thứ có thể sát độc, có thứ có thể ngăn quý, có thứ có thể chữa bệnh, có thứ có thể trừ lạnh nóng, đói khát, có thứ có thể theo ý muốn của người đều cấp cho. Trong biển Đại thừa cũng như vậy, có các thứ Bồ-tát bảo; có Bồ-tát phá ba ác, có Bồ-tát mở ba cửa thiện, có Bồ-tát sanh năm mắt, có Bồ-tát tu Thần thông ba-la-mật, thế nên các Bồ-tát thường làm việc kỳ đặc hy hữu; như quán tướng nước nhiều tướng đất ít, thời có thể làm đất rung động; theo ý muốn, biến một thân thành nhiều thân, nhiều thân thành một, làm bụi bay đầy giữa hư không. Người lìa dục ấy, do nhân duyên phước đức, nên nhóm các vi trần lại làm ra nhiều thân, đều giống như nhau.

Có người nói: hàng phi nhân cung kính Bồ-tát ly dục ấy, nên vào trong thân Bồ-tát để tùy ý Bồ-tát muốn biến hóa gì cũng biến hóa được. Chuyển luân thánh vương chưa ly dục, do ít phước đức mà quỷ thần còn bị sai khiến, huống gì người ly dục thực hành vô lượng tâm.

* Lại nữa, tâm tướng không có chỗ ở, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc lớn hoặc nhỏ, do sức thiền định, nên tâm được điều nhu, chóng khắp trong các thân rồi trở lại cũng chóng, ví như rỗng ngàn đầu,

mắt, tai đều có hai ngàn, và có ngàn miệng, mà tâm sử dụng cùng trong một lúc. Rõng và thân thô còn như vậy, huống gì Bồ-tát.

Có người nói: việc của người tọa thiền, có thể lực không thể nghĩ bàn, cho nên một thân làm ra vô lượng thân, vô lượng thân làm ra một thân.

Vách đá không ngại là quán tướng vách đá như hư không, bụi trần xuyên qua nó như cọc đóng vào đất.

Đi trên nước là quán tướng đất nhiều, nên đi trên nước như trên đất; quán tướng nước nhiều nên vào đất như nước; quán tướng lửa nhiều nên thân tuôn khói lửa.

Sờ nắm mặt trời mặt trăng là do sức thần thông bất khả tư nghĩ nên khiến tay đụng đến mặt trời mặt trăng; vì vào hỏa định nên mặt trăng không thể làm lạnh; vì vào thủy định nên mặt trời không thể làm nóng.

Hỏi: Sức thần thông ấy cho đến Tứ thiền, cơ sao đây nói chỉ đến ngang Phạm thiên, thân được tự tại?

Đáp: Điều ấy trước đã nói. Phạm thiên là cửa ban đầu, nói Phạm thiên là đã nói hết thảy cõi Sắc. Lại người đòi đều quý Phạm thiên cho là chúa thế giới. Lại Bồ-tát ấy không muốn ở cõi Dục tâm tán loạn, thị hiện sự tự tại ấy. Thế nên cho đến người lìa dục, đều có thể làm được.

Tướng trạng thần thông như vậy, vô lượng vô số, vì để cho dễ hiểu, nên nói một vài ví dụ.

Các ngoại đạo đối với thần thông này có hai sự lầm: 1. Khởi tâm chấp ngã, cho ta là có thể khởi lên việc ấy rồi sanh tâm kiêu mạn. 2. Đắm trước thần thông ấy. Ví như người tham đắm châu bảo. Vì vậy thần thông của ngoại đạo không bằng thần thông của thánh nhân.

Bồ-tát đối với sức thần thông ấy, biết tất cả pháp tự tánh bất sanh, nên không đấm trước, chỉ tưởng nhớ trí nhất thiết chủng, để độ chúng sanh.

Năm thần thông kia cũng như vậy, đúng như pháp phân biệt, trước nói tướng trạng nó, sau đều nói nó không.

Các nghĩa khác của sáu thần thông, như đã nói ở nghĩa năm thần thông trong chương Tán thán Bồ-tát.

Vì sáu thần thông ấy làm lợi ích chúng sanh rất lớn, cho nên nói đầy đủ thần thông như vậy, thì tặng ích Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

KINH: Nay Xá-lợi-phất, có Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật an trú Thí ba-la-mật, nghiêm tịnh đạo nhất thiết chủng trí, vì rốt ráo không, không sanh tâm xan lẫn.

Nay Xá-lợi-phất, có Bồ-tát ma-ha-tát, khi hành Bát-nhã ba-la-mật, an trú trong Giới ba-la-mật, nghiêm tịnh đạo nhất thiết chủng trí, vì rốt ráo không, tội không tội, không chấp trước.

Nay Xá-lợi-phất, có Bồ-tát ma-ha-tát, khi hành Bát-nhã ba-la-mật, an trú Nhẫn ba-la-mật, nghiêm tịnh đạo nhất thiết chủng trí, vì rốt ráo không, không sanh tâm giận.

Nay Xá-lợi-phất, có Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật, an trú Tinh tấn ba-la-mật nghiêm tịnh đạo nhất thiết chủng trí, vì rốt ráo không, thân tâm tinh tấn, không giải đãi.

Nay Xá-lợi-phất có Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật, an trú Thiền ba-la-mật, nghiêm tịnh đạo nhất thiết chủng trí, vì rốt ráo không, tâm không loạn không mê đắm.

Nay Xá-lợi-phất có Bồ-tát ma-ha-tát, khi hành Bát-nhã ba-la-mật, an trú Bát-nhã ba-la-mật, nghiêm tịnh đạo nhất thiết chủng trí, vì rốt ráo không, không sanh tâm si.

Như vậy, Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật, an trú sáu Ba-la-mật, nghiêm tịnh đạo nhất thiết chủng trí, vì rốt ráo không, vì không đến không đi, vì không cho không nhận, vì chẳng phải giới chẳng phải phạm, vì chẳng phải nhãn chẳng phải sắc, vì chẳng siêng chẳng nhát, vì chẳng định chẳng loạn, vì chẳng trí chẳng ngu. Đương khi ấy Bồ-tát ma-ha-tát không phân biệt bố thí không bố thí, không phân biệt trì giới phạm giới, nhãn nhục thân nhuế, tinh tấn giải đãi, định tâm loạn tâm, trí tuệ ngu si, không phân biệt hủy báng, phá hại, khinh mạn, cung kính, vì sao? Nay Xá-lợi-phất, vì trong vô sanh pháp, không có người thọ hủy, không có người thọ hại, không có người thọ khinh mạn, cung kính.

Này Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật được các công đức như vậy, hàng Thanh văn, Bích-chi Phật không có được.

Được công đức ấy đầy đủ, thành tựu chúng sanh, nghiêm tịnh Phật độ, được nhất thiết chủng trí.

LUẬN: Bồ-tát ấy khi mới phát tâm, hành Bát-nhã ba-la-mật, lần lượt tu các công đức khác như Thí ba-la-mật... Bồ-tát an trú Thí ba-la-mật, tu sửa đạo nhất thiết chủng trí, quán tất cả pháp rốt ráo không, không sanh tâm xan tham, do hai việc ấy nên mở đạo nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì trong rốt ráo không, không có xan tham; cội gốc xan tham dứt, nên đầy đủ Thí ba-la-mật; đầy đủ Thí ba-la-mật nên trang nghiêm Bát-nhã ba-la-mật; cho đến Bát-nhã ba-la-mật rốt ráo không, nên thường không sanh tâm si. Vì sao? Vì trong đây Phật tự nói: tất cả pháp không đến không đi, không cho không nhận, cho đến không trí không ngu.

Hỏi: Nếu quán được như vậy mà hành sáu Ba-la-mật thì được lợi ích gì?

Đáp: Trong đây Phật tự nói: Bồ-tát ấy không nghĩ rằng, có bố thí hay không bố thí, nếu nghĩ có bố thí thì rơi vào pháp hư dối. Lại nếu chấp việc bố thí, thời tâm sanh kiêu mạn; nếu nghĩ không có bố thí, thời rơi vào tà kiến. Luận về bố thí là cửa ngõ ban đầu trong Phật pháp, có sao nói không? Cho đến không nghĩ rằng có ngu si có trí tuệ. Người ấy như núi Kim-cang, gió thổi bốn phía không làm lay động được. Bồ-tát ấy lúc bấy giờ nếu có ai nhiếc mắng hay khen ngợi, tâm không đổi khác, vì sao? Vì trong đây Phật tự nói: trong vô sanh pháp, không có người mắng, không có người hại, không có người cung kính. Hàng tu hạnh Thanh văn, Bích-chi Phật, không có tâm từ bi sâu xa, nếu gặp người gia hại thì hoặc im lặng hoặc tránh xa. Bồ-tát thời không như vậy, càng gia tâm từ xem đó như con, phương tiện độ nó, thế nên hơn tất cả Thanh văn, Bích-chi Phật, năng giáo hóa hết thầy chúng sanh. Vì có phương tiện nhẫn nhục từ bi sâu xa, vì nhân duyên của nghiệp tùy thuận thanh tịnh, nên có thể trang nghiêm tịnh Phật độ. Đây đủ pháp ấy, nên không bao lâu sẽ được trí nhất thiết chủng.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật, sanh tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sanh; sanh tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sanh rồi, được tất cả các pháp bình đẳng; được tất cả các pháp bình đẳng rồi, an lập tất cả chúng sanh trong các pháp bình đẳng. Bồ-tát ma-ha-tát ấy, hiện đời được mười phương chư Phật nhớ niệm, cũng được tất cả Bồ-tát, Thanh văn, Bích-chi Phật nhớ niệm. Bồ-tát ấy tại chỗ sanh ra, mắt không thấy sắc không ưa, cho đến ý không biết đến pháp không ưa.

Như vậy Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, không giảm sút đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

LUẬN: Nếu Phật dạy rộng tướng trạng các Bồ-tát, thời cùng kiếp không hết, nay Phật ở cuối phẩm này lược nói tướng ấy, tướng ấy là sở hành chung của các Bồ-tát, đó là đại từ bi, bắt đầu phát tâm

độ hết thấy chúng sanh, học tâm bình đẳng quán chúng sanh của chư Phật, hết thấy pháp tự tánh không. Do nhân duyên như vậy, sanh tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sanh; được tâm bình đẳng ấy rồi, được tất cả các pháp bình đẳng.

Tất cả pháp bình đẳng là như trước nói nghĩa chúng sanh bình đẳng, pháp bình đẳng; nay lại nói thêm: thương xót bốn loài chúng sanh, nhất tâm muốn cho lợi ích, gọi là chúng sanh bình đẳng. Quán bốn niệm xứ cũng không thấy thân, gọi là pháp bình đẳng. Các bốn pháp như bốn chánh cần... cũng như vậy.

* Lại nữa, nghĩ đến chúng sanh trong năm đường đều chìm đắm trong già, bệnh, chết, vô thường, gọi là chúng sanh bình đẳng. Thực hành năm căn tín, tấn... hoặc năm thần thông, nhất tâm muốn độ chúng sanh, ấy gọi là pháp bình đẳng.

* Lại nữa, đối với chúng sanh thực hành phước nhân nhục, từ bi, công đức vô lượng; công đức vô lượng nên tâm nhu nhuyễn, tâm nhu nhuyễn nên mau được thiền định; tu thiền định nên tâm như ý điều nhu; tâm như ý điều nhu nên phá tướng dài, ngắn, nam, nữ, trắng, đen của thế gian vào pháp nhất tướng đó là vô tướng. Được pháp bình đẳng rồi, làm cho hết thấy chúng sanh được pháp bình đẳng.

Bồ-tát ấy được hai bình đẳng, thành tựu vô lượng phước đức, trí tuệ, nên được quả báo hiện tại là được chư Phật nhớ niệm, được các người khác nhớ niệm.

Vì ưa đắm mà sanh nhớ niệm đều là hư vọng, chỉ có chư Phật nhớ niệm, ấy là thật nhớ niệm, vì không ưa đắm. Người ấy chư Phật còn ái niệm, hướng gì Thanh văn, Bích-chi Phật, Bồ-tát? Thanh văn, Bích-chi Phật là người dứt kiết sử còn ái niệm, hướng gì người phạm phu chưa lìa dục?

Bồ-tát do nhân duyên phước đức sanh ra, nên quả báo đời nay vô lượng như vậy, đời sau ở chỗ sanh ra, mắt trọn không thấy ác sắc.

Ác sắc là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp làm phát sanh khổ thọ, cho đến làm phát sanh tâm ưu não. Như trời Lục dục, sáu căn đối với thứ dục tịnh diệu, tùy ý hoan hỷ. Chúng sanh trồng một ít phước đức, còn được sanh ở cõi trời như vậy, huống gì Bồ-tát có phước đức, thật trí tuệ vô lượng vô biên lại được mười phương chư Phật và các Hiền thánh nhớ niệm!

KINH: Khi thuyết phẩm Bát-nhã ba-la-mật ấy, ba trăm Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, lấy áo đang mặc dâng Phật, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Khi ấy Phật mỉm cười, ánh sáng nhiều màu từ trong miệng phóng ra. Tuệ mạng A-nan từ tòa đứng dậy, sửa áo chấp tay, chân bên hữu quỳ sát đất bạch Phật rằng, nhân duyên gì Phật mỉm cười?

Phật bảo A-nan: ba trăm Tỳ-kheo ấy từ đây về sau 61 kiếp sẽ làm Phật, đều hiệu là Đại tướng. Ba trăm Tỳ-kheo ấy bỏ thân này, sẽ sanh vào nước Phật A-súc, và sáu vạn Thiên tử cõi Dục đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, xuất gia thành Phật đạo, trong pháp của Phật Di-lặc.

Lúc ấy do oai thần của Phật, bốn bộ chúng ở tại chỗ mà thấy mười phương, mỗi phía có ngàn Phật, mười phương thế giới ấy nghiêm tịnh, thế giới Ta-bà này không sánh kịp.

Bấy giờ mười ngàn người phát nguyện: chúng con tu hạnh nguyện thanh tịnh, do hạnh nguyện thanh tịnh, sẽ sanh đến thế giới Phật kia.

Khi ấy Phật biết thân tâm các thiện nam tử ấy, nên lại mỉm cười, ánh sáng nhiều màu từ trong miệng phóng ra.

A-nan sửa áo chấp tay bạch Phật: nhân duyên gì Phật mỉm cười?

Phật bảo A-nan, ông thấy mười ngàn người ấy chẳng?

A-nan thưa, dạ thấy.

Phật dạy: mười ngàn người ấy mệnh chung ở đây, sẽ sanh đến thế giới kia, không bao giờ lìa chur Phật, sau sẽ thành Phật, hiệu là Trang Nghiêm Vương.

LUẬN. *Hỏi:* Chur Phật kết giới Tỳ-kheo ba y không được thiếu, sao các Tỳ-kheo này phá Giới ba-la-mật mà thực hành Thí ba-la-mật?

Đáp: Có người nói: Phật Thành đạo sau 12 năm mới kết giới, lúc Tỳ-kheo ấy thí y thì chưa kết giới.

Có người nói: Tỳ-kheo ấy có y tịnh thí, sanh tâm nghĩ mình sẽ vẫn thọ dụng cho nên thí.

Có người nói: các Tỳ-kheo ấy biết nhiều hiểu nhiều, liền có thể nhận được y lại, chứ việc không để qua đêm.

* Lại có người nói, các Tỳ-kheo ấy nghe Phật dạy về các Bò-tát hành Thí ba-la-mật, có thể lực của công đức vô lượng, được cùng với Bát-nhã ba-la-mật tương ưng, nên tâm rất vui mừng nhảy nhót, liền lấy y thí, không còn nghĩ gì khác, không cố ý phá giới.

* Lại nữa, các Tỳ-kheo biết Phật pháp rất rảo không, không chấp trước, dứt pháp ái, vì theo thế đế nên kết giới, chẳng phải vì đệ nhất nghĩa đế. Các Tỳ-kheo ấy theo Phật nghe đệ nhất nghĩa đế, và sáu Ba-la-mật bố thí... nghe các Bò-tát có đại oai lực, thương nghĩ chúng sanh bị các phiền não che lấp, không thể được công đức như Bò-tát ấy, nên sanh tâm đại bi, vì chúng sanh mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì vậy lấy y bố thí. Nếu người vì tham dục, sân nhuế, sợ hãi, tà kiến, không có tâm cung kính, khinh lời Phật mà không chấp trì, ấy mới gọi là phá giới. Các Tỳ-kheo này đều không có tâm đó, thế nên không có tội phá giới.

Hỏi: Phật vì sao mỉm cười?

Đáp: Cười có nhiều thứ: có người thấy việc ca múa nên cười, có người trong lòng sân nhuế nên cười, có người kiêu mạn nên cười, có người khinh vật nên cười, có người việc làm xong vui mừng nên cười, có người thấy làm việc không nên làm nên cười, có người trong lòng dối trá nhưng ngoài dương bày lành tốt nên cười, có người thấy việc hy hữu nên cười, nay Phật thấy Tỳ-kheo đem một áo Ca-sa bố thí, trong tương lai sẽ được thành Phật, là việc hy hữu, cho nên cười.

Hỏi: Sao A-nan thường hỏi Phật vì sao cười mà các Tỳ-kheo khác không hỏi?

Đáp: Các Tỳ-kheo ấy không gần gũi Phật, lại có tâm kính sợ nhiều, không dám tự hỏi. A-nan khéo biết tướng người, biết ý các Tỳ-kheo. Lại thấy Phật cười, nghi nên nghĩ rằng: Phật không có tướng chúng sanh, không có tướng pháp, biết ba cõi như mộng như huyễn, nay có việc gì có thể làm cho Phật cười? Phật như núi chúa Tu-di, đại địa, đại hải, không vì nhân duyên nhỏ mà lay động. Vì vậy nên hỏi nhân duyên vì sao cười.

Phật bảo A-nan, nghiệp nhân duyên và quả báo tương tục, bất khả tư nghì, 300 Tỳ-kheo ấy sau 61 kiếp, sẽ được làm Phật, hiệu Đại tướng (*khi bố thí dùng tay đưa vật thí lên làm dấu hiệu, nhân đó đặt tên - N.D*).

Trong 61 kiếp, người ấy lợi căn, gặp Phật thuyết pháp, nhờ cùng Bát-nhã ba-la-mật tương ưng, nên người ấy chóng được làm Phật.

Các Tỳ-kheo ấy vì chưa được Thiên nhãn, tự nghi không biết sẽ sanh chỗ nào, sợ không thể nhóm các công đức, không được đến đạo. Thế nên Phật dạy: bỏ thân ấy sẽ sanh thế giới Phật A-súc. Sáu vạn Thiên tử cõi Dục, chắc chắn là có nhân duyên phước đức chung trong đời trước, nên cùng năm trăm Tỳ-kheo, đồng phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Là những người đáng được Di-lặc độ, nên Phật thọ ký họ sẽ xuất gia vào thời Phật Di-lặc. Nay Phật thọ

ký các Tỳ-kheo sanh vào thế giới A-súc, nên mọi người đều muốn thấy thế giới thanh tịnh của chư Phật. Thế nên Phật làm cho đại chúng thấy khắp mười phương mỗi mặt có ngàn Phật.

Bốn chúng ấy thấy thế giới Phật thanh tịnh trang nghiêm, thấy thân chư Phật lớn hơn núi Tu-di, có đại chúng Bồ-tát một đời Bồ-xử vây quanh, dùng phạm âm thấu suốt vô lượng vô biên thế giới, mỗi vị tự làm hèn mọn thân mình, vì thương xót chúng sanh, mà cầu vô lượng Phật pháp, phát nguyện sanh vào thế giới Phật kia. Như nói trong chương Thanh tịnh thế giới hạnh nguyện.

Nhân duyên cười, như trước đã nói.

Mười ngàn người ấy, mệnh chung ở đây, sẽ sanh vào nước kia. Theo khi sanh vào nước kia, do nhân duyên hạnh nghiệp đầy đủ, nên ở nơi đó chứa nhóm vô lượng phước đức sâu dày, trọn không xa lìa chư Phật.

Do thấy các thế giới Phật trang nghiêm mà phát tâm, nên hiệu là Trang Nghiêm Vương Phật.

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

GIẢI THÍCH: PHẨM THÁN ĐỘ THỨ 5

(Đại Bát-nhã ghi: Phẩm Vô Đẳng Đẳng Thứ 4)

KINH: Bảy giờ tuệ mạng Xá-lợi-phất, tuệ mạng Mục-kiền-liên, tuệ mạng Tu-bồ-đề, tuệ mạng Đại Ca-diếp, các Tỳ-kheo được nhiều người biết đến và các Bồ-tát ma-ha-tát, các Ưu-bà-tắc, các Ưu-bà-di như vậy, từ chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay bạch Phật, bạch Thế Tôn! Đại ba-la-mật là Bát-nhã ba-la-mật của Bồ-tát ma-ha-tát; Tôn ba-la-mật, Đệ nhất ba-la-mật, Thắng ba-la-mật, Diệu ba-la-mật, Vô thượng ba-la-mật, Vô đẳng ba-la-mật, Vô đẳng đẳng ba-la-mật, Như hư không ba-la-mật, là Bát-nhã ba-la-mật của Bồ-tát ma-ha-tát.

Bạch Thế Tôn! Tự tướng Không ba-la-mật, là Bát-nhã ba-la-mật của Bồ-tát ma-ha-tát.

Bạch Thế Tôn! Tự tánh Không ba-la-mật là Bát-nhã ba-la-mật của Bồ-tát ma-ha-tát. Các pháp Không ba-la-mật, Vô pháp hữu pháp không ba-la-mật, Mở hết thấy công đức ba-la-mật, Thành tựu hết thấy công đức ba-la-mật, Không thể hoại ba-la-mật, là Bát-nhã ba-la-mật của các Bồ-tát ma-ha-tát.

Các Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, bố thí không sánh bằng, đầy đủ Thí ba-la-mật không sánh bằng, được thân không

sánh bằng, được pháp không sánh bằng, ấy là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật, cũng như vậy.

Thế Tôn vốn cũng còn thực hành Bát-nhã ba-la-mật ấy, mà đầy đủ sáu Ba-la-mật không sánh bằng, được pháp không sánh bằng, được sắc không sánh bằng, được thọ, tưởng, hành, thức không sánh bằng. Phật chuyển pháp luân không sánh bằng.

Phật đời quá khứ cũng như vậy, thực hành Bát-nhã ba-la-mật ấy, nên đầy đủ bố thí không sánh bằng, cho đến chuyển pháp luân không sánh bằng.

Phật đời vị lai, cũng thực hành Bát-nhã ba-la-mật ấy, nên sẽ làm việc bố thí không sánh bằng, cho đến sẽ Chuyển pháp luân không sánh bằng.

Vì vậy, bạch Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát muốn đến bờ kia của hết thủy pháp, phải nên tập hành Bát-nhã ba-la-mật.

Vâng, bạch Thế Tôn! Tất cả thế gian trời, người, A-tu-la phải nên lễ kính cúng dường Bồ-tát ma-ha-tát tập hành Bát-nhã ba-la-mật ấy.

Phật bảo chúng đệ tử và các Bồ-tát ma-ha-tát: như vậy, như vậy! Các thiện nam tử! Tất cả thế gian trời, người, A-tu-la phải nên lễ kính cúng dường vị tập hành Bát-nhã ba-la-mật, vì sao? Vì nhân có Bồ-tát đến nên xuất sanh nhân đạo, thiên đạo, dòng Sát-lợi lớn, dòng Bà-la-môn lớn, đại gia cư sĩ, Chuyển luân thánh vương, trời Tứ thiên vương, cho đến trời A-ca-nị-sắc; xuất sanh Tu-đà-hoàn, cho đến A-la-hán, Bích-chi Phật, chư Phật.

Nhân có Bồ-tát đến nên thế gian bèn có ẩm thực, y phục, ngọa cụ, phòng xá, đèn đuốc, ma-ni, chân châu, tỳ-lưu-ly, san hô, vàng, bạc... các bảo vật xuất sanh.

Này Xá-lợi-phất, các thứ vui của thế gian, hoặc ở cõi người, hoặc ở cõi trời, hoặc cái vui ly dục, tất cả thứ vui ấy đều do Bồ-tát mà có, vì sao? Này Xá-lợi-phất, vì Bồ-tát ma-ha-tát khi tập hành Bồ-tát đạo, an trú sáu Ba-la-mật, tự hành bố thí cũng lấy việc bố thí thành tựu chúng sanh, cho đến tự hành Bát-nhã ba-la-mật, cũng lấy Bát-nhã ba-la-mật thành tựu chúng sanh.

Này Xá-lợi-phất, thế nên Bồ-tát ma-ha-tát, vì an lạc cho hết thấy chúng sanh nên xuất hiện ở đời.

LUẬN. *Hỏi:* Trong 5.000 Tỳ-kheo, ở trên còn có hơn ngàn Thượng tọa, như Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp... có sao chỉ nói tên bốn người?

Đáp: Bốn Tỳ-kheo ấy là vô lượng phước điền hiện đời. Xá-lợi-phất là đệ tử tay phải của Phật, Mục-kiền-liên là đệ tử tay trái của Phật, Tu-bồ-đề tu định vô tránh hành không đệ nhất, còn Đại Ca-diếp tu mười hai hạnh đầu đà đệ nhất, được Thế Tôn cho áo và chia chỗ ngồi, có tâm thường thương xót chúng sanh sâu xa. Lúc Phật ở đời, nếu có người muốn cầu quả báo đời nay, mà cúng dường bốn vị ấy, liền được như nguyện. Vì vậy các Tỳ-kheo nhiều người quen, nhiều người biết ấy và tứ chúng tán thán Bát-nhã ba-la-mật.

Hỏi: A-la-hán thân tối hậu ấy, việc cần làm đã làm xong, có sao còn tán thán Bát-nhã ba-la-mật?

Đáp: Người ta đều biết A-la-hán được vô lậu đạo, vì Bồ-tát trí tuệ tuy lớn hơn A-la-hán, song kiết sử chưa dứt nên không quý. Lại vì A-la-hán ấy có tâm từ bi giúp Phật tuyên dương pháp hóa, nên lấy đó làm chứng.

Phật đạo đối với thế gian rất lớn, Bát-nhã có thể đưa lại việc ấy, nên gọi là *Đại ba-la-mật*.

Trong tất cả pháp, trí tuệ là đệ nhất, nên gọi là *Tôn ba-la-mật*.

Hay dẫn dắt năm độ kia theo đường chánh, nên gọi là *Đệ nhất ba-la-mật*.

Năm độ kia không sánh kịp, nên gọi là *Thắng ba-la-mật*.

Như năm thức không bằng ý thức có thể làm lợi mình lợi người, nên gọi là *Diệu ba-la-mật*.

Trong hết thấy pháp, không có pháp nào qua được, nên gọi là *Vô thượng ba-la-mật*.

Không có pháp gì tương đồng, nên gọi là *Vô đẳng ba-la-mật*.

Các đức Phật gọi là Vô đẳng đẳng, đều từ Bát-nhã ba-la-mật xuất sanh, nên gọi là *Vô đẳng đẳng ba-la-mật*.

Bát-nhã ba-la-mật ấy rốt ráo thanh tịnh, không thể lấy hý luận phá hoại, nên gọi là *Như hư không ba-la-mật*.

Trong Bát-nhã ba-la-mật, tự tướng tất cả pháp không thể có được, nên gọi là *Tự tướng không ba-la-mật*.

Trong Ba-la-mật ấy, tất cả pháp tự tánh không, các pháp đều do nhân duyên hòa hợp sanh, không có tự tánh, nên gọi là *Tự tánh không ba-la-mật*.

Trong các pháp không có tự pháp, nên gọi là *Chư pháp không ba-la-mật*.

Do chúng sanh không và pháp không ấy, phá các pháp làm cho không gì có được, không gì có được cũng không có gì được, nên gọi là *Vô pháp hữu pháp không ba-la-mật*.

Bồ-tát tập hành Bát-nhã ba-la-mật ấy, không có công đức gì không thu nhiếp được, như khi mặt trời xuất hiện, hoa nào cũng nở, nên gọi là *Mở hết thấy công đức ba-la-mật*.

Mặt trời Bát-nhã ba-la-mật trong tâm Bồ-tát xuất hiện, hết thấy công đức thành tựu được, đều làm cho thanh tịnh. Bát-nhã ba-la-mật

là gốc của hết thầy thiện, nên gọi là *Thành tựu nhất thiết công đức ba-la-mật*.

Không có pháp thế gian nào làm cho khuynh động được, nên gọi là *Bất khả phá hoại ba-la-mật*.

Nhân duyên khiến các A-la-hán ấy tán thán, là ba đời các đức Phật đều từ Bát-nhã ba-la-mật xuất sanh, đó là bổ thí không sánh, cho đến trí tuệ không sánh.

Trong thế gian không có gì sánh bằng, nên gọi là *Không sánh*.

Sáu Ba-la-mật ấy, rốt ráo thanh tịnh không có sai lầm nên gọi là *Không sánh*.

Không sánh tức là Vô đẳng đẳng.

Lại nữa, Vô đẳng đẳng, chư Phật gọi là Vô đẳng, sánh cùng chư Phật, nên gọi là Vô đẳng đẳng.

Hỏi: Trong chư Phật ba đời đã có Thích-ca Văn Phật, có sao nói riêng?

Đáp: Nay chúng ở trên tòa, đều do nơi Thích-ca Văn Phật mà đắc độ, cảm ơn nặng nên nói riêng. Như Xá-lợi-phất nói: Thầy tôi không ra đời, chúng tôi vĩnh viễn là kẻ mù tối.

Các A-la-hán biết chư Phật ba đời đều từ trong Bát-nhã ba-la-mật xuất sanh, vì vậy các A-la-hán nói, bạch Thế Tôn! Chư Bồ-tát ma-ha-tát, muốn khắp biết hết thầy, biết hết thầy pháp, phải nên tập hành Bát-nhã ba-la-mật.

Trong khi A-la-hán tán thán Bồ-tát, sanh tâm cung kính, thế nên nói lễ kính cúng dường.

Trời, người, A-tu-la là nói ba thiện đạo, còn ba ác đạo không biết gì nên không nói.

Phật nghe A-la-hán tán thán rồi, Phật ẩn khả nói: Như vậy, như vậy! Nên phải lễ kính cúng dường người tập hành Bát-nhã ba-la-mật.

Các ông tuy không có nhất thiết trí tuệ, mà nói không sai. Cho nên nói lặp như vậy, như vậy, vì sao? Vì trong đó Phật tự nói: nhân nơi Bồ-tát nên xuất sanh nhân đạo, thiên đạo, cho đến hết thấy các Bồ-tát. Vì an lạc cho hết thấy chúng sanh nên nói.

Dòng Sát-lợi lớn cho đến trời Sắc-cứu-cánh; Tu-đà-hoàn cho đến chư Phật đều như trước nói.

Hỏi: Nếu nhân nơi Bồ-tát mà có ẩm thực... các bảo vật, có sao người ta lại phải đem sức làm lưng, kiếm sống, chịu đủ tân khổ mới có được?

Đáp: Gặp lúc kiếp đói khát, tuy có bầy đủ công sức cũng không có được, vì chúng sanh tội nặng. Bồ-tát đời đời tán thán việc bố thí, trì giới và thiện tâm, do nhân duyên ba thứ phước ấy nên có thượng, trung, hạ. Phước bậc thượng, hẳn nghĩ đến liền có được; phước bậc trung, làm người được tôn trọng, sự cúng dường tự đến; phước bậc hạ, thì phải thí công sức mới có được. Vì vậy nói nhân nơi Bồ-tát mà có được, thật chứ không hư dối.

Nhân duyên sự vui rất nhiều, không thể kể hết, nay Phật lược nói vui cõi trời, vui cõi người, vui Niết-bàn, đều do Bồ-tát mà có được. Trong đây Phật tự nói: Bồ-tát trụ trong sáu Ba-la-mật, tự hành bố thí, cũng dạy chúng sanh hành bố thí. Tuy chúng sanh tự hành bố thí, nếu không có Bồ-tát giáo đạo, thời không thể hành.

Hỏi: Trừ thứ vui giải thoát Niết-bàn, hai thứ vui này là chỗ sanh ra kiết sử của chúng sanh, vì tham dục nên sanh sân nhuế, có sao Bồ-tát giáo đạo thứ nhân duyên sanh ra kiết sử ấy?

Đáp: Bồ-tát không lỗi, vì sao? Vì Bồ-tát đem tâm từ bi thanh tịnh, dạy cho chúng sanh thứ nhân duyên vui, là nên tu phước sự, nếu chúng sanh không thanh tịnh thực hành phước đức, thì đối Bồ-tát có lỗi gì! Như người hảo tâm làm giếng, người mù bị rớt trong đó mà chết, người làm giếng không tội.

Lại như người bày đồ ăn ngon thết đãi người, người không biết độ lượng, ăn quá nhiều sinh bệnh, người thết đãi không tội.

Lại nữa, nếu chư Phật Bồ-tát, không dạy chúng sanh tạo nhân duyên phước đức, thời không có trời, không có người, không có A-tu-la, chỉ tăng trưởng ba ác đạo, không ai từ tội mà được ra khỏi.

Lại nữa, chúng sanh nhân vui mà sanh tham, nhân tham mà sanh giận, nhân giận mà sanh khổ, nhân khổ mà sanh tội. Nay muốn khỏi cho chúng sanh mắc về cái tội thứ năm nên cho vui.

Lại nữa, không nhất định do vui sanh tham dục. Hoặc nhớ nghĩ chánh nên vui làm phước thiện, nhớ nghĩ tà nên sanh tham dục. Nay vì chánh ức niệm vui, nên làm nhân duyên sanh ra phước đức.

Lại nữa, duy một mình Phật là không sai không lầm. Bồ-tát ấy chưa thành Phật đạo, chưa được Phật nhãn, nên dùng ba thứ vui giáo hóa chúng sanh khả độ, còn chư Phật chỉ dùng thứ vui giải thoát giáo hóa chúng sanh.

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

GIẢI THÍCH PHẨM TƯỚNG LƯỠI THỨ 6

KINH: Bảy giờ Thế Tôn là tướng lười phủ khắp ba ngàn đại thiên thế giới, từ tướng lười ấy phát ra ánh sáng vô số vô lượng màu sắc, khắp chiếu mười phương hằng hà sa thế giới Phật. Khi ấy ở phương đông, trong hằng hà sa thế giới, vô lượng vô số chư Bồ-tát, thấy ánh sáng lớn ấy, mỗi mỗi thưa với Phật ở thế giới mình rằng, bạch Thế Tôn! Ấy là sức ai mà có ánh sáng lớn ấy, chiếu khắp các thế giới?

Các Phật bảo các Bồ-tát rằng, các thiện nam tử, phương tây có thế giới gọi là Ta-bà, trong đó có Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni, tướng lười của Phật kia phát ra ánh sáng lớn chiếu khắp phương đông hằng hà sa thế giới chư Phật, phương nam, tây, bắc, bốn góc, trên dưới cũng lại như vậy, vì các Bồ-tát ma-ha-tát mà thuyết Bát-nhã ba-la-mật.

Khi ấy các Bồ-tát mỗi mỗi bạch Phật ở thế giới mình rằng: chúng con muốn qua cúng dường Phật Thích-ca Mâu-ni, và các Bồ-tát ma-ha-tát, cùng muốn nghe Bát-nhã ba-la-mật.

Các Phật bảo các Bồ-tát, thiện nam tử, các ông tự biết thời.

Khi ấy các Bồ-tát ma-ha-tát, cầm các đồ cúng dường, vô lượng lọng hoa, tràng phan, chuỗi ngọc, hương thơm, vàng bạc, hoa báu, nhắm hướng thế giới Ta-bà, đi đến chỗ Phật Thích-ca

Mâu-ni. Lúc bấy giờ, các trời Tứ thiên vương, cho đến trời Sắc-cúu-cánh đều cầm hương trời, hương bột, hương nước, hương thiên trụ, hương lá, các hoa sen trời, xanh vàng đỏ trắng, hướng đến chỗ Phật Thích-ca Mâu-ni. Các thứ hoa của các Bồ-tát và chư thiên ấy rải giữa hư không ba ngàn đại thiên thế giới, hóa thành đài lớn, bốn trụ, đủ các sắc lạ trang nghiêm rõ ràng.

Khi ấy trong chúng của Phật Thích-ca Mâu-ni, có mười vạn ức người đều từ chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay bạch Phật rằng, bạch Thế Tôn! Chúng con trong đời vị lai cũng được pháp như vậy, như Phật Thích-ca Mâu-ni hôm nay. Đệ tử, người thị tùng, đại chúng, thuyết pháp cũng như vậy.

Khi ấy, Phật biết thiện nam tử chí tâm, đối với hết thấy pháp chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng xuất, chẳng tác, được pháp nhãn ấy, Phật bèn mỉm cười, ánh sáng đủ màu từ trong miệng phóng ra.

A-nan bạch Phật rằng, nhân duyên gì mà Phật mỉm cười?

Phật bảo A-nan, mười vạn ức người trong chúng ấy, được vô sanh nhãn đối với các pháp. Các người ấy, trong đời vị lai, qua sáu mươi tám ức kiếp, sẽ làm Phật, kiếp gọi là Hoa Tích, Phật đều có hiệu là Giác Hoa.

LUẬN. *Hỏi:* Trong phẩm đầu Phật đã là tướng lười, có sao nay còn là ra nữa?

Đáp: Việc ấy chẳng phải ở một ngày một chỗ nói. Trước là tướng lười, để hòa hợp đại hội, độ hết thấy chúng sanh, Xá-lợi-phát hỏi, Phật đáp: nay ở vào thời khác, lại vì người khác. Tu-bồ-đề khéo nói về không, Phật sai nói lại, nên phát ánh sáng nơi tướng lười.

Hỏi: Xá-lợi-phát trí tuệ đệ nhất, đâu có thiếu gì mà Phật lại còn sai Tu-bồ-đề?

Đáp: Chúng đệ tử của Phật nhiều, một người nói xong, tiếp sai một người, ví như vua có quần thần đông, thứ lớp chung nói.

Hỏi: Nếu như vậy, Mục-kiền-liên, Ca-diếp... rất nhiều, có sao không sai nói tiếp?

Đáp: Kinh này gọi là trí tuệ, Xá-lợi-phất trí tuệ đệ nhất, thế nên hỏi. Tu-bồ-đề tuy có nhiều nhân duyên mà vì có hai nhân duyên lớn: 1. Ưa tu định vô tránh. Thường từ bi với chúng sanh, tuy không rộng độ chúng sanh, mà thường giúp cho Bồ-tát, đem việc Bồ-tát hỏi Phật. 2. Ưa thực hành sâu xa pháp không; trong Bát-nhã lại nói nhiều về pháp không, nên Phật sai Tu-bồ-đề nói.

Các nghĩa ánh sáng tướng lười, các Bồ-tát qua lại, cho đến đài hoa cúng dường, đều như trước đã nói.

Khi ấy chúng sanh thấy lực thần thông lớn ấy, đó là chư Phật trong mười phương hằng hà sa thế giới, do chư Phật và Phật Thích-ca Mâu-ni phóng ra vô lượng ánh sáng, nên chúng sanh nhờ thần lực của Phật mà thấy tướng lười phủ khắp ba ngàn đại thiên thế giới và nghe thấy chư Phật ở giữa đại chúng thuyết pháp, liền được vô sanh pháp nhẫn. Phát nguyện rằng: chúng con trong đời vị lai có thần lực biến hóa cũng sẽ như Phật hôm nay.

Phật biết chúng sanh được vô sanh pháp nhẫn, nên mỉm cười.

Nghe mỉm cười, Phật đáp, đều như trước đã nói.

Người ấy qua sáu mươi tám ức kiếp sẽ làm Phật; người ấy thấy mười phương các Bồ-tát, đem hoa bảy báu đến cúng dường, biến thành đài hoa bảy báu. Nhân thấy như vậy rồi, tâm kia thanh tịnh, được vô sanh pháp nhẫn. Thế nên khi làm Phật, kiếp gọi là Hoa Tích, Phật đều có hiệu là Giác Hoa.

(HẾT CUỐN 40 THEO BẢN HÁN)

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

GIẢI THÍCH: PHẨM BA GIẢ THỨ 7

(Kinh Đại Bát-nhã ghi: Phần 2, Phẩm Thiện Hiện thứ 6)

KINH: Bấy giờ Phật bảo Tuệ mạng Tu-bồ-đề: Ông hãy dạy Bát-nhã ba-la-mật cho các Bồ-tát ma-ha-tát, như các Bồ-tát ma-ha-tát đáng được thành tựu Bát-nhã ba-la-mật.

Liên khi ấy, các Bồ-tát ma-ha-tát và đại đệ tử Thanh-văn, chư thiên v.v... khởi niệm rằng: Tuệ mạng Tu-bồ-đề dùng sức trí tuệ của mình sẽ nói Bát-nhã ba-la-mật cho các Bồ-tát ma-ha-tát ư? Hay là nhờ sức Phật?

Tuệ mạng Tu-bồ-đề biết tâm các Bồ-tát ma-ha-tát, các đại đệ tử, chư thiên, liền nói với Tuệ mạng Xá-lợi-phất rằng: Đệ tử Phật dám có thuyết pháp, có giáo thọ, đều nhờ Phật lực. Phật thuyết pháp không trái với pháp tướng. Các thiện nam tử học pháp ấy, được chứng pháp ấy. Phật thuyết pháp như đèn truyền chiếu. Xá-lợi-phất! Hết thấy Thanh-văn, Bích-chi Phật, thật không có năng lực thuyết Bát-nhã ba-la-mật cho các Bồ-tát ma-ha-tát.

Bấy giờ Tuệ mạng Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Thế Tôn nói Bồ-tát, danh tự Bồ-tát. Pháp gì gọi là Bồ-tát? Bạch Thế Tôn! Chúng con không thấy pháp gọi là Bồ-tát, làm sao dạy cho Bồ-tát Bát-nhã ba-la-mật?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bát-nhã ba-la-mật cũng chỉ có danh tự gọi là Bát-nhã ba-la-mật. Bồ-tát, danh tự Bồ-tát cũng chỉ là danh tự. Danh tự ấy không ở trong, không ở ngoài, không ở chặng giữa.

Tu-bồ-đề! Ví như nói tên ngã do hòa hợp mà có. Tên ngã ấy không sinh không diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói, như các danh tự chúng sinh, thọ mạng, sinh giả, dưỡng dục, chúng số, người, kẻ làm, kẻ khiến làm, kẻ khởi dậy, kẻ khiến khởi dậy, kẻ thọ, kẻ khiến thọ, kẻ biết, kẻ thấy v.v... là pháp do hòa hợp nên có. Các danh tự ấy không sinh không diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói. Bát-nhã ba-la-mật, Bồ-tát, danh tự Bồ-tát cũng như vậy, đều do hòa hợp nên có, là cũng không sinh không diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói.

Tu-bồ-đề! Ví như thân do hòa hợp nên có, là cũng không sinh không diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói.

Tu-bồ-đề! Ví như sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cũng do hòa hợp nên có, là cũng không sinh không diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói.

Tu-bồ-đề! Bát-nhã ba-la-mật, Bồ-tát, danh tự Bồ-tát cũng như vậy, đều do hòa hợp nên có, là không sinh không diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói.

Tu-bồ-đề! Ví như mắt, do hòa hợp nên có, là cũng không sinh không diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói. Mắt ấy không ở trong, không ở ngoài, không ở chặng giữa. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý, do hòa hợp nên có, là cũng không sinh không diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói; sắc cho đến pháp cũng như vậy. Nhãn giới do hòa hợp nên có, là cũng không sinh không diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói, cho đến ý thức giới cũng như vậy. Tu-bồ-đề! Bát-nhã ba-la-mật, Bồ-tát, danh tự Bồ-tát cũng như vậy, đều do hòa hợp nên có, là cũng không sinh không diệt, chỉ dùng danh tự để nói. Danh tự ấy không ở trong, không ở ngoài, không ở chặng giữa.

Tu-bồ-đề! Ví như nội thân, gọi là đầu, chỉ có danh tự; gọi là cổ, vai, tay, lưng, gân, bắp vế, xương đùi, cẳng chân, là do hòa hợp nên có. Pháp ấy và danh tự không sinh không diệt, chỉ dùng danh tự để nói; danh tự ấy cũng không ở trong, không ở ngoài, không ở chặng giữa. **Tu-bồ-đề!** Bát-nhã ba-la-mật, Bồ-tát, danh tự Bồ-tát cũng như vậy, đều do hòa hợp nên có, chỉ dùng danh tự để nói; pháp ấy cũng không sinh không diệt, không ở trong, không ở ngoài, không ở chặng giữa.

Tu-bồ-đề! Ví như ngoại vật cỏ, cây, cành, lá, cọng, mắc, tất cả vật ấy chỉ dùng danh tự để nói; pháp ấy và danh tự, cũng không sinh không diệt, chẳng phải ở trong chẳng phải ở ngoài, chẳng phải ở chặng giữa. **Tu-bồ-đề!** Bát-nhã ba-la-mật, Bồ-tát, danh tự Bồ-tát cũng như vậy, đều do hòa hợp nên có; pháp ấy và danh tự, cũng không sinh không diệt, chẳng phải ở trong chẳng phải ở ngoài, chẳng phải ở giữa.

Tu-bồ-đề! Ví như quá khứ chư Phật, do hòa hợp nên có, là cũng không sinh không diệt, chỉ dùng danh tự để nói; pháp ấy cũng chẳng phải trong chẳng phải ngoài, chẳng phải ở giữa. Bát-nhã ba-la-mật, Bồ-tát, danh tự Bồ-tát cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Ví như mộng, tiếng vang, bóng, huyễn, sóng nắng, việc biến hóa của Phật, đều là hòa hợp nên có, chỉ dùng danh tự để nói; pháp ấy và danh tự, không sinh không diệt, chẳng phải ở trong, chẳng phải ở ngoài, chẳng phải ở giữa. Bát-nhã ba-la-mật, Bồ-tát, danh tự Bồ-tát cũng như vậy.

Như vậy, **Tu-bồ-đề!** Bồ-tát ma-ha-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, giả đặt ra danh, giả đặt ra thọ, giả đặt ra pháp, như vậy nên học.

LUẬN. *Hỏi:* Phật đã nói các Bồ-tát ma-ha-tát có phước đức, trí tuệ, lợi căn hơn các Thanh-văn, có sao lại sai Tu-bồ-đề thuyết?

Đáp: Trong chương Tướng lữ ở trước đã nói, do có hai nhân duyên nên Phật sai khiến Tu-bồ-đề thuyết.

* Lại nữa, Phật có oai đức tôn trọng, vì tâm kính sợ không dám hỏi Phật, sợ không tự mình hỏi hết.

* Lại nữa, Phật biết tâm chúng có nghi, vì chúng sinh kính sợ Phật, không dám phát ra lời hỏi, vì sao? Vì chúng sinh thấy thân Phật như núi Tu-di, lữ trùm ba ngàn đại thiên thế giới, thân xuất ra vô lượng các thứ ánh sáng, khi ấy chúng hội, tâm đều kính sợ, không dám phát ra lời hỏi, mỗi mỗi tự nghĩ: Ta sẽ làm sao theo Phật nghe pháp? Vì vậy, Phật sai Tu-bồ-đề thuyết pháp cho chúng và nói: Ông thuyết pháp đều là do Phật lực, như trong Kinh nói.

* Lại nữa, Bát-nhã ba-la-mật có hai thứ: Một là thuyết chung cho cả Thanh-văn, Bồ-tát, hai là chỉ thuyết cho pháp thân Bồ-tát. Vì tập thuyết nên sai Tu-bồ-đề trước hết, rồi đến Di-lặc, Xá-lợi-phất, Thích-đề-hoàn nơn.

Khi ấy, chúng hội nghe Phật sai Tu-bồ-đề thuyết, tâm đều kính nghi. Tu-bồ-đề biết tâm mọi người, nên nói với Xá-lợi-phất v.v... hết thấy Thanh-văn thuyết được, biết được, đều nhờ Phật lực. Chúng ta sẽ thừa oai lực Phật thuyết pháp; ví như người truyền ngữ, vì có sao? Vì Phật thuyết pháp không trái với pháp tướng. Các đệ tử học pháp ấy được chúng ngộ, dám có nói gì đều nhờ Phật lực. Điều chúng ta nói, tức là Phật nói, vì có sao? Vì hiện tại ở trước Phật mà thuyết, chứ chúng ta tuy có con mắt trí tuệ, nếu không gặp Phật pháp, thời không thấy gì; ví như đêm đi đường hiểm, không có người cầm đèn, thời không qua được. Phật cũng như vậy, nếu không lấy đèn trí tuệ chiếu soi cho chúng ta, thời chúng ta không thấy gì.

Lại nói với Xá-lợi-phất: Hết thấy Thanh-văn, Bích-chi Phật còn không có sức có thể nói Bát-nhã ba-la-mật cho các Bồ-tát, huống tôi, một người, vì có sao? Vì trí tuệ Bồ-tát rất sâu, hỏi đáp sâu xa; các

pháp thiên cận khác, đối trước Bồ-tát nói ra còn khó, huống gì pháp sâu xa; như người có thể ăn một hộc cơm mà đi theo xin người chỉ có một đầu cơm để trừ đói, thời không thể trừ được. Vì vậy nên nói Thanh-văn, Bích-chi Phật không có sức có thể nói Bát-nhã cho các Bồ-tát. Tu-bồ-đề rất rõ Bồ-tát tôn quý, Phật cũng nhận như vậy. Nay Tu-bồ-đề muốn thuyết pháp thật tướng nên nói: Trong hết thầy pháp tìm Bồ-tát không thể có được, vì Bồ-tát không thể có được nên danh tự Bồ-tát cũng không thể có được. Vì Bồ-tát, danh tự Bồ-tát không thể có được nên Bát-nhã ba-la-mật cũng không thể có được. Ba việc ấy không thể có được, ta làm sao dạy Bát-nhã ba-la-mật cho Bồ-tát?

Hỏi: Phật sai Tu-bồ-đề thuyết Bát-nhã cho các Bồ-tát, mà Tu-bồ-đề nói không có Bồ-tát, là trái với Phật, sao Phật tán đồng?

Đáp: Có hai cách nói: Một là tâm chấp trước mà nói, hai là tâm không chấp trước mà nói. Nay Tu-bồ-đề dùng tâm không chấp trước mà nói Không, Phật không quở trách.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề thường thực hành Không Tam-muội, biết các pháp là không, nên Phật bảo Tu-bồ-đề thuyết Bát-nhã ba-la-mật cho các Bồ-tát, mà Bồ-tát là rốt ráo không; thế nên Tu-bồ-đề kinh ngạc nói: Làm sao có Bồ-tát? Phật liền thuật thành: Bồ-tát như vậy từ khi phát tâm lại đây cho đến khi thành Phật đạo, đều rốt ráo không, nên không thể có được. Nếu dạy như vậy, tức là dạy Bát-nhã ba-la-mật cho Bồ-tát.

* Lại nữa, phàm có hai pháp: 1. Danh tự, 2. Nghĩa của danh tự. Như lửa có thể chiếu sáng, có thể đốt là nghĩa của nó. Chiếu sáng là tạo sắc, đốt là hỏa đại (*đất, nước, gió, lửa là bốn đại năng tạo; sắc, hương, vị, xúc là bốn đại sở tạo - ND*). Hai pháp ấy hợp lại gọi là lửa. Nếu lià hai pháp ấy có lửa, lại phải nên có công dụng thứ ba. Song trừ đốt trừ chiếu sáng lại không có công dụng thứ ba, nên biết hai pháp hòa hợp giả gọi là lửa; tên lửa ấy không ở trong hai pháp, vì sao? Vì

pháp có hai, mà lửa là một, một không làm hai, hai không làm một. Nghĩa và danh hai pháp không hợp nhau, vì có sao? Vì nếu hai pháp hợp làm một, thời khi nói lửa lẽ phải bị cháy miệng; nếu hai pháp lìa nhau, thời khi tìm lửa lẽ đáng được nước. Có các nhân duyên như vậy, biết lửa không ở trong hai pháp. Nhưng nếu lửa lìa ngoài hai pháp thời khi nghe tên lửa, không nên ở nơi hai pháp sinh tướng lửa. Nhưng nếu lửa ở chặng giữa hai pháp, thời không có chỗ nương tựa. Hết thấy pháp hữu vi, đều không có chỗ nương tựa, nếu ở trung gian thời không thể biết! Vì vậy, lửa không ở ba chỗ, chỉ có tên giả. Bồ-tát cũng như vậy, do hai pháp là danh và sắc hòa hợp nên gọi là Bồ-tát. Việc sắc khác, việc danh khác, nếu quyết định có Bồ-tát thời nên lại có việc thứ ba, nhưng không có việc ấy, nên biết giả gọi là Bồ-tát. Danh tự Bồ-tát cũng như vậy không ở trong, không ở ngoài, không ở chặng giữa. Trong đây Phật nói thí dụ, như năm uẩn hòa hợp nên gọi là ngã, mà thật ngã không thể có được. Chúng sinh cho đến kẻ biết kẻ thấy đều là pháp giả danh do năm uẩn nhân duyên hòa hợp sinh. Các pháp ấy thật không sinh không diệt, thế gian chỉ dùng danh tự để nói. Bồ-tát, danh tự Bồ-tát, Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy, đều là pháp giả danh do nhân duyên hòa hợp. Trong đây Phật lại nói thí dụ.

Có người nói, do năm uẩn hòa hợp có chúng sinh, nên chúng sinh không, nhưng có pháp năm uẩn, Phật nói chúng sinh không, năm uẩn cũng do hòa hợp nên giả gọi là có. Mười hai xứ, mười tám giới cũng như vậy.

* Lại nữa, Bồ-tát có hai hạng: 1. Tọa thiền, 2. Tụng kinh. Hạng tọa thiền thường quán thân do các phần xương v.v... hòa hợp giả gọi là thân, tức lấy cảnh sở quán ấy làm thí dụ, mà biết rằng phần xương đầu hòa hợp nên gọi là đầu, phần xương chân hòa hợp nên gọi là chân; xương đầu, xương chân v.v... hòa hợp nên gọi là thân, mỗi mỗi truy tìm, đều không có căn bản, vì có sao? Vì đây là điều thường tập, thường quán nên lấy đó làm thí dụ.

Hạng không tọa thiên thì lấy cây, cỏ, cành, lá, hoa, trái làm thí dụ. Như chư Phật quá khứ, cũng chỉ có danh tự, dùng danh tự ấy có thể thuyết giảng. Mười thí dụ cũng chỉ có danh tự. Nghĩa Bồ-tát cũng như vậy. Nghĩa mười thí dụ như trước đã nói.

Bồ-tát nên học ba thứ Ba-la-nhiếp-đề như vậy: 1. Pháp năm uẩn v.v... ấy là pháp Ba-la-nhiếp-đề. 2. Năm uẩn nhân duyên hòa hợp nên gọi là chúng sinh; các xương hòa hợp nên gọi là xương đầu; như gốc, cành, nhánh, lá hòa hợp nên gọi là cây; ấy là thọ Ba-la-nhiếp-đề. 3. Dùng danh tự ấy, chấp thủ tướng hai pháp, nói là hai thứ; ấy là danh tự Ba-la-nhiếp-đề.

* Lại nữa, các vi trần hòa hợp nên có pháp thô sinh ra, như vi trần hòa hợp nên có sắc thô, ấy là pháp Ba-la-nhiếp-đề, vì từ pháp có pháp. Pháp thô ấy hòa hợp mà có tên gọi, như do vì hay đốt hay chiếu sáng nên có tên gọi là lửa; do danh và sắc nên có người, danh và sắc là pháp, người là tên giả, ấy là thọ Ba-la-nhiếp-đề. Vì chấp thủ sắc, chấp thủ danh nên gọi là thọ. Bên cạnh nhiều danh tự lại có nhiều danh tự; như bên cạnh danh tự cột, kèo, ngói v.v... lại có danh tự nhà; như bên cạnh danh tự cành, lá có danh tự cây; ấy là danh tự Ba-la-nhiếp-đề.

Hành giả trước hết phá danh tự Ba-la-nhiếp-đề, đến phá thọ Ba-la-nhiếp-đề, sau phá thọ Ba-la-nhiếp-đề đến phá pháp Ba-la-nhiếp-đề. Phá pháp Ba-la-nhiếp-đề là đến trong thật tướng các pháp. Thật tướng các pháp chính là các pháp và danh tự Không Bát-nhã ba-la-mật.

KINH: Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật không thấy sắc danh tự là thường, không thấy thọ, tướng, hành, thức danh tự là thường; không thấy sắc danh tự vô thường, không thấy thọ tướng hành thức danh tự vô thường; không thấy sắc danh tự vui; không thấy sắc danh tự khổ, không thấy sắc danh tự ngã, không thấy sắc danh tự vô ngã; không thấy

sắc danh tự không, không thấy sắc danh tự vô tướng, không thấy sắc danh tự vô tác, không thấy sắc danh tự tịch diệt; không thấy sắc danh tự nhớ, không thấy sắc danh tự sạch; không thấy sắc danh tự sinh, không thấy sắc danh tự diệt; không thấy sắc danh tự trong, không thấy sắc danh tự ngoài, không thấy sắc danh tự ở chặng giữa; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Nhãn và sắc, nhãn thức, nhãn xúc, nhãn duyên nhãn và xúc sinh ra các thọ, cho đến ý và pháp, ý thức, ý xúc, nhãn duyên ý và xúc sinh ra các thọ cũng như vậy, vì có sao? Vì Bồ-tát ma-ha-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, danh tự Bát-nhã ba-la-mật, Bồ-tát, danh tự Bồ-tát, nơi tánh hữu vi cũng không thấy, nơi tánh vô vi cũng không thấy. Bồ-tát ma-ha-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, đều không khởi phân biệt pháp ấy. Bồ-tát ấy thực hành Bát-nhã ba-la-mật, trú trong pháp bất hoại, khi tu bốn niệm xứ, không thấy Bát-nhã ba-la-mật, không thấy danh tự Bát-nhã ba-la-mật, không thấy Bồ-tát, không thấy danh tự Bồ-tát. Cho đến khi tu mười tám pháp không chung, không thấy Bát-nhã ba-la-mật, không thấy danh tự Bát-nhã ba-la-mật; cũng không thấy Bồ-tát, không thấy danh tự Bồ-tát. Như vậy, Bồ-tát ma-ha-tát khi thực hành Bát-nhã ba-la-mật, chỉ biết thật tướng các pháp, thật tướng các pháp là không nhớ không sạch.

Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát khi thực hành Bát-nhã ba-la-mật, nên biết ấy là danh tự giả đặt ra; biết danh tự giả rồi, không chấp trước sắc, không chấp trước thọ, tưởng, hành, thức; không chấp trước mắt cho đến ý; không chấp trước sắc cho đến pháp; không chấp trước nhãn thức cho đến không chấp trước ý thức; không chấp trước nhãn xúc cho đến không chấp trước ý xúc; không chấp trước nhãn và xúc làm nhân duyên sinh thọ hoặc khổ hoặc vui, hoặc không khổ không vui, cho đến không chấp trước ý và xúc làm nhân duyên sinh thọ hoặc khổ hoặc vui, hoặc không khổ không vui; không chấp trước tánh hữu vi, không chấp trước tánh vô vi; không chấp trước Thí ba-

la-mật, Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật; không chấp trước ba mươi hai tướng, không chấp trước thân Bồ-tát, không chấp trước nhục nhãn Bồ-tát, không chấp trước Phật nhãn; không chấp trước Trí ba-la-mật, không chấp trước Thần thông ba-la-mật, không chấp trước nội không cho đến không chấp trước vô pháp hữu pháp không; không chấp trước thành tựu chúng sinh, không chấp trước nghiêm tịnh Phật độ, không chấp trước pháp phương tiện, vì có sao? Vì các pháp ấy, không có người chấp trước, không có pháp chấp trước, không có chỗ chấp trước, vì đều không có.

Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát khi thực hành Bát-nhã ba-la-mật, không chấp trước hết thấy pháp, bèn tăng ích Thí ba-la-mật, Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật, vào Bồ-tát vị, được địa vị bất thối, đầy đủ Bồ-tát thần thông, dạo qua một nước Phật đến một nước Phật, thành tựu chúng sinh, cung kính tôn trọng, tán thán chư Phật, vì nghiêm tịnh Phật độ, vì thấy chư Phật để cúng dường, đồ cúng dường thành tựu thiện căn, đều được tùy ý. Cũng nghe chư Phật thuyết pháp, nghe rồi cho đến khi chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trọn không quên mất, được các môn Đà-la-ni, các môn Tam-muội.

Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát khi thực hành Bát-nhã ba-la-mật, nên biết các pháp là tên giả đặt ra.

- Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Sắc là Bồ-tát chăng; thọ, tưởng, hành, thức là Bồ-tát chăng?

- Thừa không, bạch Thế Tôn!

- Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý là Bồ-tát chăng?

- Thừa không, bạch Thế Tôn!

- Sắc, tiếng, mùi, vị, xúc, pháp là Bồ-tát chăng?

- Thừa không, bạch Thế Tôn!
- Nhân thức cho đến ý thức là Bò-tát chăng?
- Thừa không, bạch Thế Tôn!
- Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Địa chủng là Bò-tát chăng?
- Thừa không, bạch Thế Tôn!
- Nước, lửa, gió, không, thức chủng là Bò-tát chăng?
- Thừa không, bạch Thế Tôn!
- Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Vô minh là Bò-tát chăng?
- Thừa không, bạch Thế Tôn!
- Cho đến già chết là Bò-tát chăng?
- Thừa không, bạch Thế Tôn!
- Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Lìa sắc là Bò-tát chăng?
- Thừa không, bạch Thế Tôn!
- Cho đến lìa lão tử là Bò-tát chăng?
- Thừa không, bạch Thế Tôn!
- Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Tướng sắc như là Bò-tát chăng?
- Thừa không, bạch Thế Tôn!
- Cho đến tướng lão tử như là Bò-tát chăng?
- Thừa không, bạch Thế Tôn!
- Lìa tướng sắc như cho đến lìa tướng lão tử như là Bò-tát chăng?
- Thừa không, bạch Thế Tôn!

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ông quán xét nghĩa thế nào mà nói sắc chẳng phải Bò-tát, cho đến lão tử chẳng phải Bò-tát? Lìa sắc chẳng phải Bò-tát, cho đến lìa lão tử chẳng phải Bò-tát? Tướng

sắc như chẳng phải Bồ-tát, cho đến tướng lão tử như chẳng phải Bồ-tát? Là tướng sắc như chẳng phải Bồ-tát cho đến lia tướng lão tử như chẳng phải Bồ-tát?

Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn! Chúng sinh rốt ráo không thể có được, huống gì sẽ là Bồ-tát! Sắc không thể có được, huống gì là sắc, lia sắc, sắc như, lia sắc như là Bồ-tát! Cho đến lão tử không thể có được, huống gì là lão tử, lia lão tử, lão tử như, lia lão tử như là Bồ-tát!

Phật bảo Tu-bồ-đề: Lành thay, lành thay! Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát nên học như vậy, vì chúng sinh không thể có được nên Bát-nhã ba-la-mật cũng không thể có được.

- Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Sắc là Bồ-tát nghĩa chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Thọ, tướng, hành, thức là Bồ-tát nghĩa chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Sắc thường là Bồ-tát nghĩa chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Thọ, tướng, hành, thức thường là Bồ-tát nghĩa chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Sắc vô thường là Bồ-tát nghĩa chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Thọ, tướng, hành, thức vô thường là Bồ-tát nghĩa chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Sắc lạc là Bồ-tát nghĩa chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Thọ, tướng, hành, thức vui là Bồ-tát nghĩa chăng?

- Thừa không, bạch Thế Tôn!
- Sắc khổ là Bò-tát nghĩa chăng?
- Thừa không, bạch Thế Tôn!
- Thọ, tưởng, hành, thức khổ là Bò-tát nghĩa chăng?
- Thừa không, bạch Thế Tôn!
- Sắc ngã là Bò-tát nghĩa chăng?
- Thừa không, bạch Thế Tôn!
- Thọ, tưởng, hành, thức ngã là Bò-tát nghĩa chăng?
- Thừa không, bạch Thế Tôn!
- Sắc phi ngã là Bò-tát nghĩa chăng?
- Thừa không, bạch Thế Tôn!
- Thọ, tưởng, hành, thức phi ngã là Bò-tát nghĩa chăng?
- Thừa không, bạch Thế Tôn!
- Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Sắc không là Bò-tát nghĩa chăng?
- Thừa không, bạch Thế Tôn!
- Thọ, tưởng, hành, thức không là Bò-tát nghĩa chăng?
- Thừa không, bạch Thế Tôn!
- Sắc phi không là Bò-tát nghĩa chăng?
- Thừa không, bạch Thế Tôn!
- Thọ, tưởng, hành, thức phi không là Bò-tát nghĩa chăng?
- Thừa không, bạch Thế Tôn!
- Sắc tướng là Bò-tát nghĩa chăng?
- Thừa không, bạch Thế Tôn!
- Thọ, tưởng, hành, thức tướng là Bò-tát nghĩa chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Sắc vô tướng là Bò-tát nghĩa chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Thọ, tướng, hành, thức vô tướng là Bò-tát nghĩa chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Sắc tác là Bò-tát nghĩa chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Thọ, tướng, hành, thức tác là Bò-tát nghĩa chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Sắc vô tác là Bò-tát nghĩa chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Thọ, tướng, hành, thức vô tác là Bò-tát nghĩa chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn! Cho đến lão tử cũng như vậy.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ông quán xét nghĩa thế nào mà nói sắc chẳng phải Bò-tát nghĩa; thọ, tướng, hành, thức chẳng phải Bò-tát nghĩa; cho đến sắc, thọ, tướng, hành, thức vô tác chẳng phải Bò-tát nghĩa, cho đến lão tử cũng như vậy?

Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn! Sắc rất ráo không thể có được, hưởng gì vô sắc là Bò-tát nghĩa; thọ, tướng, hành, thức cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Sắc thường rất ráo không thể có được, hưởng gì sắc vô thường là Bò-tát nghĩa; cho đến thức cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Sắc lạc rất ráo không thể có được, hưởng gì sắc khổ là Bò-tát nghĩa; cho đến thức cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Sắc ngã rất ráo không thể có được, hưởng gì sắc phi ngã là Bò-tát nghĩa; cho đến thức cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Sắc có rốt ráo không thể có được, hưởng gì sắc Không là Bồ-tát nghĩa; cho đến thức cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Sắc tướng rốt ráo không thể có được, hưởng gì sắc vô tướng là Bồ-tát nghĩa; cho đến thức cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Sắc tác là rốt ráo không thể có được, hưởng gì sắc vô tác là Bồ-tát nghĩa; cho đến thức cũng như vậy.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Lành thay, lành thay! Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, sắc nghĩa không thể có được; thọ, tưởng, hành, thức nghĩa cho đến vô tác nghĩa không thể có được, nên học Bát-nhã ba-la-mật như vậy.

Tu-bồ-đề! Ông nói con không thấy pháp gọi là Bồ-tát. Tu-bồ-đề! Các pháp không thấy các pháp, các pháp không thấy pháp tánh, pháp tánh không thấy các pháp; pháp tánh không thấy địa chủng, địa chủng không thấy pháp tánh, cho đến thức chủng không thấy pháp tánh, pháp tánh không thấy thức chủng; pháp tánh không thấy tánh mắt, sắc, nhãn thức; tánh mắt, sắc, nhãn thức không thấy pháp tánh, cho đến pháp tánh không thấy tánh ý, pháp, ý thức; tánh ý, pháp, ý thức không thấy pháp tánh.

Tu-bồ-đề! Tánh hữu vi không thấy tánh vô vi, tánh vô vi không thấy tánh hữu vi, vì có sao? Vì là hữu vi không thể nói vô vi, là vô vi không thể nói hữu vi.

Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, đối với các pháp không thấy gì, khi ấy không kinh, không sợ, không hãi, tâm cũng không chìm đắm, không hồi hận, vì có sao? Vì Bồ-tát ma-ha-tát ấy không thấy sắc, thọ, tưởng, hành, thức, không thấy mắt cho đến ý, không thấy sắc cho đến pháp, không thấy dâm, nộ, si; không thấy vô minh cho đến lão tử, không thấy ngã cho đến kẻ biết kẻ thấy; không thấy cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc; không thấy tâm Thanh-văn, tâm Bích-chi

Phật; không thấy Bồ-tát, không thấy pháp Bồ-tát; không thấy Phật, không thấy pháp Phật, không thấy Phật đạo. Bồ-tát ấy vì không thấy tất cả pháp, nên không kinh, không sợ, không hãi, không chìm đắm, không hối hận.

Tu-bồ-đề thưa Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Nhân duyên gì tâm Bồ-tát không chìm đắm, không hối hận?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Hết thấy tâm tâm số pháp của Bồ-tát ma-ha-tát là không thể có được, không thể thấy, nên tâm Bồ-tát ma-ha-tát không chìm đắm, không hối hận.

Bạch Thế Tôn! Làm sao tâm Bồ-tát không kinh, không sợ, không hãi?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát ấy, ý và ý giới không thể có được, không thể thấy, vì vậy nên không kinh, không sợ, không hãi. Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát đối với hết thấy pháp, không thể có được nên hành Bát-nhã ba-la-mật.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát trong tất cả hành xứ không thủ đắc Bát-nhã ba-la-mật, không thủ đắc danh tự Bồ-tát, cũng không thủ đắc tâm Bồ-tát, tức là dạy Bồ-tát ma-ha-tát.

LUẬN: Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, quán sắc pháp danh tự chẳng phải thường chẳng phải vô thường, cho đến nơi tánh hữu vi vô vi không thấy có Bồ-tát, danh tự Bồ-tát. Như trước nói, đối với hết thấy pháp không khởi ức tưởng phân biệt. Bồ-tát trụ trong pháp bất hoại, thực hành sáu Ba-la-mật cho đến mười tám pháp không chung, dùng trí tuệ biết thật tướng các pháp, tìm trong các pháp không thấy pháp nhất định gọi là Bát-nhã ba-la-mật, cũng không thấy danh tự Bát-nhã ba-la-mật, lại không thấy Bồ-tát và danh tự Bồ-tát. Dùng trí tuệ ấy phá các phiền não vô minh v.v... dùng trí tuệ không thấy cũng không thấy ấy phá tâm chấp trước Bát-nhã ba-la-mật, danh tự Bát-nhã ba-la-mật, Bồ-tát, danh tự Bồ-

tát, thông đạt vô ngại thật tướng thanh tịnh của các pháp. Bồ-tát được trí tuệ như vậy, hoặc thấy, hoặc nghe, hoặc nghĩ đều như huyễn hóa; hoặc nghe, thấy, nghĩ, đều là hư dối, vì vậy nên không chấp trước sắc v.v... Trú trong trí tuệ vô ngại ấy, tăng ích sáu Ba-la-mật, vào Bồ-tát vị, được các lợi ích như vậy.

Một chương này, Phật tự dạy Bồ-tát quán sát như vậy.

Tiếp chương sau, có người cho rằng Phật phần nhiều nói pháp Không nên trở lại hỏi Tu-bồ-đề: Nếu các pháp chẳng không, thời có thể có một pháp nhất định là Bồ-tát chẳng, nghĩa là sắc là Bồ-tát chẳng cho đến như như là Bồ-tát chẳng?

Tu-bồ-đề nghĩ rằng: Các pháp hòa hợp nên có Bồ-tát, ta làm sao nói có một pháp nhất định là Bồ-tát? Vì vậy nên nói: Thưa không, bạch Thế Tôn.

Vì Tu-bồ-đề khéo chứng đắc chúng sinh không, nên Phật dạy: Lành thay, lành thay! Bồ-tát biết chúng sinh không, không thể có được, cần nên thực hành Bát-nhã ba-la-mật. Sắc là Bồ-tát nghĩa, cho đến vô tác rất ráo không cũng như vậy.

Tu-bồ-đề vào trong các pháp Không sâu xa, không nghi hoặc nên có thể lợi ích cho các Bồ-tát. Cho nên Phật tán thán: Lành thay, lành thay! Phép của Bồ-tát là phải học Bát-nhã ba-la-mật, hết thấy pháp Không, không thể có được.

Như Tu-bồ-đề nói: Con không thấy pháp ấy và danh tự là Bồ-tát.

Phật dạy: Chẳng phải chỉ riêng Bồ-tát không thể thấy mà hoàn toàn không có pháp thấy pháp; pháp tánh vô lượng không thể thấy, thế nên các pháp không thấy pháp tánh. Các pháp do nhân duyên hòa hợp sinh, không có tự tánh, rất ráo không, nên pháp tánh không thấy các pháp, sắc tánh không thấy pháp tánh, pháp tánh không thấy sắc tánh, cho đến thức tánh cũng như vậy. Năm uẩn tánh cùng pháp tánh đồng danh nên gọi là tánh. Mười hai xứ, mười tám giới, pháp hữu

vi, pháp vô vi cũng như vậy. Lược nói nhân duyên: Lìa tánh hữu vi không nói được tánh vô vi, lìa tánh vô vi không nói được tánh hữu vi, vì trong hai pháp ấy bao gồm hết thấy pháp.

Bồ-tát ấy tuy không thấy hết thấy pháp, cũng không sợ hãi, vì có sao? Vì có chỗ thấy, có chỗ không thấy thời có sợ hãi, nếu hoàn toàn không thấy gì thời không sợ hãi. Đó là năm uẩn cho đến mười tám pháp không chung.

Hỏi: Nếu Phật đã nói nhân duyên không sợ hãi, sao Tu-bồ-đề còn hỏi lại?

Đáp: Tu-bồ-đề nếu bảo các pháp hoàn toàn không, không có gì thời sợ đọa vào tà kiến, vì có sao? Vì đệ tử Phật do được chánh kiến nên gọi là người hành đạo, làm sao nói hoàn toàn không thể thấy gì? Phật biết tâm Tu-bồ-đề cho nên nói hết thấy tâm tâm số pháp không thể có được, không thể thấy, nên không sợ. Người phàm phu muốn vào trong Không, thấy tâm tâm số pháp có thể có được, còn ngoại pháp không thể có được, nên sợ hãi. Còn Bồ-tát cho tâm tâm số pháp là hư dối không thật, quả báo điên đảo, không thể chỉ cho người thật sự, nên không sợ hãi. Do nghĩa ấy khác nhau cho nên còn hỏi lại.

Hỏi: Nếu như vậy, có sao còn có câu hỏi thứ ba?

Đáp: Tâm tâm số pháp có thể thấy được ở trong ý thức; ý và ý thức là cội gốc của tâm tâm số pháp, vì có sao? Vì trong ý thức phân biệt nhiều, nên sinh sợ hãi, còn năm thức thời khắc quá ngắn không phân biệt được gì. Muốn phá cội gốc sợ hãi cho nên còn hỏi lại, không lỗi. Nếu Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật được như vậy, thời tuy không thấy bốn việc là: Bồ-tát, danh tự Bồ-tát, Bát-nhã ba-la-mật, danh tự Bát-nhã ba-la-mật, mà có thể do ba nhân duyên, nên không sợ, tức là dạy cho Bồ-tát Bát-nhã ba-la-mật, hoặc chỉ liễu giải tướng Bát-nhã ba-la-mật ấy là hành Bát-nhã ba-la-mật. Không từ mười phương cầu, cũng không ai cho, cũng chẳng phải như vàng bạc, vật báu, ra sức cầu mới được.

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

GIẢI THÍCH PHẨM KHUYẾN HỌC THỨ 8

(Kinh Đại Bát-nhã ghi: Phẩm Nhập Ly Sinh thứ 7)

KINH: Bảy giờ Tuệ mạng Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát muốn đầy đủ Thí ba-la-mật, hãy học Bát-nhã ba-la-mật; muốn đầy đủ Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tấn ba-la-mật, Thiên ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật, hãy học Bát-nhã ba-la-mật.

Bồ-tát ma-ha-tát muốn biết sắc, hãy học Bát-nhã ba-la-mật; cho đến muốn biết thức, hãy học Bát-nhã ba-la-mật; muốn biết nhãn cho đến ý, muốn biết sắc cho đến pháp, muốn biết nhãn thức cho đến ý thức, muốn biết nhãn xúc cho đến ý xúc, muốn biết nhãn và xúc làm nhân duyên sinh thọ cho đến ý và xúc làm nhân duyên sinh thọ, hãy học Bát-nhã ba-la-mật; muốn đoạn dâm, nộ, si, hãy học Bát-nhã ba-la-mật.

Bồ-tát ma-ha-tát muốn đoạn thân kiến, giới thủ, nghi, dâm dục, sân nhuế, sắc ái, vô sắc ái, trạo, mạn, vô minh v.v... tất cả kiết sử và triền, hãy học Bát-nhã ba-la-mật. Muốn đoạn bốn phược, bốn kiết, bốn điên đảo, hãy học Bát-nhã ba-la-mật. Muốn biết mười thiện đạo, muốn biết bốn thiền, muốn biết bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, bốn niệm xứ, cho đến mười tám pháp không chung, hãy học Bát-nhã ba-la-mật.

Bồ-tát ma-ha-tát muốn vào giác ý Tam-muội, hãy học Bát-nhã ba-la-mật. Muốn vào sáu thần thông, định chín thứ lớp, siêu việt Tam-muội, hãy học Bát-nhã ba-la-mật. Muốn được Tam-muội Sư tử du hý, hãy học Bát-nhã ba-la-mật. Muốn được Tam-muội Sư tử phần tấn, muốn được hết thảy môn Đà-la-ni hãy học Bát-nhã ba-la-mật.

Bồ-tát ma-ha-tát muốn được Tam-muội Thủ Lăng Nghiêm, Tam-muội Bảo ấn, Tam-muội Diệu nguyệt, Tam-muội Nguyệt tràng tướng, Tam-muội Hết thảy Pháp ấn, Tam-muội Quán ấn, Tam-muội Tất pháp tánh, Tam-muội Tất trụ tướng, Tam-muội Như Kim cang, Tam-muội Vào hết thảy pháp môn, Tam-muội Vương Tam-muội, Tam-muội Vương ấn, Tam-muội Tịnh lực, Tam-muội Cao xuất, Tam-muội Rốt ráo vào hết thảy biện tài, Tam-muội Vào hết thảy tên pháp, Tam-muội Quán mười phương, Tam-muội Ấn các môn Đà-la-ni, Tam-muội Hết thảy pháp không quên, Tam-muội Ấn nhiếp hết thảy pháp tụ, Tam-muội Hư không trụ, Tam-muội Ba phần thanh tịnh, Tam-muội Không thối thần thông, Tam-muội Xuất bát, Tam-muội Tướng các tam-muội tràng... Muốn được các môn Tam-muội như vậy, hãy học Bát-nhã ba-la-mật.

*** Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát muốn làm mãn nguyện hết thảy chúng sinh, hãy học Bát-nhã ba-la-mật.**

LUẬN. *Hỏi:* Trong phẩm đầu đã nói muốn được có các thứ, hãy học Bát-nhã ba-la-mật, sao nay còn nói lại?

Đáp: Trước chỉ tán thán muốn được các công đức ấy, hãy học Bát-nhã ba-la-mật, mà chưa nói Bát-nhã ba-la-mật. Nay đã nghe ý vị Bát-nhã ba-la-mật, nhân đó muốn được các công đức khác, là sáu Ba-la-mật v.v... hãy học Bát-nhã ba-la-mật.

* Lại nữa, trên dùng các nhân duyên nói các pháp không. Có người cho rằng, Phật pháp dạy đoạn diệt, không còn làm gì. Vì dứt

mỗi nghi của người ấy, nên nói muốn được các công đức bồ thí v.v... hãy thực hành Bát-nhã ba-la-mật. Nếu Bát-nhã ba-la-mật thật không, không có gì, đoạn diệt, thì không nên nói nên thực hành các công đức bồ thí v.v... Bậc có trí nói, cứ gì trước sau trái nhau?

* Lại nữa, trước nói rộng đây nói lược. Kia là Phật nói, đây là Tu-bồ-đề nói.

* Lại nữa, Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu, cho nên nói lại. Ví như tán thán đức tốt nên nói: Lành thay, lành thay! Nghĩa của sáu Ba-la-mật như trước đã nói.

Biết năm uẩn là thấy nó vô thường, khổ, không, tướng chung, tướng riêng v.v...; sáu căn, sáu trần, sáu thức, sáu xúc, sáu thọ cũng như vậy. Hết thấy sự trói buộc ở thế gian, chính thọ là chủ, do thọ nên sinh các kiết sử, thọ vui sinh tham dục, thọ khổ sinh sân nhuế, thọ không khổ không vui sinh ngu si. Ba độc là nhân duyên khởi lên các phiền não và nghiệp, vì vậy nên chỉ nói thọ. Các tâm số pháp khác không nói đến là tưởng, ức, niệm v.v...; ba độc, mười kiết, các sử, các triền cho đến mười tám pháp không chung, như trước đã nói.

Tam-muội Giác ý, Tam-muội Siêu việt, Tam-muội Sư tử du hý... các Tam-muội ấy của Bồ-tát, sau sẽ nói. Muốn làm cho hết thấy chúng sinh mãn nguyện, trước đã nói.

KINH: Muốn được đầy đủ thiện căn như vậy, thường không đọa ác thú, muốn được không sinh nhà bần tiện, muốn được không trú ở trong địa vị Thanh-văn, Bích-chi Phật, muốn được không đọa Bồ-tát danh (*Kinh Đại Bát-nhã ghi: Đối với Bồ-tát danh, trọn không thối đọa - ND*) hãy học Bát-nhã ba-la-mật.

Bấy giờ, Tuệ mạng Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Thế nào gọi là Bồ-tát ma-ha-tát đọa danh?

Tu-bồ-đề nói: Xá-lợi-phất! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát không dùng phương tiện thiện xảo thực hành sáu Ba-la-mật, vào không, vô tướng, vô tác Tam-muội, cũng không đọa địa vị Thanh-văn, Bích-chi Phật, cũng không vào Bồ-tát vị, ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát pháp ái sinh, nên đọa đảnh.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Thế nào gọi là Bồ-tát sinh?

Tu-bồ-đề đáp Xá-lợi-phất rằng: Sinh gọi là pháp ái.

Xá-lợi-phất nói: Thế nào gọi là pháp ái?

Tu-bồ-đề nói: Bồ-tát ma-ha-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, sắc là không mà lãnh thọ ức niệm ái trước; thọ, tướng, hành, thức là không mà lãnh thọ, ức niệm, ái trước. Xá-lợi-phất! Ấy gọi là thuận đạo pháp sinh ái trước.

* Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát, sắc là vô tướng mà lãnh thọ, ức niệm, ái trước; thọ, tướng, hành, thức là vô tướng, mà lãnh thọ, ức niệm, ái trước. Sắc là vô tác mà lãnh thọ, ức niệm, ái trước; thọ, tướng, hành, thức là vô tác mà lãnh thọ, ức niệm, ái trước. Sắc là tịch diệt mà lãnh thọ, ức niệm, ái trước; thọ, tướng, hành, thức là tịch diệt mà lãnh thọ, ức niệm, ái trước. Sắc là vô thường cho đến thức, sắc là khổ cho đến thức; sắc là vô ngã cho đến thức mà lãnh thọ, ức niệm, ái trước; ấy là Bồ-tát thuận đạo pháp sinh ái trước.

Ấy là khổ nên biết, tập nên dứt, diệt nên chứng, đạo nên tu; ấy là pháp như, ấy pháp sạch, ấy nên gần, ấy không nên gần, ấy Bồ-tát nên làm, ấy chẳng phải Bồ-tát nên làm; ấy Bồ-tát đạo, ấy Bồ-tát học, ấy chẳng phải Bồ-tát đạo, ấy chẳng phải Bồ-tát học, ấy Bồ-tát Thí ba-la-mật, cho đến Bát-nhã ba-la-mật; ấy chẳng phải Bồ-tát Thí ba-la-mật; cho đến Bát-nhã ba-la-mật; ấy Bồ-tát phương tiện, ấy chẳng phải Bồ-tát phương tiện; ấy Bồ-tát thành thực; ấy chẳng phải Bồ-tát thành thực.

Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, lãnh thọ, ức niệm, ái trước các pháp ấy; ấy là Bồ-tát ma-ha-tát thuận đạo pháp sinh ái trước.

LUẬN. *Hỏi:* Do thiện căn gì mà không đọa ác đạo, nghèo hèn và Thanh-văn, Bích-chi Phật, cũng không đọa đánh?

Đáp: Có người nói, thực hành thiện căn không tham nên các kiết sử ái v.v... suy mỏng, vào sâu thiền định; thực hành thiện căn không giận, nên các kiết sử giận v.v... suy mỏng, vào sâu tâm từ bi; thực hành thiện căn không ngu si, nên các kiết sử vô minh v.v... suy mỏng, vào sâu Bát-nhã ba-la-mật. Do lực thiền định, từ bi, Bát-nhã ba-la-mật như vậy, nên không việc gì mà không thành được, huống gì bốn việc (không đọa ác đạo, nhà bản tiện, Thanh-văn và Bích-chi Phật, không đọa đánh).

Hỏi: Cớ gì trong bốn việc chỉ hỏi việc đọa đánh?

Đáp: Ba việc ở trước đã nói, việc đọa đánh chưa nói cho nên hỏi.

Hỏi: Đánh là pháp vị, nghĩa ấy trước đã nói, sao nay còn nói lại?

Đáp: Tuy đã nói nghĩa, mà tên gọi khác nhau. Không có phương tiện, vào ba giải thoát môn và có phương tiện, thì trước đã nói.

Pháp ái, đối với vô sinh pháp nhẫn, không có lợi ích nên gọi là sinh; ví như ăn nhiều không tiêu, nếu không trị liệu là tai họa cho thân. Bồ-tát cũng như vậy, khi mới phát tâm, tham ái món ăn chánh pháp, đó là không phương tiện thiện xảo thực hành các thiện pháp, tâm tâm buộc đấm nơi vô sinh pháp nhẫn, ấy là sinh, là bệnh. Vì đấm trước pháp ái nên đối với pháp không sinh không diệt cũng ái; ví như người chắc chắn chết, tuy uống thêm thuốc, thuốc trở lại thành bệnh. Bồ-tát đối với pháp rất ráo không, không sinh không diệt pháp nhẫn mà sinh ái trước, cũng trở lại bị tai họa. Pháp ái đối với người, trời là thù diệu, mà đối với vô sinh pháp nhẫn là hệ lụy.

Đối với hết thấy pháp, ức tướng phân biệt quán thị quán phi, theo pháp mà ái, ấy gọi là sinh; không thể đưng nước thật tướng các pháp, trái với sinh (sống) gọi là BỒ-tát thực (chín).

Hỏi: Một việc ấy có sao gọi là đánh, gọi là vị, gọi là không sinh?

Đáp: Pháp ở giữa nhu thuận nhãn và vô sinh nhãn, gọi là đánh. Trú ở đánh ấy, trên thẳng đến Phật đạo, không còn sợ đọa; ví như trong pháp Thanh-văn, ở giữa noãn pháp và nhãn pháp gọi là đánh pháp.

Hỏi: Nếu được đánh không sợ đọa, sao nay nói đánh đọa?

Đáp: Sấp gần đọa mà mất gọi là đọa. Được đánh rồi trí tuệ an ổn, thời không sợ đọa; ví như lên núi, đã được đến đỉnh, thời không sợ rớt; giữa lúc chưa đến, khoảnh khắc cheo leo sợ rớt. Đánh cứ tăng trưởng kiên cố, gọi là BỒ-tát vị. Vào vị ấy, hết thấy kiết sử, hết thấy ma dân không làm lay động được, cũng gọi là vô sinh pháp nhãn, vì có sao? Vì khác với sinh. Các kiết sử ái v.v... và các thiện pháp hỗn tạp, gọi là sinh.

* Lại nữa, không có lửa trí tuệ biết về thật tướng các pháp, nên gọi là sinh (sống), có lửa trí tuệ biết thật tướng các pháp nên gọi là thực (chín). Người ấy tin thọ được trí tuệ biết thật tướng các pháp, nên gọi là thực. Ví như bình nung chín có thể đưng nước, nung sống thời bị hư rã.

* Lại nữa, nương dựa trí tuệ sinh diệt nên được xa lìa điên đảo, xa lìa trí tuệ sinh diệt nên không sinh không diệt, ấy gọi là vô sinh pháp. Hay tin, hay thọ, hay trì gọi là nhãn.

* Lại nữa, vị là nhờ hết thấy pháp quán về vô thường v.v... gọi là vị; nếu không như vậy, ấy là thuận đạo pháp sinh ái trước.

KINH: Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Thế nào gọi là BỒ-tát ma-ha-tát vô sinh?

Tu-bồ-đề nói: Bồ-tát ma-ha-tát khi thực hành Bát-nhã ba-la-mật, trong nội không, không thấy ngoại không, trong ngoại không, không thấy nội không; trong ngoại không, không thấy nội ngoại không; trong nội ngoại không, không thấy ngoại không; trong nội ngoại không, không thấy không không, trong không không, không thấy nội ngoại không; trong không không, không thấy đại không, trong đại không, không thấy không không; trong đại không, không thấy đệ nhất nghĩa không, trong đệ nhất nghĩa không, không thấy đại không; trong đệ nhất nghĩa không, không thấy hữu vi không, trong hữu vi không, không thấy đệ nhất nghĩa không; trong hữu vi không, không thấy vô vi không; trong vô vi không, không thấy hữu vi không; trong vô vi không, không thấy tất cảnh không, trong tất cảnh không, không thấy vô vi không; trong tất cảnh không, không thấy vô thủ không, trong vô thủ không, không thấy tất cảnh không; trong vô thủ không, không thấy tán không, trong tán không, không thấy vô thủ không; trong tán không, không thấy tánh không, trong tánh không, không thấy tán không; trong tánh không, không thấy các pháp không, trong các pháp không, không thấy tánh không; trong các pháp không, không thấy tự tướng không, trong tự tướng không, không thấy các pháp không; trong tự tướng không, không thấy bất khả đắc không; trong bất khả đắc không, không thấy tự tướng không; trong bất khả đắc không, không thấy vô pháp không, trong vô pháp không, không thấy bất khả đắc không; trong vô pháp không, không thấy hữu pháp không, trong hữu pháp không, không thấy vô pháp không; trong hữu pháp không, không thấy vô pháp hữu pháp không, trong vô pháp hữu pháp không, không thấy hữu pháp không.

Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, được vào Bồ-tát vị.

* Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát muốn học Bát-nhã ba-la-mật, hãy học như vậy: Không niệm sắc, thọ, tưởng, hành, thức; không niệm mắt cho đến ý; không niệm sắc cho đến pháp; không niệm Thí ba-la-mật, Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật, cho đến mười tám pháp không chung.

Như vậy Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát tu Bát-nhã ba-la-mật, tâm Bồ-đề không nên niệm, không nên cao; tâm vô đẳng đẳng không nên niệm, không nên cao; tâm rộng lớn không nên niệm, không nên cao, vì có sao? Vì tâm ấy chẳng phải tâm, tâm tướng thường tịnh vậy.

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề: Thế nào gọi là tâm tướng thường tịnh?

Tu-bồ-đề nói: Nếu Bồ-tát biết tâm tướng ấy cùng với dâm, nộ, si, không hợp không lia, cùng các kiết sử triền, lưu, phược... tất cả phiền não, không hợp không lia; cùng tâm Thanh-văn, Bích-chi Phật không hợp không lia.

Xá-lợi-phất! Ấy gọi là Bồ-tát tâm tướng thường tịnh.

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề: Có cái tâm không tâm tướng ấy chăng?

Tu-bồ-đề đáp Xá-lợi-phất rằng: Trong không tâm tướng có thể có tâm tướng không tâm tướng được chăng?

Xá-lợi-phất nói: Không thể được.

Tu-bồ-đề nói: Nếu không thể được, thì không nên hỏi có tâm chẳng phải có tâm.

Xá-lợi-phất lại hỏi: Thế nào là không tâm tướng?

Tu-bồ-đề nói: Các pháp không hoại, không phân biệt, ấy gọi là không tâm tướng.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Chỉ có tâm không phá hoại không phân biệt, sắc cũng không hoại không phân biệt, cho đến Phật đạo cũng không hoại không phân biệt ư?

Tu-bồ-đề nói: Nếu biết được tâm tướng không hoại không phân biệt, Bồ-tát ấy cũng biết được sắc cho đến Phật đạo không hoại không phân biệt.

Bấy giờ Tuệ mạng Xá-lợi-phất tán thán Tu-bồ-đề: Lành thay, lành thay! Ông thật là con Phật, từ miệng Phật sinh, từ thấy pháp sinh, từ pháp hóa sinh, thủ phần pháp không thủ phần tài. Đối với pháp tự tin thân đắc chứng, như Phật đã nói trong hạng người được vô tránh, Ông là đệ nhất, thật như Phật đã cử ra.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát nên học Bát-nhã ba-la-mật như vậy, trong ấy cũng nên phân biệt biết, Bồ-tát thực hành như lời ông nói, thời không lia Bát-nhã ba-la-mật.

Tu-bồ-đề! Thiện nam tử, thiện nữ nhân nào muốn học Thanh-văn địa cũng phải nên nghe Bát-nhã ba-la-mật, thọ trì, tụng đọc, chánh ức niệm, hành đúng như nói. Muốn học Bích-chi Phật địa cũng phải nên nghe Bát-nhã ba-la-mật, thọ trì, tụng đọc, chánh ức niệm, hành đúng như nói. Muốn học Bồ-tát địa cũng phải nên nghe Bát-nhã ba-la-mật, thọ trì, tụng đọc, chánh ức niệm, hành đúng như nói, vì có sao? Vì trong Bát-nhã ba-la-mật ấy nói rộng ba thừa, trong đó Bồ-tát ma-ha-tát, Thanh-văn, Bích-chi Phật nên học.

LUẬN: Trong nội không, không thấy ngoại không, trong ngoại không, không thấy nội không.

Có người nói: Các thức ăn uống tứ đại bên ngoài đưa vào trong thân nên gọi là nội; nếu thân chết trở lại làm ngoài; vì hết thấy pháp không có tướng đến đi. Ngoại không chẳng ở trong nội không. Mười

bảy không kia cũng như vậy, không sinh không diệt, không tướng khác, vì không đến đi nên trong mỗi mỗi không trú.

* Lại nữa, tướng của Bồ-tát vị là không niệm hết thấy sắc là có, cho đến mười tám pháp không chung cũng không niệm là có. Nghĩa không niệm có như trước đã nói.

Hỏi: Tâm Bồ-đề, tâm vô đẳng đẳng, đại tâm có gì sai khác?

Đáp: Bồ-tát khi mới phát tâm duyên đạo vô thượng, ta sẽ làm Phật, ấy là tâm Bồ-đề. Vô đẳng đẳng là Phật, vì có sao? Vì hết thấy chúng sinh, hết thấy pháp không sánh bằng được. Tâm Bồ-đề ấy cùng Phật tương tự, vì có sao? Vì nhân tự quả vậy, ấy gọi là tâm vô đẳng đẳng. Tâm ấy không việc gì không làm, không cầu ân huệ, sâu bền quyết chắc.

* Lại nữa, thí, Giới ba-la-mật gọi là Bồ-đề tâm, vì có sao?

Vì do Thí ba-la-mật nên được giàu lớn, không thiếu gì; do Giới ba-la-mật nên ra khỏi ba đường ác, được tôn quý trong hàng trời người, trụ vào hai Ba-la-mật quả báo nên được an lập, thành tựu việc lớn, ấy gọi là tâm Bồ-đề.

Tướng của Nhẫn, Tấn ba-la-mật, hiện việc kỳ lạ đối với chúng sinh, đó là có người đến cắt thịt moi tủy, xem như chặt cây, mà thương nghĩ đến oan gia, huyết hóa thành sữa. Tâm ấy tự như tâm Phật, đối với hết thấy chúng sinh trong mười phương sáu đường, mỗi mỗi đều đem tâm tâm tế độ. Lại biết các pháp là rốt ráo không, mà đem tâm đại bi hành các hạnh, ấy là kỳ lạ; ví như người muốn trồng cây giữa không, ấy là hy hữu.

Oai lực của Tinh tấn ba-la-mật như vậy, cùng với vô đẳng (Phật) tương tự, ấy gọi là vô đẳng đẳng.

Vào thiên định, thực hành bốn tâm vô lượng, cùng khắp mười phương, hợp với đại bi và phương tiện, cứu vớt hết thấy chúng sinh

ra khỏi khổ. Lại thật tướng các pháp, diệt hết thấy quán niệm, ngôn ngữ dứt mà không đọa vào đoạn diệt, ấy gọi là đại tâm.

* Lại nữa, mới phát tâm gọi là tâm Bồ-đề; thực hành sáu Ba-la-mật, gọi là tâm vô đẳng đẳng; vào tâm phương tiện gọi là đại tâm, có các sai biệt như vậy.

* Lại nữa, Bồ-tát được đại trí như vậy, tâm cũng không cao vì tâm tướng thường thanh tịnh, như tướng hư không thường thanh tịnh; khói mây, bụi mù tạm đến che lấp làm cho bất tịnh. Tâm cũng như vậy, thường tự thanh tịnh, bị các khách phiền não vô minh đến che lấp, nên cho là bất tịnh; trừ bỏ phiền não, trở lại thanh tịnh như xưa. Kẻ tu hành công phu nhỏ mỏng, sự thanh tịnh ấy chẳng phải người làm được, không nên tự cao, không nên ức niệm, vì sao? Vì rất ráo không.

Hỏi: Xá-lợi-phất đã biết tâm tướng thường tịnh, có sao còn hỏi?

Đáp: Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vào sâu dĩnh sâu. Tuy nghe nói tâm rất ráo không, thường thanh tịnh, vẫn còn ức tướng phân biệt, chấp thủ tướng vô tâm ấy. Vì thế nên hỏi: Tâm không có tâm tướng ấy là có hay là không? Nếu có, có sao nói không có tâm tướng? Nếu không, có sao tán thán tâm vô đẳng đẳng ấy sẽ thành Phật đạo?

Tu-bồ-đề đáp rằng: Trong không tâm tướng ấy rất ráo thanh tịnh, có và không đều không thể có được nên không nên nạn hỏi.

Xá-lợi-phất lại hỏi: Thế nào là không có tâm tướng?

Tu-bồ-đề đáp: Rất ráo không, không phân biệt hết thấy các pháp, ấy gọi là không có tâm tướng.

Xá-lợi-phất hỏi: Chỉ có tâm tướng là không hoại không phân biệt, hay các pháp khác cũng như vậy?

Tu-bồ-đề đáp: Các pháp cũng như vậy. Nếu như vậy, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng như hư không, không hoại không phân biệt.

Các Bồ-tát đắm sâu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên nghĩ rằng: Các pháp phạm phu có thể nói là hư dối, vì không chân thật, vì Bồ-tát chưa hết lậu hoặc, cũng có thể nói là không thanh tịnh, chứ sao Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng lại hư dối? Khi ấy tâm lo sợ không vui.

Tu-bồ-đề biết tâm kia rồi, suy nghĩ trừ lượng: Ta nay nên nói pháp thật tướng cho họ chăng? Suy nghĩ xong, tự nghĩ, nay ở trước Phật, nên đem thật tướng mà đáp, nếu ta có lỗi, Phật sẽ tự nói. Mỗi suy nghĩ xong, thế nên nói Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tuy là đệ nhất, cũng từ nơi pháp hư dối sinh ra, cho nên cũng là không, không hoại, không phân biệt. Vì vậy, hành giả nên theo tướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà thực hành, không nên chấp thủ tướng để tự cao.

Bấy giờ, Xá-lợi-phất tán thán Tu-bồ-đề: Lành thay, lành thay! Còn Phật im lặng nghe Tu-bồ-đề đáp, cũng ẩn khả lời tán thán của Xá-lợi-phất.

Từ miệng Phật sinh là, có người nói: Bà-la-môn từ nơi miệng vua Phạm thiên sinh, đệ nhất trong bốn đẳng cấp chúng sinh. Vì vậy, Xá-lợi-phất tán thán rằng: Ông thật từ miệng Phật sinh, vì sao? Vì ông thấy pháp, biết pháp vậy!

Người chưa đắc đạo, nương Phật nên được sự cúng dường, ấy gọi là thủ phần tài. Lại như đứa con tệ ác, không theo lời cha, chỉ lấy phần tài. Lấy phần pháp là lấy các thiện định, năm căn, năm lực, bảy giác phần, tám Thánh đạo phần, các thiện pháp, gọi là lấy phần pháp.

Được bốn điều tin chắc gọi là tự tín đối với pháp, được các thần thông, diệt tận định v.v... bám vào thân, ấy gọi là thân đắc chứng. Như Xá-lợi-phất trí tuệ đệ nhất, Mục-kiền-liên thần thông đệ nhất, Ma-ha Ca-diếp đầu đà đệ nhất, Tu-bồ-đề được Vô tránh Tam-muội đệ nhất. Vị A-la-hán được định Vô tránh thường quán xét tâm người,

không khiến người khởi tranh cãi. Tam-muội này nhiếp vào trong bốn thiên căn bản, cũng dùng ở trong cõi Dục.

Hỏi: Bát-nhã ba-la-mật là việc của Bồ-tát, có gì nói người muốn được ba thừa đều nên học tập?

Đáp: Trong Bát-nhã ba-la-mật, nói thật tướng các pháp tức là Vô-dư Niết-bàn. Người ba thừa đều cầu Vô-dư Niết-bàn nên phải tinh tấn tập hành Bát-nhã.

* Lại nữa, các nhân duyên trong Bát-nhã, có nói về nghĩa không giải thoát môn. Như trong Kinh nói: Nếu lìa không giải thoát môn, thời không có đạo không có Niết-bàn. Vì vậy người ba thừa đều nên học Bát-nhã.

* Lại nữa, Xá-lợi-phất tự nói nhân duyên: Trong Bát-nhã ba-la-mật, rộng nói tướng ba thừa trong đó. Người ba thừa nên học để thành tựu.

(HẾT CUỐN 41 THEO BẢN HÁN)

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

GIẢI THÍCH: PHẨM TẬP TÁN THỨ 9

(Kinh Đại Bát-nhã ghi: Phẩm Thắng Quân thứ 8)

KINH: Bấy giờ Tuệ mạng Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Con không biết không nắm được Bồ-tát ấy tu hành Bát-nhã ba-la-mật, thời sẽ vì ai nói Bát-nhã ba-la-mật?

Bạch đức Thế Tôn! Con không biết không nắm được hết thầy pháp hoặc tập hoặc tán, nếu con vì Bồ-tát lập danh tự nói là Bồ-tát, thời hoặc con sẽ có hối hận.

Bạch Thế Tôn! Danh tự ấy chẳng trụ, cũng chẳng phải trụ, vì có sao? Vì danh tự ấy không có gì, thế nên danh tự ấy chẳng trụ cũng chẳng phải chẳng trụ *(Kinh Đại Bát-nhã ghi: Bạch đức Thế Tôn! Con đối với Bồ-tát ma-ha-tát và đối với Bát-nhã ba-la-mật đều không biết không nắm được, làm sao khiến con đem pháp Bát-nhã ba-la-mật tương ưng giáo giới giáo thọ cho các Bồ-tát ma-ha-tát? Bạch Thế Tôn! Con đối với các pháp hoặc tăng hoặc giảm còn không biết không nắm được, nếu con đem các pháp giáo giới giáo thọ cho các Bồ-tát ma-ha-tát, thời con sẽ có hối hận v.v... ND).*

Bạch Thế Tôn! Con chẳng nắm được sắc hoặc tập hoặc tán, cho đến thức hoặc tập hoặc tán; nếu không thể nắm được, làm sao sẽ lập danh tự?

Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên đó, danh tự ấy chẳng trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ, vì có sao? Vì danh tự ấy không có gì.

Bạch Thế Tôn! Con không nắm được mắt hoặc tập hoặc tán, cho đến ý hoặc tập hoặc tán; nếu không thể nắm được, làm sao sẽ lập danh tự gọi là Bò-tát? Bạch Thế Tôn! Danh tự mắt cho đến danh tự ý, ấy chẳng trụ cũng chẳng phải chẳng trụ, vì có sao? Vì danh tự ấy không có gì. Thế nên danh tự ấy chẳng trụ, chẳng phải chẳng trụ.

Bạch Thế Tôn! Con không nắm được sắc hoặc tập hoặc tán, cho đến pháp hoặc tập hoặc tán, làm sao sẽ lập danh tự gọi là Bò-tát? Bạch Thế Tôn! Danh tự sắc cho đến danh tự pháp ấy, chẳng trụ cũng chẳng phải chẳng trụ, vì có sao? Vì danh tự ấy không có gì. Thế nên danh tự ấy chẳng trụ cũng chẳng phải chẳng trụ. Nhãn thức cho đến ý thức; nhãn xúc cho đến ý xúc; nhãn xúc làm nhân duyên sinh thọ cho đến ý xúc làm nhân duyên sinh thọ cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Con không nắm được vô minh hoặc tập hoặc tán, cho đến không nắm được già chết hoặc tập hoặc tán. Bạch Thế Tôn! Con không nắm được vô minh tận hoặc tập hoặc tán, cho đến không nắm được già chết tận hoặc tập hoặc tán.

Bạch Thế Tôn! Con không nắm được dâm, nộ, si hoặc tập hoặc tán; các tà kiến hoặc tập hoặc tán, đều cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Con không nắm được sáu Ba-la-mật hoặc tập hoặc tán; bốn niệm xứ hoặc tập hoặc tán; cho đến tám Thánh đạo phần hoặc tập hoặc tán; không, vô tướng, vô tác hoặc tập hoặc tán; bốn thiên, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc hoặc tập hoặc tán; niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Bồ thí, niệm Trời, niệm lành, niệm hơi thở ra vào, niệm Thân, niệm Chết hoặc tập hoặc tán. Con cũng không nắm được mười lực của Phật cho đến mười tám pháp không chung hoặc tập hoặc tán.

Bạch Thế Tôn! Con nếu không nắm được sáu Ba-la-mật cho đến mười tám pháp không chung hoặc tập hoặc tán, thì làm sao sẽ lập danh tự gọi là Bồ-tát? Bạch Thế Tôn! Danh tự ấy chẳng trụ cũng chẳng phải chẳng trụ, vì có sao? Vì danh tự ấy không có gì. Thế nên danh tự ấy chẳng trụ cũng chẳng phải chẳng trụ.

Bạch Thế Tôn! Con không nắm được năm uẩn như mộng hoặc tập hoặc tán; con không nắm được năm uẩn như tiếng vang, như bóng, như rắng nắng, như huyễn hóa hoặc tập hoặc tán, cũng nói như trên.

Bạch Thế Tôn! Con không nắm được xa lìa hoặc tập hoặc tán; con không nắm được tịch diệt, bất sinh bất diệt, không hiển thị, không như không sạch hoặc tập hoặc tán. Bạch Thế Tôn! Con không nắm được như như, pháp tánh, thật tế, pháp tướng, pháp vị hoặc tập hoặc tán, cũng nói như trên.

Con không nắm được pháp lành, pháp chẳng lành, hoặc tập hoặc tán; con không nắm được pháp hữu vi vô vi, pháp hữu lậu vô lậu hoặc tập hoặc tán; pháp quá khứ, vị lai, hiện tại hoặc tập hoặc tán; pháp chẳng quá khứ, chẳng vị lai, chẳng hiện tại hoặc tập hoặc tán. Những gì là pháp chẳng quá khứ, chẳng vị lai, chẳng hiện tại? Đó là pháp vô vi.

Bạch Thế Tôn! Con cũng không nắm được pháp vô vi hoặc tập hoặc tán.

Bạch Thế Tôn! Con cũng không nắm được Phật hoặc tập hoặc tán. Bạch Thế Tôn! Con cũng không nắm được thế giới chư Phật như hằng hà sa ở mười phương và Bồ-tát, Thanh-văn Tăng hoặc tập hoặc tán.

Bạch Thế Tôn! Nếu con không nắm được chư Phật hoặc tập hoặc tán, thì làm sao dạy Bát-nhã ba-la-mật cho Bồ-tát ma-ha-tát?

Bạch Thế Tôn! Danh tự BỒ-tát ấy chẳng trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ, vì có sao? Vì danh tự ấy không có gì. Thế nên danh tự ấy chẳng trụ cũng chẳng phải chẳng trụ.

Bạch Thế Tôn! Con không nắm được thật tướng các pháp hoặc tập hoặc tán, thời làm sao lập danh tự BỒ-tát để gọi đó là BỒ-tát!

Bạch Thế Tôn! Danh tự các pháp thật tướng ấy chẳng trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ, vì có sao? Vì danh tự ấy không có gì. Thế nên danh tự ấy chẳng trụ cũng chẳng phải chẳng trụ.

LUẬN. *Hỏi:* Trong phẩm trước đã nói không thấy BỒ-tát, danh tự BỒ-tát, Bát-nhã ba-la-mật, hết thấy các pháp không trong không ngoài, không ở giữa v.v... sao nay còn nói lại?

Đáp: Có bốn thứ ái là dục ái, hữu ái, phi hữu ái, pháp ái. Dục ái dễ thấy, lỗi nó là bất tịnh v.v...; hữu ái, không bất tịnh v.v... tế tiểu khó khiển trừ. Phi hữu ái, phá hữu, vì phá hữu nên in tuồng trí tuệ, khó khiển trừ. Pháp ái, ái trước các đạo thiện pháp lợi ích. Trong pháp ái, tội lỗi khó thấy, nên nói lại; ví như cây cỏ nhỏ, gia công ít dễ trừ, còn cây lớn, gia công nặng khó trừ.

* Lại nữa, pháp trên và pháp đây có đồng có khác, trên kia nói không thấy danh tự BỒ-tát, ở đây nói không biết không nắm được danh tự BỒ-tát. Vì không biết không nắm được nên không thấy, chẳng phải vì lực trí tuệ ít nên không thấy.

Hỏi: Khi chưa tập hành Bát-nhã ba-la-mật là có BỒ-tát chăng? Sao nay nói không thấy BỒ-tát tập hành Bát-nhã ba-la-mật?

Đáp: Từ vô thi lại, chúng sinh vốn không thể có được, chứ chẳng phải vì tập hành Bát-nhã ba-la-mật nên không thể có được. Chỉ vì điên đảo hư dối, người phàm phu chạy theo giả danh cho là có. Nay tập hành Bát-nhã ba-la-mật diệt điên đảo hư dối, rõ nó là không, chẳng phải vốn có nay không; vốn có nay không thời rơi vào đoạn diệt.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề tâm hối hận, sợ phá giới vọng ngữ, vì có sao? Vì trong Phật pháp hết thấy pháp quyết định là vô ngã, mà ta nói có Bồ-tát để nói Bát-nhã ba-la-mật cho họ, thời bị đọa vào tội vọng ngữ, thế nên tâm hối hận.

* Lại nữa, có nhân duyên làm cho tâm hối hận, hết thấy pháp vì là không, không thể có được nên đều không, vì có sao? Vì không tập không tán. Ví như mắt và sắc làm nhân duyên sinh nhãn thức, ba sự hòa hợp (*Ba sự là mắt, sắc, nhãn thức - ND*) nên sinh nhãn xúc, trong nhân duyên nhãn xúc liền sinh các tâm số pháp thọ, tưởng, tư v.v... Trong đây, vì tà kiến ức niệm nên sinh ra các phiền não tội nghiệp, vì chánh ức niệm nên sinh ra các thiện pháp. Do nghiệp thiện ác mà thọ quả báo trong sáu đường. Từ nơi thân này lại gây ra nghiệp thiện ác, như vậy triển chuyển vô cùng, ấy gọi là **Tập**. Các căn tai, mũi v.v... cũng như vậy.

Tán, là nhãn thức v.v... niệm niệm diệt, vì các nhân duyên ly tán. Các pháp nhãn thức v.v... khi sinh không từ đâu lại, chẳng phải như hạt lúa trên ruộng vận chuyển tụ tập; còn khi diệt không đi đâu, chẳng phải như phân tán lúa cho dân; ấy gọi là lược nói tướng tập tán của các pháp; khi sinh không từ đâu đến, khi diệt không đi về đâu, các pháp đều như huyễn hóa, chỉ dối hoặc con mắt.

Hỏi: Nếu như vậy, đã có tướng tập tán, có sao Tu-bồ-đề nói không biết không nắm được?

Đáp: Vì không từ đâu đến nên tướng tụ tập không thể có được; vì không đi về đâu nên tướng phân tán không thể có được.

* Lại nữa, sinh không có, nên tướng tụ tập không thể có được; diệt không có, nên tướng phân tán không thể có được; vì rốt ráo không, nên tướng tụ tập không thể có được; vì nghiệp nhân duyên không mất nên tướng phân tán không thể có được.

* Lại nữa, quán lý thế gian biến diệt nên tướng tụ tập không thể có được, quán lý thế gian tụ tập nên tướng phân tán không thể có

được. Có các nghĩa như vậy, nên biết tướng tụ tập phân tán không thể có được, làm sao lập danh tự là Bồ-tát? Nếu gương nói có danh ấy, thì danh ấy cũng không trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Hỏi: Danh tự ấy có sao không trụ?

Đáp: Danh tự trụ ở trong pháp, vì pháp không, nên danh tự không có chỗ trụ, như xe do bánh xe, vành xe, cái tay hoa xe, cái bầu xe, hòa hợp nên có tên xe; nếu sự hòa hợp ấy phân tán thì mất tên xe. Tên xe ấy chẳng phải ở trong bánh xe v.v... cũng chẳng phải ở trong chỗ lia bánh xe v.v... Danh tự xe, tìm trong một, khác đều không thể có được, vì mất danh tự xe, danh tự không có chỗ trụ. Khi nhân duyên phân tán còn không có, huống gì khi nhân duyên diệt? Chúng sinh cũng như vậy, do năm uẩn sắc, thọ v.v... hòa hợp, nên có danh tự chúng sinh, nếu năm uẩn ly tán, thì danh tự không có chỗ trụ; khi năm uẩn ly tán còn không có, huống gì không có năm uẩn?

Hỏi: Nếu khi phân tán, danh tự không thể có được, còn khi đang hòa hợp chưa phân tán thì có danh tự, có sao nói không thể có được?

Đáp: Bồ-tát ấy danh tự chỉ có một, mà năm uẩn thời có năm, một không làm thành năm, năm không làm thành một; nếu năm làm một, không thể được; như năm con vật không được dùng làm một con, hoặc một làm năm, không thể được, như một con vật không được dùng làm năm con. Vì vậy một danh tự Bồ-tát không được trụ trong năm uẩn. Chẳng phải không trụ là nếu không có danh tự, theo nhân duyên hòa hợp, thời ngôn ngữ, sự việc thế tục đều tiêu mất. Thế đế không có nên đệ nhất nghĩa đế cũng không có; hai đế không có nên các pháp rối loạn.

* Lại nữa, nếu trong nhân duyên có danh tự thời như nói lửa ắt bị cháy miệng, nói có ắt bị lập bít miệng. Nếu danh tự không ở trong pháp thời nói lửa không nên sinh ý tưởng về lửa, tìm lửa cũng có thể

được nước. Từ xa xưa lại đây, chung nhau truyền danh tự nên nhân danh tự mà biết đến việc. Do vậy nên nói nghĩa của danh tự chẳng phải trụ chẳng phải không trụ.

* Lại nữa, trong đây Tu-bồ-đề tự nói nhân duyên: Vì không có gì nên danh tự ấy chẳng phải trụ chẳng phải không trụ. Giống như danh tự Bồ-tát, danh tự các pháp năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới cũng như vậy.

Hỏi: Như trước đã nói các pháp năm uẩn hoặc tập hoặc tán đều không có được, nay có sao còn nói năm uẩn?

Đáp: Ở trên nói ngay năm uẩn, nay muốn nói năm uẩn như mộng, như huyễn.

* Lại nữa, có người nói năm uẩn của người phạm phu hư dối không thật, như mộng, còn năm uẩn của thánh nhân chẳng phải hư dối, vì vậy nên Tu-bồ-đề nói như mộng như huyễn, đều đồng chẳng trụ.

Hỏi: Trong mười thí dụ (*Xem chương Mười dụ thứ 11*) có sao đây chỉ nói đến năm việc?

Đáp: Nếu nói mười việc thì không có trong hiện tại, chỉ theo tâm chúng sinh nói năm dụ đủ biện biệt năm việc, nên không nói hết. Hoặc vì năm uẩn nên nói năm dụ, các pháp khác cũng như vậy.

Lìa có hai: 1. Thân lìa. 2. Tâm lìa. Thân lìa là bỏ thể sự ân ái gia đình, ở chỗ nhàn tịnh; tâm lìa là xa lìa hết các kiết sử.

Lại *Lìa* có hai thứ: 1. Các pháp lìa danh tự. 2. Các pháp mỗi mỗi lìa tự tướng. Trong đây cốt nói hai thứ lìa sau, vì có sao? Vì trong đây cốt phá danh tự, còn chỗ khác nói lìa tự tướng. Trong pháp Tiểu thừa phần nhiều nói hai thứ lìa trước (thân lìa, tâm lìa).

Tịch diệt cũng có hai: 1. Thuần tướng lành tịch diệt ác sự. 2. Như tướng Niết-bàn tịch diệt. Quán các pháp thế gian cũng như vậy, trong đây chỉ nói thứ tịch diệt sau.

Bất sinh cũng có hai: 1. Pháp vị lai và vô vi. 2. Hết thấy pháp thật tướng vô sinh. Vì tướng sinh không thể có được nên trong đây chỉ nói thứ bất sinh sau.

Bất diệt có ba: 1. Trí duyên diệt (trạch diệt). 2. Phi trí duyên diệt (phi trạch diệt). 3. Vô thường diệt. Trong đây cốt nói vô thường diệt; vì trái với đây nên gọi là bất diệt.

Bất thị là hết thấy các quán diệt, đường ngôn ngữ dứt, không có pháp có thể chỉ bày, pháp ấy tướng như vậy, hoặc có hoặc không, hoặc thường hoặc vô thường, chẳng như chẳng sạch. Nghĩa là như như, pháp tánh, thật tế, pháp tướng, pháp vị, như trước đã nói.

Hỏi: Năm uẩn có tập có tán, trái với đây nên nói không tập không tán; còn như như, pháp tánh, thật tế v.v... không trái nhau, có sao không tập không tán?

Đáp: Hành giả được như như, pháp tánh v.v... nên gọi là tập, vì mất nên gọi là tán. Như hư không tuy không tập không tán, khoét vách cửa gọi là tập, lấp bít lại gọi là tán. Các nghĩa thiện, bất thiện cho đến mười phương hằng hà sa chư Phật, như trước đã nói.

Các pháp ấy và danh tự Phật không chỗ nương dựa, cho nên đều không, chẳng trụ chẳng phải không trụ.

KINH: Bạch Thế Tôn! Các pháp do nhân duyên hòa hợp, giả danh bày đặt gọi là Bồ-tát. Danh tự ấy, không thể nói nó ở trong năm uẩn; không thể nói ở trong mười hai nhập, mười tám giới, cho đến mười tám pháp không chung, cũng không thể nói nó ở trong pháp hòa hợp. Bạch Thế Tôn! Ví như mộng, không thể nói nó ở trong các pháp; tiếng vang, bóng, rắng nắng, huyền hóa, cũng không thể nói nó ở trong các pháp; ví như danh tự hư không, không thể nói nó ở trong pháp nào (*Kinh Đại Bát-nhã ghi: Vô xứ khả thuyết - Không thể nói nó ở chỗ nào - ND*) Bạch Thế Tôn! Như danh tự đất, nước, lửa, gió cũng không thể nói ở

trong pháp nào; danh tự giới, Tam-muội, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến cũng không thể nói ở trong pháp nào; như danh tự Tu-đà-hoàn, cho đến danh tự A-la-hán, Bích-chi Phật, cũng không thể nói ở trong pháp nào; như danh tự Phật, danh tự Pháp cũng không thể nói ở trong pháp nào; như danh tự hoặc thiện hoặc bất thiện, hoặc thường hoặc vô thường, hoặc khổ hoặc vui, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịch diệt hoặc lìa, hoặc có hoặc không, không thể nói ở trong pháp nào.

Bạch Thế Tôn! Con vì nghĩa ấy nên tâm hồi hận (*nếu con nói Bát-nhã ba-la-mật-đa cho các Bồ-tát - ND*). Hết thấy các pháp tướng tập, tướng tán không thể có được, làm sao vì Bồ-tát lập danh tự gọi là Bồ-tát?

Bạch Thế Tôn! Danh tự ấy không trụ chẳng phải không trụ, vì có sao? Vì danh tự không có gì. Vì vậy danh tự ấy không trụ cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát nghe nói Bát-nhã ba-la-mật tướng như vậy, nghĩa như vậy mà tâm không chìm đắm, không hối, không kinh, không hãi, không sợ, nên biết Bồ-tát ấy chắc chắn trụ tánh bất thối chuyển, vì trụ không trụ pháp.

LUẬN: Môn không trụ cũng chẳng phải không trụ trước đây dùng để phá danh tự Bồ-tát và các pháp, nay dùng môn khác để phá danh tự Bồ-tát, không có pháp gì có thể gọi là Bồ-tát, vì có sao? Vì Bồ-tát chẳng phải là năm uẩn, năm uẩn chẳng phải là Bồ-tát; trong năm uẩn không có Bồ-tát, trong Bồ-tát không có năm uẩn; năm uẩn không thuộc Bồ-tát, Bồ-tát không thuộc năm uẩn; lìa năm uẩn không có Bồ-tát, lìa Bồ-tát không có năm uẩn. Như vậy, danh tự Bồ-tát không thể có được, nên biết nó là không, cho đến mười tám pháp không chung cũng như vậy; thí như việc trông thấy trong mộng, đều là hư dối không thể nói. Trong mộng ấy không có tướng pháp nhất định gọi là năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, chỉ có tâm

cuồng. Bóng, tiếng vang, ránh nắng, huyễn hóa cũng như vậy, chỉ đối gạt tai mắt; như hư không, không thể nói ở trong các pháp, vì vô tướng. Vì hư không trái với sắc, nên không được nói là sắc, chỗ sắc tiêu hết cũng chẳng phải hư không, vì không có pháp riêng biệt. Nếu bảo chỗ thân ra vào là tướng hư không, việc ấy không đúng. Đó là thân nghiệp chẳng phải tướng hư không, nếu không có tướng thời không có pháp. Vì vậy, hư không chỉ có danh tự. Danh tự Bồ-tát cũng như vậy.

Hỏi: Như mộng, hư không v.v... có thể chỉ có danh tự; làm sao đất, nước, lửa, gió thật pháp mà cũng chỉ có danh tự?

Đáp: Người vô trí cho các vật đất v.v... là thật, thánh nhân bằng tuệ nhãn xem thấy toàn là hư dối. Thí như trẻ con thấy tượng trong gương cho là thật, vui mừng muốn lấy, người lớn xem đó chỉ là đối hoặc mắt người. Những người phàm phu thấy vì trần hòa hợp thành đất, cho là đất thật, ai có mắt trời phân tán đất ấy, chỉ thấy vì trần, còn dùng tuệ nhãn phân biệt phá tan thì đất ấy hoàn toàn không thể có được.

* Lại nữa, trong phẩm đầu của Luận, dùng các cách phá thân tướng, như thân phá, đất cũng phá.

* Lại nữa, nếu đất là thật, tại sao khi quán hết thấy lửa thì đều là lửa? Hoặc cho thiên định quán là thật, còn Phật nói hết thấy pháp Không là hư vọng, nhưng việc ấy không đúng; nước, lửa, gió cũng như vậy. Như bốn đại hợp làm thân, vốn còn như vậy, hướng gì các nghiệp do thân làm như giữ giới v.v... mà chẳng không? Như giữ giới là thô nghiệp còn không, hướng gì thiên định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến v.v... mà chẳng không? Nếu năm pháp uẩn giới, định v.v... còn không, hướng gì các Thánh đạo quả do giữ giới, thiên định v.v... làm nhân duyên để chứng đắc mà chẳng không? Nếu Thánh đạo quả còn không, hướng gì người chứng Tu-đà-hoàn cho đến Phật mà chẳng không? Vì vậy, danh tự Bồ-tát tuy là thiện pháp, cho đến xuất

ra từ trong pháp có, không, không gọi là thiện, cho đến không gọi là có, không, vì tập và tán không thể có được.

Tu-bồ-đề đã biết tướng không như vậy, làm sao gọi là Bồ-tát, để nói Bát-nhã ba-la-mật cho Bồ-tát? Nếu Bồ-tát nghe như vậy, không sợ, không hãi, thời trụ trong tánh bất thối chuyển, vì như pháp bất trụ mà trụ vậy.

Tánh bất thối chuyển là Bồ-tát ấy chưa được vô sinh pháp nhẫn, chưa được chư Phật thọ ký, chỉ nhờ sức phước đức trí tuệ, có thể tin vui các pháp rốt ráo không, ấy gọi là trụ trong tánh bất thối chuyển, vì được khí phần bất thối chuyển, như trẻ con sinh trong dòng họ quý, tuy chưa làm nên việc, mà do dòng họ quý thành quý.

KINH: Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật, không nên trụ nơi sắc, không nên trụ nơi thọ, tướng, hành, thức. Không nên trụ nơi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; không nên trụ nơi nhãn xúc cho đến không nên trụ nơi ý xúc; không nên trụ nơi thọ do nhãn và xúc làm nhân duyên sinh, cho đến không nên trụ nơi thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh; không nên trụ nơi địa chủng, thủy, hỏa, phong, không, thức chủng; không nên trụ nơi vô minh cho đến lão tử, vì có sao? Bạch Thế Tôn! Sắc, sắc tướng không, thọ tướng, hành, thức, thức tướng không. Bạch Thế Tôn! Sắc không, không gọi là sắc, lia không cũng không có sắc; sắc tức là không, không tức là sắc; thọ, tướng, hành, thức, thức không, không gọi là thức, lia không cũng không có thức; thức tức là không, không tức là thức, cho đến lão tử, lão tử tướng không. Bạch Thế Tôn! Lão tử không, không gọi là lão tử, lia không cũng không có lão tử; lão tử tức là không, không tức là lão tử.

Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên ấy nên Bồ-tát ma-ha-tát muốn tu hành Bát-nhã ba-la-mật, không nên trụ nơi sắc cho đến không nên trụ nơi lão tử.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát muốn tu hành Bát-nhã ba-la-mật, không nên trụ nơi bốn niệm xứ, vì có sao? Vì bốn niệm xứ, bốn niệm xứ tướng không. Bạch Thế Tôn! Bốn niệm xứ không, không gọi là bốn niệm xứ, lia không cũng không có bốn niệm xứ; bốn niệm xứ tức là không, không tức là bốn niệm xứ; cho đến mười tám pháp không chung cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên ấy nên Bồ-tát ma-ha-tát muốn tập hành Bát-nhã ba-la-mật, không nên trụ nơi bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung.

* Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát muốn tu hành Bát-nhã ba-la-mật, không nên trụ nơi Thí ba-la-mật, không nên trụ nơi Giới ba-la-mật, không nên trụ nơi Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật, vì có sao? Vì Thí ba-la-mật, Thí ba-la-mật tướng không, cho đến Bát-nhã ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật tướng không. Bạch Thế Tôn! Thí ba-la-mật không, không gọi là Thí ba-la-mật; lia không cũng không có Thí ba-la-mật; Thí ba-la-mật tức là không, không tức là Thí ba-la-mật; cho đến Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên ấy nên Bồ-tát ma-ha-tát muốn tu hành Bát-nhã ba-la-mật, không nên trụ nơi sáu Ba-la-mật.

LUẬN: Trên kia Tu-bồ-đề do “khiêm nhượng” mà nói Bát-nhã, tuy nói không nói, song thật đã vì Bồ-tát nói Bát-nhã ba-la-mật. Nay Tu-bồ-đề do môn “không trụ”, thẳng vì Bồ-tát nói Bát-nhã ba-la-mật. Bát-nhã ba-la-mật có các danh tự: Quán, tu, tương ưng, hợp, nhập, tập, trụ v.v... ấy đều gọi là tu hành Bát-nhã ba-la-mật, chỉ nói các danh tự, người nghe hoan hỷ.

* Lại nữa, hơi có sai biệt về danh tự tu hành: Lắng nghe, đọc tụng, viết chép, chánh ức niệm, thuyết giảng, tư duy, trừ lượng, phân biệt, tu tập cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chung lại gọi

là tu hành. Vì từ tu hành mà phân biệt ra: Bắt đầu gọi là quán, như bắt đầu thấy vật; mỗi ngày học dần gọi là tập; có thể cùng Bát-nhã tương ưng gọi là hiệp; tùy thuận Bát-nhã ba-la-mật gọi là tương ưng; thấu suốt Bát-nhã ba-la-mật gọi là nhập; phân biệt chấp thủ tướng có việc ấy gọi là niệm; thường tập hành không dứt làm cho tương tự gọi là học; học xong, phương tiện khéo léo quán sát biết phải, quấy, được, mất, gọi là tư duy; dùng tâm thiền định tu hành, chung gọi là tu; được đạo Bát-nhã ba-la-mật ấy không mất, gọi là trụ; trái với trụ là chẳng trụ.

Hỏi: Trước nói các pháp không, tức là chẳng trụ, sao nay nói không nên trụ nơi hết thấy pháp?

Đáp: Trước tuy đã nói, song tâm đắm trước pháp ái khó khiến trừ nên nay nói lại.

* Lại nữa, có Vô tướng Tam-muội; vào Tam-muội ấy, không chấp thủ tướng các pháp nhưng không vào diệt định. Trí tuệ Bồ-tát không thể nghĩ bàn, tuy không chấp thủ hết thấy pháp tướng, nhưng có thể hành đạo, như chim ở giữa hư không, tuy không chỗ nương tựa mà có thể bay cao. Bồ-tát cũng như vậy, không trụ nơi các pháp mà có thể hành đạo Bồ-tát.

Hỏi: Tâm người gặp duyên thì khởi, làm sao Bồ-tát không trụ nơi hết thấy pháp mà không vào diệt định?

Đáp: Tu-bồ-đề tự nói: Sắc, sắc tướng tự không, sắc không là chẳng phải sắc, cũng chẳng lìa không có sắc; sắc tức là không, không tức là sắc. Nghĩa này ở trong phẩm thứ hai đã nói, cho đến không nên trụ nơi sáu Ba-la-mật cũng như vậy, vì không cho nên không chỗ trụ.

KINH: Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát muốn tu hành Bát-nhã ba-la-mật, không nên trụ nơi văn tự, không nên trụ nơi môn một chữ, môn hai chữ, các môn chữ như vậy, vì có sao? Vì các chữ, các chữ tướng không, như trên đã nói.

*** Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bô-tát ma-ha-tát muốn tu hành Bát-nhã ba-la-mật, không nên trụ nơi các thần thông, vì có sao? Vì các thần thông, các thần thông tướng không; thần thông không, không gọi là thần thông, lìa không cũng không có thần thông; thần thông tức là không, không tức là thần thông.**

Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên ấy, Bô-tát ma-ha-tát muốn tu hành Bát-nhã ba-la-mật, không nên trụ nơi các thần thông.

LUẬN: Có hai hạng Bô-tát: 1. Tập thiền định. 2. Học tụng. Ngồi thiền thì sinh thần thông, học tụng thời khởi tâm phân biệt văn tự.

Môn một chữ là một chữ một lời, như đất gọi là Phù.

Môn hai chữ là hai chữ một lời, như nước gọi là Xà-lam.

Danh tự ba chữ như nước gọi là Ba-ni-lam. Như vậy các tự môn.

Lại nữa, Bô-tát nghe một chữ, tức vào trong thật tướng hết thấy pháp, như nghe chữ “A” tức biết các pháp từ xưa lại đây không sinh. Như vậy v.v... như nghe chữ “Đầu khư” biết hết thấy pháp sinh tướng khô, tức thời sinh tâm đại bi; như nghe chữ “A-ni-tra” biết hết thấy pháp tướng vô thường, tức thời vào đạo Thánh hạnh. Ngoài ra như trong văn tự Đà-la-ni nói rộng.

Nghĩa thần thông, trước đã nói. Hai việc ấy rất ráo không, nên Bô-tát không trụ nơi đó.

KINH: Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bô-tát ma-ha-tát muốn tu hành Bát-nhã ba-la-mật, sắc là vô thường không nên trụ, thọ tướng hành thức là vô thường không nên trụ, vì có sao? Vì vô thường, vô thường tướng không. Bạch Thế Tôn! Vô thường không, không gọi là vô thường, lìa không cũng không có vô thường; vô thường tức là không, không tức là vô thường.

Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên ấy, Bô-tát ma-ha-tát muốn tu hành Bát-nhã ba-la-mật, sắc là vô thường, không nên trụ, thọ

tướng hành thức là vô thường không nên trụ; sắc là khổ không nên trụ, thọ tướng hành thức là khổ không nên trụ; sắc là vô ngã không nên trụ, thọ, tướng, hành, thức là vô ngã không nên trụ; sắc là không, không nên trụ, thọ, tướng, hành, thức là không, không nên trụ; sắc là tịch diệt không nên trụ, thọ, tướng, hành, thức là tịch diệt không nên trụ; sắc là lìa không nên trụ, thọ, tướng, hành, thức là lìa không nên trụ; như trên nói.

* Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát muốn tu hành Bát-nhã ba-la-mật không nên trụ nơi như như, vì sao? Vì như như, tướng như như không. Bạch Thế Tôn! Tướng như như không, không gọi là như như, lìa không cũng không có như như; như như tức là không, không tức là như như .

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát muốn tu hành Bát-nhã ba-la-mật, không nên trụ nơi pháp tánh, pháp tướng, pháp vị, thật tế, vì sao? Vì thật tế, thật tế không. Bạch Thế Tôn! Thật tế không không gọi là thật tế, lìa không cũng không có thật tế; thật tế tức là không, không tức là thật tế.

* Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát muốn tu hành Bát-nhã ba-la-mật, không nên trụ nơi hết thấy môn Đà-la-ni, không nên trụ nơi hết thấy môn Tam-muội, vì sao? Vì môn Đà-la-ni, môn Đà-la-ni tướng không; môn Tam-muội, môn Tam-muội tướng không. Bạch Thế Tôn! Môn Đà-la-ni, môn Tam-muội không, không gọi là môn Đà-la-ni, môn Tam-muội; lìa không cũng không có môn Đà-la-ni, môn Tam-muội; môn Đà-la-ni, môn Tam-muội tức là không, không tức là môn Đà-la-ni, môn Tam-muội.

Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên ấy nên Bồ-tát ma-ha-tát muốn tu hành Bát-nhã ba-la-mật, không nên trụ nơi Như như cho đến môn Đà-la-ni, môn Tam-muội.

Bạch Thế Tôn! Như Bồ-tát ma-ha-tát muốn tu hành Bát-nhã ba-la-mật, vì không phương tiện, đem tâm tôi, ta, mà trụ nơi sắc, Bồ-tát ấy gia hạnh đối với sắc, đem tâm tôi, ta mà trụ nơi thọ tướng hành thức, Bồ-tát ấy gia hạnh đối với thức. Nếu Bồ-tát gia hạnh là không nhiếp thọ Bát-nhã ba-la-mật, cũng không đầy đủ Bát-nhã ba-la-mật, vì không đầy đủ Bát-nhã ba-la-mật nên không thể thành tựu Tát-bà-nhã được.

Bạch Thế Tôn! Như Bồ-tát ma-ha-tát muốn tu hành Bát-nhã ba-la-mật, vì không phương tiện, đem tâm tôi, ta trụ nơi mười hai nhập cho đến môn Đà-la-ni, Tam-muội, Bồ-tát ấy gia hạnh đối với mười hai nhập cho đến gia hạnh đối với môn Đà-la-ni, Tam-muội. Nếu Bồ-tát gia hạnh là không nhiếp thọ Bát-nhã ba-la-mật, cũng không đầy đủ Bát-nhã ba-la-mật. Vì không đầy đủ Bát-nhã ba-la-mật nên không thể thành tựu Tát-bà-nhã được, vì sao? Vì sắc là không nhiếp thọ, thọ tướng hành thức là không nhiếp thọ. Sắc không nhiếp thọ thời chẳng phải sắc, thọ tướng hành thức không nhiếp thọ thời chẳng phải thức, vì tánh không vậy.

Mười hai nhập là không nhiếp thọ, cho đến môn Đà-la-ni, Tam-muội là không nhiếp thọ, mười hai nhập không nhiếp thọ thời chẳng phải mười hai nhập; cho đến môn Đà-la-ni, Tam-muội không nhiếp thọ, thời chẳng phải môn Đà-la-ni, Tam-muội, vì tánh không vậy.

Bát-nhã ba-la-mật, cũng không nhiếp thọ, Bát-nhã ba-la-mật không nhiếp thọ thời chẳng phải Bát-nhã ba-la-mật, vì tánh không vậy.

Như vậy, Bồ-tát ma-ha-tát muốn tu hành Bát-nhã ba-la-mật nên quán các pháp tánh không. Khi quán như vậy tâm không chỗ duyên, ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát Tam-muội không nhiếp thọ, vì diêu thù thắng, có tác dụng rộng lớn vô ngại, không chung với

Thanh-văn, Bích-chi Phật. Tuệ Tát-bà-nhã (Nhất thiết trí trí) ấy cũng không nhiếp thọ; vì trong không ngoài không, trong ngoài không, không không, đại không, đệ nhất nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cảnh không, vô thủ không, tán không, tánh không, tự tướng không, các pháp không, bất khả đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không vậy, vì có sao? Vì Tát-bà-nhã ấy, không thể lấy tướng tu được, vì lấy tướng tu hành có cấu uế (phiền não). Thế nào là tướng cấu uế? Tướng sắc cho đến tướng môn Đà-la-ni, môn Tam-muội, ấy gọi là tướng cấu uế.

LUẬN: Các Thánh hạnh quán vô thường, như như, pháp tánh, thật tế, môn Đà-la-ni, Tam-muội, như trước đã nói.

Hỏi: Trong pháp cấu uế không nên trụ, vì tội lỗi, còn trong pháp thiện, vô ký, có sao không nên trụ?

Đáp: Nó tuy chẳng phải tội, mà làm nhân duyên sinh tội, như Phật nói trong đây: Có Bồ-tát đem tâm tội, ta tu hành Bát-nhã ba-la-mật, trụ trước nơi sắc, vì sinh sắc nên tạo tác các nghiệp; trụ trước nơi thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Vì sinh khởi năm uẩn nên tu hành, ấy là không nhiếp thủ Bát-nhã ba-la-mật. Người ấy tuy nói ta tu hành Bát-nhã ba-la-mật, ấy là cách tu hành thế gian, không đầy đủ Bát-nhã ba-la-mật, không thể đạt đến Nhất thiết trí trí. Cho đến môn Đà-la-ni, Tam-muội cũng như vậy.

Trong đây Tu-bồ-đề tự nói nhân duyên không trụ, đó là sắc không nhiếp thọ, nếu sắc không nhiếp thọ thì chẳng phải sắc, vì tánh thường không vậy.

Hỏi: Sắc ấy vì có tội lỗi vô thường, khổ, không, vô ngã nên không nhiếp thọ; thí như cục vàng cháy nóng, tuy vàng có thể tham, nhưng vì nóng nên không thể lấy, còn đây có lỗi gì, mà cưỡng phá năm uẩn?

Đáp: Có hai thứ đấm trước: 1. Dục trước. 2. Kiến trước. Có người quán vô thường, khổ, phá dục trước mà được giải thoát; hoặc có người tuy quán vô thường v.v... mà còn đấm trước pháp, sinh vọng kiến. Vì hạng người ấy phân biệt sắc tướng không, như vậy thời xa lìa kiến trước; cho đến môn Đà-la-ni, Tam-muội cũng như vậy.

Hỏi: Thanh-văn, Bích-chi Phật, không nhiếp thọ hết thủy pháp nên lậu hoặc dứt hết, có sao trong đây nói Tam-muội không nhiếp thọ không chung với Nhị thừa?

Đáp: Nhị thừa tuy có Tam-muội không nhiếp thọ, song không có tác dụng rộng lớn, lanh lợi, không sâu cũng không kiên cố.

* Lại nữa, Thanh-văn, Bích-chi Phật khi lậu hoặc hết, mới được không nhiếp thọ các pháp, còn Bồ-tát tu lâu xa đã biết các pháp không nhiếp thọ, tất cả đều như Vô-dur Niết-bàn rốt ráo không, vì vậy nên nói không chung với nhị thừa.

* Lại nữa, Nhị thừa còn có tập khí, có ngại có chướng, nên tuy có Tam-muội không nhiếp thọ, nhưng không thanh tịnh, như Đại Ca-diếp nghe Bồ-tát đánh nhạc, không thể tự an trên chỗ ngồi. Các Bồ-tát hỏi: Ngài có hạnh đầu đà đệ nhất, tại sao vẫn lay động như múa? Ca-diếp đáp: Tôi đối với năm dục của cõi trời cõi người lìa hẳn không lay động, còn đây là sức biến hóa do nghiệp phước đức của Bồ-tát, tôi chưa thể nhẫn được. Như núi chúa Tu-di, bốn phía gió nổi, đều kham chịu nổi, nếu gặp gió Tùy-lam thổi đến thời không thể yên. Tập khí của Thanh-văn, Bích-chi Phật, đối với Bồ-tát thì đó là phiền não.

* Lại nữa, Tam-muội không nhiếp thọ ấy, chỉ có Phật biết khắp. Bồ-tát vì cầu Phật đạo nên tuy không thể biết khắp mà vẫn hơn Nhị thừa, vì vậy nên nói không chung với Nhị thừa. Vì người quý trọng Tam-muội không nhiếp thọ ấy mà sinh tâm đấm trước, nên Tu-bồ-đề nói: Không chỉ Tam-muội ấy không nhiếp thọ, mà sắc cho đến nhất

thiết chủng trí đều không nhiếp thọ, vì có sao? Vì Tu-bồ-đề tự nói nhân duyên: Vì mười tám không nên không nhiếp thọ.

Hỏi: Có sao dùng mười tám không để quán các pháp đều không?

Đáp: Trong đây, Tu-bồ-đề tự nói nhân duyên: Vì chấp thủ tướng đắm trước nên sinh các kiết sử. Tướng là các tướng sắc cho đến môn Đà-la-ni, các môn Tam-muội, đều là cội gốc phiền não. Nếu trong Phật pháp, thì cho đến không có tướng vi tế pháp có thể chấp thủ.

KINH: Nếu chấp thủ tướng ấy mà tu đạt được Tát-bà-nhã thì Tiên-ni Phạm-chí (Thắng quân Phạm-chí) không bao giờ sinh lòng tin đối với Nhất thiết trí. Thế nào là tin? Tin Bát-nhã ba-la-mật, phân biệt hiểu biết, so lường, suy nghĩ (*Nhất thiết trí trí - ND*) không bằng vào tướng, không bằng vào vô tướng. Như vậy Tiên-ni Phạm-chí không chấp thủ tướng, ở vào hạng tùy tín hành. Do trí tánh không, ngộ nhập thật tướng các pháp, không chấp thủ tướng sắc, không chấp thủ tướng thọ, tướng, hành, thức, vì sao? Vì các pháp tự tướng không vậy, không thể thủ đắc.

Tiên-ni Phạm-chí ấy chẳng phải do nội quán được thấy trí tuệ ấy, chẳng phải do ngoại quán được thấy trí tuệ ấy, chẳng phải do nội quán ngoại quán được thấy trí tuệ ấy, cũng chẳng phải không có trí quán mà được thấy trí tuệ ấy, vì sao? Vì Phạm-chí ấy không thấy pháp, người biết, pháp biết, chỗ biết (*Kinh Đại Bát-nhã ghi: Vì Phạm-chí không thấy trí Tát-bà-nhã bị quán, không thấy Bát-nhã năng quán, không thấy người quán, không thấy chỗ quán nương dựa và lúc khởi quán - ND*). Phạm-chí ấy chẳng phải nơi nội sắc thấy trí tuệ ấy, chẳng phải nơi nội thọ, tướng, hành, thức thấy trí tuệ ấy; chẳng phải nơi ngoại sắc thấy trí tuệ ấy; chẳng phải nơi ngoại thọ, tướng, hành, thức thấy trí tuệ ấy; chẳng phải nơi nội ngoại sắc thấy trí tuệ ấy, chẳng phải nơi nội ngoại thọ, tướng, hành, thức thấy trí tuệ ấy; cũng chẳng

lìa sắc, thọ, tưởng, hành, thức thấy trí tuệ ấy, vì nội ngoại đều không vậy.

Tiên-ni Phạm-chí tâm được tin hiểu Nhất thiết trí nơi trong đây. Vì vậy Phạm-chí tin thật tướng các pháp, vì hết thấy pháp không thể có được. Tin hiểu như vậy, không có pháp có thể chấp thủ, vì các pháp vô tướng, không ức niệm vậy.

Phạm-chí ấy đối với các pháp cũng không sở đắc, hoặc lấy hoặc bỏ, vì lấy bỏ không thể có được.

Phạm-chí ấy cũng không ức niệm trí tuệ, vì các pháp tướng vô niệm vậy.

Bạch Thế Tôn! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát tu Bát-nhã ba-la-mật như vậy có thể từ bờ này đến bờ kia. Bồ-tát ấy không chấp thủ sắc, thọ, tưởng, hành, thức, không chấp thủ hết thấy pháp, cho đến không chấp thủ các môn Đà-la-ni, Tam-muội. Vì không chấp thủ hết thấy pháp nên Bồ-tát ấy cũng không chấp thủ Niết-bàn; mà vì bốn nguyện tu bốn niệm xứ, cho đến tám Thánh đạo phần chưa đầy đủ, và vì bốn nguyện chứng mười lục, mười tám pháp không chung của Phật chưa được thành tựu, vì có sao? Vì bốn niệm xứ ấy chẳng phải bốn niệm xứ, cho đến mười tám pháp không chung, chẳng phải mười tám pháp không chung, vì các pháp ấy là phi pháp, cũng chẳng phi pháp. Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát tu Bát-nhã ba-la-mật không chấp thủ tướng sắc cho đến tướng mười tám pháp không chung.

LUẬN. *Hỏi*: Trong đây vì nhân duyên gì mà nói đến Tiên-ni Phạm-chí?

Đáp: Kinh này dùng các nhân duyên nói về pháp không, cho đến không có một chút tướng có thể chấp thủ. Lòng người nghi ngờ lấy làm lạ không tin, lý ấy khó thấy, vì rất ráo vô tướng, thế nên Tu-

bồ-đề dẫn chứng trong Tiểu thừa còn có nói pháp không, huống gì người tu hành pháp Đại thừa mà không tin pháp không.

Lại nữa, như Bà-la-môn Săng-nhã, giỏi biết tướng người Nhất thiết trí, thấy BỒ-tát ăn cháo sữa, mà biết BỒ-tát sẽ thành Phật ngày hôm nay. Tiên-ni là cậu của Bà-la-môn ấy, tuổi già, trí đức, có tiếng tăm lớn, xuất gia đọc rộng hết thầy kinh sách, tu tâm, ngồi thiền, học đạo. Bây giờ muốn cầu trí tuệ nên đi đến luận nghị đường. Ở đây các Phạm-chí nói: Sáu thầy ngoại đạo đều tự xưng Nhất thiết trí. Bất-lan Ca-diếp (*Phú-lan-na Ca-diếp: Ruruna Kasapa*) có tiếng tăm lớn, là thầy của đại chúng, đệ tử ông ta chết, hoặc lớn hoặc nhỏ đều không nói nơi họ sinh đến, còn đệ tử của năm thầy ngoại đạo kia, chết hoặc nhỏ hoặc lớn, đều có nói nơi sinh đến của họ. Phật cũng là bậc Đại sư, có tiếng tăm lớn, đệ tử Ngài chết, nhỏ thì nói chỗ họ sinh đến, lớn thì không nói chỗ họ sinh đến. Tiên ni nghe vậy rồi, vào lúc khác đi đến chỗ Phật, hỏi han xong, ngồi qua một bên, bạch Phật:

- Phật cho phép tôi thưa.

Phật bảo:

- Tùy ý ông hỏi.

Tiên ni nói:

- Trước đây có lần tôi đi đến luận nghị đường, cùng các người luận nghị, và đem điều xưa đã nghe thuật đủ lại với Phật, nói tiếp: Lúc ấy tôi suy nghĩ, pháp của Phật nói người đệ tử nhỏ chết rồi còn tái sinh, đệ tử lớn không tái sinh, lấy gì làm chắc?

Phật bảo Tiên-ni:

- Pháp của Ta sâu xa, vi diệu, khó hiểu, các ông đem dài dăm trước cái thấy khác, ham muốn khác, giáo pháp khác, đối với pháp của Ta, ông không thể chóng thấy được!

Tiên ni Phạm-chí bạch Phật rằng:

- Tâm con kính Phật, nguyện xin thương xót nói Diệu pháp khiến cho con ngay tại chỗ ngồi được mắt sáng, không để đứng dậy suông.

Phật hỏi Phạm-chí:

- Ý ông nghĩ sao? Ông thấy sắc ấy là Như khứ chăng? (*Tathàgata Trung Hoa dịch là Như Lai hay Như khứ - ND*).

- Thưa không.

- Thọ, tướng, hành, thức là Như khứ (Như lai) chăng?

- Thưa không.

- Trong sắc là Như khứ chăng?

- Thưa không.

- Trong thọ, tướng, hành, thức là Như khứ chăng?

- Thưa không.

- Là ngoài sắc là Như khứ chăng?

- Thưa không.

- Là ngoài thọ, tướng, hành, thức là Như khứ chăng?

- Thưa không.

- Ông lại thấy không sắc, không thọ, tướng, hành, thức là Như khứ chăng?

- Thưa không.

- Nếu ông theo các “phương tiện không” thấy Như khứ thì có nên sinh tâm nghi rằng Phật pháp lấy gì làm chắc không?

- Thưa, không nên.

Phật bảo Tiên-ni:

- Nếu đệ tử Ta không hiểu rõ pháp ấy thời Ta nói họ còn tái sinh đời sau, vì ngã mạn xưa nay còn dư tàn. Nếu đệ tử Ta hiểu rõ nghĩa ấy, thì Ta không nói chỗ họ tái sinh, vì ngã mạn xưa nay không còn dư tàn.

Tiên-ni nghe như vậy rồi liền đắc đạo. Đắc đạo rồi đứng dậy khỏi chỗ ngồi bạch Phật rằng: Con xin được xuất gia hành đạo. Tức thời râu tóc tự rụng bèn thành Sa-môn, không bao lâu chúng được A-la-hán, vì từ nơi Phật được mắt sáng không hư dối vậy.

Kinh này luận nghị, Tiên-ni tin tưởng, là tin Phật có thể làm cho ông đắc đạo, ấy gọi là bắt đầu tin. Vậy sau nghe Phật phá tâm chấp ta, tôi, từ xưa lại đây, thường tự vô ngã, vô ngã nên các pháp không thuộc về đâu, như huyễn như mộng, hư cuống không thật, không thể thủ lấy được. Được tín lực ấy rồi, vào thật tướng các pháp, không chấp thủ sắc là Như khứ, cho đến thức là Như khứ.

Hỏi: Có sao Phạm-chí đều đáp không với Phật?

Đáp: Phạm-chí vốn lấy tướng chung làm ngã, nay Phật mỗi mỗi hỏi riêng, vì vậy nên đều đáp với Phật rằng không.

* Lại nữa, Phạm-chí nghe người ta hai lối nói ngã: Hoặc có người nói năm uẩn tức là ngã, hoặc có người nói lìa ngoài năm uẩn riêng có ngã. Nếu năm uẩn tức là ngã, thời không có ngã riêng, vì sao? Vì ngã là một, uẩn là năm, một không làm năm, năm không làm một.

* Lại nữa, năm uẩn tướng vô thường sinh diệt, nếu năm uẩn là ngã, ngã lý đáng cũng sinh diệt; nếu ngã sinh diệt thời mất tội phước. Năm uẩn ấy từ nhân duyên hòa hợp sinh, không tự tại; ngã nếu như vậy, thời dùng ngã làm gì, vì nó không tự tại vậy.

Có các sai lầm như thế nên không được nói sắc Như khứ, thọ tướng hành thức Như khứ.

Lìa ngoài năm uẩn, cũng không nên có ngã, vì vô tướng. Hoặc biết, thấy, lãnh thọ v.v... thời đó đều là tướng năm uẩn, chẳng phải tướng ngã; người trí làm sao nói lìa ngoài năm uẩn mà có ngã? Vì vậy nên đáp không.

Nếu có người nói còn có ngã riêng, không có năm uẩn, việc ấy không đúng, đều là điên đảo phân biệt thấy lầm.

Có các nhân duyên như vậy nên biết là vô ngã, ngã tức là Như khứ (Như Lai). Các pháp cũng như vậy, đều đồng Như khứ, vì vô chủ nên pháp cũng không thuộc về đâu.

* Lại nữa, Phạm-chí suy cầu trí tuệ đặc đạo, theo nơi bốn niệm xứ cầu, đều không có định tướng, nghĩa là quán năm uẩn nơi tự thân là nội, quán năm uẩn nơi thân người là ngoại, kia đây gọi là trong ngoài. Ba thứ trí tuệ ấy không đặc đạo, không trí tuệ cũng không đặc đạo.

* Lại nữa, nội là sáu nhập bên trong, ngoại là sáu nhập bên ngoài.

* Lại nữa, nội gọi là trí tuệ năng quán, ngoại gọi là chỗ sở quán. Tiên-ni biết các quán đều có tội lỗi, vì sao? Vì do sức trí tuệ bên trong nên cho các pháp bên ngoài là thường, vô thường, có, không v.v... chứ chẳng phải pháp ngoài có định tướng. Nếu có định tướng thời không trí dụng. Lại trí tuệ ấy từ ngoại pháp làm nhân duyên phát sinh; tướng ngoại pháp không nhất định, nên trí tuệ cũng không nhất định. Như cái cân vì vật, vật vì cái cân, hai sự tiếp đãi nhau, nếu lìa vật thì không có cân, lìa cân thì không có vật. Trí không lường kể gọi là đặc đạo, phương tiện đặc gọi là được Thánh đạo quả.

* Lại nữa, lược nói nghĩa trí tuệ thật, đó là không thấy nó nơi năm uẩn bên trong, không thấy nó nơi năm uẩn bên ngoài, cũng không thấy nó nơi năm uẩn trong ngoài, cũng không thấy nó lìa năm uẩn, thấy trí tuệ ấy là thật.

Lấy trí tuệ vô thường quán năm uẩn vô thường, trí tuệ ấy do nhân duyên hòa hợp mà có nên không thật. Chấp trước quán là tà kiến, không chấp trước là đắc đạo, nếu tướng vô thường là thật, thì vì sao chấp trước vô thường lại không đắc đạo? Vì vậy, nên hết thấy trong ngoài không thấy trí tuệ nhất định. Nếu lìa vô thường quán mà đắc đạo, thì hết thấy phàm phu cũng nên đắc đạo, vì vậy nên nói lìa trí tuệ, ấy cũng không được gì.

Bấy giờ, Phạm-chí lấy trí tuệ đối với hết thấy pháp tâm được xa lìa, đối với trí tuệ cũng lại xa lìa. Hết thấy tà kiến chấp thủ tướng về ngã kiến v.v... đều dứt sạch, cũng chẳng từ vô trí đắc.

Bấy giờ, Phạm-chí hoan hỷ, quán tánh tướng vô lượng pháp, Phật thật là Đại sư!

Không bỏ là vì các pháp đều có sức trợ đạo.

Không lấy là vì thật tướng các pháp rốt ráo không, không sở đắc.

* Lại nữa, vì các phiền não kiết sử điên đảo hư dối nên không có gì bỏ, chỉ biết các pháp tướng như thật, không tướng không ức niệm; ấy gọi là Bồ-tát Ba-la-mật không lấy không bỏ, gọi là Bát-nhã ba-la-mật, không qua bờ này bờ kia. Tướng thế gian tức là tướng Niết-bàn, tướng Niết-bàn tức là tướng thế gian, nhất tướng vô tướng. Nếu biết như vậy nên tịch diệt, vì chưa đầy đủ các công đức nên không diệt, vì lực bản nguyện đại từ bi nên không diệt. Tuy cầu Phật đạo mà ở nơi pháp ấy cũng không có tướng tốt xấu và tướng lấy bỏ. Vì vậy, phi pháp cũng phi phi pháp, ấy gọi là Bồ-tát tu Bát-nhã ba-la-mật, không chấp thủ hết thấy tướng.

(HẾT CUỐN 42 THEO BẢN HÁN)

KINH: Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát muốn tu hành Bát-nhã ba-la-mật, nên suy nghĩ như vậy: Thế nào là Bát-nhã ba-la-mật? Vì sao gọi là Bát-nhã ba-la-mật? Bát-nhã ba-la-mật của ai? Nếu Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật suy niệm như vậy: Nếu pháp không có gì, không thể có được, ấy là Bát-nhã ba-la-mật.

Bấy giờ, Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Những pháp gì không có gì, không thể có được?

Tu-bồ-đề nói: Bát-nhã ba-la-mật là pháp không có gì, không thể có được; Thiền ba-la-mật, Tấn ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Giới ba-la-mật, Thí ba-la-mật, pháp ấy không có gì, không thể có được, vì trong không, ngoài không, trong ngoài không, không không, đại không, đệ nhất nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, rốt ráo không, vô thủ không, tán không, tánh không, tự tướng không, các pháp không, bất khả đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không vậy.

Này Xá-lợi-phất! Sắc pháp không có gì, không thể có được; thọ tướng hành thức pháp không có gì, không thể có được; pháp trong không, không có gì, không thể có được; cho đến pháp vô pháp hữu pháp không, không có gì, không thể có được.

Này Xá-lợi-phất! Pháp bốn niệm xứ không có gì, không thể có được, cho đến mười tám pháp không chung không có gì, không thể có được.

Này Xá-lợi-phất! Các pháp thần thông không có gì, không thể có được. Pháp như như không có gì, không thể có được. Pháp tánh, pháp tướng, pháp trụ, pháp vị, pháp thật tế không có gì, không thể có được.

Này Xá-lợi-phất! Phật không có gì, không thể có được. Pháp Tát-bà-nhã không có gì, không thể có được. Trí nhất thiết chủng

không có gì, không thể có được, vì trong không cho đến vô pháp hữu pháp không vậy.

Này Xá-lợi-phất! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát khi suy nghĩ như vậy, quán như vậy tâm không chìm đắm, không hối, không kinh, không hãi, không sợ, nên biết Bồ-tát ấy không lìa hạnh Bát-nhã ba-la-mật.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Do nhân duyên gì nên biết Bồ-tát không lìa hạnh Bát-nhã ba-la-mật?

Tu-bồ-đề nói: Sắc, lìa sắc tánh, thọ tướng hành, thức lìa thức tánh, sáu Ba-la-mật lìa sáu Ba-la-mật tánh, cho đến thật tế lìa thật tế tánh.

Xá-lợi-phất lại hỏi Tu-bồ-đề: Thế nào là sắc tánh, thế nào là thọ tướng hành thức tánh, cho đến thế nào là thật tế tánh?

Tu-bồ-đề nói: Không có gì là sắc tánh; không có gì là thọ tướng hành thức tánh, cho đến không có gì, là thật tế tánh. Này Xá-lợi-phất! Do nhân duyên ấy nên biết sắc lìa sắc tánh, thọ tướng hành thức lìa thức tánh, cho đến thật tế lìa thật tế tánh.

Này Xá-lợi-phất! Sắc cũng lìa sắc tướng, thọ tướng hành thức cũng lìa thức tướng, cho đến thật tế cũng lìa thật tế tướng. Tướng cũng lìa tướng, tánh cũng lìa tánh.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Bồ-tát ma-ha-tát nếu học như vậy, được thành tựu Tát-bà-nhã ư?

Tu-bồ-đề nói: Như vậy, như vậy! Xá-lợi-phất! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát học như vậy, được thành tựu Tát-bà-nhã, vì sao? Vì các pháp chẳng sinh, chẳng thành tựu vậy.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Do nhân duyên gì các pháp chẳng sinh, chẳng thành tựu?

Tu-bồ-đề nói: Sắc, sắc không nên sắc ấy sinh, thành tựu không thể có được; thọ tướng hành thức, thức không nên thức ấy sinh, thành tựu không thể có được; cho đến thật tế, thật tế không, nên thật tế ấy sinh, thành tựu không thể có được.

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát học như vậy, dần dần gần Tát-bà-nhã; dần dần được thân thanh tịnh, tâm thanh tịnh, tướng thanh tịnh; dần dần được thân thanh tịnh, tâm thanh tịnh, tướng thanh tịnh, nên Bồ-tát ấy không sinh tâm ô nhiễm, không sinh tâm giận, không sinh tâm si, không sinh tâm kiêu mạn, không sinh tâm xan tham, không sinh tâm tà kiến. Bồ-tát ấy không sinh tâm ô nhiễm, cho đến không sinh tâm tà kiến, nên trọn không sinh trong bụng mẹ, thường được hóa sinh, từ một nước Phật đến một nước Phật, thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, cho đến chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tròn không lìa chư Phật.

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát nên tu hành Bát-nhã ba-la-mật như vậy, hãy học Bát-nhã ba-la-mật như vậy.

LUẬN. Hỏi: Từ trước đến nay đã nói rộng Bát-nhã ba-la-mật, sao nay Tu-bồ-đề còn nói rằng, Bồ-tát ma-ha-tát nên suy nghĩ như vậy: Thế nào là Bát-nhã ba-la-mật?

Đáp: Tu-bồ-đề trước đây theo môn “khiêm nhượng” nói, còn nay theo môn “không trụ” nói. Nay nói rõ thể Bát-nhã ba-la-mật.

Thế nào là Bát-nhã ba-la-mật? Bát-nhã ba-la-mật là thật tướng hết thấy pháp, không thể phá, không thể hoại, hoặc có Phật, hoặc không có Phật, thường trú các pháp tướng, pháp vị, chẳng phải Phật, chẳng phải Bích-chi Phật, chẳng phải Bồ-tát, chẳng phải Thanh-văn, chẳng phải trời người làm được, hưởng gì các chúng sanh nhỏ khác.

* Lại nữa, thường còn là một bên, đoạn diệt là một bên; lìa hai bên ấy, hành theo trung đạo, ấy là Bát-nhã ba-la-mật.

* Lại nữa, thường, vô thường, khổ, vui, không, thật, ngã, vô ngã v.v... cũng như vậy. Sắc pháp là một bên, vô sắc pháp là một bên, pháp có thể thấy, pháp không thể thấy, có đối ngại, không đối ngại, hữu vi vô vi, hữu lậu vô lậu, thế gian, xuất thế gian v.v... hai pháp cũng như vậy.

* Lại nữa, vô minh là một bên, vô minh hết là một bên, cho đến già chết là một bên, già chết hết là một bên, các pháp có là một bên, các pháp không có là một bên, lia hai bên ấy, hành theo trung đạo, ấy là Bát-nhã ba-la-mật.

Bồ-tát là một bên, sáu Ba-la-mật là một bên, Phật là một bên, Bồ-đề là một bên; lia hai bên ấy, hành theo trung đạo, ấy là Bát-nhã ba-la-mật.

Lược nói: Sáu căn trong là một bên, sáu trần ngoài là một bên; lia hai bên ấy, hành theo trung đạo, ấy là Bát-nhã ba-la-mật.

Đây Bát-nhã ba-la-mật là một bên, đây chẳng phải Bát-nhã ba-la-mật là một bên; lia hai bên ấy, hành theo trung đạo, ấy là Bát-nhã ba-la-mật. Có hai môn như vậy nên nói rộng vô lượng tướng Bát-nhã ba-la-mật.

* Lại nữa, lia có, lia không, lia chẳng có chẳng không, không rơi vào ngu si mà có thể tu hành thiện đạo, ấy là tướng Bát-nhã ba-la-mật. Có ba môn như vậy, là tướng Bát-nhã ba-la-mật.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề tự nói trong đây: Pháp ấy không có gì, không thể có được. Vì Bát-nhã ba-la-mật ấy không nên không có gì; vì các lỗi quán thường, vô thường v.v... tìm cầu không có tướng nhất định nên không thể có được.

* Lại nữa, không có gì là trong đây Tu-bồ-đề tự nói: Bát-nhã ba-la-mật cho đến năm Ba-la-mật kia không có gì, không thể thủ, không thể thọ, không thể đấm trước.

* Lại nữa, vì mười tám không, nên sáu Ba-la-mật không có gì, không thể có được; thí như gió lớn phá tan đám mây, cũng như lửa lớn đốt cháy cỏ khô, cũng như Kim-cang báu tòi phá núi lớn; các Không cũng như vậy, hay phá các pháp.

Sao gọi là Bát-nhã ba-la-mật? Bát-nhã, Trung Hoa dịch là trí tuệ. Đệ nhất trong hết thầy trí tuệ, không trên, không gì bằng, lại không gì hơn, cùng tận bờ mé như giữa hết thầy chúng sanh, Phật là đệ nhất; giữa hết thầy pháp Niết-bàn là đệ nhất; giữa hết thầy chúng Tăng, Tỳ-kheo Tăng là đệ nhất.

Hỏi: Trước ông nói thật tướng các pháp là Bát-nhã ba-la-mật, đó là pháp vị, pháp trụ, dù có Phật không Phật, vẫn thường trú không khác, sao nay nói giữa các trí tuệ, Bát-nhã ba-la-mật là đệ nhất; ví như giữa các pháp, Niết-bàn là đệ nhất?

Đáp: Pháp thế gian, hoặc có khi trong nhân nói quả, có khi trong quả nói nhân, không lỗi. Như nói người ăn ngày hết vài xấp vải, vải không thể ăn, nhưng nhân vải mà được ăn ấy gọi là trong nhân nói quả. Và như thấy bức vẽ đẹp nói khéo tay, ấy gọi là trong quả nói nhân. Thật tướng các pháp sinh trí tuệ, ấy là trong quả nói nhân.

* Lại nữa, Bồ-tát ấy vào pháp môn bất nhị, khi ấy có thể tu hành đầy đủ Bát-nhã ba-la-mật, không phân biệt là nhân là quả, là duyên là trí, là trong là ngoài, là đây là kia v.v... nghĩa là nhất tướng vô tướng. Vì vậy nên không nên vấn nạn.

* Lại nữa, có ba thứ trí tuệ thế gian: 1. Sự xảo diệu thế tục, hiểu rộng văn nghệ, nhân, trí, lễ kính v.v... 2. Trí tuệ lia dục sinh, nghĩa là lia cõi Dục cho đến vô sở hữu xứ. 3. Trí tuệ xuất thế gian, đó là trí tuệ của hàng Thanh-văn, Bích-chi Phật, lia ngã, ngã sở, các lậu hoặc sạch hết. Bát-nhã ba-la-mật là tối thù thắng, rốt ráo thanh tịnh, vì không nhiễm trước, vì lợi ích hết thầy chúng sanh.

Trí tuệ Thanh-văn, Bích-chi Phật tuy sạch hết lậu hoặc nên được thanh tịnh, nhưng không có tâm đại từ bi, không thể lợi ích hết thảy chúng sanh, nên không bằng, huống gì trí tuệ thể tục tội cấu, bất tịnh, giả dối? Ba thứ trí tuệ trên không bằng trí tuệ này, gọi là Bát-nhã ba-la-mật.

* Lại nữa, trí tuệ này vì độ chúng sanh, vì cầu Phật đạo; thọ, tưởng, hành, thức tương ưng với trí tuệ này, và thân nghiệp khẩu nghiệp từ trí tuệ khởi lên, và các tâm bất tương ưng hành như sinh, trụ v.v... các pháp ấy hòa hợp, gọi là Ba-la-mật. Trong các Ba-la-mật ấy, phần trí tuệ nhiều nên gọi là Bát-nhã ba-la-mật, phần niệm định nhiều nên gọi là Thiên ba-la-mật, nghĩa các Ba-la-mật khác cũng như vậy.

Có vô lượng nhân duyên như vậy nên gọi là Bát-nhã ba-la-mật.

Bát-nhã ba-la-mật ấy là của ai? Trong đệ nhất nghĩa (nghĩa tuyệt đối) không có kẻ biết, kẻ thấy, kẻ được; hết thảy pháp không ta, không của ta, các pháp chỉ là không, do nhân duyên hòa hợp tương tục phát sinh, nếu như vậy thời Bát-nhã thuộc ai?

Phật pháp có hai thứ: 1. Thế đế. 2. Đệ nhất nghĩa đế. Theo thế đế thì Bát-nhã ba-la-mật thuộc Bồ-tát, người phạm phu có nhiều tội lỗi, không thanh tịnh nên Bát-nhã không thuộc phạm phu. Bát-nhã ba-la-mật rất ráo thanh tịnh, phạm phu không ưa, như ruồi ưa ở chỗ nhơ nhớp, không ưa hoa sen. Người phạm phu tuy có lìa dục, song vì tâm chấp tôi, ta, đắm theo pháp lìa dục nên không ưa Bát-nhã ba-la-mật. Thanh-văn, Bích-chi Phật tuy ưa thích Bát-nhã ba-la-mật song không có tâm từ bi sâu xa, rất chán thế gian, một lòng hướng thẳng Niết-bàn, cho nên không thể đầy đủ được Bát-nhã ba-la-mật.

Bát-nhã ba-la-mật này, khi Bồ-tát thành Phật, đổi gọi là Trí nhất thiết chủng (hoặc Nhất thiết trí trí - ND). Vì vậy nên Bát-nhã không

thuộc Phật, không thuộc Thanh-văn, Bích-chi Phật, không thuộc phạm phu, chỉ thuộc Bồ-tát.

Hỏi: Trong kinh này thường nói năm uẩn trước, nói Trí nhất thiết chủng sau, sao nay trước nói đến sáu Ba-la-mật?

Đáp: Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề nghĩa không có gì. Năm uẩn dùng các nhân duyên quán, cưỡng làm cho nó không có gì, khó hiểu; Bát-nhã ba-la-mật tức là không có gì, dễ hiểu. Thí như mặt trăng trong nước dễ rõ nó là không, còn mặt trăng trên trời khó làm cho nó không có gì. Năm Ba-la-mật cùng Bát-nhã ba-la-mật đồng tên đồng sự, cho nên tiếp tục nói năm Ba-la-mật, vậy sau tiếp tục nói năm uẩn, cho đến Trí nhất thiết chủng không có gì, không thể có được. Bồ-tát vào môn này, quán thật tướng các pháp mà không hãi không sợ, nên biết Bồ-tát không lìa Bát-nhã ba-la-mật.

Không lìa là thường tập hành Bát-nhã ba-la-mật không hư luống, chắc chắn có quả báo. Trong đây Tu-bồ-đề tự nói nhân duyên không lìa, đó là sắc lìa tánh sắc, trong sắc không có tướng sắc, hư dối, không có gì. Bồ-tát biết được như vậy, không lìa trí tuệ thật, cho đến Thật tế cũng như vậy. Bồ-tát hành được đạo không chướng ngại ấy, được đến Trí nhất thiết chủng, vì hết thấy pháp không sinh không xuất vậy.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Thế nào là hết thấy pháp không sinh?

Tu-bồ-đề đáp: Sắc, tướng sắc không, cho nên sắc không sinh không thành tựu, cho đến Thật tế cũng như vậy. Nếu Bồ-tát hành được như vậy là thanh tịnh đệ nhất, không trên, không gì so sánh, tạm gần Trí nhất thiết chủng. Tạm gần Trí nhất thiết chủng nên tâm không sinh tà kiến phiền não hý luận, liền được tâm thanh tịnh. Quả báo tâm thanh tịnh nên được thân thanh tịnh, 32 tướng, 80 vẻ đẹp tùy hình, trang nghiêm thân. Được ba thứ thanh tịnh nên phá các pháp

chấp thủ tướng hư dối, thọ pháp tánh sanh thân, tức là thường được hóa sinh, không ở bào thai.

Hỏi: Nếu có sức như thế, thì cần gì hóa sinh, tham trước thân mà không thủ chứng Niết-bàn?

Đáp: Có hai nhân duyên nên chư Phật là báu ở giữa chúng sanh, vì chúng sanh muốn cúng dường không chán; vì bản nguyện độ sinh, tịnh Phật độ chưa tròn.

Bồ-tát ấy do lực phương tiện, phước đức nên thường không xa lìa chư Phật.

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

GIẢI THÍCH: PHẨM HÀNH TƯỚNG THỨ 10

KINH: Bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát không có phương tiện thiện xảo mà muốn tu hành Bát-nhã ba-la-mật, nếu tu hành sắc là tu hành theo tướng nó, nếu tu hành thọ tướng, hành, thức là tu hành theo tướng nó; nếu tu hành sắc thường, là tu hành theo tướng nó; nếu tu hành thọ, tướng, hành, thức thường, là tu hành theo tướng nó; nếu tu hành sắc vô thường là tu hành theo tướng nó; nếu tu hành thọ, tướng, hành, thức vô thường là tu hành theo tướng nó; nếu tu hành sắc vui là tu hành theo tướng nó, nếu tu hành thọ, tướng, hành thức vui là tu hành theo tướng nó; nếu tu hành sắc khổ là tu hành theo tướng nó; nếu tu hành thọ, tướng, hành, thức khổ là tu hành theo tướng nó; nếu tu hành sắc có là tu hành theo tướng nó, nếu tu hành thọ, tướng, hành, thức có là tu hành theo tướng nó; nếu tu hành sắc không, là tu hành theo tướng nó, nếu tu hành thọ, tướng, hành, thức không, là tu hành theo tướng nó; nếu tu hành sắc ngã là tu hành theo tướng nó, nếu tu hành thọ, tướng, hành, thức ngã là tu hành theo tướng nó; nếu tu hành sắc vô ngã là tu hành theo tướng nó, nếu tu hành thọ, tướng, hành, thức vô ngã là tu hành theo tướng nó; nếu tu hành sắc xa lìa là tu hành theo tướng nó, nếu tu hành thọ, tướng, hành, thức xa lìa là tu hành theo tướng nó; nếu tu hành sắc tịch diệt là tu hành theo

tướng nó; nếu tu hành thọ, tưởng, hành, thức tịch diệt là tu hành theo tướng nó.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát không có phương tiện thiện xảo mà tu hành bốn niệm xứ là tu hành theo tướng nó; cho đến tu hành mười tám pháp không chung là tu hành theo tướng nó.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát lúc tu hành Bát-nhã ba-la-mật mà khởi niệm rằng: Ta tu hành Bát-nhã ba-la-mật, vì có sở đắc nên cũng là tu hành theo tướng nó.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát khởi niệm rằng: Ta tu hành như vậy là tu hành Bát-nhã ba-la-mật, cũng là tu hành theo tướng nó.

Nên biết đó là Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật, không có phương tiện thiện xảo (*nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật - ND*).

Tu-bồ-đề nói với Xá-lợi-phất: Nếu Bồ-tát ma-ha-tát khi đang tu hành Bát-nhã ba-la-mật, đối với sắc trú niệm tưởng vọng giải (*phân biệt - Đại Bát-nhã ghi: thắng giải - ND*) thời đối với sắc gia công tu hành; do gia công tu hành nên không giải thoát được sinh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não và khổ báo đời sau. Nếu Bồ-tát ma-ha-tát lúc tu hành Bát-nhã ba-la-mật, mà không có phương tiện thiện xảo đối với mắt cho đến ý, sắc cho đến pháp, nhãn thức giới cho đến ý thức giới, nhãn xúc cho đến ý xúc, nhãn và xúc làm nhân duyên sinh thọ, cho đến ý và xúc làm nhân duyên sinh thọ; bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung, nếu trú niệm vọng giải, thời đối với mười tám pháp không chung gia công tu hành, mà do gia công tu hành thì Bồ-tát ấy không giải thoát được sinh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não, và khổ báo đời sau. Bồ-tát như vậy còn không chứng được địa

vị Thanh-văn, Bích-chi Phật, huông gì chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không có lẽ ấy.

Xá-lợi-phất! Nên biết Bồ-tát ma-ha-tát ấy, tu hành Bát-nhã ba-la-mật không có phương tiện thiện xảo.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Làm sao biết Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật có phương tiện thiện xảo?

Tu-bồ-đề nói với Xá-lợi-phất: Nếu Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật không hành theo sắc, không hành theo thọ, tưởng, hành, thức; không hành theo sắc tướng, không hành theo thọ, tưởng, hành, thức tướng; không hành theo sắc, thọ, tưởng, hành, thức thường; không hành theo sắc thọ, tưởng, hành, thức vô thường; không hành theo sắc, thọ, tưởng, hành, thức vui, không hành theo sắc, thọ, tưởng, hành, thức khổ; không hành theo sắc, thọ, tưởng, hành, thức ngã, không hành theo sắc, thọ, tưởng, hành, thức vô ngã; không hành theo sắc, thọ, tưởng, hành, thức không; không hành theo sắc, thọ, tưởng, hành, thức vô tướng; không hành theo sắc, thọ, tưởng, hành, thức vô tác. Không hành theo sắc, thọ, tưởng, hành, thức xa lìa; không hành theo sắc, thọ, tưởng, hành, thức tịch diệt, vì có sao? Xá-lợi-phất! Sắc ấy không là chẳng phải sắc; lìa không không có sắc, lìa sắc không có không, sắc tức là không, không tức là sắc; thọ, tưởng, hành, thức không là chẳng phải thức; lìa không không có thức, lìa thức không có không; không tức là thức, thức tức là không; cho đến mười tám pháp không chung không, là chẳng phải mười tám pháp không chung; lìa không không có mười tám pháp không chung, lìa mười tám pháp không chung không có không; không tức là mười tám pháp không chung, mười tám pháp không chung tức là không.

Như vậy, Xá-lợi-phất! Nên biết ấy là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật có phương tiện thiện xảo. Bồ-tát ma-

ha-tát ấy tu hành Bát-nhã ba-la-mật như vậy, có thể chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát ma-ha-tát ấy khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật, hành cũng không chấp thọ, không hành cũng không chấp thọ, hành không hành cũng không chấp thọ, chẳng phải hành chẳng phải không hành cũng không chấp thọ, không chấp thọ cũng không chấp thọ.

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề: Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật, vì nhân duyên gì nên không chấp thọ?

Tu-bồ-đề nói: Bát-nhã ba-la-mật ấy tự tánh không thể có được, nên không chấp thọ, vì có sao? Vì không có tánh gì, ấy là Bát-nhã ba-la-mật. Xá-lợi-phất! Vì lẽ ấy, nên Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật, hành không chấp thọ, không hành cũng không chấp thọ, hành không hành cũng không chấp thọ, chẳng phải hành chẳng phải không hành cũng không chấp thọ, không chấp thọ cũng không chấp thọ, vì có sao? Vì hết thấy pháp tánh không có gì, không theo các pháp hành, không chấp thọ các pháp tướng, ấy gọi là công dụng rộng lớn của Tam-muội, không chấp thọ các pháp của Bồ-tát ma-ha-tát, không chung với Thanh-văn, Bích-chi Phật.

Bồ-tát ma-ha-tát ấy tu hành Tam-muội ấy không rời, mau chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

LUẬN: Phẩm trước dùng không môn phá các pháp, phẩm này muốn dùng môn vô tướng phá các pháp. Nếu Bồ-tát không có phương tiện quán sắc, thời đọa trong tướng. Vì đọa trong tướng nên mất Bát-nhã ba-la-mật hạnh, vì có sao? Vì hết thấy pháp không, nên không có tướng có thể chấp thủ.

Hỏi: Người biết quả báo thiện ác, chấp thủ tướng quả báo rồi phân biệt thiện ác, thiện thì lấy, ác thì bỏ; thế nên mới hành đạo, có sao nói tướng các pháp là vô tướng?

Đáp: Chấp thủ tướng là vì hàng sơ học mà nói, còn vô tướng là vì hạng hành đạo, trú môn giải thoát mà nói, không nên đem việc thô thiên vẩn nạn. Nay hành giả chấp thủ tướng lành phá tướng chẳng lành, nghĩa là chấp thủ tướng trai gái v.v... là nhân duyên sinh các phiền não, nên sau lấy tướng vô tướng phá tướng pháp lành; nếu phá tướng chẳng lành mà không phá tướng lành thì lành trở thành tai họa, vì sinh chấp trước. Lấy tướng vô tướng phá pháp lành, vô tướng cũng tự phá, vì có sao? Vì vô tướng nhiếp vào trong pháp lành, ví như mưa đá hại lúa, rồi mưa đá cũng tự tiêu tan.

* Lại nữa, hết thấy pháp tướng vô tướng là thật, ví như thân thể, đầy dẫy bất tịnh, chín lỗ thường chảy nhờn, không có tướng sạch, mà người ta vì vô minh cưỡng cho là sạch, sinh phiền não, tạo các tội, như trẻ con nơi vật bất tịnh chấp thủ tướng sạch cho là vui, người lớn xem thấy liền cười, vì biết là hư dối.

Các lỗi chấp thủ tướng như vậy, đều là hư vọng, như ngọc pha-lê, tùy theo sắc đối đãi mà đổi màu, tự nó không có màu nhất định. Các pháp cũng như vậy, không có tướng nhất định, tùy theo tâm mà đổi ra tướng khác hoặc thường hoặc vô thường v.v...; như vì tâm giận mà thấy người này là xấu, khi tâm giận hết, tâm dâm dục sinh ra lại thấy người này là đẹp; nếu sinh tâm kiêu mạn thì thấy người này là ty tiện, nghe nói người này có đức lại sinh tâm cung kính. Ghét thương có lý, ghét thương vô lý cũng như vậy đều là ức tướng hư vọng; nếu trừ tướng hư vọng cũng không có tướng không, tướng vô tướng, tướng vô tác, vì không có gì để phá.

Sắc ấy do nhân duyên hòa hợp mà có, ví như bọt nước, như huyễn, như mộng, nếu Bồ-tát đối với sắc chấp thủ tướng một, khác, liền mất Bát-nhã ba-la-mật, vì sắc tánh là tướng vô tướng; chấp thọ sắc tướng ấy rồi, thấy sắc tán hoại ma diệt cho là vô thường nếu thấy nó hòa hợp tồn tại tạm thời thì cho là thường.

Thường có hai: 1. Hoặc tồn tại trăm năm, ngàn vạn ức năm, hoặc một kiếp, hoặc tám vạn kiếp, vậy sau tiêu diệt. 2. Thường trú không hoại. Bồ-tát nếu dứt biên kiến tà kiến, thì cũng không còn thấy chân thật thường; nếu thấy thường là thấy nó trụ lâu nên thường, chứ chẳng phải chân thật. Nếu không dứt biên kiến tà kiến thấy sắc là chân thật thường, nghĩ rằng cây cỏ, rụng xuống thành đất, đó chỉ là lúc nó ly tán sự hòa hợp mà thôi; thế nên nói Bồ-tát ấy tu Bát-nhã không có phương tiện thiện xảo.

Bồ-tát hoặc quán sắc vô thường. Vô thường cũng có hai: 1. Niệm niệm diệt, hết thay pháp hữu vi trụ không quá một niệm. 2. Pháp tương tục hư hoại gọi là vô thường. Như người mạng chết, như lửa cháy cây cỏ, như nước nấu khô. Nếu Bồ-tát mới phát tâm tiếp tục tu như vậy, thì tâm nhàm chán, dứt được vô thường thô thiển, còn nếu Bồ-tát tu lâu thì có thể thấy các pháp niệm niệm vô thường. Cả hai hạng Bồ-tát này đều đọa vào trong sự chấp thủ tướng, vì có sao? Vì sắc tướng thường hay vô thường đều không thể có được, như trước nói thọ, tướng, hành, thức cũng như vậy. Khổ, lạc, ngã, phi ngã cũng vậy.

Hỏi: Năm uẩn ấy có thể quán nó thường, vô thường v.v... có sao nói năm uẩn là tướng tịch diệt xa lìa?

Đáp: Hành giả không thấy tướng năm uẩn thường, vô thường, nên biết năm uẩn lìa tự tướng; nếu biết năm uẩn lìa tự tướng tức là năm uẩn tịch diệt như Niết-bàn.

Hỏi: Nếu như vậy ban đầu tự không có tướng, tại sao nói vì không phương tiện nên đọa trong chấp tướng?

Đáp: Bồ-tát ấy căn độn không có tâm tự giác, lìa sự chấp trước năm uẩn trở lại chấp trước viễn ly tịch tịnh, ở nơi vô tướng sinh chấp trước. Ba mươi bảy đạo phẩm cho đến mười tám pháp không chung cũng nên theo nghĩa phân biệt như vậy. Nếu Bồ-tát quán ngoại pháp

đều vô tướng nói rằng: Ta có thể quán như vậy, vì có tâm chấp ngã dư tàn nên cũng đọa trong tướng. Nếu Bồ-tát có thể xa lìa tâm trước tướng phi đạo ấy mà thực hành trí tuệ chân tịnh vô tướng, nghĩ rằng ta có thể tu hành trong ngoài thanh tịnh như vậy, ấy là tu hành Bát-nhã ba-la-mật, thì người ấy cũng đọa trong tướng, vì có sao? Vì không có thể trước mà chấp trước, không có thể thủ mà chấp thủ. Thế nên Bồ-tát ấy gọi là tu không có phương tiện thiện xảo, vì nương nơi ái và kiến mà chấp trước pháp lành. Bồ-tát ấy tuy có phước đức cũng không lìa được già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Hỗn tạp hành đạo, còn không chứng được Tiểu thừa hưởng Đại thừa. Trái với trên đây, gọi là tu có phương tiện thiện xảo. Đối với hết thảy pháp không thọ không trước, vì các pháp hòa hợp nhân duyên sinh không có tự tánh vậy.

Hỏi: Trước nói Tam-muội không thọ, ở đây nói Tam-muội chẳng thọ, có gì sai khác?

Đáp: Trước là không, đây là vô tướng.

Chẳng xa lìa là thường hành không ngừng nghỉ, vì có tâm đại từ-bi.

Mau được thành Phật đạo là vào Tam-muội ấy không chướng ngại trí tuệ cùng với Phật tương tự. Nếu phải trải qua vô lượng A-tăng-kỳ kiếp mới được, thì hoặc có khi vượt qua một A-tăng-kỳ kiếp, trăm kiếp, cho đến sáu mươi một kiếp, như Phật Phất-sa nhờ tán thán Phật Thích-ca Văn, mà vượt qua chín kiếp (*Hai câu này văn nghĩa tra in tuồng trái ngược, nguyên là Phật Thích-ca Văn nhờ tán thán Phật Phất-sa mà vượt qua chín kiếp. Dưới đây trong văn kinh, Tu-bồ-đề nói 108 Tam-muội cùng với phẩm Ma-ha Diễn ở sau, Phật tự nói trong Phẩm Tà Kiến cuốn 4 trang 8 nói 108 Tam-muội thời đồng nhau, chỉ có hai câu ba chữ là hơi khác, nên đối chiếu nghiệm đạo*).

KINH: Xá-lợi-phất hỏi: Chỉ không lia Tam-muội ấy là khiến Bồ-tát mau chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác hay còn có Tam-muội khác?

Tu-bồ-đề đáp Xá-lợi-phất: Còn có các Tam-muội khác, Bồ-tát ma-ha-tát tu hành theo thì mau chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Xá-lợi-phất hỏi: Những Tam-muội gì Bồ-tát ma-ha-tát tu hành theo mau chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Tu-bồ-đề đáp: Các Bồ-tát ma-ha-tát có Tam-muội gọi là Thủ Lăng-nghiêm, tu hành Tam-muội ấy, khiến Bồ-tát ma-ha-tát mau chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Có Tam-muội Bảo ấn, Tam-muội Sư tử giỡn chơi, Tam-muội Diệu nguyệt, Tam-muội Nguyệt tràng tướng, Tam-muội Chư pháp ấn, Tam-muội Quán đảnh, Tam-muội Tất pháp tánh, Tam-muội Tất tràng tướng, Tam-muội Kim cang, Tam-muội Vào pháp ấn, Tam-muội Vương an lập, Tam-muội Phóng quang, Tam-muội Lực tấn, Tam-muội Xuất sinh, Tam-muội Tất nhập biện tài, Tam-muội Vào danh tự, Tam-muội Xem phương, Tam-muội Đà-la-ni ấn, Tam-muội Không hư vọng, Tam-muội Nhiếp các pháp hải ấn, Tam-muội Trùm khắp hư không, Tam-muội Vòng kim cang, Tam-muội Bảo đoạn, Tam-muội Chiếu không, Tam-muội Chặng cầu, Tam-muội Không chỗ trú, Tam-muội Vô tâm, Tam-muội Tịnh đẳng, Tam-muội Sáng vô biên, Tam-muội Năng tác minh, Tam-muội Sáng cùng khắp, Tam-muội Kiên tịnh các Tam-muội, Tam-muội Vô cấu minh, Tam-muội Tác nhạc, Tam-muội Điển quang, Tam-muội Vô tận, Tam-muội Uy đức, Tam-muội Lìa hết, Tam-muội Bất động, Tam-muội Trang nghiêm, Tam-muội Nhật quang, Tam-muội Nguyệt tịnh, Tam-muội Tịnh minh, Tam-muội Năng tác minh, Tam-muội Tác hành, Tam-muội Biết tướng, Tam-

muội Như Kim cang, Tam-muội Tâm trú, Tam-muội Biên chiếu, Tam-muội An lập, Tam-muội Bảo đảnh, Tam-muội Diệu pháp ấn, Tam-muội Pháp đăng, Tam-muội Sinh hỷ, Tam-muội Đáo pháp đảnh, Tam-muội Năng tán, Tam-muội Hoại các pháp xứ, Tam-muội Tự đẳng tướng, Tam-muội Ly tự, Tam-muội Đoạn duyên, Tam-muội Bất hoại, Tam-muội Vô chủng tướng, Tam-muội Vô xứ hành, Tam-muội Ly ám, Tam-muội Vô khứ, Tam-muội Bất biến, Tam-muội Độ duyên, Tam-muội Nhóm các công đức, Tam-muội Trú vô tâm, Tam-muội Diệu tịnh hoa, Tam-muội Giác ý, Tam-muội Vô lượng biên, Tam-muội Vô đẳng đẳng, Tam-muội Độ chư pháp, Tam-muội Phân biệt chư pháp, Tam-muội Tán nghi, Tam-muội Vô trú xứ, Tam-muội Nhất tướng, Tam-muội Nhất tánh, Tam-muội Sinh hành, Tam-muội Nhất hành, Tam-muội Bất nhất hành, Tam-muội Diệu hành, Tam-muội Đạt nhất thiết hữu để tán, Tam-muội Nhập ngôn ngữ, Tam-muội Ly âm thanh tự ngữ, Tam-muội Nhiên đăng, Tam-muội Tịnh tướng, Tam-muội Pháp tướng, Tam-muội Nhất thiết chủng diệu túc, Tam-muội Không ra khổ lạc, Tam-muội Bất tận hành, Tam-muội Đà-la-ni, Tam-muội Thủ các tướng tà chánh, Tam-muội Dứt ghét thương, Tam-muội nghịch thuận, Tam-muội Tịnh quang, Tam-muội Kiên cố, Tam-muội Mãn nguyệt tịnh quang, Tam-muội Đại trang nghiêm, Tam-muội Hay chiếu hết thấy đời Tam-muội, Tam-muội Vô tránh, Tam-muội Vui không trú xứ, Tam-muội Như trú định, Tam-muội Hoại thân suy, Tam-muội Hoại ngữ như hư không, Tam-muội Ly trước hư không bất nhiễm.

Xá-lợi-phất! Ấy là Bồ-tát ma-ha-tát tu hành các Tam-muội ấy mau chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại có vô lượng vô số môn Tam-muội, môn Đà-la-ni. Các Bồ-tát ma-ha-tát học môn Tam-muội, môn Đà-la-ni ấy, mau chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tuệ mạng Tu-bồ-đề theo tâm Phật mà nói: Nên biết Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Tam-muội ấy, đã được Phật quá khứ thọ ký, mười phương chư Phật hiện tại cũng thọ ký Bồ-tát ấy. Bồ-tát ấy không thấy Tam-muội ấy, cũng không niệm Tam-muội ấy, cũng không nghĩ rằng: Ta sẽ vào Tam-muội ấy, ta nay vào Tam-muội ấy, ta đã vào Tam-muội ấy. Bồ-tát ma-ha-tát đều không có niệm phân biệt.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Bồ-tát ma-ha-tát trú các Tam-muội ấy rồi mới theo chư Phật quá khứ được thọ ký ư?

Tu-bồ-đề đáp: Không phải, Xá-lợi-phất! Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật không khác các Tam-muội, các Tam-muội không khác Bát-nhã ba-la-mật; Bồ-tát không khác Bát-nhã ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật không khác Bồ-tát; Bát-nhã ba-la-mật tức là Tam-muội, Tam-muội tức là Bát-nhã ba-la-mật; Bồ-tát tức là Bát-nhã ba-la-mật và Tam-muội, Bát-nhã ba-la-mật và Tam-muội tức là Bồ-tát.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Nếu Tam-muội không khác Bồ-tát, Bồ-tát không khác Tam-muội, Tam-muội tức là Bồ-tát, Bồ-tát tức là Tam-muội, làm sao Bồ-tát có Tam-muội biết hết thấy pháp v.v...?

Tu-bồ-đề đáp: Bồ-tát vào Tam-muội ấy, lúc ấy không nghĩ rằng: Ta do pháp ấy vào Tam-muội ấy. Vì nhân duyên ấy, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ấy đối với các Tam-muội không biết không niệm.

Xá-lợi-phất hỏi: Vì có sao không biết không niệm?

Tu-bồ-đề đáp: Các Tam-muội vì không có gì, nên Bồ-tát ấy không biết không niệm.

Bấy giờ, Phật tán thán: Lành thay, lành thay! Tu-bồ-đề, như Ta nói: Ông tu hành Vô tránh Tam-muội bậc nhất, tương ưng với nghĩa này.

Bồ-tát ma-ha-tát hãy học Bát-nhã ba-la-mật như vậy: Thiên ba-la-mật, Tấn ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Giới ba-la-mật, Thí ba-la-mật, bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung cũng nên học như vậy.

LUẬN. *Hỏi:* Như Phật dạy một đường đến Niết-bàn đó là không, vô tướng, vô tác, có sao Xá-lợi-phất lại hỏi còn có các Tam-muội khác khiến Bồ-tát mau thành Phật ư?

Đáp: Khi chưa gần Niết-bàn thì có nhiều đường khác, khi gần Niết-bàn thì chỉ có một đường là không, vô tướng, vô tác; các Tam-muội khác đều nhiếp vào trong ba môn giải thoát ấy, ví như thành lớn có nhiều cửa, đều được vào thành; lại như ngàn sông muôn dòng đều chảy về biển.

Những gì là các Tam-muội khác? Đó là các Tam-muội Thủ Lăng-nghiêm v.v... Trong phẩm Ma-ha Diễn, Phật tự nói: Điều sâu xa khó hiểu, Phật sẽ dạy ở trong đây. Nếu Bồ-tát thực hành được 108 Tam-muội và các môn Đà-la-ni, thời mười phương chư Phật đều thọ ký cho, vì có sao? Vì Bồ-tát tuy được các Tam-muội ấy, vì thật không có ngã tâm ức tướng phân biệt nên cũng không khởi niệm rằng: Ta sẽ vào Tam-muội ấy, nay vào, đã vào, ta sẽ trụ Tam-muội ấy, là Tam-muội của ta. Vì tâm ấy thanh tịnh không chấp trước pháp vi diệu, nên chư Phật thọ ký cho.

Bấy giờ Xá-lợi-phất trở lại lấy trí tuệ về không nạn hỏi Tu-bồ-đề rằng: Bồ-tát trú Tam-muội ấy, thủ lấy tướng Tam-muội ấy, có được thọ ký không?

Tu-bồ-đề đáp: Không, vì có sao? Vì ba việc không khác nhau: Bát-nhã không khác Tam-muội, Tam-muội không khác Bát-nhã; Bát-nhã không khác Bồ-tát, Tam-muội; Bồ-tát, Tam-muội không khác Bát-nhã; Bát-nhã, Tam-muội tức là Bồ-tát, Bồ-tát tức là Bát-nhã, Tam-muội. Bát-nhã, Tam-muội và Bồ-tát khác nhau thời chư Phật thọ ký cho, song vì không khác nên không thọ ký.

Xá-lợi-phất lại hỏi: Nếu như vậy, thời Tam-muội và hết thầy pháp bình đẳng không khác ư?

Tu-bồ-đề đáp: Bồ-tát có Tam-muội về các pháp v.v... vào trong Tam-muội ấy, các pháp không khác.

* Lại nữa, như trước nói đối với các Tam-muội không khởi ức tướng phân biệt, không hay không biết, vì tự tánh các Tam-muội không có gì. Bồ-tát không biết không niệm, Phật vì Tu-bồ-đề chưa tự được Tam-muội ấy, mà khéo nói Tam-muội, Đà-la-ni vi diệu của Bồ-tát, đối với Bát-nhã ba-la-mật không niệm không trước, thế nên Phật tán thán: Lành thay! Ta nói ông được vô tránh Tam-muội đệ nhất đúng như lời Ta tán thán không sai.

KINH: Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, Bồ-tát ma-ha-tát học như vậy là học Bát-nhã ba-la-mật ư?

Phật bảo Xá-lợi-phất: Bồ-tát ma-ha-tát học như vậy là học Bát-nhã ba-la-mật, vì pháp ấy không thể có được; cho đến học Thí ba-la-mật, vì pháp ấy không thể có được, học bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung vì pháp ấy không thể có được.

Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Như vậy, Bồ-tát ma-ha-tát học Bát-nhã ba-la-mật, pháp ấy không thể có được ư?

Phật dạy: Đúng như vậy! Bồ-tát ma-ha-tát học Bát-nhã ba-la-mật, pháp ấy không thể có được.

Xá-lợi-phất thưa: Bạch đức Thế Tôn! Những pháp gì không thể có được?

Phật dạy: Ngã không thể có được, cho đến kẻ biết, kẻ thấy không thể có được, vì rất ráo thanh tịnh.

Năm ấm không thể có được, mười hai nhập không thể có được, mười tám giới không thể có được, vì rất ráo thanh tịnh.

Vô minh không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh cho đến lão tử không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh; Khổ đế không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh; Tập, Diệt, Đạo đế không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh. Cõi Dục không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh; cõi Sắc cõi Vô sắc không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh; bốn niệm xứ không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh; cho đến mười tám pháp không chung không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh. Sáu Ba-la-mật không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh. Tu-đà-hoàn không thể có được vì rốt ráo thanh tịnh; Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi Phật không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh. Bồ-tát không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh. Phật không thể có được vì rốt ráo thanh tịnh.

Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là rốt ráo thanh tịnh?

Phật dạy: Chẳng xuất chẳng sinh, không được không làm, ấy gọi là rốt ráo thanh tịnh.

Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát học như vậy là học pháp gì?

Phật bảo Xá-lợi-phất: Bồ-tát ma-ha-tát học như vậy đối với các pháp không học gì, vì sao? Nay Xá-lợi-phất! Tương các pháp không như tướng phạm phu chấp trước.

Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thật tướng các pháp có thể nào?

Phật dạy: Các pháp không có gì, có như vậy, không có gì như vậy, việc ấy không biết gọi là vô minh.

Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Không có những gì việc ấy không biết, gọi là vô minh?

Phật bảo Xá-lợi-phất: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức không có gì, vì nội không cho đến vô pháp hữu pháp không. Bốn niệm xứ

cho đến mười tám pháp không chung không có gì, vì nội không cho đến vô pháp hữu pháp không. Trong đó phàm phu vì do vô minh khát ái nên vọng thấy phân biệt, gọi là vô minh. Kẻ phàm phu bị buộc vào hai bên, không biết không thấy các pháp không có gì, mà ức tưởng phân biệt đả sắc, cho đến mười tám pháp không chung. Hạng người ấy vì đả trước nên đối với pháp không có gì khởi lên thức, tri, kiến. Ấy là phàm phu không biết không thấy. Không biết không thấy gì? Không biết không thấy sắc cho đến mười tám pháp không chung cũng không biết không thấy. Vì vậy nên đọa vào trong số phàm phu, như trẻ con. Hạng người ấy không ra khỏi. Không ra khỏi gì? Không ra khỏi cõi Dục, không ra khỏi cõi Sắc, không ra khỏi cõi Vô sắc; không ra khỏi pháp Thanh-văn, Bích-chi Phật. Người ấy cũng không tin thọ. Không tin thọ gì? Không tin sắc không, cho đến không tin mười tám pháp không chung không. Người ấy không trú. Không trú gì? Không trú Thí ba-la-mật cho đến không trú Bát-nhã ba-la-mật, không trú địa vị bất thối chuyển cho đến không trú mười tám pháp không chung. Vì nhân duyên ấy, nên gọi là phàm phu, như trẻ nít. Cũng gọi là người chấp trước. Chấp trước gì? Chấp trước sắc cho đến thức, chấp trước nhãn nhập cho đến ý nhập, chấp trước nhãn giới cho đến ý thức giới; chấp trước dâm, nộ, si, chấp trước các tà kiến, chấp trước bốn niệm xứ cho đến chấp trước Phật đạo.

Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát học như vậy cũng chẳng phải học Bát-nhã ba-la-mật, chẳng được Trí nhất thiết chủng ư?

Phật bảo Xá-lợi-phất: Bồ-tát ma-ha-tát học như vậy, cũng chẳng học Bát-nhã ba-la-mật, chẳng được Trí nhất thiết chủng.

Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Vì sao Bồ-tát ma-ha-tát cũng chẳng học Bát-nhã ba-la-mật, chẳng được Trí nhất thiết chủng?

Phật bảo Xá-lợi-phất: Bồ-tát ma-ha-tát vì không có phương tiện thiện xảo, nên ức tưởng phân biệt, chấp trước Bát-nhã ba-la-mật, chấp trước Thiền ba-la-mật, Tấn ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Giới ba-la-mật, Thí ba-la-mật, cho đến mười tám pháp không chung, Trí nhất thiết chủng, cứ ức tưởng phân biệt chấp trước. Vì nhân duyên ấy, nên Bồ-tát ma-ha-tát học như vậy, cũng chẳng học Bát-nhã ba-la-mật, chẳng được Trí nhất thiết chủng.

Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Hoặc có Bồ-tát ma-ha-tát học như vậy, chẳng học Bát-nhã ba-la-mật, chẳng được Trí nhất thiết chủng ư?

Phật bảo Xá-lợi-phất: Bồ-tát ma-ha-tát học như vậy, chẳng học Bát-nhã ba-la-mật, chẳng được Nhất chủng trí.

Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát nay nên làm sao học Bát-nhã ba-la-mật, được Trí nhất thiết chủng?

Phật bảo Xá-lợi-phất: Nếu Bồ-tát ma-ha-tát, khi học Bát-nhã ba-la-mật, không thấy Bát-nhã ba-la-mật. Nay Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát học Bát-nhã ba-la-mật như vậy, được Trí nhất thiết chủng, vì không thể có được.

Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào gọi là bất khả đắc?

Phật dạy: Vì các pháp nội không cho đến vô pháp hữu pháp không.

LUẬN: Xá-lợi-phất ở trên hỏi chỉ có vô thọ Tam-muội là mau được thành Phật hay còn có Tam-muội khác? Tu-bồ-đề đáp: Còn có Tam-muội khác mau được thành Phật. Bồ-tát không niệm, không chấp trước Tam-muội ấy nên được chư Phật quá khứ hiện tại, thọ ký. Phật tán thán: Lành thay! Bồ-tát ma-ha-tát hãy học Bát-nhã ba-la-mật như vậy, cho đến học hết thầy Phật pháp.

Khi ấy, Xá-lợi-phất nghĩ rằng: Bát-nhã ba-la-mật là tướng không, còn các Tam-muội là các tướng có phân biệt, làm sao học các Tam-muội là học Bát-nhã ba-la-mật, cho nên hỏi.

Phật đáp: Xá-lợi-phất! Học Bát-nhã ba-la-mật như vậy đều vì bất khả đắc, vì tướng khí phần của Bát-nhã ba-la-mật đều ở trong các Tam-muội, học được như vậy là học Bát-nhã ba-la-mật, cho đến học mười tám pháp không chung. Phật liền ấn khả cho.

Xá-lợi-phất lại hỏi: Pháp gì là không thể có được?

Trong đây Phật tự nói: Vì chúng sanh không, vì rốt ráo thanh tịnh nên ngã không thể có được, cho đến kẻ biết, kẻ thấy, Tu-đà-hoàn cho đến Phật không thể có được; vì pháp không, vì rốt ráo thanh tịnh, nên năm uẩn không thể có được cho đến mười tám pháp không chung không thể có được.

Rốt ráo thanh tịnh là không xuất không sinh, không được không làm v.v... Ở bên nhân không sinh khởi gọi là không xuất, ở bên duyên không sinh khởi gọi là không sinh. Tướng sinh nhất định không thể có được, nên gọi là không xuất không sinh. Vì không xuất không sinh nên gọi là không thể có được. Vì không thể có được nên gọi là không làm không khởi. Pháp có khởi, làm đều là hư dối; lìa tướng như vậy gọi là rốt ráo thanh tịnh.

Xá-lợi-phất hỏi Phật: Bồ-tát ma-ha-tát tu hành được đạo rốt ráo thanh tịnh như vậy vì học pháp gì, vì được pháp gì?

Phật đáp: Học được như vậy là vì không học gì, không được gì.

Hỏi: Bồ-tát dùng rốt ráo không ấy, học sáu Ba-la-mật cho đến mười tám pháp không chung, có sao nói không có pháp gì có thể học?

Đáp: Trong đây Phật tự nói, các pháp không giống như chỗ chấp trước của phàm phu. Tâm phàm phu có vô minh, tà kiến kiết sử, những điều nghe, thấy, biết đều khác với pháp tướng; cho đến nghe

Phật thuyết pháp, đối với Thánh đạo và quả báo đều chấp trước, làm ô nhiễm đạo.

Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Nếu chỗ thấy của người phạm phu đều chẳng thật, vậy nay các pháp ấy làm sao có?

Phật dạy: Các pháp chẳng có gì, người phạm phu nơi chỗ chẳng có gì cũng cho là có, vì có sao? Vì người phạm phu ấy lìa vô minh tà kiến thời không thể có chỗ xem thấy, vì thế nên nói chấp trước chỗ không có gì nên gọi là vô minh. Ví như nắm tay trống không để gạt con nít, con nít chấp trước nên cho là có.

Xá-lợi-phất hỏi Phật: Những pháp gì không có vì chấp trước nên gọi là vô minh?

Phật đáp: Sắc cho đến mười tám pháp không chung, trong đó vì vô minh tham ái nên ức tưởng phân biệt, thứ mình ấy là vô minh, rơi vào hữu biên vô biên, mất ánh sáng trí tuệ. Vì mất ánh sáng trí tuệ nên không thấy không biết sắc rốt ráo không, không có gì, mà tự sinh ức tưởng phân biệt rồi chấp trước; cho đến thức uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, mười hai nhân duyên, hoặc nghe pháp lành như sáu Ba-la-mật cho đến mười tám pháp không chung, cũng như pháp thế gian; ức tưởng phân biệt chấp trước thánh pháp cũng như vậy. Do vậy gọi là rơi vào số phạm phu, giống trẻ con, bị người khinh cười. Như người lấy ngón tay chỉ mặt trăng, người ngu chỉ thấy ngón tay không thấy mặt trăng; người trí khinh cười nói: Sao ông không hiểu được ý người chỉ, ngón tay là nhân duyên để biết mặt trăng, mà lại xem ngón tay không biết mặt trăng. Chư Phật hiền thánh nói pháp cho người phạm phu mà người phạm phu cứ chấp âm thanh ngữ ngôn, không nắm lấy ý thánh nhân, không được thật nghĩa. Vì không được thật nghĩa nên trở lại nơi thật nghĩa sinh chấp trước. Nay Phật chỉ lỗi của người phạm phu, nên nói không thể vượt qua ba cõi, cũng không thể lìa hai thừa. Vì không nắm được ý thánh nhân nên nghe nói các pháp

không mà chẳng tin, vì không tin nên không thật hành, không an trú sáu Ba-la-mật, cho đến mười tám pháp không chung. Vì mất các công đức như vậy nên gọi là phàm phu, con nít. Con nít chấp trước năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, ba độc, các phiền não cho đến mười tám pháp không chung; Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đều chấp trước, nên gọi là kẻ chấp trước.

Xá-lợi-phất hỏi: Nếu Bồ-tát tu hành như vậy, gọi là không hành Bát-nhã ba-la-mật, không hành Bát-nhã ba-la-mật nên chẳng được Trí nhất thiết chủng ư?

Phật hứa khả Xá-lợi-phất rằng: Như vậy, như vậy! Liền vì nói nhân duyên cho là Bồ-tát mới tu hành, không có sức phương tiện, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật ấy, ức tưởng phân biệt, tìm cầu muốn lấy, nghĩ rằng: Ta bỏ cái vui thế gian, lại không được Bát-nhã ba-la-mật, ấy là mất cả hai, chuyên tìm cầu muốn được. Hoặc bảo nói không, là Bát-nhã ba-la-mật; hoặc nói không cũng không, là Bát-nhã ba-la-mật; hoặc nói các pháp như thật tướng là Bát-nhã ba-la-mật. Như vậy dùng sáu mươi hai kiến, chín mươi tám tâm kiết sử phiền não, chấp trước cho là Bát-nhã ba-la-mật, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng chấp như vậy. Lấy tâm chấp trước ấy mà học các pháp, không thể được Trí nhất thiết chủng. Cùng với đây trái nhau là có thể hành Bát-nhã ba-la-mật, cũng có thể được Trí nhất thiết chủng; nghĩa là không thấy Bát-nhã ba-la-mật, không thấy hành giả, không thấy duyên pháp, không thấy cũng không thấy.

Xá-lợi-phất lại hỏi nhân duyên không thấy, Phật đáp Bồ-tát ấy vào mười tám Không, cho nên không thấy, chẳng phải vô trí nên không thấy.

(HẾT CUỐN 43 THEO BẢN HÁN)

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

GIẢI THÍCH: PHẨM HUYỄN HỌC THỨ 11

(Kinh Ma-ha Bát-nhã ghi: Phẩm Huyền Nhân)

(Kinh Đại Bát-nhã ghi: Phần 2, Phẩm Huyền Dụ thứ 10)

KINH: Lúc ấy Tuệ mạng Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, nếu sẽ có người hỏi rằng: Người huyền học Bát-nhã ba-la-mật, sẽ được Trí nhất thiết chủng chăng? Người huyền học Thiền ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Giới ba-la-mật, Thí ba-la-mật, học bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung và Trí nhất thiết chủng, được Trí nhất thiết chủng chăng? Con sẽ đáp thế nào?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ta lại hỏi ông, tùy ý ông đáp. Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Sắc với huyền có khác chăng? Thọ, tưởng, hành, thức với huyền có khác chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Thưa không, bạch Thế Tôn!

Phật dạy: Ý ông nghĩ sao? Mắt với huyền có khác chăng, cho đến ý với huyền có khác chăng? Sắc cho đến pháp với huyền có khác chăng? Nhãn giới cho đến ý thức giới với huyền có khác chăng? Nhãn xúc cho đến ý xúc, nhãn xúc làm nhân duyên sinh thọ cho đến ý xúc làm nhân duyên sinh thọ với huyền có khác chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Thưa không, bạch Thế Tôn!

- Ý ông nghĩ sao? Bốn niệm xứ với huyễn có khác chăng, cho đến tám Thánh đạo phần với huyễn có khác chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn!

- Ý ông nghĩ sao? Không, vô tướng, vô tác với huyễn có khác chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn!

- Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Thí ba-la-mật với huyễn có khác chăng, cho đến mười tám pháp không chung với huyễn có khác chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn!

- Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác với huyễn có khác chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn! Vì có sao? Vì sắc không khác huyễn, huyễn không khác sắc, sắc tức là huyễn, huyễn tức là sắc.

Bạch Thế Tôn! Thọ, tưởng, hành, thức không khác huyễn, huyễn không khác thọ, tưởng, hành, thức; thức tức là huyễn, huyễn tức là thức.

Bạch Thế Tôn! Mắt không khác huyễn, huyễn không khác mắt, mắt tức là huyễn, huyễn tức là mắt; nhãn xúc làm nhân duyên sinh thọ cho đến ý xúc làm nhân duyên sinh thọ cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Bốn niệm xứ không khác huyễn, huyễn không khác bốn niệm xứ; bốn niệm xứ tức là huyễn, huyễn tức là bốn niệm xứ, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không khác huyễn, huyễn không khác Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tức là huyễn, huyễn tức là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ý ông nghĩ sao? Huyền có như có sạch chẳng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn!

- Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Huyền có sinh có diệt chẳng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn!

- Nếu pháp chẳng sinh chẳng diệt, pháp ấy có thể học Bát-nhã ba-la-mật, sẽ được Trí nhất thiết chủng chẳng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn!

- Ý ông nghĩ sao? Năm thọ ẩm giả danh là Bồ-tát chẳng?

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn!

- Ý ông nghĩ sao? Năm thọ ẩm giả danh có sinh diệt như sạch chẳng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn!

- Ý ông nghĩ sao? Nếu pháp chỉ có danh tự, chẳng phải thân, chẳng phải thân nghiệp, chẳng phải khẩu, chẳng phải khẩu nghiệp, chẳng phải ý, chẳng phải ý nghiệp, chẳng sinh chẳng diệt, chẳng như chẳng sạch, pháp như vậy có thể học Bát-nhã ba-la-mật, sẽ được Trí nhất thiết chủng chẳng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn!

- Bồ-tát ma-ha-tát nếu học được Bát-nhã ba-la-mật như vậy, sẽ được Trí nhất thiết chủng, vì không có gì được.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát nên học Bát-nhã ba-la-mật như vậy, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, như người huyền học, vì có sao? Bạch Thế Tôn! Nên biết năm ẩm tức là người huyền, người huyền tức là năm ẩm.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ý ông nghĩ sao? Năm ấm ấy học Bát-nhã ba-la-mật, sẽ được Trí nhất thiết chủng chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn! Vì có sao? Vì năm ấm ấy tánh không có gì, tánh không có gì cũng không thể có được.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ý ông nghĩ sao? Năm ấm như mộng học Bát-nhã ba-la-mật, sẽ được Trí nhất thiết chủng chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn! Vì có sao? Vì tánh mộng không có gì, tánh không có gì cũng không thể có được.

- Ý ông nghĩ sao? Năm uẩn như tiếng vang, như bóng, như rắng nắng, như biến hóa học Bát-nhã ba-la-mật, sẽ được Trí nhất thiết chủng chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn! vì có sao? Vì tiếng vang, bóng, rắng nắng, biến hóa, tánh không có gì, tánh không có gì cũng không thể có được. Sáu căn cũng như vậy. Bạch Thế Tôn! Thức tức là sáu căn, sáu căn tức là năm uẩn. Pháp ấy vì nội không nên không thể có được, cho đến vì vô pháp hữu pháp không nên không thể có được.

LUẬN. *Hỏi:* Vì sao Tu-bồ-đề đem việc ấy hỏi Phật? Nếu có người hỏi người huyễn học Bát-nhã ba-la-mật được làm Phật chăng? Phải đáp rằng không được. Vì người huyễn hư dối, không có gốc, ngọn, việc ấy dễ đáp, sao lại đem hỏi Phật?

Đáp: Vì ở phẩm trên Phật nói nghĩa Không sâu xa cho Xá-lợi-phất, Tu-bồ-đề nghĩ rằng các pháp nhất tướng không có sai biệt, nếu như vậy người huyễn và Bồ-tát thật không có khác nhau, nhưng Bồ-tát tu hành các công đức thì được làm Phật, còn người huyễn không thật, chỉ gạt mắt người, không thể làm Phật.

Hỏi: Người huyễn không thể tu hành công đức, vì không có tâm thức, làm sao nói tu hành?

Đáp: Tuy thật không tu hành, người thấy in tuồng như tu hành, nên gọi là tu hành. Như người huyễn dùng thức ăn uống, tài vật, bầy bái, bố thí, xuất gia, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, tọa thiền, thuyết pháp v.v... người vô trí cho đó là tu hành, không biết là huyễn.

Tu-bồ-đề nghĩ rằng: Nếu như Phật nói các pháp nhất tướng, không có gì, chỉ là hư dối, người huyễn và Bồ-tát thật cho đến Phật không có sai khác. Như người huyễn cũng huyễn làm Phật, hành sáu Ba-la-mật, hàng phục ma binh, ngồi đạo tràng, thành Phật đạo, phóng hào quang, thuyết pháp độ người, với Bồ-tát thực hành thật đạo, được làm Phật, độ chúng sinh, có gì sai khác?

Phật dạy: Ta lại hỏi ông, tùy ý ông đáp lời Ta.

Hỏi: Cớ sao Phật không đáp thẳng, mà lại hỏi Tu- bồ-đề khiến tùy ý đáp?

Đáp: Tu-bồ-đề dùng trí tuệ Không, quán ba cõi năm uẩn đều không, tâm sinh chán lìa, nhưng vì tập khí phiền não nên tuy biết được tổng tướng các Phật pháp đều không, song còn có chỗ yêu quý nên không quán xem được Phật pháp như huyễn không có gì. Vì vậy nên mới dẫn dụ nói: Như ông lấy năm uẩn Không làm chứng, các Phật pháp cũng vậy; ông quán năm uẩn thế gian là không, Ta quán Phật pháp cũng vậy. Thế nên hỏi Tu-bồ-đề rằng: Ý ông nghĩ sao? Sắc với huyễn khác nhau chăng? Huyễn với sắc khác nhau chăng? Cho đến thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy, nếu khác thời ông nên hỏi, nếu không khác thời không nên hỏi như vậy.

Tu-bồ-đề thưa: Không khác.

Hỏi: Nếu sắc không khác huyễn, có thể được, vì người huyễn có sắc (còn thọ, tưởng, hành, thức không có sắc), cớ sao nói như huyễn không khác?

Đáp: Người huyễn có tướng mừng, vui, lo, khổ; người vô trí trông thấy cho là có thọ, tưởng, hành, thức.

* Lại nữa, Phật nói thí dụ để khiến người biết năm thọ uẩn hư dối như huyễn; năm thọ uẩn tuy không khác với huyễn, song Phật muốn khiến hiểu rõ nên nêu làm thí dụ. Chúng sinh cho huyễn là hư dối, còn năm thọ uẩn tuy có mà không khác huyễn nên Tu-bồ-đề một lòng trừ lượng, biết năm uẩn cùng với huyễn không khác, vì có sao? Vì như sắc người huyễn dối gạt mắt thịt, có thể làm cho sinh ra lo, mừng, khổ, vui; năm thọ uẩn cũng có thể dối gạt mắt tuệ, làm cho sinh tham dục, sân nã, các phiền nã v.v... như trò huyễn, do một ít chú thuật, sự vật, ngôn ngữ làm gốc, có thể hiện ra các sự vật thành quách, nhà quán v.v... năm thọ uẩn cũng do một ít vô minh thuật đời trước mà có ra hành, thức, danh sắc các thứ. Do vậy, nên nói không khác, như người thấy việc huyễn sinh tâm chấp trước, bỏ phé sự nghiệp nuôi sống, đến khi huyễn diệt liền sinh hối hận. Năm thọ uẩn cũng như vậy, do nghiệp đời trước huyễn sinh ra thân năm uẩn đời nay, hưởng thọ năm dục, sinh tham giận, đến khi vô thường bại hoại, tâm mới hối hận. Vì sao ta chấp trước năm uẩn huyễn ấy, để mất thật tướng các pháp? Phật mở cửa lạc thuyết cho Tu-bồ-đề nên đáp huyễn với sắc chẳng khác. Nếu không khác, pháp ấy tức là không, vào trong pháp chẳng sinh chẳng diệt. Nếu chẳng sinh chẳng diệt, làm sao tu hành Bát-nhã ba-la-mật được làm Phật? Tu-bồ-đề nghĩ rằng: Nếu như vậy, Bồ-tát vì có gì mỗi mỗi hành đạo, cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật biết ý nghĩ của Tu-bồ-đề, nên liền đáp: Năm uẩn hư dối, chỉ do giả danh gọi là Bồ-tát. Trong giả danh ấy không có nghiệp, không có nhân duyên nghiệp, không có tâm, không có tâm số pháp, không nhớ không sạch, vì rốt ráo không. Phật dạy Bồ-tát nên như người huyễn tu hành Bát-nhã ba-la-mật, thân năm uẩn tức là người huyễn, không khác. Từ nhân duyên của nghiệp huyễn đời trước, vì từ nghiệp huyễn xuất sinh, nên thân năm uẩn ấy cũng không thể thành tựu Phật được, vì sao? Vì bản tánh không có gì. Ngoài ra mộng, biến hóa, bóng, tiếng vang v.v... cũng như vậy.

Hỏi: Có sao nói thức tức là sáu nhập? Sáu nhập tức là năm uẩn?

Đáp: Thức là chi thứ ba trong mười hai chi nhân duyên, trong ấy cũng có sắc, cũng có tâm số pháp, vì chưa thành thực nên gọi là thức. Từ thức sinh sáu nhập, hai thời ấy đều có năm uẩn. Sắc thành nên gọi là năm nhập, danh thành nên gọi là ý nhập. Sáu nhập không lia năm uẩn, vì vậy nói thức tức là sáu nhập.

Hỏi: Nếu như vậy thì trong mười hai nhân duyên, mỗi mỗi đều có năm uẩn, có sao nay chỉ nói thức và sáu nhập có năm uẩn?

Đáp: Thức ấy là gốc của thân hiện nay. Chúng sinh phần nhiều lầm đối với pháp hiện tại. Danh và sắc chưa thành thực, chưa có công dụng nên không nói, còn sáu nhập thì thọ khổ vui, sinh ra tội phước nên nói, ngoài mười một nhân duyên ra, nên nói sáu nhập là năm uẩn.

* Lại nữa, Phật biết sau 500 năm, người học phân biệt pháp tướng mỗi mỗi khác nhau: Lìa thức nói sắc, lìa sắc nói thức. Muốn phá các chấp kiến đó, để khiến họ nhập vào lý rốt ráo không, nên tuy trong thức không có năm nhập mà nói thức tức là sáu nhập, trong sáu nhập tuy không đủ năm uẩn mà nói sáu nhập tức là năm uẩn.

* Lại nữa, đời trước chỉ có tâm trụ nơi sáu nhập, khởi các thứ ức tướng phân biệt nên sinh ra sáu nhập đời nay. Thân năm uẩn theo thân đời nay khởi ra các kiết sử tạo sáu nhập năm uẩn đời sau. Cứ triển chuyển như vậy, cho nên nói thức tức là sáu nhập, sáu nhập tức là năm uẩn. Pháp ấy trong nội không không thể có được, cho đến trong vô pháp hữu pháp không không thể có được.

KINH: Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát mới phát tâm Đại thừa, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật, sẽ không kinh, hãi, sợ ư?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát mới phát tâm Đại thừa mà đối với Bát-nhã ba-la-mật không có phương tiện thiện xảo cũng không gặp thiện tri thức, thời Bồ-tát ấy hoặc kinh, hoặc hãi, hoặc sợ.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là phương tiện thiện xảo, mà Bồ-tát tập hành phương tiện ấy thì không kinh, không hãi, không sợ?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Có Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, quán sắc tướng vô thường cũng không thể có được; quán thọ, tưởng, hành, thức tướng vô thường cũng không thể có được. Tu-bồ-đề! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật có phương tiện thiện xảo.

* Lại nữa, Bồ-tát ma-ha-tát tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, quán sắc tướng khổ cũng không thể có được; quán thọ, tưởng, hành, thức tướng khổ cũng như vậy. Tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, quán sắc tướng vô ngã cũng không thể có được; quán thọ, tưởng, hành, thức tướng vô ngã cũng như vậy.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, quán sắc tướng không cũng không thể có được; quán thọ, tưởng, hành, thức tướng không cũng như vậy. Quán sắc tướng vô tướng cũng không thể có được; quán thọ, tưởng, hành, thức tướng vô tướng cũng như vậy. Quán sắc tướng tịch diệt cũng không thể có được; quán thọ, tưởng, hành, thức tướng tịch diệt cũng như vậy. Quán sắc tướng lìa cũng không thể có được, cho đến quán thức tướng tịch diệt cũng như vậy. Quán sắc tướng lìa cũng như vậy; ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật có phương tiện thiện xảo.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật quán sắc tướng vô thường cũng không thể có được; quán sắc tướng khổ, tướng vô ngã, tướng không, tướng vô tướng, tướng vô tác, tướng tịch diệt, tướng lìa cũng không thể có được; quán thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Lúc ấy Bồ-tát ma-ha-tát nghĩ rằng: Ta sẽ vì hết thấy chúng sinh mà nói pháp vô

thường cũng không thể có được; sẽ vì hết thấy chúng sinh mà nói tướng khổ, tướng vô ngã, tướng không, tướng vô tướng, tướng vô tác, tướng tịch diệt, tướng lìa cũng không thể có được; ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát Bồ thí ba-la-mật.

* Lại nữa, Bồ-tát ma-ha-tát không đem tâm Thanh-văn, Bích-chi Phật quán sắc vô thường cũng không thể có được; không đem tâm Thanh-văn, Bích-chi Phật quán thức vô thường cũng không thể có được; không đem tâm Thanh-văn, Bích-chi Phật quán sắc khổ, vô ngã, không, vô tướng, vô tác, tịch diệt, lìa cũng không thể có được; quán thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy; ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát tịnh Giới ba-la-mật.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật, nghe nói các pháp tướng vô thường cho đến tướng lìa mà tâm an nhẫn, muôn, vui; ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát Nhẫn nhục ba-la-mật.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, quán sắc tướng vô thường cũng không thể có được, cho đến tướng lìa cũng không thể có được. Quán thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng không bỏ không ngừng; ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát Tinh tấn ba-la-mật.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật, không khởi ý Thanh-văn, Bích-chi Phật và các tâm bất thiện; ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát Thiền ba-la-mật.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật, tư duy như vậy: Không vì không sắc nên sắc không, sắc tức là không, không tức là sắc; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Không vì không nhãn nên nhãn không, nhãn tức là không, không tức là nhãn, cho đến ý xúc làm nhân duyên sinh thọ, không vì không thọ nên thọ không, thọ tức là không, không tức là thọ.

Không vì không bốn niệm xứ nên bốn niệm xứ không, bốn niệm xứ tức là không, không tức là bốn niệm xứ; cho đến không vì không mười tám pháp không chung nên mười tám pháp không chung không, mười tám pháp không chung tức là không, không tức là mười tám pháp không chung. Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật không kinh, không hải, không sợ.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát ma-ha-tát được thiện tri thức thủ hộ nên nghe nói Bát-nhã ba-la-mật mà không kinh, không hải, không sợ?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Thiện tri thức của Bồ-tát ma-ha-tát là người nói sắc vô thường cũng không thể có được, nắm giữ căn lành ấy, không xu hướng đạo Thanh-văn, Bích-chi Phật, chỉ xu hướng Nhất thiết trí; ấy gọi là thiện tri thức của Bồ-tát ma-ha-tát. Người nói thọ, tưởng, hành, thức vô thường cũng không thể có được; nắm giữ căn lành ấy, không xu hướng đạo Thanh-văn, Bích-chi Phật, chỉ xu hướng Nhất thiết trí; ấy gọi là thiện tri thức của Bồ-tát ma-ha-tát.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát còn có thiện tri thức, nói sắc khổ cũng không thể có được; nói thọ, tưởng, hành, thức khổ cũng không thể có được; nói sắc vô ngã cũng không thể có được; nói thọ, tưởng, hành, thức vô ngã cũng không thể có được; nói sắc không, vô tướng, vô tác, tịch diệt, lìa cũng không thể có được; nói thọ, tưởng, hành, thức không, vô tướng, vô tác, tịch diệt, lìa, cũng không thể có được. Nắm giữ căn lành ấy, không xu hướng đạo Thanh-văn, Bích-chi Phật, chỉ xu hướng Nhất thiết trí. Tu-bồ-đề! Ấy gọi là thiện tri thức của Bồ-tát ma-ha-tát.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát còn có thiện tri thức nói mắt vô thường, cho đến mắt lìa cũng không thể có được; cho đến ý xúc làm nhân duyên sinh thọ, nói là vô thường cho đến lìa, cũng

không thể có được. Năm giữ căn lành ấy, không xu hướng đạo Thanh-văn, Bích-chi Phật, chỉ xu hướng Nhất thiết trí; ấy gọi là thiện tri thức của Bồ-tát ma-ha-tát.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát còn có thiện tri thức nói tu bốn niệm xứ cho đến tu bốn niệm xứ lia, cũng không thể có được. Năm giữ căn lành ấy, không xu hướng đạo Thanh-văn, Bích-chi Phật, chỉ xu hướng Nhất thiết trí. Tu-bồ-đề! Ấy gọi là thiện tri thức của Bồ-tát ma-ha-tát, cho đến thiện tri thức nói tu mười tám pháp không chung, tu Nhất thiết trí cũng không thể có được. Năm giữ căn lành ấy, không xu hướng đạo Thanh-văn, Bích-chi Phật chỉ xu hướng Nhất thiết trí; ấy gọi là thiện tri thức của Bồ-tát ma-ha-tát.

LUẬN. *Hỏi:* Có sao Tu-bồ-đề sinh nghi hỏi Phật rằng: Bồ-tát mới phát tâm nghe nói Bát-nhã ba-la-mật, sẽ không kinh, hãi, sợ?

Đáp: Nghe nói không có Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật, nhưng thân năm uẩn không, cũng không thể tu hành Bát-nhã ba-la-mật, nên sinh nghi: Ai sẽ tu hành Bát-nhã? Thế nên hỏi Phật.

Phật dạy: Nếu Bồ-tát không đầy đủ nhân duyên trong ngoài, sẽ có sợ hãi. Nhân duyên trong là không có chánh ức niệm, không có trí tuệ lanh lợi, đối với chúng sinh không có bi tâm sâu xa, bên trong không có phương tiện như vậy. Nhân duyên ngoài là không sinh ở trung tâm quốc độ, không được nghe Bát-nhã ba-la-mật, không gặp thiện tri thức dứt nghi cho, không có nhân duyên ngoài như vậy. Nhân duyên trong ngoài không hòa hợp nên sinh kinh, hãi, sợ. Nay Tu-bồ-đề hỏi phương tiện ấy, Phật đáp: Tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng quán các pháp cũng không thủ đắc các pháp.

Hỏi: Phương tiện có khi quán sắc có các tướng vô thường v.v... nên không sợ hãi, sao nay chỉ nói tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng quán các pháp nên không sợ hãi?

Đáp: Bồ-tát từ trước lại đây chỉ quán các pháp không, tâm thô nên sinh đấm trước. Nay phân biệt quán, như ý Phật, đối với chúng sinh khởi tâm đại bi, không đấm trước hết thấy pháp, đối với trí tuệ không có gì được, chỉ muốn độ chúng sinh, dùng vô thường, không, v.v... các thứ quán các pháp, cũng không thủ đắc pháp ấy. Quán các pháp như vậy rồi, suy nghĩ rằng: Ta dùng pháp ấy độ chúng sinh, khiến xa lìa điên đảo. Vì vậy nên tâm không đấm trước, không thấy có một pháp nhất định; ví như thầy thuốc hòa hợp các thứ thuốc, người mắc bệnh lạnh thì cho thuốc nóng, đối với bệnh nóng là chẳng phải thuốc; trong hai sự bố thí, pháp thí là lớn, ấy gọi là Thí ba-la-mật. Năm Ba-la-mật kia cũng như vậy, tùy theo nghĩa mà phân biệt.

* Lại nữa, phương tiện của Bồ-tát là: Chẳng phải vì mười tám không, nên khiến sắc không, vì có sao? Vì không lấy tướng không cưỡng ép làm cho không. Sắc tức là không, sắc ấy từ xưa đến nay thường tự không, vì sắc tướng không, nên không tức là sắc; cho đến các Phật pháp cũng như vậy.

Thiện tri thức là người dạy người khiến đem trí tuệ ấy hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát trước đó biết các quán vô thường, không v.v... nay chỉ nói hồi hướng, là khác.

KINH: Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Có sao Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật không có phương tiện thiện xảo, theo ác tri thức nên nghe nói Bát-nhã ba-la-mật thì kinh, hãi, sợ?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát ma-ha-tát lìa tâm Nhất thiết trí, tu Bát-nhã ba-la-mật, được Bát-nhã ba-la-mật ấy, nhớ nghĩ Ba-la-mật ấy, đối với sự tu hành Thiền ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tịnh giới ba-la-mật, Bố thí ba-la-mật, đều nhớ nghĩ.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát vì lìa tâm Tát-bà-nhã, mà quán sắc nội không, cho đến vô pháp hữu pháp không; quán thọ, tưởng, hành, thức nội không cho đến vô pháp hữu pháp không;

quán nhãn nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, cho đến quán ý xúc làm nhân duyên sinh thọ, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, đối với các Không có chỗ nhớ, có chỗ được.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật, vì lia tâm Tát-bà-nhã mà tu bốn niệm xứ, cũng nhớ, cũng được. Cho đến tu mười tám pháp không chung, cũng nhớ cũng được. Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật vì không có phương tiện thiện xảo, nên nghe nói Bát-nhã ba-la-mật ấy thì kinh, hãi, sợ.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Có sao Bồ-tát ma-ha-tát theo ác tri thức nghe nói Bát-nhã ba-la-mật thì kinh, hãi, sợ?

Phật bảo Tu-bồ-đề! Ác tri thức của Bồ-tát ma-ha-tát dạy xa lia Bát-nhã ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tịnh giới ba-la-mật, Bồ thí ba-la-mật. Tu-bồ-đề! Ấy là ác tri thức của Bồ-tát ma-ha-tát.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát còn có ác tri thức không nói việc ma, không nói tội của ma, không nói rằng ma hiện làm hình tượng Phật đi đến dạy Bồ-tát xa lia sáu Ba-la-mật, mà nói với Bồ-tát rằng: Thiện nam tử tu Bát-nhã ba-la-mật làm chi! Tu Thiền ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tịnh giới ba-la-mật, Bồ thí ba-la-mật làm chi! Nên biết, đó là ác tri thức của Bồ-tát ma-ha-tát.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ác ma còn hiện làm hình tượng Phật đi đến chỗ Bồ-tát nói kinh Thanh-văn, hoặc Khế kinh (Sutra - Tu-đa-la, Tu-đổ-lô) cho đến Luận nghị (Uu-ba-đề-xá). Dạy bảo phân biệt diễn nói Kinh như vậy, không nói việc ma, tội ma, nên biết đó là ác tri thức của Bồ-tát ma-ha-tát.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ác ma hiện làm hình tượng Phật đi đến chỗ Bồ-tát nói rằng: Thiện nam tử! Ông không có tâm Bồ-

tát chơn thật, cũng chẳng phải địa vị bất thối chuyển, ông cũng không thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Không nói cho biết việc ma, tội ma như vậy, nên biết đó là ác tri thức của Bồ-tát ma-ha-tát.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ác ma hiện làm hình tượng Phật đi đến chỗ Bồ-tát, nói với Bồ-tát rằng: Thiện nam tử! Sắc không, vô ngã, vô ngã sở; thọ, tưởng, hành, thức không, vô ngã, vô ngã sở, nhãn không, vô ngã, vô ngã sở; cho đến ý xúc làm nhân duyên sinh thọ không, vô ngã, vô ngã sở, Bồ thí ba-la-mật không, cho đến Bát-nhã ba-la-mật không, bốn niệm xứ không, cho đến mười tám pháp không chung không, thì ông dùng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác làm chi! Việc ma, tội ma như vậy lại không nói không dạy, nên biết đó là ác tri thức của Bồ-tát ma-ha-tát.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ác ma hiện làm thân Bích-chi Phật đi đến chỗ Bồ-tát nói với Bồ-tát rằng: Thiện nam tử! Mười phương đều không, trong đó không có Phật, không có Bồ-tát, không có Thanh-văn. Việc ma, tội ma như vậy lại không nói không dạy, nên biết đó là ác tri thức của Bồ-tát ma-ha-tát.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ác ma hiện làm thân Hòa thượng, A-xà-lê, đi đến chỗ Bồ-tát dạy xa lìa đạo Bồ-tát, dạy xa lìa Trí nhất thiết chủng, xa lìa bốn niệm xứ cho đến tám Thánh đạo phần, dạy xa lìa Bồ thí ba-la-mật cho đến dạy xa lìa mười tám pháp không chung, dạy tu vào không, vô tướng, vô tác, nói rằng: Thiện nam tử! Ông tu niệm các pháp ấy sẽ chứng được Thanh-văn chứ dùng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác làm chi! Việc ma, tội ma như vậy lại không nói không dạy, nên biết đó là ác tri thức của Bồ-tát ma-ha-tát.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ác ma hiện làm hình tượng cha mẹ đi đến chỗ Bồ-tát, nói với Bồ-tát rằng: Này con, con nên vì chúng quả Tu-đà-hoàn mà siêng tinh tấn, cho đến nên vì chúng quả

A-la-hán mà siêng tinh tấn, chứ dùng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác làm chi! Mà cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, để phải chịu sống chết vô số kiếp, cắt tay cắt chân, chịu đủ các thống khổ! Việc ma, tội ma như vậy lại không nói không dạy, nên biết đó là ác tri thức của Bồ-tát ma-ha-tát.

*** Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ác ma hiện làm hình tượng Tỳ-kheo đi đến chỗ Bồ-tát, nói với Bồ-tát rằng: Con mắt vô thường là pháp có thật, cho đến ý vô thường là pháp có thật; con mắt khổ, con mắt vô ngã, con mắt không, vô tướng, vô tác, tịch diệt, lìa là pháp có thể nói; cho đến ý cũng như vậy. Dùng pháp có sở đắc để nói bốn niệm xứ, cho đến dùng pháp có sở đắc để nói mười tám pháp không chung của Phật. Tu-bồ-đề! Việc ma, tội ma như vậy, lại không dạy không nói, nên biết đó là ác tri thức của Bồ-tát ma-ha-tát, biết rồi nên xa lánh.**

LUẬN: Trước lược nói không có phương tiện, nay nói rộng không có phương tiện. Nghĩa là lìa tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, tu hành Bát-nhã, được định tướng Bát-nhã ba-la-mật ấy, cho đến các Phật pháp cũng như vậy. Vì tự mình không có phương tiện lại được ác tri thức dạy vậy.

* Lại nữa, ác tri thức làm mất lợi ích lớn, đủ thứ phá hoại người, là nhân duyên của đại ác. Phật còn dùng nhiều nhân duyên nói rõ tướng ác tri thức.

Ác tri thức là dạy người xa lìa sáu Ba-la-mật, hoặc dạy xa lìa, không tin quả báo tội phước; hoặc vì chấp trước Bát-nhã ba-la-mật nói rằng các pháp rốt ráo không, người làm sao tu? Hoặc tán thán Tiểu thừa, nói rằng người chỉ tự lo thoát khỏi khổ già bệnh chết, chứ chúng sinh can dự chi việc người! Có các nhân duyên như vậy dạy người xa lìa; ấy gọi là ác tri thức.

* Lại nữa, ác tri thức là không dạy cho đệ tử biết ma là giặc của Phật, ma là chủ cõi Dục, có thể lực lớn, thường ghét người hành

đạo. Phật có oai lực lớn, nên ma không thể phá hoại, chỉ phá hoại được Bồ-tát nhỏ, cho đến hiện làm hình tượng Phật đi đến phá hoại Bồ-tát đang hành lục độ. Hoặc tán thán, khai mở, luận thuyết theo các kinh khác của Thanh-văn cần phải học. Hoặc hiện làm thân Phật đến nói với Bồ-tát rằng: Ông không thể làm Phật. Hoặc nói con mắt v.v... hết thấy các pháp không, dùng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác làm chi! Hoặc hiện làm thân Bích-chi Phật, hoặc nói nhân không của ba thừa trong mười phương thế giới, người cầu Phật đạo, chỉ có tên suông, ông tại sao muốn làm Phật! Hoặc dạy khiến xa lìa ba mươi bảy phẩm đạo của Bồ-tát, khiến vào trong ba môn giải thoát của Thanh-văn, ông vào ba môn ấy thật tế chứng ngộ dứt hết các khổ, ông siêng tinh tấn để chứng được bốn quả, chứ dùng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác làm chi! Hoặc hiện làm Hòa thượng, A-xà-lê, cha mẹ đi đến dạy khiến xa lìa Phật đạo, phải luống chịu cắt tay, chân, tai, mũi đem cho mới cầu được, nếu không cho thì phá hỏng ý nguyện cầu Phật đạo, nếu cho thì chịu đau khổ. Hoặc có khi hiện làm A-la-hán, Tỳ-kheo mặc áo rách đi đến nói con mắt là không, vô thường, khổ; không, vô tướng, vô tác, tịch diệt, lìa cho đến các Phật pháp cũng như vậy. Chỉ nói theo lối có sở đắc thủ tướng, ức tướng phân biệt. Vô lượng các việc ma như vậy, không dạy cho biết, ấy gọi là ác tri thức.

Xa lánh là vì ác tri thức không có lợi ích, như giặc nói lời dịu ngọt, đến thân cận mà hại người. Ác tri thức còn quá hơn thế, vì sao? Vì giặc chỉ làm hại thân trong một đời, còn ác tri thức thì đời đời hại người; giặc chỉ có thể hại mạng cướp của, còn ác tri thức thì hại tuệ mạng căn, cướp vô lượng báu Phật pháp, biết rồi, phải gấp rút cả thân tâm đều xa lánh.

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

GIẢI THÍCH: PHẨM CÚ NGHĨA THỨ 12

(*Kinh Đại Bát-Nhã ghi: Phẩm Thí Dụ*)

KINH: Bấy giờ Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là cú nghĩa Bồ-tát?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Không có cú nghĩa là cú nghĩa Bồ-tát, vì sao? Vì trong Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không có nghĩa xứ, cũng vô ngã, vì thế không có cú nghĩa là cú nghĩa Bồ-tát. Tu-bồ-đề! Thí như chim bay giữa hư không không có dấu chân, cú nghĩa Bồ-tát thật không có cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Thí như việc thấy ở trong mộng không có nơi chốn, cú nghĩa Bồ-tát thật không có cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Thí như huyễn không có nghĩa thật, như sóng nằng, như tiếng vang, như bóng, như Phật biến hóa (*Kinh Đại Bát-nhã ghi: Phật sắc, thọ, tướng, hành, thức; Phật sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp v.v... ND*), không có thật nghĩa, cú nghĩa Bồ-tát không có cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Thí như như, pháp tánh, pháp tướng, pháp vị, thật tế, không có thật nghĩa, cú nghĩa Bồ-tát không có cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Thí như sắc người huyễn không có thật nghĩa; thọ, tướng, hành, thức người huyễn không có thật nghĩa. Bồ-tát

ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật, cú nghĩa Bồ-tát thật không có cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Thí như con mắt người huyễn không có thật nghĩa, cho đến ý không có thật nghĩa.

Tu-bồ-đề! Như sắc người huyễn không có thật nghĩa cho đến pháp không có nghĩa; nhãn xúc cho đến ý xúc làm nhân duyên sinh thọ không có thật nghĩa. Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật, cú nghĩa Bồ-tát thật không có cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Như người huyễn khi tu hành nội không không có thật nghĩa, cho đến tu hành vô pháp hữu pháp không không có thật nghĩa. Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật, cú nghĩa Bồ-tát không có cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Như người huyễn tu bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung không có thật nghĩa. Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật, cú nghĩa Bồ-tát thật không có cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Như sắc của Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri không có thật nghĩa, vì sắc ấy không có. Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật, cú nghĩa Bồ-tát không có cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Như thọ, tưởng, hành, thức của Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri không có thật nghĩa, vì thức ấy không có. Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật, cú nghĩa Bồ-tát không có cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Như mắt Phật không có nơi chốn, cho đến ý không có nơi chốn; sắc cho đến pháp không có nơi chốn; nhãn xúc cho đến ý xúc làm nhân duyên sinh thọ không có nơi chốn. Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật, cú nghĩa Bồ-tát không có cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Như Phật nội không không có nơi chốn, cho đến vô pháp hữu pháp không không có nơi chốn. Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật, cú nghĩa Bồ-tát không có cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Như bốn niệm xứ của Phật không có nơi chốn, cho đến mười tám pháp không chung không có nơi chốn. Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật, cú nghĩa Bồ-tát không có cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Như trong hữu vi tánh không có nghĩa vô vi tánh, trong vô vi tánh không có nghĩa hữu vi tánh. Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật, cú nghĩa Bồ-tát không có cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Như nghĩa bất sinh bất diệt không có nơi chốn. Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật, cú nghĩa Bồ-tát không có cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Như chẳng làm, chẳng ra, chẳng được, chẳng như, chẳng sạch nên không có nơi chốn. Cú nghĩa Bồ-tát không có cũng như vậy.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Pháp gì chẳng sinh chẳng diệt nên không có nơi chốn? Pháp gì chẳng làm, chẳng ra, chẳng được, chẳng như, chẳng sạch nên không có nơi chốn?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Sắc chẳng sinh chẳng diệt nên không có nơi chốn; thọ, tưởng, hành, thức chẳng sinh chẳng diệt nên không có nơi chốn, cho đến chẳng như, chẳng sạch cũng như vậy.

Mười hai nhập, mười tám giới chẳng sinh chẳng diệt nên không có nơi chốn, cho đến chẳng như, chẳng sạch cũng như vậy.

Bốn niệm xứ chẳng sinh chẳng diệt nên không có nơi chốn, cho đến chẳng như chẳng sạch cũng như vậy; mười tám pháp

không chung chẳng sinh chẳng diệt nên không có nơi chốn, cho đến chẳng như chẳng sạch cũng như vậy. Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật, cú nghĩa Bồ-tát không có cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Như tịnh nghĩa bốn niệm xứ rốt ráo không thể có được. Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật, cú nghĩa Bồ-tát không có cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Như tịnh nghĩa bốn Chánh cần cho đến mười tám pháp không chung rốt ráo không thể có được. Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật, cú nghĩa Bồ-tát không có cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Như trong tướng tịnh tướng ngã không thể có được, vì tướng ngã không có; cho đến trong tướng tịnh, tướng kẻ biết, kẻ thấy không thể có được, vì tướng biết thấy không có. Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật, cú nghĩa Bồ-tát không có cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Thí như khi mặt trời xuất hiện, không có bóng tối; Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật, cú nghĩa Bồ-tát không có cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Thí như lúc kiếp tận lửa đốt, không còn vật gì. Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật, cú nghĩa Bồ-tát không có cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Trong tịnh giới uẩn của Phật không có phá giới. Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật, cú nghĩa Bồ-tát không có cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Như trong định uẩn của Phật không có tâm tán loạn, trong tuệ uẩn của Phật không có tâm ngu si, trong giải thoát uẩn của Phật không có không giải thoát, trong giải thoát tri kiến uẩn của Phật không có không giải thoát tri kiến. Tu-bồ-đề! Bồ-tát

ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật, cú nghĩa Bồ-tát không có cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Thí như trong ánh sáng Phật, ánh sáng mặt trời mặt trăng không hiện, trong ánh sáng Phật ánh sáng của trời Tứ thiên vương, trời Ba mươi ba, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại, trời Phạm chúng cho đến trời A-ca-nị-tra không hiện. Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật, cú nghĩa Bồ-tát không có cũng như vậy, vì có sao? Vì hết thấy pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Bồ-tát, nghĩa Bồ-tát, đều chẳng hợp, chẳng tán, không sắc không hình, không đối ngại, nghĩa là nhất tướng vô tướng.

Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát đối với hết thấy pháp cần nên học, nên biết.

LUẬN. *Hỏi:* Từ trước lại đây Phật với Tu-bồ-đề, dùng đủ thứ nhân duyên phá danh tự Bồ-tát, sao nay còn hỏi cú nghĩa Bồ-tát?

Đáp: Tu-bồ-đề phá danh tự Bồ-tát, Phật không phá; nói danh tự Bồ-tát từ trước lại đây rốt ráo không, chỉ từ trong số năm uẩn giả danh là Bồ-tát. Song chúng sinh cho giả danh là thật, nên Phật nói giả danh không thật, chỉ từ các pháp số hòa hợp làm tên gọi.

* Lại nữa, Phật pháp vô lượng vô biên, không thể nghĩ bàn. Tu-bồ-đề nhân danh tự Bồ-tát không mà nói tướng Bát-nhã ba-la-mật, nay muốn nghe Phật giảng tự nghĩa Bồ-tát, nhân đó mà nói Bát-nhã ba-la-mật.

* Lại nữa, nhân duyên nên hỏi có vô lượng vô biên, nghĩa là âm thanh của Phật có sáu mươi thứ trang nghiêm, có thể khiến chư thiên chuyên nghe hưởng gì người. Chỉ có âm thanh đủ khiến người ưa nghe hưởng gì nói đến nghĩa lợi ích lớn!

Tu-bồ-đề theo Phật nghe việc ấy, đối với người chưa phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên khiến họ phát tâm; người đã

phát tâm mà chưa thực hành sáu Ba-la-mật, thì khiến họ thực hành; người thực hành mà không thanh tịnh thì khiến họ thanh tịnh; người thực hành thanh tịnh thì khiến trú địa vị bất thối; thành tựu chúng sinh, đầy đủ Phật pháp, cho đến được một đời bồ xứ.

Do vô lượng nhân duyên lợi ích như vậy, nên Phật dùng Tu-bồ-đề làm vấn chủ, để nói với chúng sinh ở tại pháp hội trong mười phương thế giới. Phật bảo Tu-bồ-đề: Vô nghĩa là cú nghĩa Bồ-tát, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không nơi chốn, cũng không ngã không tên, ở trong đó không nơi nương tựa, tức là pháp không, không ngã danh, không người đắc đạo. Phật khai thị cho Tu-bồ-đề: Nếu ông biết không ta, không của ta, thì chúng A-la-hán. Bồ-tát cũng như vậy, đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không ta, không của ta, giống như chim bay giữa hư không, không có dấu chân. Bồ-tát nghĩa cũng như vậy, đi giữa các pháp hư không, không nơi nương tựa trú trước, vì lẽ ấy, nói không có cú nghĩa Bồ-tát.

Hỏi: Thế nào là Bồ-tát cú? Theo ngữ pháp của Thiên Trúc (Ấn Độ), các chữ hợp lại thành lời, các lời hợp lại thành cú. Như “Bồ” là một chữ, “Đề” là một chữ, hai chữ ấy không hợp lại thì không có lời, nếu hợp lại gọi là “Bồ-đề”, Trung Hoa dịch là Trí tuệ vô thượng. “Tát-đỏa” hoặc gọi là chúng sinh, hoặc gọi là đại tâm; vì trí tuệ vô thượng mà phát đại tâm, gọi là Bồ-đề Tát-đỏa. Nguyên muốn làm cho chúng sinh thành đạo Vô thượng, ấy gọi là Bồ-đề Tát-đỏa.

* Lại nữa, trong phẩm này Phật và đệ tử dùng các nhân duyên nói nghĩa Bồ-tát ma-ha-tát. Bồ-đề một lời, Tát-đỏa một lời, hai lời hợp lại nên gọi là nghĩa. Nếu nói danh tự, ngữ cú, thời đều đồng một việc, không nơi chốn. Nay Tu-bồ-đề hỏi do pháp có tướng nhất định gì gọi là cú nghĩa Bồ-tát. Thiên Trúc nói “Ba-đà”, Trung Hoa dịch là “Cú”. Cú ấy có các nghĩa, như trong thí dụ ở sau sẽ nói.

Hỏi: Chỉ cần lấy việc chim bay giữa hư không thì cũng đủ chỉ rõ cú nghĩa, có sao phải nói rộng nhiều thứ?

Đáp: Chúng sinh nghe lãnh thọ, có nhiều hạng không đồng, có người ưa nghĩa, có người ưa thí dụ. Thí dụ có thể làm cho hiểu nghĩa, nhân ví dụ mà sinh tâm ưa thích, như người sinh ra đọa chánh, lại thêm trang sức, càng làm cho rực sáng. Trong thí dụ này phần nhiều lấy nghĩa để ví dụ nghĩa, như sau đây nói: Như mộng, như bóng, như tiếng vang, như sóng nắng, như việc Phật hóa ra, các việc ấy hư dối, như trước nói. Bồ-tát nghĩa cũng như vậy, chỉ có thể tai nghe, hư dối không thật, vì thế, Bồ-tát không nên tự cao. Các câu như như, pháp tánh, pháp tướng, thật tế v.v..., không có nghĩa nhất định, như người huyền, không có năm uẩn cho đến các Phật pháp, như năm pháp uẩn của Phật (*Phật do năm pháp uẩn là giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến hợp thành - ND*) cho đến hết thấy pháp; như trong pháp hữu vi không có pháp vô vi, như trong pháp vô vi không có pháp hữu vi. Pháp vô vi chẳng sinh chẳng diệt, còn trong các pháp, không có tướng chẳng sinh chẳng diệt, cũng không có dị tướng; như ba mươi bảy đạo phẩm không có tướng thanh tịnh, vì có người đăm ba mươi bảy phẩm pháp ấy, tức là kiết sử; như ngã cho đến kẻ biết, kẻ thấy không thể có được tướng thanh tịnh.

Hỏi: Ngã cho đến kẻ biết, kẻ thấy làm sao tịnh?

Đáp: Mỗi mỗi tìm kiếm tướng ngã không thể có được, ấy gọi là ngã tịnh. Còn trong đệ nhất nghĩa không tịnh, không bất tịnh, thí như rửa thân chó chết thối, cho đến da lông, máu thịt, xương tủy đều hết, lúc ấy chẳng phải chó, chẳng phải heo, không được nói nó tịnh, không được nói nó bất tịnh. Ngã cho đến kẻ biết, kẻ thấy cũng như vậy. Lấy trí tuệ vô ngã, không, mà tìm kiếm tướng ngã không thể có được, lúc ấy chẳng phải hữu ngã, chẳng phải vô ngã. Như khi mặt trời xuất hiện không có bóng tối, lúc kiếp tận không có mọi vật; như giới uẩn trong năm pháp uẩn của Phật, việc phá giới không thể có được, như ánh sáng mặt trời, mặt trăng, tinh tú, ngọc thật chư thiên, qui thần, rồng chúa v.v... đối với ánh sáng của Phật thời không hiện

được, vì ánh sáng của Phật từ lực đại phước đức thần thông phát sinh. Cú nghĩa Bồ-tát cũng như vậy, vào trong ánh sáng trí tuệ Bát-nhã ba-la-mật, thời không hiện.

Nhân các thí dụ ấy dạy các Bồ-tát hãy siêng học hết thầy pháp, không thủ tướng, vì không sở đắc vậy.

KINH: Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, những gì là hết thầy pháp? Tại sao trong hết thầy pháp không có tướng ngăn ngại, nên học, nên biết?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Hết thầy pháp là pháp lành, pháp ký, pháp vô ký, pháp thế gian, pháp xuất thế gian, pháp hữu lậu, pháp vô lậu, pháp hữu vi, pháp vô vi, pháp chung, pháp chẳng chung. Tu-bồ-đề! Ấy gọi là hết thầy pháp. Bồ-tát ma-ha-tát đối với hết thầy pháp không có tướng ngăn ngại ấy, nên học, nên biết.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Sao gọi là pháp lành thế gian?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Pháp lành thế gian là hiếu thuận cha mẹ, cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn, kính thờ tôn trưởng, bố thí chỗ có phước, phước nghiệp bố thí, phước nghiệp trì giới, phước nghiệp tu định, phước sự khuyến đạo, phương tiện sinh phước đức, mười thiện nghiệp đạo thế gian, quán chín tướng là tướng phình trưởng, tướng máu chảy, tướng hư hoại, tướng mục nát, tướng bầm xanh, tướng bị trùng ăn, tướng tan rã, tướng xương trắng, tướng đốt cháy; bốn thiên, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc; niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm xả, niệm thiên, niệm điều lành; niệm hơi thở, niệm thân, niệm chết; đó gọi là pháp lành thế gian.

Những gì là pháp chẳng lành? Cướp mạng kẻ khác, không cho mà lấy, tà dâm, nói dối, nói hai lưỡi, nói ác, nói phi thời, tham dục, não hại, tà kiến, mười bất thiện đạo; ấy gọi là pháp chẳng lành.

Thế nào là pháp hữu ký? Hoặ pháp lành hoặ pháp chẳng lành; ấy là pháp hữu ký.

Những gì là pháp vô ký? Thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp vô ký, bốn đại vô ký; năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới vô ký, quả báo vô ký; ấy gọi là pháp vô ký.

Những gì là pháp thế gian? Pháp thế gian là năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, mười thiện đạo, bốn thiên, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, ấy gọi là pháp thế gian.

Những gì là pháp xuất thế gian? Bốn niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác phần, tám Thánh đạo, cửa không giải thoát, cửa Vô tướng giải thoát, cửa Vô tác giải thoát, ba Căn vô lậu là căn chưa biết muốn biết, căn biết, căn đã biết; ba Tam-muội là Tam-muội có giác có quán, Tam-muội không giác có quán, Tam-muội không giác không quán, hoặ minh, giải thoát, niệm, tuệ, chánh ức, tám bội xả. Những gì là tám? Đó là trong có sắc tướng ngoài quán sắc, là bội xả đầu; trong không sắc tướng ngoài quán sắc, là bội xả hai; tịnh bội xả thân tác chứng, là bội xả ba; vượt qua hết thấy tướng sắc, diệt tướng hữu đối, không niệm hết thấy dị tướng, vào vô biên hư không xứ, là bội xả bốn; vượt qua hết thấy vô biên hư không xứ, vào nhất thiết vô biên thức xứ, là bội xả năm; vượt qua hết thấy vô biên thức xứ, vào vô sở hữu xứ, là bội xả sáu; vượt qua hết thấy vô sở hữu xứ, vào phi hữu tướng phi vô tướng xứ, là bội xả bảy; vượt qua hết thấy phi hữu tướng phi vô tướng xứ, vào diệt thọ tướng định, là bội xả tám.

Định chín thứ lớp là lia dục lia pháp ác bất thiện, có giác có quán, lia dục sinh hỷ lạc, vào Sơ thiên; diệt các giác quán bên trong thanh tịnh nên nhất tâm, không giác không quán, định sinh hỷ lạc, vào Nhị thiên; lia hỷ nên hành xả, thọ thân vui, thánh nhân nói đượ xả đượ, niệm hành lạc, vào Tam thiên; dứt hỷ

lạc, trước hết diệt ưu khổ, hành xả không khổ không vui, niệm thanh tịnh, vào Tứ thiên; vượt qua hết thấy tướng sắc, diệt tướng hữu đối, không nghĩ đến hết thấy dị tướng, vào vô biên hư không xứ; vượt qua hết thấy vô biên hư không xứ, vào hết thấy vô biên thức xứ; vượt qua hết thấy vô biên thức xứ, vào vô sở hữu xứ; vượt qua hết thấy vô sở hữu xứ, vào phi hữu tướng phi vô tướng xứ; vượt qua hết thấy phi hữu tướng phi vô tướng xứ, vào diệt thọ tướng định.

Lại có pháp xuất thế gian là nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, mười lục, bốn không sợ, bốn vô ngại, mười tám pháp không chung, Nhất thiết trí của Phật, ấy gọi là pháp xuất thế gian.

Những gì là pháp hữu lậu? Đó là năm thọ uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, sáu chủng, sáu xúc, sáu thọ, bốn thiên cho đến bốn định vô sắc, ấy gọi là pháp hữu lậu.

Những gì là pháp vô lậu? Đó là bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung và Nhất thiết trí, ấy gọi là pháp vô lậu.

Những gì là pháp hữu vi? Đó là hoặc pháp sinh, trụ, diệt, cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, năm uẩn cho đến thọ do ý xúc làm nhân duyên sinh ra, bốn niệm xứ, cho đến mười tám pháp không chung, và Nhất thiết trí; ấy gọi là pháp hữu vi.

Những gì là pháp vô vi? Đó là pháp chẳng sinh, chẳng trụ, chẳng diệt, hoặc nhiễm hết, sân hết, si hết, như như, bất dị, pháp tướng, pháp tánh, pháp trụ, thật tế v.v... ấy gọi là pháp vô vi.

Những gì là pháp chung? Đó là bốn thiên, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc; như vậy gọi là pháp chung.

Những gì là pháp không chung? Đó là bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung; ấy là pháp không chung.

Bồ-tát ma-ha-tát đối với pháp tự tướng không ấy, không nên chấp trước, không lay động; Bồ-tát cũng nên biết hết thấy pháp không hai tướng, không lay động; ấy gọi là nghĩa Bồ-tát.

LUẬN. *Hỏi:* Có sao Tu-bồ-đề trước hỏi pháp lành thế gian, sau hỏi pháp xuất thế gian?

Đáp: Trước hỏi thô, sau hỏi tế. Trước biết tướng thế gian, sau mới có thể biết tướng xuất thế gian.

Pháp lành thế gian là biết có quả báo tội phước, có đời nay đời sau, có thế gian, có Niết-bàn. Có các thánh hiền, Phật v.v... đời nay đời sau, và chứng thật tướng các pháp; hiểu thuận cha mẹ cho đến mười niệm và đúng như pháp có được tài vật cúng dường cung cấp Sa-môn, Bà-la-môn. Sa-môn là người xuất gia cầu đạo. Bà-la-môn là người học vấn tại gia.

Hai hạng người này ở thế gian làm được việc khó làm, lợi ích chúng sinh, đáng nên cúng dường.

Tôn trọng là đối với chú bác, chị, anh, cung kính cúng dường, đó là cách tu ở nhà. Bồ thí, trì giới, tu định, khuyến đạo, như ở phẩm đầu đã nói.

Phương tiện sinh phước đức là như sám hối, tùy hỷ, thỉnh Phật trụ lâu ở đời không Niết-bàn, Chuyên pháp luân, như tuy tu hành Không, không chấp trước Không, trở lại tu hành các pháp lành. Do các phương tiện như vậy sinh các phước đức.

Mười thiện đạo cho đến bốn định vô sắc, như trước đã nói.

Trong mười niệm, tám việc như trước đã nói.

Niệm điều lành là tư duy nhân duyên nghiệp lành, chế phục tâm mình. Lại nữa, Niết-bàn là pháp chơn thiện, thường buộc tâm niệm tưởng Niết-bàn, ấy là niệm thiện.

Thân niệm tức là thân niệm xứ. Trái với pháp lành gọi là pháp bất thiện.

Pháp vô ký là tâm oai nghi, tâm công xảo, tâm biến hóa và là khởi thân nghiệp, khẩu nghiệp; trừ năm uẩn thiện và bất thiện, ngoài ra năm uẩn khác và hư không vô vi, phi trạch diệt vô vi v.v...

Pháp thế gian là năm uẩn hoặc thiện, hoặc bất thiện, hoặc vô ký; mười hai nhập, tám vô ký có bốn mươi ba loại, mười tám giới, tám vô ký có mười ba loại. Mười thiện đạo, bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, ấy là pháp lành, người phàm phu có thể thành được.

Lại, tự không thể ra khỏi thế gian nên gọi là pháp thế gian.

Pháp xuất thế gian là ba mươi bảy đạo phẩm, ba môn giải thoát, ba căn vô lậu, ba Tam-muội, như trước nói.

Minh là ba minh, **giải thoát** là hữu vi giải thoát, vô vi giải thoát.

Niệm là mười niệm.

Tuệ là mười một trí tuệ.

Chánh ức là quán theo thật tướng các pháp, như quán theo thân pháp, gốc của hết thảy pháp lành.

* Lại nữa, tám bội xả, chín định thứ lớp, mười tám không, mười lục, bốn vô sở úy, mười tám pháp không chung, như đã nói rộng ở trước.

Bốn niệm xứ v.v... ấy, nhất tâm vì đạo vậy.

Lại, tám bội xả, chín định thứ lớp v.v... phàm phu không thể chứng được, nên gọi nó là pháp xuất thế gian.

Niệm, tuệ, chánh ức tuy có hai thứ là thế gian và xuất thế gian, trong đây chỉ nói về xuất thế gian.

Pháp hữu lậu là năm uẩn, bốn thiền, bốn định vô sắc.

Pháp vô lậu là pháp chẳng phải thế gian, đó là bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung.

Pháp hữu vi lược nói có ba tướng là sinh, trụ, diệt, ràng buộc ba cõi và bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung. Tuy là pháp vô vi, song vì pháp có tạo tác, ấy là pháp hữu vi. Trái với tướng hữu vi gọi là pháp vô vi.

* Lại nữa, diệt các phiền não ba độc v.v... năm uẩn không còn thứ lớp nối nhau; như như, pháp tướng, pháp tánh, pháp trụ, thật tế v.v... ấy gọi là pháp vô vi.

Hỏi: Sắc như như, sắc không lia như như, như như không lia sắc, sắc là hữu vi, làm sao như như là vô vi được?

Đáp: Sắc có hai thứ: 1. Sắc do mắt thịt kẻ phàm phu ức tưởng phân biệt. 2. Sắc thật tướng do tâm thánh nhân biết được, như Niết-bàn. Sắc của phàm phu biết gọi là sắc, sắc ấy vào trong như như lại chẳng sinh chẳng diệt. Như pháp hữu vi tuy là năm uẩn mà có các danh tự là mười hai nhập, mười tám giới, nhân duyên v.v... Pháp vô vi tuy có ba thứ cũng phân biệt nhiều danh tự là như như, pháp tướng, pháp tánh, pháp trụ, thật tế v.v...

Pháp chung là chỗ sinh, chỗ vào định của phàm phu và thánh nhân, vì chung nên gọi là pháp chung.

Pháp chẳng chung là bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung. Bề-tát phân biệt biết mỗi mỗi tướng của các pháp, pháp ấy theo nhân duyên hòa hợp sinh, nên không có tự tánh, vì không có tự tánh nên tánh không. Bề-tát trú trong pháp vô chướng ngại ấy không lay động, vì dùng pháp môn bất nhị nhập mà vào hết thấy pháp không lay động vậy.

(HẾT CUỐN 44 THEO BẢN HÁN)

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

GIẢI THÍCH: PHẨM MA-HA-TÁT THỨ 13

(Kinh Ma-ha Bát-nhã ghi: Phẩm Kim Cang)

KINH: Bấy giờ Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào gọi là Ma-ha-tát?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát đối với chúng tât định làm thượng thủ, nên gọi là Ma-ha-tát.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Những gì là chúng tât định mà Bồ-tát làm thượng thủ?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Chúng tât định là Tánh địa nhân, Bát nhân, Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi Phật, Bồ-tát mới phát tâm, cho đến Bồ-tát ở địa vị bất thối. Tu-bồ-đề! Ấy là chúng tât định mà Bồ-tát làm thượng thủ. Bồ-tát ma-ha-tát đối với chúng ấy sinh tâm lớn, không thể hoại như Kim cang sẽ làm thượng thủ cho chúng tât định.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Thế nào là Bồ-tát ma-ha-tát sinh tâm lớn không thể hoại như Kim cang?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát ma-ha-tát nên sinh tâm như vậy: Ta sẽ trang nghiêm lớn ở trong vô lượng sinh tử; ta phải nên bỏ hết thấy sở hữu; ta phải nên giữ tâm bình đẳng đối với hết thấy chúng sinh; ta phải nên lấy ba thừa độ thoát hết thấy

chúng sinh, khiến vào Vô dư Niết-bàn; ta độ hết thấy chúng sinh rồi, mà không có cho đến chỉ một người vào Niết-bàn; ta phải nên hiểu tướng chẳng sinh của hết thấy các pháp; ta phải nên lấy tâm thuần Tát-bà-nhã tu hành sáu Ba-la-mật; ta phải nên học trí tuệ, liễu đạt hết thấy pháp; ta phải nên liễu đạt môn nhất tướng trí của các pháp; ta phải nên liễu đạt cho đến môn vô lượng tướng trí. Tu-bồ-đề! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát sinh tâm lớn, không thể phá hoại như Kim cang. Bồ-tát ma-ha-tát ở tâm ấy mà làm thượng thủ đối với chúng tất định, vì pháp ấy dùng vô sở đắc vậy.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát, nên sinh tâm như vậy: Ta sẽ thay hết thấy chúng sinh mười phương, hoặc chúng sinh địa ngục, hoặc chúng sinh súc sinh, hoặc chúng sinh ngạ quỷ mà chịu thống khổ; vì mỗi mỗi chúng sinh trải trong vô lượng trăm ngàn ức kiếp thay thế chịu khổ địa ngục cho đến khi chúng sinh ấy vào Vô-dư Niết-bàn. Do pháp ấy, vì chúng sinh mà chịu mọi cần khổ. Chúng sinh ấy vào Vô dư Niết-bàn rồi vậy sau tự trông căn lành, trải qua vô lượng trăm ngàn ức vô số kiếp, sẽ chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu-bồ-đề! Ấy là Bồ-tát ma-ha-tát tâm lớn không thể hoại như Kim cang, trú trong tâm ấy vì chúng tất định làm thượng thủ.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát sinh tâm khoái thích lớn, trú trong tâm khoái thích ấy mà vì chúng tất định làm thượng thủ.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là tâm khoái thích lớn của Bồ-tát ma-ha-tát?

Phật dạy: Bồ-tát ma-ha-tát từ khi mới phát tâm, cho đến khi chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không sinh tâm ô nhiễm, tâm sân nhuế, tâm ngu si, tâm não hại, tâm Thanh-văn, tâm

Bích-chi Phật, ấy gọi là tâm khoái thích lớn của Bồ-tát ma-ha-tát; trú trong tâm ấy mà vì chúng tất định làm thượng thủ, cũng không nghĩ có tâm ấy.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát sinh tâm bất động.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Sao gọi là tâm bất động?

Phật dạy: Thường niệm tâm trí nhiệt thiết chủng, cũng không nghĩ rằng có tâm ấy, ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát tâm bất động.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát, đối với hết thấy chúng sinh, nên sinh tâm lợi ích an vui. Sao gọi là tâm lợi ích an vui? Là cứu vớt hết thấy chúng sinh, không bỏ hết thấy chúng sinh, làm việc ấy cũng không nghĩ có tâm ấy. Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát sinh tâm lợi ích an vui đối với hết thấy chúng sinh.

Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát, tu hành Bát-nhã ba-la-mật, làm bậc thượng thủ tối thắng giữa chúng tất định.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát nên tu hành tâm muôn pháp, mừng pháp, vui pháp. Thế nào là pháp? Đó là không phá thật tướng các pháp, ấy gọi là pháp.

Thế nào gọi là muôn pháp, mừng pháp? Là tin pháp, nhẫn chịu pháp, lãnh thọ pháp; ấy gọi là muôn pháp, mừng pháp.

Thế nào là vui pháp? Là thường tu hành pháp ấy, ấy gọi là vui pháp.

Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật, có thể làm bậc thượng thủ đối với chúng tất định, vì pháp ấy dùng vô sở đắc vậy.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật, trú ở nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, có

thể làm bậc thượng thủ của chúng tất định, vì pháp ấy dùng vô sở đắc vậy.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật, trú ở bốn niệm xứ cho đến trú ở mười tám pháp không chung, có thể làm bậc thượng thủ của chúng tất định, vì pháp ấy dùng vô sở đắc vậy.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật, trú ở trong Tam-muội như Kim cang, cho đến trú ở trong Tam-muội liễm hu không không nhiễm, có thể làm bậc thượng thủ của chúng tất định, vì pháp ấy dùng vô sở đắc vậy.

Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát trú ở trong các pháp ấy, có thể làm bậc thượng thủ của chúng tất định, vì nhân duyên ấy nên gọi là Ma-ha-tát.

LUẬN: Tu-bồ-đề đã theo Phật nghe nghĩa Bồ-tát, nay hỏi nghĩa Ma-ha-tát.

“Ma-ha”, Trung Hoa dịch là “lớn”; “Tát-đỏa” Trung Hoa dịch là “tâm” hoặc “chúng sinh”. Chúng sinh này tối thượng đệ nhất giữa các chúng sinh thế gian, nên gọi là lớn. Lại, lấy tâm lớn biết hết thấy pháp, muốn độ hết thấy chúng sinh, ấy gọi là lớn.

* Lại nữa, Bồ-tát nên gọi là Ma-ha-tát, Ma-ha-tát nên gọi là Bồ-tát, vì phát tâm cầu đạo Vô thượng vậy.

* Lại nữa, như đã nói rộng trong phẩm Tán thán nghĩa Bồ-tát ma-ha-tát.

* Lại nữa, trong đây Phật tự nói nghĩa Ma-ha-tát.

Chúng sinh có ba phần: 1. Chánh định, chắc chắn vào Niết-bàn. 2. Tà định, chắc chắn vào ác đạo. 3. Bất định. Rất lớn ở giữa chúng sinh chánh định, nên gọi là Ma-ha-tát.

Đại chúng là chỉ hết thấy thánh hiền, trừ Phật.

Tánh địa nhân là sinh trong tánh Thánh nhân, nên gọi là tánh, như tiểu nhi sinh trong nhà sang quý, tuy nhỏ chưa có thể làm gì, sau chắc chắn hy vọng thành việc lớn. Địa vị này kể từ noãn pháp cho đến thế đệ nhất pháp.

Bát nhân địa là tu hành trong mười lăm tâm thuộc kiến đế đạo.

Hỏi: Trong mười lăm tâm ấy có sao gọi là bát nhân?

Đáp: Trong tư duy đạo dùng trí nhiều, trong kiến đế đạo dùng kiến và nhãn nhiều, trí đi theo nhãn, vì có sao? Vì công nhãn lớn.

* Lại nữa, nhãn và trí, hai việc ấy có thể đoạn, có thể chứng. Trú ở trong tám nhãn nên gọi là bát nhân.

Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi Phật, như trước đã nói.

Bồ-tát sơ phát tâm là, có người nói: Người mới phát tâm, được vô sinh pháp nhãn, theo tướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà phát tâm, ấy gọi là mới phát tâm, là chơn phát tâm. Rõ biết thật tướng các pháp, cũng biết tướng của tâm, phá các phiền não, theo tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không điên đảo; tâm ấy gọi là sơ phát tâm.

Có người nói: Người phàm phu tuy trú ở các kiết sử, nghe nói công đức Phật, phát tâm đại bi, thương xót chúng sinh, nguyện ta sẽ thành Phật. Tâm ấy tuy ở trong phiền não, vì tâm tôn quý, được trời người cung kính, như Thái tử của Chuyển luân Thánh vương khi mới thụ thai đã hơn các đứa con khác, trời quí, thần đều tôn quý. Tâm Bồ-tát cũng như vậy, tuy ở trong kiết sử, đã hơn chư thiên, thánh nhân, có thần thông.

* Lại nữa, Bồ-tát từ khi mới phát tâm cho đến khi chưa được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có người được thọ ký vào pháp

vị, được vô sinh pháp nhẫn, gọi là bất thối chuyển. Tướng bất thối chuyển, sau sẽ nói rộng.

Đôi với đại chúng như vậy sẽ làm bậc thượng thủ, nên gọi là Ma-ha-tát. Bồ-tát ấy muốn làm chủ hết thấy Thánh nhân, nên phát tâm lớn, chịu hết thấy khổ, tâm kiên cố như Kim cang bất động.

Tâm Kim cang là không bị hết thấy kiết sử phiền não làm lay động, thí như núi Kim cang không bị gió làm lay động. Các chúng sinh ác, người ma đi đến, không làm theo ý nó, không tin thọ lời nó; bị sân mắng, hủy báng, đánh đập, giam trói, chặt đâm, cắt chẻ, tâm không đổi khác. Có người đến xin đầu mắt, tủy não, tay chân, da thịt, gân, xương, đều có thể cho hết. Người xin không biết chán còn sân giận mắng nhiếc, bấy giờ tâm Bồ-tát nhẫn chịu không động, thí như núi Kim cang kiên cố, người đến đục khoét hủy hoại, trùng thú cắn xé, không một chút tổn giảm; ấy gọi là tâm Kim cang.

* Lại nữa, Phật tự nói tướng của tâm Kim cang, là Bồ-tát nên nghĩ rằng: Ta không phải một tháng, một năm, một đời, hai đời, cho đến ngàn vạn kiếp mà thề lớn trang nghiêm, ta phải nên trải qua vô lượng vô số vô biên đời sống chết làm lợi ích độ thoát chúng sinh. Hai là ta nên bỏ hết thấy vật quý trọng trong ngoài. Ba là tâm bình đẳng không thương ghét đối với chúng sinh. Bốn là ta sẽ lấy ba thừa mà tùy căn cơ độ thoát hết thấy chúng sinh. Năm là độ chúng sinh như vậy rồi, mà thật không độ ai, không có công ấy, trong tâm ấy cũng không hối hận không chìm đắm. Sáu là ta sẽ nên biết tướng các pháp là chẳng sinh chẳng diệt, chẳng đến chẳng đi, chẳng nhơ chẳng sạch. Bảy là ta sẽ nên lấy tâm thanh tịnh vô nhiễm tu hành sáu Ba-la-mật, hồi hướng đến Trí nhất thiết chủng. Tám là ta sẽ nên khéo biết hết thấy việc của thế gian làm và việc nên biết của xuất thế gian, thông đạt rõ ràng hết thấy. Chín là ta sẽ nên hiểu rõ môn nhất tướng trí của các pháp, đó là hết thấy các pháp rốt ráo không, quán hết thấy

pháp như tướng Vô dư Niết-bàn, lia các ức tướng phân biệt. Mươi là ta sẽ nên biết các pháp hai tướng ba môn (*bản Đại tạng Tích Sa và Đại Chánh đều ghi ba tướng*) cho đến vô lượng tướng môn, thông đạt rõ ràng.

Hai tướng là hết thảy pháp có hai thứ là hoặc có, hoặc không, hoặc sinh, hoặc diệt, hoặc làm hoặc không làm, hoặc sắc hoặc vô sắc v.v...

Ba môn là hoặc một, hoặc hai, hoặc nhiều, từ ba trở lên đều gọi là nhiều. Hoặc có, hoặc không, hoặc chẳng phải có chẳng phải không; hoặc trên hoặc giữa, hoặc dưới; hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; ba cõi; ba pháp thiện, bất thiện, vô ký; ba môn, bốn môn, năm môn, như vậy vô lượng pháp môn, đều thông suốt vô ngại, trong đó tâm không hối, không khiếp, không nghi, tín thọ thông đạt vô ngại, thường tu không dứt, diệt các phiền não, quả báo nó và các việc chướng ngại, đều làm cho bại hoại; như Kim cang có thể xô các núi. Trú trong tâm Kim cang ấy, sẽ làm bậc thượng thủ của đại chúng, vì bất khả đắc không.

Bất khả đắc không là nếu Bồ-tát sinh đại tâm như Kim cang như vậy mà sinh lòng kiêu mạn thời tội nặng hơn phạm phư. Vì vậy nói dùng vô sở đắc, các pháp không có định tướng, như huyễn như hóa.

* Lại nữa, tâm như Kim cang là có những chúng sinh bị đọa vào ba đường ác, ta sẽ thay thế chịu siêng khổ, vì mỗi mỗi chúng sinh chịu thế khổ địa ngục cho đến khi chúng sinh ấy từ địa ngục ra khỏi, nhóm các căn lành, đến khi chứng Vô dư Niết-bàn rồi. Lại cứu hết thảy chúng sinh, triển chuyển như vậy độ hết thảy chúng sinh, sau mới tự mình nhóm các công đức, trải qua vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, mới thành Phật, trong ấy tâm không hối không thu hẹp lại. Thay thế chúng sinh chịu siêng khổ như vậy, tự tạo các công đức, ở lâu trong sinh tử, tâm không hối không chìm đắm, như đất Kim cang giữ gìn

ba ngàn đại thiên thể giới, khiến không lay động, tâm ấy bền chắc nên gọi là như Kim cang.

Tâm khoái thích lớn là tuy có tâm bền chắc, chưa phải khoái thích lớn; như ngựa tuy có sức lớn mà chưa có khoái thích lớn. Đối với chúng sinh được hai tâm bình đẳng nên không sinh dục nhiễm, nếu có thiên ái thời là giặc; phá tâm chấp ngã v.v... là gốc của Phật đạo. Thường thực hành tâm từ bi nên không có sân giận, thường quán các pháp nhân duyên hòa hợp sinh không có tự tánh, nên không ngu si; ái niệm chúng sinh quá hơn con đở nên không có tâm nảo hại; không bỏ chúng sinh, quý Phật đạo, nên không sinh tâm Thanh-văn, Bích-chi Phật.

Hỏi: Nếu tâm kiên cố như Kim cang tức là bất động, sao nay còn nói tâm bất động?

Đáp: Hoặc có khi tuy kiên cố mà tâm còn có tăng giảm, như cây tuy kiên cố mà còn có thể lay động. Động có hai: 1. Ngoại duyên làm động, như trước nói. 2. Nội duyên làm động, như tà kiến, nghi v.v... Nếu thường nhớ nghĩ Phật đạo và hết thấy trí tuệ, rằng ta sẽ được quả báo ấy, nên tâm không động.

* Lại nữa, Bồ-tát nên dùng các nhân duyên làm lợi ích chúng sinh, từ việc uống ăn cho đến Phật kỹ nhạc làm lợi chúng sinh, thường không bỏ chúng sinh, muốn khiến cho lia khổ, ấy gọi là tâm an lạc và cũng không nghĩ có tâm ấy.

* Lại nữa, Bồ-tát vui pháp, gọi là thượng thủ. Pháp là không phá hoại các pháp tướng. Không phá các pháp tướng là không có pháp có thể chấp trước, không có pháp có thể lãnh thọ, nghĩa là bất khả đắc. Tánh bất khả đắc không ấy chính là Niết-bàn; thường tin thọ nhẫn chịu pháp ấy, gọi là dục pháp; thường tu hành ba môn giải thoát gọi là vui pháp.

* Lại nữa, Bồ-tát an trú trong mười tám không, vì không rơi vào mười tám ý hành, nên không khởi tội nghiệp. Trú bốn niệm xứ, cho đến mười tám pháp không chung, diệt các phiền não, nhóm các thiện pháp, có thể làm thượng thủ.

* Lại nữa, Bồ-tát vào tâm Kim cang Tam-muội v.v... hưởng thọ khoái lạc, chán cái vui thế gian, tăng trưởng thiện căn và trí tuệ phương tiện nên làm thượng thủ giữa chúng hội đại thánh. Nếu đối với người lớn mà làm thượng thủ được, thì hưởng gì đối với người nhỏ! Thế nên gọi là Ma-ha-tát.

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

GIẢI THÍCH: PHẨM ĐOẠN KIẾN THỨ 14

(Kinh Đại Bát-nhã ghi: Phần 2, Phẩm Đoạn Chư Kiến thứ 12)

KINH: Bảy giờ Tuệ mạng Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế tôn! Con muốn nói vì sao gọi là Ma-ha-tát.

Phật dạy: Ông hãy nói.

Xá-lợi-phất thưa: Chấp ngã, chấp chúng sinh, chấp thọ, chấp mạng, chấp sinh, chấp dưỡng dục, chấp chúng số, chấp người, chấp làm, chấp khiến làm, chấp khởi lên, chấp khiến khởi lên, chấp thọ, chấp khiến thọ, chấp có kẻ biết, chấp có kẻ thấy, chấp đoạn, chấp thường, chấp có, chấp không, chấp năm ấm, chấp mười hai nhập, chấp mười tám giới, chấp bốn đế, chấp mười hai nhân duyên, chấp bốn niệm xứ cho đến chấp mười tám pháp không chung, chấp Phật đạo, chấp thành tựu chúng sinh, chấp tịnh quốc độ Phật, chấp Phật, chấp chuyển pháp luân. Vì dứt các kiến chấp như vậy mà thuyết pháp, ấy gọi là Ma-ha-tát.

Tu-bồ-đề nói với Xá-lợi-phất rằng: Vì nhân duyên gì nên chấp sắc gọi là kiến chấp? Vì nhân duyên gì nên chấp thọ, tưởng, hành, thức cho đến chấp chuyển Pháp luân gọi là kiến chấp?

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề: Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật, không có phương tiện thiện xảo nên đối với

sắc sinh ra kiến chấp, vì dùng hữu sở đắc; đối với thọ, tưởng, hành, thức cho đến chuyển Pháp luân sinh ra kiến chấp, vì dùng hữu sở đắc. Ở đây, Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật, lấy sức phương tiện thiện xảo, dứt các lưới kiến chấp mà thuyết pháp, vì dùng vô sở đắc.

LUẬN. *Hỏi:* Phật dẫn 500 đại A-la-hán đến ao rộng A-na-bà-đạt-đa thọ sự dục lạc xa lìa, nói về nhân duyên nghiệp trước của tự thân và đệ tử mà Xá-lợi-phất không có ở đó. Phật bảo Mục-liên đi gọi đến. Khi ấy Mục-liên dùng sức thần thông đi đến Kỳ-hoàn gặp Xá-lợi-phất đang may y. Xá-lợi-phất nói với Mục-liên đợi chút, chờ may y xong sẽ đến. Mục-liên thúc giục đi mau. Bấy giờ Mục-liên lấy tay xoa y, y liền hoàn thành. Xá-lợi-phất thấy Mục-liên quý thần thông ấy, liền lấy eo dải áo ném xuống đất và nói rằng: Ông hãy cất dải áo ấy lên. Mục-liên lấy hai tay cất dải lên, nhưng không làm sao cất lìa khỏi đất, liền vào định sâu xa để cất lên, quả đất bị rung động mạnh, dải áo vẫn dính sát đất. Lúc ấy, Kiền-trần-như hỏi Phật: Vì nhân duyên gì mà quả đất rung động mạnh?

Phật dạy: Vì Mục-liên vào định sâu xa, dùng sức thần thông lớn cất dải áo của Xá-lợi-phất lên mà không được.

Phật bảo các Tỳ-kheo: Thiên định của Xá-lợi-phất vào hoặc ra, cho đến Mục-liên còn không biết rõ tên; thiên định của Phật vào và ra, cho đến Xá-lợi-phất còn không biết rõ tên.

Hỏi: Như vậy, trí tuệ Xá-lợi-phất còn cách xa Phật, có sao nói con cũng vui nói?

Đáp: Xá-lợi-phất chẳng phải muốn phô bày trí tuệ của mình trước đại chúng, cao tâm cố nói. Xá-lợi-phất chỉ là người theo Phật chuyển pháp luân, rộng làm lợi ích chúng sinh. Nghĩa chữ Ma-ha-tát ích lợi rất lớn, thế nên Phật dạy xong, Xá-lợi-phất tiếp nói theo.

* Lại nữa, nhiều người tin vui Xá-lợi-phất nói, vì có sao? Vì nhân duyên đời trước nghe Xá-lợi-phất nói, nhiều người phát tâm Bồ-tát. Phật do các nhân duyên vì tâm đại từ bi, tâm tôi, ta và căn bản tập khí đã nhỏ sạch, pháp ái đã dứt, nên cho phép Xá-lợi-phất nói.

Xá-lợi-phất nói: Chấp ngã, chấp kẻ biết, kẻ thấy, chấp Phật, chấp Bồ-tát, chấp chúng sinh và các tà kiến chấp hữu, vô, đoạn, thường, năm uẩn cho đến các kiến chấp về chư Phật chuyển pháp luân. Bồ-tát ấy dứt được ba thứ kiến chấp ấy nên sẽ thuyết pháp giữa đại chúng. Ba thứ kiến chấp này, từ vô thi lại, đã dính quen vào xương tủy. Tu-bồ-đề nghĩ rằng: Phật dạy năm uẩn cho đến các Phật pháp là chỗ hành của Bồ-tát, có sao vì dứt các kiến chấp nên thuyết pháp? Nghĩ như vậy rồi liền hỏi Xá-lợi-phất. Xá-lợi-phất đáp: Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo mà muốn tu hành Bát-nhã ba-la-mật, quán sắc tìm định tướng, thủ lấy sắc định tướng nên sinh ra chấp kiến sắc; trái với đây, gọi là có phương tiện thiện xảo. Bồ-tát này tuy quán sắc, không sinh vọng kiến mà dứt được các tà kiến.

KINH: Bảy giờ Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Con cũng muốn nói vì sao gọi là Ma-ha-tát!

Phật dạy: Ông hãy nói.

Tu-bồ-đề nói: Bạch đức Thế tôn! Tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tâm vô đẳng đẳng ấy không chung với tâm Thanh-văn, Bích-chi Phật, vì có sao? Vì tâm Nhất thiết trí là vô lậu, chẳng ràng buộc; đối với tâm vô lậu, chẳng ràng buộc cũng không chấp trước; vì nhân duyên ấy nên gọi là Ma-ha-tát.

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề: Thế nào là tâm vô đẳng đẳng của Bồ-tát ma-ha-tát không chung với tâm Thanh-văn, Bích-chi Phật?

Tu-bồ-đề nói: Bồ-tát ma-ha-tát từ khi mới phát tâm đến nay không thấy pháp có sinh có diệt, có thêm có bớt, có như có

sạch. Xá-lợi-phất! Nếu pháp không sinh không diệt, cho đến không như không sạch, trong đó không có tâm Thanh-văn, Bích-chi Phật, không có tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không có tâm Phật. Xá-lợi-phất! Ấy gọi là tâm vô đẳng đẳng của Bồ-tát ma-ha-tát, không chung với tâm Thanh-văn, Bích-chi Phật.

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề: Như Tu-bồ-đề nói, tâm Nhất thiết trí, tâm vô lậu, tâm không ràng buộc, không dính mắc. Tu-bồ-đề! Sắc cũng không dính mắc; thọ, tưởng hành, thức cũng không dính mắc; bốn niệm xứ cũng không dính mắc, cho đến mười tám pháp không chung cũng không dính mắc, có sao chỉ nói tâm ấy không dính mắc?

Tu-bồ-đề nói: Như vậy, như vậy! Sắc cũng không dính mắc, cho đến mười tám pháp không chung cũng không dính mắc.

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề: Tâm người phàm phu cũng vô lậu không ràng buộc, vì tánh không; tâm Thanh-văn, Bích-chi Phật, tâm chư Phật cũng vô lậu chẳng ràng buộc, vì tánh không.

Tu-bồ-đề nói: Đúng vậy, Xá-lợi-phất!

Xá-lợi-phất nói: Tu-bồ-đề! Nếu sắc cũng vô lậu chẳng ràng buộc, vì tánh không; thọ, tưởng, hành, thức cũng vô lậu chẳng ràng buộc, vì tánh không; cho đến ý xúc làm nhân duyên sinh thọ cũng vô lậu, chẳng ràng buộc, vì tánh không.

Tu-bồ-đề nói: Đúng như vậy!

Xá-lợi-phất nói: Bốn niệm xứ cũng vô lậu chẳng ràng buộc, vì tánh không, cho đến mười tám pháp không chung cũng vô lậu chẳng ràng buộc, vì tánh không.

Tu-bồ-đề nói: Đúng vậy! Như điều Xá-lợi-phất nói, tâm người phàm phu cũng vô lậu chẳng ràng buộc, vì tánh không;

cho đến mười tám pháp không chung cũng vô lậu chẳng ràng buộc, vì tánh không.

Xá-lợi-phất nói với **Tu-bồ-đề**: Như chỗ **Tu-bồ-đề** nói không, vì không có tâm nên không chấp trước tâm ấy. **Tu-bồ-đề**! Vì sắc không có nên không chấp trước sắc; vì thọ, tưởng, hành, thức cho đến ý xúc làm nhân duyên sinh thọ không có nên không chấp trước thọ; vì bốn niệm xứ không có nên không chấp trước bốn niệm xứ, cho đến vì mười tám pháp không chung không có nên không chấp trước mười tám pháp không chung.

Tu-bồ-đề nói: Đúng như vậy, **Xá-lợi-phất**! Vì sắc không có nên đối với sắc không chấp trước, cho đến vì mười tám pháp không chung không có nên đối với mười tám pháp không chung không chấp trước. Như vậy, **Xá-lợi-phất**! **Bồ-tát** ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật dùng tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tâm vô đẳng đẳng, không chung với tâm Thanh-văn, Bích-chi Phật, không nghĩ có tâm ấy, cũng không chấp trước tâm ấy, vì hết thấy pháp vô sở đắc, vì thế nên gọi là Ma-ha-tát.

LUẬN: **Tu-bồ-đề** nói tâm vô đẳng đẳng của Ma-ha-tát, đối với tâm ấy cũng không chấp trước. Không chấp trước là **Bồ-tát** từ khi phát tâm lại đây không thấy có pháp, có tướng nhất định hoặc sinh hoặc diệt, hoặc thêm hoặc bớt, hoặc nhơ hoặc sạch. Tâm ấy rất ráo không, trong đó không có tâm tướng phi tâm tướng, vì các tướng rất ráo thanh tịnh, vì thế nên không có tâm Thanh-văn, tâm Bích-chi Phật, tâm **Bồ-tát**, tâm Phật.

Tu-bồ-đề xưng quý tâm **Bồ-tát** như vậy cũng tốt, **Bồ-tát** không chấp trước tâm ấy cũng là tôn quý. **Xá-lợi-phất** muốn hỏi **Tu-bồ-đề** nên nói rằng: Chẳng phải chỉ có tâm Nhất thiết trí là vô lậu chẳng ràng buộc, **Bồ-tát** không nên tự cao, vì có sao? Vì tâm người phạm

phu cũng vô lậu chẳng ràng buộc, vì tánh thường không. Như tâm Thanh-văn, Bích-chi Phật, tâm Phật vô lậu, chẳng ràng buộc, thật tướng của tâm người phạm phu tánh không. Thật tướng tánh không, thanh tịnh không dính mắc, như trước nói: Mây tối che mặt trời mặt trăng, chứ không thể ô ứ mặt trời mặt trăng. Lại, thật tướng của các phiền não với tâm tướng thường tánh không không khác nhau, chỉ ở nơi địa vị phạm phu thì là như là sạch, còn ở nơi địa vị Thánh, vì tu trí tuệ vô tướng, không có phân biệt, chỉ vì thương xót chúng sinh nên tuy còn có nói năng mà tâm không chấp trước. Chẳng phải riêng tâm phạm phu là vô lậu chẳng ràng buộc, mà năm uẩn cho đến mười tám pháp không chung cũng như vậy.

Tu-bồ-đề nói: Phải!

Xá-lợi-phất lại nói: Tâm ấy không có tâm, vì tâm tướng không, nên không chấp trước. Nơi sắc, sắc tướng không có nên cũng không chấp trước, cho đến các Phật pháp cũng như vậy.

Tu-bồ-đề nói: Đúng như vậy! Vì thế nên Bồ-tát có thể quán các pháp tánh thường không, bất khả đắc không rốt ráo thanh tịnh, vì vậy nên nói tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tâm vô đẳng đẳng, không chung với tâm Thanh-văn, tâm Bích-chi Phật, không nghĩ có tâm ấy, cũng không chấp trước tâm ấy, có thể mau đạt đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

GIẢI THÍCH: PHẨM PHÚ LÂU NA THỨ 15

(Kinh Đại Bát-nhã ghi: Phần 2, Phẩm Thừa Đại Thừa 14)

KINH: Bấy giờ Phú-lâu-na Di-đa-la-ni-tử (Mãn Từ tử) bạch Phật rằng: Bạch đức Thế-tôn! Con cũng muốn nói lý do gọi là Ma-ha-tát.

Phật dạy: Ông hãy nói.

Phú-lâu-na Di-đa-la-ni-tử nói: Bồ-tát đại trang nghiêm là Bồ-tát phát tâm thú hướng Đại thừa, Bồ-tát ấy cưỡi xe lớn (Đại thừa) nên Bồ-tát ấy gọi là Ma-ha-tát.

Xá-lợi-phất nói với Phú-lâu-na: Thế nào gọi là Bồ-tát ma-ha-tát đại trang nghiêm?

Phú-lâu-na nói với Xá-lợi-phất: Bồ-tát ma-ha-tát đại trang nghiêm không phân biệt vì bấy nhiêu người nên trú Thí ba-la-mật, thực hành Thí ba-la-mật, mà vì hết thấy chúng sinh nên trú Thí ba-la-mật, thực hành Thí ba-la-mật; không vì bấy nhiêu người nên trú Giới ba-la-mật, thực hành Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tấn ba-la-mật, Thiên ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật, mà vì hết thấy chúng sinh nên trú Bát-nhã ba-la-mật, thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Bồ-tát ma-ha-tát đại trang nghiêm không giới hạn chúng sinh rằng Ta sẽ độ ngần ấy người chứ không độ các người khác;

không nói rằng Ta chỉ làm cho ngàn ấy người đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, còn các người khác không đến. Bồ-tát ma-ha-tát ấy khắp vì hết thấy chúng sinh nên đại trang nghiêm. Lại nghĩ rằng: Ta sẽ tự đầy đủ Thí ba-la-mật, cũng làm cho hết thấy chúng sinh tu hành Thí ba-la-mật; tự đầy đủ Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, tự đầy đủ Bát-nhã ba-la-mật, cũng làm cho chúng sinh tu hành Bát-nhã ba-la-mật.

* Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Thí ba-la-mật, có bố thí gì tâm đều tương ưng với Trí nhất thiết chủng, cùng hết thấy chúng sinh hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Xá-lợi-phất! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Thí ba-la-mật, có Thí ba-la-mật đại trang nghiêm.

* Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Thí ba-la-mật, bố thí với tâm tương ưng Trí nhất thiết chủng, không hướng đến địa vị Thanh-văn, Bích-chi Phật. Xá-lợi-phất! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Thí ba-la-mật, có Giới ba-la-mật đại trang nghiêm.

* Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Thí ba-la-mật, bố thí với tâm tương ưng Trí nhất thiết chủng, tin, nhẫn, muồn đối với các pháp bố thí ấy; ấy gọi là khi tu Thí ba-la-mật, có Nhẫn ba-la-mật đại trang nghiêm.

* Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Thí ba-la-mật, bố thí với tâm tương ưng Trí nhất thiết chủng, siêng tu không nghỉ; ấy gọi là khi tu Thí ba-la-mật có Tinh tấn ba-la-mật đại trang nghiêm.

* Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Thí ba-la-mật, bố thí với tâm tương ưng Trí nhất thiết chủng, nhiếp tâm, không khởi lên tâm Thanh-văn, Bích-chi Phật; ấy gọi là khi tu Thí ba-la-mật có Thiền ba-la-mật đại trang nghiêm.

*** Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Thí ba-la-mật, bố thí với tâm tương ưng Trí nhất thiết chủng, quán các pháp như huyễn, không có người thí, không có vật thí, không có người thọ; ấy gọi là khi tu Thí ba-la-mật có Bát-nhã ba-la-mật đại trang nghiêm.**

Như vậy Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát bố thí với tâm tương ưng Trí nhất thiết chủng, không thủ đắc các tướng Ba-la-mật, nên biết ấy là Bồ-tát ma-ha-tát đại trang nghiêm.

*** Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Giới ba-la-mật, bố thí với tâm tương ưng Trí nhất thiết chủng, cùng hết thấy chúng sinh hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Giới ba-la-mật có Thí ba-la-mật.**

*** Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Giới ba-la-mật có tâm tin, nhẫn, muốn đối với giới pháp ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Giới ba-la-mật có Nhẫn ba-la-mật.**

*** Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Giới ba-la-mật, siêng tu không nghỉ; ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Giới ba-la-mật có Tinh tấn ba-la-mật.**

*** Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Giới ba-la-mật, không thọ nhận tâm Thanh-văn, Bích-chi Phật; ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Giới ba-la-mật có Thiên ba-la-mật.**

*** Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Giới ba-la-mật, quán hết thấy pháp như huyễn, cũng không nghĩ có giới ấy, vì dùng vô sở đắc; ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Giới ba-la-mật có Bát-nhã ba-la-mật.**

Như vậy Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Giới ba-la-mật; thu nhiếp các Ba-la-mật khác, vì vậy nên gọi là đại trang nghiêm.

* Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Nhẫn ba-la-mật, bồ thí với tâm tương ưng Trí nhất thiết chủng, cùng hết thấy chúng sinh hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Nhẫn ba-la-mật có Thí ba-la-mật.

* Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Nhẫn ba-la-mật, không thọ nhận tâm Thanh-văn, Bích-chi Phật, chỉ thọ nhận tâm Trí nhất thiết chủng; ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Nhẫn ba-la-mật có Giới ba-la-mật.

* Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Nhẫn ba-la-mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, thân tâm tinh tấn, không ngừng không nghỉ; ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Nhẫn ba-la-mật có Tinh tấn ba-la-mật.

* Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Nhẫn ba-la-mật, nhiếp tâm ở một chỗ, tuy gặp việc khổ, tâm không tán loạn; ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Nhẫn ba-la-mật có Thiền ba-la-mật.

* Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Nhẫn ba-la-mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, quán các pháp không, không có người làm, không có người thọ, không có người trách mắng, cắt xẻ, tâm như huyễn như mộng; ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Nhẫn ba-la-mật có Bát-nhã ba-la-mật.

Như vậy Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Nhẫn ba-la-mật, thu nhiếp các Ba-la-mật khác.

* Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Tấn ba-la-mật, bồ thí với tâm tương ưng Trí nhất thiết chủng, không để cho thân tâm biếng nhác; ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Tấn Ba-la-mật có Thí ba-la-mật.

* Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Tinh tấn ba-la-mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, trước sau đầy đủ trì giới thanh tịnh; ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Tinh tấn ba-la-mật có Giới ba-la-mật.

* Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Tinh tấn ba-la-mật, tu hành nhẫn nhục với tâm tương ưng Trí nhất thiết chủng; ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Tinh tấn ba-la-mật có Nhẫn ba-la-mật.

* Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Tinh tấn ba-la-mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, nhiếp tâm, lìa dục, vào các thiên định; ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Tinh tấn ba-la-mật có Thiền ba-la-mật.

* Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Tinh tấn ba-la-mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, không chấp thủ tướng hết thảy các pháp, đối với không chấp thủ tướng cũng không chấp trước; ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Tinh tấn ba-la-mật có Bát-nhã ba-la-mật.

Như vậy Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Tinh tấn ba-la-mật, thu nhiếp các Ba-la-mật khác.

* Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Thiền ba-la-mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, định tâm bố thí, không để tâm loạn; ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Thiền ba-la-mật có Thí ba-la-mật.

* Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Thiền ba-la-mật, trì giới với tâm tương ưng Trí nhất thiết chủng, do định lực nên việc phá giới không thể xen vào; ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Thiền ba-la-mật có Giới ba-la-mật.

* Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Thiền ba-la-mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, do định từ bi nên

nhãn các não hại; ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Thiền ba-la-mật có Nhãn ba-la-mật.

* Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Thiền ba-la-mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, đối với thiền không hứng thú, không nhiệm trước, thường cầu tăng tiến từ một thiền đến một thiền; ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Thiền ba-la-mật có Tinh tấn ba-la-mật.

* Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Thiền ba-la-mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, không nương dựa hết thấy pháp, cũng không theo thiền sinh; ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Thiền ba-la-mật có Bát-nhã ba-la-mật.

Như vậy, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Thiền ba-la-mật, thu nhiếp các Ba-la-mật khác.

* Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Bát-nhã ba-la-mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, bỏ thí vật sở hữu trong ngoài, không chút luyến tiếc, không thấy người cho, người nhận và vật thí; ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Bát-nhã ba-la-mật có Thí ba-la-mật.

* Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Bát-nhã ba-la-mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, không thấy hai việc giữ giới phá giới; ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Bát-nhã ba-la-mật có Giới ba-la-mật.

* Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Bát-nhã ba-la-mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, không thấy người trách, người mắng, người đánh, người giết, cũng không thấy dùng cái không ấy mà nhãn nhục được; ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Bát-nhã ba-la-mật có Nhãn ba-la-mật.

* Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Bát-nhã ba-la-mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, quán các pháp

rốt ráo không, lấy tâm đại bi, tu các thiện pháp; ấy gọi là Bò-tát ma-ha-tát khi tu Bát-nhã ba-la-mật có Tinh tấn ba-la-mật.

* Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bò-tát ma-ha-tát khi tu Bát-nhã ba-la-mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, vào các thiền định, quán các tướng lìa, tướng không, tướng vô tướng, tướng vô tác của các thiền; ấy gọi là Bò-tát ma-ha-tát khi tu Bát-nhã ba-la-mật có Thiền ba-la-mật.

Như vậy Xá-lợi-phất! Bò-tát ma-ha-tát khi tu Bát-nhã ba-la-mật, thu nhiếp các Ba-la-mật khác.

Xá-lợi-phất! Như vậy gọi là Bò-tát ma-ha-tát đại trang nghiêm.

Đại trang nghiêm Bò-tát ấy, mười phương chư Phật hoan hỷ, xưng danh tán thán ở giữa đại chúng rằng, ở thế giới ấy có Bò-tát ma-ha-tát đại trang nghiêm ấy, thành tựu chúng sinh, thanh tịnh Phật độ.

LUẬN: Phú-lâu-na nghe hai đại đệ tử trên nói nghĩa Ma-ha-tát, được Phật hứa khả nói lành thay. Và Phú-lâu-na được Phật ở giữa đại chúng tán thán là vị pháp sư trên hết, lại muốn nói nghĩa Ma-ha-tát nên bạch Phật rằng: Con cũng muốn nói, Phật liền cho phép nói.

Hỏi: Tu-bồ-đề là vị chủ nói Bát-nhã ba-la-mật, thì Xá-lợi-phất nên hỏi Tu-bồ-đề, có sao nay hỏi Phú-lâu-na?

Đáp: Hai người ấy đồng là Bà-la-môn, chỉ lấy tên mẹ làm tên, hai người ấy đều là bậc lớn ở trong Phật pháp. Xá-lợi-phất lớn trong hàng trí tuệ. Phú-lâu-na thuyết pháp nhiều cách trang nghiêm, dắt dẫn chúng hữu tình, bậc lớn trong hàng thuyết pháp, cho nên hai người ấy ngang nhau, ngang nhau nên cùng nhau nghị luận ở trước Phật.

Lại, Phú-lâu-na trước đã cùng Xá-lợi-phất luận nghị, khéo đáp lại nhau. Như trong kinh Thí dụ bảy xe nói, họ đã cùng làm người thân hậu, lại ưa cùng luận lý, còn Tu-bồ-đề không có nhân duyên như vậy.

Lại, Phú-lâu-na nói nghĩa Ma-ha-tát, cho nên nên hỏi, chứ có sao lại hỏi Tu-bồ-đề!

Nghĩa Ma-ha-tát được nói đó là người đại trang nghiêm, như người đi xa, có nhiều tư lương, lại như phá giặc nên chuẩn bị khí giới. Bồ-tát ấy cũng như vậy, muốn phá giặc phiền não ma quân, nên tu hành sáu Ba-la-mật để tự trang nghiêm. Người này trải vô lượng kiếp ở lâu trong sinh tử, nhóm các phước đức trí tuệ để làm tư lương; trong ba thừa, vì xu hướng Đại thừa nên phát tâm tu sáu Ba-la-mật, cưỡi xe lớn.

Xá-lợi-phất hỏi Phú-lâu-na: Thanh-văn, Bích-chi Phật cũng xu hướng đạo. Sao không gọi là đại trang nghiêm, mà chỉ nói Bồ-tát đại trang nghiêm?

Phú-lâu-na đáp rằng: Thanh-văn, Bích-chi Phật tuy thực hành sáu việc bố thí v.v... nhưng có hạn lượng, vì tự độ mình và độ những chúng sinh đáng được độ; vì thế không gọi là đại trang nghiêm. Bồ-tát độ không phân biệt, không giới hạn vì ngàn ấy chúng sinh nên tu bố thí cho đến trí tuệ. Không nghĩ rằng: Ta độ ngàn ấy người được tam thừa, không thể độ ngàn ấy người, khiến ngàn ấy người được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, còn ngàn ấy người không thể độ. Bồ-tát thực hành đại trang nghiêm khiến hết thảy chúng sinh đều vào Đại thừa làm Phật. Bồ-tát thực hành đại trang nghiêm, tự thực hành Thí ba-la-mật cũng khiến chúng sinh thật thành Thí ba-la-mật, cho đến thực hành Bát-nhã ba-la-mật, cũng như vậy.

Hỏi: Sao gọi là đại trang nghiêm?

Đáp: Vì độ chúng sinh, vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên thực hành các công đức phước thiện, lược nói là thực hành sáu Ba-la-mật, như Phú-lâu-na thứ lớp nói.

Nếu Bồ-tát vì hết thảy trí tuệ nên thực hành Thí ba-la-mật, phước đức ấy chung cho hết thảy chúng sinh.

Chung nghĩa là phước đức bồ thí ta và chúng sinh chung hưởng, ta lấy đó hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Hồi hướng là với công đức ấy không cầu làm vua người, vua trời, cái vui thiên định thế gian, chỉ vì chúng sinh nên cho đến cái vui Niết-bàn cũng không cầu. Đem quả báo ấy, vì độ chúng sinh nên cầu Phật pháp. Các tướng như vậy gọi là Thí ba-la-mật đại trang nghiêm.

Bồ-tát ấy khi thực hành bồ thí, nếu thấy các Bích-chi Phật, A-la-hán hiện đại thân thông, được sạch lậu hoặc, vào Niết-bàn, cũng không tham trước việc ấy, chỉ nhất tâm tu Phật đạo; ấy gọi là Thí ba-la-mật phát sinh Giới ba-la-mật. Lúc bồ thí, nếu có người ác khẩu mắng nhiếc, đao gậy hủy hại, cưỡng xin những cái không đáng xin, tâm không sân không hối, vào trong thật tướng các pháp là rốt ráo không; ấy gọi là Thí ba-la-mật phát sinh Nhẫn ba-la-mật.

Lúc thực hành bồ thí, hòa hợp tài vật, thủ hộ để bồ thí cho kẻ kia, thân tâm không biếng nhác không ngừng nghỉ; ấy gọi là Thí ba-la-mật phát sinh Tinh tấn ba-la-mật.

Lúc bồ thí, nhất tâm niệm Phật, niệm Phật pháp, không để tâm Thanh-văn, Bích-chi Phật xen vào; nhân bồ thí ấy liền vào thiên định; ấy gọi là Thí ba-la-mật phát sinh Thiền ba-la-mật.

Lúc bồ thí, Bồ-tát nghĩ rằng người thí, người nhận, tài vật do nhân duyên hòa hợp sinh nên không có tự tánh. Vì không có tự tánh nên không, như huyễn, như mộng. Vì chúng sinh không nên không có người nhận, không có người thí; vì pháp không nên không có tài vật; ấy gọi là Thí ba-la-mật phát sinh Bát-nhã ba-la-mật.

Nếu Bồ-tát vì Nhất thiết trí nên không chấp thủ các tướng Ba-la-mật, mà có thể thực hành các Ba-la-mật, ấy gọi là Bồ-tát đại trang nghiêm. Trong ấy một Ba-la-mật sinh đủ các Ba-la-mật, trong kinh này tự phân biệt nghĩa ấy. Xưa nay nói khác, nghĩa chẳng rốt ráo, nên

giúp phân biệt nói, mở cửa luận nghĩa. Năm Ba-la-mật kia, cũng nên tùy nghĩa để nói như vậy.

Hỏi: Sao chỉ nói trong Thí ba-la-mật phát sinh sáu Ba-la-mật, còn trong năm Ba-la-mật kia chỉ nói phát sinh năm?

Đáp: Nếu năm Ba-la-mật sau, mỗi mỗi đều phát sinh sáu Ba-la-mật, cũng không có lỗi. Sáu Ba-la-mật chẳng phải là pháp tu trong một lúc, trong một niệm mà trong vô lượng kiếp nhóm hợp sáu thứ công đức gọi là sáu Ba-la-mật. Trước phát sinh nhỏ, sau phát sinh vừa, lớn, có lỗi gì! Hết thấy các pháp đều lúc đầu nhỏ sau lớn, vì vậy các Ba-la-mật khác mỗi mỗi có thể phát sinh sáu Ba-la-mật.

* Lại nữa, lúc hết thấy chư Phật thuyết pháp, đều dạy Thí ba-la-mật là cửa ban đầu, như trong Kinh nói, Phật thường bắt đầu dạy cho chúng sinh bố thí, trì giới, sinh cõi trời, nói mùi vị năm dục, trước nói sư khổ não thế gian, lợi ích của đạo đức, sau mới nói bốn đế, vì thế nên đầu tiên nói bố thí.

Hỏi: Sao Phật nói bố thí là cửa ban đầu?

Đáp: Cách thu nhiếp chúng sinh không có gì hơn bố thí. Lớn nhỏ, sang hèn cho đến súc sinh, bố thí thu nhiếp được cả, cho đến người oan gia được thí cho liền trở thành người không oán không thân, người không oán không thân được thí cho thời trở thành người thân thiện. Chư Phật có 32 tướng, 80 vẻ đẹp tùy hình đầy đủ các công đức, sở nguyện được như ý, đều do bố thí mà được. Như Bồ-tát Bảo Chương v.v... bảy báu từ trong tay xuất ra, đem cấp thí cho chúng sinh, lại làm cho chúng sinh hoan hỷ nhu nhuyễn, có thể chứng được Niết-bàn. Có các nghĩa như vậy nên bố thí đứng đầu.

Hỏi: Có sao Phú-lâu-na nói trong một Ba-la-mật phát sinh các Ba-la-mật làm đại trang nghiêm?

Đáp: Mỗi Ba-la-mật ấy riêng nhau thì hành lực yếu kém; như lính chưa tập luyện thời không đủ sức đánh giặc, nếu đại quân cùng

hợp trang nghiêm, cầm binh khí thời đủ sức phá giặc. Bồ-tát cũng như vậy, sáu Ba-la-mật trang nghiêm một lúc thời có thể phá các giặc phiền não ma quân, mau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì thế nên nói trong một Ba-la-mật có đủ các Ba-la-mật.

Mười phương chư Phật xưng danh tán thán, thành tựu chúng sinh, tịnh Phật quốc độ, như trước nói.

KINH: Tuệ mạng Xá-lợi-phất hỏi Phú-lâu-na Di-đa-la-ni-tử rằng: Vì sao Bồ-tát ma-ha-tát phát tâm thú hướng Đại thừa?

Phú-lâu-na nói với Xá-lợi-phất rằng: Bồ-tát ma-ha-tát khi thực hành sáu Ba-la-mật, liả các dục, liả các pháp ác bất thiện, có giác có quán, liả dục sinh hỷ lạc vào Sơ thiền, cho đến vào đệ Tứ thiền, lấy tâm từ rộng lớn, thực hành tâm không hai, không lượng, không oán, không hận, không não hại rãi khắp một phương, hai, ba, bốn phương, bốn góc, trên dưới; rãi khắp tất cả thế gian; tâm bi, hỷ, xả cũng như vậy. Bồ-tát ấy lúc vào thiền lúc ra thiền, các thiền, vô lượng tâm và cảnh ngọn, cùng tất cả chúng sinh hồi hướng đến Trí nhất thiết chủng, ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát tu Thiền ba-la-mật phát tâm thú hướng Đại thừa.

Bồ-tát ma-ha-tát ấy trú ở thiền tâm vô lượng, khởi niệm rằng: Ta sẽ được Trí nhất thiết chủng, sẽ thuyết pháp để dứt phiền não cho chúng sinh; ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Thiền ba-la-mật có Thí ba-la-mật.

Nếu Bồ-tát ma-ha-tát tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng tu Sơ thiền, trú Sơ thiền; Nhị, Tam, Tứ thiền cũng như vậy, không thọ nhận các tâm Thanh-văn, Bích-chi Phật; ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Thiền ba-la-mật có Giới ba-la-mật.

Nếu Bồ-tát ma-ha-tát tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng vào các thiền, nghĩ rằng: Ta sẽ thuyết pháp để dứt phiền

não cho chúng sinh có các tâm muốn, vui, nhãn ấy; ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Thiền ba-la-mật có Nhãn ba-la-mật.

Nếu Bồ-tát ma-ha-tát tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng vào các thiền, nhóm các thiện căn, hồi hướng đến Trí nhất thiết chủng, siêng tu không nghỉ; ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Thiền ba-la-mật có Tinh tấn ba-la-mật.

Nếu Bồ-tát ma-ha-tát tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, tu bốn thiền và cảnh ngọn, quán tướng vô thường, tướng khổ, tướng vô ngã, tướng không, tướng vô tướng, tướng vô tác, cùng với hết thảy chúng sinh hồi hướng đến Trí nhất thiết chủng; ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Thiền ba-la-mật có Bát-nhã ba-la-mật.

Xá-lợi-phất! Ấy là Bồ-tát ma-ha-tát phát tâm thú hướng Đại thừa.

* Lại nữa, Bồ-tát ma-ha-tát thực hành từ tâm, nghĩ rằng: Ta sẽ đem an lạc cho tất cả chúng sinh; vào bi tâm ta sẽ cứu vớt tất cả chúng sinh; vào hỷ tâm ta sẽ độ tất cả chúng sinh; vào xả tâm ta sẽ làm cho tất cả chúng sinh sạch hết lậu hoặc; ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu vô lượng tâm có Thí ba-la-mật.

* Lại nữa, Bồ-tát ma-ha-tát tu các thiền vô lượng tâm ấy, không hướng đến địa vị Thanh-văn, Bích-chi Phật, chỉ hồi hướng đến Trí nhất thiết chủng; ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu vô lượng tâm có Giới ba-la-mật.

* Lại nữa, **Xá-lợi-phất!** Bồ-tát ma-ha-tát tu bốn vô lượng tâm, không tham địa vị Thanh-văn, Bích-chi Phật, chỉ nhãn, vui, muốn Trí nhất thiết chủng; ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu vô lượng tâm, có Nhãn ba-la-mật.

* Lại nữa, **Xá-lợi-phất!** Nếu Bồ-tát ma-ha-tát tương ưng với Trí nhất thiết chủng, tu bốn vô lượng tâm, hành hạnh thanh

tịnh; ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu bốn vô lượng tâm có Tinh tấn ba-la-mật.

* Lại nữa, nếu Bồ-tát ma-ha-tát khi vào thiền, vào vô lượng tâm cũng chẳng tùy theo thiền vô lượng tâm phát sinh; ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu vô lượng tâm có phương tiện Bát-nhã ba-la-mật.

Xá-lợi-phất! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát phát tâm thú hướng Đại thừa.

* Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát phát tâm thú hướng Đại thừa, hết thấy cách tu bốn niệm xứ, cho đến hết thấy cách tu tám Thánh đạo phần, hết thấy cách tu ba môn giải thoát, cho đến mười tám pháp không chung; ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát phát tâm thú hướng Đại thừa.

* Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát có trí tuệ đối với nội không vì vô sở đắc, cho đến có trí tuệ đối với vô pháp hữu pháp không, vì vô sở đắc; ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát phát tâm thú hướng Đại thừa.

* Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát đối với hết thấy pháp, trí tuệ không loạn không định; ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát phát tâm thú hướng Đại thừa.

* Lại nữa Xá-lợi-phất Bồ-tát ma-ha-tát phát tâm thú hướng đại thừa, trí tuệ phi thường, phi vô thường; trí tuệ phi lạc, phi khổ, phi thật, phi không, phi ngã, phi vô ngã; ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát phát tâm thú hướng Đại thừa, vì vô sở đắc.

* Lại nữa, Xá-lợi-phất! Trí Bồ-tát ma-ha-tát không đi trong đời quá khứ, không đi trong đời vị lai, không đi trong đời hiện tại, cũng chẳng phải không biết ba đời, ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát phát tâm thú hướng Đại thừa, vì vô sở đắc.

*** Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát phát tâm thú hướng Đại thừa trí không đi trong cõi Dục, không đi trong cõi Sắc, không đi trong cõi Vô Sắc, cũng chẳng phải không biết cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô Sắc, vì vô sở đắc; ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát phát tâm thú hướng Đại thừa.**

*** Lại nữa, Bồ-tát ma-ha-tát phát tâm thú hướng Đại thừa trí không đi trong pháp thế gian, không đi trong pháp xuất thế gian, không đi trong pháp hữu vi, không đi trong pháp vô vi, không đi trong pháp hữu lậu, không đi trong pháp vô lậu, cũng chẳng phải không biết pháp thế gian, pháp xuất thế gian, pháp hữu vi, pháp vô vi, hữu lậu, vô lậu, vì vô sở đắc.**

Xá-lợi-phất! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát phát tâm thú hướng Đại thừa.

LUẬN. *Hỏi:* Sáu Ba-la-mật, nếu nói nghịch thời nên nói Bát-nhã ba-la-mật trước, rồi tiếp nói thiền... nếu nói thuận thời nên nói Thí ba-la-mật trước, sao nay nói Thiền ba-la-mật trước?

Đáp: Phát sinh đại trang nghiêm không có chúng sinh nào phá hoại được. Nếu Bồ-tát không có thiền định, tâm chưa lìa dục, tuy có tu hành các Ba-la-mật khác, thời dễ bị hoại. Tu Thiền ba-la-mật, có thể vào tâm từ vô lượng, bấy giờ không bị phá; như nói người tu Từ Tam-muội, đao không làm tổn thương, nước lửa không làm hại, cũng có sức thần thông, biến hóa các thứ, có thể phát sinh đại trang nghiêm; như Phật dạy, chim không có hai cánh, không thể bay liệng. Bồ-tát không có lực thần thông, không thể phát sinh đại trang nghiêm. Vào trong Thiền ba-la-mật, có thể làm phát sinh tâm từ vô lượng. Vì có năm thần thông nên ngoại vật không làm tổn thương được; vì vậy nên nói Thiền ba-la-mật trước hết.

Hỏi: Trong bốn thiền có các thứ công đức, đều có thể hành sáu Ba-la-mật, sao nay chỉ nói trong bốn tâm vô lượng hành sáu Ba-la-mật?

Đáp: Bốn tâm vô lượng, thủ tướng chúng sinh, duyên chúng sinh, Bồ-tát thường vì chúng sinh nên hành đạo, trong bốn tâm vô lượng ấy có tâm từ bi, có thể làm lợi ích chúng sinh; còn tám bội xả, định chín thứ lớp v.v... không có lợi ích như vậy.

Hỏi: Bồ-tát trú ở năm thân thông có thể rộng làm lợi ích chúng sinh, có sao không nói?

Đáp: Đại bi là căn bản của Bồ-tát. Lại, năm thân thông trước đã nói, sau sẽ nói bốn tâm vô lượng, vì đã nói nên nay không nói, nếu Bồ-tát chỉ hành bốn tâm vô lượng, thì không gọi là phát tâm thú hướng Đại thừa. Vì có sáu Ba-la-mật hòa hợp nên gọi là phát tâm thú hướng Đại thừa. Bốn tâm vô lượng phát sinh sáu Ba-la-mật, trong đây Phú-lâu-na tự nói nhân duyên ấy.

Hỏi: Làm thế nào tu hết thấy bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung?

Đáp: Có hai thứ là tín hành tánh và pháp hành tánh. Tín hành tánh thì quán vô thường, khổ; hoặc chỉ quán vô thường, hoặc chỉ quán khổ. Pháp hành tánh thì quán không, vô ngã, hoặc chỉ quán không, hoặc chỉ quán vô ngã. Bồ-tát vì độ chúng sinh nên hết thấy pháp môn đều tu đều học.

* Lại nữa, người phát tâm Đại thừa lấy mười tám không phá mười tám thứ pháp, cũng bỏ luôn trí tuệ về mười tám thứ không ấy.

* Lại nữa, Bồ-tát quán các pháp thường định, cũng không chấp thủ định tướng, ấy gọi là trí tuệ không định không loạn.

* Lại nữa, vì sợ đọa vào điên đảo chấp thường chấp lạc, nên không quán các pháp thường, lạc, vì sợ đọa vào điên đảo chấp đoạn diệt nên không quán vô thường.

* Lại nữa, nếu Bồ-tát trí tuệ đối với ba cõi, ba đời không quán, không hành, không thủ tướng, biết nó đều hư vọng mà không rơi vào vô minh.

* Lại nữa, đối với thế gian, xuất thế gian cũng chẳng phải trí, chẳng phải bất trí. Chẳng phải trí là vì không, không có định tướng, rốt ráo thanh tịnh. Chẳng phải bất trí là vì quán vô thường, khổ, không v.v... Vào Bát-nhã ba-la-mật không, chẳng phải không hành trí. Không hành là vì ngăn kiến, phá pháp ái, lìa nương tựa. Không phi trí là vì không ngu si, khác với phàm phu. Lại, hành là giữ giới, tu thiền định, tập các pháp quán. Sao gọi là phi trí? Như trong kinh Phật Lợi Chúng Sinh nói:

*“Hành giả bỏ các pháp,
Cũng không nương tựa tuệ,
Cũng không phân biệt gì,
Ấy là trí quyết định”.*

(HẾT CUỐN 45 THEO BẢN HÁN)

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

GIẢI THÍCH: PHẨM THỪA THỪA THỨ 16

(*Kinh Đại Bát-nhã ghi: Phần 2, Phẩm Thừa Đại Thừa thứ 14*)

KINH: Bấy giờ Tuệ mạng Xá-lợi-phất hỏi Phú-lâu-na: Sao gọi là Bồ-tát ma-ha-tát cưới xe lớn (Đại thừa)?

Phú-lâu-na đáp Xá-lợi-phất rằng: Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật cưới Thí ba-la-mật, cũng chẳng có được Thí ba-la-mật, cũng chẳng có được Bồ-tát, cũng chẳng có được người thọ nhận, vì dùng vô sở đắc (*làm phương tiện - ND*); ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát cưới Thí ba-la-mật. Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật cưới Giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, cưới Bát-nhã ba-la-mật, cũng chẳng có được Bát-nhã ba-la-mật, cũng chẳng có được Bồ-tát, vì dùng vô sở đắc; ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát cưới Bát-nhã ba-la-mật.

Như vậy, Xá-lợi-phất! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát cưới xe lớn.

* Lại nữa, Bồ-tát ma-ha-tát cưới xe lớn là nhất tâm tương ưng Trí nhất thiết chủng, tu bốn niệm xứ, vì pháp hoại (*pháp bất khả đắc - ND*), cho đến nhất tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, tu mười tám pháp không chung, vì pháp hoại ấy cũng không thể có được. Như vậy, Xá-lợi-phất! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát cưới xe lớn.

* Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bò-tát ma-ha-tát nghĩ rằng: Bò-tát chỉ có danh tự, vì chúng sinh không thể có được, ấy gọi là Bò-tát ma-ha-tát cưới xe lớn.

* Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bò-tát ma-ha-tát nghĩ rằng: sắc chỉ có danh tự, vì sắc không thể có được; thọ, tưởng hành, thức chỉ có danh tự, vì thức không thể có được. Mắt chỉ có danh tự, vì mắt không thể có được; cho đến ý cũng như vậy. Bốn niệm xứ chỉ có danh tự, vì bốn niệm xứ không thể có được; cho đến tám Thánh đạo phần chỉ có danh tự, vì tám Thánh đạo phần không thể có được. Nội không chỉ có danh tự, vì nội không không thể có được; cho đến vô pháp hữu pháp không chỉ có danh tự, vì vô pháp hữu pháp không không thể có được; cho đến mười tám pháp không chung chỉ có danh tự, vì mười tám pháp không chung không thể có được. Các pháp như như chỉ có danh tự, vì như như không thể có được. Pháp tướng, pháp tánh, pháp trụ, pháp vị, thật tế, chỉ có danh tự, vì thật tế không thể có được. Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và Phật chỉ có danh tự, vì Phật không thể có được.

Xá-lợi-phất! Như vậy gọi là Bò-tát ma-ha-tát cưới xe lớn.

* Lại nữa, Xá-lợi-phất! Nếu Bò-tát ma-ha-tát từ khi mới phát tâm đến nay đầy đủ Bò-tát thần thông, thành tựu chúng sinh, từ một nước Phật đến một nước Phật cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán các đức Phật, theo các đức Phật nghe, lãnh thọ giáo pháp, gọi là Bò-tát cưới xe lớn. Bò-tát cưới xe lớn, từ một nước Phật đến một nước Phật thanh tịnh Phật độ, thành tựu chúng sinh, ban đầu không có tướng Phật độ, cũng không có tướng chúng sinh, người này trụ trong pháp bất nhị, vì chúng sinh thọ thân, tùy chỗ ứng hợp của chúng sinh mà tự biến hiện thân để giáo hóa họ; cho đến khi được Trí nhất thiết, không bao giờ lìa xe Bò-tát (Bò-tát thừa). Bò-tát ấy được Trí nhất thiết chủng

rồi, chuyển pháp luân mà hàng Thanh-văn, Bích-chi Phật, trời, rồng, quỷ, thần, A-tu-la, nhân dân thế gian không thể chuyển được. Bấy giờ, chư Phật như số cát sông Hằng ở mười phương đều hoan hỷ xưng danh tán thán rằng: Phương ấy, nước ấy, Bồ-tát ma-ha-tát ấy cưới xe lớn, được Trí nhất thiết chủng, Chuyển Pháp luân.

Xá-lợi-phất! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát cưới xe lớn.

LUẬN: Phú-lâu-na lấy ba việc thuyết minh nghĩa Ma-ha-tát: Trên kia đã nói hai việc, nay hỏi việc thứ ba là việc cưới xe lớn (thừa đại thừa).

Phú-lâu-na đáp: Có người nói, Bồ-tát chỉ bố thí tài vật trong ngoài, mà không phá được tướng ta, tôi; ấy gọi là đại trang nghiêm. Nếu phá được tướng ta, tôi, nhập vào chúng sinh không, chưa nhập vào pháp không, ấy gọi là đại trang nghiêm. Nhân chúng sinh không mà vào pháp không, tu hành Thí ba-la-mật, không thấy ba việc là người cho, người nhận, và tài vật, được như vậy gọi là cưới xe lớn; các Ba-la-mật khác cũng như vậy. Bồ-tát ấy dùng tâm không tạp loạn, lìa các phiền não và tâm nhị thừa, vì Trí nhất thiết chủng mà tu bốn niệm xứ, tu cũng không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh; ấy gọi là cưới xe lớn; cho đến mười tám pháp không chung cũng như vậy.

* Lại nữa, nếu Bồ-tát biết hết thấy pháp chỉ là giả danh tự, nơi trong danh tự hòa hợp lại có danh tự, hết thấy thế gian hoặc xuất thế gian đều là giả danh, ấy gọi là cưới xe lớn.

* Lại nữa, Bồ-tát phát tâm đại trang nghiêm, đầy đủ thần thông của Bồ-tát. Vì đầy đủ thần thông của Bồ-tát nên thành tựu chúng sinh, từ một nước Phật đến một nước Phật. Các nước trải qua, mưa hoa sen bảy báu, cúng dường chư Phật, đưa chúng sinh ra khỏi ba đường ác, biến ra vô số thân, mỗi mỗi đến trước chư Phật, nghe lãnh pháp hóa Đại thừa. Từ trước chư Phật thú hướng tướng Đại thừa,

cưỡi xe lớn ấy, từ một nước Phật đến một nước Phật, thành tựu chúng sinh, thanh tịnh Phật độ, không sinh tướng chúng sinh, không sinh tướng Phật độ, trú trong địa vị bất nhị nhập, tùy các chúng sinh đáng được độ thì hóa độ họ. Vì chúng sinh nên thọ thân, thường cưỡi xe lớn, chưa bao giờ ngừng nghỉ, ấy là Bồ-tát cưỡi xe lớn, được thành Phật, Chuyển Pháp luân mà hàng Thanh-văn, Bích-chi Phật không thể chuyển được, huống gì các kẻ phàm phu nhỏ nòi. Chư Phật như số cát sông Hằng ở mười phương tán thán Bồ-tát ấy rằng: Phương ấy, nước ấy, Bồ-tát ấy cưỡi xe lớn, thành tựu chúng sinh, Chuyển Pháp luân. Tướng trạng như vậy gọi là cưỡi xe lớn.

* Lại nữa, xe lớn gọi là sáu Ba-la-mật rất ráo thanh tịnh, Bồ-tát ma-ha-tát khi cưỡi xe lớn, lấy năm thần thông để tự trang nghiêm. Bồ-tát trú trong xe ấy trong một lúc biến ra vô số thân, đi đến mười phương thế giới cúng dường các đức Phật, độ thoát chúng sinh, ấy là Bồ-tát thường không lìa chư Phật, cho đến được thành Phật đạo, thường cưỡi xe lớn này.

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

GIẢI THÍCH: PHẨM TRANG NGHIÊM THỨ 17

(*Kinh Đại Bát-nhã ghi: Phần 2, Phẩm Vô Phược Giải thứ 15*)

KINH: Bảy giờ Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát đại trang nghiêm (*Kinh Đại bát nhã ghi: Mặc áo giáp Đại thừa*), thế nào là đại trang nghiêm? Thế nào là Bồ-tát có thể đại trang nghiêm?

Phật dạy Tu-bồ-đề: Bồ-tát ma-ha-tát đại thừa đại trang nghiêm là Thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật trang nghiêm; bốn niệm xứ trang nghiêm cho đến tám Thánh đạo phần; nội không trang nghiêm cho đến vô pháp hữu pháp không; mười lực cho đến mười tám pháp không chung và Trí nhất thiết chủng trang nghiêm. Biến thân như Phật trang nghiêm, ánh sáng chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới, cũng chiếu khắp thế giới như hằng hà sa số ở phương đông, phương tây, nam, bắc, bốn góc trên dưới cũng như vậy. Ba ngàn đại thiên thế giới sáu cách rung động, cũng rung động cả thế giới như hằng hà sa số ở phương đông, phương tây, nam, bắc, bốn góc trên dưới cũng như vậy. Bồ-tát ma-ha-tát ấy trú Thí ba-la-mật đại thừa đại trang nghiêm, là ba ngàn đại thiên thế giới biến thành lưu ly, hóa làm Chuyển luân Thánh vương, tùy sự ưa muốn của chúng sinh, cần ăn cho ăn, cần uống cho uống, y phục, đồ nằm, hương hoa, anh

lạc, hương giã, hương ướp, phòng xá, đèn đuốc, thuốc thang các thứ cần dùng, đều cấp cho đủ, cho rồi thuyết pháp là nên nói sáu pháp Ba-la-mật. Chúng sinh nghe pháp ấy, không bao giờ lìa sáu Ba-la-mật, cho đến khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Như vậy Tu-bồ-đề! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát đại thừa đại trang nghiêm.

Tu-bồ-đề! Thí như thầy huyền thuật hoặc học trò huyền thuật, ở giữa ngã tư đường, hóa làm đại chúng ở trước mặt, cần ăn cho ăn, cần uống cho uống, cho đến các thứ cần dùng đều cấp cho hết.

Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Thầy huyền thuật ấy thật có chúng sinh, có cấp cho chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Thưa không, bạch Thế Tôn!

Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát cũng như vậy, hóa làm Chuyển luân Thánh vương, đầy đủ các thứ, cần ăn cho ăn, cần uống cho uống, cho đến các thứ cần dùng đều cấp cho hết, tuy có bố thí mà thật không cho gì, vì có sao? Tu-bồ-đề! Vì tướng các pháp như huyền vậy.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát trú trong Giới ba-la-mật, hiện sinh vào nhà Chuyển luân Thánh vương, lấy mười thiện đạo giáo hóa chúng sinh, lại lấy bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, bốn niệm xứ, cho đến mười tám pháp không chung, giáo hóa chúng sinh. Người mới nghe được pháp ấy cho đến khi chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác trọn không lìa pháp ấy, thí như thầy huyền thuật hoặc học trò huyền thuật, ở giữa ngã tư đường, hóa làm đại chúng, lấy mười thiện đạo giáo hóa bảo làm; lại lấy bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, bốn niệm xứ, cho đến mười tám pháp không chung giáo hóa bảo làm.

Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Thầy huyền thuật ấy thật có chúng sinh giáo hóa bảo làm mười thiện đạo, cho đến mười tám pháp không chung chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Thưa không, bạch Thế Tôn!

Tu-bồ-đề! Bồ-tát cũng như vậy. Lấy mười thiện đạo giáo hóa chúng sinh bảo làm, cho đến mười tám pháp không chung mà thật không có chúng sinh làm mười thiện đạo, cho đến mười tám pháp không chung, vì có sao? Vì các pháp như huyền vậy.

Tu-bồ-đề! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát đại trang nghiêm.

*** Lại nữa, Tu-bồ-đề!** Bồ-tát ma-ha-tát trú trong Nhẫn ba-la-mật, giáo hóa chúng sinh nhẫn nhục.

Tu-bồ-đề! Thế nào là Bồ-tát ma-ha-tát trú trong Nhẫn ba-la-mật giáo hóa chúng sinh trú trong Nhẫn ba-la-mật?

Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát từ khi mới phát tâm lại đây, đại trang nghiêm như vậy: Nếu hết thấy chúng sinh đến mắng nhiếc, đao gậy làm tổn hại, Bồ-tát ma-ha-tát không khởi một niệm đối với việc ấy, cũng dạy hết thấy chúng sinh làm hạnh nhẫn nhục như vậy, thí như thầy huyền thuật, hoặc học trò huyền thuật ở giữa ngã tư đường, hóa làm đại chúng, khiến tu nhẫn nhục, ngoài ra như trên đã nói.

Tu-bồ-đề! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát đại trang nghiêm.

*** Lại nữa, Tu-bồ-đề!** Bồ-tát ma-ha-tát trú trong Tinh tấn ba-la-mật, dạy hết thấy chúng sinh khiến tu Tinh tấn ba-la-mật.

Tu-bồ-đề! Thế nào là Bồ-tát ma-ha-tát trú trong Tinh tấn ba-la-mật, dạy hết thấy chúng sinh khiến tu Tinh tấn ba-la-mật?

Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, thân tâm tinh tấn, giáo hóa chúng sinh, thí như thầy

huyền thuật hoặc học trò huyền thuật ở giữa ngã tư đường hóa làm đại chúng, dạy khiến tu thân tâm tinh tấn, ngoài ra như trên đã nói. Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát đại trang-nghiêm.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát trú Thiền ba-la-mật, dạy hết thầy chúng sinh khiến tu Thiền ba-la-mật.

Tu-bồ-đề! Thế nào là Bồ-tát ma-ha-tát trú trong Thiền ba-la-mật, dạy hết thầy chúng sinh khiến tu Thiền ba-la-mật?

Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát trú trong các pháp, không thấy pháp hoặc loạn hoặc định. Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát trú trong Thiền ba-la-mật, dạy hết thầy chúng sinh khiến tu Thiền ba-la-mật, cho đến khi chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trọn không lìa Thiền ba-la-mật; thí như thầy huyền thuật hoặc học trò huyền thuật ở giữa ngã tư đường, hóa làm đại chúng, dạy khiến tu Thiền ba-la-mật, ngoài ra như trên đã nói.

Tu-bồ-đề! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát đại trang nghiêm.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát trú trong Bát-nhã ba-la-mật, dạy hết thầy chúng sinh khiến tu Bát-nhã ba-la-mật.

Tu-bồ-đề! Thế nào là Bồ-tát ma-ha-tát trú trong Bát-nhã ba-la-mật, dạy hết thầy chúng sinh khiến tu Bát-nhã ba-la-mật?

Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Bát-nhã ba-la-mật, không có pháp được bờ kia, bờ này, như vậy là Bồ-tát ma-ha-tát trú trong Bát-nhã ba-la-mật, dạy hết thầy chúng sinh khiến tu Bát-nhã ba-la-mật, thí như thầy huyền thuật, hoặc học trò huyền thuật, ở giữa ngã tư đường, hóa làm đại chúng, dạy khiến tu Bát-nhã ba-la-mật.

Tu-bồ-đề! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát đại trang nghiêm.

*** Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát đại trang nghiêm là ở trong mười phương thế giới số như hằng hà sa, tùy chỗ ứng hợp, tự biến thân trú trong Thí ba-la-mật, cho đến Bát-nhã ba-la-mật, cũng dạy chúng sinh khiến tu Thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật. Chúng sinh ấy tu pháp ấy cho đến khi chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trọn không lìa pháp ấy. Tu-bồ-đề! Thí như thầy huyền thuật, hoặc học trò huyền thuật, ở giữa ngã tư đường, hóa làm đại chúng, dạy khiến tu sáu Ba-la-mật, ngoài ra như trên đã nói.**

Như vậy, Tu-bồ-đề! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát đại trang nghiêm.

*** Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát đại trang nghiêm là tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, không sinh niệm rằng: Ta dạy ngàn ấy người trú trong Thí ba-la-mật, không dạy ngàn ấy người trú trong Thí ba-la-mật, cho đến Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy; không sinh niệm rằng: Ta dạy ngàn ấy người trú trong bốn niệm xứ, không dạy ngàn ấy người trú trong bốn niệm xứ, cho đến mười tám pháp không chung cũng như vậy; cũng không sinh niệm rằng: Ta dạy ngàn ấy người khiến được quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, Bích-chi Phật đạo, Trí nhất thiết chủng, không dạy ngàn ấy người khiến được quả Tu-đà-hoàn, cho đến Trí nhất thiết chủng. Ta sẽ khiến vô lượng vô biên vô số chúng sinh trú trong Thí ba-la-mật, cho đến Bát-nhã ba-la-mật, dựng lập chúng sinh nơi bốn niệm xứ, cho đến mười tám pháp không chung, khiến vô lượng vô biên vô số chúng sinh được quả Tu-đà-hoàn cho đến Trí nhất thiết chủng; thí như thầy huyền thuật hoặc học trò huyền thuật, ở giữa ngã tư đường hóa làm đại chúng, dạy khiến tu sáu Ba-la-mật, cho đến chúng được Trí nhất thiết chủng. Ngoài ra như trên đã nói.**

Tu-bồ-đề! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát đại trang nghiêm.

LUẬN: Ở trên Phú-lâu-na nói đại trang nghiêm và tướng phát đại thệ trang nghiêm, nay Tu-bồ-đề khởi niệm rằng: Phú-lâu-na chưa được trí nhất thiết, tuy nói Đại Trang nghiêm, hoặc có sai lầm, nên hỏi Phật để thủ lấy quyết định. Phật vì Tu-bồ-đề nói Thí ba-la-mật đại trang nghiêm, cho đến Trí nhất thiết là quả báo của thiện pháp nên được sức thần thông lớn của Bồ-tát; vì hạng chúng sinh mền đạo xuất gia nên hóa làm thân Phật, phóng ánh sáng lớn, chiếu mười phương thế giới, rung động đại địa, khiến chúng sinh phát tâm tu thiện pháp, tùy căn cơ thích hợp mà thuyết pháp cho, khiến được ba thừa, vì chúng sinh tại gia ham vui, làm Chuyển luân Thánh vương, biến ba ngàn đại thiên thế giới thành lưu ly, vì không chướng ngại, cưỡi xe bảy báu, thân phóng hào quang, mưa các bảo vật, tùy chúng sinh cần dùng, đều khiến cho đầy đủ, vậy sau nói pháp Bồ-tát. Bồ-tát trú trong đại thừa, lấy hai sự bố thí làm lợi ích chúng sinh, đó là tài thí và pháp thí, chúng sinh nghe rồi tu sáu Ba-la-mật cho đến mười tám pháp không chung, đến khi chúng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trọn không lìa pháp ấy. Bồ-tát tuy trú trong biến hóa ấy cũng không sinh chấp trước tương đối với các pháp, cũng không tự cao. Tu-bồ-đề khởi niệm rằng: Bồ-tát hành được đại sự như vậy. Lại chưa sạch hết các lậu hoặc, làm sao không đắm trước các pháp, cũng không sinh tâm tự cao được? Trong đây Phật tự nói thí dụ, thí như thầy huyền thuật ở giữa ngã tư đường, hóa làm các thứ vật, tùy chỗ người cần đều có thể cho hết. Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Thầy huyền thuật ấy thật có cho chăng? Có người thọ nhận, có người cần dùng chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Đó chỉ là hư dối, thật không có gì.

Phật dạy: Bồ-tát cũng như vậy, tuy hiện làm thân Phật, thân Chuyển luân Thánh vương, lấy của và pháp thí cho chúng sinh, cũng như thầy huyền thuật thật không có cho gì, vì sao? Vì các pháp rốt ráo không, như huyền. Năm Ba-la-mật kia cũng như vậy, tùy theo nghĩa mà phân biệt.

* Lại nữa, do nhân duyên Thí ba-la-mật, Giới ba-la-mật, nên làm Chuyển luân Thánh vương giàu sang trong loài người, do các Ba-la-mật khác hoặc làm Phạm vương, hoặc làm pháp thân Bồ-tát.

Hỏi: Ngoài sáu Ba-la-mật còn có pháp gì có thể trang nghiêm không?

Đáp: Các công đức đều thu nhiếp trong sáu Ba-la-mật. Có người nói còn có trí Ba-la-mật và phương tiện Ba-la-mật v.v... ở trong mười phương thế giới số như hằng hà sa, tùy chỗ đáng độ, bày các nhân duyên thuyết pháp khiến chúng sinh trú trong sáu Ba-la-mật.

* Lại nữa, quyết định thế nguyện gọi là đại trang nghiêm, nghĩa là Bồ-tát không khởi niệm rằng: Ta độ ngàn ấy người khiến trú trong Thí ba-la-mật, mà không thể độ người khác. Cho đến mười tám pháp không chung cũng như vậy, cũng không khởi niệm rằng: Ta khiến ngàn ấy người được quả Tu-đà-hoàn mà không thể khiến ngàn ấy người được quả Tu-đà-hoàn; cho đến thành Phật đạo cũng như vậy. Ta sẽ khiến hết vô lượng vô số chúng sinh trú trong các công đức, Thí ba-la-mật cho đến Trí nhất thiết chủng, như thầy huyền thuật, như trước đã nói; ấy gọi là phát thế nguyện đại trang nghiêm.

KINH: Bảy giờ Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế-tôn! Như ý nghĩa con theo Phật nghe được Bồ-tát ma-ha-tát không có đại trang nghiêm là đại trang nghiêm, vì các pháp tự tướng không, nghĩa là sắc, sắc tướng không; thọ, tướng, hành, thức, thức tướng không; mắt, mắt tướng không cho đến ý, ý tướng không; sắc, sắc tướng không, cho đến pháp, pháp tướng không; nhãn thức, nhãn thức tướng không cho đến ý thức, ý thức tướng không; nhãn xúc, nhãn xúc tướng không cho đến ý xúc, ý xúc tướng không; thọ do nhãn xúc làm nhân duyên sinh, thọ tướng không, cho đến thọ do ý xúc làm nhân duyên sinh, thọ tướng không.

Bạch đức Thế Tôn! Thí ba-la-mật, Thí ba-la-mật tướng không; cho đến Bát-nhã ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật tướng không. Nội không, nội không tướng không; cho đến vô pháp hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không tướng không; bốn niệm xứ, bốn niệm xứ tướng không, cho đến mười tám pháp không chung, mười tám pháp không chung tướng không; Bồ-tát, Bồ-tát tướng không. Bạch đức Thế Tôn! Do nhân duyên ấy nên biết Bồ-tát ma-ha-tát ấy không có đại trang nghiêm là đại trang nghiêm.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Như vậy, như vậy! Như lời ông nói. Tu-bồ-đề! Trí nhất thiết chủng, chẳng phải pháp tạo tác, chúng sinh cũng chẳng phải pháp tạo tác, Bồ-tát đại trang nghiêm vì chúng sinh ấy.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà Trí nhất thiết chủng chẳng phải pháp tạo tác, chúng sinh ấy cũng chẳng phải pháp tạo tác, Bồ-tát đại trang nghiêm vì chúng sinh ấy?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Vì người làm không thể có được, nên Trí nhất thiết chủng chẳng phải pháp tạo tác sinh khởi. Các chúng sinh ấy cũng chẳng phải tạo tác sinh khởi, vì sao? Tu-bồ-đề! Vì sắc chẳng phải tạo tác chẳng phải không tạo tác; thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải tạo tác, chẳng phải không tạo tác. Mắt chẳng phải tạo tác, chẳng phải không tạo tác cho đến ý chẳng phải tạo tác, chẳng phải không tạo tác. Sắc cho đến pháp, nhãn thức cho đến ý thức, nhãn xúc cho đến ý xúc, thọ do nhãn xúc làm nhân duyên sinh cho đến thọ do ý xúc làm nhân duyên sinh chẳng phải tạo tác chẳng phải không tạo tác.

Tu-bồ-đề! Ngã chẳng phải tạo tác chẳng phải không tạo tác, cho đến kẻ biết, kẻ thấy chẳng phải tạo tác, chẳng phải không tạo tác, vì sao? Vì các pháp ấy rất ráo không thể có được.

Tu-bồ-đề! Mộng chẳng phải tạo tác chẳng phải không tạo tác, vì sao? Vì rốt ráo không thể có được. Huyền, tiếng vang, bóng, sóng nắng, biến hóa chẳng phải tạo tác chẳng phải không tạo tác, vì sao? Vì rốt ráo không thể có được. **Tu-bồ-đề!** Nội không chẳng phải tạo tác chẳng phải không tạo tác, vì rốt ráo không thể có được, cho đến vô pháp hữu pháp không chẳng phải tạo tác chẳng phải không tạo tác, vì rốt ráo không thể có được.

Tu-bồ-đề! Bốn niệm xứ chẳng phải tạo tác, chẳng phải không tạo tác, vì rốt ráo không thể có được, cho đến mười tám pháp không chung, chẳng phải tạo tác, chẳng phải không tạo tác, vì sao? Vì pháp ấy rốt ráo không thể có được. **Tu-bồ-đề!** Các pháp như như, pháp tướng, pháp tánh, pháp trụ, pháp vị, thật tế, chẳng phải tạo tác, chẳng phải không tạo tác, vì rốt ráo không thể có được.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát chẳng phải tạo tác chẳng phải không tạo tác, vì rốt ráo không thể có được. Tát-bà-nhã và Trí nhất thiết chủng chẳng phải tạo tác chẳng phải không tạo tác, vì rốt ráo không thể có được.

Do nhân duyên ấy, **Tu-bồ-đề!** Tát-bà-nhã chẳng phải pháp tạo tác, sinh khởi, chúng sinh ấy cũng chẳng phải pháp tạo tác, sinh khởi. Bồ-tát đại trang nghiêm vì chúng sinh ấy. Bây giờ, **Tu-bồ-đề** bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Như con xem xét nghĩa của Phật dạy: Sắc không trói không mở; thọ, tưởng, hành, thức cũng không trói không mở.

Bây giờ **Phú-lâu-na Di-đa-la-ni-tử** nói với **Tu-bồ-đề** rằng: Sắc là không trói không mở; thọ, tưởng, hành, thức là không trói không mở.

Tu-bồ-đề nói: Như vậy, như vậy! Sắc là không trói không mở, thọ, tưởng, hành, thức là không trói không mở.

Phú-lâu-na Di-đa-la-ni-tử hỏi Tu-bồ-đề rằng: Thế nào là sắc không trói không mở; thọ, tưởng, hành, thức không trói không mở?

Tu-bồ-đề nói: Sắc như mộng không trói không mở; thọ, tưởng, hành, thức như mộng không trói không mở. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức như tiếng vang, như bóng, như huyễn, như sóng nắng, như biến hóa không trói không mở.

Này Phú-lâu-na Di-đa-la-ni-tử! Sắc quá khứ không trói không mở; thọ, tưởng, hành, thức quá khứ không trói không mở. Sắc vị lai không trói không mở; thọ, tưởng, hành, thức vị lai không trói không mở. Sắc hiện tại không trói không mở; thọ, tưởng, hành, thức hiện tại không trói không mở, vì sao không trói không mở? Vì sắc ấy không có gì, nên không trói không mở; thọ, tưởng, hành, thức không có gì, nên không trói không mở, vì lìa, vì tịch diệt, vì không sinh nên không trói không mở.

Này Phú-lâu-na! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức lành không trói không mở; sắc, thọ, tưởng, hành, thức chẳng lành không trói không mở. Sắc vô ký không trói không mở; thọ, tưởng, hành, thức vô ký không trói không mở. Sắc thế gian, xuất thế gian, hữu lậu, vô lậu không trói không mở; thọ, tưởng, hành, thức cũng không trói không mở, vì sao? Vì không có gì, vì lìa, vì tịch diệt, vì không sinh, nên không trói không mở.

Này Phú-lâu-na! Hết thấy pháp không trói không mở, vì không có gì, vì lìa, vì tịch diệt, vì không sinh.

Này Phú-lâu-na! Thí ba-la-mật không trói không mở; Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật không trói không mở, vì không có gì, vì lìa, vì tịch diệt, vì không sinh nên không trói không mở.

Này Phú-lâu-na! Nội không cũng không trói không mở, cho đến vô pháp hữu pháp không cũng không trói không mở. Bốn

niệm xứ không trói không mở, cho đến mười tám pháp không chung cũng không trói không mở, vì không có gì, vì lìa, vì tịch diệt, vì không sinh nên không trói không mở. Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không trói không mở; Trí nhất thiết, Trí nhất thiết chủng không trói không mở. Bồ-đề không trói không mở, Phật cũng không trói không mở, vì không có gì, vì lìa, vì tịch diệt, vì không sinh nên không trói không mở.

Này Phú-lâu-na! Các pháp như như, pháp tướng, pháp tánh, pháp trụ, pháp vị, thật tế, pháp vô vi không trói không mở, vì không có gì, vì lìa, vì tịch diệt, vì không sinh nên không trói không mở.

Này Phú-lâu-na! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát Thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật, không trói không mở; bốn niệm xứ cho đến Trí nhất thiết chủng không trói không mở. Bồ-tát ấy trụ trong Thí ba-la-mật cho đến trụ trong Bát-nhã ba-la-mật, không trói không mở; trú trong bốn niệm xứ không trói không mở, cho đến trú trong Trí nhất thiết chủng không trói không mở, thành tựu chúng sinh không trói không mở, tịnh quốc độ Phật không trói không mở, sẽ cúng dường chư Phật không trói không mở, sẽ nghe pháp không trói không mở, trọn không lìa chư Phật không trói không mở, trọn không lìa các thần thông không trói không mở, trọn không lìa năm mắt không trói không mở, trọn không lìa môn Đà-la-ni không trói không mở, trọn không lìa các Tam-muội không trói không mở, sẽ sinh Đạo chủng trí không trói không mở, sẽ được Trí nhất thiết chủng không trói không mở; Chuyển Pháp luân không trói không mở, an lập chúng sinh nơi tam thừa không trói không mở.

Như vậy Phú-lâu-na! Bồ-tát ma-ha-tát tu sáu Ba-la-mật không trói không mở, sẽ biết hết thấy pháp không trói không mở, vì không có gì, vì lìa, vì tịch diệt, vì không sinh.

Phú-lâu-na, ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát đại trang nghiêm không trói không mở.

LUẬN: Tu-bồ-đề nói: Như nghĩa con được nghe Phật dạy không có đại trang nghiêm là đại trang nghiêm, vì sao? Vì tự tướng không vậy.

Hỏi: Tu-bồ-đề có sao nói như vậy?

Đáp: Phật dạy nghĩa phát đại trang nghiêm rất sâu, khó được khó hiểu. Chúng sinh ở trong hội chúng nghe việc ấy, tâm hoặc bị thối mất. Trang nghiêm rốt ráo Không, như vậy cũng do sức thần thông nên trong một lúc có thể khắp đến thế giới mười phương số như hằng hà sa, chúng sinh thích ý nói đây là việc thánh chúa, chúng ta làm sao biết được, vì thế nên Tu-bồ-đề nói phát đại trang nghiêm chẳng phải sâu chẳng phải khó, chẳng phải chỉ phát đại trang nghiêm, tự tướng không, dễ tu dễ được. Sắc, trong sắc định tướng không thể có được, cho đến mười tám pháp không chung cũng như vậy. Nếu Bồ-tát biết được tướng Không tịch diệt của các pháp như vậy, mà không bỏ bản nguyện tinh tấn, cho nên gọi là phát đại trang nghiêm chẳng phải khó được. Phật ẩn chứng lời Tu-bồ-đề nói, nên nói “như vậy”. Pháp tạo tác đều là hư dối, nên nói Tát-bà-nhã là pháp không tạo tác, vì chúng sinh rốt ráo không, cũng là pháp không tạo tác. Phật dạy người làm là không thể có được, nên hết thấy chẳng phải tướng tạo tác. Vì chúng sinh không thể có được, nên người làm không thể có được, vì người làm không thể có được, nên Tát-bà-nhã chẳng phải tướng tạo tác sinh khởi.

* Lại nữa, sắc cũng không thể làm, vì pháp không, cho đến các Phật pháp cũng như vậy. Tu-bồ-đề gọi trong các pháp không có tướng định làm, như huyền, tuy không có sự thật mà có tướng đi lại, vì thế nên Phật dạy như huyền, như sóng năng, không có tướng tạo tác, vì rốt ráo không thể có được.

Khi ấy người nghe suy nghĩ rằng: Mười tám Không có thể phá hết thấy pháp, thế là có tác dụng, thế thời là thật, nghĩa là có tạo tác? Vì vậy nên Phật dạy: Nội không không tạo tác, cho đến vô pháp hữu pháp không, mười tám pháp không chung cũng không có tạo tác.

Hoặc nói: Mười tám không là hữu vi hư dối không thật, nên có thể không tạo tác, còn như, pháp tánh, thật tế, là pháp chơn thật, nên phải có tạo tác, vì sao? Vì hết thấy pháp hữu vi mỗi mỗi đều có nhân chung, pháp vô vi cũng làm nhân cho pháp có tạo tác? Nên Phật dạy: Như như, pháp tánh, thật tế, pháp trụ, pháp vị, cũng không tạo tác.

Lại hoặc nói: Bồ-tát, Phật, Trí nhất thiết chủng, là pháp thật có, có thể có tạo tác? Vì vậy nên Phật nói: Pháp ấy cũng vì rốt ráo không, nên cũng không tạo tác, vì tướng tạo tác do nhân duyên sinh.

Hành giả nghĩ rằng: Phật pháp rất khó, rất là hy hữu, các pháp đều không tạo tác, không trói không mở, chúng ta làm sao sẽ từ khổ được thoát? Thế nên Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Như con biết nghĩa của Phật nói năm uẩn không trói không mở; nếu rốt ráo không, không có người làm thì ai trói ai mở? Pháp người phàm phu hư dối không thể có được nên chẳng phải trói, pháp thánh nhân rốt ráo không, không thể có được nên chẳng phải mở. Năm uẩn như mộng, và năm uẩn trong ba đời, năm uẩn thiện bất thiện, hết thấy pháp cũng như vậy, cho đến thật tế, cũng như vậy, vì không có gì, vì lìa, vì không sinh, nên không trói không mở; ấy gọi là đạo Bồ-tát không trói không mở của Bồ-tát ma-ha-tát. Ở trong đạo ấy, các phiền não không kéo rơi vào trong phàm phu, cho nên nói không trói, không lấy các pháp vô lậu phá phiền não nên nói không mở.

Giáo hóa chúng sinh, tịnh quốc độ Phật, cho đến năm thân thông, năm mắt, các môn Tam-muội, Đà-la-ni, trọn không lìa Phật, và an lập chúng sinh nơi tam thừa cũng không trói không mở, vì có sao? Vì các pháp không có gì, vì lìa, vì tịch diệt, vì không sinh, vì rốt ráo không.

Do các nhân duyên như vậy, ấy gọi là tướng Bồ-tát đại trang nghiêm, nghĩa là không trói không mở.

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

GIẢI THÍCH: PHẨM ĐẠI THỪA THỨ 18

(Kinh Ma-ha Bát-nhã ba-la-mật ghi: Phẩm Vấn Thừa)
(Kinh Đại Bát-nhã ghi: Phần 2, Phẩm Tam-ma-địa thứ 16)

KINH: Bấy giờ Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là tướng Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát? Làm sao biết Bồ-tát ma-ha-tát phát tâm thú hướng Đại thừa? Thừa ấy phát xuất từ chỗ nào? Thừa ấy đi đến chỗ nào? Thừa ấy trú chỗ nào? Ai cưỡi Đại thừa ấy đi ra?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ông hỏi thế nào là tướng Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát ư? Tu-bồ-đề! Sáu Ba-la-mật là Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát. Những gì là sáu? Thí ba-la-mật, Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật và Bát-nhã ba-la-mật.

Sao gọi là Thí ba-la-mật? Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát đem tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, bố thí tài vật trong ngoài, cùng hết thấy chúng sinh hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì dùng vô sở đắc. Tu-bồ-đề! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát Thí ba-la-mật.

Sao gọi là Giới ba-la-mật? Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát đem tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, tự làm mười thiện đạo,

cũng dạy người khác làm mười thiện đạo, vì dùng vô sở đắc. Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát chẳng chấp trước Giới ba-la-mật.

Sao gọi là Nhẫn ba-la-mật? Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát đem tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, tự đầy đủ nhẫn nhục, cũng dạy người khác tu nhẫn nhục, vì dùng vô sở đắc, ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát Nhẫn ba-la-mật.

Sao gọi là Tinh tấn ba-la-mật? Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát đem tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, tu năm Ba-la-mật, siêng tu không nghỉ, cũng an lập hết thấy chúng sinh nơi năm Ba-la-mật, vì dùng vô sở đắc; ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát Tinh tấn ba-la-mật.

Sao gọi là Thiên ba-la-mật? Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát đem tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng tự lấy phương tiện vào các thiên, không sinh theo thiên cũng dạy người khác khiến vào các thiên, vì dùng vô sở đắc; ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát Thiên ba-la-mật.

Sao gọi là Bát-nhã ba-la-mật? Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát đem tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, không đắm hết thấy pháp, cũng quán hết thấy pháp tánh, vì dùng vô sở đắc; cũng dạy người khác không đắm hết thấy pháp, cũng quán hết thấy pháp tánh, vì dùng vô sở đắc, ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát Bát-nhã ba-la-mật. Tu-bồ-đề!

Ấy là tướng Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát là nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, đệ nhất nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cảnh không, vô thủ không, tán không, tánh không, tự tướng không, chư pháp không, bất khả đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Thế nào là nội không? Phật dạy: Nội không là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Mắt, mắt không chẳng phải thường, chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó tự như vậy. Tai, tai không; mũi, mũi không; lưỡi, lưỡi không; thân, thân không; ý, ý không chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó tự như vậy; ấy gọi là nội không.

Sao gọi là ngoại không? Pháp ngoài gọi là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Sắc, sắc không chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó tự như vậy. Thanh, thanh không; hương, hương không; vị, vị không; xúc, xúc không; pháp, pháp không chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó tự như vậy; ấy gọi là ngoại không.

Sao gọi là nội ngoại không? Pháp trong ngoài gọi là trong sáu nhập, ngoài sáu nhập. Pháp trong, pháp trong không chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó tự như vậy. Pháp ngoài, pháp ngoài không chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó tự như vậy; ấy gọi là nội ngoại không.

Sao gọi là không không? Hết thấy pháp không, không ấy cũng không, chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó tự như vậy; ấy gọi là không không.

Sao gọi là đại không? Phương đông, phương đông không chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó tự như vậy. Phương nam, tây, bắc, bốn góc trên dưới; phương nam, tây, bắc, bốn góc trên dưới không chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó tự như vậy; ấy gọi là đại không.

Sao gọi là đệ nhất nghĩa không? Đệ nhất nghĩa tức là Niết-bàn; Niết-bàn, Niết-bàn không chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó tự như vậy; ấy gọi là đệ nhất nghĩa không.

Sao gọi là hữu vi không? Pháp hữu vi là cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc; cõi Dục, cõi Dục không; cõi Sắc, cõi Sắc không; cõi Vô sắc, cõi Vô sắc không; chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó tự như vậy, ấy gọi là hữu vi không.

Sao gọi là vô vi không? Pháp vô vi gọi là tướng không sinh, tướng không trụ, tướng không diệt; pháp vô vi, pháp vô vi không chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó tự như vậy; ấy gọi là vô vi không.

Sao gọi là rốt ráo không? Rốt ráo tức là các pháp rốt ráo không thể có được, chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó tự như vậy; ấy gọi là rốt ráo không.

Sao gọi là vô thủ không? Hoặc pháp chỗ bắt đầu đến không thể có được, chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó tự như vậy; ấy gọi là vô thủ không.

Sao gọi là tán không? Tán là các pháp không diệt, chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó tự như vậy; ấy gọi là tán không.

Sao gọi là tánh không? Hết thấy pháp tánh, hoặc tánh pháp hữu vi hoặc tánh pháp vô vi, tánh ấy chẳng phải Thanh văn, Bích-chi Phật làm, chẳng phải Phật làm, cũng chẳng phải các người khác làm ra. Tánh ấy tánh không, chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó tự như vậy, ấy gọi là tánh không.

Sao gọi là tự tướng không? Tự tướng sắc là hư hoại, thọ là tướng lãnh thọ, tướng là tướng thủ lấy tướng, hành là tướng tạo tác, thức là tướng hiểu biết. Như vậy các pháp hữu vi, vô vi, mỗi mỗi tự tướng không, chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó tự như vậy; ấy gọi là tự tướng không.

Sao gọi là các pháp không? Các pháp là sắc, thọ, tướng, hành, thức; mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp;

nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới cho đến ý giới, pháp giới, ý thức giới. Các pháp ấy, các pháp không, chẳng phải thường chẳng phải đoạn vì sao? Vì tánh nó tự như vậy, ấy gọi là các pháp không.

Sao gọi là bất khả đắc không? Tìm cầu các pháp không thể có được, ấy là bất khả đắc không, chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó tự như vậy; ấy gọi là bất khả đắc không.

Sao gọi là vô pháp không? Hoặc pháp không có ấy cũng không, chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó tự như vậy; ấy gọi là vô pháp không.

Sao gọi là hữu pháp không? Pháp có là các pháp trong sự hòa hợp có tự tánh tướng, pháp có ấy không, chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó tự như vậy; ấy gọi là hữu pháp không.

Sao gọi là vô pháp hữu pháp không? Trong các pháp không có pháp, trong các pháp hòa hợp, có tướng tự tánh (*Kinh Đại Bát-nhã ghi: Thế nào là vô tánh tự tánh không? Vô tánh tự tánh là các pháp không thể có tánh hòa hợp và có tự tánh hòa hợp - ND*). Vô pháp hữu pháp ấy không, chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó tự như vậy; ấy gọi là vô pháp hữu pháp không.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Pháp, pháp tướng không; vô pháp, vô pháp tướng không; tự pháp, tự pháp tướng không; tha pháp, tha pháp tướng không.

Sao gọi là pháp, pháp tướng không? Pháp là năm uẩn, năm uẩn không; ấy gọi là pháp, pháp tướng không.

Sao gọi là vô pháp, vô pháp tướng không? Vô pháp là pháp vô vi; ấy gọi là vô pháp, vô pháp tướng không.

Sao gọi là tự pháp, tự pháp tướng không? Các pháp, tự pháp không, cái không ấy chẳng phải trí làm, chẳng phải cái thấy làm; ấy gọi là tự pháp, tự pháp tướng không.

Sao gọi là tha pháp, tha pháp tướng không? Hoặc Phật ra đời, hoặc Phật chưa ra đời, pháp trụ, pháp tướng, pháp vị, pháp tánh, như như, thật tế, quá các pháp không này; ấy gọi là tha pháp, tha pháp tướng không (*Kinh Đại Bát-nhã ghi: Hết thấy pháp hoặc Phật ra đời hoặc không ra đời, pháp trụ, pháp định, pháp tánh, pháp giới, pháp bình đẳng tánh, pháp ly sinh tánh, chơn như bất hư vọng tánh, bất biến dị tánh, thật tế, đều do tha tánh nên không, ấy gọi là tha tánh do tha tánh nên không, ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát - ND*).

LUẬN. *Hỏi:* Kinh này tên là Bát-nhã ba-la-mật, lại Phật khiến Tu-bồ-đề vì Bồ-tát nói Bát-nhã ba-la-mật, Tu-bồ-đề nên hỏi Bát-nhã ba-la-mật, Phật cũng nên đáp Bát-nhã ba-la-mật, sao nay Tu-bồ-đề lại hỏi tướng Đại thừa, Phật cũng đáp Đại thừa?

Đáp: Bát-nhã ba-la-mật và Đại thừa cùng một nghĩa, chỉ có danh tự khác nhau, hoặc nói Bát-nhã ba-la-mật, hoặc nói Đại thừa, không lỗi. Đại thừa là Phật đạo, thực hành pháp ấy được đến Phật, đó là sáu pháp Ba-la-mật. Lớn nhất trong sáu Ba-la-mật là Bát-nhã ba-la-mật, như ở phẩm sau Phật nói các nhân duyên lớn, nếu nói Bát-nhã ba-la-mật, thời nhiếp hết sáu Ba-la-mật. Nếu nói sáu Ba-la-mật thời nói đủ Bồ-tát đạo. Nghĩa là bao gồm từ khi mới phát tâm cho đến khi thành Phật; ví như vua đến, chắc chắn có kẻ tùy tùng; tuy không nói kẻ tùy tùng, mà nên biết chắc chắn có. Đại thừa cũng như vậy.

Bồ-tát ban đầu phát tâm tu hành vì cầu Phật đạo, tu tập thiện pháp, tùy chúng sinh có thể độ mà nói các pháp, đó là kinh Bốn khởi, kinh Dứt hết thấy sinh nghi, kinh Hoa thủ, kinh Pháp hoa, kinh Mây, kinh Mây lớn, kinh Mây pháp, kinh Di-lặc hỏi, kinh Sáu Ba-la-mật, kinh Đại Bát-nhã ba-la-mật. Như vậy vô lượng vô biên vô số kinh, hoặc Phật nói, hoặc Hóa Phật nói, hoặc đại Bồ-tát nói, hoặc Thanh văn nói, hoặc trời đấng đạo nói, việc ấy hòa hợp đều gọi là Đại thừa. Trong các Kinh ấy, Bát-nhã ba-la-mật rất lớn, nên nói là Đại thừa,

tức biết đã nói Bát-nhã ba-la-mật. Các pháp trợ đạo khác không có Bát-nhã ba-la-mật hòa hợp thời không thể đi đến thành Phật. Vì vậy hết thấy pháp trợ đạo đều là Bát-nhã ba-la-mật. Như phẩm sau, Phật bảo Tu-bồ-đề: Ông nói Đại thừa không khác Bát-nhã ba-la-mật.

Hỏi: Nếu như vậy, có sao lúc đầu không nói Đại thừa trước?

Đáp: Ở trên tôi đã nói Bát-nhã ba-la-mật rất lớn cho nên phải nói trước. Lại, ý Phật muốn nói Đại Bát-nhã ba-la-mật nên phóng ra ánh sáng lớn, mười phương các Bồ-tát đều tự hỏi Phật, nay sao có ánh sáng đó? Chư Phật đều đáp: Ở thế giới Ta-bà có Phật hiệu Thích-ca Mâu-ni muốn nói Bát-nhã ba-la-mật, các Bồ-tát kia và các trời người hòa hợp đi đến.

Xá-lợi-phất hỏi Phật: Bạch đức Thế Tôn! Vì sao Bồ-tát ma-ha-tát muốn biết hết thấy pháp phải nên tập hành Bát-nhã ba-la-mật? Lại, trong phẩm đầu, Phật mỗi mỗi tán thán công đức Bát-nhã ba-la-mật rằng, nếu ai muốn được như vậy hãy nên học Bát-nhã ba-la-mật. Có các nhân duyên như vậy, nên ban đầu nói Bát-nhã ba-la-mật. Phật bảo Tu-bồ-đề: Ông hãy vì các Bồ-tát nói Bát-nhã ba-la-mật. Tu-bồ-đề khiêm nhường nói: Bồ-tát “không” chỉ có tên gọi; tiếp sau lại nói là biết rõ hiểu được tướng Bồ-tát như vậy, tức là hành Bát-nhã ba-la-mật. Đã biết như vậy rồi lại hỏi cú nghĩa Bồ-tát, tiếp đến hỏi nghĩa Ma-ha-tát. Trong nghĩa Ma-ha-tát có Đại thừa đại trang nghiêm; vì như dũng sĩ tuy có dao gậy trang nghiêm mà không cười ngựa hay, thời không thể làm gì.

Đại thừa, Thiên Trúc gọi là Ma-ha Diễn (Mahayana). Chư Phật vì dứt pháp ái, và vì nói rõ nghĩa Bát-nhã ba-la-mật không khác, nên Phật không quả trách. Vì vậy, Tu-bồ-đề lại dùng tên khác hỏi Ma-ha Diễn.

Hỏi: Như trong lời tựa Ma-ha Diễn nói: Từ khi mới phát tâm cho đến khi thành Phật đạo, vì Phật đạo nên nhóm hết thấy thiện

pháp, đều gọi là Ma-ha Diễn. Sao nay chỉ nói sáu Ba-la-mật là Ma-ha Diễn?

Đáp: Như trước nói: Nói Bát-nhã ba-la-mật, thời đã nói sáu Ba-la-mật, nói sáu Ba-la-mật thời đã nhiếp hết thầy thiện pháp. Vì vậy không nên hỏi các thiện pháp có nhiều sao chỉ nói sáu Ba-la-mật.

* Lại nữa, Ma-ha Diễn, ban đầu phát tâm lập nguyện, cho đến về sau sáu Ba-la-mật phương tiện v.v... Các pháp ấy tuy không gọi là Ba-la-mật, nhưng theo nghĩa đều ở trong sáu Ba-la-mật. Như ban đầu phát tâm lập nguyện vì tâm đại bi v.v... có sức lớn nên gọi là Tinh tấn ba-la-mật; bỏ lợi nhỏ, thủ lấy Đại thừa, thời gọi là Bát-nhã ba-la-mật.

Phương tiện tức là trí tuệ, trí tuệ thanh tịnh nên đổi gọi là phương tiện.

Giáo hóa chúng sinh, tịnh quốc độ Phật v.v... đều ở trong sáu Ba-la-mật, tùy nghĩa thu nhiếp nhau.

Hỏi: Nếu như vậy, cứ sao sau lại nói mười tám pháp không, 108 Tam-muội v.v... gọi là Ma-ha Diễn?

Đáp: Sáu Ba-la-mật là thể Ma-ha Diễn, về sau chỉ phân biệt rộng nghĩa nó. Như mười tám không, bốn mươi hai chữ v.v... là nghĩa Bát-nhã ba-la-mật, 108 Tam-muội là nghĩa Thiền ba-la-mật. Vì vậy nên ban đầu nói sáu Ba-la-mật.

Hỏi: Cứ sao chỉ nói đúng sáu Ba-la-mật, không nhiều không ít?

Đáp: Phật là đấng Pháp vương, tùy chúng sinh có thể độ, hoặc có khi lược nói một, hai, ba, bốn, hoặc có khi nói rộng, như kinh Hiền Kiếp nói 84.000 Ba-la-mật.

* Lại nữa, sáu đạo chúng sinh đều chịu thân tâm khổ não, như chúng sinh địa ngục bị khổ tra khảo, trong súc sinh bị khổ tàn hại lẫn nhau, trong ngạ quỷ bị khổ đói khát, trong loài người bị khổ tìm cầu dục lạc, ở cõi trời bị khổ xa lìa điều ưa muốn, A-tu-la bị khổ

đấu tranh; Bồ-tát sinh tâm đại bi muốn dứt khổ cho sáu đạo chúng sinh nên phát sinh sáu Ba-la-mật. Vì vậy nên nói sáu Ba-la-mật, không nhiều không ít hơn.

Hỏi: Thí ba-la-mật có nhiều tướng, sao trong đây Phật chỉ nói năm tướng là dùng tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, xả tài vật trong ngoài, đem phước ấy chung với chúng sinh, hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì dùng vô sở đắc, sao không nói đến tâm đại từ bi, cúng dường chư Phật, và thân thông, bố thí v.v...?

Đáp: Năm tướng ấy gồm nhiếp hết thấy bố thí. Tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng mà bố thí là duyên theo Phật đạo, nương Phật đạo.

Xả tài vật trong ngoài là xả hết thấy phiền não; chung với chúng sinh là tâm đại bi.

Hồi hướng là đem sự bố thí này chỉ cầu Phật đạo; không cầu quả báo gì khác.

Dùng vô sở đắc là được khí phần của Bát-nhã ba-la-mật về thật tướng các pháp.

Thí ba-la-mật chẳng phải hư dối, chẳng phải điên đảo, cũng không cùng tận.

Hỏi: Nếu như vậy thời không cần năm tướng, chỉ nói tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng là đủ?

Đáp: Việc ấy có thể như vậy. Chỉ vì chúng sinh chẳng biết nghĩa thế nào là tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng mà bố thí, cho nên lấy bốn việc phân biệt nghĩa kia.

Tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng là tâm Bồ-tát cầu Trí nhất thiết chủng của Phật làm duyên, làm ức niệm để buộc tâm; đem tâm ấy mà bố thí nên được quả Trí nhất thiết chủng, chứ không cầu nhân duyên đời nay, tiếng tăm, trả ân, cũng không cầu đời sau

làm Chuyển luân Thánh vương, vua trời, chỗ giàu sang. Vì độ chúng sinh, không cầu Niết-bàn, chỉ muốn đầy đủ các Phật pháp Nhất thiết trí v.v... vì dứt hết khổ cho hết thấy chúng sinh, nên gọi là tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng.

Tài vật trong ngoài là, trong là đầu não, xương tủy, máu thịt v.v... vì khó xả bỏ nên nói trước; vật ngoài là quốc độ, vợ con, bầy báu, uống ăn v.v...

Cùng với hết thấy chúng sinh là, quả báo phước đức bồ thí cho hết thấy chúng sinh dùng chung; ví như nhà giàu trồng lúa cho mọi người ăn chung. Quả báo phước đức của Bồ-tát, hết thấy chúng sinh đều đến nương nhờ; ví như cây có quả tốt, chim chóc đều qui tụ.

Hồi hướng là, bên cạnh phước đức, không cầu quả báo khác, chỉ cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Hỏi: Trước tiên nói tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, sau nói hồi hướng, có sai khác gì?

Đáp: Tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng là nhân duyên sinh khởi các phước đức, còn hồi hướng là không cầu quả báo khác, chỉ cầu Phật đạo.

* Lại nữa, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, vì ứng hợp với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên bồ thí, như nghĩa ở trước nói Trí nhất thiết chủng làm chủ, hết thấy công đức đều vì Trí nhất thiết chủng.

Tán tán trí tuệ Phật có hai thứ: 1. Chánh trí vô thượng, gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. 2. Trí nhất thiết chủng, gọi là Tát-bà-nhã.

Dùng vô sở đắc là, dùng tâm Bát-nhã ba-la-mật để bồ thí, thuận với thật tướng các pháp mà không hư dối.

Như vậy, là nói về nghĩa Thí ba-la-mật.

Hỏi: Giới ba-la-mật thời tổng nhiếp hết thảy giới pháp; ví như biển lớn tổng nhiếp các dòng. Nghĩa là không uống rượu, không ăn quá ngọ, không đánh đập chúng sinh v.v... việc ấy không nhiếp vào trong mười thiện, có sao chỉ nói mười thiện?

Đáp: Phật nói tổng tướng sáu Ba-la-mật, mười thiện là tổng tướng giới, biệt tướng thời có vô lượng giới. Không uống rượu, không ăn quá ngọ... nhập vào trong điều thiện không tham; không gia hại chúng sinh nhập vào trong điều thiện không giận; các việc khác tùy nghĩa mà nhiếp theo nhau.

Giới là nhiếp vào bảy thiện đạo, thân nghiệp có ba, khẩu nghiệp có bốn.

Mười thiện đạo và đầu cuối, như khởi tâm muốn giết, khi ấy khởi phương tiện miệng nói dữ, đánh đập, trói buộc, cắt chém cho đến sắp chết, đều thuộc giai đoạn đầu. Sau khi chết, lột da, ăn, nuốt, cắt xẻ, vui mừng đều gọi là giai đoạn cuối. Cướp mạng sống là điều căn bản; ba việc ấy hòa hợp chung gọi là bất thiện đạo về sát. Vì vậy nên biết nói mười thiện đạo thời thu nhiếp hết thảy giới.

* Lại nữa, Bồ-tát sinh tâm từ bi, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, bố thí lợi ích chúng sinh, tùy chỗ họ cần đều cấp cho, trì giới không nào hại chúng sinh, không gia thêm các khổ, thường thí vô úy, lấy mười thiện nghiệp đạo làm căn bản. Ngoài ra, các việc khác là nhân duyên xa không nào hại chúng sinh. Giới luật vì thủ chứng Niết-bàn tại đời này, dâm dục tuy không nào hại chúng sinh, mà vì tâm bị trói buộc nên đại tội. Vì vậy nên dâm dục đứng đầu trong giới luật, kẻ bạch y thì giới bắt sát ở trước. Vì cầu phước đức nên Bồ-tát không cầu Niết-bàn, trong đời này, qua lại sinh tử trong vô lượng đời để tu các công đức. Mười thiện là cội giới, các luật nghi là khách.

* Lại nữa, nếu Phật ra đời vào thời kỳ tốt đẹp, thời không có giới luật này. Như đức Phật Thích-ca Vãng, tuy ở đời ác, mà sau khi thành đạo mười hai năm cũng không có giới này, vì vậy nên biết nó là khách.

* Lại nữa, có hai thứ Giới: Giới lúc có Phật hoặc có hoặc không và mười thiện, dù lúc có Phật không có Phật vẫn thường có.

* Lại nữa, Giới trong Giới luật, tuy là vi tế mà sám hối thời thanh tịnh, còn phạm mười thiện giới, tuy sám hối mà tội ba ác đạo không thể trừ. Như Tỳ-kheo giết súc sinh, tuy được sám hối, nhưng tội báo vẫn không trừ. Do các nhân duyên như vậy, chỉ nói mười thiện nghiệp đạo, cũng tự làm, cũng dạy người khác làm, gọi là Giới ba-la-mật.

Mười thiện đạo, bảy việc là giới, ba việc là thủ hộ. Gọi chung là Giới ba-la-mật. Các Ba-la-mật khác cũng như vậy, tùy nghĩa mà phân biệt. Như đã luận nghĩa nói rộng ở trong phẩm đầu.

Kinh này gọi là Bát-nhã ba-la-mật. Bát-nhã ba-la-mật gọi là tướng lìa bỏ, vì vậy nên đối với hết thầy pháp đều dùng vô sở đắc.

Hỏi: Nếu dùng hữu sở đắc để nhóm các thiện pháp thời đã còn khó, huống gì dùng vô sở đắc? Nếu được trí vô sở đắc thời lúc ấy có thể trở ngại làm việc thiện, hoặc sinh tà nghi; nếu không được trí vô sở đắc thời lúc ấy không trở ngại làm việc thiện, cũng không sinh tà nghi?

Đáp: Phật cũng không khen tâm chấp trước thủ tướng làm các việc thiện, vì sao? Vì hư dối ở thế gian, cuối cùng tiêu hết. Nếu chấp trước tâm tu thiện, bị phá rất dễ, nếu chấp trước Không, thời sinh hối hận, trở lại mất đạo; ví như lửa sinh trong cỏ, gặp nước thời tắt, nếu lửa sinh trong nước, thì không vật gì làm tắt được. Bồ-tát ban đầu tập hành mà chấp trước tâm thủ tướng tu phước đức, giống như cỏ sinh lửa, dễ cháy, dễ tắt. Nếu Bồ-tát thể hội được thật tướng các pháp, lấy tâm đại bi tu các hạnh, khó thể phá được; như lửa sinh trong nước, không thể diệt được. Vì vậy nên dùng tâm vô sở đắc tu các hạnh, tâm cũng không nhu nhược, không sinh nghi hối.

Ấy là lược nói sáu Ba-la-mật, còn nói rộng như trong phẩm đầu, mỗi mỗi Ba-la-mật đều đầy đủ.

Mười tám không là trong sáu Ba-la-mật nói nghĩa của Bát-nhã ba-la-mật là không nhiễm trước các pháp, vì sao? Vì mười tám không. Luận nghị về mười tám không, như trong phẩm đầu Phật bảo Xá-lợi-phất rằng: Bồ-tát ma-ha-tát muốn an trụ mười tám không hãy học Bát-nhã ba-la-mật. Nghĩa ấy nên như đã nói rộng trong ấy.

Hỏi: Mười tám không, sau nội không v.v... đều nói chẳng phải thường chẳng phải diệt, nghĩa ấy thế nào?

Đáp: Nếu người không tu tập hai không ấy, tức rơi vào hai bên hoặc thường hoặc đoạn diệt, vì sao? Vì nếu các pháp thật có thì không có nghĩa diệt, bị rơi vào chấp thường; như người ra khỏi nhà này đi vào nhà khác, mắt tuy không thấy mà không gọi là không có. Các pháp cũng như vậy, từ đời vị lai đi vào đời hiện tại, từ đời hiện tại đi vào đời quá khứ, như vậy thời không diệt.

Hành giả vì lo sợ có, mà dùng không để phá tâm chấp có, song lại quý không mà đắm vào không, thời bị rơi vào đoạn diệt. Vì vậy nên tu hành không ấy để phá có, cũng không đắm không. Xa lìa hai bên ấy, lấy trung đạo để hành mười tám không, dùng tâm đại bi mà độ chúng sinh, thế cho nên sau mười tám không, đều nói chẳng phải thường chẳng phải diệt; ấy gọi là Ma-ha Diễn. Trái với đây là hý luận của người cuồng, ở trong Phật pháp luống không được gì, như người ở giữa đồng trăn bảo lượm lấy ngọc thủy tinh, mắt tuy thấy đẹp mà chẳng có giá trị gì.

Hỏi: Nếu mười tám không đã nhiếp hết các không, có sao còn nói bốn không?

Đáp: Trong mười tám không, hiện không nhiếp hết. Chư Phật có hai cách thuyết pháp, hoặc đầu nói lược sau nói rộng, hoặc đầu nói rộng sau nói lược. Đầu lược sau rộng là vì giải nghĩa; đầu rộng sau lược là vì dễ thọ trì. Hoặc vì chúng sinh đến sau nên lược nói yếu nghĩa, hoặc nói bằng kệ, tụng. Nay Phật đầu nói rộng mười tám không, sau lược nói tướng bốn không.

Pháp, pháp tướng không là trong hết thầy pháp, pháp tướng chẳng thể có được, như trong sắc, sắc tướng chẳng thể có được.

* Lại nữa, trong pháp chẳng sinh pháp, gọi là pháp pháp không.

Vô pháp, vô pháp không là pháp vô vi, gọi là vô pháp, vì sao? Vì tướng nó không thể có được.

Hỏi: Phật dùng ba tướng nói pháp vô vi, tại sao nói vô tướng?

Đáp: Không phải vậy, phá sinh nên nói vô sinh, phá trụ nên nói vô trụ, phá diệt nên nói vô diệt; đều từ bên sinh, trụ, diệt mà có tên gọi đó, không phải riêng có pháp vô sinh, vô diệt gọi là vô pháp, vô pháp không. Nghĩa này như đã nói trong phẩm Vô vi không.

Tự pháp, tự pháp không là tự pháp, tự tánh các pháp. Tự tánh có hai: 1. Như pháp thể gian đất có tánh cứng v.v... 2. Như như, pháp tánh, thật tế mà Thánh nhân rõ biết pháp ấy không, vì sao? Vì không do trí thấy biết. Có hai tánh không, như trước nói.

Hỏi: Như như, pháp tánh, thật tế, đã nhiếp vào trong pháp vô vi, sao còn nói lại?

Đáp: Trong khi quán xét phân biệt nói thật tướng năm uẩn, là pháp tánh, như như, thật tế. Lại chẳng phải do trí Không quán sát làm cho nó không, mà tánh nó tự không như vậy.

Hỏi: Như sắc là tự pháp, thức là tha pháp, trong đó vì sao nói như, pháp tánh, thật tế, có Phật không Phật vẫn thường trú, quá đây gọi là tha pháp không?

Đáp: Có người vì chưa khéo dứt kiết sử tà kiến nên mỗi mỗi sinh tâm chấp trước, người ấy nghe nói như như, pháp tánh, thật tế, thì cho rằng vượt quá đây còn có pháp khác, vì vậy nên nói vượt quá như như, pháp tánh, thật tế cũng không.

(HẾT CUỐN 46 THEO BẢN HÁN)

KINH: Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát Đại thừa gọi là Tam-muội Thủ Lăng-nghiêm, Tam-muội Bảo ấn, Tam-muội Sư tử du hý, Tam-muội Diệu nguyệt, Tam-muội Nguyệt tràng tướng, Tam-muội Xuất chư pháp, Tam-muội Quán danh, Tam-muội Tất pháp tánh, Tam-muội Tất tràng tướng, Tam-muội Kim cang, Tam-muội Nhập pháp ấn, Tam-muội Vương an lập Tam-muội, Tam-muội Phóng quang, Tam-muội Lực tiến, Tam-muội Cao xuất, Tam-muội Tất nhập biện tài, Tam-muội Thích danh tự, Tam-muội Quán phương, Tam-muội Đà-la-ni ấn, Tam-muội Vô cuống, Tam-muội Nhiếp chư pháp hải, Tam-muội Biến phú hư không, Tam-muội Kim cang luân, Tam-muội Bảo đoạn, Tam-muội Năng chiếu, Tam-muội Bất cầu, Tam-muội Vô trú, Tam-muội Vô tâm, Tam-muội Tịnh đặng, Tam-muội Vô biên minh, Tam-muội Năng tác minh, Tam-muội Phổ chiếu minh, Tam-muội Kiên tịnh chư Tam-muội, Tam-muội Vô cấu minh, Tam-muội Hoan hỷ, Tam-muội Diễm quang, Tam-muội Vô tận, Tam-muội Oai đức, Tam-muội Ly tận, Tam-muội Bất động, Tam-muội Bất thối, Tam-muội Nhật đặng, Tam-muội Nguyệt tịnh, Tam-muội Tịnh minh, Tam-muội Năng tác minh, Tam-muội Tác hành, Tam-muội Biết tướng, Tam-muội Như Kim cang, Tam-muội Tâm trú, Tam-muội Phổ minh, Tam-muội An lập, Tam-muội Bảo tự, Tam-muội Diệu pháp ấn, Tam-muội Pháp đặng, Tam-muội Đoạn hỷ, Tam-muội Đáo pháp danh, Tam-muội Năng tán, Tam-muội Phân biệt chư pháp cú, Tam-muội Tự đặng tướng, Tam-muội Ly tự, Tam-muội Đoạn duyên, Tam-muội Bất hoại, Tam-muội Vô chủng tướng, Tam-muội Vô xứ hành, Tam-muội Ly môn muội, Tam-muội Vô khứ, Tam-muội Bất biến dị, Tam-muội Độ duyên, Tam-muội Tập chư công đức, Tam-muội Trú vô tâm, Tam-muội Tịnh diệu hoa, Tam-muội Giác ý, Tam-muội Vô lượng biện, Tam-muội Vô đặng đặng, Tam-muội Độ chư pháp, Tam-muội Phân biệt chư pháp,

Tam-muội Tán nghi, Tam-muội Vô trú xứ, Tam-muội Nhất trang nghiêm, Tam-muội Sinh hành, Tam-muội Nhất hành, Tam-muội Bất nhất hành, Tam-muội Diệu hành, Tam-muội Đạt nhất thiết hữu để tán, Tam-muội Nhập danh ngữ, Tam-muội Ly âm thanh tự ngữ, Tam-muội Nhiên cự, Tam-muội Tịnh tướng, Tam-muội Phá tướng, Tam-muội Nhất thiết chủng diệu túc, Tam-muội Bất hỷ khổ lạc, Tam-muội Vô tận tướng, Tam-muội Đa Đà-la-ni, Tam-muội Nhiếp chư tà chánh tướng, Tam-muội Diệt tăng ái, Tam-muội Nghịch thuận, Tam-muội Tịnh quang, Tam-muội Kiên cố, Tam-muội Mãn nguyệt tịnh quang, Tam-muội Đại trang nghiêm, Tam-muội Năng chiếu nhất thiết thể, Tam-muội Đẳng Tam-muội, Tam-muội Nhiếp nhất thiết hữu tránh vô tránh, Tam-muội Bất lạc nhất thiết trú xứ, Tam-muội Như trú định, Tam-muội Hoại thân suy, Tam-muội Hoại ngữ như hư không, Tam-muội Ly trước hư không bất nhiễm.

Sao gọi là Tam-muội Thủ Lăng-nghiêm? Biết chỗ thi hành của các Tam-muội, gọi là Tam-muội Thủ Lăng-nghiêm.

Sao gọi là Tam-muội Bảo ấn? Trú ở Tam-muội ấy có thể trung ấn nhập các Tam-muội khác, gọi là Tam-muội Bảo ấn.

Sao gọi là Tam-muội Sư tử du hý? Trú ở Tam-muội ấy có thể dạo chơi trong các Tam-muội như Sư tử, gọi là Tam-muội Sư tử du hý.

Sao gọi là Tam-muội Diệu nguyệt? Trú ở Tam-muội ấy có thể chiếu soi các Tam-muội như trăng trong, gọi là Tam-muội Diệu nguyệt.

Sao gọi là Tam-muội Nguyệt tràng tướng? Trú ở Tam-muội ấy có thể giữ gìn các tướng Tam-muội, gọi là Tam-muội Nguyệt tràng tướng.

Sao gọi là Tam-muội Xuất chư pháp? Trú ở Tam-muội ấy có thể xuất sinh các Tam-muội, gọi là Tam-muội Xuất chư pháp.

Sao gọi là Tam-muội Quán đảnh? Trú ở Tam-muội ấy có thể quán xem các chú đảnh Tam-muội, gọi là Tam-muội Quán đảnh.

Sao gọi là Tam-muội Tất pháp tánh? Trú ở Tam-muội ấy quyết định biết pháp tánh, gọi là Tam-muội Tất pháp tánh.

Sao gọi là Tam-muội Tất tràng tướng? Trú ở Tam-muội ấy có thể giữ gìn các Tam-muội tràng, gọi là Tam-muội Tất tràng tướng.

Sao gọi là Tam-muội Kim cang? Trú ở Tam-muội ấy có thể phá các Tam-muội, gọi là Tam-muội Kim cang.

Sao gọi là Tam-muội Nhập pháp ấn? Trú ở Tam-muội ấy nhập vào các pháp ấn, gọi là Tam-muội Nhập pháp ấn.

Sao gọi là Tam-muội Vương an lập Tam-muội? Trú ở Tam-muội ấy thì an lập trú trong các Tam-muội như vua, gọi là Tam-muội Vương an lập Tam-muội.

Sao gọi là Tam-muội Phóng quang? Trú ở Tam-muội ấy có thể phóng ánh sáng chiếu các Tam-muội, gọi là Tam-muội Phóng quang.

Sao gọi là Tam-muội Lực tiến? Trú ở Tam-muội ấy có thể làm thế lực đối với các Tam-muội, gọi là Tam-muội Lực tiến.

Sao gọi là Tam-muội Cao xuất? Trú ở Tam-muội ấy có thể tăng trưởng các Tam-muội, gọi là Tam-muội Cao xuất.

Sao gọi là Tam-muội Tất nhập biện tài? Trú ở Tam-muội ấy có thể biện thuyết các Tam-muội, gọi là Tam-muội Tất nhập biện tài.

Sao gọi là Tam-muội Thích danh tự? Trú ở Tam-muội ấy có thể giải thích danh tự các Tam-muội, gọi là Tam-muội Thích danh tự.

Sao gọi là Tam-muội Quán phương? Trú ở Tam-muội ấy có thể quán sát các phương Tam-muội, gọi là Tam-muội Quán phương.

Sao gọi là Tam-muội Đà-la-ni ấn? Trú ở Tam-muội ấy giữ gìn các Tam-muội ấn, gọi là Tam-muội Đà-la-ni ấn.

Sao gọi là Tam-muội Vô cuống? Trú ở Tam-muội ấy không khi đối đối với các Tam-muội, gọi là Tam-muội Vô cuống.

Sao gọi là Tam-muội Nhiếp chư pháp hải? Trú ở Tam-muội ấy, có thể thu nhiếp các Tam-muội như nước biển lớn, gọi là Tam-muội Nhiếp chư pháp hải.

Sao gọi là Tam-muội Biến phú hư không? Trú ở Tam-muội ấy, khắp trùm các Tam-muội như hư không, gọi là Tam-muội Biến phú hư không.

Sao gọi là Tam-muội Kim cang luân? Trú ở Tam-muội ấy, có thể giữ gìn phần các Tam-muội, gọi là Tam-muội Kim cang luân.

Sao gọi là Tam-muội Bảo đoạn? Trú ở Tam-muội ấy, dứt như cầu phiền não nơi các Tam-muội, gọi là Tam-muội Bảo đoạn.

Sao gọi là Tam-muội Năng chiếu? Trú ở Tam-muội ấy, có thể lấy ánh sáng chiếu rõ các Tam-muội; gọi là Tam-muội Năng chiếu.

Sao gọi là Tam-muội Bất cầu? Trú ở Tam-muội ấy, không pháp gì không cầu, gọi là Tam-muội Bất cầu.

Sao gọi là Tam-muội Vô trú? Trú ở Tam-muội ấy không thấy pháp trú trong hết thấy Tam-muội, gọi là Tam-muội Vô trú.

Sao gọi là Tam-muội Vô tâm? Trú ở Tam-muội ấy tâm tâm số pháp không hiện hành; gọi là Tam-muội Vô tâm.

Sao gọi là Tam-muội Tịnh đẳng? Trú ở Tam-muội ấy làm sáng như đèn nơi các Tam-muội, gọi là Tam-muội Tịnh đẳng.

Sao gọi là Tam-muội Vô biên minh? Trú ở Tam-muội ấy làm ánh sáng vô biên cho các Tam-muội, gọi là Tam-muội Vô biên minh.

Sao gọi là Tam-muội Năng tác minh? Trú ở Tam-muội ấy tức thời làm ánh sáng cho các Tam-muội, gọi là Tam-muội Năng tác minh.

Sao gọi là Tam-muội Phổ chiếu minh? Trú ở Tam-muội ấy có thể chiếu rõ các cửa Tam-muội, gọi là Tam-muội Phổ chiếu minh.

Sao gọi là Tam-muội Kiên tịnh chư Tam-muội? Trú ở Tam-muội ấy, có thể làm kiên tịnh các tướng Tam-muội, gọi là Tam-muội Kiên tịnh chư Tam-muội.

Sao gọi là Tam-muội Vô cấu minh? Trú ở Tam-muội ấy, có thể trừ cấu nhiễm của các Tam-muội; cũng có thể chiếu hết thấy Tam-muội, gọi là Tam-muội Vô cấu minh.

Sao gọi là Tam-muội Hoan hỷ? Trú ở Tam-muội ấy có thể lãnh thọ cái mừng của các Tam-muội, gọi là Tam-muội Hoan hỷ.

Sao gọi là Tam-muội Điện quang? Trú ở Tam-muội ấy chiếu các Tam-muội như điện sáng, gọi là Tam-muội Điện quang.

Sao gọi là Tam-muội Vô tận? Trú ở Tam-muội ấy đối với các Tam-muội chẳng thấy cùng tận, gọi là Tam-muội Vô tận.

Sao gọi là Tam-muội Oai đức? Trú ở Tam-muội ấy đối các Tam-muội uy đức chiếu rõ, gọi là Tam-muội Oai đức.

Sao gọi là Tam-muội Ly tận? Trú ở Tam-muội ấy không thấy các Tam-muội cùng tận, gọi là Tam-muội Ly tận.

Sao gọi là Tam-muội Bất động? Trú ở Tam-muội ấy, khiến các Tam-muội không động, không đùa bỡn, gọi là Tam-muội Bất động.

Sao gọi là Tam-muội Bất thối? Trú ở Tam-muội ấy, có thể không thấy các Tam-muội thối, gọi là Tam-muội Bất thối.

Sao gọi là Tam-muội Nhật đăng? Trú ở Tam-muội ấy phóng ánh sáng chiếu các môn Tam-muội; gọi là Tam-muội Nhật đăng.

Sao gọi là Tam-muội Nguyệt tịnh? Trú ở Tam-muội ấy có thể trừ bóng tối nơi các Tam-muội, gọi là Tam-muội Nguyệt tịnh.

Sao gọi là Tam-muội Tịnh minh? Trú ở Tam-muội ấy, được bốn trí vô ngại đối với các Tam-muội, gọi là Tam-muội Tịnh minh.

Sao gọi là Tam-muội Năng tác minh? Trú ở Tam-muội ấy, hay làm sáng các môn Tam-muội, gọi là Tam-muội Năng tác minh.

Sao gọi là Tam-muội Tác hành? Trú ở Tam-muội ấy hay khiến các Tam-muội mỗi mỗi có tác động, gọi là Tam-muội Tác hành.

Sao gọi là Tam-muội Tri tướng? Trú ở Tam-muội ấy thấy tướng biết của các Tam-muội, gọi là Tam-muội Tri tướng.

Sao gọi là Tam-muội như Kim cang? Trú ở Tam-muội ấy hay xuyên suốt các pháp, cũng không thấy xuyên suốt, gọi là Tam-muội như Kim cang.

Sao gọi là Tam-muội Tâm trú? Trú ở Tam-muội ấy tâm không động, không chuyển không nã, cũng không nghĩ có tâm ấy, gọi là Tam-muội Tâm trú.

Sao gọi là Tam-muội Phổ minh? Trú ở Tam-muội ấy khắp thấy ánh sáng các Tam-muội, gọi là Tam-muội Phổ minh.

Sao gọi là Tam-muội An lập? Trú ở Tam-muội ấy đối với các Tam-muội an lập chẳng động, gọi là Tam-muội An lập.

Sao gọi là Tam-muội Bảo tụ? Trú ở Tam-muội ấy khắp thấy các Tam-muội như thấy báu tích tụ, gọi là Tam-muội Bảo tụ.

Sao gọi là Tam-muội Diệu pháp ấn? Trú ở Tam-muội ấy hay ấn nhập các Tam-muội, vì vô ấn ấn nhập vậy, gọi là Tam-muội Diệu pháp ấn.

Sao gọi là Tam-muội Pháp đẳng? Trú ở Tam-muội ấy quán xem các pháp bình đẳng, không pháp gì không bình đẳng; gọi là Tam-muội Pháp đẳng.

Sao gọi là Tam-muội Đoạn hỷ? Trú ở Tam-muội ấy dứt sự mừng trong hết thấy pháp, gọi là Tam-muội Đoạn hỷ.

Sao gọi là Tam-muội Đáo pháp đánh? Trú ở Tam-muội ấy dứt các ám muội đối với pháp, cũng ở trên các Tam-muội, gọi là Tam-muội Đáo pháp đánh.

Sao gọi là Tam-muội Năng tán? Trú ở Tam-muội ấy, hay phá tán các pháp, gọi là Tam-muội Năng tán.

Sao gọi là Tam-muội Phân biệt chư pháp cú? Trú ở Tam-muội ấy phân biệt các pháp cú của các Tam-muội, gọi là Tam-muội Phân biệt chư pháp cú.

Sao gọi là Tam-muội Tự đẳng tướng? Trú ở Tam-muội ấy, được các danh tự Tam-muội, gọi là Tam-muội Tự đẳng tướng.

Sao gọi là Tam-muội Ly tự? Trú ở Tam-muội ấy cho đến chẳng thấy một chữ trong các Tam-muội, gọi là Tam-muội Ly tự.

Sao gọi là Tam-muội Đoạn duyên? Trú ở Tam-muội ấy dứt các duyên Tam-muội, gọi là Tam-muội đoạn duyên.

Sao gọi là Tam-muội Bất hoại? Trú ở Tam-muội ấy chẳng được các pháp biến dị; gọi là Tam-muội Bất hoại.

Sao gọi là Tam-muội Vô chủng tướng? Trú ở Tam-muội ấy chẳng thấy chủng chủng pháp, gọi là Tam-muội Vô chủng tướng.

Sao gọi là Tam-muội Vô xứ hành? Trú ở Tam-muội ấy không thấy nơi chỗ của Tam-muội, gọi là Tam-muội Vô xứ hành.

Sao gọi là Tam-muội Ly môn muội? Trú ở Tam-muội ấy lìa các tối tăm vi tế của Tam-muội, gọi là Tam-muội Ly môn muội.

Sao gọi là Tam-muội Vô khứ? Trú ở Tam-muội ấy không thấy tướng đi của hết thảy Tam-muội, gọi là Tam-muội Vô khứ.

Sao gọi là Tam-muội Bất biến dị? Trú ở Tam-muội ấy không thấy tướng biến dị của các Tam-muội, gọi là Tam-muội Bất biến dị.

Sao gọi là Tam-muội Độ duyên? Trú ở Tam-muội ấy độ khỏi cảnh giới duyên của hết thảy Tam-muội, gọi là Tam-muội Độ duyên.

Sao gọi là Tam-muội Tập chư công đức? Trú ở Tam-muội ấy nhóm các công đức Tam-muội, gọi là Tam-muội Tập chư công đức.

Sao gọi là Tam-muội Trú vô tâm? Trú ở Tam-muội ấy, tâm không nhập vào các Tam-muội, gọi là Tam-muội Trú vô tâm.

Sao gọi là Tam-muội Tịnh diệu hoa? Trú ở Tam-muội ấy khiến các Tam-muội được sáng sạch như hoa, gọi là Tam-muội Tịnh diệu hoa.

Sao gọi là Tam-muội Giác ý? Trú ở Tam-muội ấy được bảy giác phần trong các Tam-muội, gọi là Tam-muội Giác ý.

Sao gọi là Tam-muội Vô lượng biện? Trú ở Tam-muội ấy được biện tài vô lượng đối với các pháp; gọi là Tam-muội Vô lượng biện.

Sao gọi là Tam-muội Vô đẳng đẳng? Trú ở Tam-muội ấy được tướng vô đẳng đẳng trong các Tam-muội, gọi là Tam-muội Vô đẳng đẳng.

Sao gọi là Tam-muội Độ chư pháp? Trú ở Tam-muội ấy vượt khỏi hết thấy cõi Tam-muội, gọi là Tam-muội Độ chư pháp.

Sao gọi là Tam-muội phân biệt chư pháp? Trú ở Tam-muội ấy phân biệt thấy các Tam-muội và các pháp, gọi là Tam-muội phân biệt chư pháp.

Sao gọi là Tam-muội Tán nghi? Trú ở Tam-muội ấy được tán hoại việc nghi đối với các pháp, gọi là Tam-muội Tán nghi.

Sao gọi là Tam-muội Vô trú xứ? Trú ở Tam-muội ấy không thấy trú xứ các pháp, gọi là Tam-muội Vô trú xứ.

Sao gọi là Tam-muội Nhất trang nghiêm? Trú ở Tam-muội ấy trọn không thấy các pháp hai tướng, gọi là Tam-muội Nhất trang nghiêm.

Sao gọi là Tam-muội Sinh hành? Trú ở Tam-muội ấy không thấy các hành sinh khởi, gọi là Tam-muội Sinh hành.

Sao gọi là Tam-muội Nhất hành? Trú ở Tam-muội ấy không thấy bờ này bờ kia của các Tam-muội, gọi là Tam-muội Nhất hành.

Sao gọi là Tam-muội Bất nhất hành? Trú ở Tam-muội ấy không thấy các Tam-muội một tướng, gọi là Tam-muội Bất nhất hành.

Sao gọi là Tam-muội Diệu hành? Trú ở Tam-muội ấy không thấy các Tam-muội hai tướng, gọi là Tam-muội Diệu hành.

Sao gọi là Tam-muội Đạt nhất thiết hữu để tán? Trú ở Tam-muội ấy nhập vào hết thấy hữu, hết thấy trí tuệ Tam-muội, thông đạt cũng không chỗ thông đạt, gọi là Tam-muội Đạt nhất thiết hữu để tán.

Sao gọi là Tam-muội Nhập danh ngữ? Trú ở Tam-muội ấy vào hết thấy danh tự ngữ ngôn các Tam-muội, gọi là Tam-muội Nhập danh ngữ.

Sao gọi là Tam-muội Ly âm thanh tự ngữ? Trú ở Tam-muội ấy không thấy các âm thanh danh tự ngữ ngôn Tam-muội, gọi là Tam-muội Ly âm thanh tự ngữ.

Sao gọi là Tam-muội Nhiên cự? Trú ở Tam-muội ấy oai đức chiếu sáng như đuốc; gọi là Tam-muội Đốt đuốc.

Sao gọi là Tam-muội Tịnh tướng? Trú ở Tam-muội ấy sạch các tướng Tam-muội, gọi là Tam-muội Tịnh tướng.

Sao gọi là Tam-muội Phá tướng? Trú ở Tam-muội ấy không thấy các tướng Tam-muội, gọi là Tam-muội Phá tướng.

Sao gọi là Tam-muội Nhất thiết chủng diệu túc? Trú ở Tam-muội ấy hết thấy Tam-muội chủng đều đầy đủ, gọi là Tam-muội Nhất thiết chủng diệu túc.

Sao gọi là Tam-muội Bất hỷ khổ lạc? Trú ở Tam-muội ấy không thấy khổ vui của các Tam-muội, gọi là Tam-muội Bất hỷ khổ lạc.

Sao gọi là Tam-muội Vô tận tướng? Trú ở Tam-muội ấy không thấy tướng cùng tận của các Tam-muội, gọi là Tam-muội Vô tận tướng.

Sao gọi là Tam-muội Đa Đà-la-ni? Trú ở Tam-muội ấy hay giữ gìn các Tam-muội; gọi là Tam-muội Đa Đà-la-ni.

Sao gọi là Tam-muội Nhiếp chư tà chánh tướng? Trú ở Tam-muội ấy không thấy tướng tà chánh nơi các Tam-muội; gọi là Tam-muội Nhiếp chư tà chánh tướng.

Sao gọi là Tam-muội Diệt tăng ái? Trú ở Tam-muội ấy không thấy ghét thương các Tam-muội, gọi là Tam-muội Diệt tăng ái.

Sao gọi là Tam-muội Nghịch thuận? Trú ở Tam-muội ấy, không thấy các pháp các Tam-muội nghịch thuận, gọi là Tam-muội Nghịch thuận.

Sao gọi là Tam-muội Tịnh quang? Trú ở Tam-muội ấy không thấy các Tam-muội sáng, như, gọi là Tam-muội Tịnh quang.

Sao gọi là Tam-muội Kiên cố? Trú ở Tam-muội ấy, chẳng dặng các Tam-muội không kiên cố, gọi là Tam-muội Kiên cố.

Sao gọi là Tam-muội Mãn nguyệt tịnh quang? Trú ở Tam-muội ấy, các Tam-muội tròn đầy như trăng rằm, gọi là Tam-muội Mãn nguyệt tịnh quang.

Sao gọi là Tam-muội Đại trang nghiêm? Trú ở Tam-muội ấy đại trang nghiêm thành tựu các Tam-muội, gọi là Tam-muội Đại trang nghiêm.

Sao gọi là Tam-muội Năng chiếu nhất thiết thế? Trú ở Tam-muội ấy, hay chiếu các pháp và các Tam-muội, gọi là Tam-muội Năng chiếu nhất thiết thế.

Sao gọi là Tam-muội Đẳng Tam-muội? Trú ở Tam-muội ấy không thấy tướng định loạn đối với các Tam-muội; gọi là Tam-muội Đẳng Tam-muội.

Sao gọi là Tam-muội Nhiếp nhất thiết hữu tránh vô tránh? Trú ở Tam-muội ấy hay khiến các Tam-muội không phân biệt hữu tránh vô tránh, gọi là Tam-muội Nhiếp nhất thiết hữu tránh vô tránh.

Sao gọi là Tam-muội Bất lạc nhất thiết trú xứ? Trú ở Tam-muội ấy không thấy chỗ nương tựa của các Tam-muội, gọi là Tam-muội Bất lạc nhất thiết trú xứ.

Sao gọi là Tam-muội Như trú định? Trú ở Tam-muội ấy không vượt qua như tướng của các Tam-muội, gọi là Tam-muội Như trú định.

Sao gọi là Tam-muội Hoại thân suy? Trú ở Tam-muội ấy không thủ đắc thân tướng, gọi là Tam-muội hoại thân suy.

Sao gọi là Tam-muội Hoại ngữ như hư không? Trú ở Tam-muội ấy không thấy ngữ nghiệp của các Tam-muội như hư không, gọi là Tam-muội Hoại ngữ như hư không.

Sao gọi là Tam-muội Ly trước hư không bất nhiễm? Trú ở Tam-muội ấy thấy các pháp như hư không vô ngại, cũng không ô nhiễm, gọi là Tam-muội Ly trước hư không bất nhiễm.

Tu-bồ-đề! Ấy gọi là Ma-ha Diễn của Bồ-tát ma-ha-tát.

LUẬN: Trên lấy mười tám không giải thích Bát-nhã ba-la-mật, nay lấy 108 Tam-muội giải thích Bát-nhã ba-la-mật. 108 Tam-muội, Phật tự nói nghĩa đó, lúc ấy người vì lợi căn nghe nói đều được tin hiểu. Nay thời không được như vậy, nên luận giả giải thích lại nghĩa ấy, khiến cho dễ hiểu.

Tam-muội Thủ Lăng-nghiêm Trung Hoa dịch là Kiện tướng, phân biệt. Biết hành tướng các Tam-muội nhiều ít sâu cạn, như đại tướng biết các binh lực nhiều ít.

* Lại nữa Bồ-tát được Tam-muội ấy, các ma phiền não và người ma không làm hoại được; ví như bảo tướng chủ binh của Chuyển luân Thánh vương, những chỗ đi đến đều hàng phục.

Tam-muội Bảo ấn là hay ấn hợp các Tam-muội. Trong các thứ báu, pháp báu là thật báu, hay làm lợi ích đời này đời sau cho

đến Niết-bàn. Như trong Kinh nói: Phật bảo Tỳ-kheo! Ta sẽ vì người thuyết pháp, pháp được nói là pháp ấn, pháp ấn tức là Bảo ấn, Bảo ấn tức là cửa giải thoát.

* Lại nữa, có người nói ba pháp ấn là Tam-muội Bảo ấn; hết thấy pháp vô ngã, hết thấy tác pháp (hành) vô thường, tịch diệt Niết-bàn. Ba pháp ấn ấy, hết thấy trời người không thể đứng như pháp phá hoại được. Vào Tam-muội ấy, có thể ba cách quán các pháp, ấy gọi là Bảo ấn.

* Lại nữa, Bát-nhã ba-la-mật là báu, Tam-muội tương ưng Bát-nhã gọi là ấn, ấy gọi là Bảo ấn.

Tam-muội sư tử du hý là Bồ-tát được Tam-muội ấy, thời ra vào hết thấy Tam-muội mau chậm đều được tự tại; thí như khi các con thú giỡn chơi, nếu thấy Sư tử thấy đều sợ hãi, còn khi Sư tử giỡn chơi thời tự tại không sợ gì hết.

* Lại nữa, khi Sư tử giỡn chơi đối với các con thú, con mạnh thì giết, con sợ nép thì tha. Bồ-tát cũng như vậy, được Tam-muội ấy đối với các ngoại đạo, hễ kẻ cương cường thì phá, kẻ tín phục thời độ cho.

* Lại nữa, Sư tử giỡn chơi là như trong phẩm đầu nói: Bồ-tát vào Tam-muội ấy có thể làm quả đất chấn động sáu cách, làm cho hết thấy mười phương thế giới địa ngục nóng lạnh, kẻ mù được thấy, người điếc được nghe v.v...

Tam-muội Diệu nguyệt là như trăng tròn trong sạch không có các chướng che, có thể trừ đêm tối. Tam-muội này cũng như vậy. Bồ-tát vào Tam-muội ấy, hay trừ các tà kiến và vô minh che tối đối với các pháp.

Tam-muội Nguyệt tràng tướng là như vị tướng của đại quân lấy tràng báu làm tượng mặt trăng, hễ thấy tướng tràng ấy, người đều

đi theo. Bò-tát vào trong Tam-muội ấy, thông đạt các pháp không ngăn ngại, thấy đều đi theo.

Tam-muội Xuất chư pháp là Bò-tát được Tam-muội ấy thời làm cho các Tam-muội tăng trưởng; thí như mưa đúng thời, rừng cây tươi tốt.

Tam-muội Quán danh là vào Tam-muội ấy thời thấy khắp được các Tam-muội; như ở trên chóp núi, thấy hết mọi vật.

Tam-muội Tất pháp tánh là pháp tánh không lượng không hai, khó có thể nắm giữ, vào Tam-muội ấy, chắc chắn được định tướng; thí như hư không, không thể cư trú, được lực thần túc, thời có thể ở được.

Tam-muội Tất tràng tướng là vào Tam-muội ấy thời rất tôn trọng đối với các Tam-muội; thí như quân tướng được cờ phướng, tiêu biểu vị đại tướng.

Tam-muội Kim cang là thí như Kim cang phá hoại hết mọi vật, Tam-muội này cũng như vậy, thông đạt hết các pháp, khiến các Tam-muội mỗi mỗi đắc dụng; như xa cừ, mã não, lưu ly, chỉ có Kim cang xoi được.

Tam-muội Nhập pháp ấn là như người đi vào nước an ổn, có ấn tín thì được vào, không có ấn tín không được vào, Bò-tát được Tam-muội ấy có thể vào trong thật tướng các pháp, đó là các pháp rốt ráo không.

Tam-muội Vương an lập Tam-muội là ví như đại vương an trú chánh điện, triệu các bầy tôi, thấy đều vâng mệnh; Bò-tát vào Tam-muội vương, phóng ánh sáng lớn, triệu thỉnh mười phương, thấy đều tu tập, lại sai hóa Phật khắp đến mười phương. An lập là thí như quốc vương an ổn ở chánh điện, thân tâm thản nhiên không chút sợ sệt.

Tam-muội Phóng quang là thường tu hỏa nhất thiết nhập (một trong phép tu quán mười pháp biến nhập vào khắp cả mọi vật, gọi là

phép tu mười nhất thiết nhập hay mười biến xứ - ND) nên phát sinh lực thần thông, tùy ý phóng các ánh sáng màu sắc, theo chỗ ưa của chúng sinh, hoặc nóng hoặc lạnh, hoặc không nóng không lạnh.

Tam-muội năng chiếu là ánh sáng có hai thứ: 1. Ánh sáng màu sắc. 2. Ánh sáng trí tuệ. Trú trong Tam-muội ấy, chiếu các Tam-muội không có tà kiến vô minh v.v...

Tam-muội Lực tiến là trước đối với các pháp được năm thứ lực là tín v.v...vậy sau đối với các Tam-muội được lực tự tại. Lại tuy ở Tam-muội mà thường biến hóa thần thông, độ các chúng sinh.

Tam-muội Cao xuất là Bồ-tát vào Tam-muội ấy, phước đức trí tuệ có được thấy đều tăng trưởng, các tánh Tam-muội từ tâm mà ra.

Tam-muội Tất nhập biện tài là trong bốn vô ngại biện, Tam-muội tương ứng với từ biện tài. Bồ-tát được Tam-muội ấy, biết hết ngữ ngôn thứ lớp của chúng sinh và kinh sách, danh tự v.v... đều phân biệt được vô ngại.

Tam-muội Thích danh tự là các pháp tuy không, mà dùng danh tự biện biệt nghĩa các pháp, khiến người được hiểu.

Tam-muội Quán phương là đối với mười phương chúng sinh, lấy tâm từ bi thương xót bình đẳng xem xét.

* Lại nữa, phương là tuân theo đạo lý gọi là được phương. Vì lực Tam-muội ấy, đối với các Tam-muội được đạo lý, ra vào tự tại vô ngại.

Tam-muội Đà-la-ni ấn là được Tam-muội ấy, thời có thể phân biệt được các Tam-muội, đều có Đà-la-ni.

Tam-muội Vô cuồng là có Tam-muội phát sinh ái, giận, vô minh, tà kiến v.v... Tam-muội này đối với các Tam-muội hoàn toàn không có việc mê muội.

Tam-muội Nhiếp chư pháp hải là biết hết thủy dòng nước đều chảy về biển, pháp ba thừa đều vào trong Tam-muội này cũng như vậy. Lại các Tam-muội khác đều vào trong Tam-muội này, như bốn thiên, bốn định vô sắc thu nhiếp hết các giải thoát, định chín thứ lớp đều vào trong đó.

Tam-muội Biến phú hư không là hư không vô lượng vô biên, lực Tam-muội này hay trùm khắp hư không; hoặc ngôi kiết già phu, hoặc phóng ánh sáng, hoặc lấy âm thanh chứa đầy trong đó.

Tam-muội Kim cang luân là như bánh xe chơn Kim cang, chỗ ở vô ngại, được Tam-muội này, đối với các pháp đến được vô ngại.

* Lại nữa, có thể phân biệt phần vị ranh giới các Tam-muội, nên gọi là luân (bánh xe), luân là phần vị ranh giới.

Tam-muội Bảo đoạn là như có thứ báu có thể làm sạch các báu; Tam-muội này cũng như vậy, hay trừ các cấu như phiền não của Tam-muội. Cấu như ngũ dục dễ trừ, các cấu như Tam-muội khó trừ.

Tam-muội Năng chiếu là được Tam-muội này thời có thể lấy mười thứ trí tuệ (*Xem phẩm Mười một trí ở tập 2 - ND*) chiếu rõ các pháp, thí như mặt trời mọc chiếu cõi Diêm-phù-đề, mọi sự đều rõ ràng.

Tam-muội Bất cầu là quán các pháp như huyễn hóa, tâm ái ba cõi dứt nên không mong cầu gì.

Tam-muội Vô trú là Tam-muội ấy gọi là Tam-muội vô tác, trú ở Tam-muội ấy quán các pháp niệm niệm vô thường, không có lúc ngưng trụ.

Tam-muội Vô tâm tức là diệt tận định hoặc vô tướng định, vì sao? Vì Phật tự nói nhân duyên: Vào trong Tam-muội ấy, các tâm tâm số pháp không hiện hành.

Tam-muội Tịnh đẳng là, đẳng là đên trí tuệ, các phiền não gọi là như, lìa như thời tuệ thanh tịnh.

Tam-muội Vô biên minh là, vô biên gọi là vô lượng vô số; sáng có hai: 1. Vì độ chúng sinh nên thân phóng hào quang. 2. Phân biệt tướng chung tướng riêng các pháp nên trí tuệ sáng suốt. Được Tam-muội này hay chiếu vô biên thế giới ở mười phương và vô biên các pháp.

Tam-muội Năng tác minh là hay làm sáng nơi các pháp, như đốt đuốc trong chỗ tối.

Tam-muội Phổ chiếu minh là, ngọc báu của Chuyển luân Thánh vương, chiếu một do tuần ngoài bốn phía quân binh. Bồ-tát được Tam-muội ấy chiếu khắp mỗi mỗi môn các pháp.

Tam-muội Kiên tịnh chư Tam-muội là Bồ-tát được lực Tam-muội ấy nên làm cho các Tam-muội thanh tịnh cứng chắc.

Tam-muội Vô cấu minh là, Tam-muội tương ưng với ba môn giải thoát; được Tam-muội ấy lìa hết thấy cấu như Tam-muội, lìa hết thấy vô minh, tham ái v.v... cũng hay chiếu hết thấy các Tam-muội.

Tam-muội Hoan hỷ là được Tam-muội ấy thời đối với pháp sinh vui hoan hỷ. Thế nào là hoan hỷ? Có người nói: Đó là Sơ thiền. Như Phật dạy có bốn tu định: 1. Tu Tam-muội ấy được vui hiện tại hoan hỷ. 2. Tu định được biết thấy, thấy chúng sinh sinh tử. 3. Tu định được trí tuệ phân biệt. 4. Tu định được sạch hết lậu hoặc.

* Lại nữa, được Tam-muội ấy thời phát sinh vô lượng vô biên pháp lạc hoan hỷ.

Tam-muội Diễm quang là như chớp sáng tạm hiện ra, người đi thấy đường; được Tam-muội ấy, bị mất đạo từ vô thời đời đến nay trở lại được.

Tam-muội Vô tận là được Tam-muội ấy thời dứt các tướng vô thường của các pháp, tức vào bất sinh bất diệt.

Tam-muội Oai đức là Bồ-tát được Tam-muội ấy thời oai đức trang nghiêm.

Tam-muội Ly tận là Bồ-tát được Tam-muội ấy thời chắc chắn được công đức thiện bốn vô lượng vô số kiếp, quả báo không mất.

Tam-muội Bất động là, có người nói: Thiền thứ tư là bất động. Ở trong cõi Dục vì ngũ dục nên động, trong Sơ thiên vì giác quán nên động, trong Nhị thiên vì mừng nhiều nên động, trong Tam thiên vui nhiều nên động, trong Tứ thiên lìa hơi thở ra vào, không có các tướng động nên bất động.

Có người nói: Bốn định vô sắc là bất động, vì lìa các sắc; có người nói diệt tận định là bất động, vì lìa tâm tâm số pháp; có người nói Tam-muội tương ưng với trí tuệ biết thật tướng các pháp rốt ráo không, nên bất động; được Tam-muội ấy đối với hết thảy Tam-muội, hết thảy pháp hoàn toàn không hý luận.

Tam-muội Bất thối là trú ở Tam-muội ấy không thấy các Tam-muội thối chuyển. Luận giả nói Bồ-tát trú ở Tam-muội ấy thường không thối chuyển, tức là Tam-muội tương ưng với trí tuệ bất thối. Bất thối là không đọa vào đảnh vị, như đã nói ở trong nghĩa đọa đảnh.

Tam-muội Nhật dăng là được Tam-muội ấy thời có thể chiếu mỗi mỗi môn của hết thảy pháp và các Tam-muội; ví như mặt trời mọc hay chiếu hết thảy Diêm-phù-đề.

Tam-muội Nguyệt tịnh là như mặt trăng từ ngày 16 giảm dần đến ngày 30 là hết. Người phạm phu cũng như vậy, các công đức lành dần dần giảm hết phải đọa vào ba ác đạo; như mặt trăng từ ngày mùng 1 dần dần tăng trưởng, đến ngày 15 thì sáng suốt thanh tịnh. Bồ-tát cũng như vậy, được Tam-muội ấy từ khi phát tâm đời đời dần tăng trưởng thiện căn cho đến được Vô sinh pháp nhẫn, được thọ ký, trí tuệ thanh tịnh, lợi ích chúng sinh. Lại hay phá vô minh trong các Tam-muội.

Tam-muội Tịnh minh là, sáng gọi là tuệ, cầu làm ngại. Được Tam-muội ấy đối với các pháp không chướng ngại, vì vậy nên nơi đây Phật dạy: Trú trong Tam-muội ấy được bốn trí vô ngại.

Hỏi: Sao Phật chỉ riêng ở trong đây đối với Tam-muội nói bốn trí vô ngại?

Đáp: Ở trong Tam-muội không có tâm giác quán, có thể vui nói (lạc thuyết vô ngại), trái với định việc ấy là khó, vì được lực Tam-muội ấy nên được bốn trí vô ngại, nghĩa bốn trí vô ngại như trước nói.

Tam-muội Năng tác minh là, sáng tức là trí tuệ, trong các trí tuệ, trí tuệ Bát-nhã là tối đệ nhất. Tam-muội tương ứng với Bát-nhã ấy hay làm sáng.

Tam-muội Tác hành là được lực Tam-muội ấy hay phát khởi trước tiên là được các Tam-muội.

Tam-muội Tri tướng là được Tam-muội ấy thời thấy có tướng trí tuệ thật trong hết thấy Tam-muội.

Tam-muội Như Kim cang là được Tam-muội ấy thời lấy trí tuệ thông đạt hết thấy pháp, cũng chẳng thấy thông đạt; vì dùng vô sở đắc vậy.

Hỏi: Ba thứ Tam-muội, sao đều nói là tên Kim cang?

Đáp: Đầu nói Kim cang, giữa nói bánh xe Kim cang, sau nói như Kim cang. Tam-muội như Kim cang Phật dạy xuyên suốt hết thấy pháp, cũng không thấy Tam-muội Kim cang ấy thông suốt các Tam-muội.

Tam-muội Kim cang luân là được Tam-muội ấy hay giữ gìn các bánh xe Tam-muội, đó đều là nghĩa của Phật dạy. Luận giả nói: Tam-muội như Kim cang là có thể phá hết thấy các phiền não kiết sử, không còn dư sót, thí như trời Đế-thích tay cầm Kim cang phá quân A-tu-la, tức là tâm cuối cùng của học nhân. Từ tâm ấy thứ lớp được ba thứ Bồ-đề, là Thanh văn Bồ-đề, Bích-chi Phật Bồ-đề, Phật Vô thượng Bồ-đề. Tam-muội Kim cang là có thể phá hết thấy pháp vào Vô dư Niết-bàn, không còn thọ thân sau, ví như chơn Kim

cang có thể phá các núi làm cho diệt sạch không còn. Bánh xe Kim cang là Tam-muội này hay phá hết thấy pháp, không ngăn ngại, ví như bánh xe Kim cang lúc chuyển đi không gì không phá, không bị chướng ngại.

* Lại nữa, đầu là Kim cang, hai là bánh xe Kim cang, ba là như Kim cang. Danh tự khác nhau, Phật dạy nghĩa nó cũng khác nhau. Luận giả giải thích nhân duyên nó cũng khác, nên không nên cật nạn.

Tam-muội Tâm trú là tâm tướng nhẹ nhanh, đi xa, vô hình, khó chế khó giữ, thường lay động như con khi; lại như điện chớp, cũng như lưỡi rắn. Được Tam-muội này có thể thu nhiếp làm cho trú lại, cho đến trước đục lặc cõi trời, tâm cũng không động chuyển, huống gì đục lặc cõi người.

Tam-muội Phổ minh là được Tam-muội ấy thời nơi hết thấy pháp thấy tướng quang minh, không có tướng tối ám, như thấy ban ngày; thấy ban đêm cũng vậy; thấy trước thấy sau, thấy trên, thấy dưới cũng như vậy. Trong tâm vô ngại, do tu Tam-muội ấy nên được thiên nhãn thông, khắp thấy ánh sáng, rõ ràng vô ngại. Khéo tu thần thông ấy nên được thành tuệ nhãn, chiếu khắp các pháp, thấy rõ không ngại.

Tam-muội An lập là được Tam-muội ấy thời an lập bền chắc trong hết thấy công đức thiện pháp. Như núi Tu-di ở giữa biển lớn, an lập bất động.

Tam-muội Bảo tự là được Tam-muội ấy, thời quốc độ có được đều thành bảy báu.

Hỏi: Điều đó mắt thịt thấy, hay thiên định thấy?

Đáp: Mắt trời, mắt thịt đều có thể thấy, vì sao? Vì sáu trần bên ngoài bất định, hành giả thường tu tập thiên định nên có thể chuyển đổi bốn tướng nó.

Tam-muội Diệu pháp ấn là, diệu pháp là công đức và trí tuệ thâm diệu của chư Phật Bồ-tát. Được Tam-muội ấy là được các công đức và trí tuệ thâm diệu.

Tam-muội Pháp đẳng là đẳng có hai: 1. Chúng sinh bình đẳng, 2. Pháp bình đẳng. Tam-muội tương ứng với pháp đẳng, gọi là pháp đẳng.

Tam-muội Đoạn hỷ là được Tam-muội ấy thời quán các pháp vô thường, khổ, không, vô ngã, bất tịnh v.v... tâm sinh nhàm lìa. Trong mười tướng (*Xem chương 34 tập II*), Tam-muội này tương ứng với tướng hết thấy thế gian không thể vui.

Tam-muội Đáo pháp đỉnh là, pháp là pháp Bồ-tát, nghĩa là sáu Ba-la-mật. Đến trong Bát-nhã ba-la-mật, được lực phương tiện, đến đỉnh núi pháp. Được Tam-muội ấy có thể trú ở đỉnh núi pháp ấy, các vô minh phiền não không thể làm lay động.

Tam-muội Năng tán là được Tam-muội ấy thời có thể phá tán các pháp, đây là Tam-muội tương ứng với tán không (*xem chương 18 Không*).

Tam-muội Phân biệt chư pháp cú là được Tam-muội ấy thời có thể phân biệt ngữ ngôn tự cú của hết thấy pháp, vì chúng sinh thuyết ngôn từ không trệ ngại. Đây là Tam-muội tương ứng với trí lạc thuyết vô ngại.

Tam-muội Tự đẳng tướng là được Tam-muội ấy thời quán các chữ, các ngữ đều bình đẳng, trách mắng hay tán thán, không có ghét thương.

Tam-muội Ly tự là được Tam-muội ấy thời không thấy chữ ở trong nghĩa, cũng không thấy nghĩa ấy ở trong chữ.

Tam-muội Đoạn duyên là được Tam-muội ấy, thời hoặc trong hoặc ngoài, đối với vui không sinh mừng, đối với khổ không sinh

giận, đối với không khổ không vui không sinh tâm không biết mà xả. Đối với ba thọ ấy xa lìa không vướng mắc, thời tâm qui về tịch diệt, tâm nếu diệt thì duyên cũng diệt.

Tam-muội Bất hoại là Tam-muội tương ưng với duyên pháp tánh rốt ráo không, hý luận không phá được, vô thường không chuyển được, vì trước đã hoại rồi.

Tam-muội Vô chủng tướng là được Tam-muội ấy thời không thấy các pháp có mỗi mỗi tướng, chỉ thấy một tướng, đó là vô tướng (không có tướng).

Tam-muội Vô xứ hành là được Tam-muội ấy thời biết lửa ba độc đốt ba cõi nên tâm không nương dựa, còn Niết-bàn rốt ráo không nên cũng không nương dựa.

Tam-muội Ly môn muội là được Tam-muội ấy, ở trong các Tam-muội thứ vô minh vi tế che ngăn đều trừ hết.

Tam-muội Vô khứ là được Tam-muội ấy thời không thấy tướng đi lại của hết thấy pháp.

Tam-muội Bất biến dị là được Tam-muội ấy thời quán hết thấy pháp, nhân không biến làm quả, như sữa không biến thành lạc, vì các pháp đều ở trong tự tướng, bất động.

Tam-muội Độ duyên là được Tam-muội ấy thời các phiền não nơi sáu trần dứt hết, vượt qua biển lớn sáu trần, cũng có thể vượt qua hết thấy duyên Tam-muội, phát sinh trí tuệ.

Tam-muội Tập chư công đức là được Tam-muội ấy thời nhóm các công đức, từ lòng tin đến trí tuệ, đầu đêm cuối đêm tu tập không ngừng, như mặt trời mặt trăng vận chuyển, chưa bao giờ ngưng nghỉ.

Tam-muội Trú vô tâm là vào trong Tam-muội ấy, thời không theo tâm, chỉ theo trí tuệ, đến trú trong thật tướng các pháp.

Tam-muội Tịnh diệu hoa là hoa trên cây rộ nở, làm cho cây nghiêm sức, được Tam-muội ấy, trong các Tam-muội mở ra các công đức để trang nghiêm.

Tam-muội Giác ý là được Tam-muội ấy thời khiến các Tam-muội biến thành vô lậu, tương ưng với bảy giác chi, ví như một cân nhựa đá có thể biến ngàn cân đồng thành vàng.

Tam-muội Vô lượng biện tức là lạc thuyết vô ngại biện, được lực Tam-muội ấy cho đến chỉ vui nói một câu trải vô lượng kiếp mà không cùng tận.

Tam-muội Vô đẳng đẳng là được Tam-muội ấy xem hết thấy chúng sinh đều như Phật, xem hết thấy pháp đều đồng Phật pháp, vô đẳng đẳng, đó là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật.

Tam-muội Độ chư pháp là vào ba cửa giải thoát, ra khỏi ba cõi, độ chúng sinh ba thừa.

Tam-muội Phân biệt chư pháp tức là Tam-muội tương ưng với phân biệt tuệ. Được Tam-muội ấy thời phân biệt các pháp tướng thiện bất thiện, hữu lậu vô lậu, hữu vi vô vi.

Tam-muội Tán nghi là có người nói: Tức là Tam-muội vô tướng trong Kiến đế đạo, vì Tam-muội tương ưng với Trí kiến đế dứt nghi kiết. Có người nói: Đây là Tam-muội tương ưng với Vô sinh pháp nhẫn. Bảy giờ lưới nghi đối với hết thấy pháp đều dứt, thấy mười phương chư Phật, được thật tướng các pháp. Có người nói: Đây là Tam-muội tương ưng với vô ngại giải thoát, chư Phật được Tam-muội ấy đã đối với các pháp đều vô ngại, không gần không xa, như xem bàn tay.

Tam-muội Vô trú xứ tức là Tam-muội tương ưng với trí tuệ không lãnh thọ, được Tam-muội ấy không thấy hết thấy pháp có trú xứ nhất định.

Tam muội Nhất trang nghiêm là được tam muội ấy thời xem hết thấy pháp đều một, hoặc hết thấy pháp có tướng nên một, hoặc hết thấy pháp không có tướng nên một, hoặc hết thấy pháp không nên một, như vậy vô lượng đều một. Vì trí tuệ nhất tướng trang nghiêm tam muội ấy, nên nói là nhất trang nghiêm.

Tam muội Sinh hành là, hành gọi là quán, được tam muội ấy, thời hay quán các hành tướng, tướng vào, tướng trú, tướng ra. Lại hành ấy đều không, cũng không thể thấy.

Tam muội Nhất hành là được Tam-muội ấy thời thường nhất hành, trong tam muội tương ứng với rốt ráo không, không còn các hành thứ lớp khác. Như trong vô thường hành, theo đây có khổ hành, trong khổ hành thứ đến có vô ngã hành. Lại Bồ Tát đối với tam muội ấy không thấy bờ này, không thấy bờ kia. Tướng vào các tam muội là bờ này, tướng ra là bờ kia; tướng mới được là bờ này, tướng diệt là bờ kia.

Tam muội Bất nhất hành là trái với một hành ở trên, đó là các hành tướng quán khác.

Tam muội Diệu hành tức là tam muội tương ứng với rốt ráo không (một trong 18 không), cho đến không thấy không hai tướng, hết thấy trí luận không thể phá.

Tam muội Đạt nhất thiết hữu để tán là, hữu là ba cõi, để là phi hữu-tướng phi vô tướng, vì khó đến nên gọi là để; đạt là lấy trí tuệ vô lậu xa lìa cho đến phi hữu tướng phi vô tướng mà vào Vô dư Niết-bàn, ba cõi, năm uẩn đều tán diệt.

* Lại nữa, Bồ-tát được trí tuệ bất sinh bất diệt ấy thời hết thấy các cõi được thông đạt và tán diệt, đều không có gì.

Tam-muội Nhập danh ngữ là được Tam-muội ấy thời biết hết thấy danh tự của hết thấy chúng sinh, hết thấy vật, hết thấy pháp,

cũng lấy danh tự ấy nói giáo hóa người, hết thấy danh tự đều hiểu rõ hết, đều có thứ lớp.

Tam muội Ly âm thanh tự ngữ là được Tam-muội ấy thời quán hết thấy các pháp đều không có âm thanh ngôn ngữ, tướng thường tịch diệt.

Tam-muội Nhiên cự là như cầm đuốc đi đêm, không rơi chỗ hiểm, Bồ-tát được Tam-muội ấy, dùng đuốc trí tuệ không lầm không dính đối với các pháp.

Tam-muội Tịnh tướng là được Tam-muội ấy thời có thể thanh tịnh đầy đủ, trang nghiêm 32 tướng, lại có thể đúng như pháp quán tướng chung tướng riêng các pháp, cũng có thể quán các pháp thanh tịnh vô tướng, tức là không, vô tướng, vô tác, như trong phẩm Tướng nói rộng.

Tam-muội Phá tướng là được Tam-muội ấy thời không thấy tướng hết thấy pháp huống gì tướng các Tam-muội, đây tức là vô tướng Tam-muội.

Tam-muội Nhất thiết hữu diệu túc là được Tam-muội ấy thời lấy các công đức trang nghiêm đầy đủ, dòng họ tốt, gia đình tốt, thân tốt, quyến thuộc tốt; thiên định, trí tuệ đều đầy đủ, thanh tịnh.

Tam-muội Bất hỷ khổ lạc là được Tam-muội ấy thời xem cái vui thế gian nhiều lỗi nhiều lo, hư vọng điên đảo, không thể ưa vui, xem cái khổ thế gian như bệnh như mũi tên vào thân, tâm không mừng vui, vì hết thấy pháp hư dối, chẳng cầu cái vui đó, vì sao? Vì lúc khác biến đổi là khổ; vui còn chẳng mừng huống gì đối với khổ.

Tam-muội Vô tận tướng là được Tam-muội ấy thời xem hết thấy pháp không hoại không tận.

Hỏi: Nếu như vậy, sao không rơi vào chấp bên thường?

Đáp: Cũng như Bồ-tát tuy quán vô thường cũng không rơi vào chấp đoạn, hoặc quán chẳng cùng tận không rơi trong chấp thường. Hai tướng ấy, đều không thể có được nơi các pháp. Có nhân duyên nên tu hành, nghĩa là vì tội phước chẳng mất nên nói thường, vì lìa chấp trước nên nói vô thường.

Tam-muội Đa Đà-la-ni là được lực Tam-muội ấy, thời các Đà-la-ni như Văn trì Đà-la-ni v.v... đều tự nhiên được.

Tam-muội Nhiếp chư tà chánh tướng là được Tam-muội ấy thời chẳng thấy ba nhóm chúng sinh là nhóm chánh định, nhóm tà định và nhóm bất định, nhất tâm nhiếp lấy hết không bỏ nhóm nào. Lại nơi các pháp không thấy tướng chánh nhất định, tướng tà nhất định, vì các pháp không có tướng nhất định.

Tam-muội Diệt tăng ái là được Tam-muội ấy thời đối với pháp khả hỷ không sinh yêu, đối pháp khả ố không sinh giận.

Tam-muội Nghịch thuận là được Tam-muội ấy thời đối các pháp nghịch thuận tự tại. Có thể phá chúng sinh tà nghịch, có thể thuận theo chúng sinh đáng được hóa độ. Lại lìa chấp trước nên phá hết thấy pháp, vì căn lành tăng trưởng nên thành hết thấy pháp, cũng chẳng thấy các pháp nghịch thuận, việc ấy cũng không thấy, vì không có vậy.

Tam-muội Tịnh quang là được Tam-muội ấy thời các cấu nhơ phiền não đối với các pháp không thể có được, vì không thể có được vậy, nên các Tam-muội đều thanh tịnh.

Tam-muội Kiên cố là, có người nói tức là Kim cang Tam-muội, vì kiên cố không hoại. Có người nói: Kim cang không phải, vì Kim cang cũng dễ phá. Đây là Tam-muội tương ưng với trí biết thật tướng các pháp, không thể phá hoại như hư không, vì vậy nên gọi là kiên cố.

Tam-muội Mãn nguyệt tịnh quang là được Tam-muội ấy thời lời nói thanh tịnh, không sai lầm, như mùa thu hư không trong sáng

sạch, trắng tròn sáng chói mát mẽ đáng ưa, không chi đáng ghét. Bồ-tát cũng như vậy, tu các công đức như trắng tròn phá tối vô minh nên tịnh trí sáng suốt đầy đủ; dứt lửa ưa, giận v.v... nên công đức mát mẽ đầy đủ; làm lợi ích cho chúng sinh nên đáng ưa.

Tam-muội Đại trang nghiêm là thấy mười phương thế giới số như hằng hà sa, lấy hoa hương bảy báu trang nghiêm, Phật ở trong đó trang nghiêm thanh tịnh như vậy, được Tam-muội ấy nên cùng một lúc trang nghiêm các công đức. Lại xem sự trang nghiêm đó rộng không không có gì, tâm không dính mắc.

Tam-muội Năng chiếu nhất thiết thế là được Tam-muội ấy nên có thể chiếu soi ba thứ thế gian là chúng sinh thế gian, trú xứ thế gian (khí thế gian) và ngũ uẩn thế gian.

Tam-muội Đẳng Tam-muội là được Tam-muội ấy, quán các Tam-muội đều nhất đẳng, nghĩa là nhiếp tâm tướng. Tam-muội ấy đều từ nhân duyên sinh, pháp hữu vi tạo tác, không có cạn sâu, được Tam-muội ấy thấy đều bình đẳng, ấy gọi là đẳng, cùng các pháp khác cũng bình đẳng không khác. Vì vậy nên theo nghĩa nói trong hết thấy pháp, tướng định, tướng loạn không thể có được.

Tam-muội Nhiếp nhất thiết hữu tránh vô tránh là được Tam-muội ấy thời không thấy pháp ấy có tướng như vậy, pháp ấy không có tướng như vậy, không phân biệt các pháp hữu tránh vô tránh, đối với hết thấy pháp thông đạt vô ngại, đối với hết thấy chúng sinh cũng không tranh luận tốt xấu, chỉ theo tâm hành của chúng sinh mà độ thoát. Được Tam-muội ấy nên đối với các Tam-muội tùy thuận không nghịch.

Tam-muội Bất lạc nhất thiết trú xứ là được Tam-muội ấy thời không ưa ở thế gian, không ưa ở phi thế gian, vì thế gian vô thường nên không ưa, trong phi thế gian thời không có hết thấy pháp, là chỗ đáng sợ không nên sinh ưa vui.

Tam-muội Như trú định là được Tam-muội ấy thời biết tướng như thật của hết thấy pháp, không thấy có pháp gì quá hơn tướng như như ấy. Nghĩa như như, như trước đã nói.

Tam-muội Hoại thân suy là máu thịt xương gân v.v... hòa hợp gọi là thân, thân ấy nhiều hoạn nạn, thường đấu tranh với đói, lạnh, nóng; ấy gọi là thân suy. Được Tam-muội ấy nên dùng lực trí tuệ phá hoại từng phần tướng thân suy, cho đến không thấy tướng không thể có được.

Tam-muội Hoại ngữ như hư không là, ngữ gọi là gió phát ra bên trong, chạm vào bảy chỗ nên có tiếng, nương tiếng nên có ngữ. Quán nhân duyên của ngữ ngôn như vậy nên hay phá ngữ ngôn, không sinh ngã tướng và ghét thương. Có người nói: Nhị thiên không có giác quán, đó là Tam-muội hoại ngữ, hiện thánh im lặng. Có người nói: Đó là Tam-muội định vô sắc, ở đây không có thân, lìa hết thấy sắc. Có người nói: Đó chỉ là Tam-muội của các Bồ-tát, hay phá thân bất tịnh do kiết nghiệp nhân duyên đời trước tạo ra mà thọ lấy pháp thân, tùy chúng sinh đáng được độ mà hiện các hình tướng.

Tam-muội Ly trước hư không bất nhiễm là, Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, quán các pháp rốt ráo không, chẳng sinh chẳng diệt; như hư không không vật gì ví dụ được. Độn căn Bồ-tát đắm trước hư không ấy, được Tam-muội này nên lìa nhiễm trước các pháp hư không, cũng không nhiễm trước Tam-muội ấy; như người bị sa trong bùn được có người kéo ra, khóa chân bắt làm nô bộc; có Tam-muội được lìa khỏi nhiễm trước hư không nhưng lại nhiễm trước Tam-muội thời cũng như vậy. Nay Tam-muội này có thể lìa nhiễm trước hư không, hư không cũng tự lìa nhiễm trước.

Hỏi: Phật phần nhiều nói về Tam-muội, sao ông chỉ nói các pháp?

Đáp: Phật nói nhiều về quả báo, Luận giả thì hợp cả nhân duyên và quả báo để nói, ví như người quán thân bất tịnh, được Tam-muội

bất tịnh; thân là nhân duyên, Tam-muội là quả. Lại như người quán năm uẩn vô thường, khổ, không v.v... mà được Tam-muội bảy giác ý, có thể sinh tám Thánh đạo, bốn quả Sa-môn.

* Lại nữa Phật thích ứng theo chúng sinh chỉ nói một pháp, Luận giả nói rộng ra, phân biệt các việc; thí như hết thầy hữu lậu đều là nhân của khổ, song Phật chỉ nói ái là nhân của khổ; hết thầy phiền não diệt gọi là Diệt đế, song Phật chỉ dạy ái tận. Bồ-tát ấy đối với các quán hạnh chắc chắn không nghi, nhưng đối với các Tam-muội thì chưa rõ, nên Phật chỉ nói Tam-muội. Luận giả nói các pháp, mà hết thầy Tam-muội đều ở trong đó.

Cuối các Tam-muội đều nên nói ”dùng vô sở đắc”, vì đồng Bát-nhã vậy.

Như vậy vô lượng vô biên Tam-muội hòa hợp lại gọi là Maha-diễn.

(HẾT CUỐN 47 THEO BẢN HÁN)

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

GIẢI THÍCH: PHẨM BỐN NIỆM XỨ THỨ 19

(Kinh Ma-ha Bát-nhã ghi: Phẩm Quảng Thừa)

(Kinh Đại Bát-nhã ghi: Phần 2, Phẩm Niệm Trụ Đẳng 17)

KINH: Phật bảo Tu-bồ-đề: Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát là bốn niệm xứ. Những gì là bốn? Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát nơi trong nội thân quán theo thân, cũng không có giác tưởng về thân, vì không thể có được. Nơi trong ngoại thân, nội ngoại thân quán theo thân, cũng không có giác tưởng về thân, vì không thể có được, siêng tinh tấn nhất tâm, trừ sự tham ưu thế gian. Nội thọ, nội tâm, nội pháp; ngoại thọ, ngoại tâm, ngoại pháp; nội ngoại thọ, nội ngoại tâm, nội ngoại pháp, quán theo pháp, cũng không có giác tưởng về pháp, vì không thể có được, siêng tinh tấn nhất tâm, trừ sự tham ưu thế gian.

Tu-bồ-đề! Thế nào Bồ-tát ma-ha-tát nơi nội thân quán theo thân? Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát khi đi biết đi, khi đứng biết đứng, khi ngồi biết ngồi, khi nằm biết nằm, đúng như sở hành của thân, biết như vậy. Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát như vậy nơi nội thân quán theo thân, siêng tinh tấn nhất tâm, trừ sự tham ưu thế gian.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát hoặc đến, đi, xem, ngó thường nhất tâm; co, duỗi, cúi, ngược, mặc y Tăng-già-lê,

cầm giữ y bát, uống ăn, nằm nghỉ, ngồi đứng, ngủ thức, nói năng, im lặng, vào thiền, ra thiền, cũng thường nhất tâm. Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật nơi nội thân quán theo thân, vì không thể có được.

*** Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát khi nơi nội thân quán theo thân, nhất tâm nhớ nghĩ: Khi thở vào biết thở vào, khi thở ra biết thở ra; khi thở vào dài biết thở vào dài, khi thở ra dài biết thở ra dài; khi thở vào ngắn biết thở vào ngắn, khi thở ra ngắn biết thở ra ngắn; ví như thợ thiết hoặc học trò thợ thiết, dây dài biết dài, dây ngắn biết ngắn; Bồ-tát ma-ha-tát cũng như vậy, nhất tâm niệm tưởng: Khi thở vào biết thở vào, khi thở ra biết thở ra; khi thở vào dài, biết thở vào dài, khi thở ra dài biết thở ra dài; khi thở vào ngắn biết thở vào ngắn, khi thở ra ngắn biết thở ra ngắn. Như vậy, Tu-bồ-đề! Nơi nội thân quán theo thân. Siêng tinh tấn nhất tâm, trừ tham ưu thế gian, vì không thể có được.**

*** Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát quán thân tứ đại, nghĩ rằng trong thân có địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại; ví như người giết trâu hoặc học trò người giết trâu, dùng dao giết trâu chia làm bốn phần, chia bốn phần xong, hoặc đứng hoặc ngồi, nhìn xem bốn phần ấy. Bồ-tát ma-ha-tát cũng như vậy, lúc tu Bát-nhã ba-la-mật, quán thân bốn đại, địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại. Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát, nơi nội thân quán theo thân, vì không thể có được.**

*** Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát quán nội thân từ chân đến đỉnh da mỏng bọc quanh, đủ thứ bất tịnh đầy dẫy trong thân, nghĩ rằng trong thân có tóc, lông, móng, răng, da mỏng, da dày, gân, máu, xương, tủy, lá lách, thận, tim, gan, phổi, tiểu tràng, đại tràng, dạ dày, bóng đái, nước tiểu, phân, cấu bần, mồ hôi, nước mắt, nước dãi, nhũ, mủ, máu, đàm vàng trắng, mỡ não, ruột, màng mỏng; thí như trong kho của điền phu chứa đầy tạp**

cốc, đủ thứ lúa, mè, lúa mạch, đậu. Người mắt sáng mở kho liền biết đó là mè, là lúa mạch, lúa nếp, đậu, phân biệt rõ ràng. Bồ-tát ma-ha-tát cũng như vậy, quán thân này từ chân đến đỉnh, da mỏng bọc quanh đủ thứ bất tịnh đầy dẫy trong thân, tóc, lông, móng, răng, cho đến não, màng mỏng. Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát quán nội thân siêng tinh tấn nhất tâm, trừ tham ưu thế gian, vì không thể có được.

*** Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát, nếu thấy thân người chết vứt bỏ, một ngày hai ngày, cho đến năm ngày, phình trướng bầm xanh, nước mủ tươm ra, tự nghĩ thân ta cũng có tướng như vậy, pháp như vậy, ta chưa thoát khỏi pháp đó. Như vậy Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát nơi nội thân quán theo thân siêng tinh tấn nhất tâm, trừ tham ưu thế gian, vì không thể có được.**

*** Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát nếu thấy thân người chết bị vứt bỏ hoặc sáu ngày hoặc bảy ngày bị quạ, diều, kên kên, lang, sói, chồn, chó, các loại cầm thú như vậy cấu xé dành ăn. Tự nghĩ thân ta cũng có tướng như vậy, pháp như vậy, chưa thoát khỏi pháp đó. Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát nơi nội thân quán theo thân, siêng tinh tấn nhất tâm, trừ tham ưu thế gian vì không thể có được.**

*** Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát, nếu thấy thân người chết bị vứt bỏ, cầm thú dành ăn, bất tịnh rã thúi, tự nghĩ thân ta có tướng như vậy, pháp như vậy, chưa thoát khỏi pháp đó... cho đến trừ tham ưu thế gian.**

*** Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát nếu thấy thân người chết bị vứt bỏ, vòng khóa xương, máu thịt vấy nhớp, gân xương liền nhau, tự nghĩ thân ta có tướng như vậy, pháp như vậy, chưa thoát khỏi pháp đó, cho đến trừ tham ưu thế gian.**

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát, nếu thấy thân người chết bị vứt bỏ, vòng khóa xương máu thịt đã rã hết, gân xương liền nhau, tự nghĩ thân ta có tướng như vậy, pháp như vậy chưa thoát khỏi pháp đó, cho đến trừ tham ưu thế gian.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát nếu thấy thân người chết bị vứt bỏ, vòng khóa xương đã tan rã trên đất, tự nghĩ thân ta có tướng như vậy, pháp như vậy, chưa thoát khỏi pháp đó. Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát quán nội thân, cho đến trừ tham ưu thế gian.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát, nếu thấy thân người chết vứt bỏ, xương rã trên đất, xương chân một nơi; xương hông, xương gân, xương lưng, xương tay, xương đỉnh, đầu lâu mỗi thứ ở mỗi nơi; tự nghĩ thân ta có tướng như vậy, pháp như vậy, chưa thoát khỏi pháp ấy. Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát quán nội thân, cho đến trừ tham ưu thế gian.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát thấy xương người chết vứt bỏ trên đất, lâu năm gió thổi, mặt trời nóng, sắc trắng như vỏ ốc, tự nghĩ thân ta có tướng như vậy, pháp như vậy, chưa thoát khỏi pháp đó. Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát quán nội thân, cho đến trừ tham ưu thế gian, vì không thể có được.

LUẬN. *Hỏi:* Trong bốn niệm xứ có nhiều cách quán, có sao chỉ nói mười hai lối quán là quán hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc trong ngoài?

* Lại nữa, thế nào là trong, thế nào là ngoài; quán trong và ngoài xong, có gì còn nói riêng trong ngoài?

* Lại nữa, trong bốn niệm xứ, một niệm xứ là trong, nhiếp về pháp trong là tâm; hai niệm xứ là ngoài, nhiếp về pháp ngoài là thọ và pháp; một niệm xứ là trong ngoài nhiếp về pháp trong ngoài là thân, có sao nói bốn pháp đều là trong, đều là ngoài, đều là trong

ngoài? Sao không chỉ nói quán thân mà nói quán theo thân? Tại sao quán thân mà không sinh giác tưởng về thân, có sao nói siêng tinh tấn nhất tâm? Ba mươi bảy đạo phẩm đều nên nói nhất tâm, có sao chỉ trong đây nói nhất tâm? Trong đây nếu khi tu hành bốn niệm xứ, hết thấy năm triền cái đều trừ, có sao chỉ nói trừ tham? Sự vui mừng của thế gian cũng có thể chứng ngại đạo, có sao chỉ nói trừ ưu? Quán thân có các tính vô thường, khổ, không, vô ngã, có sao nay chỉ nói quán thân bất tịnh? Nếu chỉ quán bất tịnh, có sao còn niệm tưởng bốn oai nghi của thân? Việc ấy dễ biết, đâu đủ để hỏi?

Đáp: Hành giả từ mười hai lối quán ấy mà được định tâm. Từ trước lại đây ba thứ tà hạnh hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc trong ngoài, phá ba thứ tà hạnh cho nên có ba thứ chánh hạnh. Có người nhiễm đắm nội tình nhiều, nhiễm đắm ngoại tình ít, như người vì bản thân nên có thể bỏ vợ con, thân thuộc bảo vật. Có người nhiễm đắm ngoại tình nhiều, nhiễm trước nội tình ít, như người vì tham của mà tan thân, vì dục mà mất mạng. Có người nhiễm đắm nội ngoại tình nhiều, nên nói ba thứ chánh hạnh.

* Lại nữa, tự thân gọi là nội thân, tha thân gọi là ngoại thân. Chín thọ nhập gọi là nội thân, chín chẳng thọ nhập gọi là ngoại thân, năm căn nhãn, nhĩ v.v... gọi là nội thân, năm trần sắc, thanh v.v... gọi là ngoại thân, phân biệt nội ngoại như vậy. Hành giả trước dùng trí tuệ quán nội thân bất tịnh, vô thường, khổ, không, vô ngã, tìm chẳng thấy được thân ấy tướng tốt hoặc tướng tịnh, hoặc tướng thường, hoặc lạc, hoặc ngã, hoặc thật. Nội thân đã không thể có được, lại quán ngoại thân tìm tướng tịnh, thường, ngã, lạc, thật thì cũng không thể có được. Nếu không có được bèn sinh nghi: Khi ta quán nội thời đối với ngoại hoặc lầm, khi quán ngoại đối với nội hoặc lầm, nay nội ngoại cùng quán một lần, cũng không thể có được. Lúc ấy tâm được chánh định, biết thân này bất tịnh, vô thường, khổ, không, vô ngã, như bệnh, như ung, như ghê, chín chỗ

tương chảy như nhớt, đó là hầm xí, không lâu bị phá hoại, lìa tan, tận diệt, tướng chết. Thường có các khổ vây quanh như đói khát, lạnh, nóng, roi gậy, trói giam, mắng nhiếc, chê bai, già bệnh v.v... không được tự tại. Bên trong rỗng không, vô chủ, không có kẻ biết, kẻ thấy, kẻ làm, kẻ chịu; các pháp chỉ là không, do nhân duyên hòa hợp nên có, tự sinh tự diệt, không lệ thuộc đâu, giống như cây cỏ, thế nên nội ngoại cùng quán. Các nghĩa nội ngoại khác như đã nói trong chương Mười tám không.

Quán theo thân là tìm theo quán sát biết nó bất tịnh, suy già, bệnh chết, rã hoại hôi hám, xương gân mục nát, tiêu mòn trở về đất, như thân ta đây, da mỏng phủ kín, làm cho người cuồng mê lo sợ muôn mối, vì vậy nên theo dõi thân tướng trong ngoài, quán sát gốc ngọn. Lại, là như Phật nói cách quán theo thân.

Không sinh giác tướng về thân là không thủ lấy tướng một, khác của thân mà sinh hý luận. Chúng sinh ở nơi thân khởi lên các giác tướng, có người sinh giác tướng cho là tịnh, có người sinh giác tướng cho là bất tịnh, có người sinh sân giác, nhớ tội lỗi người khác. Có người quán thân này, thân là pháp gì? Bên các thân phần là một, là khác, không sinh các giác tướng như vậy, vì sao? Vì không có lợi ích gì, chỉ làm ngại Niết-bàn.

* Lại nữa, kẻ phàm phu, hàng Thanh văn thủ lấy thân tướng mà quán thân, còn Bồ-tát chẳng thủ lấy thân tướng mà quán thân.

Siêng tinh tấn nhất tâm là việc đời khéo léo tiện lợi, từ đời vô thi lại đây, thường tập thường làm, như ly biệt người thường dễ, ly biệt tri thức thì khó; ly biệt tri thức dễ, ly biệt cha con khó, ly biệt cha con dễ, tự lìa thân mình khó, tự lìa thân mình dễ, lìa tâm mình khó, tự không nhất tâm siêng tinh tấn thời việc ấy không thể làm được; ví như cưa cây lấy lửa, nhất tâm siêng năng không ngừng không nghỉ mới có thể được lửa, thế nên nói nhất tâm siêng tinh tấn.

Trừ tham ưu thế gian là lòng tham trừ thời năm triền cái sạch hết; giống như chẻ tre, mắt đầu đã chẻ thời các mắt khác đều đi suốt.

* Lại nữa, hành giả xa lìa năm dục, xuất gia học đạo, đã bỏ cái vui thế gian, chưa được cái vui thiền định, hoặc thời tâm sinh niệm lo ưu, như cá ưa nước, tâm tướng như vậy, thường tìm sự vui, trở lại nhớ điều dục lạc xưa. Hành giả hay sinh hai tâm ấy cho nên Phật nói nên trừ tham ưu. Nói tham tức nói vui mừng thế gian; vì nó tương ưng.

Ban đầu quán bất tịnh là thân người bất tịnh, vì da mỏng che, nên trước sinh tướng tịnh, sau mới sinh các tướng điên đảo khác. Vì vậy nên đầu tiên nói quán bất tịnh.

* Lại nữa, chúng sinh phần nhiều đắm tham dục, thủ lấy tướng tịnh, còn sân nhuế, tà kiến thời không như vậy, nên trước trị tham dục phải quán bất tịnh.

Niệm bốn oai nghi của thân là trước muốn phá giấc thân, người được nhất tâm, mọi việc làm đều được thành tựu, vì vậy nên trước tìm tội việc của thân làm, sở hành, đến đi, ngủ thức, tọa thiền, quán việc thân làm, thường nhất tâm an tường, không làm không loạn, quán sát bất tịnh như vậy, vì Tam-muội về bất tịnh dễ được. Thân tuy an tường mà bên trong có nhiều ác giác quán, làm phá hoại rối loạn tâm kia, vì vậy nên nói niệm hơi thở ra vào mười sáu cách để trừ giác quán. Nghĩa niệm hơi thở ra vào như trước đã nói.

Thân đã an tường, tâm không làm loạn, vậy sau tu quán bất tịnh mới an ổn bền chắc. Nếu trước tu quán bất tịnh, vì cuồng tâm rối loạn nên bất tịnh trở thành tướng tịnh. Trong Phật pháp, hai pháp này gọi là cửa cam lồ ban đầu.

Quán bất tịnh là Bồ-tát ma-ha-tát quán thân như cây cỏ đá sỏi không khác. Bốn đại ngoài thân biến làm đồ uống ăn, chứa đầy trong thân, phần cứng là đất, ướt là nước, nóng là lửa, động là gió. Bốn phần ấy vào bên trong tức là thân; trong bốn phần ấy đều không có

ngã, không có ngã sở, đi theo bốn tướng vô thường sinh, già, bệnh, chết, không theo ý người. Khổ, không cũng như vậy, hoặc ngồi hoặc đứng, nằm thời biếng nhác, thân không động tâm cũng không động; đi thời tâm loạn, tâm không tịnh thân cũng không tịnh. Muốn lấy việc mắt thấy ví việc không thấy, nên nói ví dụ: Trâu ví dụ cho thân hành giả, kẻ mổ trâu ví dụ cho hành giả, đao ví dụ cho trí tuệ sắt bén, cướp mạng trâu ví dụ cho phá một tướng thân. Bốn phần ví dụ cho bốn đại. Người mổ trâu quán sát trâu bốn phần, không còn có trâu riêng, cũng chẳng phải là trâu. Hành giả quán thân do bốn đại cũng như vậy. Bốn đại ấy không gọi là thân, vì sao? Vì đại có bốn mà thân chỉ là một. Lại, bốn đại là tổng tướng, thân là biệt tướng; nếu bốn đại ở ngoài thì không gọi là thân, khi vào trong thân, giả gọi là thân. Ngã không ở trong bốn đại, bốn đại không ở trong ngã. Ngã cách bốn đại xa, chỉ vì điên đảo vọng chấp là thân. Dùng trí tuệ phân tán thành không ấy, mà phân biệt bốn đại và tạo sắc, vậy sau vào ba niệm xứ kia, được vào đạo. Lại, thân này từ chân đến tóc, từ tóc đến chân, da mỏng bọc quanh; suy nghĩ ngược xuôi không có một chỗ tịnh, tóc lông cho đến não, màng, nói lược thời có 36 thứ bất tịnh, nói rộng thời rất nhiều.

Kho lúa ví dụ cho thân, nông phu ví dụ cho hành giả, ruộng gieo lúa ví dụ cho thân nghiệp nhân duyên của hành giả, gặt lúa vào kho ví dụ cho nhân duyên của hành giả thành thực thọ thân; lúa, mè, lúa tẻ, đậu ví dụ cho các thứ bất tịnh trong thân. Nông phu mở kho liền biết lúa, mè, lúa tẻ, đậu, các thứ khác nhau, cũng như vậy. Ấy là hành giả quán bất tịnh. Lấy mắt tuệ kho thân thấy biết trong thân này đầy đầy bất tịnh; chắc chắn sẽ tan hoại hoặc do vì kẻ khác hại hoặc do tự chết, trong thân này chỉ có phân, nước dãi bất tịnh, các thứ xấu xa hiện lộ.

Đã quán nội thân bất tịnh, nay quán ngoại thân bại hoại. Thế nên nói hai thứ bất tịnh: Một là đã hoại, hai là không hoại. Nay quán thân mình chưa hoại còn có sự hiểu biết. Nếu người kiết sử mỏng,

lợi căn thời sinh tâm nhàm chán, còn người độn căn kiết sử dày, thấy người chết đã hoại, đáng sợ đáng ghét. Nếu chết một ngày đến năm ngày, bà con còn thủ hộ, khi ấy cầm thú chưa ăn, bầm xanh sinh trưởng, mủ máu tươm chảy, bụng phình phá vỡ, năm tạng nát hoại, phân nước tiểu hôi thối rất đáng chán ghét. Hành giả nghĩ rằng sắc thân này trước đẹp; đi lại, nói năng đẹp lộng lẫy, đáng đáp thù mị, mê hoặc lòng người, người dâm đảng ưa đắm. Nay xem chẳng thấy sắc đẹp ở đâu, như Phật từng dạy, thật là pháp huyễn, chỉ dối mắt người vô trí. Sự thật này nay lộ hiện, hành giả liền nghĩ thân ta với thân người chết kia không khác, chưa thoát khỏi nó, làm sao tự mình mê đắm và mê đắm người khác? Lại cũng tại sao trọng mình khinh người? Quán được như vậy thời tâm điều phục, có thể cầu đạo, trừ được tham ưu thế gian.

Lại suy nghĩ thân ấy khi mới chết, chim thú trông thấy bảo chẳng phải người chết, không dám đến gần, vì vậy nên nói qua sáu, bảy ngày, thân thối đã đi hết, thì loài chim, kên kên, chồn, dành đến xé ăn. Da thịt đã hết, ngày ngày đổi khác, vì vậy nên nói chỉ có người xưa. Thấy rõ như vậy, càng sinh tâm nhàm chán, nghĩ rằng tim gan, da thịt này thật không có ngã, chỉ do thân này tập hợp nhân duyên tội phước thọ khổ vô lượng. Liền lại tự nghĩ thân ta không bao lâu sẽ phải như vậy, chưa lìa khỏi điều đó. Hoặc có khi hành giả thấy xương người trên đất, nước mưa dội, ngâm nắng phơi gió thổi, chỉ còn xương trắng; hoặc thấy xương gân lâu ngày đứt ra, đốt xương rã, phân tán mọi nơi, sắc trắng như bò câu, hoặc mục nát tiêu hoại, đồng màu đất. Lúc đầu quán 36 vật bất tịnh, thân chết sinh trưởng, một ngày đến năm ngày, ấy là quán bất tịnh. Chim thú đến ăn cho đến đồng màu đất, ấy là quán vô thường. Trong đó tìm ngã và ngã sở không thể có được, như trước nói do nhân duyên sinh, không tự tại, ấy là quán phi ngã. Quán thân tướng như thế không điều gì đáng vui, nếu đắm trước thời sinh ưu khổ, ấy là quán khổ.

Lấy bốn thánh hạnh quán bất tịnh, vô thường, vô ngã, khổ để quán ngoại thân, tự biết thân mình cũng như vậy, vậy sau quán chung cả trong ngoài. Nếu tâm tán loạn, nên nghĩ đến sự khổ già, bệnh, chết trong ba đường ác, thân mạng vô thường, Phật pháp sắp diệt. Như vậy, đánh tâm làm cho nép xuống, buộc trở lại vào trong quán bất tịnh; ấy gọi là siêng tinh tấn. Nhất tâm siêng tinh tấn nên trừ được tham ưu. Hai giặc tham ưu cướp pháp bảo của ta, hành giả nghĩ rằng thân này vô thường, bất tịnh đáng ghét, như thế có sao chúng sinh tham đắm thân này để khởi lên các nhân duyên tội lỗi? Suy nghĩ như vậy biết trong thân này có năm căn, ngoài có năm dục hòa hợp nên sinh cái vui điên đảo của thế gian. Tâm người tìm vui, chưa lúc nào ngưng trụ, hãy quán cái vui ấy là thật hay hư? Thân bền chắc vẫn còn tan diệt, hưởng gì cái vui ấy? Cái vui ấy cũng không có chỗ ở, vị lai chưa có, quá khứ đã diệt, hiện tại không ngưng trụ, niệm niệm biến diệt, chỉ vì ngăn khổ nên gọi là vui, chứ không có cái vui thật. Ví như ăn uống, vì trừ khổ đói khát tạm cho là vui, ăn uống quá độ thời trở lại sinh khổ, như đã nói trong đoạn phá vui. Nên biết cái vui thế gian đều từ nhân duyên khổ sinh ra, nó cũng hay sinh ra quả khổ, gạt người giây lát, về sau khổ vô lượng; ví như đồ ăn ngon lẫn chất độc, ăn tuy ngon thơm, chất độc hại người. Cái vui thế gian cũng như vậy, vì độc phiền não dâm dục v.v... cướp mạng trí tuệ nên tâm cuồng mê, bỏ lợi lấy suy thì ai thọ lãnh cái vui ấy? Chỉ có tâm thức. Quán kỹ cái tâm ấy niệm niệm sinh diệt, vì tương tục nên có thể thủ lấy tướng, như sóng nước, như ánh đèn. Tâm thọ khổ chẳng phải tâm thọ lạc, tâm thọ lạc chẳng phải tâm thọ khổ, tâm thọ chẳng khổ chẳng lạc chẳng phải tâm thọ khổ lạc; tướng thời gian khác nhau, vì vậy nên tâm vô thường, không tự tại, không tự tại nên vô ngã. Tưởng, tư, ức niệm v.v... cũng như vậy. Ba niệm xứ kia, tướng trong ngoài như trước đã nói. Thực hành bốn thánh hạnh ấy phá bốn điên đảo: Bất tịnh mà điên đảo chấp tịnh, vô thường mà điên đảo chấp thường, vô ngã mà điên đảo chấp ngã, khổ mà điên

đảo chấp vui. Phá bốn điên đảo nên mở cửa thật tướng, khi mở cửa thật tướng rồi thì hồ thẹn thói cũ đã làm; giống như người ban đêm ăn đồ bất tịnh, lúc sau biết quấy nên hồ thẹn việc ấy.

Quán bốn pháp bất tịnh, vô thường v.v... ấy gọi là Khổ đế; các phiền não ái v.v... là nhân của khổ, ấy là Tập đế; phiền não ái v.v... dứt là Diệt đế; các phương tiện dứt phiền não ái v.v... là Đạo đế. Quán bốn đế như vậy, tin đạo Niết-bàn, tâm an trú khoái lạc, tương tự như vô lậu, ấy gọi là noãn pháp, như người cọ cây lấy lửa, vừa có khí nóng; hy vọng chắc chắn được lửa. Tin pháp ấy rồi, tâm ưa vui pháp ấy của Phật như Phật từng dạy: Như uống thuốc hay lành bệnh, biết là thầy giỏi; các người uống thuốc lành bệnh là đệ nhất trong loài người, ấy là tin Tăng. Tin Tam bảo như vậy, noãn pháp tăng tiến, tội phước dừng lại bằng nhau, nên gọi là đẳng pháp; như người lên núi đến đỉnh, đường đi hai bên bằng nhau. Từ đỉnh pháp đến nhẫn pháp cho đến A-la-hán là đường một bên, từ noãn đến đỉnh là đường một bên. Trong pháp Thanh văn quán bốn niệm xứ có được quả báo như vậy. Pháp của Bồ-tát ở nơi quán ấy không quên bản nguyện, không bỏ đại bi, trước dùng bất khả đắc không điều phục tâm địa, trú ở trong địa ấy, tuy có phiền não, tâm thường không đọa; như người tuy chưa giết được giặc, mà giam trói một nơi. Đỉnh pháp của Bồ-tát như đã nói ở trong pháp vị trước. Nhẫn pháp, Thế đệ nhất pháp tức là Bồ-tát nhu thuận pháp nhẫn. Tu-đà-hoàn đạo cho đến A-la-hán, Bích-chi Phật đạo là Bồ-tát vô sinh pháp nhẫn. Như ở phẩm sau Phật tự nói: Tu-đà-hoàn hoặc trí hoặc quả đều là Bồ-tát vô sinh pháp nhẫn. Bốn chánh cần, bốn như ý túc tuy mỗi mỗi vị trí khác biệt, đều ở trong bốn niệm xứ. Tuệ nhiều nên gọi là bốn niệm xứ; tinh tấn nhiều nên gọi là bốn chánh cần; định nhiều nên gọi là bốn như ý túc.

Hỏi: Nếu như vậy, có sao không nói trí xứ mà nói niệm xứ?

Đáp: Khi mới tập tu, chưa kịp có trí nên niệm là cửa ban đầu; thường niệm việc ấy, trí tuệ tùy theo niệm ấy nên lấy niệm làm

tên. Bốn niệm xứ thật thể là trí tuệ, vì sao? Vì quán nội ngoại thân tức là trí tuệ, niệm giữ trí tuệ ở trong duyên không để cho tán loạn nên gọi là niệm xứ. Trái với 96 thứ tà hạnh cầu đạo nên gọi là bốn chánh cần. Các ngoại đạo bỏ năm dục, tự làm khổ thân, không thể bỏ pháp ác bất thiện, không thể nhóm các pháp lành, còn Phật có hai cách dứt pháp ác bất thiện: Tà ác đã sinh dứt trừ, ác chưa sinh ngăn không cho sinh; đối với pháp lành cũng có hai cách là pháp lành chưa sinh khiến sinh, pháp lành đã sinh khiến tăng trưởng, ấy gọi là chánh cần. Lửa trí tuệ được gió chánh cần không có gì không bị đốt cháy. Chánh cần nếu quá mức thì tâm tán loạn, lửa trí suy yếu; như lửa được gió, quá mức thì hoặc tắt hoặc yếu, không thể đốt cháy, chiếu sáng, cho nên tu định để chế bớt gió tinh tấn quá mức thì có thể đắc định.

Định có bốn thứ là dục định, tinh tấn định, tâm định, tư duy định. Chế bớt trí tuệ quá mức trong bốn niệm xứ, khi ấy định tuệ được tinh tấn nên sở dục như ý, sau được việc như ý thành biện nên gọi là như ý túc. Túc là nhân duyên như ý cũng gọi là phần. Mười hai pháp ấy ở nơi người độn căn gọi là căn; như cây có gốc mà chưa có lực, nếu ở nơi người lợi căn thì gọi là lực. Việc ấy rõ ràng có thể chóng được thành tựu công việc; như dao bén cắt đồ vật, nên gọi là lực. Sự chưa thành tựu nên gọi là đạo, sự thành tựu tư duy tu hành nên gọi là giác. Luận bàn về ba mươi bảy đạo phẩm như trước đã nói.

Hỏi: Nếu Bồ-tát tu ba mươi bảy đạo phẩm ấy, cứ sao không thủ chứng Niết-bàn?

Đáp: Vì bản nguyện bền chắc, vì tâm đại bi thâm nhập, vì biết rõ ràng thật tướng các pháp, vì mười phương chư Phật hộ niệm, như Kinh nói: Bồ-tát đến địa vị thất trụ, ngoài quán các pháp không, trong quán vô ngã, như người trong mộng buộc cây làm thuyền qua sông, giữa dòng thức dậy, nghĩ rằng ta luống tự khổ nhọc, không sông không thuyền, ta vượt qua đâu? Bồ-tát bảy giờ cũng như vậy,

tâm chán nản ăn năn, ta độ cái gì, diệt cái gì? Muốn tự dứt tâm điên đảo. Bây giờ mười phương Phật đưa tay xoa đầu nói: Lành thay, Phật tử! Chớ sinh tâm hối hận, hãy nhớ bản nguyện của ông! Ông tuy biết như thế, mà chúng sinh chưa ngộ. Ông hãy đem pháp không ấy giáo hóa chúng sinh. Điều ông chứng được mới là một cửa, còn chư Phật vô lượng thân, vô lượng âm thanh, vô lượng pháp môn, Nhất thiết trí tuệ v.v... ông đều chưa được. Ông quán thấy các pháp không, nên đấm trước Niết-bàn. Trong các pháp không, không có chỗ diệt nên không có chỗ đấm trước. Nếu thật có diệt thì ông từ trước lại đây đã diệt. Ông chưa đầy đủ sáu Ba-la-mật, cho đến mười tám pháp, ông nên đầy đủ pháp ấy, ngồi đạo tràng, như phép tắc của chư Phật!

* Lại nữa, ba Tam-muội, mười một trí, ba căn vô lậu, Tam-muội giác quán, mười niệm, bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, tám bội xả, định chín thứ lớp, như trước nói.

* Lại nữa, Phật mười lực, bốn không sợ, bốn trí vô ngại, mười tám pháp không chung, như đã nói trong phẩm đầu. Cuối các pháp ấy đều dùng vô sở đắc, vì hòa hợp với Bát-nhã ba-la-mật nên rốt ráo không; gọi là trừ tham ưu thế gian, vì không thể có được vậy.

KINH: Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát thấy xương người chết vút bỏ trên đất, sắc trắng như chim Bồ câu, mục nát tiêu hoại hợp cùng với đất, tự nghĩ thân ta có pháp như vậy, tướng như vậy, chưa thoát khỏi pháp đó. Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát nơi nội thân quán theo thân, siêng tinh tấn nhất tâm, trừ tham ưu thế gian, vì không thể có được. Quán ngoại thân, quán nội ngoại thân cũng như vậy. Thọ niệm xứ, tâm niệm xứ, pháp niệm xứ, cũng nên nói rộng như vậy. Tu-bồ-đề! Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát Đại thừa là bốn chánh cần. Những gì là bốn? Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát đối với các pháp ác bất thiện chưa sinh, vì không cho sinh nên muốn

siêng tinh tấn nhiếp tâm hành đạo; đối với các pháp ác bất thiện đã sinh, vì dứt trừ nên muốn siêng tinh tấn nhiếp tâm hành đạo; đối với các pháp lành chưa sinh, vì sinh nên muốn siêng tinh tấn nhiếp tâm hành đạo; đối với các pháp lành đã sinh, vì an trụ không mất, tu tập đầy đủ thêm rộng, nên muốn siêng tinh tấn nhiếp tâm hành đạo, vì không thể có được. Tu-bồ-đề! Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát Đại thừa là bốn như ý phần. Những gì là bốn? Dục định đoạn hành thành tựu, tu như ý phần; tâm định đoạn hành thành tựu, tu như ý phần; tinh tấn định đoạn hành thành tựu, tu như ý phần; tư duy định đoạn hành thành tựu, tu như ý phần, vì không thể có được. Tu-bồ-đề! Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát Đại thừa là năm căn. Những gì là năm? Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn, ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát, vì không thể có được.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát Đại thừa là năm lực. Những gì là năm? Tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực. Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát, vì không thể có được.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát Đại thừa là bảy giác phần. Những gì là bảy? Bồ-tát ma-ha-tát tu niệm giác phần nương lìa, nương vô nhiễm, hướng đến Niết-bàn; tu trạch pháp giác phần, tinh tấn giác phần, hỷ giác phần, trừ giác phần, định giác phần, xả giác phần, nương lìa, nương vô nhiễm, hướng đến Niết-bàn, vì không thể có được. Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát Đại thừa là tám Thánh đạo phần. Những gì là tám? Là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh

niệm, chánh định. Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát, vì không thể có được.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát Đại thừa là ba Tam-muội. Những gì là ba? Không, vô tướng, vô tác Tam-muội. Không Tam-muội là các pháp tự tướng không, ấy là cửa không giải thoát. Vô tướng là hoại các pháp tướng, không nhớ không nghĩ, ấy là cửa vô tướng giải thoát; vô tác là đối với các pháp không tạo tác, ấy là cửa vô tác giải thoát. Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát, vì không thể có được.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát Đại thừa là khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí, tận trí, vô sinh trí, pháp trí, tỷ trí, thể trí, tha tâm trí, như thật trí. Sao gọi khổ trí? Là biết khổ không phát sinh, ấy gọi là khổ trí. Sao gọi là tập trí? Là biết tập nên dứt, ấy gọi là tập trí. Sao gọi là diệt trí? Là biết khổ diệt, ấy gọi là diệt trí. Sao gọi là đạo trí? Là biết tám Thánh đạo phần, ấy gọi là đạo trí. Sao gọi là tận trí? Là biết các pháp dâm, nộ, si diệt tận, ấy gọi là tận trí. Sao gọi là vô sinh trí? Là biết không còn sinh vào các cõi, ấy gọi là vô sinh trí. Sao gọi là pháp trí? Là biết bản tướng năm uẩn, ấy gọi là pháp trí. Sao gọi là tỷ trí? Là biết mắt vô thường, cho đến thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh vô thường, ấy gọi là tỷ trí. Sao gọi là thể trí? Là biết danh tự nhân duyên, ấy gọi là thể trí. Sao gọi là tha tâm trí? Là biết tâm của chúng sinh khác, ấy gọi là tha tâm trí. Sao gọi là như thật trí? Là biết nhất thiết chủng trí của chư Phật, ấy gọi là như thật trí. Tu-bồ-đề! Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát, vì không thể có được.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát Đại thừa là ba căn: Vị tri dục tri căn, tri căn, tri giả căn. Sao gọi là vị tri dục tri căn? Là năm căn tín, tấn, niệm, định, tuệ của các học nhân chưa đắc quả, gọi là vị tri dục tri căn. Sao gọi tri căn? Là tín căn cho đến

tuệ căn của các học nhân đã đặc quả, ấy gọi là tri căn. Sao gọi tri giả căn? Là tín căn cho đến tuệ căn của các vô học nhân, hoặc A-la-hán, hoặc Bích-chi Phật, chư Phật, ấy gọi là tri giả căn. Tu-bồ-đề! Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát, vì không thể có được.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát Đại thừa là ba Tam-muội. Những gì là ba? Tam-muội có giác có quán, Tam-muội không giác có quán, Tam-muội không giác không quán. Sao gọi là Tam-muội có giác có quán? Lìa các dục, lìa pháp ác bất thiện, có giác có quán, lìa dục sinh hỷ lạc, vào Sơ thiên, ấy gọi là Tam-muội có giác có quán. Sao gọi là Tam-muội không giác có quán? Sơ thiên, Nhị thiên, trung gian thiên, ấy gọi là Tam-muội không giác có quán. Sao gọi là Tam-muội không giác không quán? Từ Nhị thiên đến phi hữu tướng phi vô tướng định, ấy gọi là Tam-muội không giác không quán. Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát, vì không thể có được.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát Đại thừa là mười niệm. Những gì là mười? Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm xả, niệm thiên, niệm thiện, niệm hơi thở ra vào, niệm thân, niệm chết. Tu-bồ-đề! Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát, vì không thể có được.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát Đại thừa là bốn thiên, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, tám bội xả, định chín thứ lớp. Tu-bồ-đề! Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát, vì không thể có được.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát Đại thừa là mười lực của Phật. Những gì là mười?

Lực một: Phật như thật biết tướng hết thấy pháp là đạo lý hay phi đạo lý.

Lực hai: Phật như thật biết các nghiệp, các lãnh thọ của chúng sinh quá khứ, vị lai, hiện tại, biết chỗ tạo nghiệp, biết nhân duyên, biết căn.

Lực ba: Phật như thật biết các thiên, giải thoát, Tam-muội, định, tướng cấu nhiễm, thanh tịnh, phân biệt.

Lực bốn: Phật như thật biết tướng các căn thượng hạ của chúng sinh.

Lực năm: Phật như thật biết các chỗ ham muốn, kiến giải của chúng sinh.

Lực sáu: Phật như thật biết vô số các chủng tánh của thế gian.

Lực bảy: Phật như thật biết đạo đưa đến hết thủy chỗ.

Lực tám: Phật như thật biết các túc mạng, có tướng, có nhân duyên, một đời, hai đời cho đến trăm ngàn đời, kiếp bắt đầu, kiếp chấm dứt, ta sinh ở trong chúng sinh kia, có họ như vậy, tên như vậy, uống ăn, khổ vui; thọ mạng dài ngắn như vậy, chết nơi kia sinh nơi đây, chết nơi đây lại sinh nơi đây; sinh nơi đây có họ tên, ăn uống, khổ vui, thọ mạng dài ngắn cũng như vậy.

Lực chín: Phật có thiên nhãn thanh tịnh quá hơn các mắt chư thiên, thấy chúng sinh khi sinh khi chết, đẹp đẽ, xấu xí, hoặc lớn hoặc nhỏ, hoặc đọa ác đạo, hoặc đọa thiện đạo, nghiệp nhân duyên thọ báo như vậy. Các chúng sinh ấy thành tựu ác thân nghiệp, thành tựu ác khẩu nghiệp, thành tựu ác ý nghiệp, hủy báng Thánh nhân; vì nghiệp nhân tiếp thụ các tà kiến, nên khi thân hoại mạng chung, sinh trong địa ngục; các chúng sinh ấy thành tựu thiện thân nghiệp, thành tựu thiện khẩu nghiệp, thành tựu thiện ý nghiệp, không hủy báng thánh nhân, vì nghiệp nhân tiếp thụ chánh kiến, nên khi thân hoại mạng chung, vào thiện đạo, sinh cõi trời.

Lục mười: Phật như thật biết các lậu đã hết nên tâm vô lậu giải thoát, tuệ vô lậu giải thoát, tự chứng tri, nhập vào pháp ấy ngay trong hiện tại biết rằng: Ta sinh tử đã tận, phạm hạnh đã lập, từ đời nay không còn có đời sau. Tu-bồ-đề! Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát, vì không thể có được.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát Đại thừa là bốn không sợ. Những gì là bốn?

Vô úy một: Phật nói thành thật rằng: Ta là người Nhất thiết chánh trí, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm-thiên, hoặc còn các chúng khác như thật nạn rằng: Pháp ấy Như Lai không biết, thì cho đến Ta không thấy mảy may dấu hiệu sợ hãi. Vì vậy Ta được an ổn, được không sợ hãi, an trú chỗ Thánh chúa, ở giữa đại chúng cất tiếng rống Sư tử, chuyển Phạm luân mà các Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm-thiên, hoặc các chúng khác thật không thể chuyển được.

Vô úy hai: Phật nói lời thành thật rằng: Ta đã dứt sạch hết thủy lậu hoặc, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm-thiên, hoặc các chúng khác, như thật nạn rằng: Lậu hoặc ấy Như Lai không sạch hết, thời cho đến Ta chẳng thấy mảy may dấu hiệu sợ hãi; vì vậy Ta được an ổn, được không sợ hãi, an trú chỗ Thánh chúa, ở giữa đại chúng cất tiếng rống Sư tử, chuyển Phạm luân mà các Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm-thiên hoặc các chúng khác không thể chuyển được.

Vô úy ba: Phật nói lời thành thật rằng: Ta nói pháp chương đạo, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm-thiên, hoặc còn có các chúng khác như thật nạn rằng: Lãnh thọ pháp ấy không chương đạo, thì cho đến Ta không thấy mảy may dấu hiệu sợ hãi. Vì vậy Ta được an ổn, được không sợ hãi, an trú chỗ Thánh chúa, ở giữa đại chúng cất tiếng rống Sư tử, chuyển

Phạm luân mà các Sa-môn, Bà-la-môn hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm-thiên, hoặc các chúng khác thật không thể chuyển được.

Vô úy bốn: Phật nói lời thành thật rằng: Thánh đạo Ta nói, có thể đưa ra khỏi thế gian, thực hành theo đó sẽ được hết khổ. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm-thiên, hoặc có các chúng khác như thật nạn rằng: Đạo ấy không thể đưa ra khỏi thế gian, không thể hết khổ, thì cho đến Ta không thấy có mảy may dấu hiệu sợ hãi; vì vậy nên Ta được an ổn, được không sợ hãi, an trú chỗ Thánh chúa, ở giữa đại chúng cất tiếng rống sư tử, chuyển Phạm luân mà các Sa-môn, Bà-la-môn hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm-thiên, hoặc các chúng khác thật không thể chuyển được. Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát, vì không thể có được.

*** Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát Đại thừa là bốn trí vô ngại. Những gì là bốn? Nghĩa vô ngại, pháp vô ngại, từ vô ngại, lạc thuyết vô ngại. Tu-bồ-đề! Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát, vì không thể có được.**

*** Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát Đại thừa là mười tám pháp không chung. Những gì là mười tám? 1. Thân chư Phật không lỗi. 2. Miệng không lỗi. 3. Niệm không lỗi. 4. Không có dị tướng. 5. Không có tâm bất định. 6. Không có tâm không biết đã bỏ. 7. Dục không giảm. 8. Tinh tấn không giảm. 9. Niệm không giảm. 10. Tuệ không giảm. 11. Giải thoát không giảm. 12. Giải thoát tri kiến không giảm. 13. Hết thấy thân nghiệp hành theo trí tuệ. 14. Hết thấy khẩu nghiệp hành theo trí tuệ. 15. Hết thấy ý nghiệp hành theo trí tuệ. 16. Trí tuệ biết thấy đời quá khứ không chướng ngại. 17. Trí tuệ biết thấy đời vị lai không chướng ngại. 18. Trí tuệ biết thấy đời hiện tại không chướng ngại. Tu-bồ-đề! Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát, vì không thể có được (Một đoạn dài gồm 1308 chữ ở trên đến đây ngưng).**

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát Đại thừa là tự đẳng, ngữ đẳng, các chữ nhập môn. Những gì là tự đẳng, ngữ đẳng, các chữ nhập môn? Môn chữ A, vì hết thấy pháp ban đầu chẳng sinh; môn chữ Ra, vì hết thấy pháp lia cấu uế; môn chữ Ba, vì hết thấy pháp đệ nhất nghĩa; môn chữ Già, vì hết thấy pháp trọn không thể có được, hết thấy pháp không cuối hết không mới sinh; môn chữ Na, vì các pháp lia danh, tánh tướng chẳng được chẳng mất; môn chữ La, vì các pháp vượt thế gian, cũng là nhân của thọ chi (trong 12 chi nhân duyên) diệt; môn chữ Đà, vì các pháp thiện tâm sinh, cũng là tướng bố thí; môn chữ Bà, vì các pháp chữ Bà lia; môn chữ Đồ, vì các pháp chữ Đồ thanh tịnh; môn chữ Sa, vì các pháp vương, tánh sáu tự tại thanh tịnh; môn chữ Hòa, vì đường ngữ ngôn vào các pháp dứt; môn chữ Đa, vì vào các pháp như như bất động; môn chữ Dạ, vì vào các pháp như thật bất sinh; môn chữ Tra, vì vào các pháp chế phục không thể có được; môn chữ Ca, vì vào các pháp, tác giả không thể có được; môn chữ Ta, vì lúc vào các pháp không thể có được, vì các pháp chưa chuyển vậy; môn chữ Ma, vì vào các pháp, ngã sở không thể có được; môn chữ Già, vì vào các pháp, đi không thể có được; môn chữ Tha, vì vào các pháp, xứ sở không thể có được; môn chữ Xà, vì vào các pháp, sinh không thể có được; môn chữ Bá, vì vào các pháp, chữ Bá không thể có được; môn chữ Đà, vì vào các pháp, tánh không thể có được; môn chữ Xa, vì vào các pháp, định không thể có được; môn chữ Khư, vì vào các pháp, hư không không thể có được; môn chữ Xoa, vì vào các pháp, tận diệt không thể có được; môn chữ Sĩ, vì vào các pháp, có không thể có được. Môn chữ Nhã, vì vào các pháp, trí không thể có được; môn chữ Tha, vì vào các pháp, chữ Tha không thể có được; môn chữ Bà, vì vào các pháp, phá hoại không thể có được; môn chữ Xa, vì vào các pháp, dục không thể có được, vì năm uẩn như bóng cũng không thể có được;

môn chữ Ma, vì vào các pháp, chữ Ma không thể có được; môn chữ Hỏa, vì vào các pháp, kêu không thể có được; môn chữ Ta, vì vào các pháp, chữ Ta không thể có được; môn chữ Già, vì vào các pháp, hậu không thể có được; môn chữ Thá, vì vào các pháp xứ sở không thể có được; môn chữ Noa, vì vào các pháp, không đến không đi, không đứng, không ngồi, không nằm; môn chữ Phả, vì vào các pháp, biên không thể có được; môn chữ Ca, vì vào các pháp, tụ không thể có được; môn chữ Ta, vì vào các pháp, chữ Tinh không thể có được; môn chữ Giá, vì vào các pháp, hành không thể có được; môn chữ Trá, vì vào các pháp, khu sử không thể có được; môn chữ Đồ, vì vào chỗ biên tế cùng cực các pháp, không cuối không sinh. Quá chữ Đồ, không còn có chữ để có thể nói, vì sao? Vì không còn chữ, các chữ vô ngại vô danh, cũng không diệt, cũng không thể nói, không thể chỉ bày, không thể thấy, không thể chép.

Tu-bồ-đề! Nên biết các pháp như hư không. Tu-bồ-đề! Ấy gọi là môn Đà-la-ni, đó là nghĩa chữ A. Nếu Bồ-tát ma-ha-tát với các tự môn ấy, ấn cái ấn chữ A, hoặc nghe, hoặc lãnh thọ, hoặc tụng, hoặc đọc, hoặc trì, hoặc vì người khác nói, biết như vậy, sẽ được hai mươi công đức. Những gì là hai mươi? Được biết nhớ mạnh, được tầm quý, được tâm kiên cố, được chỉ thú của Kinh, được trí tuệ, được vui nói vô ngại, để được các môn Đà-la-ni khác, được tâm không nghi hối, được nghe lành không mừng, nghe ác không giận, được không cao không hạ, trụ tâm không thêm bớt, được khôn khéo biết ngôn ngữ của chúng sinh, được khéo phân biệt năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, mười hai nhân duyên, bốn duyên, bốn đế, được khéo phân biệt các căn lợi độn của chúng sinh, được khéo biết tâm người khác, được khéo phân biệt thời tiết ngày tháng năm, được khéo phân biệt thiên nhĩ thông, được khéo phân biệt túc mạng thông, được khéo

phân biệt sinh tử thông, được khéo nói phải đạo lý chẳng phải đạo lý, được khéo biết thân oai nghi qua lại, ngồi dậy v.v...

Tu-bồ-đề! Các môn Đà-la-ni, môn chữ A ấy v.v... ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát, vì không thể có được.

LUẬN: Tự đẳng, ngữ đẳng là Đà-la-ni đối với các chữ bình đẳng không có yêu ghét.

Lại, các chữ ấy khi nhân duyên chưa hội hợp cũng không có, hiện tại cũng không có, chỉ ở trong tâm ta, tôi, tâm giác quán ức tướng phân biệt nói ra, ấy là tâm tán loạn nói, không thấy sự thật; như nước bị gió làm lay động thời trông không thấy gì. Chữ đẳng là cùng với rốt ráo không, Niết-bàn đồng đẳng. Bồ-tát dùng Đà-la-ni ấy, đối với hết thảy pháp, thông đạt vô ngại; ấy gọi là tự đẳng, ngữ đẳng.

Hỏi: Nếu lược nói thời có năm trăm môn Đà-la-ni, nếu nói rộng thời có vô lượng môn Đà-la-ni, sao nay nói tự đẳng Đà-la-ni là cửa ban đầu của các môn Đà-la-ni?

Đáp: Trước nói một đại, thời biết các đại khác đều nói. Đây là cửa ban đầu của các Đà-la-ni, nói cửa ban đầu thời các cửa khác cũng nói.

* Lại nữa, các pháp Đà-la-ni, đều từ phân biệt tự và ngữ mà sinh ra. Bốn mươi hai mẫu tự (Dvācatvā-Rīmsād-aksaramukha, tức 42 mẫu tự tiếng Phạn) là căn bản của hết thảy chữ, nhân chữ có lời, nhân lời có danh, nhân danh có nghĩa. Bồ-tát hoặc nghe chữ, nhân chữ cho đến hiểu được nghĩa nó. Chữ ấy, bắt đầu là chữ A, cuối cùng là chữ Đồ, ở giữa có 40 chữ. Bồ-tát được tự Đà-la-ni ấy, nếu nghe chữ A trong hết thảy lời, liền theo nghĩa nó là hết thảy pháp từ sơ thí lại tướng chẳng sinh.

A-đề, Trung Hoa dịch là Sơ; A-nậu-ba-đà Trung Hoa dịch là Bất sinh, nếu nghe chữ La liền theo nghĩa biết hết thảy pháp là

tướng cầu uế. La-xà, Trung Hoa dịch là Cầu, nếu nghe chữ Ba liền biết hết thấy pháp vào trong đệ nhất nghĩa. Ba-la Mạt-đà, Trung Hoa dịch là Đệ nhất nghĩa, nếu nghe chữ Giá liền biết hết thấy các hành đều chẳng phải hành. Giá-lê-dạ, Trung Hoa dịch là Hành, nếu nghe chữ Na, liền biết hết thấy pháp chẳng được chẳng mất; chẳng đến chẳng đi. Na, Trung Hoa dịch là Bất, nếu nghe chữ La, liền biết hết thấy pháp lia tướng khinh trọng. La-câu, Trung Hoa dịch là Khinh, nếu nghe chữ Đà, liền biết hết thấy pháp tướng lành. Đà-ma, Trung Hoa dịch là Thiện, nếu nghe chữ Bà, liền biết hết thấy pháp không trói không mở. Bà-đà, Trung Hoa dịch là Phược, nếu nghe chữ Đồ, liền biết hết thấy pháp tướng không nóng. Nam Thiên Trúc gọi là Đồ-xà-năng, Trung Hoa dịch là Bất nhiệt, nếu nghe chữ Sa, liền biết thân người có sáu chủng tướng. Sa, Trung Hoa dịch là Lục, nếu nghe chữ Hòa, liền biết hết thấy pháp lia tướng ngũ ngôn. Hòa-ba-tha, Trung Hoa dịch là Ngũ ngôn, nếu nghe chữ Đa, liền biết các pháp ở trong như như bất động. Đa-tha, Trung Hoa dịch là Như, nếu nghe chữ Dạ, liền biết các pháp vào trong thật tướng bất sinh bất diệt. Dạ-tha-bạt, Trung Hoa dịch là Thật, nếu nghe chữ Tra, liền biết các pháp tướng không chướng ngại. Tra-bà, Trung Hoa dịch là Chướng ngại, nếu nghe chữ Ca, liền biết trong các pháp không có tác giả. Ca-la-ca, Trung Hoa dịch là Tác giả, nếu nghe chữ Bà, liền biết các pháp hết thấy chủng không thể có được. Tát-bà, Trung Hoa dịch là Nhất thiết, nếu nghe chữ Ma, liền biết các pháp lia ngã sở. Ma-ma-ca-la, Trung Hoa dịch là Ngã sở, nếu nghe chữ Già, liền biết các pháp cùng để không thể có được. Già-đà, Trung Hoa dịch là Đê (đáy), nếu nghe chữ Tha, liền biết bốn câu “Như khứ” không thể có được. Đa-tha A-già-đà (Tathagatha), Trung Hoa dịch là Như khứ, nếu nghe chữ Xà, liền biết các pháp sinh già không thể có được. Xà-đề-xà-la, Trung Hoa dịch là Sinh lão, nếu nghe chữ Thấp-ba, liền biết các pháp đều không thể có được. Như chữ Thấp-ba không thể có được, chữ Thấp-ba vô nghĩa nên không giải

thích, nếu nghe chữ Đà, liền biết trong các pháp, pháp tánh không thể có được. Đà-ma, Trung Hoa dịch là Pháp, nếu nghe chữ Xa, liền biết các pháp tướng tịch diệt. Xa-đa, Trung Hoa dịch là Tịch diệt, nếu nghe chữ Khư, liền biết các pháp hư không không thể có được. Khư-già, Trung Hoa dịch là Hư không, nếu nghe chữ Xoa, liền biết các pháp tướng tận diệt không thể có được. Xoa-gia, Trung Hoa dịch là Tận, nếu nghe chữ Sĩ, liền biết biên tế các pháp được lợi gì. Ca-sĩ-độ-câu-na, Trung Hoa dịch là việc ấy được lợi gì, nếu nghe chữ Nhã, liền biết trong các pháp không có tướng trí. Nhã-na (Prana), Trung Hoa dịch là Trí, nếu nghe chữ Tha, liền biết các pháp tướng nghĩa không thể có được. A-lợi-tha, Trung Hoa dịch là Nghĩa, nếu nghe chữ Bà, liền biết các pháp tướng không thể phá được. Bà-già, Trung Hoa dịch là Phá, nếu nghe chữ Xa, liền biết các pháp không đi đâu. Già-xa-đê, Trung Hoa dịch là Khứ, nếu nghe chữ Thấp Ma, liền biết các pháp Kiên cố như đá Kim cương. A-thấp-ma, Trung Hoa dịch là Thạch, nếu nghe chữ Hỏa, liền biết các pháp không có tướng âm thanh. Hỏa-bà-dạ, Trung Hoa dịch là Hoán lai (kêu lại), nếu nghe chữ Ta, liền biết tướng các pháp không xan tham không thí xả. Mạt-ta-la, Trung Hoa dịch là Xan, nếu nghe chữ Già, liền biết các pháp không dày không mỏng. Già-na, Trung Hoa dịch là Hậu (dày), nếu nghe chữ Thá, liền biết các pháp không có trú xứ. Nam Thiên Trúc gọi là Thá-na, Trung Hoa dịch là Xứ, nếu nghe chữ Noa, liền biết các pháp và chúng sinh không đến không đi, không ngồi không nằm, không đứng không dậy; vì chúng sinh không, pháp không. Nam Thiên Trúc gọi là Noa, Trung Hoa dịch là Bất, nếu nghe chữ Phả, liền biết các pháp nhân quả không. Phả-la, Trung Hoa dịch là Quả, nếu nghe chữ Ca, liền biết năm uẩn không thể có được. Ca-đại, Trung Hoa dịch là Chúng (uẩn), nếu nghe chữ Ta, liền biết chữ Ta là không. Các pháp cũng vậy; nếu nghe chữ Giá, liền biết các pháp tướng không động. Giá-la-địa Trung Hoa dịch là Động, nếu nghe chữ Tra, liền biết các pháp bờ

này bờ kia không thể có được. Đa-la, Trung Hoa dịch là Ngạn, nếu nghe chữ Đồ, liền biết các pháp chắc chắn không thể có được. Ba-đồ, Trung Hoa dịch là Tất (chắc chắn). Ngoài chữ Đồ, không còn có chữ, nếu có là chi phái của 24 chữ, chữ này thường ở thế gian, vì tương tự tương tục, vì vào hết thấy ngôn ngữ nên vô ngại. Như quốc thổ với quốc thổ bất đồng, không có danh xưng nhất định, nên nói là vô danh. Nghe xong liền tận diệt, nên nói là Diệt. Các pháp ở nơi pháp tánh, đều không thể có được hưởng gì có chữ để nói. Các pháp vì không có ức tướng phân biệt nên không thể chỉ bày. Trước tiên ý nghiệp phân biệt nên có khẩu nghiệp, nhân khẩu nghiệp nên thân nghiệp viết thành chữ, chữ là sắc pháp, hoặc mắt thấy, hoặc tai nghe, chúng sinh cưỡng gọi là chữ. Không có nhân duyên, vì thế nên không thể thấy, không thể viết. Các pháp thường không, như tướng hư không, hưởng gì chữ nói xong liền mất. Văn tự Đà-la-ni ấy là cửa của các Đà-la-ni.

Hỏi: Biết nhân duyên của môn Đà-la-ni ấy có thể được vô lượng vô biên công đức, cơ sao chỉ nói 20 công đức?

Đáp: Phật cũng thường nói các vô lượng vô biên công đức khác, vì sợ phước bỏ việc nói Bát-nhã ba-la-mật nên chỉ lược nói 20 công đức.

Người được thức niệm mạnh là Bồ-tát được Đà-la-ni ấy thường quán tưởng các chữ, tu tập ức niệm nên được thức niệm mạnh.

Người được tâm quý là nhóm các pháp lành, chán các pháp ác, nên sinh đại tâm quý.

Người tâm được kiên cố là nhóm các phước đức trí tuệ nên tâm được kiên cố như Kim cương, cho đến dù ở trong địa ngục A-tỳ còn không thối mất Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hưởng gì gặp các khổ khác.

Người được chỉ thú của Kinh là biết Phật có năm thứ phương tiện thuyết pháp, nên gọi là được chỉ thú của Kinh. Một là Phật biết

các cách thuyết pháp. Hai là Phật biết vì việc gì nên nói. Ba là Phật biết vì phương tiện nên nói. Bốn là Phật biết chỉ bày lý thú nên nói. Năm là Phật biết vì tâm đại bi nên nói.

Người được trí tuệ là Bồ-tát nhân Đà-la-ni ấy, phân biệt phá tán các chữ, ngôn ngữ cũng không, ngôn ngữ không nên danh cũng không, danh không nên nghĩa cũng không, được rốt ráo không tức là Bát-nhã ba-la-mật.

Được trí tuệ vui nói là đã được trí tuệ rốt ráo thanh tịnh vô ngại như vậy, vì tâm đại bi và vì bản nguyện độ chúng sinh nên vui nói không ngại.

Dễ được Đà-la-ni là thí như chẻ tre, mắt đầu đã chẻ thì các mắt khác đều dễ chẻ. Bồ-tát cũng như vậy được văn tự Đà-la-ni ấy tự nhiên được các Đà-la-ni khác.

Được tâm không nghi hối là vào trong thật tướng các pháp, tuy chưa được Nhất thiết trí tuệ mà đối với trong hết thấy pháp thâm sâu, không nghi không hối.

Được nghe thiện không mừng nghe ác không giận là phân biệt mỗi mỗi các chữ không tán thán, không hủy báng nên nghe thiện không mừng, nghe ác không giận.

Được không cao không hạ là đã dứt hết yêu ghét.

Được khéo léo biết ngôn ngữ chúng sinh là được Tam-muội biết hết thấy ngôn ngữ của chúng sinh.

Được khéo phân biệt năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, mười hai nhân duyên, bốn duyên, bốn đế là nghĩa năm uẩn v.v... như trước đã nói.

Được khéo phân biệt các chúng sinh có căn lợi độn, được khéo biết tâm người khác, thiên nhĩ, túc mạng, khéo nói có lẽ ấy, không có lẽ ấy là như trong mười lực đã nói.

Được khéo biết qua lại ngôi dật v.v... là như đã nói trong đoạn A-bệ-bạt-trí.

Được khéo phân biệt thời tiết ngày tháng năm là ngày từ sớm đến sớm, phần đầu, phần giữa, phần cuối, đêm cũng có ba phần. Một ngày một đêm có 30 giờ. Xuân phân, thu phân thì 15 giờ thuộc ngày, 15 giờ thuộc đêm. Các giờ khác thì hoặc thêm hoặc bớt. Đến tháng 5, ngày 18 giờ, đêm 12 giờ. Đến tháng 11, đêm 18 giờ, ngày 12 giờ. Một tháng hoặc có 30 ngày, hoặc 30 ngày rưỡi, hoặc 29 ngày, hoặc 27 ngày rưỡi. Có 4 loại tháng là tháng của mặt trời, tháng của thể gian, tháng của mặt trăng, tháng của tinh tú. Tháng của mặt trời có 30 ngày rưỡi, tháng của thể gian có 30 ngày, tháng của mặt trăng có 29 ngày, thêm 30 của 62 phân, tháng của tinh tú là 27 ngày thêm 21 của 69 phân. Tháng nhuận là từ giữa tháng của mặt trời và tháng của thể gian xuất ra, ấy gọi là 13 tháng, hoặc 12 tháng, hoặc 13 tháng gọi là một năm. Mỗi năm có 366 ngày, giáp một vòng thì trở lại ban đầu. Bồ-tát biết từng phân giờ trong mỗi ngày, phần trước đã qua, phần sau chưa sinh, phần giữa không có ngưng trụ, không có tướng để có thể thủ đắc. Nhật phần trống không, không có gì; khi đến ngày 30 thì 29 ngày đã diệt, làm sao hòa hợp thành tháng; tháng không có thì làm sao hòa hợp thành năm. Vì vậy nên Phật nói pháp thể gian như huyền như mộng, chỉ là pháp dối tâm. Bồ-tát biết được ngày tháng năm hòa hợp của thể gian, biết được phá tán không có gì, ấy gọi là khéo phân biệt.

Các thứ phân biệt như vậy, gọi là tướng Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát.

(HẾT CUỐN 48 THEO BẢN HÁN)

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

GIẢI THÍCH: PHẨM PHÁT THỨ THỨ 20

(*Kinh Đại Bát-nhã ghi: Phần 2, Phẩm Tu Trì Địa thứ 18*)

KINH: Phật bảo Tu-bồ-đề: Ông hỏi thế nào là Bồ-tát ma-ha-tát thú hưởng Đại thừa u?

Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành sáu Ba-la-mật, từ một địa vị đến một địa vị, ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát thú hưởng Đại thừa.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế-tôn! Thế nào là Bồ-tát ma-ha-tát từ một địa vị đến một địa vị?

Phật bảo: Bồ-tát ma-ha-tát biết hết thấy pháp không có tướng đến đi, cũng không có pháp hoặc đến hoặc đi, hoặc đến hoặc không đến, vì tướng các pháp chẳng diệt. Bồ-tát ma-ha-tát ở các địa vị không niệm không suy nghĩ mà tu trì địa nghiệp, cũng không thấy địa.

Thế nào là Bồ-tát ma-ha-tát trì địa nghiệp? Bồ-tát ma-ha-tát lúc trú ở Sơ địa tu mười việc: 1. Tâm tâm kiên cố, vì là không thể có được. 2. Tâm bình đẳng đối với hết thấy chúng sinh, vì tướng chúng sinh không thể có được. 3. Tâm xả, vì người cho người nhận không thể có được. 4. Thân cận thiện tri thức, cũng chẳng tự cao. 5. Cầu pháp, vì hết thấy pháp không thể có

được. 6. Thường xuất gia, vì nhà không thể có được. 7. Thọ vui thân Phật, vì tướng hảo không thể có được. 8. Diển xuất pháp giáo, vì các pháp phân biệt không thể có được. 9. Phá kiêu mạn, vì sinh tuệ không thể có được. 10. Thật ngữ, vì các ngôn ngữ không thể có được. Bồ-tát ma-ha-tát trú ở trong Sơ địa như vậy, tu sửa mười việc trị địa nghiệp.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát trú ở trong địa thứ hai, thường niệm tám pháp: 1. Giới thanh tịnh. 2. Biết ân, báo ân. 3. Trú lực nhẫn nhục. 4. Thọ hoan hỷ. 5. Không bỏ hết thầy chúng sinh. 6. Vào tâm đại bi. 7. Tin thầy, cung kính hỏi han lãnh thọ. 8. Siêng cầu các Ba-la-mật. Tu-bồ-đề! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát trú ở địa thứ hai phải đầy đủ tám pháp.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát trú ở địa thứ ba tu năm pháp: 1. Học hỏi nhiều, không chán đủ. 2. Thí pháp thanh tịnh, cũng không tự cao. 3. Trang nghiêm Phật quốc độ, cũng không tự cao. 4. Chịu vô lượng cần khổ ở thế gian không lấy làm chán. 5. Ở chỗ tầm quý. Tu-bồ-đề! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát trú trong địa thứ phải đầy đủ năm pháp.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát trú trong địa thứ tư phải thọ hành không bỏ mười pháp: 1. Không bỏ trú xứ A-lan-nhã (chỗ tịch tịnh) 2. Ít muốn. 3. Biết đủ. 4. Không bỏ công đức tu hạnh đầu đà. 5. Không bỏ giới. 6. Gớm ghét các dục. 7. Nhàm chán tâm thế gian. 8. Bỏ tất cả sở hữu. 9. Tâm không hư mất. 10. Không tiếc hết thầy tài vật. Tu-bồ-đề! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát trú ở địa thứ tư không bỏ mười pháp.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát trú ở địa thứ năm, xa lìa mười hai pháp: 1. Xa lìa kẻ bạch y thân thuộc. 2. Xa lìa Tỳ-kheo-ni. 3. Xa lìa sự xan tiếc nhà người khác. 4. Xa lìa đàm thuyết vô ích. 5. Xa lìa giận hờn. 6. Xa lìa tự đại. 7. Xa lìa miệt

thị người. 8. Xa lìa mười nghiệp đạo bất thiện. 9. Xa lìa đại kiêu mạn. 10. Xa lìa tự ý thọ dụng. 11. Xa lìa điên đảo. 12. Xa lìa dâm nộ si. Tu-bồ-đề! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát trú trong địa thứ năm xa lìa mười hai việc.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát trú trong địa thứ sáu nên đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, lại có sáu pháp không nên làm: 1. Không khởi ý làm Thanh-văn, Bích-chi Phật. 2. Bồ thí không nên sinh tâm ưu lo. 3. Thấy có người đến xin tâm không thối mất. 4. Vật sở hữu đem bố thí. 5. Sau khi bố thí tâm không ăn năn. 6. Không nghi pháp thâm sâu. Tu-bồ-đề! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát trú trong địa thứ 6 nên đầy đủ sáu pháp, xa lìa sáu pháp.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát trú trong địa thứ bảy không chấp trước 20 pháp: 1. Không chấp trước ngã. 2. Không chấp trước chúng sinh. 3. Không chấp trước mạng sống. 4. Không chấp trước chúng số, cho đến không chấp trước kẻ biết, kẻ thấy. 5. Không chấp trước đoạn kiến. 6. Không chấp trước thường kiến. 7. Không nên làm tướng vẽ. 8. Không nên chấp tác nhân. 9. Không chấp trước danh sắc. 10. Không chấp trước năm uẩn. 11. Không chấp trước mười tám giới. 12. Không chấp trước mười hai nhập. 13. Không chấp trước ba cõi. 14. Không làm chỗ chấp trước. 15. Không làm chỗ kỳ hạn. 16. Không làm chỗ dựa nương. 17. Không chấp trước ý kiến nương Phật. 18. Không chấp trước ý kiến nương Pháp. 19. Không chấp trước ý kiến nương Tăng. 20. Không chấp trước ý kiến nương Giới; ấy là hai mươi pháp không nên chấp trước (*Hai mươi thứ không chấp trước này, ở Kinh Đại Bát-nhã ghi: 1. Xa lìa chấp ngã cho đến chấp kẻ thấy. 2. Xa lìa chấp đoạn. 3. Xa lìa chấp thường. 4. Xa lìa chấp tướng. 5. Xa lìa chấp kiến. 6. Xa lìa chấp danh sắc. 7. Xa lìa chấp uẩn. 8. Xa lìa chấp xứ. 9. Xa lìa chấp giới. 10. Xa lìa chấp bốn đế. 11. Xa lìa chấp duyên khởi. 12. Xa lìa chấp trú trước*

ba cõi. 13. Xa lìa chấp hết thấy pháp. 14. Xa lìa chấp tất cả pháp như lý, không như lý. 15. Xa lìa chấp nương Phật kiến. 16. Xa lìa chấp nương pháp kiến. 17. Xa lìa chấp nương tăng kiến. 18. Xa lìa chấp nương giới kiến. 19. Xa lìa chấp nương không kiến. 20. Xa lìa chấp sự chán sợ không tánh - ND).

Lại có 20 pháp nên đầy đủ: 1. Đầy đủ không. 2. Chứng vô tướng. 3. Biết vô tác. 4. Ba phần thanh tịnh. 5. Đầy đủ trí từ bi đối với hết thấy chúng sinh. 6. Không niệm hết thấy chúng sinh. 7. Bình đẳng quán hết thấy pháp cũng không đắm trong đó. 8. Biết thật tướng các pháp, việc ấy cũng không nghĩ. 9. Pháp vô sinh hẳn. 10. Trí vô sinh. 11. Nói các pháp một tướng. 12. Phá tướng phân biệt. 13. Chuyển ức tướng. 14. Chuyển kiến. 15. Chuyển phiền não. 16. Địa bình đẳng định tuệ. 17. Điều ý. 18. Tâm tịch diệt. 19. Trí thông suốt. 20. Không nhiễm ái. Tu-bồ-đề, ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát trú trong địa thứ bảy nên đầy đủ 20 pháp.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát trú trong địa thứ tám nên đầy đủ năm pháp, là thuận nhập vào tâm chúng sinh, dạo chơi các thân thông; xem các nước Phật; như nước Phật được trông thấy mà tự trang nghiêm nước mình; như thật quán Phật thân mà tự trang nghiêm Phật thân, ấy gọi là đầy đủ năm pháp.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát trú trong địa thứ tám còn phải đầy đủ năm pháp là biết các căn cao thấp; làm thanh tịnh nước Phật; vào Tam-muội như huyễn; thường vào Tam-muội, theo thiện căn ứng hợp của chúng sinh mà thọ thân; Tu-bồ-đề, ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát trú trong địa thứ tám đầy đủ năm pháp.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát trú trong địa thứ chín nên đầy đủ mười hai pháp, là lãnh thọ phần hóa độ trong vô biên thế giới, Bồ-tát có được nguyện như vậy thời biết tiếng nói của trời, rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà mà vì họ thuyết pháp, ở

trong thai thành tựu; sinh thành tựu; nhà thành tựu; họ thành tựu; quyến thuộc thành tựu; xuất sinh thành tựu; xuất gia thành tựu; trang nghiêm cây Phật (cây giác ngộ) thành tựu; hết thấy các công đức lành đầy đủ thành tựu. Tu-bồ-đề! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát trú trong địa thứ chín, nên đầy đủ mười hai pháp.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát trú trong địa thứ mười, nên biết giống như Phật.

Bấy giờ, Tuệ mang Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát ma-ha-tát tâm sâu xa tu trị địa nghiệp?

Phật dạy: Bồ-tát ma-ha-tát tâm tương ưng với nhất thiết chúng trí, nhóm các căn lành, ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát tâm sâu xa tu trị địa nghiệp.

Thế nào là Bồ-tát có tâm bình đẳng đối với chúng sinh?

Phật dạy: Nếu Bồ-tát ma-ha-tát tâm tương ưng với trí Trí nhất thiết chủng, phát sinh bốn tâm vô lượng là từ, bi, hỷ, xả, ấy gọi là Bồ-tát tâm bình đẳng đối với chúng sinh.

Thế nào là Bồ-tát tu bố thí?

Phật dạy: Bồ-tát thí cho hết thấy chúng sinh không phân biệt, ấy gọi là tu bố thí.

Thế nào là Bồ-tát thân cận thiện tri thức?

Phật dạy: Thường dạy trú vào trong Nhất thiết chúng trí, thiện tri thức như vậy, nên thân cận hỏi han lãnh thọ, cung kính cúng dường, ấy gọi là thân cận thiện tri thức.

Thế nào là Bồ-tát cầu pháp?

Phật dạy: Nếu Bồ-tát tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng mà cầu pháp, không rơi vào địa vị Thanh-văn, Bích-chi Phật, ấy gọi là cầu pháp.

Thế nào là Bồ-tát thường xuất gia trị địa nghiệp?

Phật dạy: Bồ-tát đời đời không có tâm hỗn tạp xuất gia trong Phật pháp, không ai làm chướng ngại được, ấy gọi là thường xuất gia trị địa nghiệp.

Thế nào là Bồ-tát ưa vui thân Phật trị địa nghiệp?

Phật dạy: Nếu Bồ-tát thấy thân tướng của Phật cho đến khi chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác trọn không lìa niệm Phật, ấy gọi là Bồ-tát ưa vui thân Phật trị địa nghiệp.

Thế nào là Bồ-tát diễn xuất giáo pháp trị địa nghiệp?

Phật dạy: Bồ-tát hoặc lúc Phật còn tại thế, hoặc sau khi diệt độ, vì chúng sinh thuyết pháp, đoạn đầu, đoạn giữa, đoạn cuối đều lành, diệu nghĩa khéo nói, thanh tịnh thuần nhất, đầy đủ đó là Khế kinh cho đến Luận nghị, ấy gọi là diễn xuất giáo pháp trị địa nghiệp.

Thế nào là Bồ-tát phá kiêu mạn trị địa nghiệp?

Phật dạy: Bồ-tát do phá kiêu mạn nên không sinh vào nhà hạ tiện, ấy gọi là Bồ-tát phá kiêu mạn trị địa nghiệp

Thế nào là Bồ-tát thật ngữ trị địa nghiệp?

Phật dạy: Bồ-tát làm đúng như nói, ấy gọi là Bồ-tát thật ngữ trị địa nghiệp.

Ấy là Bồ-tát ma-ha-tát trú trong Sơ địa tu hành mười việc trị địa nghiệp.

LUẬN: Luận giả nói: Tu-bồ-đề trên kia hỏi Đại thừa, Phật mỗi mỗi đáp rõ tướng Đại thừa, trên lại hỏi phát thú Đại thừa, nay đây đáp tướng phát thú Đại thừa. Bồ-tát ma-ha-tát nương Đại thừa ấy, biết hết thấy pháp từ xưa lại đây chẳng đến chẳng đi, không động không phát, vì pháp tánh thường trú. Lại vì tâm đại bi, vì Tinh tấn

ba-la-mật, vì lực phương tiện nên lại tu các pháp lành, lại cầu chỗ cao thắng mà không chấp thủ tướng địa vị, cũng không thấy địa vị ấy.

Hỏi: Nên đáp về phát thú Đại thừa, có sao nói phát thú địa?

Đáp: Đại thừa tức là địa, địa có mười phần. Từ Sơ địa đến Nhị địa gọi là phát thú; ví như cưỡi ngựa đi đến voi, bỏ ngựa cưỡi voi, cưỡi voi đi đến rồng, bỏ voi cưỡi rồng (*Phát thú nghĩa là phát xuất và đi đến - ND*).

Hỏi: Trong đây là mười địa nào?

Đáp: Địa có hai thứ: 1. Chỉ địa vị Bồ-tát. 2. Địa vị chung, địa vị chung là từ Càn tuệ địa cho đến Phật địa. Chỉ riêng địa vị Bồ-tát là Hoan hỷ địa, Ly cấu địa, Hữu quang địa, Tăng diệu địa, Nan thắng địa, Hiện tại địa, Thâm nhập địa, Bất động địa, Thiện tướng địa, Pháp vân địa (*Có chỗ ghi: Hoan hỷ địa, Ly cấu địa, Phát quang địa, Diệm huệ địa, Nan thắng địa, Hiện tiền địa, Viễn ly địa, Bất động địa, Thiện tuệ địa, Pháp vân địa - ND*). Tướng mười địa này như trong kinh Thập địa nói rộng.

Bồ-tát vào Sơ địa nên làm mười pháp, từ thâm tâm cho đến thật ngữ. Tu-bồ-đề, tuy biết mà vì dứt cái nghi của chúng sinh nên hỏi Thế Tôn: Thế nào là thâm tâm? Phật đáp: Tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, nhóm các căn lành.

Tâm Trí nhất thiết chủng là Bồ-tát ma-ha-tát ban đầu phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nguyện Ta trong đời vị lai sẽ làm Phật, tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ấy tức là tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng.

Tương ưng là buộc tâm, nguyện ta sẽ làm Phật. Nếu Bồ-tát lợi căn, nhóm nhiều phước đức, các phiền não mỏng, tội nghiệp quá khứ ít. Phát tâm tức thâm tâm. Thâm tâm vui sâu Phật đạo, đời đời tâm thế gian mỏng, ấy gọi là tâm tương ưng Trí nhất thiết

chúng, làm hết thầy công đức, hoặc bố thí, hoặc trì giới, hoặc tu định v.v... không cầu phước lạc đời này đời sau, sống lâu an ổn, chỉ vì Trí nhất thiết chúng; ví như người xan tham, không có nhân duyên, cho đến một tiền cũng không thí, tham tiếc tích tụ, chỉ mong tăng trưởng. Bồ-tát cũng như vậy, phước đức hoặc nhiều hoặc ít, không hướng đến việc khác, chỉ tham tiếc tích tụ, hướng đến Trí nhất thiết chúng.

Hỏi: Bồ-tát ấy chưa biết Trí nhất thiết chúng, không được mùi vị của nó, làm sao có thể có được thâm tâm cầu Trí nhất thiết chúng?

Đáp: Tôi trước đã nói. Người ấy nếu lợi căn, các phiền não mỏng, phước đức thuần hậu, không ưa vui thế gian, tuy chưa nghe tán thán Đại thừa, còn không ưa vui thế gian huống gì đã nghe. Như Ma-ha Ca-diếp cưới gái Kim sắc làm vợ, tâm chẳng ưa vui, xả bỏ xuất gia. Lại như con trưởng giả Gia-xá, nửa đêm trông thấy bọn thê nữ đều giống như chết, liền bỏ của báu trị giá mười vạn lượng vàng, đi chân đến bên bờ sông, vượt qua thẳng đến chỗ Phật. Các quốc vương, quý nhân như vậy, người chán bỏ ngũ dục vô số, huống gì Bồ-tát nghe nói mỗi mỗi nhân duyên công đức Phật đạo, mà không tức thời phát tâm thâm nhập? Như trong phẩm Tát-đà-ba-luân ở sau, con gái Trưởng giả nghe tán thán công đức Phật, liền bỏ nhà đi đến chỗ Đàm-vô-kiệt.

* Lại nữa, năm căn tín, tấn v.v... thành tựu thuần thực nên có thể được thâm tâm ấy, ví như tiểu nhi, năm thức nhãn nhĩ v.v... vì căn chưa thành tựu nên không phân biệt được năm trần, không biết tốt xấu. Năm căn tín, tấn v.v... chưa thành tựu cũng như vậy. Không rõ thiện ác, không biết trời mở, ưa vui năm dục, chìm trong tà kiến. Năm căn tín tấn v.v... thành thực thời có thể phân biệt thiện ác. Còn ưa vui mười thiện đạo, pháp Thanh-văn, huống gì đạo Vô Thượng mà không tưởng niệm sâu xa. Bắt đầu phát tâm vô thượng đạo đã tối thượng ở trong thế gian huống gì khi đã thành tựu.

* Lại nữa, Bồ-tát bắt đầu được mùi vị Bát-nhã ba-la-mật nên có thể phát sinh tâm tâm; như người bị nhốt ở chỗ tối, qua khe nhỏ thấy ánh sáng, thời tâm sung sướng nhảy nhót, nghĩ rằng: Tất cả mọi người đều chỉ cần thấy được ánh sáng. Như vậy, hân hoan ưa vui, liền sinh tâm tâm nhớ tới ánh sáng ấy, tìm cách thoát ra. Bồ-tát cũng như vậy, vì nhân duyên nghiệp trước mà bị nhốt trong ngục, mười hai nhập vô minh tối tăm, có thấy biết gì đều là hư vọng. Khi nghe Bát-nhã ba-la-mật, được chút mùi vị, nhớ sâu Trí nhất thiết chủng, rằng ta sẽ làm sao ra khỏi cái ngục sáu thức này, được giống như Phật, thánh nhân.

* Lại nữa, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tu hành theo nguyện, vì vậy nên sinh tâm tâm.

Thâm tâm là ưa các pháp không bằng ưa Trí nhất thiết chủng, yêu hết thấy chúng sinh không bằng yêu Phật. Lại sâu vào tâm bi, lợi ích chúng sinh, như vậy gọi là tướng thâm tâm. Sơ địa Bồ-tát nên thường tu hành tâm ấy.

Tâm bình đẳng đối với hết thấy chúng sinh là Bồ-tát được thâm tâm ấy rồi, tâm bình đẳng đối với hết thấy chúng sinh, chúng sinh thường tình ưa cái mình thân, ghét cái mình ghét. Bồ-tát được thâm tâm nên người oán kẻ thân bình đẳng, xem đó không hai. Trong đây Phật tự nói: Đẳng tâm là bốn tâm vô lượng. Bồ-tát thấy chúng sinh thọ vui, thời sinh tâm từ, tâm hỷ, nguyện rằng Ta sẽ làm cho hết thấy chúng sinh đều được cái vui của Phật. Nếu thấy chúng sinh thọ khổ thời sinh tâm bi thương xót, nguyện rằng Ta sẽ cứu chúng sinh ra khỏi khổ; nếu thấy chúng sinh thọ không khổ không vui, thời sinh tâm xả, nguyện rằng Ta sẽ làm cho chúng sinh bỏ tâm thương ghét. Các nghĩa khác về bốn tâm vô lượng như trước nói.

Tâm xả là xả có hai thứ: 1. Xả của, tu bố thí. 2. Xả kiết sử, đắc đạo. Đây lấy việc trừ xan lẫn làm xả, làm nhân duyên cho xả kiết sử, đến địa thứ bảy mới có thể xả kiết sử.

Hỏi: Tướng xả có các thứ trong ngoài, nhẹ nặng, tài thí, pháp thí, thể gian, xuất thể gian v.v... có sao Phật chỉ nói bố thí xuất thể gian không có phân biệt ức tướng?

Đáp: Bố thí tuy có các tướng, nhưng đây chỉ nói đại bố thí không chấp thủ tướng.

* Lại nữa, Phật không đấm trước hết thầy pháp, cũng lấy đó dạy Bồ-tát bố thí, khiến như Phật pháp không đấm trước. Trong đây nên nói rộng bố thí không phân biệt, các tướng bố thí khác đã phân biệt nói ở nhiều nơi.

Nghĩa thân cận thiện tri thức như trước đã nói.

Câu pháp là pháp có ba: 1. Pháp vô thượng trong các pháp, đó là Niết-bàn. 2. Pháp phương tiện được Niết-bàn, đó là tám Thánh đạo. 3. Tất cả lời nói lành, lời nói chân thật, giúp tám Thánh đạo là 84.000 pháp tu, 12 bộ Kinh. Bốn tạng là A-hàm, A-tỳ-đàm, Tỳ-ni, Tạp-tạng. Các kinh Đại thừa như đại Bát-nhã ba-la-mật v.v... đều gọi là pháp. Trong đây, câu pháp là viết chép, đọc tụng, ức niệm đúng đắn, như vậy, vì trị bệnh chúng sinh nhóm các pháp được, không tiếc thân mạng. Như đức Phật Thích-ca Vãng, lúc xưa làm Bồ-tát, tên là Lạc Pháp, đời ấy không có Phật, không được nghe lời nói lành, đi bốn phương cầu pháp, siêng năng không biếng nhác, trọn không chứng được, khi ấy ma biến làm người Bà-la-môn, nói với Bồ-tát rằng: Ta có bài kệ của Phật, ông có thể lấy da làm giấy, lấy xương làm bút, lấy máu làm mực, ghi chép kệ ấy, ta sẽ nói cho ông.

Bồ-tát liền tự nghĩ: Ta đời đời nát thân vô số mà không được lợi này, liền tự lột da phơi khô, để chép kệ ấy. Ma liền biến mất. Khi ấy Phật biết tâm chí thành của Bồ-tát liền từ phương dưới vọt lên, thuyết cho pháp thâm sâu, Bồ-tát liền được vô sinh pháp nhẫn. Lại như Bồ-tát Tát-đà-ba-luân (Thường-đề Bồ-tát) khổ hạnh cầu pháp, như

Bồ-tát Thích-ca Văn, trăm cái đinh đóng vào thân, vì tâm cầu pháp. Lại như vua Kim Kiên khoét thân năm trăm chỗ làm tim đèn, gieo từ núi cao vào lửa. Như vậy các cách khổ hạnh khó làm, vì chúng sinh mà cầu pháp.

* Lại nữa, Phật tự nói tướng cầu pháp, vì Trí nhất thiết chủng, chứ không vì địa vị Thanh-văn, Bích-chi Phật.

Thường xuất gia là Bồ-tát tại gia có các nhân duyên gây tội, nếu Ta ở nhà thì tự mình không thể tu hạnh thanh tịnh, làm sao khiến người khác được hạnh thanh tịnh? Nếu theo phép tại gia thời có những roi gây làm khổ não chúng sinh, nếu làm theo pháp lành thời phá phép tại gia. Trừ lượng hai việc, ta nay không xuất gia, thì khi chết cũng phải bỏ hết, xa lìa bây giờ, phước đức rất lớn.

* Lại nữa, Bồ-tát nghĩ rằng hết thầy quốc vương, quý nhân thế lực như trời, cầu vui chưa thôi thì cái chết đến cướp ngang! Ta nay vì chúng sinh nên bỏ nhà, giữ giới thanh tịnh, cầu Phật đạo, đầy đủ nhân duyên Giới ba-la-mật. Trong đây Phật tự nói, Bồ-tát đời đời không tạp tâm xuất gia. Không tạp tâm là không xuất gia trong 96 phái ngoại đạo, chỉ xuất gia trong Phật đạo, vì sao? Vì trong Phật đạo có hai thứ chánh kiến là thế gian chánh kiến và xuất thế gian chánh kiến.

Ưa vui thân Phật là nghe lời tán thán Phật có các công đức mười lực, bốn điều không sợ, đại từ đại bi, hết thầy trí tuệ. Lại thấy thân Phật có 32 tướng, 80 vẻ đẹp tùy hình, phóng hào quang lớn, trời người cúng dường, không biết chán đủ, tự biết ta trong đời sau cũng sẽ được như vậy. Giả sử không có được nhân duyên làm Phật mà còn ưa vui, hưởng sẽ được mà không ưa vui. Có được thâm tâm ưa vui Phật ấy nên đời đời thường được gặp Phật.

Diễn xuất giáo pháp là Bồ-tát cầu pháp như trên rồi, vì chúng sinh mà diễn nói.

Bồ-tát tại gia là phần nhiều đem của bồ thí, còn xuất gia thời tâm ưa Phật nặng nên thường lấy pháp bồ thí. Hoặc Phật ở đời, hoặc không ở đời, khéo tu trì giới, không cầu danh lợi, tâm bình đẳng vì hết thầy chúng sinh mà thuyết pháp, tán thán nghĩa bồ thí, gọi là sơ thiện phân biệt; tán thán trì giới, gọi là trung thiện. Quả báo của hai việc này là hoặc được sinh vào nước chư Phật, hoặc làm trời lớn, gọi là hậu thiện.

* Lại nữa, thấy chịu thân năm thọ uẩn ở trong ba cõi nhiều khổ não, thời sinh tâm nhàm chán, gọi là sơ thiện, bỏ nhà xuất gia, vì thân xa lìa nên gọi là trung thiện; vì tâm xa lìa phiền não, nên gọi là hậu thiện.

Giải nói Thanh-văn thừa, gọi là sơ thiện; giải thuyết Bích-chi Phật thừa, gọi là trung thiện; tuyên dương Đại thừa, gọi là hậu thiện.

Diệu nghĩa diệu ngữ là ba loại ngôn ngữ, tuy lời diệu mà nghĩa cạn cợt, hoặc tuy nghĩa lý thâm diệu mà lời không đầy đủ, vì vậy nên nói diệu nghĩa diệu ngữ. Lìa ba độc cấu chỉ nói chánh pháp, không tạp phi pháp, ấy gọi là thanh tịnh. Đầy đủ tám Thánh đạo, sáu Ba-la-mật nên gọi là đầy đủ.

Tu-đa-la, mười hai bộ Kinh như trước đã nói.

Phá kiêu mạn là Bồ-tát ấy xuất gia, giữ giới, thuyết pháp dứt nghi cho chúng, hoặc có khi tự thị mà sinh kiêu mạn. Lúc ấy nên nghĩ rằng, ta cạo tóc mặc Ca-sa, bùng bát khát thực, ấy là phương pháp phá kiêu mạn, tại sao ở đây ta sinh kiêu mạn?

Lại, kiêu mạn ấy ở trong tâm người thời che mắt công đức, người ta không ưa, tiếng xấu lan truyền, thân sau thường sinh vào trong loài súc sinh tệ ác, hoặc sinh trong loài người què mùa hạ tiện. Biết kiêu mạn có vô lượng tội lỗi như vậy, phá kiêu mạn ấy vì cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; như người cầu tài vật còn phải khiêm tốn hạ mình, huống gì cầu đạo Vô thượng. Do phá kiêu mạn mà thường sinh chỗ tôn quý, trọn không sinh vào nhà hạ tiện.

Thật ngữ là gốc của các điều lành, là nhân duyên được sinh cõi trời, được người tín thọ. Người tu hành thật ngữ, không cần bố thí, trì giới, học vấn, chỉ tu thật ngữ, được phước vô lượng. Thật ngữ là làm đúng như nói.

Hỏi: Khẩu nghiệp có bốn thứ, có sao chỉ nói thật ngữ?

Đáp: Trong Phật pháp quý sự thật, nên nói thật là thu nhiếp các điều khác. Bốn để thật nên được Niết-bàn.

* Lại nữa, Bồ-tát với chúng sinh cộng sự, nói dữ, nói thù dật, nói hai lưỡi, hoặc có khi có thể có, còn vọng ngữ tội nặng nên ở Sơ địa phải bỏ. Bồ-tát ấy tu hành Sơ địa, chưa thể đầy đủ tu cả bốn nghiệp miệng, nên chỉ nói thật ngữ. Trong địa thứ hai thời có thể đầy đủ.

Hỏi: Trong Sơ địa có sao chỉ nói mười việc?

Đáp: Phật là vua pháp, tự tại giữa các pháp, biết mười pháp ấy thành được Sơ địa; ví như lương y biết rõ được thảo số lượng hoặc năm hoặc mười đủ để trừ bệnh, trong đây không nên nạn hỏi nhiều ít.

KINH: Thế nào là Bồ-tát giới thanh tịnh? Nếu Bồ-tát ma-ha-tát không có tâm niệm đến Thanh-văn, Bích-chi Phật và các sự phá giới chương Phật đạo pháp, gọi là giới thanh tịnh.

Thế nào là Bồ-tát biết ân, báo ân? Nếu Bồ-tát ma-ha-tát hành đạo Bồ-tát cho đến ân nhỏ còn không quên hưởng gì ân nhiều, ấy gọi là Bồ-tát biết ân, báo ân.

Thế nào là Bồ-tát trụ ở lực nhẫn nhục? Nếu Bồ-tát không sân không náo đối với hết thấy chúng sinh, ấy gọi là trú ở lực nhẫn nhục.

Thế nào là Bồ-tát thọ hoan hỷ? Thành tựu cho chúng sinh, lấy đó làm mừng, ấy gọi là thọ hoan hỷ.

Thế nào là Bồ-tát không bỏ hết thầy chúng sinh? Nếu Bồ-tát có tâm niệm muốn giáo hóa tất cả chúng sinh, ấy gọi là không bỏ hết thầy chúng sinh.

Thế nào là Bồ-tát vào tâm đại bi? Nếu Bồ-tát nghĩ như vậy: Ta vì mỗi mỗi chúng sinh chịu cần khổ trong địa ngục trải qua nhiều kiếp như cát sông Hằng, cho đến mỗi chúng sinh ấy được Phật đạo vào Niết-bàn, như vậy gọi là vì mười phương hết thầy chúng sinh nhẫn chịu thống khổ, ấy gọi là vào tâm đại bi.

Bồ-tát tin thầy, cung kính, hỏi han, lãnh thọ thế nào? Nếu Bồ-tát đối với các thầy tướng như là Thế Tôn, ấy gọi là tin thầy, cung kính, hỏi han, lãnh thọ.

Thế nào là Bồ-tát siêng cầu các Ba-la-mật? Nếu Bồ-tát nhất tâm cầu các Ba-la-mật không cầu việc khác, ấy gọi là siêng cầu các Ba-la-mật; ấy là Bồ-tát ma-ha-tát trú ở địa thứ hai đầy đủ tám pháp.

Thế nào là Bồ-tát ma-ha-tát học vấn nhiều không nhàm đủ? Pháp của chư Phật nói, hoặc nói ở trong thế giới này, hoặc chư Phật trong mười phương thế giới nói, đều muốn nghe và thọ trì, ấy gọi là học vấn nhiều không nhàm đủ.

Thế nào là Bồ-tát pháp thí thanh tịnh? Có bố thí pháp cho đến không cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, huống gì cầu việc khác, ấy gọi là thí pháp không cầu danh lợi.

Thế nào là Bồ-tát tịnh thể giới Phật? Đem các căn lành hồi hướng, tịnh thể giới Phật, ấy gọi là tịnh thể giới Phật.

Thế nào là Bồ-tát chịu vô lượng cần khổ của thế gian không lấy làm chán? Nhờ đầy đủ các căn lành nên có thể thành tựu chúng sinh, cũng trang nghiêm Phật độ, cho đến khi đầy đủ Trí nhất thiết chủng trọn không mệt chán, ấy gọi là chịu vô lượng cần khổ không lấy làm chán.

Thế nào là Bồ-tát trú ở chỗ tầm quý? Hồ thẹn ý nghĩ Thanh-văn, Bích-chi Phật, ấy gọi là trú ở chỗ tầm quý; ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát trú ở trong địa thứ ba đầy đủ năm pháp.

Thế nào là Bồ-tát không bỏ trú xứ A-lan-nhã? Hay vượt quá địa vị Thanh-văn, Bích-chi Phật, ấy gọi là không bỏ trú xứ A-lan-nhã.

Thế nào là Bồ-tát ít muốn? Bồ-tát ít muốn là cho đến đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác còn không muốn, hưởng gì thứ khác, ấy gọi là ít muốn.

Thế nào là Bồ-tát biết đủ? Được Trí nhất thiết chủng, ấy gọi là biết đủ.

Thế nào là Bồ-tát không bỏ công đức đầu đà? Quán các pháp nhãn thâm sâu, ấy gọi là không bỏ công đức đầu đà.

Thế nào là Bồ-tát không bỏ giới? Không chấp thủ giới tướng, ấy gọi là không bỏ giới.

Thế nào là Bồ-tát góm ghét các dục? Tâm dục không sinh, ấy gọi là góm ghét các dục.

Thế nào là Bồ-tát tâm chán thế gian? Biết hết thấy pháp chẳng tạo tác, ấy gọi là chán thế gian.

Thế nào là Bồ-tát bỏ tất cả sở hữu? Không tiếc các pháp trong ngoài, ấy gọi là bỏ tất cả sở hữu.

Thế nào là Bồ-tát tâm không ẩn mắt? Hai thứ thức xứ tâm không sinh, ấy gọi là tâm không ẩn mắt.

Thế nào là Bồ-tát không tiếc hết thấy vật? Đối với hết thấy vật không đắm không nhớ, ấy gọi là không tiếc hết thấy vật; ấy là Bồ-tát ở trong địa thứ tư không bỏ mười pháp.

Vì sao Bồ-tát xa lìa hàng bạch y thân thích? Vì Bồ-tát tùy chỗ sinh ra đều muốn xuất gia, từ một cõi Phật đến một cõi Phật, thường xuất gia, cạo tóc, mặc pháp y, ấy gọi là xa lìa hàng bạch y thân thích.

Vì sao Bồ-tát xa lìa Tỳ-kheo-ni? Không ở chung với Tỳ-kheo-ni, dù cho trong khoảng khắc cũng không sinh niệm, ấy gọi là xa lìa Tỳ-kheo-ni.

Vì sao Bồ-tát xa lìa lần tiệc nhà người khác? Bồ-tát suy nghĩ như vậy: Ta nên làm an lạc chúng sinh, nay kia giúp ta an lạc, có sao ta sinh lần tiệc? Ấy gọi là xa lìa lần tiệc nhà người khác.

Vì sao Bồ-tát xa lìa đàm thuyết vô ích? Vì nếu có đàm thuyết thì hoặc sinh tâm Thanh-văn, Bích-chi Phật, ta nên xa lìa; ấy gọi là xa lìa đàm thuyết vô ích.

Vì sao Bồ-tát xa lìa sân hận? Vì Không để cho tâm sân, tâm não hại, tâm đấu tránh xen vào, ấy gọi là xa lìa sân hận.

Vì sao Bồ-tát xa lìa tự đại (*Đại Bát-nhã ghi: Khen mình chê người - ND*)? Vì không thấy pháp trong, ấy gọi là xa lìa tự đại.

Vì sao Bồ-tát xa lìa miệt thị người? Vì không thấy pháp ngoài, ấy gọi là xa lìa miệt thị người.

Vì sao Bồ-tát xa lìa mùi bất thiện đạo? Vì mùi bất thiện đạo ấy hay chướng ngại tám Thánh đạo, hướng gì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ấy gọi là xa lìa mùi bất thiện đạo.

Vì sao Bồ-tát xa lìa đại mạn? Vì Bồ-tát không thấy pháp có thể khởi lên đại mạn (tăng thượng mạn), ấy gọi là xa lìa đại mạn.

Vì sao Bồ-tát xa lìa tự dụng? Vì Bồ-tát không thấy pháp có thể khởi lên tự dụng, ấy gọi là xa lìa tự dụng (*Đại Bát-nhã ghi: Do dự - ND*).

Vì sao Bồ-tát xa lìa điên đảo? Vì chỗ điên đảo không thể có được, ấy gọi là xa lìa điên đảo.

Vì sao Bồ-tát xa lìa dâm, nộ, si? Vì chỗ dâm, nộ, si không thể thấy được, ấy gọi là xa lìa chỗ dâm, nộ, si; ấy là trú địa thứ năm xa lìa mười hai pháp.

Bồ-tát trú trong địa thứ sáu đầy đủ sáu pháp đó là sáu Ba-la-mật. Chư Phật và Thanh-văn, Bích-chi Phật trú trong sáu Ba-la-mật, có thể qua bờ kia, ấy gọi là đầy đủ sáu pháp.

Vì sao Bồ-tát không tác ý Thanh-văn, Bích-chi Phật? Vì nghĩ rằng ý Thanh-văn, Bích-chi Phật chẳng phải đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Vì sao Bồ-tát bỏ thí không sinh tâm ưu? Vì nghĩ rằng tâm ấy chẳng phải đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Vì sao Bồ-tát thấy có người đến xin, tâm không thối mất? Vì nghĩ rằng tâm ấy chẳng phải đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Thế nào là Bồ-tát bỏ thí vật sở hữu? Bồ-tát khi mới phát tâm bố thí, không nói rằng người ấy đáng cho, người ấy không đáng cho.

Vì sao Bồ-tát sau khi bố thí không hối tiếc? Vì lực từ bi.

Vì sao Bồ-tát không nghi pháp sâu xa? Vì lực công đức của lòng tin; ấy là Bồ-tát trú trong địa thứ sáu xa lìa sáu pháp.

LUẬN: Luận giả nói: Giới thanh tịnh là ở Sơ địa phần nhiều tu bố thí, thứ đến biết trì giới hơn bố thí, vì sao? Vì trì giới thời thu nhiếp hết thấy chúng sinh, bố thí thời không thể trùm khắp hết thấy, còn trì giới biến khắp vô lượng; như giới không sát sinh thời là bố thí mạng cho hết thấy chúng sinh; như chúng sinh vô lượng vô biên thời phước đức cũng vô lượng vô biên. Lược nói các việc làm phá hoại

Phật đạo, trong đây đều gọi là phá giới. Là sự ô cấu phá giới ấy, gọi là thanh tịnh; cho đến tâm cầu Thanh-văn, Bích-chi Phật còn gọi là giới cấu, huông gì các việc ác khác.

Biết ân báo ân là, có người nói, ta đời trước có nhân duyên phước đức nên được, hoặc nói ta tự nhiên tôn quý, ông có ân gì? Rơi vào tà kiến như vậy, nên Phật nói Bồ-tát nên biết ân. Chúng sinh tuy có nhân vui của đời trước, song đời nay việc không hòa hợp thời do đâu được vui; ví như lúa gieo ở đất, không mưa thời không mọc, không thể vì đất có thể mọc lúa mà nói mưa không có ân; tuy vật được thọ dụng là đã gieo đời trước, mà người cung phụng với tâm tốt kính ái, há lại chẳng phải ân sao?

* Lại nữa, biết ân là gốc đại bi, mở cửa ban đầu thiện nghiệp, được người ái kính, danh dự truyền xa, chết được sinh cõi trời, cuối cùng thành Phật đạo. Người không biết ân thì tệ hơn súc sinh. Như Phật nói kinh Bốn sinh rằng: Có người vào núi đốn cây, mê tối lạc đường, khi ấy gặp mưa bão, trời tối đói rét, ác trùng thú độc muốn đến xâm hại. Người ấy đi vào một cái hang đá, trong hang có một con gấu lớn, người ấy trông thấy khiếp sợ đi ra. Gấu nói: Người chớ khiếp sợ, nhà này ấm nóng, có thể ở đêm. Thời gian mưa suốt bảy ngày, gấu thường lấy trái ngọt nước ngon, cung cấp cho người ấy; bảy ngày ngưng mưa, gấu đưa người ấy chỉ cho đường đi. Gấu nói với người: Ta mang thân tội, có nhiều kẻ oan gia, nếu có ai hỏi, chớ nói thấy ta. Người đáp: Vâng. Người ấy đi tới, gặp các người thợ săn, thợ săn hỏi: Ông từ đâu đến? Thấy có bầy thú chẳng? Đáp: Ta thấy một con gấu lớn; gấu ấy có ân với ta, không được chỉ cho ông. Thợ săn nói: Ông là người, nên vì cùng loài người thân nhau, có sao lại tiếc thương con gấu. Nay một lần lạc đường, lúc nào trở lại? Ông chỉ cho tôi, tôi sẽ cho ông nhiều phần! Người ấy đổi tâm, liền đem thợ săn chỉ chỗ gấu ở. Thợ săn giết gấu, liền lấy nhiều phần đưa cho. Người ấy ngả tay lấy thịt, hai khuỷu tay đều bị sa xuống. Thợ săn nói:

Ông có tội gì? Đáp: Gấu ấy xem ta như cha với con, ta nay bội ân, mắc phải tội ấy. Thợ săn khiếp sợ, không dám ăn thịt, đem thí chúng Tăng, bấy giờ vị Thượng tọa là A-la-hán đủ sáu thần thông nói với các vị hạ tọa: Đây là vị Bồ-tát sẽ thành Phật trong đời vị lai, chớ ăn thịt ấy. Liền dựng tháp cúng dường.

Vua nghe việc ấy, sắc xuống trong nước: Người không biết ân, không cho ở đây. Lại dùng các nhân duyên tán thán người biết ân. Cái nghĩa lý biết ân, ban khắp cõi Diêm-phù-đề, người đều tin làm.

* Lại nữa, Bồ-tát nghĩ rằng: Nếu người có việc ác đối với ta, ta còn nên hóa độ, huống gì người đối với ta có ân.

Lục an trú nhẫn nhục như đã nói rộng trong đoạn Nhẫn ba-la-mật.

Hỏi: Tướng nhẫn nhục có nhiều nhân duyên, sao trong đây chỉ nói không giận, không nã?

Đáp: Đây là thể nhẫn nhục. Trước khởi tâm giận vậy sau thân miệng mới xúc nã người khác. Bồ-tát ấy mới bắt đầu tu nên chỉ nói chúng sinh nhẫn (nhẫn đối chúng sinh) không nói pháp nhân (nhẫn đối với pháp).

Thọ hoan hỷ là Bồ-tát thấy việc trì giới ấy nên thân miệng thanh tịnh; biết ân và nhẫn nhục nên tâm thanh tịnh; ba nghiệp thanh tịnh thời tự nhiên sinh hoan hỷ. Ví như người tắm nước nấu hương thơm, mặc áo mới đẹp, trang nghiêm anh lạc, tự soi gương, tâm sinh hoan hỷ, Bồ-tát cũng như vậy, được thiện pháp ấy tự trang nghiêm. Giới là căn bản của thiền định trí tuệ, ta nay được giới thanh tịnh nên vô lượng vô biên phước đức đều dễ được, vì vậy tự mình vui mừng. Bồ-tát an trú trong tịnh giới và nhẫn nhục, giáo hóa chúng sinh, khiến được sinh ở trước Phật nơi phương khác, lại sinh vào cõi trời cõi người thọ vui, hoặc khiến Thanh-văn, Bích-chi Phật thừa. Phật thừa là xem thấy chúng sinh ưa đắm; như Trưởng giả xem thấy con đại vui đùa với nhau, cũng cùng vui đùa với nó, rồi lấy một ít vật

lạ cho nó, khiến nó bỏ các thứ ưa đắm. Bò-tát cũng như vậy, giáo hóa chúng sinh khiến được phước lạc cõi trời người, dần dần dụ dỗ tiến tới, khiến được ba thừa. Vì vậy nói là thọ hoan hỷ.

Không bỏ hết thấy chúng sinh là khéo tu tập tâm đại bi, thế độ chúng sinh, phát tâm kiên cố, không bị chư Phật Thánh hiền khinh cười và sợ phụ lòng chúng sinh nên không bỏ; ví như trước hứa cho người vật gì, sau nếu không cho, tức là người có tội dối trá. Vì nhân duyên ấy nên không bỏ chúng sinh.

Vào tâm đại bi là như trước nói. Trong đây Phật tự nói: Bản nguyện đại tâm vì chúng sinh, nghĩa là vì mỗi mỗi người nên ở trong vô lượng kiếp chịu thay sự khổ địa ngục, cho đến khiến người ta tập tu công đức để làm Phật, vào vô dư Niết-bàn.

Hỏi: Không có việc chịu tội thay, cơ sao phát nguyện ấy?

Đáp: Đó là tâm rộng lớn của Bò-tát thương chúng sinh sâu xa, nếu có lý lẽ thay được thì chịu thay không nghi nan.

* Lại nữa, Bò-tát thấy nhân gian có miếu thờ trời, dùng máu thịt ngũ tạng của người để tế quỷ La-sát, có người chịu thay thế thời được. Bò-tát nghĩ rằng trong địa ngục, nếu có lẽ thay thế như vậy, thì ta sẽ thay thế. Chúng sinh nghe Bò-tát có tâm lớn như vậy, thời quý kính tôn trọng, vì sao? Vì Bò-tát sâu nghĩ đến chúng sinh hơn mẹ lành.

Tin thầy, cung kính, hỏi han, lãnh thọ là Bò-tát nhân nơi thầy mà chúng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, làm sao không tin kính, cúng dường. Thầy tuy trí tuệ cao minh, nếu không cung kính, cúng dường thời không được lợi lớn; ví như nước ngon dưới giếng sâu, nếu không có dây gàu thời do đâu múc được nước? Nếu dẹp bỏ tâm cống cao kiêu mạn mà tôn trọng kính phục, thời lợi ích lớn, công đức qui tụ về; ví như mưa xuống, chẳng ở đỉnh núi mà chắc chắn qui về chỗ thấp. Nếu người có tâm kiêu mạn tự cao thời nước pháp không vào, nếu cung kính thầy lành, thời công đức qui tụ về.

* Lại nữa, Phật dạy nương dựa thầy lành thời việc trì giới, thiền định, trí tuệ, giải thoát đều được tăng trưởng; ví như cây cỏ nương nơi núi tuyết thời gốc, cành, nhánh, lá, hoa, quả đều được tươi tốt. Vì vậy Phật dạy đối với bậc tôn sư hãy kính như kính Phật.

Hỏi: Ác sư làm sao được cúng dường tín thọ? Thiện sư không thể xem như Phật, huống gì ác sư? Cớ sao ở trong đây Phật dạy đối với các tôn sư hãy tưởng như Phật?

Đáp: Bồ-tát không nên thuận theo pháp thế gian. Thuận theo pháp thế gian là đối người thiện tâm ưa đắm, đối người ác xa lìa, Bồ-tát thời không như vậy. Nếu có ai mở bày giải thích nghĩa lý thâm sâu, phá tan nghi kiết, đối với ta có ích, thời tận tâm cung kính, không nhớ các ác khác, như đây rách đưng đồ báu, không được vì đây nhớ mà không lấy đồ báu kia. Lại như đem đi đường hiểm, người tội tệ cảm đuốc, không được vì người tội tệ mà không dùng ánh sáng đó. Bồ-tát cũng như vậy, nơi thầy được trí tuệ sáng suốt, không kể thầy tệ ác.

* Lại nữa, đệ tử nên nghĩ rằng: Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, có vô lượng lực phương tiện, không biết cớ sao lại có việc tệ ác ấy? Như Bồ-tát Thường-đề (Tát-đà-ba-luân) nghe trong hư không mười phương Phật dạy rằng: Người đối với Pháp sư, chớ nên nhớ đến điều thiếu kém của Pháp sư, mà thường nên sinh tâm kính sợ.

* Lại nữa, Bồ-tát nghĩ rằng: Pháp sư hay dở, chẳng phải việc của ta, điều ta cầu là chỉ muốn nghe pháp để tự lợi ích. Như tượng đất, tượng gỗ, không có công đức thật, nhưng nhờ nơi tượng mà phát sinh tâm tưởng Phật, được công đức vô lượng, huống gì người ấy có trí tuệ và phương tiện có thể vì người giảng nói. Vì vậy, pháp sư có lỗi, đối với ta không lỗi.

Tưởng như Thế Tôn là tôi trước nói Bồ-tát khác với người đời; người đời phân biệt tốt xấu, đối với người tốt thì ưa đắm, mà còn

không tưởng họ như Phật; huồng nữa là đối với người xấu thì càng kiêu mạn, không coi họ ra gì. Bồ-tát thời không như vậy, quán các pháp rốt ráo không, từ xưa lại đây, giống như tướng vô dư Niết-bàn, quán hết thấy chúng sinh xem đó như Phật, huồng gì pháp sư có trí tuệ lợi ích, vì hay làm Phật sự nên xem như Phật.

Siêng cầu các Ba-la-mật là Bồ-tát nghĩ rằng: Sáu Ba-la-mật ấy là nhân duyên của đạo chánh chơn vô thượng, ta hãy nhất tâm hành nhân duyên ấy, thí như người đi buôn, người làm ruộng, tùy theo quốc độ thích ứng, cần thiết vật gì và đất thích hợp giống cây gì, mà siêng năng tìm tòi cho đạt được, thì không việc gì không thành. Lại như đời nay thực hành bổ thí sau được giàu to, giữ giới sau được tôn quý, tu thiền định trí tuệ thì đắc đạo. Bồ-tát cũng như vậy, tu sáu Ba-la-mật thời được thành Phật.

Siêng cầu là thường nhất tâm siêng cầu sáu Ba-la-mật, vì có sao? Vì nếu tâm mềm tiến chậm thời bị phiền não che lấp, ma phá hoại, vì vậy nên Phật dạy ở trong địa thứ hai siêng cầu chớ giải đãi.

Học vấn nhiều, không chán đủ là Bồ-tát biết học vấn nhiều là nhân duyên sinh trí tuệ, được trí tuệ thời có thể phân biệt hành đạo; như người có mắt, đi đến nơi không ngăn ngại. Thế nên Bồ-tát nguyện rằng: Mười phương chư Phật có nói pháp tôi đều thọ trì, nhờ có Văn trì Đà-la-ni, có lực thiên nhĩ thanh tịnh, có được Đà-la-ni không quên, ví như biển lớn, tiếp thụ giữ gìn được nước của mười phương dồn lại, Bồ-tát cũng như vậy, tiếp thụ giữ gìn pháp của mười phương Phật nói ra.

Pháp thí thanh tịnh là như cỏ sinh giữa lúa, trừ cỏ rất thời lúa tốt. Bồ-tát cũng như vậy, lúc thí pháp không cầu danh lợi, đời sau được quả báo, cho đến vì chúng sinh mà không cầu Niết-bàn Tiểu thừa, chỉ lấy tâm đại bi đối với chúng sinh, theo Phật chuyển pháp luân. Tướng thí pháp, tướng trang nghiêm Phật quốc, mà chịu vô lượng cần khổ giữa thế gian, trú ở chỗ tầm quý, không bỏ chỗ A-lan-nhã (nơi nhàn tịnh) ít muốn, biết đủ, tất cả đều như trước nói.

Hỏi: Có nhiều nhân duyên ở trong sinh tử không chán, có sao trong đây chỉ nói do hai nhân duyên không chán?

Đáp: Vì đầy đủ căn lành nên ở trong sinh tử mà khổ não mỏng ít, ví như người bị mụn ghẻ, được lương y xức thuốc, bệnh thuyên giảm. Bồ-tát được căn lành thanh tịnh nên đời nay tâm ưu sầu, tật đó, hung ác đều ngưng dứt; nếu lại thọ thân, được quả báo của căn lành, tự thọ hưởng phước lạc và các nhân duyên lợi ích chúng sinh, tùy sở nguyện của họ, tự thanh tịnh cõi nước, cõi nước trang nghiêm thanh tịnh hơn cả cung trời, trông không biết chán, làm vui thích tâm vị đại Bồ-tát, hưởng chi người phàm. Vì vậy nên tuy có nhiều nhân duyên chỉ nói hai việc không chán.

Tâm quý tuy có nhiều thứ, ở đây nói thứ lớn là tâm cầu Thanh-văn, Bích-chi Phật. Bồ-tát phát tâm muốn rộng độ hết thảy chúng sinh, gặp chút ít khổ não, liền muốn thủ chứng Niết-bàn riêng mình là điều đáng tâm quý; ví như có người dọn nhiều đồ ăn ngon, mời gọi mọi người, song tâm xen lẫn khởi lên, liền tự ăn một mình, thật đáng tâm quý.

Không bỏ trú xứ A-lan-nhã là lìa chúng ở riêng, hoặc vượt quá tâm Thanh-văn, Bích-chi Phật gọi là lìa chúng, vì hết thảy pháp không, không có sở đắc, không có chấp thủ, không có đắm tướng, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng không chấp thủ, vì tâm không có đắm trước. Bồ-tát thường nhóm các công đức không chán đủ, được đạo Vô thượng mới đủ, vì không còn có pháp gì cao hơn.

Ăn uống, y phục, ngọa cụ biết đủ là nhân duyên của pháp lành, không cho là trọng yếu, nên không nói.

Không bỏ công đức hạnh đầu đà là như trong phẩm Giác Ma sau đây nói: Vô sinh pháp nhẫn, trong đây lấy vô sinh pháp nhẫn làm hạnh đầu đà. Bồ-tát trú ở thuận nhẫn, quán vô sinh nhẫn. Mười hai hạnh đầu đà vì trì giới thanh tịnh, trì giới thanh tịnh vì thiền định,

thiền định vì trí tuệ; vô sinh pháp nhãn tức là chân trí tuệ, vô sinh pháp nhãn là quả báo của hạnh đầu đà, vì trong quả nói nhân.

Không xả giới, không thủ giới tướng là Bồ-tát biết thật tướng các pháp, còn không thấy tri giới, hướng gì phá giới. Có các nhân duyên không phá giới, đây là tối đại vì vào không giải thoát môn.

Góm ghét các dục là như trước nói. Trong đây Phật nói biết rõ tâm tướng hư vọng không thật, nên cho đến không sinh tâm dục hướng gì thọ dục.

Tâm chán thế gian là như đã nói ở trong mục Thế gian không thể có lạc tướng. Trong đây Phật nói quả báo của tâm nhằm chán, đó là vô tác giải thoát môn.

Bỏ hết thấy sở hữu là như trước nói.

Tâm không thối mất là trước nói nhiều nhân duyên các việc, Bồ-tát đối với các việc ấy mà không có tướng thối mất, sợ hãi.

Không sinh nơi hai thức là, nơi nhãn và sắc không sinh nhãn thức, cho đến nơi ý và pháp không sinh ý thức. Bồ-tát an trú nơi môn không hai ấy, quán các điều sáu thức biết đều là hư vọng không thật. Phát thệ nguyện lớn khiến tất cả chúng sinh trú nơi pháp không hai, lìa sáu thức ấy.

Không tiếc tất cả vật là trong tất cả vật không tiếc, tuy có nhiều nhân duyên, mà nhân duyên này rất lớn. Đó là Bồ-tát biết tất cả pháp rốt ráo không, không ức niệm dứt hết thấy tướng chấp thủ. Vì vậy nên không cầu ân huệ nơi người thọ nhận bố thí, trong khi bố thí tâm không tự cao; như vậy đầy đủ bố Thí ba-la-mật thanh tịnh.

Xa lìa hàng bạch y thân thích là hành giả vì sợ làm chướng ngại đạo nên xuất gia, nếu lại tập gần gũi bạch y thời không khác gì ở nhà, vì vậy nên hành giả trước cầu độ mình, vậy sau độ người. Nếu

chưa thể độ mình mà muốn độ người, thì giống như người không biết bơi mà muốn cứu kẻ bị chìm, cả hai đều chìm. Bồ-tát xa lìa kẻ bạch y thân thích thời có thể nhóm các công đức thanh tịnh, sâu niệm Phật nên biến thân đi đến nước Phật.

Xuất gia cạo tóc mặc pháp y, vì sao? Vì thường ưa pháp xuất gia, không ưa tập gần gũi bạch y.

Xa lìa Tỳ-kheo-ni là như trong phẩm đầu đã nói.

Hỏi: Bồ-tát tâm bình đẳng xem tất cả chúng sinh, có sao không được ở chung?

Đáp: Bồ-tát chưa được địa vị bất thối, chưa dứt các lậu hoặc, nhóm các công đức nên được người ưa đắm, vì vậy nên không được ở chung. Lại vì xa lìa sự phỉ báng của người, nếu phỉ báng thời bị đọa địa ngục.

Xa lìa lẫn tiếc nhà người khác là Bồ-tát nghĩ rằng: Ta tự bỏ nhà còn không tham không tiếc, có sao tham tiếc nhà người khác. Phép của Bồ-tát là muốn khiến hết thầy chúng sinh được vui, người kia giúp cho ta và chúng sinh vui, có sao ta lẫn tiếc. Chúng sinh nhờ phước đức đời trước, đời nay có ít nhiều công phu nên được cúng dường, có sao lẫn tiếc, ganh tị.

Xa lìa sự đàm thuyết vô ích là đây tức là nói thêu dệt, vì việc giải sầu cho tâm mình tâm người, nói việc phép vua, việc giặc, biến lớn, núi rừng, cỏ thuốc, bảo vật, quốc độ các phương, những việc như vậy, không có ích gì cho phước, cho đạo, Bồ-tát nên nghĩ đến hết thầy chúng sinh chìm đắm trong lửa khổ vô thường, ta hãy cứu vớt, có sao ngồi yên nói suông những điều vô ích; như người bị lửa cháy nổi dậy bốn phía, làm sao ngồi yên trong đó nói chuyện đầu đầu. Trong đây Phật dạy, nếu nói việc Thanh-văn, Bích-chi Phật còn cho là nói vô ích, huống gì nói chuyện khác.

Xa lìa giận hờn là trong tâm mới đầu sinh gọi là giận, vì chưa quyết định. Tâm giận tăng trưởng, sự việc quyết định, đánh, chặt, giết hại, đây gọi là tâm nảo; ác khẩu chê bai, đây gọi là tâm tranh tụng; nếu giết hại đánh trói v.v.. đây gọi là chiến đấu. Bồ-tát vì đại từ bi nên không sinh các tâm ấy; thường đề phòng các ác tâm ấy không cho xen vào.

Xa lìa tự đại khinh miệt người là không thấy pháp trong ngoài, nghĩa là không thấy năm uẩn chấp thọ, năm uẩn không chấp thọ.

Xa lìa mười bất thiện đạo là, Bồ-tát quán mười bất thiện đạo là nhân duyên của các tội lỗi, như trước nói. Trong đây Phật dạy mười bất thiện đạo còn phá Tiểu thừa, hưởng gì Đại thừa.

Xa lìa đại mạn là Bồ-tát hành mười tám không, không thấy các pháp có tướng lớn nhỏ nhất định.

Xa lìa tự dụng là nhờ bảy thứ gốc rễ kiêu mạn, lại sâu vui thiện pháp.

Xa lìa điên đảo là trong hết thấy pháp tướng thường, lạc, ngã, tịnh không thể có được.

Xa lìa ba độc là, ba độc nghĩa như trước nói: Lại, sở duyên của ba độc không có tướng nhất định.

Sáu Ba-la-mật là như trước nói: Trong đây Phật dạy hàng tam thừa đều do sáu Ba-la-mật này mà đến được bờ kia.

Hỏi: Đây là ở địa vị Bồ-tát, có sao nói Thanh-văn, Bích-chi Phật do sáu Ba-la-mật đến được bờ kia?

Đáp: Nay Phật nói sáu Ba-la-mật, có nhiều công năng trong pháp Đại thừa, thời hàm thu cả Tiểu thừa, Tiểu thừa thời không thể. Bồ-tát trú trong địa thứ sáu đầy đủ sáu Ba-la-mật, quán hết thấy các pháp không, chưa được lực phương tiện, sợ đọa vào địa vị

Thanh-văn, Bích-chi Phật, Phật thủ hộ nên nói không nên sinh tâm Thanh-văn, Bích-chi Phật. Bồ-tát vì sâu nghĩ đến chúng sinh, vì tâm đại bi, vì biết hết thấy các pháp rốt ráo không, nên khi bố thí không tiếc gì, thấy người đến xin không giận không lo, sau khi bố thí tâm cũng không hối tiếc; phước đức lớn nên đức tin cũng lớn, tin kính chư Phật một cách thâm sâu thanh tịnh, đầy đủ sáu Ba-la-mật, tuy chưa có lực phương tiện, vô sinh pháp nhẫn, Ban châu Tam-muội, mà đối với pháp thâm sâu cũng không nghĩ. Nghĩ rằng: Hết thấy luận nghị đều có lỗi lầm, chỉ trí tuệ Phật mới diệt các hý luận. Không có khuyết mắt; mà hay dùng phương tiện tu các pháp lành, thế nên không nghĩ.

(HẾT CUỐN 49 THEO BẢN HÁN)

KINH: Vì sao Bồ-tát không chấp trước ngã? Vì rốt ráo vô ngã.

Vì sao Bồ-tát không chấp trước chúng sinh, không chấp trước mạng sống, không chấp trước chúng số, cho đến kẻ biết, kẻ thấy? Vì các pháp rốt ráo không thể có được.

Vì sao Bồ-tát không chấp trước đoạn kiến? Không có pháp đoạn, vì các pháp rốt ráo không sinh.

Vì sao Bồ-tát không chấp trước thường kiến? Vì nếu pháp không sinh là không có thường.

Vì sao Bồ-tát không nên thủ tướng? Vì không có các phiền não.

Vì sao Bồ-tát không nên chấp tác nhân? Vì các kiến chấp không thể có được.

Vì sao Bồ-tát không chấp trước danh sắc? Vì tướng chỗ danh sắc không có.

Vì sao Bồ-tát không chấp trước năm uẩn, không chấp trước mười hai nhập, không chấp trước mười tám giới? Vì tánh các pháp không có.

Vì sao Bồ-tát không chấp trước ba cõi? Vì tánh ba cõi không có.

Vì sao Bồ-tát không nên khởi tâm chấp trước? Vì sao Bồ-tát không nên khởi tâm nguyện? Vì sao Bồ-tát không nên khởi tâm nương tựa? Vì các pháp ấy tánh không có.

Vì sao Bồ-tát không chấp trước nơi ý kiến nương Phật? Vì khởi ý kiến nương thì không thấy Phật.

Vì sao Bồ-tát không chấp trước ý kiến nương Pháp? Vì Pháp không thể thấy.

Vì sao Bồ-tát không chấp trước ý kiến nương Tăng? Vì Tăng tướng vô vi không thể nương.

Vì sao Bồ-tát không chấp trước ý kiến nương Giới? Vì tội vô tội đều không thể chấp trước.

Ấy là Bồ-tát an trụ trong địa thứ bảy có hai mươi pháp không nên chấp trước.

Vì sao Bồ-tát nên đầy đủ Không? Vì đầy đủ các pháp tự tướng không.

Vì sao Bồ-tát chứng Vô tướng? Vì không niệm các tướng.

Vì sao Bồ-tát biết vô tác? Vì đối với ba cõi không có tạo tác.

Vì sao Bồ-tát ba phần thanh tịnh? Vì đầy đủ mười thiện đạo.

Vì sao Bồ-tát đối với hết thảy chúng sinh, trí tuệ và từ bi đầy đủ? Vì được tâm đại từ bi.

Vì sao Bồ-tát không niệm hết thảy chúng sinh? Vì thế giới thanh tịnh đầy đủ.

Vì sao Bồ-tát bình đẳng quán hết thấy pháp? Vì đối với các pháp không tổn giảm và tăng ích.

Vì sao Bồ-tát biết các pháp thật tướng? Vì thật tướng các pháp vô tri.

Vì sao Bồ-tát được vô sinh nhãn? Vì các pháp không sinh không diệt, không khởi nhẫn.

Vì sao Bồ-tát được vô sinh trí? Vì biết danh và sắc chẳng sinh.

Vì sao Bồ-tát nói các pháp nhất tướng? Vì nhất tâm không hành theo hai tướng.

Vì sao Bồ-tát phá tướng phân biệt? Vì hết thấy pháp không phân biệt.

Vì sao Bồ-tát chuyển ức tướng? Vì vô tướng lớn nhỏ đều chuyển vậy.

Vì sao Bồ-tát chuyển thấy? Vì cái thấy đối với Thanh-văn, Bích-chi Phật chuyển.

Vì sao Bồ-tát chuyển phiền não? Vì dứt các phiền não.

Vì sao Bồ-tát được địa vị định tuệ bình đẳng? Vì được Trí nhất thiết chủng.

Vì sao Bồ-tát điều phục ý? Vì đối với ba cõi không lay động.

Vì sao Bồ-tát tâm tịch diệt? Vì chế phục sáu căn.

Vì sao Bồ-tát được trí vô ngại? Vì được Phật nhãn.

Vì sao Bồ-tát không nhiễm ái? Vì bỏ sáu trần.

Ấy là Bồ-tát trú trong địa thứ bảy đầy đủ hai mươi pháp.

Thể nào là Bồ-tát thuận vào tâm chúng sinh? Là Bồ-tát lấy nhất tâm biết hết thấy tâm tâm số pháp của chúng sinh.

Thế nào là Bồ-tát dạo chơi các thần thông? Là dùng thần thông ấy đi từ một cõi Phật đến một cõi Phật, cũng không khởi tướng cõi Phật.

Thế nào là Bồ-tát quán các cõi Phật? Là tự ở cõi mình thấy vô lượng cõi Phật, cũng không có tướng cõi Phật.

Thế nào là Bồ-tát như cõi Phật đã được thấy? Là tự trang nghiêm cõi mình, ở địa vị Chuyển luân Thánh vương, đi khắp ba ngàn đại thiên thế giới để tự trang nghiêm.

Thế nào là Bồ-tát như thật quán thân Phật? Là như thật quán pháp thân.

Ấy là Bồ-tát trú ở địa thứ tám đầy đủ năm pháp.

Thế nào là Bồ-tát biết các căn cao thấp? Bồ-tát trú ở mười lực của Phật, biết cao thấp hạ của tất cả chúng sinh.

Thế nào là Bồ-tát làm thanh tịnh thế giới Phật? Là làm thanh tịnh chúng sinh vậy.

Thế nào là Bồ-tát như huyễn Tam-muội? Là trú ở Tam-muội ấy, thành biện được hết mọi sự, cũng không sinh tâm tướng.

Thế nào là Bồ-tát thường vào Tam-muội? Là Bồ-tát được Tam-muội quả báo sinh.

Thế nào là Bồ-tát theo thiện căn thích ứng của chúng sinh mà thọ thân? Là Bồ-tát biết chúng sinh có thiện căn được sinh phát mà vì họ thọ thân, để thành tựu chúng sinh.

Ấy là Bồ-tát trú ở địa thứ tám đầy đủ năm pháp.

Thế nào là Bồ-tát thọ lãnh phần độ chúng sinh trong vô biên thế giới? Là Bồ-tát độ thoát chúng sinh đáng được độ trong mười phương vô lượng thế giới như pháp của chư Phật.

Thế nào là Bồ-tát được như sở nguyện? Là sáu Ba-la-mật đầy đủ.

Thế nào là Bồ-tát biết ngôn ngữ của các trời, rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà? Là do sức từ vô ngại biện.

Thế nào là Bồ-tát thành tựu thai sinh? Là Bồ-tát đời đời thường hóa sinh.

Thế nào là Bồ-tát thành tựu gia đình? Là Thường sinh vào đại gia.

Thế nào là Bồ-tát thành tựu nơi sinh? Là Hoạch sinh vào nhà Sát-lợi, hoặc sinh vào nhà Bà-la-môn.

Thế nào là Bồ-tát thành tựu dòng họ? Là Bồ-tát sinh theo dòng họ đã sinh ra trong quá khứ.

Thế nào là Bồ-tát thành tựu quyền thuộc? Quyền thuộc thuần là các Đại Bồ-tát.

Thế nào là Bồ-tát thành tựu khi sinh ra? Là khi sinh ra có ánh sáng chiếu khắp vô lượng vô biên thế giới, cũng không chấp thủ tướng ấy.

Thế nào là Bồ-tát thành tựu xuất gia? Là khi xuất gia có vô lượng trăm ngàn ức chư thiên theo hầu xuất gia, các chúng sinh ấy chắc chắn đến Tam thừa.

Thế nào là Bồ-tát thành tựu cây Phật trang nghiêm? Là cây Bồ-đề ấy lấy vàng ròng làm gốc, bảy báu làm thân cây, thớ, cành, lá; ánh sáng của thân cây, thớ, cành, lá chiếu khắp mười phương vô số ba ngàn đại thiên thế giới.

Thế nào là Bồ-tát thành tựu đầy đủ hết thấy công đức thiện căn? Là Bồ-tát được chúng sinh thanh tịnh, cõi Phật cũng tịnh.

Ấy là Bồ-tát trú ở địa thứ chín đầy đủ mười hai pháp.

Thế nào là Bồ-tát trú ở địa thứ mười, nên biết Bồ-tát ấy như Phật? Nếu Bồ-tát ma-ha-tát đầy đủ sáu Ba-la-mật, bốn chỗ quán niệm, cho đến mười tám pháp không chung, Trí nhất thiết chủng đầy đủ viên mãn, dứt hết thủy phiền não và tập khí, ấy là Bồ-tát ma-ha-tát trú ở địa thứ mười, nên biết Bồ-tát ấy như Phật.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát trú trong mười địa ấy, do sức phương tiện (vô sở đắc - ND) nên hành sáu Ba-la-mật, bốn chỗ quán niệm cho đến mười tám pháp không chung, trải qua Càn-tuệ địa, Tánh địa, Bát nhãn địa, Kiến địa, Bạt địa, Ly dục địa, Dĩ tác địa, Bích-chi Phật địa, Bồ-tát địa; qua khỏi chín địa ấy, trú ở Phật địa, ấy là Bồ-tát mười địa của Bồ-tát .

Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát phát tâm thú hướng Đại thừa.

LUẬN: Luận giả nói: Ngã v.v... hai mươi pháp không thể có được nên không chấp trước. Lý do không thể có được như trước đã mỗi mỗi nói.

Chấp ngã cho đến kẻ biết kẻ thấy, chấp Phật, chấp tăng là nhiếp vào chúng sinh, các kiến chấp ấy không nên chấp trước. Còn chấp đoạn, chấp thường cho đến chấp giới, là nhiếp vào pháp không nên không nên chấp trước.

Hỏi: Các kiến chấp khác có thể biết, còn kiến chấp về nhân thể nào?

Đáp: Hết thủy pháp hữu vi, triển chuyển làm nhân làm quả. Đối với pháp ấy tâm đắm trước thủ tướng sinh chấp kiến, ấy gọi là kiến chấp về nhân. Đó là chẳng phải nhân mà nói nhân; hoặc chấp nhân và quả là một, là khác v.v...

Đầy đủ không là, nếu Bồ-tát tu hành đủ mười tám không ấy gọi là đầy đủ không.

* Lại nữa, tu hành hai không là chúng sinh không và pháp không, ấy gọi là đầy đủ không.

* Lại nữa, nếu Bồ-tát tu được rốt ráo không mà không đắm trước rốt ráo không ấy, gọi là đầy đủ không.

Hỏi: Nếu như vậy, có sao trong Kinh trên đây Phật chỉ nói tự tướng không?

Đáp: **Ba thứ không** là chúng sinh không, pháp không, rốt ráo không, đều là tự tướng không. Vì Bồ-tát trú ở địa thứ sáu có phước đức nên lợi căn, lợi căn nên phân biệt thủ tướng các pháp. Vì vậy, ở trong địa thứ bảy lấy tự tướng không làm đầy đủ không.

Phật hoặc có khi nói hữu vi không, vô vi không, gọi là đầy đủ không.

Hoặc có khi nói “bất khả đắc không” là đầy đủ không.

Chứng vô tướng là vô tướng tức Niết-bàn, có thể chứng không thể tu; không thể tu nên không được nói là biết, vì vô lượng vô biên không thể phân biệt nên không thể là đầy đủ.

Biết vô tác là ba việc không, vô tướng, vô tác tuy đều chung là biết, song hai việc là không, vô tướng thay đổi nghĩa mà lập tên là tu không, chứng vô tướng, còn vô tác thì chỉ có biết tên thôi.

Ba phần thanh tịnh là mười thiện đạo gồm thân ba, miệng bốn, ý ba, ấy gọi là ba phần. Giải thoát môn, trên đã nói nên ở đây không nói lại.

Ba phần thanh tịnh là hoặc có người nghiệp thân thanh tịnh, nghiệp miệng không thanh tịnh; nghiệp miệng thanh tịnh, nghiệp thân không thanh tịnh; hoặc nghiệp thân miệng thanh tịnh, nghiệp ý không thanh tịnh. Hoặc có thể gian ba nghiệp đều thanh tịnh mà chưa thể xa lìa chấp trước, còn Bồ-tát ấy ba nghiệp thanh tịnh lại xa lìa chấp trước, ấy gọi là ba phần thanh tịnh.

Đầy đủ trí từ bi đối với chúng sinh là, từ bi có ba là sinh duyên, pháp duyên, vô duyên. Trong đây nói vô duyên đại bi gọi là đầy đủ. Nghĩa là pháp không cho đến thật tướng cũng không, ấy gọi là vô duyên đại bi. Bỏ-tát sâu vào thật tướng, vậy sau thương nghĩ đến chúng sinh; thí như người có một người con, được vật báu tốt, tâm rất thương tưởng, muốn lấy đem cho.

Không nghĩ đến hết thấy chúng sinh là vì đầy đủ thế giới thanh tịnh.

Hỏi: Nếu không nghĩ đến chúng sinh làm sao có thể làm thanh tịnh cõi Phật?

Đáp: Bỏ-tát khiến chúng sinh trú ở mười thiện đạo, là trang nghiêm cõi Phật. Tuy trang nghiêm mà chưa được vô ngại trang nghiêm. Nay Bỏ-tát giáo hóa chúng sinh mà không thủ tướng chúng sinh nên các thiện căn phước đức thanh tịnh, các thiện căn phước đức thanh tịnh ấy là vô ngại trang nghiêm.

Bình đẳng quán hết thấy pháp là như đã nói trong phẩm Pháp đẳng nhãn. Trong đây Phật tự nói đối với các pháp không thấy thêm bớt.

Biết thật tướng các pháp là như trước đã nhiều cách nói rộng.

Vô sinh pháp nhãn là đối với thật tướng các pháp không sinh không diệt, tin thọ thông suốt vô ngại không thối chuyển, ấy gọi là Vô sinh nhãn.

Vô sinh trí là đầu nhãn sau trí; thô là nhãn, tế là trí. Ở đây Phật tự nói trí biết danh và sắc bất sinh.

Nói các pháp một tướng là Bỏ-tát biết trong ngoài mười hai nhập đều là lưới ma, hư dối không thật, sáu thức sinh từ trong đó cũng là lưới ma, hư dối. Thế nào là thật? duy pháp không hai, không mắt, không sắc, cho đến không ý không pháp v.v... ấy gọi là thật.

Khiến chúng sinh xa lìa mười hai nhập nên thường dùng nhiều nhân duyên nói pháp không hai ấy.

Phá tướng phân biệt là Bồ-tát trú ở trong pháp không hai ấy, phá các pháp sở duyên phân biệt trai gái, dài ngắn, lớn nhỏ v.v...

Chuyển ức tướng là phá nội tâm ức tướng phân biệt các pháp.

Chuyển kiến là Bồ-tát trước chuyển các tà kiến, ngã kiến, biên kiến v.v... vậy sau mới vào đạo. Nay chuyển pháp kiến, Niết-bàn kiến, vì các pháp không có tướng nhất định.

Chuyển Niết-bàn là chuyển Thanh-văn, Bích-chi Phật kiến mà thăng đến Phật đạo.

Chuyển phiền não là Bồ-tát lấy lực phước đức, trì giới, chiết phục phiền não thô, an ổn hành đạo, chỉ còn có ái, kiến, mạn vi tế, nay cũng xa lìa phiền não vi tế.

* Lại nữa, Bồ-tát dùng trí tuệ thật quán phiền não ấy tức là thật tướng; ví như người có thần thông, hay chuyển bất tịnh thành tịnh.

Địa vị định tuệ bình đẳng là Bồ-tát ở ba địa đầu tuệ nhiều định ít, chưa thể nhiếp tâm; ba địa kế tiếp định nhiều tuệ ít, vì vậy nên không vào được Bồ-tát vị. Nay chúng sinh không, pháp không, định tuệ bình đẳng nên có thể an ổn hành Bồ-tát đạo, từ địa vị bất thối dần dần đến được địa vị Trí nhất thiết chủng.

Điều ý là Bồ-tát trước ức niệm già, bệnh, chết, ba ác đạo, thương xót chúng sinh nên điều phục tâm ý, khiến biết thật tướng các pháp, không đắm trước ba cõi, không đắm trước ba cõi nên tâm ý điều phục.

Tâm tịch diệt là Bồ-tát vì Niết-bàn nên đối với năm dục chiết phục năm thức. Vì ý thức khó chiết phục, nên nay trú ở địa thứ bảy, ý thức tịch diệt.

Trí vô ngại là Bồ-tát được Bát-nhã ba-la-mật, đối với các pháp thật chẳng thật, được vô ngại. Được đạo tuệ ấy, đưa hết thầy chúng

sinh khiến vào thật pháp, được giải thoát vô ngại, được Phật nhãn, đối với hết thảy pháp vô ngại.

Hỏi: Trong địa thứ bảy có sao nói được Phật nhãn?

Đáp: Trong ấy hãy học Phật nhãn đối với các pháp vô ngại, giống như Phật nhãn.

Chẳng nhiễm ái là Bồ-tát tuy trú ở địa thứ bảy được lực trí tuệ, song còn có nhân duyên đời trước, nên có nhục thân này. Khi vào thiên định thời không nhiễm đắm, khi ra thiên định thời có tập khí nhiễm đắm, tùy theo mắt thịt trông thấy, thấy người đẹp thì thân ái; hoặc ái trước trí tuệ thật pháp của địa thứ bảy, cho nên Phật dạy hành tâm xả đối với sáu trần, không thủ lấy tướng tốt xấu (xong Địa thứ bảy).

Thuận vào tâm chúng sinh là Bồ-tát ở trong địa thứ tám, quán thuận theo chỗ tâm xu hướng của chúng sinh, phát động tư duy, niệm sâu quán thuận, dùng trí tuệ phân biệt biết chúng sinh ấy vĩnh viễn không có nhân duyên đắc độ, chúng sinh ấy trải qua vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, sau mới đắc độ, chúng sinh ấy trải qua một kiếp, hai kiếp, cho đến muôn kiếp mới đắc độ; chúng sinh ấy trải một đời, hai đời, cho đến đắc độ ngay trong đời này; chúng sinh ấy hoặc tức thời đắc độ; là thuần thực là chưa thuần thực; người ấy có thể dùng Thanh-văn thừa mà độ thoát, người ấy có thể dùng Bích-chi Phật thừa mà độ thoát. Thí như lương y thăm bệnh, biết sắp lành hoặc có thể trị hoặc không thể trị.

Đạo chơi các thần thông là trước được các thần thông, nay được đạo chơi tự tại, đi đến vô lượng vô biên thế giới. Bồ-tát khi ở trong địa thứ bảy, muốn thủ chứng Niết-bàn. Bây giờ có các nhân duyên và chư Phật mười phương ủng hộ, trở lại sinh khởi tâm muốn độ chúng sinh, khéo trang nghiêm thần thông, theo ý tự tại, cho đến trong vô lượng vô biên thế giới, không gì trở ngại, thấy các nước Phật, cũng không chấp thủ tướng nước Phật.

Xem các nước Phật là có Bồ-tát dùng sức thần thông bay đến mười phương, xem các thế giới thanh tịnh, thủ lấy tướng ấy muốn tự trang nghiêm nước mình; có Bồ-tát được Phật đem đến mười phương chỉ cho thế giới thanh tịnh, thủ lấy tướng thế giới thanh tịnh, tự phát nguyện tu hành, như đức Phật Thế Tụ Tại Vương đem Tỳ-kheo Pháp Tích đến mười phương chỉ cho thế giới thanh tịnh; hoặc có Bồ-tát tự ở nước mình, dùng thiên nhãn thấy thế giới thanh tịnh ở mười phương, lúc đầu thủ lấy tướng tịnh, lúc sau được tâm không nhiễm trước, nên trở lại bỏ. Tự trang nghiêm nước mình như nước Phật đã được trông thấy như trước đã nói.

Địa thứ tám này gọi là Chuyển luân địa, giống như chuyển Luân thánh vương cưỡi xe báu đi đến đâu không bị chướng ngại, không có oán địch, Bồ-tát ở trong địa này, hay mưa pháp bảo làm mãn nguyện chúng sinh, không có chướng ngại, cũng hay thủ lấy tướng nước Phật mà tự trang nghiêm nước mình.

Như thật quán thân Phật là quán thân chư Phật như huyễn như hóa, chẳng nhiếp thuộc năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, hoặc dài hoặc ngắn, hoặc ngắn ấy sắc theo chỗ thấy của chúng sinh bởi nghiệp nhân duyên đời trước. Trong đây Phật tự nói, thấy Pháp thân ấy là thấy Phật. Pháp thân là pháp bất khả đắc không; pháp bất khả đắc không là các pháp sinh ra theo bên nhân duyên, không có tự tánh.

Biết các căn cao thấp là như đã nói trong đoạn mười lục. Bồ-tát trước biết tâm sở hành của hết thấy chúng sinh, ai thuần thực, ai lanh lợi, ai bố thí nhiều, ai trí tuệ nhiều, nhân người có nhiều mà độ thoát.

Tịnh thế giới Phật là, có hai thứ tịnh: Một là Bồ-tát tự tịnh thân mình, hai là tịnh tâm chúng sinh, khiến tu đạo thanh tịnh. Do nhân duyên kia với ta thanh tịnh nên theo sở nguyện mà được thế giới thanh tịnh.

Vào Tam-muội như huyễn là như người huyễn thuật ở một chỗ mà làm, các việc huyễn đầy khắp thế giới, nào bốn thứ binh chủng, cung điện thành quách, uống ăn ca múa giết chết, sống, ưu, khổ v.v... Bồ-tát cũng như vậy, ở trong Tam-muội này có thể biến hóa ở mười phương thế giới; đầy khắp trong đó, trước làm bố thí no đủ cho chúng sinh, sau thuyết pháp giáo hóa; phá hoại ba đường ác, sau mới an lập chúng sinh nơi ba thừa, tất cả việc có thể lợi ích không việc gì không thành tựu. Tâm Bồ-tát ấy không động, cũng không thủ lấy tướng của tâm.

Thường vào Tam-muội là Bồ-tát được Tam-muội như huyễn v.v... Tâm làm lụng tạo tác nên nay chuyển thân được Báo sinh Tam-muội (*Tam-muội phát sinh theo quả báo chứ không phải theo sự tu tập hiện tại - ND*); như người thấy sắc, không dùng tâm lực. Ở trong Tam-muội này, độ chúng sinh an ổn, hơn Tam-muội như huyễn, tự nhiên thành việc, không cần làm lụng, như người cầu tài có khi do sức làm lụng mà được, có khi tự nhiên được.

Tùy theo thiện căn thích ứng của chúng sinh mà thọ thân là Bồ-tát được hai thứ Tam-muội, hai thứ thân thông, do tu hành được và do quả báo được, biết dùng thân gì, ngôn ngữ gì, nhân duyên gì, việc gì, đạo gì, phương tiện gì, để mà thọ thân, cho đến thọ thân súc sinh để mà hóa độ (xong Địa thứ tám).

Thọ lãnh phần độ chúng sinh trong vô biên thế giới là sáu nẻo chúng sinh trong vô lượng vô vô mười phương thế giới, là phần đáng độ mà Bồ-tát giáo hóa đệ độ. Thế giới có ba loại là tịnh, bất tịnh, lẫn lộn. Chúng sinh trong ba loại thế giới ấy, hạng đáng được độ có lợi ích, thời đều thu nhiếp hết. Ví như đốt đèn là vì người có mắt, chứ không vì người mù. Bồ-tát cũng như vậy, hoặc người trước đã có nhân duyên, hoặc người mới làm nhân duyên.

* Lại nữa, ba ngàn đại thiên thế giới, gọi là một thế giới, một thời sinh khởi, một thời hoại diệt. Mười phương thế giới như hằng hà

sa như vậy là một Phật thế giới. Phật thế giới như vậy, số như hằng hà sa thế giới, là một biên thế giới Phật. Biên thế giới Phật như vậy, số như hằng hà sa thế giới mười phương là một Phật thế giới chung. Thế giới chung như vậy, mười phương vô lượng, ấy gọi là một thế giới Phật. Đối với hết thảy thế giới thủ lấy phần như vậy, ấy gọi là phần chúng sinh được độ của một đức Phật.

Được như sở nguyện là Bồ-tát phước đức trí tuệ đầy đủ, nên không ước nguyện gì không được. Người nghe nói phần chúng sinh được độ trong vô lượng vô biên thế giới nghi không thể làm được, thế nên tiếp nói sở nguyện được như ý. Trong đây Phật tự nói sáu Ba-la-mật đầy đủ, năm độ thời phước đức đầy đủ, Bát-nhã thời trí tuệ đầy đủ.

Biết ngôn ngữ các trời, rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà là như tôi ở trên kia nói, phước đức trí tuệ đầy đủ, sở nguyện được như ý. Biết ngôn ngữ của kẻ khác tức là việc ước nguyện.

* Lại nữa, Bồ-tát được trí túc mạng thanh tịnh nên biết được hết thảy ngôn ngữ ở những nơi sinh ra.

* Lại nữa, được nguyện trí nên biết tâm của người lập danh, cưỡng lập danh tự ngữ ngôn.

* Lại nữa, Bồ-tát được Tam-muội biết ngôn ngữ chúng sinh nên thông suốt hết thảy ngôn ngữ không trở ngại.

* Lại nữa, tự được bốn trí vô ngại, còn học bốn trí vô ngại của Phật, vì vậy nên biết ngôn ngữ âm thanh của chúng sinh.

Ở thai thành tựu là có người nói Bồ-tát cưỡi voi trắng, có vô lượng chư thiên Đâu-suất vây quanh cung kính cúng dường, hầu hạ vào thai mẹ; có người nói mẹ Bồ-tát được lực Tam-muội như huyễn nên làm cho bụng lớn rộng vô lượng, hết thảy ba ngàn đại thiên thế giới Bồ-tát, trời, rồng, quỷ, thần đều được vào ra trong thai. Do nhân duyên nghiệp phước đức của Bồ-tát chiêu cảm nên đã sẵn có cung điện đài quán, giường tọa trang nghiêm, treo màn rũ phan, rải hoa

đốt hương, vậy sau Bồ-tát hạ đến ở đó. Cũng do lực Tam-muội nên xuống vào thai mẹ mà ở trên trời Đâu-suất vẫn như cũ.

Sinh thành tựu là Bồ-tát khi sắp sinh, chư Thiên, rồng, quỷ, thần, trang nghiêm ba ngàn đại thiên thế giới, lúc ấy có tòa hoa sen bảy báu, tự nhiên hiện ra. Từ trong thai mẹ có vô lượng Bồ-tát ra trước, ngồi trên hoa sen chấp tay tán thán, chờ đợi Bồ-tát và các trời, rồng, quỷ, thần, tiên, thánh, ngọc nữ v.v... đều chấp tay một lòng mong thấy Bồ-tát sinh, vậy sau Bồ-tát mới từ hông bên phải của mẹ sinh ra, như trăng tròn từ trong mây xuất hiện, phóng hào quang lớn chiếu vô lượng thế giới. Lúc ấy có tiếng lớn, vang khắp mười phương thế giới, xưng rằng: Vị Bồ-tát ở nước ấy sinh thân cuối cùng. Hoặc có Bồ-tát hóa sinh trong hoa sen. Trong bốn cách sinh, Bồ-tát hoặc thai sinh hoặc hóa sinh; trong bốn chủng người, Bồ-tát sinh vào hai chủng tánh Sát-lợi hoặc Bà-la-môn, vì sinh vào hai chủng tánh này thì được mọi người yêu quý.

Nhà thành tựu là nhà Bà-la-môn có trí tuệ, nhà Sát-lợi có thể lực. Bà-la-môn lợi ích đời sau, Sát-lợi lợi ích đời này. Hai chủng tánh có ích ở đời nên Bồ-tát sinh ở trong đó.

* Lại nữa, nhà có các pháp công đức, nghĩa là không thói chuyên, sinh, ấy gọi là gia sinh thành tựu.

Dòng họ thành tựu là Bồ-tát ở trên trời Đâu-suất xem thế gian dòng họ nào quý, có thể thu nhiếp chúng sinh, tức sinh vào nơi dòng họ đó. Như trong bảy đức Phật, ba đức Phật đầu Tỳ-bà-thi, Thi-khí, Tỳ-xá-phù, sinh trong dòng họ Kiền-trần-như; ba đức Phật kế tiếp Câu-lưu-tôn, Câu-na-hàm Mâu-ni, Ca-diếp sinh trong dòng họ Ca-diếp. Còn đức Phật Thích-ca Mâu-ni sinh trong dòng họ Kiền-đàm.

* Lại nữa, Bồ-tát ban đầu tâm sâu xa bền chắc, ấy gọi là dòng họ của chư Phật. Có người nói: Được vô sinh pháp nhẫn, ấy là dòng họ của chư Phật; lúc ấy được khí phần Trí nhất thiết chủng của Phật, như hạng người tánh địa trong pháp Thanh-văn.

Quyển thuộc thành tựu là đều thuần người trí, người lành, đời đời nhóm công đức. Trong đây Phật tự nói thuần lấy Bồ-tát làm quyển thuộc, như trong Kinh Bất khả tư nghi nói Cù-tỳ-gia là đại Bồ-tát. Tất cả quyển thuộc đều là Bồ-tát ở địa vị bất thối chuyển. Dùng lực Tam-muội phương tiện biến hóa làm nam làm nữ, chung làm quyển thuộc. Như Cư-sĩ-bảo của Chuyển luân Thánh vương, là những Dạ-xoa, quỷ thần hiện làm thân người, cộng sự với người.

Xuất gia thành tựu là như Bồ-tát Thích-ca Văn đang đêm ở cung điện thấy các thể nữ, đều giống như chết; chư thiên quỷ thần mười phương, cầm đồ phan hoa cúng dường, phụng rước Bồ-tát đi ra. Lúc ấy, tuy Xa-nặc trước lãnh sắc lệnh vua Tịnh-phạn, nhưng lại theo ý Bồ-tát, tự dắt ngựa đến, sứ giả bốn thiên vương tiếp đỡ chân ngựa, vượt thành đi ra, vì để phá các phiền não, ma nhân nên chỉ cho mọi người thấy sự ưế tạp tại gia rằng: Hạng người đại công đức quý trọng như thế mà còn xuất gia, huống gì hạng người phạm tiểu. Có các nhân duyên như vậy gọi là xuất gia thành tựu.

Trang nghiêm cây Phật thành tựu là trang nghiêm cây Bồ-đề như trước nói. Trong đây Phật tự nói, cây Bồ-đề ấy lấy huỳnh kim làm gốc, bảy báu làm thân cây, thớ, cành, lá; ánh sáng của thân cây, thớ, cành, lá chiếu khắp mười phương vô lượng vô số thế giới Phật. Hoặc có đức Phật, lấy bảy báu của Bồ-tát trang nghiêm cây Phật, hoặc có vị không như vậy, vì có sao? Vì thần lực của chư Phật không thể nghĩ bàn; vì chúng sinh nên hiện các thứ trang nghiêm.

Hết thấy các thiện căn công đức đầy đủ là Bồ-tát ở trong địa thứ bảy phá các phiền não, lợi mình đầy đủ, vào ở địa thứ tám, địa thứ chín, lợi ích người khác, nghĩa là giáo hóa chúng sinh, thanh tịnh cõi Phật. Lợi mình lợi người sâu xa rộng lớn, nên hết thấy công đức đầy đủ; như A-la-hán, Bích-chi Phật nặng về tự lợi, nhẹ về lợi tha nên không gọi là đầy đủ. Chư thiên và tiểu Bồ-tát tuy có thể làm lợi ích

mà tự mình chưa trừ hết phiền não, nên cũng không đầy đủ. Ấy gọi là công đức đầy đủ (xong Địa thứ chín).

Nên biết Bồ-tát ấy như Phật là Bồ-tát ngồi dưới cội cây như vậy, là vào địa thứ mười, gọi là Pháp vân địa. Ví như đám mây lớn trút mưa liên tục không nghỉ, tâm tự nhiên sinh vô lượng vô biên các Phật pháp thanh tịnh, niệm niệm vô lượng. Bấy giờ Bồ-tát nghĩ rằng: Tâm bọn Ma vương cõi Dục chưa hàng phục, nên phóng hào quang giữa hai chân mày, khiến trăm ức cung điện ma tối tăm không hiện, ma liền sân não, tập hợp binh chúng của nó đi đến bức não Bồ-tát. Bồ-tát hàng phục ma xong, mười phương chư Phật mừng công huân ấy, đều phóng hào quang giữa hai chân mày, chiếu vào đỉnh Bồ-tát. Lúc ấy, công đức của địa thứ mười có được, biến làm Phật pháp, dứt hết thảy tập khí phiền não, được giải thoát vô ngại, đủ mười lực, bốn việc không sợ, bốn trí vô ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi v.v... vô lượng vô biên Phật pháp.

Lúc ấy đất chấn động sáu cách, trời mưa hoa hương, các Bồ-tát trời, người đều chấp tay tán thán.

Lúc ấy Phật phóng hào quang lớn chiếu khắp mười phương vô lượng thế giới, mười phương chư Phật, các Bồ-tát, trời, người lớn tiếng xưng rằng: Phương ấy, nước ấy, Bồ-tát ấy, ngồi ở đạo tràng thành tựu Phật sự, là hào quang ấy. Ấy gọi là Bồ-tát ở địa thứ mười như Phật.

* Lại nữa, trong đây Phật còn nói tướng trạng địa thứ mười, là Bồ-tát hành sáu Ba-la-mật do lực phương tiện nên trải qua Càn-tuệ địa cho đến Bồ-tát địa, trú ở Phật địa. Phật địa tức là địa thứ mười.

Bồ-tát tu mười địa như vậy, gọi là Phát thú Đại thừa.



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

GIẢI THÍCH: PHẨM XUẤT ĐÁO THỨ 21

(Kinh Đại Bát-nhã ghi: Phần hai, Phẩm Xuất Trú thứ 19)

KINH: Phật bảo Tu-bồ-đề: Ông hỏi Đại thừa như vậy từ chỗ nào xuất sinh và đến trú chỗ nào? **Phật dạy:** Đại thừa ấy từ trong ba cõi xuất sinh đi đến trú trong Trí nhất thiết chủng, vì không hai pháp vậy, vì có sao? Vì Đại thừa và Trí nhất thiết chủng là hai pháp cùng chung, chẳng hợp, chẳng tán, không sắc, không hình, không đối đãi, chỉ nhất tướng gọi là vô tướng. Nếu người muốn khiến thật tế xuất sinh, là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh; nếu người muốn khiến như như, pháp tánh, bất khả tư nghì tánh xuất sinh; là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh; nếu người muốn khiến “sắc không” xuất sinh là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh; nếu người muốn khiến “thọ, tướng, hành, thức không” xuất sinh; là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh, vì có sao? Tu-bồ-đề! Vì tướng “sắc không” không xuất sinh từ ba cõi, cũng không trú trong Trí nhất thiết chủng; “thọ, tướng, hành, thức không” không xuất sinh từ ba cõi, cũng không trú trong Trí nhất thiết chủng, vì sao? Vì sắc, sắc tướng không; thọ, tướng, hành, thức, thức tướng không.

Nếu người muốn khiến “nhãn không” xuất sinh, là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh; nếu người muốn khiến “nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý không” xuất sinh, là người ấy muốn

khiến pháp vô tướng xuất sinh; nếu người muốn khiến cho đến “thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh không” xuất sinh, là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh, vì có sao? Tu-bồ-đề! Vì “nhãn không” không xuất sinh từ ba cõi, cũng không trú trong Trí nhất thiết chủng, cho đến “thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh không” xuất sinh từ ba cõi, cũng không trú trong Trí nhất thiết chủng, vì có sao? Vì tướng “nhãn không” cho đến thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh, thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh tướng không.

Nếu người muốn khiến mộng xuất sinh, là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh; nếu người muốn khiến huyễn, sóng nắng, tiếng vang, bóng, biến hóa xuất sinh, là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh, vì có sao? Tu-bồ-đề! Vì tướng mộng không xuất sinh từ ba cõi, cũng không trú trong Trí nhất thiết chủng; tướng huyễn, sóng nắng, tiếng vang, bóng, biến hóa cũng không xuất sinh từ ba cõi, cũng không trú trong Trí nhất thiết chủng.

Tu-bồ-đề! Nếu người muốn khiến Thí ba-la-mật xuất sinh, là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh; nếu người muốn khiến Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật xuất sinh, là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh, vì sao? Vì tướng Thí ba-la-mật không xuất sinh từ ba cõi, cũng không trú trong Trí nhất thiết chủng; tướng Giới ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật không xuất sinh từ ba cõi, cũng không trú trong Trí nhất thiết chủng, vì có sao? Vì Thí ba-la-mật, Thí ba-la-mật tướng không; Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật tướng không.

Nếu người muốn khiến “nội không” xuất sinh; cho đến “vô pháp hữu pháp không” xuất sinh, là người ấy muốn khiến pháp

vô tướng xuất sinh, vì có sao? Tu-bồ-đề! Tướng nội không cho đến tướng vô pháp hữu pháp không, không xuất sinh từ ba cõi cũng không trú trong Trí nhất thiết chủng, vì có sao? Vì “nội không”, nội không tánh không cho đến vô pháp hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không tánh không.

Nếu người muốn khiến bốn niệm xứ xuất sinh, là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh, vì sao? Vì tánh bốn niệm xứ không xuất sinh từ ba cõi cũng không trú trong Trí nhất thiết chủng, vì có sao? Vì tánh bốn niệm xứ, tánh bốn niệm xứ không.

Nếu có người muốn khiến bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phần, tám Thánh đạo phần xuất sinh, là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh, vì có sao? Vì tánh tám Thánh đạo phần không xuất sinh từ ba cõi, cũng không trú trong Trí nhất thiết chủng, vì có sao? Vì tánh tám Thánh đạo phần, tánh tám Thánh đạo phần không; cho đến mười tám pháp không chung cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Nếu người muốn khiến A-la-hán có chỗ xuất sinh, là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh; nếu người muốn khiến Bích-chi Phật có chỗ xuất sinh, là người ấy muốn pháp vô tướng xuất sinh; nếu người muốn khiến Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri có chỗ xuất sinh, là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh, vì có sao? Tu-bồ-đề! Tánh A-la-hán, tánh Bích-chi Phật, tánh Phật không xuất sinh từ ba cõi, cũng không trú trong Trí nhất thiết chủng, vì có sao? Vì tánh A-la-hán, tánh A-la-hán không; tánh Bích-chi Phật, tánh Bích-chi Phật không, tánh Phật, tánh Phật không.

Nếu người muốn khiến quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, đạo Bích-chi Phật, Phật đạo, Trí nhất thiết chủng xuất sinh, là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh nói như trên (*Kinh Đại Bát-nhã ghi: Những*

người muốn khiến pháp vô tướng có sinh có trụ, thời là muốn khiến các bậc Dự-lưu có sinh vào đường ác, các bậc Nhất lai có sinh lại nhiều lần, các bậc Bất hoàn có sinh lại cõi Dục, các bậc đại Bồ-tát có sinh tâm tự lợi, các bậc A-la-hán, Độc giác, Như Lai có sinh lại đời sau. Nhưng không có việc ấy, vì sao? Vì các bậc Dự lưu v.v... sinh vào đường ác là không thể có được - ND).

Nếu người muốn khiến danh tự là tướng giả danh bày đặt, chỉ có ngôn ngữ xuất sinh, là người muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh, vì sao? Vì danh tự không, không xuất sinh từ ba cõi, cũng không trú trong Trí nhất thiết chủng, vì có sao? Vì tướng danh tự, tướng danh tự không, cho đến bày đặt cũng như vậy.

Nếu người muốn khiến pháp bất sinh bất diệt, bất cấu bất tịnh, vô tác xuất sinh, là người muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh, vì sao? Vì tánh pháp bất sinh cho đến vô tác không xuất sinh từ ba cõi, cũng không trú trong Trí nhất thiết chủng, vì có sao? Vì tánh bất sinh cho đến vô tác, tánh vô tác không.

Tu-bồ-đề! Do các nhân duyên ấy, Đại thừa từ trong ba cõi xuất sinh, trú không lay động trong Trí nhất thiết chủng.

LUẬN. *Hỏi:* Phật đã biết điều Tu-bồ-đề hỏi, sao nay còn nêu trở lại mà đáp?

Đáp: Đại Bát-nhã ba-la-mật có mười vạn bài kệ, ba trăm hai mươi lời, cùng bốn bộ A-hàm v.v... chẳng phải trong một lần ngồi mà nói hết. Lại điều Tu-bồ-đề hỏi trên kia, đã đáp hai việc, vì qua ngày khác nên nêu câu hỏi thứ ba mà đáp.

* Lại nữa, có người nói trong pháp Thanh-văn không có việc không thể nghĩ bàn, chẳng được trong một ngày một lần ngồi nói hết. Phật giải thoát vô ngại, Bồ-tát cũng có tam-muội không thể nghĩ bàn, có thể làm cho thời gian nhiều thành thời gian ít, thời gian ít thành

thời gian nhiều, cũng có thể lấy sắc lớn làm sắc nhỏ, sắc nhỏ làm sắc lớn. Lại như trong 60 tiểu kiếp nói kinh Pháp Hoa, có người cho đó là từ sáng đến bữa ăn.

Hỏi: Sắc hữu hình có thể thấy, thời gian vô hình chỉ có tên, làm sao lấy gần làm xa, lấy xa làm gần được?

Đáp: Vì vậy nên nói lực thần thông không thể nghĩ bàn, như người trong mộng, mộng thấy mọi việc, tự cho là thức tỉnh thấy; trong mộng lại mộng, triển chuyển như vậy, vẫn là một đêm. Vì vậy nên nêu trở lại câu hỏi mà đáp: Đại thừa ấy xuất sinh từ chỗ nào, chỗ nào đến trú? Phật đáp: Đại thừa ấy từ trong ba cõi xuất sinh, đến trú trong Trí nhất thiết chủng.

Hỏi: Đại thừa ấy là Phật pháp hay Bồ-tát pháp? Nếu là Phật pháp có sao từ ba cõi xuất sinh; nếu Bồ-tát pháp có sao trú trong Trí nhất thiết chủng?

Đáp: Đại thừa ấy là Bồ-tát pháp, cho đến Kim cang Tam-muội các công đức thanh tịnh thời biến làm Phật pháp. Đại thừa ấy có sức lớn, có khả năng đi đến Phật, không còn chỗ hơn để đi đến nữa, nên nói là trú. Thí như lúc kiếp tận lửa đốt ba ngàn thế giới, thế lực rất lớn, không còn gì để đốt, nên liền tự tắt. Đại thừa cũng như vậy, dứt hết thầy phiền não, chứa nhóm các công đức, cùng tận ngàn mé, không còn gì để đoạn, không còn gì để biết, không còn gì để chứa nhóm, liền tự quy về tịch diệt.

Pháp không hai là vì để dứt chấp trước của các Bồ-tát nên nói. Trong đây Phật tự nói Đại thừa và Trí nhất thiết chủng là hai pháp, vì chẳng một nên không hợp, vì chẳng khác nên không tán, chỗ sáu thức biết đều hư vọng nên không sắc, không hình, không đối, là nhất tướng.

Hỏi: Trước nói chẳng một nên không hợp, nay có sao nói một tướng?

Đáp: Trong đây nói một tướng đó tức là vô tướng. Không có tướng thời không có từ phát xuất, đi đến Phật đạo, mà vì dẫn dắt hàng phàm phu nên nói một tướng.

Thật tế là thật tướng sau cùng của các pháp, không ra không vào. Nếu có người cuồng muốn khiến thật tế có sinh ra và đi đến Phật đạo, là người ấy muốn khiến pháp vô tướng sinh ra. Như như, pháp tánh, pháp tướng, nói như trước.

Tánh không thể nghĩ bàn là, có người nói tức là như như, pháp tánh, thật tế, vô lượng vô biên. Tâm tâm số pháp diệt nên nói là không thể nghĩ bàn. Lại có người nói: Quá thật tế, Niết-bàn, lại còn cầu tìm các pháp thật, hoặc có hoặc không, ấy gọi là không thể nghĩ bàn.

* Lại nữa, hết thấy các Phật pháp không thể suy nghĩ trừ lượng, nên gọi là không thể nghĩ bàn.

Lại có người nói: Hết thấy các pháp phân biệt suy nghĩ đều đồng tướng Niết-bàn, ấy là không thể nghĩ bàn. Nếu người muốn khiến từ trong không xuất sinh, là người ấy muốn khiến trong pháp vô tướng xuất sinh. Trong đây Phật tự nói, tướng năm uẩn không, không thể xuất sinh từ ba cõi, không thể đi đến Trí nhất thiết chủng. Vì trong năm uẩn, tướng năm uẩn không. Mười hai nhập cho đến ý và xúc làm nhân duyên sinh thọ không cũng như vậy. Các thí dụ mộng không v.v... cũng như vậy, vì tự tướng không có nên không xuất sinh, không có đi đến.

Nếu người muốn khiến sáu Ba-la-mật xuất sinh, là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh, vì có sao? Vì sáu Ba-la-mật do nhân duyên hòa hợp nên không có tự tánh. Tự tánh không có nên không. Vì hàng Bồ-tát chấp trước sáu Ba-la-mật bị đọa vào tà kiến, nên vì họ mà nói không, mười tám không cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Hỏi: Sáu Ba-la-mật có đạo, có tục, có thể chấp trước nên có thể nói không, còn sáu Ba-la-mật xuất thế gian, ba mươi bảy phẩm cho đến mười tám pháp không chung, không chấp trước có sao nói không?

Đáp: Các Bồ-tát chưa dứt hết lậu hoặc, do lực phước đức và trí tuệ nên thực hành pháp ấy, hoặc còn thủ tướng mà ái trước, còn pháp phàm phu hư vọng điên đảo, pháp ấy từ pháp phàm phu sinh, làm sao thật? Vì vậy nên Phật nói pháp ấy cũng không, để ví dụ pháp vô tướng. Đại thừa đây tức là vô tướng, vô tướng làm sao có ra có đến.

Các pháp đều không, chỉ có tướng tên gọi, giả danh ngữ ngôn, nay tên gọi cũng không, để ví dụ trong vô tướng đệ nhất nghĩa không, không thể có được, còn trong pháp thế tục thì có tướng. Tướng và nghĩa của tên gọi v.v... giả danh như trước nói. Dùng pháp như vậy, từ ba cõi xuất sinh, đến trú trong Trí nhất thiết chủng, chẳng phải là thật pháp, cũng không lay động.

KINH: Tu-bồ-đề! Ông vừa hỏi Đại thừa ấy trú chỗ nào? Tu-bồ-đề! Đại thừa ấy không chỗ trú, vì sao? Vì hết thấy pháp không có tướng trú. Đại thừa nếu trú, không trú pháp trú. Tu-bồ-đề! Thí như pháp tánh chẳng sinh chẳng diệt, chẳng như chẳng sạch, không khởi không làm, chẳng phải trú chẳng phải chẳng trú. Tu-bồ-đề! Đại thừa ấy cũng như vậy, chẳng phải trú chẳng phải chẳng trú, vì có sao? Vì tướng pháp tánh chẳng phải trú chẳng phải chẳng trú, vì có sao? Vì tướng pháp tánh, tánh không, cho đến tánh vô tác, tánh vô tác tánh không. Các pháp khác cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Do các nhân duyên ấy, Đại thừa không có chỗ trú, vì pháp chẳng trú, pháp chẳng động vậy.

LUẬN. Hỏi: Trước nói Đại thừa ấy đến trú Trí nhất thiết chủng, không còn pháp hơn có thể đi đến, sao nay lại nói Đại thừa ấy không có chỗ trú?

Đáp: Trước nói là do pháp Không bất nhị nên nói trú, như huyễn, như mộng, tuy có ngồi nằm đi ở, mà chẳng phải thật là ở. Bồ-tát cũng như vậy, tuy nói đến trú trong Trí nhất thiết chủng cũng không có trú nhất định. Trong đây Phật tự nói hết thấy pháp từ xưa nay không có tướng trú, làm sao riêng Đại thừa có trú. Nếu có trú là trú ở pháp rốt ráo không. Thí như: như như, pháp tánh, pháp tướng, thật tế, chẳng phải trú, chẳng phải chẳng trú, chẳng sinh chẳng diệt, chẳng nhơ chẳng sạch, chẳng khởi chẳng làm.

Chẳng trú là chẳng trú nơi tự tướng; chẳng phải chẳng trú là chẳng trú nơi dị tướng. Chẳng trú là nói không để phá có; chẳng phải chẳng trú là nói theo lẽ thế tục phương tiện có trú. Chẳng trú là nói vô thường để phá tướng thường; chẳng phải chẳng trú là phá tướng đoạn diệt.

Trong đây Phật tự nói pháp tánh, pháp tánh tướng không, vì sao? Vì tự tướng không cho đến không khởi không làm các pháp khác cũng như vậy.

KINH: Tu-bồ-đề! Ông hỏi ai sẽ cưới Đại thừa ấy đi ra? Không có người cưới Đại thừa ấy đi ra, vì sao? Vì Đại thừa và người đi ra, pháp sở dụng và lúc đi ra, hết thấy pháp ấy đều không có. Nếu hết thấy pháp không có thời dùng pháp gì đi ra, vì sao? Vì ta không thể có được, cho đến kẻ biết, kẻ thấy không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh. Tánh không thể nghĩ bàn không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh. Năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh. Thí ba-la-mật không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh, cho đến Bát-nhã ba-la-mật không thể có được vì rốt ráo thanh tịnh.

Nội không không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh, cho đến vô pháp hữu pháp không, không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Bốn niệm xứ không thể có được, cho đến mười tám pháp không chung không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Tu-đà-hoàn không thể có được, cho đến A-la-hán, Bích-chi Phật, Bồ-tát, Phật không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Tu-đà-hoàn quả cho đến A-la-hán quả, Bích-chi Phật đạo, Phật đạo, Trí nhất thiết chủng không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Chẳng sinh chẳng diệt, chẳng như chẳng sạch, không khởi không tác không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Đời quá khứ, đời vị lai, đời hiện tại, sinh, trụ, diệt không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Tăng giảm không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Pháp gì không thể có được nên không thể có được? Pháp tánh không thể có được, nên không thể có được; như như, thật tế, vì tánh không thể nghĩ bàn; pháp tánh, pháp tướng, pháp vị, Thí ba-la-mật không thể có được nên không thể có được; cho đến Bát-nhã ba-la-mật không thể có được nên không thể có được.

Nội không không thể có được nên không thể có được, cho đến vô pháp hữu pháp không, không thể có được, nên không thể có được.

Bốn niệm xứ không thể có được, nên không thể có được, cho đến mười tám pháp không chung không thể có được nên không thể có được.

Tu-đà-hoàn không thể có được nên không thể có được, cho đến Phật không thể có được nên không thể có được.

Tu-đà-hoàn quả không thể có được nên không thể có được, cho đến Phật đạo không thể có được nên không thể có được.

Chẳng sinh chẳng diệt, cho đến chẳng khởi chẳng làm không thể có được nên không thể có được.

*** Lại nữa, Tu-bồ-đề! Sơ địa không thể có được, nên không thể có được, cho đến địa thứ mười không thể có được, nên không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh. Thế nào là Sơ địa cho đến địa thứ**

mười? Đó là Càn-tuệ địa, Tánh địa, Bát nhân địa, Kiến địa, Bạt địa, Ly dục địa, Dĩ tác địa, Bích-chi Phật địa, Bồ-tát địa, Phật địa.

Trong nội không, Sơ địa không thể có được, cho đến trong vô pháp hữu pháp không, Sơ địa không thể có được.

Trong nội không cho đến trong vô pháp hữu pháp không, địa thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu, thứ bảy, thứ tám, thứ chín, thứ mười không thể có được, vì sao? Tu-bồ-đề! Sơ địa chẳng phải được chẳng phải chẳng được, cho đến địa thứ mười chẳng phải được chẳng phải chẳng được, vì rất ráo thanh tịnh.

Trong nội không cho đến trong vô pháp hữu pháp không, thành tựu chúng sinh không thể có được, vì rất ráo thanh tịnh.

Trong nội không cho đến trong vô pháp hữu pháp không, tịnh Phật độ không thể có được, vì rất ráo thanh tịnh.

Trong nội không cho đến trong vô pháp hữu pháp không, năm mắt không thể có được, vì rất ráo thanh tịnh.

Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát Ma-ha-tát do hết thấy các pháp không thể có được nên cưỡi Đại thừa đi ra đến trú Trí nhất thiết chủng.

LUẬN. Luận giả nói: Thực hành Đại thừa ấy đến bên Phật đạo xuất sinh. Lại do thành tựu nên gọi là xuất sinh. Lấy Đại thừa ấy thành tựu Trí nhất thiết chủng, ấy gọi là xuất sinh. Trong đây Phật tự nói nhân duyên của Không.

Thừa là sở dụng của sáu Ba-la-mật.

Pháp là các pháp từ bi phương tiện v.v... không nhiếp vào sáu Ba-la-mật.

Người xuất là Bồ-tát. Ba pháp ấy đều không.

Trong đây Phật lại nói nhân duyên: Ngã không thể có được cho đến kẻ biết kẻ thấy không thể có được, vì rất ráo không.

Năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, Thí ba-la-mật cho đến mười tám pháp không chung; Tu-đà-hoàn cho đến Trí nhất thiết chủng chẳng sinh chẳng diệt, chẳng như chẳng sạch cho đến ba đời, ba tướng, tăng giảm v.v... ấy gọi là pháp không.

Ngã cho đến kẻ biết kẻ thấy; Tu-đà-hoàn cho đến Phật ấy gọi là chúng sinh không.

Hỏi: Có hai thứ không thể có được: Một là có pháp, vì trí tuệ ít nên không thể biết được. Hai là có trí tuệ lớn suy tìm không thể có được, đây chỉ thứ không thể có được nào?

Đáp: Vì pháp không có nên không thể có được (*tức thứ không có được thứ hai - ND*).

Hỏi: Hết thấy pháp gốc ngọn không thể có được, thì có lợi ích gì với người?

Đáp: Trong đây Phật tự nói rõ ràng thanh tịnh. Rất ráo là nếu hành giả nương không mà phá có, đối với có được thanh tịnh, đối với không chưa thanh tịnh, vì có nương dựa. Trong đây Phật tự nói: Nhân duyên không thể có được, chúng sinh không thể có được, hết thấy pháp không thể có được, thí như: như như, pháp tánh, thật tế v.v... cho đến chẳng khởi, chẳng làm không thể có được.

* Lại nữa, vì mười tám không nên pháp tánh không thể có được, cho đến chẳng khởi chẳng làm. Trong mười tám không, không có Sơ địa cho đến địa thứ mười, không có thành tựu chúng sinh, không có tịnh Phật quốc độ, không có năm mắt, vì mười tám không nên không, vì rất ráo thanh tịnh nên không thể có được. Bồ-tát dùng pháp không thể có được làm phương tiện mà cười Đại thừa đi ra đến trú trong Trí nhất thiết chủng.

(HẾT CUỐN 50 THEO BẢN HÁN)

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

GIẢI THÍCH: **PHẨM THẮNG XUẤT THỨ 22**

(Kinh Đại Bát-nhã ghi: Phần 2, Phẩm Siêu Xuất thứ 20)

KINH: Tuệ-mạng Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Đại thừa là vượt trên hết thấy thế gian trời, người, A-tu-la.

Bạch đức Thế Tôn! Đại thừa ấy cùng với hư không bình đẳng, như hư không thụ nạp vô lượng vô biên vô số chúng sinh. Đại thừa cũng như vậy, thụ nạp vô lượng vô biên vô số chúng sinh.

Bạch đức Thế Tôn! Đại thừa ấy không thấy có chỗ đến, không thấy có chỗ đi, không thấy có chỗ ở. Đại thừa ấy đời trước không thể có được, đời sau không thể có được, đời giữa không thể có được, ba đời đồng là Đại thừa.

Bạch đức Thế Tôn! Vì vậy, thừa ấy gọi là Đại thừa.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Như vậy, như vậy! Bồ-tát ma-ha-tát Đại thừa ấy là sáu Ba-la-mật: Thí ba-la-mật, Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật; ấy gọi là Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát.

*** Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát Đại thừa là hết thấy môn Đà-la-ni, hết thấy môn Tam-muội, đó là Tam-muội Thủ Lăng Nghiêm cho đến Tam-muội hư không, xa lìa vương mắc không nhiễm; ấy gọi là Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát.**

*** Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát là nội không cho đến vô pháp hữu pháp không; ấy gọi là Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát.**

*** Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát là bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung; ấy gọi là Đại thừa của Bồ-tát Ma-ha-tát.**

Như lời Tu-bồ-đề nói: Đại thừa ấy vượt trên hết thấy thế gian trời, người, A-tu-la.

Tu-bồ-đề! Nếu cõi Dục sẽ thật có tướng không hư vọng, không lẽ khác, không điên đảo, thường có, không biến hoại, chẳng phải không có pháp, thời Đại thừa ấy không thể vượt trên hết thấy thế gian trời, người, A-tu-la. Tu-bồ-đề! Vì cõi Dục hư vọng, do ức tướng phân biệt, hòa hợp mà có tên gọi, hết thấy đều tướng vô thường, không có pháp, vì vậy nên Đại thừa vượt trên hết thấy thế gian, trời, người, A-tu-la.

Tu-bồ-đề! Cõi Sắc, cõi Vô sắc nếu sẽ thật có tướng không hư vọng, không lẽ khác, không điên đảo, có thường, không biến hoại, chẳng phải không có pháp, thời Đại thừa ấy không thể vượt trên hết thấy thế gian, trời, người, A-tu-la. Tu-bồ-đề! Song vì cõi Sắc, cõi Vô sắc hư vọng, do ức tướng phân biệt, hòa hợp mà có tên gọi, hết thấy đều là tướng vô thường phá hoại, không có pháp, vì vậy nên Đại thừa vượt trên hết thấy thế gian, trời, người, A-tu-la.

Tu-bồ-đề! Nếu sắc sẽ thật có tướng không hư vọng, không lẽ khác, không điên đảo, có thường, không biến hoại, chẳng phải không có pháp, thời Đại thừa ấy không thể vượt trên hết thấy thế gian, trời, người, A-tu-la. Tu-bồ-đề! Song vì sắc hư vọng, do ức tướng phân biệt, hòa hợp mà có tên gọi, hết thấy đều tướng vô thường, phá hoại, không có pháp, vì vậy nên Đại thừa ấy vượt

trên hết thấy thế gian, trời, người, A-tu-la; thọ, tướng, hành, thức cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Nếu mắt cho đến ý, sắc cho đến pháp, nhãn thức cho đến ý thức, nhãn xúc cho đến ý xúc, thọ do nhãn và xúc làm nhân duyên sinh cho đến thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh, nếu sẽ thật có tướng không hư vọng, không lẽ khác, không điên đảo, có thường, không biến hoại, chẳng phải không có pháp, thời Đại thừa ấy, không thể vượt trên hết thấy thế gian, trời, người, A-tu-la. Tu-bồ-đề! Song vì mắt cho đến thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh vì hư vọng, ức tướng phân biệt hòa hợp mà có tên gọi, hết thấy đều tướng vô thường phá hoại, không có pháp, vì vậy nên Đại thừa ấy vượt trên hết thấy thế gian, trời, người, A-tu-la.

Tu-bồ-đề! Nếu pháp tánh là có pháp, chẳng phải không có pháp, thời Đại thừa ấy không thể vượt trên hết thấy thế gian, trời, người, A-tu-la. Tu-bồ-đề! Song vì pháp tánh không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên Đại thừa ấy vượt lên trên hết thấy thế gian, trời, người, A-tu-la.

Tu-bồ-đề! Nếu như như, thật tế, tánh bất khả tư nghì là có pháp, chẳng phải không có pháp thời Đại thừa ấy không thể vượt trên hết thấy thế gian, trời, người, A-tu-la. Tu-bồ-đề! Song vì như như, thật tế, tánh bất khả tư nghì là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên Đại thừa vượt trên hết thấy thế gian, trời, người, A-tu-la.

Tu-bồ-đề! Nếu Thí ba-la-mật là có pháp, chẳng phải không có pháp, thời Đại thừa ấy không thể vượt trên hết thấy thế gian, trời, người, A-tu-la. Song vì Thí ba-la-mật không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên Đại thừa vượt trên hết thấy thế gian, trời, người, A-tu-la.

Nếu Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật là có pháp, chẳng phải không có pháp, thời Đại thừa ấy không thể vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A-tu-la. Song vì Giới ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật, là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên Đại thừa ấy vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A-tu-la.

Tu-bồ-đề! Nếu nội không cho đến vô pháp hữu pháp không là có pháp, chẳng phải không có pháp, thời Đại thừa ấy không thể vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A-tu-la. Song vì nội không cho đến vô pháp hữu pháp không là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên Đại thừa vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A-tu-la.

Tu-bồ-đề! Nếu bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung là có pháp, chẳng phải không có pháp thời Đại thừa ấy không thể vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A-tu-la. Song vì bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên Đại thừa vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A-tu-la.

Tu-bồ-đề! Nếu pháp Tánh nhân là có pháp, chẳng phải không có pháp thời Đại thừa ấy không thể vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A-tu-la. Song vì pháp Tánh nhân là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên Đại thừa vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A-tu-la.

Tu-bồ-đề! Nếu pháp Bát nhân, pháp Tu-đà-hoàn, pháp Tu-đà-hàm, pháp A-na-hàm, pháp A-la-hán, pháp Bích-chi Phật, pháp Phật là có pháp, chẳng phải không có pháp, thời Đại thừa ấy không thể vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A-tu-la. Song vì pháp Bát nhân cho đến pháp Phật là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên Đại thừa vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A-tu-la.

Tu-bồ-đề! Nếu Tánh nhân là có pháp, chẳng phải không có pháp, thời Đại thừa ấy không thể vượt trên hết thấy thế gian, trời, người, A-tu-la. Song vì Tánh nhân là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên Đại thừa vượt trên hết thấy thế gian, trời, người, A-tu-la.

Tu-bồ-đề! Nếu Bát nhân, Tu-đà-hoàn cho đến Phật, là có pháp, chẳng phải không có pháp, thời Đại thừa ấy không thể vượt trên hết thấy thế gian, trời, người, A-tu-la. Song vì Bát nhân cho đến Phật, là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên Đại thừa vượt trên hết thấy thế gian, trời, người, A-tu-la.

Tu-bồ-đề! Nếu hết thấy thế gian, trời, người, A-tu-la là có pháp, chẳng phải không có pháp, thời Đại thừa ấy không thể vượt trên hết thấy thế gian, trời, người, A-tu-la. Song vì hết thấy thế gian, trời, người, A-tu-la, là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên Đại thừa vượt trên hết thấy thế gian, trời, người, A-tu-la.

Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát từ sơ phát tâm cho đến khi ngồi đạo tràng, các tâm ở giữa khoảng trung gian đó, nếu sẽ là có pháp, chẳng phải không có pháp, thời Đại thừa ấy không thể vượt trên hết thấy thế gian, trời, người, A-tu-la. Song vì Bồ-tát từ sơ phát tâm cho đến khi ngồi đạo tràng, các tâm ở khoảng trung gian ấy là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên Đại thừa vượt trên hết thấy thế gian, trời, người, A-tu-la.

Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát như Kim cang tuệ là có pháp, chẳng phải không có pháp, thời Bồ-tát ma-ha-tát ấy không thể biết hết thấy kiết sử và tập khí là không có pháp, chẳng phải pháp, được trí nhất thiết chủng. Tu-bồ-đề! Song vì Bồ-tát ma-ha-tát như Kim cang tuệ là không có pháp, chẳng phải pháp. Thế nên Bồ-tát biết hết thấy kiết sử và tập khí là không có pháp,

chẳng phải pháp, được trí nhất thiết chủng, vì vậy nên Đại thừa vượt trên hết thấy thế gian, trời, người, A-tu-la.

Tu-bồ-đề! Nếu ba mươi hai tướng của chư Phật là có pháp, chẳng phải không có pháp, thời oai đức chư Phật không thể chiếu sáng, vượt trên hết thấy thế gian, trời, người, A-tu-la. Tu-bồ-đề! Song vì ba mươi hai tướng của chư Phật là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên oai đức chư Phật chiếu sáng, vượt trên hết thấy thế gian, trời, người, A-tu-la.

Tu-bồ-đề! Nếu ánh sáng chư Phật là có pháp, chẳng phải không có pháp, thời ánh sáng chư Phật không thể chiếu khắp hằng hà sa thế giới. Tu-bồ-đề! Song vì ánh sáng chư Phật là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên chư Phật lấy ánh sáng chiếu khắp hằng hà sa thế giới.

Tu-bồ-đề! Nếu sáu mươi thứ âm thanh trang nghiêm của chư Phật là có pháp, chẳng phải không có pháp, thời chư Phật không thể lấy sáu mươi thứ âm thanh trang nghiêm khắp đến mười phương vô lượng vô số thế giới. Tu-bồ-đề! Song vì sáu mươi thứ âm thanh trang nghiêm của chư Phật là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên chư Phật có thể lấy sáu mươi thứ âm thanh trang nghiêm khắp đến mười phương vô lượng vô số thế giới.

Tu-bồ-đề! Nếu Pháp luân của chư Phật là có pháp, chẳng phải không có pháp, thời chư Phật không thể chuyển Pháp luân, các Sa-môn, Bà-la-môn hoặc trời, hoặc ma, hoặc phạm và các chúng khác của thế gian không thể đúng như pháp chuyển được. Tu-bồ-đề! Song vì Pháp luân của chư Phật là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên chư Phật chuyển Pháp luân, các Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc phạm và các chúng khác của thế gian không thể đúng như pháp chuyển được.

Tu-bồ-đề! Chư Phật vì chúng sinh chuyển Pháp luân, chúng sinh ấy nếu thật có pháp, chẳng phải không có pháp, thời không thể khiến chúng sinh ấy nơi Vô dư Niết-bàn mà nhập Niết-bàn. Tu-bồ-đề! Song vì chư Phật vì chúng sinh Chuyển pháp luân, chúng sinh ấy là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên có thể khiến chúng sinh nơi Vô dư Niết-bàn, đã diệt, nay diệt, sẽ diệt (sẽ diệt độ, Niết-bàn - ND).

LUẬN. Luận giả nói: Tu-bồ-đề trên kia lấy năm việc hỏi Đại thừa, Phật đã đáp rồi. Tu-bồ-đề hoan hỷ tán thán rằng: Bạch Thế Tôn! Đại thừa ấy có oai lực lớn, phá hoại người, trời, thế gian đã có thể vượt hơn trong đó; thí như ba người đi qua đường dữ, một người giữa đêm trốn thoát riêng một mình, một người dùng tiền lo mà khỏi, một người như đại vương với đại quân, tướng, binh chúng, phá dẹp giặc thù, cất quân cứu tế toàn thể, không sợ hoạn nạn. Ba thừa cũng như vậy, như A-la-hán không thể biết hết thấy tướng chung tướng riêng, cũng không thể phá ma vương, lại không thể hàng phục ngoại đạo; chỉ chán già, bệnh, chết, thẳng đến Niết-bàn. Như Bích-chi Phật thâm nhập các pháp thật tướng hơn Thanh-văn, có một ít từ tâm, dùng lực thần thông hóa độ chúng sinh, phá được phiền não mà không phá được ma và ngoại đạo. Như Bồ-tát từ lúc mới phát tâm đã khởi tâm đại từ bi đối với hết thấy chúng sinh, tuy chưa thành Phật, mà ở khoảng trung gian ấy làm lợi ích vô lượng chúng sinh, quyết định biết thật tướng các pháp, đầy đủ sáu Ba-la-mật nên phá các ma vương và ngoại đạo, dứt phiền não tập khí, đầy đủ trí nhất thiết chủng, tướng chung tướng riêng đều biết đều rõ, thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ba hạng người tuy đều ra khỏi sinh tử, nhưng đường tu phương tiện khác nhau. Thế nên Tu-bồ-đề tán thán Đại thừa, dẹp phá hết thấy thế gian, vượt trên trời người, A-tu-la; ví như hư không hàm thụ hết thấy quốc độ mà hư không vẫn như cũ không chật. Đại thừa cũng như vậy, hàm thụ ba đời chư Phật và các đệ tử mà Đại thừa cũng không đầy. Lại, như hư không vì tướng

thường nên không có tướng vào, không có tướng ra, không có tướng trụ lại. Đại thừa ấy cũng như vậy, không có chỗ vào ở vị lai, không có chỗ ra ở quá khứ, không có chỗ trụ lại ở hiện tại, phá ba thời nên ba đời bình đẳng, gọi là Đại thừa.

Hỏi: Phật nên khen Tu-bồ-đề về lời tán thán lành thay, có sao lại nói Đại thừa?

Đáp: Phật muốn thuận theo lời tán thán của Tu-bồ-đề nên khen. Vì trên nói Đại thừa sâu xa, nay lược nói tướng Đại thừa, vậy sau nói rộng. Đại thừa được Tu-bồ-đề tán thán là sáu Ba-la-mật, các môn Đà-la-ni, môn Tam-muội, mười tám không, bốn niệm xứ, cho đến mười tám pháp không chung. Đại thừa như Tu-bồ-đề nói phá hoại hết thủy thế gian, vượt lên trên trời, người, A-tu-la, việc ấy thật như vậy, vì có sao? Vì ba cõi hư dối, như huyễn như mộng, vô minh hư vọng, do nhân duyên mà có, nhân quả không có thật nhất định, hết thủy vô thường, phá hoại tiêu diệt, đều là tướng không. Vì Đại thừa trái với ba cõi, nên có thể tột diệt mà vượt lên trên, nếu ba cõi có thật nhất định, thường không hư vọng, thời Đại thừa không thể tột diệt mà vượt lên trên, vì có sao? Vì thế lực ngang nhau. Năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, các thọ do sáu xúc sinh cũng như vậy.

Nếu pháp tánh là có pháp, chẳng phải không có pháp, thời Đại thừa không thể phá thế gian để được vượt lên trên, vì pháp tánh chẳng phải có, nên Đại thừa có thể vượt lên trên thế gian được.

Hỏi: Pháp hữu vi do nhân duyên hòa hợp hư vọng nên nói không có, còn như như, pháp tánh, thật tế, tánh bất khả tư nghì, là pháp vô vi thật, gọi là thật tế, vì sao nói không có?

Đáp: Vì vô vi không nên nói không có.

* Lại nữa, Phật nói lìa pháp hữu vi, pháp vô vi không thể có được; thật tướng pháp hữu vi tức là pháp vô vi.

* Lại nữa, quán sát pháp hữu vi ấy hư dối còn như như, pháp tánh, thật tế là thật. Vì người ta đối với pháp tánh chấp lấy tướng khởi lên tranh cãi cho nên nói không có pháp tánh; hoặc nói có, hoặc nói không, đều có nhân duyên nên không lỗi. Như như, thật tế, tánh bất khả tư nghì cũng như vậy.

Thí ba-la-mật thế gian vì chấp trước nên có, Thí ba-la-mật xuất thế gian vì không chấp trước nên không. Vì phá xan tham nên nói có Thí ba-la-mật, vì phá tà kiến nên nói Thí ba-la-mật không có; vì độ người sơ học nên nói có, nếu ở trong tâm Thánh nhân thời nói không. Như Thí ba-la-mật cho đến nếu chúng sinh thật có, chẳng phải là không có pháp, thời không nên cưỡng ép làm cho tiêu diệt, vào Vô dư Niết-bàn.

Hỏi: Từ khi có được ba mươi hai tướng về sau, sao không nói Đại thừa vượt lên trên?

Đáp: Cần nên nói, vì sợ văn dài nên không nói.

* Lại nữa, từ khi được ba mươi hai tướng cho đến khi vì chúng sinh chuyển Pháp luân, cũng là Đại thừa, chỉ tên gọi khác nhau mà thôi.

* Lại nữa, trên đây tổng quát nói tướng Đại thừa vượt lên trên, chẳng biết thế nào là vượt lên trên. Nay phân biệt nói rằng Phật có ba mươi hai tướng trang nghiêm thân, nên vượt trên hết thảy chúng sinh, Phật có ánh sáng hơn hết thảy ánh sáng mặt trời mặt trăng, chư Thiên; âm thanh của Phật hơn hết thảy âm thanh, hơn âm thanh hay của thế gian, hơn phạm âm của chư Thiên. Pháp luân của Phật hơn Bảo luân của Chuyển luân Thánh vương và hết thảy pháp luân của ngoại đạo, không chướng không ngại. Các Pháp luân khác lợi ích nhỏ nhoi, nông cạn, hoặc một đời, hai đời, cùng tốt ngàn vạn đời, còn Pháp luân của Phật có thể khiến vĩnh viễn vào Vô dư Niết-bàn, không còn trở lại sinh tử.

* Lại nữa, nếu chúng sinh thật có, Phật không nên khiến chúng sinh vào Niết-bàn, nhỏ sạch gốc nó, đây quá hơn giết một mạng, có lỗi lớn như vậy. Vì chúng sinh tâm điên đảo thấy có ngã, nên Phật phá tâm điên đảo ấy nói có Niết-bàn, không có chúng sinh thật có thể diệt, cho nên không lỗi. Có các công đức như vậy nên Đại thừa vượt trên hết thấy thế gian.

Hỏi: Hết thấy thế gian là mười phương sáu nẻo chúng sinh, có sao chỉ nói vượt trên trời, người, A-tu-la?

Đáp: Trong sáu đạo, ba là thiện đạo, ba là ác đạo. Đại thừa còn phá được ba thiện đạo mà vượt lên trên, huống gì là ác đạo!

Hỏi: Trong kinh Long vương nói rằng được đạo Bồ-tát, sao nói đó là ác đạo?

Đáp: Chúng sinh có vô lượng vô biên, rộng được đạo rất ít. Lại nữa, có người nói đại Bồ-tát biến hóa thân để giáo hóa nên làm thân rồng chúa.

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

GIẢI THÍCH: PHẨM HÀM THỤ THỨ 23

(Kinh Đại Bát-nhã ghi: Phần 2, Phẩm Vô Sở Hữu thứ 21)

KINH: Phật bảo Tu-bồ-đề: Ông nói Đại thừa cùng với hư không bình đẳng? Như vậy, như vậy! Tu-bồ-đề! Đại thừa cùng với hư không bình đẳng. Tu-bồ-đề! Như hư không, không có phương đông, không có phương nam, phương tây, phương bắc, bốn góc, trên dưới. Tu-bồ-đề! Đại thừa cũng như vậy, không có phương đông, không có phương nam, phương tây, phương bắc, bốn góc, trên dưới.

Tu-bồ-đề! Như hư không chẳng phải dài chẳng phải ngắn, chẳng phải vuông chẳng phải tròn. Tu-bồ-đề! Đại thừa cũng như vậy, chẳng phải dài chẳng phải ngắn, chẳng phải vuông chẳng phải tròn.

Tu-bồ-đề! Như hư không, chẳng phải xanh, chẳng phải vàng, chẳng phải đỏ, chẳng phải trắng, chẳng phải đen. Đại thừa cũng như vậy, chẳng phải xanh, chẳng phải vàng, chẳng phải đỏ, chẳng phải trắng, chẳng phải đen. Vì vậy nên nói Đại thừa cùng với hư không bình đẳng.

Tu-bồ-đề! Như hư không chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại. Đại thừa cũng như vậy, chẳng phải quá

khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại. Vì vậy nên nói Đại thừa cùng với hư không bình đẳng.

Tu-bồ-đề! Như hư không chẳng thêm chẳng bớt, Đại thừa cũng như vậy, chẳng thêm chẳng bớt.

Tu-bồ-đề! Như hư không, không như không sạch; Đại thừa cũng như vậy, không như không sạch.

Tu-bồ-đề! Như hư không, không sinh không diệt, không trụ, không biến khác. Đại thừa cũng như vậy, không sinh không diệt, không trụ không biến khác.

Tu-bồ-đề! Như hư không chẳng phải thiện chẳng phải bất thiện, chẳng phải ký chẳng phải vô ký. Đại thừa cũng như vậy, chẳng phải thiện chẳng phải bất thiện, chẳng phải ký, chẳng phải vô ký. Vì vậy, nên nói Đại thừa cùng với hư không bình đẳng.

Như hư không không thấy, không nghe, không hiểu, không biết. Đại thừa cũng như vậy, không thấy, không nghe, không hiểu, không biết.

Như hư không không thể hiểu, không thể biết, không thể thấy, không thể dứt, không thể chứng, không thể tu. Đại thừa cũng như vậy, không thể hiểu, không thể biết, không thể thấy, không thể dứt, không thể chứng, không thể tu. Vì vậy nên nói Đại thừa cùng với hư không bình đẳng.

Như hư không chẳng phải tướng nhiễm, chẳng phải tướng lìa nhiễm. Đại thừa cũng như vậy, chẳng phải tướng nhiễm, chẳng phải tướng lìa nhiễm.

Như hư không chẳng trói buộc ở theo cõi Dục, chẳng trói buộc theo cõi Sắc, chẳng trói buộc theo cõi Vô sắc. Đại thừa cũng như vậy, chẳng trói buộc theo cõi Dục, chẳng trói buộc theo cõi Sắc, chẳng trói buộc theo cõi Vô sắc.

Như hư không không có tâm mới phát, cũng không có tâm thứ hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín, mười. Đại thừa cũng như vậy, không có tâm mới phát, cho đến tâm thứ mười.

Như hư không, không có địa vị Càn-tuệ, Tánh địa, Bát nhân địa, Kiến địa, Bạt địa, Ly dục địa, Dĩ biện địa; Đại thừa cũng như vậy, không có địa vị Càn-tuệ, cho đến không có địa vị Dĩ biện.

Như hư không, không có quả Tu-đà-hoàn, quả Tu-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán. Đại thừa cũng như vậy, không có quả Tu-đà-hoàn, cho đến không có quả A-la-hán.

Như hư không, không có địa vị Thanh-văn, không có địa vị Bích-chi Phật, không có địa vị Phật. Đại thừa cũng như vậy, không có địa vị Thanh-văn cho đến không có địa vị Phật. Vì vậy nên nói Đại thừa cùng với hư không bình đẳng.

Như hư không, chẳng phải có sắc, chẳng phải không có sắc, chẳng phải có thể thấy, chẳng phải không thể thấy, chẳng phải có đối ngại, chẳng phải không có đối ngại, chẳng phải hợp chẳng phải tán. Đại thừa cũng như vậy, chẳng phải có sắc, chẳng phải không có sắc, chẳng phải có thể thấy, chẳng phải không thể thấy, chẳng phải có đối ngại, chẳng phải không có đối ngại, chẳng phải hợp, chẳng phải tán. Vì vậy nên nói Đại thừa cùng với hư không bình đẳng.

Tu-bồ-đề! Như hư không chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, chẳng phải vui, chẳng phải khổ, chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã. Đại thừa cũng như vậy, chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, chẳng phải vui, chẳng phải khổ, chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã. Vì vậy nên nói Đại thừa cùng với hư không bình đẳng.

Tu-bồ-đề! Như hư không, chẳng phải không, chẳng phải chẳng không, chẳng phải tướng, chẳng phải vô tướng, chẳng

phải làm, chẳng phải không làm. Đại thừa cũng như vậy, chẳng phải không, chẳng phải chẳng không, chẳng phải tướng, chẳng phải vô tướng, chẳng phải làm, chẳng phải không làm. Vì vậy nên nói Đại thừa cùng với hư không bình đẳng.

Tu-bồ-đề! Như hư không chẳng phải tịch diệt, chẳng phải chẳng tịch diệt, chẳng phải lìa, chẳng phải chẳng lìa. Đại thừa cũng như vậy, chẳng phải tịch diệt, chẳng phải chẳng tịch diệt, chẳng phải lìa, chẳng phải chẳng lìa. Vì vậy nên nói Đại thừa cùng với hư không bình đẳng.

Tu-bồ-đề! Như hư không, chẳng phải tối, chẳng phải sáng. Đại thừa cũng như vậy, chẳng phải tối chẳng phải sáng. Vì vậy nên nói Đại thừa cùng với hư không bình đẳng.

Tu-bồ-đề! Như hư không, chẳng phải khả đắc, chẳng phải bất khả đắc. Đại thừa cũng như vậy, chẳng phải khả đắc, chẳng phải bất khả đắc. Vì vậy nên nói Đại thừa cùng với hư không bình đẳng.

Tu-bồ-đề! Như hư không, chẳng phải có thể nói, chẳng phải không thể nói. Đại thừa cũng như vậy, chẳng phải có thể nói, chẳng phải không thể nói. Vì vậy, nên nói Đại thừa cùng với hư không bình đẳng.

Tu-bồ-đề! Do các nhân duyên ấy, nên nói Đại thừa, cùng với hư không bình đẳng.

LUẬN: Luận giả nói: Tu-bồ-đề tán thán Đại thừa như hư không, Phật liên thuật rộng thành việc ấy: Như hư không, không có mười phương, Đại thừa cũng không có mười phương, cũng không có dài ngắn, vuông tròn, xanh, vàng, đỏ, trắng. Đại thừa cũng như vậy.

Hỏi: Hư không có thể như vậy, là pháp vô vi, không có sắc, không phương hướng, còn Đại thừa là pháp hữu vi, là sắc pháp, đó là bổ thí, trì giới v.v... làm sao nói cùng với hư không bình đẳng?

Đáp: Sáu Ba-la-mật có hai thứ là thế gian và xuất thế gian. Thế gian là pháp hữu vi, sắc pháp, chẳng đồng với hư không. Xuất thế gian cùng với như như, pháp tánh, thật tế, hòa hợp với trí tuệ nên giống như hư không. Từ sau khi chứng được Vô sinh pháp nhẫn, không có phân biệt như hư không.

* Lại nữa, như Phật dùng trí vô ngại, quán thật tướng như hư không người khác thời không được như vậy, vì trí tuệ chưa được thanh tịnh rốt ráo.

* Lại nữa, Phật trước sau nói các pháp rốt ráo không, như tướng Vô dư Niết-bàn, như hư không, không nên nghi ngờ. Các pháp khác cũng như vậy, cho đến như hư không chẳng phải nói, chẳng phải chẳng nói cũng như vậy.

Hỏi: Như hư không, nói là không có gì là đủ, cứ sao nói không có các tướng?

Đáp: Bồ-tát mới phát tâm, tâm đắm trước các pháp nhân duyên trong ngoài, vì vậy nên Phật nói như hư không, không có các tướng, Đại thừa cũng như vậy.

KINH: Tu-bồ-đề! Như lời ông nói: Như hư không hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh, Đại thừa cũng hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh. Như vậy, như vậy! Tu-bồ-đề! Chúng sinh không có nên biết hư không không có; hư không không có nên biết Đại thừa cũng không có. Vì nhân duyên ấy nên Đại thừa hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh, vì sao? Vì chúng sinh, hư không, Đại thừa, các pháp ấy đều không thể có được.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại thừa không có nên biết vô số không có; vô số không có nên biết vô lượng không có; vô lượng không có nên biết vô biên không có; vô biên không có nên biết hết thấy các pháp không có. Vì nhân duyên ấy, Tu-bồ-đề! Đại thừa hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh, vì sao? Vì chúng sinh, hư

không, Đại thừa, vô số, vô lượng, vô biên, hết thấy pháp ấy đều không thể có được.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ngã không có, cho đến kẻ biết, kẻ thấy không có, nên biết như như, pháp tánh, thật tế không có; như như, pháp tánh, thật tế không có, nên biết cho đến vô lượng vô biên vô số không có, vô lượng vô biên vô số không có, nên biết hết thấy pháp không có. Vì nhân duyên ấy, Tu-bồ-đề! Đại thừa hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh, vì sao? Vì chúng sinh cho đến kẻ biết, kẻ thấy; thật tế, cho đến vô lượng vô biên vô số, hết thấy pháp ấy đều không thể có được.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ngã không có cho đến kẻ biết kẻ thấy không có, nên biết tánh bất khả tư nghì không có; tánh bất khả tư nghì không có, nên biết sắc, thọ, tưởng, hành, thức không có; sắc thọ, tưởng, hành, thức không có, nên biết hư không không có; hư không không có, nên biết Đại thừa không có; Đại thừa không có, nên biết vô số không có; vô số không có, nên biết vô lượng không có; vô lượng không có, nên biết vô biên không có; vô biên không có, nên biết hết thấy các pháp không có. Vì nhân duyên ấy, Tu-bồ-đề! Nên biết Đại thừa hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh, vì sao? Tu-bồ-đề! Vì ngã cho đến kẻ biết kẻ thấy v.v... hết thấy pháp đều không thể có được.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ngã không có cho đến kẻ biết kẻ thấy không có, nên biết mắt không có; tai, mũi, lưỡi, thân, ý không có; mắt cho đến ý không có, nên biết hư không không có; hư không không có, nên biết Đại thừa không có; Đại thừa không có, nên biết vô số không có; vô số không có, nên biết vô lượng không có; vô lượng không có, nên biết vô biên không có; vô biên không có, nên biết hết thấy các pháp không có. Vì nhân duyên ấy, Tu-bồ-đề! Đại thừa hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh, vì sao? Tu-bồ-đề! Ngã cho đến hết thấy các pháp đều không thể có được.

*** Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ngã không có cho đến kẻ biết kẻ thấy không có, nên biết Thí ba-la-mật không có; Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật không có; Bát-nhã ba-la-mật không có, nên biết hư không không có; hư không không có, nên biết Đại thừa không có; Đại thừa không có, nên biết vô lượng vô biên vô số không có; vô lượng vô biên vô số không có, nên biết hết thảy các pháp không có. Vì nhân duyên ấy, Tu-bồ-đề! Đại thừa hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh, vì sao? Vì ngã, chúng sinh, cho đến hết thảy các pháp đều không thể có được.**

*** Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ngã không có cho đến kẻ biết kẻ thấy không có, nên biết “nội không” không có cho đến “vô pháp hữu pháp không” không có; vô pháp hữu pháp không không có, nên biết hư không không có; hư không không có, nên biết Đại thừa không có; Đại thừa không có, nên biết vô số vô lượng vô biên không có; vô số vô lượng vô biên không có, nên biết hết thảy các pháp không có. Vì nhân duyên ấy, Tu-bồ-đề! Đại thừa hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh, vì sao? Vì ngã, chúng sinh, cho đến hết thảy các pháp đều không thể có được.**

*** Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ngã, chúng sinh cho đến kẻ biết kẻ thấy không có, nên biết bốn niệm xứ không có; bốn niệm xứ không có, cho đến mười tám pháp không chung không có; mười tám pháp không chung không có, nên biết hư không không có; hư không không có, nên biết Đại thừa không có; Đại thừa không có, nên biết vô số vô lượng vô biên không có; vô số vô lượng vô biên không có, nên biết hết thảy các pháp không có. Vì nhân duyên ấy, Tu-bồ-đề! Đại thừa ấy hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh, vì sao? Vì ngã, chúng sinh, cho đến hết thảy các pháp đều không thể có được.**

*** Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ngã, chúng sinh không có, cho đến kẻ biết kẻ thấy không có, nên biết Tánh địa không có, cho đến Dĩ tác địa không có; Dĩ tác địa không có, nên biết hư không không có; hư không không có, nên biết Đại thừa không có; Đại thừa không có, nên biết vô số vô lượng vô biên không có; vô số vô lượng vô biên không có, nên biết hết thảy các pháp không có. Vì nhân duyên ấy, Đại thừa hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh, vì sao? Vì ngã, chúng sinh, cho đến hết thảy các pháp đều không thể có được.**

*** Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ngã, chúng sinh, cho đến kẻ biết kẻ thấy không có, nên biết Tu-đà-hoàn không có; Tu-đà-hoàn không có, nên biết Tu-đà-hàm không có; Tu-đà-hàm không có, nên biết A-na-hàm không có; A-na-hàm không có, nên biết A-la-hán không có; A-la-hán không có, nên biết cho đến hết thảy các pháp không có. Vì nhân duyên ấy, Tu-bồ-đề! Đại thừa hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh, vì sao? Tu-bồ-đề, vì ngã cho đến hết thảy các pháp đều không thể có được.**

*** Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ngã cho đến kẻ biết kẻ thấy không có, nên biết Thanh-văn thừa không có; Thanh-văn thừa không có, nên biết Bích-chi Phật thừa không có; Bích-chi Phật thừa không có, nên biết Phật thừa không có; Phật thừa không có, nên biết người Thanh-văn không có; người Thanh-văn không có, nên biết Tu-đà-hoàn không có; Tu-đà-hoàn không có cho đến Phật không có; Phật không có, nên biết Trí nhất thiết chủng không có; Trí nhất thiết chủng không có, nên biết hư không không có; hư không không có, nên biết Đại thừa không có; Đại thừa không có, nên biết cho đến hết thảy các pháp không có. Vì nhân duyên ấy, Đại thừa hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh, vì sao? Vì ngã cho đến hết thảy các pháp đều không thể có được, ví như, Tu-bồ-đề! Tánh Niết-bàn hàm thụ vô lượng vô**

biên vô số chúng sinh, Đại thừa cũng hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh. Vì nhân duyên ấy, Tu-bồ-đề! Như hư không hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh, Đại thừa cũng như vậy, hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh.

LUẬN. Hỏi: Sao không nói hư không rộng lớn vô biên nên hàm thụ hết thấy vật, mà lại nói hư không không có nên có thể hàm thụ hết thấy chúng sinh, mọi vật, Đại thừa cũng không có?

Đáp: Hiện thấy hư không không có, hết thấy vạn vật đều ở trong đó, vì không có nên có thể hàm thụ.

Hỏi: Tâm tâm số pháp cũng không hình chất, sao không hàm thụ hết thấy vật?

Đáp: Tâm tâm số pháp có tướng giác tri, chẳng phải tướng hàm thụ. Lại không có chỗ ở, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc gần hoặc xa, chỉ do tướng phân biệt nên biết có tâm. Pháp hình sắc có chỗ ở, nhân chỗ có sắc nên biết có hư không, do sắc không dung thọ các vật nên biết hư không dung thọ các vật. Sắc với hư không trái nhau, sắc nếu không dung thọ, thì biết hư không dung thọ; như do vô minh nên biết có minh, do khổ nên biết có vui, nhân sắc không có nên nói có hư không, chứ không có tướng riêng.

* Lại nữa, tâm tâm số pháp còn có nghĩa không dung thọ, như tâm tà kiến không dung thọ chánh kiến, tâm chánh kiến không dung thọ tà kiến. Hư không thời không như vậy, hết thấy đều dung thọ.

* Lại tâm tâm số pháp có tướng sinh diệt, là pháp có thể dứt, còn hư không thời không như vậy. Tâm tâm số pháp và hư không đều đồng vô sắc, vô hình, chứ không được nói hoàn toàn không khác. Vì vậy, nên trong các pháp, chỉ nói hư không có thể dung thọ hết thấy.

Hỏi: Trước tôi hỏi ý không phải vậy! Ý tôi hỏi có sao không nói hư không vì vô lượng vô biên có thể dung thọ hết thấy vật, mà lại nói vì không có nên dung thọ hết thấy vật?

Đáp: Tôi nói hư không không có tự tướng là đối đãi với sắc tướng mà nói hư không; nếu không có tự tướng thì không có hư không, làm sao nói nó vô lượng vô biên!

Hỏi: Ông nói tướng dung thọ, tức là hư không, có sao nói không có?

Đáp: Tướng dung thọ tức là không có sắc tướng, chỗ sắc không đến được, gọi là hư không, vì vậy nên không có hư không. Nếu thật có hư không, thời khi chưa có sắc phải không có hư không; nếu chưa có sắc đã có hư không, thời hư không vô tướng, vì sao? Vì chưa có sắc. Nhân sắc nên biết có hư không, có sắc nên liền biết có vô sắc. Nếu trước có sắc, sau có hư không, thời hư không là pháp tạo tác, pháp tạo tác thời không gọi là thường. Nếu có pháp vô tướng là không thể có được, vì vậy nên không có hư không.

Hỏi: Nếu thường có hư không, nhân sắc nên tướng hư không hiện rõ, vậy tướng hiện ra sau ấy ở hư không?

Đáp: Nếu hư không trước không có tướng, sau có tướng cũng không có chỗ ở. Nếu hư không trước có tướng, tướng không có sở tướng; nếu trước không có tướng, tướng cũng không có chỗ ở. Hoặc lìa tướng và vô tướng, vì tướng không có chỗ ở; nếu tướng không có chỗ ở, thời chỗ sở tướng cũng không có; chỗ sở tướng không có, nên tướng cũng không có. Lìa tướng và chỗ tướng ở, thì không còn có pháp. Vì vậy nên hư không không gọi là tướng, không gọi là sở tướng; không gọi là pháp, không gọi là phi pháp; không gọi là có, không gọi là không có. Dứt các ngôn ngữ thời vắng lặng như Vô dư Niết-bàn. Các pháp khác cũng như vậy.

Hỏi: Nếu hết thấy pháp như vậy tức là hư không, có sao còn lấy hư không làm ví dụ?

Đáp: Nhân quả các pháp đều là hư dối. Nhân vô minh nên có đối gạt tâm chúng sinh, chúng sinh đắm trước nơi pháp đó mà

không đấm trước nơi hư không. Sáu trần đối gạt tâm chúng sinh, hư không tuy cũng đối gạt mà không như vậy, vì vậy nên lấy hư không làm ví dụ; lấy việc thô hiển phá việc vi tế. Như hư không nhân nơi sắc nên chỉ có tên giả, không có pháp nhất định. Chúng sinh cũng như vậy, nhân năm uẩn hòa hợp nên chỉ có tên giả, cũng không có pháp nhất định. Đại thừa cũng như thế, vì chúng sinh không, nên không có Phật, không có Bồ-tát, vì có chúng sinh nên có Phật có Bồ-tát; nếu không có Phật, không có Bồ-tát thì không có Đại thừa. Vì vậy nên Đại thừa hay dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sinh; nếu có pháp thì không thể dung thọ vô lượng chư Phật và đệ tử.

Hỏi: Nếu thật không có hư không, làm sao có thể dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sinh?

Đáp: Vì vậy nên Phật nói vì Đại thừa không có nên vô số không có; vô số không có nên vô lượng cũng không có; vô lượng không có nên vô biên cũng không có; vô biên không có nên hết thảy pháp cũng không có, vì vậy nên có thể dung thọ.

A-tăng-kỳ (Asamkya) là, Tăng-kỳ, Trung Hoa dịch là Số, A dịch là Vô. Chúng sinh và các pháp mỗi mỗi không thể có được biên tế, nên gọi là vô số. Đếm mười phương hư không xa gần không thể có được biên giới của nó, nên gọi là vô số. Phân biệt đếm sáu Ba-la-mật, chủng chủng bố thí, chủng chủng trì giới v.v... không có số lượng, đếm bao nhiêu chúng sinh đã lên xe (Chánh pháp), sẽ lên xe, hiện lên xe, không thể kể hết; ấy gọi là vô số.

* Lại nữa, có người nói bắt đầu đếm chỉ có một, chỉ có một, một một nên nói hai. Như vậy v.v... đều là một, không còn cách đếm khác; nếu đếm là một thì không có số (vô số).

Có người nói: Hết thảy pháp do hòa hợp nên có tên gọi như bánh xe, vành bánh xe, cái tay hoa xe, cái bầu giữa bánh xe hòa hợp

nên gọi là xe, không có thật pháp nhất định. Một pháp không có nên nhiều pháp cũng không, vì trước một sau mới nhiều.

* Lại nữa, dùng số đếm sự vật, sự vật không có nên số đếm cũng không có, nên gọi là vô số.

Vô lượng là như lấy đầu lường vật, lấy trí tuệ lường các pháp cũng như vậy. Các pháp không, nên vô số, vô số nên vô lượng vô biên, không có thật trí, làm sao biết được định tướng các pháp?

Vô lượng nên vô biên, lượng là tổng tướng, biên là biệt tướng; lượng là tướng đầu, biên là tướng cuối cùng.

* Lại nữa, ngã cho đến kẻ biết kẻ thấy không có nên thật tế cũng không có; thật tế không có nên vô số cũng không có; vô số không có, nên vô lượng cũng không có; vô lượng không có, nên vô biên cũng không có; vô biên không có, nên hết thảy pháp cũng không có. Vì vậy nên hết thảy pháp rất ráo thanh tịnh. Đại thừa dung thọ được hết thảy chúng sinh và pháp, vì hai việc nhân nhau, nếu không có chúng sinh thời không có pháp, nếu không có pháp thời không có chúng sinh. Trước, tổng tướng nói hết thảy pháp không, sau mỗi mỗi riêng nói các pháp không. Thật tế là diệu pháp sau cùng, nó cũng không có hưởng gì các pháp khác. Từ tánh bất khả tư lượng cho đến tánh Niết-bàn, cũng như vậy.

KINH: Tu-bồ-đề! Như ông nói, Đại thừa ấy chẳng thấy chỗ đến, chẳng thấy chỗ đi, chẳng thấy chỗ ở. Như vậy, như vậy! Tu-bồ-đề! Đại thừa ấy chẳng thấy chỗ đến, chẳng thấy chỗ đi, chẳng thấy chỗ ở, vì sao? Tu-bồ-đề! Vì hết thảy các pháp tướng chẳng động, nên pháp ấy không chỗ đến, không chỗ đi, không chỗ ở, vì sao? Tu-bồ-đề! Vì sắc không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào; thọ, tưởng, hành, thức không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào. Tu-bồ-đề! Sắc pháp không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào;

thọ, tướng, hành, thức không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào.

Tu-bồ-đề! Sắc như không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào; thọ, tướng, hành, thức như, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào.

Tu-bồ-đề! Sắc tánh không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào; thọ, tướng, hành, thức, tánh, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào.

Tu-bồ-đề! Sắc tướng, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào; thọ, tướng, hành, thức tướng, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào.

Tu-bồ-đề! Mắt, pháp mắt, mắt tánh như, mắt tướng, mắt không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào; tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp ý, như ý, tánh ý, tướng ý, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào. Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Địa chủng, pháp địa chủng, như địa chủng, tánh địa chủng, tướng địa chủng, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào; nước, lửa, gió, không, thức chủng, pháp thức chủng, như thức chủng, tánh thức chủng, tướng thức chủng, cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Như như, pháp như như, như như, tánh như như, tướng như như, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào.

Tu-bồ-đề! Thật tế, pháp thật tế, như thật tế, tánh thật tế, tướng thật tế, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào.

Tu-bồ-đề! Bất khả tư nghì, pháp bất khả tư nghì, như bất khả tư nghì, tánh bất khả tư nghì, tướng bất khả tư nghì, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào.

Tu-bồ-đề! Thí ba-la-mật, pháp Thí ba-la-mật, như Thí ba-la-mật, tánh Thí ba-la-mật, tướng Thí ba-la-mật, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào. Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật, pháp Bát-nhã ba-la-mật, như Bát-nhã ba-la-mật, tánh Bát-nhã ba-la-mật, tướng Bát-nhã ba-la-mật, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào.

Tu-bồ-đề! Bốn niệm xứ, pháp bốn niệm xứ, như bốn niệm xứ, tánh bốn niệm xứ, tướng bốn niệm xứ, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào; cho đến mười tám pháp không chung cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát, pháp Bồ-tát, như Bồ-tát, tánh Bồ-tát, tướng Bồ-tát, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào.

Phật, pháp Phật, như Phật, tánh Phật, tướng Phật, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào; Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, pháp, như, tánh, tướng, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào.

Tu-bồ-đề! Hữu vi pháp, pháp hữu vi pháp, như hữu vi pháp, tánh hữu vi pháp, tướng hữu vi pháp, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào.

Tu-bồ-đề! Vô vi pháp, pháp vô vi pháp, như vô vi pháp, tánh vô vi pháp, tướng vô vi pháp, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào.

Do nhân duyên ấy, Tu-bồ-đề! Đại thừa không thấy chỗ đến, không thấy chỗ đi, không thấy chỗ ở.

LUẬN. Luận giả nói: Phật bảo Tu-bồ-đề: Cớ sao ông chỉ tán thán Đại thừa không đến, không đi, không ở? Hết thấy pháp cũng như vậy, không đến, không đi, không ở, vì thật tướng hết thấy pháp chẳng động.

Hỏi: Các pháp hiện có đến, đi, có thể trông thấy, có sao nói tướng nó không động, không đến, không đi?

Đáp: Tướng đến, đi, trước đã phá, nay sẽ nói lại: Trong Phật pháp không có ngã, không có chúng sinh, cho đến không có kẻ biết, kẻ thấy, nên kẻ đến kẻ đi không có; kẻ đến kẻ đi không có, nên tướng đến tướng đi cũng phải không có.

* Lại nữa, trong ba đời tìm tướng đi, không thể có được, vì có sao? Vì trong khi đã đi không đi, trong khi chưa đi cũng không đi, lìa đã đi và chưa đi, trong khi đi cũng không đi.

Hỏi: Chỗ có thân động chuyển gọi là đi; trong đã đi và chưa đi không thân động chuyển. Vì vậy nên khi đi, thân động chuyển, tức phải có đi?

Đáp: Không phải vậy! Lìa tướng đi, khi đi không thể có được; lìa khi đi, tướng đi không thể có được, làm sao nói khi đi có đi?

* Lại nữa, nếu khi đi có tướng đi, lý đáng lìa tướng đi có khi đi, vì sao? Vì ông nói khi đi có đi?

* Lại nữa, nếu khi đi có đi, thời nên có hai đi: Một là biết khi đi, hai là biết khi đi có đi.

Hỏi: Nếu như vậy thời có lỗi gì?

Đáp: Nếu như vậy có hai người đi, vì sao? Vì lìa người đi không có tướng đi, nếu lìa người đi khi tướng đi, thì lìa tướng đi không có người đi, thế nên người đi không đi, người không đi cũng không đi; lìa đi và không đi, cũng không có đi. Đến và ở cũng như vậy.

Vì vậy, Phật nói pháp của người phạm phu hư dối không thật, tuy mắt thịt trông thấy không khác loài súc sinh, đều là không thể tin. Thế nên nói các pháp không đến không đi, không ở cũng không động, sao vậy? Như thế gọi là sắc, pháp sắc, như sắc, tánh sắc, tướng sắc.

Sắc là việc của mắt thấy, chưa phân biệt tốt xấu, thật không thật, tướng mình tướng khác; pháp sắc là chỉ vô thường sinh diệt, bất tịnh v.v... Như sắc là sắc do hòa hợp có, như bọt nước không bền chắc, ly tán thời không có, hư ngụy không thật, chỉ dối gạt mắt người. Sắc hiện tại như vậy, sắc quá khứ, vị lai cũng như vậy, như hiện tại lửa nóng, so sánh biết lửa quá khứ vị lai cũng như vậy.

* Lại nữa, như chư Phật quán sắc tướng rốt ráo thanh tịnh không, Bồ-tát cũng nên quán như vậy: Pháp sắc, như sắc, vì sao không giống như chỗ thấy của phàm phu?

- Vì tánh nó tự như vậy.

- Tánh ấy thâm diệu làm sao biết được?

- Do lực của tướng sắc nên biết được. Như lửa lấy khói làm tướng, thấy khói thời biết có lửa. Thấy tướng sắc nay vô thường, phá hoại, khổ não, thô sấp mà biết tánh nó là vậy. Năm pháp ấy không đi không đến không ở, như trước nói. Cho đến vô vi, pháp vô vi; như, tánh, tướng vô vi, không đến không đi không ở cũng như vậy.

KINH: Tu-bồ-đề! Như ông nói, Đại thừa tiền tế (đời trước) không thể có được, hậu tế không thể có được, trung tế không thể có được, thừa ấy ba đời bình đẳng, vì vậy nên gọi là Đại thừa. Như vậy, như vậy! Tu-bồ-đề! Đại thừa ấy tiền tế không thể có được, hậu tế không thể có được, trung tế không thể có được, thừa ấy ba đời bình đẳng, vì vậy nên gọi là Đại thừa, vì sao? Tu-bồ-đề! Đời quá khứ, đời quá khứ không; đời vị lai, đời vị lai không; đời hiện tại, đời hiện tại không; ba đời bình đẳng, ba đời bình đẳng không; Đại thừa, Đại thừa không; Bồ-tát, Bồ-tát không; vì sao? Tu-bồ-đề! Vì Không ấy chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải ba, chẳng phải bốn, chẳng phải năm, chẳng phải khác. Vì vậy nên nói ba đời bình đẳng.

Ấy là Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát, vì trong thừa ấy tướng đẵng chẳng đẵng không thể có được; nhiễm chẳng nhiễm không thể có được; sân chẳng sân không thể có được; si chẳng si không thể có được; mạn chẳng mạn không thể có được, cho đến hết thảy pháp lành, pháp chẳng lành không thể có được. Trong thừa ấy thường không thể có được, vô thường không thể có được, vui không thể có được, khổ không thể có được, thật không thể có được, không không thể có được; ngã không thể có được, vô ngã không thể có được; cõi Dục không thể có được, cõi Sắc không thể có được, cõi Vô sắc không thể có được; độ cõi Dục không thể có được, độ cõi Sắc không thể có được, độ cõi Vô sắc không thể có được, vì sao? Vì Đại thừa ấy tự pháp không thể có được.

Tu-bồ-đề! Quá khứ sắc, quá khứ sắc không; vị lai, hiện tại sắc, vị lai, hiện tại sắc không; quá khứ thọ, tướng, hành, thức, quá khứ thọ, tướng, hành, thức không; vị lai, hiện tại thọ, tướng, hành, thức; vị lai, hiện tại thọ, tướng, hành, thức không.

Trong không, sắc quá khứ không thể có được, vì sao? Vì trong không, không cũng không thể có được, huống gì trong không, lại có sắc quá khứ được? Trong không, sắc vị lai hiện tại không thể có được, vì sao? Vì trong không, không cũng không thể có được, huống gì trong không có sắc vị lai hiện tại được.

Trong không, thọ, tướng, hành, thức quá khứ không thể có được, vì sao? Vì trong không, không cũng không thể có được, huống gì trong không có thọ, tướng, hành, thức quá khứ được, trong không, thọ, tướng, hành, thức vị lai hiện tại không thể có được, vì sao? Vì trong không, không cũng không thể có được, huống gì trong không có thọ, tướng, hành, thức vị lai, hiện tại được.

Tu-bồ-đề! Thí ba-la-mật quá khứ không thể có được, Thí ba-la-mật vị lai không thể có được, Thí ba-la-mật hiện tại không thể có được, trong ba đời bình đẳng Thí ba-la-mật cũng không

thể có được, vì sao? Vì trong bình đẳng, đời quá khứ không thể có được, đời vị lai không thể có được, đời hiện tại không thể có được; trong bình đẳng, bình đẳng cũng không thể có được, huống gì trong bình đẳng có đời quá khứ, đời vị lai, đời hiện tại được. Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Trong đời quá khứ bốn niệm xứ không thể có được, cho đến trong đời quá khứ mười tám pháp không chung không thể có được. Trong đời vị lai, hiện tại cũng như vậy.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Trong ba đời bình đẳng bốn niệm xứ không thể có được, trong ba đời bình đẳng cho đến mười tám pháp không chung không thể có được, vì sao? Vì trong bình đẳng bốn niệm xứ đời quá khứ không thể có được, trong bình đẳng bốn niệm xứ đời vị lai không thể có được, trong bình đẳng bốn niệm xứ đời hiện tại không thể có được; trong bình đẳng, bình đẳng cũng không thể có được; huống gì trong bình đẳng có bốn niệm xứ đời quá khứ, bốn niệm xứ đời vị lai, hiện tại được. Trong bình đẳng, bình đẳng cũng không thể có được, huống gì trong bình đẳng có quá khứ cho đến mười tám pháp không chung được; đời vị lai, hiện tại cũng như vậy.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề! Người phạm phu đời quá khứ không thể có được, người phạm phu đời vị lai hiện tại không thể có được. Trong ba đời bình đẳng, người phạm phu cũng không thể có được, vì sao? Vì chúng sinh không thể có được, cho đến kẻ biết kẻ thấy không thể có được. Thanh-văn, Bích-chi Phật, Bồ-tát, Phật trong đời quá khứ không thể có được, Thanh-văn, Bích-chi Phật, Bồ-tát, Phật trong đời vị lai, hiện tại không thể có được. Trong ba đời bình đẳng, Thanh-văn, Bích-chi Phật, Bồ-tát, Phật không thể có được, vì sao? Vì chúng sinh không thể có được, cho đến kẻ biết kẻ thấy không thể có được.

Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát trú trong Bát-nhã ba-la-mật học tướng ba đời bình đẳng, sẽ đầy đủ Trí nhất thiết chủng, ấy gọi là Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát; nghĩa là tướng ba đời bình đẳng.

Bồ-tát ma-ha-tát trú trong thừa ấy vượt trên hết thủy thế gian người, trời, A-tu-la, thành tựu Tát-bà-nhã.

Bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Lành thay, lành thay! Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát, vì sao? Vì các Bồ-tát quá khứ nơi thừa ấy học được Trí nhất thiết chủng, các Bồ-tát vị lai cũng ở nơi thừa ấy học và sẽ được Trí nhất thiết chủng. Bạch đức Thế Tôn! Các Bồ-tát trong mười phương vô lượng vô số thế giới hiện nay cũng ở nơi thừa ấy học được Trí nhất thiết chủng. Vì vậy nên, bạch đức Thế Tôn! Thừa ấy thật là Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát.

Phật bảo Tu-bồ-đề! Như vậy, như vậy! Chư Phật quá khứ vị lai, hiện tại nơi Đại thừa ấy học, đã được Trí nhất thiết chủng, sẽ được, nay được.

LUẬN. Luận giả nói: Tu-bồ-đề lược tán thán Đại thừa ấy tiền tế, hậu tế, trung tế không thể có được, vì ba đời bình đẳng nên gọi là Đại thừa. Nay Phật diễn rộng lời tán thán của Tu-bồ-đề: Ba đời tại sao không thể có được? Đời quá khứ, đời quá khứ không, đời vị lai, đời vị lai không, đời hiện tại, đời hiện tại không, nên không thể có được. Ba đời bình đẳng, bình đẳng là không. Đại thừa, Đại thừa tự không; Bồ-tát, Bồ-tát tự không; ấy là ý nghĩa của tướng không trong ba đời. Tướng ba đời không, như trước đã nói. Trong đây Phật tự nói nhân duyên của không. Nghĩa là không, tướng không, chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải ba, chẳng phải bốn, chẳng phải năm v.v..., chẳng khác, chẳng hợp, chẳng tán, không có phân biệt. Thế nên ba đời bình đẳng tướng không, vì không có gì, bình đẳng ấy cũng không.

Bồ-tát hiểu được ba đời bình đẳng như vậy, không cho từ đời vô thi lại đây làm một chán, không cho đời vị lai vô biên làm khó khăn, ấy là Bồ-tát ba đời bình đẳng, gọi là Đại thừa. Trong Đại thừa ấy tướng bình đẳng không thể có được, tướng không bình đẳng cũng không thể có được. Được Tam-muội về ba đời bình đẳng ấy, phá tướng bất bình đẳng. Vì đối đãi, bất bình đẳng nên có đẳng, bất bình đẳng rốt ráo không có nên đẳng cũng không có. Muốn, chẳng muốn, cho đến ba cõi độ ba cõi, là pháp đối đãi cũng như vậy. Trong đây Phật tự nói: Các pháp ấy đều do nhân duyên hòa hợp nên không có tự tánh, tự tánh không có nên không.

* Lại nữa, sắc quá khứ, tướng sắc quá khứ không; vị lai, hiện tại cũng như vậy. Như sắc, bốn uẩn khác cũng như vậy, vì sao? Vì trong không, tướng không không thể có được, huống gì trong không có tướng ba đời năm uẩn được. Bồ-tát quán năm uẩn không, dứt tham dục, đi vào đạo, là Thí ba-la-mật v.v... cũng như năm uẩn, trong ba đời không thể có được, vì ba đời bình đẳng, bình đẳng tức là không. Trong bình đẳng ấy, Thí ba-la-mật không thể có được.

Hỏi: Có sao ba đời và trong ba đời bình đẳng, Thí ba-la-mật không thể có được?

Đáp: Trong các pháp bình đẳng không có ba đời, trong bình đẳng, tướng bình đẳng cũng không thể có được, huống gì có ba đời. Năm Ba-la-mật khác cho đến mười tám pháp không chung cũng như vậy.

* Lại nữa, trong ba đời tướng phàm phu không thể có được, Thanh-văn cho đến Phật cũng không thể có được; vì chúng sinh không vậy. Bồ-tát trú trong Bát-nhã ba-la-mật học ba đời bình đẳng không như vậy, nhóm các công đức lành, liền đầy đủ Trí nhất thiết chủng. Phật nói Bồ-tát trú được ba đời bình đẳng như vậy, thời vượt trên hết thầy thế gian trời, người và A-tu-la.

Khi ấy Tu-bồ-đề, tán thán rằng: Lành thay, lành thay! Đại thừa lợi ích các Bồ-tát, vì sao? Vì các Bồ-tát quá khứ học Đại thừa ấy, được Trí nhất thiết chủng; chưa được, nay được cũng như vậy.

Có người nói: Không có nhân duyên được thanh tịnh, cũng không có nhân duyên nhiễm cấu uế, lớn nhỏ, tốt xấu, trói mở đều do vô chủ đưa đến. Có người nói: Tốt xấu, trói mở, thời tiết đến thì tự được. Có người nói: Phước đức thành tựu nên được Phật đạo. Có người nói: Chỉ được thật trí tuệ thanh tịnh mới được Phật đạo.

Những người nói như vậy đều là phi nhân duyên, ít nhân duyên, Tu-bồ-đề không tán thán. Nay Phật bỏ phi nhân duyên, cũng bỏ nhân duyên, không đầy đủ; mà nói nhân duyên đầy đủ, đó là sáu Ba-la-mật, ba đời Bồ-tát học thừa ấy đầy đủ, được thành Phật đạo. Phật cũng được Tu-bồ-đề tán thán nói: Lành thay! Lành thay!

(HẾT CUỐN 51 THEO BẢN HÁN)

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

GIẢI THÍCH: PHẨM HỘI TÔNG THỨ 24

(Kinh Đại Bát-nhã ghi: Phần 2, Phẩm Tùy Thuận thứ 22)

KINH: Bấy giờ Tuệ mạng Phú-lâu-na Di-đa-la-ni-tử bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Phật trước sai Tu-bồ-đề thuyết Bát-nhã ba-la-mật cho các Bồ-tát ma-ha-tát, sao nay bèn nói Đại thừa?

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Con nói Đại thừa sẽ không xa lìa Bát-nhã ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Tu-bồ-đề, không! Ông nói Đại thừa tùy thuận Bát-nhã ba-la-mật, không lìa Bát-nhã ba-la-mật, vì sao? Vì hết thấy pháp lành, pháp trợ đạo, hoặc pháp Thanh-văn, hoặc pháp Bích-chi Phật, hoặc pháp Bồ-tát, hoặc pháp Phật, hết thấy pháp ấy đều nhiếp vào trong Bát-nhã ba-la-mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Những gì là pháp lành, pháp trợ đạo, pháp Thanh-văn, pháp Bích-chi Phật, pháp Bồ-tát, pháp Phật đều nhiếp vào trong Bát-nhã ba-la-mật?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đó là Thí ba-la-mật, Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật, bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phần, tám Thánh đạo, không, vô tướng, vô tác, giải thoát môn, Phật mười lực, bốn điều không sợ, bốn trí vô ngại, đại từ đại bi, mười tám pháp không chung, tướng không sai lầm,

thường xả hành. Tu-bồ-đề! Cùng các pháp lành khác, pháp trợ đạo, hoặc pháp Thanh-văn, hoặc pháp Bích-chi Phật, hoặc pháp Bồ-tát, hoặc pháp Phật đều nhiếp vào trong Bát-nhã ba-la-mật.

Tu-bồ-đề! Hoặc Đại thừa, hoặc Bát-nhã ba-la-mật, Thiên ba-la-mật, Tấn ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Giới ba-la-mật, Thí ba-la-mật, hoặc sắc, thọ, tưởng, hành, thức, nhãn và sắc, nhãn thức, nhãn xúc, các thọ do nhãn và xúc làm nhân duyên phát sinh, cho đến ý và pháp, ý thức, ý xúc, các thọ do ý và xúc làm nhân duyên phát sinh; địa chủng cho đến thức chủng, bốn niệm xứ cho đến tám Thánh đạo phần, không, vô tướng, vô tác giải thoát môn và các pháp lành hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, hoặc hữu vi, hoặc vô vi; hoặc Khổ đế, Tập đế, Diệt đế, Đạo đế, hoặc cõi Dục, hoặc cõi Sắc, hoặc cõi Vô sắc; hoặc nội không cho đến vô pháp hữu pháp không; các môn Tam-muội, các môn Đà-la-ni; Phật mười lực cho đến mười tám pháp không chung; hoặc Phật pháp, hoặc Phật pháp tánh, như như, thật tế, bất khả tư nghì tánh, Niết-bàn; hết thảy các pháp ấy đều không hợp không tán, không sắc, không hình, không đối, chỉ một tướng đó là vô tướng.

Tu-bồ-đề! Do nhân duyên ấy, nên ông nói Đại thừa tùy thuận Bát-nhã ba-la-mật, vì sao? Tu-bồ-đề! Vì Đại thừa không khác Bát-nhã ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật không khác Đại thừa; Bát-nhã ba-la-mật và Đại thừa không hai không khác. Thí ba-la-mật không khác Đại thừa, Đại thừa không khác Thí ba-la-mật; Thí ba-la-mật và Đại thừa không hai không khác, cho đến Thiên ba-la-mật cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Bốn niệm xứ không khác Đại thừa, Đại thừa không khác bốn niệm xứ; bốn niệm xứ và Đại thừa không hai không khác; cho đến mười tám pháp không chung không khác Đại thừa, Đại thừa không khác mười tám pháp không chung; mười tám pháp không chung và Đại thừa không hai không khác.

Tu-bồ-đề! Do nhân duyên ấy, nên ông nói Đại thừa tức là nói Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN: Luận giả nói: Phú-lâu-na tuy tự mình không nghi, chỉ vì kẻ tân học độn căn không hiểu nghĩa một mà tên gọi khác, nên đặt câu hỏi. Tu-bồ-đề liền đem việc ấy bạch Phật: Phật pháp thậm thâm, điều con nói sẽ không có lỗi chằng? Phật đáp: Ông nói Đại thừa tùy thuận Bát-nhã, không có sai trái. Nghĩa này lúc đầu đã luận rồi, nay Phật dạy cho nhân duyên tùy thuận; đó là hết thấy pháp lành thuộc ba thừa, đều tụ hợp vào trong Bát-nhã ba-la-mật, vì có sao? Vì hết thấy pháp lành của ba thừa đều vì Niết-bàn. Cửa vào Niết-bàn có ba: Hết thấy pháp đều vào cửa không, cửa vô tướng, vô tác. Như trì giới hay sinh thiên định, thiên định hay sinh thật trí tuệ, vì không nhiễm trước thế gian.

Những gì là pháp trợ đạo của ba thừa nhiếp ở trong Bát-nhã? Đó là sáu Ba-la-mật, ba mươi bảy phẩm, ba cửa giải thoát, Phật mười lực, bốn việc không sợ, bốn trí vô ngại, đại từ đại bi, mười tám pháp không chung, tướng không sai lầm, thường xả hành. Trong đó ba mươi bảy phẩm, ba cửa giải thoát, là pháp chung của ba thừa, sáu Ba-la-mật là pháp của Bồ-tát, mười lực cho đến thường xả hành là pháp của Phật.

Có người nói: Sáu Ba-la-mật có đầy đủ, có không đầy đủ. Không đầy đủ là pháp chung cả hai thừa, đầy đủ là pháp riêng của Bồ-tát.

* Lại nữa, Đại thừa không, Bát-nhã ba-la-mật cũng không, nghĩa không là một. Tu-bồ-đề tùy thuận không lầm, như Bát-nhã ba-la-mật không, năm Ba-la-mật cho đến như như, pháp tánh, thật tế, bất khả tư nghì tánh, Niết-bàn, cũng như vậy.

* Lại nữa, từ Bát-nhã ba-la-mật cho đến Niết-bàn, đều là không hợp không tán, không sắc, không hình, không đối, chỉ một tướng đó là vô tướng. Vì đồng tướng nên nói Đại thừa là Bát-nhã ba-la-mật, Đại thừa và Bát-nhã không hai không khác vậy.

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

GIẢI THÍCH: PHẨM MƯỜI VÔ THỨ 25

(Kinh Đại Bát-nhã ghi: Phần 2, Phẩm Vô Biên Tế thứ 23)

KINH: Tuệ mạng Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát, tiền tế không thể có được, hậu tế không thể có được, trung tế không thể có được. Vì sắc vô biên nên biết Bồ-tát ma-ha-tát cũng vô biên; vì thọ, tưởng, hành, thức vô biên, nên biết Bồ-tát ma-ha-tát cũng vô biên. Sắc là Bồ-tát ma-ha-tát cũng không thể có được; thọ, tưởng, hành, thức là Bồ-tát ma-ha-tát là cũng không thể có được. Như vậy, bạch Thế Tôn! Nơi hết thấy chúng, hết thấy chỗ tìm Bồ-tát không thể có được. Bạch Thế Tôn! Con sẽ dạy Bát-nhã ba-la-mật cho những Bồ-tát như thế nào? Bạch Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát chỉ có danh tự, như nói danh tự ngã, ngã rốt ráo chẳng sinh, giống như ngã; các pháp cũng như vậy, không có tự tánh.

Những sắc gì rốt ráo không sinh; những thọ, tưởng, hành, thức gì rốt ráo không sinh? Bạch Thế Tôn! Rốt ráo không sinh không gọi là sắc, rốt ráo không sinh không gọi là thọ, tưởng, hành, thức. Bạch Thế Tôn! Nếu pháp rốt ráo không sinh, nên dạy đó là Bát-nhã ba-la-mật ư? Là rốt ráo không sinh cũng không có Bồ-tát tu hành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu Bồ-tát nghe nói lời này mà tâm không chìm đắm ưu hối, không kinh,

không hãi, không sợ, nên biết Bồ-tát ma-ha-tát như vậy, có thể tu hành Bát-nhã ba-la-mật.

Xá-lợi-phất hỏi **Tu-bồ-đề**: Do nhân duyên gì nên nói Bồ-tát ma-ha-tát tiền tế không thể có được, hậu tế không thể có được, trung tế không thể có được?

Tu-bồ-đề! Do nhân duyên gì nên nói sắc vô biên, nên biết Bồ-tát cũng vô biên? Thọ, tưởng, hành, thức vô biên, nên biết Bồ-tát cũng vô biên?

Tu-bồ-đề! Do nhân duyên gì nên nói sắc là Bồ-tát cũng không thể có được? Thọ, tưởng, hành, thức là Bồ-tát cũng không thể có được?

Tu-bồ-đề! Do nhân duyên gì nên nói nơi hết thấy chung, hết thấy chỗ tìm Bồ-tát không thể có được, nên dạy Bát-nhã ba-la-mật cho những Bồ-tát như thế nào?

Tu-bồ-đề! Do nhân duyên gì nên nói Bồ-tát chỉ có danh tự?

Tu-bồ-đề! Do nhân duyên gì nên như nói danh tự ngã, ngã rốt ráo không sinh, như ngã, các pháp cũng như vậy, đều không có tự tánh?

Tu-bồ-đề! Những sắc gì rốt ráo không sinh? Những thọ, tưởng, hành, thức gì rốt ráo không sinh?

Tu-bồ-đề! Do nhân duyên gì nên nói rốt ráo không sinh không gọi là sắc; rốt ráo không sinh không gọi là thọ, tưởng, hành, thức?

Tu-bồ-đề! Do nhân duyên gì nên nói nếu pháp rốt ráo không sinh, nên dạy Bát-nhã ba-la-mật ấy chăng?

Tu-bồ-đề! Do nhân duyên gì nên nói lìa rốt ráo không sinh thì cũng không có Bồ-tát tu hành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Tu-bồ-đề! Do nhân duyên gì nên nói, nếu Bồ-tát nghe lời nói ấy mà tâm không chìm đắm, không ưu hối, không kinh, không hãi, không sợ, nếu tu hành được như vậy, ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật?

Bấy giờ, Tu-bồ-đề trả lời Xá-lợi-phất rằng: Vì chúng sinh không có nên Bồ-tát tiền tế không thể có được, vì chúng sinh không, nên Bồ-tát tiền tế không thể có được; vì chúng sinh lìa, nên Bồ-tát tiền tế không thể có được.

Xá-lợi-phất! Vì sắc không có nên tiền tế không thể có được; vì thọ, tưởng, hành, thức không có nên Bồ-tát tiền tế không thể có được; vì sắc không nên Bồ-tát tiền tế không thể có được; vì thọ, tưởng, hành, thức không nên Bồ-tát tiền tế không thể có được; vì sắc lìa nên Bồ-tát tiền tế không thể có được; vì thọ, tưởng, hành, thức lìa nên Bồ-tát tiền tế không thể có được.

Xá-lợi-phất! Vì sắc tánh không có nên Bồ-tát tiền tế không thể có được; vì thọ, tưởng, hành, thức tánh không có nên Bồ-tát tiền tế không thể có được.

Xá-lợi-phất! Vì Thí ba-la-mật không có nên Bồ-tát tiền tế không thể có được; vì Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật không có nên Bồ-tát tiền tế không thể có được, vì sao? Xá-lợi-phất! Vì trong không, tiền tế không thể có được, hậu tế không thể có được, trung tế không thể có được. Không chẳng khác Bồ-tát, Bồ-tát chẳng khác tiền tế. Xá-lợi-phất! Không, Bồ-tát, tiền tế, các pháp ấy không hai không khác. Do nhân duyên ấy nên Bồ-tát tiền tế không thể có được.

Xá-lợi-phất! Vì Thí ba-la-mật không nên Thí ba-la-mật lìa, vì Thí ba-la-mật tánh không có, nên Bồ-tát tiền tế không thể có được; vì Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật không nên Bát-nhã ba-la-mật lìa,

vì Bát-nhã ba-la-mật tánh không có, nên Bồ-tát tiền tế không thể có được, vì có sao? Xá-lợi-phất! Trong không tiền tế không thể có được, hậu tế không thể có được, trung tế không thể có được. Không chẳng khác Bồ-tát, Bồ-tát cũng chẳng khác tiền tế. Xá-lợi-phất! Không, Bồ-tát, tiền tế không hai không khác. Do nhân duyên ấy, Xá-lợi-phất, nên Bồ-tát tiền tế không thể có được.

* Lại nữa, Xá-lợi-phất! Nội không không có nên Bồ-tát tiền tế không thể có được, cho đến vô pháp hữu pháp không không có nên Bồ-tát tiền tế không thể có được. Vì nội không không nên nội không lia, vì nội không tánh không có cho đến vô pháp hữu pháp không, vì không, vì lia, vì tánh không có nên Bồ-tát tiền tế không thể có được. Các nghĩa khác như trên đã nói.

* Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bốn niệm xứ không có nên Bồ-tát tiền tế không thể có được; bốn niệm xứ vì không, vì lia, vì tánh không có nên Bồ-tát tiền tế không thể có được, cho đến mười tám pháp không chung không có, nên Bồ-tát tiền tế không thể có được; mười tám pháp không chung, vì không, vì lia, vì tánh không có, nên Bồ-tát tiền tế không thể có được. Các nghĩa khác như trên đã nói. Do nhân duyên ấy, Xá-lợi-phất, nên Bồ-tát tiền tế không thể có được.

* Lại nữa, Xá-lợi-phất! Hết thấy môn Tam-muội, hết thấy môn Đà-la-ni không có nên Bồ-tát tiền tế không thể có được; môn Tam-muội, môn Đà-la-ni vì không, vì lia, vì tánh không có, nên Bồ-tát tiền tế không thể có được. Các nghĩa khác như trên nói.

* Lại nữa, Xá-lợi-phất! Pháp tánh không có, nên Bồ-tát tiền tế không thể có được; pháp tánh vì không, vì lia, vì tánh không có, nên Bồ-tát tiền tế không thể có được, các nghĩa khác như trên đã nói.

*** Lại nữa, Xá-lợi-phất! Như như vì không có, vì không, vì lìa, vì tánh không có; thật tế vì không có, vì không, vì lìa, vì tánh không có; bất khả tư nghì tánh vì không có, vì không, vì lìa, vì tánh không có, nên Bồ-tát tiền tế không thể có được. Các nghĩa khác như trên nói.**

*** Lại nữa, Xá-lợi-phất! Vì Thanh-văn không có nên Bồ-tát tiền tế không thể có được; Thanh-văn vì không, vì lìa, vì tánh không có nên Bồ-tát tiền tế không thể có được; Bích-chi Phật vì không có, vì không, vì lìa, vì tánh không có nên Bồ-tát tiền tế không thể có được; Phật vì không có, vì không, vì lìa, vì tánh không có nên Bồ-tát tiền tế không thể có được; Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác vì không có, cho đến vì tánh không có nên Bồ-tát tiền tế không thể có được.**

*** Lại nữa, Trí nhất thiết chủng vì không có cho đến vì tánh không có, nên Bồ-tát tiền tế không thể có được, vì sao? Xá-lợi-phất! Vì không, tiền tế không thể có được, hậu tế không thể có được, trung tế không thể có được, nên Bồ-tát tiền tế không thể có được. Xá-lợi-phất! Không chẳng khác Bồ-tát, cũng chẳng khác tiền tế; không, Bồ-tát, tiền tế, các pháp ấy không hai không khác. Do nhân duyên ấy, Xá-lợi-phất, nên Bồ-tát tiền tế không thể có được; hậu tế, trung tế cũng như vậy.**

LUẬN. *Hỏi:* Trước đã nói Bồ-tát, danh tự Bồ-tát không thể có được, thì vì ai để nói Bát-nhã ba-la-mật? Sao nay còn nói lại?

Đáp: Không nên hỏi câu ấy. Vì Tu-bồ-đề tu không hạnh đệ nhất, thường ưa nói không, nếu có nói, thì cũng thường đem không môn để lợi ích chúng sinh.

*** Lại nữa, trên mới lược nói, trong đây lấy mười thứ để phân biệt rộng nghĩa Bồ-tát không thể có được. Hành giả nếu quán các pháp không, tùy thuận, vô tướng, vô tác, vì tâm vô tác nên không muốn có**

tác vi, như vậy còn không thể tự làm lợi ích cho mình, huống gì làm lợi ích cho người! Nếu người ở vào tâm hữu ngã thời có thể phân biệt các pháp tướng lành và chẳng lành, nhóm các pháp lành, bỏ các pháp chẳng lành. Nay Phật dạy trong Bát-nhã ba-la-mật không nên có tâm chấp ngã, không nên phân biệt các pháp, chỉ tu hành các thiện, việc ấy rất khó. Hành giả nghĩ rằng: Nếu không có ngã, thời ai tu điều thiện? Nghĩ rằng: Trước có ngã, nay vì Bát-nhã ba-la-mật nên không có, nên sinh tâm lo buồn. Vì thế nên Tu-bồ-đề nói lại: Ngã từ xưa lại đây không có chứ chẳng phải trước có nay không. Hành giả biết như vậy xưa nay tự không có, nay không mất gì, cho nên không lo sợ; ví như cây lớn rễ sâu, không thể chặt một nhát mà đứt, phải dùng sức chặt nhiều búa mới đứt được. Bồ-tát không cũng như vậy, không thể nói một lần là được, vì vậy nên phải phân biệt rộng.

Tu-bồ-đề khi hỏi Phật, nghĩ rằng: Nếu quyết định có Bồ-tát thời ba đời đều có, nay trong đời trước không có Bồ-tát, vì sao? Vì đời trước không có bắt đầu, đời vị lai cũng như vậy, vì chưa có nhân duyên. Trước sau đối đãi mới có trung gian, nếu không có trước sau thời không có trung gian. Nếu cho năm uẩn là Bồ-tát, năm uẩn không biên giới, như trước do nhiều nhân duyên nói năm uẩn rất ráo không, nên vô lượng vô biên, vô lượng vô biên nên đồng là pháp vô vi. Nếu Bồ-tát vô biên, việc ấy không đúng. Do nhân ấy nên Bồ-tát không thể có được, sẽ thuyết cho ai? Trong tất cả chỗ, tất cả chúng, tất cả thời tìm Bồ-tát không thể có được, sẽ thuyết cho ai? Như ngã rất ráo không sinh, không, không có gì, năm uẩn cũng như vậy, rất ráo không sinh, không có gì; đã không có chúng sinh và pháp năm uẩn, làm sao có Bồ-tát?

Hỏi: Chúng sinh và năm uẩn rất ráo không sinh, người hiểu được pháp ấy tức là Bồ-tát sao?

Đáp: Rất ráo không sinh, không gọi là sắc, không gọi là thọ, tướng, hành, thức; vì sao? Vì năm uẩn là tướng sinh, trong rất ráo không sinh không có tướng tự phân biệt ấy. Năm uẩn rất ráo không

sinh thì không thể đem ra giáo hóa; xa lìa rốt ráo không sinh, cũng không có Bồ-tát hành đạo, vậy sẽ dạy ai? Bồ-tát nghe như vậy, không sợ, không hãi, ấy là có thể tu hành Bồ-tát đạo.

Hỏi: Ngã với Bồ-tát là một vật, có sao lấy ngã ví dụ Bồ-tát?

Đáp: Trong Bát-nhã ba-la-mật, hết thấy pháp đều không, đối với kẻ sơ học không tiện vì họ nói không, nên trước tiên phải phân biệt tội phước, bỏ tội tu phước. Phước đức quả báo vô thường, vô thường nên sinh khổ, thế nên bỏ phước, nhằm chán thế gian, cầu đạo vào Niết-bàn.

Bấy giờ, nên suy nghĩ rằng: Nhân nơi ngã nên sinh các phiền não, ngã ấy ở trong sáu thức tìm không thể có được, chỉ do điên đảo nên chấp ngã, thế nên hiểu lý vô ngã dễ, dễ nên có thể lãnh thọ giáo hóa. Nếu nói sắc không, thời khó hiểu, tuy tai nghe nói không, mắt thường thấy thật có, thế nên trước phá cái ngã đối với tội ác sau mới phá tất cả pháp. Tất cả những Phật tử đắc đạo tự biết tự chứng vô ngã, người chưa đắc đạo thì tin các pháp không, chẳng thể như tin vô ngã; thế nên lấy vô ngã để ví dụ.

Trong đây Tu-bồ-đề nói hết thấy pháp không, suy đến không có Bồ-tát, nên dùng vô ngã để ví dụ, lấy nhỏ ví dụ lớn, như lấy đường phèn ví dụ cam lồ.

Hỏi: Xá-lợi-phất đã biết nghĩa không, vô ngã, có gì còn mỗi việc mỗi hỏi?

Đáp: Tu-bồ-đề là thuộc hàng Thanh-văn, đức không bằng Bồ-tát mà ở trước Phật nói Bát-nhã thâm sâu, thời tâm hàng Bồ-tát mới học hoặc sinh nghi. Trên kia Phật khen tuy ông nói về Đại thừa tùy thuận Bát-nhã, vẫn cho là Phật muốn thuận theo Tu-bồ-đề. Xá-lợi-phất muốn dứt cái nghi ấy, nên hỏi.

* Lại nữa, Phật muốn cùng Tu-bồ-đề nói Bát-nhã cho đến rốt ráo, nên Xá-lợi-phất mỗi việc mỗi hỏi khiến Tu-bồ-đề khéo phân

biệt thâm nghĩa, khiến mọi người kính tin. Vì vậy nên hỏi trong quá khứ Bồ-tát không thể có được, cho đến vẫn không sợ không hãi. Tu-bồ-đề đáp nghĩa: Ngã, chúng sinh, người chính là một vật, nhưng khi chưa đắc đạo gọi là phàm phu, khi mới vào đạo cho đến A-la-hán gọi là người Thanh-văn. Khi quán pháp nhân duyên ngộ lý không, chưa sâu, ít thương xót chúng sinh, gọi là người Bích-chi Phật. Khi sâu vào pháp không, hành sáu Ba-la-mật, đại từ đại bi, ấy gọi là người Bồ-tát. Vì công đức khác nhau nên tên gọi cũng khác. Như ngã, chúng sinh, người là một việc, mà do mắt thấy việc nên gọi là người thấy, ý biết được nên gọi là người biết, thọ khổ vui nên gọi là người thọ. Ngã, chúng sinh, người trước đã nói do các nhân duyên không có nên Bồ-tát cũng phải không có. Thế nên Tu-bồ-đề nói với Xá-lợi-phất: Vì chúng sinh không có nên trong ba đời không có Bồ-tát.

Hỏi: Do năm uẩn hòa hợp có Bồ-tát, vậy Bồ-tát lẽ phải không có, còn năm uẩn lẽ phải có?

Đáp: Vì phá việc ấy nên nói không có chúng sinh, không có ngã; không có ngã thời nên năm uẩn không thuộc về đâu; không thuộc về đâu nên không, vì không nên không có Bồ-tát.

Hỏi: Nếu năm uẩn không, không tức là Bồ-tát?

Đáp: Năm uẩn không cũng chẳng phải Bồ-tát. Không, không có gì nên không có phân biệt. Năm uẩn là, năm uẩn vô tánh cũng không có Bồ-tát, nếu nói không có Bồ-tát thời ba đời đều không có. Quán các pháp thế gian năm uẩn v.v... và quán đạo pháp sáu Ba-la-mật v.v... ấy gọi là Bồ-tát. Vì pháp ấy không nên Bồ-tát cũng không. Trong đây Phật tự nói nhân duyên về các pháp không không khác Bồ-tát, Bồ-tát không khác các pháp không. Bồ-tát không và ba đời không không hai không khác, từ pháp sáu Ba-la-mật cho đến Trí nhất thiết chủng, tu theo pháp ấy nên gọi là Bồ-tát. Vì các pháp ấy không, nên Bồ-tát cũng không. Pháp không này Thanh-văn, Bích-chi Phật

chứng nhập không ấy gọi là Thanh-văn, Bích-chi Phật, Thanh-văn, Bích-chi Phật chứng nhập nhân không, Bồ-tát cũng như vậy.

KINH: Như Xá-lợi-phất nói, vì sắc vô biên nên biết Bồ-tát cũng vô biên; thọ, tưởng, hành, thức vô biên, nên biết Bồ-tát cũng vô biên.

Xá-lợi-phất! Sắc như hư không; thọ, tưởng, hành, thức như hư không, vì sao? Xá-lợi-phất! Ví như hư không biên tế không thể có được, trung gian không thể có được, không có biên tế, không có trung gian, nên chỉ gọi là hư không. Như vậy, Xá-lợi-phất! Sắc biên tế không thể có được, trung gian không thể có được, vì sắc ấy không; trong không cũng không có biên tế, cũng không có trung gian; thọ, tưởng, hành, thức biên tế không thể có được, trung gian không thể có được, vì thức ấy không, trong không, không có biên tế, không có trung gian. Do nhân duyên ấy, nên Xá-lợi-phất! Sắc không biên tế nên biết Bồ-tát cũng không có biên tế; thọ, tưởng, hành, thức không có biên tế, nên biết Bồ-tát cũng không có biên tế, cho đến mười tám pháp không chung cũng như vậy.

Như Xá-lợi-phất nói: Sắc là Bồ-tát, ấy cũng không thể có được; thọ, tưởng, hành, thức là Bồ-tát cũng không thể có được. Xá-lợi-phất! Sắc, sắc tướng không, thọ, tưởng, hành thức, thức tướng không. Thí ba-la-mật, Thí ba-la-mật tướng không, cho đến Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy.

Nội không, tướng nội không cũng không, cho đến vô pháp hữu pháp không, tướng vô pháp hữu pháp không cũng không, bốn niệm xứ, tướng bốn niệm xứ không, cho đến mười tám pháp không chung, mười tám pháp không chung tướng không. Như như, pháp tánh, thật tế, bất khả tư nghì tánh, bất khả tư nghì tánh tướng không; môn Tam-muội, tướng môn Tam-muội không; môn Đà-la-ni, tướng môn Đà-la-ni không; nhất thiết trí,

tướng nhất thiết trí không; đạo chủng trí, tướng Đạo chủng trí không; Trí nhất thiết chủng, tướng Trí nhất thiết chủng không.

Thanh-văn thừa, tướng Thanh-văn thừa không; Bích-chi Phật thừa, tướng Bích-chi Phật thừa không; Phật thừa, tướng Phật thừa không; người Thanh-văn, tướng người Thanh-văn không; Bích-chi Phật, tướng Bích-chi Phật không; Phật, tướng Phật không. Trong không, sắc không thể có được; thọ, tướng, hành, thức không thể có được. Do nhân duyên ấy, nên Xá-lợi-phất! Sắc là Bò-tát cũng không thể có được; thọ, tướng, hành, thức là Bò-tát cũng không thể có được. Như Xá-lợi-phất nói do nhân duyên gì nơi tất cả chúng, tất cả xứ, tìm Bò-tát không thể có được, thời sẽ dạy Bò-tát nào về Bát-nhã ba-la-mật?

Xá-lợi-phất! Sắc không thể có được trong sắc, sắc không thể có được trong thọ; thọ không thể có được trong thọ, thọ không thể có được trong sắc; thọ không thể có được trong tướng, tướng không thể có được trong tướng; tướng không thể có được trong sắc, thọ; tướng không thể có được trong hành; hành không thể có được trong hành; hành không thể có được trong sắc, thọ, tướng; hành không thể có được trong thức, thức không thể có được trong thức; thức không thể có được trong sắc, thọ, tướng, hành.

Xá-lợi-phất! Mắt không thể có được trong mắt, mắt không thể có được trong tai; tai không thể có được trong tai, tai không thể có được trong mắt; tai không thể có được trong mũi, mũi không thể có được trong mũi, mũi không thể có được trong mắt; tai, mũi không thể có được trong lưỡi; lưỡi không thể có được trong lưỡi, lưỡi không thể có được trong mắt, tai, mũi; lưỡi không thể có được trong thân; thân không thể có được trong thân, thân không thể có được trong mắt, tai, mũi, lưỡi; thân không thể có được trong ý; ý không thể có được trong ý, ý không thể có được

trong mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Sáu nhập, sáu thức, sáu xúc; sáu xúc làm nhân duyên sinh thọ cũng như vậy.

Thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, bốn niệm xứ, cho đến mười tám pháp không chung, hết thấy môn Tam-muội, hết thấy môn Đà-la-ni, tánh pháp cho đến Bích-chi Phật pháp, Sơ địa cho đến Thập địa, Nhất thiết trí, Đạo chủng trí, Trí nhất thiết chủng cũng như vậy. Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán, Bích-chi Phật, Bồ-tát, Phật cũng như vậy.

Bồ-tát không thể có được trong Bồ-tát, Bồ-tát không thể có được trong Bát-nhã ba-la-mật; Bát-nhã ba-la-mật không thể có được trong Bát-nhã ba-la-mật; Bát-nhã ba-la-mật không thể có được trong Bồ-tát. Trong Bát-nhã ba-la-mật; giáo hóa là vô sở hữu không thể có được trong giáo hóa; giáo hóa là vô sở hữu, không thể có được trong giáo hóa, Bồ-tát và Bát-nhã ba-la-mật là vô sở hữu, không thể có được.

Như vậy, Xá-lợi-phất! Hết thấy pháp là vô sở hữu không thể có được. Do nhân duyên ấy nên nơi hết thấy chủng, hết thấy xứ tìm Bồ-tát không thể có được, nên dạy Bồ-tát nào về Bát-nhã ba-la-mật?

Như Xá-lợi-phất nói: Do nhân duyên gì nên nói Bồ-tát ma-ha-tát chỉ có giả danh? Xá-lợi-phất! Sắc là giả danh; thọ, tưởng, hành, thức là giả danh. Tên sắc chẳng phải sắc; tên thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải thức, vì sao? Vì tên, tưởng tên không, nếu không thời chẳng phải Bồ-tát. Do nhân duyên ấy, nên Xá-lợi-phất! Bồ-tát chỉ có giả danh.

* Lại nữa, Xá-lợi-phất! Thí ba-la-mật chỉ có danh tự, trong danh tự chẳng phải có Thí ba-la-mật, trong Thí ba-la-mật chẳng phải có danh tự. Do nhân duyên ấy nên Bồ-tát chỉ có giả danh;

Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật chỉ có danh tự. Trong danh tự không có Bát-nhã ba-la-mật, trong Bát-nhã ba-la-mật không có danh tự. Do nhân duyên ấy, nên Bồ-tát chỉ có giả danh.

Xá-lợi-phất! Nội không chỉ có danh tự, cho đến vô pháp hữu pháp không chỉ có danh tự; trong danh tự không có nội không, trong nội không không có danh tự, vì sao? Vì danh tự và nội không đều không thể có được, cho đến vô pháp hữu pháp không cũng như vậy. Do nhân duyên ấy, nên Xá-lợi-phất! Bồ-tát chỉ có giả danh.

Xá-lợi-phất! Bốn niệm xứ chỉ có danh tự, cho đến mười tám pháp không chung chỉ có danh tự, hết thấy môn Tam-muội, hết thấy môn Đà-la-ni, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy. Do nhân duyên ấy, nên Xá-lợi-phất! Tôi nói Bồ-tát chỉ có giả danh.

Như Xá-lợi-phất nói: Do nhân duyên gì nên nói danh tự ngã rất ráo không sinh? Xá-lợi-phất! Ngã rất ráo không thể có được, làm sao có sinh, cho đến kẻ biết kẻ thấy rất ráo không thể có được, làm sao có sinh? Xá-lợi-phất! Sắc rất ráo không thể có được, làm sao có sinh, thọ, tưởng, hành, thức rất ráo không thể có được, làm sao có sinh? Mắt rất ráo không thể có được cho đến ý và xúc làm nhân duyên sinh thọ rất ráo không thể có được, làm sao có sinh? Thí ba-la-mật rất ráo không thể có được, cho đến Bát-nhã ba-la-mật rất ráo không thể có được, làm sao có sinh? Nội không rất ráo không thể có được, cho đến vô pháp hữu pháp không, rất ráo không thể có được, làm sao có sinh?

Bốn niệm xứ rất ráo không thể có được, cho đến mười tám pháp không chung rất ráo không thể có được, làm sao có sinh? Các môn Tam-muội, các môn Đà-la-ni rất ráo không thể có được, làm sao có sinh? Thanh-văn cho đến Phật rất ráo không thể có được, làm sao có sinh?

Do nhân duyên ấy, nên Xá-lợi-phất! Tôi nói như danh tự ngã, ngã cũng rốt ráo không sinh.

LUẬN. *Hỏi*: Tâm tâm số pháp vô hình, không thể thấy, nên có thể vô biên, còn sắc có hình, có thể thấy, làm sao vô biên?

Đáp: Không chỗ nào không có sắc, không thể trừ lượng nó xa gần nặng nhẹ được. Như Phật dạy: Bốn đại không nơi nào không có, nên gọi là đại, không thể dùng năm thức biết được giới hạn của nó, không thể dùng cân đấu lượng nó nhiều ít nặng nhẹ được, nên nói sắc là vô biên.

* Lại nữa, sắc ấy ở thời quá khứ, lúc sơ thủy không thể có được, trong thời vị lai, không có giới hạn kiếp số nhiều như hằng hà sa, sắc sẽ có cùng tận, nên không có ngàn mé sau. Ngàn mé đầu, ngàn mé sau không có, nên đoạn giữa cũng không có.

* Lại nữa, ngàn mé là tướng của sắc. Sắc ấy bị phân biệt phá tan nên ngàn mé không thể có được, vì không có bản tướng.

* Lại nữa, pháp vô vi chẳng sinh chẳng diệt, nên vô số vô lượng vô biên, do pháp không quán quán sắc đều không, cùng với hư không và vô vi đồng tướng. Trong vô số vô lượng vô biên cho đến mảy may vi trần cũng không thể có được, huống gì Bồ-tát? Thế nên nói năm uẩn vô biên, Bồ-tát cũng vô biên. Như sắc vô biên, cho đến mười tám pháp không chung cũng như vậy, tùy theo tướng mà phân biệt như trước nói. Năm uẩn ấy vô lượng vô biên vô số, nên không được nói sắc là Bồ-tát. Bốn uẩn kia cũng như vậy.

* Lại nữa, sắc nếu lìa tâm tâm số pháp thì như cây cỏ ngói đá, làm sao gọi là Bồ-tát? Nếu tâm tâm số pháp lìa sắc thì không có chỗ nương dựa, cũng không thể làm được gì, làm sao gọi là Bồ-tát?

* Lại nữa, sáu Ba-la-mật, mười tám không, ba mươi bảy phẩm, mười lực, cho đến mười tám pháp không chung, như như, pháp tánh,

thật tế, bất khả tư nghì tánh, ba môn giải thoát, môn Đà-la-ni, các môn Tam-muội, Nhất thiết trí (Tát-bà-nhã), Đạo chủng trí, Trí nhất thiết chủng, ba thừa, người ba thừa, hoặc tu hoặc quán các pháp ấy, gọi là Bồ-tát. Các pháp ấy đều vì tự tướng không nên không, đó là Thí ba-la-mật, Thí ba-la-mật tướng không cho đến Phật, Phật tướng không.

Hết thấy xứ là năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, cho đến Trí nhất thiết chủng.

Hết thấy chủng là mười tám không, ba môn giải thoát, Bát-nhã ba-la-mật, quán hoặc thường hoặc vô thường v.v... vào một môn, hai môn, cho đến vô lượng môn v.v... ấy gọi là hết thấy chủng. Nơi xứ và chủng đó tìm cầu Bồ-tát không thể có được.

* Lại vì nơi tự pháp không có tự pháp, cũng không có tha pháp, như trong đây nói sắc, không thể có được trong sắc, không thể có được trong thọ; thọ không thể có được trong thọ, thọ không thể có được trong sắc, cho đến Bát-nhã ba-la-mật không thể có được trong Bát-nhã ba-la-mật, cho đến giáo hóa không thể có được trong giáo hóa. Chỉ có danh tự, năm uẩn ấy phá hoại tán diệt như hư không không khác. Bồ-tát chỉ có danh tự, như người huyễn hóa, trong danh tự giả lại lập danh tự.

Tu-bồ-đề nói với Xá-lợi-phất: Không chỉ Bồ-tát là danh tự giả mà năm uẩn cũng đều là danh tự giả, trong danh tự giả, tướng danh tự giả không thể có được, đều nhập vào đệ nhất nghĩa. Nếu Không như vậy, tức chẳng phải Bồ-tát.

* Lại nữa, sáu Ba-la-mật cho đến Trí nhất thiết chủng, tu hành pháp ấy nên gọi là Bồ-tát. Pháp ấy cũng danh tự giả, Bồ-tát cũng danh tự giả, không, không có gì, các pháp ấy, gượng đặt tên, do nhân duyên hòa hợp nên có, cũng không có sự thật đó. Ngã, danh tự rất ráo không sinh, như phần đầu của phẩm này đã nói. Trong đó Tu-bồ-đề cũng lấy chúng sinh không và pháp không để phá ngã,

nghe là ngã rốt ráo không thể có được, cho đến kẻ biết kẻ thấy không thể có được, làm sao có sinh? Năm uẩn rốt ráo không thể có được, làm sao có năm uẩn sinh? Cho đến ý và xúc làm nhân duyên sinh thọ rốt ráo không thể có được, làm sao có sinh? Sáu Ba-la-mật rốt ráo không thể có được, cho đến các môn Đà-la-ni, môn Tam-muội, Thanh-văn, Bích-chi Phật, Phật rốt ráo không thể có được, làm sao có sinh? Nếu pháp trước đã có, vậy sau có thể hỏi nó sinh, pháp thể trước đã không có, làm sao có sinh?

KINH: Như Xá-lợi-phất nói: Như ngã, các pháp cũng như vậy không có tự tánh. Xá-lợi-phất! Các pháp hòa hợp sinh nên không có tự tánh.

Xá-lợi-phất! Những gì hòa hợp sinh không có tự tánh?

Xá-lợi-phất! Sắc hòa hợp sinh, không có tự tánh; thọ, tưởng, hành, thức hòa hợp sinh, không có tự tánh, mắt hòa hợp sinh, không có tự tánh, cho đến ý hòa hợp sinh, không có tự tánh. Sắc cho đến pháp, nhãn giới cho đến pháp giới, địa chủng cho đến thức chủng, nhãn xúc cho đến ý xúc, nhãn và xúc làm nhân duyên sinh, thọ cho đến ý và xúc làm nhân duyên sinh thọ hòa hợp sinh, không có tự tánh.

Thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật hòa hợp sinh, không có tự tánh. Bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung, hòa hợp sinh, không có tự tánh.

* Lại nữa, Xá-lợi-phất! Hết thấy pháp vô thường cũng chẳng diệt mất.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Những pháp gì vô thường cũng chẳng diệt mất?

Tu-bồ-đề đáp: Sắc vô thường cũng chẳng diệt mất; thọ, tưởng, hành, thức vô thường cũng chẳng diệt mất, vì sao? Vì nếu pháp vô thường, tức là tướng động, tức là tướng không. Do nhân

duyên ấy, nên Xá-lợi-phất! Hết thấy pháp hữu vi vô thường cũng chẳng diệt mất.

Hoặc pháp hữu lậu, hoặc pháp vô lậu, hoặc pháp hữu ký, hoặc pháp vô ký, vô thường cũng chẳng diệt mất, vì sao? Vì nếu pháp vô thường, tức là tướng động, tức là tướng không. Do nhân duyên ấy, nên Xá-lợi-phất! Hết thấy pháp có tạo tác vô thường cũng chẳng diệt mất.

* Lại nữa, Xá-lợi-phất! Hết thấy pháp chẳng phải thường, chẳng phải diệt mất.

Xá-lợi-phất hỏi: Những pháp gì chẳng phải thường chẳng phải diệt mất?

Tu-bồ-đề đáp: Sắc chẳng phải thường chẳng phải diệt mất, vì sao? Vì tánh nó tự như vậy. Thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải thường chẳng phải diệt mất, vì sao? Vì tánh nó tự như vậy; cho đến thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh ra chẳng phải thường chẳng phải diệt mất, vì sao? Vì tánh nó tự như vậy. Do nhân duyên ấy, nên Xá-lợi-phất! Các pháp hòa hợp sinh, không có tự tánh.

Như Xá-lợi-phất nói: Nhân duyên gì nên sắc rốt ráo chẳng sinh? Thọ, tưởng, hành, thức rốt ráo chẳng sinh?

Tu-bồ-đề đáp: Sắc chẳng phải pháp tạo tác, thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải pháp tạo tác, vì sao? Vì tác giả không thể có được. Xá-lợi-phất! Mắt chẳng phải pháp tạo tác, vì sao? Vì tác giả không thể có được, cho đến ý cũng như vậy. Ranh giới mắt cho đến thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh cũng như vậy.

* Lại nữa, Xá-lợi-phất! Hết thấy các pháp đều chẳng phải khởi lên, chẳng phải tạo tác, vì sao? Vì tác giả không thể có được. Do nhân duyên ấy, nên Xá-lợi-phất! Sắc rốt ráo chẳng sinh; thọ, tưởng, hành, thức rốt ráo chẳng sinh.

Như Xá-lợi-phất nói: Do nhân duyên gì nên rốt ráo chẳng sinh ấy chẳng gọi là sắc; rốt ráo chẳng sinh ấy chẳng gọi là thọ, tưởng, hành, thức?

Tu-bồ-đề đáp: Sắc tánh không, không ấy không sinh không diệt, không trụ, không khác; thọ, tưởng, hành, thức tánh không, không ấy không sinh, không diệt, không trụ, không khác. Mất cho đến hết thấy pháp hữu vi tánh không, không ấy không sinh, không diệt, không trụ, không khác. Do nhân duyên ấy, nên Xá-lợi-phất! Rốt ráo chẳng sinh, không gọi là sắc, rốt ráo chẳng sinh, không gọi là thọ, tưởng, hành, thức.

Như Xá-lợi-phất nói: Do nhân duyên gì nên pháp rốt ráo chẳng sinh, nên dạy Bát-nhã ba-la-mật ấy ư?

Tu-bồ-đề đáp: Rốt ráo chẳng sinh tức là Bát-nhã ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật tức là rốt ráo chẳng sinh. Bát-nhã ba-la-mật và rốt ráo chẳng sinh không hai không khác. Do nhân duyên ấy, nên Xá-lợi-phất! Nói rốt ráo chẳng sinh, nên dạy Bát-nhã ba-la-mật ấy.

Như Xá-lợi-phất nói: Do nhân duyên gì nên lìa rốt ráo chẳng sinh, thời không có Bồ-tát tu hành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Tu-bồ-đề đáp: Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật, không thấy rốt ráo chẳng sinh khác với Bát-nhã ba-la-mật, cũng không thấy rốt ráo chẳng sinh khác với Bồ-tát, rốt ráo chẳng sinh và Bồ-tát không hai không khác.

Không thấy rốt ráo chẳng sinh khác với sắc, vì sao? Vì rốt ráo chẳng sinh và sắc không hai không khác. Không thấy rốt ráo chẳng sinh khác với thọ, tưởng, hành, thức, vì sao? Vì rốt ráo chẳng sinh và thọ, tưởng, hành, thức không hai không khác; cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy. Do nhân duyên ấy, nên

Xá-lợi-phất! Là rốt ráo chẳng sinh thời không có Bồ-tát tu hành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Như Xá-lợi-phất nói: Do nhân duyên gì nên Bồ-tát nghe nói lời ấy, tâm chẳng chìm đắm, chẳng ưu hối, chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ, ấy gọi là Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật?

Tu-bồ-đề đáp: Bồ-tát ma-ha-tát không thấy các pháp có giác, tri, tướng, chỉ thấy hết thấy các pháp như mộng, như huyễn, như sóng nắng, như ảnh, như biến hóa. Xá-lợi-phất! Do nhân duyên ấy, nên Bồ-tát nghe lời ấy tâm không chìm đắm, không hối, chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ.

LUẬN: Luận giả nói: Các pháp không có tự tánh là lấy tánh không phá mỗi mỗi tánh của các pháp. Trong đây Tu-bồ-đề tự nói: Các pháp hòa hợp sinh, không có tự tánh, như hòa hợp pháp năm uẩn và thiện pháp sáu Ba-la-mật, từ ấy xuất ra danh tự Bồ-tát. Bồ-tát ấy là pháp do tạo tác, các pháp hòa hợp sinh nên chẳng phải do một pháp tạo thành, vì thế nên nói là giả danh. Các pháp ấy cũng từ bên hòa hợp sinh; thí như có mắt, có sắc, có ánh sáng, có khoảng không, có tâm muốn thấy, đủ các nhân duyên ấy hòa hợp sinh nhãn thức. Trong đây không được nói mắt là cái thấy, hoặc thức là cái thấy, hoặc sắc là cái thấy, hoặc ánh sáng là cái thấy. Nếu mắt, sắc, thức mỗi mỗi không thấy được gì, thì hòa hợp lại cũng không thể có thấy. Vì vậy nên cái thấy rốt ráo không, như huyễn, như mộng. Hết thấy các pháp cũng như vậy.

* Lại nữa, hết thấy pháp vô thường cũng chẳng mất, vô thường thời phá điên đảo chấp thường, chẳng mất thời phá điên đảo chấp đoạn. Pháp vô thường chẳng mất ấy chính là vào cửa thật tướng. Thế nên Tu-bồ-đề nói với Xá-lợi-phất: Vô thường tức tướng động, tức là tướng không. Hết thấy pháp cũng như vậy.

* Lại nữa, hết thấy pháp chẳng phải thường chẳng phải mất, là như nghĩa sau cùng của mười tám không.

Sắc rốt ráo chẳng sinh là vì năm uẩn, tác giả, sinh giả, khởi giả không thể có được.

* Lại nữa, tướng sinh không thể có được, như trước đã nói trong đoạn phá sinh. Hết thấy pháp cũng như vậy, vì sao? Nếu nói sắc chẳng sinh là chẳng phải sắc, chẳng phải thọ, tướng, hành, thức. Trong đây Tu-bồ-đề tự nói: Sắc từ nhân duyên sinh, không có tự tánh, thường tướng không. Nếu pháp thường tướng không, pháp ấy không có tướng sinh, không có tướng diệt, không có tướng trụ, tướng dị; thọ, tướng, hành, thức cũng như vậy. Thế nên pháp tướng chẳng sinh, tức là vô vi, chẳng phải tướng hữu vi. Các pháp khác cũng như vậy, rốt ráo chẳng sinh, thì sẽ dạy Bát-nhã cho ai? Rốt ráo chẳng sinh tức là thật tướng các pháp, thật tướng các pháp tức là Bát-nhã ba-la-mật, làm sao lấy Bát-nhã ba-la-mật dạy Bát-nhã ba-la-mật? Nếu lìa rốt ráo chẳng sinh mà có Bồ-tát thời nên dạy Bát-nhã ba-la-mật, song Bồ-tát và Bát-nhã ba-la-mật ấy rốt ráo chẳng sinh, không hai không khác, làm sao dạy cái rốt ráo chẳng sinh hành đạo được? Trong lần nói ở trên đã kết hợp giải thích. Bồ-tát nghe điều ấy mà không thối mất, không hối, Bồ-tát ấy đối với hết thấy pháp không thấy ngã, chúng sinh cho đến kẻ biết kẻ thấy, cũng không có kẻ nói, cũng không có kẻ nghe, không có tà thuyết, không có chánh thuyết, cũng không có kẻ không thuyết. Biết hết thấy pháp do nhân duyên hòa hợp nên sinh, các duyên xa lìa nên diệt, không có cái sinh khởi, không có cái diệt mất, cho nên không sợ, không hãi, không chìm đắm, không ưu hối. Bồ-tát biết hết thấy pháp hư dối không thật, không định, hoặc khi chết gấp, hoặc đọa địa ngục A-tỳ, tâm còn không động, hướng gì nghe nói Thanh-văn mà sợ hãi, như người trong mộng thấy việc sợ hãi, thức dậy, thời không có tâm sợ, biết việc mộng dối gạt tâm, không có sự thật. Bồ-tát cũng như vậy, vào trong tâm mộng của thế gian thấy có sợ hãi, khi ngộ được thật tướng các pháp, thời không có sợ, biết các pháp chỉ là hư dối, không có chơn thật.

* Lại nữa, thí như sự huyền, người trí tuy thấy, tâm không mê hoặc, biết đó là pháp hư dối. Bồ-tát cũng như vậy, biết hết thấy pháp như huyền, hay dối tâm người, trong đó không có gì thật, vì vậy nên chẳng sợ hãi. Như sóng nắng, như ảnh, như hóa cũng như vậy.

KINH: Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật, quán các pháp như vậy, khi ấy Bồ-tát ma-ha-tát chẳng thọ sắc, chẳng chỉ thị sắc, chẳng trụ sắc, chẳng đắm sắc (*Kinh Đại Bát-nhã ghi: Không thọ, không thủ, không trụ, không trước - ND*), chẳng nói đó là sắc; thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng lãnh thọ, chẳng chỉ thị, chẳng trụ, chẳng đắm, cũng chẳng nói đó là thọ, tưởng, hành, thức.

Đối với mắt chẳng thọ, chẳng chỉ thị, chẳng trụ, chẳng đắm, cũng chẳng nói đó là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng chẳng lãnh thọ, chẳng chỉ thị, chẳng trụ, chẳng đắm, cũng chẳng nói đó là ý.

Thí ba-la-mật chẳng thọ, chẳng chỉ thị, chẳng trụ, chẳng đắm, cũng chẳng nói đó là Thí ba-la-mật; Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật, chẳng thọ, chẳng thị, chẳng trụ, chẳng đắm, cũng chẳng nói đó là Bát-nhã ba-la-mật.

Nội không chẳng thọ, chẳng chỉ thị, chẳng trụ, chẳng đắm, cũng chẳng nói đó là nội không; cho đến vô pháp hữu pháp không cũng như vậy.

* Lại nữa, Bạch đức Thế Tôn! khi Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật, đối với bốn niệm xứ chẳng thọ, chẳng chỉ thị, chẳng trụ, chẳng đắm, cũng chẳng nói đó là bốn niệm xứ, cho đến mười tám pháp không chung chẳng thọ, chẳng chỉ thị, chẳng trụ, chẳng đắm, cũng chẳng nói đó là mười tám pháp không chung. Hết thấy môn Tam-muội, hết thấy môn Đà-la-ni, cho đến Trí nhất thiết chủng chẳng thọ, chẳng chỉ thị, chẳng trụ, chẳng đắm, cũng chẳng nói đó là Trí nhất thiết chủng.

*** Lại nữa, Bạch đức Thế Tôn! Khi Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật, chẳng thấy sắc cho đến chẳng thấy Trí nhất thiết chủng, vì sao? Vì sắc chẳng sinh là chẳng phải sắc; thọ, tưởng, hành, thức chẳng sinh là chẳng phải thức. Mắt chẳng sinh là chẳng phải mắt; tai, mũi, lưỡi, thân, ý chẳng sinh là chẳng phải ý. Thí ba-la-mật chẳng sinh là chẳng phải Thí ba-la-mật, cho đến Bát-nhã ba-la-mật chẳng sinh là chẳng phải Bát-nhã ba-la-mật, vì có sao? Vì sắc và chẳng sinh không hai không khác, cho đến Bát-nhã ba-la-mật và chẳng sinh không hai không khác.**

Nội không chẳng sinh là chẳng phải nội không, cho đến vô pháp hữu pháp không chẳng sinh là chẳng phải vô pháp hữu pháp không, vì sao? Vì nội không cho đến vô pháp hữu pháp không và chẳng sinh không hai không khác.

Bạch đức Thế Tôn! Bốn niệm xứ chẳng sinh là chẳng phải bốn niệm xứ, vì sao? Vì bốn niệm xứ và chẳng sinh không hai không khác, vì sao? Bạch đức Thế Tôn! Pháp chẳng sinh ấy chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải ba, chẳng phải khác. Vì vậy nên bốn niệm xứ và chẳng sinh không hai không khác; cho đến mười tám pháp không chung chẳng sinh là chẳng phải mười tám pháp không chung, vì sao? Vì mười tám pháp không chung và chẳng sinh không hai không khác, vì sao? Bạch đức Thế Tôn! Pháp chẳng sinh ấy chẳng phải một chẳng phải hai, chẳng phải ba, chẳng phải khác. Vì vậy, nên mười tám pháp không chung chẳng sinh chẳng phải mười tám pháp không chung.

Bạch đức Thế Tôn! Như như chẳng sinh là chẳng phải như như, cho đến tánh bất khả tư nghì chẳng sinh là chẳng phải tánh bất khả tư nghì.

Bạch đức Thế Tôn! Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng sinh, Nhất thiết trí, Trí nhất thiết chủng chẳng sinh là chẳng phải Trí nhất thiết chủng, vì sao? Vì Vô thượng Chánh

đẳng Chánh giác ấy cho đến Trí nhất thiết chủng và chẳng sinh không hai không khác, vì sao? Bạch đức Thế Tôn! Pháp chẳng sinh ấy chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải ba, chẳng phải khác. Vì vậy nên cho đến Trí nhất thiết chủng chẳng sinh là chẳng phải Trí nhất thiết chủng.

Bạch đức Thế Tôn! Sắc chẳng có tướng diệt là chẳng phải sắc, vì sao? Vì sắc và tướng chẳng diệt không hai không khác, vì sao? Bạch đức Thế Tôn! Vì pháp chẳng diệt ấy chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải ba, chẳng phải khác. Vì vậy, nên sắc chẳng có tướng diệt là chẳng phải sắc, thọ, tướng, hành, thức tướng chẳng diệt là chẳng phải thức, vì sao? Vì thức và tướng chẳng diệt không hai không khác, vì sao? Bạch đức Thế Tôn! Pháp chẳng diệt ấy chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải ba, chẳng phải khác. Vì vậy, nên thức chẳng có tướng diệt là chẳng phải thức. Thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung cũng như vậy. Bạch đức Thế Tôn! Vì vậy nên sắc nhập pháp số không hai; thọ, tướng, hành, thức nhập pháp số không hai, cho đến Trí nhất thiết chủng nhập pháp số không hai.

LUẬN: Luận giả nói: Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bồ-tát quán các pháp như vậy, đối với năm uẩn có năm hạnh chánh quán; nghĩa là *chẳng thọ*, vì nơi năm uẩn có lửa vô thường đốt cháy tâm.

Chẳng chỉ thị tức là chẳng chấp thủ tướng, chẳng phải chỉ quán cái lỗi vô thường v. v... còn quán năm uẩn ấy không, không chấp thủ tướng.

Chẳng trụ là không nương tựa năm uẩn, vì sợ giặc phiền não kéo đến, không dám trụ lâu; ví như chỗ làng trống, chỗ giặc ở, người trí không nên ở lâu.

Chẳng đấm là năm uẩn nếu có một tội còn không nên đấm, huống gì thân có nhiều tội như đói, khát, lạnh, nóng, già bệnh, chết

v.v...; tâm thì có ưu sâu, sợ hãi, ganh ghét, sân hận v.v... đời sau đọa vào ba đường ác. Hết thấy đều vô thường, khổ, không, vô ngã, chẳng được tự tại, có vô lượng vô biên tội lỗi như vậy, làm sao đấm trước được!

Không nói là sắc, vì không lấy tà kiến nói sắc hoặc thường hoặc vô thường, không nói năm uẩn có tướng nhất định như vậy, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy, vì sao? Vì đối với sắc tu hành năm thứ chánh hành, năm uẩn ấy đều không có tướng sinh, đều một tướng, một tướng thời là vô tướng. Nếu vô tướng thời chẳng phải có năm uẩn, cho đến trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Nếu hết thấy pháp tướng chẳng sinh cùng Bát-nhã ba-la-mật không hai không khác, có được tâm vô sinh ấy tức là Bát-nhã ba-la-mật, được Bát-nhã ba-la-mật tức biết các pháp chẳng sinh chẳng diệt. Vì thế nên Bát-nhã ba-la-mật tức là chẳng sinh, không hai không khác.

* Lại nữa, Tu-bồ-đề tự nói nhân duyên rằng pháp vô sinh ấy chẳng phải tướng một, chẳng phải tướng hai, chẳng phải tướng ba, chẳng phải tướng khác, vì sao? Vì các pháp vô sinh là một tướng, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy. Như vô sinh, vô diệt cũng như vậy.

Hỏi: Vì sao cuối cùng nói đến sắc cho đến Trí nhất thiết chủng nhập vào pháp số không hai?

Đáp: Bồ-tát nếu chưa phá sắc thời sinh kiết sử tham ái đấm theo sắc ấy; phá sắc rồi thời sinh tà kiến đấm vào sắc không ấy. Nay dùng trí tuệ quán không, để quán sắc... đều không, không có hai tướng. Các pháp ấy hư vọng không thật, nhiếp vào nội nhập và ngoại nhập gọi là hai; sắc cho đến Trí nhất thiết chủng, lìa hai ấy nên gọi không hai.

Nay Tu-bồ-đề thương xót chúng sinh nên nói các pháp ấy không hai, nhập vào số pháp không hai.

(HẾT CUỐN 52 THEO BẢN HÁN)

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

GIẢI THÍCH: PHẨM VÔ SANH TAM QUÁN THỨ 26

(Kinh Ma-ha Bát-nhã ghi: Phẩm Vô Sanh)

(Kinh Đại Bát-nhã ghi: Phần 2, Phẩm Viên Ly thứ 24)

KINH: Bấy giờ Tuệ mạng Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề rằng: Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật quán các pháp. Thế nào là Bồ-tát? Thế nào là Bát-nhã ba-la-mật? Thế nào là quán?

Tu-bồ-đề nói với Xá-lợi-phất: Ông hỏi thế nào là Bồ-tát? Người phát đại tâm vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ấy gọi là Bồ-tát. Cũng biết hết thấy pháp, hết thấy chủng tướng, cũng không đắm trước theo đó; biết sắc tướng không đắm trước, cho đến biết mười tám pháp không chung cũng không đắm trước.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Thế nào là hết thấy pháp tướng?

Tu-bồ-đề đáp: Nếu do danh tự nhân duyên hòa hợp biết các pháp là sắc, là hương, vị, xúc, pháp, là trong, là ngoài, là pháp hữu vi, là pháp vô vi; lấy tướng danh tự, ngữ ngôn ấy biết các pháp ấy gọi là biết tướng các pháp.

Như Xá-lợi-phất hỏi: Thế nào là Bát-nhã ba-la-mật? Xa lìa nên gọi là Bát-nhã ba-la-mật. Xa lìa pháp gì? Xa lìa năm uẩn, mười tám giới, mười hai nhập; xa lìa Thí ba-la-mật cho đến Thiền ba-la-mật; xa lìa nội không cho đến vô pháp hữu pháp không. Vì vậy nên xa lìa gọi là Bát-nhã ba-la-mật.

* Lại nữa, xa lìa bốn niệm xứ, cho đến xa lìa mười tám pháp không chung; xa lìa Nhất thiết trí. Do nhân duyên ấy nên xa lìa gọi là Bát-nhã ba-la-mật.

Như Xá-lợi-phất hỏi: Thế nào là quán? Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật quán sắc chẳng phải thường chẳng phải vô thường, chẳng phải vui, chẳng phải khổ, chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã, chẳng phải không, chẳng phải chẳng không, chẳng phải tướng, chẳng phải vô tướng, chẳng phải tác, chẳng phải vô tác, chẳng phải tịch diệt, chẳng phải chẳng tịch diệt, chẳng phải lìa, chẳng phải chẳng lìa; thọ, tướng, hành, thức cũng như vậy.

Thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung, hết thấy môn Tam muội, hết thấy môn Đà-la-ni cho đến Trí nhất thiết chủng, quán chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, chẳng phải vui, chẳng phải khổ, chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã, chẳng phải không, chẳng phải chẳng không, chẳng phải tướng, chẳng phải vô tướng, chẳng phải tác, chẳng phải vô tác, chẳng phải tịch diệt, chẳng phải chẳng tịch diệt, chẳng phải lìa, chẳng phải chẳng lìa. Xá-lợi-phất! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật quán các pháp.

LUẬN. *Hỏi*: Nghĩa Bồ-tát, nghĩa Bát-nhã ba-la-mật, nghĩa các quán, trên kia đã hỏi, nay có sao còn hỏi?

Đáp: Trước đã đáp ví dụ cây lớn, không thể chặt một lát đứt được, việc ấy khó, nên lại hỏi tiếp.

* Lại nữa, Bát-nhã ba-la-mật có vô lượng nghĩa, như trong phẩm Đàm Vô Kiệt nói: Bát-nhã ba-la-mật như nước biển lớn vô lượng, như núi Tu-di đủ thứ nghiêm sức, thế nên hỏi. Lại, lời hỏi ấy tuy đồng mà đáp nghĩa có nhiều sai khác.

* Lại nữa, chư Phật vì dứt tâm ái trước pháp (pháp ái) nên không lập kinh sách, cũng không trang sức ngôn ngữ, chỉ vì tế độ chúng sanh, tùy theo người đáng độ mà nói; như ao nước lớn tốt trong mát, vô lượng chúng sanh trước sau đi đến uống no rồi đi, người nghe pháp cũng như vậy. Phật trước tiên nói Bồ-tát, Bát-nhã và quán, người đến trước được giải ngộ rồi đi, người đến sau chưa nghe, thế nên lại hỏi tiếp.

Bồ-đề có ba là A-la-hán Bồ-đề, Bích-chi Phật Bồ-đề và Phật Bồ-đề. Không học mà trí tuệ thanh tịnh không nhớ nên gọi là Bồ-đề. Bồ-tát tuy có trí tuệ lớn mà phiền não và tập khí chưa hết, nên không gọi là Bồ-đề. Trong đây chỉ nói một thứ đó là Phật Bồ-đề.

Tát-đoà, Trung Hoa dịch là Chúng sanh; chúng sanh ấy vì đạo Vô-thượng mà phát tâm tu hành.

* Lại nữa, Tát-đoà gọi là Đại tâm; người ấy phát đại tâm cầu Vô-thượng Chánh đẳng Chánh giác mà chưa được, vì vậy nên gọi là Bồ-đề Tát-đoà. Phật đã chứng được Bồ-đề ấy, không gọi là Bồ-đề Tát-đoà, vì đại tâm đã đầy đủ. Các nghĩa khác về Bồ-tát như trước đã nói rộng.

* Lại nữa, trong đây Phật tự nói nhân duyên: Người ấy vì Phật đạo nên tu hành; biết tướng hết thấy các pháp, cũng chẳng đắm trước. Tướng các pháp là cánh cửa để có thể biết các pháp là sắc, là tiếng v.v... Lược nói nghĩa Bồ-tát là trước tiên biết mỗi mỗi tướng của các pháp, như đất tướng cứng, vậy sau mới biết tướng rốt ráo không; đối với hai thứ trí tuệ ấy cũng không đắm trước, chỉ muốn độ chúng sanh. Bồ-tát được trí tuệ như vậy, xa lìa hết thấy pháp tướng riêng, như đối với sắc lìa sắc, lìa sắc tức là tự tánh không. Xa lìa là tên khác của không.

Bồ-tát được Bát-nhã ba-la-mật, tâm xa lìa hết thấy pháp, vì có sao? Vì thấy tội lỗi của hết thấy pháp.

A-la-mật, Trung Hoa dịch là xa lia. Ba-la-mật, Trung Hoa dịch là đáo bi ngạn. Hai âm ấy gần nhau, nghĩa hợp nhau, cho nên lấy A-la-mật giải thích Ba-la-mật.

Xa lia những pháp gì? Xa lia năm uẩn, mười tám giới, mười hai nhập, cho đến Nhất thiết trí. Vì xa lia các pháp ấy nên gọi là Bát-nhã ba-la-mật. Như Thiền ba-la-mật hay điều phục tâm người thì Bát-nhã ba-la-mật hay dạy người xa lia các pháp.

Quán là không quán các pháp thường vô thường, như trước đã nói.

KINH: Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Nhân duyên gì sắc chẳng sanh là chẳng phải sắc; thọ, tưởng, hành, thức chẳng sanh là chẳng phải thức, cho đến Trí nhất thiết chủng chẳng sanh là chẳng phải Trí nhất thiết chủng?

Tu-bồ-đề đáp: Sắc, sắc tướng không, trong sắc không không có sắc không có sanh. Vì nhân duyên ấy nên sắc chẳng sanh là chẳng phải sắc; thọ, tưởng, hành, thức, thức tướng không, trong thức không không có thức, không có sanh; vì nhân duyên ấy nên thọ, tưởng, hành, thức chẳng sanh là chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức.

Xá-lợi-phất! Thí ba-la-mật, Thí ba-la-mật tướng không, trong Thí ba-la-mật không, không có Thí ba-la-mật, không có sanh; Giới ba-la-mật, Nhân ba-la-mật, Tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật tướng không, trong Bát-nhã ba-la-mật không không có Bát-nhã ba-la-mật, không có sanh. Do nhân duyên ấy nên, Xá-lợi-phất! Bát-nhã ba-la-mật chẳng sanh là chẳng phải Bát-nhã ba-la-mật; nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung, Trí nhất thiết chủng cũng như vậy. Do nhân duyên ấy nên nội không chẳng sanh là chẳng phải nội không, cho đến Trí nhất thiết chủng chẳng sanh là chẳng phải Trí nhất thiết chủng.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Vì nhân duyên gì ông nói sắc chẳng hai là chẳng phải sắc; thọ, tưởng, hành, thức chẳng hai là chẳng phải thức, cho đến Trí nhất thiết chủng chẳng hai là chẳng phải Trí nhất thiết chủng?

Tu-bồ-đề đáp rằng: Sở hữu sắc, sở hữu chẳng hai; sở hữu thọ, tưởng, hành, thức, sở hữu chẳng hai. Tất cả pháp ấy đều chẳng hợp, chẳng tán, không sắc, không hình, không đối, một tướng đó là vô tướng. Mắt cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy. Do nhân duyên ấy nên, Xá-lợi-phất! Sắc chẳng hai là chẳng phải sắc; thọ, tưởng, hành, thức chẳng hai là chẳng phải thức, cho đến Trí nhất thiết chủng chẳng hai, là chẳng phải Trí nhất thiết chủng.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Do nhân duyên gì nên nói sắc ấy vào pháp số không hai; thọ, tưởng, hành, thức vào pháp số không hai, cho đến Trí nhất thiết chủng vào pháp số không hai?

Tu-bồ-đề đáp: Sắc chẳng khác vô sanh, vô sanh chẳng khác sắc, sắc tức là vô sanh, vô sanh tức là sắc; thọ, tưởng, hành, thức chẳng khác vô sanh, vô sanh chẳng khác thức; thức tức là vô sanh, vô sanh tức là thức. Do nhân duyên ấy nên, Xá-lợi-phất! Sắc vào pháp số không hai; thọ, tưởng, hành, thức vào pháp số không hai, cho đến Trí nhất thiết chủng, cũng như vậy.

LUẬN. Hỏi: Cuối phẩm trên, nên hỏi nghĩa chẳng sanh, có sao trong đây mới hỏi?

Đáp: Ba đại pháp dễ hiểu, vì lợi ích nhiều chúng sanh, nên trước hỏi: Vì nhân duyên gì sắc chẳng sanh là chẳng phải sắc, cho đến Trí nhất thiết chủng chẳng sanh là chẳng phải Trí nhất thiết chủng? Tu-bồ-đề đáp: Sắc là không, trong sắc không có tướng sắc. Hành giả dùng trí tuệ vô sanh ấy làm cho sắc vô sanh. Nếu hiểu được vô sanh ấy, tâm liền nghĩ rằng nay chính là được thật tướng của sắc, thế nên

nói sắc vô sanh là chẳng phải sắc, sắc tánh thường tự vô sanh, chẳng phải nay dùng sức trí tuệ khiến nó vô sanh. Như có người phá sắc làm cho không, vẫn còn có ý tưởng về tướng bản sắc. Thí như phá nhà xí để làm nhà ở, nay tuy không còn nhà xí, mà vẫn có cảm tưởng bất tịnh; nếu biết được nhà xí vốn không, huyễn hóa làm ra, thời không có cảm tưởng nhà xí. Hành giả cũng như vậy, nếu biết được sắc từ xưa lại đây ban đầu tự đã vô sanh, thời không còn tưởng về sắc. Thế nên nói sắc vô sanh là chẳng phải sắc, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Hỏi: Ông trước tự nói vô sanh tức là không hai, sao nay còn hỏi nữa?

Đáp: Nghĩa tuy một mà cửa đi vào quán có khác. Trên kia nói là phá trong nhân trước có quả, nếu không có quả là pháp sanh ấy có một có khác v.v... Sanh ấy hoặc ban đầu sanh, hoặc sau sanh; phá sanh như vậy v.v... gọi là vô sanh. Nay đây phá hai pháp mắt và sắc, có và không v.v... ấy gọi là không hai. Hành giả hoặc trước vào cửa quán vô sanh, sau vào cửa quán không hai; hoặc trước vào cửa quán không hai, sau vào cửa quán vô sanh. Nghĩa tuy một mà hành giả quán khác nhau. Phá sắc hai, cho nên nói là không hai; phá sắc sanh cho nên nói là vô sanh. Trên kia nói nhân duyên của vô sanh, đó là tự tướng không; đây nói nhân duyên của không hai, đó là chẳng hợp, chẳng tán, nhất tướng đó là vô tướng. Nghĩa tuy đồng một không, mà trên kia là tự tướng không, còn ở đây là tán không.

Sắc vào pháp số không hai là hành giả quán sắc tướng chẳng sanh chẳng diệt, khi ấy phân biệt sắc, nay biến làm vô sanh, thế nên nói sắc vô sanh tức là không hai, vì có sao? Vì sắc phá tán tức là vô sanh. Như ở trước khi phân biệt các pháp, lìa sắc không còn có sanh được, còn ở đây sắc phá tán tức là vô sanh, không được còn có vô sanh nào khác. Vì vậy nên sắc tức là vào pháp số không hai. Ấy là hai vị A-la-hán Xá-lợi-phất và Tu-bồ-đề ở trước Phật luận nghị với nhau xong.

Tu-bồ-đề bạch Phật mà còn nói lại nghĩa ấy, là muốn được Phật chứng tri vậy.

KINH: Bảy giờ Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật, quán các pháp như vậy, khi ấy thấy sắc vô sanh, rốt ráo thanh tịnh; thấy thọ, tưởng, hành, thức vô sanh, rốt ráo thanh tịnh; thấy ngã vô sanh cho đến kể biết kể thấy vô sanh, rốt ráo thanh tịnh; thấy Thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật vô sanh, rốt ráo thanh tịnh; thấy nội không vô sanh cho đến vô pháp hữu pháp không vô sanh, rốt ráo thanh tịnh; thấy bốn niệm xứ vô sanh cho đến mười tám pháp không chung vô sanh, rốt ráo thanh tịnh; thấy hết thấy Tam-muội, hết thấy Đà-la-ni vô sanh, rốt ráo thanh tịnh; cho đến thấy Trí nhất thiết chủng vô sanh, rốt ráo thanh tịnh; thấy phàm phu, pháp phàm phu vô sanh, rốt ráo thanh tịnh; thấy Tu-đà-hoàn, pháp Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, pháp Tư-đà-hàm, A-na-hàm, pháp A-na-hàm, A-la-hán, pháp A-la-hán, Bích-chi Phật, pháp Bích-chi Phật, Bồ-tát, pháp Bồ-tát, Phật, pháp Phật vô sanh, rốt ráo thanh tịnh.

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề: Như tôi nghe nghĩa của Tu-bồ-đề nói sắc là chẳng sanh; thọ, tưởng, hành, thức là chẳng sanh cho đến Phật, pháp Phật là chẳng sanh. Nếu như vậy thời nay không thể được Tu-đà-hoàn, quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, quả Tư-đà-hàm, A-na-hàm, quả A-na-hàm, A-la-hán, quả A-la-hán, Bích-chi Phật, đạo Bích-chi Phật, không thể được Trí nhất thiết chủng của Bồ-tát ma-ha-tát, cũng không có sáu đường sai khác, cũng không được năm thứ Bồ-đề của Bồ-tát ma-ha-tát. Nay Tu-bồ-đề! Nếu hết thấy pháp tướng chẳng sanh, thì vì có sao Tu-đà-hoàn vì muốn dứt ba kiết là thân kiến, giới thủ, nghi, nên tu đạo? Tư-đà-hàm vì muốn làm mỏng dâm, nộ, si nên tu đạo? A-na-hàm vì muốn dứt năm hạ phần kiết là tham, sân, thân kiến, giới thủ,

nghi, nên tu đạo? A-la-hán vì muốn dứt năm thượng phần kiết là sắc ái, vô sắc ái, trạo cử, kiêu mạn, vô minh nên tu đạo? Bích-chi Phật vì muốn pháp Bích-chi Phật nên tu đạo? Vì có sao Bồ-tát ma-ha-tát làm việc khó làm, chịu các thứ khổ vì chúng sanh? Vì có sao Phật chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Vì có sao Phật Chuyển pháp luân?

Tu-bồ-đề nói lại Xá-lợi-phất: Tôi không muốn khiến pháp vô sanh có sở đắc, tôi cũng không muốn khiến trong pháp vô sanh được có Tu-đà-hoàn, quả Tu-đà-hoàn; cho đến không muốn khiến trong pháp vô sanh được có A-la-hán, quả A-la-hán; Bích-chi Phật, đạo Bích-chi Phật; tôi cũng không muốn khiến trong pháp vô sanh Bồ-tát làm việc khó làm, chịu các thứ khổ, vì chúng sanh, Bồ-tát cũng không lấy tâm làm việc khó làm để hành đạo, vì sao? Nay Xá-lợi-phất! Vì sanh tâm khó, tâm khổ là không thể làm lợi ích vô lượng vô số chúng sanh.

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát thương xót chúng sanh, đối với chúng sanh tưởng như cha mẹ, anh em; tưởng như con dại và như thân mình. Như vậy mới có thể làm lợi ích vô lượng vô số chúng sanh, vì lấy vô sở đắc làm phương tiện, vì có sao? Vì Bồ-tát ma-ha-tát nên sanh tâm như vậy: như ngã tìm khắp hết thủy xứ, hết thủy chủng đều không thể có được; nội ngoại pháp cũng như vậy. Nếu sanh tưởng như vậy, thời không có tâm khó, tâm khổ, vì sao? Vì Bồ-tát đối nơi hết thủy xứ, hết thủy chủng, hết thủy pháp đều không thọ.

Xá-lợi-phất! Tôi cũng không muốn khiến trong pháp vô sanh có Phật chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; cũng không muốn khiến trong pháp vô sanh có Chuyển pháp luân, cũng không muốn khiến trong pháp vô sanh có đắc đạo.

LUẬN: Luận giả nói: Quán vô sanh có hai bậc: 1. Quán nhu thuận nhãn. 2. Quán vô sanh nhãn. Trước kia nói vô sanh là quán nhu

thuận nhãn, chưa rốt ráo thanh tịnh, dần dần tập quán nhu thuận mà được vô sanh nhãn, thời rốt ráo thanh tịnh.

Hỏi: Bồ-tát chưa dứt hết kiết sử, chưa được Phật đạo, trí tuệ chưa thuần tịnh, làm sao nói rốt ráo thanh tịnh?

Đáp: Bồ-tát khi được vô sanh nhãn, diệt các phiền não, được Bồ-tát đạo, vào Bồ-tát vị, tuy còn tập khí phiền não, đến khi ngồi đạo tràng mới hết, không bị chướng ngại nên rốt ráo thanh tịnh.

* Lại nữa, rốt ráo thanh tịnh là đối với nhu thuận đạo rốt ráo thanh tịnh, chứ không phải đối với Phật đạo. Vì chúng sanh không, pháp không, nên từ thấy được sắc vô sanh rốt ráo thanh tịnh, cho đến thấy được Phật và Phật đạo vô sanh rốt ráo thanh tịnh.

Tu-bồ-đề dùng các nhân duyên nói các pháp tướng, quyết định vô sanh. Nhân việc ấy mà Xá-lợi-phất nạn hỏi: Trong giới Hiền Thánh, rất nhỏ là Tu-đà-hoàn và pháp Tu-đà-hoàn, rất lớn là Phật và Phật pháp. Nếu vô sanh như vậy thời Thánh nhân không có lớn nhỏ, Thánh pháp không có ưu liệt; cũng không có sáu đường sai khác? Đây là lược vấn nạn, tiếp sau hỏi về dứt ba kiết tu đạo là rộng vấn nạn.

Hỏi: Thế nào là năm thứ Bồ-đề?

Đáp: Một là nhu thuận nhãn, hai là vô sanh nhãn, và ba thứ Bồ-đề: Thanh-văn, Độc-giác, Phật. Đối với ba Bồ-đề này, vượt qua hai thứ đầu mà trụ ở Bồ-đề thứ ba.

Lại có năm Bồ-đề: 1. Gọi là phát tâm Bồ-đề, là ở trong vô lượng sanh tử mà phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên gọi là Bồ-đề. Đây là trong nhân nói quả. 2. Gọi là phục tâm Bồ-đề, là bẻ gãy các phiền não, hàng phục tâm mình, và tu hành các Ba-la-mật. 3. Gọi là minh tâm Bồ-đề, là quán các pháp ba đời, gốc ngọn, tướng chung, tướng riêng, phân biệt trừ lượng, rõ được thật tướng các pháp rốt ráo thanh tịnh; nghĩa là tướng Bát-nhã ba-la-mật. 4. Gọi

là xuất đạo Bồ-đề, là nơi Bát-nhã ba-la-mật, vì được lực phương tiện (tức lấy vô sở đắc làm lực phương tiện) nên cũng không chấp trước Bát-nhã ba-la-mật, diệt hết thấy phiền não, thấy hết thấy chur Phật mười phương, được vô sanh pháp nhẫn, ra khỏi ba cõi, đến Trí nhất thiết chủng. 5. Gọi là Vô thượng Bồ-đề, là ngôi đạo tràng, dứt tập khí phiền não, chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như vậy là nghĩa của năm thứ Bồ-đề, còn nghĩa các hiền thánh dứt kiết sử, như trước đã nói.

Hỏi: Trong pháp Thanh-văn nói rộng nghĩa dứt kiết, có sao không nói hạnh Bích-chi Phật, Bồ-tát có các hạnh?

Đáp: Pháp Bích-chi Phật không khác với Thanh-văn, chỉ có phước đức lợi căn, hơi thâm nhập thật tướng các pháp là khác. Còn Bồ-tát đạo tuy có các hạnh, nhưng chỉ khổ hạnh khó làm là việc hy hữu, chúng sanh trông thấy hoan hỷ, nói rằng Bồ-tát vì chúng ta mà làm hạnh như vậy, còn các hạnh khác tuy thâm diệu, song người phàm không thể biết, hạnh ấy không gây cảm được, nên không nói.

* Lại nữa, như ý nạn vấn của Xá-lợi-phất là nếu các pháp hoàn toàn vô sanh, không tịch, thì hết thấy chúng sanh đều đắm vui, có sao Bồ-tát một mình chịu khổ hạnh?

* Lại nữa, chur Phật thường vui xa lìa, tịch tịnh, dứt pháp ái, quyết định biết các pháp không chuyển không hoàn, có sao lại chuyển Pháp luân cho chúng sanh?

Tu-bồ-đề ở trước Phật nói pháp vô sanh, Phật không quở trách bác bẻ, được năng lực khoái thích, vui nói không khó, nên đáp lại Xá-lợi-phất rằng: Tôi cũng hoàn toàn không muốn khiến nơi pháp vô sanh có sáu hạng Thánh nhân, trừ Bồ-tát nên nói sáu và sáu đạo khác nhau, vì có sao? Vì chứng được pháp vô sanh nên gọi là Thánh pháp và Thánh nhân, có sai khác, còn trong pháp vô sanh hoàn toàn không có gì.

* Lại nữa, trong pháp vô sanh có hai điều lỗi: Lỗi thô là vì tội sát sanh, trộm cắp v.v... nên có ba đường ác; lỗi vi tế là vì đem tâm chấp trước làm phước bố thí, trì giới nên có ba đường lành. Hoặc Bồ-tát sanh tâm cho là khó là khổ, thời không thể độ hết thấy chúng sanh. Như việc nhỏ của thế gian, tâm khó khăn cho là khổ, việc còn không thành hưởng gì thành Phật đạo. Nhân duyên thành Phật đạo là tâm đại từ đại bi, xem chúng sanh như cha mẹ, con cái, thân mình, vì có sao? Vì cha mẹ, con cái, thân mình tự nhiên sanh lòng yêu mến, chứ không phải suy tính mà sanh lòng yêu mến. Bồ-tát khéo tu tâm đại bi, nên đối với hết thấy chúng sanh cho đến kẻ oán thù cũng đồng một tâm ái niệm. Quả báo của đại bi có được vật dụng lợi ích đều không tiếc, đem hết vật sở hữu trong ngoài thí cho chúng sanh. Ở đây nói lý do không tiếc là trên tất cả chỗ, tất cả chúng, tất cả pháp đều không thể có được. Nếu hành giả mới vào Phật pháp, trước dùng chúng sanh không, biết các pháp vô ngã, nay dùng pháp không, biết các pháp cũng không. Do hai nhân duyên là tâm đại bi và các pháp không, nên có thể không tiếc vật sở hữu trong ngoài, làm lợi ích chúng sanh, mà không khởi ý tưởng khó làm, ý tưởng khổ hạnh, một lòng tinh tấn hoan hỷ. Như người vì tự thân và vì cha mẹ, vợ con, siêng năng tu nghiệp, không cho là khổ; nếu vì người khác mà làm thời không có tâm hoan hỷ. Khổ hành, nạn hành, như trong phẩm sau Nhân duyên bốn sanh, biến hóa hiện chịu làm thân súc sanh sẽ nói.

Hết thấy các pháp rốt ráo không, tướng bất khả tư nghì nên hết thấy pháp hoàn về mà không chuyển, nên không gọi là chuyển, chỉ vì phá điên đảo hư vọng nên gọi là Chuyển pháp luân.

KINH: Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề: Nay tôi muốn khiến do sanh pháp đắc đạo hay do vô sanh pháp đắc đạo?

Tu-bồ-đề nói với Xá-lợi-phất: Tôi không muốn khiến do sanh pháp đắc đạo.

Xá-lợi-phất nói: Vậy nay Tu-bồ-đề muốn khiến do vô sanh pháp đắc đạo ư?

Tu-bồ-đề đáp: Tôi cũng không muốn khiến do vô sanh pháp đắc đạo.

Xá-lợi-phất nói: Như lời Tu-bồ-đề nói là không biết không được ư?

Tu-bồ-đề đáp: Có biết có được chẳng do hai pháp, mà do danh tự thế gian nên có biết có được. Do danh tự thế gian nên có Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán, Bích-chi Phật, chư Phật; còn trong thật nghĩa đệ nhất không có biết, không có được, không có Tu-đà-hoàn cho đến không có chư Phật.

Tu-bồ-đề! Nếu do danh tự thế gian nên có biết có được, vậy sáu đường sai khác cũng do danh tự thế gian nên có, chẳng phải do đệ nhất thật nghĩa ư?

Tu-bồ-đề đáp: Như vậy, như vậy! Xá-lợi-phất! Như danh tự thế gian nên có biết có được, sáu đường sai khác cũng do danh tự thế gian nên có, chẳng phải do đệ nhất thật nghĩa, vì có sao? Xá-lợi-phất! Vì trong đệ nhất thật nghĩa không nghiệp không báo; không sanh không diệt, không sạch không nhơ.

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề: Pháp bất sanh sanh hay pháp sanh sanh?

Tu-bồ-đề đáp: Tôi không muốn khiến pháp bất sanh sanh cũng không muốn khiến pháp sanh sanh.

Xá-lợi-phất nói: Thế nào là pháp bất sanh, không muốn khiến nó sanh?

Tu-bồ-đề đáp: Sắc là pháp bất sanh, tự tánh không, không muốn khiến nó sanh; thọ, tưởng, hành, thức là pháp bất sanh, tự tánh không, không muốn khiến nó sanh; cho đến Vô thượng

Chánh đẳng Chánh giác là pháp bất sanh, tự tánh không, không muốn khiến nó sanh.

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề: Sanh sanh hay bất sanh sanh?

Tu-bồ-đề đáp: Chẳng phải sanh sanh cũng chẳng phải bất sanh sanh, vì có sao? Nay Xá-lợi-phất! Sanh và bất sanh là hai pháp, không hợp không tán, không sắc, không hình, không đối, một tướng đó là vô tướng. Nay Xá-lợi-phất! Do nhân duyên ấy chẳng phải sanh sanh, cũng chẳng phải bất sanh sanh.

Bấy giờ Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề: Tu-bồ-đề ưa nói pháp vô sanh và tướng vô sanh.

Tu-bồ-đề nói với Xá-lợi-phất: Tôi ưa nói pháp vô sanh cũng ưa nói tướng vô sanh, vì sao? Vì các pháp vô sanh và tướng vô sanh, ưa nói và ngôn ngữ, hết thấy pháp ấy đều chẳng hợp chẳng tán, không sắc không hình, không đối, một tướng đó là vô tướng.

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề: Ông ưa nói pháp vô sanh cũng ưa nói tướng vô sanh, ngữ ngôn ưa nói ấy cũng bất sanh?

Tu-bồ-đề đáp: Như vậy! Như vậy! Xá-lợi-phất, vì có sao? Nay Xá-lợi-phất! Vì sắc chẳng sanh; thọ, tưởng, hành, thức chẳng sanh; mắt chẳng sanh cho đến ý chẳng sanh; địa chủng chẳng sanh cho đến thức chủng chẳng sanh; thân hành chẳng sanh, khẩu hành chẳng sanh, ý hành chẳng sanh; Thí ba-la-mật chẳng sanh cho đến Trí nhất thiết chủng chẳng sanh.

Nay Xá-lợi-phất! Do nhân duyên ấy, tôi ưa nói pháp vô sanh cũng ưa nói tướng vô sanh và ngôn ngữ ưa nói ấy cũng bất sanh.

LUẬN: Luận giả nói: Bấy giờ, Xá-lợi-phất biết Tu-bồ-đề ưa nói không khó nhưng hỏi rằng: Nếu tướng hết thấy pháp bất sanh, vậy tướng ấy làm sao chứng được? Dùng pháp sanh chứng được hay dùng pháp bất sanh chứng được? Nếu dùng pháp sanh chứng được, thời pháp sanh là hư dối, ông đã dùng các lý do để phá. Lại không thể

lấy pháp sanh thoát được pháp sanh? Nếu dùng vô sanh mà chứng được, thời vô sanh chưa có tướng pháp, không thể dùng để chứng, làm sao chứng được? Tu-bồ-đề không thọ nhận cả hai pháp vì đều có lỗi, như trước nói.

Xá-lợi-phất suy nghĩ rằng: Trong Kinh Phật dạy hai pháp thu nhiếp hết thầy pháp, hoặc hữu vi hoặc vô vi; sanh là hữu vi, vô sanh là vô vi. Nay Tu-bồ-đề xa lìa hai pháp ấy, làm sao nói đến việc đắc đạo? Suy nghĩ như vậy rồi hỏi Tu-bồ-đề: Không có việc đắc đạo ư? Tu-bồ-đề là đại A-la-hán, thực hành tam-muội Vô tránh bậc nhất, chỉ vì Bồ-tát nên thuyết pháp vô sanh ấy, sao ông khởi tà kiến nói không người đắc đạo? Thế nên nói có biết có được, biết và được tức là tên khác của chữ được đạo quả. Tu-bồ-đề sợ trái với lời nói ở trước nên nói không do hai pháp, mà chỉ vì thế tục nên nói có Tu-đà-hoàn cho đến Phật, vì sao? Vì hết thầy các pháp thật không có tướng ngã, nay dùng ngã mà phân biệt từ Tu-đà-hoàn cho đến Phật, ấy là theo pháp thế tục.

* Lại nữa, vì chưa được pháp không, nên nói ấy là thiện, ấy là bất thiện, ấy là hữu vi, ấy là vô vi v.v... Còn trong đệ nhất nghĩa không có chúng sanh nên không có Tu-đà-hoàn cho đến Phật; vì pháp không, nên không có quả Tu-đà-hoàn cho đến Phật đạo. Thánh nhân, Thánh pháp còn hư dối không có định thật, hưởng gì nghiệp và quả báo người phạm sáu nẻo.

Hỏi: Tu-bồ-đề đã dùng mỗi mỗi nhân duyên quyết định nói về pháp bất sanh, sao nay Xá-lợi-phất còn hỏi pháp bất sanh sanh hay pháp sanh sanh?

Đáp: Tu-bồ-đề trên kia nói nhân duyên đắc đạo, nên Xá-lợi-phất nhận được ý Tu-bồ-đề tuy nói pháp vô sanh phá hết thầy pháp, là vì nhân duyên nên nói mà tâm không chấp trước pháp vô sanh, thế nên lại hỏi.

Lại vì pháp ấy thậm thâm, muốn khiến người nghe hiểu được rõ ràng, nên lại hỏi.

Ở trên hỏi pháp tu hành đắc đạo, nay hỏi hết thấy pháp làm sao sanh. Dùng tuệ nhãn biết hết thấy pháp đều chẳng sanh, nhưng hiện thấy các pháp sanh, nên lại hỏi làm sao sanh.

Tu-bồ-đề đáp: Cả hai việc đều chẳng phải. Nếu sanh sanh, pháp sanh đã sanh, không cần phải sanh nữa, nếu chẳng sanh sanh, pháp sanh chưa có nên không cần sanh. Nếu bảo khi sanh, một nửa sanh, một nửa không sanh, ấy cũng chẳng sanh. Nếu là nửa phần sanh thời đã sanh rồi, nếu là nửa phần chưa sanh thời không sanh. Ấy là Tu-bồ-đề không dùng mắt thịt thấy, vì không thông đạt nên cả hai pháp đều không chấp thủ, chỉ nói sanh ấy như huyễn như mộng, từ hư dối pháp sanh, nên lia, nên không thủ tướng.

Xá-lợi-phất hỏi: Những pháp gì cả hai đều không chấp thủ? Tu-bồ-đề dùng theo thế để nên nói sắc cho đến Trí nhất thiết chủng rốt ráo chẳng sanh, tướng “Không” tự nhiên, không muốn khiến trong thật tướng có sanh, nếu về thế để hư dối có thể có sanh, sanh như huyễn hóa.

Trong đây nói nhân duyên của chẳng sanh là chẳng hợp, chẳng tán.

Có người nói: Sanh với pháp khác nhau, sanh là thường, còn pháp được sanh là vô thường, thế nên lại hỏi. Người đáp lại cho sanh và pháp chẳng khác, nếu nói pháp sanh là đã nói tướng sanh, sanh chẳng sanh, như trên nói.

Xá-lợi-phất nghe Tu-bồ-đề nói, biết tâm Tu-bồ-đề ưa vui pháp vô sanh, nên nói với Tu-bồ-đề rằng: Ông thật ưa vui nói pháp vô sanh. Tu-bồ-đề liền nhận câu hỏi ấy, tâm cũng không thẹn, vì sao? Vì luận nghị ấy không thể phá, không có tội lỗi. Sao biết? Tu-bồ-đề tự nói không có pháp có thể hợp, không có pháp có thể tán, không sắc, không hình, không đối, một tướng đó là vô tướng, tướng không còn không chấp thủ, huống gì các tướng.

Xá-lợi-phất lại khen ngợi: Ông ưa nói pháp vô sanh và ngôn ngữ đều vô sanh, ấy thật thanh tịnh. Nếu chính đương vui nói và ngữ

ngôn chẳng phải vô sanh, chỉ nói ngoại vật vô sanh, thời chẳng phải thanh tịnh.

Tu-bồ-đề liền lại thọ nhận lời khen ngợi ấy, đáp lại Xá-lợi-phất rằng: Chẳng phải chỉ vui nói và ngữ ngôn là vô sanh, mà sắc cho đến Trí nhất thiết chúng, cũng đều là vô sanh.

KINH: Bấy giờ, Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề rằng: Tu-bồ-đề xứng đáng ở trên hết những người thuyết pháp, vì sao? Vì Tu-bồ-đề tùy chỗ hỏi đều đáp được cả.

Tu-bồ-đề đáp: Vì các pháp không có chỗ nương.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Làm sao các pháp không có chỗ nương?

Tu-bồ-đề đáp: Sắc tánh thường không, không nương trong, không nương ngoài, không nương giữa; thọ, tưởng, hành, thức thường không, không nương trong, không nương ngoài, không nương giữa. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý tánh thường không, không nương trong, không nương ngoài, không nương giữa; sắc tánh thường không, cho đến pháp tánh thường không, không nương trong, không nương ngoài, không nương giữa. Thí ba-la-mật tánh thường không, cho đến Bát-nhã ba-la-mật tánh thường không, không nương trong, không nương ngoài, không nương giữa. Nội không tánh thường không, cho đến vô pháp hữu pháp không tánh thường không, không nương trong, không nương ngoài, không nương giữa.

Xá-lợi-phất! Bốn niệm xứ tánh thường không, cho đến Trí nhất thiết chúng tánh thường không, không nương trong, không nương ngoài, không nương giữa.

Do nhân duyên ấy, Xá-lợi-phất! Hết thấy các pháp không chỗ nương, vì tánh thường không. Như vậy, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật, nên thanh tịnh

sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cho đến nên thanh tịnh Trí nhất thiết chủng.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Bồ-tát ma-ha-tát làm sao khi tu sáu Ba-la-mật thanh tịnh Bồ-tát đạo?

Tu-bồ-đề đáp: Có Thí ba-la-mật thế gian, có Thí ba-la-mật xuất thế gian; Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật có thế gian, có xuất thế gian.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Thế nào là Thí ba-la-mật thế gian, thế nào là Thí ba-la-mật xuất thế gian?

Tu-bồ-đề đáp: Nếu Bồ-tát ma-ha-tát làm thí chủ hay cúng thí cho Sa-môn, Bà-la-môn, người nghèo cùng, kẻ ăn xin, cần ăn cho ăn, cần uống cho uống, cần áo cho áo, đồ nằm, giường nệm, phòng nhà, hương hoa, anh lạc, thuốc thang, các thứ cần dùng để nuôi sống; hoặc vợ con, quốc thổ, đầu mắt, tay chân, chi tiết, vật trong ngoài đều lấy cấp thí, khi thí nghĩ rằng: Ta cho kia nhận, ta không xan tham, ta là thí chủ, ta có thể bỏ hết thấy vật, ta theo lời Phật dạy bố thí, ta tu Thí ba-la-mật. Làm việc bố thí như vậy rồi, dùng pháp có được cho hết thấy chúng sanh chung hưởng, hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nghĩ rằng: Nhân sự bố thí này mà khiến cho chúng sanh được cái vui đời này, sau sẽ khiến được vào Niết-bàn.

Người ấy bố thí như vậy có ba điều chứng ngại: Là có tướng ta, tướng người khác, tướng bố thí. Chấp trước ba tướng ấy mà bố thí, ấy gọi là Thí ba-la-mật thế gian. Vì nhân duyên gì nên gọi là thế gian? Vì không động, không xuất đối với thế gian nên gọi là Thí ba-la-mật thế gian.

Thế nào gọi là Thí ba-la-mật xuất thế gian? Đó là ba phần được thanh tịnh. Thế nào là ba? Là Bồ-tát ma-ha-tát khi bố thí, ta không thể có được, không thấy người thọ nhận và vật bố thí không

thể có được, cũng không trông quả báo. Ấy gọi là Bồ-tát Thí ba-la-mật ba phần thanh tịnh.

* Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi bố thí cho tất cả chúng sanh, tướng chúng sanh cũng không thể có được, lấy sự bố thí ấy hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cho đến không thấy tướng pháp vi tế. Xá-lợi-phất! Ấy gọi là Thí ba-la-mật xuất thế gian. Vì sao gọi là xuất thế gian? Là hay động hay xuất đối với thế gian nên gọi là Thí ba-la-mật xuất thế gian.

Giới ba-la-mật có chỗ nương là Giới ba-la-mật thế gian, không chỗ nương là Giới ba-la-mật xuất thế gian. Các nghĩa khác cũng nói như Thí ba-la-mật.

Nhẫn ba-la-mật, Tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật có chỗ nương gọi là thế gian, không có chỗ nương gọi là xuất thế gian. Các nghĩa khác cũng nói như Thí ba-la-mật.

Như vậy, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành sáu Ba-la-mật, tịnh Bồ-tát đạo.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Làm sao Bồ-tát ma-ha-tát vì đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Tu-bồ-đề đáp: Tu bốn niệm xứ là Bồ-tát ma-ha-tát vì đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cho đến tu tám Thánh đạo phần, cửa không giải thoát, cửa vô tướng giải thoát, cửa vô tác giải thoát; nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, hết thấy môn Tam-muội, hết thấy môn Đà-la-ni, Phật mười lực, bốn điều không sợ, bốn trí vô ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi.

Xá-lợi-phất! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát vì đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

LUẬN. *Hỏi*: Năm trăm A-la-hán Phật đều thọ ký cho là đệ nhất, như Xá-lợi-phất trí tuệ đệ nhất, Mục-kiền-liên thần túc đệ nhất,

Ma-ha Ca-diếp tu hạnh đầu đà đệ nhất, Tu-bồ-đề được Vô-tránh Tam-muội đệ nhất, Ma-ha Ca-chiên-diên phân biệt Tu-đa-la đệ nhất, Phú-lâu-na đệ nhất trong hàng thuyết pháp, nay có sao Xá-lợi-phất lại khen ngợi Tu-bồ-đề xứng đáng đệ nhất trong hàng thuyết pháp?

Đáp: Phật dùng Phật nhãn quán hết thấy chúng sanh lợi căn, độn căn, trừ lượng hết thấy pháp tổng tướng, biệt tướng, tùy chỗ đặc pháp của họ mà mỗi mỗi đều thọ ký đệ nhất, không lầm. Phú-lâu-na ở giữa bốn chúng dùng mười hai bộ Kinh, theo mỗi mỗi pháp môn, mỗi mỗi nhân duyên, thí dụ mà nói, có thể làm lợi ích chúng sanh đệ nhất. Tu-bồ-đề thường tu Vô tránh Tam-muội, cùng với Bồ-tát đồng việc, khôn khéo vui nói một pháp môn không tướng, hơn Phú-lâu-na; thí như người thợ có nhiều sở năng, sở năng nhiều nên tinh xảo cùng khắp, còn như có người có khả năng chuyên một việc, thời ắt cùng tốt cái đẹp của nó. Phú-lâu-na tuy đa năng song không bằng Tu-bồ-đề thường ưa hành không tướng, nên hay khéo nói không. Thế nên Xá-lợi-phất nghe Tu-bồ-đề khéo nói nghĩa không, liền khen ngợi rằng: Ông đáng là đệ nhất trong hạng người thuyết pháp. Xá-lợi-phất thấy Tu-bồ-đề tùy chỗ hỏi đều đáp được, như gió đi giữa không, không gì ngăn ngại.

Khi ấy Tu-bồ-đề không nhún nhường, không thọ nhận, vì an lập bằng phẳng, chắc chắn là tướng người tốt. Tướng người tốt là tự khen, không tự chê, cũng không khen không chê người khác. Nếu tự khen mình, thì chẳng phải là tướng đại nhân, không được người khen mới tự khen; nếu tự chê, ấy là người nịnh hót; nếu chê người khác, ấy là người dèm pha, phá hại; nếu khen người khác, ấy là người đua nịnh. Tu-bồ-đề nói pháp vô sanh nên Xá-lợi-phất tuy khen mà không phải nịnh hót. Tu-bồ-đề cho Xá-lợi-phất khen thật nên không nhún nhường. Lại vì dứt pháp ái nên tâm không cao, cũng không ái trước, chỉ đáp về nhân duyên của sự không ngại không chướng, tức là hết thấy pháp không có chỗ nương tựa, không

có chỗ nương tựa nên không ngại không chướng. Nghĩa không có chỗ nương tựa như trước đã nói.

Trong đây Tu-bồ-đề tự nói vì nội pháp không nên sắc không nương tựa trong; vì ngoại pháp không nên sắc không nương tựa ngoài; vì trung gian không có nên sắc không nương tựa trung gian. Như sắc, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy. Bồ-tát biết tất cả ba cõi vô thường, không nên không nương tựa trong đó; khi ấy phiền não dứt, tịnh được Bồ-tát đạo. Thế nên Tu-bồ-đề nói, Bồ-tát tu hành sáu Ba-la-mật, nên tịnh sắc cho đến tịnh Trí nhất thiết chủng.

Hỏi: Tịnh sắc cho đến tịnh Trí nhất thiết chủng tức là tịnh Bồ-tát đạo, có gì còn hỏi?

Đáp: Bồ-tát hay làm cho sắc rốt ráo không, ấy gọi là thanh tịnh. Việc ấy thâm diệu, không thể tức khắc liền được, thế nên Xá-lợi-phất hỏi: Hàng Bồ-tát tân học làm sao tu đạo phương tiện ban đầu đó?

Tu-bồ-đề đáp: Nếu Bồ-tát tu được hai thứ Ba-la-mật, thời sáu Ba-la-mật là bắt đầu mở Bồ-tát đạo, dùng vô sở đắc không mà tu ba mươi bảy phẩm là mở Phật đạo. Tịnh gọi là mở, như trừ khử chông gai trên đường đi, gọi là mở đường.

Những gì là hai thứ Ba-la-mật? 1. Thế gian, 2. Xuất thế gian. Thế gian là Tu-bồ-đề tự nói nghĩa rằng: Cần ăn cho ăn v.v... như đã nói ở đầu phẩm. Nếu lúc bố thí mà có chỗ nương tựa, thời như người già bệnh nương tựa sức người khác mới có thể đi đứng được. Người bố thí xa lìa trí tuệ thật, tâm lực mỏng ít cho nên nương tựa.

Nương tựa là thân ta, tài vật, người nhận, tâm chấp trước thủ tướng pháp ấy, sanh các phiền não kiêu mạn v.v... ấy gọi là thế gian, không động không xuất.

Động là nhu thuận nhẫn.

Xuất là vô sanh nhẫn.

Trong pháp Thanh-văn, động là bậc hữu học, xuất là bậc vô học. Các nghĩa của năm Ba-la-mật kia cũng như vậy. Ấy gọi là bắt đầu mở Bồ-tát đạo.

Hỏi: Bồ-tát đạo tức là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có sao còn hỏi?

Đáp: Lúc làm Bồ-tát phải có đạo. Phật đã đến chỗ không cần đạo, đạo ấy vì được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên gọi là Bồ-đề đạo. Bồ-tát tu hành đạo ấy nên gọi là Bồ-tát đạo. Trong đây Phật dạy đạo xa là Bồ-tát đạo, sáu Ba-la-mật; đạo gần là Bồ-đề đạo, ba mươi bảy phẩm. Trong sáu Ba-la-mật, bồ thí, trì giới là tạp nên xa; ba mươi bảy phẩm chỉ có thiên định, trí tuệ nên gần. Sáu Ba-la-mật có thể gian, xuất thế gian xen lẫn nên xa; ba mươi bảy phẩm, ba giải thoát môn v.v... cho đến đại từ đại bi, rốt ráo thanh tịnh nên gần.

* Lại nữa, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đạo là từ địa vị mới phát tâm cho đến địa vị Kim-cang Tam-muội, trung gian đó vì tu hạnh Bồ-đề, Bồ-tát đều gọi là Bồ-đề đạo.

KINH: Bảy giờ, Xá-lợi-phất tán thán Tu-bồ-đề rằng: Lành thay, Lành thay! Thế nào là lực Ba-la-mật?

Tu-bồ-đề đáp: Là lực Bát-nhã ba-la-mật, vì có sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật hay xuất sanh hết thảy pháp lành, hoặc pháp Thanh-văn, pháp Bích-chi Phật, pháp Bồ-tát, pháp Phật.

Xá-lợi-phất! Bát-nhã ba-la-mật hay nhiếp thọ hết thảy pháp lành; hoặc pháp Thanh-văn, pháp Bích-chi Phật, pháp Bồ-tát, pháp Phật.

Xá-lợi-phất! Chư Phật quá khứ thực hành Bát-nhã ba-la-mật mà chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chư Phật vị lai cũng thực hành Bát-nhã ba-la-mật mà sẽ chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Xá-lợi-phất! Chư Phật trong mười phương thế giới hiện tại cũng thực hành Bát-nhã ba-la-mật mà chúng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Xá-lợi-phất! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát khi nghe nói Bát-nhã ba-la-mật, không nghi không vấn nạn, nên biết Bồ-tát ma-ha-tát ấy thực hành đạo Bồ-tát.

Bồ-tát đạo là cứu độ hết thấy chúng sanh nên tâm không xa bỏ hết thấy chúng sanh, vì không có sở đắc. Bồ-tát thường nên không xa lìa niệm ấy, tức là niệm đại bi.

Xá-lợi-phất lại hỏi: Muốn khiến Bồ-tát ma-ha-tát thường không xa lìa niệm ấy, tức là niệm đại bi. Nếu Bồ-tát ma-ha-tát không xa lìa niệm đại bi, khiến hết thấy chúng sanh đều sẽ làm Bồ-tát, vì sao? Tu-bồ-đề! Vì hết thấy chúng sanh cũng không xa lìa các niệm?

Tu-bồ-đề đáp: Lành thay, lành thay! **Xá-lợi-phất!** Ông muốn vấn nạn tôi mà trở thành nghĩa của tôi, vì sao? Vì chúng sanh không có nên niệm cũng không có, chúng sanh tánh không có nên niệm cũng là tánh không có; chúng sanh pháp không có nên niệm cũng là pháp không có; chúng sanh lìa nên niệm cũng lìa; chúng sanh không nên niệm cũng không; chúng sanh không thể biết nên niệm cũng không thể biết.

Xá-lợi-phất! Sắc không có nên niệm cũng không có; sắc tánh không có nên niệm cũng là tánh không có; sắc pháp không có nên niệm cũng là pháp không có; sắc lìa nên niệm cũng lìa; sắc không nên niệm cũng không; sắc không thể biết nên niệm cũng không thể biết; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Mắt cho đến ý, sắc cho đến pháp, địa chủng cho đến thức chủng, (*Kinh Đại Bát Nhã ghi: Địa giới, thức giới - ND*), Thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không,

bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung, hết thấy môn Tam-muội, hết thấy môn Đà-la-ni, Nhất thiết trí, Trí nhất thiết chủng, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không có nên niệm cũng không có, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không thể biết nên niệm cũng không thể biết.

Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát tu hành đạo ấy, tôi muốn khiến không xa lìa niệm ấy, tức là niệm đại bi.

Bấy giờ, Phật tán thán Tu-bồ-đề rằng: Lành thay, lành thay! Bồ-tát ma-ha-tát có nói Bát-nhã ba-la-mật cũng nên nói như vậy. Như ông nói Bát-nhã ba-la-mật đều vãng thừa ý Phật. Bồ-tát ma-ha-tát học Bát-nhã ba-la-mật nên như lời ông nói mà học.

Khi Tu-bồ-đề nói phẩm Bát-nhã ba-la-mật ấy, ba ngàn đại thiên thế giới chấn động sáu cách. Phương đông vọt lên, phương tây chìm xuống; phương tây vọt lên, phương đông chìm xuống; phương nam vọt lên, phương bắc chìm xuống; phương bắc vọt lên, phương nam chìm xuống; ở giữa vọt lên, hai bên chìm xuống; hai bên vọt lên, ở giữa chìm xuống.

Bấy giờ Phật mỉm cười.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Vì nhân duyên gì nên Phật mỉm cười?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Như Ta ở thế giới này nói Bát-nhã ba-la-mật, vô lượng A-tăng-kỳ thế giới chư Phật ở phương đông cũng vì các Bồ-tát ma-ha-tát mà nói Bát-nhã ba-la-mật, chư Phật ở phương nam, tây, bắc, bốn góc và trên dưới cũng nói Bát-nhã ba-la-mật ấy.

Khi nói phẩm Bát-nhã ba-la-mật ấy, mười hai na-do-tha các trời, người chứng được vô sanh pháp nhẫn. Khi chư Phật mười phương nói Bát-nhã ba-la-mật ấy, vô lượng A-tăng-kỳ chúng sanh cũng phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

LUẬN: Luận giả nói: Xá-lợi-phất nghĩ rằng: Tu-bồ-đề phân biệt nói rõ sáu Ba-la-mật thế gian, xuất thế gian và Bồ-đề đạo rất lợi ích cho chúng sanh nên hoan hỷ tán thán: Lành thay, lành thay! Nói lại hai lần là tỏ sự hoan hỷ cùng tột.

Hỏi: Ấy là do lực của Ba-la-mật nào?

Đáp: Tu-bồ-đề suy nghĩ rằng: Trong tất cả tâm số pháp, trừ trí tuệ, không có tâm số nào có khả năng phân biệt dứt nghi, mở lối như vậy. Trong các Ba-la-mật, nếu lia Bát-nhã ba-la-mật tự mình không thể thành tựu, huống gì có thể phân biệt mở lối? Suy nghĩ như vậy rồi, đáp Xá-lợi-phất rằng: Đó là lực của Bát-nhã ba-la-mật, như trước đã nói. Trong các pháp không có ngã, không có kẻ biết, không có kẻ thấy. Nay đem điều ấy làm chứng biết đó là lực của Bát-nhã ba-la-mật, chẳng phải lực của Phật, chẳng phải lực của Tu-bồ-đề, vì sao? Tu-bồ-đề nói lý do vì Bát-nhã ba-la-mật xa lia hai bên đoạn thường, có, không v.v... hay phát sanh tất cả pháp lành, đó là tướng định, tướng cứng chắc không hoại của pháp ba thừa.

Lại, Bát-nhã ba-la-mật vô lượng vô biên nên có thể nhiếp thụ tất cả pháp lành, như biển lớn hay nạp thụ trăm sông nghìn dòng.

Pháp lành ba thừa là sáu Ba-la-mật, cho đến mười tám pháp không chung. Mười phương ba đời chư Phật thực hành Bát-nhã ba-la-mật nên đều chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tuy thực hành các Ba-la-mật kia, mà Bát-nhã ba-la-mật rất tôn quý, có năng lực phân biệt thông đạt. Thí như hòa hợp thuốc xỏ, vị bã đậu mạnh hơn cả. Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy, tuy hòa hợp với các Ba-la-mật kia, nhưng phá các phiền não, tà kiến, xả bỏ hý luận thì lực Bát-nhã ba-la-mật hơn cả. Vì vậy, nên nói đều là lực của Bát-nhã ba-la-mật.

Hỏi: Mỗi mỗi tán thán Bát-nhã ba-la-mật là vi diệu thậm thâm, vậy ai hay tu hành, tùy thuận, tương ưng Bát-nhã ba-la-mật?

Đáp: Những Bồ-tát trong vô lượng đời chứa nhóm các phước đức, lợi căn, các phiền não bị bề mỏng; tuy chưa đến địa vị bất thối, song nghe nói Bát-nhã ba-la-mật liền tin thọ thâm nhập. Người có tướng thông đạt như vậy, thời có thể thực hành đạo Bát-nhã ba-la-mật, nghĩa là cứu độ hết thảy chúng sanh, khiến xa lìa ưu não thế gian, vì tâm đại bi nên không bỏ hết thảy chúng sanh. Bồ-tát thường không nên xa lìa tâm đại bi và niệm rốt ráo không, rốt ráo không, thời phá các phiền não thế gian, thị hiện Niết-bàn; mà tâm đại bi dẫn dắt khiến trở lại vào trong thiện pháp, để lợi ích chúng sanh.

Bấy giờ Xá-lợi-phất nạn hỏi Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát không lìa niệm đại bi và niệm rốt ráo không ấy, thời tất cả chúng sanh đều sẽ làm Bồ-tát, vì sao? Vì rốt ráo không, thì vô tướng, không phân biệt, không nên Bồ-tát có niệm đại bi, còn chúng sanh không có niệm đại bi. Nếu có thì hết thảy chúng sanh nên chung có, nếu không thì Bồ-tát cũng nên không?

Tu-bồ-đề đáp: Ông muốn nạn hỏi tôi mà trở lại giúp thành nghĩa của tôi, vì sao? Vì các pháp tướng rốt ráo không, nên chúng sanh cũng không, chúng sanh không nên niệm rốt ráo không cũng không. Nếu các pháp rốt ráo không, thì đâu có chúng sanh thật không mà nạn hỏi tôi rằng: Chúng sanh không lìa niệm ấy, thời đều sẽ làm Bồ-tát! Thế nên nói chúng sanh không có nên niệm rốt ráo không cũng không có. Chúng sanh không có tự tánh, chúng sanh lìa, chúng sanh không, chúng sanh không thể biết, niệm rốt ráo không cũng không. Sắc cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng như vậy.

Hỏi: Trong đây niệm, là không lìa niệm đại bi, có sao nói không lìa niệm rốt ráo không?

Đáp: Bồ-tát không lìa niệm ấy, tâm không bỏ chúng sanh, vì dùng vô sở đắc làm phương tiện vậy. Vô sở đắc không và rốt ráo không, tên khác mà nghĩa một. Vô sở đắc không; vô sở đắc không ở đầu, rốt ráo không ở sau; vì rốt ráo không là lớn, nên sanh tâm

bi cũng lớn. Đại bi, như trong Kinh A Sai Mạc nói có ba thứ bi: Là chúng sanh duyên, pháp duyên và vô duyên. Vô duyên từ bi từ rốt ráo không phát sanh, lấy đó mà giải sự nạn vấn của Xá-lợi-phất. Phật ấn chứng lời nói ấy nên tán thán lành thay. Nếu muốn giải nói Bát-nhã ba-la-mật, hãy nên như ông nói.

Bấy giờ ở trong chúng, hàng trời, người, Bồ-tát nghĩ rằng: Bát-nhã ba-la-mật rất sâu, ba đời chư Phật đều từ trong đó xuất sanh, Tu-bồ-đề là người Tiểu thừa, tại sao Phật tán thán, muốn nói Bát-nhã ba-la-mật, hãy nên như ông nói, vì thế nên tiếp đến nói: Tu-bồ-đề nói điều vâng thừa ý Phật. Giả sử như Di-lặc Bồ-tát, Phạm-thiên vương v.v... không nương theo ý Phật còn không thể hỏi, huống gì Tu-bồ-đề ở trước Phật mà có thể tự do vui nói. Các Bồ-tát muốn học Bát-nhã ba-la-mật cũng nên như ông nói mà học.

Khi nói phẩm ấy, ba ngàn đại thiên thế giới chấn động sáu cách là lúc ấy ở trong hội chúng có nhiều Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đều sẽ làm Phật.

Phật là chủ lớn của trời đất, địa thần hoan hỷ chủ ta nay xuất sanh nên khiến quả đất động mạnh.

* Lại nữa, người có tâm tin Bát-nhã ba-la-mật thâm sâu, là hy hữu khó được, nên người ấy do nhân duyên phước đức mà cảm gió lớn làm rung động nước, nước động nên đất động.

* Lại nữa, đại Long vương ở dưới đất muốn đến nghe Bát-nhã ba-la-mật, từ nước đi ra cho nên nước động, nước động nên đất động.

* Lại nữa, do thần lực của Phật khiến đất động, vì muốn khiến mọi người tăng lòng tin vui Bát-nhã ba-la-mật khó thấy khó biết. Ngoài ra, nhân duyên làm đất động, như trước đã nói, còn trong đây Phật tự nói nhân duyên là Ta nói Bát-nhã ba-la-mật, mười phương chư Phật cũng nói Bát-nhã ba-la-mật, mười hai na-do-tha trời người được địa vị bất thối, vào pháp vị, thế nên đất động.

Lại, chúng sanh trong mười phương thế giới, cũng phát tâm Vô-thượng đạo, thế nên đất động.

Bấy giờ chư Thiên cũng có rải các thứ hoa sen và các tạp hương, áo trời, lọng trời, ngàn vạn thứ kỳ nhạc trời. Các Long vương từ bốn biển nước lớn vọt lên và các Dạ-xoa, La-sát v.v... đều sanh tâm từ, chấp tay tán Phật. Lại khi Phật mỉm cười, vô lượng ánh sáng trùm khắp mười phương các thế giới nhiều như hằng hà sa, có bấy nhiêu việc hy hữu. Nói cách cốt yếu thì đất động đều do nói thật tướng các pháp, tức là Bát-nhã ba-la-mật.

(HẾT CUỐN 53 THEO BẢN HÁN)

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

GIẢI THÍCH: PHẨM THIÊN VƯƠNG THỨ 27

(Kinh Đại Bát-nhã ghi: Phần 2, Phẩm Đế Thích thứ 25)

KINH: Bảy giờ, ba ngàn đại thiên thế giới các trời Tứ thiên vương cùng với vô số trăm ngàn ức chư thiên đều đến tập hội. Ba ngàn đại thiên thế giới các Thích-đề-hoàn-nhơn và các trời Đao-lợi, vua trời Tu- dạ-ma và các trời Dạ-ma, vua trời Đâu-suất-đà và các trời Đâu-suất-đà, vua trời Tu-niết-mật-đà và các trời Diệu Hóa, vua trời Bà-xá-bạt-đề và các trời Tụ Tị Hành, mỗi mỗi cùng vô số trăm ngàn ức chư thiên đều đến tập hội. Ba ngàn đại thiên thế giới các Phạm vương cho đến các trời Thủ-đà-hội, mỗi mỗi cùng vô số trăm ngàn ức chư thiên đều đến tập hội. Các trời bốn Thiên vương cho đến các trời Thủ-đà-hội có ánh sáng nơi thân từ nghiệp báo sinh, đối với ánh sáng thường của Phật trăm phần, ngàn phần, ngàn vạn ức phần không kịp một, cho đến không thể lấy toán số thí dụ so sánh được. Ánh sáng của Thế Tôn tối thắng tối diệu, tối thượng đệ nhất; ánh sáng do nghiệp báo sinh của chư thiên ở bên ánh sáng Phật không thể chiếu không thể hiện, như tim đèn cháy so với vàng Diêm-phù-đàn.

Bảy giờ Thích-đề-hoàn-nhơn (Đế-thích - Indra) bạch đại đức Tu-bồ-đề: Ba ngàn đại thiên thế giới các trời bốn Thiên

vương cho đến các trời Thủ-đà-hội, hết thấy hòa hợp muốn nghe Tu-bồ-đề nói nghĩa Bát-nhã ba-la-mật. Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát làm sao nên trụ trong Bát-nhã ba-la-mật? Sao gọi là Bồ-tát ma-ha-tát Bát-nhã ba-la-mật? Làm sao Bồ-tát ma-ha-tát nên trụ Bát-nhã ba-la-mật?

Tu-bồ-đề nói với trời Thích-đề-hoàn-nhơn rằng: Kiều-thi-ca! Tôi nay sẽ thừa thuận ý Phật, thừa thuận thần lực Phật mà vì các Bồ-tát ma-ha-tát nói Bát-nhã ba-la-mật, như Bồ-tát ma-ha-tát đã nên trụ trong Bát-nhã ba-la-mật (*Kinh Đại Bát-nhã ghi: Như Bồ-tát ma-ha-tát có thể nơi trong đó nên trụ như vậy, nên học như vậy - ND*).

Các Thiên-tử! Ai chưa phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nay hãy nên phát tâm.

Các Thiên-tử! Nếu vào chánh vị Thanh-văn, người ấy không thể phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì sao? Vì đã dựng ranh giới cách biệt chướng ngại với sinh tử. Người ấy nếu phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tôi cũng tùy hỷ, vì có sao? Vì thượng nhân còn nên cầu thượng pháp; tôi trọn không dứt công đức của họ.

Kiều-thi-ca! Sao gọi là Bát-nhã ba-la-mật? Bồ-tát ma-ha-tát tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng mà niệm sắc vô thường, niệm sắc khổ, niệm sắc không, niệm sắc vô ngã, niệm sắc như bệnh, như thư, như ung, như gẻ, như mũi tên vào thân, thống não, suy hoạn, lo sợ bất an, vì không có sở đắc; niệm thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Niệm mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; niệm địa chủng, thủy, hỏa, phong, không, thức chủng, quán nó vô thường cho đến lo sợ bất an, vì cũng không có sở đắc.

Quán sắc tịch diệt, lìa, chẳng sinh chẳng diệt, chẳng như, chẳng sạch; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Quán địa

chúng cho đến thức chúng tịch diệt, lia, chẳng sinh chẳng diệt, chẳng như chẳng sạch, cũng vì không có sở đắc.

* Lại nữa, Kiều-thi-ca! Bồ-tát ma-ha-tát tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng quán vô minh làm duyên các hành, cho đến già chết làm nhân duyên cho nhóm khổ lớn, cũng vì không có sở đắc. Quán vô minh diệt nên các hành diệt, cho đến sinh diệt nên già chết diệt, già chết diệt nên ưu bi sầu não nhóm khổ lớn diệt, vì không có sở đắc.

* Lại nữa, Kiều-thi-ca! Bồ-tát ma-ha-tát tâm tương ưng Trí nhất thiết chủng, tu bốn niệm xứ, vì không có sở đắc, cho đến tu Phật mười lực, mười tám pháp không chung, vì không có sở đắc.

* Lại nữa, Kiều-thi-ca! Bồ-tát ma-ha-tát tâm tương ưng Trí nhất thiết chủng, tu Thí ba-la-mật, vì không có sở đắc; tu Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, vì không có sở đắc.

* Lại nữa, Kiều-thi-ca! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Bát-nhã ba-la-mật, quán như vậy: Chỉ có các pháp với các pháp làm nhân duyên, thắm nhuần, tăng ích cho nhau, phân biệt so tính trong ấy không có ngã, ngã sở. Bồ-tát tâm hồi hướng không ở trong tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không ở trong tâm hồi hướng; tâm hồi hướng không thể có được nơi tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không thể có được nơi tâm hồi hướng. Bồ-tát tuy quán hết thấy pháp cũng không có pháp có thể được. Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát Bát-nhã ba-la-mật.

Thích-đề-hoàn-nhơn hỏi Tu-bồ-đề: Tại sao tâm hồi hướng của Bồ-tát không ở trong tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Tại sao tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không ở trong tâm hồi hướng? Tại sao tâm hồi hướng không thể có được nơi

tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Tại sao tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không thể có được nơi tâm hồi hướng?

Tu-bồ-đề nói với Thích-đề-hoàn-nhơn rằng: **Kiều-thi-ca!** Tâm hồi hướng, tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là chẳng phải tâm, chẳng phải tâm tướng; trong chẳng phải tâm tướng không thể có hồi hướng; chẳng phải tâm tướng ấy thường chẳng phải tâm tướng; tướng không thể nghĩ bàn thường tướng không thể nghĩ bàn, ấy gọi là Bát-nhã ba-la-mật của Bồ-tát ma-ha-tát. *(Kinh Đại Bát-nhã ghi: Kiều-thi-ca! Tâm hồi hướng của các Bồ-tát ma-ha-tát thời chẳng phải tâm, tâm Bồ-đề cũng chẳng phải tâm; không thể chẳng phải tâm hồi hướng nơi chẳng phải tâm, tâm cũng không thể hồi hướng nơi chẳng phải tâm, chẳng phải tâm, không thể hồi hướng nơi tâm, tâm cũng không thể hồi hướng nơi tâm, vì sao? Vì chẳng phải tâm tức là không thể nghĩ bàn, không thể nghĩ bàn tức là chẳng phải tâm. Hai thứ ấy đều không có gì, trong không có gì, không có nghĩa hồi hướng. Kiều-thi-ca! Tâm không có tự tánh, tâm tánh không có, nên tâm cũng không; tâm và tâm sở đã không có tự tánh, nên tâm cũng không có nghĩa tâm hồi hướng. Kiều-thi-ca! Nếu quán xét như vậy, ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát Bát-nhã ba-la-mật - ND).*

Bấy giờ, Phật tán thán Tu-bồ-đề rằng: Lành thay, lành thay! Tu-bồ-đề! Ông đã vì các Bồ-tát ma-ha-tát nói Bát-nhã ba-la-mật, an ủy tâm các Bồ-tát ma-ha-tát!

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Con nên báo ân, không nên không báo ân. Quá khứ các đức Phật và các đệ tử đã vì các Bồ-tát nói sáu Ba-la-mật, chỉ dạy lợi ích vui mừng; Thế Tôn lúc bấy giờ cũng ở trong đó học, đã chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Con nay cũng nên vì các Bồ-tát nói sáu Ba-la-mật, chỉ dạy lợi ích vui mừng, nay chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

LUẬN. *Hỏi*: Trong Phẩm đầu Phật phóng ra ánh sáng thù thắng, chư thiên đã tập hội đông đảo, nơi đây sao còn nói lại?

Đáp: Có người nói đây là hội sau. Có người nói chính là hội trước. Chư thiên cho rằng Tu-bồ-đề khéo nói Bát-nhã ba-la-mật thâm sâu, nên chư thiên hoan hỷ, vì vậy nên Phật mỉm cười. Ánh sáng thường càng phát sáng thì ánh sáng chư thiên không còn hiện. Như lúc mặt trời mọc, thì sao, trăng đèn, đuốc không còn chiếu sáng; thí như tim đèn cháy ở bên vàng Diêm-phù-đàn.

Bốn trời Thiên vương là Thiên vương phương đông tên là Đề-đa-la-tra (Dhritaràstra), Trung Hoa dịch là Trị quốc, hoặc Trì quốc, làm chủ Càn-thát-bà và Tỳ-xá-giá; Thiên vương phương nam tên Tỳ-lưu-ly (Viràdhaka), Trung Hoa dịch là Tăng Trưởng, làm chủ loài Câu-bàn-trà và Tỳ-lê-đa; Thiên vương phương tây tên Tỳ-lưu-ba-xoa (Virùpiska), Trung Hoa dịch là Tạt ngũ hay Quảng mục, là chủ các vua rồng và loài Phú-đa-na; Thiên vương phương bắc tên Tỳ-sa-môn (Vaisramana), Trung Hoa dịch là Đa văn (Dhananda), làm chủ loài Dạ-xoa và La-sát. Thích-đề-hoàn-nhơn [*Thích là Thích-ca (Sakya), Trung Hoa dịch là Năng; Đề là Đề-bà (Deva), Trung Hoa dịch là Thiên*]; Nhân-đề Trung Hoa dịch là Chủ, hợp lại gọi là Thích-đề Bà-na-dân (Indra) Đế-thích thiên, ở cõi trời Đao-lợi.

Cõi trời Tu-dạ-ma, Thiên vương tên Dạ-ma, Trung Hoa dịch là Diệu-thiện.

Cõi trời Sách-đâu-suất-đà, Thiên vương tên Đâu-suất-đà, Trung Hoa dịch là Diệu-túc.

Cõi trời Tu-niết-mật-đà, Thiên vương tên là Hóa-lạc.

Cõi trời Bà-xá-bạt-đề, Trung Hoa dịch là trời Tha-hóa-tự-tại.

Ở đây có Phạm thiên vương tên Thi-khí (Sikhi), Trung Hoa dịch là Lửa.

Từ Phạm thiên cho đến cõi trời Thủ-đà-bà, Thiên vương tên Thủ-đà-bà, Trung Hoa dịch là trời Tịnh-cư.

Ánh sáng nơi thân do nghiệp báo sinh là ánh sáng của trời cõi Dục giống như ánh sáng của đèn, đuốc, ngọc... do bố thí, trì giới, thiên định thanh tịnh nên thân thường chiếu sáng, không cần mặt trời mặt trăng.

Trời cõi Sắc do hành liạ dục, tu tập Hỏa Tam-muội, nên thân thường chiếu ánh sáng đẹp hơn cả mặt trời mặt trăng và ánh sáng quả báo của trời cõi Dục. Ánh sáng của trời Ly-dục, cốt yếu mà nói là do tâm thanh tịnh mà có được.

Ánh sáng thường của Phật mỗi phía tỏa ra một trượng; ánh sáng của chư thiên rộng lớn tuy vô lượng do tuần mà ở bên hào quang của Phật thì bị che lấp không hiện.

Thích-đề-hoàn-nhơn thấy thân lực hào quang của Phật, nghĩ rằng: Hào quang của Phật hay che lấp ánh sáng của chư thiên, ánh sáng trí tuệ của Phật cũng phá ngu tối của ta!

Lại vì Phật sai Tu-bồ-đề nói Bát-nhã, cho nên nói: Hết thầy chư thiên đều tập hội đông đủ, muốn nghe Tu-bồ-đề nói nghĩa Bát-nhã. Nay chư thiên đại phước đức đều tập họp, muốn nghe nghĩa Bát-nhã.

Sao gọi là Bát-nhã ba-la-mật? Đây là hỏi về thể Bát-nhã.

Làm sao tu hành? Đây là hỏi bắt đầu vào phương tiện tu hành.

Thế nào là trú? Đây là hỏi về thâm nhập rốt ráo an trú.

Tu-bồ-đề nhận lời hỏi ấy, đáp rằng: Nếu người đói khát, cấp cho đủ ăn uống, thời họ cảm ơn rất sâu, Bồ-tát cũng như vậy, vì người phát tâm cầu Phật đạo, mà nói Bát-nhã thời được lợi ích lớn, nên cảm ơn cũng sâu, vì thế nên nói Bát-nhã. Nếu người chưa phát tâm thời sẽ phát, người đã vào Thánh đạo thời không thể đảm nhận, vì lậu hoặc hết, không còn tái sinh nên nói không thể đảm nhận.

Hỏi: Nếu người ấy không thể đảm nhận, có sao nói người ấy nếu phát tâm thời ta cũng tùy hỷ, không làm chướng ngại công đức kia, thượng nhơn nên tiếp cầu thượng pháp?

Đáp: Tu-bồ-đề tuy là Tiểu thừa, nhưng thường tập hành không, nên không chấp đắm đạo Thanh-văn. Vì vậy nên giả thiết nói: Nếu phát tâm thì có lỗi gì? Trong đây Tu-bồ-đề tự nói hai nhân duyên: Một là không làm chướng ngại tâm phước đức kia. Hai là thượng nhơn nên tiếp cầu thượng pháp. Vì vậy nên thượng nhơn cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không lỗi gì, nếu thượng nhơn mà cầu tiểu pháp mới đáng hổ thẹn. Vì nũa chừng gặp các việc bên cạnh nên lại nêu hỏi.

Thế nào là Bát-nhã ba-la-mật? Đó là tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, quán sắc vô thường, khổ, không, vô ngã, như trước nói.

Quán năm uẩn hay sinh các phiền não, nên nói như bệnh. Có người nghe nói năm uẩn như bệnh, cho là còn nhẹ, nên nói nó như ung thư. Có người lại cho ung thư tuy khó trị có khi có thể chữa lành, nên lại nói nó như mũi tên bịt sắt đâm vào thân, không thể rút ra được. Có người lại cho mũi tên bịt sắt đâm vào thân chìm sâu khó nhổ ra, nhưng thuốc hay diệu thuật còn có thể nhổ ra được, nên lại nói nó thường thống não, như người gặp vận suy, thường có điều chẳng lành. Năm uẩn cũng như vậy, nếu người theo đuổi nó thường không an ổn. Vì có suy nên thường ôm lòng lo sợ. Ở chung với năm uẩn như ở chung với hổ lang, Sư tử, thường ôm lòng lo sợ. Năm uẩn có lỗi là vô thường hư dối nên thường chẳng an ổn.

Hỏi: Năm uẩn chỉ có mười lăm điều ác như vậy, hay còn việc khác nữa?

Đáp: Nói lược thời có mười lăm, nói rộng thời có vô lượng vô biên, như trong kinh Tạp A Hàm nói năm uẩn có trăm thứ tội lỗi.

Hỏi: Sao thường nói nó vô thường, khổ, không, vô ngã, hoặc có khi nói tám việc, như bệnh, như ung, như thư v.v... còn bảy việc kia ít nơi nói?

Đáp: Người có thượng, trung, hạ. Vì người lợi căn nên nói bốn việc, nghe liền ngộ Khổ đế. Người trung căn nghe nói bốn việc thì không thể sinh tâm nhàm chán, nếu nghe nói như bệnh, như ung v.v... tám việc, thì sinh tâm nhàm chán. Người độn căn nghe nói tám việc còn không sinh tâm nhàm chán, nên lại vì họ nói bảy việc thông não v.v... sau họ mới nhàm chán. Người lợi căn để độ nên thường phần nhiều nói bốn việc vô thường, khổ, không, vô ngã; người độn căn có khi có thể độ nên ít khi nói các việc khác. Tám việc trên phần nhiều bậc Thánh thực hành, còn bảy việc kia thì phàm phu và Thánh nhân chung tu. Bốn việc đầu nhiếp vào trong mười sáu Thánh hạnh, nên trong kinh Bát-nhã thường nói.

Lại, nói Bát-nhã là vì hàng Bồ-tát lợi căn, nên phần nhiều nói Thánh hạnh. Nay hỏi thế nào? Vì đó là pháp tu hành đầu tiên, nên trong đây đều nói. Ngoài ra mười hai nhập cho đến sáu chủng là địa chủng, thủy chủng v.v... cũng nên quả trách như vậy.

Mười tám giới v.v... cũng nên nói đủ, vì người đọc hay quên mất, vì sao? Vì mười tám giới là tên khác của năm uẩn, không thể không nói. Nếu hành giả quán năm uẩn tịch diệt viên ly, chẳng sinh chẳng diệt, chẳng như chẳng sạch, đây chỉ vì Bát-nhã ba-la-mật, nên không nói chung với mười lăm việc trên, vì mười lăm việc ấy cả ba thừa chung có.

Trí lực của hàng Thanh-văn mong cho nên sơ thì không thể quán năm uẩn hoặc viên ly, hoặc tịch tịnh mà chỉ có thể quán vô thường, khổ v.v...; khi vào Diệt đế mới có thể quán tịch diệt. Bồ-tát vì lợi căn nên ban đầu quán năm uẩn thì liền ngộ được tướng tịch diệt.

Dùng vô sở đắc là thường dùng trí tuệ vô sở đắc không mà quán các pháp tướng.

* Lại nữa, Thích-đề-hoàn-nhơn hỏi tướng Bát-nhã ba-la-mật chứ không hỏi việc tai họa nhằm chán của năm uẩn, nên chỉ nói tướng Bát-nhã.

Tướng Bát-nhã là không lìa năm uẩn có Niết-bàn; không lìa Niết-bàn có năm uẩn; thật tướng năm uẩn tức là Niết-bàn, vì vậy người độn căn khi mới phát tâm, trước tiên quán vô thường, vậy sau mới quán năm uẩn tịch diệt v.v... Quán mười hai nhân duyên cũng như vậy.

* Lại nữa, tu bốn niệm xứ cho đến tám Thánh đạo phần là pháp chung, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, vì là không có sở đắc, nên gọi là tướng Bát-nhã ba-la-mật. Sáu Ba-la-mật cho đến mười tám pháp không chung thì chỉ là pháp Đại thừa.

Hỏi: Nên nói tướng Bát-nhã ba-la-mật tu hành, có gì trung gian còn nói đến các pháp, các pháp ấy lại làm nhân duyên thắm nhuần tăng ích?

Đáp: Tu-bồ-đề trên kia trước nói lỗi vô thường của các pháp; vậy sau mới nói các pháp là viễn ly, tịch diệt, không, không có sở đắc; vậy sau mới nói các pháp tuy không mà từ nhân duyên hòa hợp nên có.

Tiếp theo nói bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung, tu hành vào Phật đạo. Người nghe nghĩ rằng: Trên nói viễn ly tịch diệt không, nên biết chẳng phải thường; nói mười hai nhân duyên, nên biết chẳng phải diệt. Nhưng không có kẻ biết, không có kẻ thấy thì ai tu hành các pháp ấy để thành Phật? Thế nên nói: Bồ-tát nghĩ rằng: Các pháp không, vô ngã, không có chúng sinh, song từ nhân duyên nên có bốn đại, sáu thức, mười pháp ấy đều có lực năng sinh, năng khởi, năng có chỗ tạo tác. Như đất hay giữ, nước hay làm

rã nát, lửa hay tiêu diệt, gió hay xoay chuyển, thức hay phân biệt. Mười pháp ấy có chỗ tạo tác, vì chúng sinh điên đảo nên cho đó là người làm, ta làm. Như da xương hòa hợp lại nên có âm thanh, ngôn ngữ, người mê cho đó là người nói. Như lửa đốt khô rừng tre, phát ra tiếng lớn, trong đó không có người làm.

Lại như người gỗ, người huyễn, người biến hóa tuy có động tác mà không có người làm. Mười pháp này cũng như vậy. Pháp sinh trước pháp sinh sau, nhân duyên hòa hợp, hoặc nhân duyên cộng sinh, hoặc nhân duyên tương ưng, hoặc nhân quả báo, nhân duyên thường tu thường tập làm cho quả báo tăng trưởng. Như mùa xuân trồng cây trái, tùy thời tưới tắm, hoa quả tốt tươi. Lý trí tuệ phân biệt biết các pháp không có người làm. Bồ-tát mới phát tâm hồi hướng, làm nhân duyên với tâm Phật. Mà lúc mới phát tâm hồi hướng, chưa có tâm Phật, trong tâm Phật không có tâm mới hồi hướng, tuy không có mà có thể làm nhân duyên để phát.

Hỏi: Nếu lúc mới phát tâm hồi hướng không có tâm Bồ-đề, thời hồi hướng về đâu?

Đáp: Trong thật tướng Bát-nhã ba-la-mật, các pháp chẳng phải tướng thường, chẳng phải tướng vô thường, chẳng phải tướng có, chẳng phải tướng không, nên không nên nạn hỏi rằng: Tâm hồi hướng đã diệt không còn có gì thời làm sao làm nhân cho tâm Bồ-đề? Nếu các pháp chẳng sinh chẳng diệt, chẳng phải chẳng sinh, chẳng phải chẳng diệt, làm sao đem sự chẳng sinh chẳng diệt nạn hỏi rằng: Không có tâm Bồ-đề thì hồi hướng về đâu?

* Lại nữa, Phật tự nói tướng Bồ-đề chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại, làm sao nạn hỏi rằng: Vị lai không có Bồ-đề nên hồi hướng về đâu?

* Lại nữa, như trong Phạm Như nói: Đòi quá khứ không lia đời vị lai, đời vị lai không lia đời quá khứ; đời quá khứ như, đời vị

lai như, một như không có hai như, làm sao nói tâm Bồ-đề không ở trong tâm hồi hướng? Tâm hồi hướng không ở trong tâm Bồ-đề? Nhưng Bồ-tát nghe tán thán Phật pháp, liền phát tâm ưa vui, nói rằng ta có công đức gì đều hồi hướng đến Phật đạo. Từ khi mới phát tâm cho đến chứng Phật đạo, tu công đức ấy, không ngừng không nghỉ, dùng như huyễn, như mộng, vô sở đắc nên gọi là Bồ-tát Bát-nhã ba-la-mật, hay biết các pháp làm nhân duyên sinh quả báo mà không có tướng nhất định.

Thích-đề-hoàn-nhơn nạn hỏi: Vì sao tâm hồi hướng không thể có được ở trong tâm Bồ-đề, tâm Bồ-đề không thể có được ở trong tâm hồi hướng?

Tu-bồ-đề không vì nói theo thể đế như huyễn như mộng, chỉ nói theo đệ nhất nghĩa đế: Hai tâm ấy đều không, chẳng phải tâm tướng, vì có sao? Vì trong các pháp rốt ráo không, không có thị tâm phi tâm, thì pháp như vậy làm sao có thể có hồi hướng? Nếu có hai pháp mới có thể có hồi hướng; thí như cưỡi xe đi từ phía tây, phía nam có chỗ dừng nghỉ, nên mới quay xe hướng đến. Vì xe và chỗ quay hướng đến khác nhau mới có thể hồi hướng, chứ không được chỉ có xe mà nói hồi hướng, vì không khác nhau.

Chẳng phải tâm tướng thường chẳng phải tâm tướng là ý Tu-bồ-đề muốn nói tâm tướng ấy như như thường trụ, chẳng sinh chẳng diệt, chẳng nhơ chẳng sạch. Vì chẳng phải tâm tướng nên chẳng phải tâm, cũng không có chẳng phải tâm ấy, cho nên nói không thể nghĩ bàn. Không thể nghĩ bàn cũng thường không thể nghĩ bàn, không thể trừ lượng tư duy chấp thủ tướng.

Do nhân duyên ấy, nên tâm làm nhân cho Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tương tự quả, không tương tự thời không thể sinh quả được. Nếu sơ tâm bất tịnh, sau không thể phát sinh tịnh tâm, như luyện thiết không thể thành vàng.

Phật vì Tu-bồ-đề thâm nhập trong nhân duyên Bát-nhã ba-la-mật, ấy là tên gọi Bát-nhã ba-la-mật. Vì thâm nhập được nhân duyên của các pháp, tức lấy làm tên. Vì không sai trái nên ở giữa đại chúng tán thán: Lành thay, lành thay! Ông là người Tiểu thừa mà hay khéo nói Bát-nhã ba-la-mật thâm sâu.

An ủy tâm các Bồ-tát là vì lấy Bát-nhã ba-la-mật chỉ bày cho các Bồ-tát: Ông chẳng tự cho mình phiền não chưa hết, chưa thành Phật đạo để tự biếng nhác! Các pháp không chướng không ngại, tâm đầu tâm cuối không có khác tướng, chỉ siêng tinh tấn thời thành Phật đạo.

Tôi nên báo ân là Tu-bồ-đề nghĩ rằng: Ta thực hành thật tướng các pháp, được thoát khỏi khổ già, bệnh, chết, sao ta không nhớ đại ân các pháp ấy? Vì vậy nên thường vui nói.

* Lại nữa, Phật có tâm đại bi, vui nói pháp độ chúng sinh, ta nhờ ân Phật nên đắc đạo, ta cũng giúp Phật thuyết pháp độ chúng sinh. Ấy là báo ân.

Lại biết đức Thế Tôn hôm nay nhân nơi chư Phật quá khứ mà được thành Phật đạo, thế nên ta cũng ái kính chư Phật quá khứ, như con ái kính cha, cũng ái trọng tổ phụ, cũng ái kính quá khứ các Bồ-tát và đệ tử hay thuyết pháp chỉ dạy, đức Thế Tôn hôm nay cũng như đó mà đắc đạo.

Tu-bồ-đề có tâm thâm tín Tam Bảo, nên nói tôi biết ơn Thế Tôn và pháp hôm nay, ơn chư Phật và đệ tử quá khứ. Pháp tức là Pháp bảo, Phật hôm nay và Phật quá khứ tức là Phật bảo, các Bồ-tát và các đệ tử là Tăng bảo. Sáu Ba-la-mật như trước đã nói.

Thị là chỉ thị cho người biết việc tốt xấu, lành chẳng lành, nên làm không nên làm; sinh tử là xấu, Niết-bàn an ổn là tốt. Phân biệt ba thừa, phân biệt sáu Ba-la-mật như vậy gọi là chỉ thị.

Giáo là dạy ông bỏ ác làm lành, ấy gọi là giáo.

Lợi là khi chưa được mùi vị của thiện pháp, tâm dễ thôi mất, vì họ thuyết pháp dẫn dắt khiến ra khỏi. Ông chờ tìm quả trong khi tu nhân, ông nay tuy cần khổ, nhưng khi quả báo xuất hiện thời được lợi ích rất lớn, khiến tâm kia lợi, nên gọi là lợi.

Hỷ là tùy chỗ người ấy tu hành mà tán thán, khiến tâm người kia vui mừng. Nếu người ưa bố thí mà nghe tán thán bố thí thời vui mừng.

Vậy nên lấy bốn việc ấy trang nghiêm việc thuyết pháp.

KINH: Bấy giờ Tu-bồ-đề nói với Thích-đề-hoàn-nhơn rằng: Kiền-thi-ca, ông hãy lắng nghe! Bồ-tát ma-ha-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật như chỗ nên trú, chỗ không nên trú. Kiền-thi-ca! Sắc, sắc không; thọ, tưởng, hành, thức, thức không; Bồ-tát, Bồ-tát không. Sắc không ấy với Bồ-tát không không hai không khác; thọ, tưởng, hành, thức không với Bồ-tát không không hai không khác. Kiền-thi-ca! Bồ-tát ma-ha-tát trong khi tu Bát-nhã ba-la-mật nên trú như vậy.

*** Lại nữa, mắt, mắt không, cho đến ý, ý không; Bồ-tát, Bồ-tát không; mắt không cho đến Bồ-tát không không hai không khác. Sáu trần cũng như vậy. Địa chủng (địa giới), địa chủng không, cho đến thức chủng, thức chủng không, Bồ-tát, Bồ-tát không. Kiền-thi-ca! Địa chủng không cho đến thức chủng không với Bồ-tát không không hai không khác. Kiền-thi-ca! Bồ-tát ma-ha-tát trong khi tu Bát-nhã ba-la-mật, nên trú như vậy.**

Vô minh, vô minh không cho đến già chết, già chết không; vô minh diệt, vô minh diệt không cho đến già chết diệt, già chết diệt không với Bồ-tát không. Kiền-thi-ca! Vô minh không cho đến già chết không; vô minh diệt không cho đến già chết diệt không; Bồ-tát, Bồ-tát không không hai không khác. Kiền-

thi-ca! Bồ-tát ma-ha-tát trong khi tu Bát-nhã ba-la-mật, nên trú như vậy.

Thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không; bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung; tất cả môn Tam-muội, tất cả môn Đà-la-ni, Thanh-văn thừa, Bích-chi Phật thừa, Phật thừa; Thanh-văn, Bích-chi Phật, Bồ-tát, Phật cũng như vậy.

Trí nhất thiết chủng, Trí nhất thiết chủng không, Bồ-tát, Bồ-tát không; Trí nhất thiết chủng không với Bồ-tát không không hai không khác. Kiền-thi-ca! Bồ-tát ma-ha-tát trong khi tu Bát-nhã ba-la-mật, nên trú như vậy.

Bấy giờ Thích-đề-hoàn-nhơn hỏi Tu-bồ-đề rằng: Thế nào là chỗ không nên trú trong khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật?

Tu-bồ-đề đáp: Kiền-thi-ca! Bồ-tát ma-ha-tát trong khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật không nên trú sắc, vì có sở đắc. Không nên trú thọ, tưởng, hành, thức, vì có sở đắc; không nên trú mắt cho đến không nên trú ý, không nên trú sắc cho đến không nên trú pháp; không nên trú nhãn thức cho đến ý thức, nhãn xúc cho đến ý xúc, thọ do nhãn và xúc làm nhân duyên sinh cho đến thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh, vì có sở đắc. Không nên trú nơi địa chủng cho đến thức chủng, vì có sở đắc. Không nên trú nơi Thí ba-la-mật, cho đến Bát-nhã ba-la-mật, bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung, vì có sở đắc. Không nên trú nơi quả Tu-đà-hoàn, vì có sở đắc, cho đến không nên trú nơi quả A-la-hán, đạo Bích-chi Phật, đạo Bồ-tát, Phật đạo, không nên trú nơi Trí nhất thiết chủng, vì có sở đắc.

*** Lại nữa, Kiền-thi-ca! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật, sắc là thường không nên trú, sắc là vô thường không nên trú; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Không nên**

trú sắc hoặc vui, hoặc khổ, hoặc tịnh, hoặc bất tịnh, hoặc ngã, hoặc vô ngã, hoặc không, hoặc chẳng không, hoặc tịch diệt, hoặc chẳng tịch diệt, hoặc lìa, hoặc chẳng lìa, vì có sở đắc. Không nên trú thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Kiều-thi-ca! Bồ-tát ma-ha-tát không trú quả Tu-đà-hoàn tướng vô vi, quả Tu-đà-hàm tướng vô vi, quả A-na-hàm tướng vô vi, quả A-la-hán tướng vô vi; không nên trú đạo Bích-chi Phật tướng vô vi, Phật đạo tướng vô vi. Không nên trú phước điền Tu-đà-hoàn, không nên trú phước điền Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi Phật, Phật.

* Lại nữa, Kiều-thi-ca! Bồ-tát ma-ha-tát không nên trú Sơ địa vì có sở đắc, cho đến không nên trú địa thứ mười vì có sở đắc.

* Lại nữa, Bồ-tát ma-ha-tát, trú trong sơ phát tâm, nghĩ rằng ta sẽ đầy đủ Thí ba-la-mật, không nên trú, cho đến ta sẽ đầy đủ Bát-nhã ba-la-mật, không nên trú; đầy đủ sáu Ba-la-mật sẽ vào Bồ-tát vị, không nên trú; vào Bồ-tát vị rồi ta sẽ trú địa vị bất thối chuyển, không nên trú; Bồ-tát sẽ đầy đủ năm thần thông, không nên trú, vì có sở đắc; Bồ-tát trú năm thần thông rồi ta sẽ dạo qua vô lượng A-tăng-kỳ thế giới, lễ kính, cúng dường chư Phật và nghe pháp; nghe pháp rồi lại vì người khác nói, Bồ-tát ma-ha-tát không nên trú như vậy, vì có sở đắc.

Như thế giới chư Phật nghiêm tịnh, ta cũng sẽ trang nghiêm thế giới, không nên trú, vì có sở đắc; thành tựu chúng sinh khiến vào Phật đạo, không nên trú; đi đến vô lượng A-tăng-kỳ thế giới chỗ chư Phật, tôn trọng ái kính cúng dường, lấy hương hoa, anh lạc, hương xoa, hương bột, tràng phan, lọng hoa, trăm ngàn ức thứ y báu, cúng dường chư Phật, không nên trú, vì có sở đắc. Ta sẽ khiến vô lượng A-tăng-kỳ chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Bồ-tát không nên trú như vậy. Ta sẽ

sinh năm mắt, mắt thịt, mắt trời, mắt tuệ, mắt pháp, mắt Phật, không nên trú; ta sẽ sinh tất cả môn Tam-muội, không nên trú; tùy ý muốn dạo chơi các Tam-muội, không nên trú; ta sẽ sinh tất cả môn Đà-la-ni, không nên trú; ta sẽ được mười lực của Phật, không nên trú; ta sẽ được bốn điều không sợ, bốn trí vô ngại, mười tám pháp không chung, không nên trú; ta sẽ đầy đủ đại từ đại bi, không nên trú; ta sẽ đầy đủ 32 tướng, không nên trú; ta sẽ đầy đủ 80 vẻ đẹp tùy hình, không nên trú như vậy, vì có sở đắc.

Đây là người thứ tám, là người hành theo lòng tin, là người hành theo sự hiểu pháp, không nên trú như vậy. Đây là Tu-đà-hoàn cùng tột bảy đời, đây là Gia-gia, đây là Tu-đà-hoàn mạng chung sạch hết lậu hoặc, đây là Tu-đà-hoàn trung gian vào Niết-bàn, đây là người hướng đến chứng quả Tư-đà-hàm, đây là người Tư-đà-hàm nhất lai vào Niết-bàn, đây là người hướng đến chứng quả A-na-hàm, đây là người Tư-đà-hàm nhất chủng, đây là người A-na-hàm ở trong kia vào Niết-bàn, đây là người hướng đến chứng quả A-la-hán, đây là người A-la-hán đời này vào Vô dư Niết-bàn, đây là Bích-chi Phật, quá Thanh-văn, Bích-chi Phật địa, ta sẽ trú Bồ-tát địa, đây là Đạo chủng trí, không nên trú như vậy, vì có sở đắc.

Biết tất cả chủng, tất cả pháp rồi dứt các phiền não và tập khí, không nên trú như vậy. Phật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác sẽ Chuyển pháp luân, không nên trú; làm Phật sự độ vô lượng A-tăng-kỳ chúng sinh vào Niết-bàn, không nên trú; bốn Như ý túc, không nên trú; trú vào Tam-muội ấy sẽ sống lâu hằng hà sa kiếp, không nên trú; ta sẽ được sống lâu vô lượng số kiếp, không nên trú; 32 tướng, mỗi mỗi tướng có 100 phước trang nghiêm, không nên trú; một thế giới của ta như mười phương hằng hà sa thế giới, không nên trú; ba ngàn đại thiên thế giới của ta thuần là Kim cang, không nên trú;

khiến cây Bồ-đề của ta sẽ xuất ra hương thơm như vậy, không nên trú; chúng sinh nguỉ đợc không còn dâm dục, sân nhuế, ngu si, không có tâm Thanh-văn, Bích-chi Phật, những người ấy chắc sẽ chứng đợc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không nên trú; nếu chúng sinh nguỉ đợc mùi thơm ấy, thân bệnh, tâm bệnh thấy đều tiêu trừ, không nên trú; sẽ khiến trong thế giới của ta không có danh tự sắc, thọ, tướng, hành, thức, không nên trú; sẽ khiến trong thế giới của ta không có danh tự Thí ba-la-mật cho đến không có danh tự Bát-nhã ba-la-mật, không nên trú; sẽ khiến trong thế giới của ta không có danh tự bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung, cũng không có danh tự Tu-đà-hoàn, cho đến Phật, không có danh tự Phật, không nên trú, vì có sở đắc, vì sao? Vì chư Phật khi đợc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hết thấy pháp không có sở đắc.

Như vậy, Kiền-thi-ca! Bồ-tát trong khi tu Bát-nhã ba-la-mật, không nên trú tướng, vì không có sở đắc.

Bấy giờ tâm Xá-lợi-phất nghĩ rằng: Nay Bồ-tát nên làm thế nào trú trong Bát-nhã ba-la-mật?

Tu-bồ-đề biết tâm Xá-lợi-phất nghĩ, bèn nói với Xá-lợi-phất rằng: Ý ông nghĩ sao? Chư Phật trú ở đâu?

Xá-lợi-phất đáp Tu-bồ-đề: Chư Phật không có chỗ trú, chư Phật không trú nơi sắc, không trú nơi thọ, tướng, hành, thức, không trú nơi tánh hữu vi, không trú nơi tánh vô vi, không trú nơi bốn niệm xứ, cho đến không trú nơi mười tám pháp không chung, không trú nơi Trí nhất thiết chủng.

Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát nên như vậy trú Bát-nhã ba-la-mật; như chư Phật trú nơi các pháp, chẳng phải trú chẳng phải chẳng trú.

Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát trong khi tu Bát-nhã ba-la-mật, nên học như vậy: Ta sẽ trú không trú pháp tướng.

LUẬN: Luận giả nói: *Trú trong Bát-nhã ba-la-mật* là năm uẩn, năm uẩn tướng không. Năm uẩn tướng không là vì quán theo mười tám không.

* Lại nữa, trong kinh Bát-nhã ba-la-mật nói nghĩa không là năm uẩn tướng không, chỉ vì phạm phu điên đảo nên chấp thủ tướng năm uẩn, năm uẩn hòa hợp lại chấp thủ tướng Bồ-tát. Trong Bát-nhã ba-la-mật lấy chúng sinh không, trừ chúng sinh, tức không có tướng Bồ-tát; lấy pháp không trừ năm uẩn, thời không có tướng năm uẩn. Hai không không có sai khác nên nói năm uẩn không, với Bồ-tát không không hai không khác. Như lửa củi Chiên-đàn tắt với lửa phân, cỏ cây tắt, cách tắt không khác nhau. Lấy tướng lửa khi chưa tắt để nói khi tắt, nên có khác nhau, trong khi tắt thời không khác, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Không nên trú là, không nên trú trong năm uẩn.

Hỏi: Nên nói như nghĩa trú, có sao nói không trú?

Đáp: Nếu có thể đối với năm uẩn tâm xa lìa không trú, thời ấy là nghĩa trú. Thế nên nói vì có sở đắc, nên không nên trú; cho đến đối với Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Trước nói đối với năm uẩn không nên trú, chẳng biết không nên trú môn gì. Nay nói trong các môn thường, vô thường chẳng nên trú, cho đến xa lìa; không nên trú.

Hỏi: Quả Tu-đà-hoàn v.v... tướng vô vi, không nên trú, có thứ lớp gì?

Đáp: Bồ-tát trước tiên quán các pháp không, không có gì, tâm thối mất, muốn sớm chứng Niết-bàn, Niết-bàn tức là tướng vô vi. Thế nên nay nói quả Tu-đà-hoàn v.v... tướng vô vi, không nên trú.

Nếu quả Tu-đà-hoàn, tướng vô vi thời không có pháp để có thể chấp đấm, vậy thì đấm cái gì, chấp cái gì? Còn nếu là tướng hữu vi, tướng hữu vi thời hư dối không thật cũng không nên trú. Thế nên nói quả Tu-đà-hoàn tướng vô vi không nên trú, cho đến Phật tướng vô vi không nên trú cũng như vậy. Như Bồ-tát muốn hành Phật đạo, đầu tiên tu Thí ba-la-mật, nên cầu phước điền, vì sao? Vì do công đức phước điền mà sở nguyện được viên mãn, như gieo ruộng tốt thời thâm hoạch nhiều; như Phật nói các ruộng khác, quả báo có giới hạn, còn ruộng Thánh hiền vô lượng, quả báo cũng vô lượng. Bồ-tát nghe nói ruộng phước Tu-đà-hoàn có quả báo vô lượng nên muốn làm Tu-đà-hoàn, thế nên nói ruộng phước Tu-đà-hoàn, không nên trú, cho đến Bích-chi Phật cũng như vậy.

Hỏi: Nhị thừa nhỏ nên vượt qua không trú, còn phước điền của Phật, tại sao trong trú?

Đáp: Pháp của Bồ-tát là phải bình đẳng đối với các pháp, nếu vì Phật là lớn, chúng sinh là nhỏ, thời phá tướng bình đẳng của các pháp.

* Lại nữa, vì không, nên tất cả chỗ đều không nên trú.

* Lại nữa, tâm Bồ-tát bình đẳng bố thí, nếu phân biệt phước điền, thời phá tâm đại bi, cũng phá sự bố thí với ba phần thanh tịnh.

Trong Sơ địa không nên trú là, nếu không bỏ Sơ địa thời không được Nhị địa. Cầu ích lớn thì nên bỏ lợi nhỏ.

* Lại nữa, vì tâm chấp trước thủ tướng nên không nên trú, cho đến địa thứ mười cũng như vậy.

Hỏi: Nếu pháp của Bồ-tát ma-ha-tát, từ khi mới phát tâm nên tu hành sáu Ba-la-mật, tu hành sáu Ba-la-mật nên vào pháp vị, vào pháp vị nên trú địa vị bất thối chuyển. Trú địa vị bất thối chuyển rồi, nên phát khởi năm thân thông cúng dường mười phương chư Phật, như sau nói rộng, nay vì có sao đều nói không nên trú?

Đáp: Không phá cách trú thanh tịnh, chỉ phá tâm chấp ngã tà kiến thủ tướng mà trú; ví như sửa sang ruộng, chỉ trừ bỏ cỏ rác.

* Lại nữa, vì dứt pháp ái, nên không nên trú. Không muốn trái với trí tuệ rốt ráo không của chư Phật dạy, nên không nên trú. Nếu đem tâm phương tiện không trú trước, thương xót chúng sinh nên tuy trú cũng không lỗi, cho đến đối với 80 tướng tốt tùy hình cũng như vậy.

Người thứ tám là hạng người hành theo lòng tin (tín hành), hạng người hành theo sự hiểu pháp thuộc kiến đế đạo (pháp hành).

Có Tu-đà-hoàn cùng tột bảy đời; có Tu-đà-hoàn ngay đời này hết phiền não chứng được A-na-hàm; có Tu-đà-hoàn gia gia trải qua ba đời sinh, ba đời sinh rồi vào Niết-bàn; có trung gian Tu-đà-hoàn, trừ sinh đời thứ ba, các người kia trung gian vào Niết-bàn.

Trú trong sáu vô ngại đạo, năm giải thoát đạo, đều là Tu-đà-hoàn hướng.

Tu-đà-hàm dứt sáu phẩm tư hoặc của cõi Dục, sinh lên trời, từ trời sinh trở lại cõi người rồi vào Niết-bàn, gọi là A-na-hàm.

Dứt phẩm tư hoặc thứ bảy của cõi Dục, gọi là hướng A-na-hàm, dứt phẩm tư hoặc thứ tám cũng gọi là hướng A-na-hàm, lại gọi là nhất chủng tử A-na-hàm, nơi đây chết sinh nơi kia vào Niết-bàn. Dứt được hết thủy kiết sử của cõi Dục gọi là A-na-hàm, nơi đây chết, sinh vào cõi Sắc, Vô sắc mà vào Niết-bàn, không còn sinh trở lại nữa. Có A-na-hàm đời nay vào Niết-bàn; có A-na-hàm ở thân trung ấm vào Niết-bàn; có A-na-hàm ngay khi sinh vào Niết-bàn; có A-na-hàm sau khi sinh khởi tâm tu các hạnh rồi vào Niết-bàn; có A-na-hàm không cần cầu các hạnh mà vào Niết-bàn; có A-na-hàm đi lên cho đến cõi Sắc cứu cánh; có A-na-hàm sinh cõi Vô sắc mà vào Niết-bàn; có A-na-hàm được thân chứng mà vào Niết-bàn. Ấy gọi là A-na-hàm, cũng gọi là hướng A-la-hán.

A-la-hán có chín hạng, khi hết lậu hoặc, xả báo thân gọi là vào Vô dư Niết-bàn. Qua khỏi Thanh-văn, Bích-chi Phật địa, trú Bồ-tát địa, có Đạo chủng trí, Trí nhất thiết chủng, biết hết thầy pháp, dứt hết thầy phiền não và tập khí, thành Phật, Chuyển Pháp luân, đủ 32 tướng, khắp thế giới độ vô lượng chúng sinh, sống lâu vô lượng, đều như trong Luận nghị đã nói trước kia.

Người Thanh-văn khéo tu bốn như ý túc, được lực Tam-muội ấy, có thể duy trì sống một kiếp, hoặc dưới một kiếp. Bồ-tát khéo tu bốn Như ý Tam-muội, hoặc muốn sống lâu nhiều kiếp như cát sông Hằng, cũng được như ý.

Ba ngàn đại thiên thế giới thuần Kim cang là các thế giới khác tuy dưới đây có Kim cang, và chỗ Phật đi Phật ngồi có Kim cang, mà chỗ khác đều không có, ấy là Bồ-tát nguyện thế giới đều là Kim cang.

Mùi thơm cây Bồ-đề độ chúng sinh là như trước Luận nghị nói.

Hỏi: Việc trong đây tuy hy hữu đều có thể tin; còn nói không có danh tự sắc, thọ, tưởng, hành, thức, không có danh tự Thí ba-la-mật, không có danh tự Phật là điều khó tin?

Đáp: Có thế giới nơi người phước đức trí tuệ sinh ra. Cây cối, hư không, cõi đất, núi sông v.v... thường phát ra âm thanh diễn về thật tướng các pháp, pháp pháp đều là chẳng sinh chẳng diệt, chẳng nhớ, chẳng sạch, không, vô tướng, vô tác v.v... Chúng sinh sinh ra liền nghe âm thanh ấy, tự nhiên chứng được Vô sinh pháp nhẫn. Ở trong thế giới như vậy, không cần có danh tự phân biệt các pháp, rằng ấy là năm uẩn, mười hai nhập v.v... ấy là Thí ba-la-mật cho đến mười tám pháp không chung, ấy là Tu-đà-hoàn cho đến chư Phật. Chúng sinh ở thế giới ấy đều có 32 tướng, 80 vẻ đẹp tùy hình trang nghiêm thân, có ánh sáng vô lượng, một chủng đạo, một chủng quả.

Trong ấy không nên trú là, nếu Bồ-tát tự nghĩ ta có thể sinh ra thế giới như vậy, thời sinh tâm cao mạn, thế nên không nên thủ tướng mà trú.

Trong đây Tu-bồ-đề tự nói nhân duyên không trú, chư Phật khi đắc đạo, đối với các pháp không thấy có tướng thật nhất định, sẽ trú chỗ nào?

Nay Xá-lợi-phất nghĩ rằng: Nếu hoàn toàn không chỗ trú, vậy sẽ trú chỗ nào để thành Phật đạo?

Tu-bồ-đề biết tâm Xá-lợi-phất nghĩ, nên nói với Xá-lợi-phất rằng: Các Bồ-tát đều là Phật tử, phép làm con nên như sở hành của cha. Tâm chư Phật không trú hết thấy pháp từ sắc cho đến Trí nhất thiết chủng, thì Bồ-tát cũng nên học như vậy, dùng tâm không trú vào đâu cả mà hành Bát-nhã ba-la-mật. Như chư Phật trong tâm không trú vào đâu cả cũng không trú, trong tâm chẳng phải không trú cũng không trú, vì rốt ráo thanh tịnh, nên các Bồ-tát cũng nên trú theo Phật, vì rốt ráo thanh tịnh, các Bồ-tát cũng nên học theo Phật.

KINH: Bấy giờ, trong hội chúng có các Thiên tử nghĩ rằng: Các Dạ-xoa nói ra ngôn ngữ tự cú, còn có thể hiểu, mà Tu-bồ-đề nói ra ngôn ngữ luận nghĩa giải thích Bát-nhã ba-la-mật, hoàn toàn không thể hiểu!

Tu-bồ-đề biết tâm niệm của các Thiên tử, nói với các Thiên tử rằng: Không thể hiểu không thể biết ư?

Các Thiên tử nói: Thưa Đại đức! Không thể hiểu không thể biết.

Tu-bồ-đề nói với các Thiên tử rằng: Các ông! Pháp không thể biết, tôi không có luận thuyết, cho đến không nói một chữ, cũng không có người nghe, vì sao? Vì các chữ chẳng phải Bát-nhã ba-la-mật, trong Bát-nhã ba-la-mật không có người nghe.

Chư Phật chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không chữ không lời. Các Thiên tử! Như Phật biến hóa làm người, người biến hóa ấy lại hóa ra bốn bộ chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, người biến hóa thuyết pháp ở giữa bốn bộ chúng, ý các ông nghĩ sao? Trong đó có người nói, người nghe, người biết ư?

Các Thiên tử đáp: Thưa không, Đại đức!

Tu-bồ-đề nói: Hết thấy pháp đều như biến hóa, trong đó không có người nói, không có người nghe, không có người biết.

Các Thiên tử! Ví như người trong mộng thấy Phật thuyết pháp, ý các ông nghĩ sao? Trong ấy có người nói, người nghe, người biết chăng?

Các Thiên tử đáp: Thưa không, Đại đức!

Tu-bồ-đề nói: Các Thiên tử! Hết thấy pháp đều như mộng, không có nói, không có nghe, không có biết.

Các Thiên tử! Ví như hai người ở trong khe sâu lớn, mỗi người ở mỗi phía, tán thán Phật Pháp Tăng, có hai tiếng vang dội ra, ý các Thiên tử nghĩ sao? Tiếng vang của hai người ấy có triển chuyển hiểu nhau chăng?

Các Thiên tử đáp: Thưa không, Đại đức!

Tu-bồ-đề nói: Các Thiên tử! Hết thấy pháp cũng như vậy, không có nói, không có nghe, không có biết.

Các Thiên tử! Ví như thầy huyền thuật khéo, ở giữa ngã tư đường hóa làm Phật và bốn bộ chúng, thuyết pháp nơi ấy, ý các Thiên tử nghĩ sao? Trong ấy có người nói, người nghe, người biết chăng?

Các Thiên tử đáp: Thưa không, Đại đức!

Tu-bồ-đề nói: Các Thiên tử! Hết thấy các pháp như huyễn, không có người nói, không có người nghe, không có người biết.

Bấy giờ tâm các Thiên tử nghĩ rằng: Lời Tu-bồ-đề nói muốn làm cho dễ hiểu lại càng sâu càng diệu!

Tu-bồ-đề biết tâm các Thiên tử nghĩ, nói với các Thiên tử rằng: Sắc chẳng phải sâu, chẳng phải diệu; thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải sâu, chẳng phải diệu; sắc tánh chẳng phải sâu chẳng phải diệu; thọ, tưởng, hành, thức tánh chẳng phải sâu chẳng phải diệu. Nhân tánh cho đến ý tánh, sắc tánh cho đến pháp tánh, nhãn giới tánh cho đến ý giới tánh; nhãn thức cho đến ý thức, nhãn xúc cho đến ý xúc, thọ do nhãn và xúc làm nhân duyên sinh, cho đến thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh; Thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung, tất cả các môn Tam-muội, tất cả các môn Đà-la-ni, cho đến Trí nhất thiết chủng, tánh Trí nhất thiết chủng chẳng phải sâu chẳng phải diệu.

Các Thiên tử lại nghĩ rằng: Trong sự thuyết pháp này không nói sắc, không nói thọ, tưởng, hành, thức, không nói mắt cho đến thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh, không nói Thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật, không nói nội không cho đến vô pháp hữu pháp không (*Kinh Đại Bát-nhã ghi: Vô tánh tự tánh không - ND*), không nói bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung, không nói môn Đà-la-ni, môn Tam-muội, cho đến Trí nhất thiết chủng, không nói quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, không nói đạo Bích-chi Phật, không nói đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trong pháp ấy không nói danh tự ngữ ngôn.

Tu-bồ-đề biết tâm các Thiên tử nghĩ, nói với các Thiên tử rằng: Như vậy! như vậy! Các Thiên tử! Các pháp như vậy cho

đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của chư Phật, tướng không thể nói. Trong ấy cũng không có người nói, cũng không có người nghe, cũng không có người biết.

Vì vậy nên, các Thiên tử! Thiện nam tử, thiện nữ nơn nào muốn trú muốn chứng quả Tu-đà- hoàn, người ấy cũng nhân nơi nhĩn này mới trú chứng được; muốn trú muốn chứng Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi Phật, Phật đạo, cũng nhân nơi nhĩn này mới trú chứng được.

Như vậy, các Thiên tử! Bồ-tát ma-ha-tát từ lúc mới phát tâm, trong khi tu Bát-nhã ba-la-mật, nên trú như vậy, vì không nói không nghe vậy.

LUẬN. *Hỏi:* Lời các Dạ-xoa nói tuy u ân bất chính, mà sự việc què hèn thiết cận, còn lời nói Bát-nhã ba-la-mật sâu xa, tuy dùng ngôn từ thông thường mà chỉ thú u thâm huyền viển, việc khác lý trái, sao đem so sánh nhau?

Đáp: Chư thiên thích đem việc người đời không hiểu để ví việc mình chưa ngộ, không nhất thiết phải sự lý đều đồng nhau mới lấy làm ví dụ. Có người nói Thiên đế có 999 cửa, mỗi cửa đều dùng sáu Dạ-xoa áo xanh canh giữ. Các Dạ-xoa ấy nói năng phù phiếm hư ngụy, tình tứ gian siểm, chư thiên khinh hèn không thèm để ý, cho nên không hiểu nó nói, mà ý so sánh kia có thể không cần ngôn biện để ghi nhận, nên nói còn có thể hiểu biết. Nay nghe nói Bát-nhã sâu xa, lời nói như tuồng hiểu được mà chỉ thú u huyền thâm thúy, tìm đến càng sâu, lạc mất càng xa, nên lấy lời nói của Dạ-xoa mà so sánh chỗ chẳng biết. Lại lời nói của Dạ-xoa tuy khó hiểu, mà mắt thấy tướng, truyền lời nó, đo lường tâm nó thời đều có thể biết được; thí như nguồn sâu nước chảy, có thuyền thì qua được.

Tu-bồ-đề nói về Bát-nhã ba-la-mật, nghĩa rất rảo không, không có định tướng, không thể chấp thủ, không thể truyền dịch mà được

ngộ; không được nói có, không được nói không có, không được nói vừa có vừa không có, không được nói chẳng phải có chẳng phải không có, chẳng phải chẳng phải có, chẳng phải chẳng phải không có cũng không có, hết thấy chỗ tâm đi dứt, đường ngôn ngữ đoạn, thế nên các Thiên tử kinh ngạc, nghi ngờ, mê muội.

Tu-bồ-đề đáp: Điều các Thiên tử không hiểu, pháp tự nhiên như vậy. Pháp ấy không chỗ nói, cho đến không nói một chữ, có thể đấm có thể lấy, không chữ không lời, ấy là Phật đạo. Vì sao? Vì danh tự đều không, hư dối không thật, như trong đoạn phá danh tự sắc đã nói. Dùng danh tự thời có ngôn ngữ, nếu không có danh tự thời không có ngôn ngữ.

Các Thiên tử nghĩ rằng: Nếu không nói, nếu không nghe, thì nay hòa hợp tụ hội để làm gì?

Tu-bồ-đề muốn giải thích nghĩa ấy nên lấy ví dụ để làm rõ.

Các Thiên tử lại nghĩ rằng: Muốn lấy ví dụ để giải ngộ cho chúng tôi, song ví dụ này lại càng thâm diệu. Ví dụ lấy thô dụ tế, lấy việc cố định làm rõ việc bất định, nay ví dụ cũng vi diệu, không có định tướng!

Tu-bồ-đề biết tâm các Thiên tử, nơi trong Bát-nhã mê mờ không thể tự ra khỏi, vì vậy nên nói Bát-nhã ba-la-mật không khác năm uẩn, thật tướng năm uẩn tức là Bát-nhã ba-la-mật. Nay năm uẩn này chẳng phải thâm chẳng phải diệu, cho đến Trí nhất thiết chủng chẳng phải thâm chẳng phải diệu.

Các Thiên tử bấy giờ rất biết Tu-bồ-đề miệng tuy nói sắc mà tâm không nói, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng như vậy.

Tu-bồ-đề biết tâm các Thiên tử, nên đáp rằng: Như vậy, như vậy! Chẳng phải riêng tôi như vậy, khi Phật chứng được Bồ-đề cũng

không nói, trong tương tịch diệt thật không có người nói, không có người nghe. Thế nên quả Tu-đà-hoàn cho đến Phật đạo đều nhân nơi pháp vô vi mà có được. Là pháp ấy được nhân ấy thời không có Tu-đà-hoàn, cho đến Phật đạo cũng như vậy. Bồ-tát từ khi mới phát tâm cho đến thành Phật, giữa khoảng trung gian đó, hết thầy pháp không có nói, không có nghe. Vì các quán diệt, vì ngôn ngữ dứt nên không thể nói; không thể nói nên không thể nghe; không thể nghe nên không thể biết; không thể biết nên đối với hết thầy pháp không lãnh thọ, không chấp trước, thời vào Niết-bàn.

(HẾT CUỐN 54 THEO BẢN HÁN)

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

GIẢI THÍCH: PHẨM NHƯ HUYỄN THỨ 28

(Kinh Ma-ha Bát-nhã ba-la-mật ghi: Phẩm Huyền Thỉnh)

(Kinh Đại Bát-nhã ghi: Phần 2, Phẩm Tín Thọ thứ 26)

KINH: Bấy giờ các Thiên tử tâm nghĩ rằng: Nên dùng hạng người nào nghe Tu-bồ-đề nói?

Tu-bồ-đề biết tâm niệm của các Thiên tử, nói với các Thiên tử rằng: Như người huyền hóa nghe pháp, tôi dùng hạng người như vậy, vì sao? Vì hạng người ấy không nghe, không thính, không biết, không chứng.

Các Thiên tử nói với Tu-bồ-đề rằng: Chúng sinh ấy như huyền, như hóa, người nghe pháp cũng như huyền như hóa ư?

Như vậy, như vậy! Các Thiên tử! Chúng sinh như huyền nên người nghe pháp cũng như huyền; chúng sinh như hóa nên người nghe pháp cũng như hóa.

Các Thiên tử! Ta như huyền như mộng, chúng sinh cho đến kẻ biết kẻ thấy cũng như huyền như mộng.

Các Thiên tử! Sắc như huyền như mộng; thọ, tưởng, hành, thức như huyền như mộng; mắt cho đến thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh như huyền như mộng; nội không cho đến vô

pháp hữu pháp không; Thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật như huyễn như mộng.

Các Thiên tử! Bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung như huyễn như mộng; quả Tu-đà-hoàn như huyễn như mộng; quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, đạo Bích-chi Phật như huyễn như mộng. Các Thiên tử! Phật đạo như huyễn như mộng.

Bấy giờ các Thiên tử hỏi Tu-bồ-đề: Ông nói Phật đạo như huyễn như mộng, ông nói Niết-bàn cũng như huyễn như mộng ư?

Tu-bồ-đề đáp các Thiên tử: Tôi nói Phật đạo như huyễn như mộng, tôi nói Niết-bàn cũng như huyễn như mộng, nếu có pháp gì hơn Niết-bàn, tôi nói cũng như huyễn như mộng, vì có sao? Các Thiên tử! Vì huyễn mộng và Niết-bàn không hai không khác.

LUẬN: Trên kia đã nói như huyễn như mộng, không có người nói, không có người nghe. Nay sao còn hỏi nên dùng hạng người nào theo ý Tu-bồ-đề nghe pháp?

Đáp: Các Thiên tử trước kia nói Tu-bồ-đề thuyết pháp không thể hiểu, trong đây Tu-bồ-đề nói ví dụ người huyễn hóa. Nay các Thiên tử lại nghĩ rằng: Hạng người nào nghe, ứng hợp với lời Tu-bồ-đề nói mà tin thọ, thực hành theo thì được đạo quả ư?

Tu-bồ-đề đáp: Người như huyễn hóa, nghe thời ứng hợp với pháp của tôi nói.

Hỏi: Người huyễn hóa ấy không có tâm tâm số pháp, không thể nghe lãnh thọ, cần gì phải thuyết pháp?

Đáp: Chẳng phải khiến chính người huyễn hóa nghe, chỉ muốn khiến hành giả đối với các pháp dụng tâm không vướng mắc; như người huyễn hóa, người huyễn hóa ấy không nghe cũng không

chứng. Chúng sinh như huyễn như mộng, nghe pháp cũng như huyễn như mộng.

Chúng sinh là người thuyết pháp, người nghe pháp là người lãnh thọ pháp, Tu-bồ-đề nói không những người nói pháp, người nghe pháp như huyễn như mộng, mà ta cho đến kẻ biết kẻ thấy đều như huyễn như mộng. Sắc cũng như huyễn như mộng, cho đến Niết-bàn cũng như huyễn như mộng, tức là pháp được nói như huyễn như mộng.

Trong tất cả chúng sinh, Phật là đệ nhất, trong tất cả pháp, Niết-bàn là đệ nhất, khi nghe nói hai việc ấy đều như huyễn như mộng thời tâm kinh ngạc nghi ngờ. Phật và Niết-bàn tối thượng tối diệu làm sao như huyễn như mộng, vì vậy nên lại còn hỏi việc kia: Phật và Niết-bàn xét đúng như huyễn như mộng ư? Tu-bồ-đề sẽ không nói lầm! Chúng tôi sẽ không nghe lầm! Vì thế nên lại hỏi cho chắc.

Tu-bồ-đề nói với các Thiên tử: Tôi nói Phật và Niết-bàn chính tự như huyễn như mộng, hai pháp ấy tuy diệu, đều từ pháp hư vọng xuất ra cho nên không, vì có sao? Vì từ pháp hư vọng cho nên có Niết-bàn, từ phước đức và trí tuệ cho nên có Phật, hai pháp ấy thuộc nhân duyên, không có chân thật nhất định, như đã nói trong nghĩa niệm Phật, niệm Pháp.

Tu-bồ-đề nghĩ rằng: Như lực Bát-nhã ba-la-mật, thời giả sử có pháp gì hơn Niết-bàn còn có thể làm cho như huyễn, huống gì Niết-bàn, vì sao? Vì nói Niết-bàn hết thấy ưu sầu khổ não đều rất ráo diệt, vì thế nên không có pháp gì hơn Niết-bàn.

Hỏi: Nếu không có pháp hơn Niết-bàn, có sao nói nếu có pháp hơn Niết-bàn cũng lại như huyễn?

Đáp: Pháp dùng ví dụ hoặc lấy việc có thật, hoặc có khi giả thiết, theo nhân duyên mà nói. Như Phật dạy: Nếu khiến cây cối hiểu lời Ta nói, Ta cũng thọ ký cho được Tu-đà-hoàn; nhưng cây cối

không có thể hiểu được, Phật vì giải ngộ cho ý người nên dẫn dụ như vậy thôi.

Niết-bàn là pháp rốt ráo vô thượng trên hết thầy pháp; như biển lớn là trên các sông muôn dòng, Tu-di là trên các núi, hư không là trên hết thầy pháp. Niết-bàn cũng như vậy, không có khổ, già, bệnh, chết, không có các tà kiến, tham, sân, các suy hoại, không có khổ yêu thích bị xa lìa, không có khổ oán thù gặp gỡ, không có khổ cầu mong không được, không có hết thầy vô thường, hư dối, bại hoại, biến dị. Nói cốt yếu, Niết-bàn là tất cả khổ hết, rốt ráo thường vui, nơi quy về của mười phương chư Phật và chúng đệ tử Bồ-tát, an ổn thường vui không có gì hơn, trọn không bị ma vương ma dân phá hại; như trong A-tỳ-đàm nói: Pháp hữu thượng là pháp hữu vi, hư không, và phi trạch diệt vô vi (phi trí duyên tận); pháp vô thượng là trạch diệt vô vi (trí duyên tận) tức là Niết-bàn. Thế nên biết không có pháp gì hơn Niết-bàn.

Tu-bồ-đề khen lực Bát-nhã ba-la-mật to lớn, nên nói: Nếu có pháp hơn Niết-bàn, cũng như huyễn; ví như lấy hoàn sắt lớn cháy nóng bỏ trên lông tay, đốt cháy ngay, không tổn một chút sức nóng, chỉ không còn gì để đốt nữa thôi. Trí tuệ Bát-nhã ba-la-mật phá hết thầy pháp có, cho đến Niết-bàn thẳng qua không chướng ngại mà trí lực không giảm, chỉ không còn pháp gì để có thể phá nữa thôi. Thế nên nói nếu có pháp hơn Niết-bàn, lực trí tuệ cũng phá được.

KINH: Bảy giờ Tuệ mạng Xá-lợi-phất, Ma-ha Mục-kiền-liên, Ma-ha Câu-hy-la, Ma-ha Ca-chiên-diên, Phú-lâu-na Di-đà-la-ni-tử, Ma-ha Ca-diếp và vô số ngàn Bồ-tát hỏi Tu-bồ-đề rằng: Bát-nhã ba-la-mật sâu xa khó thấy, khó hiểu, khó biết, tịch tịnh vi diệu như vậy, ai sẽ tín thọ?

Bảy giờ A-nan nói với đại đệ tử và các Bồ-tát rằng: Bồ-tát ma-ha-tát ở địa vị bất thối chuyển, có thể tín thọ Bát-nhã ba-la-mật sâu xa khó thấy khó hiểu khó biết, tịch tịnh vi diệu ấy. Hạng

người thành tựu chánh kiến, A-la-hán lậu tận đã mãn sở nguyện, cũng có thể tín thọ Bát-nhã đó.

* Lại nữa, thiện nam tử, thiện nữ nhân thường thấy Phật nơi chỗ Phật cúng dường gieo trồng thiện căn nhiều, thân cận thiện tri thức có lợi căn, hạng người ấy có thể tín thọ, không nói thị pháp phi pháp.

Tu-bồ-đề nói: Không lấy “không” phân biệt sắc, không lấy sắc phân biệt “không”; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Không lấy vô tướng, vô tác phân biệt sắc, không lấy sắc phân biệt vô tướng, vô tác; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Không lấy vô sinh, vô diệt, tịch diệt, viễn ly phân biệt sắc, không lấy sắc phân biệt vô sinh, vô diệt, tịch diệt, viễn ly; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Mắt cho đến thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh cũng như vậy. Thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung, tất cả môn Tam-muội, tất cả môn Đà-la-ni, Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán, Bích-chi Phật, Phật, Nhất thiết trí, cũng không lấy “không” phân biệt Nhất thiết trí, không lấy Nhất thiết trí phân biệt không, không lấy không phân biệt Trí nhất thiết chủng, không lấy Trí nhất thiết chủng phân biệt không. Vô tướng, vô tác, vô sinh, vô diệt, tịch diệt, viễn ly cũng như vậy.

Tu-bồ-đề nói với các Thiên tử: Bát-nhã ba-la-mật thậm thâm ai thọ thì được? Trong Bát-nhã ba-la-mật ấy, không có pháp có thể chỉ, không có pháp có thể nói; nếu không có pháp có thể chỉ, không có pháp có thể nói thì người tín thọ cũng không có thể được.

Bấy giờ, Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề: Trong Bát-nhã ba-la-mật nói rộng giáo pháp ba thừa và nhiếp thủ pháp Bồ-tát từ địa vị Sơ phát tâm cho đến địa thứ mười, Thí ba-la-mật cho đến

Bát-nhã ba-la-mật, bốn niệm xứ cho đến tám Thánh đạo phần, Phật mười lực cho đến mười tám pháp không chung là giáo pháp hộ trì Bồ-tát. Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật như vậy, thường hóa sinh, không mất thần thông, dạo qua các nước Phật, đầy đủ căn lành, tùy theo ý muốn cúng dường chư Phật, liền được như nguyện, từ chỗ chư Phật nghe thọ pháp giáo, đến khi được Trí nhất thiết chủng chưa bao giờ đoạn tuyệt, chưa có lúc nào lìa Tam-muội, sẽ được biện tài nhanh nhẹn, biện tài lạnh lợi, biện tài bất tận, biện tài không thể dứt, biện tài tùy ý, biện tài đúng nghĩa, biện tài tất cả thế gian tối thượng.

Tu-bồ-đề nói: Như vậy, như vậy! Như Xá- lợi-phất nói: Bát-nhã ba-la-mật nói rộng giáo pháp ba thừa và giáo pháp hộ trì Bồ-tát, cho đến Bồ-tát ma-ha-tát được biện tài tối thượng hết thủy thế gian, đều không thể có được.

Ta cho đến kẻ biết, kẻ thấy đều không thể có được; sắc, thọ, tưởng, hành, thức, Thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật đều không thể có được. Nội không cho đến vô pháp hữu pháp không cũng không thể có được.

Bốn niệm xứ cho đến tám Thánh đạo phần, Phật mười lực cho đến Trí nhất thiết chủng cũng không thể có được.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Vì nhân duyên gì trong Bát-nhã ba-la-mật nói rộng ba thừa mà không thể có được? Vì nhân duyên gì trong Bát-nhã ba-la-mật hộ trì Bồ-tát? Vì nhân duyên gì Bồ-tát ma-ha-tát được biện tài nhanh nhẹn cho đến biện tài tối thượng trong hết thủy thế gian cũng không thể có được?

Tu-bồ-đề đáp Xá-lợi-phất: Vì nội không nên trong Bát-nhã ba-la-mật nói rộng ba thừa, không thể có được, vì ngoại không cho đến vô pháp hữu pháp không nên nói rộng ba thừa, không thể có được. Vì nội không nên hộ trì Bồ-tát cho đến biện tài tối

thượng trên hết thấy thế gian, không thể có được. Vì ngoại không cho đến vô pháp hữu pháp không, nên hộ trì Bồ-tát cho đến biện tài tối thượng trên hết thấy thế gian, không thể có được.

LUẬN: Luận giả nói: Lúc ấy các đại đệ tử như Xá-lợi-phất v.v... nói với Tu-bồ-đề rằng: Pháp Bát-nhã ba-la-mật ấy sâu xa khó hiểu; vì các pháp không có định tướng nên là sâu xa; vì các tư duy quán hạnh dứt nên là khó thấy; cũng không chấp trước Bát-nhã ba-la-mật nên gọi là khó hiểu khó biết; diệt ba độc và các hý luận nên gọi là tịch diệt; được diệu vị của trí tuệ nên gọi là thường được đầy đủ; không còn câu gì nữa, hết thấy trí tuệ khác đều thô sáo chẳng vui, nên gọi là vi diệu. Các đại đệ tử nói lời ấy rằng: Trí Bát-nhã ba-la-mật sâu xa, trí tuệ người thế gian cạn mỏng, chỉ tham đắm quả báo phước đức mà không ưa tu. Phước đức đắm có thời tình mạnh, phá có thời tâm khiếp. Vốn đã nghe học tập luyện kinh sách tà kiến, dính chặt không bỏ, người như vậy thường ưa cái vui thế gian. Vì vậy nên nói ai hay tín thọ Bát-nhã ba-la-mật thâm sâu ấy? Nếu không tín thọ thời nói làm gì?

A-nan giúp đáp: Có bốn hạng người có thể tín thọ. Thế nên lời Tu-bồ-đề nói chắc chắn có người tín thọ, chẳng phải nói suông. Bốn hạng người có thể tín thọ là: 1. Vị Bồ-tát ma-ha-tát, ở địa vị bất thối, biết hết thấy pháp chẳng sinh chẳng diệt, chẳng thủ tướng, không chấp đắm, thời có thể lãnh thọ.

2. Vị A-la-hán hết lậu hoặc, vì hết lậu hoặc, không chấp đắm, được pháp vô vi tối thượng, sở nguyện đã mãn, không còn câu gì, thường trú không, vô tướng, vô tác Tam-muội, tùy thuận Bát-nhã ba-la-mật, thời có thể tín thọ.

3. Ba hạng học nhân, thành tựu chánh kiến, tuy chưa hết lậu hoặc, vì lực của bốn đức tin Phật, Pháp, Tăng, Giới cũng có thể tín thọ.

4. Có Bồ-tát tuy chưa được địa bất thối chuyển, nhưng có phước đức lợi căn, trí tuệ thanh tịnh, thường theo thiện tri thức, người ấy cũng có thể tín thọ.

Tướng mạo của sự tín thọ là không cho rằng pháp ấy chẳng phải Phật, Bồ-tát, đại đệ tử nói. Tuy nghe Bát-nhã ba-la-mật nói các pháp đều rốt ráo không, cũng không vì đã tín thọ pháp trước mà cho pháp rốt ráo không ấy là phi pháp.

Hỏi: Từ trước lại đây, A-nan hoàn toàn không luận nói gì, sao nay lại đáp thế cho Tu-bồ-đề?

Đáp: A-nan là vị tướng Chuyển pháp luân thứ ba, hay làm thầy đại chúng, là thị giả hầu cận Thế Tôn, tuy được Sơ quả, vì lậu hoặc chưa hết, nên tuy có trí tuệ đa văn, tự cho mình chưa có thiện xảo đối với trí tuệ không, nếu nói pháp không, mà tự mình chưa chứng nhập, thì đều là nói việc người khác, cho nên không nói. Hoặc khi nói về việc có, thì có thể hỏi có thể đáp được, như trong phẩm sau A-nan hỏi Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Cớ sao chỉ tán thán Bát-nhã ba-la-mật, mà không tán thán năm Ba-la-mật kia. Còn trong phẩm này hỏi ai là người có thể tín thọ Bát-nhã ba-la-mật sâu xa, đây chẳng phải là việc “không” nên A-nan liền đáp: Tu-bồ-đề thường ưa nói việc không, không ưa nói việc có.

Lại vì A-nan lúc ấy tâm ưa nói phát sinh, cho nên Phật cho phép đáp. A-nan phiền não chưa hết, nên lực trí tuệ chậm, nhưng lực tin tưởng mãnh lợi, cho nên đối với Bát-nhã ba-la-mật thậm thâm có thể như pháp hỏi đáp.

Hỏi: Bát-nhã ba-la-mật không có gì, không có pháp nhất định, làm sao bốn hạng người có thể tín thọ mà chẳng cho là phi pháp?

Đáp: Nay Tu-bồ-đề trong đây tự nói nhân duyên rằng: Chẳng lấy không phân biệt sắc, sắc tức là không, không tức là sắc, vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật không bị lỗi, không bị phá; nếu không bị phá

thời không có tội lỗi, cho nên không cho là phi pháp. Không tức là Bát-nhã ba-la-mật, chẳng lấy trí tuệ không để phá sắc làm cho không, cũng chẳng lấy nhân duyên phá sắc nên có không, vì không tức là sắc, sắc tức là không. Vì Bát-nhã ba-la-mật phá các hý luận, có công đức như vậy, nên không ai không tín thọ. Vô tướng, vô tác, vô sinh, vô diệt, tịch diệt, viễn ly cũng như vậy, cho đến Trí nhất thiết chủng đều nên nói rộng.

Hỏi: Các đại đệ tử hỏi nghĩa ấy, có sao Tu-bồ-đề lại đáp với các Thiên tử?

Đáp: Các đại đệ tử đã được A-la-hán, chỉ hỏi điều mình nghi, việc lợi ích ít, còn các Thiên tử phát tâm vì Bồ-tát, lợi ích sâu, cho nên nói với các Thiên tử.

* Lại nữa, tuy nói cho chư thiên tức là đáp lời các đại đệ tử. Trên kia nói các pháp không, đây nói trong Bát-nhã ba-la-mật chúng sinh rất ráo không. Vì vậy nên trong Bát-nhã ba-la-mật không có người nói, huống gì có người nghe và tín thọ. Nếu hiểu được các pháp không như vậy, tâm không vương mắc, thời có thể tín thọ.

Bấy giờ Tu-bồ-đề nói Bát-nhã ba-la-mật sâu xa, Xá-lợi-phất tán thán giúp thành việc ấy. Bát-nhã ba-la-mật chẳng phải chỉ vì không nên có thể tín thọ, trong Bát-nhã cũng rộng nói ba thừa. Nghĩa ba thừa như trước đã nói.

Nhiếp thủ Bồ-tát là vì Bát-nhã ba-la-mật lợi ích các Bồ-tát, khiến được tăng trưởng.

* Lại nữa, nhiếp thủ là trong Bát-nhã ấy có mười địa khiến Bồ-tát từ một địa đến một địa, cho đến địa thứ mười. Nghĩa mười địa, từ sáu Ba-la-mật cho đến nghĩa Trí nhất thiết chủng như trước đã nói.

Hóa sinh là nói hành báo của Bát-nhã. Hành Bát-nhã ba-la-mật đối với hết thảy pháp không ngại, nên được biện tài nhanh nhẹn. Có người tuy có thể nhanh nhẹn, mà vì độn căn nên không thể thâm

nhập, do thâm nhập được nên lợi, ấy là biện tài lanh lợi. Nói thật tướng các pháp vô biên vô tận, nên gọi là vui nói không tận. Trong Bát-nhã không có các hý luận, nên không thể vấn nạn làm đoạn tuyệt; ấy gọi là biện tài không thể dứt. Dứt pháp ái nên tùy chúng sinh thích ứng mà nói pháp cho, nên gọi là biện tài tùy ứng. Nói việc đưa đến Niết-bàn lợi ích ấy gọi là biện tài về nghĩa nói việc đệ nhất của hết thấy thế gian, tức là Đại thừa; ấy gọi là biện tài tối thượng thế gian.

Tu-bồ-đề cho lời hỏi ấy đúng, nói: Như vậy, như vậy!

Xá-lợi-phất nghĩ rằng: Tu-bồ-đề thường ưa nói không, có sao nay nhận lời tôi nói rằng trong Bát-nhã ba-la-mật có nói rộng giáo pháp ba thừa, nên phải còn có nhân duyên?

Tu-bồ-đề đáp: Bát-nhã ba-la-mật tuy có rộng nói pháp ba thừa, mà chẳng phải có định tướng vì đều hòa hợp với mười tám không. Nói nhiếp thủ Bồ-tát, bảy thứ biện tài cũng như vậy, vì “trí tuệ không” vậy.

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

GIẢI THÍCH: PHẨM TÁN HOA THỨ 29

KINH: Bảy giờ Thích-đề-hoàn-nhơn và trời bốn Thiên vương trong ba ngàn đại thiên thế giới, cho đến các trời Sắc cứu cánh nghĩ rằng: Tuệ mạng Tu-bồ-đề muốn tưới mưa pháp, chúng ta nên hóa làm hoa rải trên Phật, Bồ-tát ma-ha-tát, Tỳ-kheo Tăng, Tu-bồ-đề và Bát-nhã ba-la-mật.

Thích-đề-hoàn-nhơn và chư thiên trong ba ngàn đại thiên thế giới, hóa làm hoa rải trên Phật, Bồ-tát ma-ha-tát, Tỳ-kheo Tăng và Tu-bồ-đề, cũng cúng dường Bát-nhã ba-la-mật.

Bảy giờ, ba ngàn đại thiên thế giới, hoa đều cùng khắp giữa hư không, hóa thành đài hoa, đoan nghiêm thù diệu. Tâm Tu-bồ-đề nghĩ rằng: Hoa của các Thiên tử rải đây, trên trời chưa từng thấy loại hoa như vậy, đây là hoa biến hóa, chẳng phải hoa từ cây sinh, hoa các Thiên tử ấy rải, từ cây tâm sinh ra; chẳng phải từ cây sinh ra.

Thích-đề-hoàn-nhơn biết tâm Tu-bồ-đề nghĩ, nói với Tu-bồ-đề rằng: Đại đức! Hoa ấy là hoa chẳng phải cây sinh ra cũng chẳng phải cây tâm sinh ra.

Tu-bồ-đề nói với Thích-đề-hoàn-nhơn rằng: Kiền-thi-ca! Ông nói hoa ấy là hoa chẳng phải cây sinh, cũng chẳng phải

cây tâm sinh. Kiều-thi-ca! Hoa ấy nếu là pháp chẳng phải sinh, chẳng gọi là hoa.

Thích-đề-hoàn-nhơn nói với Tu-bồ-đề rằng: Đại đức, chỉ có hoa ấy chẳng sinh, hay sắc cũng chẳng sinh; thọ, tướng, hành, thức cũng chẳng sinh?

Tu-bồ-đề đáp: Kiều-thi-ca! Chẳng phải chỉ hoa ấy chẳng sinh, sắc cũng chẳng sinh; nếu chẳng sinh là chẳng gọi là sắc; thọ, tướng, hành, thức cũng chẳng sinh, nếu chẳng sinh là chẳng gọi là thức. Sáu nhập, sáu thức, sáu xúc, sáu xúc làm nhân duyên sinh thọ cũng như vậy. Thí ba-la-mật chẳng sinh, nếu chẳng sinh là chẳng gọi là Thí ba-la-mật, cho đến Bát-nhã ba-la-mật chẳng sinh, nếu chẳng sinh là chẳng gọi Bát-nhã ba-la-mật. Nội không chẳng sinh, nếu chẳng sinh là chẳng gọi nội không, cho đến vô pháp hữu pháp không chẳng sinh, nếu chẳng sinh là chẳng gọi vô pháp hữu pháp không. Bốn niệm xứ chẳng sinh, nếu chẳng sinh là chẳng gọi bốn niệm xứ. Mười tám pháp không chung chẳng sinh, nếu chẳng sinh là chẳng gọi mười tám pháp không chung, cho đến Trí nhất thiết chủng chẳng sinh, nếu chẳng sinh là chẳng gọi Trí nhất thiết chủng.

LUẬN: Thích-đề-hoàn-nhơn và chư Thiên, nghe Tu-bồ-đề nói nghĩa Bát-nhã, tất cả pháp đều là thật tướng, không có chỗ phân biệt. Tuy nói không mà đối với các pháp không có phá gì, cũng không mất các hành nghiệp và quả báo. Hàng Thanh-văn ở trước Phật nói được pháp thâm thâm ấy, Thích-đề-hoàn-nhơn v.v... đều hoan hỷ nghĩ rằng: Tu-bồ-đề nói pháp không ngại không chướng. Thí như mưa đúng thời, như có quốc độ, tưới tắm hạt giống và mọi sự cần dùng nước, thường khô vì không đủ nước, nếu đúng thời được mưa xuống khắp, thấm ướt hết thảy, mọi điều như nguyện. Pháp Tiểu thừa cũng như vậy. Lúc đầu mỗi mỗi tán thán bố thí, trì giới, thiền định, quán vô thường v.v... có hạn lượng, sau cuối mới nói Niết-bàn. Còn trong

đây Tu-bồ-đề nói rõ từ khi mới phát tâm cho đến khi thành Phật đạo, chỉ nói pháp thật tướng, không phân biệt gì. Thí như mưa lớn thấm ướt khắp Diêm-phù-đề, không chỗ nào không thấm.

Lại như đất trước tuy có hạt giống lúa, không mưa thời không mọc, hành giả cũng như thế. Tuy có nhân duyên, không gặp được mưa pháp, thời người đã phát tâm lại thối, người chưa phát khựng lại, nếu gặp được mưa pháp, thời người đã phát tâm được tăng trưởng, người chưa phát sẽ phát. Vì vậy nên nói như mưa trận mưa pháp.

* Lại nữa, thí như gió giữ bụi đất, sức nóng, hơi độc v.v... gặp mưa thời tiêu diệt. Mưa pháp cũng như vậy; đất bụi “ác giác quán” ba độc bất thiện, gió giữ tà kiến, ác trùng tà sư, các ác tri thức ấy gặp được mưa Bát-nhã ba-la-mật thời trừ diệt hết. Người mong trời mưa đúng thời nên cúng dường trời. Trời nghe mưa pháp rất có lợi ích, nên muốn cúng dường pháp, nghĩ rằng: Chúng ta tà biến hóa làm hoa rải trên Phật, Bồ-tát, Tỳ-kheo Tăng và Tu-bồ-đề, cũng cúng dường Bát-nhã ba-la-mật, vì Tu-bồ-đề khéo nói Bát-nhã ấy. Kính ngài rất trọng gọi là chơn cúng dường. Bát-nhã ba-la-mật ấy phần nhiều nói về các pháp không, lại trên nói muốn được như người biến hóa nghe pháp, theo tướng đó nên lấy hoa biến hóa cúng dường.

* Lại nữa, chư thiên lúc đương hoan hỷ bèn khởi tâm cúng dường, không để trở lại lấy nhiều, liền hóa làm hoa rải trên Phật, Tu-bồ-đề, các Bồ-tát, Tỳ-kheo tăng và Bát-nhã ba-la-mật.

Hoa rải trên Phật là cúng dường Phật bảo, rải trên Bồ-tát, Tu-bồ-đề và Bát-nhã ba-la-mật là cúng dường Pháp bảo, rải trên Tỳ-kheo Tăng là cúng dường Tăng bảo”. Nghĩ như vậy rồi, tùy ý biến hóa cúng dường Tam Bảo. Đại phước đức thành tựu nên sở nguyện theo tâm đều được như ý, không cầu nơi khác.

Hỏi: Đài hoa đoan nghiêm là do sức của ai?

Đáp: Đó là sức của chư thiên, chư thiên phước đức tự tại nên có thể làm nhỏ thành lớn. Có người nói đó là thần lực của Phật, Phật do Bát-nhã ba-la-mật này có công đức lớn, trong lúc tạo nhân ít mà quả báo rất lớn, thành tựu Phật đạo, thế nên hiện ra sự lạ ấy, Tu-bồ-đề liền phân biệt biết ngay chẳng phải là hoa thật.

Thích-đề-hoàn-nhơn biết Tu-bồ-đề đã hiểu hoa biến hóa đó, nên nói với Tu-bồ-đề rằng: Đại đức! Hoa ấy là hoa chẳng phải sinh; hoa chẳng phải sinh là nói hoa ấy vô sinh, không, không có xuất sinh. Tu-bồ-đề nói Bát-nhã ba-la-mật các pháp vô sinh không tịch ấy, nên lấy hoa vô sinh để cúng dường.

Cây tâm là chư thiên theo ý nghĩ liền được. Nói cốt yếu, cây trời ứng theo ý muốn nghĩ liền đến, nên nói cây tâm.

Thích-đề-hoàn-nhơn nạn hỏi Tu-bồ-đề nên nói hoa ấy vô sinh, cứ sao nói hoa ấy không từ cây sinh? Tu-bồ-đề gạn lại rằng: Nếu không sinh, cứ sao gọi là hoa? Nơi pháp không sinh, không có phân biệt là hoa hay chẳng phải hoa.

Bấy giờ Thích-đề-hoàn-nhơn tâm phục mà hỏi: Chỉ là hoa không sinh, các pháp cũng không sinh ư?

Tu-bồ-đề đáp: Chẳng phải chỉ là hoa không sinh, mà sắc cũng không sinh, vì cứ sao? Vì nếu một pháp không, thời hết thấy pháp đều không. Nếu hành giả đối một pháp quyết định biết rõ là không, thời đối hết thấy pháp cũng rõ ràng. Nếu năm uẩn không sinh, thời chẳng phải tướng năm uẩn, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

KINH: Bấy giờ Thích-đề-hoàn-nhơn nghĩ rằng: Tuệ mạng Tu-bồ-đề có trí rất sâu, không phá hoại giả danh mà nói thật tướng các pháp (Kinh Đại Bát-nhã ghi: Không trái giả danh - ND).

Phật biết tâm niệm của Thích-đề-hoàn-nhơn, nói với Thích-đề-hoàn-nhơn rằng: Như vậy, như vậy! Kiền-thi-ca! Tu-bồ-đề có trí rất sâu, không phá hoại giả danh mà nói thật tướng các pháp.

Thích-đề-hoàn-nhơn bạch Phật rằng: Đại đức Tu-bồ-đề không phá hoại giả danh mà nói thật tướng các pháp như thế nào?

Phật bảo Thích-đề-hoàn-nhơn: Sắc chỉ là giả danh, Tu-bồ-đề không phá hoại giả danh mà nói thật tướng các pháp; thọ, tướng, hành, thức chỉ là giả danh, Tu-bồ-đề cũng không phá hoại giả danh mà nói thật tướng các pháp, vì có sao? Vì thật tướng của các pháp không có hoại và chẳng hoại, nên Tu-bồ-đề nói cũng không có hoại và chẳng hoại; mắt cho đến ý và xúc làm nhân duyên sinh các thọ cũng như vậy. Thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật; nội không cho đến vô pháp hữu pháp không; bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung cũng như vậy. Quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, đạo Bích-chi Phật, đạo Bồ-tát, Phật đạo, Nhất thiết trí, Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán, Bích-chi Phật, Phật, chỉ là giả danh. Tu-bồ-đề không phá hoại giả danh mà nói thật tướng các pháp, vì sao? Vì thật tướng của các pháp ấy không có hoại và chẳng hoại. Tu-bồ-đề nói cũng không có hoại và chẳng hoại. Như vậy, Kiều-thi-ca! Tu-bồ-đề không phá hoại giả danh mà nói thật tướng các pháp.

Tu-bồ-đề nói với Thích-đề-hoàn-nhơn rằng: Như vậy, như vậy! Kiều-thi-ca! Như Phật nói các pháp chỉ là giả danh, Bồ-tát ma-ha-tát nên biết như vậy, các pháp chỉ là giả danh, nên học Bát-nhã ba-la-mật như vậy.

Kiều-thi-ca! Bồ-tát ma-ha-tát học như vậy là chẳng học sắc, chẳng học thọ, tướng, hành, thức, vì sao? Vì không thấy sắc là cái sẽ có thể học; không thấy thọ, tướng, hành, thức là cái sẽ có thể học, Bồ-tát ma-ha-tát học như vậy là không học Thí ba-la-mật, vì sao? Vì không thấy Thí ba-la-mật là cái sẽ có thể học; cho đến không học Bát-nhã ba-la-mật, vì sao? Vì không thấy Bát-nhã ba-la-mật là cái sẽ có thể học. Học như vậy là không học nội không,

cho đến vô pháp hữu pháp không, vì sao? Vì không thấy nội không cho đến vô pháp hữu pháp không là cái sẽ có thể học. Học như vậy là không học bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung, vì sao? Vì không thấy bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung là cái sẽ có thể học. Học như vậy là không học quả Tu-đà-hoàn cho đến Trí nhất thiết chủng, vì sao? Vì không thấy quả Tu-đà-hoàn cho đến Trí nhất thiết chủng là cái sẽ có thể học.

Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhơn nói với Tu-bồ-đề rằng: Bồ-tát ma-ha-tát vì sao không thấy sắc, cho đến không thấy Trí nhất thiết chủng?

Tu-bồ-đề đáp: Sắc, sắc không, cho đến Trí nhất thiết chủng, Trí nhất thiết chủng không. Kiền-thi-ca! Sắc không không học sắc không cho đến Trí nhất thiết chủng không không học Trí nhất thiết chủng không. Kiền-thi-ca! Nếu không học không như vậy, ấy gọi là học không vì không hai. Bồ-tát ma-ha-tát học sắc không vì không hai cho đến học Trí nhất thiết chủng không vì không hai. Nếu học sắc không vì không hai cho đến học Trí nhất thiết chủng không vì không hai là Bồ-tát ma-ha-tát có thể học Thí ba-la-mật vì không hai, cho đến có thể học Bát-nhã ba-la-mật vì không hai; có thể học bốn niệm xứ vì không hai, cho đến có thể học mười tám pháp không chung vì không hai; có thể học quả Tu-đà-hoàn vì không hai, cho đến có thể học Trí nhất thiết chủng vì không hai. Bồ-tát ấy có thể học vô lượng vô biên vô số Phật pháp, nếu có thể học vô lượng vô biên vô số Phật pháp là Bồ-tát không vì sắc tăng mà học, không vì sắc giảm mà học, cho đến không vì Trí nhất thiết chủng tăng mà học, không vì Trí nhất thiết chủng giảm mà học. Nếu không vì sắc tăng học giảm học, cho đến không vì Trí nhất thiết chủng tăng học, giảm học, Bồ-tát ấy, không vì nhiếp thọ sắc nên học, không vì hoại diệt sắc nên học, cũng không vì nhiếp thọ thọ, tướng, hành, thức nên

học, cũng không vì hoại diệt thọ, tướng, hành, thức nên học, cho đến cũng không vì nhiếp thọ Trí nhất thiết chủng nên học, cũng không vì hoại diệt nên học.

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề: Bồ-tát ma-ha-tát học như vậy, không vì nhiếp thọ sắc nên học, không vì hoại diệt sắc nên học, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng không vì nhiếp thọ nên học, cũng không vì hoại diệt nên học.

Tu-bồ-đề nói: Bồ-tát ma-ha-tát nếu học như vậy, không vì nhiếp thọ sắc nên học, không vì hoại diệt sắc nên học, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng không vì nhiếp thọ nên học, cũng không vì hoại diệt nên học.

Tu-bồ-đề! Vì nhân duyên gì Bồ-tát ma-ha-tát không vì nhiếp thọ sắc nên học, không vì hoại diệt sắc nên học, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng không vì nhiếp thọ nên học, cũng không vì hoại diệt nên học?

Tu-bồ-đề nói: Sắc ấy không thể nhiếp thọ, cũng không có người nhiếp thọ sắc, cho đến Trí nhất thiết chủng không thể nhiếp thọ, cũng không có người nhiếp thọ, vì trong ngoài không.

Như vậy, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát không nhiếp thọ hết thấy pháp nên có thể đạt đến Trí nhất thiết chủng.

Khi ấy Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề rằng: Bồ-tát ma-ha-tát học Bát-nhã ba-la-mật như vậy, có thể đạt đến Trí nhất thiết chủng ư?

Tu-bồ-đề đáp: Bồ-tát ma-ha-tát học Bát-nhã ba-la-mật như vậy có thể đạt đến Trí nhất thiết chủng vì không nhiếp thọ tất cả pháp.

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát ma-ha-tát đối với tất cả pháp không nhiếp thọ, không hoại diệt mà học, thì làm sao có thể đạt đến Trí nhất thiết chủng?

Tu-bồ-đề đáp: Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật chẳng thấy sắc sinh, chẳng thấy sắc diệt, chẳng thấy sắc thọ, chẳng thấy sắc chẳng thọ, chẳng thấy sắc nhơ, chẳng thấy sắc sạch, chẳng thấy sắc tăng, chẳng thấy sắc giảm, vì sao? Xá-lợi-phất! Vì sắc, sắc tánh không; thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng thấy sinh, cũng chẳng thấy diệt, cũng chẳng thấy thọ, cũng chẳng thấy chẳng thọ, cũng chẳng thấy nhơ, cũng chẳng thấy sạch, cũng chẳng thấy tăng, cũng chẳng thấy giảm, vì sao? Vì thức, thức tánh không, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng chẳng thấy sinh, cũng chẳng thấy diệt, cũng chẳng thấy thọ, cũng chẳng thấy chẳng thọ, cũng chẳng thấy nhơ, cũng chẳng thấy sạch, cũng chẳng thấy tăng, cũng chẳng thấy giảm, vì sao? Vì Trí nhất thiết chủng, Trí nhất thiết chủng tánh không.

Như vậy, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát vì tất cả pháp chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng thọ chẳng bỏ, chẳng nhơ, chẳng sạch, chẳng hợp, chẳng tán, chẳng tăng, chẳng giảm, nên học Bát-nhã ba-la-mật có thể đạt đến Trí nhất thiết chủng, vì không học không đến vậy.

LUẬN: Thích-đề-hoàn-nhơn hoan hỷ nói: Tu-bồ-đề trí rất sâu, không phá hoại giả danh mà nói thật tướng các pháp.

Bấy giờ Phật khen Tu-bồ-đề rằng: Như vậy, như vậy, như lời giải thích nói.

Hỏi: Có sao Phật khen Tu-bồ-đề?

Đáp: Chỉ dạy người mà không tự cao, còn đệ tử thì thừa thuận giáo pháp của thầy. Có người thầy nói đệ tử không tín thọ, đệ tử nói thầy không nghe; như người phàm phu khi ở giữa chúng nói pháp, tất cả lời nói đều bị phá không tín thọ. Vì Phật không có tâm tôi, ta, nên khen Tu-bồ-đề: Như vậy, như vậy!

* Lại nữa, Phật lấy tâm đại bi, muốn khiến chúng sinh tín thọ lời Tu-bồ-đề nói; nên khen trí Tu-bồ-đề rất sâu.

Năm uẩn do nhân duyên hòa hợp sinh, không có tánh nhất định, chỉ có giả danh, giả danh thật tướng là năm uẩn như như, pháp tánh, thật tế. Tu-bồ-đề nói không trái lý ấy, vì sao? Vì Thánh nhân biết danh tự là Tục đế, thật tướng là đệ nhất nghĩa đế. Có sự nói ra là tùy theo người phạm phu, còn trong đệ nhất nghĩa đế không kia đây, cũng không tranh cãi, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy. Chúng sinh không, cho đến kẻ biết kẻ thấy cũng không. Tu-đà-hoàn chỉ có giả danh, cho đến Phật cũng như vậy.

Bồ-tát biết hết thấy pháp giả danh, thời nên học Bát-nhã ba-la-mật. Vì có sao? Vì hết thấy pháp chỉ có giả danh, đều thuận theo tướng rốt ráo không của Bát-nhã ba-la-mật.

Học như vậy không học sắc là trong pháp giả danh không có sắc nhất định. Nếu không có sắc thời làm sao học sắc. Vì sao? Vì Bồ-tát dùng năm mắt tìm sắc, mà không thấy sắc ấy tướng hoặc ngã hoặc vô ngã, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Hỏi: Vì sao chẳng thấy sắc?

Đáp: Trong sắc, sắc tướng không, không thể có được. Không thể thấy tức là tự tướng không, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

* Lại nữa, không học sắc là sắc ấy không, tức tự không thể học sắc không, vì các pháp duyên biết tướng khác, không duyên biết tướng mình. Thí như người cưỡi ngựa, chẳng phải ngựa cưỡi ngựa.

Hỏi: Nếu không học hết thấy pháp như vậy, làm sao học Nhất thiết trí?

Đáp: Trong đây nói nếu đối với các pháp không mà không chấp trước ấy là chơn thật học sắc không. Nếu lại chấp trước không, ấy

là phá các pháp mà không phá không. Nếu người phá sắc mà không chấp trước không, ấy thời sắc và không không hai không khác. Ấy là học được sắc không, vì không thể có được nên chẳng thấy, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Vô lượng vô biên vô số Phật pháp là khen Trí nhất thiết chủng. Trí nhất thiết chủng trên ở trong tâm Bồ-tát thời có hạn lượng, ở trong tâm Phật thời không hạn lượng. Vì vậy nên trên tuy nói học Phật pháp, nay lại nói riêng. Nếu học được như vậy, là chánh hành đạo Bồ-tát, học sắc không tăng không giảm. Tăng là nếu chỉ thấy bốn đại và bốn đại tạo sắc (sắc, hương, vị, xúc) hòa hợp thành thân, thời không sinh tâm chấp trước, để đối với thân này khởi lên các tướng nam nữ, tốt xấu, dài ngắn v.v... cho nhất định là có thật, sinh tâm nhiễm đắm; ấy là tăng. Nếu phá sắc khiến cho không, tâm nhiễm đắm không ấy; ấy là giảm; cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Chẳng thọ chẳng diệt là “không” nên chẳng thọ, nghiệp quả nhân duyên nối nhau nên chẳng diệt. Trong đây Tu-bồ-đề tự nói nhân duyên: Sắc, thọ là không thể có được nên chẳng thọ, lại vì sắc trong ngoài không nên chẳng thọ; sắc trong ngoài không, không nên chẳng diệt.

Hỏi: Nên lấy mười tám không mà làm các pháp không, sao trong đây chỉ nói nội ngoại không?

Đáp: Sắc thọ là không có, nên nói nội không, sắc không thể thọ nên nói ngoại không. Vì Nội ngoại không thời nhiếp tất cả pháp không, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy. Nếu Bồ-tát học được như vậy thời xuất sinh Trí nhất thiết chủng, vì Trí nhất thiết chủng là tướng không chướng ngại. Nếu Bồ-tát quán tất cả pháp như hư không, không chướng ngại, thời ấy là học Trí nhất thiết chủng, vì nhân quả giống nhau.

Xá-lợi-phất nghĩ rằng: Bồ-tát nên phải diệt tất cả phiền não, nên phải lãnh thọ tất cả các pháp, nay học không thọ không diệt thời làm sao xuất sinh Trí nhất thiết chủng? Nghĩ như vậy rồi, hỏi Tu-bồ-đề. Tu-bồ-đề đáp: Phá tướng sinh của tất cả pháp nên chẳng sinh, phá tướng vô thường của tất cả pháp nên chẳng diệt. Quán các tội lỗi của tất cả pháp nên chẳng thọ, quán các lợi ích của tất cả pháp nên chẳng bỏ. Tất cả pháp tánh thường thanh tịnh nên chẳng nhơ, tất cả pháp hay sinh tâm nhiễm trước nên chẳng sạch, tất cả pháp tuy là có làm không làm, khởi diệt, ra vào, qua lại v.v... mà chẳng nhiều chẳng ít, chẳng tăng chẳng giảm. Ví như biển cả, muôn dòng chảy về mà chẳng tăng, hỏa châu nấu không giảm. Các pháp cũng như vậy, vì pháp tánh thường trú, vì tất cả pháp tự tánh không thể có được.

Học được như vậy thời xuất sinh đạt đến Trí nhất thiết chủng, không thấy tướng học, không thấy tướng xuất, không thấy tướng Bồ-tát, không thấy tướng Bát-nhã ba-la-mật. Trong đây nói lược nên chỉ nói không học không xuất.

KINH: Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhơn hỏi Xá-lợi-phất: Bồ-tát ma-ha-tát nên tìm Bát-nhã ba-la-mật ở đâu?

Xá-lợi-phất đáp: Bát-nhã ba-la-mật của Bồ-tát ma-ha-tát nên tìm ở trong phẩm Tu-bồ-đề nói.

Thích-đề-hoàn-nhơn hỏi Tu-bồ-đề: Đó là do thần lực của ông sai Xá-lợi-phất nói Bát-nhã ba-la-mật của Bồ-tát ma-ha-tát nên tìm ở trong phẩm Tu-bồ-đề ư?

Tu-bồ-đề đáp Thích-đề-hoàn-nhơn: Chẳng phải do thần lực của tôi.

Thích-đề-hoàn-nhơn hỏi Tu-bồ-đề: Ấy là do thần lực của ai?

Tu-bồ-đề đáp: Là do thần lực của Phật.

Thích-đề-hoàn-nhơn nói: Hết thấy pháp đều không có chỗ lãnh thọ, có sao nói đó là do thần lực của Phật? Vì lia tướng không có chỗ lãnh thọ (*Kinh Đại Bát-nhã ghi: Không chỗ nương tựa giữ gìn*) Như Lai không thể có được; lia như như, Như Lai không thể có được?

Tu-bồ-đề nói với Thích-đề-hoàn-nhơn: Như vậy, như vậy! **Kiều-thi-ca!** Lia tướng không có chỗ lãnh thọ, Như Lai không thể có được; lia như như, Như Lai cũng không thể có được. Trong tướng không có chỗ lãnh thọ, Như Lai không thể có được; trong như như Như Lai không thể có được; trong sắc như như, Như Lai như như không thể có được, trong Như Lai như như, sắc như như không thể có được; trong tướng sắc pháp, tướng Như Lai pháp không thể có được; trong tướng Như Lai pháp, tướng sắc pháp không thể có được; trong tướng thọ, tướng, hành, thức pháp cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Kiều-thi-ca! Trong Như Lai, với sắc như như chẳng hợp chẳng tán (*Kinh Đại Bát-nhã ghi: Chẳng phải tương ưng, chẳng phải không tương ưng*); trong thọ, tướng, hành, thức như như chẳng hợp chẳng tán; Như Lai lia sắc như như, chẳng hợp chẳng tán, lia thọ, tướng, hành, thức như như chẳng hợp chẳng tán, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Như Lai với tướng sắc pháp chẳng hợp chẳng tán, với tướng thọ, tướng, hành, thức pháp chẳng hợp chẳng tán, Như Lai với tướng lia sắc pháp, chẳng hợp chẳng tán, với tướng lia thọ, tướng, hành, thức pháp, chẳng hợp chẳng tán, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Kiều-thi-ca! Như vậy trong hết thấy pháp chẳng hợp chẳng tán, lia thần lực Phật, vì dùng phương tiện không nhiếp thọ pháp gì (*vì không y trì - ND*).

Như Kiều-thi-ca nói, Bát-nhã ba-la-mật của Bồ-tát ma-ha-tát nên tìm ở chỗ nào? Kiều-thi-ca! Không nên ở trong sắc tìm Bát-nhã ba-la-mật, cũng không nên lìa sắc tìm Bát-nhã ba-la-mật, không nên ở trong thọ, tưởng, hành, thức tìm Bát-nhã ba-la-mật, cũng không nên lìa thọ, tưởng, hành, thức tìm Bát-nhã ba-la-mật, vì có sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật với sắc, thọ, tưởng, hành, thức, tất cả pháp ấy đều chẳng hợp chẳng tán, không sắc, không hình, không đối, chỉ một tướng tức là vô tướng, cho đến trong Trí nhất thiết chủng không nên tìm Bát-nhã ba-la-mật, cũng không nên lìa Trí nhất thiết chủng tìm Bát-nhã ba-la-mật, vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật với Trí nhất thiết chủng, tất cả pháp ấy đều chẳng hợp chẳng tán. Không sắc, không hình, không đối, chỉ một tướng tức là vô tướng, vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật chẳng phải sắc, cũng chẳng phải lìa sắc; chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức, cũng chẳng phải lìa thọ, tưởng, hành, thức, cho đến chẳng phải Trí nhất thiết chủng, cũng chẳng phải lìa Trí nhất thiết chủng. Bát-nhã ba-la-mật chẳng phải sắc như, cũng chẳng phải lìa sắc như, chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức như, cũng chẳng phải lìa thọ, tưởng, hành, thức như.

Bát-nhã ba-la-mật chẳng phải sắc pháp, cũng chẳng phải lìa sắc pháp; chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức pháp, cũng chẳng phải lìa thọ, tưởng, hành, thức pháp; cho đến chẳng phải Trí nhất thiết chủng như, cũng chẳng phải lìa Trí nhất thiết chủng như.

Bát-nhã ba-la-mật chẳng phải pháp Trí nhất thiết chủng, cũng chẳng phải lìa pháp Trí nhất thiết chủng, vì sao? Kiều-thi-ca! Vì hết thấy pháp đều không có gì, không thể có được, vì không có gì, không thể có được nên Bát-nhã ba-la-mật chẳng phải sắc, cũng chẳng phải lìa sắc; chẳng phải sắc như, cũng chẳng phải lìa sắc như; chẳng phải sắc pháp, cũng chẳng phải lìa sắc pháp,

cho đến chẳng phải Trí nhất thiết chủng, cũng chẳng phải là Trí nhất thiết chủng; chẳng phải Trí nhất thiết chủng như, cũng chẳng phải là Trí nhất thiết chủng như; chẳng phải pháp Trí nhất thiết chủng, cũng chẳng phải là pháp Trí nhất thiết chủng.

LUẬN. *Hỏi:* Phật, Xá-lợi-phất, Tu-bồ-đề, từ trước lại đây đã dùng mỗi mỗi nhân duyên thuyết minh tướng Bát-nhã ba-la-mật, nay có gì Thích-đề-hoàn-nhơn hỏi nên tìm Bát-nhã ở đâu?

Đáp: Đây không hỏi về thể Bát-nhã, chỉ hỏi việc ngôn thuyết danh tự Bát-nhã có thể tụng đọc. Thế nên Xá-lợi-phất nói: Nên nơi phẩm của Tu-bồ-đề nói mà tìm.

Tu-bồ-đề ưa nói không, vì thường khéo tu tập không. Xá-lợi-phất tuy trí tuệ đệ nhất, vì không có tâm tôi, ta, tật đố, lại dứt pháp ái nên nói hãy tìm ở nơi phẩm của Tu-bồ-đề nói.

Hỏi: Phật nơi nơi nói Bát-nhã ba-la-mật, muốn sánh với điều Tu-bồ-đề nói gấp trăm ngàn vạn không thể dùng toán số thí dụ sánh được, có sao không nói tìm trong phẩm của Phật nói?

Đáp: Ý của Thích-đề-hoàn-nhơn là trừ Phật ra, ai là người khéo nói? Vì vậy Phật suy cử Tu-bồ-đề.

* Lại nữa, Phật thường ngày đêm sáu thời, dùng Phật nhãn quán xét chúng sinh, không để cho vì không nghe pháp phải đọa lạc, nên tùy chỗ chúng sinh có thể hiểu, có thể được, có thể tu tập mà nói. Hoặc nói Bát-nhã ba-la-mật vô thường, khổ, không, vô ngã, như bệnh, như ung v.v... gọi là Bát-nhã ba-la-mật, hoặc phân biệt tướng chung tướng riêng của các pháp, hoặc nói các pháp nhân duyên hòa hợp sinh, không có kẻ làm, kẻ thọ, kẻ biết, kẻ thấy, gọi là Bát-nhã ba-la-mật. Hoặc nói pháp không, hoặc nói rất rảo không, gọi là Bát-nhã ba-la-mật. Vì vậy nên không bảo nên tìm trong phẩm của Phật dạy.

Lại, tâm niệm Thích-đề-hoàn-nhơn, không biết thế nào chắc chắn là tướng Bát-nhã nhất định? Vì vậy Xá-lợi-phất nói Tu-bồ-đề thường thâm nhập không, lời nói ra đều hướng về không, cái không được nói ấy cũng không, cho nên nói hãy tìm trong phẩm của Tu-bồ-đề nói. Thích-đề-hoàn-nhơn hoan hỷ tán thán Tu-bồ-đề rằng: Thần lực Đại đức rất lớn! Tu-bồ-đề khiêm nhường nói: Chẳng phải sức tôi, đó là thần lực nhiếp thọ của Phật.

Thích-đề-hoàn-nhơn nói: Nếu hết thấy pháp đều không có nhiếp thọ làm sao nói đó là thần lực nhiếp thọ của Phật? Nếu lìa tướng không nhiếp thọ thì Như Lai không thể có được, lìa như như thì Như Lai không thể có được. Thích-đề-hoàn-nhơn nghĩ rằng: Hết thấy không có tướng nhiếp thọ, hết thấy pháp không, không nơi nương tựa, thời làm sao sẽ nói nhất định có Như Lai? Nếu không có Như Lai làm sao có thần lực nhiếp thọ?

Lại, lìa tướng không nhiếp thọ thì Như Lai cũng không thể có được, nay lìa như như, Như Lai không thể có được.

Hỏi: Tướng không nhiếp thọ với như như có gì sai khác?

Đáp: Thật tướng các pháp cũng gọi là không nhiếp thọ, cũng gọi là như như. Các pháp không thể dính mắc nên gọi là không nhiếp thọ, các hý luận không thể phá hoại nên gọi là như như. Nay nơi không, Như Lai không thể có được, lìa không, cũng không thể có được.

Tu-bồ-đề nhận đúng, nói: Như vậy, như vậy! Nay Tu-bồ-đề nói rộng việc ấy, nơi tướng không nhiếp thọ, tướng như như, Như Lai không thể có được; hoặc dùng danh tự Phật, gọi là Như Lai; hoặc dùng danh tự chúng sinh gọi là Như Lai (Tathagata).

Như đời trước đến, đời sau cũng đi như vậy, ấy cũng gọi là Như Lai, cũng gọi là Như Khứ. Như trong mười bốn trí nạn nói: Sau khi

chết Như Khứ (Như Lai) là có tồn tại hay không tồn tại? Hay cũng có cũng không tồn tại? Hay cũng chẳng phải có chẳng phải không tồn tại?

Phật gọi là Như Lai, là như Phật Định Quang (Nhiên Đăng) hành sáu Ba-la-mật, được thành Phật đạo. Phật Thích-ca vẫn cũng như vậy mà đến, nên gọi là Như Lai.

Như Phật Định Quang có trí biết các pháp như như, từ trong như như mà đến, nên gọi là Như Lai. Phật Thích-ca Văn cũng như vậy mà đến, nên gọi là Như Lai.

Trong hai nghĩa Như Lai trên, đây là nói về Phật Như Lai. Nhân hiệu Phật Như Lai không có gì, hết thầy chúng sinh, hết thầy pháp, đều như vậy, cũng không có gì, không có nghĩa nhiếp thọ và Như Lai. Như trước đã nói, nay sẽ lược nói lại. Tướng không nhiếp thọ, tướng Như Lai đều không, không có gì, không có tướng nhiếp thọ, không có tướng như như, vì không có định tánh nên không có Như Lai.

Có người nói: Có hai cách nói thật tướng các pháp: 1. Tướng các pháp rốt ráo không, là thật; 2. Có người nói rốt ráo không ấy có thể chỉ có thể nói, nên chẳng phải thật. Như tướng Niết-bàn chẳng thể chỉ, chẳng thể nói, ấy gọi là thật. Nơi hai việc ấy, trong rốt ráo không, Như Lai không thể có được, trong thật tướng phá rốt ráo không, Như Lai cũng không thể có được. Rốt ráo không tức là tướng không nhiếp thọ, thật tướng phá rốt ráo không tức là như như. Từ đây trở đi, nói rộng hai nghĩa. Nơi năm uẩn cho đến Trí nhất thiết chủng, Như Lai không thể có được, vì Như Lai không thể có được, làm sao sẽ có thân lực Như Lai? Như Lai không thể có được, như trên đã nói. Năm uẩn chẳng phải Như Lai, lìa năm uẩn chẳng phải Như Lai, năm uẩn không ở trong Như Lai, Như Lai không ở trong năm uẩn, Như Lai cũng chẳng có năm uẩn; tướng năm uẩn sinh diệt vô thường, khổ, không, vô ngã, nên chẳng phải là Như Lai, nếu là Như Lai thời Như Lai cũng phải là sinh diệt.

* Lại nữa, năm uẩn là năm pháp, Như Lai là một, làm sao năm pháp làm một? Nếu năm tức là một, một cũng phải tức là năm? Nếu như vậy, pháp thế gian, pháp xuất thế gian đều bị rối loạn, hư hoại. Do các nhân duyên như vậy nên năm uẩn chẳng phải Như Lai. Nếu lìa năm uẩn có Như Lai, thời Như Lai phải không có thấy, không có nghe, không có biết, không có hiểu, cũng không có cảm giác khổ vui, vì có sao? Vì tri giác là pháp của năm uẩn.

Hỏi: Như Lai dùng mắt, tai, trí tuệ, thấy biết được thì có lỗi gì?

Đáp: Hay thấy là mắt, chẳng phải Như Lai. Nếu Như Lai chẳng phải là tướng hay thấy, dùng mắt mới thấy được, vậy khi chưa tiếp nhận sắc, làm sao biết dùng mắt để thấy? Và như thế thì cũng có thể dùng tai thấy chứ!

Hỏi: Như Lai dùng trí tuệ phân biệt có thể biết, mắt có thể thấy, các căn khác không thể thấy, vì vậy nên dùng mắt mà không dùng các căn khác?

Đáp: Biết cũng có lỗi như mắt, vì biết là việc của năm uẩn, chẳng phải là Như Lai. Nếu dùng cái biết để biết mắt, vậy lại dùng gì để biết cái biết đó?

Hỏi: Như Lai dùng biết để biết mắt, dùng mắt để biết sắc, nếu muốn biết Như Lai thời lấy gì biết được? Nếu lấy Như Lai biết Như Lai, ấy thời vô cùng?

Đáp: Tướng biết ở trong biết. Như Lai nếu biết tức là tướng biết. Nếu là tướng biết thời là vô thường, nếu vô thường thời không có đời sau!

* Lại nữa, lìa năm uẩn có Như Lai thời Như Lai lý đáng phải là thường; như tướng hư không, không nên biến khác, chịu khổ chịu vui; cũng nên không có trói, không có mở v.v... Có các sai lầm như vậy, phá dị biệt nên năm uẩn chẳng ở trong Như Lai, Như Lai chẳng ở trong năm uẩn, cũng chẳng phải Như Lai có năm uẩn.

Hỏi: Lẽ đáng do nhân duyên năm uẩn nên có Như Lai, nếu không có năm uẩn thì không có Như Lai?

Đáp: Nếu do nhân duyên năm uẩn có Như Lai thì Như Lai không có tự tánh; nếu không có tự tánh thì đâu từ tha tánh sinh được! Trong năm uẩn tìm nơi mỗi uẩn không thể có được Như Lai, vì thế nên không có Như Lai; chỉ do hý luận nên nói có Như Lai, vì dứt hý luận nên không có Như Lai. Như Lai là pháp chẳng sinh chẳng diệt, làm sao dùng hý luận mà tìm Như Lai? Nếu dùng hý luận tìm Như Lai thì không thấy Như Lai. Nếu cho hoàn toàn không có Như Lai, thì rơi vào tà kiến. Thế nên nếu dùng hý luận có hay không có mà tìm Như Lai thì không đúng. Tướng Như Lai tức là tướng tất cả pháp, tướng tất cả pháp tức là Như Lai; tướng Như Lai tức là tướng rốt ráo không, tướng rốt ráo không tức là tướng tất cả pháp.

Hỏi: Trong đây có sao chỉ nói hai việc, là nói trong năm uẩn như như không có Như Lai như như, trong Như Lai như như không có năm uẩn như như?

Đáp: Đây là nói lược. Nói hai thời cả năm việc đều thu nhiếp.

* Lại nữa, hai mươi ngã kiến (*Sắc là ngã, ngã là sắc, sắc lớn ngã nhỏ, ngã ở trong sắc, ngã lớn sắc nhỏ, sắc ở trong ngã; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy - ND*), tuy tất cả phạm phu đều có nhưng không thể khởi lên một lần. Nay trong hội này, mê lầm hai việc ấy, nên chỉ nói hai việc, như năm uẩn, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy; tướng pháp năm uẩn cho đến tướng pháp Trí nhất thiết chủng cũng như vậy. Năm uẩn như như tức là pháp tướng.

Hỏi: Nếu như như tức là pháp tướng, có sao nói lặp lại?

Đáp: Hành giả khi biết đến năm uẩn như như, tâm kinh sợ rằng có sao pháp tướng rốt ráo không, không có gì? Vì thế nên nói pháp tướng năm uẩn tự nó như vậy, như người đùng lửa cháy tay thì

không có tâm giận, vì biết tướng lửa tự nó như vậy. Nếu người chấp lửa đốt thì sẽ oán giận, vì nó chấp lửa đốt.

Như Lai nói năm uẩn như như, nơi pháp tướng năm uẩn chẳng hợp chẳng tán (chẳng phải tương ưng, chẳng phải không tương ưng) là trừ năm uẩn như như không có Như Lai, thời là một tướng, tức là vô tướng, vì có sao? Vì một pháp thì chẳng hợp chẳng tán; có hai pháp nên mới có hợp có tán; lìa pháp tướng năm uẩn cũng không có hợp có tán, vì có sao? Vì lìa pháp tướng năm uẩn, Như Lai không thể có được. Pháp tướng Như Lai như như và pháp tướng năm uẩn như như, không hai không khác. Lìa năm uẩn như như, năm uẩn pháp tướng, cũng chẳng hợp chẳng tán, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Biết được pháp tướng các pháp như như như vậy, chẳng hợp chẳng tán, nên có thần lực ấy.

Nên tìm ở chỗ nào là từ trước lại đây, nhân nơi thần lực của Phật nói tướng Bát-nhã, ở đây nói thẳng làm sao tìm Bát-nhã. Luận giả nói: Năm uẩn hư dối vô thường, trước không nay có, có rồi lại không, như huyễn như mộng, Bát-nhã ba-la-mật là trí tuệ thật của chư Phật, làm sao lại tìm trong năm uẩn? Thí như tìm ngọc báu chắc chắn phải tìm trong biển lớn, núi báu, chớ không thể tìm ở chỗ khe rãnh xú uế. Lìa năm uẩn thời không sinh không diệt, không làm không khởi lên, không có pháp tướng, trong đó làm sao có thể tìm?

* Lại nữa, năm uẩn và Bát-nhã ba-la-mật chẳng một chẳng khác, chẳng hợp chẳng tán, không sắc không hình, không đối, một tướng tức là vô tướng.

Hỏi: Bát-nhã ba-la-mật là tâm số pháp trí tuệ (tuệ tâm sở) nên có thể là không sắc, không hình, không đối, còn sắc uẩn trong năm uẩn, làm sao nói là không sắc, không hình, không đối?

Đáp: Thánh nhân dùng tuệ nhãn quán các pháp bình đẳng đều không, một tướng tức là vô tướng, vì vậy nên sắc uẩn không hình, không đối.

* Lại nữa, sắc của người phạm phu thấy chẳng phải thật, như trước đã phá.

* Lại nữa, có nhân duyên, Bát-nhã ba-la-mật thấy năm uẩn không như người phạm phu thấy, vì phá năm uẩn của người phạm phu thấy, tức là Bát-nhã ba-la-mật, nên nói chẳng lia. Cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy, tướng như như, tướng pháp tướng như trước đã nói.

KINH: Thích-đề-hoàn-nhơn nói với Tu-bồ-đề: Ma-ha ba-la-mật ấy là Bát-nhã ba-la-mật của Bồ-tát ma-ha-tát; vô lượng Ba-la-mật, vô biên Ba-la-mật là Bát-nhã ba-la-mật của Bồ-tát ma-ha-tát. Các Tu-đà-hoàn, quả Tu-đà-hoàn, từ nơi Bát-nhã ba-la-mật ấy học thành, cho đến các A-la-hán, quả A-la-hán, các Bích-chi Phật, đạo Bích-chi Phật, các Bồ-tát ma-ha-tát, đều từ nơi Bát-nhã ba-la-mật ấy học thành. Việc thành tựu chúng sinh tịnh quốc độ Phật, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đều từ Bát-nhã ba-la-mật ấy học thành.

Tu-bồ-đề nói với Thích-đề-hoàn-nhơn rằng: Như vậy, như vậy! **Kiều-thi-ca! Ma-ha ba-la-mật ấy là Bát-nhã ba-la-mật của Bồ-tát ma-ha-tát; vô lượng Ba-la-mật, vô biên Ba-la-mật là Bát-nhã ba-la-mật của Bồ-tát ma-ha-tát từ trong ấy học thành, quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, đạo Bích-chi Phật, các Bồ-tát ma-ha-tát từ trong Bát-nhã ba-la-mật ấy học thành, việc thành tựu chúng sinh, tịnh quốc độ Phật, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đã được, nay được, sẽ được.**

Kiều-thi-ca! Sắc lớn nên Bát-nhã ba-la-mật cũng lớn, vì sao? Vì sắc ấy tiền tế (đời trước) không thể có được, hậu tế không thể có được, trung tế không thể có được. Thọ, tưởng, hành, thức

lớn nên Bát-nhã ba-la-mật cũng lớn, vì sao? Vì thọ, tưởng, hành, thức, tiền tế không thể có được, hậu tế không thể có được, trung tế không thể có được, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Do nhân duyên ấy, Kiều-thi-ca! Ma-ha ba-la-mật ấy là Bát-nhã ba-la-mật của Bồ-tát ma-ha-tát.

Kiều-thi-ca! Sắc vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật vô lượng, vì sao? Vì sắc lượng không thể có được. Kiều-thi-ca! Thí như hư không lượng không thể có được, sắc cũng như vậy, lượng không thể có được. Hư không vô lượng nên sắc vô lượng; sắc vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật vô lượng; thọ, tưởng, hành, thức cho đến Trí nhất thiết chủng vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật vô lượng, vì sao? Vì Trí nhất thiết chủng, lượng không thể có được; thí như hư không, lượng không thể có được. Trí nhất thiết chủng cũng như vậy, lượng không thể có được. Hư không vô lượng nên Trí nhất thiết chủng vô lượng, Trí nhất thiết chủng vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật vô lượng. Do nhân duyên ấy, nên Bát-nhã ba-la-mật của Bồ-tát ma-ha-tát vô lượng.

Kiều-thi-ca! Sắc vô biên nên Bát-nhã ba-la-mật của các Bồ-tát ma-ha-tát vô biên, vì sao? Kiều-thi-ca! Vì sắc ấy tiền tế không thể có được, hậu tế không thể có được, trung tế không thể có được; thọ, tưởng, hành, thức vô biên nên Bát-nhã ba-la-mật vô biên, vì sao? Vì thọ, tưởng, hành, thức tiền tế, hậu tế, trung tế đều không thể có được, cho đến Trí nhất thiết chủng vô biên nên Bát-nhã ba-la-mật vô biên, vì sao? Vì Trí nhất thiết chủng tiền, hậu, trung tế không thể có được. Do nhân duyên ấy, Kiều-thi-ca! Bát-nhã ba-la-mật vô biên, sắc vô biên, cho đến Trí nhất thiết chủng vô biên.

* Lại nữa, Kiều-thi-ca! Duyên vô biên nên Bát-nhã ba-la-mật vô biên.

Tu-bồ-đề! Thế nào là duyên vô biên nên Bát-nhã ba-la-mật vô biên?

Tu-bồ-đề đáp: Duyên hết thấy pháp vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật vô biên.

Thế nào là duyên hết thấy pháp vô biên nên Bát-nhã ba-la-mật vô biên?

Tu-bồ-đề đáp: Duyên pháp tánh vô biên nên Bát-nhã ba-la-mật vô biên.

* Lại nữa, **Kiều-thi-ca!** Duyên như như vô biên nên Bát-nhã ba-la-mật vô biên.

Thích-đề-hoàn-nhơn hỏi: Làm sao duyên như như vô biên nên Bát-nhã ba-la-mật vô biên?

Tu-bồ-đề đáp: Như như vô biên, nên duyên cũng vô biên, duyên vô biên nên như như cũng vô biên. Do nhân duyên ấy, Bát-nhã ba-la-mật của Bồ-tát ma-ha-tát vô biên.

* Lại nữa, **Kiều-thi-ca!** Chúng sinh vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật vô biên.

Thích-đề-hoàn-nhơn hỏi **Tu-bồ-đề**: Thế nào là chúng sinh vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật vô biên?

Tu-bồ-đề đáp: Ý ông nghĩ sao? Những pháp gì gọi là chúng sinh?

Thích-đề-hoàn-nhơn đáp: Không có pháp gọi là chúng sinh, giả danh nên gọi là chúng sinh, danh tự ấy vốn không có pháp, cũng không chỗ xu hướng, chỉ gượng làm danh tự.

Kiều-thi-ca! Ý ông nghĩ sao? Trong Bát-nhã ba-la-mật nói chúng sinh có thật chăng?

Thích-đề-hoàn-nhơn đáp: Không.

Kiều-thi-ca! Nếu Bát-nhã ba-la-mật không nói thật, thì chúng sinh vô biên cũng không thể có được.

Kiều-thi-ca! Ý ông nghĩ sao? Phật sống hằng hà sa kiếp nói chúng sinh, danh tự chúng sinh, vả lại có thể có pháp chúng sinh có sinh có diệt chăng?

Thích-đề-hoàn-nhơn đáp: Thưa không, vì sao? Vì chúng sinh từ xưa lại đây thường thanh tịnh.

Do nhân duyên ấy, Kiều-thi-ca! Chúng sinh vô biên, nên biết Bát-nhã ba-la-mật cũng vô biên.

LUẬN. *Hỏi:* Thích-đề-hoàn-nhơn là người Tu-đà-hoàn làm sao hỏi được Bát-nhã ba-la-mật sâu xa?

Đáp: Như Tu-bồ-đề, là vị A-la-hán hoàn toàn mà vì lợi ích cho Bồ-tát, thương xót chúng sinh nên hỏi việc của Bồ-tát làm. Thích-đề-hoàn-nhơn tuy là người Thanh-văn, là thiên chủ của các trời, có trí tuệ lanh lợi, thương xót chúng sinh nên hỏi Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy.

* Lại nữa, có người nói: Trong ba ngàn đại thiên thế giới, có trăm ức Thích-đề-hoàn-nhơn. Trong kinh Trung A- hàm nói Thích-đề-hoàn-nhơn là người được quả Tu-đà-hoàn, khác với Thích-đề-hoàn-nhơn ở đây. Thích-đề-hoàn-nhơn ở đây là đại Bồ-tát, vì thương xót chúng sinh nên ba cách tán thán Bát-nhã ba-la-mật, là Ma-ha ba-la-mật, vô lượng ba-la-mật, vô biên ba-la-mật là Bát-nhã ba-la-mật. Vì từ trong Bát-nhã ba-la-mật ấy học thành các Thánh đạo. Tu-bồ-đề nhận lời tán thán của Thích-đề-hoàn-nhơn đúng mà giải rộng lời tán thán đó, bằng cách nói năm uẩn lớn nên Bát-nhã ba-la-mật lớn.

Năm uẩn lớn là tìm ở ba đời (tam tế) đều không thể có được, cũng vì vô lượng vô biên nên gọi là lớn. Phá vô lượng vô biên năm uẩn ấy mà đưa chúng sinh vào Vô dư Niết-bàn nên nói Bát-nhã ba-la-mật lớn, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Vô lượng cũng như vậy, chỉ vì dùng hư không để thí dụ là khác. Có pháp tuy lớn mà không hẳn vô lượng, thế nên không được lấy

hư không để ví dụ... Như núi Tu-di tuy lớn giữa các núi mà có hạn lượng, khoảng 84.000 do tuần.

Vô biên là, vì năm uẩn rộng lớn vô lượng cho nên nói vô biên; cũng vì năm uẩn có biên, thời còn có thì, có thì thời có chung, tức là không nhân không duyên, bị rơi vào các sai lầm chấp đoạn diệt.

* Lại nữa, năm uẩn tìm ở trong ba đời đều không thể có được, nên nói là vô biên.

Duyên vô biên là tất cả pháp có bốn duyên là nhân duyên, sinh tất cả pháp hữu vi; thứ đệ duyên, là tâm tâm sở pháp quá khứ hiện tại; duyên duyên tăng thượng duyên là chỉ tất cả pháp. Bốn duyên ấy ở tất cả chỗ, tất cả thời đều có nên nói là duyên vô biên. Duyên vô biên nên Bát-nhã ba-la-mật vô biên.

* Lại nữa, duyên vô biên là bốn duyên hư dối không thật, rất ráo không, cho nên vô biên.

* Lại nữa, duyên như như, pháp tánh, thật tế vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật vô biên. Như như, pháp tánh, thật tế là tướng vô vi tự nhiên nên vô lượng vô biên. Năm uẩn vô biên là do sức tu quán cường làm nó vô biên.

* Lại nữa, **chúng sinh vô biên** là vì chúng sinh nhiều. Vô lượng vô số chúng sinh trong ba đời mười phương, không ai có thể đếm biết được, nên nói vô biên.

* Lại nữa, trong đây nói chúng sinh không, nên nói là vô biên, chỉ cưỡng đặt tên.

Cũng không chỗ thú hướng là vì chúng sinh có định pháp có thể thú hướng; như lửa định có chỗ thú hướng, còn danh tự chúng sinh không thật có chúng sinh có thể thú hướng.

- Ý ông nghĩ sao? Trong Bát-nhã ba-la-mật, có thể nói thật có chúng sinh chăng?

- Thừa không, bạch Đại đức!

- Nếu chúng sinh thật không có, thời làm sao có biên?

Như chư Phật là bậc đệ nhất trong tất cả người nói thật, sống trong vô lượng hằng hà sa kiếp nói danh tự chúng sinh, mà pháp chúng sinh ấy không vì nói mà có sinh có diệt, huống gì các người khác điên đảo hư dối, chỉ nói một lúc? Vì làm phát sinh tâm ta, nên sẽ có chúng sinh thật. Chúng sinh ấy không vì đưa vào Bát-nhã ba-la-mật nên nói không có, mà chính từ xưa lại đây, thường thanh tịnh, không có, hý luận nói có nói không đều dứt. Vì vậy nên nói chúng sinh vô biên nên Bát-nhã ba-la-mật vô biên.

Hỏi: Sao đối với **vô biên** lại nói rộng, còn **lớn** và **vô lượng** thì nói lược?

Đáp: Do nhân duyên chúng sinh mà nói. Kẻ phàm phu khởi các phiền não, đối với năm uẩn sinh các tà kiến khó phá, cho nên nói rộng, nếu phá chấp tướng chúng sinh, thời các tướng khác dễ phá.

(HẾT CUỐN 55 THEO BẢN HÁN)

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

GIẢI THÍCH: PHẨM TAM THÁN THỨ 30

(Kinh Đại Bát-nhã ghi: Phần 2, Phẩm Thọ Ký thứ 28)

KINH: Bấy giờ các Thiên vương và chư thiên, các Phạm vương và Phạm thiên, trời Y-xà-na, thần tiên cùng các thiên nữ, đồng thời tán thán ba lần: Khoái thay, khoái thay! Tuệ mạng Tu-bồ-đề khéo thuyết pháp Bát-nhã ba-la-mật thậm thâm là đấng nương thần lực của Phật ra đời tại thế gian diễn bày pháp ấy. Nếu có Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật ấy không xa rời, thời chúng ta xem người ấy như Phật, vì sao? Vì trong Bát-nhã ba-la-mật ấy, tuy không có pháp sở đắc có thể được là sắc, thọ, tưởng, hành, thức cho đến Trí nhất thiết chủng, nhưng có giáo pháp ba thừa là Thanh-văn, Bích-chi Phật và Phật thừa.

Bấy giờ Phật bảo các Thiên tử: Như vậy, như vậy! Các Thiên tử! Như lời các ông nói, trong Bát-nhã ba-la-mật ấy tuy không có pháp có thể được, nhưng có giáo pháp ba thừa là Thanh-văn, Bích-chi Phật và Phật thừa.

Các Thiên tử! Nếu có Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật ấy không xa rời, nên xem người ấy như Phật, vì không có sở đắc, vì sao? Trong Bát-nhã ba-la-mật ấy có nói rộng giáo pháp ba thừa là Thanh-văn, Bích-chi Phật và Phật thừa. Trong Thí ba-la-mật tìm Phật không thể có được, lia Thí ba-la-mật,

tìm Phật cũng không thể có được; cho đến trong Bát-nhã ba-la-mật tìm Phật không thể có được, lia Bát-nhã ba-la-mật tìm Phật cũng không thể có được. Trong nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung, Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Phật bảo các Thiên tử! Bồ-tát ma-ha-tát nếu học được tất cả pháp Thí ba-la-mật... cho đến Trí nhất thiết chủng, vì việc ấy hãy nên xem Bồ-tát ma-ha-tát ấy như Phật.

Các Thiên tử! Ta xưa vào thời Phật Nhiên Đăng, ở trong thành Hoa Nghiêm, đầu ngã tư đường, Ta thấy Phật nghe pháp liền được không rời hạnh tu Thí ba-la-mật, không rời hạnh tu Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật; không rời hạnh tu nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, bốn niệm xứ cho đến tám Thánh đạo phần; không rời hạnh tu bốn thiền, bốn tâm vô lượng, định bốn vô sắc, hết thảy môn Tam-muội, hết thảy môn Đà-la-ni; không rời hạnh tu bốn điều không sợ. Phật mười lực, bốn trí vô ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi và vô lượng Phật pháp khác cũng không có sở đắc.

Khi ấy, Phật Nhiên Đăng thọ ký cho Ta đời tương lai, qua khỏi một A-tăng-kỳ kiếp sẽ làm Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Bấy giờ, các Thiên tử bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Hy hữu! Bát-nhã ba-la-mật ấy có thể làm cho các Bồ-tát ma-ha-tát được Tát-bà-nhã, đối với sắc chẳng lấy chẳng bỏ, đối với thọ, tưởng, hành, thức chẳng lấy chẳng bỏ, cho đến Trí nhất thiết chủng chẳng lấy chẳng bỏ.

LUẬN: Người vì hoan hỷ tột cùng, thời tán thán ba phen. Thế nên chư thiên khi nghe Tu-bồ-đề nói Bát-nhã ba-la-mật, hoan hỷ nói: Khoái thay, khoái thay!

Thiên vương là bốn vị Thiên vương ở bốn nơi dưới hết quanh chóp núi Tu-di của trời cõi Dục, trời Ba mươi ba là Thích-đề-toàn-nhơn (Đế-thích thiên) cho đến các vua Phạm Thiên. Từ cõi Phạm thiên trở lên, không có vua.

Chư thiên là chỉ trời cõi Dục.

Chư Phạm là chỉ trời cõi Sắc.

Y-xà-na là vua trời Đại Tự Tại và quyền thuộc.

Thần tiên có hai loại, hoặc người hoặc trời.

Thiên nữ là các Thiên nữ Xá-chỉ v.v... phu nhân của trời Đế-thích.

Sở dĩ tán thán Tu-bồ-đề nói Bát-nhã ba-la-mật thậm thâm là vì biết Tu-bồ-đề tuân thừa thần lực của Phật.

Nếu tu được Bát-nhã ba-la-mật ấy, chúng tôi sẽ xem người đó như Phật, vì sao? Vì tôn trọng pháp. Pháp đây là Bát-nhã ba-la-mật thậm thâm. Pháp thậm thâm là hết thấy pháp tuy rất ráo không, nhưng có ba thừa phân biệt, vì sao? Vì các pháp nếu rất ráo không, lại không nên tu tập công đức ba thừa, thời bị rơi vào chấp đoạn diệt. Nếu tu công đức ba thừa thời là có phân biệt sai khác, không phải là rất ráo không. Bát-nhã ba-la-mật này tuy rất ráo không mà không rơi vào đoạn diệt, tuy phân biệt có ba thừa mà không sinh tâm nhiễm đắm, không chấp thủ định tướng trong hai việc ấy. Việc ấy thậm thâm vi diệu, nên chư thiên rất hoan hỷ, tán thán “khoái thay”. Phật khen lời tán thán ấy, lại nói nhân duyên thậm thâm: Từ trong sáu ba-la-mật cho đến trong Trí nhất thiết chủng, tìm Phật không thể có được, lìa đây tìm Phật cũng không thể có được. Các pháp nhân duyên hòa hợp nên có Phật, không có tự tánh. Nếu Bồ-tát tu hành được như vậy,

nên biết Bồ-tát ấy tức là Phật. Tức là Phật là nói theo thể tục đế, như Thái-tử tuy chưa lên ngôi vua, mà chắc chắn sẽ làm vua, trong đây Phật tự dẫn việc mình để làm chứng. Vị Bồ-tát ấy đã được vô sinh nhãn, vào Bồ-tát vị, thấy mười phương chư Phật. Chư thiên nghe Phật giải rộng nghĩa của lời tán thán, tâm rõ hiểu càng sâu, lại càng tán thán. Vì thấy tội lỗi của hết thầy pháp nên chẳng lấy, vì thấy nó có lợi ích nên chẳng bỏ.

Lại vì hết thầy pháp rốt ráo không, chẳng sinh chẳng diệt, nên chẳng lấy chẳng bỏ.

KINH: Bảy giờ, Phật quán thấy bốn chúng hòa hợp, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di và các Bồ-tát ma-ha-tát cùng bốn Thiên vương cho đến các trời Sắc Cứu cánh, đều ngồi trong hội. Xem khắp rồi, Phật bảo Thích-đề-hoàn-nhơn:

Kiều-thi-ca! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát, hoặc Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, hoặc Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, hoặc các thiên tử, hoặc các thiên nữ, đối với Bát-nhã ba-la-mật này hoặc nghe thọ trì, thân cận, đọc tụng, vì người nói, nghĩ nhớ đúng, không rời tâm Tát-bà-nhã. Các Thiên tử! Những người ấy, ma hoặc ma trời không thể tìm được chỗ thuận tiện, vì sao? Vì thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, chắc chắn hiểu rõ sắc không, “không” không thể được “không” thuận tiện. Vô tướng không thể được vô tướng thuận tiện, vô tác không thể được vô tác thuận tiện, chắc chắn hiểu rõ thọ, tưởng, hành, thức không, “không” không thể được “không” thuận tiện, cho đến vô tác không thể được vô tác thuận tiện, cho đến chắc chắn hiểu rõ Trí nhất thiết chủng không, “không” không thể được “không” thuận tiện, cho đến vô tác không thể được vô tác thuận tiện, vì sao? Vì các pháp tự tánh không thể có được. Không có việc có thể được thuận tiện, thời ai chịu nỗi hại?

*** Lại nữa, Kiều-thi-ca! Đối với thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, hoặc người hay chẳng phải người đều không thể tìm được**

chỗ thuận tiện, vì sao? Vì thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, khéo tu từ tâm, bi, hỷ, xả tâm đối với hết thấy chúng sinh, là vì không có sở đắc.

Kiều-thi-ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, trọn không bị hoạnh tử, vì sao? Vì thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy tu Thí ba-la-mật, tâm bình đẳng cung cấp đối với hết thấy chúng sinh.

* Lại nữa, **Kiều-thi-ca!** Ba ngàn đại thiên thế giới, trời Tứ Thiên vương, trời Ba mươi ba, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa-lạc, trời Tha-hóa-tự-tại, trời Phạm, trời Quang-âm, trời Biến-tịnh, trời Quảng-quả, trong các trời ấy, có người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà chưa nghe Bát-nhã ba-la-mật này, chưa thọ trì, thân cận. Các Thiên tử ấy, nay nên nghe, thọ trì, thân cận, đọc tụng, nghĩ nhớ đúng, không rời tâm Tát-bà-nhã.

* Lại nữa, **Kiều-thi-ca!** Các thiện nam tử, thiện nữ nhân nghe Bát-nhã ba-la-mật này mà thọ trì, thân cận, đọc tụng, nhớ nghĩ đúng, không rời tâm Tát-bà-nhã thời các thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy hoặc ở nhà trống, hoặc ở giữa đồng vắng, hoặc ở chỗ có người trọn không sợ hãi, vì sao? Vì thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, hiểu rõ nội không, vì không có sở đắc; hiểu rõ ngoại không, cho đến vô pháp hữu pháp không, vì không có sở đắc.

LUẬN. Hỏi: Trong đây Phật quán xem bốn bộ chúng xong, có sao bảo Thích-đề-hoàn-nhơn?

Đáp: Trong các Phẩm khác phần nhiều nói về thể Bát-nhã ba-la-mật, nay muốn nói rộng về công đức Bát-nhã, nên bảo Thích-đề-hoàn-nhơn; ví như trước đem báu tốt chỉ cho người, sau mới ca ngợi công năng của nó.

* Lại nữa, xem khắp là muốn khiến chúng sinh trong hội, đều biết Phật đoái nghĩ tới mình thời không tự khinh, không tự khinh nên

kham nhận nghe pháp, vì vậy nên xem khắp. Ví như vua đoái nhìn kẻ dưới, thời kẻ dưới hân hoan tự mừng. Vì nói đến công đức nên lấy cư-sĩ làm chứng. Trong hạng cư-sĩ, Thích-đề-hoàn-nhơn là lớn; còn nói Bát-nhã thì lấy người xuất gia làm chứng, trong hàng xuất gia Xá-lợi-phất, Tu-bồ-đề là lớn.

Hỏi: Trước nói Thích là danh tự, Thích-đề-hoàn-nhơn là Thiên chủ, sao nay Phật không gọi Thích mà lại gọi là Kiền-thi-ca?

Đáp: Xưa trong nước Ma-già-đà có Bà-la-môn, tên Ma-già, họ Kiền-thi-ca, có phước đức trí tuệ lớn, cùng với ba mươi ba người bạn tri thức cùng tu phước đức, khi mạng chung đều sinh lên tầng trời thứ hai ở chóp núi Tu-di, Bà-la-môn Ma-già làm Thiên chủ, ba mươi hai người bạn kia làm phụ thần. Vì ba mươi ba người ấy nên gọi là trời Ba mươi ba. Vì nói theo họ xưa, nên gọi là Kiền-thi-ca, hoặc gọi là Thiên chủ, hoặc gọi là Thiên nhân v.v... Đối với người lớn nên xưng họ của người ấy.

Trong đây nói Bát-nhã ba-la-mật là chỉ cho ngữ ngôn văn tự biên chép thành quyển kinh, tuyên truyền chỉ bày thật tướng trí tuệ của mười phương chư Phật đã dạy, vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật không có các tướng có quán sát, ngôn ngữ, mà nhân ngôn ngữ quyển kinh mới nhận được Bát-nhã ba-la-mật ấy, vì vậy nên lấy danh tự quyển kinh gọi là Bát-nhã ba-la-mật. Trong đây chỉ lược nói ý Phật, nếu có thể nghe, thọ trì Bát-nhã v.v... sẽ được các công đức, sau đó sẽ nói rộng. Vì muốn độ chúng sinh được Phật đạo, nên cúng dường người thọ học Bát-nhã ba-la-mật. Người ấy ma hoặc ma trời không thể tìm được chỗ thuận tiện để phá.

Hỏi: Thế nào là Ma? Có gì nào hại Bồ-tát? Làm sao được thuận tiện?

Đáp: Ma tên chúa trời Tự-tại, tuy nhờ có phước đức được sinh làm trời, nhưng ôm chặt tà kiến, cho rằng: Chúng sinh ở cõi Dục là

nhân dân của mình, dẫu có sống chết xoay vần, vẫn không lìa khỏi cảnh giới của ta. Nếu còn tiếp sinh lên cõi Sắc, cõi Vô sắc cũng trở lại thuộc vào ta. Hoặc có được năm thần thông ngoại đạo, cũng chưa ra khỏi cảnh giới của ta nên ta đều không vì đó làm lo. Còn nếu Phật, Bồ-tát ra đời, hóa độ dân ta, nhổ gốc sinh tử, được vào Vô dư Niết-bàn vĩnh viễn không trở lại, làm cho trống rỗng cảnh giới của ta. Vì thế nên khởi tâm hận thù đố kỵ.

Lại thấy người cõi Dục đều đến quy y Phật, không đến quy mình, mất sự cúng dường, nên sinh tâm tật đố. Vì vậy, cho Phật, Bồ-tát là oan gia. Vì Bồ-tát ấy vào pháp vị, được pháp tánh sinh thân, ma tuy khởi tâm ác, cũng không thể làm bại hoại được, nếu chưa được địa vị bất thối, thời ma dùng đủ cách phá hoại. Nếu Bồ-tát nhất tâm, không tiếc thân mạng, có phương tiện cầu Phật đạo, thời mười phương chư Phật Bồ-tát, đều chung hộ trì. Do nhân duyên ấy nên được thành Phật đạo.

Nếu làm Bồ-tát mà biếng nhác, tham đắm cái vui thế tục, không chuyên tâm siêng cầu Phật đạo, ấy là tự dối, cũng dối mười phương chư Phật Bồ-tát, vì sao? Vì tự nói ta vì chúng sinh mong cầu Phật đạo mà làm tạp hạnh, hoại pháp Bồ-tát. Vì tội ấy mà chư Phật, Bồ-tát không thủ hộ nên ma tìm được chỗ thuận tiện để phá, vì có sao? Vì tất cả Thánh nhân đã vào Thánh vị, chỉ nhất tâm hành đạo, vui sâu Niết-bàn; còn ma vào tà vị, tham đắm tà đạo. Tà chánh trái nhau, cho nên ma ganh ghét chánh hạnh, cuồng si tự cao, gọi Phật bằng tiếng “Sa-môn Cù-đàm”, Phật gọi nó thật là tệ ma; vì trái ngược nhau, nên gọi là oan gia.

Như Kinh nói: Ma có bốn thứ: 1. Phiền não ma. 2. Ngũ ấm ma. 3. Tử ma. 4. Tự tại thiên tử ma. Trong đây vì lực Bát-nhã nên bốn ma không tìm được chỗ thuận tiện. Được thật tướng các pháp, phiền não dứt, tức hoại phiền não ma, thiên ma cũng không thể tìm được chỗ thuận tiện, vào Vô dư Niết-bàn thời hoại ngũ ấm ma và tử ma.

Sao gọi là được thuận tiện? Ma và ma dân đến khủng bố Bồ-tát, như trong Kinh nói: Ma hiện làm thân rồng, đủ hình tượng kỳ dị đáng sợ, đem đến khủng bố người tu. Hoặc hiện năm thứ dục lạc thượng diệu, phá hoại rối loạn Bồ-tát; hoặc chuyển tâm người thế gian, khiến cúng dường lớn, hễ hành giả tham đắm cúng dường thì mất đạo đức; hoặc chuyển tâm người khiến khinh khi nào hại Bồ-tát; hoặc mắng, hoặc đánh, hoặc làm bị thương, hoặc hại người tu phải gặp khổ, hoặc sinh sân nhuế, ưu sầu v.v... Như vậy, ma tùy theo ý hướng của người đối diện mà phá hoại, ấy gọi là được thuận tiện, như đã nói rộng trong phẩm Ma.

Hỏi: Ma lực rất lớn, Bồ-tát mang thân xác thịt, đạo lực còn kém làm sao nó không tìm được chỗ thuận tiện?

Đáp: Như trên nói nhờ được chư Phật Bồ-tát thủ hộ. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Người ấy khéo tu các pháp không, cũng không chấp trước không; người không chấp trước không thì làm sao tìm được chỗ thuận tiện để phá? Thí như bàn tay không bị thương, thời không bị nhiễm độc; vô tướng vô tác cũng như vậy.

* Lại nữa, tất cả pháp được thật quán sát thì đều là tướng không, vô tướng, vô tác; đều là tướng không, vô tướng vô tác thời không thể có được thuận tiện, cũng không có người chịu sự thuận tiện ấy. Thế nên “không” không thể được thuận tiện đối với “không”; vô tướng không thể được thuận tiện đối với vô tướng; vô tác không thể được thuận tiện đối với vô tác, vì chỉ một tướng; như lửa không thể diệt lửa, gặp nước thời diệt, vì khác tướng.

Hỏi: Bồ-tát trú ở ba môn giải thoát là đã ở chỗ chịu sự thuận tiện; vì trái với tất cả pháp: Không trái với hữu, vô tướng trái với hữu tướng, vô tác là trái với hữu tác?

Đáp: Trong Kinh này Phật tự nói ba môn giải thoát không có tự tánh. Lại, trước đây trong phần luận nghị có nói đối với không, vô

tướng, vô tác, không chấp trước. Vì vậy tuy trú ở ba môn giải thoát mà ma và ma dân không thể được chỗ thuận tiện để phá.

Hỏi: Các nơi khác đều nói Bồ-tát ma-ha-tát, sao ở đây nói Thiện nam tử Thiện nữ nhân?

Đáp: Trước kia nói trí tuệ thật tướng khó lãnh thọ, vì có thể lãnh thọ, thời đó là Bồ-tát ma-ha-tát. Nay nói việc cúng dường, thọ trì, đọc tụng v.v... là nói lẫn lộn, nên thu nhiếp được thiện nam tử, thiện nữ nhân.

* Lại nữa, trong Kinh nói người nữ có năm chướng ngại là không được làm trời Đế-thích, Phạm vương, Ma vương, Chuyển luân Thánh vương và Phật. Nghe có năm chướng ngại không được làm Phật, người nữ thối tâm, không phát tâm được; hoặc có người nói pháp, không vì người nữ nói Phật đạo, nên ở trong đây Phật nói thiện nam tử, thiện nữ nhân, người nữ có thể làm Phật, nhưng khi đã chuyển được thân nữ. Năm chướng ngại này là chỉ nói việc của một thân, (*chứ không phải nói việc nhiều thân nhiều đời vẫn không được làm Đế-thích v.v... đây chỉ nói việc chướng ngại do tướng thân nữ, chứ không phải nói chướng ngại do tâm tánh. Phật dạy tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, vậy đều có thể làm Phật, rất bình đẳng, nhưng về mặt thể xác, người nữ khác với người nam khi còn là thân nữ thì có năm chướng ngại, khi chuyển thân nữ thành thân nam thì năm chướng ngại ấy không còn - ND*). Nghĩa thiện nam tử, thiện nữ nhân, như trước đã nói rộng.

Người không tìm được chỗ thuận tiện là; người đây là hoặc giặc, hoặc quan, hoặc người thù oán, muốn nã loạn Bồ-tát nên tìm dịp thuận tiện để phá.

Hỏi: Trước kia chỉ nói về lý “không” là nhân duyên ma không tìm được dịp thuận tiện; còn nay nói nhân duyên người không tìm được dịp thuận tiện lại chỉ nói về bốn tâm vô lượng?

Đáp: Có người nói: Trước nói ma hoặc ma dân là oán hại lớn, cho nên pháp đối trị cũng lớn nên nói không, còn nay người oán hại nhỏ nên pháp đối trị cũng nhỏ, chỉ nói bốn tâm vô lượng. Có người nói bốn tâm vô lượng là pháp Bồ-tát thường tu để nhóm các công đức, sau mới lấy Bát-nhã ba-la-mật không tương để khiến trừ tà kiến. Không chấp trước chúng sinh, cũng không chấp trước pháp, hai pháp ấy trước sau không còn.

* Lại nữa, trên kia ma gây việc khủng bố rất nhiều, mà không hiện bản hình, chỉ hiện sấm sét, gió mưa, hoặc gây đau bệnh, vì vậy nên nói các pháp không để trừ. Nay người đến dùng ác khẩu mắng nhiếc, đao gậy đánh chặt, nên dùng bốn tâm vô lượng để trừ.

Không hoạnh tử là không tội mà chết. Hoặc thọ mạng chưa hết mà uống lầm thuốc nên chết, hoặc không thuận cách trị thuốc nên chết, hoặc không người nuôi bệnh nên chết, hoặc đói khát lạnh nóng phải chết yếu... gọi là hoạnh tử.

Bồ-tát từ khi mới phát tâm lại đây, thường tu hành Thí ba-la-mật đối với hết thảy chúng sinh, theo bệnh cho thuốc, tùy bệnh cần dùng, cứu vớt kẻ cô đơn nghèo cùng, theo chỗ họ xin đều cấp cho đủ, bình đẳng đối với tất cả chúng sinh, hảo tâm cúng dường, cũng tu hành Bát-nhã ba-la-mật. Do công đức ấy nên không bị hoạnh tử. Trong đây đã lược nói ba công đức ấy.

Trong ba ngàn đại thiên thế giới, có chư thiên phát tâm mà chưa nghe nói Bát-nhã ba-la-mật, thì trước gọi thiện nam tử, thiện nữ nhân bảo nên nghe và thọ trì, cho đến nghĩ nhớ đúng. Nay nói nhân duyên chư thiên có đại công đức còn cúng dường, hướng gì người? Tuy tất cả trời người nên nghe Bát-nhã, song người có thể phát đạo tâm Vô thượng, thì rất nên đem tâm tâm mà nghe, vì có sao? Vì Bát-nhã là gốc của Phật đạo.

Hỏi: Chư thiên ấy phát tâm, có sao không nghe Bát-nhã?

Đáp: Có người nói: Trời ấy đời trước còn ở trong loài người đã phát tâm; nay được sinh cõi Trời bị năm dục che tâm nên không nghe.

* Lại nữa, chư thiên tuy phát đạo tâm vô thượng mà năm căn lạnh lợi, năm dục thù diệu nên nhiễm đắm sâu, xem đông quên tây, không thể cầu Bát-nhã. Chư thiên cõi Sắc, tuy trước kia nghe pháp phát tâm, vì đắm trước thiền định sâu nên không thể cầu Bát-nhã. Thế nên nói người chẳng nghe nên nghe và thọ trì.

* Lại nữa, trước nói ma và ma thiên không thể tìm được dịp thuận tiện là nhờ nhân duyên bên trong là không Tam-muội và bốn tâm vô lượng. Nay lại nói không tìm được dịp thuận tiện là nhờ nhân duyên ngoài, đó là Phật bảo chư thiên: Các người cúng dường, thọ trì Bát-nhã thì các thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy cũng cúng dường và thọ trì Bát-nhã. Vì đồng sự nên nếu ma đến phá thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, các người nên thủ hộ.

* Lại nữa, người thọ trì Bát-nhã, hoặc ở nhà trồng, hoặc ở đồng vắng, hoặc ở chỗ nhân gian. Trong nhà trồng có nhiều quỷ mị và đạo tặc, các điều ác dễ đến, nên nói đầu. Trừ chỗ có người ở và nhà trồng, ngoài ra núi, chằm, rừng cây đều là đồng vắng, vì ít người qua lại nên có nhiều hồ lang, Sư tử, giặc ác, quỷ mị; còn chỗ có người ở, vì bất tịnh, ma và quỷ thần ít đến. Các tai nạn ít nên nói sau.

Hành giả ở nơi ba chỗ ấy, đều không sợ hãi vì nhờ có hai nhân duyên: Một là khéo tu mười tám không, hai là oai đức của Bát-nhã ba-la-mật.

KINH: Bảy giờ trong ba ngàn đại thiên thế giới, các trời Tứ Thiên vương, trời Ba mươi ba, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa-lạc, trời Tha-hóa-tự-tại cho đến các trời Thủ-đà-bà, bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy hay thọ trì Bát-nhã ba-la-mật, thân cận, đọc tụng, nghĩ nhớ đúng, không lìa tâm Tát-bát-nhã, chúng con thường sẽ thủ

hộ, vì sao? Vì Bạch đức Thế Tôn! Vì nhờ nhân duyên của Bồ-tát ma-ha-tát nên dứt ba đường ác, dứt sự nghèo cùng trong cõi trời người, dứt các tai hoạn, tật bệnh, đói khát. Nhờ nhân duyên của Bồ-tát nên có mười thiện đạo xuất thế gian, bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, Thí ba-la-mật, Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật; nội không cho đến vô pháp hữu pháp không; bốn niệm xứ cho đến Trí nhất thiết chủng. Nhờ nhân duyên của Bồ-tát nên thế gian có người sinh ra trong dòng lớn Sát-lợi, dòng lớn Bà-la-môn, đại gia cư sĩ, các vua và Chuyển luân Thánh vương, trời Tứ thiên vương cho đến trời A-ca-ni-tra. Nhờ nhân duyên của Bồ-tát nên có Tu-đà-hoàn, quả Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán, quả A-la-hán; Bích-chi Phật, đạo Bích-chi Phật. Nhờ nhân duyên của Bồ-tát nên có việc thành tựu chúng sinh, tịnh quốc độ Phật, có chư Phật xuất hiện thế gian, có Chuyển Pháp luân, biết Phật bảo, Pháp bảo, Tỳ-kheo Tăng bảo.

Bạch đức Thế Tôn! Nhờ nhân duyên ấy, tất cả thế gian chư thiên, và người, A-tu-la, nên thủ hộ Bồ-tát ma-ha-tát ấy.

Phật bảo Thích-đề-hoàn-nhơn: Như vậy, như vậy! Kiền-thi-ca! Nhờ nhân duyên của Bồ-tát ma-ha-tát nên ba đường ác dứt cho đến có Tam Bảo xuất hiện ở đời. Vì vậy nên chư thiên và người, A-tu-la thường nên thủ hộ, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán Bồ-tát ấy.

Kiền-thi-ca! Cúng dường, cung kính tôn trọng, tán thán Bồ-tát ấy cũng là cúng dường Ta. Vì vậy nên đối với các Bồ-tát ma-ha-tát ấy chư thiên và người, A-tu-la, thường nên thủ hộ, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán.

Kiền-thi-ca! Nếu đối với trong ba ngàn đại thiên thế giới đầy Thanh-văn, Bích-chi Phật, thí như tre, lau, lúa, mè, rừng

cây, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán chẳng bằng cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán vị Bồ-tát ma-ha-tát mới phát tâm, được công đức vì không rời sáu Ba-la-mật, vì sao? Vì không nhờ nhân duyên của Thanh-văn, Bích-chi Phật mà có Bồ-tát ma-ha-tát và chư Phật xuất hiện ở đời; trái lại, nhờ nhân duyên có Bồ-tát ma-ha-tát mà có Thanh-văn, Bích-chi Phật, và chư Phật xuất hiện ở đời. Vì vậy, này Kiều-thi-ca! Đối với vị Bồ-tát ma-ha-tát ấy, tất cả thế gian chư thiên và người, A-tu-la thường nên thủ hộ, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán.

LUẬN: Bấy giờ chư thiên bạch Phật: Chúng con sẽ thủ hộ các Bồ-tát ấy, vì cùng với chúng con đồng sự, cũng vì cầu Phật đạo, nên có thể bỏ sự dục lạc của mình khiến cho tất cả chúng sinh được vui.

Nhân có Bồ-tát mà dứt ba đường ác là Bồ-tát tuy chưa lìa dục mà có thể ngăn chúng sinh làm mười điều bất thiện, dứt ba đường ác và sự nghèo cùng trong cõi trời, người và các tai hoạn. Tu mười điều thiện nên mở cửa ba đường lành. Hoặc có Bồ-tát thấy tội lỗi năm dục, nên lìa dục được bốn thiên, vì bốn nguyện nên phát khởi bốn tâm vô lượng; muốn xa lìa nhân duyên là thân khổ, nên khởi bốn định vô sắc; vì Phật đạo nên tu sáu Ba-la-mật cho đến Trí nhất thiết chủng. Pháp ấy tự mình tu cũng dạy người tu, lấy phước đức và đạo pháp giữa chúng sinh triển chuyển dạy nhau nên thường ở thế gian.

Nay sẽ nói quả báo của các pháp lành đó, là được sinh vào dòng lớn Sát-lợi cho đến có Tam Bảo xuất hiện ở đời, như đã nói ở trước. Nay Bồ-tát ấy kiết nghiệp sinh thân, đối với nhân duyên không có thể lực mà hay nói thiện pháp ấy khiến chúng sinh tu hành, chúng ta làm sao mà không thủ hộ; thí như Thiên tử tuy nhỏ mà quần thần trăm quan đều kính phụng. Phật ẩn khả lời chư thiên, mà thuật lại hoàn thành rằng:

Nếu cúng dường Bồ-tát tức cúng dường Phật là Bát-nhã là mẹ của Phật ba đời. Nếu vì Bát-nhã nên cúng dường Bồ-tát thì là cúng dường Phật. Cúng dường Nhị thừa chẳng bằng cúng dường Bồ-tát mới phát tâm.

Hỏi: Nhị thừa đã chứng thật tế, là ruộng phước của hết thảy chúng sinh, có sao chẳng bằng Bồ-tát mới phát tâm?

Đáp: Vì ba việc nên Nhị thừa chẳng bằng: 1. Bồ-tát dùng tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng mà tu. 2. Bồ-tát thường không rời công đức sáu Ba-la-mật. 3. Nhân nơi Bồ-tát ấy mà dứt ba đường ác, xuất sinh ba thừa. Nương người Nhị thừa không thể dứt ba đường ác, xuất sinh ba thừa.

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

GIẢI THÍCH: PHẨM DIỆT TRÁNH THỨ 31

(Kinh Ma-ha Bát-nhã ghi: Phẩm Hiện Diệt Tránh)

(Kinh Đại Bát-nhã ghi: Phần 2, Phẩm Nhiếp Thọ thứ 29)

KINH: Bấy giờ Thích-đề-hoàn-nhơn bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Rất kỳ lạ, hy hữu! Các Bồ-tát ma-ha-tát từ Bát-nhã ba-la-mật, hoặc nghe, thọ trì, thân cận, đọc tụng, vì người khác nói, nhớ nghĩ đúng mà được công đức đời nay như vậy, cũng thành tựu chúng sinh, tịnh quốc độ Phật, từ một cõi Phật đi đến một cõi Phật cúng dường chư Phật; đồ cúng dường theo ý muốn liền có, theo Phật nghe pháp, cho đến khi chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác trọn không giữa chừng quên mất; cũng được nhà thành tựu, mẹ thành tựu, sinh thành tựu, quyến thuộc thành tựu, tướng mạo thành tựu, ánh sáng thành tựu, mắt thành tựu, tai thành tựu, Tam-muội thành tựu, Đà-la-ni thành tựu. Vị Bồ-tát ấy dùng sức phương tiện biến thân như Phật, từ một nước Phật đến một nước Phật đến nơi nào không có Phật thời tán thán Thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật; tán thán bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc; tán thán bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung; dùng sức phương tiện thuyết pháp, lấy pháp ba thừa độ thoát chúng sinh, đó là Thanh-văn, Bích-chi Phật và Phật thừa.

Bạch đức Thế Tôn! Khoái thay, hy hữu! Thọ trì Bát-nhã ba-la-mật là đã nhiếp hết năm Ba-la-mật và mười tám pháp không chung, cũng thu nhiếp quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, đạo Bích-chi Phật, Phật đạo, Nhất thiết trí, Trí nhất thiết chủng.

Phật bảo Thích-đề-hoàn-nhơn: Như vậy, như vậy! Kiều-thi-ca! Thọ trì Bát-nhã ba-la-mật ấy là đã nhiếp hết năm Ba-la-mật cho đến Trí nhất thiết chủng.

* Lại nữa, Kiều-thi-ca! Đối với Bát-nhã ba-la-mật ấy thọ trì, thân cận, đọc tụng, vì người khác nói, nhớ nghĩ đúng thì thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy được công đức đời nay, ông hãy nhất tâm lắng nghe!

Thích-đề-hoàn-nhơn thưa: Dạ thưa, bạch đức Thế Tôn! Con xin thọ giáo!

Phật bảo Thích-đề-hoàn-nhơn: Kiều-thi-ca! Hoặc có ngoại đạo, Phạm-chí, hoặc ma, hoặc ma dân, hoặc người tăng thượng mạn, muốn làm sai trái, phá hoại tâm Bát-nhã ba-la-mật của Bồ-tát, các người ấy vừa sinh tâm đó tức thời diệt mất, không thể toại nguyện, vì sao? Kiều-thi-ca! Vì Bồ-tát ấy suốt đời tu Thí ba-la-mật, tu Giới, Nhẫn, Tấn, Thiên, Bát-nhã ba-la-mật. Vì chúng sinh đem dài tham lam, giành giật nên Bồ-tát bỏ hết vật trong ngoài, an lập chúng sinh nơi Thí ba-la-mật; vì chúng sinh đem dài phá giới nên Bồ-tát bỏ hết pháp trong ngoài, an lập chúng sinh nơi giới; vì chúng sinh đem dài đấu tranh nên Bồ-tát bỏ hết pháp trong ngoài, an lập chúng sinh nơi nhẫn nhục; vì chúng sinh đem dài biếng nhác nên Bồ-tát bỏ hết pháp trong ngoài, an lập chúng sinh nơi tinh tấn; vì chúng sinh đem dài loạn tâm nên Bồ-tát bỏ hết vật trong ngoài, an lập chúng sinh nơi thiền định; vì chúng sinh đem dài đời ngu si nên Bồ-tát bỏ hết vật trong ngoài, an lập chúng sinh nơi Bát-nhã ba-la-mật; vì chúng sinh đem dài bị ái kiết phải lưu chuyển sinh tử, Bồ-tát dùng sức phương tiện, dứt ái kiết cho

chúng sinh mà an lập họ nơi bốn thiên, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, bốn niệm xứ cho đến tám Thánh đạo phần, không, vô tướng, vô tác Tam-muội, an lập chúng sinh nơi quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, đạo Bích-chi Phật, Phật đạo.

Kiều-thi-ca! Ấy là Bồ-tát ma-ha-tát tu Bát-nhã ba-la-mật được công đức đời nay. Công đức đời sau là được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Bồ-tát chuyển Pháp luân, khi sở nguyện đã mãn vào Vô dư Niết-bàn. Kiều-thi-ca! Ấy là công đức đời sau của Bồ-tát ma-ha-tát.

* Lại nữa, Kiều-thi-ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy đối với Bát-nhã ba-la-mật hoặc nghe, thọ trì, thân cận, đọc tụng, vì người khác nói, nhớ nghĩ đúng thời nơi vị ấy ở, ma hoặc ma dân, hoặc ngoại đạo, Phạm chí, người tăng thượng mạn, muốn khinh chê vẩn nạn, phá hoại Bát-nhã ba-la-mật trọn không thành được, tâm ác của người kia chuyển diệt mà công đức chuyển tăng; nhờ nghe Bát-nhã ba-la-mật nên dần dần lấy đạo ba thừa, dứt hết các khổ. Ví như có một vị thuốc tên là Ma-kỳ, có con rắn đói đi kiếm ăn, thấy con trùng muốn bắt ăn, trùng chạy đến chỗ thuốc, vì sức hơi thuốc nên rắn không thể tiến đến được, liền bỏ đi, vì sao? Vì sức thuốc mạnh hơn rắn độc. Kiều-thi-ca! Thuốc Ma-kỳ có sức như vậy.

Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy đối với Bát-nhã ba-la-mật hoặc thọ trì, thân cận, đọc tụng, vì người khác nói, nhớ nghĩ đúng, nếu có người các sự đấu tranh nổi lên, muốn đến phá hoại, vì oai lực của Bát-nhã ba-la-mật, hề nổi lên ở đâu liền diệt ở đó, người kia liền sinh thiện tâm, tăng trưởng công đức, vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật hay diệt các sự đấu tranh rối loạn. Đó là những pháp gì? Đó là dâm, nộ, si, vô minh cho đến đại khổ tụ và các cái, kiết, sử, triền, chấp ngã, chấp nhân, chấp chúng sinh, chấp đoạn, chấp thường, chấp nhớ, chấp sạch, chấp có, chấp không; tất cả các

chấp như vậy và xan tham, phạm giới, sân nhuế, giải đãi, loạn ý, vô trí, tưởng thường, tưởng vui, tưởng tịnh, tưởng ngã, các ái hành như vậy. Hoặc chấp sắc, chấp thọ, tưởng, hành, thức; chấp Thí ba-la-mật, Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật; chấp nội không, ngoại không, nội ngoại không cho đến vô pháp hữu pháp không; chấp bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung; chấp Nhất thiết trí, Trí nhất thiết chủng, chấp Niết-bàn. Tất cả pháp đấu tranh rối loạn ấy đều tiêu diệt hết, không để cho tăng trưởng.

LUẬN: Nghe là theo ở bên Phật hoặc Bồ-tát, hoặc người thuyết pháp khác mà nghe nói Bát-nhã ba-la-mật, là pháp tạng của mười phương ba đời chư Phật. Nghe rồi dùng sức tin nên lãnh thọ, dùng sức ghi nhớ nên duy trì, được khí vị nên thường đến vãng thờ; hỏi han lãnh thọ nên thân cận; thân cận rồi hoặc xem văn tự, hoặc miệng thọ đọc; vì thường nhớ không quên nên tụng; tuyên truyền cho người chưa nghe nên gọi là vì người khác nói; kinh sách Thánh nhân nói thẳng khó hiểu nên giải nghĩa; quán các Phật pháp không thể nghĩ bàn, vì có tâm đại bi đối với chúng sinh nên thuyết pháp; không lấy tà kiến hý luận cầu Phật pháp, mà như ý chỉ của Phật là không chấp trước nên nói pháp cũng không chấp trước; trừ bốn điên đảo các tà ức niệm nên trú trong bốn niệm xứ chánh ức niệm. Chỉ vì được đạo, không vì hý luận nên gọi là chánh ức niệm; chánh ức niệm là cội gốc của tất cả thiện pháp, hành giả khi mới vào tu tập nên gọi là chánh ức niệm; thường tu được thiền định, nên gọi là tu.

Công đức đời nay là như trước đã nói. Nay Thích-đề-hoàn-nhơn lại hỏi công đức đời nay, đó là giáo hóa chúng sinh cho đến khiến chúng sinh được ba thừa. Trước nói Bát-nhã thu nhiếp ba thừa, nay giải thích nghĩa ấy. Thế nên nói trong Bát-nhã ba-la-mật thu nhiếp năm ba-la-mật kia cho đến Trí nhất thiết chủng.

Phật ẩn khả lời kia nói là muốn khiến người tin.

Được công đức đời nay, ông hãy nhất tâm lắng nghe là trên kia lược nói công đức đời nay, nay Phật muốn nói rộng việc ấy, là việc khó tin trì, nên bảo nhất tâm lắng nghe.

* Lại nữa, nhân nhỏ quả lớn, khó tin nên nói hãy nhất tâm lắng nghe. Đố-thích tuy tín thọ song người không biết, nên nói: Thừa vâng Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật ấy, tuy không thể phá hoại, nhưng ngôn ngữ để tuyên bày thật tướng thì có thể phá; vì ngôn ngữ phá người nên tín tâm chưa ổn định cũng có thể phá, vì thế nên nói hoặc ngoại đạo Phạm-chí đi đến muốn phá hoại Bát-nhã ba-la-mật.

Phạm-chí là tất cả các ngoại đạo xuất gia, nếu người vâng dùng pháp của họ cũng gọi là Phạm-chí. Phạm-chí yêu đắm pháp của họ, nghe nói pháp thật tướng không, không tin nên muốn phá. Ma hoặc ma dân, như trước đã nói.

Người tăng thượng mạn đây là đệ tử Phật được thiên định, chưa được Thánh đạo mà tự cho đã được. Người ấy nghe nói không có Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán, không có đạo, không có Niết-bàn liền khởi tăng thượng mạn, sinh tâm phần nộ muốn phá pháp thật tướng không ấy. Do thần lực Bát-nhã ba-la-mật ấy khiến ác tâm kia liền tiêu diệt, trọn không thành nguyện. Như người lấy tay ngăn cái mâu nhọn, mà chỉ bị thương tay thời cái mâu không bị gì, vì sao? Vì Bò-tát đối với pháp trong ngoài không chấp trước. Chúng sinh từ vô thỉ lại thường chấp trước pháp trong ngoài nên khởi lên đấu tranh. Bò-tát bỏ chỗ chấp trước trong ngoài, tự mình an trú trong sáu Ba-la-mật, giáo hóa chúng sinh khiến bỏ pháp đấu tranh trong ngoài mà an lập chúng sinh nơi sáu Ba-la-mật. Do lực tu tập phước đức vô lượng đời nên gốc đấu tranh sạch hết, tuy có sự đấu tranh đưa đến song cũng chẳng thể được dễ dàng. Ví như rắn độc muốn ăn con ếch ương nên thường rượt theo, khi đến chỗ có cây thuốc Ma-kỳ, rắn nghe hơi thuốc, độc liền tiêu kiệt. Người ác muốn hại pháp ấy cũng như vậy, muốn phá hoại người tu Bát-nhã ba-la-mật nên thường theo dõi. Vì

oai lực của Bát-nhã ba-la-mật nên chất độc sân nhuế, tà kiến liền tiêu diệt, có người được hàng phục mà đắc đạo, có người làm đệ tử, có người trở lại bỏ đi. Bát-nhã ba-la-mật ấy hay phá kiết sử vô minh, dứt tà kiến chấp đoạn chấp thường, diệt được cả tâm chấp trước năm uẩn cho đến Niết-bàn, huống gì việc sân nhuế, tật đố mà không diệt được.

Hỏi: Trước đã nói ma hoặc ma dân, ba loại người muốn phá hoại Bát-nhã, sao nay còn nói lại?

Đáp: Phật trước kia nói ba loại người đến tìm dịp thuận tiện khùng bớ, muốn làm cho sàu não. Loại giữa chừng đi đến không vì não hại người mà chỉ muốn phá hoại Bát-nhã ba-la-mật. Vì không theo ý nguyện nó nên không thể phá được. Ba loại người đến sau tuy muốn sinh tâm phá hoại, nhưng vừa sinh tâm liền diệt.

KINH: Lại nữa, **Kiều-thi-ca!** Trong ba ngàn đại thiên thế giới, các trời Tứ thiên vương, Thích-đề-hoàn-nhơn, vua Phạm thiên cho đến trời A-ca-nị-tra thường thủ hộ thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, là người hay thọ trì, cúng dường, đọc tụng, vì người khác nói, nhớ nghĩ đúng Bát-nhã ba-la-mật. Chư Phật hiện tại ở mười phương cũng cùng ủng hộ thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, là người hay nghe, thọ trì, cúng dường, đọc tụng, vì người khác nói, nhớ nghĩ đúng Bát-nhã ba-la-mật. Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy pháp bất thiện diệt, pháp thiện chuyển tăng, đó là Thí ba-la-mật chuyển tăng, vì không có sở đắc, cho đến Bát-nhã ba-la-mật chuyển tăng, vì không có sở đắc. Nội không chuyển tăng cho đến vô pháp hữu pháp không chuyển tăng, vì không có sở đắc. Bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung chuyển tăng, vì không có sở đắc. Các môn Tam-muội, các môn Đà-la-ni, Nhất thiết trí, Trí nhất thiết chủng chuyển tăng, vì không có sở đắc.

Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy nói ra mọi người đều tín thọ làm bạn thân kiên cố, không nói chuyện vô ích, không bị sân nhuế che lấp, không bị kiêu mạn, xan tham, tật đố che lấp. Người

ấy tự mình không sát sinh, dạy người không sát sinh, tán thán việc không sát sinh, cũng hoan hỷ tán thán người không sát sinh

Tự mình xa lìa việc không cho mà lấy, cũng dạy người xa lìa việc không cho mà lấy, tán thán xa lìa việc không cho mà lấy, cũng hoan hỷ tán thán người xa lìa việc không cho mà lấy.

Tự mình không tà dâm, dạy người không tà dâm, tán thán việc không tà dâm, cũng hoan hỷ tán thán người không tà dâm.

Tự mình không nói dối, dạy người không nói dối, tán thán việc không nói dối, cũng hoan hỷ tán thán người không nói dối; nói hai lưỡi, nói hung dữ, nói không lợi ích cũng như vậy.

Tự mình không tham, dạy người không tham, tán thán việc không tham, cũng hoan hỷ tán thán người không tham; không sân nã, không tà kiến cũng như vậy.

Tự mình tu Thí ba-la-mật, dạy người tu Thí ba-la-mật, tán thán việc tu Thí ba-la-mật, cũng hoan hỷ tán thán người tu Thí ba-la-mật.

Tự mình tu Giới ba-la-mật, dạy người tu Giới ba-la-mật, tán thán việc tu Giới ba-la-mật, cũng hoan hỷ tán thán người tu Giới ba-la-mật.

Tự mình tu Nhẫn ba-la-mật, dạy người tu Nhẫn ba-la-mật, tán thán việc tu Nhẫn ba-la-mật, cũng hoan hỷ tán thán người tu Nhẫn ba-la-mật.

Tự mình tu Tấn ba-la-mật, dạy người tu Tấn ba-la-mật, tán thán việc tu Tấn ba-la-mật, cũng hoan hỷ tán thán người tu Tấn ba-la-mật.

Tự mình tu Thiền ba-la-mật, dạy người tu Thiền ba-la-mật, tán thán việc tu Thiền ba-la-mật, cũng hoan hỷ tán thán người tu Thiền ba-la-mật.

Tự mình tu Bát-nhã ba-la-mật, dạy người tu Bát-nhã ba-la-mật, tán thán việc tu Bát-nhã ba-la-mật, cũng hoan hỷ tán thán người tu Bát-nhã ba-la-mật.

Tự mình tu nội không, dạy người tu nội không, tán thán nội không, cũng hoan hỷ tán thán người tu nội không, cho đến tự mình tu vô pháp hữu pháp không, dạy người tu vô pháp hữu pháp không, tán thán vô pháp hữu pháp không, cũng hoan hỷ tán thán người tu vô pháp hữu pháp không.

Tự mình vào trong tất cả Tam-muội, dạy người vào trong tất cả Tam-muội, tán thán việc vào trong tất cả Tam-muội, cũng hoan hỷ tán thán người vào trong tất cả Tam-muội.

Tự mình được Đà-la-ni, dạy người được Đà-la-ni, tán thán việc được Đà-la-ni, cũng hoan hỷ tán thán người được Đà-la-ni; tự mình vào Sơ thiền, dạy người vào Sơ thiền, tán thán việc vào Sơ thiền, cũng hoan hỷ tán thán người vào Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền cũng như vậy.

Tự mình vào trong từ tâm, dạy người vào trong từ tâm, tán thán việc vào trong từ tâm, cũng hoan hỷ tán thán người vào trong từ tâm; bi, hỷ, xả tâm cũng như vậy.

Tự mình vào Không vô biên xứ, dạy người vào Không Vô biên xứ, tán thán việc vào Không vô biên xứ, cũng hoan hỷ tán thán người vào Không vô biên xứ; Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi hữu tướng phi vô tướng xứ cũng như vậy.

Tự mình tu bốn niệm xứ, dạy người tu bốn niệm xứ, tán thán việc tu bốn niệm xứ, cũng hoan hỷ tán thán việc tu bốn niệm xứ; bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phần, tám Thánh đạo phần cũng như vậy.

Tự mình tu không, vô tướng, vô tác Tam-muội, dạy người tu không, vô tướng, vô tác Tam-muội, tán thán pháp không, vô

tướng, vô tác Tam-muội, cũng hoan hỷ tán thán người tu không, vô tướng, vô tác Tam-muội.

Tự mình vào tám giải thoát, dạy người vào tám giải thoát, tán thán pháp vào tám giải thoát, cũng hoan hỷ tán thán người vào tám giải thoát.

Tự mình vào định chín thứ lớp, dạy người vào định chín thứ lớp, tán thán pháp vào định chín thứ lớp, cũng hoan hỷ tán thán người vào định chín thứ lớp; tự mình tu Phật mười lục, bốn điều không sợ, bốn trí vô ngại, đại từ đại bi, mười tám pháp không chung cũng như vậy.

Tự mình tu pháp không sai lầm, tự mình tu pháp thường xả, dạy người tu pháp không sai lầm, pháp thường xả, tán thán việc tu pháp không sai lầm, pháp thường xả, cũng hoan hỷ tán thán người tu pháp không sai lầm, pháp thường xả.

Tự mình được Trí nhất thiết chủng, dạy người được Trí nhất thiết chủng, tán thán Trí nhất thiết chủng, cũng hoan hỷ tán thán người được Trí nhất thiết chủng.

Vị Bồ-tát ma-ha-tát ấy khi tu sáu Ba-la-mật có công đức bố thí đều đem cho chúng sinh để cùng với mình hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì không có sở đắc; có công đức trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ đều đem cho chúng sinh để cùng với mình hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng vì không có sở đắc.

Thiện nam tử, thiện nữ nhân, khi tu sáu Ba-la-mật như vậy, nghĩ rằng: Ta nếu không bố thí, sẽ sinh vào nhà nghèo cùng, không thể thành tựu chúng sinh, tịnh cõi nước Phật, cũng không thể được Trí nhất thiết chủng.

Ta nếu không trì giới, sẽ sinh trong ba đường ác, còn không được thân người, huống gì thành tựu chúng sinh, tịnh cõi nước Phật, được Trí nhất thiết chủng.

Ta nếu không tu nhẫn nhục, thời sẽ bị các căn bại hoại, sắc thân không đầy đủ, không được sắc thân Bồ-tát đầy đủ để chúng sinh trông thấy chắc chắn đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không thể được đem sắc thân đầy đủ thành tựu chúng sinh, tịnh cõi nước Phật, được Trí nhất thiết chủng.

Ta nếu giải đãi, không thể được đạo Bồ-tát, cũng không thể thành tựu chúng sinh, tịnh cõi nước Phật, được Trí nhất thiết chủng.

Ta nếu loạn tâm, thời không thể sinh các thiên định, không thể dùng thiên định ấy thành tựu chúng sinh, tịnh cõi nước Phật, được Trí nhất thiết chủng.

Ta nếu vô trí, thời không thể được trí phương tiện, dùng trí phương tiện vượt qua Thanh-văn, Bích-chi Phật địa, thành tựu chúng sinh, tịnh cõi nước Phật, được Trí nhất thiết chủng.

Vị Bồ-tát lại suy nghĩ: Ta không nên thuận theo xan tham để không đầy đủ Thí ba-la-mật, không nên thuận theo phạm giới để không đầy đủ Giới ba-la-mật, không nên thuận theo sân nhuế để không đầy đủ Nhẫn nhục ba-la-mật, không nên thuận theo giải đãi để không đầy đủ Tấn ba-la-mật, không nên thuận theo loạn ý để không đầy đủ Thiền ba-la-mật, không nên thuận theo si tâm để không đầy đủ Bát-nhã ba-la-mật. Nếu không đầy đủ Thí ba-la-mật, Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật, thời ta trọn không thể bước đến Trí nhất thiết chủng.

Như vậy, thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì, thân cận, đọc tụng, vì người khác nói, nhớ nghĩ đúng Bát-nhã ba-la-mật, cũng không xa lìa tâm Tát-bà-nhã nên được công đức đời nay và đời sau ấy.

Thích-đề-hoàn-nhơn bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát ấy tu Bát-nhã ba-la-mật, vì để hồi

hướng Tát-bà-nhã (Trí nhất thiết chủng) cũng vì không sinh tâm cao mạn.

Phật bảo Thích-đề-hoàn-nhơn: Kiền-thi-ca! Thế nào là Bồ-tát ma-ha-tát tu Bát-nhã ba-la-mật vì để hồi hướng đến tâm Tát-bà-nhã, cũng vì không sinh tâm cao mạn?

Thích-đề-hoàn-nhơn thưa: Bạch đấng Thế Tôn! Bồ-tát nêu tu Thí ba-la-mật thế gian, bố thí chư Phật, Bích-chi Phật, Thanh-văn và các người bần cùng, người ăn xin, người đi đường, vị Bồ-tát ấy vì không lấy trí vô sở đắc làm phương tiện nên sinh tâm cao mạn; nếu tu Giới ba-la-mật thế gian, nói rằng ta tu Giới ba-la-mật, ta có thể đầy đủ Giới ba-la-mật, vì không lấy trí vô sở đắc làm phương tiện, nên sinh tâm cao mạn; nói rằng ta tu Nhẫn ba-la-mật, Tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, ta hành Bát-nhã ba-la-mật, ta tu Bát-nhã ba-la-mật, vì Bát-nhã ba-la-mật thế gian ấy không lấy trí vô sở đắc làm phương tiện nên sinh tâm cao mạn.

Bạch đấng Thế Tôn! Bồ-tát khi tu bốn niệm xứ thế gian, tự nghĩ rằng: Ta tu bốn niệm xứ, ta đầy đủ bốn niệm xứ, vì không lấy trí vô sở đắc làm phương tiện nên sinh tâm cao mạn. Ta tu bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phần, tám Thánh đạo phần; tự nghĩ rằng: Ta tu không, vô tướng, vô tác Tam-muội, ta tu tất cả môn Tam-muội, ta sẽ được tất cả môn Đà-la-ni; ta tu Phật mười lực, bốn điều không sợ, mười tám pháp không chung; ta sẽ thành tựu chúng sinh, ta sẽ tịnh cõi nước Phật, ta sẽ được Trí nhất thiết chủng. Vì chấp trước tôi, ta, không lấy Trí vô sở đắc làm phương tiện nên sinh tâm cao mạn.

Bạch đấng Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát tu pháp lành thế gian chấp trước tôi, ta như vậy nên sinh tâm cao mạn.

Bạch đấng Thế Tôn! Nếu Bồ-tát tu Bát-nhã ba-la-mật xuất thế gian, không chấp có người thí, người nhận, vật bố thí. Như vậy, Bồ-tát ma-ha-tát ấy tu Thí ba-la-mật xuất thế gian, vì để hồi

hướng đến Tát-bà-nhã nên cũng không sinh tâm cao mạn. Tu Giới ba-la-mật, giới không thể có được; tu Nhẫn ba-la-mật, nhẫn không thể có được; tu Tấn ba-la-mật, tấn không thể có được; tu Thiền ba-la-mật, thiền không thể có được; tu Bát-nhã ba-la-mật, Bát-nhã không thể có được; tu bốn niệm xứ, bốn niệm xứ không thể có được, cho đến tu mười tám pháp không chung, mười tám pháp không chung không thể có được; tu đại từ đại bi, đại từ đại bi không thể có được, cho đến tu Trí nhất thiết chủng, Trí nhất thiết chủng không thể có được.

Bạch đức Thế Tôn! Như vậy, Bồ-tát ma-ha-tát tu Bát-nhã ba-la-mật vì để hồi hướng đến Tát-bà-nhã, cũng vì không sinh tâm cao mạn.

LUẬN: *Nói ra người đều tín thọ* là Bồ-tát ấy thường làm cho pháp bất thiện dứt, pháp thiện tăng, đó là Thí ba-la-mật cho đến Trí nhất thiết chủng. Người ấy tu tập phước đức, trí tuệ nên có đại oai đức, giả sử có nói dối mà người còn đều tín thọ, huống gì nói thật!

Bạn thân kiên cố là người ấy đối với chúng sinh có tâm từ bi sâu xa, huống gì bạn thân đối với ta có ích! Bồ-tát ấy ưa dạy Phật đạo, biết thân miệng vô thường nên không nói lời vô ích. Vì thiện pháp tăng trưởng nên các phiền não sân nhuế không thể che tâm. Hành giả nghĩ rằng: Kiết sử tuy khởi lên song nhờ có trí tuệ tư duy nên không để cho nó che tâm; kiết sử nếu khởi lên thời đời nay chẳng lành, đời sau chẳng lành, trở ngại Phật đạo. Giả sử tâm khởi kiết sử thì cũng không khởi khẩu nghiệp; giả sử khởi khẩu nghiệp thì cũng không khởi thân nghiệp; giả sử khởi thân nghiệp thì cũng không đi đến đại ác như người phạm phu.

Lại, Bồ-tát ấy tuy ti tiện quê hèn, song nhờ tu thắng pháp nên được ở trong hạng người thắng hơn. Ấy là công đức đời nay. Người ấy rất ưa thiện pháp, có thể cầu bốn chánh hành đối với thiện pháp, hàng Nhị thừa không thể đầy đủ bốn chánh hành, vì không ưa sâu

thiện pháp. Bốn chánh hành là tự mình không sát sinh, từ bi đối với tất cả; rất được tự lợi cũng không dạy người sát sinh; từ bi là pháp của các bậc Thánh hiền, nên thường tán thán. Bồ-tát ấy thường muốn khiến mọi người được vui nên thấy người không sát sinh thì vui mừng ưa thích, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy. Bốn chánh hành trên đã nói rộng. Nay lược nói công đức tổng nhiếp trong sáu Ba-la-mật, được quả báo cho chúng sinh cùng hưởng.

Bồ-tát chưa vào chánh vị nên các phiền não chưa hết, hoặc có khi khởi các phiền não, xan tham v.v... Khi ấy Bồ-tát nên suy nghĩ, can gián dụ dẫn tâm mình rằng: Nếu không bố thí thời ta mất bốn việc công đức, đó là thân sau sinh vào chỗ bần cùng, bần cùng nên tự mình không được lợi ích nên làm sao lợi người? Nếu không lợi người thời không thể thành tựu chúng sinh; không thể thành tựu chúng sinh nên cũng không thể tịnh cõi nước Phật, vì sao? Vì chúng sinh có thanh tịnh thì thế giới mới thanh tịnh. Nếu không đầy đủ các việc như vậy, làm sao được Trí nhất thiết chủng?

Nói tóm lại, không lấy trí vô sở đắc làm phương tiện thì tuy tu sáu Ba-la-mật, bên trong cũng không thể lìa ngã tâm. Bên ngoài chấp thủ các tướng, rằng ta là người cho, kia là người nhận, đây là vật cho. Do nhân duyên ấy nên không thể đi đến Phật đạo; trái với đây, ấy là có phương tiện.

Hỏi: Ba-la-mật thế gian, chẳng phải là chánh đạo, sao Phật đem nói trong Bát-nhã ba-la-mật?

Đáp: Đây là cửa ban đầu của hành giả, tương tự với chánh đạo, nên trước tu pháp tương tự sau mới được chánh đạo.

(HẾT CUỐN 56 THEO BẢN HÁN)

MỤC LỤC

SỐ 1509/100: LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ.....	5
Chương 34: Giải Thích: Mười Tướng	5
Chương 35: Giải Thích: Mười Một Trí.....	22
Chương 36: Giải Thích: Mười Lục.....	33
Chương 37: Giải Thích: Bốn Việc Không Sợ, Bốn Trí Vô Ngại.....	59
Chương 38: Giải Thích: Mười Tám Pháp Không Chung	83
Chương 39: Giải Thích: Đại Từ Đại Bi, Hỷ Tập Hành Bát-Nhã Ba-La-Mật ..	120
Chương 40: Giải Thích: Sáu Thần Thông	151
Chương 41: Giải Thích: Tùy Hỷ, Hồi Hướng	175
Chương 42: Giải Thích: Thiện Căn Cúng Dường	203
Chương 43: Giải Thích: Mười Tám Không.....	237
Chương 44: Giải Thích: Nghĩa Bốn Duyên.....	282
Chương 45: Giải Thích: Đền Bờ Kia... ..	308
Chương 46: Giải Thích: Tín Trì.....	331
Giải Thích: Phẩm Dâng Bát Thứ 2	356
Giải Thích: Phẩm Tập Tương Ứng Thứ 3	376
Giải Thích Phẩm Vãng Sanh Thứ 4.....	444
Giải Thích: Phẩm Thán Độ Thứ 5	517
Giải Thích Phẩm Tướng Lữ Thứ 6.....	524
Giải Thích: Phẩm Ba Giả Thứ 7	527
Giải Thích Phẩm Khuyến Học Thứ 8	544
Giải Thích: Phẩm Tập Tấn Thứ 9	557
Giải Thích: Phẩm Hành Tướng Thứ 10.....	590
Giải Thích: Phẩm Huyền Học Thứ 11	608
Giải Thích: Phẩm Cú Nghĩa Thứ 12	624
Giải Thích: Phẩm Ma-Ha-Tát Thứ 13	637
Giải Thích: Phẩm Đoạn Kiến Thứ 14.....	646
Giải Thích: Phẩm Phú Lâu Na Thứ 15	652
Giải Thích: Phẩm Thừa Thừa Thứ 16.....	668

Giải Thích: Phẩm Trang Nghiêm Thứ 17	672
Giải Thích: Phẩm Đại Thừa Thứ 18	685
Giải Thích: Phẩm Bốn Niệm Xứ Thứ 19	728
Giải Thích: Phẩm Phát Thú Thứ 20	755
Giải Thích: Phẩm Xuất Đảo Thứ 21	797
Giải Thích: Phẩm Thắng Xuất Thứ 22	808
Giải Thích: Phẩm Hàm Thụ Thứ 23	818
Giải Thích: Phẩm Hội Tông Thứ 24	839
Giải Thích: Phẩm Mười Vô Thứ 25	842
Giải Thích: Phẩm Vô Sanh Tam Quán Thứ 26	865
Giải Thích: Phẩm Thiên Vương Thứ 27	892
Giải Thích: Phẩm Như Huyền Thứ 28	919
Giải Thích: Phẩm Tấn Hoa Thứ 29	929
Giải Thích: Phẩm Tam Thán Thứ 30	954
Giải Thích: Phẩm Diệt Tránh Thứ 31	968